

NGUYỄN SỸ TÊ
NGUYỄN THỊ HOÀNG
DÀN NGUYỄN THỊ THỤY VŨ
ON NGUYỄN THỊ VINH
CÔN NGUYỄN THỤY LONG
GIÁC NGUYỄN VĂN XUÂN

**NHỮNG
TRUYỆN
NGẮN
HAY
CỦA
QUÊ HƯƠNG
CHÚNG TA**

VĂN HỌC MIỀN NAM

1954

1973

**NHỮNG TRUYỆN NGẮN
HAY CỦA QUÊ HƯƠNG CHÚNG TA
(VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-73)**

Những truyện ngắn hay của quê hương chúng ta ◦ 50 tác giả ◦ Midway Press ấn hành 2018 ◦ Tập truyện ngắn này được compiled dựa trên tập “Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta” xuất bản năm 1973 tại Sài Gòn gồm có 45 tác giả. Chúng tôi chỉ tập hợp được truyện của 37 tác giả. Và đã đưa thêm vào 14 tác giả dựa theo những truyện tiêu biểu từ tập “Văn Học Miền Nam - Truyện” của Võ Phiến. Nên tên của cuốn sách không giống như tên của cuốn gốc.

50 TÁC GIẢ

**NHỮNG TRUYỆN NGẮN
HAY CỦA QUÊ HƯƠNG
CHÚNG TA**

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-73

MIDWAY 2018

BÌNH NGUYỄN LỘC RỪNG MẮM

*Truyện RỪNG MẮM đã
được dịch ra Pháp văn do
Nghiem Xuân Việt, đăng ở
tạp san Pen Club.*

*Bản dịch ra Anh văn do nhà
văn J. Banerian ở San Diego,
đã xuất bản trong tập Viet-
namese Short Stories.*

Chim đang bay lượn bỗng
đứng khựng lại, khiến
thằng Cộc thích chí hết sức.
Nó theo dõi con chim thầy
bói ấy từ nãy đến giờ, chờ
đợi cái phút này đây.

Thật là huyền diệu, sự
đứng yên được một chỗ
trên không trung, trông
như là chim ai treo phơi
khô ngoài sân nhà.

Chim thầy bói nghiêng
đầu dòm xuống mặt rạch
giây lát rồi như bị đứt dây
treo, nó rơi xuống nước
mau lẹ như một hòn đá
nặng. Vừa đụng nước, nó
lại bị bắn tung trở lên như
một cục cao su bị tung, mỗ
ngậm một con cá nhỏ.

Cộc ngửa mặt lên trời để
theo dõi ông câu kỳ dị và tài
tình ấy nữa, nhưng mắt nó
bị ngọn dừa nước bên kia
bờ rạch níu lại.

Trên một tàu dừa nước,
một con chim trắng chài
xanh như da trời trưa tháng
giêng, đang yên lặng và bèn
chí rình cá.

Trong thế giới bùn lầy

mà thằng Cộc đang sống, ai cũng là ông câu cá, từ ông nội nó cho đến những con sinh vật nhỏ mọn qui tụ quanh các ngọn nước.

Màu xanh của chim thằng chài đẹp không có màu xanh nào sánh kịp. Sự bền chí của nó cũng chỉ có sự bền chí của các lão cò sào nã là ngang vai thôi, cái bền chí nhìn rất dễ mê, nhưng mê nhưt là mũi tên xanh bắn xuống nước nhanh như chớp, mỗi khi thằng chài trông thấy con mồi.

Thằng Cộc là một đứa bé bạc tình. Một đàn cò lông bông bay qua đó, đủ làm cho nó quên thằng chài ngay. Là vì đầu cò chom chớm những cọng lông bông, nhắc nhở nó những kếp võ hát bội gắn lông trĩ trên mào kim khôi mà nó đã mê, cách đây mấy năm, hồi gia quyến nó còn ở trên làng.

Hồi ấy nó sượng lắm. Quanh nhà nó, có hàng trăm nhà khác, có vườn cây trái, có nước ngọt quanh năm, có trẻ con để nó làm bạn, để nó đùa giỡn với.

Nhưng không hiểu sao một hôm tía nó bán chiếc chòi lá đi, rồi ông nội nó, tía nó, má nó và nó, một đứa bé mười tuổi, kéo nhau xuống một chiếc xuồng cui, một thứ xuồng to mà người ta gọi là xuồng mẹ, ghe con. Rồi họ đi lang thang từ rạch hoang vắng này đến kinh hiu quạnh nọ, và rồi cuộc dừng bước nơi cái xóm không người này mà ông nội nó đặt tên là xóm Ô-Heo.

Nghĩ đến những năm cũ, thằng Cộc bỗng nghe thèm người vô cùng, thèm còn hơn là thèm một trái xoài ngọt, một trái khế chua mà từ năm năm nay nó không được nếm.

Những người di cư năm nọ trên chiếc xuồng cui vẫn còn sống đủ cả. Những chiều nghi ngút sương mù từ đất lầy bốc lên, và những đêm mưa gào gió hú, những người ấy kể chuyện cho Cộc nghe, những chuyện ma rợn óc như ăn phải trái bần chua. Nhưng dầu sao, Cộc cũng thích người

khác hơn, cũng như nó thích vườn tược sầm uất hơn cảnh rừng tràm tối mịt hoặc cảnh đồng không bát ngát ở đây. Ở đây, cho đến tiếng chó sủa, tiếng gà gáy nó cũng không nghe từ lâu. Con chó sủa và mấy con gà giống mang theo, đã ngã lăn đùng ra mà chết ngay trong tháng mới tới. Thằng Cộc ngạc nhiên mà thấy sao người vẫn không chết trong khí hậu tàn ác này: nóng, ẩm, còn muối mòng thì quơ tay một cái là nắm được cả một nắm đầy.

Chưa bao giờ mong mỏi của Cộc được thỏa mãn mau lẹ như hôm nay. Nó vừa thềm người thì tiếng hò của ai bỗng vẳng lên trong rừng tràm, rồi tiếp theo đó là tiếng chèo khua nước:

Hồ ơ... tháng ba cơm gói ra hòn,

Muốn ăn trứng nhận phải lòng hang mai.

Mũi xuống cui ló ra khỏi khúc quanh của con rạch, và trên xuống, chồng chèo lái, vợ ngồi không trước mũi mà hò. Cặp vợ chồng này, Cộc quen mặt mấy năm nay, nhưng không biết họ từ đâu đến. Nó chỉ biết họ ra biển để bắt cua và bắt ba khía, một năm mấy kỳ. Nghe tiếng người lạ nói, nhứt là tiếng hát, Cộc sượng như có lần tía nó cho nó ăn một cục đường từ nơi xa mang về.

Thà là không được ăn, chớ còn ăn một chút xíu thì cái vị của món ăn còn chọc thềm hơn bao giờ cả. Nên chi Cộc nhìn xuống chèo khuất dạng rồi thì xây lưng tức khắc để chạy lên Ô-Heo.

Trọn vùng này, ông nội nó đặt tên là Ô-Heo. Nhưng trong riêng gia quyến nó thì Ô-Heo chánh hiệu là một cái gò xa ở trên kia, cách mé rạch đến hai dặm hú. Số là hồi trước, ngày đầu tới đây, ông nội nó với tía nó đi kiếm đồ ăn trong rừng, đã gặp nơi đó một ổ heo rừng. Cả ổ heo đều bị sát hại hôm đó và việc canh tác của gia quyến nó về sau này đã

đuổi thú dữ đi xa.

Tuy nhiên, đề phòng chúng trở lại, ông nội nó đã cấm nó lên Ô-Heo một mình. Thằng Cộc lại thích lên đó, ban đầu chỉ vì Ô-Heo có sức quyến rũ của một trái cấm, nhưng về sau, nó gặp người nơi đó.

Đó là vài người đàn ông và đàn bà, nói là ở xa lắm, cách đó một ngày đường sông. Đàn ông thì đến để gác quốc, gác nhan sen, còn đàn bà thì để nhõ bõn-bõn về làm dưa bán.

Đó là những người bạn bí mật của nó, nó giữ kín không cho nhà nó biết. Họ hay kể chuyện xóm làng, chuyện đám cưới, đám ma, đám hát, đám cúng đình, tóm lại tất cả sinh hoạt của làng mạc mà từ lâu Cộc không thấy và ngậm ngùi tưởng đến như nhớ những kỷ niệm xa xôi.

Cộc chạy qua khỏi ruộng nhà và đứng lại nghỉ mệt. Nó mệt lắm vì nó chạy dưới nước và dưới bùn, mặc dầu lúa đã đến mùa gặt.

Năm xưa, gia quyến nó đến đây vào cuối tháng giêng, sau khi cúng ông vải xong ở quê cũ. Ông nội nó với tía nó đốt rừng tràm từ ngoài bờ rạch. Gió thổi vô rừng, và lửa, như con vật khổng lồ, đã tấp một cái vào khối thịt xanh um của biển rừng tràm này. Thành ra ruộng nhà nó mang một hình tròn kì dị, không tròn đều đặn vì không ai chỉ huy được sự cháy rất là rắn mắt của ngọn lửa.

Cộc nhìn ruộng mình một hồi rồi cười khan lên. Đám rừng bị khoét một lỗ để làm ruộng, trông như đầu tóc trẻ con được mẹ cạo, nhưng mới cạo có một mảng thì có chuyện gặp, bỏ dở công việc; đứa bé bị chúng bạn chế nhạo là đầu chó tấp.

Lúc ruộng chín, cây lúa cao quá, ngã rạp xuống, để lòi trăm ngàn gốc tràm lên, trông như ai đóng cọc để cất nhà sàn; năm xưa đốt rừng nhưng không đủ sức đánh những

gốc trầm tươi rói không cháy được này, tía thẳng cột đành cây lú giữa những gốc ấy, mãi cho đến ngày nay mà gốc vẫn chưa mục. Tía nó nói mười năm nữa, trầm chết cũng vẫn còn đũa căng lên như vậy.

Sau lưng Cột là những rặng trầm bị cháy sém dưới trận lửa khai hoang, không chết ngay, nhưng “chết nhất”, cứ mỗi năm chết lần mòn thêm vài mươi cây. Mấy hàng trầm đầu nám đen và trụi nhánh như cột nhà cháy, cặm hận nhìn chiếc chòi lá xa tít mù dưới mé rạch đang chứa chấp kẻ thù đã lẩn đất của chúng, đã sát hại chúng.

Sau đó, rừng dày mịt, chẳng chịt những dây bông bong, dây choại, bò từ thân cây này qua thân cây khác.

Thằng Cột lắng tai nhưng không nghe tiếng động nào cả. Nó đánh bạo chen qua những cây bình-bát, cây ráng, mọc xen với trầm, để đi tới đích.

Một ổ chồn cột bỗng chạy qua trước mặt nó, khua lên một cái roạch, làm nó giật mình, nhưng tiếng người trên Ô-Heo cách đó chừng hai hàng cây, giúp cho nó vững dạ.

Tiếng đàn bà hỏi:

- Anh hồng sợ thằng Mùi hay sao?

Tiếng đàn ông đáp:

- Thằng Mùi thì qua cho một loi là nhào hót.

Cột vẹt cỏ lá, đi mau đến đó và khi nó chun ra khỏi khối xanh thì hai người có mặt trên gò Ô-Heo sợ hãi ngồi dang ra. Người đàn ông gác quốc là người quen, người đàn bà nhỏ bần-bần thì lạ hoắc. Chị này trẻ đẹp hơn tất cả những chị mà nó quen biết từ lâu.

Người đàn ông tự trấn tĩnh lại ngay, ngoắt nó lại mà hỏi:

- Muốn về trên hay không Cột? Muốn thì đi theo chị hai này đây, chỉ có một đũa em gái ngộ lắm.

Trong khi thằng Cột mắc cỡ tía tai thì chị đàn bà hỏi

anh kia:

- Ở miệt này có người sao anh?
- Chỉ có một nhà thôi. Mới tới đây chừng năm năm.
- Quen hay lạ?
- Lạ. Họ ở trên Sa-Đéc lặn.

Chị đàn bà an lòng, vui lại được và nói với Cộc để mua lòng kẻ đã bắt chọt việc thăm lén của chị:

- Em của chị không bao giờ chịu về làm dâu ở một chỗ như vậy. Em có muốn thì phải ở rể thôi.

Rồi hai người lớn cười ngặt nghẹo với nhau.

Thằng Cộc mới mười lăm, nhưng cao lớn gần bằng người đàn ông kia. Mình trần của nó nổi u, nổi nần những bắp thịt rắn như nắn bằng đất sét gắn vào đó rồi nung cho đen và cứng.

Sự nảy nở của thân thể nó đi song đôi với sự trưởng thành của đời sống sinh lý bên trong của nó. Năm nay nó đã bắt đầu bâng khuâng mỗi khi chiều xuống, mặt trời đốt cháy đỏ đầu rừng tràm tràm thủy trước nhà. Nhưng sống cô đơn ở đây, nó không biết chuyện trai gái như vậy là xấu đến mức nào và nó phải có thái độ làm sao nên bối rối lắm.

Chị đàn bà nắm tay nó, rì nó ngồi xuống bên cạnh chị, vỗ lên đầu nó rồi dỗ ngọt:

- Chị không ăn thịt em rể chị đâu mà sợ. Mày mà về trên làm ruộng thì ai cũng ưa. Làm rể có công, ba năm thì má chị gả con Thôi cho mày liền. Nói thiệt đó mà.

- Nó muốn trốn theo qua dữ lắm, người đàn ông nói, nhưng nó còn ngại.

- Ngại gì?
- Thì lo sợ cái việc xa xôi đất lạ đó mà.
- Em nè, chị đàn bà lại hỏi, nhà có mấy người?
- Bốn người?

- Ai với ai?
- Ông nội tui, tía tui, má tui với tui.
- Làm mấy công đất?
- Hồi đó bốn công, bây giờ mười công.
- Gặt được bao nhiêu gạ mỗi mùa?
- Tám gạ.

Chị đàn bà cười ngất một hồi rồi day lại hỏi nhơn tình:

- Trời ơi, ruộng gì mà mười công đất, chỉ gặt được có tám gạ thôi?

Người đàn ông không cười, đáp:

- Đất nước mặn nào mới khai hoang cũng như vậy hết.
- Rồi lấy gì mà ăn em nhỏ?
- Tía tôi đi đổi lúa thêm, ở đâu không biết, xa lắm.
- Đổi bằng gì?
- Bằng cá khô. Với lại cũng chẳng cần ăn cơm. Nhiều khi ăn rùa, ăn rắn trừ cơm. Ở đây, rùa nhiều như kiến. Đốt rừng rồi đốt trên đầu gió một lát là chúng nó lạch cạch chạy trốn lửa, bắt không kịp lặn.

Chị đàn bà tỏ vẻ ái ngại một hồi rồi nói:

- Nãy giờ chị nói chơi đó. Nhưng biết được tình cảnh của em, chị thật bụng thấy là em cần đi theo chị hoặc là anh đây cũng được.

Chị ta với tay sau lưng, lấy bầu nước ngọt, mở nút ra rồi ngược mặt lên trời, rót nước vào miệng. Chị uống ừng ực vài cái rồi lại nói:

- Em có được ăn chè lần nào không?
- Không, từ năm năm nay rồi. Cách đây một ngày đường nước, không có nhà cửa ai cả, không có quán tiệm gì hết. Với lại cũng không có tiền.
- Ở Sa-Đéc sao lại không vô Tháp Mười mà nhè xuống U-Minh này?

- Tui cũng không biết tại sao. Nhưng ở Tháp Mười dễ chịu hơn hả?

- Chị cũng không biết. Chỉ biết đất hoang ở Tháp Mười gần quê cũ của em hơn. Quê em ở gần Cao Lãnh phải không?

- Gần.

- Em có nhớ xoài Cao Lãnh hôn?

- Tui lạ chị, đừng có nhắc chề, nhắc xoài nữa, tui thèm muốn chết đi. Năm năm nay, tui không có biết món ngọt là gì. Mấy cây chuối trồng sau nhà cũng chết queo vì đất còn mặn quá. Năm nay một cây trở buồng, chắc tôi được ăn ngọt đây. Úi chà! Trưa rồi, chắc tới bữa cơm, thôi tui về nha, anh, chị?

- Ừ về, mai mốt lại lên đây nữa nha?

- Xưởng anh chị ở đâu?

- Dưới kia. Nhổ bồn-bồn ở dưới ấy, nhưng lên đây cho khô ráo để ăn cơm trưa é mà. Em Cộc nè, em của chị ngộ lắm, trắng lắm nghe không?

Chuối cười của hai người hơn tình ấy đuổi theo sau lưng Cộc khiến cho nó, trong giây phút, không muốn về nhà nữa.

Ra khỏi rừng trầm râm mát, mắt Cộc bỗng dựng như đổ hào quang trước ánh nắng tháng mười. Không khí bị đốt cháy, đang rung rinh như nước xao, và nó tưởng chừng như mái lá nhà nó, đen thui dưới kia, sắp cháy đến nơi.

Thằng Cộc về tới nhà thì cơm trưa đã dọn xong.

- Mày đi đâu mà tới đứng bóng mới về?

- Tui đi lượm lông chim Long ô.

- Lông đâu?

- Mà kiếm hoài hông có.

- Mồ tổ cha mày, nhiều chuyện. Chim Long ô đời xưa mới có chớ đời nay đâu còn nữa. Mai gặt nghe không? Ăn cơm

khuya rồi xuống đồng cho sớm, đừng đi đâu hết.

Cả nhà lặng lẽ ngồi quanh mâm cơm, Không ai nói với ai lời nào. Những người này, sống biệt tịch ở đây lâu ngày rồi, đã biến thành á khẩu vì thói quen.

Riêng thằng Cộc, sự cần nói của tuổi thơ đang lên mạnh lắm như cần chạy nhảy, cần ăn uống vậy. Câu chuyện hồi nãy trên gò Ô-Heo khiến nó càng bắt mùi nói thêm, nên nín không được, nó hỏi ông nội nó:

- Nội nè, hồi mới tới, giữa mùa nắng, mình uống nước gì, tui quên rồi?

Nó hỏi như vậy vì nó vừa nhìn ra cái giếng bên hè và nhớ ra là giếng đã ngọt nước hôm mùa nắng trước, mặc dầu đã được đào từ năm năm rồi.

- Uống nước đọng trên lưng, trên rùng, chớ uống nước gì.

- Sao mình tới đây ông nội?

- Đã nói cho mày biết rồi. Trên xứ, mình không có ruộng, làm công khổ cả đời.

- Ở đây, mình có ruộng, nhưng cũng khổ cả đời.

Ông nội thằng Cộc lặng thinh. Nó nhìn ông nội nó rồi chợt nhận ra rằng năm nay ông cụ già quá. Tóc râu của ông cụ đã trắng bông. Nhớ ra ông cụ thường than mình nhớ mồ, nhớ mả ông bà quá, nó bùi ngùi thương ông nên dòm ra sân để quên.

Bấy giờ bóng của bốn cái nồi rau đã tròn vành, chỉ rằng thật đúng Ngọ. Bốn cái nồi bể ấy, hèn là thế mà rất là công dụng đối với nhà nó.

Để tránh nước mặn tràn bờ ngập sân, tía nó đã đóng mười hai cây cọc, làm thành bốn cái giá ba chơn treó như giá trồng của bọn đờn thổi đám ma. Trên mỗi giá, đặt một cái nồi lũng đất, và trong nồi để đầy đất mà tía nó mang từ xa về. Đất ở đây mặn chát dùng không được. Hành, ớt, rau

răm, rau mồng tơi, được trồng trong mấy cái vườn cao căng đó. Đó là bốn thứ tối cần, đất mặng bao nhiêu cũng phải lập thể mà trồng cho được, không thôi không có món gia vị nào để ăn cá nữa.

Bốn miếng vườn cao căng và tí hon lại là chiếc đồng hồ của nhà này vào mùa khô. Cứ bằng vào bề dài của bóng giá là tính giờ được ngay, và khi bóng nổi tròn vùm che mất bóng giá là đúng ngọ ngay bon.

Nhìn ra sân một hơi, nhai nuốt hết cơm, nó day vô và hỏi tía nó:

- Năm nay mình gặt cỡ được bao nhiêu tía?
- Nhờ ông bà, đất nước, ít lắm cũng được hăm lăm gạ.
- Cũng chưa đủ ăn.
- Đủ gì mà đủ, má nó nói, nhà mình phải ăn trăm rươi là

số chót.

- Vớ lại, tía thằng Cộc trở vào câu chuyện, tại lúa nàng Cùm thất gạo lắm. Năm tới ta gieo giống Tầm Vuột chắc được gạo hơn nhiều. Năm nay hể chuối trở ruộng thì năm tới tao trồng sả, trồng ổi được rồi đó.

Cả nhà đều hơn hở trước dự định tương lai tốt đẹp kia. Nhưng thằng Cộc chưa thấy gì là xán lạn cả. Trồng ổi thì cũng phải khá lâu mới có trái, trong khi đó nó tiếp tục thềm chè, thềm xưng xa, nhớ đám cúng đình, nhớ hát bội và bị một hình ảnh mới quyến rũ, hình ảnh của con Thôi, chắc là giống hệt chị nhỏ bồng-bồng, tức là có duyên lắm.

Con trai làng thấy con gái rất thương, thế mà họ còn thềm lén rủ nhau đi một ngày đường nước để ra đây gặp nhau, hướng hồ gì nó chưa được nói chuyện với con gái lớn lần nào hết. Những đứa con gái bạn của nó cách đây năm năm, nó nhớ lại thì không có gì quyến rũ cả. Đứa nào cũng cạo trọc chừa bánh bèo phía sau và giữa chiếc bánh bèo,

mọc ra một chòm đuôi dài trông đến buồn cười.

Nhưng mà con gái lớn phải khác. Cộc chưa thấy con gái lớn, nhưng tin chắc như vậy. Có một linh cảm gì, ở đâu từ kiếp tiền thân của nó bay lại và giúp cho nó biết như vậy. Những cô con gái lớn chưa thấy hình ấy, mà đã có tiếng kêu được, chúng âm thầm gọi Cộc, tiếng gọi như văng vẳng đâu trong không trung.

Thần thờ, thằng Cộc nói lại câu hỏi nãy, và giận giỗi, thêm một đoạn khiến ông nội nó giật mình, chống đũa mà nhìn nó trừng trừng:

- Ở đây mình có ruộng nhưng cũng khổ cả đời. Tui muốn đi quá, đi đâu cũng được, miễn ở đó có làng xóm, có người ta.

oOo

Thằng Cộc thích mấy cây nọc nạng lằm. Bó lúa nào gác lên đó cũng nằm yên cả chớ không chực rớt xuống nước ruộng như những bó lúa gác trên đầu nọc thường.

Đó là những gốc tràm mà cháng hai chẻ ra rất thấp. Khi đốn tràm cháy, tia thằng Cộc đã trù xa, đốn ở trên cháng hai ấy độ một gang rưỡi nên bây giờ họ mới có nọc nạng rất tiện mà dùng gác lúa.

Ông nội thằng Cộc chống xuống trên ruộng, len lỏi qua mấy gốc tràm. Ông ghé từng gốc để cho lúa xuống xuống.

Đủ thứ là cò, cò ma, cò lông bông, cò quắm, cò hương, thân mật nhìn gia đình bốn người gặt lúa nhà. Đây là bốn người độc nhút mà chúng thấy mỗi ngày ở vùng hoang vắng này; ban đầu chúng sợ hãi họ, nhưng về sau, thấy họ hiền từ quá, chúng làm quen với họ đã được bốn thế hệ cò rồi.

Má thằng Cộc lội sinh tới đầu gỏi, và lội nước gần tới háng nhưng vui vẻ hơn ngày nào hết. Bà ta tăng hăng rồi cất tiếng hò:

*Hò... ơ... tiếng anh ăn học lâu thông,
Lại đây em hỏi khăn lông mấy đường.*

Hò xong câu đố ấy, bà lắng đợi chồng bà hò đáp. Nhưng tía thẳng Cộc cứ làm thình mà gặt, khiến bà dâm ngượng nên cười rồi cự chồng cho đỡ mắc cỡ:

- Tía nó sao câm cái miệng lại, không bắt vậy?

- Hứ, nhiều chuyện nà! Già rồi mà còn hò với hát, bắt với gheo. Bộ còn trai gái gì đó sao?

Vì vui kết quả của cừ cù nên má thẳng Cộc quên rằng bà ta đã quá mùa hò rồi. Tía nó nhắc lại bà ta mới chợt nhận ra. Tuy nhiên bà vẫn ngậm ngùi nhớ cái thú vui ấy thuở bà còn con gái và ngay bây giờ đây, tóc đã nhuộm hoa râm rồi, bà cũng hưởng được nếu còn ở làng, hưởng bằng cách khuyến khích bọn trai trẻ hò đối đáp với nhau.

Thằng Cộc thì xôn xao trong lòng, nhớ lại lời chị nhỏ bồng bồng bảo rằng nó mà về làng làm ruộng thì ai cũng ưa. Ừ, nó sẽ hò đối đáp với con Thôi. Chậc! Mà nó phải nhờ má nó dạy hò mới được. Nó có nghe hò lần nào đâu để mà thuộc giọng và biết câu.

Đến chiều thì xong xuôi cả. Ông nội thẳng Cộc chống xuống lúa để ra bờ rạch, còn tía nó, má nó và nó thì lội nước sinh mà về bộ.

Đập lúa và phơi phong mất hết mười ngày. Trong những ngày buồn tẻ, phẳng lì giữa cảnh bùn lầy nước đọng ấy, thẳng Cộc càng nao nức muốn về làng.

Lại đây em hỏi khăn lông mấy đường?

Câu hò của má nó ám ảnh nó từ hôm gặt đến nay. Nếu con Thôi mà hỏi đố nó câu ấy chắc nó phải ngậm cam, cho dẫu được phép trả lời bằng văn xuôi.

Khăn lông là vật dụng mà nó đã quên rồi thì còn biết là mấy đường để còn đáp cho thông. Từ lâu, nó chỉ có một

chiếc quần xà lỏn trên người, mùa nắng cháy như mùa mưa lạnh. Đêm nó nhờ nóp che thân cho đỡ bị muỗi đốt và gió cắt da.

Những món đồ cần dùng của thế giới văn minh ấy cũng thuộc vào những thứ gọi thềm như bánh trôi nước, bánh ít trần và mái tóc của con Thôi.

Hôm ấy, dùng bồ cho con cháu đổ lúa vào, ông nội thằng Cộc long trọng nói:

- Ngày mai ra biển.

Không ai hỏi ra biển để làm gì hết. Thằng Cộc cũng làm thình, trái với mọi ngày mà nó hỏi không kịp đáp.

Con rạch Ô-Heo trước nhà, nếu có đi trên ấy thì phải về ngọn, nó nghĩ như vậy, đi về ngọn để rẽ qua những kinh rạch khác mà tìm làng mạc sầm uất, chớ xuôi dòng ra biển thì còn nghĩa lý gì nữa chớ?

Nó chưa được ra biển lần nào cả và mấy năm trước đây nó muốn theo ghe của bọn bắt cua để đi một chuyến lăm, mà không được phép đi.

Chuyến đi đầu đến một chơn trời xa lạ mà ông nội nó vừa cho biết, không làm cho nó phấn khởi chút nào cả.

Ông nội nó tiếp, dặn mẹ nó:

- Con mẹ Trùm, ngày mai phải dậy khuya nấu cơm. Tao đi với thằng Trùm và thằng Cộc, đi thật sớm để gặp con nước lớn ngay tại cửa mà về cho tiện.

oOo

Rạch Ô-Heo nhỏ xíu cho nên tràm mọc ở hai bên bờ giao hành với nhau được và phủ kín cả mặt nước.

Rạch tối om, đi như đi trong hang. Bây giờ thằng Cộc mới thấu nghĩa hai tiếng “hang mai” trong câu hát của bọn đi bắt ba-khía.

Những nơi ánh nắng lọt vào được thì hai bên bờ, ô-rô và

cóc kèn mọc đầy.

Nước ròng chảy xiết, xuồng trôi bon bon. Tuy vậy, ông nội và tía cũng chèo cẩn thận để mau tới nơi, hầu về kịp nội buổi chiều ngày đó.

Gần tới trưa, xuồng không đi mau nữa.

- Nước đứng rồi, ông nội nói, tức ta gần tới cửa rồi.

Họ thôi chèo, để cho xuồng trôi linh đình, không tiến cũng không lùi, rồi lấy cơm dõ trong mo nang ra mà ăn.

Không đi thì thôi, đã trót đi, và lúc gần tới đích, thằng Cộc nghe thích thấy biển coi ra sao. Nó và cơm hối hả rồi hỏi:

- Ra đó làm gì ông nội?

- Rồi mày sẽ biết.

Họ ăn cơm xong thì nước bắt đầu lớn. Họ chèo ngược nước cho đến quá đứng bóng thì đến một nơi kia mà ông nội tuyên bố rằng đó là biển.

Thằng Cộc ngạc nhiên lắm mà chẳng thấy biển đâu cả. Con rạch tiếp tục đi xa ra ngoài kia, hai hàng rào cây như đứt khúc, đâm vào một vách tường xanh như da trời.

- Biển ở đâu, ông nội? Cộc hỏi.

- Đàng xa kia, xanh xanh đó.

- Sao không ra ngoài, ông nội?

- Không cần.

Tía thằng Cộc chèo mũi, rút sào cặm xuống bùn, theo lệnh của ông nội nó.

Ông nội gọi Cộc hỏi:

- Con có thấy gì khác lạ không?

- Không, ông nội à.

- Không thấy? Cây ở đây không khác cây sau lưng mình à?

- À... phải rồi.

Cộc nhìn lại thì quả như lời ông nội nó nói. Nơi đây, đất đã hết, mà chỉ còn bùn. Tràm mọc tới mé đất cuối cùng thì

dừng lại, như là dân ở biên giới một nước kia dừng lại nơi bìa lãnh thổ mình.

Hết tràm thì có một khoảng trống, nửa bùn, nửa đất, trên ấy cỏ ống rậm ri và chim cao cẳng đủ loại đáp đầy trong cỏ.

Tràm đứng trước bãi cỏ mà nhìn dân lảng giềng mọc trên bùn đen. Đó là những cây ồm nhom chen nhau mà vượt cao lên, cây này cách cây kia không đầy bốn gang tay.

Bờ biển thoai thoải dốc xuống, trông rừng cây lạ ấy như một đạo binh xuống núi, tuôn hãm thành hầu lập công.- Nhìn xuống gốc cây, ông nội bảo.

Nước chưa lón hẵn, để lộ bùn đen dưới gốc cây ra. Bùn đen từng nơi lại trắng xóa những đóa hoa năm cánh, hai màu đen trắng đối chọi nhau trông rất đẹp.

- Cây gì mà lạ vậy ông nội? Trổ bông ngay dưới gốc?

- Bông trổ trên đầu những cái rễ ăn lên mà người ta gọi là rễ gió. Cây này là cây mắm. Đây là rừng mắm đây.

- Cây mắm? Sao tui không nghe nói đến cây mắm bao giờ?

- Con không nghe nói vì cây mắm không dùng được để làm gì hết, cho đến làm củi chụm cũng không được.

- Vậy chớ trời sanh nó ra làm chi mà vô ích dữ vậy ông nội, lại sanh hằng hà sa số như là cỏ ấy?

- Bờ biển này mỗi năm được phù sa bồi thêm cho rộng ra hàng mấy ngàn thước. Phù sa là đất bùn mềm lùn và không bao giờ thành đất thịt được để ta hưởng nếu không có rừng mắm mọc trên đó cho chắc đất. Một khi kia cây mắm sẽ ngã rạp. Giống tràm lại nổi ngòi mắm. Rồi sau mấy đời tràm, đất sẽ thuần, cây ăn trái mới mọc được.

Thấy thằng cháu nội ngờ ngác chưa hiểu, ông cụ vịn vai nó mà tiếp:

- Ông với lại tía của con là cây mắm, chơn giẫm trong bùn.

Đời con là trà, chơn vẫn còn lấm bùn chút ít, nhưng đất đã gần thuần rồi. Con cháu của con sẽ là xoài, mít, dứa, cau.

Đời cây mắm tuy vô ích, nhưng không uổng, như là lính ngoài mặt trận vậy mà. Họ ngã gục cho kẻ khác là con cháu của họ hưởng.

Con, con sắp được hưởng rồi, sao lại muốn bỏ mà đi? Và lại con không thích hi-sinh chút ít cho con cháu của con hưởng hay sao?

Thằng Cộc nhìn lại ông nội nó và nghe thương không biết bao nhiêu ông già đã bỏ mồ bỏ mả ông cha để hi-hục năm năm trong đồng chua, nước mặn ở Ô-Heo.

Phải, cứ theo dự đoán của gia đình thì nó sắp được hưởng, tuy không nhiều, mà rồi sẽ nhiều. Nó nắm chặt tay ông nội nó và nó thấy ông nội nó giỏi quá. Ông có biết chữ nho kia mà.

- Ông ơi, nó than, nhưng trà buồn quá.

- Trà sẽ khỏi buồn nữa. Năm tới, đất thuần rồi thì ta làm ba mươi công và sẽ gọi dân cấy gặt ở xa tới phụ lực. Rồi tí con sẽ cưới vợ cho con, rồi thiên hạ sẽ bắt chước ta, tràn tới đây mà phá rừng, vùng Ô-Heo sẽ sầm uất, vui biết bao nhiêu. Trà hết buồn vì sẽ đẻ ra cau, dứa, xoài, mít, đầy nhà, nước sẽ ngọt một khi đất thuần...

- Và sẽ có chè ăn?

Ông nội cười ha hả mà rằng:

- Gì chứ chè thì sẽ có lu bù.

- Mà ông nội nè, cưới vợ làm sao được, ai thèm tới Ô-Heo?

- Hai năm nữa người ta sẽ đồn rằng đất Ô-Heo thuần. Những kẻ nghèo khó như ta chỉ mong được tới đây. Ông nói điều này, không biết con hiểu được hay không. Là tổ tiên ta ngày xưa từ Bắc, Trung tràn vào đây đều chịu số phận của cây mắm hết, từ xứ Đồng Nai nước ngọt cho tới

đây, ở đâu cũng hoang vu cả.

Họ đã ngã rạp trong chốn ma thiêng nước độc này để lót đường cho con cháu họ đi tới, y như là đàn kiến xung phong, tấp đầu liều chết đuối, lội qua tô nước rộng hủ đường để làm cầu cho bọn đi sau vào đến nơi có chất ngọt. Nhiều lớp tiên phuông đã ngã gục như rừng mấm. Rồi thì ông sơ, ông cố con, ông nội đây là tràm mới kiếm được miếng ăn...

- Tía.

Thằng Cộc lo lắng không biết tía nó sẽ làm tràm như nó được hay không nên kêu tía nó bằng một giọng thương yêu trĩu mển hết sức.

- Thôi, nhớ sào để đi về cho kịp con nước, ông nội ra lệnh.

Ông nội vui vẻ quá, vì ông bỗng sực nhớ lại những câu hò của thế hệ người tiên phuông đi khai thác đất hoang ở miền Nam, mà ngày nay thế hệ tràm không hát nữa. Ông cất giọng khàn khàn lên:

Hò... ơ... Ròng chầu ngoài Huế,

Ngựa tể Đồng Nai.

Nước sông trong sao cứ chảy hoài,

Thương người xa xứ lạc loài đến đây.

CHU TỬ TRỜI! CẬU XƯƠNG

Thái bảo Liễu lấy quần áo cho mọi người thay, rồi hỏi bọn Xương:

- Thuốc phiện, rượu, gái, các anh dùng thứ gì?

Xương thích nằm bên bàn đèn, nhưng lại không biết hút thuốc phiện. Chàng cũng không biết cả uống rượu. Xương trả lời liền:

- Đàn bà!

Thái và Hiệp nhìn nhau tủm tủm cười. Liễu tinh quái nhìn gương mặt bơ phờ của Xương như để đánh giá Xương được bao hơi sức. Thái âu yếm đặt tay lên vai Liễu, giới thiệu với Xương:

- Người xưa thường dâng người yêu cho tri kỷ. Anh Xương tuy chưa phải tri kỷ của Thái nhưng không ai hiểu Thái bằng anh, cho nên đặc biệt hôm nay, tôi dâng Liễu của tôi để Liễu thừa tiếp anh. Bắt đầu từ giờ phút này, Liễu là của anh cho đến sớm mai...

Rồi chàng xoa đầu Liễu, nói với Liễu:

- Anh Xương không phải

là một chính khách, hoặc một tay “sộp” mà chúng mình cần phải cho vào “xiếc”. Anh Xương chỉ là một chàng lạc lõng kiết lố đít... Nhờ em tiếp giùm anh, để anh Xương quên... chán đời ít nhất là một đêm. Em có thể giúp anh điếu đó được không?

- Dạ em ráng...

Xương nằm dài trên sập, duỗi thẳng cẳng. Xương nhìn thân hình mảnh dẻ nhưng lẳn, với bàn tay mềm, mịn của Liễu, hồn nhiên trả lời:

- Cảm ơn thịnh tình của anh và cô Liễu. Gân cốt tôi lúc này lỏng lẻo, nhất là sau gần ba trăm cây số đường trường vừa rồi. Tôi chỉ ao ước một điều là nhờ cô Liễu thoa bóp cho một chặp... vì đối với tôi, không gì khoái bằng được một người đàn bà đẹp “tắm quất”... Liệu cô Liễu có biết tắm quất không?

Liễu cười rất đẹp:

- Em tắm quất thì không chê vào đâu được.

Thái cũng khen Liễu:

- Liễu nó tắm quất thì tuyệt thật. Chỉ sợ anh Xương được tắm quất một lần, đâm nghiện.

Lời Thái nói làm Xương phì cười. Từ khi Xương bắt đầu hơi chán chính trị và đàn bà, hai cái đam mê lớn nhất của chàng, Xương vẫn ao ước được nghiện một thứ gì trên đời, mà chàng vẫn chưa tìm được. Chàng chỉ sợ không còn biết đam mê gì nữa thì thật hết lý do sống. Xương thủng thẳng trả lời:

- Tôi đang mong được nghiện bất cứ cái gì... Nếu được nghiện tắm quất thì quả là một thú vui lành mạnh!

Xương tưởng nói đùa cho vui. Ai ngờ Liễu đã dịu dàng gỡ ra khỏi bàn tay của Thái, tiến tới ngồi sát đầu Xương... Nàng tùm tùm cười, lấy ngón tay tháo mấy cái khuy áo pi-

jama Xương đang mặc, nhỏ nhẹ bảo Xương:

- Anh cởi áo, em tắm quất cho anh coi!

Xương hơi hoảng hốt hỏi:

- Ở kia, tưởng đùa, tắm quất thực à!

Liễu vẫn duyên dáng:

- Sao lại không thực...

Xương không biết làm thế nào. Chàng chỉ ngổ ngáo miệng, chớ chàng vốn nhất gá. Nhưng thấy Liễu tự nhiên quá, chàng e mình phản kháng thì hơi kỳ cục. Chàng đành ngượng ngùng để mặc Liễu muốn làm gì thì làm. Liễu khởi sự thoa bóp chân tay cho Xương, thì Thái và Hiệp cũng rủ nhau bỏ sang buồng bên cạnh uống rượu, mặc cho Liễu “vần” Xương... Thấy hai người bỏ đi và chỉ còn một mình Xương với Liễu trong phòng, Xương bắt đầu thấy ngượng trong khi Liễu vẫn vui vẻ, hồn nhiên đem hết cả tài “tắm quất” ra biểu diễn. Mà Liễu tắm quất tuyệt thật. Bàn tay kỳ diệu mát rượi, vừa mềm vừa mạnh của Liễu nắn vào các bắp thịt mỗi một rã rời của Xương, tới chỗ nào, Xương thấy tỉnh táo, khoan khoái đến mê ly... và tuổi trẻ yêu đời của chàng hầu bùng trời dậy dưới ngón tay dịu dặt của Liễu... Xương lim dim cặp mắt nhìn cái ngực nõn nà của Liễu, thấy trong lòng mình không vẫn một chút tà ý thèm khát nhục dục nào thì chàng tự nhủ: “Có lẽ mình sẽ nghiện tắm quất thực.” Xương hỏi Liễu:

- Liễu học ở đâu mà tắm quất tài vậy?

Liễu cười:

- Tất cả những mảnh khóe để làm đàn ông say mê, em đều học hết, đều biết hết. Em đã học tắm quất ở những ông vua tắm quất “Ba Tàu” cũng như em đã học khiêu vũ với tất cả những vũ sư danh tiếng. Nghề của em mà lự!

Xương hỏi cho có chuyện:

- Quê Liễu ở đâu mà lại lạc loài vào đây?

- Em, quê ở Bắc Giang.

Xương hơi sửng sốt, vì sinh quán Xương cũng ở Bắc Giang. Mấy đốt ngón chân Xương kêu răng rắc dưới ngón tay Liễu. Xương đợi Liễu bẻ xong cả năm đầu ngón chân, mới hỏi:

- Làng Liễu là làng gì? Tôi cũng quê ở Bắc Giang!

Gương mặt Liễu rạng rỡ cái rạng rỡ của kẻ tha hương gặp người đồng quận.

- Vậy à? Làng em là làng Yên Mô...

Xương mở to đôi mắt nhìn Liễu chăm chú, cố nhận ra một vài nét quen thuộc. Xương đã gặp nhiều sự tình cờ kỳ lạ trên đời, nên khi thấy Liễu nói sinh quán Liễu ở làng Yên Mô là quê của chàng, Xương tuy ngạc nhiên, nhưng không để lộ trên nét mặt. Chàng thủng thẳng nói:

- Hay nhỉ... Liễu là con cái nhà ai mà tôi không nhận ra...

Liễu có biết nhà cụ Hàn Khiêm ở Yên Mô không?

Hai bàn tay Liễu đột nhiên ngừng lại. Liễu trở mắt nhìn Xương:

- Trời! Có phải anh là cậu Xương con của cụ Hàn Khiêm không? Mẹ em trước kia vẫn đi “ở” bên nhà cụ.

Thì ra, tha hương, con “chủ” và con “tớ” gặp nhau trong khung cảnh một hộp đêm! Bà Hạnh - mẹ Liễu - vốn là vú em đã trông nom săn sóc Xương thời thơ ấu. Khi Xương mười hai tuổi, thì mẹ Liễu sinh hạ Liễu. Tuy sống ở nhà với bố, Liễu thỉnh thoảng được mẹ đưa chơi nhà Xương. Liễu mười tuổi thì Xương đã trở thành một sinh viên. Những ngày nghỉ, Xương về thăm gia đình, chàng mua đồ chơi, quà cáp cho các em chàng, thứ gì, thì chàng cũng mua thứ đó cho Liễu. Xương không phân biệt chủ tớ, làm mẹ Liễu và Liễu sung sướng. Dưới con mắt Liễu hồi đó, Xương tượng trưng cái gì thật đẹp

mà Liễu không bao giờ dám mơ màng... Mỗi lần Xương về quê, mẹ Liễu lại đưa Liễu sang “chào cậu” và Liễu mở to đôi mắt thán phục nhìn Xương như con sâu đất chiêm ngưỡng một vì sao, và khi Xương xoa đầu Liễu, nắm tay Liễu, khen “cháu Liễu của cậu ngoan lắm” thì Liễu không đứng vững, tim ngừng đập và Liễu muốn òa lên khóc vì cái hân hạnh quá lớn lao mà Xương ban cho nàng... Từ đó, trong tâm khảm Liễu, hình ảnh Xương vẫn ngự trị, lung linh huyền ảo, như cái gì vợi vợi cao xa mà cánh tay nhỏ bé, ti tiện của Liễu không bao giờ với tới. Vậy mà, sau hơn mười năm xa cách, và sau bao nhiêu biến cố làm đảo lộn đất nước, làm tan tác gia đình chàng, lúc này Xương đang nằm thẳng cẳng, rã rời gân cốt, để bàn tay của Liễu - con người vú em của mình - mang lại sự yên nghỉ, sự bình lặng cho thể xác và tâm hồn mệt mỏi của chàng... Liễu giương đôi mắt thao láo đầy kinh ngạc nhìn Xương, và khi nhận ra Xương, nàng nửa muốn bỏ chạy nửa muốn ôm choàng lấy Xương... Tự nhiên Liễu muốn rụt tay về, không dám động tới người Xương nữa, và nàng có cảm tưởng rờn rợn của kẻ vô tình đã sờ mó, ôm ấp cái thần tượng mà mình vẫn tôn thờ. Tiếng cười của Xương bật ra, ai oán:

- À thì ra “cháu Liễu của cậu”!

Danh từ “cháu Liễu” làm Liễu quên phút hiện tại để mãnh liệt sống lại qua khứ, sống lại thời thơ ấu mà mỗi lần Xương về thăm quê, là một “biến cố lịch sử” đánh dấu quãng đời nàng... Liễu nhìn gương mặt sạm, với những nét răn trên trán, đôi mắt sâu, cặp má trũng của Xương, không tìm thấy những nét khỏe, mạnh của người thanh niên lý tưởng, đẹp trai trước kia, đột nhiên Liễu òa lên khóc:

- Trời! Cậu Xương! Cậu già quá rồi!

Tiếng nấc của Liễu làm trời dậy trong lòng Xương tất cả quá khứ mà từ lâu chàng cố hủy diệt. Thực tình, Xương

không cầu mong gì hơn là được khóc, nhưng Xương thấy mình không khóc nổi. Xương đã chứng kiến những biến cố kinh khủng, đã thấy những chế độ này lật chế độ kia, những lớp người này cười đầu cười cổ lớp người khác, nhưng có lẽ chưa có biến cố nào làm chàng sửng sốt bằng biến cố “cháu Liễu” con gái người vú em của gia đình chàng, trở thành bà “chúa đĩ” cổ chân đeo hột xoàn và đeo nhạc, ngồi thoa bóp cho “tiểu chủ” của mẹ nàng xưa kia...

- Sao lại ngừng... “Cháu Liễu” cứ thoa bóp cho “cậu” đi...

Liễu ngoan ngoãn vâng lời, vừa tiếp tục thoa bóp vừa nức... Nàng sờ mó người Xương, như sờ mó một vật rất linh thiêng đã hết thiêng, hiện nguyên hình bằng xương, bằng thịt...

Lúc này bàn tay Liễu không còn mát rượi nữa. Xương thấy bàn tay Liễu nóng bỏng và mỗi cái nắn làm nổi dậy trong lòng chàng những hình ảnh mà chàng quên phứt từ lâu. Chàng nhớ tới cái ao đằng sau nhà, cái ao mà mỗi lần về thăm nhà, chàng lại thấy bết vĩ đại, để rồi khi chàng trở thành một sinh viên thì cái ao “vĩ đại” hồi thơ ấu... chỉ còn là một vũng nước rất nhỏ bé, không chứa đựng nổi mơ ước của chàng. Xương nhớ lại một lần, về quê, chàng mang lũ em và Liễu ra ao tắm... Chàng cởi quần áo cho Liễu. Chàng không ngờ thân hình Liễu thật mũm mĩm, trắng trẻo như một em bé con nhà khuê các, chàng “công kênh” Liễu trên vai, đưa Liễu ra ao, vờ dìm Liễu xuống nước, để Liễu ôm chặt cứng hai chân, hai tay vào cổ, vào ngực chàng, kêu thét lên, vừa sợ vừa khoái...

Những kỷ niệm cũ đột nhiên trở lại, rành rọt như hiện trước mắt Xương làm Xương tê dại. Xương nhớ tới cái ao, nhớ tới mẹ chàng đã chết, đến những người chị, người em, hiện nay sống lạc loài ra sao, chàng cũng chẳng dám

biết, không muốn biết... Mãi lúc đó, nước mắt mới trào mi, và Xương cười chua chát hỏi Liễu:

- Liễu có nhớ cái ao đằng sau nhà “cậu” không?

Liễu giật mình nhìn Xương sững sờ, cái sững sờ của người người trinh nữ khóa thân bị người ta bắt chợt... Nàng vẫn đinh ninh chỉ có một mình nàng là ngoan cố, giữ kỷ niệm của cái ao bé nhỏ. Ai ngờ chính Xương cũng không quên. Nàng nhìn Xương qua làn nước mắt, rồi gục đầu vào ngực Xương, giấu sự tủi hổ bụi ngùi đang mệnh mang xâm chiếm tâm hồn nàng...

Liễu kể cho Xương nghe tất cả những biến cố đã xảy ra trong đời nàng, từ chuyện nàng đi cắt cỏ bị hiệp dân đến chuyện nàng lấy Tây, lấy Tàu, mở nhà thổ lậu, hợp tác với Thái... Xương nằm im lặng nghe... Chàng không ngạc nhiên. Những biến cố đời Liễu chỉ là những biến cố của thời đại thu nhỏ lại trong một cá nhân bé nhỏ... Nhưng tự nhiên Xương thấy buồn lạ lùng. Chàng thấy tiêu tan hết nghị lực, không thiết chống đối gì nữa. Chàng nói với Liễu:

- Ước gì Liễu thoa bóp cho tôi để tôi ngủ luôn một giấc, không bao giờ tỉnh dậy nữa... Đời mệt mỏi quá, có phải không Liễu?

Liễu ôm chàng lấy Xương hôn lên mắt, lên má chàng. Hồi nhỏ, mỗi lần về thăm quê, khi từ biệt để trở ra Hà Nội, Xương vẫn thường cúi xuống hôn lên trán, lên tóc Liễu, và Liễu đón nhận những cái hôn đó với tất cả lòng say sưa, ngây dại của đứa bé lên mười. Liễu vẫn thầm ao ước được hôn trả lại Xương, một cái, nhưng cô bé lên tám hiểu là không bao giờ cháu Liễu dám hôn “cậu Xương”. Và sau hơn mười năm, nàng có ngờ đâu, chính nàng lại đè đầu Xương hôn, để an ủi Xương...

(Trích *Loạn*)

CUNG TÍCH BIÊN BẠCH HÓA

I.

Chiều nào khi mặt trời sắp chôn dưới chân núi chú Sáu cũng mang hai con bò phân tán ra hai nơi góc vườn, chú kéo cho mỗi con một mớ rơm để nhai qua đêm, chú nói như thế này để cà nông bản rũi chết thì chết từng con một, khổ ải quá, người còn có thể chui hầm rúc hổ, đặng này bò nó không thể nằm mãi dưới hầm như người, mà dù bò nó chịu nằm hầm mình cũng chẳng có bao cát dụng cụ đâu mà làm cho xuể một cái hầm.

Chiến tranh tràn đến xóm chú Sáu – có thể gọi chú là lão già hay con bò già cũng được, vì đời chú không học hành, không biết phố thị, đời chú dính với luống cày, mọc lên từ ruộng nương đầy phân bón và bùn lầy – chiến tranh thực sự có ở xóm chú từ năm nay, kể từ đêm Sáu Vu về chặt đầu cha. Sáu Vu là con Hương Đặng, nó bỏ nhà ra đi từ mười hai

năm nay. Đúng mười hai giờ đêm một đêm năm trước hẳn về làng tập họp dân chúng – mấy anh dân vệ hôm đó đã về ngủ trên quận – việc đầu tiên hẳn làm chánh án tòa án nhân dân xử cha, lão Hương Đăng nay là đại diện xã. Dưới ánh đuốc bập bùng, dân làng có người đứng ra xin cho Hương Đăng, rồi chính Hương Đăng cũng nói với Sáu Vu tao là cha của mày, con ạ tao là cha, mày không nỡ giết cha. Sáu Vu trả lời:

- Ông là cha riêng tôi chứ không phải cha của cả dân tộc này, ông chết một mình để cả dân tộc này sống, ông không đáng được gọi rằng chết nữa, ông, chính ông bị đền tội, ông bị loại trừ, cái chết là danh từ dành riêng cho các chiến sĩ, các con của nòi giống, ông ạ, tôi không còn cha, không có cha nào nữa ngoài một người cha là cuộc cách mạng vĩ đại trường cửu này. Lão Hương Đăng nhổ một bãi nước bọt vào mặt Sáu Vu nói mày là thằng phản quốc, thằng bán linh hồn, mày hãy giết tao đi. Thế là một lưỡi dao phập xuống. Mọi người lúc đó, dưới ánh lửa ma quái không ai thấy Hương Đăng bị chặt đầu, họ thấy chính lát dao đang đi ngang cổ họ, họ cúi xuống nhìn bãi đất lạnh run rẩy.

Máu nơi cổ lão Hương Đăng chưa kịp đông lại thì ngay lúc đó có hàng tràng cà nông bắn tới tấp vào đám du kích quân, lửa nhá trên đầu họ, mảnh đạn bay lạnh canh trên các mái ngói, chó thối sủa, người thối tổ cáo người. Sáng hôm sau khi chôn cất, xác Hương Đăng bị một nhát mã tấu gãy gọn và nhiều mảnh đại bác nhỏ nhỏ.

Chính đêm đó chú Sáu mất con bò thứ nhất, con bò đực hùng vĩ. Nay chỉ còn có hai con, con bò cái ốm o, và một con bò con nhác sùng. Mỗi lần có sùng bắn là con bò con nhảy cùng vườn. Chú Sáu phải cột nó vào một gốc cây lớn – gốc cây trụi vì thuốc khai quang, nếu có một thứ

gì làm tiêu tan được gốc cây khô héo này thì người ta đã tưới xuống rồi.

Chú Sáu cột giầy thừng vào cái cổ trầy trụa và chân con bò nhỏ, con bò dậm dậm chân ra chiều bất mãn, chú Sáu vuốt ve nó, đẩy nó sát vào gốc cây, chú ngó quanh quất xem chừng nếu một quả đạn bay tới cái gốc cây có che mảnh cho con bò không. Chú buồn rầu đi về phía con bò mẹ, bầu trời đầy tro xám, một áng mây đen bay là đà về hướng biển, con bò mẹ gầy gò như một bà già suốt đời bị hành hạ vì sinh đẻ và chồng con. Chú nhìn con bò rồi cúi trợn mớ rơm, bỏ thêm một ít cỏ tươi:

Khi kiệt sức rồi thì dù được nuôi bằng phó mát hay cam nho mà cũng trơ xương con ạ. Lão đi vào nhà.

Có tiếng con Miệng:

“Cậu Ban nói cái hầm nhà mình cà nông thối trúng thì sập ngay. Cậu nói cái hầm nhà mình chặt chội, mùa mưa nước lẹ xẹp đến chó nó cũng không muốn nằm nữa là người. Hèn gì mấy con bò nhà này nó không chịu ngủ dưới hầm”.

Chú Sáu:

“Ôi, cái thằng mắc dịch đó hẳn ghẹo mày đó. Ai đòi làm hầm để rồi người với bò chó cùng ngủ. Chưa có con chó nào chết vì cà nông hay pháo kích chứ người thì nhiều rồi đó. Mày bảo thằng Ban cầm cái họng ôn dịch hẳn lại. Bữa nào thằng Đích về rồi hẳn biết tay...”

Chú Sáu nhớ đến người con trai chú. Thằng Đích. Đích năm nay hai mươi hai tuổi, đi quân dịch đóng lon binh nhì, có hai huy chương một sao bạc, một đồng, Đích nói lính Biệt động quân tề chi đi nữa cũng có huy chương đeo đỏ ngực. Con Miệng, em kế thằng Đích.

Chú Sáu vào nhà nằm ngửa trên phản, hai tay dang, mắt

nhìn lên trần nhà loang lổ miếng đạn, cái trần nhà hư nát nhưng không ai tính chuyện sửa sang lại trong thời buổi này, chú nhớ đến thằng Đích ngày trước cất tiếng khóc oe oe trong góc này, ngày sinh con Miệng trời mưa lớn, ngã trưa người vú đứng ở hè cửa nói chị sinh con gái, thế là mai sau anh vừa có dâu vừa có rể, “dâu hiền con gái, rể thảo con trai” anh lo gì. Chú Sáu nhớ đến người vợ chú ngày trước hay ngồi bắt chíp và chải tóc nơi cái đà cửa, gió nồm thổi mát mát, những đêm trăng trải ngàn ngàn vợ chú vẫn ngồi nơi đó sàng gạo hay làm việc vặt vạnh, ngày xưa ngày xưa, chuyện gì êm đềm cũng chuyện của ngày xưa. Giờ đây chú thấy quanh mình trơ trụi, vợ đã chết, thằng Đích đi xa, nó không chịu lấy vợ, con Miệng đã lớn, nó có thể bị xô mũi đất đi nay mai thời buổi này con trai không muốn lấy vợ nhưng con gái ưa có chồng, con trai nói có vợ lấy gì ăn, lấy vợ để chết đói à, con gái nói lấy chồng cho xong để hưởng mùi đời, đời gì rắc rối. Chú Sáu nằm trong bóng đêm âm thầm nhớ tha thiết, nhớ đại dột con bò đực vĩ đại của chú. Người tu hành có đức Chúa, người đi giải phóng có lưỡi mã tấu, anh lính có cây súng, và chú có con bò đực. Chỉ với nó thôi, cả vũ trụ chú ở đó. Con bò chết lòng chú hiu quạnh, không ai đi trước chú nơi luống cày, không ai chịu vác dùm cái ách, kéo dùm cái bừa, ỉa dùm cho chú cục phân bón lúa, tất cả thua con bò. Nay nó đã chết.

Chú nhắm mắt thấy máu chảy ra từ thân từ con bò thân yêu. Chú như ngã xuống và trôi miên man trong đó, giòng máu thơm ngát:

Máu không phản bội, máu ngoài các chính thể loài người.

Tiếng con Miệng:

“Đêm nay tui không ngủ trong hầm”.

Chú Sáu kinh ngạc:

“Mày điên à, muốn chết à”.

“Tui không thể ngủ hầm, khó chịu quá, thà chết ngoài trời cho thanh thản”.

“À, tao biết mày rồi. Mày mê cái thằng Ngọc hả. Đừng con ạ. Dù sao mình cũng con nhà gia thế đừng có cái thói trên bệch trong dâu”.

“Trên bệch trong dâu là gì?”.

“Là gì thì tao không tài giảng nghĩa, nhưng tao biết người ta ám chỉ những đứa con trai con gái hư. Con ạ, nếu mày muốn thì tao gả ngay. Thời buổi này tùy mày lựa chọn. Nhưng tao nói với mày, con ạ, đừng có dại dột ngoài rơm ngoài rạ. Ban đêm mấy ống bắn toi mạng. Mày không nhớ con Ngô với thằng Phả chết trần trụi như nhóp ngoài vườn chuối ngày trước à”.

Con Miệng ngồi khóc. Nó nói cha không hiểu tui chi hết, cha làm tui nhục nhã. Sao trên trời một vài cái lấm tẩm. Trời tối như mực. Chú Sáu nói thôi trải chiếu dưới hầm mà ngủ đi cho rồi... đó, có tiếng súng đó.

Dưới căn hầm này chỉ có hai cha con, một cha trên năm mươi, một con dưới hai mươi, và một con chó đen. Con chó thường ngủ ở miệng hầm – loài vật hình như không con nào thích nghi với loại hầm tránh bom đạn này để đánh hơi, thỉnh thoảng nó chạy âm thầm ra ngoài vườn. Tuyệt nhiên nó không sủa. Từ lâu nay con chó mực trở nên thín thít ngay cả những đêm có trăng, nó thấy ngứa cổ lạ lùng khi nhìn những đọt lá lay lay với cái bóng, nó cảm nín với những cái bóng đen di động như một thứ ma quái.

Ngủ hoài dưới hầm chỉ có hai cha con, mùa đông con mưa ngủ ngạt bên ngoài, nước chảy róc rách trong hầm, mùa hè oi ả với từng đọt gió khô khan. Những đêm như thế chú Sáu thường trở giấc với cái quạt mo trên tay. Dưới ánh đèn

dầu mù mờ chú thấy con Miệng – con gái chú – ngủ có khi hở hang, nằm ngửa mình hai tay dang, hai đùi mươn mướt nóng hổi dưới lớp quần đen lằng, con Miệng ngủ mê mẩn sau một ngày làm lụng. Hai giống người lạ hoắc ngủ với nhau trong căn hầm oan khiên này lẽ ra cái thân thể kia phải làm cho chú động tình, sẽ làm thui chột cái lương tri một người. Nhưng với chú, chú đúng là một người cha. Chú ngồi thẫn thờ dưới ánh đèn thương xót cho con gái mình, chú lấy tấm chăn đắp lên phần trống vắng cho con, chú muốn khóc, chú thương vợ. Chú nghĩ một mình:

“Loài người đến lúc ăn lông ở lỗ trở lại đây. Loài người đã bỏ áo quần luân lý vào núi vào hang mà ở rồi đây. Nhưng làm sao con người mới khỏi bị bóng tối đè nặng như súc vật”.

Chú lại nhìn con, nhưng chưa bao giờ chú dám nhìn thẳng vào cái phần thiêng liêng của người đàn bà, nơi Miệng.

Đêm nay, cũng vẫn với cái quạt mo chú vịn thật nhỏ ngọn đèn, vì sợ ánh sáng lộ lên bên ngoài, chú tựa lưng vào thành đất lạnh ngắt, súng một lúc nổ một nhiều. Chú nhắm mắt để khỏi liên tưởng đến Sáu Vu, đến những ánh lửa bập bùng xung đột, những tràng súng ào ạt bay ra từ thị trấn. Từ ngày Sáu Vu về làng đến nay làng trở nên trụi, những cuộc hành quân của quân đội thường xảy đến, chiều chiều máy bay lượn trên xóm chú thả trái khói. Từ ngày Sáu Vu về làng, dân làng cũng bỏ làng đi, những người ở lại phải ra ngoài bãi cát làm hầm mà trú, vì ở trong này phải đi đào đàng, mà đi đào đàng thì có khi không về, có khi sáng mai phải đi đắp lại.

Bây giờ súng nổ quá lớn, trời tối mịt mù, con mực từ miệng hầm vọt chạy xuống, nó im lìm thu mình trong góc, bên cạnh con Miệng. Chú Sáu lê dần đến phía miệng hầm,

lo lắng cho hai con bò ở hai góc vườn. Mấy đám lúa mới bị nát nhưng chú ít tiếc thương, chú chỉ thương xót hai con bò còn lại.

Hình như hoa màu ngoài kia không có hơi thở như hai con bò, không có máu và không có hai con mắt u uẩn tội nghiệp của mỗi con bò.

Súng nổ thật đều, thật gần, chú Sáu nhắm mắt vọng tưởng trong tuyệt vọng, cũng như máu chảy trên những đợt lúa non, như người ta tuyên dương trên những xác chết, uống rượu mừng giữa một quê hương cháy, chú tuyệt vọng và giặc mơ lại đầy trong bóng tối. Chú Sáu thấy con bò cái quằn quại sinh con, con bò con khỏe mạnh, làn da óng mượt, hai mắt hướng về đám cỏ non kêu tiếng kêu đầu đời. Chú thấy hai mẹ con con bò cười với nhau, đi về hướng mặt trời ấm áp, mỗi sáng sáng chúng nó dừng trên bờ sông, con sông thênh thang đầm đầm giữa thung lũng. Chú thấy căn vườn chú cây trái xanh tươi, những ngôi mộ đã cất cánh bay ra ngoài nghĩa địa, những linh hồn đã thực sự về trời, không oan hồn nào còn đi lang bang quanh quẩn.... một tiếng nổ ngay trên nóc hầm, chú sực tỉnh, ngọn đèn dầu vụt tắt, con chó mực sủa lên một tiếng ghen ngào rồi im bặt, như có ai đập lên đầu nó cái cán dao bất ngờ, trong bóng tối chú Sáu sờ mình mấy mình xem có trợn ướm máu không đấy là cái thói quen rò rẫm lên thân thể mình để tìm vết máu vết thương của đám dân quê từ mấy mươi năm này, khi mới bị thương không ai hay biết mình bị thương - con Miệng hoảng hồn chồm dậy, nó ôm cha nó, cái ngực nóng hổi đầy thịt cứng ngắt áp vào lưng chú Sáu, mấy sợi tóc Miệng tỏa xuống vai chú, nó thều thào:

Chết rồi cha ơi, tôi bị thương rồi, máu đây. Con Miệng mò bàn tay cha nó đưa về vết thương của mình y như chúng

ta hãnh diện chỉ cho người mù sờ một cái huy chương nơi ngực. Máu đây. Sau ót tôi đây. Chú Sáu sờ sau sống lưng con gái, bàn tay chú nhom nhóp một thứ nước màu, nóng và thơm.

Buổi sáng trong khu vườn tẻ lạnh con bò cái chết nơi góc vườn, cái đầu nó bay qua phía bên kia hồ nước cạn, cái đầu vói hai con mắt không bao giờ nhắm:

Hai con mắt xanh lè nhìn về phía chú Sáu. Hai con mắt này hoàn toàn khác hai con mắt đứng dưới luống cà chua trưa nắng nhìn chú đến mở tháo cái ách trên vai. Hai con mắt này là con mắt tự do, hai con mắt đã ra ngoài sự sống, đã thôi làm nô lệ cho người.

Con Miệng chết dưới hầm. Và con chó thì không ai chú ý đến nó nữa. Nó phải chết. Miệng bị một miếng nhỏ ghim vào sau ót nhưng nó chết liền. Cái chết như đùa chơi. Một đi lộn đường. Thay vì cái chết đi thẳng đến chú Sáu nó lại quanh qua con Miệng.

Vết thương quá kín đáo. Miệng chết êm đềm như nằm đợi người tình trong giấc ngủ ngon. Chú Sáu cất tiếng khóc khô khan giản dị, tiếng khóc của một lão đàn ông tưởng vô duyên nhưng thực ra nó làm đau lòng người hơn bất cứ lời ai điếu nào.

Buổi trưa con bò được đưa đi khắp xóm, thịt nó được vào bụng người vói Lave Biere. Con Miệng được tắm liệm sạch sẽ cho vào quan tài. Gái què chết thật khiêm tốn. Ngoài áo quan thô sơ với mấy cây lạp lung linh không có vòng hoa tấu nhạc gì, không có người tình nào mê sáng bên quan tài. Chỉ có Ngọc.

Ngọc nó thương Miệng lắm nhưng anh ta âm thầm vác cuốc ra đào cái lỗ chôn con chó và đào cái huyệt thật đẹp dành cho Miệng.

Ngọc nói:

- Tao chưa làm gì được con Miệng, tội nghiệp nó đã chết rồi...

II.

Bốn tháng sau khi con gái chết chú Sáu thực sự thấy không thể sống trong cái xóm quê quá quắt kỳ ảo này. Trời mùa hè nắng cao. Mỗi ngày chú Sáu dắt con bò con ra đồng, ngồi bờ ruộng nhìn cánh đồng khô vàng, con bò nhỏ như con dê con một mình nó phải ăn cho hết cỏ trên cánh đồng này. Không còn đàn bò lũ trâu nào tranh giành với nó. Chiều chiều chú Sáu đến ngồi trên mộ con, dấu xích xe tăng chạy tròn quanh mộ như những vòng hoa lớn hay như một thứ ranh giới đánh dấu giữa phía này điêu tàn và bên kia hư vô. Chú ngồi đấy với gió rào rạt, từng đám bụi hồng che kín mặt trời, xa là đền lũy, là thị trấn lổ nhố những bờ tường trắng hoang vu.

Gần đây Sáu Vu lại hay về làng. Người ta thường ngủ mơ thấy Sáu Vu gõ cửa, nghe Sáu Vu ra lệnh, Sáu Vu râu dài tóc rậm như Ô Mã Nhi thuở nào. Người ta thường thét lên, thức giấc giữa đêm khuya, ôm lấy linh hồn quần quại đau đớn của mình khóc ngất. Ngay lúc đó thì từng tràng đạn từ thị trấn cũng đổ về đều đặn, như chùm trái chín rơi giữa đêm minh man.

Dân làng đã bỏ xóm đến ở nơi những gò cao, ngoài bãi đất trống để tránh Sáu Vu và tránh chùm trái chín rơi vu vơ trên nãi chết. Cảnh vật khô khan tiêu điều. Chú Sáu dựng nhà trên bãi cỏ. Ban đêm vẫn ngủ dưới hầm. Chú van xin con bò con phải cùng ngủ với chú. Bây giờ con bò con đã biết điều, chịu khó ngủ chung với người.

Một ngày nọ, sau cuộc hành quân, chú dắt con bò con đi sau đoàn quân trở về thành phố. Hoàng hôn, đoàn xe thiết

giáp chạy vội về căn cứ, chú Sáu và con bò đứng dưới ngã ba nhìn ánh đèn phố thị.

Đ.M., ở thành phố có khác. Chú Sáu nghĩ như thế rồi chú buồn ngay. Vì ở đây không có hầm cho con bò con ngủ.

“Không có hầm cho bò, không có cỏ non! “. Chú Sáu cột con bò dưới cây trụ điện. Chú đau lòng vì dưới ánh sáng này nhiều muỗi quá. Chú thức và đuổi muỗi cho con bò. Nửa đêm nghe có súng nổ thật gần. Chú Sáu giật mình, ủa, trong này cũng có Sáu Vu à.

Đám dân thành phố qua lại thấy cảnh gai mắt, chúng nó nói:

- Đ.M., coi thằng khùng. Một thằng khùng quên cả mệt nhọc quên cả thân thể đời sống nó. Nó chỉ lo cho bò.

- Con bò y như là Tổ Quốc hay lẽ sống của nó đấy. Sáng hôm sau, chú Sáu được đưa vào trại định cư. Chú có nhà ở, được lãnh thực phẩm, áo quần.

Nhưng hình như chú chưa cần những thứ đó. Việc đầu tiên chú tìm cỏ cho con bò, dắt nó ra kinh tắm rửa, kinh nước đục không bao giờ soi thấy bóng người dưới đó. Lần ông Quận trưởng đến thăm trại định cư, ông ta hỏi han chú Sáu. Chú đưa mắt về hướng con bò, cố ý cho ông Quận nhìn thấy con vật yêu thương. Nhưng ông Quận không hiểu điều đó. Chú Sáu buồn rầu, không cần ai hiểu chú nhưng người ta phải biết đến tình cảnh con bò, súc vật ở đây bị tận diệt rồi đó, mai này ai đi trước luống cày, mai này phải có chúng nó để phân biệt giữa một công dân và loài nô lệ. Nhưng ông Quận mang sữa bột, thuốc men, áo quần của Hoa Kỳ đến cho chú Sáu, không ai cho lại chú cái xóm thân yêu, mái nhà yên tĩnh, không ai mang trả lại chú cánh đồng tự do hiền hòa.

Con bò con mỗi ngày một gầy gò, nó thật vô duyên tro trên giữa thành phố. Chú Sáu quanh quẩn với ngày tháng

không công ăn việc làm. Mùa mưa tới, chú Sáu nằm trong đêm mơ màng, nhớ từng đám mạ non, từng chiếc gàu nuốt lạc, nhớ từng sáng sáng năm xưa với lũ bò ra đồng khi sương còn trắng mờ trước mặt.

Nằm trong thành phố với người xa lạ, chú Sáu mới thấy cả cái cày, cái cuốc cũng có hơi thở, có linh hồn. Cày cuốc đã hơi thở dưới căn nhà cháy và linh hồn chúng nó về rộn ràng đâu đây, làm chú thao thức nửa đêm, ngây ngất từ lúc trăng về sáng, lòng dạ như sắt se khi chợt nhìn một chòm sao sáng rõ trên trời lúc nửa khuya. Chú nhớ vợ và con, những người này đã quay cuồng với đất. Ôi, tất cả đã bằng bằng giã từ chú, tất cả đã một đường đi tới phía bên kia thời gian, chỉ còn mỗi chú, chú làm một loại cây không lá, một loại cây đầy gai nơi vùng bạch hóa.

Trong thành phố cũng có Sáu Vu à. Chú Sáu đêm mộng thấy Ô Mã Nhi vội vã chạy từ rừng ra đồng trống, vội vã ném những trái khô vào họng súng. Những trái khô bay về, nổ tan tác trong bệnh viện, nổ ngay giữa trường học, nổ trên đầu giấc ngủ, nổ biến giấc ngủ thành cái chết nghìn đời. Ô Mã Nhi, Ô Mã Nhi. Người đã mang ác mộng từ đồng quê vào thị trấn. Và chú Sáu khóc thét lên khi trái đạn nổ ngay trên đầu con bò con của chú. Nó chết khác cha mẹ nó. Nó chết thê thảm hơn. Chiến tranh càng lâu năm, vũ khí càng tiến bộ, cái chết càng ghê tởm tan tác hơn.

Con bò đực hùng vĩ ngày xưa chết yên lặng trong chuồng vì một miếng đạn gọn ghẽ. Con bò cái lam lũ khi chết cái đầu bay qua bên kia hồ cạn, nhưng phần còn lại người ta có thể ăn thịt được. Con bò con này không ai nhặt được thịt nó. Nó tan tành dưới sức tàn phá của một trái ly. Nó lộn với thịt người. Lộn với óc người. Nó dính trên cỏ cây. Nó thành nước. Một thứ nước trộn lẫn giữa máu và thuốc súng.

Chú Sáu ngồi bên miệng cái hố bề sâu hơn thước bề ngang vài thước. Nơi này con bò con chiều hôm qua còn nhai cỏ, còn dẫm chân trên lãnh thổ yêu kiều. Chú Sáu ngó quanh quất, ngửi trong không gian cái hơi con bò con, máu xương đã thành ánh sáng, đã thành gió động cõn đầu đây. Chú chười thề:

- Đ.M. thế thì tao còn gì.

Chú nhất định trở về cái xóm quê của chú. Nơi tuổi trẻ chú mặc trên mình cái áo rách vai, cuốc đất trồng khoai. Ngày nay trên mình chú cũng cái áo rách vai. Nhưng áo này là cái áo viện trợ chú lãnh được trên quận. Những cái chú có người ta đã giết đi. Những cái chú có người ta đã cướp.

Ngày chú lên đường trở về xóm quê một người trong trại định cư hỏi chú:

- Anh định đi Sài-gòn làm ăn đấy à?

Chú Sáu ngờ ngác. Chú quên mất trên quê hương chú còn có Sài-gòn, chú trả lời:

- Không... tôi về quê.

Người ta kinh ngạc:

- Anh điên à, vùng của anh là một vùng tử địa, vùng oanh kích tự do. Cái đầu anh cứng lắm à.

- Oanh kích tự do là thế nào?

Mọi người nhìn nhau cười. Họ cần thấy phải giải nghĩa cho tên Mohican:

- Là ai muốn ném vào đó, muốn bắn vào đó cái giống gì cũng được. Coi như chỗ không người.

Chú Sáu thấy tức tối vô cùng. Một vợ con chú ở đó. Ông bà tổ tiên chú nằm dưới đó. Mồ mả không phải là người. Nhưng người không được xúc phạm quá đổi đến thế.

Rồi chú ra về.

Ra ngoài đồng trống chú đi nghêu ngao. Nhớ thuở trước

chú dắt con bò chạy lon ton theo sau đoàn xe thiết giáp. Cả cuộc đời lao xao trên nỗi lo lắng. Bây giờ tất cả là tay không. Chú đưa tay sờ lên vai áo rách của mình. Chú tiến qua một gò má, khu rừng hoang lạnh phía trước, quê nhà chú cách đó không xa, chú men theo những hố bom nằm cách khoảng nhau đều đặn.... bỗng chú thấy Ô Mã Nhi.

Trời đã ngả chiều, nắng quái động ngùi ngùi trong cánh rừng khô, vài áng mây đen bay vùn vụt, thay hình đổi dạng khôn lường. Ô Mã Nhi chặn chú lại. Hỏi:

- A, lão Sáu, tên tề điệp, mày hãy dừng lại nhận bản án tử hình.

Hai người đi theo Ô Mã Nhi đã lanh lẹ rút hai con dao đứng cạnh chú Sáu. Ô Mã Nhi rút lẹ trong túi ra một mẩu giấy, đọc ngay:

“Nguyễn văn Liên từ một năm nay đã tự ý vào thành làm gián điệp tay sai cho Mỹ ngụy. Nguyễn văn Liên, tên tề điệp bẩn thỉu đã phản bội dân tộc. Nhân dân và đảng đã lên án tử hình tên Nguyễn văn Liên. Ngoài ra tên Nguyễn văn Liên còn là cha đẻ của tên Nguyễn văn Đích. Nguyễn văn Đích nay cũng bị lên án tử hình”.

Hai con mắt chú Sáu trợn xanh lè như hai con mắt con bò cái với cái đầu hoang vu trên bờ ao.

Hai con mắt đó nhìn về Ô Mã Nhi không kịp nói lời nào. Chú chết tức tởm, quần quai vì một bản án quái gở bất thành văn tự đó. Khi ném xác chú xuống đường mương đã khô nước, một du kích quân quay sang nói với Sáu Vu:

- Đồng chí giỏi quá, làm sao đồng chí có ngay được bản cáo trạng?

Ô Mã Nhi trả lời:

- Đây này, tôi lấy tờ giấy thu lúa để đọc trước mặt hần. Với tội nó đừa nào cũng đáng chết. Anh có thể nhặt một

mẫu giấy bản, đọc trước mặt nó rồi chém nó ngay đi cũng được, cần gì phải có bản cáo trạng.

Ô Mã Nhi nhét vội mảnh giấy vào túi áo rồi cùng hai đồ đệ tiến vào khu rừng khô trước mặt. Họ tan biến trong hoàng hôn đã đầy bóng tối.

III.

- Đ.M. tao đi lính hai ba năm mới được đổi về đây. Tao chưa đi phép đã đi hành quân rồi. Địch vừa lau cây súng vừa nói chuyện với một người bạn. Người bạn hỏi:

- Quê mày ở đâu?

- Cách đây hơn mười cây số, trong quê.

- Biết đâu ngày mai lại vào đó, mày tha hồ thăm.

Người bạn của Địch bỗng ngậm ngùi:

- Mà ở đó còn gì để thăm.

- Anh biết quê tôi à.

- Biết chứ. Quanh đây từ mười cây số trở lên đều là vùng oanh kích tự do, trừ mấy xóm nhà trên đường về Sài-gòn.

Như một cái màn vừa kéo ra, Địch chợt thấy phần hậu trường thăm thẳm bên trong:

- Đ.M. hèn chi tao gửi thơ năm sáu tháng trời không thấy ai trả lời. Không chừng...

Người bạn buông xuôi:

- Không chừng con mẹ gì. Nhà tao chết ráo hết rồi.

- Ở ngoài quê à?

- Không, trong thành phố này. Ly.

Buổi sáng hôm sau đoàn quân tiến về quê của Địch. Bước chân xuống điểm xuất phát, Địch ngó mông về phía làng:

Một vùng trơ trụi, cây khô, đá khô, và vạn vật vàng khô. Một vài tiếng súng nổ lẻ tẻ.

Một vài nhà cháy nằm rải rác. Buổi trưa Địch cùng toán quân dừng trên một gò cao nấu cơm ăn. Anh dõi mắt về cái

xóm phía trước:

Nơi tuổi nhỏ anh chăn bầy bò ba con. Có lần Đích đã nằm trên mô đất đầy cỏ xanh, đắp cái nón lá trên mặt, anh ngủ vùi, bầy bò đi rong trên cánh đồng ăn cỏ suốt ngày. Có lần trên cánh đồng này Đích lắng nghe tiếng nước chảy róc rách, tiếng cá đớp lúa, tiếng rì rào xa vắng của ngàn bông lúa vừa đơm trên đồng. Đích nhớ ngày con bò mẹ sanh con, trời tối, cha Đích cầm cây đèn ánh sáng chập choạng, mẹ Đích ẵm con bò ghé dỗ hỗn như một đứa bé. Bà mẹ mừng, nói con bò đẻ ra tiền bạc cho tui đây. Bò con vừa được sinh buổi tối, sáng hôm sau ra đồng nó đã vượt mương và bơi ngay. Bò đã hơn người, nó không phải tập bơi lội. Đích nhớ những đêm trăng lên cao đầu ngõ, ánh sáng dịu dàng chảy trên đám đất vàng, cả gia đình anh ngồi quây quần ăn cơm ngoài sân tiếng gà lục đục phía sau, tiếng chim đêm ầm áp vô cùng trên những cành tối vu vơ. Mấy năm rồi Đích mới trở lại, súng trên tay, đạn lên nòng, anh đi về tuổi nhỏ, anh tiến vào vùng kỷ niệm, sẵn sàng bắn vào trí não mình...

Đích chặn hỏi một đứa bé vừa ở dưới hầm ngõ gác chui lên:

- Mày biết lão Liên xóm này không?
- Không.
- Mày biết còn ai trong xóm đó không?
- Không.
- Cha mẹ mày ở đâu?
- Chết hết rồi, dưới hầm.
- Nhà mày đâu?
- Trong kia.

Đích nheo mắt nhìn theo ngón tay trỏ của đứa bé:

nơi cái xóm trống hoang đó mấy mảnh tường lỗ đố, mấy cây cau cháy và vài đám khói. Đích hỏi tiếp:

- Có tụi nó về đây không?
- Không biết.
- Mà lấy gì để sinh sống?
- Sống à, không có gì hết.

Đích ngậm ngùi, đi ra ngoài giàn bí hái một trái bí để luộc ăn với cơm buổi trưa. Đích móc trong túi năm chục bạc đưa cho đứa bé:

- Trả tiền trái bí cho em đây này.
- Không.
- Sao lại không, sao không lấy tiền.
- Lấy sợ các ông nói “tề điệp”, các ông giết.
- Không, đây là lính Quốc gia. Lấy tiền đi.
- Không.
- Sao lại không hoài.

Thằng bé ngược lên:

- Các ông có giết tôi không?
- Không.

Lúc bấy giờ một người lính khám phá ra một cái xác chết đã hôi sinh. Người lính trở về nói với Đích:

- Cha mày bao nhiêu tuổi?
- Cỡ sáu mươi.
- Có phải cha mày dưới mương nước không?
- Tao làm sao biết được. Ăn mặc đồ gì?
- Chiếc áo viện trợ.
- Việt Cộng đó mày.
- Việt Cộng gì mặc áo có mang nhãn hiệu Chicago.
- Mày thấy thực à.
- Tao dí cái mũi súng vào cổ, cổ bầy ra, tao thấy chữ in còn nguyên. Ghê quá, hôi thúi quá. Mày lại xem đi.

Đích cộc cằn:

- Mày cuốc đi, tao mệt quá rồi.

Buổi chiều khi đoàn quân trở về Địch còn thấy thằng bé đứng bên mái lá che tay lên mắt nhìn ngược hướng mặt trời. Địch nói với người bạn ngồi bên cạnh:

Mày có dầu nhĩ thiên đường cho tao một ít. Người bạn đưa ve dầu cho Địch, anh ta xoa xoa trên mũi nói Đ.M. cái thằng già chết dưới mương hôi thúi quá, chắc cũng bảy tám ngày rồi, chết mà nằm úp để lòi cái óc trắng hếu lên trời. Người bạn nói hấn mặc áo viện trợ người Chicago, ai bên Chicago cho cái áo để mục rã trên xác người Việt Nam.

Địch hít một hơi dầu rồi nói như sực tỉnh:

- O, hồi nãy có đứa nào chịu khó chôn lão già không bây?

1968

**DOÃN QUỐC SỸ
CHIẾC
CHIẾU HOA
CẠP ĐIỀU**

Quê tôi cách Hà Nội chừng 5 cây số. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ thì gia đình tôi tản cư lên Nhã Nam thuộc huyện Yên Thế, Bắc Giang. Đến năm 1948 khi cậu tôi từ Vĩnh Yên lên thăm chúng tôi lần đầu thì toàn thể gia đình chúng tôi ai nấy đều có màu da nửa vàng nửa xám xịt vì sốt rét rừng.

- Anh chị phải cho các cháu tản cư về mạn dưới như chúng tôi - lời cậu tôi nói với thầy mẹ tôi - chứ cứ như thế này thì không chết cũng chẳng còn ra hồn người nữa.

Sau ngót hai năm tản cư gia đình tôi khánh tận rồi. Có lẽ vì nghĩ vậy nên thầy mẹ tôi tìm cách nói thác:

- Ngày xưa vùng Yên Thế Thượng này độc nhưng nay vì có nhiều người lên khai phá nên khí hậu cũng không đáng ngại lắm.

Cậu tôi không chịu:

- Anh chị về Vĩnh Yên gần chúng tôi cho có anh có em,

vừa tránh được nạn sốt rét rừng vừa có cơ buôn bán khá. (Đạo đó Vĩnh Yên còn là cửa ngõ của việc thông thương giữa Liên khu III với Bắc Việt).

Rồi cậu tôi về Vĩnh Yên. Hai tháng sau người lại lên, nhất quyết đón gia đình tôi xuôi, nói là nơi ăn chốn ở đã thu xếp đâu vào đó cả.

Thế là gia đình tôi xuôi Vĩnh Yên, còn một mình tôi ở lại Sở Thông Tin Liên khu I. Công tác của tôi là đi tuyên truyền mười điều kháng chiến trong toàn huyện Yên Thế. Vì lưu động như vậy nên tôi cũng quên đi nỗi buồn gia đình phân cách đôi nơi. Nỗi buồn đó chỉ đến thắc mắc lòng tôi mỗi khi trở về trụ sở kiểm điểm công tác. Trụ Sở Thông Tin ở một làng bên tả ngạn sông Thương, gần một bến đò đẹp vào bậc nhất Bắc Giang, bến đò Lục Liễu. Để tặng phần thơ mộng cho cái tên đó tôi vẫn thường dịch nôm là “Bến đò liễu xanh”.

Thư của em tôi tới báo cho hay gia đình đã tới tản cư cùng làng với gia đình cậu mợ tôi. Làng đó ở ngay bến Rau, bên này là Vĩnh Yên, bên kia là Sơn Tây rất thuận tiện cho việc buôn bán.

Rủi thay, thầy mẹ tôi vừa đến Vĩnh Yên thì quân Pháp mở chiến dịch càn quét khắp vùng Sơn Tây rồi thiết lập thêm đồn quân dọc theo hữu ngạn sông Hồng từ Sơn Tây ngược lên đến Việt Trì. Các ngã đường giao thông với Liên khu III đều bị quân Lê Dương phục kích ráo riết.

Cậu tôi đã rơi vào ổ phục kích của chúng, dẫn vốn khánh tận may thoát được người. Mẹ tôi phải ngừng chuyện buôn bán.

Nghe nói làng N.H. bên hữu ngạn sông Đáy gần chân dãy núi Tam Đảo là một làng trù mật, chuyên bán đồ, gia đình tôi bèn chuyển đến đây theo sáng kiến của mẹ tôi. Khi tới

nơi, mẹ tôi mới thấy rằng mình đã nhầm. Trước đây một năm thì địa điểm này buôn bán được vì hầu như dân chúng toàn hạt Vĩnh Yên đổ xô về để tránh Pháp tấn công, nhưng nay, tình hình tạm yên ai nấy trở về chốn cũ, địa điểm N.H. trở lại chốn trầm mặc của chốn chuyển tiếp giữa vùng trung du bên dưới với vùng đèo heo hút gió bên trên.

Vừa lúc đó tôi xin thôi ở sở Thông Tin về.

Mẹ tôi mừng lắm vì người vẫn thường nói: “Thời loạn lạc gia đình nên gần nhau nhờ có thế nào...”. Hình như trong óc người - có thể nói trong óc mỗi người trong gia đình tôi - đều luôn luôn lo sợ cảnh một người bị chết vì bom đạn rồi mất xác vì gia đình không kịp biết để nhìn nhận. Niềm vui đoàn tụ giúp chúng tôi bớt buồn nản khi thu xếp gồng gánh trở lại huyện Yên Lạc. Lần này gia đình tôi không dám ở gần bến đò Rau nữa vì sợ phi cơ oanh tạc, mà ở một làng cách huyện Yên Lạc chừng gần một cây số. Gia đình cậu tôi ở ngay làng bên. Lẽ cố nhiên cả hai gia đình chúng tôi cùng nghèo túng lắm, nghèo túng đến nỗi cậu mợ tôi, thày me tôi cũng không dám sang nhà thăm nhau, chỉ chiều chiều ra gặp nhau trên quăng đường đá nối huyện Yên Lạc với bến đò Rau.

Tôi gặp lại người yêu cũ từ Phủ Lý (Khu III) chạy lên. Chúng tôi thành vợ chồng, tuy có ký giấy tờ tại Ủy Ban Kháng Chiến Hành Chính Huyện - cậu mợ tôi là những người làm chứng - nhưng đám cưới hoàn toàn êm ả, y như một đám cưới vùng trộm.

Em gái lớn tôi xoay đi buôn gạo, ngày ngày kịu kịt đi về 20 cây số kiếm chút lãi. Ở Yên Thế tuy bị sốt rét nhưng nhà ở giữa rừng ít lo bị địch tấn công bất ngờ; tuy cũng nghèo túng nhưng còn có đất rộng để trồng gia rau cỏ và nuôi được lợn gà.

Về đây những buổi ăn cháo ngô trừ bữa, mẹ tôi thường có ý khép cửa giữa lại.

Em gái tôi đã phải đi chợ thật xa để đong gạo rẻ mà rồi tính ra lời lãi cũng chẳng được là bao. Các cụ giải thích hiện tượng kinh tế này bằng câu: “Thóc gạo có tinh”, mẹ tôi làm tương gánh đi các chợ xa bán để kiếm thêm. Vợ tôi tạng người yếu nhưng khéo tay, không làm được việc nặng, nằng phụ trách những việc nhẹ như rang đỗ tương, ủ mồi, pha muối vào nước tương...

Đạo đó trường Luật mở ở gần chợ Me (Vĩnh Yên), tôi có ghi tên theo học nốt năm thứ ba hy vọng ngày thành tài sẽ ra thẩm phán, đồng lương họa có cao để giúp gia đình. Vì hoàn cảnh kháng chiến các giáo sư thường từ nơi xa lại trường sở dạy liền trong mấy ngày, sau đó sinh viên tự tìm tài liệu nghiên cứu thêm. Có khi thời gian nghiên cứu lấy dài hơn một tháng mới có giáo sư mới. Tôi triệt để lợi dụng khoảng cách này để bon về giúp đỡ gia đình những công việc nặng.

Mùa đông năm đó rét lạ lùng. Gió hun hút giạt từng cơn buốt như dao cắt từng mảnh thịt hỏ, thế mà hôm nào mẹ và em gái tôi cũng phải dậy từ bốn giờ rưỡi sáng để sửa soạn gồng gánh ra đi. Quần áo và chăn chiếu của gia đình tôi thiếu mất nhiều. Thằng em thứ ba của tôi có được cái chiếu rách mướp vừa nằm vừa đắp, chân thò ra ngoài thì nó lấy rơm phủ lên.

- “Ấy cú thế mà ấm ra phết anh ạ” - Nó vừa cười khoái trí vừa nói với tôi như vậy.

Các em trai em gái tôi đã lớn cả, chúng tôi hầu như thường thi đua trong việc nhường nhịn nhau. Mẹ tôi chỉ còn thắc mắc về thằng em út của tôi. Nó còn nhỏ tuổi quá chưa thể tìm nguồn vui ở tinh thần để quên đói rét. Tương

đối với cả nhà nó được mặc lành nhất. Nó mặc cái áo đồ chót có những vệt chữ nho đen và những đường kim tuyến (nguyên đó là chiếc áo đối người ta phúng bà tôi hồi chưa tác chiến). Áo đối đồ thì may áo, còn nẹp sa teng vàng mẹ tôi cố gạn may thêm cho nó chiếc áo di-lê. Chúng tôi gọi đùa nó là “anh cờ đỏ sao vàng”. Đêm đến rét quá không đủ chăn ấm, nó thường khóc khậm khạch. Chỉ cần có thêm đôi chiếu nữa thì cả nhà đủ ấm.

- “Chiếu cói kỳ gió”. - Mẹ tôi bảo thế.

Nhưng đến ăn còn chẳng đủ làm sao chúng tôi mua được đôi chiếu bây giờ?

Hôm đó suốt từ sáng sớm đến trưa phi cơ bay từng đoàn bắn phá và dội bom liên tiếp xuống các chợ lân cận: chợ Me, chợ Vàng, chợ An Lạc... Mọi ngày chỉ khoảng bốn giờ chiều mẹ tôi có mặt ở nhà. Ngày đó giờ đã xế chiều mà người vẫn chưa về. Toàn thể gia đình tôi bắt đầu sốt ruột tuy không ai nói một câu.

Chiều ngả màu xám. Gió bắc rít trong bụi tre già làm nền cho tiếng khàn khàn của lũ quạ lục đục trong ổ, gió bắc xoáy từng vòng cuồng loạn dứt từng vốc lá tre, lá bưởi vàng úa rồi lại nhào vút mất hút ra ngoài cánh đồng bát ngát hiu quạnh.

Mẹ tôi vẫn chưa về.

Trong óc tôi thoáng hiện những cảnh chợ bị phi cơ tàn phá, những hình người không kịp xuống hầm bị đạn chết gục bên cột lều tay còn quờ ôm những đồ hàng của mình, những hình người bị bom napalm thiêu rụi như những thân chuối cháy đen... Và tôi vùng ra cổng.

Thầy tôi biết ý hện với:

- Con cứ thẳng đường ra bến Rau. Mẹ con thường về đường ấy.

Ra tới cổng làng, tôi đi như bay theo đường đã định, cổ họng nghẹn ngào, dạ cồn lên như lửa đốt. Con đường như rộng thênh thang, cánh đồng ngập trong bóng chiều xẫm và trong gió bắc, càng trở thành mênh mông. Tôi vun vút nhảy qua các hố phá hoại mà đi như một bóng ma cô độc đương muốn biến theo luồng gió.

Từ xa như có bóng người đi lại. Chắc người đó ở chợ Rau về. Để tôi phải hỏi tin tức về việc phi cơ oanh tạc hôm nay.

Hình như trên đòn gánh người đó có vắt ngang một cái gì.

Tôi lướt vội lên. Trời ơi, mẹ tôi!

Hai mẹ con mừng mừng tủi tủi như gặp nhau ở cửa âm ti.

Tôi hỏi: “Sao mẹ về muộn thế, cả nhà lo tưởng phát điên lên”. Mẹ tôi cho biết hàng hôm nay bán ở chợ không hết, người phải đi sâu vào một vài làng lân cận để bán nốt. Rồi khi xuống khỏi đê, qua cái lạch lớn, thấy có chiếc chiếu trôi, vội tìm cách vớt lên và giặt luôn bên lạch. Đó là chiếc chiếu còn khá tốt tuy chiều rộng bị xén đi mất một phần ba.

Mẹ tôi chỉ vào chiếc chiếu phơi trên đòn gánh nói:

- Về đến nhà thì chiếu vừa khô con ạ. Tối hôm nay thằng Tư - tên thằng em út tôi - có chiếu đắp ấm.

- Mẹ ơi, “giàu con út, khó con út”, mẹ chẳng để ý gì đến chúng con, chỉ chăm chú cho chú Tư thôi.

Mẹ tôi đi trước, gió ngược chiều nên tiếng tôi mất hút về phía sau. Tuy nghe tiếng được tiếng không nhưng mẹ tôi vẫn hiểu câu nói đùa. Người vừa giữ cái chiếu vừa quay nhìn tôi mỉm cười.

Tối hôm đó khi đi ngủ thằng chú Tư được mẹ tôi đắp cho chiếc chiếu vớt ở lạch. Chân nó thò ra một tí khiến tôi nhận thấy chiếc bí tất cũ vàng xỉn của tôi, chỗ đầu rách được buộc túm lại để các ngón chân xinh của nó khỏi “thoát ly” ra ngoài.

Đạo đó chỉ còn một tháng nữa là tết. Tôi lại có dịp tạm rời trường Luật, đợi đến qua giêng mới có giáo sư. Tôi về vừa đúng lúc gia đình đương cần nhân công xay thóc giã gạo. Dẫn vốn của gia đình tôi còn đong được năm nôi thóc. Dùng số tiền đó làm tiền đặt mẹ tôi có thể đong về được tám nôi. Theo như mẹ tôi phác tính mỗi nôi thóc làm, được lợi ít ra là hai ca gạo, vị chi với tám nôi thóc, chúng tôi sẽ lợi ít nhất là một nôi rưỡi gạo. Cứ như vậy mà đủ việc liền trong một tháng, nghĩa là vừa đến tết, thì chúng tôi có thừa tiền đong gạo nếp gói bánh chưng và mua thịt cá để đón một mùa xuân kháng chiến tương đối huy hoàng.

Chúng tôi ngoại giao ổn thỏa với các nhà có cối xay cối giã rồi bắt đầu vào việc. Thầy tôi trông nom mấy đừa nhỏ sửa soạn cơm nước. Tôi và thằng em giai xay thóc trong khi mẹ tôi điều khiển vợ tôi và cô em gái sàng gạo. Xay hết thóc chúng tôi đã có gạo đem đi giã, giã đến đâu mẹ và em tôi sàng tẩm sấy cám đến đấy. Trong khi xay thóc tôi nhẩm ôn các đạo luật, các án lệ để sửa soạn kỳ thi cuối niên khóa. Khi giã gạo với vợ, tôi cùng nàng thủ thỉ xây mộng tương lai. Ngày kháng chiến thành công hẳn chúng tôi đã có những đừa con kháu khỉnh, đã trở về quê hương dựng lại căn nhà xinh, sống tự do bình dị trong tổ ấm gia đình.

Ngày đầu chúng tôi làm được tám nôi thóc với số gạo dư là hai nôi. Một cụ già ở đấy gật gù nói: “Vạn sự xuất ư nho, đúng thật. Học trò thì cái gì cũng làm được. Cứ bảo người Hà nội không chịu được lam lũ!”

Ngày hôm sau có tin quân Pháp đánh lên Vĩnh yên. Những người có thóc giữ lại, mẹ tôi phải vất vả lắm mới mua được bằng giá khá cao sáu nôi thóc để chúng tôi có việc làm.

Quân Pháp chiếm Vĩnh Yên. Tiền Hồ Chí Minh sụt giá vùn

vật. Vẫn số tiền cũ giờ đây chưa chắc mẹ tôi đã mua nổi bốn nôi thóc.

Quân Pháp theo sông đào tiến lên chiếm chợ Me. Dân chúng xao xác chuẩn bị chạy. Số tiền trong tay mẹ tôi hầu trở thành giấy lộn. Chúng tôi ăn một bữa quà bánh đúc, lúc giã tiền thấy vợ hắt túi. Viễn ảnh những ngày đầu xuân có gạo nếp, có thịt gà, thịt lợn bị giập vùi trong khói súng và biến thành một điểm mong manh chết đuối giữa cảnh tàn phá rừng rợn của bom đạn rơi bời cha lạc con vợ lạc chồng, anh em tán loạn mỗi người một phương.

Đạo đó tuy đã có phong trào “rèn cán chỉnh cơ” nhưng chưa có cố vấn Tàu, chưa có chính sách “ba cùng”, học tập đấu tố nên mặc dầu kinh tế nguy ngập ai nấy vẫn tin tưởng ở ngày mai huy hoàng của dân tộc, tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng dưới sự lãnh đạo sáng suốt của già Hồ (như lời tuyên truyền phát thanh chiều chiều).

Sang hạ tuần tháng chạp, suốt ngày mưa phùn gió bắc lạnh như cắt ruột. Không hiểu là vì rét nhiều hơn hay là vì chúng tôi đã bắt đầu giảm khẩu phần! Chiếc chiếu mẹ tôi vớt ở lạch đập cho thằng em út đã rách xơ xác. Trong khi gia đình tôi giật gấu vá vai tìm cách nhường nhau miếng cơm manh chiếu thì xảy cuộc hỗn chiến giữa quân đội Pháp và quân đội Kháng Chiến ở chân núi Tam Đảo. Để giữ vững ưu thế quân sự về mình tại mặt trận Vĩnh Yên. Tướng Pháp De L. quyết định hy sinh đoàn quân hãn, và hạ lệnh cho thả bom tận diệt đôi bên.

(Trong cái điên ba của một cuộc thế lọc lừa phản trắc, người ta dày xéo lên tình người, diêm nhiên hy sinh xương máu đồng bào đồng loại nơi này cho quyền lợi thực dân, nơi kia cho học thuyết giai cấp. Tôi không ghê tởm những bộ mặt lãnh tụ như chúng sao được?)

Từ chân núi Tam Đảo quân Pháp đánh tỏa ra ba mặt, đồng thời từ hữu ngạn sông Hồng, một toán Lê Dương vượt sang càn quét bến Rau ở tả ngạn. Dân chúng từ bốn mặt chạy về huyện Yên Lạc, đổ xô vào các làng. Mẹ tôi bèn thối cơm hàng gánh đến bán cho họ.

Trong số rất đông các người ở làng Rau mang đồ đạc chạy đến làng Lũng Thượng, có gia đình ông Lý Cựu vốn là bà con với ông chủ nhà nơi tôi tản cư. Ông Lý nói chuyện với thầy tôi rất tương đắc nhất là khi ông biết tôi đang học trường luật thi ra thẩm phán.

Ông nói:

- Tôi có thằng cháu năm nay lên sáu; giời cho làm người, sau này kháng chiến thành công, tôi nhất định sẽ gởi cháu lên Hà Nội phiên ông bà và cậu Cả trông nom giúp cho thành thân người.

Quân Pháp sau khi từ chợ Me vượt qua sông Đáy tiến sâu vào huyện Lập Thạch đốt phá một ngày rồi rút lui về tỉnh. Cánh quân tiến sang tả ngạn sông Hồng đốt phá bến đò Rau cũng rút lui về vị trí cũ bên hữu ngạn. Dân chúng chạy loạn lục tục đầu trở về đấy ngay để còn kịp sửa soạn tết.

Làng Lũng Thượng trở lại yên tĩnh.

Trưa hôm đó mẹ tôi ra phía bụi tre đầu nhà thấy cong queo dưới hầm trú ẩn một chiếc chiếu hoa cạp điều. Đúng là chiếc chiếu của một gia đình chạy loạn nào khi về mừng quá bỏ quên.

Mẹ tôi nói: “Thôi thế cũng là giời thương mà cho nhà mình!”

Đã lâu lắm, đêm đó tôi mới thấy thằng em út tôi có chiếc chiếu đắp kín chân không trông thấy đôi bí tất buộc túm chỗ rách. Sáng ra, mẹ tôi cẩn thận gấp chiếu rồi vắt lên chiếc giầy thừng căng cao ngang mái nhà. Thế là từ đây

đêm đêm nghe tiếng gió rít và những hạt mưa tấp vào đầu hồi tôi cũng yên chí cho các em đã tạm đủ chiếu nằm, chiếu đắp. Hai ngày sau, tới buổi sớm ba mươi tết, khi sự tĩnh, tôi thấy không khí trong làng có vẻ tung bừng hơn vì những tiếng bàn tán xôn xao xen với tiếng cười ròn rã ngoài đường xóm. Tôi vùng dậy ra thẳng ngõ. Trời tuy lạnh ngọt nhưng quang đãng và êm ả vô cùng. Tôi gặp mọi người mắt ai nấy sáng sáng ngời tin tưởng. Thì ra ở khắp các tường làng đều đã kẻ khẩu hiệu:

“Chuẩn bị tổng phản công”.

Đồng bào thủ đô bàn nhau ngày về nhận nhà nhận cửa, đồng bào địa phương hơi có vẻ ngậm ngùi tưởng như giờ phút chia tay đã điếm.

Buổi trưa hôm đó ông Lý Cự từ làng Rau mang theo vài thứ xa xỉ phẩm làm quà biếu ông chủ nhà vào dịp tết. Ông Lý Cự có xuống căn nhà dưới thăm thầy tôi. Câu chuyện vừa xong phần xã giao thường lệ thì ông ngừng nhìn thấy chiếc chiếu hoa cặp điều vắt ở giây thừng, ông đứng nhóm dậy chạy lại kéo tuột xuống nói gọn:

- Chiếc chiếu này của tôi

Mẹ tôi chột có một cử chỉ phản ứng của một người mẹ gìn giữ con trong cơn nguy biến.

Người nói:

- “Ấy chiếc chiếu đó của nhà tôi...”

Mẹ tôi vốn là một Phật tử trung thành. Người chỉ nói được đến đấy thì lương tâm Phật tử trở lại và người lúng túng quay nhìn ra ngõ.

Ông Lý Cự thản nhiên gấp chiếu lại, cặp gọn nách rồi thản nhiên nói:

- Không, chiếc chiếu của tôi. Tôi mua đôi chiếu cặp

điều từ năm mới tác chiến, một chiếc còn trên kia.

Thì ra đôi chiếu đó, ông Lý mang đến gửi ông chủ nhà trong dịp vừa qua, rồi những người đến chạy loạn tự động mượn đem ra giải ở bụi tre nghỉ tạm, lúc về vì chiếu rơi xuống hầm trú ẩn nên họ quên không trả lại chỗ cũ.

Tuy chỉ một thoáng qua nhận biết sự thể là vậy nhưng tôi vẫn chưa chịu và tiếp lời mẹ tôi:

- Chiếc chiếu này mẹ mua của một người ở chợ Lầm. (Ý tôi muốn nói người đó lấy chiếc chiếu ở đây mang ra chợ Lầm bán).

Ông Lý vẫn thản nhiên, thản nhiên một cách cương quyết:

- Không, chiếc chiếu này của tôi.

Rồi ông cắp chiếu đi thẳng lên nhà. Lúc đó tôi cũng vừa trở lại với tôi để nhớ ra rằng cuối năm nay tôi đã thi xong, có thể ra làm thẩm phán. Tôi thoáng nghe phía sau tiếng vợ tôi thở dài rồi quay vào buồng.

Tối hôm đó khi thấy tôi lấy chiếc chiếu rách cũ vớt ở lạch đập cho thằng em út, mẹ tôi chép miệng nói khẽ:

- Thôi, sang giêng trời bắt đầu ấm, vả lại cũng sắp tổng phản công rồi!

“Vả lại cũng sắp tổng phản công rồi!” - mẹ tôi nghĩ thật chí lý. Tổng phản công để bờ cõi được vinh quang độc lập, để mọi người được trở về dựng lại quê hương yên vui.

Tôi hiểu khi đó hầu hết các gia đình khác cũng như chúng tôi, chịu đựng bao nhọc nhằn với những phút sa ngã nhỏ như chuyện chiếc chiếu hoa cạp điều. Tất cả những hy sinh đó - kể cả hy sinh một chút danh dự cho sự yếu đuối thường tình của con người - tuy

dẫn vật, ray rứt mà không tàn phá nổi niềm vui trong sáng, thanh thản của tâm hồn, vì ai nấy vẫn sống ngợp hy vọng một ngày mai vinh quang.

Sớm mừng một năm đó mẹ tôi ra chùa lễ. Người quý rất lâu trước bàn thờ Phật. Giọng người thành kính thiết tha cầu đức Phật phù hộ cho chóng trở lại yên bình, gia đình được qua thì đói khỏi thì loạn.

Tiếng người khẩn cầu đôi khi nức nở. Tôi nghe nước mắt như muốn trào ra.

Cộng sản dìm nhân loại trong thiếu thốn để chứng minh nguyên lý “Vật chất quyết định hết thảy”. Chúng lầm! Con người càng từng trải cảnh thiếu thốn vật chất, niềm tin và đạo đức càng được hun đúc và tình cảm thêm dạt dào. Sau này khi về vùng quốc gia, rồi di cư vào Nam tôi còn trải qua nhiều gian lao nghèo túng và nhiều lần bị khinh rẻ, nhưng dù nghèo túng đến đâu, dù bị khinh rẻ đến đâu, điều đau nhức nhất với tôi vẫn là chuyện chiếc chiếu hoa cạp điều, tuy thực tình câu chuyện chỉ giản dị có vậy.

Cách đây ít lâu khi mua được đôi chiếu hoa Phát Diệm ở đường Hai mươi về giải lên phả cho con nằm, tôi thấy vợ tôi chọt úp mặt vào hai bàn tay trước bàn gương. Có lẽ nàng nghĩ đến câu chuyện chiếc chiếu hoa cạp điều khi xưa. Chuyện đó như biến thành chiếc phao xắm màu, bất chấp mọi giông tố vẫn nổi lênh bênh trên biển, biển thời gian của đời, biển kỷ niệm của hồn. Cũng kể từ sau ngày xảy chuyện đó, thái độ tôi đối với người đời khác xưa nhiều. Tôi thận trọng tránh mọi thái độ hẹp hòi, kiêu ngạo, ích kỷ, sắc cạnh. Lòng dễ xúc động, tôi thương người như thương chính thân mình vậy. Tôi thương

những em nhỏ sớm phải lặn lội vào cuộc đời để tự nuôi sống, tôi thương những người đói khát ham ăn ham uống, tôi thương những hình ảnh lam lũ một sương hai nắng, những hình ảnh giật gấu vá vai, tôi thương những kẻ thù dân tộc hôm qua, ngày nay thất thế ngơ ngác đi giữa kinh thành.

Ở thế giới thực dân tư bản người ta tung vật chất ra để giam lỏng linh hồn, ở thế giới thực dân cộng sản, người ta phong tỏa vật chất để mua rẻ linh hồn. Cả hai cùng thất bại! Linh hồn nhân loại chỉ có thể mua được bằng tình thương yêu rộng rãi và chân thành.

Thấy tôi hằng kiếm chế được nóng giận và nhất là vẫn mỉm cười, khi ứa nước mắt các bạn bè thân thường khen tôi có thái độ hồn nhiên của Trang Chu.

Các bạn yêu quý của tôi!

Các bạn có ngờ chăng thái độ hồn nhiên đó là kết quả của biết bao cảnh cơ hàn mà tôi và những người thân của tôi đã trải qua, trong đó có chuyện Chiếc chiếu hoa cạp điều!

**DU TỬ LÊ
BẮT ĐẦU
MÙA CỦA
NHỮNG
BÔNG HOA
MÓNG TAY**

1.

Chiếc xe hạm hực chồm lên và rùng mình nhiều lần trước khi ngừng tắt hẳn tiếng máy. Người ta không thể biết nó đến từ đâu, nhưng nhìn vào lòng xe, thấy có cả thấy năm người. Họ đều còn trẻ. Ba người con gái ngồi băng sau. Một người con gái có vẻ nhỏ tuổi nhất ngồi băng trên và sau vô-lăng là một thanh niên. Tính từ trái sang phải, ở băng sau, người thứ nhất mặc chiếc áo pull màu vàng cổ bẻ, roi người, khỏe mạnh. Có thể nói nàng là người có thân hình cân đối đẹp nhất bọn, với đôi chân dài thon được bó gọn trong chiếc quần jeans màu đất. Người kế tiếp mặc chiếc áo dài màu tím ngả hồng. nàng có nước da trắng nhão, đôi vai tròn, ngực tròn, gương mặt tròn, chiếc cằm cũng tròn luôn và có ngấn. Màu trắng của làn da cùng sự tròn trịa của nhân dáng, nàng khiến cho người ta có cảm giác

mát mẻ một cách thống khoái (có thể sự thực nàng mát mẻ hơn tưởng tượng của chúng ta). Người thứ ba cắt tóc gọn kiểu con trai, trán cao, nàng cũng mặc áo dài, chiếc áo màu nồn chuối. nàng có vẻ mập mập (cái mập mập đấy đã một cách rất yếu đuối). Người con gái nhỏ tuổi nhất ngồi băng trước tuy không có được cái thân hình cân đối như người con gái mặc áo pull vàng, nhưng nàng có phong cách dài các quý phái (một cách trẻ con một mối). Nàng mặc một chiếc áo màu cam, chéo vạt, cổ xẻ sâu (ngừng lại đúng chỗ nên ngừng trên bộ ngực mới nhú) Cô bé thả tóc, những ngọn tóc xanh đen chấm trên đỉnh đôi vai xuôi thon, mắt to khi ngược nhìn và đặc biệt, chiếc miệng nhỏ, đôi môi chúm với cánh dưới trề ra (vẻ nũng nịu trẻ thơ và tinh anh hóm hỉnh). Thanh niên ngồi sau vô-lăng tóc bờ phờ, gầy xanh, gương mặt anh như thường trực một nỗi lo âu, dằn vặt, không vui. Lúc đó trời đã muốn trưa nếu căn cứ vào chiếc bóng của cây bàng đổ xuống, tạo với thân nó một góc nhọn (sự thực đồng hồ khi ấy chỉ mười giờ rưỡi). Nắng gay gắt rang khô từng hạt cát trắng bao quanh ngôi quán có chiều ngang gấp ba chiều dài.

Những cánh cửa bung mở. Họ lần lượt chui ra khỏi xe. Đầu tiên là người con gái mặc áo nồn chuối, tiếp theo cô bé nhỏ tuổi nhất và ba người còn lại. Những gói đồ được mang ra khỏi xe (đồ đạc chuyển vào quán nhiều hơn số người ta có thể phỏng đoán). Khi đồ đạc được đem đi hết; trong lòng xe trơ trọi lại một cái mũ lính. Chắc của người thanh niên. Anh ta là một quân nhân.

Biển mở ra màu xanh tới chân trời. Bãi chia thành hai phần rõ rệt. Phần trong là những đụn cát trắng khô như muối, nửa ngoài tiếp với mặt biển màu xám nâu, ẩm ướt. Cơn mưa còn lảng vảng trên bầu trời thấp ẩm.

Một ông già mình trần mặc chiếc quần xà lỏn tiếp tay với một thiếu phụ đen đũi, mập lùn ngả những chiếc ghế xếp dọc theo hành lang rộng trông ra biển. Vài tiếng xì xào nổi lên ở đám người mới. Không một ý kiến nào rõ rệt.

Người lính sau khi dăm dăm nhìn ra biển, ngó lại bốn thiếu nữ, nói lớn:

- Quý vị uống gì gọi.

Nói xong anh quay bước vào nhà trong: Anh ngó mặt mình rờng rờng nước nơi tấm gương chữ nhật gắn trên tường sau khi vọc nước bằng tay từ vòi ở cái lavabo bằng sứ. Vầng trán anh thoáng hiện một vài nếp nhăn. Có lẽ anh đang ngắm nhìn sự buồn nản và mệt mỏi của chính mình. Giữa lúc đó, người con gái nhỏ tuổi nhất bước lại gần. Cô bước khoan thai vẻ tự tin và chững chạc. Chiếc dây lưng bằng vải cùng màu trắng to bản, thông trễ ngang bụng. Cô có vẻ gọn gàng trong cách phục sức thời trang và điệu một cách kín đáo:

Người lính nói:

- Rửa mặt đi bé con.

Cô bé liếc nhanh mặt mình, trong gương và lấy tay cời mấy lọn tóc lòa xòa ở một bên má.

- Em muốn đi phố.

- Ngay bây giờ?

Người lính xích qua một bên nhường chỗ cho người con gái. Anh lấy khăn trong túi sau, lau mặt và liếc nhìn về hướng của ba người kia. Tầm mắt anh bị chặn lại bởi chiếc cầu thang xây, dẫn lên sân thượng.

Người con gái nhỏ tuổi nhất chống hai tay lên thành lavabo tráng men sứ trắng. Nàng gật đầu, không nói.

Người lính xếp gọn chiếc khăn tay và đưa cho cô bé.

- Thì đi. Nhưng cũng nên rửa mặt lắm.

- Rửa chứ.

Cô bé đáp và bắt đầu mở nước. Trên miệng cô hiện ra một nụ cười không hết. Người lính nhìn thấy và đôi mắt anh chuyển tới những ngón tay dài mượt, thon xinh như những nhánh huệ. Anh thở ra và đi vòng qua phía cửa chính trước khi rẽ vào hành lang.

Lúc này cô gái mặc áo tím đã thay chiếc áo ca rô cụt tay và cô gái áo nồn chuối cũng thế, nhưng mà là chiếc áo tay dài màu hồng nhạt bằng lụa.

Người con gái áo lụa nói:

- Thay quần áo tắm đi.

Bạn cô hỏi lại:

- Còn mày?

- Tao không tắm.

Cô áo lụa trả lời xong quay quắt lại phía người lính đứng chếch sau lưng, tiếp:

- Bao giờ ông K. tới?

Người lính gỡ điều thuốc vừa đốt trên môi xuống chậm chạp đáp:

- Lát nữa. Trong vòng nửa giờ.

Vẻ mặt người thiếu nữ đầy vẻ bất mãn. Hình như nàng cố gắng phấn đấu với những phần nộ, những giận dữ ứ tràn trong lòng.

Người con gái áo ca-rô đi về phía có những phòng thay áo quần, trong khi cô bé trở lại. Sự có mặt trở lại của nàng kéo theo một im lặng nặng nề. Niềm im lặng như một tấm lưới lớn bất thần chụp xuống quây chia ba người ở ba góc biệt lập.

Nước mát làm ửng hồng thêm đôi má của cô bé. Những sợi lông măng óng ả có thể nhìn thấy rõ hơn trên da mặt và trên hai cánh tay để trần của cô. Người lính nhìn một vòng

qua hai người, giọng không mấy tự nhiên:

- B. ở đây, anh với A. ra phố một lát.

Người con gái áo lụa tên B. không đáp. Cô nhìn ra những ngọn sóng bạc đầu đang ào ào vất vả lăn nhanh vào bờ cát. Khuôn mặt nàng lạnh lẽo. Cánh môi dưới của người con gái nhỏ tuổi tên A. như trẻ ra nhiều hơn.

Cuối cùng, cả hai cùng lui bước một lần. Khi ngang qua bậc cửa, người lính nhìn thấy mấy bụi hoa móng tay màu tím hồng ngả ngón sát mặt đất ở hai bên hông quán. Chàng phác tay định nói gì đó, nhưng A. đã đi vượt quá chàng mấy bước. Chàng thõng tay, cúi đầu và rảo cẳng.

Những bông hoa móng tay, phải em thường nhìn thấy trong những lần đến thăm anh ở bên ngoài bờ tường điểm canh doanh trại. Những bông hoa như những chiếc móng tay xinh xinh, thơm và ngọt ngào như hương thịt da em một buổi sáng, ngày nào, em nhớ chẳng?

Một sáng mưa mở mắt cùng với một ngày mới, bắt đầu. Một ngày trong những hạt nước tinh khôi long lanh của những mộng mị ướt xanh dưới những tàng me lá nõn. Em nhớ chẳng? Anh hôn em và níu giữ những ngón tay em tội nghiệp trong hai bàn tay anh chai đá. Và em nói... ngày xưa... và anh tiếp anh yêu em... anh yêu em...

2.

Chiếc xe cũ lại hục hặc rung lên trước khi lăn bánh vào những con đường phố cũ. Những con đường nằm ép giữa những đụn cát ù lì và những mái nhà rêu bám. Những con đường có thể ứ đầy người nhưng vẫn thênh thang một khi cả hai cùng không còn biết ai ngoài tình yêu của họ. Làm sao họ còn nhìn thấy ai, khi sau lưng, trước mặt, họ vẫn chỉ thấy họ trong mắt, trong môi, trong túi quần, trong túi áo...

Người lính lái xe thật chậm bằng một tay, bởi tay kia anh

còn mắc bận nắm lấy bàn tay của cô bé hững hờ bỏ ra trên phần ghế nệm còn lại.

Thỉnh thoảng người lính lại bỏ đường sá đem cái nhìn đắm đuối, nài nỉ của anh gửi vào đôi mắt, đậu lại đôi môi người con gái. Và người con gái lắc đầu, trề môi. Nhắc nhở anh: Coi kìa. Có lái xe đàng hoàng không! Cứ như thế, họ cùng nhau lên đỉnh đồi đá cao, xuống tới bờ biển thấp. Họ vào phố đông, họ ra đường vắng.

Họ nói với nhau về những người vắng mặt. Họ cười những tiếng cười giòn tan hân hoan, vỡ vụn hạnh phúc. Họ nói với nhau (in là) những điều đã không thể nói ở dọc đường. Họ gọi tên nhau. Chỉ một tiếng. Một tiếng ngắn ngủi. Hình như họ không biết phải nói gì hơn ngoài một tiếng gọi kêu bập bùng thảng thốt yêu thương ấy.

Chiếc xe cũ vẫn ì ạch cố gắng chở chuyên trên nó đôi tâm hồn, một hạnh phúc ngắt cao bằng núi, rộng trải bằng biển. Một hạnh phúc làm bé mọn nhân gian, vô nghĩa kẻ khác. Một hạnh phúc nở ra như những bông hoa móng tay. Những cụm hoa xinh xinh, bắt đầu, cùng với những cơn mưa chạy suốt dọc theo những lòng phố me xanh lá nõn.

Người thanh niên nói một câu tầm thường nhưng khi ấy lại có một ý nghĩa (đôi khi ý nghĩa chỉ có giá trị cho từng hoàn cảnh) với họ:

- Phải chi con đường dài mãi cho chúng ta đi.

Cô bé cười, nụ cười trên chọc, hóm hỉnh:

- Đến đâu rồi cũng phải hết chứ.

Người thanh niên đáp liền:

- Đến vô cực. Vô cực không là hết.

Cô bé vẫn cười:

- Nhưng em lại sợ khoảng trống hư vô đó. Em muốn ngừng lại ở bên đường. hãy ngừng lại. Ngay lập tức.

Hỡi em. Em nhỏ bé như một con chim chưa có đủ cho mình dù chỉ một đôi cánh mỏng. Phải đó là ngày cuối cùng mà em muốn chọn, muốn lựa cho kết thúc, cho dứt đoạn của tình yêu ta. Phải khi nhìn vào mặt gương hạnh phúc, em đã thấp thoáng phía bên kia một xót xa, tủi nhục? Địa ngục đang chờ ta ở cuối đường trốn chạy. Không. Không bao giờ hỡi em. Chúng ta không có bắt đầu nên chẳng bao giờ có được kết thúc. Bởi tình yêu không phải là một đoạn đường hay một ý niệm về thời gian, giới hạn. Hoắc nó có, để vĩnh viễn. Hoặc không, để hư vô. Không bao giờ đâu hỡi em. Em nhỏ bé và mỏng manh. Em mới lớn và dại khờ. Em đam mê và yếu đuối. Tình yêu không là chiếc bóng mà chính là xương thịt. Hạnh phúc không là gương soi trong mắt thấy mà chính là máu huyết nuôi ta. Em hiểu gì? Em dẫu yêu đời đòi những bông hoa móng tay còn bé nhỏ. Và mùa mưa (ôi mùa mưa) còn mãi mãi đi ngang qua đời ta.

3.

Ông K. tìm đến chỗ ở của năm ngoái, khi ở đó chỉ còn lại một mình cô áo lụa. Nàng đang nghe một bản nhạc qua giọng hát T.T. với chiếc cassette mang theo.

Đôi mắt nàng mỗi lúc một thêm long lanh, ngấn lệ. Ông K. hiểu tại sao nàng khóc. Ông im lặng để mặc nàng. ông cho rằng nước mắt có thể giữ lại tất cả hoặc sẽ xóa nhòa đi tất cả. Ở trường hợp này, ông tin, nó sẽ chẳng còn gì khi những giọt lệ cuối cùng của một xúc động đã hết. Ông nhìn ra mặt biển. Thanh niên và cô bé cách bờ khá xa. Họ chỉ còn là hai chấm đen nhỏ và như chập vào nhau. Ông giơ thẳng cánh tay như muốn ra dấu chào họ. Một lát sau, không biết hai người kia có nhìn thấy ông không, ông hạ tay xuống và đặt nó lên vai người con gái áo lụa.

Ông nói:

- Tới lâu chưa?

Không đợi người con gái trả lời, ông tiếp ngay:

- Giờ đến lượt ta đi phố?

Người con gái áo lụa giật mình quay lại. Nàng muốn giấu nhanh đi những giọt lệ còn ngấp ngừng chưa lăn đi khỏi đôi khóe.

Ông K. lại nói giọng bình thản, dịu dàng.

- Tôi đây mà.

DƯƠNG HÙNG CƯỜNG PHƯỢNG VÀ DƯƠNG

Khi tôi về nước thì Phượng và Dương đã yêu nhau rồi. Dương học cùng khóa với tôi, về nước trước tôi ba tháng. Tôi bị hỏng *phase* cuối cùng phải ở lại, học nốt. Còn Dương thì thi đậu phăng phăng, nên cùng tới, nhưng lại về sớm.

Tôi muốn tả vài nét về Phượng và Dương. Phượng, hoa khôi trường Trưng Vương, tóc dài, da thật trắng, mắt thật đen, lông mi dài, vẻ mặt hiền hậu như Đức Mẹ. Phượng theo đạo. Còn Dương thì thông minh, một cái thông minh thật đẹp, không phải như những cậu học trò suốt đời vùi đầu vào sách vở. Chúng tôi vẫn phục Dương. Ngày mai thi mà chiều hôm trước vẫn thấy Dương nhớn nhớn lang thang trên nẻo đường từ Nantes về, từ Bordeaux lên.

Nhưng chỉ cần vài ba giờ “nửa đêm về sáng”, khi tất cả nằm co ro ngủ, Dương thức dậy, nằm trùm kín mền, bật chiếc đèn *pin* lên,

học đến khi tiếng kèn đánh thức dậy. Ấy vậy mà trong tất cả kỳ thi, Dương vẫn đứng hàng đầu như thường. Tây và ta sợ hết vía. Không những cái thông minh của Dương vượt qua mặt những thằng “mọi da vàng” mà còn qua mặt cả những thằng “mọi da trắng”.

Không phải Dương chỉ đứng đầu ở các môn thi viết. Cả những môn phải dùng tới khéo léo chân tay, một chút tiểu xảo kèm theo một chút thủ công, Dương vẫn đứng đầu. Cầm cái kìm, cái búa, cái mỏ-lết, cái tuộc-nơ-vít, Dương vẫn hiên ngang là một người thợ giỏi, nhiều khi vượt qua tài của thầy.

Ông thầy thường phải dùng tới cái cân, cái thước. Còn Dương thì chỉ cần lấy mắt, lấy tay ước lượng mà cũng gần đúng. Có một lần ông thầy dạy về nghề thợ rèn gõ một tiếng “coong” vào một miếng gang. Nghe cái tiếng lanh lảnh chất chúa ấy, Dương nói ngay:

- Hai mươi phần trăm than pha với thép...

Ông thầy trợn mắt:

- Đùng có nói ầu, chú bé!

Ông thầy già, có thói quen gọi tất cả học trò là “petit”, giờ cuốn sách ra. Tới trang chụp hình miếng gang này, ông lấy mục kính ra, trợn mắt đọc rồi liếc nhìn Dương thán phục. Thì ra trong sách ghi là hai mươi một phần trăm.

Trong những buổi dạ hội, trong “hầm Hiệן Sinh” đầy những khói thuốc lá, Dương cũng vẫn là cây đình. Có những em đầm mà con số đầu của tuổi chưa tới số hai, cũng đã yêu Dương kịch liệt. Dương có nhiều lợi thế trong việc chinh phục đàn bà. Vì được lương của nhà nước, nên tiền Dương nhiều hơn bọn sinh viên rách. Vì thông minh và có nhiều tài lẻ, nên Dương hơn hẳn chúng tôi.

Lúc trở về nước, Dương dứt bỏ tất cả. Không tí tẹo buồn

thương luyến tiếc. Em Gisèle khóc như mưa như gió. Em Denise đòi tự tử. Em Christine nhất định bỏ hết cả bà nội, bà ngoại, cha giàu, mẹ sang, để theo anh về nước làm một công dân của xứ nước mắm, có một huyền thoại ông Lạc Long lấy bà Âu Cơ, chế tạo ra một trăm trứng nở ra đúng một trăm thằng con trai. Nhưng Dương bước lên xe lửa, tàn nhẫn như Kinh Kha bước xuống con thuyền qua bờ sông Dịch.

Nghe đồn rằng ngày hôm ấy, trời bên nước Tây, mưa to gió lớn. Đàn quạ rủ nhau bắc một cái cầu như đã giúp cho lúa đôi Ngưu lang, Chúc nữ, nhưng thấy rằng đường dài quá, qua Địa Trung hải, qua Hồng hải rồi lại Ấn Độ dương mênh mông bát ngát, tốn sức lao động quá, nên đành thôi. Và Dương đi lên boong tàu, ca một bản “mặc áo rách về quê”.

Năm ấy, Dương hai mươi tuổi, và Phụng, mười bảy...

Cả hai tuổi đều đẹp cả. Nhất là nhìn Phụng và Dương sánh vai nhau đi trên con đường đầy lá đổ. Tất cả mọi người đều trầm trồ khen: “Đẹp!”... Mà cả hai đứa đều biết rằng mình đẹp đôi. Phụng thích mặc áo đỏ. Màu áo lẫn với màu hoa học trò, nở thắm sân trường. Dương mang lon thầy đội trên vai, nhưng không có tí ti mặc cảm nào.

Ngày đó, lính tàu bay còn hiếm. Một chuyên viên tốt nghiệp ở bên Tây về, vẫn được kính trọng hơn một ông quan, xuất thân từ một quân trường bản xứ. Mà Phụng đã bằng lòng yêu Dương, thì thiên hạ đều được coi không bằng cái khăn tay lau nước mắt của Phụng. “Em nhỏ thơ ngây đôi mắt biếc, gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay”. Có gì để thương tiếc nữa đâu? Chúng tôi mừng cho Dương gặp Phụng, mặc dù thấy Phụng còn đang tuổi con nít, chúng tôi vẫn gọi là chị. Coi như Phụng đã là vợ của Dương rồi.

Tại sao tôi không nói thêm về cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa

Phượng và Dương?... Thuở ban đầu, dù gặp nhau ở cầu tiêu vẫn là một kỷ niệm đẹp, khó quên. Dương gặp Phượng ở Nhà Hát Lớn, nơi chứa cả hàng ngàn đồng bào miền Bắc, bỏ quê hương vào Nam, trong một cuộc di cư vĩ đại. Dương đi kiếm một gia đình quen nhưng không thấy. Đứng giữa đám người hỗn độn, nằm, ngồi, đứng, nói chuyện với nhau bằng một thứ tiếng nặng chất quê hương, Dương ngơ ngác và bâng khuâng. Chợt có một tiếng oanh thỏ thẽ bèn tai:

- Ông kiếm ai vậy?

Dương giật mình:

- Tôi kiếm gia đình cụ phán Vương. Nghe nói cụ ở đây. Từ nãy tới giờ tôi hỏi thăm mãi không thấy. Cô làm ơn chỉ giùm.

Một tiếng reo vui:

- A, nhà con Nga. Cụ phán Vương là “bu” con Nga, con Nga là bạn của Phượng. Bây giờ không còn ở đây nữa, mà mua được nhà ở Phú Nhuận rồi. Dọn đi đã được mấy hôm nay.

- Thế thì cô Phượng chỉ giùm nhà Nga cho tôi đi.

Giọng ngạc nhiên:

- Tại sao ông lại biết tên Phượng là Phượng?

Dương mỉm cười nghĩ tới cái ngây thơ hồn nhiên của tuổi học trò. Xưng tên một cách tự nhiên rồi hỏi tại sao ông biết. Dương làm ra bộ điệu bí mật:

- Điều đó sẽ giảng nghĩa cho cô Phượng biết sau. Bây giờ cô Phượng làm ơn nói số nhà bao nhiêu, đường nào để tôi còn đến thăm bà cô mà mấy năm nay không gặp rồi...

- Thế ông không phải dân di cư?

- Có chứ. Chứng cứ là tôi đang đứng giữa Sài Gòn. Nhưng tôi di cư cách đây gần ba năm. Tôi bỏ quê hương tới một chỗ xa hơn cô Phượng nhiều. Tận ở bên Tây cơ. Từ ngày đó đến nay, tôi đã và sẽ là dân di cư, vì trong lòng lúc nào cũng bâng bặc một ít buồn hoài hương.

Phượng chạy đi lấy cái cặp sách. Rút một quyển vở, ngoài bao tập đề “Lớp đệ tam trường Trưng Vương”. Giở vào đúng giữa, xé một tờ, Phượng vẽ nhà của bạn. Đây là ngã tư, đây là con đường tàu, đây là nhà thờ đang xây cất. Nhà Nga ở chỗ này, có cái hàng rào gỗ, có cái cửa ra vào, cửa sổ nhìn ra con đường. Dương mỉm cười. Chợt Phượng vo tròn tờ giấy ném qua cửa sổ:

- Thôi để Phượng dẫn anh đi. Anh có bận gì không?

Dương thần thờ như người trong cơn mê. Hai người ngồi chung băng sau một chiếc tắc-xi. Tự nhiên Dương thành ra ít nói và lừng khừng như một ông cụ non. Thế là từ hôm đó, họ yêu nhau...

Chúng tôi có mặt đầy đủ trong đám cưới đẹp nhất của mùa cưới. Tất cả chúng tôi đều nghèo. Không có tiền để may lấy một bộ đồ lớn. Chẳng lẽ ở xứ này mà lại lấy đồ len ở bên Tây ra mặc. Nắng thì như bốc lửa. Trời nóng đến nỗi kiến cũng phải bò ra khỏi tổ để hóng mát, thì bộ quần áo len ấy sẽ làm trò cười cho tất cả mọi người ở cái xứ la-de, dưa hấu. Thằng nào cũng mặc áo sơ-mi trắng thắt thêm cái cà-vạt. Ấy vậy mà tôi thấy, từ trước đến nay, chưa có đám cưới nào vui như đám cưới này.

Thằng Trần lên hát *La vie en rose*. Thằng Quý hát *Voyage à deux*. Rồi cuối cùng để “mặc niệm” cho cuộc đời độc thân của thằng Dương, tất cả hát bài *La Quille*. Bài hát này là bài hát của những thằng lính Tây, khi mãn nhiệm kỳ quân dịch, trùm kín mền, đi từng bàn xin tiền uống rượu, chấm dứt ngày cuối cùng trong quân ngũ: “*La quille viendra, les ‘bleus’ viendront, pour laver les bidons.*”

Bài hát thật ngô nghê, chất phác. Nhưng chỉ cần đoạn đầu là đúng lời ca. Còn đoạn sau cứ việc “phịa”, nói hết uất ức những ngày sống trong quân ngũ. Có những thằng

độc mồm, độc miệng còn đọc cả một bài văn tế. “Dương ơi, chúng mình ở với nhau, bạn sống có, bạn chết có, sao bây giờ mà nỡ bỏ chúng tao, mà đi lấy vợ. Ô hô, hồn có linh thiêng, về đây thưởng hưởng.” Có thằng nham nhở:

- Dương ơi, mà hãy bàn giao cho tao các em Bích, em Ngọc, em Liên, em Quý Mão... Này chị Phượng: hãy để ý tới đức lang quân. Nó là thằng đào hoa có tiếng. Có chuyện gì thì “cúp” đi... Nào, một, hai, ba, chúng ta đồng ca...

Bài đồng ca vang lên chát chúa. “Đốt, hay không đốt? Thì cắt nó đi cho rồi...” Bà Phán, mẹ Phượng, nhìn lũ quỷ sứ lắc đầu.

Bà hãy còn hai cô gái lớn chưa gả chồng. Phượng là con út. Vì theo đạo, nên không có sự kiêng cử, không cần phải theo “hệ thống... quân giai”. Em cứ việc đi lấy chồng trước, rồi đến lượt chị cũng không sao.

Đáng lẽ thì đám cưới Dương và Phượng sẽ được cử hành sớm hơn. Chỉ rắc rối ở chuyện “đạo”. Phượng muốn làm lễ ở nhà thờ, nhưng Dương lại không có đạo. Phượng khuyên Dương nên “trở về đạo”, và tặng Dương cả một kho kinh để Dương luyện võ công.

Chiều Phượng, Dương đành theo đạo, thằng Dinh chế diễu bằng một câu ca dao không biết nó “thuống” được ở đâu: “Cúi đầu lạy Chúa Ba Ngôi. Tôi lấy được vợ, tôi thôi... nhà thờ.” Và Dương cũng làm xong thủ tục trước mặt cha, trước mặt Chúa: “Tôi xin nhận người con gái này làm vợ. Tôi xin nhận người đàn ông này làm chồng...” Khung cảnh trang nghiêm đến nỗi những thằng tinh nghịch nhất cũng không dám cười khúc khích.

Tiếng cầu kinh thầm lặng. Lạy Chúa chúng tôi vì dấu thánh giá, xin giữ chúng tôi, cho khỏi kẻ thù. Nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần. Amen... Đám cưới chỉ bật lên

vui nhộn khi ra khỏi cái không khí âm u của nhà thờ, còn nồng mùi vôi, mùi cát mới xây đầu đường Trương Tấn Bửu. Một chuyến tàu âm ỉ đi ngang qua. Người đứng trên tàu còn giơ tay vẫy như chúc cho chú rể, cô dâu. Bà Phán hài lòng:

- Còn hai chị đó. Dương coi có người bạn nào tử tế làm mai, làm mối cho vui cửa vui nhà.

- Thôi mẹ ạ, Những thằng này là một lũ sa-tăng. Quý đã bắt mất linh hồn chúng nó rồi. Có thằng nào được như con đâu?

Tiếng nhao nhao lên cãi lại. Bố anh. Chưa chi đã lên mặt rồi. Nhưng mà thôi, tất cả những thằng chúng tao đây không có một thằng nào bằng được mày. Đồng ý lắm. Hăm hai tuổi đã dám làm một cuộc mạo hiểm ghê gớm là lấy vợ. Nhất mày rồi.

Đám cưới xong, Dương và Phượng ở một căn nhà ngoài căn cứ Không quân. Nhất định không cho vợ ở trong trại gia binh. Tuy rằng nếu ở trong trại, đỡ tốn cả ngàn bạc tiền mượn nhà, tiện việc đi làm, đi ăn. Nhưng Dương là một thằng chúa gan. Nó bảo tôi:

- Mày thử nhìn lại Phượng. Một người như vậy mà để chung chạ với vợ mấy thằng quân bò đá, mấy thằng đội lô-can thì chịu sao nổi. Tao với mày còn lạ gì cái trại gia binh...

Tôi thở một hơi thật dài. Tôi nghĩ đến thằng quân bò đá. Trong một ngày lễ lớn, dân địa phương có nhã ý tặng anh em một con bò để liên hoan. Cả một lũ bao nhiêu thằng xúm lại mà không quật nổi con bò ngã, để trói bốn cái cẳng lại, chọc tiết. Thằng quân già đứng ngoài chê bai:

- Một lũ ăn hại. Lui ra hết. Một mình tao cũng đủ hạ con bò này.

Và hắn xông vào ôm lấy hai cẳng bò.

Chắc là vì thấy nhột ở hai cẳng, nên con bò đá về đằng sau

một phát, trúng ngay cái chỗ chứa nước tiểu của thằng quân già. Nó ôm lấy bụng dưới, la lên có một tiếng rồi lịm đi, phải bôi hết cả một lọ dầu cù là mới tỉnh. Từ đó, tên nó là quân Bò Đá. Tên Bò Đá được đặt ra, không có lời khiêu nại.

Còn mấy thằng đội lô-can. Những ngày buồn tôi và Dương hay lang thang vào trại gia binh. Chỉ cần vài ba chuyện nhỏ cũng đủ cãi nhau, nhiều khi đưa đến đổ máu. Đổ nước để chảy qua nhà nhau, rút trộm của nhau vài thanh củi là đủ âm ỉ cả xóm. Tôi đã chứng kiến một vụ mất vịt mà cứ nghĩ lại, là thấy ghê sợ. Thằng mất vịt đi cùng trại, từ dãy A đến dãy L. Con vợ nó quang quác cái mồm nói đồng:

- Tìm kiếm cái gì nữa. Có tìm thì tìm mớ lông...

Con vịt đã biệt vô âm tín. Thằng mất vịt tới lúc tức quá, về lấy con dao, đưa ngón tay ra: phập. Một nửa đốt ngón tay có dính tí móng, văng ra ngoài. Không cần phải băng bó, nó giơ ngón tay, máu nhỏ rờn rờn đi khắp trại:

- Cái tay tao, tao còn không sợ nữa là cái cổ chúng mày.

Đó là hình ảnh về trại gia binh. Phượng, người con gái hoa khôi trường Trưng Vương, vợ của chuyên viên thông minh nhất trường 721, lên bảng danh dự hoài hoài, đâu có thể ở nơi đó được. Tôi đồng ý với Dương. Nhưng thật thương cho bạn... Tôi hỏi:

- Chuyện cơm áo có vất vả lắm không?

- Cũng đều đều... Ngày hai bữa ăn và một giấc ngủ.

Tôi cũng muốn đem chuyện tương lai tối mù mù ra hăm dọa Dương, nhưng nghĩ đi, nghĩ lại, thấy không nên. Hai đứa chúng nó đang yêu nhau. Có ích gì khi nói đến chuyện xa xăm. Nhìn Dương bây giờ, tôi không còn nhớ đến Dương ngày xưa, đi những đường *tango* lá lướt dưới ánh đèn màu đỏ, mù khói thuốc lá. Phượng thì vẫn hồn nhiên tươi trẻ. Bước chân sáo vẫn nhảy từ bếp lên nhà, vừa bày mấy cái chén ăn cơm lên

bàn vừa hát: “Ngày ấy, có anh đi nhẹ vào đời, và mang theo...”
Tiếng hát từ nhà xuống bếp. Tiếng ca chợt tắt...

- Anh hỏi xem anh ấy có ăn cơm cùng với tụi mình không?

Tôi hỏi lại:

- Cơm có gì ăn không chị Phượng?

Bước chân sáo lại đi lên nhà... Phượng lấy cái muỗng gõ vào chén. Có cá kho này. Phượng mà kho cá với tương, ăn vào tuyệt lắm. Cá kho dở, cho thật nhiều nước, nước cá kho để chấm rau, ngon lắm... Phượng mà làm bếp thì anh khỏi chê. Dương bĩu môi:

- Thôi đi bà nội, xuống bếp coi nồi cá, không khét hết bây giờ. Ở đây mà khen mình mãi.

Phượng hỉn hỉn hai cánh mũi. Ờ, có mùi khét thật. Phượng ù té chạy xuống bếp, cười giòn giã.

Cầu trời cho Phượng và Dương cứ sống hạnh phúc như thế này mãi. Dương ơi, tao thêm hạnh phúc của mày. Tại sao cứ phải tìm hạnh phúc ở đâu xa. Hạnh phúc là gì? Chỉ là nồi cá kho với tiếng cười vang lên từ trong bếp và đừng bao giờ không có tiếng cười.

Hạnh phúc ở với Dương mười năm. Trong mười năm ấy chất hào hoa cứ dần dần bay mất, nhưng Dương đâu cần. Dương gom góp từng cái thùng gỗ, từng miếng ván, đóng từng cái tủ cái giường, cái bàn học cho con. Bàn tay của Dương vẫn khéo léo như thuở nào. Cưa một đường thẳng bằng. Đóng cái đinh sâu vào trong gỗ. Những phát cọ quét sơn rất đều tay. Tất cả những cái khéo tay ấy, Dương tạo thành hạnh phúc gia đình.

Thằng Long, con Ly, con Quy đã lớn. Phượng đã là mẹ ba đứa con. Năm nay nàng hăm bảy tuổi. Buổi tối, dưới ánh đèn, tóc Phượng buông dài, vẫn thấy phảng phất không khí liêu trai. Dương ngồi dạy thằng Long học. Con Ly, con Quy

ngồi nghịch những thứ đồ chơi nhỏ nhỏ...

- Long là gì hả bố?

- Long là con rồng. Bốn mẹ con của Long là bốn thứ linh thiêng cao quý: long, ly, quy, phượng. Chỉ có bố là bét nhất nhà.

- Thế bố là con gì?

- Bố í à? Bố là con dê. Dương là con dê.

Con Ly nhảy phốc lên lưng bố. Bố là con dê, bố phải để cho người ta cưỡi chứ. Bố bò đi. Bố phải đi bằng bốn chân như con Tô Tô. Bố là con dê mà. Phượng mắng con:

- Đừng có hỗn. Để cho bố nghỉ. Mai bố còn phải gác.

Con Ly xịu mặt, tụt xuống khỏi lưng con dê già. Cái lưng càng ngày càng còng xuống còm cõi. Cái thông minh như cùn, như mòn, như rỉ đi. Phượng đuổi cả lũ con lên giường bắt nhắm mắt lại. Rồi chỉ vài phút sau, cái ngủ đã tới với trẻ thơ thiên thần. Phượng tới ngồi bên Dương:

- Anh ạ, làm sao có tiền trả cho chị Tư? Bữa nọ thằng Long đau, chị ta cho mượn tiền mua thuốc đấy.

- Thế tiền lương hết rồi sao?

- Thì anh tính, có hơn mười ngàn thì phải tiêu bao nhiêu thứ. Tháng này mà không trả tiền điện câu nhà bà Ba, bà ấy cúp điện đấy. Anh làm sao chứ cứ sống như thế này, khổ quá.

Dương kéo một hơi dài thuốc quân tiếp vụ. Ngọn đèn vàng như ngọn đèn nhà ga Lyon. Nếu có tiền mua một chiếc xe gắn máy Dương cũng dám mặt dày mày dạn, đi chở Mèo kiếm thêm chút đỉnh tiền. Ngoài trời, tiếng phi cơ bay trong không gian màu tím, đôi ánh đèn bên cánh lập lòe chớp tắt. Tiếng Phượng thì thầm:

- Hay anh để em đi làm?

Dương thở dài:

- Em đi làm? Nhưng làm ở đâu? Anh chỉ thích cho em làm

cô giáo. Nhưng làm công chức thì tiền lương không đủ để trả người làm, mà con cái vẫn nhem nhếch. Muốn có nhiều lương thì chỉ có cách làm cho Mỹ mà em đi làm cho Mỹ là điều anh không muốn. Chúng mình cứ sống như thế này một thời gian nữa xem sao.

Một tiếng nổ thật gần... Sỏi đá chạy trên mái nhà lóc cóc. Chiếc đèn chao đi rồi sáng lập lờ. Lại có pháo kích rồi. Lũ trẻ con giật mình, thức dậy khóc vang nhà. Con Ly, con Quy chạy vội ra ôm chặt lấy mẹ. Dương ôm thẳng Long vào lòng. Em ơi, ngồi sát lại gần đây. Có chết thì chúng mình cùng chết cả. Thà chết một đồng còn hơn sống một người. Tiếng của Phượng:

- Giá có tiền làm cái hầm cũng yên chí.

Tiếng ầm ầm lại vang lên. Ở xa, ở gần... Tiền ăn còn không có, làm chi có tiền mua bao, mua cát làm hầm. Trong một giây chán đời, Dương muốn một trái rốc-kết rớt đúng căn nhà này, tan xác chúng ta, để sống ở một nơi chỉ có tình yêu mà không có chiến tranh.

Đêm hôm đó, Dương và Phượng nói chuyện gần tới sáng. Vài hôm sau đã thấy Phượng đi làm ở một nơi to lắm, lớn lắm, mỗi lần đi vào, đi ra phải khám ví, khám xách tay, khám cả người. Vài tháng sau, đã thấy Dương đi xe Honda.

Nếu cuộc đời cứ đẹp như ở trong tiểu thuyết thì câu chuyện chấm dứt ở đây cũng được. Không cần phải viết đoạn kết. Nhưng chuyện thực của Dương và Phượng không phải như vậy. Câu chuyện về cuối, càng nhìn càng nghe càng thấy bi thảm.

Tôi thương Dương quá. Thương cả Phượng nữa. Những éo le, bất trắc có bao giờ buông tha số phận con người. Một buổi sáng trời còn lạnh mù sương, Dương đi làm chở theo thẳng cháu Long. Tôi hỏi:

- Sao không để cháu ở nhà? Đánh thức nó dậy sớm quá như vậy, rồi mang vào đây làm gì?

Chúng tôi, những thằng lính già, gần như đã hết cả tuổi thanh niên cho quân đội, đã có nhiều giây phút chán ngấy. Đã thề rằng không bao giờ cho con vào trại lính, để nhìn cuộc đời khốn nạn của thằng bố nó. Bây giờ Dương đã phá lẹ.

- Nó đi học buổi chiều. Buổi sáng phải đưa nó vào đây chứ để ở nhà, lo lắm. Tôi ngạc nhiên:

- Thế mẹ nó đâu? Các em nó đâu?

Dương thẫn thờ nhìn ra không gian mênh mông. Nắng buổi sớm soi rõ cả những hạt sương đọng trên cửa kính buồng lái phi cơ. Một tiếng thở dài. Phượng bỏ tao rồi, Phượng đi lấy Mỹ rồi. Nó mang theo cả hai đứa con gái. Tao hối tiếc đã để cho nó đi làm. Rồi Dương kết luận:

- Lỗi tại tao. Tất cả tội lỗi là tại tao.

Chỉ nói được có mấy câu ấy rồi Dương khóc. Tôi cứ nghĩ rằng nhìn người đàn ông khóc chắc tức cười lắm. Nhưng bây giờ tôi không dám cười. Có gì để cười được nữa. Thôi, Dương ơi. Trong lúc cái chiến tranh này đã cướp đi của chúng ta một nửa quê hương, làm cả cái xã hội này thối nát, mà chỉ mất có một tình yêu. Tôi trả lại tấm vải phủ giường trực:

- Thôi mà nằm xuống đây, nghỉ đi. Chắc là đêm qua mà không ngủ. Trông mà tang thương lắm. Còn Long ra ngoài này với bác.

Thằng cháu Long lúi thủi theo tôi ra. Hôm nay không có chiếc phi cơ nào làm kiểm kỳ. Căn nhà hăng-ga không có máy bay trông thật cao, thật rộng. Thấy nhiều thứ lạ, cháu Long ríu rít hỏi tôi, nhưng tiếng cháu bị át đi vì tiếng phi cơ quay máy và cất cánh ở đầu phi đạo. Tôi ngọt ngào:

- Thôi, không hỏi nữa. Lấy sách ra ngồi vào bàn kia học bài. Sắp sửa thi vào đệ thất rồi, phải cố mà học chứ không

thì đậu vào đệ thất trường tư thực thì thật ê mặt.

Thằng cháu chỉ ngồi một lúc rồi tung tăng chạy nhảy. Cứ ngày nào cũng vậy, bóng dáng hai bố con Dương lại còm cõi, âm thầm đưa nhau vào hăng-ga dính đầy dầu mỡ. Cho tới một hôm...

Những ngày cuối năm, trời thường đẹp. Nắng thì dịu và gió thật mát. Nhất là ở nơi đây, có nhiều trời, nhiều nắng và nhiều gió. Cháu Long chơi ở đây lâu quá rồi cũng chán. Dương thì bận lo mấy chiếc tàu bay xuất xưởng.

Công việc làm không kịp thở. Cháu Long đi ra ngoài hàng rào kẽm gai, hái mấy bông hoa dại đủ màu, cầm trên tay tung tăng chạy nhảy. Một con bướm đậu vào một bông hoa, Long rón rén bước tới. Con bướm đậu rồi lại bay, dẫn dắt Long đi như một sứ giả thiên thần mà Long thường nghe bố kể trong đêm... Thiên sứ Gabriel cũng có đôi cánh trắng, xuống trần gian để báo tin lành. Nhưng con bướm không đưa Long vào cửa nhà trời, mà đã đưa Long lạc vào bãi mìn...

Một tiếng la thất thanh vang lên rồi loảng ra. Bao nhiêu gót giày chạy rầm rập về phía hàng rào kẽm gai. Tiếng của Dương hốt hoảng: "Long ơi! Đứng yên! Đừng có chạy!" Cháu Long bừng tỉnh giấc mơ thiên thần, nhìn chung quanh lối nhớ một đám đông, dưới chân nhú lên những đầu củ hành lớn đen thui. Cháu Long khóc òa lên, nhưng tiếng khóc lẫn vào tiếng ồn ào, tiếng động cơ máy bay và tiếng đập của con tim. Tiếng bàn tán xôn xao:

- Lên phòng an ninh mượn bản đồ bãi mìn.

- Ai người ta cho mượn. Vớ lại khi thiết trí xong thì bản đồ phải thủ tiêu ngay chứ ai còn để làm gì?

- Vậy thì làm sao bây giờ?

Trông Dương bây giờ thật thảm hại. Hết chạy ra lại chạy

vào, luôn mồm kêu khổ. Nắng mười giờ nắng cháy lưng. Tôi nhắc ống điện thoại gọi tới phòng Hành quân. Và tôi nắm thật chặt tay Dương. Một chiếc trục thẳng rà tới. Cánh quạt quay chậm, thận trọng. Chỉ sợ bên dưới gạch đá bay tung. Con chim sắt lơ lững bình thản. Một cái thang dây thòng xuống. Một bàn chân đặt lên chiếc than đong đưa nguy hiểm. Chiếc phi cơ lắc lư, tôi nhìn rõ khuôn mặt người phi công nhìn xuống, đầy chất trầm tư lo lắng.

Bàn tay người cơ khí viên phi hành làm dấu hiệu cho thang xuống thấp. Rồi bàn tay ấy nắm lấy cánh tay gầy guộc, nhỏ xíu của cháu Long kéo lên. Cả trăm người reo lên mừng rỡ khi cháu được thả xuống. Dương chạy lại ôm lấy con, nước mắt chảy đầm đìa.

Em ơi! Phượng ơi!

Tôi biết rằng Dương muốn nhắc tới ngày xưa, ngày mà tình Dương và Phượng còn đẹp, xứ sở này chưa đi vào cuộc chiến tranh rách nát. Rồi tất cả lại rơi vào tịch mịch, chỉ còn tiếng nghẹn ngào...

Buổi chiều hôm ấy, hai cha con đưa nhau vào nhà thờ. Đã lâu lắm, Dương mới tìm lại nơi đây. Cũng vẫn là cảnh xưa như ngày cưới. Vì là một ngày thường nên nhà thờ thật vắng. Dương nghe thấy cả tiếng ríu rít của đàn chim sẻ. Dương kéo cháu Long quỳ xuống. Cả hai cầu nguyện cho một người hồi tâm trở về. Rồi Dương gục xuống chỗ thanh gỗ để tay. Một tiếng động nhỏ. Dương ngẩng đầu lên và thấy một bóng áo đen sừng sững.

- Thừa cha, con khổ quá.

Một bàn tay nắm lấy tay Dương:

- Con hãy nhìn lên Chúa và than thở với Chúa, người đã từng chịu đau khổ hơn con.

DƯƠNG NGHIÊM MẬU
CŨNG
ĐÀNH

Tôi trốn đơn vị chạy về nằm ở Cố Thổ vào cuối mùa thu cùng với những cơn sốt rét cách nhật. Bà cô tôi thương xót mỗi ngày vào rừng nhật những lá, rễ cây về nấu cho tôi uống nhưng vô hiệu nên nghĩ đến chuyện trở về Hà Nội. Ngày tôi rời Cố Thổ về Sơn Tây cô tôi gói cho một gói cơm trộn tám phần sắn khô như củi, nhật nhẽo. Cô tôi dặn về tìm một người quen ở đó giúp đỡ. Về tới nơi họ cũng không giúp đỡ được gì ngoài những bữa cơm sắn ăn với rau tàu bay luộc chấm muối. Những cơn sốt lại hành hạ. Người ta không thể xin được giấy cho tôi. Nghe lời mách của người hàng xóm muốn cho khỏi rét nên nuốt những con run đất. Họ bảo có thể trị sốt rét được. Không còn cách gì hơn, tôi kiếm một con dao cùn và chiếc gáo dừa vỡ đi đào run, những con run dài xanh đỏ ưa nằm chỗ ẩm, tôi cứ việc lật những viên gạch

vỡ ở bên vai nước, và đào ở các bờ rãnh hàng bát run mang rửa và nuốt. Những con run còn sống nguyên, bò ngoi đầu lúc nhúc tôi cầm từng vốc bỏ vào miệng cho nó trườn vào cổ họng. Những ngày đầu ghê tởm, nôn mửa qua đi. Những ngày tiếp theo tôi nuốt thản nhiên. Những con run sống ấy vào trong bụng tôi đã nhiều nhưng những cơn sốt cách nhật vẫn hành hạ và dữ dội thêm là khác, sức tôi yếu dần thêm nữa. Tôi chỉ còn tìm cách nào vào thành may ra kiếm được ký ninh uống.

Không ai dám bảo đảm xin giấy thông hành cho tôi. Tôi vẫn liệu ngày ngày ra bến xe trèo lên để vào, nhưng dù ngồi yên chỗ rồi khi hỏi đến giấy không có, chuyển xe lại bỏ tôi lại. Rất nhiều lần như thế, đến khi có xe cho đi thì tôi lại không có một đồng. Hà Nội – Sơn Tây 43 cây số, với những cơn sốt tôi không còn đủ sức để lê về. Mãi sau vì nài nỉ quá có chiếc xe chở củ nâu, với người phu xe thương hại cho tôi đi bằng cách ấn tôi vào giữa những bao củ nâu. Hắn bảo tôi trước là nếu vô phúc bị khám mà lộ ra thì chịu khó mà ở tù đừng oán thán gì. Tôi hơi mỉm cười bảo:

- Thì sao mà cưỡng được...

Khi xếp những bao tải củ nâu lên xe hắn chừa lại một chỗ trống ở giữa cho tôi ngồi vào đấy rồi hắn lấy thêm những bao khác lấp lên trên. Tôi ngồi co rúm không thể cựa quậy, nhúc nhích. Mùi củ nâu, mùi bao tải hôi sì, mùi xăng nhớt như muốn chết ngạt. Giữa trưa xe từ già tỉnh Sơn vào con đường trở về. Xe chạy nhanh xóc trên những quãng đường gồ ghề, những bao củ nâu bị lắc mạnh cứ dẹp mãi xuống, chung quanh tôi kín bưng chả thấy gì, tôi nghĩ như mình bị bỏ vào quan tài đã đập ván thiên lại chỉ có điều là tôi còn thở. Cơn sốt lại đến với tôi giữa những quãng đường ấy, chân tay run rẩy, hai hàm răng đánh vào nhau và tôi lả

người đi vì mệt mỏi.

Khi tỉnh dậy thì xe đang dừng. Tôi lẳng tai nghe tiếng giày đinh lộp cộp, những bao củ nâu bị lay động và có tiếng chọc của một chiếc gậy sắt. Tôi biết là xe đang bị khám, nên hai lần bị gậy sắt thọc vào lưng tôi không dám nhúc nhích và thở mạnh, tôi nghiêng rặng, nhắm mắt lại... Những chặng gác thoát dần sự khám xét khiến cho xe về đến bến thì trời đã tối mịt. Bến xe Kim Mã hoang vắng, người phụ xe dỡ bao tải cho tôi chui ra, tôi nghe tiếng chuông xe điện đổ dồn, tôi bước xuống mặt đường chân tay run lấy bầy vì đói vì lạnh. Tiếng đầu tiên tôi được nghe là của người phụ xe:

- Tới rồi đấy, có thể đi về nhà được không? Không có giấy thì coi chừng tụi Ba-tui nó nhặt bỏ nhà Tiền đấy.

Tôi cứng cả lưỡi không nói được. Tôi không biết về đâu cho qua đêm để sáng mai có thể đi tìm kiếm, dù tôi chưa biết là sẽ tìm kiếm cái gì. Về nhà. Người phụ xe nhìn tôi ái ngại. Hắn có khuôn mặt đen khắc khổ, đôi gò má cao làm cho hai mắt đen sâu bóng tối. Tôi nói với hắn tình cảnh của tôi, tôi muốn hắn cho tôi nằm ở trên xe cho đến sáng hôm sau. Nhưng hắn từ chối. Hắn nói với tôi một ít điều phân trần không sao có thể giúp tôi được. Tôi cảm ơn hắn. Hắn xếp lại mấy bao củ nâu, đóng thùng xe rồi hắn quay lại nhìn tôi. Nghĩ thế nào hắn móc túi dúi cho tôi mấy đồng bạc. Không nói thêm nửa lời hắn trèo lên phía trước xe. Chuyển xe chạy vào con đường có đèn thấp sáng.

oOo

Tôi không thể đứng lâu hơn được nên ngã quy xuống. Quá mệt tôi phải cố sức bò dần vào một túp lều bỏ không rồi lăn mình xuống đấy. Tôi nằm im một lúc cho hồi tỉnh rồi cố dậy sờ soạng trong bóng tối xem có cái gì có thể ôm vào người được cho đỡ cô đơn, nhưng sờ soạng mãi tôi mới

nhận ra có một cái bàn nhỏ và có một cái ghế dài nhỏ. Đó là đồ dùng của một quán nước, hoặc quà bánh gì đó. Tôi không có gì để ôm vào người. Tôi sờ mặt đất nhộp nháp, sờ những rác rưởi ẩm nước hôi hám, những bã mía, lá bánh, giấy vụn. Tôi cố sờ thành một đống rồi rúc mình vào cho đỡ lạnh và êm hơn mặt đất. Muỗi kêu vo ve, những con chuột kêu thành tiếng chui vào đống rác kiếm ăn. Chúng cắn chân mà tôi không muốn cựa, chúng cắn chán lại rúc, lại kêu. Tôi vớ những nắm lá chuối ướt nhẹp bỏ vào mồm nhai cho đỡ buồn miệng. Tôi nghĩ chắc thật tôi đã hết máu nên lũ chuột chẳng thèm ăn, và chắc chúng nó nhiều máu hơn tôi là khác, nghĩ thế tôi há lớn miệng tự nhủ: để chú nào vô phúc rúc vào mình sẽ ngậm miệng lại mà nhai một miếng cho khoái bao tử. Bởi vì nếu có con nào đến gần tôi cũng khó chộp được, chúng khoẻ và nhanh lẹ. Lũ chuột rúc mãi chắc cũng chẳng kiếm được gì nên bỏ đi dần cho tôi nằm một mình nghe tiếng muỗi kêu vo ve.

Mãi tôi cảm thấy như có một con vật nào đó rất kỳ dị, to lớn tiến đến ôm choàng lấy tôi, tôi bị nghẹt thở không kêu được, thân thể cứng đờ rồi thiếp dần đi...

Tôi thức dậy khi trời đã sáng rõ, bụng đói cồn cào, chân tay rời rã, nhưng đầu óc tỉnh táo kỳ lạ. Tôi nằm im cho mãi đến khi có một người đàn bà bước vào lều. Khi bà ta đưa mắt nhìn đến đống rác thì kêu thét lên. Tôi ngọ ngoạy rồi chui đầu ra. Chắc hẳn người đàn bà tưởng tôi là một con vật, như con chó ốm ghẻ lở nào đấy. Khi thấy cả thân hình tôi ngồi dậy được thì trên khuôn mặt bà ta hiện ra nhiều nét ngạc nhiên đầy kinh dị:

- Trời ơi tao tưởng mày là xác chết rồi chứ... thế mà đêm lính nó không nhặt đi...

Tôi trở ra ngoài vươn vai, thở mạnh, phủi những rác rưởi

bám trên quần áo, mắt tôi kèm nhèm. Tôi nhổ một chút nước bọt ra bàn tay rồi chét vào mắt mà dụi cho tỉnh táo. Những chuyến xe không, bắt đầu vào bến năm. Mặt đường nhựa rét cứng. Mùa đông vào thành phố, vẻ buồn thảm càng nhiều. Người đàn bà dọn quán. Bà ta bán bún riêu, bánh đúc. Sau khi bày bát đĩa, tôi ngồi vào tấm ghế dài, kẹp tay vào giữa hai bắp đùi rồi nói với bà ta:

- Cho một bát bánh đúc.

Người đàn bà mãi mới nhìn lên dò xét, tôi biết bà ta đang nghĩ gì:

- Nay người ta chưa bán mở hàng đâu đấy. Có tiền không mà ăn?

Tôi moi mấy đồng bạc của người phụ xe cho mà để lên bàn, tôi lên giọng chững chạc:

- Cho hai đồng thôi...

Hai bát bánh đúc chan canh riêu nóng hổi vừa ăn vừa thổi làm tôi tỉnh táo. Tôi ngón rau chuối như lợn cốt đầy dạ dày. Tôi ăn thật nhiều ớt cho tê cả miệng và ràn rụa nước mắt.

Nghĩ đến chuyện bị hỏi giấy, tôi đi vào phố xá lén lút như một kẻ ăn cắp, như chú cừu đang lạc vào bầy sói tôi đang lẫn thân bên những xác ma chập chờn lẫn quất. Trông người nào tôi cũng thấy họ hung ác ngay cả những đứa trẻ con cũng vậy và lúc nào tôi cũng tưởng họ sắp thộp lấy gáy mình hỏi lăng nhăng rồi bỏ vào nhà tù cho đông đảo thêm.

Việc đầu tiên tôi nghĩ đến là trở về nơi bãi Phúc Xá xem nhà cũ thế nào. Thành phố xa lạ một cách không ngờ. Những dấu vết chiến tranh đang được cố gắng lấp đầy để quên lãng. Tôi đứng ở đầu nhà máy đèn, nhìn xuống bãi Phúc Xá vắng tanh chơ vơ vài bức tường đứng cô đơn. Cầu Long Biên xám đứng đàng xa. Tôi không dám lẫn xuống bãi. Tôi cố nghĩ xem, quen ai, tìm ai, ở đâu, ăn gì, uống gì.

Tôi ngồi ở vỉa hè nhìn nền trời xám.

Tôi đi men theo nhà **Ideo** lên phía Yên Phụ. Những rặng cây trút lá chạy dài. Những tên lính Tây la hét cười cợt hát hống ở phía trong bức tường cao. Tôi thấy chúng vứt những ống bơ ra theo lối cửa sổ. Tôi đến những đồng rác ấy bới móc nhặt những chút vỏ bánh mì đen thui ấn vào mồm mà nhai mà nuốt. Tôi bới hết đồng này đến đồng khác. Tôi vét vào mồm từng chút cặn thịt hộp đã thiu thối, từng chút đầu hay đuôi cá tanh lợm còn sót lại trong những chiếc ống bơ. Tôi nhặt cả từng miếng bánh mỳ nhỏ ấn vào hai túi áo. Đi bới hết những đồng rác tôi ngồi nhai những mẩu bánh, khi cổ khô vì khát tôi tìm một cái máy nước áp mặt vào nốc.

Tôi đi lang thang lẩn lút từ phố này sang phố khác. Chèn vào đám đông nhìn vào từng khuôn mặt xem có ai quen không. Nhưng suốt buổi tôi không tìm kiếm được gì.

Đến buổi trưa tôi theo đường tàu điện ra tận Giáp, ngồi trong Văn Miếu bên những bia đá, nhà đổ, gạch ngói và cỏ hoang buồn buồn tôi lộn hai túi áo ra nhặt nốt những vụn bánh còn sót lại bỏ vào mồm. Ngồi chán leo lên bức tường đổ ra chợ Con Bò. Đang thơ thẩn bỗng nghe tiếng cười hỏi giật:

- Kia cậu Kha, cậu mới hồi cư à? Ông bà ở đâu?... Cháu vẫn để ý tìm mà không gặp – may quá... nhà cháu ấy... Tôi ngạc nhiên phủi áo rồi nhìn vào mặt người đàn ông một lúc. Tôi không nhận ra ai. Thấy tôi im lặng, người đàn ông lại nói tiếp:

- Cháu đây mà – cả Mạnh hồi xưa trông cửa hàng cho ông bà nhà...

Bây giờ thì tôi đã có người quen rồi cho dù tôi không nhận ra ai.

- Tôi nhớ, chết thật lâu ngày... tôi cũng đang đi kiếm...
- Thế ông bà nhà?
- Có mình tôi thôi... thầy để tôi... Tôi đang đi tìm một chỗ ở.
- Thế ra có một mình cậu.
- Vâng...
- Thật rồi...
- Tôi muốn có một chỗ ở tạm – nhà bác?

Người đàn ông lưỡng lự. Bác ta vào độ 40 tuổi, mặt già nua đen sạm, những vết nhăn chằng chịt trên trán. Một con mắt bị tật để lộ ra một mí đỏ lòm và ít râu thưa mọc lờm chớm trên mép.

- Cho tôi ở tạm thôi...
- Nhà cháu cũng không có chỗ tử tế. Sợ cậu ở không được.
- Vẽ ra, đến có ổ chuột mà rúc vào cũng hay rồi đấy, loạn mà bác?

oOo

Sau cùng – bác Mạnh – bây giờ tôi có thể nhớ được tên bác – đưa tôi về ngõ Thông Phong ở tận mãi chỗ Ô Chợ Dừa nơi con đường Hàng Bột. Vừa vào đầu ngõ đã phải đi qua một xưởng thuộc da hôi thối và những ruộng muống tanh lợm mùi bùn. Bác Mạnh làm nghề thối thông phong cho một xưởng nhỏ ở luôn tại đó làm người gác nữa. Bác có một chỗ ở bằng ba chiếc chiếu gác bằng mấy tấm tôn vào cái lò nấu thủy tinh. Trong nhà chỉ có một cái giường tre độc nhất là chỗ ăn, chỗ ngồi chơi hút thuốc lào và chỗ ngủ cho hai vợ chồng và một đứa con gái hai tuổi gầy teo. Tiếng nó khóc như tiếng mèo kêu nhưng cũng nhờ tiếng khóc đó tôi biết nó còn sống.

Tôi nói tình cảnh tôi cho bác Mạnh nghe. Bác tỏ vẻ ái ngại về chuyện vật đổi sao dời làm tôi khó chịu. Tôi nhờ bác xin cho một việc làm ngay ở xưởng. Ở đây người ta mua những

mảnh vụn chai, kính vỡ về nấu rồi thổi thông phong, những ve chai nhỏ để đóng thuốc cho mấy tiệm thuốc bắc. Tôi không biết thổi nên nhận một chân đốt lò, khuôn thủy tinh, quét dọn. Buổi tối tôi giải chiếu ngay nơi cửa lò – chỗ làm việc của bọn thợ ban ngày mà ngủ cho ấm.

Bây giờ thì tôi đỡ lo là chưa chết ngay. Mùa đông kéo dài những ngày rét mướt. Tôi vay tiền mua hai cái bao tải tối đến chui vào đó. Với những ngày làm việc mệt nhọc những cơn sốt vẫn trở lại với tôi. Tôi lãnh tiền công chỉ trả tiền cơm cho bác Mạnh và mua thuốc ký-ninh vàng về uống hoài. Uống mãi những cơn sốt lui dần thì tôi hoá ra nghễnh ngãng, ù tai nghe không rõ. Người ta sai bảo tôi chẳng nghe được, người chủ đuổi tôi không cho làm vì không thể mướn một người điếc. Tôi buồn sao không điếc hẳn mà lại còn đủ sức để nghe tiếng quát tháo. Theo lời khuyên của bác Mạnh. Tôi đeo lên vai một cái giỏ rách, với một cái móc sắt đi theo những người móc rác đi nhặt mảnh chai, kính vỡ, vụn sắt về bán.

Tôi tìm ra bãi đổ rác, bới những đồng hồ thổi, nhặt chai, kính... từng chút sắt vụn, vỏ cam, rẻ rách. Khi chiều về lọc ra từng thứ bán cho bà Cả Ối. Bà ta chuyên mua lại của những người đi nhặt rồi bán cân cho xưởng thổi thông phong, cho lò đúc, rẻ rách bán cho dân Bưởi làm giấy cho xưởng ô-tô làm rẻ lau. Vỏ cam vỏ quýt cho tiệm bào chế và cả lông vịt lông gà...

Tôi kiếm đủ ăn, tối về ngủ ở chỗ bác Mạnh như một con chó vô chủ.

Tôi bới chán ở đồng rác lại đi tìm bới ở những căn nhà đổ nát chưa có chủ về. Tôi nghĩ đến nhà tôi, và những thứ còn lại ở đấy chắc chưa ai nhặt nên muốn mò về. Một bữa tôi lên đê Yên Phụ nhìn sang bãi Phúc Xá với ý nghĩ ấy nhưng

rồi không dám qua. Tôi đi dọc bờ sông lên chỗ xưởng dép cao-su Con Hồ chen vào một đám đông đảo tụ lại ở chân đê.

Tôi thấy người ta đang đào một cái hố lớn, họ đào sâu và vớt lên vô kể những mảnh chai sắt vụn mà không ai nhặt thì mừng quá. Tôi nhặt lại từng đồng rồi thuê xe ba gác chở về. Tôi vớ được một món bất ngờ. Tôi không hiểu họ đào gì mà chốc có người lại cúi xuống nhặt lên một mẫu xương, khi to khi nhỏ rồi xem xét, truyền tay nhau. Khi thì xương bò, khi thì xương lợn, khi xương gà, xương chó... Khi biết thế họ lại vớt đi và đào nữa – Sau tôi mới biết họ tìm xương người. Toán người ở đó được một nhà giàu ở đây thuê đào tìm xương của ông bố chết hồi chạy loạn mà người đó nghi là chết ở tăng-xê nơi chỗ này. Bởi thế nên mỗi khi gặp một chút xương họ phải xem có phải là xương người không, nhưng mỗi lần họ đều thất vọng, đào mãi cũng không thấy gì. Ngày thứ hai họ có ý thôi, tôi nghĩ đến sắt vụn mảnh chai nên bảo:

- Tăng-xê này sâu lắm, ở dưới nữa kia. Đào chưa tới đâu. Thấy nói vậy họ tưởng tôi biết nên xúm lại hỏi, yên trí tôi biết. Tôi bảo chính hồi Nhật thả bom tôi đã chui vào đây và có lẽ mẹ tôi cũng bị chôn ở đây nữa. Họ tiếp tục đào và cho tôi kiếm ăn. Nhưng lẽ dĩ nhiên họ không tìm ra một chút xương người nào. Khi họ yên trí bảo chắc ông cụ không chết ở đây. Tôi vỗ tay vào trán như mới nhớ ra: - À, nhưng chỗ này có những hai cái tăng-xê cơ – hay ông cụ chui ở cái đặng này...

Tôi chỉ cho họ chỗ cách đó độ năm thước, tôi quả quyết còn một cái nữa – và họ tiếp tục đào cho tôi nhặt mảnh chai, sắt vụn. Tôi nghĩ giá hồi xưa biết vậy tôi chết quách chỗ này cho bây giờ họ nhặt lấy xương mà làm ma, làm chay và cho là bố họ có hơn không. Rồi đào mãi họ cũng bỏ.

Tôi nghiêm nét mặt rồi nói lớn:

- Sao không đào cái đồng thối thối này của tao mà lấy đầu lâu và xương cốt...

Lũ người bảo tôi là thằng điên họ tức bực muốn dần cho chết. Có một đũa bông lơ cho cả lũ cười.

- Đến vớt cái xác mày cho chó nó cũng chả gặm nữa là xương cốt...

Tôi cất tiếng cười lớn theo đám đông xúm quanh làm họ thôi cười.

Số tiền kiếm được làm tôi phê phỡn. Một bữa tối tôi qua phố Hàng Buồm mua hai con gà luộc sẵn về cho vợ chồng bác Mạnh một con, còn một con tôi ngồi xé ra ngoạm.

Tôi đang ăn thì có đứa con gái đứng ở cửa nhìn vào. Tự nhiên tôi nói lớn:

- Có ăn thì vào cho miếng chứ nhìn gì?

Nó vào ngồi ở bên cạnh rất thản nhiên. Tôi nghĩ chắc nó cũng sống như tôi – thật tội nghiệp. Tôi nhìn vào mặt nó. Nó cũng chỉ độ tuổi tôi. Tóc uốn quăn môi son và mặt chất phấn. Nó mặc quần áo trắng. Nó ăn hết rồi ngồi mút mười đầu ngón tay còn vẻ thèm nhạt. Tôi hỏi:

- Ở đâu?

- Trong ngõ

- Có nhà à?

- Có

- Hạnh phúc, hạnh phúc.

- Còn anh?

Nó nói tiếng anh ngọt sớt. Tôi vớt bỏ mẩu xương cuối cùng rồi co vạt áo lên chùi mồm.

- Không có gì cả... không có gì cả mà...

- Về ở với em...

Nó lại xưng em. Tối hôm đó tôi theo về nhà nó – một

gian nhà lá mãi trong cuối ngõ. Nó chỉ cho tôi nằm ở một cái chõng con và vút cho tôi một cái chăn đơn. Nó ngủ ở một cái giường có màn buông và hai cái gối. Lần đầu tiên tôi được một chút êm ấm. Đêm nó thắp đèn kể chuyện tâm sự cho tôi nghe. Nó chả có cha mẹ gì và nó làm nghề kiếm khách. Tôi về ở đó ngày ngày đi móc rác, đêm về ngủ. Nó thì ban ngày ngủ, đêm đến mặc quần áo, đánh phấn chải đầu rồi đi kiếm mối đem về nhà. Chúng nó cởi trường ra đùa rỡn với nhau chán rồi ôm nhau lên giường ngủ như không có tôi. Những ngày mùa đông rét mướt kéo dài mãi nền trời xám và mưa đêm. Những ngày không có khách nó co tôi sang ngủ chung cho ấm. Có đêm cơn sốt rét lên nó thấy tôi run như sắp chết thì hoảng sợ.

- Ê chết sao mà rầy dữ vậy?

- Không.

- Đùng rỡn, chết làm sao ta chôn.

- Thì cứ vút ra đường là xong

- Vút sao được...

- Đùa chứ chết gì, ôm cho chặt vào thì không chết đâu, khi.

Nó cởi hết quần áo tôi ra mà đùa rỡn coi tôi như một khúc gỗ. Đêm nào nó cũng cần ôm lấy một thân thể mới ngủ được. Tôi là một cái thân thể để cho nó đắp vào những đêm không có khách. Có đêm tôi lên cơn rét, thân thể hoàn toàn bất lực, nó cố vác bỏ tôi sang chõng rồi ngồi chờ thẳng tầm quất đi qua. Thẳng tầm quất tới nó gọi vào rồi đóng cửa lại, nó bảo đấm bóp chán rồi ôm lấy. Thẳng tầm quất không cưỡng lại được, sáng hôm sau như lả đi. Nó bảo tôi giúp sức kéo bỏ ra ngoài đường. Đến một hôm có một gã đàn ông khoẻ mạnh đến rồi ở luôn lại. Tôi nằm một mình buồn tủi. Rồi đưa con gái bảo tôi:

- Em sắp lấy chồng.

- Gã đó?

- Chứ sao.

Tôi buồn rầu bảo:

- Lấy anh đi... tương lai mà...

Nó bĩu môi rồi tát vào mặt tôi một cái mà bảo:

- Ư ừ... để rồi tao đi móc rác với mày à – Rồi con cái – rồi tuổi già?...
tuổi già?...

- Đờ khi – Lại còn con cái? Lại còn tuổi già? Rồi sống được đến già à?

Tôi ôm lấy nó như chưa ôm bao giờ.

- ĐỪNG LẤY GÃ ĐÓ. Ở VỚI ANH...

oOo

Mấy ngày sau chúng nó tổng tôi đi với mấy chục bạc. Tôi ngày ngày đi móc rác, chiều đến mò vào Văn Miếu nằm. Đêm đêm sờ soạn những bia đá, những gạch ngói nằm im mà thấy tủi thân. Ôm vào lòng cũng chỉ thấy cứng ngắt. Buổi sáng thức dậy soi mặt xuống làn nước hồ nghe tiếng quạ kêu trên những ngọn cây khô già cỗi.

Đến một khuya kia tôi thức dậy vì ánh sáng đèn bin soi vào mặt. Tôi mở mắt nhìn tụi lính chĩa súng vào người. Chúng hỏi giấy tờ tôi không có gì nên bị điệu về bắt. Chúng giam tôi đến sáng hôm sau mới dẫn lên hỏi:

- Tên gì?

- Con tên Kha.

- Thẻ căn cước?

- Con mới vào nên chưa có.

- Ở đâu?

- Con ở ngõ Thông Phong

- Số nhà?

- Con quên.

- Với ai?

- Với vợ con.

Chúng bắt tôi dẫn về ngõ Thông Phong, tôi đưa vào nhà đưa con gái. Tôi chỉ vào nó mà bảo với tụi lính:

- Vợ con đây.

Tụi lính cất tiếng hỏi:

- Có phải bà là vợ nó không?

- Không, tôi có chồng.

- Bà biết nó không?

- Không – tôi không biết nó là ai cả.

- Nó là vợ tôi mà...

- Này thằng kia – mày trông rõ xem tao ngủ với mày bao giờ...

Tôi thấy yêu đưa con gái vô cùng. Tụi lính đánh tôi tui bụi.

- Khai láo, khai láo... quân lưu manh... đánh cho chết đi...

Đêm chúng đem tôi về nhận vào bể nước rồi đánh nữa. Khi tôi ngất đi chúng lại phun nước cho tỉnh dậy và tiếp tục đánh như nhồi một trái banh – rồi chúng lại bắt tôi cung khai. Tôi không còn biết mình nói gì:

- Mày mới ở ngoài vào phải không?

- Vâng... dạ

- Định phá hoại phải không?

- Dạ vâng...

- Với ai, tổ chức nào?

- Vâng...

- Ai?

- Dạ...

- Ai?

- Nguyễn-mạnh-Kha...

- Ở đâu?

- Số bảy, tám, chín Hàng Khay.

- Đúng không?

- Nó cho ở...

Tụi lính lại dẫn tôi đi, tới nơi tôi vừa tỉnh để bảo:

- Không, tôi nhầm. Tôi là Nguyễn-mạnh-Kha.

Tôi khai lung tung, bạ gì nói nấy. Chúng đánh chán tay rồi giam tôi vào buồng tối như một con chó cho muỗi nó đốt. Chúng tra khảo tôi mãi cũng chán nên giam tôi lại cùng với những người khác, mỗi ngày ném cho một nắm cơm. Có một ngày lũ người bị giam được tập trung vào một khoảng sân ngó thấy nền trời. Tay bị xích lại. Hôm đó có một viên cố đạo bảo là đến làm phép lành cho lũ tù. Hắn nói những điều tôi chưa hề nghe bao giờ như: yêu mến chúa, thiên đường, địa ngục, cứu rỗi, tội lỗi, xám hối, quỷ quái, thánh thần, yêu thương, huynh đệ... Lũ lính vác súng bắt lũ tù ngồi yên nghe.

Viên cố đạo làm dấu nhìn chúng bị đánh đập. Nhưng tôi còn đủ sức chửi bới và văng tục. Tụi lính lại tra khảo tôi mà không chịu buông tha:

- Mà tên gì?

- Con khỉ

- Ở đâu?

- Con khỉ... cõi trường...

- Cha mẹ mà tên gì?

- Ai?...

- Cha mẹ mà?

Khi nghe rõ đến hai tiếng cha mẹ thì tôi khóc rống lên chúng tiếp tục đánh đập tôi nữa:

- Mà tên gì?

- ... thịt thối...

- Ở đâu?

- Viên cố đạo

- Cha mẹ mà tên gì?

- A ha!... A ha!...

Đến một đêm tối lũ lính dồn tôi lên một chiếc xe bọc kín mang tới một cánh đồng cùng mấy đứa nữa. Chúng bắt đào hố. Tôi biết là sắp được tự chôn mình. Tôi nghe tiếng lên đạn lách cách, xong chúng bắt quay mặt vào hố. Tôi nhớ đến câu hỏi, và tự nhắc.

- Cha mẹ mày tên gì?

1958

DUYÊN ANH CON SÁO CỦA EM TÔI

Sau khi cha tôi mất, gia đình càng ngày càng túng bấn, một mình mẹ tôi không đủ sức nuôi nấng hai đứa con mồ côi nơi thành thị nên mẹ đưa hai anh em tôi trở về làng cũ. Bên nội xóa bỏ tên cha tôi trong gia phả vì cha tôi xé tờ khai sinh mà ông tôi cố tình điền tên tuổi người vợ cả vào chỗ tên tuổi mẹ tôi. Ông tôi muốn gạt mẹ khỏi cuộc đời cha tôi bấy giờ và cuộc đời tôi mai hậu. Việc ấy rất giản dị như ông đã xóa bỏ tên chú Nghị vì chú mê cờ đào cái lương gia nhập ban hát, lang thang rày đây mai đó. Bên ngoại từ bỏ mẹ tôi ngay từ dạo mẹ có mang ba tháng vì mẹ trốn nhà, vượt luật lệ cổ truyền, theo cha tôi làm vợ lẽ. Thành thử lớn lên anh em tôi mù mịt cả ý niệm gia tộc. Mẹ tôi thường kể rằng trước khi lấy mẹ tôi, cha tôi đã có vợ. Người vợ ấy cha tôi không yêu thương, nên bốn năm liền bà tôi cứ hoài công mong bế

cháu. Ông tôi buồn phiền, thở dài thườn thượt, ông nghĩ đến nghiệp chướng xa xôi nào, lúc này sự quả báo hiện hình khiến cha tôi ăn ở với vợ lâu thế mà vẫn không có mụn con, dù con gái. Thật vô phúc. Cha tôi đi vắng luôn luôn, cha năng ở nhà ông phó Nhị hầu hạ ông để hòng ông truyền hết ngón đàn thập lục.

Cha tôi phải giặt quần áo, đấm bóp chân tay hay kiểm rượu, đồ nhắm cho ông Phó, phục dịch ông đủ điều. Rốt cuộc ông Phó vẫn giữ lại đôi ngón sờ trường, ông sợ dạy hết, mai một cha tôi giỏi hơn ông. Bởi vậy, tài nghệ của cha tôi chưa nổi bật, và chưa đủ thời giờ nghiên cứu âm nhạc quê hương thì cha tôi đã gặp mẹ tôi. Cuộc tình duyên này làm đảo lộn đời cha và ảnh hưởng rất nhiều đến anh em tôi sau này.

Ông nội tôi biết chuyện tức sôi ruột, chửi bới cả gia đình nhà mẹ tôi. Tiếng dữ đồn tới xóm làng bên kia sông. Ông ngoại tôi đuổi mẹ tôi khỏi cửa. Bấy giờ mẹ tôi có mang tôi được ba tháng. Cha tôi lén lút gọi mẹ tôi nướng nấu nhờ người bà con xóm cuối thôn. Bà nội tôi thương con cả, lại nghe tin mẹ tôi có chữa nên bớt giận. Bà nội xin ông nội nhận mẹ tôi làm vợ lẽ cha tôi. Cuộc hôn nhân không giá thú. Việc tương vậ êm thấm. Ai ngờ ông ngoại tôi lồng lộn tìm bắt mẹ tôi, đánh đập mẹ tôi một trận tàn nhẫn. Tệ hơn nữa, ông ngoại tôi lại gọt hết tóc, bôi vôi trắng xóa đầu mẹ tôi rồi mới đoạn tình phụ tử. Mẹ tôi phải trùm khăn vuông kín mít ngót hai năm trời.

Mẹ về sống dưới gian nhà mái dột, vách bùn trát nham nhở bên cạnh chuồng trâu của đại gia đình họ Nguyễn nhà tôi. Suốt thời gian đèo bòng cái hình hài tôi, cái bọc đau khổ, mẹ tôi chịu đựng bao nhiêu điều tủ nhục. Hết người vợ cả hẹp hòi, ích kỷ của cha tôi hẳn học ghen tuông, lại

đến các cô tôi kiểm có sinh sự. Vợ cả cha tôi bảo mẹ tôi độn vải đầy bụng để đánh lừa ông tôi. Ông tôi nhiều bận chỉ mặt mẹ tôi dọa nạt rằng nếu đúng tháng mà không sinh nở thì sẽ tống cổ mẹ tôi đi. Chú Nghiêm thỉnh thoảng về thăm nhà cũng hạch sách mẹ tôi. Ông tôi quý chú Nghiêm lắm. Trong khi cha tôi mài đàn sáo, chú Nghi giang hồ phiêu bạt, chú khéo léo chiều ông tôi. Bởi thế chú Nghiêm được xuống tỉnh học, đỗ đạt giải giang. Chú khinh bỉ mẹ tôi, sự khinh bỉ chú học mót của đám dân trưởng giả thành phố. Mẹ tôi đau khổ trăm chiều, ngày làm quần quật như con vật, tối ôm bụng khóc một mình. Tội nghiệp mẹ tôi, tôi chả biết ví mẹ giống ai. Đầy tớ nhà ông tôi còn sung sướng còn nói đùa nghịch, chứ mẹ tôi thì câm nín suốt ngày đêm. Cha tôi hy vọng mẹ tôi sinh con trai và đứa đầu lòng sẽ là nhíp cầu bắc qua những tâm hồn người bên nội với tâm hồn mẹ tôi. Chắc chắn mẹ tôi hết tử cực.

Đến ngày mẹ tôi trở dạ, ông tôi cất vội vàng túp lều nhỏ ở xó vườn, cạnh khóm chuối tiêu. Tôi cất tiếng khóc ban đầu nơi ấy, ở túp lều xó vườn, cạnh khóm chuối tiêu, cạnh những con người hà tiện tình thương mến. Vì đêm tôi mở mắt chào đời, cha tôi đi vắng nên có sự xảy ra như tôi đã nói đoạn đầu. Tuần lễ sau cha tôi về, cha nghiêng răng xé nát tờ khai sinh rồi đưa mẹ con tôi xuống tỉnh lỵ. Tôi vĩnh biệt họ hàng bên nội bằng mấy tiếng “oe oe”. Tôi lớn dần, lớn dần để thu vào tầm mắt non nớt hình ảnh cuộc đời cha tôi: hình ảnh gã nhạc công hậu trường sân khấu cải lương, hình ảnh ông lái thuốc bắc, hình ảnh ông thư ký sở tư, hình ảnh ông thợ chữa xe đạp và sau rốt là hình ảnh ông lang chế thuốc cao đơn hoàn tán. Mãi tới ngày cha tôi mất, tôi mới thù hằn những hình ảnh méo mó dọa đầy linh hồn cha tôi. Sao đời cha tôi nhiều hình ảnh thế? Và đời tôi nữa, hình

ảnh thắm nét nhất là một đêm mù mịt bên khóm chuối tiêu. Thế mà anh em tôi lại phải về quê ngoại. Tôi không hiểu tại sao mẹ tôi chịu nhục nhã, nương nấu dưới túp nhà lá bỏ hoang vườn sau, trước đây ông bà ngoại dành riêng cho bọn thợ gặt mỗi vụ mùa. Mẹ tôi chỉ nghĩ đến anh em tôi. Trời ơi, tôi muốn khóc quá.

Ở đây, chúng tôi sống lủi thủi cô độc. Mẹ tôi dọn quán bán nước chè tươi, xôi chè, canh bún ngoài bến đò Đồng - đức, bòn nhặt từng hào chỉ. Thường mẹ dậy sớm sửa soạn đồ hàng, cơm nước buổi sáng để anh em tôi ăn. Mẹ nắm thêm hai nắm nhỏ phòng trưa đói còn lót dạ tạm. Chập tối mẹ lần mò về nhóm bếp thổi cơm. Bữa nào hàng ế ẩm, mẹ con tôi ăn canh bún, ăn xôi chè thay cơm. Mẹ tôi luôn luôn vui vẻ dù thỉnh thoảng cậu mợ, dì bác tôi mỉa mai đủ điều. Họ nói những lời mà bây giờ tôi hãy còn nhớ. Tôi không thể tưởng tượng nổi tê tái ghiến nát cõi lòng mẹ khi bà ngoại gọi mẹ là “đồ đi”, bác tôi bảo mẹ là “con lẳng loạn” và mợ tôi nói bâng quơ “cóc chết ba năm quay đầu về núi”. Tôi thấy mẹ tôi cúi đầu lẳng lặng, nước mắt nhỏ giọt trên mái tóc em tôi, thì tôi đoán rằng mẹ buồn. Hồi ấy, tuy tôi bé bỏng nhưng tôi đã biết xét đoán những con mắt soi mói, những lời tiếng bác chì, những bộ mặt ích kỷ của mọi người họ hàng bên ngoại. Tôi thương mẹ. Tôi thương em gái tôi hơn, chưa được hưởng sung sướng thì cha vội lìa đời. Tôi hằng mơ ước một mai khôn lớn, tôi sẽ kiếm tiền nuôi mẹ, sẽ tậu nhà ở tỉnh, mẹ tôi thôi bán hàng, em tôi cấp sách đi học. Nghĩ vậy tôi thêm đọc sách lắm. Khốn nỗi mẹ tôi nghèo cực, lấy tiền đâu mà mua. Tôi đành học ôn mớ sách cũ nát và dạy em tôi từng trang, từng đoạn dè sẻn, sợ hết chữ.

Đám con cái cậu mợ tôi vào hứa cha mẹ chúng bắt nạt

anh em tôi. Hễ em tôi hở ra món đồ chơi nào là chúng nó tìm cách ăn cắp. Tôi đòi, chúng xúm nhau đánh đập tôi sưng tím cả mặt mày. Em tôi khóc, mẹ tôi thở dài đau đớn. Dần dần cuộc sống quen nếp. Anh em tôi biết thân phận, bắt chước mẹ tôi, tập nhịn nhục, tập nghiêng răng và hy vọng. Anh em tôi đùa nghịch với nhau, chẳng dám lai vãng đến thăm nhà ông bà ngoại.

Tôi hay bắt dế, bắt chuồn chuồn, bắt công cồng cho em tôi chơi. Bọn bè của chúng tôi chừng chỉ có con chim chích chòe sáng nào cũng đậu trên cành soan ca hát líu lo rồi tung cánh bay xa tìm mồi. Em tôi thích chim. Tôi vụng về, không trèo cao được. Tôi hẹn sẽ bắt tặng em tôi một con sáo khi mùa xuân sang.

Mùa xuân, hoa soan vườn nhà nở nhiều, màu tím dịu mắt. Mẹ tôi nói hoa soan nở chỉ tổ đuổi muỗi mọt một xác. Cùng lượt hoa soan khoe sắc, sáo trên rừng đổ xô xuống đồng bằng hàng đám, cơ man. Em tôi nhìn những con sáo đen, lông muôn muốt, viền mắt vàng vàng, ra chiều thèm ớn. Tôi theo bọn trẻ con bến đò, lấy rổ rách, vất cặp rồi buộc lại tựa hình cái đờ đờ tép. Xong, tôi bó manh chiếu bên ngoài bịt chặt một đầu, còn đầu kia để ngỏ cho sáo ra vào. Tôi buộc tổ sáo trên cành sung thấp nhất. Hai hôm sau vợ chồng nhà sáo bắt đầu tha rác về tổ của anh em tôi. Chúng tôi hoan hỉ đợi chờ. Em tôi chưa chi đã vội lo cái lồng nhốt con sáo. Tôi bảo em tôi phải mong ba tháng. Em tôi sốt ruột. Ngày nào cũng hỏi thăm sáo. Mẹ mắng em, em dỗi bỏ cơm. Tôi dỗ dành em mới chịu ăn.

Ít lâu sau tôi trèo lên thăm tổ. Tôi thò tay tận phía trong và biết sáo đẻ bốn trứng. Tôi lôi ra xem. Trứng sáo to bằng ngón tay cái của tôi, màu xanh xanh vân vân đẹp quá. Tôi kể chuyện em nghe. Em nhảy reo ầm ỹ. Mẹ tôi dọa rằng:

- Rắn ưa tìm tổ chim ăn trứng. Con liệu hồn, nó cắn thì chết.

Tôi phát run, thề sẽ chữa thói liều lĩnh nguy hiểm. Nhưng em tôi muối coi trứng sáo, em cứ nằn nì đem xuống một trứng. Tôi đành mạo hiểm lần nữa. Lúc tôi đang lúi húi trước cửa sổ thì vợ chồng đôi sáo bay về. Chúng nó lượn trên đầu tôi, kêu inh ỏi. Tôi bỏ trứng vào túi áo, tụt xuống, sốt cả tay, máu chảy đầm đìa. Em tôi thỏa mãn sự tò mò, em trông tôi, thương hại. Tôi an ủi em và trả lại trứng cho sáo.

Tối hôm ấy mẹ tôi đánh tôi hai roi tội không vâng lời. Mẹ nói:

- Còn trèo nữa, sáo sẽ bỏ tổ.

Anh em tôi lo ngại ngủ chẳng ngon giấc. Ngày tháng mùa xuân trôi vùn vụt. Một buổi sáng anh em tôi nghe rõ tiếng sáo con kêu trong tổ, em tôi hỏi:

- Anh ơi! Sáo con có bú mẹ không?

Tôi vuốt tóc em dịu dàng trả lời:

- Em bú mẹ chứ sáo nào bú mẹ

Em ngây thơ:

- Thế làm sao nó lớn được?

- À sáo mẹ mớm mồi.

- Sáo bố làm gì hở anh?

- Sáo bố đứng canh. Em nhìn thì biết. Kia kia, trên cành cây gần tổ. Khi sáo mẹ mớm mồi cho các con, cũng như khi ấp trứng, sáo bố bao giờ cũng lớn vờn ngoài tổ em à!

Tôi giảng nghĩa thế vì tôi nghe lỏm bọn trẻ con ngoài bến đò. Em tôi ngạc nhiên, ngây người đứng ngẩn. Lát lâu em mỉm cười nũng nịu:

- Sáo con ngủ, sáo mẹ có ru không anh?

- Chắc có.

- Anh biết à?

- Thì anh đoán, chim cũng như người vậy em ạ!

- Mẹ ru em bằng bài “Con cò mà đi ăn đêm”, sáo ru con bằng bài gì hở anh?

- Anh chịu, chả biết được.

- Giá sáo là người để em hỏi nó chắc thích lắm anh nhỉ?

- Ừ.

Đám con cái ngộ nghịch của cậu mợ tôi đã thấy chỗ tôi buộc tổ sáo. Tôi tức sôi ruột, tức muốn đốt nhà chúng nó. Chúng nó rình mò làm tôi không thể ra bến đò trông hàng giùm mẹ tôi những lúc đông khách. Anh em tôi thay phiên nhau canh gác. Mẹ tôi khuyên tôi nên chia sáo cho chúng nó. Tôi miễn cưỡng phải rở tổ đáng lẽ chờ vài hôm nữa sáo con già dặn hơn. Hôm tôi bắt sáo con, vợ chồng sáo bay lượn kêu thảm não. Sáo mẹ sà xuống sát đầu tôi như thể nó sắp mổ mắt tôi. Chẳng trách cha tôi xé tờ khai sinh, mẹ tôi chịu vất vả, khổ sở. Mẹ tôi mua giỏ bắt cua để tôi nhốt sáo. Cậu mợ tôi chọn lựa ba con đẹp, lớn ; phần tôi là con sáo đẹt, bé nhỏ, xấu xí nhất đàn. Tôi buồn, khóc mấy đêm ròng. Làm sao tôi nhớ hết mọi chi tiết vụn vặt cái hôm ông cậu bà mợ tôi chia sáo? Cậu tôi bóp con sáo xấu số của tôi khiến cho nó há mỏ ra. Em tôi run rẩy chỉ sợ nó chết? Mợ tôi bảo:

- Bọn mày nuôi sáo làm quái gì, cơm còn không đủ ăn lại có cơm thừa nuôi sáo.

Tôi cáu tiết cãi lại:

- Sáo ăn cào cào chứ cần gì cơm gạo.

Cậu tôi chẳng nể nang gì mẹ tôi cả, cậu chúí đầu tôi một cái thật mạnh. Tôi lao đao xuýt ngã. Cậu mắng mỏ:

- Đồ chết cha, đồ con hoang có khác. Anh em mày lớn lên thì thành đồ ăn cắp!

Tôi nín lặng, em tôi chạy vào ôm lấy mẹ. Và cả tôi cũng lủi

thủ cầm con sáo vừa đi vừa khóc. Tiếng khóc của em tôi, em tôi rõ ràng hơn. Mẹ tôi thương anh em tôi, mẹ bỏ bán hàng nửa buổi đan cái làn mắt thưa. Mẹ bảo nhốt sáo vào đấy rồi treo lên cây, sáo mẹ luyện con sẽ mớm mồi, như vậy sáo chóng lớn.

Tôi nghe mẹ. Quả con sáo của anh em tôi được sáo mẹ chăm lo chu đáo. Đám con cái của cậu mợ tôi ghen ghét. Chúng nó chăm chăm đòi bắt đôi sáo già. Tôi chỉ ngại nhờ chúng bắt sáo của tôi. Bọn ranh con mắt dạy, ích kỷ bắn súng cao su không trúng, chúng nó nhờ người thổi ống xì đồng. Buổi sáng hôm cái gã mắt chột rình rập ngoài vườn, anh em tôi lo cuống quýt. Em tôi nhìn sâu chim đủ loại: chào mào, chích chòe, liểu tiểu lủng lẳng trên vai hắt, em nói nhỏ:

- Khéo nó bắn chết sáo mắt anh ạ!

Tôi run run trả lời em:

- Đừng sợ em ơi! Mắt nó chột bắn chả tin đâu.

Nhưng đôi sáo già đi kiếm mồi đã về. Tim anh em tôi đập mạnh. Tôi rời mắt lên cành sung chờ đợi. Sáo bố đậu cách cái làn khá xa, sáo mẹ mon men lại gần mớm mồi. Trong lúc đó, viên đạn đất oan nghiệt từ ống xì đồng thổi phụt ra. Sáo bố trúng đạn rơi xuống ao. Em tôi giật nảy mình kêu lớn:

- Chết em rồi!

Tôi cảm thấy như viên đạn trúng đầu tôi. Con sáo bố đã chết. Sáo mẹ bay lượn, rĩa rói ai oán hàng giờ. Em tôi ứa nước mắt:

- Sáo của anh em mình mất bố rồi nó sẽ khổ lắm anh nhỉ?

Câu nói khiến lòng tôi se lại. Tôi nhớ cha tôi. Phải chi cha tôi còn sống thì anh em tôi đâu khổ sở thế này. Sáo mẹ thỉnh thoảng bay tới, nó chỉ dám sà vội qua cái làn, có khi sáo con chưa kịp há mỏ, mồi đã rơi mất. Sáo mẹ sợ sệt tất

cả. Tôi chạnh nghĩ đến mẹ tôi mà buồn vời vợi.

Em tôi lo cho sáo con, đòi mang xuống. Tự dấy sáo mẹ không trở lại nữa. Có lẽ nó đã chết vì cô độc hay đã về rừng. Chúng tôi nuôi sáo bằng chuối. Dần dần sáo lớn, tôi ra đồng đập cào cào lấy mồi nuôi sáo. Tội nghiệp sáo con cô cút, đêm ngày âm thầm chui rúc trong cái giỏ cua. Em tôi đang phân vân không hiểu mai kia sáo lớn nhốt vào đâu. Ước gì có cái lồng tre, chúng tôi mơ ước song mẹ tôi không thừa tiền chiều chuộng con.

Giữa lúc đó thì chú Nghị đến thăm mẹ tôi. Họ hàng bên nội nhà tôi chỉ chú Nghị là kẻ có lòng. Bao nhiêu năm tháng qua rồi, từ ngày tôi sinh ra đời tới bây giờ, chú luôn luôn an ủi, giúp đỡ mẹ tôi. Tuy chú nghèo, tôi thường nghĩ giang hồ phiêu bạt như chú, giàu sao được. Chú Nghị tốt lắm, chú bên vực mẹ tôi thuở mẹ tôi bị cả gia đình chồng xúm vào cấu xé, day nghiêng chỉ vì mẹ tôi thương yêu cha tôi quá đến nỗi mẹ bằng lòng lấy cha tôi không cần giá thú. Hôm đưa xác cha tôi tới nghĩa địa, tôi thấy chú khóc nức nở khi những tảng đất phủ kín dần chiếc quan tài bằng gỗ mộc. Tôi còn đủ trí nhớ để hình dung ra bộ mặt khắc khổ phong sương của chú Nghị. Và hình dung ra thì tôi lại ghét cay đắng ông bà nội, các cô các chú tôi, nhất là người vợ cả ích kỷ của cha tôi.

Dạo cha tôi ở Hà - nội, ban tuồng chú Nghị sau nhiều chuyến lang thang dọc đường gió bụi, trở về trình diễn tại thành phố này. Chú dành ghế cho cha mẹ tôi xem tuồng liên miên. Mỗi buổi tan hát, chú dẫn đi ăn mì. Khi rảnh rang, chú dắt tôi tới vườn Bách - thú xem xiếc hoặc dạo mát loanh quanh trong công viên rồi ra ngồi ăn bánh tằm trên đường Cổ - ngư bên hồ Trúc - bạch. Mỗi phố tôi qua, chú dạy tôi cách trông chừng hai đường xe cộ lưu thông. Vì chú cháu tôi

hay thơ thần buổi sáng, chú bảo tôi thở hít mạnh, chú giữ lưng tôi ngay thẳng tựa người lính tập đứng nghiêm. Tôi yếu đuối, chần chẫn sợ yếu đuối ảnh hưởng phần nào những ngày mẹ tôi mang thai tôi, tâm hồn mẹ bị dẫn vật, thôi thúc thời gian đó. Chú Nghị hay kể tôi nghe về những con người như Nguyễn - Huệ, Lê - Lợi, Lý - Thường - Kiệt, câu kết luận của chú bao giờ cũng hàm đầy ý khuyến khích:

- Cháu gắng lên, mai một cháu sẽ giỏi, cháu sẽ hãnh diện làm con của cha mẹ cháu.

Tôi không nghe chú nói tới quãng đời luân lạc chìm nổi của một kép hát. Sau này vợ chú bỏ chú lấy người khác, chú nghiện rượu và thù hằn tất cả. Tôi không biết tại sao chú hay giấu diếm sự ẩn ức mà đáng lẽ nói được thì chú bốt giận dữ kẻ khác trên đời. Nhưng, ngay trong những cơn điên tàn bạo, chú tôi rất hiền hòa với mẹ tôi. Tôi nhớ dạo gia đình tôi sống ở ngoại ô Khâm - thiên, nhà tôi phải đi qua cái ngõ hẹp bẩn thỉu. Một buổi tối, tôi đang cầm cổ bước, vì tôi sợ ma, thỉnh linh chú Nghị nấp sau đám giậu kê "ú a ú ó" cơ hồ tiếng ma quỷ giận hờn rồi xô ra chần lổi. Chú muốn dọa tôi nên chú chơi thế. Song lúc ấy tôi không thềm hiểu. Trong khoảnh khắc, đầu óc tôi tràn ngập sợ hãi, kích động. Tôi cúi tiết đá chú nột cái thật mạnh. Tôi mới lên mười nhưng tôi mang giày, trong cơn tức giận tôi đá mạnh kính khùng và cái đá làm sứt ống chân chú Nghị. Máu chảy ròng ròng, chú đau đớn, rên nhè nhẹ rồi ngẩng lên mỉm cười. Chú ôm tôi xin lỗi. Tôi khóc thương chú khiến chú rút nước mắt. Chú Nghị mang vết sẹo trên da tháng năm nối tiếp. Thỉnh thoảng vui vẻ, chú kéo ống quần khoe vết sẹo. Anh em tôi lại sà vào lòng chú nũng nịu.

Ngày mẹ tôi diu anh em tôi về quê ngoại, chú phiêu bạt mãi tận Sài - gòn. Thành thử chúng tôi trống rỗng buồn tẻ.

Không ai bênh vực an ủi anh em tôi. Nay tự nhiên chú Nghị đến, hỏi chi anh em tôi không vui mừng sung sướng. Bên ngoài vẫn thù bên nội vì ngày mẹ tôi trốn nhà theo cha, ông nội cứ gọi tên ông ngoại chửi bới, trách móc. Lúc này chú Nghị có mặt ở đây, tôi thấy chú nhét bông đầy tai và đeo kính râm suốt ngày. Chú mua cho tôi vô số sách đẹp. Chú dạy anh em tôi học. Tôi thích chú Nghị nói chuyện lịch sử. Em tôi thì bận tâm về con sáo nhỏ. Em khóc khi chú dạy tôi toán pháp. Chú hỏi em tại sao, em bảo ước gì có cái lồng như bọn anh chị em con cậu con bác tôi. Chú Nghị vuốt tóc em, chú tháo cặp kính, mắt chú đỏ ngầu, chú thẫn thờ giây lát rồi ghé tai em tôi thầm thì. Em tôi nhảy lên reo múa. Mấy hôm sau, chú bỏ việc dạy học, ngồi cặm cụi vót tre đan lồng. Ba bốn ngày liền chú mới đan xong. Cái lồng sáo của em tôi đẹp chả thua gì lồng bán ngoài bến đò. Chú làm chiếc thang ngang lấy chỗ cho sáo đậu, chú buộc cống đựng nước và cống đựng gạo. Sáo của em tôi còn non chưa biết mổ nên cống chưa có gạo, nước. Con sáo được nuôi trong lồng ra chiều ưng ý lắm. Đan lồng sáo tặng em tôi, chú Nghị lại bỏ ra đi. Mẹ tôi giữ thế nào cũng chẳng nổi. Tôi hết hy vọng học chú. Hôm chú mới đến, chú hứa chú ở lâu, chú nói dối anh em tôi. Chú Nghị ra đi, ít tháng sau được tin chú chết, mẹ con tôi buồn não nuột. Từ đó, sớm chiều anh em tôi đành tâm sự với con sáo.

Tôi ra đồng đập cào cào, châu chấu làm mồi cho sáo ăn. Em tôi thích đút chuối cho sáo. Em cắn miếng chuối nhỏ, xâu vào đầu cây tăm. Em thổi sao miệng, chú sáo đỏi kêu “khách khách” trả lời rồi há mỏ ra đợi em tôi mớm ăn. Em còn cho sáo ăn thịt nữa. Những buổi trời ấm áp, em tôi tắm sáo, rửa lồng. Nhìn sáo phơi mình dưới ánh nắng, mắt em tôi bừng lên những tia sung sướng, hy vọng. Em hay thả

sáo tự do nhớn như khỏi lồng. Em đi trước, sáo theo sau tựa hồ đôi bạn côی cút thương yêu nhau. Con sáo của em khôn lắm, nó thường “làm nũng” em lúc em cho nó ăn. Nó nhảy lên cánh tay em rồi bậy trắng lòe áo. Em thích ôm sáo trong lòng đôi bàn tay hoặc để nó đậu trên vai rất âu yếm. Bữa nào sáo ăn ít, em sợ sáo ốm, sáo chết, em buồn có khi em khóc. Nhiều đêm trời mưa bão, em ngủ không yên, thức giấc là hỏi chuyện sáo.

Ngày tháng trôi qua, con sáo của em tôi thay hình đổi dạng. Bộ lông đen mượt, nó nhảy nhót luôn chân. Nó đã biết mổ gạo. Như thế anh em tôi khổ cần lo cào cào, châu chấu, chuối, thịt nữa. Mẹ tôi bảo bóc lưỡi sáo vài lần thì nó mới nói được. Em tôi sợ sáo đau nên ngăn ngừa. Nghe ai mách rằng cho sáo uống nước cua kéo nó “sốt rét”, em tôi định làm, song mẹ tôi mắng:

- Sáo để ở đồng bằng thì ngã nước cái gì, chỉ vẽ chuyện.

Thế rồi anh em tôi cũng phải nhờ mẹ tôi bóc lưỡi sáo. Con sáo xấu xí út ít không ngờ đẹp quá. Bọn trẻ gạ gẫm mua, anh em tôi từ chối. Chúng nó tức giận bèn mang con mèo già hung ác tới dọa nạt. Anh em tôi thay phiên gác sáo.

Bây giờ con sáo tập hát. Mắt nó còn viền vàng xanh đảo đảo. Tỉnh thoảng vắng người nó líu lo đôi tiếng. Hễ có người thì nó câm tiếng. Em tôi cho rằng nó xấu hổ. Một buổi trưa anh em tôi đang thiu thiu ngủ bỗng nghe con sáo kêu hoảng hốt. Em tôi vùng dậy, thấy ở thềm nhà gã mèo hung ác đứng gầm gừ nhìn lên. Em vác guốc ném trúng mèo, nó co đuôi chạy mất. Chúng tôi lo sợ. Mẹ tôi bắt mang lồng sáo ra ngoài hàng, tối mang về.

Khách hàng ghé quán mẹ tôi, họ dạy anh em tôi cách tập sáo nói. Họ bóc hộ lưỡi rồi họ che kín mít lồng. Quả nhiên sáo không nhìn rõ ai, hát líu lo. Giọng nó trong vắt mà buồn

làm sao. Trưa hè ở bến đò vắng vẻ, tiếng nó gọi cho anh em tôi bao nỗi nhớ nhung thương tiếc. Tôi lại nhớ chú Nghị, nhớ cha tôi. Dần dần em tôi dạy nó nói. Bài học vỡ lòng để sáo nói tiếng người là:

- “Sáo dạ, sáo dạ, nhà có khách”.

Em tôi kiên nhẫn dạy sáo, mãi rồi con sáo cô út của em tôi nói được. Em ngây thơ lắm, em dạy cả sáo hát, dạy nói những lời hết sức tha thiết:

-”Sáo nhớ mẹ, sáo khóc “.

Con sáo dường như hiểu nỗi lòng của em tôi nên cố gắng. Khi em hát, sáo hót và nói “Sáo nhớ mẹ...” Càng ngày sáo hót càng hay. Thấy là lạ, ông ngoại tôi xuống chơi nhà tôi nghe sáo nói. Việc này quá sự tưởng tượng của mẹ tôi. Từ ngày gia đình tôi về nương nấu ở đây có khi nào ông ngoại tôi thèm thăm hỏi. Ông thích con sáo, ông đòi mượn. Em tôi lăn ra khóc từ chối. Sau hôm ấy, ông ngoại ghét anh em tôi hơn.

Ở bến đò, vô khối người muốn mua, họ trả một trăm đồng nhưng em không bán. Mẹ tôi khuyên em nên bán vì trăm bạc sẽ may được cho hai anh em tôi mỗi đứa hai bộ quần áo diện tét. Em tôi không cần quần áo, nếu mẹ bán sáo thì em tôi sẽ nhịn đói đến chết. Cuối cùng mẹ chiều em. Anh em tôi có con sáo nên bớt cô độc. Trẻ con hàng xóm năng lui tới nhà tôi trừ bọn anh em họ độc ác của tôi. Trong quãng đời thơ ấu buồn tủi, anh em tôi thèm thường đủ thứ. May mắn mẹ đưa anh em tôi về quê chứ ở lại Hà - nội thì anh em tôi còn khổ sở dường nào. Điều chắc chắn là em tôi không có con sáo để trút nỗi niềm. Em tôi ưa ngồi một mình nói chuyện với sáo. Em tôi kể nỗi hiu quạnh của em làm như sáo hiểu nỗi. Em hỏi sáo:

- Mất bố mẹ sáo có khổ không? Rồi em nói tiếp:

- Khổ ư? tội nghiệp nhỉ, bé bỏng thì chỉ bị bắt nạt thôi sáo ạ! Sáo đừng khóc nhé! À sáo ăn no chóng lớn, chớ bỏ bữa, gãy còm rồi chết thì tôi buồn đấy sáo ạ! Chả ai chơi thân với người nghèo như mình đâu.

Con sáo đôi khi vô tình buột miệng:

- “Sáo nhớ mẹ sáo khóc”

Em tôi dỗ dành:

- Ừ, sáo nhớ mẹ, tôi cũng nhớ cha. Sáo khóc à, thì khóc đi...

Tôi nằm nghe, nước mắt trào ra cay đắng. Dạo ấy tôi mới chỉ mười ba tuổi, em tôi tám tuổi. Nhưng tôi sớm tiếp nhận nỗi u sầu vào tâm hồn. Và bao nỗi niềm tủi nhục thay phiên hắt hủi mẹ con tôi nên tôi đã khôn ngoan, đã biết khinh bỉ họ hàng bên nội bên ngoại trừ chú Nghị.

Cuộc đời đọa đầy tôi ngay ở cái tuổi đáng được hưởng hạnh phúc, sung sướng. Thành ra nếu có ai nghi ngờ, tôi vẫn nói rằng suốt thời thơ ấu của tôi, tôi không biết trồng trăng trồng sao, không biết bẻ hoa bắt bướm mà chỉ biết be bờ ruộng đơm đó kiếm tép để ăn, ăn thừa thì mẹ tôi đem ra bến đò bán. Cùng tuổi tôi, đám con cái của cậu mợ tôi còn vùi vãnh cha mẹ, ngu ngơ chả hiểu gì. Thế mà tôi hiểu cách rang cám cho thơm, cắt màn cũ khâu thành vó, vót tre thành gọng, cắt vó tôm. Tôi hiểu cách chĩa ống nứa, đan hom đào giun xào với lá bông thả ống lươn. Tôi hiểu cách đan rọ cá rô, ngâm thóc vào nước gạo cho thối như đàn cá. Tôi hiểu nhiều lắm, hiểu cả những lời bóng gió, mỉa mai của thiên hạ để sau này bước xuống cuộc đời đem tâm sự của một con chim huyệt mũi tên.

Mẹ tôi ví tôi như trái chín rấm. Tôi tưởng tôi là trái chín hoang. Vì trừ trái chín cây không thềm kể đến, trái chín rấm còn được người ta xếp vào lò hay bỏ vào vựa, vào chum, người ta nhét vào đầy lá soan cho mau chín chứ đời

tôi, đòi anh em tôi nhất định là hai trái chín hoang. Ngày nào đó, người ta thấy hai trái xanh quá, xấu xí quá, người ta ném vô bụi giậu. Mưa, nắng, gió bão tới tấp, chịu đựng nổi thì trái chín. Tôi biết tôi chịu đựng nổi bởi vì ngoài họ hàng bên nội bên ngoại còn mẹ tôi, còn chú Nghị. Ngoài đám con cái cậu mợ tôi hay bắt nạt, hiếp đáp anh em tôi còn bọn trẻ con ở bến đò Đồng - đức dạy tôi buộc tổ sáo... Và mai mốt tôi sẽ chín, chín chẳng để trả thù ai đâu, nhưng chín để kể lại chuỗi ngày tháng anh em tôi nuôi con sáo.

Con sáo là niềm an ủi duy nhất, là niềm kiêu hãnh duy nhất của anh em tôi. Trong khi chung quanh tôi, trẻ con nhà giàu nuôi sáo bằng lồng son, cóng sứ, thức ăn thì gạo trộn lòng đỏ trứng gà, nước uống thì pha sâm nhị hồng, sáo của chúng nó vẫn chết. Anh em tôi nuôi sáo chỉ có gạo trắng, nước lã, lồng tre mà sáo hót lại hót hay, sáo nói lại nói giỏi. Tưởng con sáo cũng nên kiêu hãnh. Với tình thương mến của anh em tôi, với cái lồng do chú Nghị đan, nó đã thành con sáo quý khác cả những sáo quý nhất trên đời.

Tính ra anh em tôi nuôi sáo đã lâu. Năm ngoái mẹ tôi buôn bán phát tài, tết nhất cũng đủ bánh trái, thịt ăn mấy ngày. Anh em tôi mỗi đứa có bộ quần áo mới, có tiền xu, tiền hào chơi đáo, chơi cò quay, có tranh con lợn treo tường, có long đình, tượng bụt chơi làm đình làm chùa. Giá nghe mẹ bán con sáo thì tiếc chùng nào. Năm nay hàng quán ế ẩm. Suốt mùa đông mưa lê thê, bến đò vắng khách. Mẹ tôi lại đau yếu luôn luôn, phải nghỉ ở nhà. Con sáo cùng chung nỗi buồn, biếng ca hót lười bay nhảy, nó quên cả lái nhải mấy câu nói em tôi dạy thuộc lòng.

Trời cuối tháng chạp mưa phùn rả rích. Gió bắc thổi vù vù. Rét thấu xương. Anh em tôi co ro trong ổ rơm, lồng sáo đặt bên cạnh. Mẹ tôi lại sốt từ hôm ông Táo lên châu trời.

Ba hôm nữa tết rồi mà mẹ vẫn nằm rên rĩ. Tôi lo ngại quá, tâm hồn thờ thẩn.

Em tôi sốt ruột vì trời mưa. Nhà chỉ còn gạo, mẹ tôi chưa sấm sửa đồ cúng. Gà vịt cũng chưa mua. Cho đến tối ba mươi, mẹ tôi lên cơn sốt nặng. Mẹ tôi rên hừ hừ. Đắp hai cái chăn, hai cái chiếu, mẹ vẫn còn rét. Anh em tôi ôm nhau khóc thút thít. Em hỏi những câu quái gở khiến tôi rùng mình.

- Anh ơi! liệu mẹ có chết không?

- Không, mẹ phải sống nuôi anh em mình thành người chứ.

- Sao mãi mẹ chả khỏi gì cả?

- Tại trời mưa lạnh, tạnh nắng là mẹ khỏi, em đừng lo.

Tôi nói dối em tôi tại mưa lạnh, thực ra mẹ tôi chẳng uống thuốc men gì cả. Con nhà nghèo, ốm no bò đay. Tôi thường bị sổ mũi, ho mà có cần mời thầy lang đâu. Nằm vài bữa, trở dậy lại khỏe như cũ. Tôi tin thế nên đỡ lo.

- Đạo cha còn sống mẹ có ốm nặng không anh?

- Anh chả nhớ rõ.

Trưa nay, em ngủ nằm mơ thấy cha, em nhớ cha quá, ước gì cha sống lại...

Em tôi khóc to hơn. Tôi ôm em vào lòng, thương mến. Bên ngoài trời còn mưa lai rai. Đêm cuối năm mù mịt. Anh em tôi lo lắng không dám ngủ. Lúc mẹ tung chăn chiếu, anh em tôi nhảy bổ vào ôm mẹ. Hơi nóng và mồ hôi sau cơn sốt thoát ra sưởi ấm anh em tôi giữa đêm trù tịch. Mẹ tôi vuốt tóc em.

- Mai, ngủ thôi chứ con, mai dậy sớm mẹ mừng tuổi tiền mua pháo tếp.

Em tôi nũng nịu:

- Con mua pháo ống lệnh cơ!

- Ừ thì mua pháo ống lệnh.

- Mới lại cái gương cho con sáo nó soi.

- Góm cô ả vôi vĩnh mãi.

Mẹ tôi chiều con, mẹ nói hơi nhiều, giọng mẹ mệt nhọc. Tôi định hỏi mẹ cái gì, nhưng thương mẹ lại nghĩ không ra. Anh em tôi tắt đèn đi ngủ.

Sáng mồng một tôi dậy sớm. Em tôi ngủ mê mệt, tôi đắp thêm chiếu cho em ấm áp ngủ lâu. Mẹ tôi hình như đã đỡ. Mẹ nhìn em tôi, lắc đầu ái ngại. Dưới ngọn đèn lù mù, tôi thấy nước mắt mẹ tôi lăn tăn trên gò má xanh xao, khắc khổ. Mẹ tôi nói nhỏ:

- Hữu này, mẹ dặn con nghe nhé! Hôm nay đừng lớn vớn ngoài ngõ, đừng lấy tiền của ai cho.

Mẹ tôi dặn tôi bằng thừa. Cậu mợ tôi dạy tôi nhiều bài học độc ác, giả đạo đức quá rồi, tôi thèm thường gì mà ngửa tay ra để người ta nhổ bọt vào. Nhưng tôi phải đáp:

- Vâng ạ!

Giọng mẹ tôi dứt từng câu ngắn:

- Tại mẹ ốm... thành thử... tết này nhà mình... thiếu cỗ. Con nhớ... thắp hương... bàn thờ cha con nhé! Con lớn rồi, chả cần, chứ em con, ngày tết... không được miếng thịt...

Mẹ tôi bỏ lửng câu nói, ôm mặt khóc tấm tức. Tôi bỏ ra ngoài sân. Trời lạnh hắt. Phía nhà trên, gia đình ông ngoại đang giết gà, vo gạo, thổi xôi... Chiều qua nhà ông mổ lợn. Tôi muốn lên châu chực để may ra ông thương hại thí cho một miếng về ăn tết. Song tôi nhớ tới chú Nghị, tới những bài học làm người chú dạy tôi nên tôi lại thôi. Dường như hồi chú ghé đây để đan cái lồng sáo, chú nhìn tôi rồi gật gù, bao giờ chú cùng gật gù sau buổi dạy học:

- Cháu thông minh lắm, cháu giỏi lắm.

- Nhưng mẹ cháu nghèo.

- Hề gì, đói rách đâu phải là tội lỗi, cháu đừng buồn. Rồi

ngày kia cháu sẽ lẻ loi, cháu sẽ thấy trong sự đau khổ người ta mới xét đoán mọi việc đúng đắn.

- Rồi cháu có sung sướng không chú?

- Chú không dám nói cháu sung sướng nhưng chú quả quyết cháu có tài, có nhiều tài...

- Thật hả chú?

- Thật chứ, song cháu chả nên quy lụy ai, quy lụy nó hèn con người đi thì rồi cái tài cũng đến xếp xó.

Chú ưa kể chuyện cha tôi và ngón sờ trường âm nhạc: đàn thập lục. Chú bảo ngày ông nội đuổi cha tôi khỏi nhà, cha tôi không có đồng xu nào dính túi. Thế mà cha tôi gây dựng nổi đời cha. Tại cha tôi chết sớm chứ không thế nào cũng có ngày cha về làng mua đất dựng nhà. Tôi kém cha tôi nhiều quá, tôi chỉ biết khóc.

Lúc này đứng nhìn thiên hạ đón xuân, tôi nghĩ đến em gái tôi, nghĩ đến miếng thịt gà, thịt lợn hay thịt chim khi em tôi tỉnh dậy. Anh em tôi chỉ có mỗi con sáo. Con sáo nuôi bao nhiêu ngày mới biết nói. Chẳng lẽ tôi giết nó? Chẳng lẽ em tôi ăn cơm với muối ngày đầu năm? Năm nay em tôi mười tuổi, mười mùa xuân bay vụt qua, mười mùa xuân tẻ nhạt, buồn thảm chấp nối thành thời thơ ấu của em tôi. Mùa xuân trôi theo kỷ nhiệm, có khi nào níu lại được? Tôi không muốn em tôi lớn lên phải ghen ngào nhắc tới một trang chua chát, xiên lệch trong cuộc đời. Vậy thì tôi sẽ giết con sáo. Tôi nghĩ tôi biết buộc tổ, biết nuôi sáo, nuôi bằng cái lồng của chú Nghị thì sáo nào chẳng biết nói, biết hát. Dẫu con sáo này chết, tháng sau tôi buộc tổ sáo khác. Mùa xuân tàn rất nhanh, tôi có đàn sáo mới, tôi nuôi một đôi để chúng quyến luyến nhau cơ hồ anh em tôi, chắc em tôi sung sướng lắm. Ý tưởng ấy khiến tôi bốt se sắt, bốt tui nhục. Tôi len lén trở vào xách cái lồng sáo xuống bếp. Trời

còn tối, sáo không nhận ra tôi. Nếu nó chết thì nó oán hờn sự nghèo khổ và bàn tay tàn ác nào đó. Vong hồn cha tôi sẽ phù hộ tôi. Giết nó, tôi đau đớn vô ngần nhưng tôi phải thương em tôi hơn. Em tôi phải được ăn thịt sáo nấu su hào ngày mồng một tháng giêng năm mới. Chỉ vì em, tôi quên tất cả.

Tôi mở cửa lồng thò tay tìm con sáo. Nó nhảy trốn, móng chân nó cào vào tay tôi đau buốt. Cuối cùng tôi tóm nó. Nó kêu ai oán, từ xưa nó chưa từng kêu như thế. Nó g giầy giụa. Tôi vặn cổ nó chết tươi. Làm xong công việc tàn nhẫn đó, tôi nhóm lửa nấu nước làm lông. Tôi run run chặt dao trúng ngón tay. Máu tôi hòa cùng máu con sáo.

Tôi xào thịt với hành mỡ thơm lừng rồi đổ nước đun thật lâu. Trong khi chờ đợi, tôi gọt su hào.

Lúc ở bếp bước ra, trời hừng sáng. Tôi đem lông sáo và cái lồng giấu phía sau nhà. Tôi ngồi bệt xuống đất, ôm mặt khóc. Pháo nổ vang trời đất, chuông trống khua inh ỏi. Lồng tôi sôi bùng bùng, tan nát. Tôi nhớ chú Nghị, tôi nhớ cha tôi. Những người thân yêu có thể che chở cuộc đời mẹ con tôi đều bỏ đi cả. Bây giờ mùa xuân về, mẹ con tôi cô độc, nghèo nàn. Tôi đau đớn trút nỗi buồn vào hai bàn tay non nớt, bóp bẹp cái lồng sáo. Niềm vui thơ ấu của anh em phần bị chết chóc, phần bị dùm dó, gãy vụn. Tôi cứ ngồi tưởng tiếc. Mãi khi nghe tiếng mẹ gọi, tôi mới trở vào.

Mẹ tôi hỏi:

- Tại sao con khóc?

Tôi đưa vạt áo thấm nước mắt, trả lời:

- Thừa mẹ khói làm con cay mắt đấy ạ!

Rồi tôi mỉm cười, nhưng nụ cười gượng gạo ấy giấu sao nổi một tâm tư đang cuộn cuộn muôn vàn ý nghĩ. Tôi nghe tiếng mẹ thở dài. Tôi đánh thức em tôi dậy. Mẹ tôi mừng tuổi

cho mỗi đĩa hai đồng. Tôi tặng cả em. Em tôi sung sướng nhận ngay không hỏi lời thôi như những ngày thường. Gió xuân vừa tạt qua đôi má thơ ngây của em. Tôi nói:

- Mai, đi rửa mặt rồi vào ăn cỗ em!

Em reo to:

- Có cỗ hở anh?

- Ừ, cỗ to lắm.

- Anh cúng cha chưa?

- Đã.

Tôi nói dối em chứ ai lại cúng cha bằng thịt sáo. Em tôi chưa biết gì cả. Khi ngồi ăn, em mơ màng chuyện đầu đầu. Em khen thịt ngon. Bất chợt em hỏi tôi:

- Thịt gì đấy anh?

- Thịt chim.

- Anh mua à?

- Không.

- Thế ai cho, ông ngoại hở?

Tôi im lặng nghĩ câu trả lời. Em tôi tự nhiên buông đũa, đứng dậy, cuống quýt:

- Con sáo của anh em mình anh ạ! Ta mừng tuổi nó chứ?

Thấy tôi rầu rầu không nói, đĩa em gái sàu thắm của tôi ngây người đứng ngó. Và em chạy vụt ra sân ngõ ngác tìm kiếm xong lại chạy vô gậm giường? Chẳng thấy lồng sáo đâu, em hỏi:

- Nó ở đâu hở anh?

- Chắc trộm bắt mất rồi em ạ!

Em tôi thẫn thờ bước khỏi ngưỡng cửa. Lòng tôi rối bời. Nước mắt trào dâng lên, nhỏ giọt xuống bát canh su hào thịt sáo. Tôi cứ ngồi, nước mắt cứ rơi, lặng thinh như phiến gỗ. Tôi đợi em vào để xin lỗi. Tôi hối hận, tôi muốn chạy ngay ra ngõ gào khóc bi thương ngộ may có Phật hiện hình

thì xin ước cho con sáo sống lại. Nhưng cõi đời tăm tối của anh em tôi, Phật là chú Nghị, chú chết rồi, tôi ước nguyện gì đây? Mãi chẳng thấy em trở vào, tôi hoảng hốt chạy về phía nhà sau. Ở đấy có bộ lông sáo sừng nước và cái lồng tre chú Nghị đã đan cho em tôi. Em tôi ôm cái lồng vào tay thương tiếc. Tôi đi nhẹ tới gần em. Bước chân tôi run rẩy trên nền đất quê ngoại. Tôi khẽ gọi:

- Mai, em Mai...

Em không ngoảnh lại. Tôi biết em ghét tôi lắm. Em đứng dậy, vẫn ôm cái lồng, lững thững đi ra bờ ao. Tôi phải nói thế nào để em tôi hiểu tại sao tôi giết con sáo? Tôi toan giải bày, nhưng khổ nạn, sự ghen ngào rình mò đúng lúc vít chặt lấy cổ họng tôi. Tôi chỉ còn biết ấp úng:

- Em ơi! Anh xin...

Tôi buông chưa dứt lời, em quay lại nhìn tôi, đôi mắt chớp mau. Bốn con mắt anh em tôi lúc ấy mờ đi dưới cái màn sấm hối, đau thương. Bộ mặt đau khổ của tôi nói với em nhiều rằng tôi quý con sáo nhưng tôi yêu em. Em tôi chùng hiểu chuyện, em buông đôi tay. Cái lồng và bộ lông con sáo rơi xuống đất. Em chạy xô tới ôm lấy tôi, khóc nức nở.

DUY LAM
**ĐÔI MẮT
NGỌC TRAI
ĐEN**

Người trai trẻ - tên là Thừa, có đôi mắt ngọc trai đen thì thăm bên tai Loan:

- Cô ăn mặc khéo quá!

Loan hơi mỉm cười. Đôi chân nhỏ nhắn trong đôi giày màu sữa điểm những chấm xanh hợp với những đóa hoa lớn trên chiếc xiêm kiêu mới ngắn ngang đầu gối của nàng, nhẹ hơn, lướt trên sàn theo điệu nhạc chìm và trầm. Loan tò mò được Thừa nói tiếp thêm để nàng biết rõ hơn về chàng. Dáng điệu Thừa, ngay khi nghiêng mình mời nàng cũng ngượng ngập thế nào - sự ngượng ngập ngây thơ và táo bạo.

Thừa chạm khế vào má nàng, Loan để yên.

- Chà! Da cô thực mịn... tuy chẳng cần phấn sáp nhiều.

Loan tự hỏi tại sao Thừa lại cố gắng tỏ ra mình rất thành thạo với đàn bà. Nhìn đôi mắt to lãng mạn của chàng, ai mà chẳng

đoán được ngay Thừa chỉ là một tâm hồn trẻ con và say mê trong một thân hình cao, nẩy nở và khuôn mặt xương xương, rám đen.

Loan vẫn yên lặng để mặc Thừa huyền thuyên khen ngợi sắc đẹp của nàng: những lời nói càng ngày càng sống sượng, tuy vẫn lịch sự - một điểm đặc biệt nàng lưu ý ngay ở Thừa. Loan đoán Thừa không thể giận dữ, ghen tuông hay cuồng nhiệt một cách tầm thường như phần lớn các người đàn ông đã tán nàng.

Trên đầu hai người những chiếc đèn giấy Nhật lắc lư nhẹ nhàng và cười cợt, những khoảng sáng treo lơ lửng cách biệt với những cặp trai gái ồn ào và cử động hỗn độn - vẫn chán nản và găng gượng - ở phía dưới.

Thừa không nắm chặt tay nàng, những ngón tay rắn chắc và dài mỏng trên những ngón tay nàng, dò dẫm và đòi hỏi. Thừa tự nhiên nói:

- Ta ra vườn đi! Ở đây nóng quá!

Loan cười nhỏ. Lạ thay nàng vừa chột nghĩ là Thừa sẽ hỏi nàng câu đó.

- Tại sao "chúng ta" lại phải ra vườn? Ở đây không được à?

Thừa không ngượng ngập; buông nàng ra đáp ngay:

- Tại vì có nhiều chuyện.

Thừa muốn gì? Nàng có cảm tưởng những lời Thừa nói không thực ý. Chàng chỉ cố đóng một vai kịch - không lấy gì làm khéo lắm. Nhưng những tình cảm nồng nàn và ham muốn của chàng ẩn nấp đâu đây: trong khóe mắt, cử chỉ, và cả trong nụ cười hơi cứng mở hé đôi môi dày của chàng, chạy dọc những vết trũng nhỏ quyến rũ và ẩm tựa một con ong vẫy cánh nóng nẩy - làm nàng xúc động.

Thừa nói nhiều hơn, liên tiếp, những câu nói thiếu mạch lạc, nhưng là lạ và ngộ nghĩnh. Chẳng hạn:

“Mặc đầm quyến rũ hơn vì để lộ chân. Nhưng tại sao cô lại để tóc xõa trên vai? Trông không... *élégante* hoàn toàn. Địa chỉ Loan ở đâu? Hôm nào tôi đến thăm có phiền không? Các cụ nhà có dữ không? Có xảy ra chuyện gì nguy hiểm cho tôi không? Gặp mặt ông nào chẳng hạn... Thế có nghĩa là tôi định hỏi Loan có hôn phu chưa? Chưa à! Tuyệt quá nhỉ...”

Loan có cảm tưởng nàng sẽ có thể yêu Thừa.

oOo

Trên một bậc cuối cùng của chiếc cầu thang tối, đầy rác và mảnh giấy vụn, bấn đến độ quen thuộc, Loan dựa vào tường nhìn chiếc hành lang dài dẫn đến căn gác nàng sống với gia đình. Không hiểu sao Loan yêu hành lang này đến thế. Mỗi khi đi chơi tối về, dù vui vẻ kích thích hay chán nản, nàng bao giờ cũng dừng lại vài phút, trước khi dẫn mình vào cái khoảng tối sâu hút, cắt dọc những vệt sáng của một vài khung cửa mở để hắt ánh sáng trên sàn đá hoa – không bóng một người, không im lặng lắm vì những âm thanh văng vẳng của *radio*, âm nhạc tây phương và vài tiếng cười nói mơ hồ.

Loan đi rất chậm – những bước nhỏ ngắn của một cô bé học vũ một mình – đầu hơi cúi, vai trần trắng nhạt.

Một cặp trai gái nhô ra từ một căn gác. Người thiếu nữ cười lả lơi, khi thấy nàng im bật, ánh mắt soi mói đầy ác cảm: hai lưỡi dao sắc hình như muốn cắt xẻ không thương tiếc khuôn mặt đẹp đẽ, bộ ngực cao, cặp đùi dài thon của nàng. Hai người khoác tay nhau đi qua mặt nàng. Người con gái ép sát mình một cách cố ý và khiêu khích vào thân hình người đàn ông, nói nhỏ vào tai hắn một câu ngắn. Hắn hớn xược nhìn Loan chăm chăm và huyết sáo thán phục. Chắc khi gặp hắn một mình, nàng sẽ rất kinh tởm và ghét

hắn thậm tệ.

Loan chùng chình không muốn mở cửa phòng vội. Nàng không muốn gặp Ban vào giây phút này. Chắc Ban đang chơi cá ngựa với ba nàng và dì Minh, chờ nàng. Ban bao giờ cũng chờ nàng, chàng là hạng người sinh ra để chờ đợi mong ngóng.

Loan tự hỏi sao nàng còn để Ban đến thăm nàng. Trên chiếc *divan* ở phòng khách, Ban hay ngồi ghé ở một đầu, còn Loan lơ đãng dựa mình trên chiếc gối lớn riêng của nàng, bọc vải dày màu đỏ sậm chạy ngang dọc những hình vẽ trắng hỗn độn. Loan thường nghĩ đầu đầu và dăng trí. Ban ít nói một cách kinh khủng. Những lời nói của chàng bướng bỉnh như những con hà bám chặt lấy đá, cạy ra thật khó khăn đến rớm máu ở đầu ngón tay. Cũng có khi Loan bực mình, nhất là khi nàng nhìn xuống bộ ngực bình thản – vì không có gì để xúc động, Loan có cảm tưởng nàng và Ban mắc một cái tội không thể tha thứ được là đã phạm nhiều thứ: những lời nói êm dịu đùa cợt và thân mật đáng nhẽ phải trao đổi, những chiếc hôn ấm áp – tạo sao lại không? Nàng đâu có phải bằng đá. Loan biết Ban yêu nàng nhưng tại sao chàng cứ ngồi im như bụi mọc, thỉnh thoảng cung kính liếc nàng một cái, đỏ mặt lên và đôi mắt nâu sẫm – đẹp và hiền từ một cách quá đáng – vẫn phẳng lặng tựa mặt nước vắng bụi của một chén nước nóng đặt trên một chiếc miếu nhỏ ẩn khuất.

Có một lần nàng đã tự ý ngồi đặt nhẹ tay mình lên bàn tay chàng khi hai người nói chuyện không đầu. Nàng chờ đợi phản ứng của Ban. Nhưng Ban mặt tái lại, nhin thờ, người co rúm trong một dáng điệu đáng thương. Loan đã rút tay về và đuổi Ban:

- Anh đi về đi! Về ngay đi!

Nàng nhìn theo Ban lăm lũi ra khỏi phòng và đột nhiên ghét tất cả ở chàng: những lời nói nhỏ nhẹ, lối phục sức quá ngay ngắn, lịch sự, mái tóc bóng quăn quăn và cả đến những chiếc *cravate* màu nhã nhặn, Ban bao giờ cũng thất rất khéo khi đến thăm nàng. Nàng đã xấu hổ, không phải vì đã cư xử bạo tợn và sống sượng, thất vọng thì đúng hơn; giống hồi nhỏ mất hàng giờ cậy trộm một cái hộp khóa kỹ của mẹ nàng, lúc mở được thấy hộp rỗng không: một sự rỗng không trên tức nàng ghen ngào đến trào nước mắt.

Ông Khải ngừng đầu lên nói nhẹ nhàng:

- Kia Loan đã về!...

Ông ngừng một giây, đôi mắt sâu sau chiếc kính lão gọng vàng sáng lên một ánh tòng phạm khi ngắm cô con gái xinh đẹp đang bước vào phòng, dáng vẻ uể oải mệt nhọc và hơi nũng nịu, ông hỏi tiếp:

- *Bal* có vui không con?

- Cũng không tệ lắm ba ạ!... Trời con mỗi chân quá!

- Con vào thay quần áo rồi ra đây đánh cá ngựa.

Tuyệt nhiên ông không nhắc gì đến Ban, cũng không đá động đến việc Ban chờ nàng suốt buổi tối. Ông bảo dì Minh:

- Minh hộ Loan thay quần áo rồi sửa soạn uống trà và cà phê. Nhớ lấy hộ tôi mấy tập thơ để trên bàn trong phòng ngủ.

Loan nhìn chiếc đầu dài, tóc tiêu muối của ba nàng, lòng thanh thản hẳn lại. Từ bao năm nay ông Khải vẫn dùng một giọng riêng biệt để nói chuyện với nàng, chưa bao giờ ông căn vặn hay trách mắng nàng. Loan yêu ông, thích ngồi cạnh ông hàng giờ nghe ông ngâm những bài thơ Đường, tò mò theo dõi mọi biến chuyển trên khuôn mặt khắc khổ và phong trần của ông, có khi nàng bỡ ngỡ, có khi sờ sợ không đâu, ông có nhiều bộ mặt và con người khác nhau,

Loan biết vậy từ khi nàng bắt đầu lớn.

Nhiều tối đã khuya, ông còn ngồi ở bàn làm văn thơ. Loan chỉ việc thò chân đẩy cánh cửa phòng nàng hé mở một chút là đã trông thấy ông, đầu hơi cúi trên những tập sách chữ nho dày, giấy cũ vàng, khuôn mặt mờ ảo dưới ánh đèn nến – ông có thói quen thắp hai cây nến cắm trên chiếc giá bằng gỗ đen bóng. Nàng ngắm ông rất lâu, tay nàng để trên ngực da ấm và phập phồng, hai đùi cặp chặt lấy nhau – thoải mái, thú vị, không sợ bóng tối và quên hết mọi phiền muộn. Nàng thật sung sướng và yên tâm vì biết ông yêu tha thiết một cái gì – thơ, hoa lan, uống nước trà; một điều hiếm thấy ở các thanh niên bạn của nàng.

Tuy nàng đã lớn, ông vẫn thường hay vuốt tóc nàng, rất nhẹ, rất thận trọng, khi nàng nằm dài trên *divan* cạnh bàn ông làm việc, mơ màng ôm gối vào ngực, tóc dài xõa gần chấm đất. Hai cha con ít khi nói chuyện vào những lúc đó. Thỉnh thoảng ông ngâm khe khẽ một câu thơ đặc ý, hý hoáy sửa trên giấy. Khi ông ngừng, nàng giục:

- Ba ngâm nữa chứ ba!

Thực ra nàng không hiểu cái hay của thơ, nàng chỉ thích giọng ngâm của ông.

Dì Minh đứng dậy che miệng, ngáp, vươn vai và vịn mình mấy cái. Sau khi ly dị với mẹ Loan, ông Khải đã lảng nhãng với nhiều người đàn bà đủ mọi hạng trước khi quyết định chính thực kết hôn với dì Minh. Ở dì Minh cái gì cũng tròn trĩnh xinh xẻo hay hay: chiếc miệng chúm chím hình hạt đào, đôi mắt tròn ngộ nghĩnh, đôi vai tròn lẳn và chắc chắn, chiếc ngực nảy nở hơi quá đáng là căng chiếc áo *kimono* sặc sỡ, tóc uốn ngắn có những móng cong cong áp trên trán.

Ban ngồi trước mặt dì Minh ngượng nghịu nhìn xuống bàn cá ngựa. Thật lạ! Nàng vừa nghĩ có lẽ Ban sợ hãi và xấu

hổ khi phải chứng kiến thân hình nóng ấm của một người đàn bà cử động bên cạnh chàng.

Loan vui vẻ nói với Ban, một sự vui vẻ làm chính nàng ngạc nhiên trước nhất.

- Anh Ban chờ Loan một chút nhé! Loan sẽ ra ngay! Tại anh thường nói không thích *bal* nên Loan không rủ anh đi cùng, vui lắm.

Ban cười, sung sướng lộ hẳn ra nét mặt. Ngay cả đến chiếc cravate là cứng thẳng của chàng cũng hình như vui vẻ hơn, không còn chỉ là một vật trang điểm trịnh trọng dưới khuôn mặt trắng trẻo và ngăn nắp của chàng - những vẻ mặt ngăn nắp và những xúc cảm ngăn nắp, đó là đặc tính cố hữu của Ban.

Loan chợt vừa liên tưởng đến nụ cười của Thừa khi mở cửa, cầm tay nàng - vẫn hơi quá chặt - tiễn nàng lên xe hơi một người bạn của bà chủ nhà để ra về. Thừa đã nói rất nhanh và khê:

- Tối nay tôi sẽ đến Loan. Tôi không nói dối đâu.

Nụ cười của Thừa và Ban thật khác hẳn nhau: Thừa cười như một người tin chắc mình sẽ chiếm được một đồ vật đẹp chàng mong ước.

Loan đã nhìn qua cửa kính xe, ngắm Thừa ngồi trên chiếc xe gắn máy màu đỏ chói, hai tay khoanh trước ngực, bộ quần áo may theo kiểu Ý, ngắn cũn cỡn. Trông chàng trẻ trung và đầy sức mạnh. Đến mai, Thừa sẽ đến thăm nàng vào buổi sáng. Không hiểu ba nàng có ưa Thừa hay không.

Tiếng cười rúc rích của dì Minh vắng đến tai nàng, đoạn tiếng ba nàng suyt và hỏi khê:

- Im nào!... Loan đã ngủ chưa?

- Ngủ rồi mình ạ!

Loan mỉm cười. Khi nào ba nàng được dì Minh gọi bằng

mình chắc ông vui lắm. Nhiều khi Loan thèm lối sống của dì.

Vừa rồi sau khi Ban đã về, dì Minh vào phòng, ngồi trên giường nàng búi vai và đui Loan. Những ngón tay ngắn mát dịu của dì thật khéo bóp nhẹ nhẹ vai trần của Loan. Dì Minh nói lèm bèm đó là một tật xấu của dì, nhưng nàng vẫn thích tối đến, đèn phòng nàng đã tắt, nằm dài trên giường nghe những câu chuyện ngộ ngộ của dì.

Dì Minh lùa tay vào trong áo nàng vuốt dọc theo sống lưng giọng ngạc nhiên:

- Lưng dài như thế này, da mình thế này, tại sao Loan không chịu yêu ai hở?... Phí quá!...

Loan cựa quậy nằm nghiêng dang một bên vì đêm quá nóng. Dì Minh ngạc nhiên là phải. Tại sao đẹp như nàng, Loan lại không lưu ý đến đàn ông và yêu đương, trái hẳn với dì Minh lúc nào cũng phải sống trong bóng một người đàn ông, yêu và thờ phụng đàn ông. Nhiều lần dì làm nàng xấy hổ đỏ mặt vì dì có những cử chỉ, ve vuốt quá nồng nàn nếu không thể nói là suồng sả với ba nàng trước mắt nàng. Những cánh tay trần của dì – dì luôn mặc áo hở cánh tay, giống như những cành quắn quại của một giống cây leo kỳ lạ quấn lấy thân cây cổ thụ khẳng khit, ham sống một cách tự nhiên. Nàng không thể tưởng tượng sống không đàn ông dì sẽ ra sao! Dì sẽ già rất chóng, chết khô và mất hết mọi vẻ quyến rũ.

Điều khiến Loan ngạc nhiên không phải là tại sao ba nàng lại có thể yêu và sống với một người đàn bà tâm hồn nông cạn và hơi tầm thường như dì Minh, mà vì thái độ của một kẻ phạm tội của ông đối với nàng. Ông luôn luôn có mặc cảm là đã bỏ rơi mẹ nàng, ích kỷ nên đã không làm tròn bổn phận một người cha. Ông hối hận vì Loan không được hưởng những tình cảm yêu thương và che chở của

một người mẹ.

Mỗi lần bị nàng bắt gặp đang hôn dì Minh, ông không bối rối, nhưng trong đôi mắt long lanh dưới cặp kính gọng vàng và ẩn trong nụ cười nhẹ máy móc của ông, Loan nhận thấy một sự xin lỗi và cần tha thứ, một sự hạ mình trước con gái hơi khô hài trong trường hợp ông nhưng cũng thật đáng yêu. Đối với ba nàng, Loan cảm thấy mình đầy sức mạnh, nhưng nàng biết không bao giờ nàng lợi dụng ưu thế đó để bắt buộc ba nàng chiều nàng. Thực ra chưa người ba nào chiều con gái như ba nàng, chiều hết chỗ nói.

Ngực Loan nóng lên và phập phồng thở mạnh. Nàng vừa nảy ra một ý định táo bạo: ngày mai Thừa đến thăm, nàng sẽ mời Thừa vào ngồi trên chiếc ghế bành màu xanh xám kệ trong phòng nàng – hiện giờ vắt ngổn ngang chiếc xiêm nàng mặc hồi tối, chiếc áo lót và những đồ vật thân mật với da thịt của nàng: một người đàn bà. Nàng đoán chẳng cần mời Thừa sẽ cũng đòi biết khung cảnh riêng rẽ nơi nàng sống, ngủ, mơ mộng cho bằng được. Trước đến nay chưa người đàn ông nào vào đây – trừ ba nàng. Tại sao nàng lại canh giữ cửa vào căn phòng nàng tựa một con rồng xinh đẹp nhưng rất dữ canh một kho vàng? Nàng có lẽ không giống ba nàng: yêu và quyến quít được nhiều người đàn bà. Ba nàng chẳng đã có lều trên nàng:

“Loan dữ như một con mèo rừng hoang dại...”

Loan thở dài. Tối này ba nàng và dì Minh đi ngủ sớm, thiếu giọng ngâm thơ và bộ mặt ba nàng mờ ảo dưới ánh nến, Loan tự nhiên cảm thấy cô độc; một tình cảm là lạ nhẹ như một chiếc lông tơ óng chuốt lặng lẽ rơi xuống và nằm bất động ngoan ngoãn trong khoảng sâu kín nhất của tâm hồn nàng.

Nàng thiếp ngủ dễ dàng, không một giấc mơ đến quấy rối. Loan chân tay dang rộng, thoải mái, chiếm hết chiếc giường nhỏ kê cạnh cửa sổ trong phòng riêng. Nàng ngắm những khoảng nắng chạy nhảy trên tường và nghĩ đến Thừa. Thừa giống nắng, nóng ấm mà không biết từ đâu toát ra. Từ dạo yêu Thừa, da thịt nàng, ngực nàng, đôi môi, cặp đùi nàng tự nhiên quý giá hẳn lên và đối với nàng thân mật hơn. Trước kia ngắm bóng mình trong gương, Loan cảm thấy tự phụ - một sự tự phụ vô ích và thừa thãi. Bây giờ mọi sự khác. Thân hình nàng mang những dấu tích nồng nàn thường khiến nàng nóng mặt khi nghĩ tới những sự ve vuốt của Thừa, những câu nói trên cột, mang những ẩn ý ỡ ờ còn quyến rũ hơn cả những tiếp xúc thân mật giữa hai người. Loan biết mình yêu chính mình hơn xưa: có những bông hoa vàng thắm nở trong da thịt nàng.

Trong những năm vừa qua, đã bao lần Loan mơ tưởng một ngày kia nàng sẽ tìm thấy giữa nàng và một người đàn ông sự ràng buộc mật thiết tựa như sự ràng buộc giữa nàng và những đồ vật trong căn phòng nhỏ bé này, hay những quần áo lót sát lấy da thịt nàng, hay bầu không khí hơi mờ ảo, ấm dịu và đùng đục của những buổi tối nằm dài cạnh bàn làm việc của ba nàng nghe ba nàng ngâm thơ dưới ánh nến. Một ước vọng nàng tưởng rất khó thực hiện, đến nỗi phải thì thầm với bóng nàng, khi nàng uể oải trang điểm trước gương: “Mày là một đứa con gái bỏ đi! Mày sẽ không thể yêu ai như những đồ vật vô tri vô giác”. Cho nên nàng rất ngạc nhiên không ngờ rằng Thừa và tất cả những đặc tính, thói quen nho nhỏ của chàng, lại có thể trong một khoảng thời gian ngắn chen vào giữa những kỷ niệm thân mật và thầm kín nhất của nàng, để rồi ở đấy, dai dẳng và bướng bỉnh.

Như nàng đã tự hứa vào buổi tối năm một mình nghỉ ngơi, sau khi gặp Thừa ở *bal* nhà người bạn: nàng đã mời Thừa vào phòng nàng và ngồi đứng ở trên chiếc ghế bành xanh kia. Căn phòng này có mặt Thừa, đã hết là tháp ngà đóng kín cửa nàng. Một vài buổi trưa nàng chợt mở mắt đã gặp đôi mắt ngọc trai đen ghé sát khuôn mặt nàng, và làn môi dày – con ong vầy cánh – bây giờ đầy quen thuộc đậu nhẹ trên môi nàng trước khi nàng kịp cười thú vị.

Thừa thuộc loại người lúc nào cũng chiếm một khoảng không gian nhất định, và rồi để lại những vết tích đậm đà. Dù chàng đã về, hể nhìn chiếc ghế xanh, Loan vẫn hình dung ngay được trước mắt thân hình dài của Thừa, hai chân vắt ngang trên thành ghế, đu đưa trông một dáng trẻ con và vô tội. Trái người hẳn với Ban. Ban có thể ngồi nửa ngày ở phòng khách, tuy nhiên sau khi chàng đã rời bỏ chỗ ngồi quen thuộc của chàng ra về, Loan tưởng chừng như trước đây chưa bao giờ có ai ngồi ở *divan*.

Loan mỉm cười. Nàng vừa liên tưởng tới ánh mắt nghịch ngợm của dì Minh. Dì vẫn vào phòng nàng, tối đến, nắm bóp chân tay nàng nếu nàng kêu mệt mỏi sau một buổi đi chơi xa với Thừa, giọng nàng nũng nịu và đầy hài lòng. Dì không còn kêu ca sắc đẹp nàng phí phạm. Dì có những tia mắt là lạ khi vuốt lưng hay xoa ngực nàng; những cử chỉ của dì cũng thận trọng và dè dặt hơn. Hình như dì muốn tìm tòi dấu tích sự ve vuốt của người đàn ông để lại dấu đây trên thân hình nàng. Dì cười một mình, tòng phạm với nàng: một sự tòng phạm khiến Loan hổ ngươi hơn cả những lời trách móc hay thái độ giận dữ.

Ba nàng hình như không ưa Thừa, không hợp với chàng thì đúng hơn. Chưa lần nào Loan bắt gặp hai người nói chuyện với nhau lâu lâu một chút. Nàng nhớ có lần Thừa

đến chơi ngồi chờ nàng ở phòng ngoài; sau khi chào ông Khải, Thừa ngồi ở ghế hút thuốc lá, đọc báo, ba nàng tiếp tục làm thơ. Nàng ra, trước khuôn mặt hai người đàn ông, đều thân yêu đối với nàng, là một lạnh lùng phong trần, một kiêu ngạo và đầy sức mạnh. Loan thấy nhói trong tim: hai người đối diện nhau giống như hai con thú dữ đầy nguy hiểm; nhưng không hiểu sao tâm hồn nàng tràn đầy một nguồn tình cảm kiêu hãnh, vì là con của ba nàng và là người yêu của Thừa. Lạ thay, nàng sung sướng và hài lòng trước sự ác cảm thầm kín nhưng thật đàn ông và dữ tợn giữa ông Khải và Thừa. Dù sao ba nàng không thể khinh thường Thừa như ông khi sự có mặt nhạt nhẽo của Ban.

Ban tuy biết Thừa và nàng yêu nhau nhưng trái ngược hơn, lại càng năng đến thăm nàng. Bàn cá ngựa chỉ còn có ba người. Loan không ưa trò chơi tấn mần đó nữa. Một lần Thừa tới, ba nàng, dì Minh và Ban đều có mặt ở phòng khách, Loan ra đón và nắm tay Thừa, cử chỉ hấp tấp và âu yếm của nàng Ban trông thấy. Ba nàng và dì Minh không ngừng đầu lên. Khi cánh tay Thừa vòng lưng Loan kéo nàng lại gần, đôi mắt đẹp của Ban sáng lên một ánh luyến tiếc và ham muốn, Loan có cảm tưởng lần đầu tiên trong đời Ban “trông thấy” và ham muốn thân hình nàng. Ban chắc khổ sở nhưng đồng thời không qua óc tưởng tượng của chàng và hành động của chàng và hành động của Thừa những thú vị và khoái cảm của sự chiếm đoạt. Phản ứng của Ban khiến nàng nôn nao kinh tởm. Rất nhiều thanh niên giống Ban, chỉ dám đóng vai một khán giả, yêu ghét qua người khác, những người sống cuộc đời của những ký sinh vật, những con cá nhỏ bám lấy bụng, lưng các loài cá lớn mạnh mẽ.

Trong các bạn trai đến thăm nàng tận nhà, kể cả Ban, dì

Minh có vẻ có cảm tình với Thừa nhiều nhất và nói chuyện với Thừa dễ dàng, tự nhiên. Thừa hay khen dì những lời khen hơi sượng sượng nhưng vẫn trong giới hạn lễ độ, khiến dì đỏ mặt, cười tí lên. Loan bắt gặp mấy lần Thừa nhìn theo dì đi lại trong phòng khách, tia mắt chàng thú vị và thán phục, đoạn chàng thản nhiên hỏi nàng:

- Loan à! Dì Minh ngày xưa chắc gớm lắm phải không? Hừ đôi mắt đó! Đi đứng như thế, hờn trẻ phải biết...

Trước sự thẳng thắn của Thừa, Loan chỉ biết cười. Thừa hình như rất thích và hăng hái một cách hơi quá đáng trong việc nói đến những ý tưởng trong hồn chàng, dù nhiều khi không phải là lúc đáng nói.

Loan nhiều khi tự hỏi không hiểu quá đáng có phải là một tật xấu của Thừa hay không và có phải vì thế mà nàng thấy Thừa khác mọi người và đáng yêu. Khó trả lời. Nàng chỉ biết một điều: Thừa hình như vẫn nhất định tiếp tục đóng một vai kịch đòi hỏi ở chàng luôn luôn và mãi mãi những hành động quá sức chàng.

Nàng nhớ hôm Thừa tỏ tình với nàng. Trong ánh mắt lời nói của chàng, Loan nhận thấy một sự quả quyết bừng bừng rất đáng ngại. Nàng linh cảm hình như mọi sự đáng nhẽ không nên xảy ra như vậy. Sự mong ước của nàng không được hoàn toàn thỏa mãn. Ngay khi Thừa bước chân vào phòng, Loan đã biết chàng sẽ nói chàng yêu nàng. Thừa cố ý ngồi sát gần nàng hơn thường lệ, cố ý tăng thêm sự nồng nàn trong đôi mắt nóng rẫy và nhìn soi mói vào môi nàng, ngực nàng, thân hình nàng. Có lẽ dù lúc đó ba nàng có đây hay dù chàng và nàng ngồi ở giữa đám đông, Thừa nhất định sẽ nói "Anh yêu Loan!" vào đúng giây phút nào đó mà chàng đã định trước. Chàng lao đầu vào tình yêu dưới ảnh hưởng của một sự thúc đẩy Loan chưa hiểu

rõ căn nguyên. Tất cả những việc chàng làm, nói ra đều mang một sắc thái mâu thuẫn: lẫn lộn giả tạo với say mê. Nhưng chàng thật trẻ và đầy sức mạnh.

Thừa đã nắm tay nàng và hôn lên môi nàng. Chiếc hôn đầu tiên giữa hai người để lại trong tâm hồn nàng một hương vị mới mẻ pha lẫn bất mãn và thoáng chua chát. Tại sao chàng không thể dịu dàng và bớt quả quyết: sự quả quyết của một đứa trẻ bản chất đa cảm lãng mạn nhưng đầy tham vọng và cố thực hiện cho bằng được một công việc khó khăn.

Đối với Ban, Thừa luôn luôn thích trêu Ban và làm Ban lúng túng. Hôm Thừa, nàng, dì Minh và Ban ra Cap tắm bể theo lời mời của Ban, nàng đã định từ chối vì dù sao nàng cũng không muốn làm khổ Ban, bắt Ban phải chứng kiến những cảnh âu yếm giữa nàng và Thừa, nhưng Thừa nhận lời ngay và còn lộ vẻ thú vị là khác. Ông Khải bận việc không thể đi được. Lên xe, Thừa xếp dì ngồi trước với Ban cầm lái và khi dạo chơi ở bãi bể, Thừa cũng có ý kìm nàng lại để dì Minh và Ban đi trước. Dì Minh tự nhiên cười nói, rất vô tư. Dì mặc một bộ quần áo tắm sặc sỡ, hơi chật, khiến dáng đi của dì ngộ nghĩnh hơn: dì trẻ hẳn lại.

Nàng đã hỏi Thừa:

- Tại sao anh thích trêu Ban thế? Tội hấn chết!
- Anh không ưa những người giả dối và nhút nhát như hấn, hấn có sợ gần đàn bà đến như thế hay không?

Nàng im lặng. Lần đầu tiên nàng ngại ngùng và khó chịu trước lối sống tàn nhẫn và thói quen (mà có lẽ Thừa không tự biết) thích hành hạ những kẻ yếu hơn mình của Thừa.

Cánh tay trần của Thừa đè nặng trên người nàng. Khuôn mặt chàng sát nàng, đôi mắt nhắm, hàng mi cong nhẹ - một vết say mê khiến nàng xấu hổ, xấu hổ hộ chàng hay chính

Loan xấu hổ, nàng cũng không rõ. Loan nhắc cánh tay Thừa đặt xuôi theo người chàng. Nàng thở dài. Thừa hỏi khẽ:

- Em nghĩ gì thế?

Loan không trả lời. Làm sao giảng để Thừa hiểu, tiếng nói của chàng như ở thế giới khác vắng tới, và cánh tay, thân hình chàng áp vào da thịt nàng, đè nặng như một nỗi cô độc.

Loan vùng ngồi dậy. Thừa với tay nắm lấy cánh tay nàng, những ngón tay Loan run rẩy ấn mạnh vào nệm. Nàng tự nhiên thấy thất vọng không đâu; cả sự níu kéo cuồng nhiệt và trách móc đó cũng không nghĩa lý gì, cả cái thân hình trẻ bỏ mặc: một khoảng nâu sẫm dưới ánh đèn dầu giương, cũng vô nghĩa. Tuy trong người nàng, những rung cảm cũ kỹ và quen thuộc vẫn còn nấp kín và nhắc nhở Loan những giây phút trước đây, vừa đây, giữa hai người, Loan không thể ở cạnh Thừa lâu hơn, trong căn phòng mà tất cả chỗ nằm ngồi, từ khi Thừa và nàng yêu nhau, đã trở nên gần gũi với nàng: Loan nhận được những hình thể của chàng như khi tiếp xúc với những con vật nàng yêu lâu ngày.

Loan im lặng. Thừa từ từ buông nàng ra. Sau đây nàng sẽ buồn một mình, giận chính sự thay đổi rất đàn bà và không duyên cớ của nàng.

- Em về nhé!,,, Thừa!... Đừng giận em.

- Em ngu lắm!... Em không hiểu anh...

Rồi chàng quay mặt vào tường hút thuốc lá. Loan thu nhỏ người lại và như chìm mất trong chiếc áo trắng mỏng. Nàng giơ tay định quay người Thừa lại phía nàng: chua xót một chút, hối hận một chút trước hai cạnh môi trễ xuống, đôi mắt chế giễu và vững chắc của Thừa, nhưng rồi cử động đó của nàng dờ dang.

Nàng rút tay lại ra ghế ngồi trong bóng tối, xa cách Thừa,

khoảng sáng hồng phủ trên người chàng và cả bầu không khí thân mật – dở dang và giả tạo một cách bực mình - còn đượm da thịt của hai người.

Loan nhìn Thừa. Chàng đã chệnh choáng say, cười nói luôn miệng. Những câu nói táo bạo sống sượng của chàng đối với Loan tự nhiên mất hết vẻ khôi hài và kích thích là thường khi chỉ còn lại những lời tàn nhẫn và khô răn. Thừa say không hoàn toàn vì rượu, vì chàng kiêu hãnh về đủ mọi điều: sở hữu một cô tình nhân đẹp như Loan, ngồi tại chiếc bàn nhiều người đẹp nhất trong buổi tiệc trà khiêu vũ: Loan, Thúy (em gái chàng) và Hằng. Ý thức và tin chắc vào sức mạnh tuổi trẻ và khả năng say mê không cạn của tâm hồn chàng. Thái độ của Thừa chứa đựng một thách thức rõ rệt. Chàng hình như muốn kêu lên trước mặt mọi người “Tôi không sợ ai hết. Tôi là người giàu có đầy đủ nhất. Tôi tận hưởng cuộc đời.”

Thừa một tay quàng sau lưng nàng vuốt nhẹ, mắt chăm chăm nhìn vào mặt nàng. Chàng hỏi Thúy mắt vẫn không chịu rời đôi môi bôi một thứ son màu hồng mới mẻ và tối tân, hơi mím của Loan...

- Thúy à! Tại sao Thúy không bôi thứ son như của Loan? Trông thật khôu gọi và ngon lành phải không?

Rồi chàng cười vô cớ quay sang phía Hằng:

- Hằng đừng tưởng Loan hiền từ!... Đừng trông mặt mà bắt hình dong... Nguy to! Vì khi cần, Loan cũng nòng nài không kém ai.

Thúy, Hằng rộng lượng mỉm cười trước sự ồn ào của Thừa. Sống sượng thế, chứ hơn nữa gặp bội họ cũng quen rồi, và có những hành động cố ý kỳ quái và lộ liễu của Thừa cũng đều được tha thứ trước khi Thừa thực hiện chúng. Loan thềm được như họ, tối nay vào giây phút này, nàng

cần phải tha thứ Thừa để gần chàng hơn.

Thừa lúi nàng đứng dậy nhảy một luân vũ chậm và quay tròn. Loan áp má vào má chàng, bàn tay đặt trên gáy Thừa. Tất cả đều y nguyên, hết hôm nàng gặp Thừa lần đầu trong bal. Thừa vẫn trẻ và đầy sức mạnh, những ngọn đèn giấy trên đầu hai người vẫn hư ảo cườì cợt, nàng vẫn tự biết nàng rất đẹp; thân hình gọn gàng trong chiếc áo dài màu hoàng yến, tóc bới cao để lộ gáy, bộ ngực hồi hộp một cách vừa phải, đẹp một vẻ đẹp của một thiếu nữ đã yêu và được yêu. Nhưng có một cái gì thiếu thốn ở đây khiến nàng sợ hãi. Thừa thật gần nàng, chàng vẫn vững chắc đầy sức sống, đang cử động trước mắt nàng. Nàng không chối cãi điều đó: Thừa hiện hữu rõ rệt hơn bao giờ hết. Tuy vậy Loan không thấy chính nàng đâu cả. Yêu Thừa quá say mê, hành động theo ý chàng, sống lại những kỷ niệm trong đó Thừa bao giờ cũng giữ vai chính lấn át cả hình bóng nhỏ bé của nàng, dần dần Loan mờ đi và nếu nàng không tìm được một lối thoát có lẽ nàng nhỏ mãi để rồi biến mất.

Thừa hỏi nàng:

- Em chóng mặt à?... Càng hay, quay nữa đi cho đến khi nào ngã lăn ra thì thôi. Anh đỡ cho...

Loan một lần nữa chịu thua trước sức hấp dẫn nồng nhiệt của cá tính Thừa. Nàng gục đầu vào vai chàng và quên hết. Nàng không khóc, cố giữ những giọt nước mắt lấp mé trên mi. Chưa bao giờ nàng yếu ớt một cách tuyệt vọng và lẻ loi như trong giây phút này.

Nàng ngẩng đầu lên nhìn vào đôi mắt Thừa. Thừa mỉm cười, khuôn mặt rám đen hơn hỏ và tự mãn của chàng cắt những nét rất rõ và sắc trên một cái nền lung linh đầy những hình thể linh động, quay tròn đủ màu của những cặp trai gái. Một tư tưởng thường ám ảnh nàng từ ít lâu

nay vụt trở lại: Thừa không hiểu nàng, dù một sự cảm thông nhỏ như một hạt gạo trắng muốt.

oOo

Loan tựa người vào cửa nhìn theo Thừa đi xa dần trong hành lang tối và quen thuộc. Tự nhiên tối nay nàng cảm thấy tâm hồn xúc động và nghẹn ngào: hình như đây là lần cuối Thừa và nàng gặp nhau, hay tuy không phải là lần cuối, có thể hai người sẽ gặp nhau ngay ngày mai, nhưng mọi sự sẽ không thể xảy ra như trước. Một cái gì giống một con vật nhỏ vừa chết trong tim nàng. Thực ra không phải là nàng không yêu Thừa nữa, tình yêu đó vẫn mạnh mẽ nhưng sự liên lạc giữa hai người đã đến một ngõ bí. Nàng không còn gì hy vọng thêm ở Thừa. Hai người dù tiếp tục gần nhau khăng khít, đi chơi với nhau, trao đổi những chiếc hôn, những vuốt ve êm dịu, nhưng Thừa sẽ không bao giờ hiểu nàng, chàng tiếp tục là một kẻ thích chinh phục, tự mãn, rất nhiều thói xấu, vẫn lôi cuốn và đầy sức mạnh và nàng... Nước mắt Loan bắt đầu chảy dài trên má, người nàng hơi run rẩy. Nàng cảm thấy lạnh và lẻ loi. Cuộc đời thật phức tạp và quá kỳ lạ đối với nàng. Nàng gặp Thừa bất ngờ. Tình yêu đã lôi cuốn nàng trong một cơn gió lốc. Thỉnh thoảng cũng có cưỡng lại nhưng mọi cố gắng của nàng bé nhỏ và mong manh một cách buồn cười và nàng để buông xuôi hai tay bỏ mặc. Thật đáng xấu hổ!

Một bàn tay nhẹ nhàng đặt lên vai nàng. Di Minh đã đến cạnh nàng từ bao giờ. Di hỏi nàng, đôi môi hình hạt đào cử động ngộ nghĩnh và đôi mắt tròn mở to và hỏi:

- Sao Loan lại khóc ở đây?... Cãi nhau với Thừa phải không? Thôi, vào nhà đi. Ba đang đợi Loan đấy!

Qua cánh cửa hé mở, Loan nhìn thấy ba nàng đang ngồi cạnh một ấm trà, gật gù đọc một tập thơ. Khung cảnh quen

thuộc của gia đình nàng cũng tự nhiên khiến nàng kinh hãi. Tất cả những cái gì đối với nàng mọi khi vững chắc, vào giây phút này đều trở nên giả tạo và vô lý. Nàng gay gắt với dì Minh:

- Dì cứ vào trước đi!... Tôi đâu còn bé mà phải đưa với dẫn...

Trước vẻ mặt ngờ ngác của dì Minh, Loan không ngăn nổi mỉm cười, trong khi nước mắt vẫn chảy trên má nàng. Có lẽ nàng nói đúng! Nàng không còn là một cô bé nữa. Ngày mai nàng sẽ gặp Thừa và đôi mắt ngọc trai đen của chàng.

Loan bước hẳn vào phòng.

**HOÀNG NGỌC BIÊN
NGƯỜI ĐẠP
XE VÀO
THÀNH
PHỐ BUỔI
SÁNG**

Người đàn ông đạp chiếc xe cũ sơn màu lá cây xanh đi trên con đường gần nhất về thành phố. Chiếc xe đạp sơn màu lá cây xanh, nhưng vào giờ này của buổi sớm mai, không ai nhận ra được màu của nó. Người đàn ông thỉnh thoảng đưa mắt nhìn hai bên đường, nhưng chân ông vẫn tiếp tục đạp thật đều, không nhanh lắm, bởi vì ông không đủ sức, có lẽ thế, và chắc chắn ông không có ý để cho xe chạy chậm hơn nhịp đang bình thường của mình một tí nào. Con đường gần nhất xuống phố, con đường từ căn nhà nhỏ của ông ở trong một xóm xa nhất của một vùng ngoại ô xa nhất, phía mặt trời không mọc buổi sớm mai, đến một xưởng máy nằm ven trung tâm thành phố, là một quãng khá dài. Người đàn ông đạp thật đều, nét mặt bình thản cùng với

toàn thân rung rung theo nhịp xe, nhưng trong bóng tối của rặng đông người ta không thể thấy được sự bình thản đó. Thành phố sáng đèn trước mặt ông có vẻ gần, một người không có kinh nghiệm những chuyến đi trong buổi rặng đông chắc hẳn phải tin như vậy. Bây giờ hai bên ông là những khu đất không khai khẩn, những vườn sâu bỏ hoang, ông chưa trông rõ được gì nhưng ngửi thấy mùi lá khô ẩm sương mai. Cơn gió mát cùng với tốc lực cố gắng thường ngày của chiếc xe cũ làm người đàn ông thấy hơi lạnh. Tiếng cót két của chiếc xe đạp, rất đều đặn, dường như không làm ông quan tâm. Quãng đường ngắn nhất này người đàn ông đã thuộc nằm lòng, quãng đường đầy những mu rùa ở khúc quanh rẽ về quận, những ổ gà trước chiếc cổng sắt lớn ngăn một khu vườn hoang, nhưng đạp xe trong bóng tối vào những buổi rặng đông tháng này, ông vẫn phải sụp xuống những ổ gà, vấp vào những mu rùa kia, và chiếc xe loạng choạng một hồi trước khi ông thu hết sức giữ được thăng bằng trở lại. Người đàn bà giờ này đã thức dậy, và trong gia đình đông con của bà, bà chỉ còn dịp đánh thức được có mỗi một thằng con sau cùng, những đứa lớn đã đi làm ăn xa. Người đàn ông mặc một chiếc áo xanh đã bạc màu, và người ta cũng không thấy được hết màu xanh cũ kia, vì bên ngoài ông còn khoác một chiếc áo len nhà binh có nhiều lỗ rách, rất ngắn. Vạt áo xanh bên trong thông xuống hơn hai tấc, thỉnh thoảng bay dạt ra sau khi có cơn gió mạnh. Quần của ông không màu, hay đúng hơn là một màu khó định rõ. Mưa bắt đầu rơi. Ông lo lắng một hồi lâu, về đủ mọi thứ, một chỗ để đụt mưa chẳng hạn. Nhưng không

phải mưa. Đó là sương buổi sáng, hay có thể là cảm tưởng của ông. Người đàn bà ra phía nhà sau, đưa tay mò mẫm trong bóng tối tìm hộp quẹt. Trước mặt người đàn ông là phía mặt trời mọc, nhưng vào giờ này mặt trời cũng chưa mọc, bởi vì sáng nay ông đã ra khỏi nhà trước buổi rạng đông, như thường lệ. Ông đã rón rén bước ra khỏi màn, đi chân không trong tối, lần ra phía nhà sau, mò mẫm tìm hộp quẹt. Ông đã rón rén nhẹ nhàng như thế cho đến khi ông đưa tay khép cánh cửa và dẫn bộ chiếc xe đạp ra đầu ngõ. Bây giờ ông đã bắt đầu tránh được những chỗ có mu rùa, hay ổ gà. Phía sau thành phố mà ánh đèn bắt đầu mờ dần, mặt trời đỏ như đã muốn báo hiệu ló dạng. Ông không còn đạp xe theo một đường thẳng nữa, thỉnh thoảng ông lái qua bên trái, hay bên phải, tay lái vừa lắc qua lại trả ngay về, động tác quen thuộc, thành thạo. Hai bên đường, cây cỏ trong các vườn bỏ hoang cuối cùng vừa hiện mù mờ một màu đỏ thẫm thì ông đã bắt đầu đi vào một xóm đông dân cư. Các khu nhà chung quanh cửa hẻm còn đóng kín, xám đen dưới chân trời đang bắt đầu ửng hồng. Từ một vài chiếc cửa sổ nhỏ hắt ngang ra những ánh đèn vàng hiếm hoi, những vệt sáng nhọn nhọn kéo dài trên cả quãng đường vắng ngắt bắt đầu hẹp dần mà người đàn ông đang đi qua. Nhưng ông không có thì giờ để nhìn vào những sinh hoạt sớm bên trong. Ông tiếp tục đạp thật đều, không nhanh lắm. Người đàn bà đổ đầy một ấm nước rồi đặt gáo xuống, đem ấm vào đặt lên lò. Hơn tám lần sinh nở đã làm cho bà già hơn tuổi của mình. Người con trai sau cùng, người con còn lại, vẫn còn ngủ. Người đàn ông cúi xe lên lề, sát mặt tiền các căn

nhà ngoài lộ, để tránh hai ngọn đèn pha vàng gắt của một chiếc xe nhà binh lớn đang vụt chạy tới. Trên xe, ông thoáng thấy những đầu người lố nhố, nhưng ông không có đủ thì giờ để nhìn xem họ có phải là quân đội hay không. Trong cái yên lặng buổi sớm mai của một vùng ngoại ô, tiếng còi xe nhà binh ré lên như một tiếng chửi mắng. Người đàn ông sợ hãi, biết rằng vì mình mà cả khu phố vừa phải giật mình thức giấc. Ông sợ hãi, nhưng nét sợ hãi cũng vội biến mất trên khuôn mặt rất mau bình thản trở lại. Hai năm trước, một người con gái của ông, người con độc nhất mà vợ chồng ông còn có thể cố gắng cho đi học, đã bị xe cán chết ở gần khu phố này. Bây giờ đã hai năm qua. Ông đạp xe trên cùng quãng đường, và những tiếng còi xe chát chúa nhiều lần đã làm ông chợt nhớ đến đứa con bất hạnh của mình. Ông cũng không có thì giờ để nghĩ lâu hơn. Những tiệm ăn đầu tiên bắt đầu hiện ra, với những ánh đèn sáng trắng nhợt nhạt, với những tiếng gọi nhau ồn ào. Ông đi ngang những xe hủ tiếu bốc khói, những gánh hàng rong đông người. Phía trước mặt ông là mặt trời, nhưng vào giờ này của buổi sớm mai mặt trời cũng chưa lên khỏi những mái nhà thấp nhất trong thành phố. Ông chỉ thấy một vùng đỏ tím, càng lên cao càng loãng dần, ở phía xa, và vô số những đèn đường lúc này hãy còn sáng, rọi xuống mặt đường vô số những vòm cây xám đen. Chiếc xe đạp cũ của ông đã dẫm qua những bóng cây xám đen đó không biết bao nhiêu lần, mỗi buổi sáng. Giờ này người vợ, cũng như ông, đang nhẹ nhàng khép cánh cửa gỗ, và gánh hàng đi ra đầu ngõ. Người con trai út vẫn còn ngủ, và mặt trời, ở phía thành phố, chưa ló dạng.

Người đàn ông vẫn đạp xe trên con đường đưa đến nhà máy, hai bên phố các quán ăn đã bắt đầu nhiều hơn, và đông hơn, những tiếng gọi nhau cũng bắt đầu ồn ào hơn, pha lẫn với những tiếng còi xe đang inh ỏi và nóng nảy hơn. Ông đã thấy một chút mặt trời phía trước, hiện ra sau các mái nhà thấp nhất của thành phố. Nét mặt ông vẫn bình thản, nhưng không che giấu được sự thận trọng bắt đầu trong cách cầm tay lái của ông, trong cái nhìn. Nhiều lần ông đã thắng gấp trước các ngõ hẹp khi có một chiếc xe phóng vội ra, và cả những khi ông có cảm tưởng như vậy. Đi đến ngã ba đường, người đàn bà gánh hàng rẽ qua tay phải, vào một con lộ hẹp hơn, lỏm chỏm những đá xanh. Người đàn ông rẽ qua tay phải, mặt trời bây giờ đang ló dạng ở xa, bên tay trái của ông. Chiếc xe đạp cũ đã bắt đầu hiện rõ màu sắc. Đó là thứ sơn xanh lá cây rẻ tiền, sơn bằng cọ thường, và là lớp sơn lần thứ mấy mươi. Vành xe, cũng như tay lái và cán chần bùn, được sơn cùng một thứ màu, tuy lớp sơn rõ ràng là có mỏng hơn. Người đàn ông đưa tay trái kéo chiếc áo len xuống, làm lớn hẳn những lỗ rách, và để lộ màu xanh đã phai của chiếc áo trong. Đến một ngã tư đèn vàng đang chớp nhanh, người đàn ông bóp chuông, nhưng vào giờ này của buổi sáng, tiếng chuông quá nhỏ của ông đã bị lấp mất giữa những tiếng động khác nhau trong khu phố nhỏ: tiếng động cơ xe, tiếng nhạc phát ra từ máy phát thanh ở các tiệm nước, tiếng rao hàng, tiếng người gọi nhau... Bên lề đường, ở một trạm xe nhỏ, một đám người, một đám những bóng người đang đứng đợi xe. Trong vùng tranh tối tranh sáng, họ như những người mặc đồng phục, màu da mặt lẫn với

màu của áo quần, và trong một thoáng rất nhanh, người đàn ông nghĩ đến hai đứa con trai lớn của mình. Người đàn bà vừa bước vừa chạy dưới đôi gánh nặng, thản nhiên. Tuy vậy những khi chân dẫm lên những chỗ đá nhọn trên đường, bà không khỏi nhăn mặt xót xa. Trong thành phố, người ta đã thấy mặt trời. Các mặt tiền trên đường bắt đầu để lộ những nước sơn đủ màu, những bảng hiệu rục rờ. Đèn đường dường như đã tắt mất từ lúc nào mà người đàn ông không kịp để ý. Có thể đồng một loạt, đèn đã tắt đúng vào lúc ông làm một cố gắng phi thường để bóp chuông thật lớn, hoặc đúng vào lúc ông đang nghĩ đến những người con trai lớn, đến người vợ giờ này đã gồng gánh lên đường. Chiếc xe đạp màu lá cây xanh bây giờ chen lấn giữa những thứ xe khác, di chuyển mỗi lúc một chậm hơn trên quãng đường sầm uất này. Tiếng cót két của chiếc xe, giữa những tiếng động mỗi lúc một hỗn độn và khó phân biệt hơn của buổi ban ngày trong thành phố, dường như cũng đã biến mất từ lúc nào. Người đàn ông vẫn bình thản đạp thật đều, giữa lớp khói và bụi. Da ông ngăm đen, sạm nắng, hai gò má cao và hóp không làm cho cả khuôn mặt gầy kia yếu đuối đi, trái lại. Ông đội một chiếc mũ nhà binh đã bạc màu, nhưng chưa rách. Ông giống như một người lính già bại trận, nhưng không đúng vậy, ông chưa bao giờ đi lính. Người đàn bà để gánh bên đường và ngồi xuống đất nghỉ. Mặt trời đang lên phía sau lưng bà, đỏ rực. Người đàn ông tiếp tục đạp xe giữa đường phố mỗi lúc một nhiều xe hơn. Ông rẽ sang tay trái, ở một ngã tư đèn xanh đèn đỏ. Mặt trời rơi thẳng vào mặt ông, ông đưa tay trái sụp vành trước chiếc mũ nhà binh để

che bớt nắng, kéo chiếc áo len xuống thật mạnh, không mục đích. Đây là đoạn đường cuối cùng của ông đến xưởng máy. Sinh hoạt ở khu phố chung quanh xưởng máy này quá nhanh, tốc độ của chiếc xe cũ và của chính người đàn ông luôn luôn làm rõ ràng và thậm thiết hơn cái cảm tưởng, cái tin tưởng bị lùi lại của ông. Ông nghĩ đến người đàn bà đã chung sống, đã hơn tám lần đẻ con cho ông, ông nghĩ đến căn nhà nhỏ ở trong một xóm xa nhất của một vùng ngoại ô xa nhất, đến những đứa con bây giờ đã có những phần số thật khác biệt, đến đoạn đường mà mỗi buổi sáng buổi chiều ông phải đi qua, đến những khu đất bỏ hoang hai bên con lộ vắng người, đến những cơn nắng gắt, những buổi trưa ở lại xưởng máy, những quán cơm xã hội, những tiệm nước bình dân... Những buổi sáng ra đi rất lâu trước khi mặt trời mọc, toàn thân rung rung trên chiếc xe đạp cũ đã mang nhiều lớp sơn khác nhau, qua những khu vườn bỏ trống, những thông hào xơ xác lá khô, những khu phố yên tĩnh xám ngắt dưới chân trời bắt đầu ửng hồng của buổi rạng đông, những nhà máy đen sì với những cột cao như sắp toả khói, những khu phố thương mại sầm uất nằm ven trung tâm thành phố, chung quanh xưởng máy, người đàn ông thường không khỏi nghĩ đến gia đình, đến những phần số thật khác biệt, thật thảm thương của những đứa con, đến người vợ gần mười năm nay đã chung lưng phần đấu với ông, cho cái gia đình đông con của ông - cái gia đình mà lần lượt mỗi người con đã tự thấy cần phải bỏ đi xa, để sống. Người đàn ông nghĩ đến mọi thứ như vậy, nhưng nét mặt ông vẫn bình thản, chân vẫn đạp thật đều,

càng đến gần xưởng máy xe đường như càng chậm hơn, hay chỉ là chính ông nghĩ như vậy. Người đàn bà bây giờ đang len lỏi giữa chỗ đông người, đưa gánh trước vạch một đường nhỏ để tìm đến một chỗ xa nhất trong góc chợ. Da bà ngăm đen, sạm nắng, hai gò má cao và hóp không làm cho cả khuôn mặt gầy kia yếu đuối đi, trái lại. Bà đội một miếng vải trắng trên đầu, thay cho miếng vải sọc vuông cũ của bà: có lẽ bà đang muốn cứ vẫn để tang cho người con trai lớn vừa tử trận? Bà mặc một chiếc áo dài đen, nhưng sẽ không ai thấy được đó là màu đen, bởi vì áo đã bạc màu. Người đàn ông xuống xe trước cổng xưởng máy, dẫn bộ về phía lối đi nhỏ bên trái.

oOo

Người đàn ông ngồi trước một chiếc bàn tròn, trên mặt bàn lợp tôn là ly nước trà đá của ông. Những gì vừa xảy ra trong nhà máy sáng nay đã vượt qua sức ông, ông không bình thần được. Miếng bánh mì nhét đầy những thứ gì như là thịt cầm trên tay vẫn còn nguyên. Chiếc mũ nhà binh nằm trên đầu gối, che vừa chỗ rách đã được vá lại tuần trước. Chung quanh ông, trong tiệm nước nhỏ, là những người cùng làm trong nhà máy, những công nhân. Người đàn ông thỉnh thoảng nhìn họ với những tia nhìn thân mến nhưng sợ hãi, và quả thực ông đã không giấu được nỗi sợ hãi. Những gì vừa xảy ra trong nhà máy sáng nay... Người đàn bà giờ này đang sửa soạn ra về, phiên chợ mỗi lúc một thưa dần, và mặt trời đã đứng bóng. Người đàn ông không đủ can đảm để nói chuyện với những người cùng làm trong nhà máy, ông sợ phải nói lên một điều gì mà ông biết chắc là không phải. Ngoài đường, xe cộ qua lại như

có thừa dằn, nhưng ông không để ý đến điều này. Khi còi hụ mười hai giờ, ông thấy mọi người đứng lên, kéo nhau ra cổng nhà máy, chia nhau rải rác vào các tiệm ăn bình dân, và ông đã đứng lên thờ thẩn đi theo họ, vì ông không đủ can đảm... Chung quanh ông, mọi người đang bàn tán về vụ đình công, đang phản đối, đang bênh vực, đang cãi nhau và cười đùa. Ông không thể có can đảm hơn, bởi vì sáng nay, lần đầu tiên trong đời, ông đã làm một việc quá sức mình, ông đã can đảm một lần, đến ngồi chung với anh em trên những bực thềm của toà nhà lớn trong xưởng. Ông đã bị đặt trước một việc quá khó xử, bởi vì ông còn có một mái nhà phải giữ cho khỏi sụp, một gia đình phải nuôi sống, đặc biệt là đứa con trai sau cùng, đứa con còn lại trong tám lần sinh nở của vợ ông – đứa con mà ông không đành bỏ cho chết trận, như những đứa khác. Những lời nói của một số người ông quen biết sáng nay đã có lần an ủi ông, thuyết phục ông, nhưng những lúc ngồi riêng như thế này, những lúc ông chỉ thấy có mỗi cái hình ảnh cơ cực của những ngày làm ăn vất vả của vợ chồng ông, ông thấy khổ sở, lo âu, như sắp mất đi một cái gì không sao lấy lại được. Ông nhớ đến những buổi chiều tan sở, đến cảnh tượng những con người mệt nhoài, những công nhân bạn bè ông, chen nhau đi tìm những chiếc xe cũ của mình để về nhà. Ông nhớ lại những khu phố nhộn nhịp, những tiệm ăn chói nắng, những con đường in vô số những bóng cây nằm ngang mà chiếc xe đạp cũ sơn màu lá cây xanh của ông đã dẫm lên không biết bao nhiêu lần, mỗi buổi chiều. Ông nhớ lại con đường mòn ở khu phố vắng vẻ, những nhà máy nhuộm vàng mặt trời chiều với những cột khói cao, ông nhớ lại những khu vườn

hoang và mùi cỏ khô hai bên đường, những cơn mưa thường đột ngột đổ xuống vào giờ này của buổi chiều, và ánh mặt trời chiếu ngay vào mặt ông, những ngày trời nắng. Người đàn bà vừa bước vừa chạy dưới đôi gánh không, thản nhiên, trên con đường gần nhất về nhà. Mặt trời hơi nghiêng về phía tây, bóng người đàn bà rất ngắn, vói đôi gánh, di động dưới đất, bên tay trái bà ta. Người đàn ông nhìn những đồng nghiệp đang lần lượt đứng dậy, chậm rãi đi về phía cổng nhà máy. Chiếc mũ của ông vẫn nằm yên trên đầu gối, đủ che mảnh vải vừa được đắp lên. Ông cố để khỏi có một vẻ buồn rầu, nhưng đến độ này của nỗi lo âu, ông không làm sao che giấu nổi. Phía trước ông, trên mặt hè phố, nắng in bóng cây dài gần hai thước tây, ông tính nhắm giờ khắc, và cố tưởng tượng những gì sắp xảy ra. Ông ngạc nhiên nhớ lại sáng nay đã nhìn thấy những bộ mặt hân hoan ngồi bên cạnh ông, trên bậc thềm cuối của toà nhà lớn trong xưởng máy, những người trẻ. Ông không tin là mình không hiểu gì, thế mà ông dường như đã không hiểu gì. Bởi vì ông đã đến với họ, với anh em, với nỗi chết trong lòng. Những cơn mưa thỉnh thoảng bắt gặp trên đường về nhà, ở quãng trước những khu vườn bỏ hoang, với những cổng rào sắt kiên cố, những làn xe nổ lốp phải về nhà muộn, qua những quãng đường vắng và lạnh, khi mặt trời đã tắt hẳn, với chiếc bụng đói... bây giờ đối với ông thực là chẳng có gì phiền phức. Các công nhân nhà máy lần lượt trở vào bên trong cổng, các tiệm ăn bình dân thưa dần, đang sửa soạn đóng cửa. Người đàn ông uể oải đứng dậy và bước qua đường. Phía bên kia hàng rào sắt, trên những bậc thềm của toà nhà lớn, nhiều người đã trở về ngồi, có người vừa nói vừa hăng

say múa tay múa chân, những lời nói mà đứng ở đây ông không nghe được. Họ đông quá, có thể phần lớn họ không biết mặt ông, không biết ông là ai – dù ông có đến với họ hay không, một lần nữa. Ông tiến sát vào cổng sắt, đi qua cánh cửa nhỏ bên trái, và nhìn vào. Ông thấy mình bỗng đứng hoà hoãn, nhỏ thó, không đáng kể. Ông đã muốn bỏ cuộc, nhưng ông không muốn bỏ cuộc. Người đàn bà rẽ qua tay phải, đi vào một ngõ hẹp, trong một xóm xa nhất của một vùng ngoại ô xa nhất, hai bên bà là những mặt tiền đối diện thật gần, thật sát nhau. Mặt trời chênh chếch in bóng của bà dài ra phía trước, với chiếc khăn đội đầu, với những gồng gánh. Người đàn ông thờ thẩn nhìn vào bên trong nhà máy, trên sân cỏ, trên các bậc thềm. Ông đã định sẽ không đến với họ, những người thân yêu, những người gần gũi với ông, nhưng ông đã đến. Bây giờ ông tiến lại thật gần cánh cửa nhỏ bên trái, và đưa bàn tay hầy còn cầm miếng bánh mì chưa ăn đẩy cửa bước vào. Ông thản nhiên đi lại phía sân cỏ, hay ông cố làm ra vẻ thản nhiên như vậy, trong khi đầu óc ông quay cuồng những ý nghĩ thô sơ hơn, giản dị hơn, với hình ảnh căn nhà nhỏ của ông, hình ảnh những đứa con trai lớn đã chết trận, những đứa khác đã phải bỏ nhà đi làm ăn xa, đứa con gái đã chết trên con đường đi vào thành phố, và thằng con út, đứa còn lại, mà ông không đành để chết trận nữa. Mặt trời bây giờ in bóng toà nhà lớn nhất của xưởng máy lên hơn nửa sân cỏ, ông đến ngồi ở hàng sau cùng, chỗ bóng mát chưa lan tới. Trước mặt ông là những hàng dài các công nhân, họ ngồi đối diện với những công nhân khác, nghĩa là đối diện với các bậc thềm toà nhà lớn nhất. Ông đến ngồi ở đó, cùng với

họ, những người không chịu làm việc nữa, nhưng ông không như họ, ông biết vậy, bởi vì ông không làm sao giấu nổi sự lo âu của mình.

oOo

Bây giờ thì mặt trời xuống thấp, in bóng cả toà nhà lên khắp sân cỏ, người đàn ông vừa ăn xong miếng bánh mì. Chung quanh ông những mẫu đối thoại mỗi lúc một lớn hơn, mỗi lúc người ta một hăng say hơn trong câu chuyện của mình, những câu chuyện thật riêng tư, thật khác biệt, có vẻ như vậy. Bên ngoài vòng rào, xe cộ đã bắt đầu qua lại tấp nập hơn, và trên các vỉa hè, bộ hành cũng bắt đầu đông đảo hơn, giữa lớp khói và bụi. Trước mặt ông, những cánh cửa cao phía mặt tiền toà nhà – sau lưng những người ngồi đông đảo trên các bậc thềm và đang bắt đầu có những cử chỉ mạnh hơn, cùng với những lời nói mà ngồi ở đây ông không sao nghe được – vẫn khép kín. Có người bảo với ông, hay chính ông nghe họ bảo với nhau, là cuộc đình công sẽ thất bại. Những người khác hy vọng sẽ có thay đổi, tuy cho đến bây giờ những cánh cửa kia vẫn chưa có ai mở ra. Người đàn bà đổ nước vào nồi gạo vừa vo xong rồi đặt lên lò. Bà nhìn ra bóng mái nhà in trên ngõ hẻm, có lẽ để xem chừng giờ giấc. Người đàn ông muốn tìm một người quen nhiều để hỏi han, nhưng đến giờ này của ngày đình công, trong một xưởng máy quá lớn, mà ông chỉ là một lao công quá nhỏ, ông không làm sao tìm ai được. Ông nhìn bãi cỏ lúc nhúc những đầu người, nhìn những bậc thềm đã bị choán hết chỗ, nhìn toà nhà lớn và những toà nhà khác trong xưởng máy, và ông có cảm tưởng lo âu như sắp đánh mất một cái gì, một cái gì mà ông

vẫn bầu vùi vào để sống đến ngày nay. Ông không tìm thấy ai, và mặt trời thì sắp lặn mất, sau những mái nhà thấp nhất của thành phố. Một cơn gió dường như đang thổi tới, trước khi ông có cảm tưởng một cơn mưa sắp đổ xuống trên thành phố này. Không có cơn gió nào đang thổi tới, đó là sự chờ đợi.

oOo

Khi người đàn ông đạp chiếc xe đạp cũ sơn màu lá cây xanh đến quãng đường trước các khu vườn bỏ hoang, thì cơn mưa chiều bắt đầu đổ xuống, nhưng ở đây mặt trời vẫn tiếp tục chiếu thẳng vào ông.

“Người đạp xe vào thành phố buổi sáng”, trước thời vàng son của internet,¹ đã bước những bước chân quê của nó: đăng lần đầu tiên trên tạp chí *Trinh báy* [số 12 & 13 - Xuân Tân Hợi, Saigon, 15 tháng Giêng và 1 tháng Hai 1971]; hai mươi sáu năm sau, nó nằm chung với “Ngoại ô, nhà máy” [*Trinh báy*, số 19, Saigon, 7 tháng Năm 1971] trong tập truyện ngắn *Người đạp xe vào thành phố buổi sáng* [Nxb Trinh báy, 1997]; hai năm sau đó, 1999, nó cùng tác giả “chút chút” [Vô Phiến - thư từ Los Angeles VII, 99] đi vào bộ *Văn Học Miền Nam*² [truyện I] ở California; từ đó, không hiểu bằng con đường nào, đi luôn về tuần báo *Văn Nghệ* của Hội Nhà văn Việt Nam³ [Hà Nội, số 38, ngày 20 tháng Chín 2008] – để rồi sau đó, một lần nữa, có mặt trong một số đặc biệt của tuần báo này. Với một cái truyện “lèng xèng” như thế, mà xuất hiện như thế, thì nói theo kiểu Saigon ngày nay, kể cũng là oách.

¹ Có người bạn nọ cho biết mấy “địa chỉ” báo mạng, trong số có phongdiep.net [xin có lời cảm ơn!] là nơi hơn những nơi khác, đã có nỗ lực “biên tập” rất đáng để ý: xé cái truyện “Người đạp xe vào thành phố buổi sáng” ra trên hai chục mảnh! Not a big deal.

² Trong *Văn Học Miền Nam* (Nxb. Văn Nghệ, California, Hoa Kỳ, 1999 - gồm 7 cuốn: 1. *Tổng quan*; 2. *Truyện I*; 3. *Truyện II*; 4. *Truyện III*; 5. *Ký*; 6. *Kịch, Tùy bút*; 7. *Thơ*), nhà văn Vô Phiến viết [trích]:

Hoàng Ngọc Biên, ông có nhiều say mê về phía Tây phương. Thường thường hướng

về những cái mới, những cái khó.

Ông mê Marcel Proust từ ngày mới bắt vào văn chương. Rồi cuốn sách đầu tiên của ông do nhà Trinh bày xuất bản là cuốn viết về Mười nhà văn Pháp hiện đại.

Ông nhạy cảm. Mọi máy động trong các lãnh vực văn nghệ ở Âu Mỹ, ông đều bắt được ngay [...] Hoàng Ngọc Biên viết truyện, làm thơ, dịch thuật, viết tiểu luận, v.v... Thứ nào cũng thận trọng, cũng ít thời. [...] Trong truyện ông không có nhân danh, không có địa danh. Người chờ chuyển xe là chờ ở tại ga nào? Không biết. Tỉnh nào? Không biết. Định đi đâu? Không biết. Để làm gì? Không biết. Người đạp xe vào thành phố, người ấy tên gì? ở đâu? Không biết. Người đọc có biết ông ta đạp xe đi mãn kiếm sống. Thế thôi. Những cái người đọc biết rõ là trời tối, trời sáng, trời sáng hơn, là dây tuồng, con đường, chiếc áo xanh, cái quần không còn màu, v.v... Người viết chỉ ghi nhận những cái ấy. Bằng cái nhìn objectal. Nhìn cái bên ngoài: hình dạng, màu sắc, cử động, khía khuống... Nhìn, và loại trừ mọi xúc động, nhận xét, suy tưởng.

Như vậy được chăng? Người ta có thể, có nên giữ thái độ khách quan, đến lạnh lùng tuyệt đối như vậy đối với đời chăng? – Sao không? ...

³ Trong “chủ đề” Truyện ngắn miền nam trước năm 1975, tuần báo này giới thiệu tác giả, chắc chắn cũng phải được hiểu chỉ là “tác giả truyện ngắn miền nam thời”: “Hoàng Ngọc Biên, tên thật đồng thời là bút danh của nhà văn, sinh năm 1938 tại Quảng Trị. Trước 1975, và ngay cả hiện nay ông hoạt động trên khá nhiều lĩnh vực: viết văn, làm thơ, viết phê bình, tiểu luận, dịch thuật, vẽ... Đã xuất bản: Mười nhà văn Pháp hiện đại, (Trinh bày, 1969); Đêm ngủ ở tỉnh, tập truyện ngắn, Nxb Cáo Thom, Sài Gòn, 1970; Marcel Proust – con người xã hội, Trinh bày, 1974; Tĩnh vật và những bài thơ khác, Thơ Joseph Brodsky, Nxb Thuận Hoá, Huế, 1991; Thơ mới Ba Lan, tuyển tập thơ mới Ba Lan, trình bày, 1993, Uống trà sớm mai, thơ, Trinh bày 1996; Người đạp xe vào thành phố buổi sáng, tập truyện, Trinh bày, 1997... Kỹ lưỡng, thận trọng, tài hoa tham gia vào lĩnh vực nào Hoàng Ngọc Biên cũng để lại ấn tượng khá đặc biệt. Quan trọng hơn, sự tươi mới trong những gì ông tạo ra dường như đã thắng được thời gian. Người đạp xe vào thành phố buổi sáng, truyện ngắn in cách nay ngót 4 thập niên có thể coi là một ví dụ... Nhà văn hiện đang định cư ở Mỹ.” [Trích tuần báo Văn Nghệ]

HOÀNG NGỌC TUẤN ĐỪNG ĐẾN SÂN GA

Toàn không ngồi yên một phút nào trên tàu hỏa đi từ Huế vào sáng nay. Bây giờ, đã nhiều nắng đầy bầu trời trong, Toàn bị ngợp mắt vì cứ đứng hoài ở khung cửa xe, nhưng anh cảm thấy ấm áp.

Khi tiếng máy nổ ở đầu toa tàu rời rạc chậm lại, một nhà ga nhỏ đàng kia tiến đến lần hồi. Toàn chăm chú nhìn người bê ghi cú xuống đường rầy chuyển con đường sắt lấp vào đường đi trước mặt nhà ga. Còi tàu kéo một vài hồi báo hiệu xe ngừng, khói không còn bay mạnh ngược chiều, bốc lên tan loãng chậm rãi.

Đến Lăng Cô rồi, không cần nhìn vết chữ sơn đã phai gần hết trên mái nhà ga đầy rêu ủ dột, Toàn cũng biết là đã đến ga Lăng Cô. Vì những người bán hàng ủa ra mời khách hàng mua những chai mắm sò, thứ đồ ăn đặc biệt của địa phương. Nút chai làm bằng lá khô đã bịt kín không cho mùi mắm

hấp dẫn bay ra, nhưng bên trong những vỏ chai trong suốt bằng thủy tinh, mắmsò ép sát vào nhau gọt thềm đến bữa cơm đậm đà và làm Toàn chảy nước miếng.

Toàn xuống xe với chiếc xác tay nhỏ. Một con bé quần áo rách rưới đứng phải anh, chắn lối bực thềm. Nó oang oang nói một tràng dài, cái câu mời khách quen thuộc này giờ anh đã nghe chúng nheo nhéo giống hệt nhau.

- Mua vài chai mắmsò đi thầy. Thứ thượng hạng chính hiệu đây. Ở Lăng Cô mới có, vô trong Nam tìm mua không có đâu thầy.

Toàn mỉm cười:

- Em mời khách vào Sài Gòn kìa, họ mang vô làm quà cho vợ con. Tôi xuống ga này, thứ này rồi tha hồ ăn ở đây thiếu gì.

Con bé bây giờ mới nhìn thấy cái xác tay của Toàn. Nó bỏ vội anh, leo lên toa tàu, lời rao hàng khản giọng mất đâu đó trong tiếng cười nói ồn ào của hành khách.

Một vài người vô ý chạm phải vai Toàn làm anh suýt ngã khi bước vào ga. Anh cố tình không quan tâm gì đến điều khiếm khuyết của mình, nhưng rất cuộc, cái đó lại ám ảnh anh như thường lệ. Anh thấy mình rõ ràng bước đi khập khễnh, chân thấp chân cao, mọi vật nhấp nhô không đều trước mắt anh làm anh rịn mồ hôi trán. Anh cúi xuống nhìn chân mình hai ống quần rộng thùng thình, hậu quả của mấy tháng nằm ở quân y viện ốm hẳn người đi. Không biết có ai nhìn xuyên được qua lớp vải quần của anh không, để tò mò khám phá thấy đùi bên trái tộp nhỏ lại thua sút chênh lệch so với chân phải, kết quả của một viên đạn xuyên thủng vào phía trên đầu gối chừng một gang tay.

Toàn liếc nhìn mọi người nhưng chẳng ai buồn chú ý đến anh cả, hành khách xuống ga Lăng Cô cũng ít và chẳng

mấy chốc, tàu hỏa hú còi xình xịch chạy. Viên xếp ga đưa tay lên vẫy chào về phía đầu máy rồi một nhọc quay vào phòng làm việc chật hẹp trong nhà ga. Tất cả đều bám đầy bụi bặm kể cả chiếc máy điện thoại màu đen to tướng trên bàn. Toàn mong đừng có ai chăm chú nhìn anh cả, nhất là nhìn cái chân tật nguyên này, và anh yên tâm. Anh rời khỏi nhà ga khá mau lẹ, khỏi phải dáo dác tìm kiếm một ai bởi vì anh biết chắc chẳng còn ai đón mình.

Băng qua con đường cát lún đầy bụi rậm và cỏ dại hai bên, anh đi về phía xóm nhà nhỏ nằm xúm xít với nhau ở đàng kia, dọc theo bờ biển. Xóm Toàn là những mái nhà lá xác xơ của dân cư làm nghề chài lưới. Chỉ có một căn nhà gạch thấp nằm ngang đầu xóm, đó là văn phòng xã trưởng. Và còn thêm một căn nhà gạch mái đỏ thứ hai nữa, rộng hơn, có nhiều phòng và khoảng sân mát mẻ dưới tàn cây trướng cá. Chưa đến nhưng Toàn mừng tượng nhìn thấy tấm bảng thiếc treo sơ sài trên cổng nhà, nét sơn thô kệch vụng về mấy hàng chữ Trường tiểu học Lăng Cô. Chính nó, chính mái trường tiêu điều này là nơi gọi nhớ mệnh mang cho một ngày trở về. Và anh đang bước chân thấp chân cao khó nhọc lún trong cát bỏng, nhưng người như đang ngợp mát trong tiếng sóng biển dồn dập lại gần. Ba bốn năm xa miền biển này rồi, anh tự nhủ nếu mọi chuyện có đổi thay xa lạ thì cũng không phải là điều đáng kinh ngạc.

Cậu học trò mặt mày đen đũi gõ vào cửa phòng, rụt rè:

- Thưa cô Hiệu trưởng, có khách hỏi cô.

Tiếng đàn bà nghiêm trang vắng ra:

- Phụ huynh của em nào hả?

Cậu bé liếc trộm nhìn Toàn rồi ấp úng trả lời:

- Thưa cô không biết... ông này... lạ hoắc à.

- Được rồi.

Cánh cửa mở nhẹ. Cậu bé bỏ chạy đi chỗ khác, và trước khi cánh cửa mở toang ra hết để Toàn có thể gặp lại chị Lục, anh cảm thấy một chút nôn nao vui thích trong lòng, thế là trong ba năm cũng có nhiều thay đổi, nhưng khá dễ chịu. Từ một cô giáo viên chánh ngạch chăm chỉ nhất, chị Lục bây giờ đã lên chức cô hiệu trưởng trường tiểu học. Điều dễ chịu nữa là cô giáo ấy vẫn chưa trở thành bà.

Chị Lục mở cánh cửa, mở lớn mắt ngạc nhiên rồi la lên:

- Trời ơi! Toàn đó hả?

Anh chỉ biết nhe răng cười sung sướng, gật đầu mà không nói lên lời gì cả. Chị Lục chạy ra khỏi phòng, nét mặt rạng rỡ và có lẽ chị sẽ ôm chầm lấy Toàn nếu không có đám học trò đang kéo nhau ra về, reo đùa inh ỏi. Nhưng chị Lục cũng cầm lấy tay áo anh, kéo vào văn phòng. Thêm một thằng bé khác, cũng đen như cột nhà cháy, đang vòng tay quỳ gối quay mặt vào tường như một tín đồ sám hối. Chị Lục vỗ đầu cậu bé:

- Thôi, lần này cô tha cho em. Mau về nhà ăn cơm đi. Nhớ lần sau mà bắt còng còng bỏ vào áo bạn cùng lớp là cô phạt nặng nghe không.

Thằng bé đứng phắt dậy, đầu gối đỏ lừ nhưng nét mặt sáng rực. Nó lí nhí cảm ơn chị Lục và cũng đủ thông minh để biết rằng mình được tha vì cô Hiệu trưởng có khách, nó liếc nhìn Toàn một cái tỏ vẻ thân mật rồi vù mất.

Căn phòng làm việc của chị Lục cũng là văn phòng trước kia của lão Hiệu trưởng cũ. Ít có gì khác lạ, một tấm bản đồ Việt Nam treo trên tường và quả địa cầu xoay đặt trên bàn, chỉ thêm vài vỏ ốc lóng bóng làm đồ chặn giấy, chắc là của học trò biếu chị.

Toàn ngồi xuống ghế, lặng lẽ nhìn chị Lục và chị thì cắn môi để khỏi nói lên lời cảm động run rẩy gì đó. Chị

vẫn dụi dằm như thuở nào, mắt rơm rớm long lanh. Một lúc sau chị mới bình tĩnh hỏi chuyện Toàn. Anh nói từng tiếng ngắn:

- Cái chân...

- Sao?

- Bị trúng đạn... Tôi què rồi. Giải ngũ.

Chị Lục nắm chặt lấy tay Toàn:

- Trời ơi... trời ơi...

và Toàn thấy bàn tay anh lạnh ướt nước mắt.

- Thôi... Toàn không chết là may rồi. Toàn được về là may rồi. Ở mãi đây nghe.

Anh mỉm cười:

- Tôi biết làm gì ở đây? Không lẽ ăn bám vào chị.

- Đừng nói thế. Toàn dạy học lại như lúc trước, tôi thu xếp cho Toàn một chỗ... và mọi chuyện như cũ, có gì thay đổi đâu.

- Cái chân.

- Toàn!

- Trường Lãng Cô sẽ có một ông giáo què làm trò hài hước cho học sinh. Chị muốn tôi làm huấn luyện viên thể dục không? Nhảy cao nhảy dài, chạy đua biểu diễn cho học trò xem... với một cái chân cà thọt.

Chị Lục im lặng cho Toàn nói lái nhải một hồi những lời cay đắng. Rồi chị đứng dậy, vẫn nghiêm trang và thân mật tự nhiên như lúc trước, chị dìu vai Toàn đi vào phòng trong. Cách văn phòng chỉ với một tấm màn vải, phòng riêng của chị Lục sạch sẽ ngăn nắp nhưng cũng có đôi chút bừa bộn của một người đàn bà độc thân. Thau còn ngâm đồ giặt ủi bọt xà phòng trắng, vài chiếc áo cánh treo trên dây thép gai, bếp lửa gần với chân giường ngủ. Toàn còn nhớ trường này có hai phòng học bỏ trống, được chia ra cho vài ông và

các cô giáo viên ở. Chị Lục hồi trước cũng ở chung với một hai cô, nhưng bây giờ chị làm hiệu trưởng nên lên ở đây một mình. Chị Lục nói:

- Toàn hãy nằm nghỉ một lát. Chờ đây rồi tôi đi chặt cho Toàn một trái dừa. Còn thích uống nước dừa không?

Toàn mỉm cười, cảm giác yên lành ngập tràn người anh. Anh nhắm mắt lại, và ngủ mê. Tiếng chị Lục êm ấm bên tai: Ngủ một lát đi cho khỏe... mọi thứ rồi sẽ như cũ.

Anh thiếp được một chút rồi đầu óc tỉnh lại, nhưng vẫn còn váng vất, lao xao. Như cũ... trước kia chị Lục và anh là đồng nghiệp thân nhất với nhau, đầu chị lớn hơn anh vài tuổi. Chị dạy và coi sóc lớp Nhất, anh lo về lớp Nhì. Tụi học trò của anh nhỏ con hơn nên mỗi khi có trận bóng đá giao hữu giữa hai lớp, lớp của anh thường bị thua hoài mặc dù anh cố tình ăn gian đôi chút khi được làm trọng tài. Anh bật cười. Có lần bóng trúng ngực một thằng lớp nhất trong vòng cấm địa, anh bảo là trúng tay và phạt "pê-nan-ti". Cầu thủ nhao nhao phản đối và kêu cứu, chị Lục từ ngoài sân chạy vào gây gỗ cãi cọ với anh, nhưng anh đã nóng mặt nhất định vẫn phạt đền để lớp anh có dịp gỡ huê. Nhưng rồi cái thằng nhóc chó chết, "vua phá lưới" sáng chói nhất của lớp nhì, run run hồi hộp quá nên đá mạnh bóng bay lệch sang một bên rơi tuốt xuống biển. Rồi còn gì nữa... Anh bị gọi đi lính. Giã từ phần trắng bảng đen, giã từ đám học trò què kệch vẫn thường cùng thầy giáo bơi thi vui nhộn ngoài biển, giã từ chị Lục... những mùa hè êm đềm rạng rỡ ánh nắng.

Và anh đã trở về, như thế này đây, không phải hoàn toàn vì mái trường cũ và chị Lục, nhưng không còn một nơi nào để trở về nữa.

... Giờ khắc thông thả trong căn phòng tĩnh mịch. Anh

mơ màng ngủ lại. Trong giấc mơ mệt nhọc của buổi trưa anh thấy mình vừa chạy vừa thở hào hển trên bãi biển, đuổi theo chị Lục. Chị ở trước mặt anh một quãng ngắn nhưng anh không tài nào bắt kịp, cái chân què của anh như níu kéo lại, cuống quýt bối rối trong lòng cát. Anh đau đớn tuyệt vọng nhìn thấy khuôn mặt của chị Lục quay lại, đôi mắt nhìn anh chế giễu, bọn học trò chung quanh vỗ tay cười cợt ầm ĩ... Rồi anh ngã xuống úp mặt ướt mồ hôi vùi trên cát nóng, mắt anh mờ đi, chao động, mơ hồ, hình ảnh chị Lục chốc lát bay xa như cánh chim trắng đi vào cõi vô cùng... Anh sợ hãi hét lên...

- Toàn!

Anh giật mình tỉnh dậy, Chị Lục đang ngồi xuống bên cạnh anh, tay chị đặt trên vầng trán tươm đầy mồ hôi của anh. Chị ân cần dìu anh ngồi dậy, đưa cho anh một ly nước dứa, đá lạnh bốc hơi lấm tấm ngoài lớp thủy tinh. Anh uống ừng ực một hơi ngon lành, mát mẻ sáng khoái làm anh dịu lại đôi chút. Anh nhìn ra khung cửa sổ, một vài ngụm mây trắng trên nền trời chiều, màu xám buồn rầu nhưng êm ả, anh ngẩng đầu dậy:

- Chiều rồi. Sao chị không dạy học?

- Thứ bảy, Toàn không nhớ gì đến ngày tháng nữa à?

Anh ngồi dậy. Anh định đi một vòng quanh bờ biển nhưng lại thôi. Anh lục lạo một xấp bài tập của học sinh, đọc băng quơ:

- Toàn có thích đọc truyện kiếm hiệp không? Ở Lãng Cô thì chỉ biết thuê mấy thứ vở vấn đó đọc cho đỡ buồn.

Anh lắc đầu. Anh tìm thấy dưới gầm bàn của chị Lục cuốn sách *Truyện cổ nước Nam*, giấy vàng xỉn, trên bìa rách mềm tả tơi có dán tấm nhãn đề chữ: Sách đọc thêm cho học sinh... Thư viện trường tiểu học Lãng Cô và một con dấu

đỏ lò mờ. Anh nói với chị Lục:

- Thôi đọc cái này vui lắm.

Chị Lục cũng bật cười. Chị nói:

- Tôi làm cơm chiều đây. Lát nữa Toàn tha hồ ăn bữa cơm nhà quê xứ biển. Học trò mới đem lại cho mấy con cá ngừ tươi lắm...

Chị mở cánh cửa:

- Có lẽ phải chạy đi mua mấy chục bánh tráng.

Khi chị Lục đi ra khỏi phòng, Toàn lật những trang sách nhưng không đọc được gì hết. Anh liếc cái mục lục một loáng rồi đặt cuốn sách vào chỗ cũ. Căn phòng đã tối nên anh đứng dậy, thắp ngọn lửa đèn măng-sông. Anh đã quen với thứ đèn này một thời nên anh khêu sáng ánh đèn dễ dàng. Màu vàng lung linh, đáng lẽ phải làm căn phòng nóng bức, nhưng nhờ những ngọn gió biển thổi vào qua cửa sổ mở toang, không khí trở nên dịu ngọt và ấm áp.

Cửa sau nhà bếp của chị Lục mở ra là bãi cát của bờ biển, vài gốc dương rũ là xuống mái nhà và đem lại một ít bóng mát cho những buổi trưa vắng. Nhưng bây giờ đã chiều, mặt trời chỉ còn lại một đốm đỏ sắp lặn mất ngoài chân trời, ở đâu cũng toàn là bóng mát, cát không còn nóng ran dưới chân người.

Chị Lục trải một tấm vải dầu trên cát, bữa cơm chiều được dọn ra trong cơn gió biển thoang thoảng thổi vào làm tóc chị bay rối một vài sợi, nhưng không khô đi những giọt mồ hôi vì bếp lửa. Bữa cơm thịnh soạn cho hai người. Nhất là đối với Toàn, mấy năm nay ăn toàn là cơm sấy khô hoặc chỉ được nấu chín vôi vàng trong những chiếc thùng đen dơ bẩn.

- Quán với bánh tráng mới ngon Toàn à.

Chị Lục nhúng bánh tráng sơ sài vào nước cho bánh hơi

mềm một chút. Chị mở nồi cá ngừ kho, mùi thơm bốc lên, những khoanh cá chín ngả sang màu nâu tủa đầy khói. Chị Lục làm cho Toàn cuốn đầu tiên. Rau sống, cá ngừ, rau muống tươi chế nhỏ quăn trong bánh tráng mỏng. Anh cầm lấy, nhúng vào nước chấm được làm bằng nước cá hòa với những trái ớt dầm nát thành từng mảnh, hột ớt lấm tấm. Anh cắn một cuốn bánh tráng ngon lành, mùi thơm nồng của loại cá biển tươi, mát mẻ dòn tan của rau xanh, mặn mà của nước cá và vị ớt cay cay... Gió biển lại thổi lồng vào sống lưng lạnh mát, làm khô đi hơi nóng vừa bốc lên một chút trong người vì anh hau háu ăn không ngừng nghỉ.

Chị Lục tỏ vẻ thích thú, thỉnh thoảng chị lại mỉm cười và khẽ nuốt nước bọt thèm thườn nhìn anh. Phần chị, chị đã quá quen với món ăn này rồi. Chị ăn chậm rãi bình thường và tay bận bịu đập nồi cá để giữ hơi nóng, thấm nước cho bánh tráng hay xấn thêm một vài trái ớt xanh dòn. Anh mãi miết ăn, không còn hơi sức đâu mà nghĩ đến cái chân què của mình nữa. Chị Lục mở nắp chai bằng một cái khoen đính trên cánh cửa. Chị nói:

- Ở đây chỉ có bia Quân tiếp vụ thôi, họ lại hết đá rồi.

Anh gật đầu. Bia hơi đắng nhưng vẫn nồng, cay xé trên lưỡi như mùi ớt. Anh đưa chiếc ly cạn một nửa cho chị Lục.

- Chị uống một ít đi. Thứ này nhẹ lắm.

Chị Lục vấn mái tóc lại rồi cột bằng một sợi dây cao su. Mắt chị long lanh.

- Uống lỡ say rồi sao. Tôi đâu biết uống rượu.

- Có sao đâu, mai là chủ nhật mà.

Chị Lục cầm lấy ly bia, chị bỗng nhìn băng quơ ra ngoài biển.

- Ở... mai chủ nhật, thích thật. Mọi khi tôi sợ ngày chủ nhật lắm, học trò nghỉ hết mình không có chuyện gì làm cả. Bây giờ có thêm Toàn mới vui.

- Có “chương trình” gì vui không?

- Trời ơi, ở đây mà có chuyện gì được. Nhưng mai tôi ra chợ sớm. Tìm một ít mực tươi về luộc ăn với nước tương. Không biết mùa này có “nước” không... “nước” ăn mát lắm, chấm với ruốc ớt thì buổi trưa lại càng thích, vừa đổ mồ hôi vừa ăn.

Anh nhìn chị Lục, mỉm cười khuyến khích. Chị Lục nhắm mắt uống một hớp bia, rồi nhìn quanh như sợ có ai bắt gặp, nhất là mấy cô cậu học trò vẫn thường ngoan ngoãn nghe chị nghiêm trang giảng bài uống rượu tai hại như thế nào.

Nhưng giờ đây, chiều đã xuống trên xóm vắng, ngọn đèn dầu vàng rực đã thắp lên trong những mái nhà lá, mọi người đều xúm xít bên mâm cơm, đâu có ai ra dạo mát ngoài bãi biển nữa, và nếu có cậu bé nào nghịch ngợm ham chơi nhất, thì chắc cũng chỉ đang nhảy nhót ở một khoảng cát nào xa tít, nó đâu muốn lại gần trường học, một tuần phải đến đây sáu ngày là cũng đủ ngán quá rồi.

Mặt chị Lục đỏ ửng nhưng chị lại uống thêm một hớp. Anh nhìn thấy lông lánh bia vàng chảy vào môi chị, mắt nhắm và đôi long mày hơi nhíu lại. Và chị trả lại chiếc ly cho anh, với một nụ cười thắm thiết. Nhưng có lẽ là anh đã tưởng tượng quá nhiều nụ cười của chị. Trời đã tối quá rồi, anh chỉ nhìn được lờ mờ khuôn mặt chị, chỉ có đôi mắt sáng là thấy rõ ràng lắm. Ánh đèn hắt ra từ song cửa bếp. Giọng nói của chị Lục nhỏ lại như vỗ về:

- Ngày mai là chủ nhật, tôi sẽ...

Vâng, anh biết. Ngày chủ nhật. Ngày nghỉ ngơi, rộng rãi thoir khắc dịu dàng và êm đềm như một dải lụa mềm mại trải dài ra. Ngày còn làm lính, anh không biết phân biệt ngày nào với ngày nào. Chỉ nhớ ngày phát lương và ngày hết tiền cách đó không đầy một tuần. Chỉ lo lắng ngổn

ngang vào ngày lên đường chuyển quân và nôn nóng chờ ngày chấm dứt cuộc hành quân, trở về. Nhưng ở đây, biển Lăng Cô, trường học và chị Lục. Một ngày chủ nhật...

Anh ra biển vào lúc nắng đã lên rực rỡ trên mặt nước. Biển Lăng Cô không phải là một thắng cảnh danh tiếng, tấp nập du khách như một vài nơi khác. Ở đây, sóng rì rào lặng lẽ. Ngoài khơi cảnh mênh mang tịch mịch, lác đác những thuyền buồm đánh cá. Bãi cát cũng vắng người, một vài đứa trẻ con lội nước đuổi bắt nhau đằng xa cuối xóm chài lưới. Anh ngồi xuống một đụn cát âm ỉm. Tiếng chị Lục đằng sau:

- Mấy năm rồi, thấy có gì lạ không?

- Đâu biết được, bề ngoài thì muôn đời vẫn như thế.

Biết bao biển chuyển tàn tạ, sinh thành trong lòng sâu của biển cả từng mỗi phút giây. Nhưng làm sao anh biết được. Anh chỉ nhìn thấy bộ mặt bên ngoài lúc nào cũng lững lờ bất động của mặt biển.

Đằng kia, về phía tay phải là một chỗ biển cạn, nhỏ hẹp, gọi là Đầm, nằm trong lòng trũng sâu sát với ven rừng và ngọn núi cao sừng sững của dãy Trường Sơn. Anh theo dõi những chiếc xe hàng như những hộp diêm bé tí nối đuôi nhau bò lên đỉnh núi. Con đường đèo Hải Vân, hay Ái Vân, trời đất chỉ chan hòa mây trắng sa thấp cùng biển cả. Hay là quan ải cheo leo cao ngất thấu đến mấy từng mây?

Bỗng chốc, anh mơ hồ nghe tiếng còi tàu yếu ớt nhỏ nhoi như trong tưởng tượng. Từ phía nhà ga Lăng Cô, những toa tàu chậm chạp đằng xa xa, trông như lướt nhẹ chứ không phải là nghiêng bánh trên đường rầy, từ từ chui vào lòng hầm Sen, đục thủng chạy xuyên qua dãy núi. Khi con tàu như bị nuốt chửng đến toa cuối cùng, anh còn kịp thấy một cụm khói nhỏ gió thổi tạt ngược chiều, bay loảng rỏi

tan đi mất biệt. Ngày hôm qua, vào giờ này, có lẽ anh cũng có mặt trên chuyến tàu đó. Anh lẩm bẩm:

- Chuyến tàu chỉ ghé ga Lăng Cô... rồi tiếp tục đi, qua biết bao nhiêu bãi biển, ven rừng, đồng bằng, qua những làng quê và thành phố. Tam Quan, Tam Kỳ, Bồng Sơn, Diêu Trì, Nha Trang, Sài Gòn... rồi lại lên đường...

- Toàn định đi đâu nữa?

Tiếng chị Lục sau lưng, anh không quay đầu lại nhưng vẫn biết rõ chị đang đến gần. Khi chị ngồi xuống bên cạnh, anh nhận thấy tóc chị hôm nay buông rũ trên vai, làn da tươi sáng như đang hơn hờ đón lấy một buổi sớm mai rảnh rang và tốt trời.

Toàn đưa tay chỉ cho chị Lục nhìn về phía đường đèo xa, nhưng bây giờ không còn bóng dáng một chiếc tàu hỏa nào nữa. Thật lâu sau câu hỏi của chị, anh mới trả lời:

- Không biết, nhưng chắc là phải đi. Ở Lăng Cô, không có một chỗ nào cho tôi cả.

Giọng chị ân cần:

- ĐỪNG, Toàn. ĐỪNG ĐI Đâu nữa. Toàn không thích dừng lại ở một nơi nào sao?

Anh im lặng nhìn về phía nhà ga. Chị Lục nói tiếp. Tuần nào đến chủ nhật là bỏ trường phóng về Huế luôn mấy ngày. Ông Hiệu trưởng cần nhân hoài, tôi phải dạy thế cho Toàn biết bao nhiêu lần...

Chị Lục cười:

- Trong trường, Toàn là ông thầy giáo bê bối nhất đó. Bây giờ phải thay đổi đi chứ.

Anh cũng mỉm cười, mơ màng nhớ đến phòng học buổi trưa có ngọn gió biển thoang thoảng thổi vào, anh gần như đứng giăng một mình trong khi bọn học trò ngủ gục hơn một nửa lớp. Anh còn nhiều kỷ niệm dưới mái trường này

quá. Và kỷ niệm đẹp chính là điều làm anh lo âu, vì biết rằng mình sẽ không bao giờ xây dựng lại được những gì tương tự như thuở trước.

Có tiếng cười đùa của bầy trẻ con đuổi bắt nhau từ xóm chài lưới làm Toàn và chị Lục đều giật mình. Chị Lục có vẻ bối rối, đầu sao thì hai người này giờ đã ngồi sát bên nhau trên bãi cát vắng vẻ, và bất cứ một đứa nào trong xóm này, nếu đến tuổi đi học là đều biết mặt cô Huệ trưởng nghiêm trang đáng kính của chúng.

Chị Lục đứng dậy, chậm rãi đi xa hơn. Toàn khập khiễng theo chị. Không ai nói với ai, nhưng có lẽ cả hai đều có ý định tìm một nơi tránh xa tất cả những đôi mắt tò mò của dân cư trong làng. Họ đều quên Toàn, ở đây không còn ai nhớ mặt ông giáo viên này nữa. Họ sẽ nghĩ rằng đây là một gã đàn ông lạ mặt, từ một nơi xa nào đó ghé lại Lãng Cô, đêm vừa qua đã ngủ trong nhà của chị Lục, và sáng sớm, hai người đã sánh vai dạo chơi trên bãi cát vàng hoang vắng. Nhưng hôm nay là chủ nhật, bọn trẻ con được nghỉ học đều ùa ra bãi biển nghịch cát, té nước hay sửa soạn leo lên thuyền của cha mẹ chúng bắt đầu ra khơi đánh cá. Không còn một chỗ hoàn toàn vắng vẻ cho hai người.

Chị Lục và Toàn đành phải về trường. Bây giờ chỉ có sân trường và những lớp học là nơi tĩnh mịch nhất, trái với sáu ngày vừa qua trong tuần. Khi đi qua hành lang vắng, Toàn chợt dừng lại ở phòng cuối cùng, trên cánh cửa đóng kín vẫn còn treo tấm bảng nhỏ cũ kỹ: Lớp Nhì. Toàn nắm lấy một chốt cửa, bồi hồi ngược nhìn chị Lục. Chị hiểu ý, cầm chìa khóa, lựa một chiếc mở cửa. Thiếu ánh sáng, trong phòng mờ tối. Những bức tranh cắt từ báo dán trên tường đã thay đổi, lúc trước Toàn chỉ thích treo tranh phong cảnh, bây giờ là hình những bầy thú lạ mắt của rừng

già Phi Châu: cá sấu, ngựa vằn, sư tử... Trên góc của tấm bảng đen, còn mấy nét phấn trắng ghi sĩ số học trò trong lớp, hiện diện và vắng mặt.

Tự dung Toàn cảm thấy thích thú. Anh leo lên đứng trên bục gỗ, mân mê một thỏi phấn trắng trên tay. Chị Lục ngồi vào hàng ghế đầu tiên, cố nén cười để giả vờ làm một cô học trò chăm chú nhìn lên bảng. Lớp học chỉ có một thầy và một “trò”, Toàn chột muốn đùa nghịch. Anh dang hăng giọng, sửa lại cổ áo rồi nghiêm trang nói lớn:

- Trò Nguyễn Thị Huyền Lục!

Chị Lục đỏ mặt, nói nhỏ:

- Toàn còn nhớ cả tên họ tôi à?

Anh không trả lời, giả vờ nhíu mày, kêu lớn hơn:

- Nguyễn Thị Huyền Lục!

Chị Lục bậm môi, lên tiếng:

- Có mặt.

- Lên bảng mau, coi trò có thuộc bài Việt sử không.

- Thưa thầy, đêm qua... em phải khâu lưới dùm cho ba em nên em quên học bài.

- Zê-rô, thôi bây giờ lên bảng làm toán.

Chị Lục mỉm cười, rón rén cầm viên phấn đứng trước bảng đen chờ đợi. Toàn cố nặn óc để nhớ lại một đầu đề toán vì anh đã quên hết, có lẽ bây giờ anh là một tên học trò dốt nhất chứ đừng nói gì đến chuyện làm thầy nữa.

Anh chậm chạp nói:

- Nghe cho kỹ để chép đầu đề: một chiếc xe hơi và một chiếc tàu hỏa chạy ngược chiều với nhau. Tốc độ của tàu hỏa là... viết đi chứ...

Chị Lục viết nguệch ngoạc trên bảng: Toàn không đứng ở trên chuyến tàu đó, nghe không...

- ... Năm mươi cây số một giờ. Tàu khởi hành vào lúc tám

giờ sáng...

Những nét phấn của chị Lục tiếp tục, làm như ngoan ngoãn chép đúng lời nói của “thầy”, nhưng dĩ nhiên chị chẳng hề chú ý đến bài toán về vận tốc bậc tiểu học đó làm gì, chị đang làm bài toán gay go riêng biệt của đời chị. Trên bảng đen, thêm một dòng chữ khác: Tàu sẽ khởi hành một mình nó, Toàn đừng đến sân ga nữa...

Toàn thần thờ nhìn những chữ viết của chị Lục mặc dù miệng anh vẫn tiếp tục đọc đề toán một cách máy móc, cuối cùng anh lẩm bẩm nói:

-... Hỏi hai xe gặp nhau trên đường lúc mấy giờ?

Chị Lục có vẻ ngần ngại một lát, chị khẽ liếc nhìn Toàn rồi run run viết... Tôi và Toàn đã gặp nhau rồi. Không phải lúc mấy giờ mà là gặp nhau suốt đời, bên nhau vĩnh viễn, Toàn...

Toàn đứng sững nhìn chị Lục. Chị đã đánh rơi viên phấn, hai tay chị run rẩy nắm chặt vào nhau, môi mấp máy và đôi mắt gần như sắp ứa nước mắt. Chị có vẻ như một cô học trò nhỏ chịu bí trước bài toán khó, khổ sở trước đôi mắt nghiêm khắc của ông thầy.

Chị Lục bỗng khóc, chị quay đi định lau những dòng chữ nong nàn trên bảng nhưng Toàn đã nắm tay chị lại. Bàn tay chị nóng hổi và lấm tấm mồ hôi. Cả hai ôm lấy nhau như mê man. Nước mắt chị Lục ướt lạnh ngực áo anh, cùng với mùi hương dịu ngọt từ tấm thân đàn bà mềm ẩm như gói chần trong một đêm đông mưa bão. Anh và chị Lục san sẻ cho nhau đôi môi ướt đầm đĩa rạo rục. Lớp học tối và nóng bức, nụ hôn mang vào biển xanh và gió lộng khơi nguồn mầm sống.

oOo

Chiến tranh vẫn chưa chấm dứt đối với một kẻ đã giải

ngũ. Nhất là với một con người tật nguyên như Toàn, đầu anh vẫn còn đứng vững trên đất, vẫn còn đi được không cần chiếc nạng gỗ, nhưng thỉnh thoảng, hình bóng cái chân hằn vết sẹo thóp nhỏ cứ lớn vờn trước mặt anh.

Đêm nay, anh thấy sự tàn tật của mình rõ hơn lúc nào hết. Ngọn đèn vàng trong phòng của chị Lục tắt sớm, chỉ còn bóng tối rạo rục của nhiệt tình. Tóc chị sổ tung trên gối, mắt nhắm nghiền trong hơi thở dồn dập và tấm thân của Toàn cống quýt trên người. Chị kêu lên những tiếng rì rạc vô nghĩa, là người trao phó trong tay Toàn. Dần dần, anh khám phá da thịt của chị sau làn vải áo, từng chút một, từng hàng nút được tách ra nhẹ nhàng, đầu ngực trần mát rượi hơi ướt ướt mồ hôi dưới bàn tay vuốt ve của anh. Đến khi tất cả những mảnh áo quần của hai người vứt bỏ bừa bộn trên sàn nhà, anh háo hức ôm siết lấy thân thể đang rung động của chị Lục dưới thân người anh... và lúc đó... ngay giây phút cuối, ngay trước cánh cửa hoan lạc sắp mở ra, anh chợt chết lặng người, thân thể chợt trở lì nhạt nhẽo...

Chính tại nó, cái chân. Mồ hôi nóng bức khó chịu tuôn sau cổ anh nhột nhột, anh cắn môi cố quên nó đi, cố vùi đầu điên cuồng trong tóc tai và trong đôi môi hé chờ của chị Lục, nhưng không thể nào được nữa. Sáng khoái nguội lạnh dần, cảm giác lo lắng lẫn đau đớn ngập tràn người anh như một gáo nước lạnh buốt, dập tắt da thịt đang nồng cháy. Anh nằm buông xuôi người, nhắm mắt lại, lắng nghe từng hơi thở, và cuối cùng, không dần được sự thúc đẩy gần như ma quái, anh nghiêng đầu ra đằng sau để nhìn cái chân của mình. Anh sợ hãi khi nhìn thấy cái chân xấu xí thóp nhỏ như chân một đứa trẻ nít. Phất phơ như một sợi rong, có vẻ lủng lẳng như không liên hệ gì với thân thể,

vết sẹo láng bóng với đường khâu sù sì nổi lên trên da thịt. Anh không rời mắt được khỏi cái chân tàn tật đó nữa, anh mở lớn mắt nhìn trừng trừng, rồi anh bắt gặp đôi mắt chị Lục mơ hồ nhìn anh như có vẻ ngạc nhiên, nhưng anh có cảm tưởng nhận thấy những dấu hiệu ghê tởm trong ánh mắt chị.

Anh bàng hoàng buông vội thân thể chị Lục, ngồi vụt dậy, cúi đầu giấu trong hai bàn tay, bật khóc. Những sợi tóc của chị Lục lơ lửng trên lưng anh, chị vòng tay qua cổ anh, miệng ghé bên tai anh thì thầm dụi dụi:

- Sao thế, Toàn?

Anh vẫn cúi đầu lặng thinh. Chị Lục ôm lấy người anh nhẹ nhàng, má chị tựa sát trên lưng anh và thỉnh thoảng chị hôn vào đường rãnh chạy dài của sống lưng anh làm anh hơi rùng mình. Giá mà vào một lúc khác, chắc anh sẽ thích thú vì những cái hôn nghịch ngợm của chị, nhưng lần này anh chỉ thấy đau xót thêm. Anh úp mặt trên đầu gối của cái chân tật nguyền, cả thân thể dường như dần dần co rút tê liệt, không còn tuân theo ý muốn của anh nữa. Vết thương cũ đã lành, nhưng một liều độc dược giờ đây đột ngột tác hại khắp cơ thể và đầu óc, chói lòa trước mắt anh...

Cái chân què quặt còn làm liên tưởng tới những việc điên cuồng mà anh đã làm khi ở giữa hỏa ngục của chiến trường. Tất cả như một màn lưới đen dày đặc trói buộc tâm hồn làm người anh rũ rượi và đầy những cảm giác nhòe mờ. Anh ớn lạnh run ẩy... Hình như nước mắt của chị Lục đang thấm ướt trên vai anh, chị rụt rè vuốt ve nhưng người anh đã như một vỏ cây già rã mục. Anh chán chường khổ sở thêm, chị Lục bàng hoàng khi anh vùng mạnh hất vòng tay của chị đi để đứng vụt dậy. Anh ôm đống quần áo vội vàng vào người, mở cửa ra phòng trước.

Biển đêm không ào ạt như buổi chiều. Bây giờ mênh mang với ngàn sao nhỏ lập lờ như những hạt ngọc, tiếng sóng đều đều âm u. Anh tỉnh người, dễ chịu đôi chút trong làn gió mát. Anh đứng một mình trên bãi cát, thầm nghĩ mình chẳng bao giờ đi vào một mái nhà, một căn phòng nào được nữa.

Mặt trận, chiến tranh, súng đạn, máu, mồ hôi... Đau đớn yếu đuối và hung dữ thù hận... Những cái đó chưa thực sự chấm dứt đối với anh. Chúng vẫn chưa chịu chết tiệt hẳn mặc dầu bây giờ anh đang ở thật xa nơi chốn đầy thuốc súng, chúng vẫn còn âm ỉ lúc nhúc trong người anh như một thứ vi trùng độc địa.

- Toàn!

Chị Lục kêu lên một tiếng rồi đứng khóc bên song cửa. Chị không dám chạy ra khỏi phòng theo anh vì tóc chị đang rũ rượi sổ tung, vành mắt đỏ hoe. Hôm nay là thứ hai, một vài đứa học trò đi sớm đã bắt đầu đến trường. Chị phải trở lại với công việc, với bộ mặt nghiêm khắc lạnh lùng của một cô Hiệu trưởng.

Toàn lầm lũi đi từng bước nặng nhọc trên bãi cát lầy, chiếc xác tay nhẹ để trên vai nhưng người anh vẫn cảm thấy nặng như chì, anh hướng về phía sân ga Lăng Cô. Một lát nữa sẽ có tàu hỏa từ Huế ghé lại đây, anh sẽ ngồi trong một toa tàu, và như thế là vĩnh biệt bãi biển vắng này với ngôi trường nhỏ, hình ảnh chị Lục cũng như một giấc mơ ngắn đã tan tành.

Nhà ga thừa thớt người, Toàn mua một vé vào Nam, đến trạm cuối cùng. Anh ngồi một mình nhìn trên băng ghế lạnh, nhớ lại đêm vừa qua. Đêm dài tăm tối cho anh, một kẻ thương binh không phục hồi được cuộc sống bình thường, tâm hồn và cơ thể chết khô vô vị trước trái cây

ái tình xanh tốt. Anh là một người đàn ông bất Toàn, vô dụng, anh không đem lại gì được cho chị Lục, món quà yêu thương đã thất lạc, chỉ mang nặng quà tặng của chiến tranh, thương tích và quá khứ.

Có tiếng còi tàu vang lên trong bầu không khí lạnh lẽ của buổi sáng. Đoàn tàu từ xa tiến đến chậm chạp rồi dừng lại trước nhà ga. Vài hành khách bước xuống. Đợi một lát sau, Toàn khập khểnh leo lên toa tàu. Một người nào đó chen lấn chạm vào sau lưng Toàn làm anh bực mình quay lại, định càu nhàu. Nhưng một cánh tay đột nhiên bị giữ chặt, anh ngạc nhiên... chị Lục. Chị đã đến sân ga từ hồi nào, mặt chị ướt đầy mồ hôi hay nước mắt, hơi thở gấp gáp sát mặt Toàn. Anh đứng lại dưới bực cửa của toa tàu, lặng thinh cúi đầu trước chị Lục. Giọng nói của chị vang lên nho nhỏ, bao dung lẫn cầu khẩn:

- Toàn, hãy ở lại với tôi. Tôi... không thể không có Toàn được...

Anh quay mặt đi, run rẩy:

- Tôi chỉ là một người tàn tật... Tôi không thể...

Chị Lục ôm cánh tay Toàn, nhẹ nhàng dìu anh đi. Chị bắt kể những ánh mắt tò mò của đám hành khách đang nhìn hai người. Từ trường học vội vàng đến sân ga, chị cũng không kịp phục sức tươm tất như thường lệ cho xứng với một cô Hiệu trưởng. Bên ngoài bộ áo quần ngắn mặc trong nhà, chỉ một chiếc áo choàng rộng đã sờn cũ.

Toàn nhắc lại lời nói của anh, giọng anh ấp úng như một cậu bé con, chị Lục lắc đầu ôn tồn và âu yếm:

- Tôi cũng thế... Tôi cũng sẽ trở nên một người tật nguyền thiếu thốn nếu mất Toàn.

Toàn thấy người được đôi chút ấm áp, hình như thân thể anh, cả cái chân què nữa, bỗng đứng trở nên nhẹ nhàng.

Chị Lục tiếp tục dìu Toàn đi dần xa con đường sắt, giọng chị thủ thỉ bên tai anh, như một nguồn suối ngọt:

- Toàn và tôi, chúng ta cần có nhau...

Bây giờ anh có thể quay sang nhìn thẳng vào đôi mắt chị Lục, anh sung sướng bồi hồi khi được tận hưởng màu mắt lóng lánh ngập tràn yêu thương.

Chị Lục nói đúng, chúng ta cần có nhau, cả hai cần trao gửi hết lòng và chia sẻ quả ngọt suýt rụng rơi mất hút vì một lần giã từ nông nổi. Có vị danh y nào, liều thuốc tiên nào cứu chữa được vết trọt thương sâu đậm ngay chính trong tâm hồn? Sao cho bằng chính hai kẻ tật nguyện cùng góp sức xoa dịu vết thương cho nhau. Và làm sao anh có thể chạy trốn chính mình suốt đời được. Trong anh, một con người dần vật sẽ truy nã một con người đầu hàng yếu đuối đến kỳ cùng.

Khi địa ngục đã xây huyệt trong lòng người, còn có cách nào khác hơn là phải dẫn mình đập vùi trong địa ngục, chịu tuốt da một lần tối hậu qua hành lang nhỏ hẹp đầy gai góc, để đập tung cánh cửa mở hướng về trần gian tươi đẹp.

Còi tàu đã hú lên vài hồi, hai hàng bánh sắt từ từ lăn trên đường rầy, để lại một chút mùi khói than cay cay trong không khí. Và đúng như những dòng phấn trắng của chị Lục đã viết trên bảng đen, không có Toàn trên chuyến tàu ra đi vô định đó.

Lần này, Toàn choàng tay lên vai chị Lục, những bước chân của anh chậm rãi nhưng cương quyết ngược chiều với sân ga mãi mãi.

- Mình về thôi, Toàn. Bữa nay vì Toàn mà tôi đã bỏ một buổi nói chuyện sáng thứ Hai đó. Rồi mấy anh đồng nghiệp sẽ xì xầm. Toàn phải... đền cho tôi cái gì đi...

- Tôi sẽ tìm mấy cái vỏ ốc, áp vào tai, sẽ được nghe rất

nhiều bản tình ca.

Chị Lục mỉm cười. Giờ đây với một người thương luôn gần gũi bên cạnh, Toàn sẽ đổi khác, sẽ lành mạnh, sẽ dứt khoát hẳn với những ám ảnh bệnh hoạn trong người. Từ hôm nay cho đến ngày mai hồng sáng sửa đó, một cuộc chiến mới đã mở ra đối với Toàn. Không súng đạn, không ảo tưởng, không một mệnh lệnh, anh sẽ hoàn toàn tự do tiến bước trên mặt trận cuối cùng này.

HỒ HỮU TƯỜNG CON THẦN LẦN CHỌN NGHIỆP

1.

Giữa một đường
trông thăm thẳm,
vắng vẻ và âm u, không một
xóm nhà, ít người qua lại, có
một cái am nhỏ. Am ấy mới
cất, độ non ba năm thôi.
Trong am, chỉ có một sư
cụ già, thui thui một mình,
quanh năm chẳng được ai
thăm viếng. Trước am, nơi
giữa sân, chắt sắn một đồng
củi, vừa lớn, vừa cao ngất,
củi sắp vuông vắn, thẳng
thần, dường như được sắn
sóc chẳng khác một vườn
kiếng do một vị lão trưởng
già chăm nom.

Một hôm, trời đã tối rồi,
nhà sư vừa lên đèn được
một chập, thì có hai người
khách đến trước ngưỡng
cửa, vái mà thưa rằng:

- Bạch sư cụ, nhờ ngọn
đèn dắt dẫn, chúng tôi mới
đôi đến đây. Mong nhờ sư
cụ cho tá túc một đêm, sáng
mai chúng tôi sẽ lên đường.

Nhà sư ung dung, chấp
tay đáp:

- Mô Phật, cửa thiền bao

giờ cũng mở rộng cho người lỡ bước.

Rồi dừng một phút, dường như để trấn tĩnh nỗi vui đương sôi nổi trong lòng, nhà sư tiếp:

- Ngót ba năm nay, tôi mở am nơi này, không được một ai đến viếng. Ngày nay là ngày ước nguyện, may được hai ngài quá bước, ghé nghỉ chân. Âu cũng là duyên trước....

Nói xong, nhà sư dọn cơm chay cho khách dùng, và câu chuyện không đề, vô tình dẫn khách đến câu hỏi:

- Bạch sư cụ, chẳng hay sư cụ thích tụng kinh nào?

Vui sướng, vì như gặp bạn tri âm, nhà sư đáp:

- Tôi quy y Phật pháp từ thuở bé, rùng thiền có thể nói rằng đã viếng khắp nơi. Cách ba năm nay, lòng huệ được mở ra.... Và từ ấy, tôi chỉ tụng kinh Di Lặc.

Một người khách hỏi:

- Sư cụ có thể cho tôi biết duyên cớ vì sao chẳng?

- Mô Phật. Chỉ có lời nói mà độ được người, tôi sao dám tiếc lời? Vậy tôi xin vui lòng nói cho hai ngài rõ. Bởi tôi đọc qua các kinh sách, thấy rằng Phật Thích Ca khi đắc đạo, có dạy: Hai ngàn năm trăm năm về sau, Phật pháp sẽ đến chỗ chi ly, ấy là hồi mạt pháp. Di Lặc sẽ xuống trần mà cứu độ chúng sanh và chính đạo lại. Nay cũng đã gần đến kỳ hạn. Chắc là Phật Di Lặc đã xuống trần mà độ kẻ thành tâm tu hành. Bởi lẽ ấy tôi có nguyện tụng đủ một nghìn lần kinh Di Lặc. Nếu lời nguyện được y, ấy là tôi sẽ đắc đạo.

Người khách thứ hai hỏi:

- Sư cụ đã tụng được bao nhiêu lần rồi?

- Đã được chín trăm chín mươi chín lần rồi. Bây giờ, chỉ còn lần thứ một nghìn; lần tụng của đêm nay. Chắc hai ngài trước có duyên lành, đêm nay đến mà chứng kiến tôi tụng lần thứ một nghìn ấy....

Đến đây, bữa cơm chay đã mãn. Khách mệt mỏi, xin ngả

lung. Nhà sư dọn dẹp trong am cho thanh khiết, rồi bước tới trước bàn Phật, khêu bắc đèn dầu, mở kinh ra mà khởi sự tụng. Tiếng tụng kinh chậm rãi, như nện vào không gian. Thỉnh thoảng một tiếng chuông ngân lên, đánh dấu chuỗi tiếng mõ dài đẵng đẵng....

2.

Trước khi nhắm mắt ngủ, hai người khách còn trao đổi vài câu:

- Tội nghiệp thay cho sư cụ già, quá mê tín, mất sáng suốt, mà không giác ngộ. Phật pháp lập ra đã hai nghìn năm trăm năm về trước, tránh sao cho chẳng có chỗ lỗi thời. Nhận thấy chỗ lỗi thời, các môn đệ ắt phải lo tài bồi, phát triển mới đạo. Thế là có tư tưởng này, học thuyết nọ; rồi sanh ra môn ra phái. Ấy là nguồn gốc của sự chi ly. Nay rừng thiền đã hơn tám mươi bốn ngàn cội khác nhau, ấy là lẽ dĩ nhiên vậy.

- Tôi cũng đồng ý với anh về chỗ đó, và nghĩ thêm rằng: Nếu bây giờ có một vị Di Lặc xuống trần, thì vị ấy có trọng trách cất nhắc Phật pháp cho kịp với mọi sự tiến hóa của mọi sự việc từ hơn hai nghìn năm nay. Và trách nhiệm của mỗi tín đồ của Phật là dọn mình cho sẵn, để đón rước cái Pháp mới sắp ra đời. Chớ mê mải trong việc gõ mõ tụng kinh, há chẳng phải là phụ lòng mong của Thích Ca chăng?

Lời nói của hai người khách giữa cái am vắng vẻ, không hề có kẻ trộm nghe. Kẻ nghe trộm này là một con thần lằn, đến ở am khi am vừa mới dựng lên, và đã từng nghe 999 lần kinh, nên có linh giác, nghe được tiếng người, biết suy nghĩ và phán đoán. Câu phê bình của hai người khách đã giúp cho con thần lằn giác ngộ. Nó vốn biết nguyện vọng của nhà sư: là hễ tụng xong lần thứ một nghìn, thì nhà sư sẽ lên giàn hỏa mà tự thiêu.... Rồi nó nghĩ: nhà sư lòng còn

mê tín, chưa được giác, phỏng có thiêu thân, thì làm sao nhập được Niết Bàn? Hay là ta tìm thế ngăn người, đừng để cho người thiêu thân, đợi chừng nào người được giác rồi sẽ hay?

Rồi con thần lần quyết định: Phải ngăn ngừa, đừng để nhà sư tụng xong lần thứ một nghìn. Nó nghĩ được một kế: Ấy là bò lên bàn Phật, đến đĩa đèn dầu, rón sức mà uống cạn đĩa dầu. Bức sẽ lụn, đèn tắt, nhà sư không thấy chữ mà tụng nữa.

Một sức màu nhiệm đã giúp cho con thần lần đạt được ý nguyện: chỉ trong một hơi mà đĩa dầu đã cạn: bộ kinh chỉ tụng được quá nửa mà thôi. Đèn tắt, nhà sư ngạc nhiên, nhưng nghĩ: hai người khách là kẻ phạm tục, không được duyên lành chứng giám việc đắc đạo của mình. Ấu là xếp kinh, nghỉ, chờ ngày mai khách lên đường, sẽ tụng lần thứ một nghìn ấy.

Nhưng, sau đó đêm nào cũng vậy, buổi đọc kinh chưa xong mà đèn lại tắt đi. Nhà sư có lúc tính tụng kinh lần này vào khoảng ban ngày, nhưng nhớ lại khi xưa đã có lời nguyện tụng kinh vào lúc khuya, tĩnh mịch, nên không dám đổi.

Và một đêm kia, dần lòng không được, tuy tụng kinh mà mắt chốc chốc nhìn lên đĩa dầu để xem sự thể do đâu, nhà sư bắt gặp con thần lần kê mỏ mà uống dầu. Nổi giận xung lên, nhà sư dùng gỗ mõ, và mắng rằng:

- Loài nghiệt súc! Té ra mi ngăn ngừa không cho ta được đắc đạo!

Rồi tay cầm dùi mõ, nhà sư nhắm ngay đầu con thần lần mà đập mạnh. Con thần lần bị đánh vỡ đầu, chết ngay. Hôm ấy, nhà sư tụng xong lần kinh, bước lên đàn hỏa, tạt châm lửa mà thiêu mình.

3.

Và cũng đêm ấy, hai cái linh hồn được đưa đến trước tòa sen của Phật. Uy nghiêm, ngài gọi nhà sư mà dạy:

- Nhà người theo cửa thiền từ thuở bé, mà chẳng hiểu bài học vỡ lòng của pháp ta là thế nào! Pháp ta đã dạy phải trừ hết dục vọng thì mới đắc đạo, mà người dục vọng lại quá nhiều: bởi việc muốn đắc đạo, để được thành Phật kia cũng là một cái dục vọng. Có dục vọng ấy là Tham ; bởi tham nên giận mắng con thần lằn, ấy là Sân; bởi sân nên tưởng rằng trừ được con thần lằn thì tha hồ tụng kinh, rồi đắc đạo, ấy là Si. Có đủ Tham Sân Si tất phải phạm tội sát sanh, thì dầu ăn chay trường trọn đời, cũng chưa bù được.

Tội người lớn lắm, phải ráng tu luyện thật nhiều mới mong chuộc được. Vậy ta truyền cho Kim Cang, La Hán hốt cho hết đồng tro do xác người thiêu mà hóa ra, rồi đem tro ấy tung khắp bốn phương trời. Mỗi một hột tro đó sẽ biến sanh thành một người. Chừng nào mọi người ấy đắc đạo, đám chúng sanh ấy sẽ được quy nguyên, trở hiệp lại thành một, thì nhà người sẽ đến đây mà thành chánh quả. Rồi Phật cho gọi hồn con thần lằn mà dạy:

- Nhà sư chưa được giác mà làm tội, tội ấy đáng giá là một mà thôi. Còn nhà người, được giác một phần rồi, mà làm tội, thì tội đáng kể là mười

Con thần lằn lạy mà thưa rằng:

- Bạch Phật tổ, lòng của đệ tử vốn là muốn độ nhà sư, dầu nát thân cũng không tiếc. Chẳng hay đệ tử có tội chi?

Phật phán:

- Muốn độ người, kể thiếu chi cách, sao người ngăn đón việc tụng kinh của người? Đã đành rằng việc tụng làm của nhà sư là một việc mê tín, nhưng dầu là mê tín, song vẫn là một tín ngưỡng. Cõi Phật vốn là cõi tự tại. Nếu phạm đến

tự do tín ngưỡng, gọi là để dắt người vào, thì làm sao cho được. Bởi người không dùng phương pháp tự do, người là kẻ mất tự do, thì cả hai làm sao được vào cõi tự tại?

Một lần nữa, con thần lần được giác, quì lạy mà xin tội:

- Xin Phật tổ mở lòng từ bi, cho đệ tử hóa sanh một kiếp nữa, để dùng phương pháp tự do mà độ vô số chúng sanh do những hột tro, mà các vị Kim Cang, La Hán vừa tung ra đó.

Phật đáp:

- Ta cho người được toại nguyện.

Hồn con thần lần vừa muốn lạy Phật mà đi đầu thai, thì sực nhớ lại, nên bạch rằng:

- Xin Phật tổ dạy đệ tử phải hóa sanh làm kiếp chi?

Phật đáp:

- Nhà người đã gần bến giác, phải tự mình chọn hình thể mà hóa sanh. Tự do chọn lựa mới có thể luyện mình để bước vào cõi tự tại.

4.

Hồn con thần lần từ ấy trôi theo mây gió, không biết trụ vào đâu, để có thể vừa dùng phương pháp tự do mà độ người, vừa có thể độ được đông người, số người đông như số hột tro do một cái xác thiêu ra. Thật chưa hề có lúc nào có một linh hồn bị trừng phạt phải đau khổ đến thế.....

Một hôm trong hồi xiêu bạt, hồn con thần lần thấy bóng của một trong hai người khách đã đến am thuở nợ, mà câu chuyện nghe lóm đã làm duyên cho mình mấy năm đau khổ.

Thần lần vội vã bay theo vái chào và kể nỗi niềm đau đớn:

- Ngài đã giúp cho tôi giác ngộ được một ít, có hay đâu tôi phải mang cái nghiệp vô định này. Đã trót làm ơn, xin độ cho tôi đến bờ bến.

Hai ông khách đáp:

- Chúng tôi đâu dám lên mặt thầy đòi mà dạy người, hướng chi lại dám đèo bồng mang lại một giải pháp cho một vấn đề nan giải. Nhưng đã lỡ gieo trong trí người một ý nghĩ làm cho người phải khổ như bây giờ, thì phải góp ý kiến để cho người suy xét mà gỡ rối. Ấy gọi là chuộc lỗi.

Hồn con thần lẩn gạt đầu, cảm ơn trước. Một người khách nói:

- Chúng tôi đây là bọn chơi văn giỡn chữ, quanh năm chỉ lấy việc đem ý hay lời đẹp mà làm cho vui lòng kẻ đọc mình, rồi lấy sự vui của người làm sự sung sướng của mình, cho đó là sự “đắc đạo” của mình. Nếu phải mong muốn điều gì, thì cố gắng trình bày cho bóng bẩy, văn hoa: được thì tốt, bằng không thì thôi, chớ chẳng hề khi nào phạm đến tự do của người....

Nghe đến đó, thì một điểm linh quang bắt đầu hiện trong trí con thần lẩn. Người khách thứ hai nói tiếp:

- Xưa nay, trong bọn chúng tôi cũng được một vài tay lỗi lạc, kể một chuyện lý thú, hát một bài thơ hay, chuyện ấy thơ này được truyền ở hàng triệu miệng. Vậy, nếu người có lòng muốn độ hằng hà sa số chúng sanh, thì cố gắng trau dồi văn tài cho tương xứng, văn người tung ra là có thể cảm hoá triệu triệu người... Rồi, cũng phải luyện văn tâm, để cho văn người có thể nhen nhúm được trong lòng mỗi người một điểm lửa thiêng. Lửa bắt cháy, văn của người như dầu rót thêm vào, làm cho ngọn lửa sáng lên....

Hồn con thần lẩn gạt đầu ba cái để tạ ơn và nói rằng:

- Con đường ấy khó đi cho đến hết được, song chắc chắn là đi cùng đường, ắt có thể đến trước tòa sen mà châu Phật tổ. Vậy tôi xin cố gắng.

1953

LÊ TẤT ĐIỀU CỎ HOANG

Như một con sâu nhỏ bé có thể tự bảo vệ bằng bề ngoài kinh khiếp của nó, như một cô gái, thiếu sắc đẹp, hấp dẫn kẻ khác phái bằng một thứ duyên thầm, bằng chính sự không may của mình, ngôi trường của tôi càng ngày càng trở nên dễ thương đối với những người đã từng chán ghét nó trong buổi gặp gỡ đầu tiên. Tất cả những điều đáng ghét, đáng sợ của ngôi trường này dần dần trở thành những sự khôi hài. Rồi sau này, khi những sự kỳ quái của ngôi trường đã hoàn toàn biến mất thì chúng tôi vẫn muốn nhắc nhở lại chuyện cũ như nói đến những kỷ niệm êm đềm, khó quên.

Hồi mới được xây lên, trường chỉ có hai lớp nhỏ bé, thấp và sơ sài như những căn nhà nghèo. Mái tôn thấp và nung nóng đến nỗi tôi có cảm tưởng thà vứt bỏ mái đi ngồi ngay dưới ánh nắng mặt trời còn

thoải mái, dễ chịu hơn. Trong những ngày nắng to, nhìn lũ trẻ vừa vuốt mồ hôi vừa cặm cụi làm toán, thỉnh thoảng lại ngừng bút cầm vở quạt phành phạch, tôi nghĩ rằng nếu nhà trường không cho chúng được một số vốn kiến thức thì ít nhất cũng đã dạy chúng một bài học kiên nhẫn và chịu đựng. Ngày mưa thì còn tệ hơn, nước dội ào ào xuống mái tôn, tôi có gân cổ gào to đến mấy chúng cũng chẳng nghe thấy gì, tốt hơn hết là cho chúng ngồi xúm vào một chỗ không bị dột, để chờ mưa ngớt. Và như thế tôi lại còn có thì giờ để lo bảo vệ sổ sách khỏi bị ướt sũng.

Ngày đầu được gửi đến làm việc ở đây tôi đã đi hàng giờ để kiếm cái bảng tên trường mà mãi ba năm sau mới có. Rồi tôi mất nửa giờ nữa để đứng lặng nhìn ngôi trường, tôi tàn quá sức tưởng tượng, cứ phân vân chẳng hiểu kẻ chỉ đường có chủ tâm chơi xỏ hay đánh lừa mình không.

Một cái hàng rào để định ranh giới của ngôi trường cũng không có. Trường nằm chung trên một phần đất rộng với trạm y tế độc nhất của vùng ngoại ô, và một cái chợ nhỏ. Sân trường đầy cỏ hoang và những cây gai um tùm, đó là nơi tụ họp của các loài ngan, ngỗng, vịt, gà, chó, heo. Người lao công trông coi ở đây già yếu đến nỗi không ai nở nặng lời với ông ta. Ông ta chỉ cầm nổi cái chổi khi đã tỉnh rượu, và thường thường ông ta chỉ tỉnh rượu khi đã lên giường ngủ được một vài giờ, thời gian độc nhất có thể khiến ông ta tạm xa chai rượu.

Những ngày làm việc sau đó tôi phải đối phó với đủ thứ chuyện bất ngờ. Có nhiều lúc tôi ngần ra không biết phải phản ứng như thế nào cho hợp. Trong tất cả những sách vở viết về khoa sư phạm mà tôi đã được đọc, tôi chưa thấy một tác giả nào nêu ra trường hợp một ông thầy đang hăng hái giảng bài phải giật mình vì thấy một con heo ùng ùng

chạy vào lớp mình. Con heo to lớn, dẫn theo một bầy con lít nhít, kêu eng éc, chẳng coi ai ra gì. Lớp tôi có hai cửa nên đã trở thành con đường giao thông ngắn nhất từ sân trường về chuồng của lũ heo, ở trong một căn nhà hàng xóm của nhà trường. Thấy tôi vô tình đứng cản đường đi của mẹ con nó, con heo đứng lại kêu to phản đối, mấy con heo con nhân dịp đó, bỏ hàng ngũ chạy đại vào những khoảng trống giữa hai dãy ghế học trò ngồi. Ấy thế là cái trật tự của lớp mà tôi đã mất bao công lao mới tạo được đột nhiên bị phá vỡ. Lũ trẻ nhao nhao nhảy ra khỏi chỗ để chống lại sự xâm lăng của bầy heo, dĩ nhiên, tôi cũng phải ngừng giảng bài để hợp tác với lũ học trò. Lớp học tràn đầy một không khí kỳ quái với tiếng trẻ la hét, dậm dọ, xen lẫn tiếng heo kêu. Mấy con chó cũng thi nhau chạy vùn vụt qua lớp luôn luôn. Về sau tôi không dám mở to cửa lớp ra nữa và lúc nào cũng phải để ý canh chừng để xua đuổi kịp thời những sự bất ngờ này.

Cái chợ ở ven trường thì lúc nào cũng ồn ào và có nhiều vụ cãi nhau hơn cả các chợ khác. Khi có vài bà bán tôm bán cá dùng dùng nổi giận mà chia làm hai phe đấu khẩu, chửi rủa nhau thì khó mà ngăn những câu nói của họ khỏi bay vào lớp học, dù tôi có đóng hết các cửa lại. Tôi bắt lũ học trò ngồi thật nghiêm trang, và cố gắng giảng cho chúng nghe những điều thật đặc biệt, nhưng vô ích, một vài câu chửi gọi lên những hình ảnh quá tục tĩu vẫn làm cho vài đứa bật ra khúc khích cười.

Phải mất hàng hai ba tháng trời tôi mới triệt được cái bệnh văng tục, bệnh ở bản của lũ học trò. Nhưng đó chỉ là những điều vụn vặt, khiến tôi bực mình, không gây nên sự chán nản.

Cái việc gây nhiều khó khăn, cản trở cho công việc của

tôi, chính là đời sống của người dân ở đây. Ngoài một số rất hiếm người khá giả, thì người dân ở đây đều nghèo khổ. Họ không có một cơ sở hay việc làm vững chắc như người thành phố hay có một việc làm hiền lành như người miền quê. Họ như từ bốn phương tụ lại, đại diện cho khắp nơi và sống bằng đủ các thứ nghề, lương thiện có mà không lương thiện cũng có. Như những cây cối mọc chen chúc trong một khu vườn hoang họ vươn lên, tìm sống bằng các phương tiện hợp với khả năng họ, trong tầm tay họ. Và họ đã tạo nên được cái vẻ muôn mặt, hỗn độn, bí mật của một vùng ngoại ô cần cỗi.

Vì thế, tôi không thể giảng một bài đức dục nào mà lại hoàn toàn không động chạm đến nghề nghiệp, tật xấu, hay quá khứ của một ông chủ gia đình. Khi tôi nêu ra một điều tệ hại cần tránh và thấy lũ học trò quay cả về phía một đứa đang cúi đầu ngượng ngịu thì tôi biết ngay rằng ba thằng bé này làm nghề gì. Có lần, sau một hồi hăng hái giảng về sự tai hại của tính mê tín dị đoan và sự láo khoét của mấy ông thầy pháp, tôi phải ngăn người vì một thằng học trò bỗng đứng bật dậy, chỉ vào một đứa khác tố cáo:

- Thưa thầy, tía anh này cũng là thầy pháp, tối nào tía anh ấy cũng đi cúng.

Đứa học trò có người cha bị tố cáo ngượng ngùng lấm lét nhìn tôi, miệng cười gượng, tay cấu mãi vào một góc vở, đôi mắt nó nhìn tôi để lộ những tia sợ hãi, tuyệt vọng, khổ sở. Thì ra ba nó chính là cái ông thầy pháp đã từng làm tôi mất ngủ, khó chịu. Đêm đêm, khi cúng bái cho một nhà nào ông ta thường mặc bộ quần áo màu sặc sỡ, khua chiêng đánh mõ om sòm và thỉnh thoảng lại thổi một tiếng kèn ngẩn ngui, quái đản, nghe thật ghê sợ. Tôi vội vàng mắng át đứa kia và quả thực, sau đó, phải chặt vặt lắm tôi mới

có thể làm cho lũ học trò, vừa biết rõ sự bịp bợm của mấy ông thầy pháp, lại vừa tin rằng ba của đứa học trò kia, dù thế nào cũng vẫn phải được kính yêu. Chúng chưa đủ trí khôn để tìm thấy sự mâu thuẫn trong cách giải thích của tôi. Nhưng thế nào mà chả có đứa phân vân. Thành ra tôi đã mở mắt cho chúng để chúng nhìn thấy những sai lầm trên các người sinh thành ra chúng.

Lũ trẻ thường bị rơi vào giữa gọng kìm của một cuộc đời thực tế và một cuộc đời tốt đẹp trong sách vở. Chúng trở nên hiền lành, sợ hãi một cách thật đáng thương.

Nhưng càng mến yêu lũ học trò thì tôi càng tỏ ra nghiêm khắc với chúng. Tôi đã làm ngược lại những điều mà lớp người trước căn dặn tôi: phải tạo một không khí thân mật giữa thầy và trò, phải cho học trò thấy rõ là mình rất thương mến chúng. Nếu tôi cố gắng tạo cho lớp học một không khí quá vui tươi, cởi mở thì sẽ có nhiều đứa học trò của tôi nhìn thấy gia đình chúng là một nơi thật đáng ghét, đáng sợ, đôi khi mang dấu vết xấu xa, tối tăm của địa ngục. Có đứa coi những giờ đến trường là những giờ được nghỉ ngơi sung sướng nhất, bởi vì khi trở về nhà nó phải làm việc quần quật suốt ngày. Khi được giao công việc nhẹ nhàng nhất là việc bế em thì lập tức chúng lại tìm đến sân trường, chơi đùa với lũ học trò ở đây, sung sướng như đang sống trong một thiên đường nhỏ. Tôi cố giả vờ tạo một bộ mặt nghiêm khắc đến thế nào thì cũng không thể làm cho chúng sợ hãi bằng nét mặt cau có của một người cha say rượu khi ông ta cầm trong tay một thanh củi lớn và hung hăng đập lên người chúng như đập lên một kẻ tử thù. Phải thấy cha mẹ mình lầm lỗi và bị hàng xóm khinh ghét một đứa học trò cảm thấy đau đớn, tủi hổ gấp trăm, ngàn lần những khi nó bị phạt ở nhà trường. Có những đứa

trẻ quen chịu đựng sự cực khổ đến nỗi lúc nào nó cũng giữ được vẻ thản nhiên, ấy thế mà khi bị ốm nằm nhà, thấy thầy và bạn đến thăm nó lại đâm sững sờ rồi bật khóc nức nở. Tình thương, sự săn sóc đến bất ngờ quá khiến nó ngẩn ngơ, kinh ngạc.

Đối với những đứa trẻ không được đi học tới năm năm trời thì sự sung sướng của thế giới học trò thường làm chúng khổ sở khi phải rời khỏi học đường. Trường hợp của trò Dũng đã khiến tôi thấy rõ điều này. Đã có nhiều đứa đang học thành lĩnh phải bỏ ngang để đi học nghề. Nhưng chỉ có cái buồn rầu của trò Dũng trong lần cuối cùng nó rời khỏi lớp học là được ghi đậm trong ký ức tôi.

Cho đến bây giờ, ngôi trường đã được kiến thiết đẹp đẽ, sân trường không còn một sợi cỏ, thế mà mỗi lần nhìn thấy những luồng gió lốc tung cát, chạy quanh trong sân trường, tôi tưởng như vẫn thấy bóng trò Dũng ngập ngừng bước bên đám cỏ hoang, đôi bàn chân đen đũi của nó còn ghi vết trên con đường nhỏ.

Trong buổi học của ngày đầu niên học tôi đã chú ý ngay đến nó. Ngồi ở dãy bàn cuối lớp, Dũng cao hơn các bạn nó hẳn một đầu. Nét mặt nó lúc nào cũng tươi tỉnh, làn da đen xám khiến nó càng có vẻ láu lĩnh, khôn ngoan. Nó quay sang bên phải nhe răng cười rồi lại quay sang bên trái nháy mắt như có điều gì thú vị lắm. Đầu tiên tôi tưởng nó thuộc loại những đứa trẻ lớn đầu và ngỗ nghịch. Nhưng khi tôi gọi đến nó thì nó lại tỏ ra là một đứa trẻ hết sức lễ phép và ngoan ngoãn. Tôi chưa thấy đứa trẻ nào tha thiết, sốt sắng với công việc của lớp học như trò Dũng. Tính sốt sắng ấy nhiều khi trở nên quá đáng. Tôi vừa hỏi có trò nào viết trên bảng được không thì lập tức Dũng nhồm ngay dậy. Ngoài cánh tay giơ cao

nhất lớp nó còn át các bạn của nó bằng cách nói lia lịa:
- Con viết được, con viết được, thầy cho con viết.

Và tôi vừa gật đầu là nó đã hấp tấp chạy lên bảng để rồi viết ra những hàng chữ ngả nghiêng, leo dốc xuống đèo làm cho cả lớp kêu ầm ĩ vì không đọc nổi. Trong những ngày sau đó Dũng trở thành nguồn vui của lớp học. Trước câu hỏi của tôi, dù khó khăn đến đâu nó cũng giơ tay xin trả lời, và trả lời mười lần sai hết chín. Dũng viết những chữ rất xấu, nhưng nó có tài giữ gìn sách vở. Nó thường chỉ nổi giận khi có một đứa bạn làm dây mực vào sách vở của nó. Thịnh thoảng nó lại đem tặng lớp học một món quà nhỏ. Và lớp học dần dần có vẻ tươi mát với những cây leo trồng trong một cái bóng đèn chứa đầy nước, hay trong một con ốc nhiều màu.

Thịnh thoảng Dũng lại đem đến lớp một cái búa và mấy cái đinh để sửa lại những bàn ghế quá ọp ọp, mà bọn học trò nhỏ của tôi thường vin vào đó để lấy cớ cãi nhau.

Dần dần bọn học trò tôi cũng khám phá ra cái tính sốt sắng của Dũng và bắt đầu lợi dụng nó. Chúng giao cho thằng Dũng đủ các việc vặt vãnh, nhất là những việc có liên can đến mục vệ sinh của lớp. Dũng nhận làm hết. Đứa nào có đồ chơi hay một vật dụng gì hư hỏng đều có thể nhờ đến bàn tay sửa sang của thằng Dũng. Có lần nó sửa được cả bộ máy của một chiếc xe hơi nhỏ chạy dây cót, khá rắc rối mà nó mới được mở xem lần đầu. Chủ nhân của chiếc xe khoái quá thưởng công Dũng bằng cách cho nó mượn về chơi hẳn một ngày.

Nhờ cái tài khéo tay này mà Dũng vẫn đứng đầu về môn thủ công. Trong kỳ chấm bài lũ trẻ thường hồi hộp chờ xem tác phẩm của nó. Để cho những món nó làm ra thêm phần giá trị, Dũng thường có một lối giấu giếm và pha trò

rất khôn khéo. Một lần nó nặn được một quả chuối, tô màu giống hệt như quả chuối thật, nó gói kỹ trong một tờ giấy, và mặc cho mấy đứa trẻ khác chạy theo gạ gẫm, năn nỉ, nó không cho đứa nào xem cả. Gần tới giờ thủ công Dũng mới giở quả chuối ra giơ lên rồi, miệng há tròn, nó giả vờ như sắp bóp quả chuối làm cho những đứa khác cùng ò lên, phục lẫn.

Vì học hành thất thường nên Dũng chỉ đứng hạng trung bình trong lớp, nhưng nó khá thông minh và chăm nên không mấy khi tôi phải trách nó về tội lười. Về tha thiết với việc học của nó hiện rõ nhất khi nó làm một bài làm chậm hơn các bạn, nó cuống quýt lên và dù hay dù dở nó cũng cố gắng xin tôi cho điểm. Nếu chỉ vì chậm chân mà nó không được phê điểm thì nó tỏ ra khổ sở, bực bội lắm. Vào những ngày trả bài luận, Dũng có vẻ hồi hộp, lo lắng của một con bực trước khi biết kết quả tiếng bực của mình. Cầm cuốn vở luận trong tay, Dũng ngửa mặt lên, đôi mắt nhắm nghiền, miệng lẩm bẩm như khẩn khứa, rồi thỉnh thoảng nó mở bung quyển vở ra để xem điểm. Nếu thấy được điểm khá nụ cười liền cũng bật tung ra, tràn lan trên khuôn mặt đen xạm của nó, làm cho đôi mắt long lanh sáng. Nhấp nhồm trên chỗ ngồi, hai tay nó hích phải hích trái, nó có vẻ muốn cười phá lên, vỗ tay mà rồi không dám. Nó cười với đứa bên phải, khẽ “hì hì” vào tận tai đứa bên trái, và kéo cả cổ áo của đứa ngồi trước mặt để cho thằng kia rõ sự thành công của nó. Có lần tôi phải mắng nó về cái tội đã dám đóng khung, tô màu và vẽ hoa lá xung quanh con số mười điểm mà nó kiếm được nhờ một bài chính tả không có lỗi.

Điều đáng tiếc nhất là Dũng làm luận rất dở, bao giờ nó cũng ba hoa đến độ thành lạc đề và chẳng mấy khi được điểm cao. Trong suốt năm học nó chỉ có mỗi một bài thật

khá mà lại không được điểm, đó là bài tả một đám cãi nhau. Nó viết kín ba trang giấy, nhắc lại rất trung thành lời nói của hai địch thủ tặng cho nhau. Tuy nó cũng biết loại bỏ những câu quá đáng, nhưng bài ấy vẫn bị tôi kiểm duyệt, giống như những bài văn tả chân thường gặp bước không may.

Quả thực, chưa bao giờ tôi thấy trò Dũng nói chuyện trong lúc tôi giảng bài. Mỗi lần tôi lên tiếng là nó khoanh tay, chăm chú ngược nhìn, chờ đợi. Những lần có một con heo hay con chó nhào vào phá đám giữa lúc tôi đang nói thì Dũng thường nổi giận, nó kêu với vẻ vừa thất vọng vừa tức tối:

- Trời đất ơi!...

Và nó tự động nhảy ra khỏi chỗ, vừa hò hét vừa đuổi theo con vật cho đến cuối sân trường.

Vì là đứa lớn tuổi nhất lớp nên nó cũng thường tỏ ra khôn ngoan, dễ biết ý tôi hơn các trẻ khác. Khi ở các nhà bên cạnh trường có những vụ cãi vả, những vụ đánh nhau, trong lúc những đứa khác đứng dậy, nhìn qua cửa sổ thì thằng Dũng cau có xin phép tôi cho đóng các cửa sổ lại. Nó đã biết những lời thô tục làm vấn đục cả không khí của học đường. Nó mến thầy, mến bạn, mến lớp học và lúc nào cũng chỉ muốn bảo vệ, che chở cho cái lớp học của nó.

Nhưng học đều đặn được chừng ba tháng thì thằng Dũng bắt đầu đến lớp thất thường, bỏ bê việc học hành. Tôi đã quen với những vụ nghỉ học trường kỳ của lũ học trò. Vào những ngày cuối năm, khi một người Tàu già đội chiếc mũ cói rộng vành bắt đầu bón nhiều phân lên một vườn rau cải nhỏ của ông ta ở gần trường, thì lớp học của tôi bắt đầu thừa thớt. Chẳng phải lũ trẻ không chịu đựng nổi mùi phân bón bốc lên nồng nặc, làm chúng phải vừa bịt mũi

vừa học, mà chính vì trong thời gian này, chúng phải đem cái sức nhỏ bé ra để giúp đỡ cha mẹ chúng. Có đứa vừa phải coi nhà vừa giữ em cho cha chúng đem hoa đi bán. Có đứa phải phụ với cha mẹ trong công việc gánh hàng ra chợ. Có đứa phải gạt hết sách vở để suốt ngày cưa sừng làm lược, hay cặm cùi đánh từng con suốt chỉ cho bà mẹ dệt vải. Buổi tối, trong lúc ngồi hóng gió trước nhà, tôi thường thấy hai đứa học trò ngoan nhất của tôi đi bán bánh trên con đường dài, không có ánh đèn, dẫn vào các xóm nhà nghèo. Chúng là con một người đàn bà gốc Trung Hoa sống bằng nghề bán hoa quả lật vật. Đồ đặc của hai đứa trẻ này là một cái thúng có đựng những miếng bánh bò màu trắng, hoặc vàng úa đã cắt sẵn, để thành từng lớp có thứ tự. Mỗi đứa khiêng một đầu đòn gánh, lồng qua quang gánh mang cái thúng. Thằng em đi trước cầm chiếc đèn bão soi đường thỉnh thoảng lại cất tiếng rao. Thằng anh đi sau giữ tiền. Hai đứa giống nhau từ mái tóc, nét mặt đến bộ quần áo. Khi có người gọi lại, chúng vội vàng đặt gánh xuống. Thằng em nhắc ngay cái lồng bàn che bánh lên, thằng anh ngồi thụp xuống, dùng một cái xiên sắt lấy bánh ra, gói vào giấy, trao hàng và nhận tiền. Chúng đã chia nhau từng cử chỉ lật vật ấy. Ánh đèn bão mập mờ soi hai nét mặt trẻ lúc nào cũng bình thản, không còn dấu vết tinh quái, nghịch ngợm của những đứa trẻ bình thường.

Có khi lên giường nằm rồi tôi còn nghe tiếng rao của chúng vang lên đột ngột, cô đơn như một tiếng động vừa rơi lơ lửng vào giữa bầu trời mênh mông của miền ngoại ô. Ánh đèn của chúng hắt qua khe cửa nhà tôi tạo thành những vệt sáng dài, vừa run rẩy vừa di chuyển chậm chạp trên tường. Nếu trong buổi học ngày hôm sau đó chúng có không thuộc bài tôi cũng gắng cho chúng điểm trung bình.

Nhưng bọn trẻ này nghỉ học bận việc có định kỳ, một năm chúng chỉ nghỉ một lần thật lâu rồi lại đi học đều đặn. Trái lại, trò Dũng nghỉ vài ngày rồi lại đi, rồi lại nghỉ vài ngày. Mỗi lần đến trường nó vẫn tỏ ra sung sướng, vui vẻ say mê với việc học. Cuối buổi học, trong giờ hoạt động thanh niên nó vẫn hăng hái cộng tác với các bạn để làm vui cho cả lớp. Hoặc nó ca vài câu, kể một câu chuyện, hoặc nó xắn quần ống cao ống thấp, bôi phấn vào mặt, vẽ râu để làm anh hề trong một kịch vui, làm cho cả lớp cười bò. Từ sau bảng bước ra, nó mới nheo mắt, nhe răng, đi khệnh khạng, chưa kịp nói câu gì, là lũ bạn nhỏ của nó đã không nín cười được. Thành ra, những hôm vắng thằng Dũng tự nhiên lũ trẻ mất vui, cảm thấy nhớ. Có đứa tức quá đứng lên tố cáo:

- Thưa thầy, anh Dũng bỏ học đi chơi đấy ạ.

Vài đứa khác lại nhao lên bênh vực:

- Thưa thầy anh ấy ở nhà bế em cho má anh ấy đi chợ.

- Anh ấy phải trông nhà.

Dũng cũng nêu những lý do đó để xin nghỉ học. Tôi đành phải tin nó vì cha mẹ nó chẳng bao giờ chịu đến trường xin phép nghỉ cho con. Một lần gặp thằng Dũng đang loay hoay phụ giúp với một người đàn ông sửa một chiếc xe trong một căn nhà nhỏ, mái tranh, lập chênh vênh ven bờ ruộng, trên con đường vào thành phố, tôi mới biết người đàn ông đó chính là cha Dũng. Ông ta làm nghề sửa xe đạp, xe gắn máy chứ không phải “buôn bán” như ông ta đã ghi trong lý lịch của con. Hai cha con đều mặc những bộ quần áo ka-ki đen đặc dầu mỡ, chắc trước kia màu vàng. Thấy tôi, thằng Dũng vội vàng vứt cả kìm, búa đứng dậy khoanh tay chào, nét mặt hân hoan. Cha Dũng cũng gật đầu chào tôi, mấy sợi tóc uốn quăn xõa xuống cái trán cao có một vết sẹo ngang của ông ta làm cho khuôn mặt ông ta vừa có vẻ dày dặn lại

vừa có vẻ phong lưu của một công tử giàu tiền. Ông ta trẻ hơn tôi tưởng. Ông nói với tôi:

- Nhà tôi độ này bận quá, thành ra phải xin thầy cho cháu Dũng nghỉ ít bữa.

Tôi chỉ gặp ông ta một lần ấy thôi. Từ đấy về sau mỗi lần đi qua đây tôi chỉ thấy một mình thằng Dũng đang loay hoay làm việc. Thằng bé khéo léo này đã có thể thay thế cha nó trong công việc sửa xe, vá những lỗ thủng trên ruột xe. Hỏi thăm về cha nó thì nó cho tôi biết là ông ta đi vắng.

Càng ngày nó càng đến trường ít hơn, và mỗi lần đến là một lần nó cuống quít đi mượn vở chép bài. Sách vở của nó bắt đầu mất cả sự sạch sẽ, quần áo của nó cũng không còn gọn gàng như trước. Nhưng nó vẫn vui vẻ, sốt sắng, vẫn ca hát và làm hề cho cả lớp cười, vẫn nhảy nhót khi được điểm cao. Ngoài giờ học, nó lại mặc bộ quần áo đầy dầu mỡ, làm bạn với kìm, búa, với những chiếc xe hỏng.

Buổi trưa, thỉnh thoảng có dịp đi qua căn lều nhỏ của gia đình Dũng, tôi thường thấy nó ngồi trên chiếc chiếu nhỏ, dựa lưng vào một chân cột, dáng điệu nửa thức nửa ngủ. Đồ đạc, dụng cụ sửa xe xếp ngổn ngang quanh nó. Nó không nhìn thấy tôi vì ngồi quay lưng về phía con đường nhựa mềm ánh nắng buổi trưa, có lẽ nó đang thả tầm mắt mơ hồ qua cánh đồng không, tới những ống khói cao ngất trong thành phố. Những luồng gió nóng như hơi nước trong một nồi nước sôi thổi phần phật vào mái lá, hoặc xoay tròn, bốc cát bụi mù trên con đường đất đỏ chạy ngang cánh đồng. Tôi tưởng như thằng bé ngồi bất động, cô đơn kia không thể nào là thằng Dũng, một đứa trẻ láu táu, vui tính nhất lớp tôi. Bầu không khí, phong cảnh cần cỗi ở vùng ngoại ô này có thể nung khô tất cả những tâm hồn dịu dàng, vui tươi, và đốt cháy những nguồn hy vọng nhỏ bé. Quả thực

tôi không như những người dạy học khác, mong mỗi nhìn thấy sự thành công trong tương lai của đám học trò mình, tôi chỉ muốn lũ trẻ được ngồi học yên ổn và đều đặn trong lớp tôi cho đến cuối năm.

Tôi không đoán nổi trong lúc ngồi cô đơn như thế bé Dũng đã nghĩ gì, mơ đến những điều gì. Nhưng một trong những sự mơ ước của nó, đột nhiên hiện ra trước mắt tôi vào một buổi học, khi nó bị tôi phạt về tội nói chuyện trong lớp. Và ngay sau đó tôi nhìn thấy tất cả nỗi tuyệt vọng của nó. Sự vùng vẫy, phấn đấu, để thoát ra khỏi ngõ bí của nó đầy tính cách mong manh, khờ dại khiến ta xúc động, xao xuyến như khi ta nhìn thấy một con chim non lạc tổ sắp chết vì một trận mưa.

Dũng để một vật gì dưới ngăn bàn, hai đứa bên cạnh nó cùng chụm đầu lại để nhìn. Vừa nói, Dũng vừa cười có vẻ thích thú và hai đứa bên cạnh nó cũng cười theo. Bị gọi tên thành linh, Dũng giật mình đứng dậy, luống cuống khoanh tay. Nó chưa kịp trả lời câu hỏi của tôi thì một trong hai đứa bên cạnh nó đã nói:

- Thưa thầy, anh Dũng khoe cái xô số anh ấy mới mua.

Rồi nó cố nín cười để giữ giọng tự nhiên:

- Anh ấy nói nếu trúng độc đắc anh ấy sẽ mua cái xe hơi chở cả thầy và hết cả lớp đi chơi và đi coi hát bóng.

Cả lớp cười, vài đứa xì xào:

- Xe hơi nào mà chở được cả lớp...

Dũng có vẻ ngượng, nó mỉm cười và cúi đầu. Nhìn vẻ tiều tụy của nó tôi không nở mắng, bao giờ cũng thế, khi biết sắp bị mắng nó thường buồn rầu và lo sợ. Tôi bảo:

- Thôi cất xô số đi... bao giờ trúng hãy đem khoe.

Dũng tươi tỉnh hẳn lại, đôi mắt nó long lanh tin tưởng, nó đã trở lại vẻ nhanh nhẩu bình thường:

- Thừa thầy, mấy người nghèo hết tiền mua giấy số hay trúng lắm thầy.

- Vậy hả. Ờ, thầy cũng hy vọng sẽ được đi xe hơi của trò Dũng. Bao giờ mở số đấy?

- Chiều nay ạ.

Nó ngồi xuống, trịnh trọng nhét tấm xổ số vào cặp. Tôi vội giảng bài tiếp để chặn đứng cuộc bàn về xổ số đang lan tràn trong lớp. Hình như có tấm vé xổ số trong cặp, Dũng vững tin ở cuộc đời hơn. Suốt giờ học tôi không nhận thấy vẻ buồn rầu thoáng qua mặt nó như mấy buổi học trước. Nó chịu đặt cả hai tay lên bàn nhưng không ngồi yên, thỉnh thoảng lại quay nhìn phải, nhìn trái, mỗi lúc nào cũng hé như sẵn sàng cười thật to. Cuối giờ, trước khi về học nó còn đi quanh lớp để ngắt lá úa trên những dây vạn niên thanh và siết lại những đầu dây thép gắn vài con ốc vào đầu đinh trên tường. Niềm vui, sự hân hoan của trẻ con thường tràn ra thành các cử chỉ như thế.

Buổi chiều, khi nghe máy thu thanh, tôi nhớ đến tấm xổ số của trò Dũng và ý nghĩ của tôi, tôi mỉm cười như những lần tôi nhớ đến một kỷ niệm ngộ nghĩnh về đám học trò.

Sáng hôm sau, bầu không khí có vẻ oi bức khiến tôi cảm thấy khó chịu. Những đám mây đen mờ che khuất mặt trời báo hiệu một ngày không có nắng. Vùng ngoại ô quá rộng để ta có thể cảm thấy tất cả sự khó chịu của một bầu trời nặng nề. Sức nóng không tỏa từ ánh nắng một cách tự nhiên mà như xuất hiện bất cứ chỗ nào. Sự bình thản, vui vẻ trong tâm hồn tôi hình như bị sự oi bức làm rạn nứt và đã trở thành một cái gì mong manh dễ vỡ.

Buổi học lại bắt đầu bằng vài chuyện lộn xộn. Hai đứa nhỏ ở cạnh nhau, đến lớp còn cãi vả om sòm vì một chuyện đã xảy ra giữa hai gia đình trong ngày hôm trước. Đứa này

bảo bố đứa kia là đồ ăn cắp gỗ và đứa kia tố cáo việc anh đứa này bị người ta đánh vì dám cướp tiền một đám bạc. Một thằng học trò khác thì đem lên bàn tôi một quyển vở chỉ còn độ bốn năm tờ giấy trắng, nó kêu rằng nó không hề xé vở mà chính ba nó đã lấy giấy gói hàng. Tôi không thể nén sự bức mình, tôi đã gửi một bức thư cho ông ta về việc này và ông ta chưa trả lời. Tôi thở dài nhìn đứa trẻ, nó chớp mắt sợ hãi, cả nó và tôi đều lọt vào cái thế đáng chán. Tôi vừa lấy giấy ra định biên thêm cho ba đứa trẻ mấy dòng thì cuối lớp, một đứa đứng dậy báo cáo:

- Thừa thầy, hôm nay anh Dũng lại nghỉ.

- Lại nghỉ. Nó học hành thế thì còn ra làm sao...

Đứa bé cọ bàn tay phải vào cạnh bàn rồi nói rất nhanh, có vẻ kiêu hãnh vì những điều nó biết:

- Con thấy mấy người lối xóm nói: ba trò Dũng bị tù rồi. Hồi trước ống mua vỏ ruột xe hơi của mấy người ăn cắp, bị tù mười lăm ngày mới được tha ra. Giờ không biết sao lại bị bắt nữa...

Một đứa khác đứng phắt dậy, vừa xéch lại quần vừa nói như sợ đứa khác nói tranh mất:

- Ba trò Dũng ăn cắp xe gắn máy, thầy. Cả những người khác cũng bị bắt hết, mấy bữa nay rồi thầy.

Sự bất ngờ làm tôi bất động, chỉ biết chăm nhìn vào mắt những đứa trẻ vừa đứng lên nói, những lời nói vừa mở tung bức màn che giấu một thảm kịch. Lớp học hình như không bị xao động một chút nào. Vài đứa định đứng lên nói thêm nhưng tôi ra hiệu bắt chúng ngồi xuống. Chúng yên lặng, khoanh tay, mở mắt chăm chú nhìn tôi, hình như chờ đợi tôi nói một điều gì về việc ba trò Dũng. Tôi nói gì được? Cái sự làm tôi khó chịu, bức bối nhất là nét thản nhiên trên mặt lũ học trò. Chúng đã quen với những sự này đến thế

cơ ư?

Đưa tờ giấy viết thư lên ngang tầm mắt, tôi nhìn chăm chú vào đó để tránh những đôi mắt ngây thơ, khờ dại và bình thản. Tờ giấy chưa có một chữ nào, đang mở dần thành một khoảng trời trắng, rộng và xa vời. Tôi lấy lại sự thản nhiên bằng một ý nghĩ tàn nhẫn.

Giữa buổi học thì trò Dũng đến. Nó lững thững đi qua cổng trường, hai vai co lên một chút như bị lạnh. Nó không đá chân vào đám cỏ hoang cho những con châu chấu bay vụt lên như mọi lần, trong bộ quần áo đẹp nhất của nó, Dũng có vẻ trịnh trọng. Nó bước vào lớp và nói với tôi:

- Thưa thầy, con xin thôi học.

Dũng đưa ra một cái đơn, chữ viết nghiêng ngả.

- Con phải về tỉnh ở với bà nội.

- Ở đó có trường công không mà về?

- Dạ, thưa thầy, khỏi cần. Con không đi học nữa. Bà nội con ở làng, trồng khoai với bắp.

Tôi cúi xuống đọc lại tờ đơn, phân vân. Dũng nhìn tôi thật lâu rồi chợt quay xuống với các bạn nó, nó đi qua các dãy bàn để thanh toán mọi việc. Trả đũa này món nợ một đồng, cho đũa kia mấy viên bi, trao lại đũa khác chiếc xe hơi hỏng nhờ nó chữa. Công việc đó diễn ra không gây một tiếng ồn nhỏ nào. Lũ trẻ đã giữ được một sự yên lặng lạ lùng.

Dũng trở lại bàn cúi đầu thật thấp chào tôi rồi đi ra, lên phòng hiệu trưởng. Suýt nữa thì tôi mở miệng khuyên nó nên cố gắng chăm học.

Mười phút sau nó trở lại đứng ở cửa lớp học, hai tay nắm vào một bên khung cửa, tần ngần nhìn lũ bạn đang ngồi học, những ngón tay nhỏ của nó cong lại, vuốt nhẹ lên mặt gỗ.

Tôi hỏi:

- Lấy hồ sơ rồi chưa?

- Thưa thầy, lấy rồi, con chờ thầy trả bài thi.

- Bài thi?... à, bài thi toán ấy hả.

Tôi ra hiệu cho nó vào lớp và giờ tập bài thi ra. Dũng hớn hờ đứng cạnh tôi, chăm chú chờ đợi.

- Thưa thầy, hôm đó con làm đúng hết...

Và chợt nó reo khê:

- Đây rồi... trời! mười tám điểm!

Bài thi nó làm hoàn toàn, chỉ hơi bẩn một chút.

Dũng nắm tờ giấy trong hai tay, nhìn chăm chú vào con số mười tám màu đỏ. Miệng nó, đôi má nó, đôi mắt nó đều chan hòa một nụ cười. Nó giương đôi mắt long lanh nhìn tôi rồi lại nhìn vào bài thi của mình. Rồi chợt nó nghiêng tờ giấy và nháy mắt với mấy đứa bạn ngồi ở bàn cuối cùng, kiêu hãnh mỉm cười với chúng. Nó cứ đứng lặng như thế để tỏ lộ tất cả sự hân hoan của mình. Tôi buột miệng nói:

- Bài này trò làm khá lắm.

Có lẽ chính câu khen của tôi đã làm cho trò Dũng phập phồng muốn khóc khi nó chậm chạp để bài thi xuống bàn. Tôi không đủ can đảm để nói một lời thân mến với nó.

Khi chào tôi lần cuối, Dũng cúi đầu thật thấp như muốn giấu tất cả sự thê thảm trên mặt nó vào đôi tay khoanh lại. Nó trở ra rất nhanh, đá bung mấy viên gạch trên sân trường, nhìn mấy cây nhỏ, mới được trồng ở đầu sân để cho lũ trẻ có bóng mát sau này. Rồi nó cúi đầu, ra khỏi cổng trường.

Dũng là đứa học trò độc nhất mà tôi mong cho nó chóng quên thầy, quên bạn...

LINH BẢO ÁO MỚI

Chiếc áo đầu tiên quý giá nhất trong gia đình tôi là một chiếc “áo vua ban”. Hồi ấy, ba tôi làm nghề cạo giấy và mẹ tôi buôn bán theo lối tài tử. Bà làm nghề mách mối mua bán đồ cổ. Ngoài ra, bà còn vác máy ảnh đi chụp cho các bà hoàng, bà chúa, bà phi, bà tần trong cung cấm.

Nghề mách mối đồ cổ là một nghề rất nhàn. Bà chỉ việc diện bảnh, rẽ đường ngói cho thẳng, bôi dầu dùa bóng loáng và thơm nức lên; chiếc quần cũng được là thẳng và xếp thành nếp, gọi là “nếp con”, năm con bảy con gì đấy cho ra vẻ quý phái. Ăn mặc tề chỉnh như thế, bà chỉ việc đến nhà các mệnh phụ, công nương, ngồi lê đôi mách một vài buổi. Thế là “mệ” nào muốn bán cái gì, cụ nào muốn mua cái gì, mẹ tôi biết rõ cả. Bà chỉ việc vắt vẻo ngồi lên chiếc xe tay nhà, chạy đi chạy lại một vài lần, là kẻ mua người bán đều vui vẻ.

Nghề chụp ảnh mấy chục năm về trước còn là một nghề rất mới mẻ, nhất là đối với các mẹ, các bà phi, tần không thể ra ngoài phố tự do như người thường. Mẹ tôi được các bà hoan nghênh vô cùng. Phải, còn gì sung sướng hơn một bà phi, suốt mấy năm trời chẳng hề được trông thấy “mặt rồng” của ông chồng vua, bỗng dưng có một tấm ảnh mình ngồi chễm chệ trên một chiếc ghế bành chạm trổ tinh vi, còn “hoàng đế” thì đứng bên cạnh, quàng tay qua lưng ghế, như ôm một cách âu yếm. Mẹ tôi rất tài về khoa ghép ảnh và tính giá rất đắt. Nhưng tiền có nghĩa gì đối với những cung phi suốt đời, từ lúc tiến cung cho đến già, đến chết, vẫn còn là trinh nữ! Tấm ảnh an ủi họ và thỏa mãn một phần nào cái lòng tham hư vinh đã được nuôi dưỡng từ lúc bé thơ.

Trong số các khách hàng của mẹ tôi, có một bà mẹ vua. Vua thì còn bé, đang đi học xa. Bà ở nhà, sống một cuộc đời vương giả. Suốt ngày, bà chỉ biết bài bạc với những người đến “bấm châu” (nịnh). Bà đã phá kỷ lục về nợ nần, và bà chỉ có vay mà không có trả. Bà cho là mọi người ai cũng có bốn phận phải cung phụng bà, đưa tiền cho bà tiêu xài. Nhưng bà không bao giờ quên an ủi họ, khéo léo nói úp mở cho họ biết, ngày “Hoàng đế hồi loan”, bà sẽ đền ơn trả nghĩa. Không biết mẹ tôi có bị bà cho vào tròng không, và nếu có, thì chúng tôi, những ranh con, cũng không có quyền can thiệp.

Tôi còn nhớ, bốn chị em tôi có bốn cây kiềng vàng; và bốn cây kiềng vàng ấy có một con đường đi bất di bất dịch; từ nhà tôi đến nhà bà Bộ, một bà nhà giàu chuyên cầm vàng bạc. Chúng nó đi “lữ hành” như thế, ít nhất mỗi tháng độ mươi lần. Mỗi khi mẹ tôi xoay được món tiền, chuộc về nằm trong tủ chưa được nóng chỗ thì lại có lệnh “Ngài ban

vay”. Và như thế, bốn chiếc kiềng bé bỏng của chúng tôi lại lên đường đến nhà bà Bộ tạm trú. Bốn chiếc kiềng vàng đi một con đường vòng độc nhất, còn số tiền cầm đồ thì đi một con đường độc đạo, và là một con đường cụt. Nó từ túi bà Bộ sang túi mẹ tôi, rồi nhảy sang túi “Ngài” để rồi bị thủ tiêu mất tang mất tích, không còn một chút dấu vết gì để lại với đời.

Đã thế, thỉnh thoảng “Ngài” lại “ngự” đến “tệ xá” của chúng tôi ở ngoại ô, mặc dầu “tệ xá” quả thật là quá tệ. Nó chỉ là một gian nhà tranh bé nhỏ nằm lọt vào một bãi tha ma to lớn, cách xa thành phố đúng ba cây số.

Ba mẹ tôi sở dĩ chọn nơi xa xôi như thế để xây “biệt thự”, vì theo lời bác sĩ khuyên, ba tôi yếu phổi nên cần phải thở không khí có gió thông trong lành. Ấy thế mà trong “tệ xá” có rất nhiều đồ cổ quý giá. Những món ấy toàn là của các công nương, mệnh phụ gửi, nhờ cầm bán hộ. Giấy rách phải giữ lấy lề: dù mai không còn gạo để nấu cháo loãng, họ cũng vẫn giữ bí mật, không bao giờ dám ra mặt tự cầm bán lấy đồ vật. Nhưng họ vẫn còn làm điệu như thường:

- Đưa đây cho mẹ hai xu, mẹ “chém” một củ khoai chơi mà!

oOo

Tuy cảnh túng của họ đã trầm trọng đến thế, mà bệnh “khẩu khí” vẫn không thuyên giảm tí nào, và họ thấy cuộc sống vẫn không bớt phần hấp dẫn, thú vị.

Đường đến nhà tôi, hai bên trồng toàn thông xanh và phải trái qua hai cái dốc. Thỉnh thoảng, người ta lại thấy từ dưới dốc đằng xa có một chiếc xe tay sơn son thếp vàng, một chú lính mặc áo đỏ, chân quần xà cạp vàng, đầu đội nón chóp, ì ạch kéo xe lên dốc. Sau xe có hai cô bé con độ mười bốn mười lăm tuổi, mặc áo màu hoả hoàng, đầu chịt khăn đồng màu, tóc xoã ngang vai. Một cô tay cầm chiếc

hộp tràu và cái ống nhổ bằng bạc; một cô tay cầm chiếc quạt lông, lẻo đẹo chạy theo sau xe. Thỉnh thoảng, cô bé cầm quạt cố chạy lên ngang hàng với chiếc xe, giơ chiếc quạt lông lên, phẩy nhẹ một cái vào trong xe, rồi lại trượt lườn xuống đằng sau. Ấy thế mà bọn họ từ cung cấm ra ngoài thành, ngót bốn năm cây số để đến “tệ xá” đấy.

Sau khi đến nơi, “Ngài” chễm chệ leo lên chiếc sập cần xa cừ đặt ngay chính giữa nhà, hai thể nữ đứng hầu hai bên, kẻ pha trà, người quạt hầu. Ngài lần lượt ngắm nghía, thưởng thức các đồ vật trong “tệ xá”, và cố nhiên khi “Ngài” rời gót ngọc, những món đồ cổ ấy cũng được mang theo “Ngài” ngự, lên chiếc xe nhà sơn son thếp vàng có hai thể nữ chạy theo hầu ầy.

Trước khi bước chân lên xe, thể nào “Ngài” cũng “ban truyền”:

- Chị Tham tính tất cả tiền những cái ché và độc bình này đi. Cả cái táo lung cây vàng lá ngọc kia nữa, rồi ta sẽ trả tiền lại cho. Còn cái sập cần này, chị cho ta mượn, mai ta cho thị vệ ra chở.

Mẹ tôi chỉ biết “dạ” mà nuốt lệ. Bởi vì mẹ tôi biết, đồ vật cũng như người, khi đã được “tiến cung” thì chỉ còn đợi chết! Mặc dù được sủng ái, số phận của đồ vật còn đen tối hơn các cung phi mỹ nữ bị lãnh đạm. Các cung nhân, khi đã về già thì được thả hồi nguyên quán, còn những món đồ cổ, càng già càng quý thêm, càng không mong gì được trả về với cố chủ.

Cứ mỗi khi như thế, ba tôi lại lẩm bẩm:

- “Thấy vua” rõ thật là “thua vầy”!

Cuộc đời cứ thế trôi qua. Ba tôi ngày ngày đi cạo giấy. Mẹ tôi bán đồ cổ và ghép ảnh cho các bà. Tiền kiếm được, dùng để nuôi chúng tôi một số rất nhỏ, còn hầu hết để

nuôi “Ngài”.

Một hôm, chắc lương tâm “Ngài” thức dậy - hay là “Ngài” sợ nợ mẹ tôi nhiều quá, không trả bớt, đến kiếp sau sẽ thành ra “nợ thiên khối” như trong kinh Phật dạy - “Ngài” bèn long trọng “tuyên dương công trạng” mẹ tôi một hồi, rồi “thân tặng” cho mẹ tôi một chiếc áo cũ của ông vua con.

Đây là một chiếc áo the đen, bên trong lót một lớp hàng mỏng màu vàng. Chiếc áo còn thơm nức mùi xạ hương và long não ướp lâu ngày.

Mẹ tôi đem chiếc áo ấy về, vênh vang như một kẻ “áo gấm về làng”. Sự sung sướng của mẹ tôi được cái áo vua ban ấy cũng giống như tâm trạng người cung phi trình nữ được tẩm ảnh ghép ngời chung với đức vua. Cả hai cùng muốn mang một cái hảo huyền ra để thỏa mãn lòng tự ái, lừa mình, lừa người cho đỡ cơn ghiền!

Chiếc áo ấy về phần chị Cả tôi. Mỗi năm vài lần, trong những ngày kỵ giỗ, lễ tết, cái “áo vua ban” ấy được trân trọng “trình bày” trên thân hình bé nhỏ của chị tôi một vài giờ, rồi lại được trân trọng xếp vào rương chờ dịp khác.

Năm tháng qua, chị tôi mới đầu mặc chiếc áo còn rộng thùng thình, rồi chật dần, ngấn dần cho đến khi không mặc vừa nữa, phải cho chị Hai tôi thay thế.

Từ chị Cả cho đến chị Hai, chị Ba, anh Tư, anh Năm, rồi đến chị Sáu, chiếc áo cứ được đem ra hóng gió mỗi năm một vài lần, cho đến lượt tôi được xỏ tay. Hôm tết, mẹ tôi mang chiếc áo lịch sử quý giá ấy ra để mặc cho tôi và bảo: “Hoa ơi, cái áo này bây giờ về phần con” thì nó đã mục nát và chỉ động đến là rã tan ra từng mảnh.

Cũng năm ấy, ông vua nhỏ nợ giá hồi loan. Và từ lúc ấy, “Ngài” ra lệnh không tiếp tất cả các chủ nợ của Ngài. Bây giờ, “Ngài” đã thành ra một bậc cao sang nhất, không thể

có chủ nợ, và lại càng không muốn trông thấy người nào hiểu được hoàn cảnh của “Ngài” lúc còn hàn vi; thật là chí lý, chí tình vậy! Còn gì khó chịu hơn một kẻ ở địa vị cao sang, ngày ngày phải trông thấy đám chủ nợ mình ngày xưa, đám người mình từng năn nỉ khóc lóc kêu túng thiếu, người phải cầm bán vay mượn cho mình tiêu xài. Đó là một sự nhục nhã, một uy hiếp tinh thần, có thể làm mất bớt uy nghiêm nhiều lắm.

Tết năm ấy, tôi không có áo mặc, nên tôi khóc mùi khóc mẩn cả một buổi sáng. Tôi chỉ tưởng là mình khóc vì khi chiếc áo đẹp đến phần mình thì đã rách, nhưng thật ra, tôi đã khóc cho cái ảo ảnh “ân trả nghĩa đền” của mẹ tôi bị tan vỡ. Tôi khóc cho cái chết của chiếc áo, đổi bằng tất cả của cải mẹ tôi dành dụm được. Tôi khóc cho nền móng tương lai của một đám trẻ thơ, đáng lẽ được dùng của cải ấy để bồi đắp cho thể chất và tinh thần.

Nhưng sau đó, gia đình tôi ngày một khá. Lần đầu tiên, chúng tôi được ăn một thứ thịt, nghe nói là thịt bò. Bữa cơm hôm ấy, ba tôi mất mười lăm phút để giảng giải cho chúng tôi nghe, bò là một con vật để cho loài người ăn thịt.

Một hôm, không hiểu tại sao, mẹ tôi bỗng nhiên “phát từ bi tâm” may cho chị Sáu, tôi, em Tám và em Chín, mỗi người một cái áo xa-tanh màu phấn hồng. Xấp hàng này, có người tặng cho mẹ tôi trong dịp ăn đầy tháng em thứ mười một. Chúng tôi mừng rỡ trông đợi một ngày trọng đại, ngày được mặc chiếc áo hồng lộng lẫy, sắc sỡ, bóng loáng, mát rười rượi và rộng thùng thình như áo tể ấy, thì bỗng dưng ông nội tôi chết. Tôi thấy ba mẹ tôi khóc, anh chị tôi khóc, tôi cũng khóc. Nhưng thực ra, tôi không nhớ đã được thấy mặt ông nội tôi hồi nào. Tôi khóc là khóc cho bốn chiếc áo xa-tanh hồng tươi rực rỡ, chưa từng được

diện qua một lần, vì phải để tang, đã bị mẹ tôi ngấm vào nước thuốc nhuộm răng. Chúng nó biến thành một màu kỳ lạ, không vàng, không lục, không xanh. Màu ấy, ba tôi gọi là “dưa cải úa mùa thu”. Nếu bây giờ bảo tôi đặt tên lại thì tôi sẽ gọi là một bức tranh lập thể may thành áo. Từng vệt, từng đám, ngang dọc ngổn ngang, chồng chất lên nhau, níu kéo nhau, chằng chịt. Cái áo nhuộm như thế đấy, mà chúng tôi vẫn phải khen cho mẹ tôi bằng lòng. Bởi vì, đã có định luật rằng “thượng cấp” thì phải được “tỏ vẻ hài lòng”; còn “hạ cấp” thì chỉ độc có một việc là “nhiệt liệt hoan hô”, dù có thích hay không!

Chúng tôi phải chịu đựng cái xấu xí của áo, và áo cũng phải cố chịu đựng sự tàn nhẫn vùi dập của chúng tôi. Chúng tôi mặc nó nằm lăn dưới đất, mặc suốt ngày đêm, vò nát nó, ném nó từ góc này sang góc khác. Đôi khi còn cắn nát chéo áo để xem cái mùi chua chua của nó, phải thật chỉ chua, hay còn lẫn mùi gì nữa không.

Thật ra, số phận của những chiếc áo ấy cũng đáng thương như chúng tôi, cũng giống như chúng tôi. Tâm hồn chúng tôi sớm đã bị nhuộm thành một màu “dưa cải úa mùa thu”, hay cũng chỉ là một bức tranh lập thể của những niềm đau khổ bé thơ, đã ai hơn gì ai đâu! Thế mà chúng tôi nở dần vạt chúng nó cho đến khi rách nát, và cùng lúc ấy, tang ông nội tôi cũng vừa mãn.

Một bà bạn gái của mẹ tôi ở Sài Gòn gửi tặng mẹ tôi một xấp hàng xa-tanh hồng khác. Mẹ tôi chê sắc sỡ chướng mắt, nên may cho bốn chúng tôi. Bốn chiếc “áo tể” vừa dài vừa rộng, may xong được cất kỹ, đợi “ngày lành tháng tốt” mới được đem ra diện. Thỉnh thoảng, tôi lén mở rương vuốt ve cái áo một lúc. Tôi nâng nó lên, áp cái chất mịn màng mát rori rori lên cằm, lên má. Tôi ướm nó vào người, hít cái mùi

thơm long nảo và mùi xạ hương từ trong áo toát ra một cách say sưa. Cái “ngày lành tháng tốt” ấy không bao giờ đến, vì bỗng nhiên chú tôi mất. Kể ra, thì đó là một cái tang nhỏ thôi, nhưng mẹ tôi bắt chúng tôi để tang. Và một lần nữa, chúng tôi khóc cho chiếc áo đẹp lại phải nhuộm thành một cái màu lem luốc không tên!

Ba tôi lúc ấy đã bắt đầu rảo bước trên con đường rải toàn thè ngà, nôm na gọi là làm quan. Mẹ tôi không còn phải đi bán đồ cổ và cũng không cần chụp ảnh cho ai nữa.

Chúng tôi, mỗi người được sắm một con heo để dành tiền. Nhưng, những con heo ấy, hàng năm đều phải bị đập ra, vì mẹ tôi mở cuộc “lạc quyên” để may áo quần cho bọn con trai tựu trường.

Cảm thông những nỗi khó khăn của các anh khi túng thiếu, chúng tôi lúc nào cũng vui lòng “quyên”. Mẹ tôi bảo đấy cũng là làm việc nghĩa, chẳng mất đi đâu mà thiệt, vì rồi đây, khi các anh mặc ngắn, những chiếc áo ấy cũng sẽ đến phần chúng tôi.

Khi chiếc áo xa-tanh nhuộm mực lem luốc thứ hai “quá cổ” rồi, thì chúng tôi đã thành những cô gái dậy thì. Chúng tôi đã biết thẹn, nhưng khi ra đường vẫn cứ phải mặc những chiếc áo vải dù, vải ba-ga con trai đã bạc màu và rộng mênh mông như cả một trời đau khổ. Chúng tôi cố năn nỉ xin may một cái áo mới cho ra hồn. Mẹ tôi bảo:

- Áo các anh mặc ngắn, thiếu gì! Còn tốt và bền lắm; may một lần tốn kém lắm, chứ tưởng rẻ sao! Ngày xưa, suốt đời mẹ chỉ có một chiếc áo vải. Còn các con đã có bao nhiêu áo đẹp rồi, nhớ không? “Áo vua ban” này, áo xa-tanh nhuộm màu dưa cải này...

Tôi nhắc:

- Dưa cải úa mùa thu chứ!

- Ừ, thì thu đông gì cũng được. Lại còn cái áo xa-tanh nhuộm màu mực này...

Tôi cải chính:

- Màu lem luốc chứ.

- Con Hoa thật nhiều chuyện! Mới may rồi, còn đòi gì nữa!
Em Tám nói:

- Dạ, mới may bốn năm về trước!

Mẹ tôi mắng:

- Chúng mày rắc rối lắm, không biết hà tiện hà tặn, sau hết phước đi! Phải nhớ, hồi xưa mẹ chỉ có một cái áo, nên mới có ngày nay!

Em chín tiếp:

- Nhưng mà mẹ quên là mẹ con ông huyện, và mồ cô; còn chúng con là con ông tổng đốc đương thời!

- Ai dạy cho mày ăn nói giảm phước thế?

- Mẹ không thương chúng con. Mẹ chỉ thương chị Hồng. Mẹ nhớ chị Hồng mất ăn mất ngủ. Mỗi khi chị Hồng tới xin tiền là mẹ bỏ ống của chúng con...

Mẹ tôi vội vã:

- Thôi thôi, để tôi may, cô không cần phải kể con cà con kê...

Mẹ sợ chúng tôi phân bì với chị Hồng lắm. Mỗi tháng chị đến thăm mẹ tôi một lần, và mỗi lần như thế cả nhà náo loạn lên. Nội một việc hầu hạ phục dịch chị cũng đủ cả nhà mệt phờ ra. Chị ăn tiêu rất rộng rãi, thưởng tiền cho người nhà không hề tiếc. Đối với chúng tôi, chị cũng “thết đãi” linh đình. Nghĩa là gọi cả một gánh bánh bèo hay bún bò vào nhà, thết mỗi người một tô. Chỉ có một cái “di hận” là chị chuyên môn bỏ ống của chúng tôi. Ba mẹ cho chúng tôi một ống tiền đặc biệt, nói là dành làm của hồi môn. Nhưng từ khi chị Hồng phát giác câu chuyện ấy, thì chị rủ mẹ cho

chúng tôi hùn vào tiệm may của chị. Mỗi tháng, chị đến bỏ ống của chúng tôi một lần. Mãi cho đến khi chị bán cửa tiệm đi lấy chồng, chúng tôi chẳng hề thấy chị thanh toán, làm tôi cứ tưởng là tiệm của chị ở nhằm hướng “tán tài” nên suốt bao nhiêu năm trời chỉ chuyên môn lỗ. Và cái tính không bao giờ thanh toán ấy, chị vẫn giữ mãi không bao giờ thanh toán.

Mẹ tôi quả nhiên giữ lời hứa, lấy một xấp hàng “xa-xi” màu vàng nhạt để tận đáy rương ra, may áo cho chúng tôi. Bà gọi người lính ở trong dinh biết may cắt và căn dặn:

- May cho thật dài rộng mát mẻ nghe không!

Vì chúng tôi đã lớn, rất sợ những chiếc áo rộng mênh mông, mặc vào như bơi đứng trong áo, nên nghe thế, phải dặn vớ:

- Ừ, may cho dài...

Và đứng sau lưng mẹ, lấy tay ra hiệu may chặt.

Đến lúc áo may xong, mặc thử, thật là dở cười dở khóc. Nó dài phết gót và chặt bó như chả. Chặt đến nỗi tay không co lại được. Người tôi cứ cứng ra như khúc gỗ không cử động gì được trong chiếc áo đó. Chỉ mấy tháng, chiếc áo mới đã phải vá cùi tay và tiếp thêm nách. Nhưng dù vá vúi xấu xí đến đâu, tôi cũng mặc đi nhiều nơi, nó vẫn còn hơn chiếc áo vải ba-ga đen cũ bạc màu của bọn con trai để lại.

Kể vị chiếc áo đấu tranh mà có này, là một cái áo “vải cạt”. Gặp lúc chiến tranh, mọi vật đều phải phối cấp, hàng vải cũng thế. Và chúng tôi được may một cái áo thứ vải “cạt” phối cấp xanh đỏ sặc sỡ lòe loẹt, nhà quê một cách không thể tả được. Mặc nó vào, người ta cứ tưởng là một tấm vải màn, hay cái ghế nằm sofa biết đi. Thế nhưng tôi vẫn phớt như không. Coi như trên đời này không còn ai nữa!

Từ đấy về sau, mẹ tôi chẳng cần phải may áo mới cho

chúng tôi nữa, vì chị Hồng thỉnh thoảng lại gửi về một ít quần áo cũ cho chúng tôi tiếp thu. Trong số quần áo cũ ấy, có hai cái còn mới nhất. Chị Sáu chọn cái áo màu đỏ; tôi mặc vừa cái áo màu xanh. Hai chị em, mỗi khi đi phố, đi chợ, đều diện hai cái áo đẹp nhất của mình, kệ cho thiên hạ, bạn bè chỉ trích. Nào là màu sắc chửi nhau; nào là “người trong tranh”; nào là bất chấp thời tiết v.v... Chúng tôi vẫn giữ vững lập trường “mục trung vô nhân” và cũng không cần biết đến cả xuân, hạ, thu, đông.

Kể từ ngày mẹ giao tiền chợ cho chị Sáu giữ, chị không còn khổ tâm về áo quần nữa. Chị tự sắm cho chị rất nhiều áo quần đẹp, nhưng lại cứ nói dối là của bạn bè, bà con ở xa gửi về cho, thành ra mẹ không rầy được, mà chúng tôi cũng không thể phân bì được. Tôi trông mong chị cao lớn thêm lên, hay béo ra một chút, để rơi rớt cho tôi vài cái. Nhưng rủi quá, người chị bé nhỏ, lùn thấp hơn tôi nhiều và lòng dạ chị lại sắt đá nữa, nên tôi không hề gạ gẫm gì được cả.

oOo

Tôi biết rõ tính mẹ tôi, có tiền chỉ để cho người khác tiêu dùng một cách phí phạm, còn mình và con cái phải hết sức kham khổ. Có lẽ mẹ tôi cũng chẳng có cái áo nào ra hồn. Sau này, lúc tôi bị ném ra ngoài đời, tranh đấu cho cuộc sống của mình, tôi cố dành dụm ít tiền. Mỗi lần cuối năm, tôi mua gửi cho mẹ tôi mười cái áo gấm Thượng Hải. Tôi nghĩ rằng trong mười áo ấy, bà sẽ cho, tặng, bán hay gì đi nữa, nhiều lắm là chín cái thôi. Ít nhất cũng phải để lại một cái tự may cho mình. Và như thế là tôi thỏa mãn rồi. Ngày mẹ tôi bị bệnh trầm trọng, tôi ở xa về, cũng không quên mang theo mười áo gấm nữa cho mẹ tôi. Lúc mẹ tôi mất, tôi soát lại tủ áo để tìm đồ liệm theo, thì thấy chẳng có một chiếc áo nào may bằng thứ gấm Thượng Hải tôi đã gửi về

biểu mẹ.

oOo

Một người bạn trẻ nói với tôi:

- Chị Hoa, cuộc đời chị thế là hết rồi! Không còn hy vọng gì nữa hết! Không còn tương lai gì nữa hết! Không còn mơ gì được nữa hết!

Hừ, láo đến thế thì thôi! Hẳn biết tôi thất bại về hôn nhân; tôi về nước vì mẹ, mà đến nơi thì mẹ mất; đúng là một sự thất vọng lớn lao. Nhưng đâu đã đến nỗi không còn gì để mơ!

Sau khi chôn mẹ bên cạnh mộ cha xong, tôi trở lại Hương cảng làm việc. Và từ bấy giờ, dù có thừa tiền để sắm nhiều quần áo đẹp, tôi cũng không còn thấy hứng thú gì nữa, không làm sao còn cái cảm giác say mê nồng nàn như khi len lén mở rương vuốt ve cái áo xa-tanh hồng đầu tiên, thuở mười hai.

Tôi còn nhớ, sau ngày ông nội tôi mất, ba tôi thường hay nhắc đi nhắc lại mãi với chúng tôi:

- Khi con cái còn nhỏ dại, chúng nó chưa đủ hiểu nên hay oán trách cha mẹ cấm đoán điều này điều nọ. Lớn lên, có gia đình, sinh con rồi mới hiểu lòng cha mẹ; lúc ấy muốn báo ân cho kẻ sinh dưỡng mình, thì cha mẹ đã không còn ở trên đời nữa!

Ba tôi mỗi lần nói thế, bao giờ cũng không giấu được hai giọt nước mắt rưng rưng.

Còn tôi, sau này mỗi lúc đi phố, nhìn những hàng gấm màu sắc u nhã, dệt hoa long, phụng hay chữ phúc, chữ thọ rất đẹp, tôi lại như người lên cơn say, cố mua cho bằng được. Nhưng sau khi mua rồi, mới ngẩn người ra, chợt nhớ mẹ còn đâu, mua áo gấm để gửi cho ai!

(Trích từ tập truyện Tàu ngựa cũ)

MẶC ĐỒ TÌNH THƯƠNG TRONG NGOẶC KÉP

Khi nhân viên cảnh sát hay tin bằng điện thoại ập tới thấy người con gái nằm sóng soài, úp sấp, chết nơi sân sau ngôi biệt thự, máu chảy một dòng từ miệng, một dòng khác từ lỗ tai bên trái có những sợi tóc lòa xòa che khuất. Người con gái tóc dài tới lưng, bận quần đen và áo cánh trắng. Theo gương mặt, tuổi người chết độ ngoài hai mươi, chưa tới hai mươi lăm. Gương mặt hiền, đồng bào phẳng phất trên nước da tái xanh của người con gái không quen mà đã chịu sóng gió bên ngoài gia đình. Sự chết chưa biến đổi bao nhiêu cái thân xác còn tươi. Những người trong nhà cho biết cô gái từ sân thượng lao xuống không hiểu vì nguyên do nào; vào giờ đó cô gái có những công việc phải làm, không lý gì bỏ lên chơi trên sân thượng đến nỗi hụt căng té chết. Cô gái là người làm công trong nhà.

Trước đó không đầy nửa

giờ, chiều tối, cô con gái bà chủ ngồi tiếp chuyện cậu bạn trai ngoài phòng khách. Chị bếp nghe chuông reng chạy ra mở cổng: ông chủ làm việc tại một thành phố miền Trung về chơi. lát sau có tiếng chuông reng nữa, chị bếp lại chạy ra: cậu Hai tình cờ cũng được nghỉ phép về. Bà chủ đang đánh bài tại một nhà gần đó hay tin chồng con cùng về chơi một lượt, bỏ cả bài, tắt tả, mừng rỡ chạy về.

Cả nhà tíu tít vui vẻ ngoài phòng khách. Cô gái, vì là người mới chưa hiểu công việc trong nhà, cứ yên lặng ủi nốt đồng quần áo hằng ngày. Chị bếp ở nhà trên đi xuống bảo cô gái hãy dẹp chuyện ủi đồ lại, chạy lên lo lấy nước hơi, ly, đá, có mấy chai rượu trong tủ cứ đưa ra tuốt, ông chủ, cậu Hai đòi uống rượu vui, bà chủ và cô Ba không uống rượu, lấy nước ngọt vài thứ đưa ra sẵn. Cô gái theo lời chị bếp rút dây điện, thu xếp bàn ủi và các thứ trên mặt bàn cho gọn rồi chạy lên nhà trên. Tò mò cô gái hé cánh cửa ngó ra phòng khách... Ba lần cô gái khựng lại, thò đầu ra rồi khựng lại, gương mặt hốt hoảng, kinh dị. Trong khi tiếng nói cười vui vẻ từ phòng khách vọng vào cô gái tính chạy xuống sân lại thôi. Một giây sau cô gái chạy vút lên cầu thang. Tiếng ồn ào vui vẻ ngoài phòng khách chen lẫn với một vài tiếng thốn thức nấc lên do cô gái hối hả chạy trên những bậc thang.

Chị bếp đang lúi húi lo bữa ăn đông người bất thường bỗng nghe thấy một tiếng rớt nặng, mềm ướt giữa sân sau, chị bếp ngoái cổ ngó ra sân, chưa nhìn thấy rõ, bước đúng hai bước về phía cửa chị bếp đã thấy rõ và bật một tiếng la bải hải. Nhà trên bật tiếng chuyện trò vui vẻ, mọi người theo nhau chạy xuống. Ông chủ nhanh chân tới trước nhất, vội chạy lại, ghé ngồi xuống, nâng đầu cô gái nằm sóng soài dưới nền xi-măng, ông chủ chăm chú ngó tới hai lần gương mặt cô gái mới thốt lên: “Ủa! Con nhỏ đó!” Như có một

sức hút kéo lại, cậu trai bạn của cô con gái bà chủ cũng lao tới quỳ một chân ghé xuống bên gương mặt được ông chủ nâng bằng một bàn tay và cũng la lên: “Trời ơi! Chị Vân!” Cậu Hai chậm chân đi tới sau lưng bà mẹ, nghe tên Vân cũng vội chạy đến, chỉ một thoáng giây ngó qua gương mặt cô gái chết người con trai bỏ nhào xuống đất ôm lấy cái xác, nước nở khóc không ra tiếng.

Ông đại úy cảnh sát, trưởng phòng Hình cảnh, cùng với một toán nhân viên khác tới sau toán cấp cứu chừng mười phút, khi nhận được điện thoại cấp báo. Nghe lời khai của chị bếp và của những người khác trong nhà ông đại úy đưa con mắt suy nghĩ ngó quanh một vòng rồi nói:

“Tôi rất tiếc phải mời tất cả quý vị về Quận. Giờ này tôi còn đủ nhân viên làm việc, chúng tôi sẽ chia nhau lấy lời khai của quý vị một lượt. Có phải chịu đói tới khuya xin quý vị cảm phiền, tôi phải làm nhiệm vụ của tôi.”

Đây là lời khai riêng của từng người trong nhà ngay buổi tối hôm đó tại quận cảnh sát.

oOo

Tôi tên là Y.Y.Y, 50 tuổi, nghề nghiệp làm bếp. Tôi ở làm cho ông bà chủ tôi đã hơn mười năm, cùng với một con nhỏ tên Lài, Nguyễn Thị Lài, nó vô làm sau tôi nhưng cũng được hơn sáu năm, tháng trước nó xin thôi việc để về lấy chồng. Còn lại một mình tôi phải làm cực quá, tuy ở nhà chỉ có bà chủ với cô Ba. Bà chủ cũng lo kiếm người phụ cho tôi nhưng kiếm không ra. Hồi này kiếm người làm không dễ như hồi trước. Cách đây đúng năm bữa tôi đi chợ Sài Gòn tình cờ gặp con nhỏ Vân. Nó không tính đi kiếm việc làm, trông nó hiền, dễ thương, xinh xắn, coi bộ có thể hợp ý cô Ba, cô Ba khó tánh lắm, người làm xấu xí không sạch sẽ cô Ba không chịu, tôi hỏi nó có muốn đi làm không. Con

nhỏ như vừa bị một chuyện gì khổ sở lắm cho nên hãi sợ hết mọi thứ, nó không tin tôi, cứ hỏi mãi có thật tôi rủ nó đi làm công ở trong nhà người ta hay làm công chuyện gì khác. Tôi bảo nó nếu cần kiếm việc, muốn làm thì theo tôi về nhà bà chủ, nếu bà chủ với cô Ba có ưng mới được chứ chưa chắc đã được làm, cứ vô nhà, coi nhà thì thấy là chỗ tử tế, không ưng bụng thì thôi tôi đâu có ép.

Nó theo tôi về nhà, bà chủ với cô Ba cũng chấp thuận nó, lương năm ngàn một tháng, bà chủ cho ăn ở, công việc phụ giúp tôi, nhưng đặc biệt lo sạch sẽ nhà cửa đồ đạc, giặt ủi, thể thối, thỉnh thoảng cô Ba sai vặt chạy đi mua cóc mua ổi. Con nhỏ có giấy tờ đảng hoàng, cha chết, còn mẹ, có một em trai đi học, quê ở Trảng Bàng, bà mẹ vẫn ở đó.

Vì nó là người mới, lại do tôi đưa vô, tôi có trách nhiệm, đêm tôi giữ nó ngủ chung với tôi, tuy con nhỏ Lài trước nó có chỗ ngủ riêng, tôi tính nếu xem chừng tin cậy được mới để nó ngủ riêng, vì nhà vắng chỉ có mấy người đàn bà, hồi này lòi thối lắm, ban đêm nó mở cửa cho trộm cướp vô thì sao. Nằm chung với nó tôi có hỏi chuyện nhưng nó chỉ nói sơ qua. Mãi đêm hôm qua thấy tôi thương nó thật tình như con nó mới cho biết nhà mẹ sa sút vì phải lo cho thằng em ăn học mà thằng nhỏ ở Sài Gòn tiêu xài quá, đua chúng bạn, lợi tức của nhà không đủ. Cách đây hai tháng thấy cảnh nhà quá thiếu mà đưa em lại hư, có người quen mượn ra Qui Nhơn coi sóc hai đứa nhỏ học tiểu học, được nuôi ăn ở, mỗi tháng mười lăm ngàn lương riêng. Con nhỏ nói với tôi có đi học tới đệ tam. Nhưng ra đó có xảy ra chuyện chi không vui nên phải bỏ về. Tôi cố gạn hỏi nhưng nó không nói, bảo rằng chuyện buồn chả nên nói. Tôi có hỏi tại sao không về Trảng Bàng với mẹ, nó nói vì mắc cỡ với mẹ, mẹ nó cứ ngăn không cho đi Qui Nhơn, nó không nghe, bây giờ

lỡ việc trở về nó mắc cỡ quá, thà đi làm ở Sài Gòn ít lâu có tiền gửi về cho mẹ còn hơn. Nó vẫn giấu chừa cho mẹ biết vụ thất bại ở Qui Nhơn.

Tội nghiệp không hiểu tại sao khi không nó té chết như vậy. Tôi không nghĩ là nó tự tử, vì suốt năm ngày nay có buồn, có vẻ hoảng hốt đôi lúc, nhất là ban đêm nằm cạnh tôi, nhưng nó không có vẻ gì muốn chết. Chính nó có nói phải ráng ăn uống cho khoẻ để làm việc được, có tiền gửi về cho mẹ. Ban chiều ông chủ với cậu Hai về, tôi ra mở cửa. Mắc lo bữa ăn thêm người, sợ không kịp, tôi mới bảo nó lên nhà trên lo rọu với nước uống. Nó vừa bỏ đồ ủ chạy lên không tới mười phút thì tôi nghe nó rớt cái bịch từ sân thượng xuống. Nó không có công chuyện chi phải lên tới sân thượng, lau cầu thang, lau sàn nhà ở phòng trên lầu hai thì có nhưng không phải lên tới sân thượng, phơi đồ cũng phơi ngay trên nóc nhà xe, giờ đó đâu có việc gì ở tận sân thượng. Từ năm bữa nay tôi dám chắc nó chưa hề bước ra chỗ sân thượng nữa.

oOo

Tên tôi là X.X.X., 49 tuổi, nội trợ. Nhà tôi đi làm việc ở tỉnh lâu lâu mới về, mọi việc ở nhà đều do tôi quyết định. Bao lâu tôi vẫn có hai người làm, một chị bếp và một nhỏ con gái lo công việc vặt. Chị bếp làm với tôi từ lâu. Tháng trước tôi cho con nhỏ kia thôi việc để về xứ vì lý do riêng trong gia đình của nó. Thiếu người làm tôi có kiếm người thế mà kiếm chưa được. Bữa thứ hai trước chị bếp đi chợ Sài Gòn có đưa về con nhỏ này, tôi thấy nó có giấy tờ đảng hoàng cấp tại Trảng Bàng, coi bộ dễ thương, tôi cho ở lại làm thử, lương tháng năm ngàn. Hồi này kiếm người làm là một chuyện rất mệt tuy không thiếu người xin làm. Ra chợ Sài Gòn kêu về cả chục người cũng có nhưng hiếm có

người làm tốt, cho nên khi thấy chị bếp nói gặp con nhỏ ở chợ tôi đã ngại không muốn. Để cho nó làm thử ít bữa thì thấy cũng được, vì vậy tôi mới giữ nó cho tới hôm nay.

Con nhỏ ngoan ngoãn, siêng việc, nhưng nét mặt hay buồn. Tôi nhận thấy có những lúc nó bình thường và có những lúc như nó muốn sụ xuống vì buồn. Tôi có nói với chị bếp và con gái tôi rằng con nhỏ có tâm sự gì buồn lắm, e rằng nó không làm được lâu. Hôm qua chị bếp có nói cho tôi hay con nhỏ buồn là vì muốn đi làm xa giúp đỡ má nó nhưng việc không xong phải trở về, nghe nói nó có được đi học tới hết đệ tam rồi vì nhà nghèo phải bỏ dở học. Gia đình chúng tôi rất quý những người có học, vợ chồng tôi có hai đứa con, mong mỗi chúng chăm chỉ học, đỗ đạt hơn ba chúng, không dè thặng Hai học hành dở dang tới tuổi động viên phải đi lính, con bé em có thừa khả năng, thừa phương tiện học hành, cũng ham chúng bạn ăn diện, dong chơi nhiều hơn là học. Tôi đang buồn vì con, nghe nói con nhỏ ham học mà nghèo không học tiếp được tôi thấy thương lắm, định bụng chờ cho nó làm ít lâu xem có thật là ngoan ngoãn ham học tôi sẽ giúp đỡ cho nó học lại, thấy nó có ăn học mà bắt làm việc cơ cực tôi không nỡ. Tôi có dặn chị bếp thử dò hỏi xem tâm sự của nó ra sao, tôi sẵn lòng giúp đỡ nếu nó cần.

Ngay từ trước khi hay biết con nhỏ như vậy tôi vẫn xử đối với nó như mọi người làm khác, hơn nữa tôi còn bảo chị bếp vì nó là người mới đừng bắt lo những công việc nó chưa quen. Trong năm ngày ở trong nhà tôi công việc gì đối với nó tôi cũng coi như đang lúc tập làm, tôi không hề rầy la một tiếng. Như tôi đã nói, công việc làm của con nhỏ khá chu đáo. Tôi có thể nói chắc ở nhà trên đối với tôi và con gái tôi cũng như dưới bếp đối với chị bếp, trong năm

ngày nay không có một chuyện gì xảy ra đến nỗi con nhỏ buồn mà phải tự tử như vậy. Vâng, tôi tin rằng nó tự tử, vì không lẽ gì vào giờ đó đang bận công việc mà nó lên chơi trên sân thượng để lơ tẻ chết. Tôi nghĩ rằng nó có ý định tự tử từ trước, gặp bữa đó chồng tôi, con tôi ở xa về cả nhà đang mắc tít tít nói chuyện, chị bếp mắc lo nấu ăn dưới bếp, nó nhân cơ hội cắt lên lên lầu, lên sân thượng mà lao mình xuống đất. Đó là ý nghĩ của tôi, nhưng tôi không thể giải thích tại sao con nhỏ lại chọn cách đó, muốn chết đâu có thiếu gì cách. Báo hại tôi, nó chết trong nhà tôi, ngay giữa sân, tôi sẽ phải lo cúng kiếng cách nào giải oan cho linh hồn nó. Tôi không biết mẹ con tôi có dám ở trong ngôi nhà đó nữa hay không, ngôi nhà vợ chồng tôi mua được đã hơn mười năm nay, đang sống yên ổn.

oOo

Tôi tên là V.V.V, 20 tuổi. Bữa chị bếp đưa chị ở mới về có tôi ở nhà, lúc đó khoảng hơn chín giờ, tôi mới ngủ dậy, đang ăn sáng ở bàn, tôi có nghe má tôi hỏi chuyện chị ta. Công việc ở trong nhà hoàn toàn do nơi má tôi định đoạt hết, tôi không bao giờ biết tới. Tôi chỉ đòi nơi má tôi một điều kiện là trong một gia đình đàng hoàng không thể có những người làm xấu xí què kệch, chưng diện một chút càng tốt nhưng vẫn phải giữ đúng vai trò người làm. Tại tôi đòi hỏi như vậy cho nên cho chị ở trước nghỉ cả tháng nay không kiếm được người thay thế. Tôi coi chị ở mới này đã có thiện cảm ngay từ đầu, trông chị ta xinh xắn, nét mặt dễ thương, tiếng nói cũng dễ thương, tôi chịu không được mấy người có máu đàn Thổ, tiếng nói khó nghe lắm. Má tôi trước khi nhận cho chị ta vô làm có đưa mắt hỏi ý tôi, tôi gật đầu chịu. Vì chị ta coi được, thể thôi.

Tôi đi vắng nhà hoài, công việc ở trong nhà chẳng mấy

khi tôi biết tới. Tôi có nghe má tôi hai ba lần khen chị ở mới với tôi, má tôi bảo chị ấy ngoan, siêng năng, biết giặt đồ rất sạch, ủi đồ thẳng nếp, chỉ có một tội là tại sao thỉnh thoảng nét mặt chị ấy buồn rười rượi, đôi khi có vẻ hốt hoảng sợ hãi nữa. Má tôi cho rằng chị ấy có tâm sự gì u ẩn. Còn lâu tôi mới quan tâm tới tâm sự của người khác, cho nên nghe má tôi nói tôi cũng biết vậy, không có ý kiến. Nuôi người làm trả lương cao cho người ta sốt sắng làm, mình là chủ chỉ cần công việc của người ta lo đầy đủ cho mình, còn tâm sự của người ta hơi đâu mình quan tâm. Với lại tâm sự của mình có ai biết tới đâu mà lo tâm sự của người khác.

Chiều hôm nay, anh bạn thân của tôi tới chơi từ lúc bốn giờ, má tôi mắc đánh bài bên nhà lối xóm, tôi ở phòng khách, cho chạy băng nhạc cùng ngồi nghe với bạn. Rồi ba tôi ở Qui Nhơn về, hai phút sau tới anh Hai tôi ở Huế cũng được nghỉ phép về tới. Tôi bảo chị bếp chạy qua mời má tôi về, cả nhà xum họp vui vẻ chưa được mười phút thì nghe tiếng chị bếp la dưới sân: “Chết! Người chết!” Chúng tôi hoảng kinh ào xuống sân sau thì thấy chị ở mới nằm chết đó. Tôi chẳng hiểu chi hết. Tại sao có thể chết dễ dàng như vậy được? Cuộc đời đáng sống lắm chứ, chuyện buồn nào mà chẳng qua đi, tại sao lại đi tìm cái chết, chết thê thảm như vậy mới lạ kỳ nữa.

Khi này tôi hoang mang chẳng suy nghĩ chi hết, chỉ tự hỏi tại sao chị ta lại chết như vậy. Tới đây ngồi suy nghĩ thêm tôi có thể cho rằng chị ta lên lên lầu, lên sân thượng chơi, rồi lơ té chẳng. Đứng trên cao quá có thể thấy choáng váng té được lắm chứ. Trên sân thượng có một lần tôi mở bum, chẳng đèn kết hoa nhưng không succès bao nhiêu, với lại lối xóm thấy làm ồn có phàn nàn với má tôi, sau này lại cấm nhảy, thành ra tôi không tổ chức lần nào khác trên

sân thượng. Hằng ngày chẳng ai lên đó, cả tháng chẳng ai đặt chân lên đó, trừ ra những khi ba tôi về, ông thấy không khí Sài Gòn ngột quá, buổi tối hay lên đó bắc ghế ngồi nói chuyện với má tôi.

oOo

Tôi tên là U.U.U., 26 tuổi, trung úy trừ bị trong quân đội VNCH. Cách đây chừng hai tháng, khi đó tôi làm việc tại một chi khu gần thành phố Qui Nhơn, nơi ba tôi là y sĩ trưởng một bệnh viện công. Thỉnh thoảng tôi về Qui Nhơn thăm ba tôi. Cách đây chừng hai tháng, tôi nhớ là một chiều chủ nhật, ba tôi mắc đánh bài mã tước với mấy ông bạn, không muốn ở nhà một mình, tôi thả bộ dạo chơi trong thành phố. Lát sau tôi ghé một quán nhỏ mang cái tên ngộ ngộ “Trăng Thu.” Trong một vùng ánh sáng nửa tối nửa sáng, có nhiều bàn nhỏ, ghế thấp, những người trẻ tuổi tụ họp từng bàn uống trà, cà-phê, bia chai hay bia hộp, hoặc những thứ giải khát khác, và nghe nhạc, những bản nhạc thời thượng, do những ca sĩ nổi tiếng hát và được thu băng.

Không gặp ai quen, tôi ngồi một mình uống cà-phê trong góc quán, đối diện với chiếc quầy nhỏ nơi thu tiền. Một mình tôi hút hết điếu thuốc này tới điếu thuốc khác, thả nông nổi chán phè của một chiều chủ nhật cô đơn qua khói thuốc, chờ sáng mai trở về đơn vị. Tôi không nhớ tại sao và từ một giây phút nào tôi chợt chú ý tới cô gái ngồi thu tiền ở trước mặt. Tôi chú ý tới một nét buồn kỳ lạ trên gương mặt cô gái. Không buồn cô gái đã có một vẻ hiền, ngoan, dịu dàng hiếm có, thêm nét buồn cô gái trở nên một thói nam châm thu hút những người con trai như tôi ngồi một mình đếm những giây phút qua đi chẳng có việc gì làm, chẳng có ý nghĩ nào vương vấn lâu trong đầu. Bảo rằng

đó là một thỏi nam châm rất đúng, vì lúc đó như có hẳn một từ trường giữa cô gái ngồi kia yên lặng và tôi cũng yên lặng ngồi đây. Mấy phút sau, biết rằng cô gái cũng để ý tới con mắt không dời của tôi, tôi đứng lên đi lại gần quày thâu tiền xin phép được nói chuyện với cô gái. Cô gái vui lòng. Câu chuyện lúc tối đó rất tầm thường, nhưng từ sau khi quán đóng cửa tôi đưa cô gái về chỗ trọ và chia tay về nhà tôi tin rằng đã có một chút gì ràng buộc giữa hai chúng tôi. Trên khúc đường vắng, cô gái cho biết đã bị lừa ra đây không phải để săn sóc hai đứa nhỏ mà để thâu tiền ở quán nước như tôi đã thấy. Bị lừa nhưng cô gái đành chấp nhận vì đã lỡ khăng khăng với mẹ đòi đi, với lại cô gái cũng cần mỗi tháng có một món tiền gửi về cho mẹ ở Trảng Bàng.

Sáng hôm sau tôi trở về chi khu nhưng chiều hôm đó tôi đã kiếm được cách xin phép quay lại Qui Nhơn. Chúng tôi lại gặp nhau. Bắt đầu yêu nhau, cô gái mà từ đó tôi thấy có quyền được gọi bằng tên riêng, Vân đã lần lần kể hết cảnh nhà cho tôi nghe. Vân mồ côi cha từ năm mười tuổi. Bà mẹ thừa khả năng nuôi dạy hai người con, Vân và Đức em trai Vân, vì ông chồng khi chết đi có để lại cho vợ con một vườn trái cây nhiều huê lợi tại Bình Dương. Trảng Bàng là quê bà mẹ, ông cha người gốc Bình Dương. Vì thuận tiện riêng, bà mẹ đưa hai con về quê ngoại ở Trảng Bàng, nơi đó bà mẹ được thừa hưởng một di sản ruộng đất cũng khá. Vườn trái cây ở Bình Dương là nguồn lợi tức chính cho ba mẹ con sinh sống thừa thãi. Lên trung học hai chị em Vân được mẹ gửi đi Sài Gòn ở nhà bà dì để đi học. Vân học hành rất ngoan, Đức mê theo thằng con trai bà dì, hai đứa chơi nhiều hơn học và tập được đủ thứ tật xấu, trong số có tật đánh bạc. Trong vòng có năm sáu năm trôi, nguồn lợi về vườn trái cây không đủ cho bà mẹ chi dụng và lần lần phải

cắt từng khu vườn bán đi. Tai hại nhất là những năm về sau Đức lớn lên càng ăn chơi hơn, tốn kém hơn, và đến tuổi động viên phải lo lót trốn lính. Trọn vẹn di sản của người cha để lại đã từ cái túi của cậu con trai bay đi hết.

Tới năm nay thì cả một mảnh vườn còn lại ở Trảng Bàng cũng qua tay người khác vì những vụ lo lót trốn lính của Đức. Vân phải nhận lời ra Qui Nhơn vì biết mẹ đã tới đường cùng không có cách nào có tiền sinh sống hằng ngày chứ đừng nói tới cung ứng cho cậu con trai phá của. Theo lời Vân, dường như hồi sau này Đức có cặp bồ được với con gái một nhà giàu ở Sài Gòn cho nên có thể tiếp tục ăn chơi không đòi hỏi quá nơi bà mẹ nữa.

Càng thấu hiểu hoàn cảnh của Vân tôi càng thấy yêu Vân hơn. Vân đã thuận một ngày nào đó sẽ để tôi đưa về nhà giới thiệu với ba má tôi và sau đó sẽ xin ba má tôi cho cưới Vân làm vợ. Sở dĩ tôi còn chần chừ là vì tôi biết rõ thành kiến trong gia đình tôi, nếu đưa Vân về nhà ngay lúc đó thì không giấu được ba tôi rằng Vân chỉ là một cô gái ngồi thuyền tiền tại một quán nước, nhất định ba má tôi không khi nào ưng một đứa con dâu với địa vị như Vân. Vân trở về Trảng Bàng rồi mới tính tới chuyện giới thiệu Vân với ba má tôi. Có một lần đề cập tới vụ Vân trở về Trảng Bàng, Vân có nói với tôi để Vân tính, nhưng coi bộ không tin rằng có thể chiều ý tôi được ngay. Tôi ngu dại không lường định được sự cần tiền nơi Vân như thế nào. Với lại nếu tôi có ngỏ lời muốn giúp, Vân chưa chắc đã chịu, tôi biết Vân nhiều tự ái lắm.

Nhân một dịp lên về Qui Nhơn gặp Vân trong chốc lát tôi đụng đầu với một ông anh họ cũng ở trong quân đội như tôi nhưng có thể lực lắm tại bộ tư lệnh quân đoàn. Gặp nhau cả hai chúng tôi cùng ngạc nhiên không ngờ cùng ở

một vùng mà không biết. Ông anh có hỏi chi tiết nhiệm vụ hiện thời của tôi. Tai hại cho tôi, một tuần sau tôi nhận được lệnh đổi về Huế, do sự can thiệp của ông anh họ, tướng làm vậy là vui lòng tôi. Nhận được lệnh tôi đâm bổ về Qui Nhơn kiểm Vân. Bà chủ quán cho biết Vân đã thôi không làm tại đó nữa, đi đâu bà không biết.

Về nhà để báo tin cho ba tôi hay vụ thuyền chuyển, tôi thấy ở góc bàn giấy của ba tôi một phong thư đề tên tôi. Thư của Vân. Trong bao thư còn một bao thư khác mang con dấu ty bưu điện Trảng Bàn. Vân viết vắn tắt trong thư nói rằng đã đứt ruột phải quyết định nhận đi làm việc tại một nơi xa để có thể vay trước một món tiền lớn. Đi xa như vậy tức là không bao giờ còn gặp lại tôi nữa, nhưng Vân không có cách nào khác, tôi cứ đọc lá thư của má mới gửi ra thì biết. Bà mẹ viết trong thư cho Vân biết Đức mới về nhà cho hay lỡ đánh bạc thua cầm thế mất chiếc xe honda của một người quen, bây giờ cần có một trăm năm chục ngàn chuộc xe, nếu chậm người kia thừa gởi, lòi ra vụ trốn lính thì nguy. Bà mẹ tính bán nốt căn nhà đang ở lấy tiền trả nợ cho Đức, số còn lại sẽ dựng một căn nhà nhỏ trên đất của một người bà con vui lòng cho cư ngụ.

Ý hẳn Vân đã không muốn mẹ phải hi sinh phần gia sản cuối cùng cho nên đã quyết định như vậy. Tôi bỏ cả một ngày hỏi thăm khắp nơi mà không sao biết được Vân đã dời Qui Nhơn để đi đâu. Phải đi Huế gấp theo lệnh, ra tới Huế công việc mới buộc tôi không thể nhất đán xin nghỉ phép mà về Sài Gòn để đi Trảng Bàn gặp bà mẹ Vân, thư của bà mẹ lại không ghi địa chỉ để tôi có thể theo đó mà viết thư. Mãi cho tới hôm qua, nhờ sự giúp đỡ của ông anh họ tôi mới xin được phép một tuần về đây với mục đích duy nhất là sáng mai đi Trảng Bàn. Không dè vừa về tới

nhà đã gặp Vân, gặp trong trường hợp thê thảm như vậy.

oOo

Tôi tên là T.T.T., 23 tuổi, sinh quán tại Bình Dương, trú quán tại Trảng Bàng, hiện đi học tại Sài Gòn. Chiều hôm nay tôi có mặt tại ngôi nhà xảy ra vụ tai nạn vì tôi quen với cô V.V.V. Trước kia có thể nói là hằng ngày tôi có mặt tại đó vì chúng tôi chơi thân với nhau. Trong khoảng hơn một tuần nay tôi không lại đó chơi vì có công chuyện riêng phải đi Trảng Bàng. Mới từ Trảng Bàng về lúc trưa, bốn giờ chiều tôi đã lại kiếm cô V., chúng tôi đang ngồi nghe nhạc tại phòng khách ba của V. về tới, sau lại tới anh Hai của V. cũng từ Huế vô. Chúng tôi đang nói chuyện nghe tiếng la dưới sân sau. Chúng tôi chạy xuống thì chuyện đã xảy ra. Tôi quen thân với gia đình của V. nhưng không bao giờ chú ý tới những chuyện trong nhà, tôi không có ý kiến nào về trường hợp đã xảy ra.

Tôi nhìn nhận nạn nhân đúng là chị ruột tôi, tên Vân. Tôi bạn đi học tại Sài Gòn rất ít khi về thăm nhà. Mới đây tôi hay tin chị tôi đi Qui Nhơn nhận săn sóc việc học cho hai đứa nhỏ tại một gia đình quen. Tôi không hiểu vì lý do nào mà chị tôi lại bỏ công việc ở Qui Nhơn về đây và đi làm công. Gia đình tôi không đến nỗi quá nghèo để chị tôi phải đi làm công như vậy. Tôi không có ý kiến về cái chết của chị tôi, có thể là tai nạn, có thể là tự sát. Buổi chiều khi tới chơi tôi không biết có chị tôi làm công tại đó, khi tôi tới chị bếp ra mở cửa cho tôi.

oOo

Tôi tên là S.S.S., y khoa bác sĩ, y sĩ trưởng bệnh viện Qui Nhơn, gia đình tôi để lại Sài Gòn vì có sẵn ngôi nhà và con gái tôi đang theo học tại Sài Gòn. Chiều nay tôi về thăm nhà, vừa về tới được chừng không đến nửa giờ thì xảy ra

vụ này.

Khi tôi chạy xuống tới sân sau nạn nhân đã tắt thở, từ trên cao hơn mười thước lại động đầu mạnh xuống nền xi-măng có thể chết tức khắc. Nâng đầu nạn nhân lên tôi đã kinh ngạc nhận ra đó là một bệnh nhân tôi mới chữa trị cách đây có mấy tuần lễ ngoài Qui Nhơn.

Một buổi sáng nhân viên ty Cảnh sát dẫn giải tới bệnh viện một người con gái bị buộc tội hành nghề mại dâm đang mắc bệnh hoa liễu nặng. Ty Cảnh sát gửi bệnh viện chữa trị cho người con gái với tư cách một can nhân, chờ khỏi bệnh sẽ được đưa qua bên tòa án. Khi đó tôi hoàn toàn không lưu ý tới một khía cạnh nào khác nơi người con gái ngoài nhiệm vụ chẩn bệnh rồi chữa bệnh. Chẩn bệnh tôi thấy người con gái mới bị mất trinh không lâu, đang mắc bệnh lậu mủ rất nặng, tình trạng sức khỏe tồi tệ vì xúc động thần kinh quá mạnh đồng thời trải qua một thời gian thân xác bị hành hạ quá sức chịu đựng của thể chất. Vì là một trường hợp bệnh trạng đặc biệt, có thể nói y sĩ tranh đấu từng giờ với tử thần, cho nên tôi đã bỏ rất nhiều công sức sóc cho người con gái đó. Sau mười ngày vừa lo chống vi trùng hoa liễu vừa lo gây lại sức khỏe cho bệnh nhân, hai công việc rất khó dung hòa, vì dùng một lượng trụ sinh rất mạnh cần thiết cho trường hợp bệnh thì hại tới tình trạng sức khỏe đã quá suy yếu, tôi đã cứu được người con gái. Từ ngày thứ mười trở đi, người con gái đã tỉnh táo hơn, tôi mới chú ý tới nét mặt, nhất là hai con mắt rất hiền từ, những lời nói lễ độ tự nhiên, những cử chỉ rõ ràng khép nép kín đáo, tôi lấy làm lạ tại sao một người con gái như vậy có thể là một con điếm sắp bị đưa ra tòa, tức là một thứ bị bắt nhiều lần không còn biện pháp ngăn cản nào khác.

Chú ý như vậy nhưng tôi là một y sĩ, y sĩ không có quyền

tò mò nếu bệnh nhân không nói và thấy không cần thiết cho việc chữa trị. Người con gái nằm bệnh viện đúng hai chục ngày, bệnh lậu mủ đã trị có thể nói là tuyệt nọc, chỉ còn tình trạng sức khoẻ mới khả quan, nhưng khả năng của một bệnh viện công ở tỉnh không cho phép giữ bệnh nhân ở lại thêm. Đúng như lời yêu cầu khi đưa bệnh nhân tới tôi đã trả người con gái lành bệnh cho ty Cảnh sát. Khi xuất viện, người con gái chỉ tới ngỏ lời cảm ơn tôi và cũng không yêu cầu tôi giúp đỡ một điều gì khác. Tôi yên ổn lương tâm một y sĩ, và vội quên ngay trường hợp đó.

Tới tối ngày hôm sau, ông biện lý vốn là bạn chơi mã tước tới gặp tôi tại nhà và hỏi thăm tôi về hồ sơ bệnh trạng của người con gái đó. Khi đó tôi mới tò mò hỏi thăm lại về trường hợp người con gái trên bình diện tòa án. Ông biện lý lấy tâm tín của một thẩm phán cho rằng đúng sự thật thì y thị là nạn nhân của một vụ mua bán và bội tín, mua bán và bội tín trên thân xác khổ sở của người con gái đó.

Từ Trảng Bàng người con gái bị lừa ra Qui Nhơn để trông nom việc học cho hai đứa nhỏ với số lương mười lăm ngàn đồng một tháng, được ăn ở không mất tiền, tiền chuyên chở từ Trảng Bàng ra Qui Nhơn và trở về do người mướn chịu. Tới Qui Nhơn không có học trò mà chỉ có công việc thu tiền tại một quán nước. Người con gái cần tiền giúp mẹ cho nên cũng vui lòng nhận. Công việc tạm êm xuôi trong vòng một tháng. Ông biện lý dùng chữ “tạm” là vì chẳng bao lâu sau khi tới Qui Nhơn người con gái đã được mục chủ quán dụ dỗ bán trinh cho người nhà giàu sẽ được một món tiền lớn, sau đó tiếp tục hành nghề mại dâm sẽ có thêm nhiều tiền nữa. Cô gái cương quyết không chịu, mục chủ cũng để yên, thỉnh thoảng lại tấn công nhưng vô hiệu.

Một tuần trước khi người con gái được đưa tới trị bệnh, y thị nhận được thư của mẹ từ Trảng Bàng cho biết phải bán nhà để lo trang trải công nợ. Vì thiết tha với ngôi nhà mẹ con sống từ lâu đầy kỷ niệm, người con gái đã trả lời bằng lòng đề nghị của mẹ chủ quán. Mẹ chủ quán đặt điều kiện cô gái chịu để cho một người có tiền phá trình và sau đó phải sống với người đó liên tiếp trong hai tuần lễ sẽ được tròn món tiền một trăm năm chục ngàn. Số tiền kiếm được đủ để giúp mẹ khỏi bán nhà, cô gái ưng thuận. Ngay hôm sau cô gái được đưa tới một tỉnh ở Cao Nguyên và trao trong tay một người đàn ông có thể lực tại đó.

Ông biện lý cho biết người con gái đã tử tử kể lại chi tiết cuộc đày đọa thân xác với một người đàn ông to lớn và vũ phu như một con trâu. Trên nguyên tắc, về phương diện sinh lý khi một người nam và một người nữ đã thuận tình ráp lại sống với nhau sớm muộn người nữ sẽ tìm thấy khoái cảm, cho dù lúc ban đầu có sợ hãi sự chung đụng. Đàng này sau một đêm và một ngày trong tay người đàn ông đó cô gái chỉ thấy hoảng sợ đến độ kinh hãi la hét mỗi khi người đàn ông tới gần. Kết cuộc, người đàn ông có thể lực nổi giận đuổi cô gái ra khỏi nhà. Thảm thương cho người con gái là thoát khỏi vòng ông chủ lại rơi vào tay lũ gia nô, chúng thay phiên nhau hành hạ người con gái. Địa ngục kéo dài trong vòng năm ngày thì nội vụ đến tai một người cũng ở trong vòng thể lực của người đàn ông kia nhưng có tình thương và tư cách nghĩa hiệp. Người này đứng ra can thiệp để giải phóng cho cô gái.

Đã sa vào địa ngục lại chẳng được một đồng bạc nắm trong tay cho đỡ tủi, cô gái cũng đành, cố cứu lấy mạng sống. Nhưng người đàn ông nhiều thể lực không biết nghe lời lũ gia nô ra sao đã cho người đuổi theo tới Qui Nhơn và

cô gái đã biến thành một gái điếm đáng đưa ra tòa lên án. Vì tình trạng sức khỏe thảm hại của cô gái cho nên mới có vụ đưa tới bệnh viện.

Ông biện lý có bàn với tôi nên giải quyết vụ người con gái đó cách nào. Chúng tôi ngồi nói chuyện với nhau rất lâu. Tất cả vấn đề thu gọn vào một điểm: người con gái có đứng ra tố cáo nội vụ hay không. Ông biện lý cho biết đã chỉ vẽ cho cô gái biết nên làm và phải làm như thế nào và ông biện lý hứa tận tình giúp đỡ, nhưng cô gái đã từ chối, chỉ xin ông biện lý giúp đỡ cách nào để có thể trở về Trảng Bàng với mẹ. Cả hai chúng tôi thật tình đều muốn vụ mua bán đen tối đó phải được làm cho ra lẽ, nhưng suy nghĩ chán chúng tôi đi tới kết luận cứ nên chiều theo ý mong của cô gái là hơn hết, lương tâm chúng tôi có không yên nhưng cô gái sẽ yên và đó cũng là điều cô gái mong ước, lương tâm chúng tôi ít nhất cũng được cái có đó che đậy. Hai chúng tôi đã dễ dàng giúp cho cô gái có được mấy cái quần, mấy cái áo thay đổi (khi trở về Qui Nhơn cô gái mất hết những gì đã có trừ bộ quần áo trên người), chút tiền dận túi và một giấy máy bay Qui Nhơn - Sài Gòn.

Tôi xác nhận người con gái làm công trong nhà tôi mới chết và người con gái tôi đã gặp ở Qui Nhơn đích thị là một. Nhưng tôi không thể hiểu tại sao đã về tới Sài Gòn người con gái đó không về Trảng Bàng với mẹ lại đi làm công và tại sao chiều hôm nay đã tình cờ té lầu mà chết hay nhảy lầu tự sát ngay trong nhà tôi.

oOo

Đọc hết tờ biên bản và những lời khai, ông đại úy trưởng phòng Hình cảnh gấp tập hồ sơ lại, nói với cô thư ký ngồi ở bàn kế bên, cô thư ký ngơ ngác không hiểu, ông đại úy như nói một mình:

“Tất cả những người có liên quan tới cô gái trong vụ này đều có biểu tỏ tình thương với cô gái. Nhưng bấy nhiêu tình thương đã không kéo được cô gái ra khỏi hoàn cảnh khốn khổ. Đặt bên thân phận cô gái, tình thương giống như một món trang sức đáng bày giữa hai ngoặc kép.

Xét hồ sơ này nhiều phần chắc là ông biện lý sẽ truyền xếp, điều tra bổ túc sẽ đụng phải những vách núi thể lực. Nếu ông biện lý là một người làm văn học nghệ thuật, với hồ sơ này ông ấy có thể soạn được một vở kịch, dựng lên một tuồng hát, hay quay thành một cuốn phim, cùng lắm cũng viết được một truyện ngắn, truyện của xã hội bây giờ.”

MAI THẢO CỬA SAU

12 giờ đêm

Chàng yêu nhất là cái hình bóng lay động thấp thoáng của những chùm lá, dấu vết duy nhất còn lại của đời sống trên một vùng bao la mênh mông nín thình, khi con đường khuất néo sau chợ Phú-nhuận đó, lúc chàng trở về, chỉ còn là một mặt nhựa khép kín nằm với đêm giữa hai dãy nhà thấp đã tắt ngấm đèn lửa và đóng chặt mọi cánh cửa. Đêm. Đêm trong vắt, đêm lững lờ, đêm như một con mắt đăm đăm sát gần và phóng lớn đến vô tận, đêm của thứ đêm riêng, đêm của riêng chàng, vừa bắt đầu, lúc này, lúc này chàng đã trở về. Chiếc taxi đậu lại cách nhà chàng một quãng xa, đèn pha lóa lên, vệt ánh sáng xoay tròn về một hướng đối nghịch chàng đứng lặng nhìn chiếc xe trở đầu và mất hút. Trí nhớ, tan loãng, nhận chìm theo nó mờ ghi nhận chập chờn đeo bám hững hờ vào thần trí lãng đãng suốt dọc

đường trở về, ngồi thu mình trong một góc xe và ném một cái nhìn gần như e sợ bàng hoàng ra cảnh vật chung quanh. Đêm chỉ còn chàng với nó, thành phố buông màn không còn gì đáng thấy, chàng bàng hoàng e sợ là vì thế, suốt một ngày chàng nhòa vào đám đông, lẫn vào tiếng động, chàng không có, nhưng đêm tới, và bóng hình chàng hiện lên và đêm là một tấm gương, nó dồn đuổi chàng suốt một ngày chạy trốn ở những vùng ngoài nó tới trước nó, và như thế, không bao giờ lẫn tránh được. Trí nhớ nhòe. Người tài xế nào? Mỗi đêm một người tài xế khác. Chiếc xe nào? Mỗi đêm một số xe một đời xe khác. Cái gáy y sần sùi, những ngón tay y đặt trên vành bánh, một khuôn mặt mơ hồ và trông nghiêng, lữ cây cối lữ lượt lùi ngược, lối vào một nghĩa trang im lìm với những hàng thập tự mờ sương sau cánh cổng sắt, rồi con đường nhỏ lại, sự thu hẹp bất chợt của hai bờ án ngữ tầm mắt đánh thức chàng khỏi sự mơ màng bất động, chàng đã về gần đến nhà, và một đêm mới, một đêm riêng đã bắt đầu, và chàng chỉ còn nhớ được có thể, trước sự nhớ ra mới, nhớ ra chàng đã lại đứng trước hình bóng lay động của những chùm lá nơi đầu con ngõ tối đen. Đứng sững. Rồi đôi chân khởi sự bước. Qua một đồng rác, dưới những chùm lá. Khoảnh khắc, chàng không thấy mình đâu nữa. Cái ngõ tối thăm hút lấy chàng như một cửa hầm. Nghe thấy tiếng giày dội lên trong một âm thanh kỳ lạ. Ngủ thoảng thấy trong không khí, hương của một loài hoa đêm. Tôi đã đi hết con ngõ như một vô định mù lòa. Đến cuối ngõ là vùng ánh sáng cuối cùng và đôi chân tôi dừng bước lại, Tôi đã trở về. Với căn nhà của tôi, cái thế giới ấy của bắt đầu một đêm riêng tôi đối diện hoàn toàn với nó.

Tiếng khóa. Tách. Cánh cửa hé mở. Chàng đã lọt vào bên trong, và đêm trong nhà cũng sáng lên bằng một thứ ánh

sáng riêng. Ngọn đèn treo lưng chừng và chính giữa căn phòng khách. Chàng ném mình xuống chiếc ghế bành ôm ấp lấy thân xác mỗi một hai chân duỗi dài, đầu ngả vào thành ghế, và trong căn nhà này, trên cái ghế bành này, dưới làn ánh sáng lạnh lẽo, chàng dần dần tìm lại được chàng. Trí nhớ sắp xếp lại từ một tia hồng của mặt trời rạng xuống bên kia đường sau một gò mái cao. Như thường lệ, chàng ra khỏi nhà đã muộn. Gió đã mát từ ngoài đầu ngõ, nhưng chàng đã bỏ lại căn nhà nóng bỏng như một lò lửa. Dừng lại trước một sạp báo đầu phố, chàng ném tiền mua mấy tờ nhật báo cuộn tròn lại, và bước lên một chiếc cyclo. Người phu xe quen, y biết chàng ngày nào cũng ra đi vào giờ này, chàng đến đâu y cũng biết trước. Thành phố nhạt nắng. Bánh xe trườn lăn nhẹ nhàng đưa chàng qua những con đường nhộn nhịp, những ngã tư xe cộ nghẹn ứ, chàng ngồi ngả người để mặc cho chiếc xe hàng ngày đón đưa quen thuộc chở chàng đến nơi chiều nào chàng cũng tới đó.

Đó là một tiệm ăn. Một tiệm ăn nằm dưới chân một cây cầu xi-măng vắt qua dòng sông ở khúc ôm vòng lấy thành phố như một cánh tay âu yếm. Từ ngày hai người gặp nhau, chàng đã chọn nơi chốn nhất định này để chờ đợi nàng. Bàn chàng ngồi kê gần một khung cửa sổ có những chùm hoa đỏ chói rủ xuống, những chùm hoa thật mùa hè, nổi bật lên nền xanh thẫm bao la của trời chiều, mỗi cánh hoa, có một vẻ đẹp bất tử không yên tâm do nơi buông rủ rớt đọng lưng chừng của hoa, và qua những cánh đỏ như từng điểm tựa cho tầm mắt, chàng thu được vào cái nhìn toàn vẹn cái hiện tượng phơi phới rực rỡ là dòng sông trước mặt chảy qua. Những buổi chiều yên tĩnh hơn những buổi chiều khác, gió từ bãi thấp vượt qua những chân cầu và con đường thoai thoải đổ dốc phả đến tai chàng nhịp điệu

luân lưu rì rào của nước xuôi dòng, âm thanh vấn vương
ôm ấp triền miên không dứt của nước gợn sóng sánh
vào bờ cỏ chàng không nhìn thấy được từ chỗ này. Thời
gian đợi chờ, như nước của dòng sông trước mặt, trôi chảy
êm đềm, hoà hợp với sự đợi chờ của chàng thư thái và
bình yên. Nàng có thể đến chậm. Dăm, mười phút. Nhưng
chưa lần nào nàng không tới. Nàng bảo chàng tình yêu là
không lỗi hẹn bao giờ, lời này, nàng nói, bằng một giọng
thật nghiêm trọng, chàng nghe, mỉm cười và nín thinh.
Cuộn tròn mấy tờ báo trong tay, chàng lững thững đi vào
tiệm ăn vắng người, và phải mất công một chút trong sắp
đặt thế ngồi làm sao cho nàng có thể nhìn thấy chàng từ xa,
khi nàng từ phía bên kia bờ sông đi sang. Tà áo bay múa
trong gió chiều, nàng đến. Cái bóng dáng thanh thoát trên
cây cầu cao cắt vạch lên nền trời, nàng tới. Những chùm
hoa đỏ màu đỏ chói chang của mùa hè, chỗ ngồi gần cửa sổ,
trước cái khăn trải bàn trắng phau tinh khiết không một
vết bẩn, bãi cỏ xanh nõn thoai thoái đổ xuống một dòng
sông với những sóng nắng trùng trùng gợn gợn, nụ cười
sung sướng của nàng khi hai người thấy nhau, tiếng chân
nàng bước êm ở sau lưng khi một cánh cửa vừa mở ra và
đóng lại; cảm giác ấm áp tỏa ra khắp cùng thân thể, khi từ
phía sau, bàn tay nàng đặt nhẹ trên vai, đó là buổi chiều
của chàng, hạnh phúc duy nhất của chàng, với riêng nó,
chàng được sống và không suy nghĩ. Chàng thường theo
dõi từng bước một, khi nàng từ bên kia cây cầu hiện ra
và đi sang. Lúc nàng kéo ghế ngồi xuống trước mặt chàng,
chàng cũng ít nói như lúc nàng chưa tới, như lúc nàng lớn
dần, rõ dần, đẹp dần và thực dần trước tầm mắt trên cây
cầu chàng nhìn từ dưới thấp nhìn lên. Cảnh trí tiểu thuyết.
Không khí hoang đường, thơm tho, ngọt ngào và im lặng

lớn. Phải thế là tình yêu? Cái đang có và đang mất, đang tới và đang qua, một buổi trưa dịu dịu trong ca dao, niềm rung rung của một giọt nắng vàng, nổi hắt hiu của một màn mưa thoáng? Suốt một đời người, như mọi người, chàng đi tìm kiếm tình yêu, như đi tìm màu đen thăm thẳm kỳ lạ của một đài hoa khép kín, lối đi nhỏ chưa khám phá ẩn chìm dưới cỏ hoang ngút ngàn một cánh rừng vĩ đại, điểm lân tinh sáng muôn đời nơi rốn biển mịt mù, sự rung động không phải chỉ nơi cửa trái tim, mà phía bên trong kia của cánh cửa đóng kín, căn phòng thơm hương của một thạch động ngoài đời và bí mật. Riêng tây, không phân giải được, nhịp vờn đầy dịu dàng, sự lãng quên thần thánh, một búp ngà muốt trên làn mi rủ xuống, ngồi với nhau không nói, gần gũi đây nhưng một đời xa vắng, đó là tình yêu, trạng thái trong vắt và khoan thai của sự chết trong huy hoàng rực rỡ tỏa lan bao trùm và chiếm ngự dần dần. Chàng yêu như thế, sự rớt động lưng chừng đầy hoài nghi của chùm hoa đỏ treo hẫng trước khung cửa có dòng sông vàng nắng chảy qua, một chiều nào và câu trả lời là buổi chiều nay, một nơi chốn nao và câu trả lời là chỗ này, khăn bàn trắng muốt, không khí động hồ chạm nhẹ vào làn khói thuốc như một tơ chỉ trắng vút, chùm hoa đỏ này và khung cửa sổ này, nơi chàng vượt hết một phần thành phố tới đây, ngồi đợi chờ nàng hiển hiện trên cây cầu và từ từ đi tới. Chỗ này. Chỗ này. Và không thể ở một nơi chốn nào khác. Chiều nào, chàng cũng muốn giữ nàng ở lại đây với chàng thật lâu, mãi mãi, cùng nhìn buổi chiều xuống trên bãi cỏ thăm màu đầy dòng sông xa và sâu hơn, cho tới khi những vì sao thứ nhất mọc lên, cho tới khi những hình thù gần gũi cũng nhạt nhòa cùng bóng tối, cho đến khi chung quanh đã trở nên hoàn toàn xa lạ, khi đó chàng tận hưởng

một im lặng kỳ diệu khác thường, và giọt sương hoa kia cũng đọng dần, đọng dần thành một giọt lệ hân hoan.

Nhưng mà cuối cùng rồi hai người vẫn phải đứng lên. Và nàng đã tới nhà chàng nhiều lần, nàng đã ăn ở với chàng bao nhiêu lâu, chàng đã là một đường quen một nẻo thuộc với nàng, nàng với chàng cũng vậy, và nàng không muốn, kéo dài mãi những buổi chiều mơ mộng và lãng quên như thế. Chúng ta phải trở về. Tình yêu phải khác đi. Nó phải là một đưa tới. Anh ngồi với em đây, nhưng tình yêu theo nàng còn phải là đêm nay và buổi sáng ngày mai.

một giờ sáng

Đã một tiếng đồng hồ trôi qua. Rời khỏi cái ghế bành, nơi đêm nào lọt vào tới trong nhà, chàng cũng đến ngồi ở đó một lát, nghe đêm yên tĩnh ở chung quanh và để cho trí nhớ nhạt nhòa sáng rõ trở lại, chàng đứng lên, đi từ buồng khách vào phần trong của căn nhà. Ngăn chia bởi một bức tường phần trong này so với căn phòng khách bỏ lại ở ngoài là một thế giới khác, bé nhỏ, tầm thường và thân mật hơn. Chàng cởi quần áo, vắt trên một thành ghế, chống tay đứng nhìn quanh quất. Đêm mênh mông và đêm đang đi qua. Chàng châm một điếu thuốc hút một hơi thật dài, dụi tàn thuốc nơi cái gạt tàn đặt trên cái bàn gỗ cũ, đã long một chân, nơi mỗi buổi sáng nàng vẫn đứng chải đầu khi chàng còn ngủ thiếp, nàng dậy thật sớm, nàng mở cửa sau và nàng bỏ về lúc nào chàng thường không hay, khi chàng trở dậy, cánh cửa sau mở ngỏ và căn nhà trống không buồn bã. Lúc này, chỉ có mình chàng với căn nhà, và chàng đứng đó, tần ngần, ngó nhìn quanh quất. Thấy đều cũ kỹ. Chàng yêu lắm, sự cũ kỹ đó. Cái bàn cũ, tỳ tay xuống, thân rung lên. Mấy cái mắc áo treo trên một hàng dây thép, dưới cái ống máng kẽm chạy dài mà những ngày

mưa lớn, nước xối qua những kẽ thủng ào ào khiến cho nền nhà cũng lênh láng ướt sũng như khoảng sân nhỏ là cái diện tích lộ thiên duy nhất và tận cùng ở phía sau. Nàng vẫn đứng chái đầu ở đây, ngó ngó nghiêng nghiêng trước tấm gương hình chữ nhật, bàn tay nàng lùa đẩy mái tóc óng ả, cử chỉ đó thật đẹp, thật đàn bà là của riêng nàng, và chàng quay lại, nhìn chàng, khuôn mặt chàng phản chiếu gương. Soi gương, lúc một hai giờ sáng, sau một cơn say và một buổi tối choáng váng trở về, cái nhìn thấy về mình lạ lắm, chàng mở lớn đôi mắt và tự nhủ thầm. Sống mũi, đôi mắt, vàng trán, của ai đây? Ta. Nhìn thêm: sự khẳng định đã trở thành một hoài nghi chớm nhú. Không phải, chàng lại nhủ thầm mặt chàng lạnh lùng đứng đưng không một thoáng gợn lặn chìm của cảm giác, chàng đưa bàn tay lên bịt kín lấy khuôn mặt đàn ông nào đó trong gương, và cúi đầu đi qua một khung cửa thấp, ra khoảng sân sau. Nước lạnh làm chàng tỉnh táo. Chàng nhận chìm thật lâu khuôn mặt chàng trong làn nước mát, nhắm nghiền mắt lại mà nghe thầm cái âm thanh luân lưu dạt dào, nhịp vỗ đầy mơ hồ không dứt đó của một dòng sông. Khi ngừng đầu lên vò nước chảy lướt thướt trên người, tự bao giờ, những vì sao đêm đang trầm ngâm ngó xuống. Người đàn ông đứng bất động thật lâu, hai cánh tay duỗi thẳng theo thân, và đêm, đêm mênh mênh, đêm lặng lẽ nhìn người. Tôi yêu những cái lủi thủi, những cái hắt hiu, những cái nhỏ mọn, những cái chẳng ra sao, những cái chẳng thành hình. Đêm. Đêm. Chàng thở dài thật nhẹ và trở vào nhà tắt đèn đi.

ba giờ sáng

Nàng đến. Nàng đến và kim đồng hồ trên tay chỉ đúng ba giờ sáng. Như thế này là nàng đi muộn hơn mọi đêm về trước, những đêm trước nàng tới sớm hơn, đôi khi

nàng phải ngồi ngoài phòng khách đọc sách, hoặc để đèn sáng trong buồng ngủ, đợi chàng trở về. Đến muộn thế này cũng phải, đêm cuối cùng mà, nàng tự nhủ thầm khi chiếc xe thả nàng xuống sát ngay đầu ngõ. Nàng rảo bước thật nhanh qua con ngõ tối đen, nhưng khác với chàng, đi hết con ngõ, nàng không đứng lại trước cửa vào phía trước, mà men theo hông tường tay mặt, đi vòng về lối cửa sau. Nàng là người duy nhất vào nhà chàng bằng lối cửa sau này. Cửa khóa ở ngoài. Chàng giao chìa khóa cho nàng giữ. Như thế tiện hơn, nàng có thể đến lặng lẽ và tự nhiên, lúc nào cũng được, ngay cả những lúc chàng đi vắng, ban đêm nàng lại không làm phiền bận chàng nếu như chàng phải mở cửa cho nàng vào từ phía trước, vào bằng cửa sau như thế này hàng xóm chung quanh không hay biết, và sự đi về thắm lén như tạo được một cái gì nồng nàn và đắm thắm hơn nữa cho tình yêu. Nàng vẫn mặc cái áo dài buổi chiều khi nàng đi qua cầu đến gặp chàng ở tiệm ăn bên bờ sông. Nàng vẫn còn buồn bã và tức giận vì những lời nói gay gắt quyết liệt hồi chiều vẫn còn vang vang trong đầu óc, và bởi vậy mà nàng đã trở lại, lúc này thì kim đồng hồ trên tay nàng đã chỉ đúng ba giờ sáng. Đèn ngoài phòng khách buồng ngủ đã tắt, nhưng cánh cửa mở ra sân sao vẫn mở và đèn vẫn sáng trong căn nhà bếp. Cái áo, cái quần của chàng vắt trên thành ghế kia. Chàng về từ lúc nào. Nàng xô ghế đứng lên, trong giây phút mất hẳn bình tĩnh, nàng đã lỡ tay hất đổ ly nước vỡ tan trên nền đá hoa, chàng ngồi lại, nín thinh trên ghế nhưng sau phút nàng bỏ đi rồi chàng đi đâu, làm gì cho hết buổi tối, chàng về nhà với ai hay chàng về nhà một mình? Phải tìm được ngay, tức khắc, trả lời cho câu hỏi này. Theo một thói quen rất đàn bà, trong bất cứ một trường hợp nào cũng không bỏ được, nàng bước mấy

bước và đứng lại nhìn nàng trong tấm gương. Khuôn mặt này của tôi là một khuôn mặt đau đớn, trông mắt trong gương kia là một vùng yêu mê chân thành, và cái ý nghĩ đang hiện hình kia là ý nghĩ về một tan vỡ chừng như thế nào rồi cũng phải xảy đến và nó đã xảy đến đêm nay. Thật không ngờ. Sự tan vỡ dễ dàng và mau chóng thế? Nàng chỉ đòi hỏi chàng điều mà người đàn bà nào cũng đòi hỏi ở người yêu sau một cuộc tình đắm thắm đã kéo dài và không thể ở yên trong tình trạng cũ. Chàng muốn gì? Nàng phải hỏi, phải bắt chàng trả lời. Ít nhất cũng một lần, Rời chỗ đứng của nàng trước tấm gương, nàng mạnh bạo đi lại phía buồng ngủ, mở mạnh cánh cửa và bật đèn.

Nàng định nói thật lớn, nhưng nàng không nói được nữa và nàng nhìn. Chàng đang ngủ thật say. Nàng đến và chàng không hay biết gì hết. Trên mặt đệm phẳng phiu chàng nằm nghiêng, quay mặt vào tường, một cánh tay hơi co lên bàn tay hững hờ trong không khí; chàng ngủ, bần bật, đoán thấy nét mặt phẳng lặng khép kín, nhịp thở liên tục đều hòa. Lần đầu tiên, nàng ngó thấy chàng ngủ, như thế này, một mình dưới ánh đèn, trong khi nàng đứng đó, cái bóng in nghiêng lên một vì tường và cũng là lần đầu tiên, nàng bàng hoàng vì thấy chàng xa lạ, chàng xa lạ quá chừng, chàng hoàn toàn xa lạ, như nàng mới thấy chàng lần đầu và không hay biết gì về chàng hết. Không, chàng không thuộc về nàng. Chàng chưa bao giờ như thế hết. Hơi thở đều hòa kia, những sợi tóc bò lan trên gáy, cánh tay và thân thể và da thịt kia không bao giờ thuộc về nàng. Hiện hữu chói chang và bất động với ánh đèn ấy dội đập vào nhận thức thẳng thốt của nàng sự cách biệt và riêng tây một đời của nó. Một đời. Đời nàng và đời chàng nàng hằng nghĩ tới bằng nước mắt, bằng tiếng cười, bằng ái ân hoan lạc

nồng nàn, bằng những râu chuối mơ mộng triền miên đắm đuối như một hòa nhập lý tưởng và tận cùng không chống cưỡng được của định mệnh, hòa nhập đó chỉ là hư ngụy và ảo tưởng, nàng và chàng chỉ là hai bờ lưng tiếp giáp, gần gũi đó nhưng sự kế liên đã mang hình ảnh và ý nghĩa của muôn trùng và nghìn dặm cách chia nhau? Thế còn kỷ niệm, kỷ niệm của những đêm nàng tới đây, tâm hồn thơm hương, của những buổi chiều qua cầu gió bay tà áo, chàng ngồi đó đợi chờ nàng dưới chùm hoa đỏ như những trái tim bé nhỏ thắm thiết của mùa hè, dòng sông rục rĩ vắng, bãi cỏ vàng đáng chiều, tâm hồn nàng dào dạt hân hoan, và chàng cũng vậy chứ, bao nhiêu kỷ niệm, làm sao cho hết, bao nhiêu sợi dây hồng quấn quýt, cái bước hoa hương đó của kỷ niệm ràng buộc lớp lớp từng từng đã đứt tung từng mắt hay sao? Nàng gặp chàng lần thứ nhất trên một chuyến xe đò từ miền Tây về Sài-gòn. Buổi chiều vàng bụi. Phấn nắn lung linh, lúa đồng dào dạt. Chàng nhìn sang nàng và chàng mỉm cười. Hạnh phúc hé cánh từ một hoài nghi kỳ thú. Tình yêu nổi lên như một dòng sông xanh trên từng bờ kỷ niệm có dần, và nàng với chàng cùng nổi chìm giữa một dòng lướt thướt. Kỷ niệm. Những đêm nàng tới đây, hương của loài hoa đêm đón bước chân nàng nơi mở vào con ngõ tối đen, chiếc chìa khóa chàng giao cho nàng như một bằng chứng của ưng thuận tận cùng, ưng thuận cho nàng được làm chủ, được chia sẻ, được có mặt, nàng mở cánh cửa sau nhà, nàng bước vào trong nhà, ra sân sau rửa mặt dưới vòm trời sao, trở vào thay quần áo. Và một lát sau, nàng đã vén nhẹ cái mùng, mặt đệm đón đỡ lấy thân thể nàng nóng rẫy ngã xuống. Chàng cựa mình tỉnh thức, chàng hơi còn buồn ngủ một chút, em đẩy ư, bàn tay chàng tìm kiếm và bắt gặp nàng mau chóng trong bóng tối đầy

đặc hoa mắt. Nàng trả lời bằng lăn áp vào chàng, tiếng cười của hai người trong thân mật kể liền trợn lăn rồi là giấc ngủ mệt mỏi thần tiên lúc tảng sáng. Đôi khi nàng thiếp đi trong thoáng nghe thấy như một xôn xao mơ một tiếng thùng quấy nước tiếng chân người lạt sạt trong tinh sương khô khan ngoài hẻm nhỏ sát hông tường nhà là nơi nàng đến với chàng trong đêm. Đã tỏ đường đi. Đã thuộc lối về. Đã vào đời nhau. Đã những chiều tình nhân, đã những đêm vợ chồng. Nàng còn nhớ được mãi cái cảm giác thư thái ấy của những buổi sáng nàng thức giấc và ra khỏi giường trước, nàng di động thoải mái trong căn nhà còn đắm chìm trong yên tĩnh, từ buồng trong ra buồng ngoài, từ buồng ngoài ra sân sau. Buổi sáng trải rộng. Nàng dư thừa thì giờ. Nàng đứng chải đầu thật lâu trước tấm gương, nhìn ngắm và yêu mến, hơi thẹn thùng một chút, nhưng sung sướng biết chừng nào, những dấu nếp mệt còn lẳng đọng nơi khóe mắt là dấu tích của trận tình dữ dội đêm qua. Cảm giác sung sướng kéo dài thên thang khi nàng mặc áo, mở cửa buồng ngó vào để thấy chàng vẫn bần bật ngủ say, sau đó, nàng khép cánh cửa sau lại, đi ra với những lòng đường bên ngoài đã chan hòa ánh nắng. Những buổi sáng ở nhà chàng về, nàng muốn hót như chim, muốn xanh như trời, trong nàng con suối nhỏ của tình yêu róc rách thủy tinh, nàng vừa đàn bà biết bao nhiêu và cũng biết bao nhiêu ở nàng là sự trẻ trung dậy thì thiếu nữ. Trên hè phố nàng tiến những bước hồng. Dưới bóng cây, nàng đi từng điệu biếc. Nàng nhìn đám người đi đường, nàng muốn nói lớn với họ là tình yêu của nàng và của chàng tràn đầy hơn hết thầy mọi cuộc sống của mọi người cộng lại, và chiều nay tình yêu lại gặp nhau, và đêm nay, nàng lại đến.

Tại sao nàng đòi chàng thay đổi? Tại sao nàng đòi chàng đi

hơn một bước nữa, tại sao nàng muốn thực hiện một chiếm hữu hoàn toàn? Chàng trả lời một câu gì đó, mơ hồ không đúng với mộng ước của nàng. Thế là nàng đã tức giận, đã đi ra. Bây giờ, nàng trở lại đây lặng người trong ngắm nhìn trần trần chàng nằm đó, dưới ánh đèn, và bao nhiêu chi tiết chứa giấu của một sự thực chứa giấu nhất loạt và thành linh ngoi bỗng lên bề mặt. Không, bây giờ, chỉ bây giờ, chỉ giây phút này, trong đêm khuya, trong ánh sáng, trong chàng đang ngủ và trước nàng đứng đó, nàng mới nhận thức được, bàng hoàng vì thấu triệt là chàng chưa từng một phút thuộc về nàng. Lúc chàng ngồi chung một ghế với nàng trên chuyến xe đò từ miền Tây về Sài-gòn của lần gặp gỡ thứ nhất, buổi đi chơi với nhau ở vùng ngoại ô bên kia bờ sông của lần hò hẹn đầu tiên, những buổi chiều ngồi đối diện nhau trước cánh cửa sổ tiệm ăn chân cầu có những chùm hoa đỏ chói, trên mặt đêm, trong tay nhau, không một lúc nào, ở đâu, cảnh trí và trường hợp nào, chàng hoàn toàn thuộc về nàng. Mọi ý tưởng trái ngược lại chỉ là nhằm lẫn. Không ai thuộc về ai bao giờ. Không một cuộc đời nào là vĩnh viễn của một cuộc đời nào. Không. Không. Bây giờ nàng mới thấy, và sự mới thấy này, tuy mới chỉ là một thoáng sợ, một linh cảm, chưa phá đổ tan tành một thế giới. Nước mắt nàng chảy ra, ướt đẫm hai gò má. Nàng khóc không tiếng, nức nở. Rồi cuối cùng chỉ còn là một mớ kỷ niệm tàn héo. Và chỉ còn kỷ niệm là không còn gì nữa. Nàng muốn nói, vừa nói vừa khóc: đáng ân hận cho anh, cho em biết chừng nào. Ân hận. Phải, nàng đã, nàng đang ân hận rồi đó. Nàng biết hết thấy mọi cố gắng tuyệt vọng chỉ là vô ích. Con mắt chàng đôi khi nàng bắt gặp bất thần nhìn về một hướng khác, những khoảnh khắc im lặng bất thường khiến cho nàng lo âu và xao xuyến không đâu, mỗi lần nàng ra về trong đêm khuya hay trong buổi

sáng, chàng không một lần nào đưa tiễn nàng ra đầu ngõ, những lần gặp nhau ở tiệm ăn, khi nàng đứng lên, sự đứng lên của nàng đã là một chia tay, phút này nàng mới nhớ lại được hết thấy những chi tiết bé nhỏ đó, nàng quay đảo điên cũng trong cơn lốc choáng váng của tình yêu, nàng mù lòa không nhìn thấy, đến phút này mới đồng loạt hiện hình. Điều làm nàng đau đớn nhất không phải là nàng sẽ không bao giờ trở lại nơi này nữa, mà là sau tan vỡ là vĩnh biệt, cũng sẽ không có một chuyện gì ghê gớm và khốc liệt xảy ra đâu. Nàng sẽ trở về đời sống trước đó của nàng, hay nàng sẽ thay đổi. Chàng cũng vậy, nhưng không ai chết. Những người tình nhân sẽ gặp nhau ít lâu sau, trên thành phố này hay ngoài thành phố này hay một thành phố khác, trên một chuyến xe đò hay trong một tiệm ăn, sẽ cùng bất ngờ một chút, nhưng sẽ lấy lại được bình tĩnh và nụ cười, hỏi thăm nhau một vài câu, chào, rồi đi sang hè phố bên kia. Và chuyện cũ chỉ còn là nhánh hoa mùa hè đỏ chói ấy buông rỏ bất động trên một thành cửa sổ nào. Nàng vẫn nhớ chứ. Mỗi lần nhớ có thể vẫn là một lần nhỏ lệ. Chàng cũng vậy. Dấu vết vẫn còn như kỷ niệm không bao giờ vụn toàn và vĩnh viễn thuộc về nhau. Nàng nhìn chàng ngủ say một lần nữa, rồi tắt đèn. Căn nhà tối thẫm. Bóng nàng đi ra lẫn vào đêm tối.

năm giờ sáng

Thân thể chàng thoạt đầu chỉ cảm thấy mong manh và chập chờn như một bức tường khói mỏng, tiếng động ngu ngơ thứ nhất đầu ngày chạm tới và đi suốt qua, không ngăn giữ lại. Tiếng động đó phảng phất như tiếng thờ dài tàn phai của một vì sao nào vừa rụng xuống ở một cuối trời nào. Rồi chàng tỉnh thức dần dần, và nghe thấy rõ hơn nhiều tiếng động khác kế tiếp nổi lên, bên ngoài cánh cửa sau, trên con đường men theo hông nhà đoán

thấy còn nhờ nhờ bóng tối. Bà lão già người Nam vẫn sáng sáng quấy nước cho chàng đã từ ngoài máy trở về. Tiếng chân người trong ban mai chìm chìm, cùng với tiếng nước sóng sánh trong đôi thùng va chạm lạnh canh. Đôi thùng và bước chân ngừng lại bên ngoài, ngay chính giữa cánh cửa sau mở rộng. Trong im lặng bất chợt, tiếng bà lão già, giọng đầy ngạc nhiên, nói với người chồng đã thức từ bao giờ trong căn nhà nhỏ sát đó:

- Ủa! Cửa sau nhà thầy Hai mở kìa.

- Thật hả? Giọng người chồng, khàn khàn.

- Mở mà!

- Vậy chắc là cô ấy đến hồi đêm và không đóng lại.

Bà lão hỏi :

- Cô ta đến hồi đêm sao?

- Đến hồi đêm. Đến thường mà, bà không biết sao?

Chàng trở dậy, đi ra cùng một lúc với bà lão già quấy đôi thùng bước vào. Chàng bật đèn. Chàng đứng trước tấm gương, và trong khi tiếng nước đổ ào ào vào chum ở sân sau, chàng nhìn thấy trên cái kệ thủy tinh gắn trước tấm gương, cái lược, ở đó còn vướng lại một sợi tóc dài, sợi tóc dài của nàng đã đến và bỏ lại. Đổ nước xong, bà lão quấy thùng đi trở ra. Liếc nhìn vào buồng ngủ của chàng, bà lão đứng ngẩn người. Một lát rồi bà lão hỏi nhỏ:

- Chứ cô đâu thầy?

Chàng đáp, không quay đầu lại:

- Về rồi. Bà đóng cửa vào cho tôi.

Chàng tắt đèn trở vào giường. Trời sáng dần. Chàng rũ chăn đắp lên ngang ngực, nằm quay mặt vào tường. Và ngủ tiếp. Trong giấc ngủ lại này, những chùm hoa đỏ đã tàn và một mùa hè đã đi qua.

NGÔ THẾ VINH NƯỚC MẮT CỦA ĐỨC PHẬT

Theo nhận định của Bộ chỉ huy Trung tâm Hành quân thì đã có dấu hiệu bất thường trong mức độ xâm nhập của địch. Bởi lẽ, thông lệ thì cứ mười ngày sau khi tung các đơn vị Dù vào tham chiến, sức đối kháng của địch quân đương nhiên phải giảm sút. Nhưng đặc biệt ở lần này, dù đã bước sang ngày thứ mười lăm, dù địch đã chịu nhiều tổn thất nặng, các tiểu đoàn bạn vẫn phải đương đầu với cường lực không có vẻ gì suy yếu của đối phương. Và tôi nghĩ đó là lý do chính đáng nhất để Liên liên đoàn rời khỏi Sài Gòn, di chuyển về miền Tây biên tham gia chiến dịch hành quân giải tỏa áp lực địch bao vây thị trấn Krek. Phải nói là chúng tôi hân hoan để ra đi, nếu không muốn nói là từng ngày chúng tôi chờ dịp những con thú hoang trở lại rừng già - những người lính Mũ Xanh về với vùng biên cương quen thuộc.

Được đào luyện với thứ khả năng thích nghi mọi hoàn cảnh, ở lần này chiến trường của chúng tôi sẽ là những khu rừng già ngoại biên nằm sâu trong lãnh thổ Cambốt. Nơi giăng mắc những trạm giao liên, nơi che dấu những kho tàng quân lương, nơi phân tán và ẩn núp những đơn vị cơ động có cả chiến xa của hai Công trường nổi tiếng 5 và 9 của Bắc Việt. Và nhiệm vụ của các toán thám sát, lẽ ra như từ bao giờ - nhảy vào lòng địch thu thập tin tức có tính cách chiến lược, phát giác kho tàng và bắt sống tù binh để khai thác, nhưng xem ra sau một tuần lễ hoạt động, bản chất của chiến trường mới mẻ này đã xô đẩy chúng tôi tới một nhiệm vụ khác, khó khăn và gian nan hơn. Đó là tạo những nút chặn bằng các toán nhỏ biệt cách, gây rối loạn ngay từ tuyến sau của các đơn vị địch quân. Nghiễm nhiên chúng tôi trở thành một thứ Kinh Kha mới của thời đại - một ra đi và rất ít hy vọng trở lại. Nhưng được cái ai cũng tin tưởng rằng vận may vẫn có thể xảy ra cho riêng mình, ý nghĩ đó cũng đủ sưởi ấm mọi hy vọng.

Từ mấy hôm nay, những trận pháo kích hỏa tiễn liên miên vào căn cứ xuất phát khiến tinh thần chúng tôi khá căng thẳng - lại thêm tin tức chạm địch dồn dập của các toán, tuy được mô tả là thắng lợi nhưng cũng phải trả bằng giá đắt là sự tổn thất nặng nề của hai toán ưu tú. Mới rời Sài Gòn, sự đổi thay khung cảnh đột ngột, tâm lý những người lính chưa sẵn sàng để đương đầu với hoàn cảnh nhiều khó khăn như thế. Nói chung tinh thần có phần giảm sút nếu không muốn nói là nao núng. Có lẽ đó là lý do khiến tôi sau hai năm về nắm đại đội Xung xung kích, tự thấy tới lúc phải tình nguyện trở lại nhảy toán - để gây một không khí hứng khởi mới cần thiết cho đơn vị. Ông trung tá đã chấp thuận lời yêu cầu của tôi với nhiều do dự. Điều mà ông e ngại, có

phần dị đoan, là sự trở lại của các trường toán cũ - thứ điều hâu rất dễ bị gãy cánh.

Là gốc người Công giáo, tuy không nhiều mê tín như ông, nhưng cũng đã từng sống và chứng kiến sự rủi may của chiến trận, tôi không thể không tin một số điềm và cả ở sự bén nhạy của linh tính báo hiệu sẽ xảy ra điều bất trắc. Cũng bởi lẽ đó, tôi đã từ chối xâm nhập lần cuối trước khi rời toán, sau khi hai trường toán khác đã bị bắt hay mất tích ở trường hợp tương tự. Vậy mà ở lần này, sau một thời gian về liên đội, tôi đã gần như quên điều cấm kỵ để trở lại nắm toán - cũng lại là một cái dớp rất khó trở về, điều đã xảy ra cho một liên toán trưởng rất nổi tiếng khác. Và có lẽ còn một lý do thầm kín khác mà ở phút này tôi mới chợt nhận thấy là thời gian ở Sài Gòn đã làm tôi chán nản. Tôi muốn tìm lại kiêu hãnh và nhựa sống đã chìm lắng, trong men say của cái chết.

Lệnh hành quân thay đổi vào phút chót. Toán sẽ xâm nhập sớm hơn một giờ vì lý do thời tiết có thể mưa to vào lúc xẩm sẩm chiều. Toán 81 được dẫn vào phòng thuyết trình, với phần trình bày kế hoạch thật vắn tắt. Khác hẳn những cuộc hành quân thám sát nội địa - ở lần này không có bóng dáng một cố vấn Mỹ hay thông ngôn. Cả phi hành đoàn cũng hoàn toàn Việt Nam, ngoài tuổi trẻ và gan dạ, họ chưa có kinh nghiệm nào về bản chất những cuộc hành quân Điều hâu thám sát. Ở bước cuối Việt hóa, thực sự người Mỹ đã muốn rửa tay gác kiếm. Và bằng cách này hay cách khác họ đang cố rút chân ra khỏi vũng lầy Đông Dương. Ngoài đủ loại vũ khí tối tân là của họ, ở lần này chúng tôi thực sự chiến đấu đơn độc. Họ đã khôn ngoan dừng lại ở bên này lằn ranh giới. Vậy thì những khối lửa đổ vỡ ở bên kia chẳng phải là trách nhiệm của họ. Và hiện

giờ đối với đơn vị chúng tôi, phần tham dự của họ chỉ là sự có mặt nhàn hạ và rong chơi ở hậu cứ. Giữa cái không khí căng thẳng và sôi động của chiến cuộc, họ là kẻ đứng bên lề - vẫn thản nhiên ngồi chơi bài, xem báo *Playboy* hay tập thể dục thẩm mỹ, cùng là khán giả vô tư của chúng tôi qua các tin thắng trận hân hoan hay những tang thương tổn thất.

Và rõ ràng người Mỹ đã thực sự lùi bước. Phải chứng kiến những căn cứ doanh trại Mỹ bỏ lại tan hoang mới thấy sự ra đi của họ là “vội vã”. Và mỗi ngày từ trực lộ của mặt trận Tây Biên, lũ lượt từng đoàn xe Sao Trắng với kèn còi cùng những súng đạn, đang rút về hướng đông theo ngã Sài Gòn. Với trên xe là hình ảnh lam lũ của những chú GI’s tóc dài râu rậm, thở khói cần sa - với vẻ mặt hân hoan của cuộc tháo lui vinh quang. *Kill For Peace*, đó chỉ còn là những âm thanh trống rỗng. *Blood Sweat and Tears*, những hàng chữ trên nòng từng cỗ đại pháo Howitzer như bị bụi đỏ xóa mờ chìm đắm. Cũng như sự chìm đắm ý nghĩa của cuộc thánh-chiến không-thánh-giá, đã bị lấm lem bởi những phanh phui tài liệu mật ở tòa nhà Năm Góc hôm qua...

Toán sẵn sàng ở phi trường. Ông trung tá đưa chúng tôi ra tận phi cơ. Đích thân ông sẽ bay trên tàu chỉ huy CNC. Ở những lúc nguy nan, sự hiện diện của ông trên vùng trời hoạt động là mối an tâm cho nhiều người - qua những kinh nghiệm và sự trầm tĩnh cùng cách gỡ rối lớp lang bằng những quyết định dứt khoát. Phi đoàn trưởng cho biết lại thêm một Slick hư ở giờ phút chót. Vấn đề kỹ thuật bảo trì của không quân Việt Nam chắc phải trải qua nhiều năm nữa mới đạt tới mức tiêu chuẩn.

Tuy cố kìm hãm, tôi vẫn nhận ra vẻ thoáng giận trên nét mặt ông trung tá. Như vậy chúng tôi sẽ không có tàu cấp

cứu, chỉ còn một CNC, một tàu thả và hai Gunship tức trực thăng võ trang.

Sớm hơn một tiếng trước giờ H, những cánh quạt gió đã khóa mù bụi đỏ. Đoàn tàu bốn chiếc nối đuôi nhau bốc khói phi đạo, đi vào đội hình ở cao độ ba ngàn bộ và trực chỉ hướng tây bắc. Bầu trời cực trong xanh và không mây. Không có dấu hiệu của một thời tiết sắp xấu. Những ô ruộng loang loáng nước. Ngọn núi Bà Đen ở phía xa đằng sau - hiện diện như một làm lơ của hóa công, một dị dạng của địa hình châu thổ - trơ trụi nhô lên từ mặt phẳng xanh đồng bằng. Ngọn núi chứa đựng nhiều kỳ bí và huyền thoại. Nơi của muỗi độc, sốt rét rụng tóc và của những trận đánh kinh hoàng. Nơi còn vùi xác của những đồng bạn ở cuộc hành quân cách đây bốn năm trước. Những đêm trăng rừng còn như in trong óc, trăng ở Bà Đen cũng mang bộ mặt xanh xao như bị ngã nước sốt rét. Trên chiếc nón rừng đã cũ bạc vì phong sương năm tháng, tôi có ý tìm lại địa danh này - ngọn Bà Đen nằm cạnh những Daksut, Polei Kleng, Mai Lộc, Ashau, Khe Sanh, Bunard, Pleime... và cả mấy chục tên quen thuộc khác. Nơi nào cũng đã vài lần trải qua và để lại ít nhiều kỷ niệm xương máu. Trong suốt chiều dài và rộng của lịch sử, tuổi trẻ Việt Nam đã được nuôi sống bằng những gieo trồng tang thương và nổi chết. Tuổi đó không tính bằng năm tháng mà bằng những đổi thay không gian cùng với gót giày chiến binh của họ - đã và đang còn dẫm nát từng ngọn cỏ xanh còn sót lại trên quê hương yêu dấu.

Lấn trong tiếng động cơ và gió lùa qua thân tàu, người trung sĩ toán phó hỏi tôi - Hồ xám, bao giờ đến lượt tụi em nhảy xuống Nam Vang. Trước những phút chờ đợi nghiêm trọng này, tôi chỉ có thể im lặng và mỉm cười. Rằng có thể

có một vụ tổng công kích kiểu Mậu thân xảy ra ở Nam Vang, cần được chúng tôi tới giải cứu. Nhưng xem ra yếu tố nhân tâm đã hoàn toàn thất lợi khi chúng tôi bước chân vào xứ Chùa Tháp này. Không khí thù nghịch nghi kỵ bắt nguồn từ một ám ảnh lịch sử. Ở lần vượt biên đầu tiên, cùng với đại quân ào ạt tiến sâu vào lãnh thổ Miên, trong một khung cảnh bom đạn tan hoang của làng xóm, trong một ngôi chùa tháp đổ nát, người thầy Cả Miên, tức vị sư già thông thạo tiếng Pháp đã nghẹn ngào ứa nước mắt nói với tôi: “Thật là đại bất hạnh cho dân tộc Khmer chúng tôi, họ chẳng có thể có một lựa chọn nào ở cả hai phía người Việt...”, “*How sad to be a Cambodian*”, đó cũng là tựa đề thăm thía của một nhà báo Mỹ khi đề cập tới cuộc chiến đang lan rộng sang lãnh thổ Cambốt.

Đến trạm Thiện Ngôn đoàn tàu phải đổi hướng bay vì làn khói đen bốc lên cao ngút với rất nhiều tiếng nổ phụ từ phía dưới đất. Trại bị pháo kích trúng hầm xăng và kho đạn, đám cháy dữ dội vẫn kéo dài từ buổi sáng.

Không phải chỉ có những trận tao ngộ chiến mà chiến cuộc còn kinh hoàng hơn bằng những trận địa pháo và hỏa tiễn. Ở đó con người chẳng thể định đoạt được gì ngoài sự chấp nhận rủi may như một định mệnh. Bây giờ đến lượt thằng Lượng lên tiếng:

- Kiểm được hầm 122 ly, ráng chạy cho em cái cánh gà nghe Hồ xám! Nó là thằng hạ sĩ lâu năm nhất kể từ ngày tôi còn ở dưới toán. Cốc vào cái đầu trọc lóc, tôi nói như hét to vào tai nó:

- Không những có cánh gà mà còn thêm biệt công bội tinh nữa. Đó là thứ huy chương cao quý nhất dành cho những chiến tích lập được ở ngoại biên hay ngay giữa lòng địch. Nó đã hai lần được gắn loại biệt công này. Trong rừng, nó

xuất sắc và lì lợm nhưng phải cái tật phá phách ba gai khi trở về thành phố. Nó vô địch cả về huy chương lẫn nhiều ngày phạt nên sáu năm mà vẫn chưa ngoi lên được cấp trung sĩ. Lại vẫn nó lên tiếng: Kỳ này về mà vẫn chưa có cánh gà cho phép em đào ngũ nghe Hồ xám? Nó tin cậy tôi để có thể nói trước ý định đó. Nhưng tại sao vẫn chỉ là câu nói đùa và tôi bỗng thấy vẻ thất thần rất khác lạ trên khuôn mặt không vui của nó. Không lẽ ở lần này nó... Tôi thầm nghĩ và cố gạt ngay ý tưởng quái gở đó ra khỏi óc. Để tránh các ổ phòng không, đoàn tàu bay trở lại theo ngã quốc lộ. Chỉ là con đường đất đỏ thẳng băng như mũi tên lửa phóng sâu vào lãnh thổ Cambốt. Lũ lượt từng đoàn xe GMC vận tải, chất đầy quân lương và đạn dược, ùn ùn lên tiếp tế cho mặt trận đang đung nóng ở Krek.

Sau khoảng 15 phút bay, có lẽ chúng tôi đã ra khỏi nội địa, vì từ đồng ruộng xanh dưới kia đã nổi bật chiếc mái cong, kiến trúc đặc biệt của những ngôi chùa tháp. Làng xã không mấy khác làng xã của Việt Nam nhưng kang trang hơn. Những mái nhà ngói đỏ san sát, xen lẫn những mái tranh xám. Ngọn khói lam của buổi chiều, lũ trẻ nhỏ và đàn trâu bò về chuồng. Khung cảnh nên thơ của một khoảnh đất Á châu còn chút thanh bình kia liệu sẽ còn kéo dài thêm được bao lâu nữa hay thực sự đã qua rồi sau mười lăm năm tài tình đu bay trên biển lửa của ông hoàng Sihanouk. Đàng Đàng xa về phía nam, nắng chiều rắc vàng trên giòng Cửu Long bao la đầy cá và phù sa. Chập chùng là những cánh rừng cao su tiếp nối với rừng già. Cũng đã hiện ra những ngôi làng trơ trụi bỏ hoang với từng dãy hố bom B52 cày nát. Không còn dấu hiệu người và sinh vật ở dưới đó. Lại như một Dakto, Khe Sanh hay Sơn Mỹ của Việt Nam? Bom đạn giữa những người Việt đã xô dạt

những người Khmer kia đi về đâu? Cả xứ Chùa Tháp này đi về đâu? Trong cái mệnh mang của cơn say lịch sử, có ai nghĩ được rằng cuộc chiến đang diễn ra giữa những người Việt lại có thể xóa nhòa một nền văn minh Angkor cổ kính. Và trong cái hoang vu lạng lẽ của buổi chiều tàn, giữa ngôi làng đổ nát kia, tôi tưởng tượng rằng vẫn còn một người đàn bà không rõ mặt mũi vẫn ẩn nhẫn ngồi ôm đứa con ru cho bú. Phải chăng vẫn còn hình ảnh an ủi tuyệt đẹp và ngàn năm của ý nghĩa tồn sinh nhân loại. Đó là sự sống thách thức và cũng là tha thứ bao dung đối với cả cuộc chiến tranh dài đằng đằng và vô ích này, với những tàn phá vô tri của bọn đàn ông và khí giới bom đạn. Ưu tư liệu có giúp được gì cho chúng tôi ở những giờ phút này, khi mà mọi sự đã chuẩn bị sẵn sàng và chúng tôi chỉ có việc thụ động thả mình vào trong cuộc. Cambốt bây giờ đã trở thành một thứ đấu trường mà chỉ có người Việt là những tên giác đấu hung hãn với võ trang là mâu thuẫn ý thức hệ và cả sự u mê. Từ ba mươi năm điều mà chúng tôi không tự biết - là mọi suy tư của mỗi người Việt đã được điều kiện hóa, để họ không còn thấy nhau. Nói chuyện với người tù binh cộng sản Bắc Việt, tôi đã không thể tưởng tượng được rằng giữa người Việt, nói tiếng mẹ đẻ nhưng chúng tôi đã không còn chung một ngôn ngữ. Không phải chỉ bởi súng đạn mà chính những bế tắc tinh thần đã khiến chúng tôi không còn khả năng suy diễn một điều gì. Đầu óc chỉ còn là một khối chất xám vừa nát, để chỉ còn là thụ động chấp nhận - như một định mệnh, đi vào cuộc chém giết vô tri giác. Còn lại chẳng, là thốn thức một trái tim Việt Nam chưa đổi khác, không còn biết hân hoan mà chỉ còn chung một nỗi hận thù đau đớn... Ý thức sáng suốt rằng khoảnh khắc nữa đây, chúng tôi sắp từ cửa trực thăng nhảy xuống

đất Miên, cùng với tin thời sự tổng thống Mỹ Nixon sắp sang Bắc Kinh rồi Mạc Mạc Tư Khoa chuẩn bị cho một giai đoạn giải kết, để rồi chỉ còn sự đối đầu thù nghịch trơ trẽn giữa những người Việt, như một chia lìa lịch sử, một thảm cảnh không thể tránh. Tách khỏi đội hình, giảm dần cao độ, chiếc tàu thả chênh choáng trên những ngọn cây. Không có bãi đáp, chúng tôi sửa soạn xuống bằng thang dây. Mọi giác quan tinh nhạy trở lại, tất cả sẵn sàng phản ứng. Và chúng tôi đã sẵn sàng ở vị thế tấn công. Sẽ chẳng còn phân biệt nào trên đấu trường. Không có đối thoại giữa súng đạn. Và chỉ còn những người Việt anh dũng - hai phía, tự nguyện đem thân làm đuốc hâm nóng cuộc chiến Đông Dương.

oOo

Liệu phải cần bao nhiêu trang sách để nhắc tới những chiến tích lẫy lừng của các anh hùng vô danh này. Ngay từ phút vừa đặt chân xuống đất, hoạt động suốt 96 giờ của toán 81 là một thiên anh hùng ca rực rỡ. Một hỏa ngục cho những người trong cuộc còn sống sót. Chiếc tàu thả bị bắn ngay trên bãi phải vọt lên cao, vội vã mang theo một toán viên còn móc trên thang bị tử thương. Lẽ ra phải bốc toán trở về ngay sau đó, nhưng theo lời yêu cầu của trưởng toán, bộ Chỉ huy chấp nhận cho họ tiếp tục thi hành kế hoạch giao phó với năm người còn lại dưới bãi. Với sáu lần đựng địch nặng, họ vẫn phục kích hiệu quả một đoàn xe Molotova bốn chiếc và hủy diệt thêm một cỗ đại pháo. Họ đã hoạt động xuất thần và hoàn tất nhiệm vụ tốt đẹp trên cả sự mong ước. Nhưng họ đã gần như kiệt quệ ở giờ thứ 96 - toán chỉ còn lại có hai người, mất cả xác đồng bạn, chỉ còn lại một trưởng toán bị vết đạn xuyên bàn tay và một trung sĩ bị thương nặng ở ngực. Học vẫn cố tử thủ với súng cá nhân và chính là lựu đạn. Trong nhiều tiếng đồng hồ bị

bao vây, mà địch quân quyết bắt sống, họ đã bẻ bẻ gãy ba đợt xung phong và gây tổn thất nặng về nhân mạng cho phía địch quân. Nhưng rồi họ cũng bị tràn ngập. Tiếng nói cuối cùng của họ trong máy là: - Địch quân tràn lên quá đông... Và sau đó bộ Chỉ chỉ huy hoàn toàn bị mất liên lạc với toán.

Điều hoàn toàn không may đã xảy ra với toán 81 lúc đó. Kế hoạch cứu toán đã không thể thực hiện được vì thời tiết xấu làm tê liệt mọi hoạt động của không lực. Và khí hậu chỉ bình thường trở lại hai ngày sau. Ở điều kiện có thể sớm nhất, mọi phương tiện được huy động cho cuộc cấp cứu. Để suốt 72 giờ nỗ lực tìm kiếm vô vọng trong khắp cả vùng hoạt động, sau những phối kiểm tin tức từ nhiều phía, bộ chỉ huy đành đi tới kết luận: toán 81 được coi như hoàn toàn mất tích nếu không muốn nói là đã bị tiêu diệt một cách anh dũng. Để cứu vãn tình thế và cũng thể theo lời yêu cầu của Phòng Ba Trung tâm Hành quân xin được oanh kích tự do - với sự chấp thuận của bộ chỉ huy. Chỉ có sáu tiếng đồng hồ sau, đã có ít nhất là bốn phi tuần B52 được xử sử dụng trên vùng, với hàng ngàn tấn bom để biến cả khu rừng thành biển lửa, đủ thiêu thành tro bụi xác những đồng bạn và nhất là hư vô hóa mọi tham vọng chiến thắng của địch quân. Nhận xét từ những bức không ảnh kiểm chứng, một phi công thuộc toán Pink Team Hoa Kỳ đã phải thốt lên: - Lại mới thêm một tiểu sa mạc Arizona trên Cao Miên đất lún! Riêng hiệu quả hoạt động của toán 81 một lần nữa được xác nhận bằng tài liệu: một công điện mật do sư đoàn Dù bắt được của địch khi khai thác mục tiêu oanh kích của B52, công điện của đơn vị K30 gửi Công trường 9 hỏi về sự hiện diện của một đơn vị địch không rõ quân số đang hoạt động từ tuyến sau của họ. Hơn thế nữa

với sự hoạt động phá hoại của các toán thám sát nói chung khiến Trung ương Cục R phải phổ biến một bạch thư tố cáo những hoạt động của các toán biệt cách mà họ gọi là những Tổ Gián điệp, xuất hiện ngay trong các an toàn khu để gây rối. Và phần sau của cuốn bạch thư là những biện pháp hướng dẫn để các đơn vị đề cao cảnh giác.

Và cũng không xa Cục R bao nhiêu về hướng Đông Bắc, sau bảy ngày thất lạc trong hoang vu của rừng già, có hai bóng ma lờ mờ được vào một ngôi làng đổ nát, người được cõng trên vai gần như đã chết. Và suốt trong đêm hôm đó tại một ngôi chùa Miên bỏ hoang, có một người lính Công giáo Việt Nam kiệt quệ và đau khổ, quỳ gối bên xác một đồng bạn, mắt nhắm lệ hướng lên vẻ mặt an tĩnh của Đức Phật thành tâm cầu nguyện cho linh hồn người bạn xấu số sớm được giải thoát. Và bên ngoài trời cơn mưa bão vẫn tràn trề. Gió lung lay cả đêm dài vô minh đang bao trùm khắp Á châu lục địa.

Krek, Cam Bốt 1971

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN CÓ MÙA XUÂN ĐÃ PHAI NÀO

Tôi nói với lũ học trò, hôm nay là buổi học cuối cùng, cô cho các em nghỉ. Ai có trò gì vui thì biểu diễn cho cả lớp xem rồi về ăn Tết. Lũ trẻ la hét om sòm. Hoan hô cô. Cô hát cho tụi em nghe đi. Cô đau cổ, đau tận trong cái cuống họng này, không hát được. Em nào tình nguyện lên hát? Con gái hát trước. Con trai hát sau. Những cái đầu, chân tay, ngó ngoáy bên dưới làm tôi muốn chóng mặt.

Buổi chiều bắt đầu bằng sự yên lặng mênh mông ngoài cánh đồng phía xa. Chiếc xe đồ cũ sơn nửa vàng nửa xanh quen thuộc băng qua ngoài lộ, chạy về phía quận lỵ.

Tôi nhìn thấy những đám cỏ bám um tùm bên lề đường bay giạt trong hơi khói của chiếc xe nhả ra, và sương mù hình như cũng đã lã đãng đây đó.

Những căn nhà biệt lập bên kia dòng sông sau những giậu tre vàng óng

trong cơn nắng cuối cùng. Mấy ngọn dừa vươn cao đứng im hay có gió rung, tôi không biết được, chỉ nhìn thấy những tàu lá đen in hằn trên nền trời xanh mờ đục.

Con sông nước đỏ đầy ắp, lấp lánh những chiếc vảy bạc, vài đám bèo và cành khô giơ lên làm dấu nước chảy.

Thưa cô, tại sao con gái lại được hát trước?

Thưa cô em chỉ biết bài “Ghen” có được hát không?

Nó ghen với ông “Đại Số” đấy ạ.

Ông Trần “Cung Oán” chứ.

Ông “Đại Số” và ông Trần “Cung Oán” là hai người bạn đồng nghiệp dạy toán và quốc văn của tôi. Vậy thì tội nhỏ này lếu láo.

Nó muốn nói gì tôi đây?

Em nào, em nào vừa nói biết bài “Ghen”?

Lũ nhỏ lại xôn xao một phút rồi im.

Trần, anh giảng “Cung Oán Ngâm Khúc” say mê đến độ chúng đã ghép cho anh cái tên ấy.

Anh có say mê tôi như bài giảng của anh không?

Lũ nhỏ im bặt. Vài đứa tái mặt. Tôi chắc đó là những đứa vừa to mồm nhất.

Thằng Oánh đứng lên nhận, thưa cô em.

Nó là thằng bảnh trai nhất lớp. Ở cái trường trung học tỉnh nhỏ này, bọn học sinh gần như không thua gì tuổi chúng tôi. Oánh chắc kém tôi chừng năm sáu tuổi gì đó. Tất cả các con mắt đổ dồn vào nó. Rồi chúng lại quay qua nhìn tôi, chờ đợi.

Cô không biết bài ấy thế nào, nhưng hôm nay là ngày nghỉ, cũng có thể có ngoại lệ. Vả lại, dù cô không cho em hát thì đó cũng là bài em đã thuộc.

Cô đừng cho nó hát. Bài ấy bậy lắm.

Tôi không hỏi ý kiến ai, đừng làm ồn.

Thằng Oánh nhìn sững tôi. Đây là lần thứ nhất nó nhìn tôi như vậy. Hấn nhìn và có vẻ muốn để tôi biết hấn nhìn tôi như vậy.

Tôi nói, em có thể hát bài em thích, nếu không có em gái nào chịu lên hát trước.

Lũ nhỏ lại ồn lên như cái chợ.

Oánh nói, đó là một bài thơ, em xin đọc bài thơ.

Tiếng ồn ào phản đối, xin hát thì phải hát chứ.

Tôi phải gõ chiếc thước kẻ xuống bàn, im hết, im hết. Không được ai la nữa. Sao em xin hát bây giờ lại đòi đọc?

Oánh nói, thưa cô em không xin, chỉ hỏi thế thôi ạ.

oOo

Tôi nghe trong giọng nói của hấn một sự lấp liếm muốn nuốt những đại danh từ tự xưng với tôi. Hấn đã muốn tránh, tôi sẽ bắt hấn phải thốt ra.

- Có phải em muốn chọc giận tôi không?

- Thưa cô, không.

- Vậy em muốn gì đây?

- Thưa cô, muốn hát.

- Muốn hát?

- Dạ, muốn hát. Nhưng không có giọng. Nếu cứ cố hát sợ cô cười.

Hấn đã làm tôi không nhịn được cười thật. Mặt mũi hấn ngô nghê khi hấn nói với tôi. Lũ trẻ tròn xoe mắt nhìn Oánh. Thấy tôi cười ngặt nghẽo, chúng ngó tôi. Chúng càng nóng lòng chờ hồi kết cuộc.

Tôi nói, thôi em ngồi xuống. Tôi sẽ nghe em hát ở nhà. Bây giờ em nào khởi đầu cuộc vui?

Những đứa khác lần lượt đứng trên bục hát.

Những câu hát nhiều lúc tôi lắng nghe cũng không thể nào nắm giữ được ý nghĩa. Không biết chúng học ở đâu mà

thuộc lắm thế. Những giọng hát không âm nhạc nhạt nhẽo, quê mùa, ước sững một thứ tình cảm bơ vơ, giả tạo. Đêm như chiếc khăn đen mỏng phủ trên mặt những ruộng lúa. Hai con mắt thiếu ngủ cay sè, tôi phải giơ tay lên dụi.

Tôi nói, thôi cảm ơn các em, cho các em về. Cô gửi lời chúc Tết gia đình và chúc các em một cái Tết vui vẻ.

Lũ trẻ ra khỏi lớp mặt mũi hớn hở. Vài đứa còn quanh quẩn ở lại. Chúng muốn chúc Tết tôi, chắc vậy.

Tôi bảo, thôi khỏi chúc Tết cô làm gì. Các em cứ về đi. Cô ở lại một chút sẽ về sau.

Tôi muốn ngồi lại một mình trong lớp để nghĩ. Tôi mệt và nghĩ về nhà trọ lúc này cũng buồn. Cái buồn này chỉ thấy rõ vào những chiều cuối năm.

Tôi nhớ lại khuôn mặt lũ trẻ và thằng Oánh. Ba má nó đã cho tôi ở trọ từ ngày tôi được đổi về trường này. Tôi được dành cho một buồng nhỏ trên gác có cửa sổ trông xuống khu vườn.

Vườn trồng cây ăn trái và những cây kiểng kê ở gần chân tường. Đó là một căn nhà hai tầng nhỏ, có giậu cây bao bọc chung quanh, như hầu hết các căn nhà trung lưu miệt lục tỉnh. Nhà có một mặt rào ăn thẳng xuống sông. Đó là chỗ tôi có thể bơi lội những buổi chiều mùa hè, mặc dầu tôi biết, việc tôi mặc đồ tắm bơi lội như thế đã làm ông bà chủ nhà e ngại, nhưng vì nể tôi họ không dám nói ra. Vả chẳng, bao giờ tôi cũng mặc áo choàng ra đến bờ sông và chỉ bỏ ra khi nhào xuống nước. Điều tôi áy náy không phải là hai người này mà chính là cậu con duy nhất của họ, thằng Oánh.

Tôi đã thấy nó nhìn nhìn lên tôi một lần trên gác, từ phía cửa sổ căn buồng bỏ không đối diện với phòng tôi. Hẳn được dành một căn buồng riêng ở dưới nhà ngang. Nhưng

thỉnh thoảng tôi vẫn thấy hắt lảng vảng lên căn buồng đó, không biết để làm gì. Hắt lén lên đó và hình như sợ tôi biết. Hắt đi lại rón rén và lục lọi nhẹ nhàng các đồ vật. Cử động của hắt làm tôi liên tưởng tới những con mèo? Đêm đêm mò mẫm trên nóc nhà và nhiều khi hắt làm tôi ghê gai hết cả người.

Một buổi chiều chủ nhật, ngủ trưa dậy, tôi định xuống vườn chơi, nhưng còn ngại nắng, nên bước ra bao lơn nhìn xuống, tôi thấy hắt ngồi tựa mình trên chiếc cột đá cổng vườn, chỗ bờ sông, dáng điệu hệt như tôi vẫn thường làm. Tôi có cảm tưởng đã có lúc hắt nhìn thấy tôi trong những cử chỉ thầm kín khác nữa. Hai con mắt soi mói bí mật của hắt làm tôi bắt đầu sợ. Không hiểu hôm nay hắt nghĩ thế nào mà lại dám đề nghị xin hát bài đó?

Đêm đã xuống. Bóng tối bời bấn những khoảng ánh sáng còn lại bên ngoài. Người gác trường đã dọn dẹp xong những lớp bên cạnh và đang dọc theo hành lang tiến lại phía lớp tôi đang ngồi.

Dầu sao cũng phải về, tôi nghĩ.

Nghe tiếng chân tôi bước ra, bác gác ngừng lên nhìn, nói, tôi tưởng cô về rồi.

Tôi bảo, lũ trẻ đùa quá phải la hét chúng nên mệt, tôi ngồi lại một lát.

Tôi cũng hỏi, bác sắm Tết đầy đủ chứ?

Bác cười nhe hàm răng cáu xin quét trần, chống cán chổi nói, thì cũng lo cúng bái tổ tiên ngày Mừng Một thôi cô. Rồi bác chép miệng tiếp, phận mình cúng thì cứ cúng, chứ lang bạt tới tận đây biết các cụ có biết mà về không?

Giọng bác âm vang trong cái hành lang đã chạng vạng, gió từ cánh đồng và mặt sông thổi vào có mùi tanh của đất ẩm, mùi ngai ngái của sương và khói đốt rác.

Tôi chào người gác trường, chúc bác ăn một cái tết vui vẻ như nói những lời đã thuộc.

Bác mời tôi, nếu Mừng Một Mừng Hai, cô có thì giờ rảnh xin ghé nhà bác “uống hớp rượu mừng xuân”.

Tôi nói cảm ơn bác rồi ra về.

Lúc ấy đêm đã đen kín trong các bụi cây, lối đi bên ngoài chỉ còn nhìn thấy lờ mờ những mảnh gạch ngói lổn nhổn.

Trên những sợi dây thép gai căng làm ranh giới khu trường, sương xanh biếc, sự hiu quạnh, buồn bã, tưởng có thể sờ thấy trên các mắt gai nhọn.

Trên trời những ngôi sao nhỏ nhấp nháy trông như đang bị gió làm cho trôi đi.

Gió hắt ngược tóc khi tôi bước lên chiếc cầu nhỏ bằng xi măng bắc qua một con rạch ngang đường, hơi lạnh lùa vào cổ áo lọt xuống sống lưng. Tôi mở một chiếc khuy áo cổ, hứng thêm gió trước khi cài lại. Mồ hôi ẩm trên lưng bây giờ se lạnh.

Trần ở phía đằng trước đi lại.

Thấy tôi anh ngạc nhiên hỏi, bây giờ cô mới về sao?

Tôi nói, tôi muốn lang thang một lát.

Tôi nhìn thấy mặt anh mờ mờ trong tối.

Anh rủ tôi, có xuống phố quận chơi không?

Tôi nghĩ, về nhà cũng chẳng làm gì, nên quay lại đi với anh, ra ngoài lộ đón xe lôi xuống quận. Khu phố nhỏ thấp đèn sáng, người ta bán những món hàng Tết, phòng thông tin với những chiếc loa phóng thanh lớn đang phát một chương trình nhạc.

Trần mời tôi vào một quán ăn.

Trong bữa, anh hỏi, hình như cô ở đây đã ba cái Tết. Cô không thích về nhà à?

Tôi nói, tôi cũng còn vài người họ hàng. Nhưng tôi không

thấy thân đến độ tôi muốn về với họ.

Trần hỏi, thế cô làm gì mấy ngày Tết?

Tôi ngủ.

Không được. Đàn bà không sống một mình được.

Thế anh bảo tôi phải làm sao bây giờ?

Sao không lấy chồng?

Ồ hay, lấy thì cũng phải có người lấy mới lấy chứ. Tôi chưa gặp ai đề nghị với tôi cái việc kỳ cục ấy.

Tôi cũng hỏi anh, hình như anh cũng chưa có gia đình? Vậy mấy ngày Tết anh thường làm gì?

Anh nói, tôi đánh bạc. Ông bà già tôi còn cả. Nhà tôi mọi người đều đầy đủ không có gì phải lo ngại. Nên tôi không cần về. Nhưng đàn ông mới sống thế được.

Tôi cũng tự cho đàn bà có thể sống như thế được.

Ăn xong anh hỏi tôi, cô uống cà phê có mất ngủ không?

Tôi nói tôi ít uống cà phê, nhưng hôm nay sẽ uống một tách.

Ở tiệm ăn ra chúng tôi đi quanh một vòng phố trước khi trở về. Gặp vài đứa học trò trên đường, chúng chào chúng tôi, rồi khi đi qua mặt chúng quay lại nhìn. Rồi ra Tết chúng sẽ không thiếu chuyện nói về chúng tôi.

Làm đàn bà sống kể cũng khó khăn thật.

Chúng tôi bao cả chuyến xe lồi trở về trường.

Đường đi có những quãng hai bên dày đặc các rặng trâm bầu, dừa nước. Có những cây sâu đất, đom đóm, bâu kín từ gốc tới ngọn trông như bằng lân tinh. Tôi có cảm tưởng phiêu bồng như đang trôi trên một mặt nước êm đềm, ly cà phê kích thích, thần trí mù mù, không một ao ước nào rõ rệt. Trần cũng chẳng nói gì nữa, hút thuốc lá luôn miệng.

Khi xe về đến đầu đường lối rẽ vào trường thì dừng lại. Chúng tôi đi bộ với nhau một quãng. Về qua lại chiếc cầu

xi măng, Trần bỗng dừng lại bảo, rồi cô cứ sống thế này mãi sao?

Tôi cười chỉ xuống dòng nước đen chảy dưới chân cầu bảo, khi này, lúc chưa gặp anh, đứng nhìn dòng nước này, tôi đã thấy sợ.

Tôi nói và chợt cảm thấy bàn tay phải của tôi đã bị cầm lấy. Tôi bàng hoàng cả người, và trong một giây, tôi nhớ lại rõ rệt cái cảm giác lắc lư lúc ngồi trên xe lô. Tôi biết là mọi khả năng tự vệ của tôi rất dễ thoát khỏi tôi. Bởi vì tôi thực sự cảm thấy yếu đuối trước bóng tối vây quanh. Tôi có ngã vào tay anh cũng không buồn hơn là trở về ngã mình xuống chiếc giường nhà trọ đêm cuối năm này.

Tôi thấy trí óc tôi giống như ngọn đèn trong căn nhà bên kia mũi đất nhìn thấy thấp thoáng sau đám lá, chói sáng nhưng chẳng soi rõ gì hết. Tất cả mọi hình thù đều tối đen.

Trần kéo tôi về phía anh.

Tôi không kháng cự cũng không muốn tham dự trò chơi anh bày ra.

Tôi nhắm mắt nói với anh rất nhẹ nhàng, anh không tìm cách hôn tôi chứ?

Anh dừng lại thật và sau đó anh bóp mạnh bàn tay tôi trước khi buông ra.

Anh đã bỏ ván bài anh không chí thú đánh.

Rồi chúng tôi chia tay.

Trần nhìn sát vào hai mắt tôi bảo, mai anh sẽ về Sài Gòn, nếu muốn tôi có thể sang cùng đi với anh, về ăn thử một cái Tết Sài Gòn.

Tôi nói cảm ơn anh, cảm ơn anh. Một câu cho đề nghị của anh và một câu cho việc khác.

Trần đi về phía nhà trọ của anh, tôi đi về phía nhà trọ của mình.

Về tới nhà tôi lên thẳng lầu.

Mở cửa buồng, tôi vừa bật đèn tính quay lại đóng cửa, thì thằng Oánh, mặt tái mét chạy xộc vào ôm chặt lấy tôi, úp mặt vào ngực tôi, run lật bật.

Tôi hoảng hốt toan la lên, nhưng giữ lại được. Sức nặng của nó xô tôi lùi mấy bước và ngã ngời xuống thành giường. Nó ngã khuyu xuống theo và vẫn ôm chặt cứng ngang bụng tôi, chân quỳ dưới sàn. Tôi dùng hết sức mạnh đẩy nó ra nhưng không được.

Tôi cũng nghĩ, có lẽ tôi nên nói với nó dịu dàng, phải gỡ được nó ra như cử chỉ của nó vừa rồi không có gì nghiêm trọng. Nhưng sự suy nghĩ của tôi không kịp với hành động của nó. Hai tay nó xiết chặt ngang lưng và mặt nó úp trên bụng tôi. Tôi run bắn tất cả chân tay. Tôi sợ, vì không biết phải hành động thế nào.

Cuối cùng tôi làm như không để ý đến việc thằng Oánh ôm mình. Tôi nói nhỏ với nó, nào em bỏ cô ra. Vừa nói tôi vừa lần theo hai cánh tay nó gỡ từng ngón tay cho nó rời ra. Một điều nguy hiểm cho tôi là nó khoẻ hơn tôi nhiều. Cuống quá tôi đã phải dùng móng tay bấm trên cổ tay nó. Bị đau, nó càng nó càng phản ứng mạnh, ôm xiết tôi. Đã đến lúc tôi phải la lên, và lại càng sợ, vì mọi người sẽ nghe tiếng, tôi phải giải thích sao về vụ này, nên không dám la. Không dám la, không gỡ nổi nó, tôi có cảm tưởng khắp thân hình mình bị áp trên lửa bỏng. Tôi không còn tự chủ được nữa, tôi cào, cấu, đánh, đập, co chân đạp thẳng vào ngực nó. Sau cùng tôi nhìn thấy trên mặt thằng Oánh những dòng máu chảy rướm theo các vết cào, thì tôi chỉ còn biết ôm mặt khóc.

Vào lúc đó, vào lúc tôi cùng đường đó, tôi thấy hấn buồng tôi ra, buồng một cách hết sức dịu dàng. Phản ứng tự nhiên

khiến tôi cũng buông vôi hai tay, nhìn hấn, để chuẩn bị đối phó với những hành động hấn có thể làm nữa với tôi. Nhưng hấn không làm gì hết. Tôi chỉ nhìn thấy khuôn mặt trẻ thơ của hấn ràn rụa nước mắt, lẫn với những vết xước, một khuôn mặt vừa khốn khổ vừa sáng chói hân hoan.

Chính cái vẻ mặt ấy của hấn đã ám ảnh tôi suốt đêm hôm đó nhiều hơn những cử chỉ hấn làm với tôi. Sau khi hấn bỏ chạy xuống nhà tôi vôi vàng khoá trái cửa, tập trung trí óc, lấy lại bình tĩnh, để thử xem nên làm gì. Tôi xếp tất cả quần áo, vật dụng vào trong hai cái va li của mình một cách máy móc. Xong đâu đấy tôi tắt đèn, ngồi thu mình trên giường. Đó là lúc tôi quyết định ngày mai sẽ trở về Sài Gòn.

Tôi ngồi ngủ chập chờn cho đến khi nhìn thấy những tia sáng lờ mờ đầu tiên ngoài cửa sổ là đứng dậy xách va li, mở cửa xuống nhà đi liền.

Tôi không gặp bà chủ, cũng không thấy thằng Oánh. Tôi tâm niệm lời xin lỗi các gia chủ vì đã không thể gặp mặt họ để chào và xin phép để đi và chắc sẽ không trở lại.

Ngoài đường sương xuống mù mịt, lối đi ẩm và hai bên hàng rào đều ướt. Gió sớm thổi lướt, hơi lạnh từ ngoài sông và các cánh đồng thổi vào phả trên mặt, hai bàn tay và hai bàn chân.

Tôi dẫm trên những viên gạch gồ ghề đi về phía nhà Trần. Có lẽ vì đêm không ngủ được tôi bị nhức đầu và hơi chóng mặt, nên nhìn quanh vẫn còn thấy tối lắm. Từng bước, từng bước có lúc tôi giật mình tưởng như va mặt vào bóng tối.

Tôi gọi cửa, Trần dậy mở. Vừa nhìn thấy mặt tôi anh dụi mắt lo ngại hỏi, bộ đêm qua cô không ngủ hả?

Tôi giục anh sửa soạn để ra về.

Chiếc xe đồ cũ chở thêm hai chúng tôi. Xe ra khỏi khu xóm. Ở đó tôi nhìn ngược lại và thấy dòng sông chỗ nhà

thằng Oánh, nơi tôi vẫn bơi lội những buổi chiều. Sương còn dày từng đám trên mặt nước.

Tôi thầm nghĩ, hôm nay là ba mươi Tết.

Và tôi hỏi Trần, anh có chỗ nào cho tôi ở nhờ mấy ngày tết không?

NGUYỄN ĐỨC SƠN
Ý TƯỞNG
CHIỀU TÀ

Hãy cứ nén lại một chút, có gì bực đâu”, nghĩ vậy, Tâm đứng tỳ tay lên cửa sổ toa tàu hạng nhì nhìn bao quát cả khung cảnh bên phải nhà ga. Bên hông trái con tàu mang chàng đến, một đoàn tàu khác vừa khởi hành. Hời còi của chiếc đầu máy chạy bằng diesel tạo nên âm điệu buồn riêng. Trước kia Tâm tưởng chỉ có thứ còi trang bị trong những chiếc tàu cũ – thứ chạy bằng máy hơi nước – mới có thể gây nên tác động nào đó thấm vào tâm hồn anh. Mỗi khi nghe tiếng còi tàu huyết lên, nhất là vào buổi chiều, tự nhiên Tâm thấy thất vọng và buồn bã mênh mông. Thật vậy tiếng còi đó như là những tiếng nấc, nức nở và thê thiết. Cho nên khi mới nghe tiếng còi của đầu máy chạy diesel lần đầu. Tâm chung hửng, cụt hứng. Ừ, thì ra Tâm đã ghiền cái giọng buồn bã và thê thiết của tiếng còi những năm xưa.

Nhưng không. Sau một thời gian bảy tám năm, Tâm mới chợt thấy rõ tiếng còi mới đã tạo được âm hưởng riêng biệt. Tiếng còi bây giờ ngắn ngủn, nhỏ nhoi, hối hả và lạnh lùng hơn. Vô tình cái giọng của cơ giới đã trùng hợp trạng thái tâm hồn con người thời đại. Mà thật ra cơ giới đã ảnh hưởng đến tâm hồn hay tâm hồn đã chi phối cơ giới? Khó trả lời. Chỉ biết hồi còi bây giờ ngắn ngủn, nhỏ nhoi, lạnh lùng, không muốn ai biết đến và thật ra cũng không ai để ý đến. Hồi còi vô danh và vô nghĩa như thân phận nổi trôi và mong manh của kiếp người được ý thức mãnh liệt ở cái thế kỷ đầy náo loạn và khủng hoảng nhất từ ngàn xưa này. Tâm cảm thấy sầu héo cả một chân trời quá khứ xa, rất xa. Anh chỉ thích nằm xuống, nằm yên, ngủ vùi cho hết những chiều tà còn lại trong đời anh như chiều nay. Anh chỉ muốn đắm chìm trong một khung cảnh êm ái vỗ về của một mái tóc, của một hồ nước, của một đêm trăng. Anh chợt như trông thấy bóng mình lung linh bất động bên hồ nước trong như gương. Lòng anh thêm thiếp như lá rụng ven bờ. Nằm yên. Nằm yên. Hãy nằm yên thật yên, đồng hóa với cây cỏ và rong rêu. Hãy nằm yên nhé Tâm. Hãy gợn gợn một chút như mặt hồ trong như gương của quá khứ kia. Hãy lao xao nhẹ nhàng như lá rụng ven bờ kia. Rồi rã rời một cách êm ái. Rồi mục nát như rong rêu. Hãy nằm yên, mặc những đoạn tàu rúc nhanh hay rúc chậm, cụt ngủn hay lê thê. Nằm xuống, đó, hạnh phúc chân thật nhất của đời mày. Nằm xuống, đó, căn phần của đời mày. Mày đã đứng lên nhiều phen, vô ích rồi. BẠN MÀY CŨNG ĐÃ ĐỨNG LÊN, TẤT CẢ ĐỀU ĐÃ VÀ ĐANG NGÃ XUỐNG RỒI. THƯ ĐÃ BẢO MÀY NẪM XUỐNG, THANH ĐÃ BẢO MÀY NẪM XUỐNG. HÀ ĐÃ BẢO MÀY NẪM XUỐNG. VÀ SAU CHÓT NGA ĐÃ BẢO MÀY NẪM XUỐNG. Nhưng những đứa con gái trước kia đã xa tầm tay Tâm.

Bây giờ chỉ còn Nga. Tâm cảm thấy mình đã đầu hàng. Tâm cảm thấy mình muốn nhắm mắt, nằm xuống suốt những chiều tà còn lại trong đời. Chàng từ giã đột ngột các bạn, bỏ đứt một chân dạy ở một tư thực mà chàng phải mỗi mắt kiếm được để đáp chuyến tàu suốt Sài Gòn – Đà Lạt lên đây sau khi nhận được thư Nga. Tâm đã quyết định để cho thân thể, trí óc và tâm hồn anh nằm xuống vĩnh viễn. Anh đã cảm thấy rất mạnh sự vô nghĩa cùng cực của tất cả mọi hoạt động, phản kháng và ước ao. Anh đã tính đầu hàng. Sao bây giờ anh không xách hành lý đến nhà Nga ngay? Và nằm xuống. Và chết đi. Và mục rã. Như hồ nước yên lặng muôn năm đằng sau biệt thự của Nga. Sao bây giờ anh còn do dự? “Quái, cái tia nắng.” Từ này giờ thỉnh thoảng Tâm vẫn để ý đến những đợt nắng nhỏ, yếu nhưng sáng vô cùng phía trên đường leo quanh cái đồi trước mắt. Nó cực kỳ quyến rũ anh, dù âm thầm cũng như cái âm thầm của rong rêu bên hồ nước. Vâng, rong rêu của hồ nước chỉ âm thầm kéo anh xuống để nằm luôn, ngủ luôn, suốt một trăm năm, một trăm năm êm đềm mục rã. “Không được”, Tâm nói nhỏ vừa đủ nghe vừa lúc một ánh sáng lóe lên đằng sau óc anh, trong tâm hồn anh, Tâm nhìn người hành khách cuối cùng đã khuất hẳn về phía nhà ga.

Bây giờ sương mù không biết từ dưới đất bay lên, trên trời cao tỏa xuống hay từ đồi núi tung ra. Cả bầu trời mù mịt. Từng đám lãng đãng bay tạt vào cửa sổ khiến Tâm cảm thấy lạnh. Có lúc Tâm rung lên. “Nằm xuống có lý mà ạ.” Tâm nghĩ đến, suýt nói ra thành lời cho mình nghe. Anh châm thuốc hút, mắt vẫn lơ đãng nhìn ra ngoài trời đầy sương khói. Trên con đường dốc phía trước mặt dẫn về trung tâm thành phố mang nhiều âm tính nhất Việt Nam này. Chốc chốc một chiếc xe nhà chạy bắn qua rất nhanh,

bỏ lại đằng sau, trong tâm hồn chàng, từng phiến cô đơn hàn lạnh vô danh. Có lúc Tâm tin mình nhìn thấy chiếc xe màu trắng xám của Nga. Chiếc xe hiệu gì anh không để ý gì hết – cũng như không bao giờ anh để ý đến tên một tài tử hay minh tinh quốc tế nào – nhưng Tâm biết chiếc xe thuộc loại đắt tiền và ở đây số người dùng có thể đếm được trên đầu ngón tay. Kiểu xe hoàn toàn thoát khỏi những cái gì lộng lẫng, kiêu sa, phí phạm như phần đông xe Hoa Kỳ. Tuy vậy nó cũng không thể nào rơi vào chỗ cũ kỹ, già nua, nghiêm nhặt và bảo thủ như loại Traction đen của Pháp mà ngày nay một số người đứng tuổi còn dùng. Nó trẻ trung nhưng cô độc. Tâm nghĩ có lẽ nó được chế tạo ra cho những thanh niên và thiếu nữ trí thức, độc thân, sống bằng nghề tự do. Nó chạy rất khỏe và bền. Một linh mục người Ý đã từng cho Tâm biết ông đã dùng loại xe đó để đi qua con đường nhảy nhạ trong mùa mưa từ Ban Mê Thuột về Đà Lạt mà không gặp một khó khăn nào. Tâm không rõ nội vùng Cao Nguyên này có chừng bao nhiêu người sở hữu xe đó. Chắc ít. Nhưng dù sao cũng đến năm bảy người. Thế nhưng không hiểu sao Tâm cứ tin chiếc xe màu xám vừa chạy qua trước mắt anh trên con đường dốc kia là chiếc xe của Nga. “Có thể nào Nga ra đón mình? Mà mình đâu có cho Nga biết ngày mình lên. Hơn nữa theo thư gửi cho mình tháng trước, đây là thời gian Nga phải có mặt ở Di Linh. Nàng sẽ về đó để coi sóc tạm thời cái đồn điền cà phê của ông cha.” Nghĩ lan man một lúc, Tâm rút điếu thuốc thứ nhì rồi thứ ba.

Giữa hoàng hôn, sương mù chợt tan biến. Trên đồi cao trước mắt, ánh nắng thu hết tàn lực nhuộm lên một màu vàng rực rỡ. Thật kỳ lạ. “Nga ơi, anh chưa muốn nằm xuống. Anh chưa muốn rục rã. Anh còn đang chờ mặt trời

những buổi sáng sẽ thiêu cháy rong rêu bên hồ nước. Đây chỉ là xứ của hoàng hôn, của nằm xuống, của ngưng đọng và có thể của phiêu diêu.” Tâm mới vừa nghĩ đến đó thì ánh nắng đã hóa ra đục mờ và tan nhanh trong khói đá và sương mù. Trong khắc giây trước đó Tâm đã bắt được gần trọn vẹn một khung cảnh nào xa lắm. Khung cảnh như ở ngoài không gian và thời gian. Êm đềm. Mực rã. Tâm nhìn đăm đăm. Anh muốn giữ lại trong đôi mắt màu trắng rục rĩ kỳ dị kia. Tự nhiên Tâm đau nhói trong tim và nước mắt ứa ra. Tâm biết chỉ trong phút giây cảnh sắc kia sẽ tan biến và không bao giờ hiện ra lần thứ ba trong đời anh. Tâm không dám nhìn lên khu đồi trước mắt nữa. Anh quăng tàn thuốc cuối cùng xuống đường sắt và ngồi thừ xuống chiếc băng nệm bọc nhựa đỏ. Tuy đã thuộc lòng gần hết cái thư Nga gửi cho anh tháng trước ở Sài Gòn – cái thư bảo anh nằm xuống, ngủ yên, suốt những chiều tà còn lại trong đời anh – anh vẫn lấy ra đọc lại. Một đoạn quyết định: “Ngôi biệt thự ở đường Hoa Hường sẽ thuộc hẳn về em. Sau khi ba em chữa bệnh về sẽ trở lại Di Linh rồi lên đây làm giấy cho em. Em đang dọn cái certificat cuối. Dĩ nhiên em sẽ về Sài Gòn thi. Em rất ít đi Sài Gòn nhưng em không thèm Sài Gòn như những con bạn. Sài Gòn nắng gắt. Em không ưa mặt trời. Sài Gòn không có nắng tà. Sài Gòn không có sương mù. Em không bao giờ tin rằng mình sẽ ngủ được một đêm sung sướng ở đó. Nhưng được cái là có anh, thiên đàng của Nga, cái thiên đàng sắp di chuyển vĩnh viễn lên xứ của sương mù. Sương mù của trời đất và sương mù của tâm hồn em. Anh thích cái hồ nước ở đằng sau nhà em lắm phải không? Dạo đó anh thường mang cả tấm bảng đen lớn trong nhà mà ra đây dạy em. Anh biết không, em không nghĩ đến những con toán trên bảng mà em chỉ nhìn lên

mặt hồ. Nước trong và phẳng như gương. Em mê mê nhìn bóng hai đũa lung linh, lung linh. Em không vọng tưởng những chân trời nào mà xa như mấy con bạn. Em không thèm những Paris, những Rome, những New York. Em chỉ ao ước nhìn thấy bóng hai đũa bất động trên mặt hồ, cho đến một trăm năm. Một trăm năm bình an và thanh thản như cánh rừng thưa ở đây. Anh, anh, nghe Nga nói đi. Yên nghĩ là chân hạnh phúc của đời người. Có lẽ phần đông con gái đều mơ hồ cảm thấy điều đó. Mọi hoạt động, mọi chống đối – mà anh cho là bản thể của trí thức – rốt cuộc rồi cũng thu về một mục đích duy nhất: nằm xuống, em nghĩ. Vâng em sẽ thi ở Sài Gòn. Em tin đỡ dễ dàng. Xong em sẽ ngoại giao giữ một chân giáo sư ở Yersin hay Couvent. Ba em quen nhiều với ông F., giáo sư của hai lycée đó. Nhưng em sẽ dạy ít giờ thôi. Giờ còn lại trong ngày và trong đời, em nằm xuống, ngủ. Em sẽ đi Pháp, đi Mỹ, đi Đức, đi Nga, đi bất cứ nơi nào có thể đến chơi nhưng em sẽ mang theo hình ảnh thanh bình ngàn năm của hồ nước sau nhà và rồi em cũng sẽ về đó nằm xuống, như rong rêu mát rượi. Anh hãy bỏ học nếu không thích. Mà em mong em bỏ học đi. Một hai chứng chỉ cho đủ, có nghĩa gì. Em không... nuôi được anh suốt đời sao. Mà anh sống nhiều nhất là một trăm năm nữa chứ mấy... chúng mình cứ ngồi yên bất động suốt thời gian đó suốt thời gian đó trên bờ hồ cũng thư thả như thường. Em đi dạy mục đích là để lấp kín khoảng thời gian trong ngày em không nằm xuống thôi. Anh hãy bỏ học nếu thấy rõ không cần thiết gì cả. Cần thiết là anh hãy bỏ những ý nghĩ điên cuồng – em xin lỗi trước – của anh, của anh Thái, anh Phát và một lô bạn anh, thân và không thân. Anh cũng đừng lui tới chỗ anh Huy và anh Ngạn. Hai anh ấy tube nặng lại không thèm trị. Thật quái gở, bạn anh đó.

Anh tưởng Nga không biết sao. Không liên lạc với anh, em đã có những con bạn học dưới đó cho biết hết. Thật sự các anh ấy chỉ muốn làm khổ mình và cho người khác. Như mấy vụ bạo động với phong trào gì đó. Và anh nữa, anh cũng có nhúng tay và hăng lắm. Rồi lại còn ra báo văn học nghệ thuật gì đó để gặp bao nhiêu khó khăn và đe dọa bên trong, bên ngoài. À cái anh Huy, thật tẻ vô cùng và tẻ nhất xóm, anh ấy đã xong Bac II vừa rồi chưa? Thôi em chỉ nói tắt là anh đừng lui tới với họ. Anh hãy dò lại tâm hồn anh đi. Có phải dưới bề mặt cuồng nộ gió bão trong đại dương của tâm hồn, ở đáy sâu tận cùng, nước vẫn không hề lay động, cũng như anh chỉ thích một cuộc đời lặng lẽ với những ngày im bóng..." Đọc đến đó Tâm thấy lạnh cả người. Anh tưởng tượng đến ngôi biệt thự của Nga ở đường Hoa Hùng, một con đường vòng, nhỏ, thanh lịch xếp vào hạng nhất ở Đà Lạt ở gần viện Pasteur và chỉ cách nhà ga năm phút tắc-xi là nhiều lắm. Vâng, chỉ cần mười phút là anh sẽ nằm xuống đó, bên hồ nước trong veo, đắm mình trong cái êm ái lười biếng vạn niên của chiều tà. Rồi Nga sẽ từ Di Linh lên. Rồi anh sẽ nằm xuống trọn những buổi chiều tà còn lại của đời anh. Anh nghĩ đến cái sân cỏ hoang vu đây đó thường mọc lên một nhánh lan tím đại rất đậm và êm như nhung. Anh nghĩ đến căn phòng mát rượi đầy tiện nghi của Nga ở trên cao nhìn bao quát xuống đó. Anh nghĩ chiều đến mặt hồ im bóng phía sau, bên gốc thông cổ thụ và hàng cây mimosa thứ lá tròn và dài màu xám xám rất đặc biệt. Anh nghĩ đến cái sân về phía bên phải ngôi nhà với hai cái ghế đá mát lạnh quanh năm, nơi anh đã có lần về đó đọc sách, nghiền ngẫm những tư tưởng của riêng anh trong cuộc đời sôi động, nổi trôi từ khi anh bỏ hẳn gia đình đi vì nhiều nguyên do. Rồi anh lang thang ở Sài Gòn.

Rồi định mệnh đưa đẩy anh đến gia đình Nga qua lời rao vặt đăng báo cần một chỗ prescepteur ăn ở luôn Đà Lạt. Anh nhớ đến căn phòng của riêng anh. Nó tình cờ nằm sát dưới phòng Nga. Hồi đó anh có ý nghĩ nghịch tặc. Anh sẽ bắc ghế xoi mỗi ngày chừng một ly mét thôi cái trần nhà phòng anh. Vậy là trong vòng một năm anh đã lọt lên phòng Nga, một đêm nào đó, và hai đứa sẽ không thể rời nhau trên cõi đời này nữa. Là hai đứa sẽ phụ thuộc hoàn toàn vào nhau và cần khổ phải có nhau. Là anh sẽ ở lại đó mãi mãi. Hồi đó, khi vừa bỏ gia đình đi, Tâm chỉ có Bac I và Nga chỉ học lớp 4ef. Tuy đã đi dạy kèm một vài nơi để sống. Tâm không quyến luyến ai như Nga. Không phải vì Nga thông minh hơn những đứa con gái khác. Nga cũng tầm thường nữa. Có điều trong tâm hồn nàng, trong tâm hồn đứa con gái càng lớn lên đó, có một nguồn hạnh phúc cho kẻ nào biết nâng niu. Và nguồn hạnh phúc này thoát ngoài sự giàu sang phú quý và cũng thoát ngoài cái bấp bênh gian nguy của một cuộc đời vô định. Một thứ hạnh phúc không bao giờ chạm phải cái bóng hình của những đau khổ lớn lao trên trần gian dù chính cái đau khổ lớn lao kia vẫn bao trùm lấy nó. Tâm có thể không cần biết cái màn bao phủ kia. Nhưng chắc không khỏi bị ám ảnh. Đó là chỗ khác biệt nói chung giữa bản tính và tâm hồn con trai và con gái, đàn ông và đàn bà, và nhất là của riêng Tâm và Nga. Cho nên nếu ngày nào Tâm sống chung với Nga, từ trong cái hạnh phúc trong như gương. Con mắt và trí óc Tâm nhất định phải nhìn xuyên qua cái màn sương mờ, cái vỏ nhung êm đềm của của hạnh phúc bình yên kia để chạm đến cái đau khổ ngàn kiếp của đời người. Lúc đó chắc hẳn anh sẽ đứng lên như anh và các bạn anh đã từng đứng lên ở Sài Gòn này, dù đứng lên rồi loay hoay, tuyệt vọng để có lần

Tâm lại mò lên nhà Nga sau vài tháng hay vài năm từ giã. Đã ba lần như thế. Trong thời gian đó Nga đã lớn và không cần người phụ giáo. Nhưng Nga vọng tưởng mãnh liệt ở Tâm. Nàng tin mơ hồ bằng trực giác rằng ngừng đầu óc sôi động nhất là những tâm hồn vốn thích nằm xuống nhất, thềm bóng mát nhất, thềm rong rêu nhất. Tâm nhớ mãi lời Nga trong một lần khi anh từ giã Nga về Sài Gòn: “Anh đi, được rồi, em không cản. Em chỉ mong anh trở về khi anh thích. Căn phòng của anh vẫn vô chủ. Có hai chìa khóa, em giữ một, anh một. Thỉnh thoảng một mình em vào đọc sách. Đọc mấy kệ sách văn chương tư tưởng nổi loạn, tấn công và hư vô của anh. Thỉnh thoảng một đứa con gái đến đọc chừng một trang trong những tác phẩm đó cũng thú vị đó chứ? Hơn nữa căn phòng này nhìn ra một cái vue khác phòng em. Đôi khi em thềm cái vue đó. Chứ không phải thềm... anh đâu nhé. Anh cứ về bất thần lúc nào. Khởi chào ba em, mà ba em cũng ít khi ở đây. Dĩ nhiên là khởi cần thừa trình với... Nga, chủ nhân một ngày rất gần đây của ngôi biệt thự này. Anh cứ về bất thần lúc nào. Một, hai giờ khuya cũng được. Cà phê trong phòng anh chưa mồi meo đâu dù anh vắng dùng đến hàng chục năm và trở về với râu tóc xồm xoàm. Anh cứ rung chuông cho chị Hai dậy và sửa soạn cơm cho anh dùng. Chị ấy ở khá lâu, trung thành và tốt. Chỉ ngại có con Lou Lou. Sợ nó quên anh chẳng? Đó, anh làm sao nói được với con chó hơi điên điên đó thì nói. Nhưng cũng đừng ngại vì ở đây rất gần viện Pasteur!” Đạo đó Tâm đã tính nằm xuống và đầu hàng. “Nga, dù em cứ tin rằng anh chỉ muốn hôn tóc em suốt đời và ngủ trong đó suốt những chiều tà còn lại trong đời anh. Nhưng nắng lên. Mặt trời nhảy múa và mặt trời đau nhức. Anh cũng nhảy múa và anh đau nhức. Anh hân hoan tê điếng và anh tàn

rụi bi thương. Làm sao anh nằm xuống an tâm trên trái đất xao động và lung lay ngàn đời này. Con gái làm sao trông thấy trái đất này đang quay và nhất là ý thức được sự tuần hoàn kỳ cục kia. Họ chỉ nhìn thấy chu kỳ những hoàng hôn êm ả. Phải. Em nghe kỹ. Con gái không thể nào trông thấy trái đất này đang quay đâu.” Anh đã trả lời với Nga như vậy. Anh đã trả lời giùm cho các bạn anh, những người bạn có thể chống đối nhau toàn diện trên bất cứ quan điểm chính trị, xã hội, văn nghệ hay đến cả đời sống hàng ngày nói chung nhưng khi gặp nhau và nhận thức chân lý rằng bản chất muôn đời của trí thức là phản kháng, rằng cái trách nhiệm đầu tiên và vinh dự cuối cùng của trí thức, bằng phản ứng tự động mạnh nhất và hết mình. Rồi Tâm lại nửa đùa nửa thật viết cho Nga: “Nga vào phòng anh làm gì. Em có đồ mười cái tiến sỹ hay thạc sỹ gì đó bản chất của em vẫn là xách giỏ đi chợ. Con gái mà, dù có đồ mười cái tiến sỹ khoa học hay thiên văn học hay trời đất... học nếu có cũng không thể nào nhìn thấy trái đất này quay đâu. Nga có nhìn thấy trái đất này quay bao giờ không? Nó quay, nó quay, nó quay. Nó quay, nó quay, nó quay khiến anh điên đầu. Em đừng vào phòng anh hay rõ hơn đừng giở những trang sách mà em cho là tấn công là phản đối là hư vô đó. Coi chừng... truyền nhiễm đó. Coi chừng em sẽ thấy trái đất này nó quay, nó quay, nó quay, rồi em không còn muốn xách giỏ đi chợ (một mình hay với chị Hai) nữa và anh sẽ đổi. Em hãy hãnh diện như bản tính của em và của những đứa con gái từ cỡ đẹp trung bình lên thượng đỉnh. Hãy hãnh diện đi dù không biết hãnh diện cái gì và hãnh diện với ai. Anh tưởng tượng khi vừa mở mắt chào đời, đứa con gái nào cũng đã bắt đầu hãnh diện ngay. Nằm trong nôi quơ chân quơ tay tầm bậy tầm bạ như đuổi bắt trống

không cũng cứ hãnh diện đi, hồi bé con lớn lên sẽ thành con gái, lớn một chút sẽ thành đàn bà và yêu tinh cùng một lúc. Hồi con gái, hãy hãnh diện đi. Từ nhà đến trường cũng cứ hãnh diện. Xách giỏ đi chợ cũng hãnh diện. Đi ra đi vô cũng hãnh diện. Dù không bao giờ thấy trái đất này nó quay, nó quay, nó quay. Hãy cứ hãnh diện, hãnh diện, hãnh diện như mặt đất này nó quay, nó quay, nó quay.” Nghe xong Nga cười ồ lên, vô tư và âu yếm biết bao nhiêu. Tâm cũng không thể nín cười được. Nhiều lúc trong đời Tâm không hiểu anh nói đùa hay thật. Nhưng anh phải suy nghĩ về lời nói của Nga: “Anh khôn hơn em nhiều quá thành anh thua em.” Nhiều năm trôi qua. Trong lúc Tâm phiêu bạt sống dằn vặt từ vật chất đến tinh thần phải bỏ dở dang việc học - hay đúng hơn việc thi cử - thì Nga đã gần xong cái cử nhân văn chương Pháp. Tâm tự ý cắt đứt mọi liên lạc với Nga, những liên lạc cách khoảng nhưng gần gũi và cột chặt hơn. Có lần suýt đối diện với ông thân của Nga ở Sài Gòn, Tâm cũng lờ đi dù anh thừa biết ông cụ đích thật là một người ưu thời mẫn thế, rất mến chuộng anh, chấp nhận gần hết tính khí của anh mà ông cho là giống tuổi trẻ của ông mà con ông - đứa con gái độc nhất là Nga - không hấp thụ và hun đúc được chút nào. Tâm thì cao ngạo nghĩ rằng tuổi trẻ của ông không thể nào có được nồng độ tha thiết và chán mứa như Tâm. Song Tâm mến ông. Tâm thấy hình như ông cũng thoáng thấy trong tuổi thanh xuân, rằng trái đất nó quay, nó quay, nó quay. Nhưng vì sợ hãi, ông nhắm mắt lại và nằm xuống cho lúc ông hoàn toàn quên rằng trái đất này còn quay. Bây giờ ông chỉ thoáng nhớ rằng ngày xưa có lần ông đã thấy trái đất nó quay, nó quay, nó quay. Nhiều thanh niên thấy trái đất nó quay, nó quay, nó quay. Nhưng họ bị chóng mặt và không muốn nhìn nữa. Họ nằm

xuống và quên đi vĩnh viễn. Đó là thân phận nhân loại. Tâm tự thấy mình phải và nên xa cách Nga dù trong thâm tâm, nhất là trong những ngày chán ngán thấy mình đứng trước mọi ngõ cụt của bao nhiêu tư tưởng đã nghiền ngẫm, Tâm chỉ muốn nằm xuống như bao nhiêu thanh niên khác. Tâm chỉ muốn trở về ngôi biệt thự kia, được ngồi xuống ghế đá mát rượi, được thoa mát hai bàn tay lên đó, và để thấy lại một trong những buổi hoàng hôn êm ả nào xa lắm, những đợt nắng vàng rực rỡ chiếu sáng qua đám cỏ hoang vu có điểm một vài cánh hoa tím dại trước nhà.

Phải rồi. Bây giờ Tâm mới bắt được cái khung cảnh thời gian và không gian đặc biệt kia mà anh đã làm với đợt nắng vàng lúc nãy trên khu đồi phía trước hàng thông lơ thơ. Có lẽ hoàng hôn ở đây không trôi đi, trôi đi. Có lẽ trên thế gian này, có một cái gì, một chút gì, đứng lại, bất động và vĩnh viễn. Heraclite có lẽ chưa nhìn thấy cái đó nên người đã nhỏ lệ xuống dòng nước đang chảy dưới cầu chằng? Tâm bỏ thư Nga vội vào một ngăn da trong chiếc va ly. Anh đứng vụt dậy đến mở toa xe nhìn lên chiếc đồi để tìm lại những đợt nắng vàng rực rỡ như thu hết cả thanh sắc trên trần gian này. Nhưng hết rồi. Sương mù đã bắt đầu trở lại vây kín bầu trời. Mất rồi. Tâm ngồi thờ xuống ghế, cảm thấy tất cả mối sầu vạn niên trên mặt đất này khi hoàng hôn đến. Anh biết chắc chắn rằng ngày mai, ngày kia, hay một ngày nào sẽ đến, dù anh có về đây, ở sân ga này, hay trở lại ngôi biệt thự kia, không bao giờ anh gặp lại khung cảnh thời gian và không gian kia, không bao giờ anh còn nhìn thấy nắng quái hoàng hôn kia nữa. Vậy thì Tâm ơi cái gì đứng lại giữa mọi thứ trôi đi, trôi mãi nếu không là ảo giác kết quả của một tin tưởng mãnh liệt? Vậy thì Heraclite khóc có lý? Tâm nhắm mắt lại để cố nhìn cho

kỹ hình ảnh nắng vàng kia trong tâm thức. Anh đã bắt lượm. “Phải chăng hạnh phúc giữa mình và Nga cũng chỉ là ảo tưởng?” Bây giờ nếu Tâm đáp tắc-xi đến ngôi biệt thự của Nga, chắc gì Tâm tìm lại được một chút màu nắng kia dù phải đợi bao nhiêu hoàng hôn nhuộm vàng mặt đất này? Chắc gì. Tâm bỗng lo sợ mông lung. Chưa nằm xuống. Chưa nằm trong cái hạnh phúc êm đềm của mái tóc, bàn tay và tâm hồn trung bình của Nga. Chưa. Mới sắp đến gần tấm nhung mềm mại. Nhưng chưa lọt vào trong. Chưa trùm kín người lại. Chưa bao giờ phủ cái đầu và những tác phẩm nổi loạn, tấn công và hư vô của Tâm, chưa gì cả. Chưa gì cả mà Tâm đã thấy một sợi dây vô hình bén nhọn chọc thủng cái màn hạnh phúc kia để chạm đến những khắc khoải vô biên tràn lan khắp nơi, trên cả đợt nắng vàng rực rỡ buổi chiều tà, trên cả sắc thái những đợt nắng vàng rực rỡ đã mất đi trong quá khứ, trong hiện tại vừa mới trôi qua. Tâm, chàng chỉ là một phiến nam châm bệnh hoạn. Phiến nam châm này đã thu hút những mối sầu không có trên trần gian này sao? Mà yên rồi Tâm. Mà yên rồi. Trái đất này nó quay, nó quay, nó quay thì mặc kệ nó chứ. Nó quay một cách ý thức hay một cách vô tri thì mặc kệ nó chứ. Mà làm sao mà thấy nó quay? Mà có té đâu mà sợ. Hàng tỷ nhà cửa và nhân loại trên mặt đất có té đâu. Ngôi biệt thự của Nga và Nga có té đâu. Nó quay thì cứ để mặc nó quay. Mà mà có làm phi hành gia không gian để vọt hẳn ngoài vỏ đất này không mà thấy nó quay? Mà yên rồi. Mà yên rồi Tâm ạ. Tâm ngẫm nghĩ. Rồi anh đắm mình trong cái êm ả và tê nhúc của buổi chiều tà vô danh này. “Không, ta chịu là ta yên nhưng không thể nằm xuống. Nga ơi, anh chưa thể nằm xuống với em đâu. Em làm sao hiểu được sự đau khổ kỳ dị của anh. Nga ơi, anh chưa thể nằm xuống. Anh sẽ

mất Nga như anh đã mất nhiều Nga như Thu như Thanh như Hà trong những năm anh từ giã Nga mà Nga không biết. Nga, anh vẫn nghĩ là Nga hơn tất cả những đứa con gái kia. Nhưng tất cả con gái đều không thể nào nhìn thấy trái đất này nó quay, nó quay, nó quay, không thể nào thấy đau nhức và phần nộ trong một chiều tà êm ả vạn niên với từng đợt nắng nhỏ vô cùng rực rỡ. Rất xin lỗi Nga khi gần đây anh đã gián tiếp và trực tiếp cho biết anh sẽ về, nằm xuống, nằm xuống.” Tâm loay hoay. Cuối cùng anh gục đầu lên trên va ly đã khiêng từ cái kệ trên ngăn sát nóc toa xe xuống dưới băng. Một chút nắng vàng lại lóe lên mang một chút sáng vào toa xe, Tâm đau nhức, y như một bệnh nhân cùi hủi gặp mùa trăng.

“Ai đó?”

Một nhân viên kiểm soát xách chiếc đèn măng sông soi sáng cả toa xe. Ông la lớn như vậy khi thấy bóng người đàn ông độc nhất lù lù trong toa. Tâm bực mình nhưng cũng buồn cười trông thấy nhân viên kia chệnh choạng muốn ngã vì đã qua một cơn sợ mất vía. Bây giờ Tâm mới nhận thấy bóng đêm đã buông xuống từ hồi nào. Anh nhìn ra cửa ngoài toa xe nói lửng một câu như không hay biết gì sự có mặt của nhân viên nọ:

“Trời tối mau quá! Mới đó.”

Nhân viên khó chịu vì thái độ dửng dưng của Tâm. Nhưng khi soi đèn và nhận ra dáng một thanh niên trạc tuổi hăm bảy, hăm tám có vẻ đàng hoàng và không có gì đáng khả nghi, ông ôn tồn bảo Tâm:

“Ông làm ơn cho tôi xem vé. Tàu đến hơn một giờ rồi.”

Tâm không trả lời. Làm bốn phận xong, anh hỏi nhân viên:

“Thưa ông có chuyến tàu nào sắp trở lại Sài Gòn không?”

Hai tiếng “trở lại” thay vì tiếng “đi” cho nhân viên ấy biết ngay trường hợp hành khách này không phải là thông thường. Nhưng đồng thời nhân viên ấy cũng hiểu lẽ mờ rằng đó chỉ là một biến cố nội tâm thuộc đời tư và rất cá nhân của người hỏi, không liên lạc gì đến mọi nghi ngờ mà bốn phận của ông trong tình thế lộn xộn đòi hỏi phải biết đến.

“Tàu Sài Gòn đi Đà Lạt và tàu Đà Lạt đi Sài Gòn chứ tại sao phải trở lại?”

“Vâng, tôi dùng chữ sai”, Tâm chịu lỗi ngay.

“Phải đợi đến sáng mai.”

“Tôi có thể ngủ lại đây một đêm.”

“Thật không tiện cho ông. Hơn nữa ở đây không được phép.”

“Tôi vẫn thường ngủ đố lại một nhà ga là thường kia mà.”

“Vâng, nhưng phải ở lại trong ga, ngồi hay nằm ở những hàng ghế, thì được. Nhưng không có phép ở lại trong toa.”

“Vậy tôi đi vào trong ga.”

“Xin lỗi tôi chưa nói kịp. Trước đây thì được nhưng mấy ngày nay ở đây tình thế lộn xộn nên hành khách phải chịu thiệt. Nhà chức trách sở tại đã ra thông cáo dán trước sân ga. Ông có thể xem.”

Như đoán được một thoáng nghi ngờ của nhân viên. Tâm rào trước:

“Tôi cảm nặng thành linh. Hơn nữa quên một việc rất quan trọng ở Sài Gòn.”

Tâm đã đứng dậy hẳn. Anh xốc lại quần áo cẩn thận, khoác cái pardessus lên, nắm lại cái cà vạt. Trông đàng hoàng. Tâm bước ra khỏi toa sau khi chào cảm ơn nhân viên lấy lệ. “Thôi rồi, mày phải nằm xuống.” Tâm nghĩ như vậy mà mừng tượng trong trí khoảng đường đến biệt thự

của Nga. Nhưng vài phút sau đó, khi Tâm đi gần đến cửa nhà ga, tiếng nhân viên kêu giựt lại:

“Này ông, hết sức may cho ông. Có một chuyến tàu tốc hành đặc biệt sắp chạy trong chốc lát. Không chờ hành khách. Dĩ nhiên không bán vé và chỉ kéo theo một gon sau cái đầu máy diesel. Ông có thể trình bày lý do và trường hợp đặc biệt với trưởng ga và trưởng xa rồi đi ngay. Kìa kìa nó sắp chạy!”

Nhân viên chỉ về hướng phải nhà ga. Những hồi còi diesel vốn ngắn ngủi, cộc lốc, lạnh lùng bây giờ lại càng ngắn ngủi, cộc lốc lạnh lùng hơn. Vì không chờ hành khách và đi với một nhiệm vụ khẩn thiết nào đó, nó không cần báo hiệu lời thôi. Tâm tiến vội vã tới nhân viên ở phía đầu máy để nhờ giới thiệu với trưởng xa không thôi cũng đủ. Không đợi nghe hết câu chuyện, trưởng xa thấy dáng dáng hoang của Tâm ngoắc tay ra dấu cho chàng bước lên chiếc toa độc nhất không chờ hàng hóa gì cả mà chỉ có một phu khuân vác ngồi trong một góc tối và một nhân viên công vụ đang đứng gần cửa toa.

Chiếc đầu máy diesel rúc rúc một hồi ngắn ngủn nữa và lao mình vào đêm tối. “Thôi vậy là xong!” Bây giờ Tâm nấc lên và muốn bật khóc. Anh cảm thấy hối tiếc như đã tính sai một bài toán quan trọng nhất đời mình. Anh hối tiếc tràn ngập tuy biết rằng nếu ở lại Đà Lạt năm xuống lần này là anh sẽ nằm luôn, sẽ hối tiếc nhiều hơn trăm lần.

Khi tàu ra khỏi khu vực nhà ga, nhân viên thừa hành công vụ làm quen với Tâm:

“Ông thật may mắn vì đáng lẽ chuyến tàu này khởi hành từ mười lăm phút trước.”

Tâm không biết trả lời sao. Vì anh chưa chắc đó là may hay rủi. Phải về Sài Gòn cầm đầu làm việc. Anh tự nhủ như

thế. Còn may hay rủi thì chưa chắc. Tâm đáp lễ:

“Chưa chắc may hay rủi ông ạ!”

“Ông nói sao?” Nhân viên ngạc nhiên nhìn Tâm.

“Tôi nói chưa chắc may hay rủi khi tôi được đi chuyến tàu đặc biệt này.”

“Sao thế?”

Tâm lại bối rối. Thật ra may hay rủi? “Nga ơi.” Tâm kêu vọng lên, nhỏ vừa đủ nghe. Hay đúng ra tiếng kêu chỉ ở trong hồn anh. Anh không rõ nữa. anh thấy như đã thực sự phản bội và lừa dối Nga. “Nga ơi, có thể, rất có thể lắm Nga ạ, là ngày nào kia anh sẽ thống hối khi anh không bao giờ được về ngôi biệt thự của em nữa vì nhiều lý do. Xa mái tóc em, đôi mắt em, hồ nước trong như gương, những đám rong rêu ven hồ và nhất là những chiều tà êm ả vạn niên mà chỉ có khung cảnh nhà em mới tạo nên một cách kỳ ảo, anh sẽ tiếc suốt đời. Nhưng anh không muốn phản bội lý tưởng và con đường của anh, con đường chỉ thỉnh thoảng mới rợp bóng chiều tà, còn hầu hết nó sẽ chạy qua sa mạc rất bỏng nhảy dựng chân, qua đấu trường để chúng kiến giờ khắc uy nghi nhất đời mình, qua đại dương để đón nhận cuồng phong bão táp, qua những đêm trăng hàn lạnh và cô tịch trên một bờ biển hoang vu nào đó để tiếp nhận sự mong manh, vô nghĩa của kiếp người.”

“Sao thế, thưa ông?” Nhân viên lập lại, thái độ sẵn đón.

“Thưa ông thật sự tôi không biết trả lời sao.”

Vâng, Tâm không chắc chuyến tàu này may hay rủi cho anh. Anh chỉ biết rằng suốt đời chắc không bao giờ Nga biết đến chuyến tàu kỳ cục này. Cũng như Nga làm sao biết được rằng Tâm đã nhìn thấy rất rõ trái đất này nó quay, nó quay, nó quay.

NGUYỄN MẠNH CÔN
LỜI
NGUYỄN
TRONG
KHÔNG

I.

Tôi có người em gái xinh đẹp yêu chồng, trung thành với chồng, không ngớt lo lắng và không ngừng săn sóc cho chồng. Chồng của em tôi là một lính dù.

II

Anh em tôi rất ít khi gặp nhau, không những vì xa nhà, mà còn vì chồng của Duyên mắc nhiều công chuyện nặng nhọc, vì tôi luôn luôn bê bối với những cuốn sách đang in dở dang, hoặc những bài báo lòng thông năm bảy chục ngàn chữ. Còn về phần Duyên thì nó bận với chồng. Cho nên chúng tôi không thấy mặt nhau thường, nhưng hằng nhớ đến nhau luôn. Đó có lẽ là nguyên nhân khiến cho khi em tôi gặp chuyện khó khăn - khó khăn về tinh thần - thì nó chạy thẳng đến tìm tôi, thay vì tìm những người thân khác gần gũi với nó hơn tôi.

- Anh đừng cười em, em mới nói!

Duyên sợ bị tôi chế giễu nên đặt điều kiện trước. Tôi phải nói rõ thêm: Duyên có học khá, rất lịch lãm vì giao thiệp rất giỏi, rất rộng. Như tất cả mọi người có học theo người Pháp, em tôi sợ nhất trần đời là sợ mang tiếng lỗ bịch. Tôi biết tánh em tôi nên hiểu ngay rằng nó tìm tôi không vì tiền bạc. Cũng không vì công việc chỉ huy lính tráng của chồng nó. Không phải tiền, không phải việc làm ăn, nhưng vẫn là một cái gì quan trọng. Nhìn mắt em tôi đăm đăm, mất hết nét trong sáng và tinh anh mọi bữa, tôi biết nó có điều gì lo nghĩ nặng nề. Nhưng thoát một cái nó trở lại vui vẻ, và trong sự cười đùa dường như nó có vẻ muốn nhạo báng chính mình.

Rồi đợi khi bạn hữu của tôi ra về thật hết, nó mới đòi tôi đừng cười nó. Tôi định nói "xong rồi", như chúng tôi thường nói mỗi khi vui chuyện, để tỏ ý bằng lòng. Nhưng dáng điệu nghiêm chỉnh của Duyên làm cho tôi khựng lại.

- Được, tôi hứa sẽ không cười cô đâu.

Duyên nói khẽ cảm ơn anh, cảm ơn anh... một cách long trọng như đối với người ngoài. Xong nó mới nói tiếp, rành mạch từng tiếng một, mắt quay nhìn đi chỗ khác:

- Em nằm mơ thấy nhà em chết!

Có thể thôi, làm suýt nữa tôi bật thành tiếng cười thật lớn, mà may mắn là tôi đã hãm lại kịp. Bởi vì tôi bắt được quả tang em gái tôi, cô Duyên xinh xắn thông minh, cô Duyên kiến thức đầy mình, cô Duyên em gái tôi, đang quan trọng hóa một việc xảy ra hàng ngày cho ngót một triệu người đàn bà, vợ sĩ quan, vợ binh sĩ. Ngót một triệu người vợ lính chắc hẳn không có người nào không nằm mơ thấy chồng mình chết trận, ít ra là một lần trong đời.

Tiếng cười nghẹn lại đầu cưỡng họng: bàn tay em tôi đặt trên tay tôi lạnh ngắt. Nó cúi đầu, như nặng trĩu hai vai

dưới một gánh nặng quá sức chịu đựng. Tôi nhẹ nhàng vuốt mớ tóc xõa trên bờ vai có vẻ kém đầy đặn của nó.

- Anh linh cảm thấy có gì đặc biệt. Em nói đi, anh nghe đây.

Duyên ngược mắt lên nhìn tôi, cười thật buồn. Tôi ra hiệu: em khỏi phải cảm ơn nữa, cứ vào chuyện ngay đi. Duyên gật đầu, im lặng trong giây lát, rồi kể, giản dị:

- Em mơ thấy ảnh nhảy đêm, lạc xuống rừng, bị cành cây đâm tuốt từ sau lưng ra trước ngực. Em sợ quá!

III.

Tôi cần nói thêm em tôi là một người đàn bà can đảm. Can đảm và bình tĩnh. Hồi còn con gái, chính nó bắt được chồng nó nhảy dù xuống chiến khu. Nó trói anh chàng trong hầm bí mật, ngày ngày đưa cơm xuống cho ăn, và đun nước nóng pha muối lau rửa vết thương nơi chân, chờ anh chàng đi được là nó giải lên ban tỉnh. Được hai mươi mấy ngày, tên tù binh hết đau rồi thì chính hắn đưa vợ về thị trấn. Như thế là nó nuôi trai trong nhà cả tháng mà thầy mẹ chúng tôi không biết. Đến lúc biết thì quá muộn. Nó khóc lóc nói nó thương thằng nhỏ đẹp trai mà hiền lành. Nó khóc mãi, kỳ được thầy mẹ chúng tôi nhận rẽ mới chịu nín. Xong đâu đấy nó phây phây đưa anh lính nhảy dù vượt năm bảy hàng rào canh gác đến tìm tôi. Tôi nghe nó trình bày cách thức trốn về xuôi mà hết cả hồn vía.

Giấy tờ? - Của anh.

Quần áo? - Của anh.

Võ khí? - Của anh.

Tiền bạc? - Anh cho.

Tôi chẳng còn biết làm gì, ngoài việc thu xếp cho hai đứa theo đường thủy về thủ đô. Mười bữa sau chúng nó về đến nơi. Nhưng trước khi về đến nơi, theo chồng nó sau này kể lại, hai đứa đi trên bè bị một toán du kích xã chèo thuyền

ra đón bắt. Nó vui mừng tự giới thiệu là nữ bí thư của tôi - tôi ở đây là chồng nó - để cảm ơn tụi du kích cứu chúng tôi kịp thời, vì thuyền lớn đi công tác bị tàu bay địch bắn đắm. Tụi du kích mới hơi nghi ngờ nó đã kể một đồng chuyện về đồng chí tư lệnh chiến khu, đồng chí chủ tịch tỉnh, đồng chí chủ tịch xã... đều là bạn thân của tôi. Tôi bị đau không nói gì nhiều, chỉ ừ hử và lắc đầu. Nhưng đã có nó... nó nói gì đều đúng, tỏ ra nó là dân địa phương thật sự. Dân địa phương thì tin nhau, nhất là tin nữ đồng chí bí thư xinh đẹp và khéo léo hứa hẹn cả với đồng chí xã đội trưởng, đồng chí xã đội phó, cả đồng chí bí thư xã. Kết quả là hai ngày một đêm ăn uống linh đình, rồi "mượn" một chiếc thuyền tam bản mới tinh tiếp tục đi công tác. Hai đồng chí đội viên du kích cũng được đưa về công tác luôn... trong nội thành. Tôi, ngãi là chồng của em tôi, trốn thoát hơn một tháng rồi tôi - chính là tôi thật - mới bị bắt vì tội đồng lõa với em gái tư thông với gián điệp địch. Tôi bị tuyên án tử hình, có lẽ sắp đến ngày thi hành, thì lại chính một tiểu đoàn dù nhảy xuống thị trấn, giải thoát được hơn hai trăm tù binh. Và tôi.

Tôi thuật lại câu chuyện trên đây để tỏ rằng em gái tôi không phải hạng người mới trông thấy khẩu súng đã run lên bần bật. Em gái tôi đã chạm trán với cái chết nhiều lần, và em rể tôi càng chạm trán nhiều lần hơn với cái chết. Cho nên một giấc mơ đâu có phải thứ làm cho em tôi sợ!

- Như em sợ, vì em mơ thấy nhiều lần, lần nào cũng in hệt như thế. Mỗi lần một rõ rệt hơn. Em sợ... em sợ mà không dám nói với ai. Nói với bạn thì chúng nó khinh, làm vợ lính dù mà nằm mơ thấy sợ thì sợ suốt đời. Em không dám nói với nhà em... Không, nhà em không bao giờ khinh em đau. Có điều ảnh thường nói, con người ta lúc nghèo khổ rất dễ can đảm, đến lúc khá giả, nhất là có con còn nhỏ, là sinh ra

nghĩ ngợi vẩn vơ - nghĩ đến nghèo lại sợ, nghĩ đến mất con lại càng sợ. Nhà em cho đó là bằng chứng về những tình cảm tốt đẹp của con người. Nhà em không cười em, nhưng nhất định thế nào cũng lôi mấy ông bác sĩ về nhà hạch hỏi đủ điều để tìm căn bệnh của em.

- Đúng! Tôi kêu lên. Dược ấy mời bác sĩ là đúng. Bây giờ, mấy nhà chuyên môn về thần kinh tiến bộ nhiều lắm.

Em tôi lắc đầu quày quật: về y học nó còn hiểu biết hơn tôi nhiều.

- Em biết! Em biết có ông đoán mộng mà chữa được người điên; có ông đoán mộng mà tìm thấy nguyên nhân, từ 30 năm trước, căn bệnh của một người đàn bà mắc chứng tâm lãnh(1). Nhưng họ sẽ không hiểu gì về những giấc mơ của em. Trước hết, vì khoa chữa tâm bệnh hiện nay mới chỉ do các y sĩ Tây phương nghiên cứu, mà tâm hồn em, em biết khác với tâm hồn người đàn bà Tây phương một trời một vực. Ví dụ người đàn bà Việt Nam lúc nào cũng sẵn sàng chịu thiệt với chồng, mà người đàn bà Tây phương không bao giờ chấp nhận điều đó. Vì sao? - Vì người đàn bà Tây phương thèm khát hưởng thụ từ người chồng nên tự nhiên phải có mặc cảm tùy thuộc, thua kém đối với người chồng đó - và đã có mặc cảm thua kém thì luôn luôn có phản ứng đền bù, tức là đòi hỏi được bình quyền và tranh giành mọi ưu thế. Người đàn bà Việt tất nhiên cũng biết hưởng thụ nhưng không coi sự hưởng thụ là một lạc thú không thể không có ở đời, cho nên bề ngoài thì người đàn bà Việt lệ thuộc nặng nề người chồng về sự sống vật chất hàng ngày, nhưng ngược lại, trong lòng lại không cần đến người đàn ông quá lắm... Em nghĩ thế mà cho rằng các bác sĩ thần kinh không thể căn cứ vào những nguyên tắc tâm lý Âu Mỹ mà tìm thấy căn bệnh cho em được.

- Nhưng em vẫn có thể thử một lần cho đích xác?

Tôi hỏi.

Em tôi có vẻ hơi hơi xấu hổ, trong thoáng chốc nó nhìn tôi mà cười, rồi quay đi, má đỏ hây hây. Nó thú thật:

- Em giấu nhà em, có đến hỏi bác sĩ F. ở Phan Thanh Giản. Ông ta già rồi, nếu không em đã tát cho mấy cái!

- Phải rồi! Tôi nói. Chắc hẳn là ta cho rằng người đàn bà đang tuổi khoẻ mạnh và được thoả mãn, nên ngấm ngấm trong vô thức có lo sợ sự mất chồng. Nằm mơ thấy chồng chết, bị đâm suốt và có máu chảy, là sự cố gắng giải toả trạng thái nén tâm, bằng cách chuyển dịch hành động ái ân thoả mãn thành một tai nạn ghê sợ.

- Đúng thế! Em tôi la lên. Đáng ghét nhất là cái nhìn và cái cười đầy vẻ đồng lõa, ra điều ta đây thông minh, ta đây tài giỏi, đã soi thấu cả ruột gan nhà người rồi. Em cố nén giận giải thích cho lão ta hiểu rằng nghĩ về cái chết của một người chồng thân yêu, người đàn bà Tây phương tiếc người đàn ông trước hết, và có than khóc là than khóc cho sự thiệt hại của mình. Trong khi đó, người đàn bà Việt trước hết là thương chồng nằm xuống cô đơn lạnh lẽo, rồi thương con bơ vơ, rồi mới thương mình không nơi nương tựa. Lão bác sĩ già kêu chịu không sao hiểu được. Lão ta nói cứ nghe bà thì người ta có cảm tưởng người đàn bà Việt Nam là thánh. Sau đó lão ta viết cho em một cái toa thuốc bổ, không lấy tiền. "Đáng lẽ tôi phải trả tiền bà về buổi nói chuyện hôm nay"... lão ta bảo thế.

- Được lắm! Tôi khen viên y sĩ già. Ít ra cũng phải thế: đã không giỏi thì phải có can đảm nhận mình không giỏi... Người giỏi là em tôi!

Duyên có vẻ sung sướng nhận lời khen. Nhưng nó vẫn buồn buồn thế nào.

- Em không cần giỏi, em cần anh giúp em.
- Thì em nói đi. Em bắt đầu mơ thấy thế từ bao giờ?
- Từ mười bốn ngày... đêm nay là mười lăm đêm.
- Đêm nào cũng thế?
- Vâng, đêm nào cũng thế. Em giật mình thức giấc vào khoảng từ 4 giờ đến 6 giờ.
- Cuối giờ Dần đầu giờ Mão, mơ vào giờ này thật lắm đấy!
- Thật thế sao anh?
- Thì cũng nghe người ta nói. Có phần nào hữu lý: lúc bây giờ trời đất âm ả, không khí trong lành... Nhưng đoán là đoán bậy mà thôi. Em kể tiếp đi. Giấc mơ bắt đầu thế nào?
- Em thấy em lâng lâng như đang bay. Rồi em thấy mình đang trong tàu bay. Em từ phía trong nhìn ra cửa mở bên tay trái. Hơn mười lính dù đứng thành hàng một, sát vào sườn tàu bay, tất cả mọi người đều nắm tay vào một sợi dây cáp không lớn lắm. Mọi người đều có vẻ lo ngại. Một người nói: "Gió lớn quá!...". Em nhìn ra là nhà em. Ảnh đứng ngay sau một người Mỹ. Ảnh không thấy em. Em muốn gọi nhưng không gọi được thành tiếng. Thế rồi có tiếng trong phòng hoa tiêu nói ra, về hướng đi, chiều gió, vận tốc của gió, độ cao... Thế rồi đèn đỏ phụt lên, người Mỹ bước sang bên kia cửa, nhà em khuyu hai chân lộn ra ngoài. Em theo ra. Trời đầy mây, tối mù mịt. Nhưng em vẫn thấy những cánh dù như những bông hoa lẳng lẳng nổi trên mặt nước. Mặt nước mênh mênh, gió thật mạnh. Một cái dù đã mở tung ra tự nhiên lại cuốn lại. Em nghe rõ tiếng người thúc giục: "Mở ra mà! Mở ra mà!"... Không phải tiếng nhà em. Nhà em xuống gần đến đất rồi, bỗng nhiên ảnh kêu lớn, kêu thật lớn: "Chết cha rồi! Lầm rồi! Coi chừng bây ời! Nhiều cây lắm!"... Ảnh kêu để báo động cho anh em. Trong lúc đó anh đáp xuống vùn vụt. Em muốn la

lên khi thấy dù của ảnh bị rách bằng mất hai khổ vải. Có lẽ vì thế mà ảnh rớt mau quá. Hoặc giả vì chú ý nhìn để báo động cho đồng ngũ, ảnh co chân, khép gối, rụt cổ, sẵn sàng. Nhưng đúng vào lúc đó em nhận ra một cành cây khô chìa thẳng lên trời. Ngay đằng sau ảnh, ảnh không nhìn thấy nó... Ngay đằng sau ảnh... ảnh không nhìn thấy nó... trời ơi!

Tiếng kêu thảng thốt của em tôi in hết như tiếng kêu chết của một con chim gãy cánh. Nó ngơ ngác nhìn chung quanh, hai má ướt nước mắt. Không phải một mình nó sợ mà cả tôi cũng sợ. Người ta nói giấc mơ nào hợp lý là giấc mơ báo trước sự thể xảy ra. Sự thật xảy ra. Em gái tôi có bao giờ đi trên tàu bay thả dù, có bao giờ nhảy dù, mà biết điều này điều kia y như thật. Tôi cảm thấy ngay rằng tình không thôi không đủ đem đến cho em tôi những giấc mơ - hay một giấc mơ? - quái lạ như thế. Nhất là, như tôi đã nói, nó không thuộc loại đàn bà ở lì trong gia đình để suốt ngày nhớ đến chồng, nghĩ đến chồng, mà tưởng tượng ra chuyện này chuyện khác. Em tôi tính hồn nhiên vui vẻ nên có nhiều bạn đến thăm hỏi... Vả lại trong khi tôi hoang tàng phá tán hết phần gia tài của tôi thì em gái tôi buôn bán, mở mang. Có thể nói nó giàu lắm, giàu lắm.

Nhưng tất cả tiền bạc trên thế gian không mua được sự yên ổn trở lại trong tâm hồn cho em tôi. Tôi cố nghĩ đến một điều nào đó...

- A! Cũng lạ, tôi hỏi. Em nằm mơ đến hơn chục lần rồi mà không có gì xảy ra, thì chắc đâu đã có gì đáng ngại? Người ta nói...

- Vâng, nó cất lời tôi. Sau khi thấy mình mơ đến bốn năm lần rồi mà vẫn không thấy gì, em đã hơi yên dạ. Nhưng rồi em mới nhận rõ... em mới nhận rõ cứ mỗi lần sau thấy cảnh nhà em bị nạn, em lại thấy rõ hơn đầy đủ chi tiết hơn

lần trước. Ví dụ lúc đầu em chỉ nhận được có mình nhà em thôi, nhưng lần sau em nhận được thêm một người bạn của ảnh, lần sau nữa lại thêm một người bạn nữa của ảnh. Lần đầu nhà em nhảy ra ngoài rồi, em chỉ thấy bóng đen kịt, nhưng mỗi lần sau lại rõ hơn... rõ hơn. Đêm hôm qua...

Duyên nấc một tiếng khẽ, hai hàm răng cắn chặt chiếc khăn tay. Rồi đột nhiên nó vùng dậy chạy ra cửa. Tôi đuổi theo giữ lại kịp.

- Em phải can đảm! Dù sao cũng vẫn còn là giấc mơ... chẳng lẽ em nằm mơ chồng em bị nạn khi nhảy mà dương ấy cứ nằm lì ở nhà cũng chết được hay sao! Anh có thể gọi đây nói cho ông lão đoàn trưởng yêu cầu ông ấy cho dương Ba nghỉ nhảy một tháng.

- Anh định nói thế nào?

- Thì... thì nói như em kể...

- Không được đâu anh ơi! Vợ nằm mơ mà đòi được cho chồng nghỉ, thì quân đội không còn người lính nào ra trận. Nhà em mà biết thế, ảnh cũng giận...

- Thì nói cho dương ấy biết trước?

- Không được đâu anh ơi! Nhất là hôm nay, em trông thấy ảnh là em muốn khóc. Vì em mơ thấy ảnh em sợ quá rồi!

- Em thấy dương ba thế nào?

- Em thấy rõ mồn một. Như có đèn chiếu riêng cho một mình em. Em thấy máu trào ra, chảy thành dòng xuống áo xuống quần, xuống đất. Lúc đầu ảnh la lớn: "Chết tao rồi, bây oi!...", sau ảnh đau quá đưa hai tay nín đầu cành cây như muốn nhào ra. Máu nhầy nhựa cả hai bàn tay. Sau cùng ảnh ngửa mặt lên, rồi gục xuống, đầu ngoẹo sang một bên vai, cánh tay thông xuống. Ảnh gọi em: "Duyên ơi!"... Ảnh muốn nói gì nữa nhưng không kịp. Em muốn gọi ảnh, muốn chạy đến ôm lấy ảnh... Ảnh chết rồi... Chết thật rồi...!

IV.

Thật là một giấc mơ ghê gớm. Tôi bắt buộc phải tìm một cách thức nào đó để giúp em tôi: số mạng, nếu đã có và không lay chuyển được, thì cố gắng chống đối cũng hoàn toàn vô ích. Tôi muốn đến gặp em rể tôi, nhưng cũng chỉ vô ích thôi. Bởi nó cũng có học khá và còn chịu khó đọc sách lắm. Đọc nhiều sách, thật nhiều, thì có thể chấp nhận một vài điều phi lý... Nhưng cho dù tôi thuyết phục được cho nó tin thì nó có thể làm được gì? Không lẽ xin nghỉ nháy "vì vợ tôi mơ thấy tôi bị nạn" hay sao? Đòi nào một sĩ quan nổi tiếng can trường như nó, lại chịu lui bước vì một đe dọa viễn vông như vậy! Con người ta mất sự kính trọng của kẻ khác còn có thể sống được, chứ mất sự tự tin vào tư cách của mình thì chắc chắn không sống được.

Tôi không thể nói gì với em rể, nhưng nhất định tôi phải làm gì giúp em gái. Nếu chồng nó chưa chết, mà em tôi cứ tiếp tục nằm mơ như thế một tuần lễ nữa thì chính nó sẽ chết, diên mà chết. Cho nên vấn đề không phải là cứu một sĩ quan dù - vào lính dù, ai nấy đều chờ đợi lượt mình đổ ngã, cũng như người con gái lấy lính dù đã có phần nào nghĩ mình góa bụa - mà vấn đề là xua đuổi giấc mơ ác nghiệt kia đi. Tôi nghĩ chỉ còn một cách.

- Nghe nói vùng Trương Minh Giảng, Nguyễn Thông có nhà thờ... Đức mẹ Maria thiêng lắm, nhiều người đến nguyện xin điều này điều nọ đều được thoả mãn... Nhiều người trả lễ bảo vật...

- Em đã đến rồi. Em xin cho nhà em bình yên, em nguyện trả lễ một chiếc cà rá 7 ly.

- Em đến lâu chưa?

- Từ tuần trước.

- Còn ngôi chùa ở Hàng Xanh?

- Em đến rồi. Ông ta bảo nhà em có hạn nặng trong tháng này, nhưng bản mệnh thì vững.

- Thế mà em vẫn không hết!

Duyên chán ngán gặt đầu. Bây giờ tôi mới nhận ra mắt nó sâu hoắm xuống, hai gò má nhô cao lên, bắp thịt ở đuôi con mắt trái giật giật. Tôi nắm chặt hai bàn tay run rẩy của em tôi và quyết định.

- Anh giúp em.

Hai mắt em tôi mở lớn, ngạc nhiên nhiều hơn hy vọng. Anh giúp em? Anh giúp ra sao?

- Anh có biết một ông thầy pháp người Tàu, mới trốn từ Trung cộng sang Hồng Kông rồi sang Việt Nam. Ông ta già rồi, có phép thuật giỏi lắm. Anh nói chuyện với ông ta nhiều lần...

- Nhưng anh có biết nói tiếng Tàu đâu!

- À... ông ta nói tiếng Pháp.

- Ông ta là con quý phái, họ Mã... con của tướng Mã Chiếm Sơn, người đầu tiên hạ lệnh kháng Nhật năm 1938 ở Lu Cầu Kiêu. Ông ta còn trẻ có du học ở Ba-lê, Ấn Độ...

- A, có thể chứ! Chắc ông ta học phép ở Ấn Độ?

- Nhất định! Ông ta đã tu khổ hạnh Bà-la-môn trong rừng... à rừng Tu-la-khê-da mười năm, mỗi ngày chỉ uống bốn ly sữa...

- Bốn ly sữa?

- Bốn ly... phải rồi, bốn ly nhỏ bằng ly uống li-cơ.

- A, có thể chứ! Chắc ông ta có nhiều người nhờ. Em không thấy đăng báo?

- Ông ta ở trên gác cao, ai có duyên ông ta mới tiếp. Có khi mình đang đi ngoài đường ông ta đã sai người ra mở cửa đón sẵn. Mình không nói tên ông ta cũng biết.

- Giỏi quá nhỉ! Ông ta làm thế nào mà biết được?

- Ừ, thì thần giao cách cảm mà! Có thể mới đi vào trong mộng mà giúp em được chứ.

- Đi vào trong mộng? Mộng của em?

- Chứ sao! Ông ta giác ngộ sắp thành Phật...

- Sao anh nói ông ta tu theo Bà-la-môn? Bà-la-môn làm gì có Phật?

- Thì... sau đó ông ta bỏ Bà-la-môn theo đức Thích ca. Ông ta tịnh khẩu ba mươi năm.

- Ba mươi năm? Bây giờ ông ta còn tịnh khẩu?

- Nhất định! Ông ta nói bằng thần giao cách cảm không? Nói không thành tiếng!

- Sao bảo ông ta nói chuyện tiếng Pháp với anh?

- Thì thần giao cách cảm cũng phải có hình ảnh chứ! Có hình ảnh cũng phải có danh từ, động từ, để diễn tả hình ảnh chứ!

- Phải rồi! Có nhiều cuốn sách về tê-lê pa-ti. Ông ta giỏi thật đó! Ông ta giúp người có lấy tiền không anh?

- Có! Ông ta lấy ba trăm ngàn, đưa trước hai trăm ngàn, một tấm ảnh mới chụp của cô, một tấm ảnh chụp chú mặc đồ trận.

Em tôi có vẻ tin tưởng hơn khi thấy số tiền lớn. Không có ông thầy nào mới lần thứ nhất đã đòi đến hai trăm ngàn. Hai trăm ngàn là giá một chiếc xe 4 ngựa còn mới. Nhưng em gái tôi giàu có. Hai trăm ngàn đủ nhiều nhưng chưa xót ruột.

- Nếu có thấy nhiều quá, anh có thể nói ông ta bớt cho cô.

- Không, chỉ cần ổng thiệt giỏi. Thiệt giỏi thì hai trăm cũng đáng.

- Giỏi thì bảo đảm mà.

- Để em gửi anh một cái chi phiếu. Rồi em về nhà lấy ảnh.

Khi em tôi trở lại, tôi đã sẵn sàng. Sẵn sàng một vụ lừa

đảo lấy hai trăm ngàn. Thật ra tôi không cần được số tiền, nhưng em tôi cần mất nó. Vì tất cả mọi người, khi thấy nguy hiểm đe dọa đến vợ chồng hay con cái họ, đều thấy cần được tống cây vào một thế lực siêu nhiên. Người đàn bà ngày thường sáng suốt và cứng cỏi đến đâu mà sợ mất chồng, mất con, cũng tìm đến thầy bói, thầy ngãi, thầy pháp - ở Việt Nam, Hoa Kỳ hay Liên Xô cũng thế. Em gái tôi cũng thế. Tôi tính số tiền vừa đúng cho nó chú ý, trong sự giàu sang của nó. Nói ít nó coi thường.

Công việc của tôi là làm sao cho em tôi tin tưởng có một sự giúp đỡ vô hình bên cạnh nó. Tôi không có tài cán gì giải thích giấc mộng lạ lùng. Nhưng tôi cố gắng trả lại sự yên ổn cho tâm hồn nó. Một người như em tôi không thể vì cái chết mà bấn loạn thế: nguồn gốc sự kích động là tình trạng bất lực của nó trong giấc mộng.

Mục đích của tôi nhằm làm cho Duyên có cảm tưởng làm được một việc nào đó giúp chồng. Tôi phải giảng giải cho nó nhiều về những giấc mơ mà trong đó không phải chỉ năng lực của thân xác mới có khả năng tác động mà thôi. Nhu cầu sinh lý, cảm quan của trẻ thơ, nếu bị đè nén, có thể ảnh hưởng đến một giấc mơ nào đó. Nhưng không phải chỉ có thế mà thôi. Bởi người ta phải hiểu mình nằm mộng với ký ức của mình, nhưng cũng có khi với ký ức của người khác. Như em tôi thấy cảnh nhảy dù mà chỉ chồng nó biết rõ. Và cũng có thể người ta nằm mộng thấy một hình ảnh không thật sự có trên đời, như có lần, tôi mới lên mười, mơ thấy bị nhiều con vật quái đản đuổi theo để giết: tôi trèo lên mái nhà, ngọn cây, đều bị chúng húc đổ tan tành. Tôi sợ quá mà tỉnh giấc, mồ hôi vã như tắm, tim đập liên hồi, đến mấy đêm sau còn sợ.

Ý tôi muốn nói rằng linh hồn người ta là cả một sự chấp

nổi phức tạp và lâu dài những xúc cảm và những hình ảnh. Chúng ta gọi đó là những ký ức. Có điều, thiên hạ nói đến ký ức thì chỉ nghĩ đến những xúc cảm và hình ảnh riêng biệt, mà chỉ có ý chí của người ta, lúc tỉnh mới tập hợp lại thành một chuỗi dài có ý nghĩa như một sự kiện, hoặc tiến xa hơn, so sánh nhiều sự kiện để rút ra một kết luận - công việc mà thiên hạ gọi là suy luận. Nói tóm lại, người ta nghĩ về linh hồn như một sự vận động của ký ức, chỉ hiển hiện khi người ta tỉnh táo: mắt mở, tai nghe, mũi ngửi v.v...

Tôi thì tôi nghĩ khác. Người ngủ, hay người chết, có một phần giống nhau là mắt nhắm, miệng ngậm, thân thể ở yên... Nhưng ở người chết thì tim ngừng đập, máu ngừng chảy, khí ô-xy không theo máu luân lưu trong cơ thể, nên mọi bộ phận đều ngừng hoạt động, các giác quan đều nghỉ làm việc và thân xác nguội dần vì năng lực liên lạc không còn cơ sở, tiết dần vào khoảng không. Ở người ngủ thì chỉ có hai con mắt được thật sự nghỉ ngơi, còn tai vẫn nghe, mũi vẫn ngửi, da thịt vẫn xúc cảm - một tiếng động lớn, một mùi thơm gắt, một luồng gió lạnh, có thể làm cho người ngủ tỉnh giấc; tỉnh giấc sau tiếng động, mùi thơm hay luồng gió, mà vẫn có ký ức, dù mơ hồ, về các sự kiện đó - nên có thể nói là một phần linh hồn vẫn ở trong thân thể; đó là giác hồn. Còn một phần có khả năng rời cơ thể, làm một cuộc du hành dài hay ngắn trong không gian. Đó là phần ý thức, vì không có cơ sở giác quan nên không thấy được cảnh vật chung quanh như lúc tỉnh, nhưng ngược lại, anh hồn - tôi gọi phần ý thức này là anh hồn - có thể giao tiếp với anh hồn của một hay nhiều người khác, và, với tư chất ký ức trong khoảng không có thể giao tiếp với khoảng không, là sự tụ họp của anh hồn của tất cả các thể hệ người đã sống. Chính sự giao tiếp đó tạo nên những giấc mơ: mơ

kỳ dị, quái đản, mơ không đầu đuôi, nhưng cũng có khi mơ thấy cảnh tượng mà trong tương lai, gần hay xa, người nằm mơ sẽ gặp.

Tôi tin có những giấc mơ như vậy, nhưng tôi không tin có một định mệnh an bài. Tôi có cảm tưởng rằng một người tỉnh có thể không có ý muốn này, ý muốn khác - như em tôi không thể có ý muốn thấy chồng gặp nạn chết - nhưng có thể là để đáp lại một phản ứng thâm kín nào trong đáy sâu tâm linh của người đó. Sự giao tiếp giữa anh hồn của hắn với khoảng không đã có một kết quả là một vùng năng lực rất lớn được vận dụng để tạo thành sự thật những gì mà người đó thấy trong giấc mơ... Em tôi ngồi yên nghe tôi nói, chỉ hơi cười trong ánh mắt. Tôi biết nó không hiểu, hoặc không, khoảng không đã là "không" thì còn năng lực nào để tạo thành cả một cảnh tượng có thật ngoài đời? Và lại, đã là một cảnh tượng của Định Mệnh thì không có cố gắng nào thay đổi được.

Sự chất vấn của em tôi có lý trong giới hạn hiểu biết thông thường hiện đại. Tôi không cãi mà chỉ kể cho nó nghe - cho nó nhớ lại thì đúng hơn - trường hợp bà vợ tướng De Gaulle nằm mơ bốn đêm liền thấy chồng mình bị bắn chết bởi 3 phát đạn trung liên, khi chiếc xe của ông vừa đi khỏi một cây cầu nhỏ và một quãng đường vòng cung. De Gaulle nói với vợ: "Bà hãy cầu nguyện cho tôi". Rồi quên đi. Hai ngày sau ông ta đi một chiếc xe DS.21 có mô-tô hộ tống, theo đường bộ về nhà riêng, cách Ba-lê khoảng 200 cây số. Đoàn xe đi chậm lại để qua cầu, rồi tiếp tục đi chậm trên con đường uốn cong về phía trái. "Uốn cong về phía trái" bà De Gaulle nói như thế và nói tiếp: "Ông ngồi bên trái" ... De Gaulle nhận ra mình ngồi bên trái thật, khác hẳn lệ thường ông ta bao giờ cũng ngồi bên phải. De Gaulle

giật mình, một sức mạnh nào đẩy ông ta sang góc xe bên kia, vừa lúc súng nổ, ba viên đạn xuyên qua thành ghế nơi ông ta vừa tựa lưng - một viên khác xuyên thủng vỏ sau xe, nhưng bánh xe thuộc loại không bể (vì chia làm nhiều ngăn?) nên chỉ mất một phần hơi mà không xẹp: người quân nhân lái xe nhấn mạnh ga thay vì ngừng lại... Kinh nghiệm của gia đình De Gaulle được nhiều báo thuật lại, sau khi ông ta chết. Người sùng đạo tin chắc là nhờ bà vợ thành tâm cầu nguyện mà ông chòng thoát nạn. Nhưng cũng còn nhiều trường hợp khác, mà người ta có thể kể suốt ngày không hết. Điều quan trọng là không tin tưởng một cách mù quáng, nhưng vẫn phải có sự chấp nhận, chấp nhận để không chống đối, kháng cự... kháng cự làm cho tâm hồn tê điếng, chính là nguồn gốc của trạng thái kinh hoàng bất lực của người trong cuộc. Tôi muốn nói, như con thuyền giữa cơn giông tố, chỉ có cách thuận theo chiều gió mới có hy vọng sử dụng đến bánh lái phần nào. Như người không biết bơi lỡ té xuống dòng sông chảy xiết, việc phải làm trước hết là tuyệt đối không vùng vẫy: cứ mặc cho làn nước đưa đi thì tất nhiên cả người sẽ nổi lên mặt sóng.

Tôi muốn bảo em tôi đừng sợ, đừng buồn... nhưng lời nói nào, trong lúc này cũng vô ích. Tôi không thể khuyên nó cầu nguyện, vì, cũng như tôi, nó có nhiều lẽ phải quá trong đầu óc. Bởi thế, tôi đành phải lừa dối nó.

V.

Sau đây là bức thư mà Duyên gửi cho tôi từ Đà Lạt.

Anh thân yêu,

Em cứu được nhà em rồi, đáng lẽ đến báo tin mừng cho anh, nhưng nhà em về đến nhà đã gần sáng, mà 8 giờ có máy bay chờ sẵn đưa chúng em lên nghỉ trên này cho nhà em bình tĩnh trở lại, nên em không đến được. Vả lại, em tin

chắc ông thầy đã biết hết, và đã kể hết với anh.

... Bây giờ em nghĩ lại, mới thấy thật may mà em đã nghe lời ông, làm hết mọi việc đúng như anh dặn. Em nói thế, anh đừng buồn, tội nghiệp em. Mong anh hiểu cho em... người có đôi chút học vấn, mà bảo em... à, mà thôi, để em thuật lại có đầu đuôi anh mới hiểu cho em nhiều hơn.

... Lúc em ở đằng nhà anh ra về thì đồng hồ đã chỉ 12 giờ. Em sửa soạn đón nhà em về ăn trưa, rồi chờ anh đi ngủ mới bắt đầu tìm kiếm trong mớ kỷ vật bề bộn từ khi thầy mẹ còn sống để lại, mãi gần 2 giờ mới thấy mấy đồng cắc bằng bạc và chiếc khăn tay của em thời con gái. Mãi hơn 3 giờ nhà em mới đi làm. Em lên lầu mở cửa sổ ngồi chờ. Trong khi chờ, em thấy lỗ bịch quá. Em bần khoăn mấy lần định bỏ xuống dưới nhà, nhưng không hiểu sao vẫn ngồi yên.

Đúng 4 giờ, ông già cầm xin ăn đi qua. Ông ta ngược nhìn lên em, em làm dấu quyết đúng như anh dặn. Ông ta dừng lại chờ.

Em xuống, mở cửa ra đường, vừa đi vừa đếm nong, thoong, than, thí, hả, hốc... đến thíp thì em dừng bước, chân phải trước, chân trái sau. Ông già ăn xin, quần áo rách, nhưng khá sạch sẽ đưa cho em tờ giấy vẽ bùa và hai đồng cắc bằng chì. Em nhìn đúng năm 1960 và so đúng hình ông Diệm ngược đầu với bó lúa. Em đưa hai đồng cắc bạc, em nhớ năm 1927 và 1931, cho ông ta, với chiếc khăn tay.

Em trở lên lầu, ngồi nhìn mãi lá bùa. Em tưởng như không thể nào làm theo lời anh được. Nhưng rồi sau em nghĩ đến nhà em, em nghĩ vợ chồng hy sinh cho nhau đến thế nào còn được... Em đốt lá bùa vừa thả dần vào ly nước, vừa đọc thần chú, xong em nhắm mắt uống cạn cả ly. Rồi đúng 6 giờ, em đi bộ ra đường, đi bộ đến bến sông, ném

thật xa hai đồng các vào đêm tối. Em về đến nhà đã hơn 9 giờ. Nhà em chưa về, nhưng chỉ một lúc sau em được sĩ quan trực ở văn phòng gọi dây nói cho biết nhà em không về: khoảng quá nửa đêm có nhảy tập phản phục kích.

Từ bấy giờ trong lòng em như lửa đốt. Em không sao ngồi yên đứng yên được. Em lên lầu xuống lầu cả mấy chục lần. Mãi hơn 12 giờ em mới đi nằm, nhưng cũng không sao ngủ được. Em vùng dậy mở cửa sổ nhìn ra ngoài trời. Trời trong vắt, có trăng, có sao. Em thấy hơi vững bụng. Nhưng chỉ được một lúc thôi, vì sau đó những đám mây lớn ở đâu kéo đến đầy khắp. Em bắt đầu sợ trở lại. Nhưng em sợ mà không thấy bối rối trong lòng như mấy bữa trước. Em tì tay vào khung cửa, liên miên những hình ảnh cũ: hồi chúng em mới gặp nhau, khi chúng em đi trốn trên sông Thao, hồi nghe tin anh bị bắt... Quá khứ, quá khứ... từng trải bao nhiêu gian nguy, em được hưởng nhiều hạnh phúc mà em không biết. Em cảm động, em muốn cảm ơn, em thấy cần được cầu nguyện. Nhưng không lẽ em cầu nguyện những vị mà ngày thường em không nghĩ tới? Em không làm như thế được... trong lúc khẩn khoản, em chột ngẩng mặt lên trời cao có mây đen vần vũ. Một nửa tâm hồn em bỗng nhiên mở rộng: em cầu nguyện bằng quơ vào khoảng không. Xin đất trời phù hộ. Tiếng em nhỏ và đều, ru em vào giấc ngủ. Giấc mơ quen thuộc lại bắt đầu, nhưng lần này em nghe rõ tiếng em cầu nguyện. Thế là đủ. Em biết sự gì sẽ xảy ra. Em tiếp tục mơ thấy nhà em trên máy bay, lại thấy cái dù mất hai khổ vải... Em thấy rõ ảnh núa một bên dây, kéo hết sức để quân bình chỗ trống. Em theo ảnh rớt xuống đu đưa theo những cơn gió mạnh. Em thấy em yên ổn, bình tĩnh. Em nhận được cành cây sớm hơn mọi bận. Như chỉ chờ có thể thôi, em la hết sức lớn: "Anh! Coi chừng! Anh ơi!...".

Tiếng em la chưa dứt, em thấy nhà em ngẩng mặt lên thật nhanh, cúi xuống nhìn thật nhanh. Rồi em thấy cả người ảnh như co lại, như bồng lên và tạt sang bên cạnh. Mũi nhọn của cành cây vút qua xướt ngang vai ảnh...

Em thức giấc, nhận ra mình ngủ quên, gục đầu trên bậu cửa sổ. Em đóng cửa, vào giường ngủ một giấc thật say. Gần 6 giờ nhà em về. Em bình thản, nhưng nhà em tái xanh. Em mở cửa, ảnh ôm chầm lấy em, hôn lên đầu, lên cổ. Trong khi đó thì tay nhà em run run, đầu gối nhà em lập cập. Ảnh đi không muốn vững. Về đến nhà, gặp được vợ con rồi, ảnh mới thấy tai nạn vừa qua ghê gớm biết bao. "Thằng phi công nhận nhầm tín hiệu, thả dù cách xa địa điểm hơn 10 cây số, đúng vào khu rừng thưa, bên chủ nghĩa là con sông nhỏ mà thật sâu. Cả tiểu đội chỉ huy chết 8, bị thương 2, trong đó có 6 đứa chết đuối vì đêm tối, dù quấn vào người, không thoát ra được".

Trong số người chết có trung úy H., bạn thân của nhà em. Trung úy H. mới lấy vợ được một năm có đứa con vừa vặn ngày sinh nhật đầy tuổi tôi: đang vui với bạn bè thì có xe đến gọi đi gấp. Khi nháy, anh nháy sau cùng, cách mặt đất còn bốn năm thước thì một cơn gió mạnh đánh tạt dù vào một cây sồi không cao lắm. Nhưng một cành sồi gãy chỉ còn một đoạn dài hơn gang tay, lọt giữa vành mũ và cổ áo, xuyên ngập vào gáy anh, và như cái đinh treo anh lơ lửng, hai chân cách mặt đất hơn một đầu người. Hình như H. không thấy đau, vì anh kêu gọi đủ tên các anh em trong tiểu đội. Anh bảo nhà em đi gọi vợ con anh đến. Nhưng sau đó anh bị mê man. Dưới ánh sáng đèn chiếu của trực thăng cấp cứu, bác sĩ và mọi người không tìm cách nào đưa anh xuống được...

Trung úy H. chết trước khi trời sáng rõ, trước khi trực

thăng lớn đưa đủ dụng cụ đến cửa cảnh cây. Nhà em đã chứng kiến nhiều cái chết nhưng chưa bao giờ ảnh gặp một cái chết phi lý, dữ dội như vậy. Nhất là chính nhà em suýt nữa cũng phải chết một cách tương tự. "Anh không hiểu được. Không hiểu được. Không phải anh tưởng tượng, không phải anh nghĩ đến em - trong giây phút đó, bất cứ ai cũng chỉ nghĩ đến những việc phải làm - nhưng rõ ràng anh nghe tiếng em gọi anh, "Anh coi chừng, anh ơi!..." Anh giật mình ngẩng nhìn, nhưng vội cúi xuống ngay, vừa vặn thoáng trông thấy mũi nhọn từ dưới đâm lên. Anh hết sức đu lên cánh tay phải, văng cả người theo. Anh thoát chết trong gang tấc, chỉ bị móc rách một bên vai áo... "Chỉ rách một bên vai áo!". Anh ơi, em cảm động và hối hận biết bao vì anh cứu vợ chồng em và em không tin, mà có lúc em định không làm như lời anh dặn. Trong lúc mừng rỡ, em chỉ biết ôm lấy nhà em mà khóc hoài, không sao nín được. Em cũng không sao kể ngay cho nhà em nghe nằm mơ thế nào, và anh giúp em thay đổi giấc mơ thế nào. Ảnh sẽ không tin và em sẽ rất buồn.

Vì thế em nín lặng giữ chặt cái vui của em trong lòng. Cả đến khi nhà em cởi dây tháo giày ra khỏi chân, có hai đồng bạc cắc rơi ra em cũng không nói, mặc cho ảnh cần nhắc em tin nhảm: "Em giấu tiền vào giày anh thế này, khi nhảy đụng mạnh xuống đất, rúi đồng cắc nằm nghiêng, nó có thể ngập vào chân anh". Em rúc đầu vào nách ảnh để cười một mình. Rồi em khế nhạt hai đồng cắc bạc gửi biểu anh đây, để anh giữ làm kỷ niệm...

Một lần sau cùng, vợ chồng em quyết không bao giờ quên được những ngày vừa qua. Nhà em sau khi nghe em kể chuyện, đồng ý với em rằng hiểu thì không hiểu được đến tận ngọn ngành, nhưng chồng em có thể tin - chúng em

rất tin thì đúng hơn - có sự giao tiếp, vay mượn ký ức giữa anh hồn của một người đang ngủ và anh hồn của một hay nhiều người khác. Chồng em tin rằng cái cảnh tượng được tạo ra do ý muốn của một anh hồn có thể được thông báo cho chân không để chân không đào tạo nên cảnh tượng đó trong thực tế. Em không mừng tượng nổi tại sao trong vô thức của em lại có thể có sự gặp nạn của nhà em, nhưng em thành thật tin tưởng rằng nhờ quyền phép của ông thầy và sự chỉ dẫn của anh, và nhờ tình thương yêu của em đối với chồng em, mà em xâm nhập được vào giấc mơ, mà em cất được lời cầu nguyện trong khoảng không, mà giữ được tinh thần tỉnh táo và chủ động để can thiệp cứu nhà em đúng lúc... xưa nay chưa bao giờ có người cố gắng giải thích những giấc mơ báo trước tương lai; người ta gạt phăng đi không tin, hoặc nếu tin thì cho đó là sự hiển hiện của Định Mệnh, mà đã nói đến Định Mệnh thì làm gì có sự thay đổi, sửa chữa được.

Anh là người đầu tiên giải thích những giấc mơ, ông thầy là người đầu tiên đưa người đang sống vào khu vực linh thiêng của chân không và anh hồn, còn em là người đầu tiên thay đổi được giấc mộng của chính mình. Sau một nửa tháng kinh hoàng, anh biết không, hôm nay em hãnh diện không ít!

Em chỉ tiếc có một điều là không tìm được cách nào để kể câu chuyện của em cho mấy người bạn. Mấy lần em định kể, nhưng muốn kể thì phải giải thích, mà em giải thích không được, không lẽ cứ mỗi lần kể lại đòi có anh ngồi bên cạnh hay sao? Em gái thân yêu của anh.

Thiếu Duyên

Tái bút - Em vừa tìm thấy trong túi bộ đồ trện của nhà em chiếc khăn tay, còn y nguyên nếp gấp. Kể cũng lạ: không

biết ông thầy làm cách nào mà bỏ được nó vào túi nhà em... Cũng như hai đồng bạc cắc, em xem lại đồng niên hiệu 1927, 1931, làm sao vào được giày nhà em mà nằm... Nhưng mà thôi, anh hiểu được cái gì anh hiểu, còn cái mà em thấy, mà em không hiểu nổi, thì em gọi nó là thiêng liêng huyền bí - ở trong sự chuyên chở và bao bọc của Chân Không, như anh thường nói!

VI.

Tôi đọc đi đọc lại bức thư của em tôi, cố tìm xem nó có ý định trêu cợt gì tôi không. Vì trong tay tôi lúc ấy có đến hai chiếc khăn tay và bốn đồng bạc cắc. Như các bạn đoán biết, sau khi ông bạn già của tôi - ông bạn già trong một chỗ chơi bởi không lấy gì làm sang trọng lắm - đóng vai người ăn mày cầm đổi hai đồng cắc và đưa em tôi lá bùa, lá bùa do tôi vẽ, ông ta đã trả lại cho tôi cả chiếc khăn tay lẫn hai đồng cắc bạc. Như vậy thì khăn tay nào, bạc cắc nào, mà ai bỏ trong túi, trong giày người lính dù, em rể tôi?

Ơ hay! Có lẽ đâu những điều tôi tưởng bày đặt ra, để trấn an em tôi, đều là thật cả!

Ngày 9 tháng chạp năm Tân Hợi

NGUYỄN MỘNG GIÁC TIẾNG ĐÀN THÂM

Vợ chồng ông Tâm và lũ con lếch thếch đi bộ từ phố về nhà. Con Lan và thằng Vũ hí hửng chạy theo ba mẹ, mừng quá quên cả đoạn đường dài. Con Lan mím môi cố giữ không cho cái mũ ni lông mới bay xuống đường cái lầy lội. Còn thằng Vũ tay xách đôi dép Nhật cũ, cứ chạy một đoạn phải dừng để sửa lại đôi tất mới và đôi giày da hơi rộng. Bà Tâm cười thật tươi, khoe với chồng rằng ký mực bà vừa mua rẻ hơn hôm qua đến ba trăm đồng, bù lại gói bột dưa đất hơn hôm qua một trăm đồng. Cuối cùng vẫn còn lợi hai trăm, đủ mua hai hộp sữa cho thằng Út. Chỉ có một mình ông Tâm không được vui:

“Lợi đâu không thấy, chỉ thấy cái cảnh cuốc bộ học xì dầu mà thôi. Em bắt anh ôm xách đủ thứ linh kính, không còn thấy đường mà đi nữa. Em coi thử có chiếc cyclo nào không, kêu lại chở một lượt về thẳng nhà

cho khỏe”.

Con Lan mau miệng:

“Có một chiếc kia kìa ba. Để con kêu cho”.

Bà Tâm chưa kịp ngăn, con bé đã gọi lạnh lói:

“Cyclo, lại đây mau”.

Nhưng bác phu xe cứ cầm cổ đạp xe đi thẳng. Ông Tâm thất vọng, còn bà vợ có vẻ thích thú, nhẹ nhàng giải thích cho chồng:

“Bây giờ đã sáu giờ chiều ba mươi rồi. Người ta còn lo về dọn dẹp rước ông bà, ai đâu làm thuê chở mướn nữa mà gọi cho mất công”.

Ông Tâm không biết giải tỏa nỗi bức dọc bằng cách nào, ngập ngừng một lúc, rồi sùng sộ với vợ:

“Phải. Bây giờ đã chiều ba mươi rồi. Chỉ còn mấy giờ nữa là giao thừa. Nhưng đã biết vậy, thì sao không lo mua sắm mọi thứ cho xong hôm qua hôm kia đi. Chờ đến phút chót, lúc người ta đóng cửa dẹp hàng, mới chụp giật hối hả rước toàn đồ dư thừa về”.

Bà Tâm phụng phịu nét mặt. Bà muốn trả lời liền, nhưng nghĩ thế nào lại thôi. Ông Tâm hơi ngạc nhiên không nghe vợ nói gì, liếc nhìn bà Tâm một chút rồi tiếp tục bước. Ông e dè liếc nhìn lần nữa, bảo nhỏ:

“Đôi giày em mua cho thằng Vũ đẹp lắm. Vừa chắc chắn lại vừa nhã”.

Bà Tâm giữ yên lặng. Ông Tâm nói:

“Trông con Lan nó đội cái mũ đỏ có dễ thương không. Má nó hây hây. Con nít nó khác, chỉ biết cười đùa không biết lo lắng gì”.

Bấy giờ bà Tâm mới bảo chồng:

“Đâu phải chỉ có con nít mới vô tâm. Đàn ông cũng vậy. Em ráng tiết kiệm từng đồng, làm sao cho khỏi mang nợ,

anh không chịu hiểu. Lại còn dằn vặt em nữa”.

Ông Tâm biết mình có lỗi, không dám nói gì thêm, lặng lẽ bước bên vợ. Từ đó về nhà, ông cố ý làm hoà với vợ đôi ba lần, nhưng lần nào cũng thất bại. Bà Tâm thản nhiên bước, làm như không hề biết đến sự có mặt của người phu khuân vác cùn cùn bên cạnh. Cả đến lúc con Lan thẳng Vũ bỏ ba mẹ chạy nhanh vào ngõ reo lớn:

“Về mau khoe đồ mới với ông nội. Bước nhanh lên mẹ”.

Bà Tâm vẫn không trả lời. Thấy nguy hiểm, ông Tâm cố gắng giảng hoà lần cuối cùng:

“Vô nhà để việc xếp đặt bàn ghế anh lo. Chừng nửa giờ là xong ngay. Mình lấy tạm cái bàn học con Lan làm bàn thờ. Em kê cái bàn dính mực cùng khắp phải không? Khỏi lo. Chỉ việc lấy tấm drap xanh phủ lên là xong ngay. Mình dẹp bớt mấy cái ghế, cái giường bố, khiêng thùng đồ giặt bỏ sau bếp, là đủ chỗ kê bộ sa lông mây. Dĩa mút, bình nước trà, chai rượu Anis, gói thuốc Mélia, bao diêm, bấy nhiêu đó là đủ tươm tất. Em thấy không, anh có khiếu mỹ thuật và óc tháo vát nhanh nhẹn trời sinh. Phòng khách đã chiến của mình không thua thiên hạ bao nhiêu đâu.

Vào phía trong cổng, bà Tâm mới hỏi chồng:

“Còn cái đàn anh định dẹp đi đâu?”

Ông Tâm khựng lại, không biết trả lời thế nào, hỏi vợ lần nữa:

“Em nói cái gì?”

“Em hỏi anh định dẹp cái đàn đi đâu?”

“Cái dương cầm của ông cụ hả?”

“Còn cái đàn nào nữa. Thùng đồ giặt bỏ sau lưng cái đàn. Dẹp thùng đồ giặt vào bếp, còn cái đàn có dẹp vào bếp không?”

Ông Tâm không trả lời, yên lặng theo vợ vào nhà. Cửa

trước chỉ khép hờ, tiếng con Lan tít tít:

"Ông nội, con có cái mũ mới. Con quăng cái mũ cũ vào thùng rác rồi. Nội thấy cái mũ của con có đẹp không?"

Rồi tiếng thẳng Vũ:

"Còn con thì có đôi giày. Với đôi tất nữa".

Ông Tâm vào nhà, thấy cha vẫn ngồi ở chỗ cái dương cầm hư như thường lệ. Hai bàn tay gầy guộc của ông cụ còn trái đều trên hàng phím trắng. Ông nội ngừng đàn, nghiêng người hỏi hai cháu:

"Ờ, bài đó hay lắm. Của ông nội với một người bạn hợp soạn đó. Để ông nội đàn cho cháu nghe nhé".

Con Lan nhanh nhẩu cải chính:

"Không. Nội nghe sai rồi. Tụi con hỏi nội có thấy cái mũ, đôi giày ba me mua cho tụi con đẹp không".

Giọng ông nội vẫn đều đều, như vọng từ một thế giới khác:

"Ờ, bài này hơi khó hát một chút. Thời đó chỉ có cô Bích Liên hát nổi bài này của nội mà thôi. Nhất là chỗ lách ở cuối bài. Khó diễn tả cho đúng lắm. Này, cháu nghe đây".

Rồi ông cụ xoay người lại, ngồi ngay ngắn trước cái dương cầm, hai bàn tay xương xẩu lượn lờ trên phím. Đầu ông cụ gật gật theo nhịp đều, đôi vai xuôi rung động, nhưng từ cái dương cầm, không có âm thanh nào phát ra cả. Ông Tâm thấy thương cha tràn trề, đứng lặng chỗ cửa ra vào quên cả việc đặt mấy gói đồ kèn càn xuống sân nhà. Bà Tâm thúc hông chông hỏi nhỏ:

"Anh thấy không? Ông cụ đâu có chịu rời cái dương cầm. Đố anh đẹp đi được. Chỗ đâu mà đặt bộ sa lông mây?"

Thằng Vũ chạy lại phân trần với mẹ:

"Mua đôi giày khác đi mẹ. Nội chê đôi giày xấu, con hỏi có đẹp không, nội lắc đầu không nói".

Bà Tâm tìm cách giải thích cho đứa con cưng:

"Nội đầu có chê. Nội công nhận đôi giày của con đẹp, đẹp lắm. Nhưng nội giận Vũ, vì hôm trước Vũ phá cái đàn cung của ông nội, nên nội lắc đầu không trả lời".

Thằng Vũ cãi lại:

"Đâu phải con phá. Chị Lan bảo làm vậy cho bớt ồn, đâu phải một mình con làm".

Con Lan cũng không vừa:

"Đâu phải con bảo. Tại mẹ..."

Nói đến đó, con bé chợt nhớ điều gì, ngừng lại kịp thời. Con Lan liếc nhìn ông Tâm, ánh mắt giả vờ sợ sệt một cách ranh mãnh. Bà Tâm cười xoà, nói với chồng:

"Ba nặng tai không nghe gì đâu. Cái dương cầm hư, kêu ột ột chẳng ra làm sao cả. Thế mà ba cứ tưởng đàn vẫn còn tốt, ngồi đánh say sưa. Em không chịu nổi, có bảo con Lan nó chêm giấy cho khỏi kêu. Anh đừng giận, ba có nghe gì đâu mà biết".

Bây giờ ông Tâm mới hiểu vì sao từ một tuần nay, chiếc dương cầm không còn phát âm được nữa. Ông nhận rằng vợ đã làm đúng. Ông nội bị điếc nặng không nghe được gì. Căn nhà thuê lại quá chật. Trưa tối sau buổi làm về, cả hai vợ chồng ông Tâm đều cần chút yên tĩnh nghỉ ngơi. Thằng bé Út lại hay sảy thức, mỗi lần ông nội đưa tay lên phím cái dương cầm cũ là thằng bé giật mình khóc thét.

Khốn nỗi ông Tâm không có can đảm nói cho cha hiểu. Ông cụ trước kia là một nhạc sĩ dương cầm nổi tiếng. Cây đàn là người bạn đời thân nhất trong cuộc đời nhọc nhằn cay đắng, từ khi người bạn đời xinh đẹp hiền hòa khác mất đi, bỏ lại cho ông cụ ba đứa con nheo nhóc. Bà nội vốn giỏi chuyện buôn bán táo tợn, một mình quán xuyến hết mọi việc gia đình. Thừa đó, nhờ thừa hưởng một gia tài khá đồ sộ và nhờ tài nội trợ của người vợ hiền, cả ngày ông nội chỉ

lo chuyện đàn hát với bạn bè. Bà nội mất, đột nhiên ông nội cảm thấy đời sống bấp bênh, mất hẳn sự quân bình. Ông nội tiếp tục sống cuộc sống cũ, trong lo âu. Tiếng đàn của ông nội có vẻ hồi hã, ray rứt. Không còn những âm thanh khoan thai trong sáng thời xưa. Rồi cái gì phải đến, đã đến. Gia tài khánh kiệt, thực tế cơm áo trước mắt không còn có cách nào quay mặt trốn tránh. Ông nội phải bán rẻ tiếng đàn nuôi con. Tính tình ông nội đổi khác, trầm ngâm ít nói, nét mặt u uất ưu tư. Ông nội luôn giữ khoảng cách lạnh lùng với mấy đứa nhỏ. Trong trí nhớ, ông Tâm chỉ thấy cha mình ngồi hàng giờ trước dương cầm, miệng hát khe khẽ, hết đưa tay lên hàng phím lại ghi ghi chép chép.

Cả ông Tâm lẫn hai người em trai không ai thích tiếp nối cái nghiệp dĩ nặng trĩu của cha già, nên kẻ làm công chức, kẻ đi lính, kẻ đi buôn.

Vì thế, ông nội chỉ còn một người bạn già: chiếc dương cầm. Khốn nỗi tuổi ông nội càng cao, đôi tay càng run, tiếng đàn càng rời rạc mệt mỏi thì chiếc dương cầm càng cũ kỹ, hư hao. Dây đàn chùng, thùng đàn vỡ, tiếng nghe không còn đúng nữa. Khi ông Tâm tìm được việc làm nuôi em thì ông nội cũng vừa bị cho thôi việc. Không biết làm gì qua ngày, ông nội cứ ôm lấy cây đàn cũ. Hai ba lần ông Tâm bị đuổi nhà, mỗi lần dọn đến chỗ ở mới, ông nội chỉ lo chở cái đàn của mình đi theo. Lần dọn nhà cuối cùng vào mùa thu năm trước, tuy căn nhà thật chật chội, ông cụ vẫn bắt buộc con cái dành chỗ tốt nhất cho chiếc dương cầm. Bà Tâm bực bội, nhiều khi nói nhiều câu quá nặng. Ông Tâm xót xa, nhưng chỉ biết làm ngơ. Ông ở vào cái thế khó xử. Ông khổ sở, đôi lúc phải mắng át cho vợ khỏi nói nữa. Ngay lúc này, ông biết sợ lại sắp đề cập đến chuyện dương cầm.

Ông sợ, đành cam chịu, chờ đợi. Rồi điều ông đợi đã đến.

Bà Tâm nhắc chồng:

“Kìa, anh làm gì mà đứng như trời trồng vậy. Tìm chỗ đặt mấy cái gói xuống chứ. Anh nhìn quanh xem, còn chỗ nào đặt xuống không?”

Ông Tâm còn đang phân vân, thì bà vợ nói tiếp:

“Thôi anh bỏ tạm đằng cái giường con Lan, rồi đem cái bàn mây vào xem sao. Không có chỗ cho khách ngồi, thì mời họ ngồi lên cái ghế dương cầm cũng được”.

Ông Tâm sợ sệt bảo vợ:

“Em để mặc anh lo. Ra phòng sau xem thử thằng Út thức dậy chưa. Con ở đi đâu không thấy coi nhà?”

Con Lan nhanh miệng mét:

“Lúc con về, con thấy chị ở đứng nói chuyện với thím Tu”.

Thằng Vũ thì đòi mở gói hột dưa:

“Cho con nắm hột dưa đi ba. Con biết cắn hột dưa rồi”.

Bà Tâm mắng:

“Vũ, không được hõn. Hột dưa chưa cúng, chưa được ăn. Hõn mang tội”.

Rồi bà quay về phía chồng:

“Anh liệu xếp bàn thờ chỗ nào? Hẹp thế này, kê bàn học của con Lan làm sao vừa. Hay là... hay là lập bàn thờ trên cái đàn dương cầm?”

Ông Tâm bị chạm vào chỗ nhột, phản ứng một cách gay gắt:

“Em cứ nói thẳng là muốn vất quách cái đàn lên xe rác, chứ đừng nói quanh co nữa. Đừng có dẫn vật mãi, anh không chịu nổi đâu”.

Bà Tâm cũng không vừa:

“Trong nhà này, ai dẫn vật ai? Ai làm khổ sở ai? Anh hay là tôi? Mình không có tiền thì chờ chợ tàn đi mua đồ thừa, tiết kiệm được đồng nào hay đồng ấy. Tôi đàn bà yếu ớt

còn chịu khó đi bộ cho đỡ tiền xe. Ai cần nhẫn cảm rằm từ chiều đến giờ? Mình nghèo thì chịu ở chật. Nhà chật thì phải khéo xếp đặt. Ai đặt chương ướcng..”

Ông Tâm cắt ngang lời vợ:

“Em không được nói động đến ba. Mình làm con, đã không đủ điều kiện phụng dưỡng đầy đủ thì phải...”

Bà Tâm cũng cắt lời chồng:

“Nhưng các chú làm ăn phát đạt, nhà cao cửa rộng sao không rước ba về phụng dưỡng, chỉ để mặc một mình anh lo. Các chú không phải là con à?”

“Em nói gì lạ vậy. Mình là con trưởng, phải...”

Bà Tâm lắc đầu chán nản:

“Bao giờ anh cũng chỉ nhắc lại có bấy nhiêu. Mà thôi. Để tôi lo dọn thứ gì ăn qua quít cho lũ trẻ đi ngủ. Lan, con qua kêu chị ở về cho me. Còn thằng Vũ cởi giày ra đi. Để cho mới mai còn đi lại các chú xin lì xì”.

Chờ cho vợ dẫn con đi khuất sau tấm vách ngăn, ông Tâm mới đi về phía cha. Kề sát miệng vào tai ông cụ, ông Tâm nói lớn:

“Thưa ba, đi nằm một lát cho khỏe rồi còn dùng cơm”.

Ông cụ gật đầu, nhưng vẫn cứ ngồi trước cái dương cầm, không chịu đứng dậy. Ông Tâm nhắc lại:

“Ba nghỉ một lát, ăn cơm tối rồi còn đón giao thừa. Chỉ còn bốn giờ nữa là hết năm Tí, ba có nhớ hay không?”

Ông cụ ngừng đưa tay trên phím, ngược nhìn con trả lời:

“Được lắm chứ. Bài này hay lắm. Âm thanh cuộn cuộn, như thác lũ. Hồi còn trẻ, ba chơi bản này, xúc động đến muốn khóc. Ba...”

Ông Tâm không để cho cha già nhắc lại điệp khúc cũ, nâng hẳn người ông cụ lên. Ông cụ không nói nữa, để mặc cho đứa con trai trưởng dẫn ra phòng sau. Bà Tâm và chị

ở đã dọn cơm xong. Hai đứa nhỏ đòi mẹ bỏ thức ăn đầy đủ vào chén ra ngồi trước cửa vừa ăn vừa nhìn xe cộ qua lại. Chỉ còn ba người lớn ngồi ăn lặng lẽ dưới ánh đèn điện vàng lù mù. Gần chỗ cửa sổ, chị ở nắm tay nôi đong đưa cho thằng nhỏ thôi ậm ọe cựa quậy. Lũ trẻ xem xe cộ chán, quay trở vào tíu tít hỏi mẹ chừng nào cúng Tết để chờ. Bà Tâm nhìn đồng hồ bảo còn hơn ba giờ nữa. Con Lan cương quyết bảo là con sẽ đợi. Thằng Vũ bắt chước bảo con cũng đợi. Nhưng hai đứa trẻ đều ngủ lả quay trên giường bố trước khi ông Tâm và chị ở lôi được cái đàn dương cầm vào sát vách để khoảng nền nhà còn lại đủ rộng mà đặt bàn thờ. Bà Tâm liếc dò gương mặt chồng, mỉm cười xin lỗi. Ông Tâm nhếch mép cười lại, gương mặt ngậm ngùi. Bên kia vách, ông cụ húng hắng ho. Hình như tiếng chân dương cầm kéo lê trên nền xi măng đã đánh thức ông cụ dậy. Hai vợ chồng ông Tâm nín thở nghe ngóng một lúc, rồi tiếp tục xếp đặt cho xong hương án và bộ sa lông để mai tiếp khách. Chị ở có ý muốn chờ giao thừa với ông bà chủ, nhưng đến mười một giờ khuya thì chịu thua con ma ngủ.

Hai vợ chồng ông Tâm lặng lẽ chuẩn bị đón năm Sửu, lòng lâng lâng không phân biệt được là niềm vui mới nhú hay là nỗi buồn còn lại. Ông Tâm bỏ áo sơ mi vào trong quần, định lấy cái cà vạt xanh thẫm mang vào nhưng sau nghĩ sao lại mở tủ lấy cái áo lương mặc choàng bên ngoài. Bà Tâm chải lại tóc, mặc cái áo dài nâu may thàng trước, bưng ba đĩa bánh mứt lên bàn thờ, gắn cặp đèn sáp hai bên lư hương, đặt sẵn bao diêm bên bì nhang loại rẻ tiền. Sửa soạn xong đầu đó, bà thì thào hỏi chồng:

“Còn bao lâu nữa mình?”

Ông Tâm xem đồng hồ bảo:

“Còn mười phút nữa”.

“Có nên thức ba dậy cho ba cúng giao thừa không?”

Ông Tâm suy nghĩ một lúc, rồi trả lời:

“Thôi. Khởi cần. Để cho ba nghỉ. Năm ngoái chính ba nhắc anh thức ba dậy để cúng rước. Năm nay ba không nhắc. Tại ba nặng thêm. Anh hơi buồn, vì ba không còn được như năm trước. Ba đã lẫn”.

“Còn mấy phút nữa, mình?”

“Còn sáu phút nữa. Em lo rót nước sôi trong tẹt-mốt vào bình trà đi. Cho anh bao diêm để đốt nhang”.

“Bao diêm em để sẵn đó rồi”.

“Nhưng cắm nhang vào đâu? Lư hương chỉ làm cảnh mà thôi”.

Bà Tâm cuống quýt:

“Em quên mất. Còn mấy phút nữa? Ba phút à? Em chạy xuống bếp lấy cái ly đựng gạo lên liền, chắc kịp”.

Lúc bà Tâm trở lên, đồng hồ vừa chỉ đúng mười hai giờ. Ông Tâm thì thào:

“Giao thừa. Lẳng chờ thử năm nay họ có bắn súng thay pháo không”.

Hai vợ chồng lẳng nghe một lúc không thấy gì. Ông Tâm nhớ đến phận sự trước, vội bật diêm thấp nển, đốt nhang lầm rầm khấn khứa trước bàn thờ. Lạy xong, ông đứng sang một bên nhường chỗ cho vợ. Bà Tâm cầu nguyện tham lam hơn chồng, đôi mắt say sưa, thành kính. Ông Tâm hơi nóng ruột, chờ vợ lạy xong đến gần thì thào:

“Sang năm Sửu rồi. Thêm một tuổi nữa, em có buồn không?”

Bà Tâm xúc động, không trả lời ngay. Một lúc sau, bà ngược nhìn chồng nói nhỏ:

“Em không buồn. Em già thêm một tuổi, thì anh cũng già thêm một tuổi”.

Ông Tâm không ngờ vợ nói được một câu dí dỏm đúng

lúc như vậy, định nói một câu thật tếu, thì giật mình vì tiếng súng nổ ngay bên cạnh nhà. Bà Tâm hốt hoảng nép sát vào chồng hỏi:

“Cái gì vậy mình?”

Ông Tâm trấn an:

“Không có gì đâu. Chú Tư thiệt gan cùng mình. Đã có lệnh cấm, vẫn ngứa tay bóp đại một phát cho đã. Mai chắc chắn lôi thôi với cảnh sát, không tránh khỏi đâu...”

Nói đến đây, ông Tâm đột ngột ngưng lại. Ông đưa mắt ra dấu cho vợ. Bà Tâm nhìn theo hướng nhìn của chồng, thấy ông nội bước qua cửa ngăn, đi ra phòng trước như một người mộng du, ông cụ nhìn bàn thờ, nhìn hai con khề gật đầu, tỏ dấu tán thưởng. Rồi ông cụ đi thẳng về phía cái dương cầm. Ông Tâm lo sợ, nói thầm với vợ:

“Chắc ba sắp nổi cơn lôi đình, hỏi tại sao dám đẩy cái đàn của ba đi chỗ khác”.

Bà Tâm trong sợ hãi cũng quên là ông cụ bị điếc nặng, thì thào:

“Chú biết làm sao. Không đẩy vào sát vách, chỗ đâu lập hương án. Ba phải hiểu nhà mình chậ chộ”.

Nhưng ông nội không quở mắng gì. Ông cụ đến ngồi trước đàn, yên lặng suy nghĩ một chút rồi đưa tay lướt trên phím. Đầu ông cụ gật gật đánh nhịp.

Ông Tâm thấy lòng xót xa, rơm rớm nước mắt bảo vợ:

“Năm Sửu chắc ba lẫn hơn. Khuya khoắt mà còn dậy đánh đàn”.

Bà Tâm không nói gì, nên căn phòng yên lặng hoàn toàn. Tiếng đàn lặng lẽ vẫn tiếp tục làm đau nhói tâm hồn ông Tâm. Ông không thấy gì khác hơn là một đêm tối mênh mông trước mặt. Ánh sáng nơi bàn thờ nhoè qua nước mắt. Hình dáng người vợ chao qua chao lại, như một ảo

ảnh. Rồi ông nghe vợ bảo:

“Mình, hình như ba đang nói gì đó. Hãy lắng nghe xem”.

Ông Tâm lấy ống tay áo chùi nước mắt, dăm dăm nhìn cha. Ông lắng nghe.

Bà Tâm thì thào:

“Hình như ba vừa đàn vừa hát, phải không?”

Ông Tâm chú ý hơn nữa. Vợ ông đã nói đúng, ông cụ vừa đưa tay lướt trên phím đàn cầm, vừa hát theo. Phải mất một lúc lâu, ông Tâm mới nghe thoang thoáng được vài câu hát của cha mình. Bà Tâm lại hỏi:

“Ba hát bài gì nghe quen quen”.

Ông Tâm ra dấu cho vợ im lặng, lắng nghe tiếp giọng hát khàn khàn của cha già. Bà vợ không nhin được tò mò nữa, hỏi:

“Ba hát bài gì mà say sưa vậy, mình?”

Ông Tâm nắm tay vợ, ngậm ngùi làm run tiếng nói:

“Anh không biết chắc. Hình như bài *Xuân* và *Tuổi trẻ* của La Hối”.

**NGUYỄN NGHIỆP
NHƯỢNG
MÙA
TRONG
VƯỜN NHÀ
CÔ FRAN-
ÇOISE**

Vòm kính nháng những tia chớp tím hay hơi nước bay tỏa đã nhuộm mặt nàng trong thứ ánh sáng thật dịu, từ màu tím chuyển qua những màu khác hoặc xanh trắng, pha hồng, liên tiếp nháng lên trong bầu trời đen mà chính những tia chớp đó đã làm cho rộng rinh. Hai dãy cây ượng có lá cong; chốc chốc, một cơn rung chuyển nào đó từ ngoài đưa tới, như thể từ phương xa, trong một chuỗi tinh hệ khác, xảy ra từ triệu năm trước mà lúc này ảnh tượng mới chuyển tới. Tôi đi rất nhẹ nhàng chung quanh vòng kính, ngang những cọng lá, những chậu sứ trắng men xanh, qua đầu nàng. Nhưng nàng không hề biết. Đó là một cái đầu nhỏ, tóc dài xuống lưng không buộc lại và có vẻ như ướt nước. Mùi thơm từ mái tóc đó tỏa ra khắp gian nhà lớn. Nàng bất động.

Nhưng chính như thể sự bất động đó của nàng trong

gian nhà đầy ánh sáng thay đổi và những cơn rung chuyển xa vắng không tiếng động làm nàng có vẻ như đang trầm tư. Hơn nữa, lúc này, nàng đang vói tay tới một cọng lá cong, một cánh tay để trần, trắng và dài. Điều này không chắn chắn mấy.

Nàng nói: “Con ngủ rồi.”

Từ cánh tay trần của nàng, ánh sáng chớp liên tiếp chói lòa như thể cánh tay đó có bôi mỡ và khi nàng thả cọng lá ra, nó bật lên, một vài giọt nước rơi xuống. Nàng cũng dùng cánh tay để trần này xoa nắn hai bả vai, xoa bụng và mạn sườn. Rồi đó, nàng cởi áo khoác thả xuống nền đất. Cái áo mỏng, dài như kiểu áo choàng ngủ, có những lỗ tròn chấy, bằng đồng xu nhỏ. Lớp da bụng của nàng hiện ra căng tròn về phía trước. Nàng thõng tay che một cách chậm chạp phần cuối cơ thể, bấp tay gần như ngáng trên bụng. Nàng mỉm cười và lại bất động.

Chính lúc đó, một người đàn ông hiện ra. Anh mở cánh cửa nào để vào tôi cũng không biết. Chỗ anh đứng, đằng sau là những ô kính vuông liền khít nhau đóng bằng nẹp gỗ. Nhưng một tay anh ngoái lại phía sau như động tác để khóa chốt; rồi đó, anh buông thõng tay xuống.

Tôi nói với nàng: “Có ai vào.”

Nàng nói, lơ đãng: “Ai đó.”

Nhưng hình như nàng mỉm cười mà không nói gì thì đúng hơn. Lúc này, nàng như cục sắt bị nam châm hút cứng xuống đất, không nhúc nhích, không thở, và nụ cười của nàng yên giữ như thế. Mắt nàng nhìn xuống, cũng bất động, ngay cả khi tôi ngó vào. Núm vú nàng đỏ hồng, quầng sừng mọng và nổi ốc.

Người đàn ông đã đứng bên cạnh nàng từ lúc nào. Anh đứng thẳng, mắt hướng về phía trước với một cái nhìn thật

xa xăm như thể không thấy nàng.

Anh có những nét duỗi thẳng trên khuôn mặt, khiến cái đầu dài khác thường. Anh đeo một cái mũ rộng vành tô xanh đỏ gì đó bằng một cái quai nơi cổ, hai bên tai thừa ra hai đường cong của vành mũ. Anh thông tay đứng yên, chỉ có đôi môi bập bập cái tẩu thuốc dài. Anh cao hơn người đàn bà nhiều.

Anh nói: “Mũ cói của Hector gửi tặng. Em thấy có đẹp không?”

Anh bập bập mấy hơi thuốc, đưa một tay lên giữ ống điếu.

“Cả ống điếu. Bây giờ anh ta đang ở nhà hay đi chơi với bạn bè. Hector Louis Végas, mau thật. Hồi nãy trong khi đi xuống đây, mưa lớn quá anh tới ngồi dưới cái vòm chậu, tự nhiên có cảm tưởng như...như...”

Bây giờ, một tay nàng đặt lên vai anh, mái tóc dài che ra trước ngực. Một chuỗi cười thật dòn dã như ở trên nóc vòm kính đưa xuống rồi đột ngột ngưng hẳn. Nàng trở lại bất động nét mặt có một chút ủ rũ nào đó. Giọng người đàn ông mà lúc này đã đội cái mũ rộng vành lên thật trầm như khi anh đọc một đoạn thơ.

“Xin lỗi, xin lỗi em. Nhưng hễ cứ trời mưa là anh lại vậy.”

Nàng không nói gì, ánh mắt thật mơ màng.

“Thời kỳ này anh sống giạt lùi thật xa. À, chỉ tại trời mưa.”

Anh đi tới một bước, hất cái mũ cói xuống ghé sát vào má của nàng và cọ cọ bộ râu vào đó. Anh nói trên gò má:

“Tại mùa mưa này làm anh hỏng.”

Nàng vẫn không nói, mắt nhìn xuống trong im lặng không biết tại sao. Lúc này thì mưa nhỏ hơn, nhưng chớp liên tiếp sáng chói ngòeng ngòeng trên bầu trời đen, lâu lâu có những lần chớp dài chạy nhỏ rức như chỉ trắng, nói rộng trời ra như một tấm màn kéo, và vòm kính chớp nhoáng những

tia sáng đỏ. Một đôi khi, ánh sáng tím và nhạt nhạt như soi lên bụng nàng, một màu nhẹ nhàng huyền hoặc kỳ lạ.

“Anh có kể cho em nghe chuyện trên núi chưa nhỉ? Trên núi, sống thật là tuyệt. Thời kỳ này anh gần với núi hơn. Màu xanh của núi mát mẻ hơn cái gì khác, lâu lâu anh tưởng như hơn cả em nữa.”

Anh ngừng nói và hút thuốc. Anh cúi đầu đi loanh quanh. Hai tay chấp sau lưng. Trong một lúc nào đó, anh vẫn đi và tiếp tục nói:

“Nhưng mà, hồi nãy, anh nói khi đi xuống đây, khi đi xuống đây đó. Anh sợ sợ. Anh bê bối thật. Em thấy đó, hồi này anh sống như mất trí nhớ. Trí nhớ của anh lúc trước phi thường, hả?”

Anh đứng lại và ngó ra ngoài. lát sau, anh tiến tới tỳ trán vào một ô kính, hai tay làm như cái khung bầu vào nẹp gỗ và gần chạm vào thái dương. Cái mũ cói vẫn ở sau lưng.

“Giá mà anh nhớ được. Giá như hồi trước, em hả? Lúc này, anh quên thật nhiều thứ, không nhớ gì hết. Nhưng mà, làm như anh đã thanh toán xong cái của nợ đó chứ không phải anh bị chúng bỏ anh.”

Anh làm một cử chỉ vung tay, rồi cầm cái ống điếu vẩy vẩy.

“Anh nhẹ mình.”

Anh hút vài hơi thuốc và nhả khói:

“Tại anh sống trên núi đó.”

Bất chợt nàng nói:

“Anh sống trên núi với ai?”

Câu hỏi như câu nói, không cao giọng, như thể là nàng không hỏi anh mà là hỏi một cái tượng gỗ nào đó. Tẩu thuốc lá đã hết, anh bập bập rồi gõ vào thành gỗ, gõ nhẹ vào mặt kính, nhưng không có tiếng động. Những cử chỉ giới hạn nào đó làm anh có vẻ như đang nghĩ ngợi.

“Có ai. Như vậy mới thật tuyệt. Nhưng mà, anh đã nói, hồi này anh sống khó khăn quá. Hừ, anh muốn nói gì với em đây? Cũng như...cũng như...à như là anh tạc nàng đó.”

Anh quay lại, một tay thọc vào túi, tay kia cầm ống điều dưỡng vẫy vẫy.

“Anh quên nàng. Khó khăn lắm anh mới nhớ hay nhận ra mặt nàng. Mà không biết anh định tạc nàng làm gì. Anh làm công việc vô ích thật, hả?”

Tôi bước ra khỏi những chậu sứ tráng men xanh vừa đi vừa nhìn nàng và những cọng lá cong cong. Mưa vẫn đều đều, chớp liên tiếp. Không hiểu gian nhà này làm từ hồi nào nhưng nó có vẻ như sắp nứt đôi. Tiếng động ì ầm xa vắng có một lúc nào đó thốt nhiên rõ lớn trở lại như trước. Người đàn ông đã đi mất và lúc này chỉ còn tôi với nàng, với mùi thuốc phảng phất.

Nhưng nàng làm như không có tôi. Nàng cất tiếng hát nhỏ nhỏ và nói:” Con đang ngủ ngon, phải không con?”, và nàng bước chậm rãi quanh những chậu cây ương.

Những tia chớp xanh và tím vẫn liên tiếp nháng chiếu. Tôi bỗng nhớ tới một giấc mộng đã lâu lắm, trong đó, như ở một gian nhà có mái kính màu, một đứa trẻ đang khóc và người mẹ bế nó vừa nựng nịu vừa ru. Ánh sáng tím nhiều hơn cả chiếu rọi khắp nơi, chiếu lên đứa nhỏ và cánh tay cùng thân thể người mẹ.

“Con sắp ra đời mà anh không thèm để ý gì hết.”

Tôi muốn đi tới, nhưng thân thể tôi bỗng nhiên cứng nhắc.

“Anh xem. Nó quấy dữ lắm. Đôi khi em thấy một cục cứng. Như cái đầu. Với lại, đôi khi nó quấy cả hai bên như là... như là có hai đứa. Em sợ quá.”

Tôi cười lớn tiếng, nói:

“Sinh đôi. Như vậy càng nhiều chứ sao.”

Nàng bỗng tới và ghé vào tai tôi. Hơi thở ấm khiến tôi tỉnh thức như tỉnh thức sau một giấc mơ dài. Trong hơi thở, tiếng nàng nói thật nhỏ:

“Có phải anh không?”

Cũng vẫn ghé sát như thế, nàng thì thầm:

“Ở trên núi của anh, lúc này chắc mưa lớn hơn, nhỉ? Em muốn lên ở đó, mình tìm một cái hang động trú mưa, lót lá ngồi cho tới sáng.”

Thốt nhiên nàng rời xa tôi, tới chỗ lúc nãy của nàng. Tôi bắt đầu cảm thấy nhẹ nhõm hơn, như vừa thoát khỏi một sức hút nào đó. Tôi chậm rãi ra khỏi gian nhà ương cây. Trong một góc tối giữa vườn lớn, người đàn ông đội mũ rộng vành đang đứng bên một mái cong giống như một cái tàn lớn đúc bằng xi măng.

Mưa nhỏ. Trong những lối đi lót sỏi trắng, một vài vũng nước thỉnh thoảng lấp lánh. Người đàn ông đội cái mũ rộng vành rời cái mái cong đang đi trên những lối đó. Anh dừng lại trước một cây cảnh nào đó, giơ tay vuốt những chùm lá. Anh vẫn hút thuốc.

Anh đứng yên lặng trước bụi cây. Mưa đã ngớt hẳn, chỉ còn những bụi nước rơi cong cong như những sợi chỉ. Đêm yên tĩnh rõ hẳn những giọt nước rớt thánh thót. Đột nhiên, về phía ngôi nhà gạch lớn phía trong, một khung cửa sáng lên và tiếng nhạc thoát từ một loại nhạc khí nào đó, rồi rã đưa đến. Anh có vẻ hơi quay lại phía cửa sổ, nhưng tay vẫn đặt trên một chùm lá. lát sau, anh có vẻ như không chú ý đến tiếng nhạc nữa tuy nó vẫn nhẹ nhàng rời rạc thoát ra. Anh rời bụi cây đi loang quanh trong vườn.

Người nào đó chơi đàn có lẽ để cho hết thời giờ. Những hợp âm đưa tới khiến tôi biết đó là tiếng Tây Ban cầm.

Tôi rời chỗ đứng đi lại gần cái cửa sổ sáng ngó vào nhưng không thấy ai. Có lẽ người chơi đàn ngồi khuất sau những tấm màn màu xanh nhạt, bằng phẳng, óng ánh và có vẻ hơi buồn bã. Gian phòng không rộng lắm, nhưng cao và có trần. Tường quét vôi vàng nhạt, trong ánh đèn yếu ớt màu vàng nhạt đó tăng thêm một chút đen do những mảng bóng tối từ góc khuất phát ra. Chính giữa gian phòng, đối diện với cửa sổ là một bức chân dung lớn, có lẽ vẽ hơn là ảnh chụp. Người trong bức vẽ béo tốt, râu ria xồm xoàm mặc võ phục có nẹp đỏ, ngang lưng đeo một thanh kiếm chuôi tua chỉ vàng. Một mắt của ông ta đeo kính trắng thêm vẻ dữ tợn nghiêm nghị. Phía trước bức chân dung là một cái tủ kính, trong để các thứ trang trí mỹ thuật gì đó. Cửa ra vào thông với một phòng khác hé mở nhưng không thấy người. Tiếng nhạc có lẽ phát ra từ sau một cái chụp đèn tròn và lớn, gần khuất trong tấm màn nhưng.

Tôi rời cái cửa sổ đi theo đường rãnh nước ven tường vào những lối mà người đàn ông đội mũ cối rộng vành lúc này đã đi qua. Không biết lúc này anh ở đâu, bốn bề vắng ngắt mờ tối, mưa vẫn rơi cong cong. Gian nhà kính ở về phía trái ngôi nhà lớn, bên này là vườn cây nhỏ và thưa. Có một cái nhà gỗ thấp trong những cây đó.

Có lẽ anh tới nhà kia chẳng? Nhưng ở đó tối om, vắng ngắt và không có vẻ gì có người cả. Tôi đi quanh quẩn trong khu vườn thưa, những chiếc lá ướt sụp xuống dưới chân. Ở đây có vẻ đọng nước, mưa cùng hơi ẩm thấp tạo thành một bầu không khí nặng nề, ngưng đọng và không chuyển động. Tiếng đàn trong phòng sáng lúc này nghe tiếng được tiếng mất, như thể những âm thanh kia bị chặn lại ngoài cửa vườn.

Dù sao tôi cũng đi tới cái nhà gỗ nhìn vào. Bên trong

tối nhờ nhờ nhưng không tối đặc như tôi đã tưởng. Vô số những que gỗ, buộc với nhau thành hình này nọ bởi những sợi giấy thép và những thanh gỗ đó thì dính đất hay một chất trắng cứng nào đó. Một số khác có hình thù hơn treo lủng lẳng trên những cái móc, trên những thanh gỗ bắc ngang hoặc dựng sát vào tường. Có một pho tượng cao và lớn hẳn so với những hình thù kia, giống như một người đàn ông; đầu và hai tay dài khác thường.

Bất chợt, một giọng nói sau lưng tôi.

“Ông bạn làm gì đó?”

Tôi lạnh toát, quay lại. Người đàn ông đã đứng sau lưng tôi tự lúc nào. Tôi ngạc nhiên vì giọng nói của anh không có gì tỏ vẻ khó chịu hết dù tôi đột nhập lén lút, hơn nữa điều khiến tôi ngạc nhiên hơn là anh trông không giống người đội mũ rộng vành chút nào. Anh có vẻ ốm yếu, mép để ria, hai mắt sâu và lớn, tóc hơi quăn.

“Ông bạn đừng ngạc nhiên. Tôi thấy ông bạn từ lúc trời mưa.”

Tôi hỏi một câu ngô nghê:

“Ông là ai?”

“Tôi hả? Hà, buồn thật. Không ai hiểu tôi hết.”

Anh im lặng một chốc, cúi nhìn tôi qua những sợi giấy leo ở cửa. Anh nói trong lúc nhìn đó: “Tôi buồn rầu quá. Tôi nhìn thấy sự buồn phiền.” Anh thò tay vào cửa lấy một cái mũ máng đầu trong vách và đội lên đầu. Anh nói:

“Phải không?”

Tôi nhìn sững người đàn ông, tôi không tìm ra được nét giống nhau nào giữa anh ta và kẻ ở trong nhà ương cây, trừ cái mũ cói rộng vành mà anh ta đang đội. Nhưng ai cũng có thể có một cái mũ cói rộng vành hết.

Người đàn ông vẫn nói bằng giọng đều đều lúc đầu:

“Tôi không biết làm gì bây giờ. Hơn nữa, tôi không biết nói với ai.”

Anh chợt thay đổi giọng nói: “Hà, bây giờ có ông bạn.” Sau đó anh lắc đầu tiếp:

“Có những chuyện không thể nói với đàn bà được.”

Tôi hỏi:

“Ông ở đây phải không?”

Tôi lại hỏi một câu ngô nghê nữa. Người đàn ông cười lớn:

“Tôi đâu ở đây được. Phải sống nơi khác. Ở đây, mùa mưa làm ai cũng thấy buồn cả. Mà mùa mưa thì kéo dài tới tám tháng.”

Anh ngừng nói bằng cả vẻ mặt. Anh có vẻ bồn chồn như đang chờ đợi cái gì đó. “Tôi muốn nói chuyện, à, muốn kể chuyện với ông bạn...”, anh nói không nhìn tôi như đang chú tâm nghe ngóng đâu đó, “Nhưng khoan đã, tôi cần tới đây một chút.” Anh vụt rảo bước vào khoảng cây và bóng tối mà lúc nãy anh tới. Anh đi như bóng ma và rất nhanh chóng. Hơn nữa, tôi cũng không để ý mấy. Tôi tiếp tục nhìn ngắm những thứ lung củng trong cái nhà gỗ.

oOo

Trời đang có vẻ tạnh bỗng lại mưa. Gió nổi rất lớn, rung ào ào trên đầu tôi. Tôi nép vào mái gỗ, nhưng mưa lớn quá, hai chân tôi bắt đầu ướt. Tôi tìm cửa vào nhưng không thấy, liền trèo cửa sổ. Mái nhà lợp bằng những tấm tôn mỏng, mưa xối ầm ĩ, tôi thu hình ngồi trên một cục gỗ khá lớn không biết dùng làm gì. Chung quanh tôi, những hình thù và các thanh gỗ ngang dọc trở thành đậm màu hơn, lẫn với bóng tối, như thể chúng là cả một khối đang nổi rõ vài đường nét góc cạnh nào đó. Tôi nhớ người đàn bà trong nhà kính, hình dung sắc đẹp của nàng, hình dung những nét diễm lệ và nhất là vẻ im lặng quá mức của nàng. Ánh sáng tím nhạt cách quãng của

những tia chớp, làn da bụng trắng của nàng, cánh tay dài và cọng lá cong cong, những thứ đó hợp thành một khung cảnh rung rinh như giấc mơ, hay chính là giấc mơ thật, nhưng dù sao, đó là một khung cảnh không thể tìm thấy ở đâu khác, huyền hoặc và thơm ngát.

Trận mưa kéo dài không biết bao lâu. Tôi cứ ngồi thu hình yên lặng và nhìn ngó trong bóng đêm những hình thể lò mờ chung quanh và những hình thể dễ nhận biết khác, như những cụm mây, góc cây, cái bờ tường, cánh cửa sổ, những vũng nước, ở xa tít phía cuối vườn hay trong nhà ở, và những thứ đó càng lúc càng xa thêm, lò mờ, chập chùng. Một đôi lúc tôi tự hỏi về lai lịch cái nhà và khu vườn này, hay những người sống ở đây, người đàn bà trong nhà kính, người đàn ông đội mũ rộng vành, tiếng đàn, bức chân dung vị võ quan... nhưng những tra vấn này hình như không làm bận tâm trí tôi nhiều. Chúng lướt qua, như thể không phải là lướt qua trí tôi nữa.

Khi mưa tạnh trở lại, tôi bắt đầu thấy mỗi mê cùng khắp. Tôi trèo qua cái cửa sổ đi ra bên ngoài. Tôi đạp lọc bọc trên những vũng nước và lá ướt, trở lại căn nhà ở. Đền ở cái cửa sổ lúc này vẫn sáng, nhưng cửa đã đóng. Tôi đi chậm chậm trong những lối sỏi cũng ướt nước và tiến về cái nhà kính. Ở đây là một cái nền cao, xây bằng gạch miếng không tô vữa, những ô kính loáng thoáng vì ướt nước. Tôi trèo lên nền gạch, bước vô. Nhưng tôi chưa kịp trông thấy người đàn bà thì đụng phải một cô bé.

Cô bé ngẩng nhìn lùì lại như muốn la lớn. Tôi nói:

“Có gì thế?”

Cô bé đứng tới ngực tôi, tóc gần chấm vai và hơi cong, mắt như vừa khóc. Tôi lập lại: “ Có gì thế ? Cô bé là ai thế?”, cô bé nói:

“Ông tới đây làm gì?”

Tôi lúng túng không biết trả lời sao. Sao cùng tôi nói:

“À, tôi đi chơi thôi. Tại sao em khóc?”

“Ông không phải là bạn của cô Françoise sao?”

“Cô françoise nào?”

Cô bé nhìn tôi, lau nước mắt bằng một cái khăn mỏng rất lớn và tiệp với màu áo.

“Ông tới đây từ bao giờ thế?”

Tôi cười cười đáp:

“Hồi này.”

Đột nhiên, cô bé tỏ vẻ sợ hãi hỏi:

“Ông đã gặp cô Françoise chưa? Cô Françoise là chủ nhà.”

Tôi đáp: “Chưa. Tôi chưa gặp.”, và ngó chung quanh, “À, nhưng có lẽ tôi gặp rồi. Cô Françoise thật là đẹp phải không?”

“Đẹp.”

Tôi nhớ tới cái bụng trắng nõn và căng tròn của nàng, tôi hỏi cô bé:

“Chồng cô Françoise là ai thế? Cô sắp có con đấy, nhỉ?”

“Ông nói lạ thật. Cô chưa có chồng.”

“Như vậy... như vậy.... Em nói gì thế?”

Đột nhiên cô bé bỏ chạy. Tôi đuổi theo. Thật ra tôi có thể chụp nó dễ dàng nhưng tôi chạy lúp xúp coi sao. Cô bé chạy giữa những hàng chậu sứ, thỉnh thoảng kêu nhỏ: “Cô Françoise” như thể một nỗi sợ hãi nào đó làm miệng cứng không há được. Phía cuối góc gian nhà kính, người đàn bà trắng toát vẫn đứng yên, không nói gì, hình như nàng đang chăm chú nhìn tôi và cô bé đuổi nhau. Sau cùng cô bé không chạy giữa những chậu sứ nữa mà thoát ra ngoài thềm gạch. Tiếng kêu nhỏ vẫn gọi tên cô Françoise với nỗi sợ hãi gì đó. Tôi nói hơi lớn:

“Đừng chạy nữa, em nhỏ. Cô Françoise ở đây này”, và tôi hơi dừng lại để nhìn người đàn bà. Bóng cô bé thấp thoáng phía trước trong những lối sỏi, chạy hốt hải kỳ lạ. Tôi lớn bước đuổi theo. Dù sao, tôi vẫn không muốn gây tiếng động gì trong vườn này.

Cô bé đang chạy vào vườn cây, chỗ có cái nhà gỗ. Tôi đuổi kịp không khó khăn lắm. Khi vừa tới trước cái nhà gỗ, tôi nghe bịch một tiếng.

Cửa đã mở. Một cái cửa lớn và quá rộng ngay sát bên cửa sổ mà lúc này tôi không biết. Cô bé với quần áo trắng toát ngã sòng soài trên mặt đất. Tôi nói nhỏ: “Có sao không?” và bước vào kéo tay cô bé. Đầu tôi đụng vào bức tượng cao lớn không biết ai mới treo lên, lủng lẳng, đen ngòm. Bức tượng yên lặng kỳ cục. Có lẽ cô bé đã va vào đó nên ngã lăn.

Tôi cúi xuống ẵm ngang thân hình bé nhỏ đó lên, bước ra khỏi nhà và đi thẳng tới cái mái cong mà lúc này người đàn ông đội mũ rộng vành đứng trú mưa. Tôi đặt cô bé xuống. Nó đã ngất xỉu và lạnh. Tôi ngần ngừ một lát rồi làm loa tay kêu lớn:

“Cô Françoise, em bé ngã.”

Không chờ trả lời, tôi chạy thật nhanh thoát ra đường.

(Trích Tuần báo Nghệ Thuật số 19. Phát hành ngày 19.2.1966. Và, đối chiếu lại trong tuyển tập truyện ngắn: Dạ Khúc do Hồng Đức xuất bản lần thứ nhất vào tháng 7 năm 1969. Bản của Thư Ấn Quán)

NGUYỄN SA
HẠ SĨ MÙI
SẮP XẾP

Trung úy Lan và thiếu úy Lộc xuống khu nhà xác lúc chín giờ sáng. Những đám mây đen chậm chạp nhưng dứt khoát kéo tới và dừng lại đúng ở vùng trời này. Trời có vẻ tối. Đó là mặt trời của bi kịch, “*mặt trời gần ngai thức giấc*”.

Không một người nào chú ý tới sự xuất hiện của hai sĩ quan chỉ huy, hai người đứng kế bên chuẩn úy Tâm. Viên chuẩn úy một lát sau nhìn hai thượng cấp gật đầu nhẹ, mắt chớp chớp, máy điện tử, ba cái cùng chạy soạch soạch. Trung úy Lan quan sát đúng phương pháp, nhìn từ tả qua hữu, từ xa tới gần. Hai chục người đã có mặt, không kể những binh sĩ của đơn vị, đàn bà đa số, hầu hết chưa bận tang phục, nhưng quần áo xốc xếch, dấu hiệu của cuộc hành trình dài hay của cơn xúc động lớn đến hoảng hốt? Hai ông cụ già, bốn bà cụ, một quân nhân binh chủng gì, binh chủng

gi, thấy rồi, cua, hạ sĩ nhất. Mọi người không nhìn thấy trung úy là phải, mọi người nhìn hai cái dù lớn gói kín đặt ở trước cửa nhà xác, giữa hai bọc vải dù đó hạ sĩ Mùi ngồi trên đôi “bốt-đờ-sô”, áo bỏ ngoài quần, mắt lơ đờ, xa xôi, rớt từng ly để đầy, nốc một hơi, uống xong đặt ly xuống mặt đất dằn mạnh tay làm vài mảng bụi đỏ bay lên mười phân rồi lả tả rơi xuống.

Thình thoảng có tiếng hốt hoảng, tìm kiếm, tiếng hỏi han, quý vị thấy đó, của những người mới tới, mỗi lúc một đông hơn. “Tôi đến kiếm nhà tôi.” “Ông ấy nằm chỗ nào?” “Con tôi đâu?” Tiếng suýt, tiếng trả lời khẽ, tiếng cắt nghĩa mơ hồ, ngón tay chỉ vào hạ sĩ Mùi. “Để yên cho ông ấy sắp xếp.” Sắp xếp cái gì? Làm sao sắp xếp? Những cảm xúc phát ra bằng tiếng động, bằng âm thanh dường như tìm thấy một mặt biển nào ghê gớm lắm, chìm dần lìm lìm vào đó. Tiếng nói mỗi lần cất lên, mỗi lần chìm xuống nhất định là tiếng động của hòn đá rất nhỏ chạm vào bề mặt của mặt nước lớn.

“Nhiều rồi?” Tiếng thiếu úy Lộc, rất khẽ.

“Mười.” Tâm nói.

Như vậy là gần đủ “đô”. Ông Mùi ông ấy sắp đứng dậy, sắp hét lên những tiếng xưa cũ, những tiếng đã hét lên nhiều lần, nghe mãi vẫn không thấy quen thuộc. Ông ấy làm một hơi, một hơi nữa, ông ấy đặt ly, không, ông ấy ném mạnh, và đứng dậy. Ông Mùi nhìn về phía trước mặt như tìm kiếm gì trong khoảng không, lặng lẽ cúi xuống cởi những nút buộc của hai gói dù rồi hất tay mạnh, hất về bốn phía, rất mau và rất mạnh. Những tiếng kêu, tiếng hét khủng khiếp vang rền ở bốn phía. “Sao lại thế?” “Chồng tôi đâu?” “Sao lại như thế này?” Chuẩn úy Tâm ghé vào tai trung úy Lan nói có người xỉu, đàn bà, ở phía trái. Trung úy Lan nói. Chuẩn úy

Tâm truyền lại cho một thuộc cấp nào, hai người lính mang cáng tới vực người đàn bà đó lên mang đi. Một ông cụ già đứng gần trung úy Lan từ bao giờ nắm lấy tay áo trung úy cầu khẩn không phải không phải. Ông nói cho tôi biết không phải con tôi ở chỗ này. Con tôi ở chỗ khác, ông chỉ dùm tôi. Ba bốn người đàn bà khác tiến tới, nói cùng lượt, không phải tranh nhau nói, không có người nào trong bọn họ có vẻ còn sự bình tĩnh cần thiết để chủ động việc tranh giành. “Bố cháu lúc đi nguyên vẹn mà ông?” “Sao các ông để chòng tôi như thế?” “Sao lại ra nông nỗi này?” Ông ơi!”

Cái gì làm cho sự im lặng đột nhiên hiện ra, tiếng kêu, tiếng thét tuyệt vọng đột nhiên chìm xuống. Sự im lặng lúc trước, im lặng đã tưởng như biển, tưởng nhận được hết những tảng đá dù to lớn, dù nặng nề, biển đột nhiên bé, đột nhiên nằm gọn trong một thứ đại dương. Cái gì đang mang lại sự tê liệt, sưng sờ, chết giặc?

Tiếng hét to của hạ sĩ Mùi. Yên đi. Các người yên đi. Cho tôi yên tôi tìm nó. Cho tôi yên, tôi tìm con tôi. “Tôi tìm con tôi, tôi tìm con tôi, tôi tìm con tôi.” Hạ sĩ Mùi vừa hét, cường độ âm thanh làm tỏa ra được cường độ của đau đớn, vừa đi từng bước rón rén trên chiếc dù mở rộng, đi giữa những đồng thịch bầy nhầy, những đầu không dính vào thân thể, những bàn tay, cánh tay, những ống chân rời. Ông Mùi kéo những thân người ra một phía. Mười tám cái đầy đủ. Ông quỳ hai chân xuống đất luồn hai cánh tay xuống lưng tử thi kéo nhẹ lướt trên mặt đất, có lúc khuyu hai cùi chỏ xuống đất để lấy sức. Ông vừa kéo, vừa xếp, vừa nói. Thầy làm nhẹ nhẹ, con yên chí không đau đâu. Một lúc ông dừng lại, thở dốc, giơ nắm tay về phía trước mặt thề thốt. Chúng nó giết bố tôi, bây giờ giết nốt con tôi. Tôi xin đi tác chiến. Tôi đi ăn thua đủ. Ông Mùi đứng lên một chút rồi lại quỳ xuống

kéo chiếc xác thứ chín, tử thi đã phồng lên, nước chảy rí rói, mùi hôi thối nồng nặc. Ông hạ sĩ nghiêng đầu thăm thì. Thầy có làm đơn xin cho con hoãn dịch. Thầy có lạy van mà không được. Thầy thề. Con đừng giận thầy.

“Ông này ông ấy làm sao vậy?” Tiếng ai hỏi rất nhẹ ở bên cạnh. Ông hạ sĩ. Thiếu úy Lộc cắt nghĩa cho ông hạ sĩ, chưa đến tuổi có con lớn, có lẽ anh hay em nằm kia. Tiếng chuẩn úy Tâm nói thêm vào. Ông hạ sĩ Mùi không điên. Ông ấy là chuyên viên duy nhất của đơn vị này biết cách sắp xếp đầu nào cho thân nấy, tay chân của người nào xếp vào với thân người đó. Làm sao ông ấy lại biết cái nghề ghê gớm này? Bạn muốn hỏi ông ấy học ở trường nào? Không có trường nào dạy cả. Trường dạy cách làm đầu lìa ra khỏi cơ thể, mở toang bụng, chém sả vai thì có nhiều. Con ông ấy, con một, chết trận cách đây năm năm, xác nát bét, không đủ bộ phận. Ông ấy xếp hoài không đủ. Thành ra, lần nào xác về ở trong tình trạng bị chặt rời từng mảnh như thế ông cũng giành lấy làm, làm riết thành chuyên môn. Tiếng kèn vang lên từ phòng tắm liệm. Trung úy Lan nhìn về phía đó. Tiếng kèn của lễ nhập quan từ đó tỏa ra rí rỉ như vết đau từ một chỗ lan dần ra cùng khắp trong thân thể.

Ông hạ sĩ Mùi đặt những thân người nằm song song trên tấm vải bạt trải rộng, cách nhau từng khoảng nửa thước. Ông tập trung tất cả những chiếc đầu lại một chỗ, nâng lên từng cái, nhìn ngắm, nói những lời nâng niu thân mật. Tiếng người rì rầm ở chung quanh không biết tại sao bỗng vang lên.

Người ta nói gì mà đồng loạt. Mọi người cất tiếng cầu nguyện. Không phải. Mọi người cất tiếng đếm. Ông Mùi rút từng chiếc đầu lâu trong những mảng thịt vương vãi, che khuất bởi đồng tay chân, rút ra từng cái đặt xuống nhẹ

nhàng kể bên dây thân. Tiếng người đếm rầm rì. “Mười, mười một...” Không phải tiếng đọc kinh, tiếng đếm. Cầu nguyện là sự lạc quan, là cơn tuyệt vọng đã lắng xuống, đã bắt đầu trở thành kỷ niệm. “Mười bốn, mười lăm...” Có tiếng của tôi, ở một chỗ nào, có tiếng đó đó, có tiếng nấc, nhiều tiếng nấc, ở một chỗ nào khác, tiếng gọi con ơi, giọng một bà cụ già mơ hồ ở xa lắm.

Cùng với “mười sáu, mười bảy” vừa dứt, những tiếng nói lớn hơn vang lên, rồi sự ồn ào huyền ảo. “Cụ kiểm nữa đi.” “Cụ làm phúc.” Tiếng thì thầm lo âu ở phía tay trái. “Mười tám cái thân sao có mười bảy cái đầu?” Ông Mùi giương cặp mắt đỏ ngầu nhìn những người đứng bốn phía, lặng lẽ lắc đầu rồi cúi xuống đặt từng chiếc đầu bên cạnh xác chết. Ông đặt xuống rồi nhắc lên, đi bốn bước, đặt xuống, tiến xuống phía chân tử thi, nhìn ngắm gặt gù rồi đi lên cầm chiếc đầu khác. Sự huyền ảo biến mất từ lúc nào.

“Một bà xiu.” Lộc nói.

“Cho vào bệnh xá đi.”

Không một người nào quan tâm đến người đàn bà được mang đi cấp cứu. Ông cụ đứng ở góc bên trái, ông cụ mặc chiếc quần tây vàng, áo cánh trắng lấm lét nhìn những chiếc đầu lâu còn lại, rồi lấm lét nhìn những người đứng kể bên. Dường như có chút vui mừng vụng trộm nào hiện ra và biến mất. Người hạ sĩ của đảo mắt bốn phía. Những người đàn bà hướng đến hạ sĩ Mùi những tia cầu khẩn. Phía sau lưng hạ sĩ Mùi, cánh cửa nhà xác mở ra rồi khép lại ngay. Một người nào đó vừa từ trong đó đi ra. Ông Mùi nhặt cánh tay có mang chiếc vòng bằng đồng đặt kể bên tử thi không có đầu. Tiếng một người đàn bà hét lên khùng khiếp. Người đàn bà ngồi xổm dưới đất lẫn khuất đứng vùng dậy nói lớn không phải không phải, bà ta lao vào giữa

đám tử thi, có vài cánh tay định giữ lại bị gạt phăng ra. Tới chỗ tử thi người đàn bà quỳ gối xuống đất kế bên chiếc tử thi thứ ba có đầu bị cháy đen, cầm chiếc đầu lên nhìn ngắm thật kỹ, bỏ chiếc đầu xuống, lết bằng đầu gối tới từng chiếc đầu khác, dừng lại thật lâu mỗi lần ở trước những thân xác nào bị cháy đen. Đến lúc quỳ trước tử thi không có đầu, người đàn bà một tay cầm lấy cánh tay có chiếc vòng đồng, một tay lùa vào trong lồng ngực tử thi tìm kiếm dấu tích gì, rồi cất tiếng khóc rung rức. Hai người lính bước vào xoắn vai người đàn bà, bà ta vùng vẫy kháng cự. Hai người lính nói những lời, bà ta lắc đầu, nấc lên từng tiếng ngắt. Hai người lính nhìn về phía trung úy Lan, trung úy gật đầu, họ lặng lẽ bước ra. Ông Mùi đặt bàn tay đầy những vết máu đỏ lên vai người đàn bà nói nín đi con, nín đi con. Đúng lúc đó giọng nói lạnh lùng hơi khàn khàn, cất lên.

“Xin trung úy cho lệnh để chúng tôi thực hiện lễ khâm liệm.”

(Bỏ một đoạn - theo tài liệu Võ Phiến ghi)

Có gì rắc rối hơn là trả những bộ phận của cơ thể cho chính cơ thể đó. Trả đủ. Ngoại viện có không? Phải trả cho đủ, quân đoàn nào, bộ, sở, nha, phủ nào cấp phát để trả cho đủ, mua ở đâu để trả cho đủ. Ở đâu. Hạ sĩ Mùi đã rời khỏi chỗ người đàn bà quỳ. Tay mặt ông cầm một lóng tay dơ lên, tay trái cầm một bàn tay, hướng về mặt trời bị che kín bởi những đám mây đen. Ông đặt lóng tay vào bàn tay cụt nhiều lóng, mỉm cười nâng niu bàn tay có gấn lóng tay rời rã đi về phía một tử thi.

Trung úy Lan và những cộng sự của ông rời khỏi khu nhà xác lúc hạ sĩ Mùi vừa chấm dứt công việc. Ông Mùi ngồi dựa lưng vào một góc cửa nhà xác mắt lim dim. Chuẩn úy Tâm đốt một điếu thuốc, rít mạnh rồi gấn vào môi ông. Những

người lính ban Tiếp tân, có tăng cường bởi ban Linh xa đang dựng gấp những mái dù lớn làm những phòng tắm liệm ngoài trời. Phòng liệm không đủ chỗ cho mười tám chiếc cùng lượt. Chuẩn úy Tâm nói có bảy người xin đưa xác về xứ, đã siêu tần số xin máy bay. Có thể ngày mai liệm xong họ đi ngay, nếu máy bay không có gì thay đổi.

(Trích Vài ngày làm việc ở Chung sự vụ)

NGUYỄN SỸ TẾ LUẬT LỆ ĐẠO CHÍCH

Giới giang hồ có luật lệ riêng của họ mà người đời thường gọi là “Luật Giang Hồ”. Đi xa hơn, ta có thể nói tới một thứ luật của giới đạo chích. Câu chuyện sau đây là một bằng chứng.

Ở miền Trung châu Bắc Việt, hồi đầu thế kỷ 19, lúc còn thực dân Pháp cai trị nước ta, có một người làm đạo chích rất nổi danh. Sức khoẻ của ông ta đã siêu quần bạt tụy, võ thuật lại còn vượt bậc. Về mặt con người xã hội, ông còn là một người có lý tưởng công bằng, cứu nhân độ thế, trừ gian diệt bạo. Bởi thế, giới giang hồ chính thống vẫn nhìn ông với con mắt nể vì, coi ông như một người hiệp khách, thậm chí giữ vị thế của một trưởng môn võ công trong thiên hạ.

Chỉ xin nhắc lại dưới đây một vài thành tích trong rất nhiều thành tích đạo chích của ông. Nhà giàu có nào kín cổng cao tường biết mấy chẳng nữa, ông cũng có thể

ra vào dễ như không. Ông như thể một thứ bóng ma, xuất quỷ nhập thần. Những vấn đề rào rậu, gài bẫy khó khăn tới đâu ông cũng có thể giải quyết được. Do đó, nhiều thanh niên trai tráng trong toàn vùng rủ nhau đến thọ nghiệp ông rất đông đảo. Ông tận tụy chỉ bảo nghề nghiệp cho các đệ tử và buộc họ phải tuân theo một quy trình đào tạo khó khăn, nặng nề. Vì thế, ông cũng lại cực kỳ nghiêm khắc, giữ luật lệ gia môn mà trừng trị gắt gao những phần tử nào vi phạm nội quy. Học trò quý mến ông như cha mẹ, tôn vinh ông lên hàng đại sư phụ. Trong đám con em học nghề, có kẻ nóng nảy, nhẹ dạ, đại dốt..., ông thường khuyên bảo nhẹ nhàng. Có kẻ vì hoàn cảnh gia đình, vì tính khí nông nổi mà phạm tội, ông sẵn sàng tha thứ, mở lòng thương cứu giúp. Tình thương bao la của sư phụ khiến kẻ đó hối lỗi, chấp nhận mọi hy sinh, nếu cần, để bảo toàn danh dự và an bình cho mọi người đồng môn.

Một năm kia, một chú thanh niên nọ, ở một huyện xa, đã tới khẩn khoản sư phụ cho thọ nghiệp, hứa sẽ tuân thủ mọi luật lệ, mọi phép tắc, mọi chỉ giáo trong sinh hoạt chung dưới quyền lãnh đạo của sư phụ.

Quả như lời hứa, chàng tân tông tử ra ngoan đạo vô cùng, thầy và bạn ai ai cũng quý mến. Ròng rã ba năm trời, trò luôn luôn cặp kè ở bên thầy. Trong những cuộc xuất lâm hay hạ sơn hành nghề hay thực tập, thường khi người ta thấy học trò bám sát theo thầy. Có lần hai thầy trò đã lén vào đến trung tâm của mục phiêu rồi, thầy lại ra lệnh ngừng hoạt động, suy nghĩ giây lâu, cuối cùng lại ra lệnh cho trò cùng ông rút lui. Trò hỏi lý do trên đường về, thầy giải thích: “Ta nhìn nơi thờ tự, lại nghiệm địa lý của căn nhà phú hộ này thấy gia chủ có nhiều phúc đức phù hộ, nên ta nghĩ không nên động tới mà gây họa cho người ta,

có khi chính mình còn lãnh hậu quả chẳng lành nữa!" Ở nhiều chỗ khác, ông cũng có những giải thích và bình luận về kỹ thuật phòng thủ của các gia chủ và cách gỡ rối để đột nhập mục phiêu, vô hiệu quả mọi chướng ngại như đinh để làm chông, thuốc độc để gây lở loét da thịt, giầy và chuông báo động, thông lọng để tròng vào cổ kẻ đại đột... Sau những lúc đó, nhìn thấy những xử sự và tiến bộ của người học trò, sư phụ tỏ ra đắc ý và tin tưởng lắm. Tình thân thương giữa hai người mỗi ngày một sâu đậm. Thậm chí mới mùa đông năm trước, người học trò đã mạo muội mời sư phụ về thăm quê mình, vào tận gia đình mình cho nội nhân diện kiến và tạ ơn.

Đến mùa đông năm sau, một biến động khủng khiếp đã xảy ra khiến cho kẻ mất người còn, công cuộc của sư phụ cùng các đệ tử phải bỏ dở một thời gian, đình chỉ hoạt động, tạm thời rã đám. Số là anh chàng đệ tử cuối cùng lâm nạn. Lâm nạn hoàn toàn là do chính anh ta đã không nghe lời khuyên bảo, căn dặn ngăn cản... Bởi tết nhất đã tới gần, nhà anh chàng vốn nghèo, năm đó lại mất mùa, nên càng cùng quẫn, không có cả khả năng mua sắm lễ lạt mọn để thờ cúng tổ tiên. Chàng đệ tử sinh ra nghĩ quẩn. Anh tính tới con đường cùng là tự mình và một mình lên đi ăn trộm một mẻ cuối năm, nơi một nhà phú hộ ở huyện bên. Căn nhà đồ sộ và góc nhách của ông này, anh ta đã có một lần tới viếng thăm trong đêm khuya cùng với sư phụ. Trong đêm trăng khuyết, hai người bò qua bò lại trên mái nhà, dừng lại ở mỗi góc, ngoái cổ nhìn xuống sân vườn bao quanh căn nhà. Lúc trở ra thì tiếng chuông nhà thờ xa đã điểm hai giờ sáng.

Trên đường về, đệ tử chăm chú lắng nghe lời phê phán của sư phụ: "Căn nhà đó vào thì dễ mà ra thì khó! Của

cải nhiều để rải rác khắp nơi. Không một tiếng chó, tiếng mèo, Các thứ ấy để cho vào xiếc, vô hiệu hóa. Sân rất cứng, tường xây dày, một đêm không thể đào tường khoét gạch cho xong được. Chỉ có mỗi một lối vào khả thi, đó là mái nhà. Phải tìm đúng chỗ nơi có vết tích sắp xếp ngói không thể nào đúng hệt như mọi chỗ ..." Sau một hồi suy nghĩ, sư phụ kết luận: "Chắc chắn là có bẫy. Loại gì chưa biết. Thật là thiên nan, vạn nan!"

Sau kỳ đi khảo sát đó với sư phụ, đệ tử xin phép về quê thăm gia đình và ăn tết. Sư phụ vui vẻ dúi cho một món tiền túi, một gói quà và những lời thăm hỏi gia đình rất ân cần.

Băng đi nửa tháng, một đêm trung tuần tháng chạp, sư phụ thao thức suốt đêm, không chợp mắt. Sáng dậy, tiếp tục bồn chồn, quên cả rượu trà. Một linh cảm mỗi lúc một rõ: có chuyện chẳng lành xảy ra cho người đệ tử. Hoàng hôn, cơm nước xong xuôi, sư phụ vác một con dao dài, leo lên lưng ngựa tìm đến căn nhà phú hộ mà mới đây ông vừa nghiên cứu, khảo sát với tất cả một túi kinh nghiệm trong nghề đạo chích của ông. Khi đến nơi thì đêm đã khuya, nhìn sao trên trời, ông ước tính đã nửa đêm.

Buộc ngựa nơi một khu rừng gần, sư phụ vội vàng đột nhập khu nhà của phú hộ. Ông thoăn thoắt chườn từ cành này qua cành kia, leo lên mái nhà, bò đến chỗ ông đã nghi ngờ lần trước. Vừa đến nơi, ông đã thấy năm sáu viên ngói đã được rở ra, để lộ một lỗ hổng và một cái đầu người. Thấy bố nhào tới. Quả tình trò đã lâm trọng nạn. Bốn con mắt nhìn nhau, bên kinh hoàng, bên tuyệt vọng. Một phút dài bằng thiên thu...

Chỉ một thoáng sau, trò cúi gục đầu, lẩm bẩm nói lời tạ tội cùng sư phụ: "Con là kẻ bất hiếu, bất mục, đã không nghe lời của thầy. Con đáng tội chết. Xin thầy tha thứ cho

con. Con vô phúc quá!...” Thầy cũng nói điều thật lòng: “Bao giờ thầy cũng thương con. Lúc này hơn lúc nào khác!” Nghỉ một vài giây, ông lại tiếp tục nói đến chuyện nhân tiên: “Con đã lọt vào cạm bẫy không còn đường giải cứu. Con đã chôn cả nửa thân mình vào một chum lớn đựng một thứ mật dẻo. Nếu chỉ có thứ mật dẻo không thôi thì dùng sức người ngoài cũng có thể rút con ra được. Đằng này, thứ mật dẻo lại được tên gia chủ ác ôn pha vào một thứ thuốc bột đặc biệt khiến cho mật trong một thời gian ngắn trở thành đông đặc đến độ không có cách nào rút chân ra được!” Trò rầu rĩ và ần ần nói: “Tức là con không tránh khỏi cái chết?” Thầy: “Đúng thế!”

Ông thầy đứng thẳng người lên, khẩn vái thiên địa, tổ sư và gia tiên trò. Sau đó ông lại ghé vào tai trò mà phán: “Chết cũng có nhiều thứ, có cái nhục, có cái vinh. Khi đã sinh nghề là có tử nghiệp. Con nên nhận lấy một cái chết bởi bàn tay sạch. Ta sẽ chu toàn việc mai táng cho con nếu chẳng đầy đủ mọi phần thì cũng tạm thời có được cái thủ cấp. Ta sẽ sớm sửa báo cho vợ con, tính chuyện đưa nó đi sinh sống ở một nơi xa xôi khác, một thời gian lâu hay mau. Cuối cùng nó sẽ lại trở về quê cũ sống với mọi người.” Trò vái lạy ông ra về chấp nhận cái bản án bất đắc dĩ dành cho hắn.

Tức thì sư phụ đứng phắt lên, rút cây đại đao dắt bên mình, dơ cao nhìn vào cái đầu của trò gục xuống. Một ánh thép lóe lên dưới trăng khuya. Chiếc đầu đứt lìa khỏi gáy, nhưng vẫn còn một chút da cổ chưa hề hấn, giữ cái đầu khỏi rớt xuống đất. Thầy túm lấy một mớ tóc của trò, xách cái đầu lên, nhấc ra khỏi cổ một cách nhẹ nhàng, tự nhiên. Lối chém này là “chém treo ngành”, chém còn để lại một phần nhỏ của vật khả dĩ không cho nó lìa hẳn khỏi gốc mà

bay ra chỗ khác.

Lời hứa với kẻ tử tội đã được ông thầy giữ trọn vẹn. Chiếc đầu của người học trò đã được sư phụ đem lên chôn cất trên một ngọn núi cao rất hiểm trở. Tin đã được báo về cho vợ người học trò hay. Thầy lúc nào cũng sẵn sàng ứng phó hoàn cảnh vì tất nhiên câu chuyện chưa đến hồi kết thúc. Nếu chỉ có một mình thầy dính vào cái vụ đạo chích thì chẳng còn điều gì đáng nói cả. Ở đây câu chuyện anh chàng đạo chích lại có gia đình và để lại một chứng cứ bất lương là một cái xác không đầu kẹt trong chum mật pha thuốc.

Một tuần sau, ở huyện bên, huyện đường tổ chức một cuộc truy lùng gốc gác của kẻ đạo chích. Mõ đi rao khắp trong mọi tổng làng, mời dân chúng đứng ngày ấn định để chứng kiến một vụ điều tra của nhà chức trách về cái vụ đạo chích trước đó. Tiếng chuông, tiếng trống đánh lên inh ỏi. Từng toán lính của huyện nha kẻ mang giáo, kẻ vác súng trường đi diễu hành trước, một toán khiêng dụng cụ tra tấn đi sau. Dân chúng đứng chật hai bên đường. Viên tri huyện ra lệnh cho mang ra trình làng cái xác không đầu của phạm nhân. Người ta kêu lên một tiếng hãi hùng. Viên thừa lại của huyện đọc to qua một cái loa, lệnh của tri huyện: “Hỡi bà con trong huyện, hãy lắng nghe cho kỹ. Một vụ đạo chích chết người vừa xảy ra một đêm nọ trong huyện nhà. Thủ phạm khi tẩu thoát còn để lại một cái xác không đầu. Bà con hãy nhìn cho rõ cái xác đó với các đồ quần áo đã rách nát trên người hắn. Nếu đúng là thân nhân của bà con nào thì xin ra khỏi hàng để nhận xác và chịu tội. Nếu không, sau này nhà chức trách điều tra ra manh mối thì thân nhân đó phải chịu tội gấp hai lần!” Cái xác bất toàn được lính kéo lê trên con đường dài, hai bên có công chúng đứng coi. Tiếng kêu, tiếng sỉ vả, thậm chí tiếng cãi nhau om

xòm của người dự kiến làm cho quang cảnh thêm nhốn nháo. Xác dẫn gần tới gần cuối đoạn đường, bỗng có một người đàn bà ăn mặc lấm lem, toan tách ra khỏi hàng, khóc bù lu bù loa. Liền đó, có một người đàn ông trung niên vạm vỡ, quắc thước có râu mép tĩa vênh lên, chạy lại nắm lấy tay và vai của người đàn bà, vừa đánh đập, vừa lôi đi, vừa quát tháo: “Mày là một con mụ lẳng loạn, hư hỏng, tối ngày đi đàng điếm, cờ bạc. Dạy dỗ, đánh đập mấy cũng không chừa. Mới tối hôm qua đây, tao vắng nhà một lát, mày xách cái mâm đồng đi đánh bạc thua sạch. Tao đã hết lời răn đe, bảo đi cầm chiếc mâm đồng ở đâu, tao đem tiền đi chuộc về. Mày không nghe, mày chối cãi, mày thề thốt, mày khóc lóc. Bây giờ ra đến đây rồi mày còn giở trò...”

Người đàn bà vẫn khóc lóc van xin. Người bên đường đứng ra can ngăn. Người đàn ông được thể càng cao giọng giảng nghĩa lý. Khi người đàn bà toan lẩn ra đường, người đàn ông lôi cổ đứng dậy rồi lôi luôn đi theo mình trên dọc đường: “Về nhà rồi mày sẽ biết tay tao!”

Đi được một quãng ngắn, người đàn ông kéo người đàn bà vào một cái miếu thờ bên đường. Họ đi vòng qua sau miếu, nơi đó có một con ngựa buộc đang chờ họ. Hai người mau lẹ trèo lên lưng ngựa, phi về một néo rừng trùng điệp ở trước mặt. Người đàn ông chính là sư phụ đạo chích và người đàn bà chính là vợ anh đệ tử xấu số.

**NGUYỄN THỊ HOÀNG
TAN THEO
SƯƠNG MÙ**

Gần hai mươi năm nay, cùng với người vợ đầu yêu luôn luôn bên cạnh, ông Mishio du lịch đã nhiều nơi, dự bao nhiêu hội nghị, có mặt trong những buổi tiếp tân tiếng tăm và lộng lẫy nhất, những bữa tiệc sang trọng và danh dự nhất, đã tiếp xúc với bao nhiêu khuôn mặt, tên tuổi lẫy lừng, danh vọng bậc nhất, xứ này và xứ khác, nhưng chưa bao giờ ông nhìn thấy một bóng dáng đàn bà nào như thế. Chưa bao giờ. Chỉ có những vóc dáng Tây phương rõ ràng và quyến rũ, những đường nét đa tình thanh lịch của Đông phương như Trung Hoa hay Đại Hàn, hoặc cả những tài tử điện ảnh là những nhan sắc nổi bật nhất trong giới nữ lưu cao cách, nhưng chưa bao giờ ông tìm thấy đúng những đường nét uyển chuyển, mộng mị và tuyệt vời cho một cảm hứng bức tranh chưa bao giờ vẽ...

Người đàn bà ngồi đó,

một tay nâng tách trà, một tay thì nhẹ lên thành trường kỷ cẩn xà cừ, hai chân khép nép xếp vào nhau, tà áo đen dài eo lả buông xuống tận mũi hài thêu hoàng hạc lượn, mái tóc đen hơn nhưng vén cao từng lọn nhỏ và thanh trên đỉnh đầu tròn nhỏ nhắn, để hé một nét cổ trắng ngần chảy xuống khung ngực áo rộng hình vuông lấp lánh một cành huyết ngọc bên phía trái.

Trong khung mắt vương buồn, người đối diện vẫn tìm thấy một lấp lánh ánh sắc tươi vui, hân hoan, như một thứ ánh đèn lồng hò hẹn trong vườn cây làm tấm tối sao mờ, dấu hiệu của một giờ tình tự ngọt ngào đắm thắm... Nét mày cong thỉnh thoảng cau lại, như hỏi han ân cần, như hờn giận nũng nịu, như vờ vĩnh van lơn làm nũng nàng đôi gò má cao phơn phớt một thoáng hồng man mác toả xuống đôi môi san hô non mấp máy giấu che hai hàng răng màu lựu non hé hé từng lời nói tiếng cười. Giọng nàng nhỏ, thanh, nhưng nghe rõ, như tiếng vang xa được lọc qua những tầng thanh khí trong vắng vắng im, nghe xa vời như từ cõi nào vọng vang, mà gần gũi như thủ thỉ gần kề bên gối.

Một chút vâng, một chút thưa, nàng dịu nhẹ, khoan thai, trân trọng trong câu chuyện, từng lời từng chữ nhỏ nhẹ, vừa ân cần từ tốn, vừa kiêu cách đoan trang, làm người nghe cảm tưởng mình luôn luôn được trọng vọng, kính nhường yêu dấu vô chừng...

"Thưa ông, ông bà còn ở lại đây chừng bao lâu mới trở về Nhật". Nàng hỏi, với một thoáng nghiêng đầu dịu dàng và ánh mắt nghiêng hẳn về người đối diện chờ câu trả lời.

Ông Mishio băng khuâng nghe chính tiếng nói mình lạ hẳn đi:

"Chúng tôi có lẽ phải về ngay sau buổi tiếp tân chiều nay".

"Cuộc vui còn dài, ông bà vắng mặt, chúng tôi, những người ở lại sẽ mến tiếc vô cùng".

Nàng nói và đối xử với những cử chỉ, cung cách và lời lẽ đặc biệt Đông phương như thế.

"Chúng tôi cũng tiếc, có phải không, mình nhỉ" - ông quay sang phía bà vợ mặc áo kimono tím với những tấm hoa in màu trắng xám, ngồi ghế bên cạnh, nhưng mà không thể làm sao hơn - "vì chúng tôi có việc cần chờ ở nhà".

Bà vợ ngồi bên cạnh, im lặng, thỉnh thoảng một nụ cười dịu dàng, hiểu biết nở trên đôi môi hình trái tim nhỏ xíu màu hồng non. Theo ông, bà không biết một ngoại ngữ nào cả, và ngay đến tiếng Nhật, nhiều khi những người khác nói bà cũng không nghe hiểu nữa. Người đàn bà nói:

"Như vậy" - là vì bà chỉ biết có ông và muốn nghe mình ông thôi. Ông là vũ trụ của bà.

Người đàn ông chớp mắt, những vệt tóc trắng mềm mại rủ xuống vàng trán cao.

Ông tiếp tục giới thiệu vợ mình với người đàn bà vừa được gặp:

"Nhà tôi ít nói, gần như là không nói chuyện, nhưng hiểu biết tất cả mọi vấn đề, còn thông thái và sâu xa hơn cả sự hiểu biết của tôi. Nhất là về hội họa, chính khi tôi đang họa tranh, đang phân vân về màu sắc nào cho thích hợp với đường nét của bức tranh, nhà tôi đã chọn hộ màu đúng như tưởng tượng. Việc gì cũng thế, nhà tôi như lột hết những ý nghĩ thầm kín của tôi và làm giúp trước khi tôi thực hiện được.

Người đàn bà ngắm nghía bà Mishio với một vẻ thán phục và cảm mến chân thành:

"Bà thật đáng quý, hai ông bà như vậy, đã tạo ra một thế giới riêng tư, không cần gì đời sống chung quanh nữa rồi".

“Vâng, chúng tôi có thể giới riêng tư, và vì vậy, luôn luôn phải chống đối với bất cứ xâm nhập nào của người ngoài, đôi khi...”

Bà vợ vỗ nhẹ bàn tay mũm mĩm lên cánh tay chồng nói một câu dài tiếng Nhật.

Ông ta quay lại phía người đàn bà áo đen, tiếp tục câu chuyện, nhưng vấn đề khác.

“Thưa bà, còn bà ở lại đây bao lâu?”

Mặc dù cuộc vui vẫn còn tiếp tục, nhưng nếu ông bà ra về, có lẽ tôi cũng phải từ bỏ hết đi theo, bởi vì, xin thú thật trong đám quan khách kia, tôi không tìm thấy một ai có thể ý hợp tâm đầu để trò chuyện, dù chỉ là những chuyện vu vơ. Như thế, là tôi cũng sẽ sang Nhật khi ông bà đi rồi...

Người đàn bà ra ý hiểu điều người lạ nói, liếc nhanh dò xét nét mặt chồng. Nhưng trong khuôn mặt khả kính của người đàn ông yêu dấu, bà không tìm thấy một thoáng xúc động nào cả, nên lại cúi mặt xuống, ngắm những móng tay màu hồng nhạt của mình, khẽ mỉm cười âm thầm.

Bên kia, người ta đang tán tụng, chúc mừng nhau theo nghi lễ. Hình như Tổng thống và phu nhân đang lần lượt bắt tay quan khách để ra về. Những người hầu cận rào rào chạy lên xuống những bậc thang lầu trái thảm nhung đỏ. Tiếng áo xiêm sột soạt cạnh những hàng ghế bọc gấm. Rồi tiếng chân như xa dần dưới kia lầu.

Người đàn ông ngồi lại bên cạnh vợ, chỉ tiếp những bạn bè bằng hai con mắt chăm chăm nhìn theo, nói với người đàn bà bằng thứ giọng nhỏ và trầm của ông.

“Hình như họ ra về hết. Bà đã về chưa?”

“Bao giờ ông bà đứng lên, tôi sẽ xin theo”.

“Không, chúng tôi theo bà”.

Nàng nói:

“Chúng ta ra ngoài kia xem cảnh yên ba cửa buổi chiều”.

Nàng nói, và lùi lại, nhường cho người đàn ông đi trước, rồi dịu dàng, niềm nở, với một chút tôn quý nàng nâng cánh tay bà Mishio, dìu bà ta theo mình, sau lưng người đàn ông.

Bà vợ cười, im lặng, cánh tay nhẹ hẫng tay nàng, và bước đi nữa, cũng như lãng đãng vật vờ trong sương sao.

Người đàn bà ra tựa lan can, nhìn xuống mặt hồ khói mây mịt mờ dạo chơi lãng đãng trên những bờ cây sẫm sắc chiều hôm. Tiếng ông Mishio ung dung đều đều bên cạnh.

“Không bao giờ có nét bút họa nổi những cảnh nét quá tuyệt vời trong thiên nhiên và đời thật, đáng tiếc”.

“Thế sao những bức tranh vẫn đẹp hơn những cảnh ngoài, thưa ông?”

“Chỉ khi người vẽ tìm thấy đúng một ảo giác nào đó. Với tôi, họa tranh do xúc động hơn là ảo giác, nhưng chính sự xúc động thái quá làm xô lệch hết màu sắc và đường nét. Ví dụ như...”

Giọng ông chìm rồi tắt.

Người đàn bà tưởng chừng như họ, cả hai vợ chồng, đã tan biến vào thinh không.

Nàng quay lại ông Mishio đang ngẩn ngơ nhìn phía sau mình. Người vợ đã đi đâu mất. Ông ta có vẻ buồn bã, băn khoăn.

“Nhà tôi đi xuống *dưới ấy* rồi”.

“Dưới ấy là ở đâu ông?”

“*Dưới ấy* mà...”

Ông Mishio nói lửng lơ, rồi thở dài kín đáo và tì tay vào lan can, hai mắt đắm chìm vào bóng chiều tịch mịch vây phủ quanh lầu. Trong mắt ông bây giờ, những người khách cuối cùng qua lại đó, cũng ẩn hiện, lãng đãng như khuất

chìm trong sương, những tiếng động cũng nhỏ và xa như tiếng ông trên môi mấp máy. Mọi sự đều mơ hồ xa tắp trong cảm nhận mịt mù lên lảng của ông bây giờ. Người đàn bà trong mắt ông bỗng nhỏ lại, mất hết bề dài, chiều dày, chỉ còn lại một nét thuôn mơ mòng trong hai mắt ông hình dung bức tranh sẽ vẽ. Nhất định sẽ vẽ bức tranh chờ đợi. Nhập nhòa trên bức tranh phác họa với tưởng tượng và ký ức, ông thấy như có khước mắt nhìn trách móc của bà Mishio. Ông nói thầm trong im:

“Không phải như mình đang nghĩ và làm đâu mình yêu quý ạ, nhưng tôi chỉ muốn thực hiện bức tranh mong ước thôi. Cả một đời người, chỉ vẽ được một bức tranh như thế thôi, mình nở buồn lòng và hẹp lượng sao? Cho tôi vẽ, nghe mình, nghệ thuật là nghệ thuật, mình phải hiểu, như mình đã gần và đã hiểu tôi, hai mươi năm xưa, và hai mươi năm từ ấy đến bây giờ...”

Mặc dù bản khoản về việc bỏ đi đột ngột của bà vợ, ông Mishio vẫn trao cho người đàn bà lạ tấm thiệp, căn dặn đường đi và nơi chốn rõ ràng, mời nàng đi sang Nhật bớt chút thời giờ ngắn ngủi ghé thăm ông bà ở Kyoto, một ngôi nhà u tịch gần ngôi chùa cổ.

Khi người đàn bà tìm được nhà ông Mishio, trời chợt mưa lất phất. Cơn mưa nhẹ và mờ như bụi phủ trên vườn cây xanh tĩnh mịch quanh ngôi nhà cũ hoang vắng với mái nâu cũ kỹ loáng thoáng bóng rêu phong, với những đọt cây lô nhô từ sau hiên như bầy rắn nhỏ đang tìm đường chạy trốn khỏi những khối cây cối rậm rạp lạnh lẽo bốn bề. Trời nhuộm một màu sáng bạc như bạn hữu một cơn bão lớn về đêm, bay vừa qua một trận biến động đất trời, bây giờ, những người chết vì trận thiên tai như còn lảng vảng oan hồn đâu đó.

Nàng gọi, không thấy một bóng người nào lai vãng trong khoảng sân lát gạch loáng thoáng bóng những cây tùng lùn thấp già cỗi trồng trong những chậu sứ khổng lồ màu sắc vừa rực rỡ vừa kỳ dị được lấy trộm từ một cung điện nào từ ngàn năm. Lối đi là những mặt gỗ cắt ngang của một thân cây lớn, khảm thành hàng không đều nhau trên mặt đất màu nâu đen cần những đường viền sỏi trắng và tím. Đây đó lờm chờm những cụm cỏ già màu lục sẫm, thỉnh thoảng một bông hoa tím đại ngợ ngẩn mọc lên như một dấu hỏi lặng câm giữa màu xanh u tịch của vườn cây. Thoang thoang mùi thơm của một loài lan quý nào nở kín bên hiên vắng.

Cánh cửa bằng giấy phía phòng khách mở hé cho thấy một tấm thảm màu đỏ gạch, thêu những vòng hoa xanh và tím sắc sỡ. Mấy đôi dép Nhật Bản xếp ngay ngắn ở lối ra vào. Tiếng một con chim bay qua mái hiên, cất tiếng hót ngại ngần trong thình không hiu hắt. Người đàn bà đi chậm từng bước nhỏ, cái dù nghiêng trên vai, qua khoảng sân vắng, vào trong hiên, đứng đợi một người nào ra chào đón. Nhưng không có ai cả, nhưng những dấu vết quanh nhà chứng tỏ vẫn có người ra vào, qua lại luôn luôn. Sự hiện diện thường trực và bí mật của một bóng người làm cho không khí chừng như lạnh lẽo và trang nghiêm hẳn đi trong một cảm nhận bàng hoàng và sợ hãi về một cõi nào ở ngoài đời sống thật.

Tiếng mưa từng sợi chảy từ những tầng lá cao xuống cây hoa thấp là đà sát mặt đất, âm vang buồn bã xa lạ và lạnh lẽo, làm nàng chợt cảm thấy mình đang lạc lối trong một cõi nào cách trở và huyền hoặc, không bao giờ còn tìm đường trở về được những lối đời quen thuộc trước kia, nếu không có một dẫn dắt vô hình và thân thuộc nào đó.

Chiếc xe thả nàng xuống cổng nhà đã mất hút bóng từ lâu ngoài con đường vắng vẻ lạnh lẽo. Bỗng nhiên nàng lạnh người nghĩ nếu mình đang tới làm nhà một người nào khác hoặc đã đến nơi nhưng ông bà Mishio đã đi vắng, còn lâu lắm mới trở về.

Người đàn bà nhìn vào trong, trên chiếc chiếu hoa mà ngà và tím, cái bàn vuông sạch sẽ đặt một bình hoa cúc tím nhạt. Mấy cái hoa còn rung rinh ướp kín những giọt mưa sương lóng lánh. Một đĩa bánh ngọt và hộp thuốc bằng đồng mồi bên cạnh những chiếc khăn lau bằng giấy cắt hình hoa cúc thật khéo. Như chủ nhà dọn sẵn và chờ đợi một người khách có hẹn từ trước. Nàng nghĩ:

“Hai ông bà ấy chắc chắn là có nhà vì sắp đón một người khách nào đó”.

Nàng quả quyết và lấy hết can đảm, tháo giày, thong thả dè dặt từng bước một, bước hẳn vào trong nhà, mở ví, lấy hộp bánh và những gói trà ngon, làm quà tặng chủ nhà đặt lên bàn.

Có tiếng guốc gõ lóc cóc thật nhẹ phía hành lang bên trái. Rồi tiếng cửa giấy động khẽ. Nàng chờ một tiếng nói, một bóng người, nhưng không có ai cả.

Chờ một lúc, một lúc lâu như hàng ngày ở đời sống quen thuộc ở quê nhà, nàng đành lên tiếng:

“Chào ông bà Mishio, có tôi đến thăm...”

Một tiếng cười nhẹ, như gió cầm thoảng qua. Rồi tiếng dép sột soạt trên tấm chiếu hoa. Người đàn bà ngẩng lên nhìn. Bà Mishio tươi thắm với chiếc kimono màu hoa đào với những cành lá trắng, mái tóc lẳng lẩy như hôm đầu tiên gặp nhau, cài thêm một búp hoa hồng ngọc. Đôi môi không thoa son hồng tươi hé một nụ cười dịu dàng làm lẳng dịu những bản khoăn trong lòng người đối diện, bà

Mishio bỗng nói, không bằng tiếng Anh, không phải là tiếng Nhật, nhưng người đàn bà vẫn nghe và hiểu, như thường nghe và hiểu được ngôn ngữ của những người chuyên trò trong chiêm bao:

“Mời bà ngồi, tôi biết thế nào bà cũng sẽ đến, chắc chắn là bà sẽ đến, cho nên mấy hôm nay vẫn có mong chờ. Tiếc thay, ông nhà tôi lại đi vắng hôm nay. Có lẽ ông ấy cũng sắp về, thôi tôi xin phép được đón tiếp bà vậy và ước mong bà sẽ hài lòng những giờ dừng lại trong gia đình chúng tôi”.

Người đàn bà nhìn quanh, tỏ vẻ thán phục cách trang hoàng của chủ nhân. Bà Mishio tươi cười:

“Bà sắp khen, phải không, nhưng lối trang hoàng này đã cũ quá, như thế này đã gần hai mươi năm, không thay đổi”.

Người đàn bà lạ kinh ngạc:

“Tại sao gần hai mươi năm, bà có thể giữ nguyên mọi vật trong nhà không thay đổi?”

“Có gì khó đâu, thưa bà, chỉ do người ta muốn giữ gìn hay thay đổi đó thôi. Giữ gìn thì hai mươi năm hay hai trăm năm còn nguyên vẹn đó. Nhưng nếu muốn thay đổi thì chỉ cần một ngày, một giờ, một chớp mắt ta thôi”.

“Thưa bà nói về cái gì?”

“Tất cả mọi thứ đều như thế cả, phải không bà, những vật bên ngoài cũng như những ẩn tình trong lòng người”.

Người đàn bà lại nhìn quanh, không thấy dấu vết một đồ chơi, quần áo gì của trẻ con hay một kẻ thứ ba nào ngoài hai ông bà chủ nhân.

“Thưa bà Mishio, các em hẳn đi học ở xa?”

Bà Mishio ngồi xếp chân trên chiếc gối thêu, vén tay áo kimono rón rén pha trà trong bình ra tách ngọc.

“Mời bà dùng trà, trà ướp hoa cúc của tôi tự làm cho nhà tôi dùng đó, nhà tôi chỉ uống được trà do tôi làm thôi cho

nên, những lúc đi đâu, nhà tôi chỉ nâng tách trà mà không uống, bà có thấy không?”

“À, bà lại nhắc, bà nhớ từng chi tiết ấy sao?”

“Thường thì tôi không nhớ gì những lần đi theo nhà tôi, vì không có gì quan trọng đáng nhớ cả, nhưng mà từ hôm đó đến nay thì tôi cố nhớ lại từng chi tiết từ đầu và tôi nhận ra...”

“Cái gì vậy thưa bà?”

Bà Mishio nhìn ra ngoài vườn hoa lặng lẽ, bỗng thở dài, với một giọng nói nửa u buồn, nửa hoảng hốt.

Có lẽ sẽ có một cơn bão nhỏ đâu đây, và nhà tôi về nửa đường sẽ gặp cơn bão nhỏ.

Người đàn bà lạ cũng nhìn trời u ám bên trên những mái cong rêu phủ.

“Bà có cần đi đón và mang dù hay áo ra cho ông hay không?”

“Nhà tôi có mang dù theo, không sao. Nhưng với cơn bão thì trăm ngàn cái dù cũng vô ích thôi”.

Giọng của bà Mishio có vẻ trách móc, tiếc than lạ lùng làm cho bà khách bối rối và ái ngại.

“Xin lỗi bà, có lẽ tôi xin về thì hơn, hôm khác trời tốt, nếu còn nấn ná ở lại Nhật, tôi sẽ lại thăm ông bà”.

Tiếng cười bà Mishio có vẻ giễu cợt và chua chát:

“Xin bà nán lại cho qua buổi trưa nhà tôi sẽ về, dù là về trong cơn bão nhỏ, nếu biết có bà lại trong lúc đi vắng, nhà tôi hẳn buồn tiếc vô cùng và sẽ trách tôi vô ý không giữ chân bà lại”.

“Bà thật khéo nói, vậy tôi xin ở lại chờ ông về để thăm ông. Biết đâu không có dịp trở lại và gặp nhau lần khác nữa”.

“Thật rủi ro, bà đến thăm vào hôm trời không đẹp nên không thể đưa đi ngoạn cảnh được cũng không xem hoa trong vườn”.

Người đàn bà lại nhìn quanh và băn khoăn vì câu hỏi về con cái của mình chưa được trả lời. Hình như bà Mishio không muốn nói đến con cái.

“Chắc là các em cũng sắp về”.

Bà Mishio lạnh hân mặt đi.

“Chúng tôi không có con”.

“Dạ...”

Người đàn bà nghĩ thầm, chắc là hai ông bà Mishio có một bí mật nào đó về mối tình của họ. Họ chênh lệch tuổi tác, trông rõ hẳn. Ông gần gấp đôi tuổi bà và vì thế, hẳn ông đã có một đời vợ trước, có nhiều con đã lớn lên, và đến khi lấy bà vợ trẻ sau này thì... vì một nguyên do nào đó, không muốn có con nữa. Vì thế cho nên nhắc đến con cái, bà đã buồn bã không muốn trả lời.

Nhưng như đoán biết những ý nghĩ thầm kín trong trí khách, bà Mishio nói:

“Tôi chỉ mang thai có một lần, vào lúc gần ba mươi tuổi, nhưng bị tiểu sản và tôi cũng... rồi thì gần hai mươi năm nay...”

Khách kinh ngạc:

“Nếu vậy, bây giờ bà đã... bốn mươi sao, xin lỗi tôi phải hỏi như thế, bởi vì trông bà chỉ chừng hơn hai mươi tuổi”.

“Phải, tôi chỉ hơn hai mươi tuổi. Nhưng mà đã gần năm mươi... bà thấy là lạ lắm, phải không, đời tôi như vậy... đã hai mươi lăm năm nay... hình như trời hứng nắng ngoài kia, nắng giữa hai cơn mưa, mời bà nhấp tách trà rồi ra xem cảnh”.

Khách đi theo người chủ ra ngoài. Những tia nắng long lanh trên hàng mưa còn đọng trong vắt trên những đợt từng lóng lẩy. Những bông hoa đủ màu đủ vẻ lộng lẫy rung động trong cơn gió mát lạnh.

Càng đi về phía trái ngôi nhà, vườn hoa càng rộng và hoa càng trồng nhiều cho đến khi tiếp giáp với hồ sen rộng mênh mông. Những bông sen Nhật Bản trắng nõn ng, cánh xếp chồng chất như từng mảnh lụa cắt khéo, với những tấm lá lớn đặng đầy nước mưa lóng lánh trên hồ như thủy ngân. Những đám bèo Nhật Bản li ti từng tai nắm tí hon xếp từng vầng trôi giạt quanh quần giữa vùng nước xanh rêu in bóng những đọt cây già nghiêng mình soi năm tháng. Tiếng một con cóc kêu nhỏ trong một bụi cây nào ẩm ướt cuối vườn.

Bàn tay lạnh ngắt và trơn láng như bụng một con thằn lằn của bà Mishio bỗng nắm lấy bàn tay bà khách. Giọng bà Mishio như chỉ còn là hơi gió thoảng trong lá cây.

“Những bông hoa này, hồ thả sen này, tôi chăm nom đã hơn hai mươi năm nay...”

“Hai mươi năm, không thay đổi”.

“Bây giờ thì thay đổi”.

“Sao bà cho là thay đổi?”

“Nhà tôi thay đổi, thì mọi thứ cũng phải thay đổi theo chứ, bà xem rồi cả tôi nữa, tôi là thứ bị thay đổi trước nhất, bà sẽ thấy như thế”.

“Thưa bà, ông thay đổi, làm sao bà biết như thế?”

Bà khách quay nhìn lại. Mặt bà Mishio trắng như phiến giấy với hai con mắt bỗng hùng lên một màu hồng vàng kỳ lạ như mắt cá thia đỏ. Trong con mắt chột đổi màu long lanh ấy, con người như sáng lên với một tia lửa hắt hiu âm ỉ, như ngọn đèn nhỏ được treo từ một đáy sâu nào xa hút âm u.

“Từ lúc ấy, nghĩa là gần hai mươi năm nay, nhà tôi chỉ trau chuốt những bức tranh dở dang, nhưng không bao giờ vẽ một bức tranh mới nào. Nhà tôi bảo là những cảm

xúc đã chết hết, đã chết theo...”

“Chết theo...”

“Phải, chết theo... như bây giờ nhà tôi muốn vẽ tranh lại, nhà tôi đang đến họa một cảnh gần chùa, cách đây không xa lắm. Nhà tôi vẽ, là mọi sự thay đổi cả”.

“Như thế... bà nên mừng đón sự thay đổi của ông chứ”.

Sắc mặt bà Mishio trở lại tươi thắm và bình thường như cũ.

“Vâng, thưa bà, đó là điều đáng mừng, bao nhiêu năm nay, tôi chờ đợi sự thay đổi đó, khuyên nhủ nhà tôi cần phải thay đổi đi như thế kia mà, nhà tôi đã khẳng khẳng giữ lấy đời sống cũ, những bức tranh cũ, những xúc động cũ. Nhưng bây giờ thì nhà tôi *đã tìm thấy* điều tôi mong muốn, dù rằng như vậy thì tôi sẽ... Thôi thưa bà, xin bà đừng nói đến những điều đó nữa... Kìa, hình như nhà tôi đã về. Đúng là nhà tôi về. Lạy trời, cơn bão đã không tới. Không chừng là sẽ tới, nhưng muộn hơn, khi nhà tôi đã ở trong nhà, và bà nữa, bà cũng đã đến nơi...”

Người đàn bà nhìn ra ngoài cổng. Qua những tàn thông tùng xanh ngắt cách khoảng nhau thành những ô hình thoi và hình chữ nhật trong mắt nhìn bờ ngõ, người đàn ông tay xách hộp thuốc vẽ, và giá, tay cầm dù thông thả đi vào. Nhận ra dấu vết của khách tới thăm, ông ta dừng bước, nhìn vườn hoa, cất tiếng chào hỏi. Nét mặt ửng lên một thoáng hồng tươi đầm ấm và giọng nói hơi run, tỏ ra ông vừa mừng rỡ vừa xúc động lạ thường.

“Đúng là bà, không ngờ bà lại giữ lời hứa đến thăm chúng tôi từ xa xôi. Mời bà vào trong nhà... nhà tôi hẳn đã pha trà cúc hoa rồi chứ. Ngày mình ơi, chọn cho bà đây một cái kimono đi mình, bà sẽ ở lại với chúng ta...”

Người đàn bà nhìn lại, định cầm tay bà Mishio tỏ dấu

hoan hỉ và cảm ơn sự đón tiếp nồng hậu của hai ông bà, nhưng một thoáng nhìn quanh quất, nàng không thấy bà chủ nhà đâu nữa. Chỉ còn tiếng gió quạt nhẹ nhàng trên những tàn lá cây xanh loáng loáng những giọt nước mưa đọng đưa óng ánh nắng vàng yếu ớt như một nụ cười gượng gạo cuối cùng. Chỉ còn, vẫn tiếng một con cóc, buồn bã kêu lên trong cụm hoa nào cuối vườn, và tiếng một cành hoa nào rụng xuống mặt hồ sen, âm vang mơ hồ, xa xôi, như tiếng một giọt nước mắt âm thầm rơi từ khuôn mặt mùa thu ảo não.

Bà Mishio nói, đã lâu không được đón tiếp một người khách nào nên bây giờ cơn vui làm no lòng và bà không thấy thích ăn cơm bằng được ngồi tiếp khách bên cạnh, mặc dù từ chối bữa cơm khi có khách như vậy là một việc khiếm nhã. Bà thành khẩn xin lỗi và luôn tay tiếp thức ăn cho chồng và bà khách quý. Bữa cơm thanh đạm, nhưng ngon lành, gồm một chén canh cải nấu với cá, một đĩa tôm lột vỏ chiên bột ăn kèm với khoai chiên, một đĩa nhỏ dưa gang ướp mật rượu và đường màu mã não, những khoanh trứng gà luộc trên một đĩa xà lách thật tươi ghim từng trái táo đen, hạnh nhân và hạnh đào màu đỏ. Tất cả được trình bày khéo léo trong bát đĩa bằng một thứ gỗ đen và nhẹ, cẩn hoa và chim bạc, bướm và những cánh từng già. Những hột cơm trắng, dẻo vớt lên đầu mút dưa nhẹ tênh mà đủ thắm. Người đàn bà đã được bà Mishio mời đi tắm nước nóng, thay một chiếc kimono đẹp nhất của chính bà cất giữ từ nhiều năm, màu đỏ và những bông hoa đen trắng lớn, một đôi dép nhẹ cùng màu, mớ tóc vấn cao để lộ chiếc gáy trắng mỏng lụa thưa những dải hoa vải mong manh. Ba người quỳ gối quanh chiếc bàn vuông thấp, mỗi người một mâm cơm riêng trước mặt. Bà Mishio ngồi tiếp thức ăn một lúc

rồi lấy có đang bận những việc gì đó ở nhà sau, cáo từ và rút lui. Bà Mishio chỉ trở ra một lần để dọn dẹp bàn ăn thay thế một tấm khăn trải bàn thêu tay khéo, dọn trà bánh và chưng một bình hoa rồi mới biến mất sau nhà bếp.

Ông Mishio xin lỗi khách về sự vắng mặt bắt buộc của vợ và tỏ vẻ hân hoan nếu được khách chiếu cố đến những bức tranh đã vẽ từ hai mươi năm xưa của ông.

Phòng tranh chỉ cách phòng khách một bức tường giấy mỏng. Những cửa nhỏ sát hàng hiên sau được kéo lên. Ánh nắng vàng tươi nhảy múa chao lượn trong những góc phòng quen bóng tối. Gần một trăm bức tranh treo san sát nhau quanh bốn bức tường thấp của gian phòng rộng thênh thang. Một số, không đủ chỗ, đã phải chồng chất lên nhau xếp vào các góc. Màu sắc trong xanh u trầm, mờ nhạt, như những vết khói mờ tan loãng dần trong hư vô.

Trên giá vẽ của kệ trong góc phòng, một bức tranh lớn được phủ một tấm lụa vàng đã bạc màu. Người đàn bà tò mò tiến lại gần giá vẽ. Ông Mishio có vẻ bối rối, nửa muốn ngăn cản, nửa ngại ngần. Cuối cùng ông nói:

“Đó là bức tranh dở dang cuối cùng của tôi. Từ đó đến nay, tôi gác bút luôn, không thêm được nét nào nữa”.

“Bà nói, ông vừa vẽ trở lại, và hôm nay ông vừa đi họa thắng cảnh nào gần đây”.

Ông Mishio cười buồn rầu:

“Tôi tưởng là có thể vẽ lại được, nhưng tay đã cứng mất rồi. Trái tim già cỗi và những ngón tay cứng khô”.

Người đàn bà băn khoăn.

“Bức tranh kia chưa xong, sao ông không họa tiếp tục. Ông họa gì trong đó”.

“Vợ tôi, tôi vẽ bà ấy mang thai ba tháng hồi đó, tôi say mê vẽ đến bất kể một thứ gì khác, nhất là bức tranh ấy...”

đến nổi... mỗi ngày dù mệt nhọc đến đâu, nhà tôi cũng bắt buộc ngồi làm mẫu cho tôi vẽ chừng ba bốn tiếng đồng hồ sau công việc mệt nhọc. Hồi đó, chúng tôi nghèo cực kia, tranh tôi không bán được, vợ tôi cũng chưa có tiếng tăm gì để làm ra được chút tiền, nhà tôi phải âm thầm tàn tảo lo liệu lấy mọi việc để giúp tôi yên ổn thời giờ tâm trí họa tranh. Thời ấy, tôi không nghĩ ra mọi điều tai hại của sự say mê của mình, cũng như không hề lưu tâm tới những khổ sở mà nhà tôi vì tôi phải chịu đựng những mệt mỏi, đau đớn quá mức để ngồi cho tôi vẽ, nhà tôi bị hư thai, và phải mổ... rồi thì..."

Người đàn bà bỗng lắng nghe. Hình như một tiếng khóc nức nở mơ hồ từ bên kia bức tường giấy vọng sang. Người đàn ông như không nghe tiếp tục những ý nghĩ đắm chìm.

"Tiếc thay, tôi đã dành lại cặp mắt cho nét vẽ cuối cùng. Cho nên không kịp nữa. Và bức tranh đã dở dang".

Người đàn bà thắc mắc:

"Về sau, bà không ngồi tiếp cho ông vẽ xong đôi mắt?"

"Đôi mắt ư? Trong bức tranh bây giờ là hai vàng tối trông không. Và trong đời sống thì... chỉ còn là cái nhìn xa vắng. Bà không thấy điều đó sao?"

"Đôi mắt bà... tôi thấy, nếu ông tiếp tục bức tranh bà thì đôi mắt bây giờ không chừng đẹp hơn xưa".

"Tôi không thể hình dung lại, tưởng tượng nhà tôi để vẽ lại. Cái gì xóa nhòa, mờ mịt, một khoảng cách vô bờ giữa chúng tôi ngăn chia tầm mắt và biến đổi cái nhìn".

Người đàn bà lạ lùng:

"Sao bà không ngồi đây, và ông vẽ bà?"

"Tôi không thể vẽ cái bóng".

Người đàn bà cảm thấy có nỗi gì bí ẩn, muốn hỏi nhưng người đàn ông đã khép cánh cửa sổ lại, ánh sáng đã lặn về

trời, căn phòng mờ tối lạnh lẽo và hai người trở ra phòng khách, tiếp tục những chén trà nóng thơm ngát mùi hoa cúc.

Người đàn bà tỏ ý muốn mời bà Mishio lên ngồi nói chuyện, vì nàng không thể ở lại lâu, còn phải trở về Osaka để cùng đi mua sắm với mấy bà bạn.

Ông Mishio thở dài:

"Ở Kyoto này thì không có gì vui cả, nhưng nếu bà ở lại với chúng tôi, ngày mai chúng tôi sẽ đưa bà đi xem ngôi chùa cổ. Còn nhà tôi thì... bây giờ là buổi trưa, buổi trưa nào nhà tôi cũng phải vắng mặt để *ra ngoài ấy*".

"Dạ, ông bà còn có một ngôi nhà nào khác?"

"Không, chỗ của nhà tôi".

Người đàn bà bỗng nhớ tới bức tranh dở dang trong phòng tranh cũ. Có cái gì làm bà nghĩ tưởng lan man không dứt đến bức tranh kia, và những câu nói nửa vời của ông Mishio. Nàng hỏi không ngăn được lòng trí tò mò.

"Xin ông... cho tôi được xem bức tranh của bà trong ấy, tại sao ông lại phải che tấm lụa như vậy, phòng không có bụi mà? Những bức tranh khác để trần cũng có hư hao gì đâu".

"Nhà tôi muốn che lại như thế, và tôi phải che lại từ *ngày ấy*. Bà muốn xem thật ư? Chắc là nhà tôi không bằng lòng đâu, nhưng mà... từ xa xôi đến, chẳng lẽ bà chỉ muốn ngắm một bức tranh lại không thể được. Mời bà cứ trở lại phòng tranh và xin tùy tiện".

Người đàn bà đứng lên, trong lúc ông Mishio ngồi lại một mình ở phòng ngoài.

Nắng bỗng tắt khi nàng nâng khung cửa sổ lên chờ chút ánh sáng hắt vào phòng. Căn phòng mờ tối lạnh lẽo phảng phất mùi ẩm mốc, mùi thơm lạnh và nồng của một thứ gỗ trầm xưa cũ.

Người đàn bà rón rén lại gần bức tranh trên giá và giở tấm lụa vàng lên. Nàng lùi lại một bước và cảm thấy một luồng nước lạnh luân khắp châu thân làm hai chân cơ hồ dán in xuống đất và hai tay run cứng lại treo nửa vơi. Nàng nhìn đăm đăm bức tranh kỳ diệu lồ lộ khuôn mặt kiều mị của người đàn bà đã nhìn thấy. Vỗ đôi môi đỏ, cặp má hồng đầy, cái vẻ tươi thắm và thanh tú sống động của khuôn mặt vương vất sợi tóc đen nhánh lung linh. Bức tranh như diễn tả đầy đủ một khuôn mặt sống thật đang linh động trong mắt người nhìn ngắm. Nhưng... không như ông Mishio nói chưa vẽ xong cặp mắt ngày ấy, người đàn bà nhận ra đúng là màu mắt và dáng nét, cái nhìn vừa dịu dàng vừa u uất của người đàn bà, và vẻ dị thường của ánh mắt nàng đã nhìn thấy tình cờ trong vườn hoa buổi sáng. Nàng nhớ rõ là ông Mishio đã nói chưa vẽ cặp mắt, trong tranh, mắt chỉ mới là hai khoảng trống. Không lẽ nhiều năm, và ông đã quên, hay một lúc nào ông đã vẽ tiếp đôi mắt bà, nhưng ông chẳng nhớ. Thắc mắc, và sợ hãi trong một cảm giác rờn rợn kỳ lạ, nàng lùi lại từng bước vội vã, đi nhanh ra phòng khách. Nàng nói cho ông Mishio biết điều vừa trông thấy, và nàng cũng nhờ ông vào che lại bức tranh như cũ mà trong lúc vội vàng nàng đã quên.

Ông Mishio đứng phắt dậy, im lìm như trời trồng một lúc lâu khi nghe nàng nói. Mái tóc trắng rung rung, vàng trán xếp lại từng nét nhăn xót xa, hai tay run run lần về phía trước, ông như chết điếng đi một lúc lâu rồi lẳng lặng bước vào phòng tranh. Người đàn bà rón rén theo sau, đứng ở khung cửa nhìn vào.

Hai tay bưng mắt, người đàn ông đứng lặng trước bức tranh, rồi ông tháo bức tranh ra khỏi giá, áp vào ngực, nước mắt giàn giụa chảy dài xuống má. Người đàn bà nghe

tiếng ông hỏi vọng ra...

“Bà để... tấm khăn lụa đâu rồi?”

“Bên cạnh giá vẽ, trên mặt bàn ấy”.

Im lặng một lúc, rồi bỗng người đàn ông kêu lên:

“Tôi tìm khắp không thấy tấm khăn lụa vàng đâu cả, xin bà nhớ lại cho, bà có mang khăn ra khỏi phòng không?”

Người đàn bà rợn người:

“Tôi... có cầm khăn ấy đi đâu. Ông tìm lại xem”.

“Cái khăn không còn trong phòng nữa. Chắc là nhà tôi đã lấy đi rồi”.

Người đàn bà lạc giọng đi:

“Bà... đã về”.

“Có lẽ và lại đi rồi, lần này thì... không chừng nhà tôi đi chẳng trở về nữa...”

Không ngừng được, người đàn bà níu lại cánh tay ông Mishio:

“Ông nói cái gì, có chuyện gì vậy? Xin ông nói ra”.

Ông Mishio thận trọng đặt bức tranh trở lại chỗ cũ, yên lặng kéo cánh cửa lại và lặng lẽ đi ra khỏi phòng. Ông ngồi xuống chiếu, hai tay chắp trước ngực, mắt khép lại, tâm thần phiêu diêu trong một cõi xa vời mộng mị nào. Rồi trên môi thoang thoảng một nụ cười nhợt nhạt, ông Mishio lẩm bẩm một mình như không có ai trước mặt:

“Mình hiểu lầm tôi, mình đã hiểu lầm tôi rồi, không phải như mình nghĩ đâu”.

Ông Mishio nghe như trong xa vắng có tiếng nói rất khẽ đáp lại lời mình thì thào:

“Ông đừng chối, tôi thấy rõ ông hơn cả chính ông nhìn thấy ông mà. Mặc dù chưa đến đâu, chưa xảy ra chuyện gì cả, nhưng mà câu chuyện đã khởi đầu, nếu cứ tiếp tục, một lúc nào đó điều tôi đang nghĩ về mình sẽ đúng”.

Ông giang tay trong không khí mong nín kéo một chéo áo kimono mớ màng đầu đó:

“Không, không phải thế, chẳng có chuyện gì xảy ra, dù chỉ là trong ý nghĩ tôi thôi. Tôi chỉ yêu quý mình, suốt đời tôi chỉ biết có mình mình mà thôi”.

Ông lắng nghe. Không còn lời nào đáp lại, dù là trong xa vắng. Ông tưởng như lời mình không còn ai nghe nữa và một giây ông cảm nhận tất cả nỗi quạnh hiu của tuổi già, và cô đơn đã kéo dài từ bao nhiêu năm và từ đây nối tiếp, mãi mãi vô tận của đời người, không biết tới bao giờ.

Người đàn bà chậm rãi từng bước nhỏ qua khung cửa vắng. Mù sương buổi sáng giăng mắc một vùng cảnh vật đắm chìm trong giấc ngủ. Ngôi chùa cổ cao rộng mênh mông đen thẫm cắt thành một khối khổng lồ im lìm và bí mật trong vùng mù sương trắng bạc. Những hàng cây bốn phía lù lù đen sẫm như những tượng người quái dị cao lêu nghêu vươn tay lên trời mở lời cầu nguyện nín câm. Các tháp chuông cao lớn đứng lù lù ở một góc u tịch như khối đen chứa đựng những bí mật chết chóc truyền kiếp nào từ bao nhiêu thế kỷ.

Đến trước hiên chùa, nàng dừng lại nhìn quanh tìm kiếm. Ông Mishio đã hẹn gặp ở chỗ này, đúng chín giờ. Bây giờ hình như đã quá chín giờ, và ngoài kia bức tường, lũy học trò đã sắp hàng vào lớp của ngôi trường nhỏ bên kia chùa đã từ lâu. Nắng chưa lên, nhưng một vài bóng người đã len lén vào chùa, thấp thoáng sau những tàn lá thưa, dâng hương lễ bái. Một cái gì u ám, bí mật phủ trùm, ám ảnh quanh trí nàng, như một lớp mù sương. Và hình như đêm qua, sau một buổi chiều dài ngồi chờ không thấy bà Mishio về, trở lại nhà trọ ngủ cho qua đêm trước khi tới chỗ hẹn với ông bà Mishio, nàng đã chiêm bao, thấy một điều gì lạ

lòng, liên quan tới bà Mishio và bức tranh. Hình như nàng mơ thấy bà ấy về, nói chuyện về bức tranh, về việc tiểu sản ngày trước của bà, liên hệ tình cảm giữa ông và bà, về sự có mặt của nàng trong đời sống đang yên lặng. Và những gì gì nữa, hình như rất quan trọng, nhưng nàng không thể nhớ, và chính vì vậy nàng băn khoăn, hoang mang không cùng.

Bỗng nàng nghe một tiếng kêu nhỏ, trầm ấm, như một tiếng reo vui, nhưng cũng là một hơi thở dài kín đáo.

“Kìa, bà đã đúng hẹn”.

Người đàn bà cũng mừng rỡ:

“Ông mới đến, bà đâu, thưa ông?”

Ông Mishio đan những ngón tay vào nhau, đầu cúi xuống, những vệt tóc trắng bay phơ phất trên vầng trán căng hằn mấy vết nhăn vừa đánh dấu một đêm phiền muộn không ngủ.

“Bà có thể lại kia, chúng ta ngồi lại cho qua câu chuyện, câu chuyện cuối cùng”.

Hai người thong thả đi bộ về phía hiên chùa ngồi xuống những bậc thềm lạnh lẽo không nắng chiếu.

Người đàn bà hỏi lại vì sao bà Mishio chưa tới, ông thở dài, tránh không nhìn hai con mắt đăm thắm của người đàn bà.

“Nhà tôi không đến. Và vì thế, lẽ ra tôi cũng không đến, nhưng mà lỡ hẹn với bà, vả lại, đây là lần cuối cùng chúng ta gặp nhau, đúng ra là tôi được gặp bà, vả lại hôm nay là ngày... ngày gì bà có biết không, ngày Giáng sinh... và ngày nhà tôi... không còn nữa, tôi đến đây để cầu cho nhà tôi...”

Người đàn bà sững sờ:

“Ông nói gì, bà đã...”

“Vâng, nhà tôi đã chết”.

“Chiều hôm qua?”

“Không, cách đây gần hai mươi năm rồi, ngày đó, ngày tôi vẽ bức tranh”.

Người đàn bà ớn lạnh khắp châu thân nhớ đến đôi mắt như màu cá thia vàng kỳ dị đã nhìn thấy trên khuôn mặt trắng nhợt của bà Mishio trong vườn hoa hôm qua.

“Vậy thì bà hôm qua...”

“Vâng, hôm qua nhà tôi, nhưng mà...”

Một bà già thủng thỉnh, yên lặng từng bước trên đôi guốc gỗ cao, chống gậy trúc, một tay cầm thẻ nhang đi gần lại phía chùa, nhìn lên, trông thấy hai người, quay lưng đi lãng ra chỗ khác. Bước chân bà làm bầy bồ câu đang mổ thóc trong sân bay vụt lên, tiếng cánh rào rào như mưa rơi trên sông lựu.

Ông Mishio đột ngột quay lại nhìn đăm đăm trong hai mắt mơ màng của người đàn bà, giọng ông nhỏ xuống như lời thú tội bàng hoàng:

“Nếu tôi cắt nghĩa về những sự việc xảy ra giữa chúng tôi, và để bà hiểu được vì sao nhà tôi đã có mặt, rồi vắng mặt, và bây giờ... không đến, không bao giờ đến nữa, tôi phải thú thật với bà những gì ám ảnh trong lòng tôi bấy lâu nay, từ hồi gặp bà ở hội nghị, từ hôm... trong lòng tôi băn khoăn mỗi một điều, làm thế nào có thể họa được bức chân dung của bà dù chỉ là vài ba nét loáng thoáng. Như xưa kia, hồi mới gặp nhau, tôi ao ước làm thế nào họa được lên lụa những đường nét diễm kiều thanh cao của nhà tôi. Tôi... tôi phải nói hết ra mọi điều, để khi ra về rồi, phương trời nào đó, bà có thể nghĩ, vì mình một đời sống nào ở xa xôi, đã biến đổi, đã sống lại một người, đã chết đi một người, đã vì mình mà một đời sống kỳ diệu, một phối hợp phi thường giữa âm và dương, gần hai mươi năm rông rã đã phút giây trở thành mây khói xa vời. Sẽ nghĩ...”

Giọng ông bỗng đổi thay, chìm xuống như một dây tơ chùng:

“Đêm qua... đêm qua, những đêm trước... tôi chiêm bao thấy bà, từ khi... từ khi gặp bà, tôi vẫn chiêm bao thấy bà. Và cũng từ hôm ấy, tôi muốn vẽ tranh lại. Sau hai mươi năm thề rằng không bao giờ vẽ nữa sau bức tranh không mắt của nhà tôi. Tôi mang giá vẽ ra khỏi nhà, đi xa, tìm cảnh khuất vắng, pha màu, mong vẽ một cảnh nào đó, nhưng tôi cầm bút lên, bất cứ nét nào cũng là nét dáng của bà mà thôi. Tôi phải đập xóa bức tranh và mang khung tranh lụa trắng trở về. Nhưng vô ích, nhà tôi biết hết, thấy hết, nhà tôi biết tôi nghĩ gì về bà, tôi chiêm bao thấy bà, tôi sẽ họa hình bà lên khung lụa mỗi lần ra khỏi nhà một mình... Và nữa, nhà tôi cũng biết tôi đã soi bóng mình xuống hồ sen...”

Người đàn bà cười mơ mộng:

“Ông soi ngắm mình dưới hồ sen sao?”

“Xin bà đừng cười, tôi phải nói ra điều không thể nói. Chính với hình bà, từ hôm gặp nhau, tôi sống lại đời sống thật, tôi muốn thấy lại mình sự thật ra sao. Bao nhiêu năm nay, với hình bóng trẻ trung không thay đổi của nhà tôi bên cạnh, đời sống bình yên kia tôi cứ tưởng mình vẫn còn như hai mươi năm xưa, nhưng mà tôi đã già rồi, tôi đã chôn sống tôi hai mươi năm với một cái bóng, với một người đã chết. Điều đó cũng không làm cho người chết sống lại, mà làm chết luôn đời sống của tôi. Hai mươi năm, tôi không tình cảm, không họa tranh, không giao du với ai, không biết đến gì trong đời sống bên ngoài, chỉ có nhà tôi, nhà tôi... Tôi nhận ra những điều đó khi nhìn thấy mái tóc trắng của mình cúi xuống trong hồ nước, và tôi ân hận vô cùng, tôi tiếc đời sống vô cùng. Từ phút đó, bao nhiêu ân tình và lòng chung thủy đối với nhà tôi gần hai mươi năm, dù

cũng còn đó, nhưng chừng như tiêu tan thành mây khói hết. Giữa chúng tôi sợi dây nối kết giữa âm dương cũng đứt lìa, và nhà tôi... nhà tôi...”

Người đàn bà ngắt lời ông Mishio:

“Như vậy là... bà mất đúng khi bị tiểu sản?”

“Vâng, nhà tôi mất lúc ấy, nhưng mà vì... vì mối tình u uẩn khằng khít của chúng tôi, vì... nỗi chết quá bất ngờ, ai oán, nhà tôi đã phải trở về quanh quẩn với tôi. Nhà tôi chỉ cần một điều kiện, là bao giờ lòng tôi thoáng đa mang, dù cách nào, một hình bóng khác thì mối tình kia không còn lý do tồn tại, và nhà tôi cũng sẽ biến tan theo mối tình nồng nàn. Bây giờ thì...”

“Bà ấy không có vẻ gì khác lạ cả. Bà ấy vẫn đi đứng nói cười, như mọi người, tôi hay bất cứ một người nào cũng không tin đó chỉ là cái bóng”.

“Nhà tôi về từ cõi kia, trở về với tôi với lời hứa, là khi nào tôi đổi thay, vẻ tươi trẻ nhà tôi giữ gìn cho tôi suốt hai mươi năm nay sẽ không còn, nhà tôi sẽ già bằng tuổi. Từ chiều hôm qua, nhà tôi đi không trở về, và nếu có trở về, như nhà tôi nói trong chiêm bao đêm qua, sẽ không còn tươi trẻ nguyên vẹn như bao lâu nay nữa, vì rằng, tôi đã thú thật với bà từ đầu câu chuyện”.

Người đàn bà bút rứt mân mê tà áo:

“Vì tôi, vì tôi thật ư? Tôi không tin như vậy. Bà cũng có thể hiểu lầm, sự quen biết và thăm viếng giữa chúng ta, tôi tìm đến, là chỉ vì quý mến hai ông bà giữa bao người xa lạ khác. Còn ông đối với tôi, chẳng qua cũng chỉ là chút tình cảm, như bao nhiêu người khác đã gặp đều có cảm tình với tôi. Chỉ khác là giữa chúng ta có một thông cảm im lặng và sâu xa nào đó thôi. Sự thông cảm ấy, bà cho là...”

“Cám ơn bà đã nói như vậy, nhưng điều ấy không giải tỏa

được những thắc mắc trong lòng tôi, những uẩn trong hồn người. Bây giờ thì muộn rồi, nhà tôi đã xa hẳn tôi. Tôi mất nhà tôi, sau suốt hai mươi năm còn gặng gượng lẩn quất quanh tôi, kéo dài chút tình đằm thắm. Nhưng tôi được gì, tôi có gì, tôi còn gì không. Đối với bà, tôi chỉ có chút lòng cảm mến, đúng ra là tôi đã tìm lại nguồn rung cảm thuần túy nghệ thuật mà gần hai mươi năm trời nay đã khô cạn, héo khô. Mà dù có thế nào rồi ngày mai ngày kia, bà lại đi, bà có phương trời của bà. Còn tôi, tôi với cái bóng già cỗi của mình trong hồ sen, với hình ảnh nhà tôi chỉ còn trong trí nhớ, với những vết tích thân yêu trong ngôi nhà vắng lặng kia, một mình... một mình với những chiếc dép màu quanh thềm nhắc nhở bước chân ra vào lững thững, những chiếc kimono còn vương vất mùi hương hơi trong tủ, những chiếc gối thêu hoa, những chăn nệm đượm nồng, những tách trà cúc hoa...”

Những giọt nước mắt bồi hồi nhỏ xuống má môi người đàn bà:

“Nhưng ông sẽ còn bức tranh, bức tranh bây giờ đã có hai con mắt của bà... bức tranh sẽ là bà...”

“Bà lầm rồi, như tôi nói, bao giờ nhà tôi mất đi hẳn, những nét trong tranh cũng sẽ nhạt mờ theo. Còn hai con mắt mà bà thấy đó, không phải là con mắt đâu, mà cái nhìn muốn nói với tôi tất cả những điều tôi vừa nói với bà đó. Nhà tôi đã lấy tấm lụa vàng đi, vì rằng... bức tranh bây giờ chỉ còn là cái tấm vải trống trơn không còn dấu vết màu sắc hình nét nữa. Bà không tin lời tôi, nếu bà có thể trở lại phòng tranh, bà sẽ thấy lời tôi nói. Nhưng ở đây cuối cùng rồi bà cũng sẽ thấy *một cái gì đó* làm cho bà tin những điều tôi nói là có thật”.

“Ông nói cái gì là cái gì...?”

Ông Mishio đứng dậy. Người đàn bà đứng dậy theo. Sương đã tan hết trong sân chùa cổ. Mùi hương thoang thoảng từ một bệ thờ nào đó. Bỗng ông hỏi ngập ngừng:

“Bao giờ bà đi?”

“Trưa nay, tôi đã ghi lại vé máy bay”.

“Vậy thì... phút này, xin từ biệt bà, và xin gặp lại ở đời sau, cả ba chúng ta, nếu còn có đời sau cho mỗi người”.

Trong cơn xúc động bàng hoàng, người đàn bà trao bàn tay nhỏ nhắn của mình cho ông Mishio. Hai bàn tay ông dịu dàng, thân ái và kính cẩn, nâng bàn tay người đàn bà lên mặt mình, im hơi lắng nghe những nhịp luân chuyển của sự sống trong mạch máu, lòng dịu lắng trong một nỗi xúc động buồn thảm và mông lung, ông nghĩ, từ phút này, ta chỉ còn lại niềm quạnh hiu cuối cùng cho đời người, và ông giữ bàn tay người đàn bà trong hai bàn tay mình một lúc lâu, thành khẩn, như người đi lễ bái giữ những nén hương đã đốt trong tay mình lúc cầu khẩn.

Rồi họ cùng bước xuống thềm, cùng đi ra sân bây giờ nhòa nhạt bóng cây thêu bóng nắng. Tiếng một hồi chuông nhỏ vắng vắng từ cõi tịch liêu xa vời nào đó.

Bỗng từ đằng kia, đi lại, thoắt chậm thoắt nhanh một bóng người áo trắng. Cái bóng tới gần mãi trong hai mắt sửng sốt nhìn không chớp của người đàn bà. Nàng đưa hai tay về phía trước, kêu lên:

“Bà... bà Mishio!”

Ông Mishio cũng vừa nhận ra vóc dáng mảnh mai và nét mặt xinh tươi rạng rỡ của bà. Bà mặc cái kimono trắng, mỏng và thưa, với từng tầng vải mỏng manh như kết tụ bằng tơ trời, hai tay rộng thùng thình buông xõa chập chờn như những mảnh mây chiều, với một cái nón tre che hờ nửa mặt. Bà Mishio chập chờn tiến lại trước mặt hai

người, dừng lại, nhìn ông bằng đôi mắt trong suốt, nửa trách hờn, nửa mẫn nguyện, rồi im lặng, bà đi lướt qua ông, ngược chiều với hai người, bước nhanh như bay biển về phía sau chùa.

Người đàn bà bằng mình chạy theo. Nàng lạc vào một vùng sân lô nhô đây đó những bức tượng đồng đen kỳ dị. Bà Mishio đi lăm lũi, vẫn khi chậm khi nhanh, len lỏi vào giữa những bức tượng đồng đen. Người đàn bà hoa mắt cố theo dõi đuổi theo kịp bà Mishio, với ý nghĩ nín được bà lại với ông, dù chỉ một lần cuối cùng, để giải thích mọi điều bà đã làm lẩn, và buồn lòng bỏ đi mãi mãi.

Quanh co một lúc, đến cuối sân chùa, một vùng bóng cây đen che khuất nắng sáng trên cao, chỉ còn lại những lớp sương mù trắng che kín mặt đất âm u, làm cho những gốc cây, những pho tượng đồng đen như nổi lênh bênh trong không trung mờ mịt, bà Mishio bỗng chậm bước, rồi dừng lại. Người đàn bà mừng rỡ cất tiếng gọi. Bà Mishio xoay mình, từ từ quay mặt lại. Người đàn bà kêu thét lên. Vẫn là vóc dáng và xiêm y của bà Mishio vừa nhìn thấy, vẫn cái nón tre che hờ nửa mặt, nhưng trong một thoáng nhìn lên, khuôn mặt người đàn bà Nhật đã hoàn toàn biến đổi. Khuôn mặt nhăn nheo tối tăm, những sợi tóc phớt bạc trắng, đôi môi trũng xuống héo hon, khắp cả là những nét già nua, dấu vết thời gian của hai mươi năm tàn phá. Chỉ còn trên khuôn mặt tàn héo cần cỗi lạ thường kia, là hai con mắt, đúng là hai con mắt cá thia vàng của bà Mishio mà người đàn bà đã nhìn thấy trong vườn hoa, nhưng bây giờ, con ngươi đã nhòa đi một màu trắng đục như sương pha, và tròng mắt trong sáng long lanh hôm qua chỉ còn là một màu vàng đục mờ ử ê, buồn bã. Nàng nhìn xuống. Bà Mishio đứng như chôn hờ trong vũng khói sương trắng

xóa, hai chân lao đao muốn ngã, những cánh tay áo phất phơ run rẩy theo hai bàn tay buông duỗi khẳng khiu. Hai vai như còng xuống, khoảng lưng cúi khom, bà Mishio, với tất cả vẻ già nua dị thường ma quái, lững lững đi về phía cuối sân chùa, và người đàn bà thấy, như trong giấc mơ xa, bà Mishio đi vào một pho tượng đồng đen vừa mọc ra giữa vùng sương trắng.

Osaka, 1970

NGUYỄN THỊ THUY VŨ LÒNG TRẦN

Con đê dài rộng, hai bên
trông dờ Tam Quan
cao hơn đầu người thẳng
hàng, đều khoáng. Những
quày dờ màu hỏa hoàng
oằn trái. Bóng dờ chìm
dưới đáy nước của hai đầm
sen – bên trái đầm sen
trắng, còn bên phải đầm
sen hồng. Từ con đê đi vào
khoảng ba trăm thước,
một ngôi chùa nằm im
lìm giữa hai hàng dương.
Chùa này vì ít thiện nam tín
nữ lui tới nên càng thêm vẻ
điều hiu, lạnh ngắt. Từ đường
cái nhìn vào, ít khi người ta
nhìn thấy bóng dáng những
nhà tu. Chỉ nhìn thấy chiếc
tháp cao trơ vơ với rêu bám
nham nhở và vài viên gạch
mục rớt ra lở lói. Mái chùa
thấp ẩm ướt và bóng tối đặc
quánh tiếng kêu vo ve của
đám muỗi đói lẫn tiếng chí
chóc của đàn chuột dưới
những bàn thờ và tiếng vỗ
cánh của đàn dơi hoang.
Cao hứng chúng bài tiết
bừa bãi không vị nể các ông
Phật đang ngồi trang ng-

hiêm nhìn ánh đèn chong leo lét. Bình hoa huệ sắp tàn, chỉ còn vài búp gượng gượng trên chót nhánh. Những cánh trắng héo hắt rớt tả tơi trên bàn thờ không mấy ai buồn dọn quét chăm sóc.

Lâu lắm, người ta mới thấy bóng một sư nữ gầy gò xanh xao ngoài năm mươi tuổi ngồi bên hông chùa, uể oải cầm chiếc dao cùn chặt những cành dương khô rớt trên nền đất và bó thành từng bó nhỏ. Ni cô ngồi dưới bóng nắng loang lổ đỏ, khoác chiếc áo cà sa màu cà. Hình như bà cố tìm vài mảnh nắng rớt nhiều nhất trên nền đất để hóng nắng. Giữa màu lá xanh bao quanh da mặt, bà càng thêm nhợt nhạt. Đôi mắt trũng sâu nhiều, trông trắng nhìn băng quơ khi cánh tay gầy guộc khô khan của bà đưa chiếc dao chành lên xuống vài lượt, và giọng ho húng hắng được đè nén làm bà run rẩy.

Bà đã đến tu ngôi chùa này hồi hai gò má còn hồng và nụ cười tươi sáng ẩn một chút ngổ ngáo. Nay hàm răng trắng xa xưa đã rụng mất vài ba cái và đóng bợn vàng ối.

Ông yết ma vốn người bán nam bán nữ, cao to mặt trắng hếu và có đôi mắt lém lỉnh. Hình như ông yết ma này gọi ni cô bằng dì họ. Ông này cùng theo bà đến chùa hồi mười tuổi và bây giờ ông đã quá ba mươi. Ông có tật lãng tai, mỗi khi ni cô nói với ông điều gì, bà phải lấy tàn hơi gào thét. Ông cứ vênh tai ra, nét mặt ngờ ngác như người đi lạc vào một thế giới xa lạ thiếu âm thanh. Ni cô mỗi lần muốn đàm đạo với ông cháu quý phải nặng hơi mỗi cổ nên bà lười biếng ít muốn nói chuyện với ông ta lâu. Ngoài hai người, còn có một chú tiểu đầu để chỏm với theo tóc dài vắt qua vành tai. Chú tiểu này vừa giúp đỡ ni cô như một tiểu đồng, vừa làm thông ngôn khi ni cô muốn nói chuyện dài với ông yết ma. Chú tiểu có vẻ nhẫn nhục và cam chịu. Chú sống

thui thủi giữa hai người lớn, mỗi người có một thế giới bùng bít. Họ chỉ hợp nhau vào những buổi tụng niệm, còn ngoài những giờ lo cho Đấng Từ Bi, họ mỗi người mỗi việc tưởng chừng như sự hiện diện của nhau thật là mờ nhạt thừa thãi. Chú tiểu lo phần cơm nước. Những bữa cơm dọn với rau muối mè, tương hột đơn sơ, chú tiểu có thể quán xuyên chu tất. Mỗi buổi sáng, chú ra sau chùa bứt những đọt mừng toi, hái những bông mướp vàng ối còn thơm mật, nhổ vài nắm rau đắng mọc dọc mé đê đem vào luộc. Ông yết ma ngoài mấy buổi tụng kinh, gõ mõ, còn có bốn phận vun quét rườn rau, cưng dưỡng mấy dây bầu và giàn mướp sai trái. Cái quá khứ không tì vết của ông yết ma – ông sống xa người trần tục không tiếp nhận cuộc sống đầy rẫy bon chen – khiến ông chỉ hiểu cuộc đời là mờ ngoài mái chùa. Cơm rau mỗi ngày hai bữa, ông làm việc hùng hục ngoài vườn rau và ngủ li bì vào những giờ rảnh rỗi. Những giấc ngủ êm đềm khoan khoái nuôi dưỡng thân xác ông mỗi ngày một to béo đầy đà. Vẻ mặt ông cười cợt dễ dãi và phẳng phiu như tâm hồn ông. Đi tu từ lúc còn bé, ông sống kham khổ cũng đã quen. Ông cảm thấy yên phận để dọn mình mai sau về với Phật Tổ, dẫu làm con chuột uống dầu tại chùa Tây Phương cũng cam. Đầu óc ông tiêm nhiễm giáo lý một cách mờ mờ, cuộc sống trong kinh kệ chưa in rõ vào đầu óc ông. Ông còn mơ ước gì hơn; vả lại, ông không có thì giờ để nghỉ ngơi suy ngẫm gì ngoài những thủ tục đọc kinh trồng rau. Công việc nhà chùa chiếm hết ngày tháng. Ông dạy chú tiểu học kinh và cách tụng kinh. Chú ấy cũng là người để cho ông ta tâm sự về sự tiến triển của mấy dây bầu, của nụ hoa mướp có mùi thành quả. Chỉ có vậy thôi, thế mà ông ta sống lây lất hơn hai mươi năm qua đến không ngờ. Ngày đó, ông theo ni cô Diệu Tâm đến

ngôi chùa này giữ vai trò một tiểu đồng, Lúc đó còn sư cụ và ni cô thì mới ngoài ba mươi tuổi, dung nhan còn mặn mòi sắc lém. Đến khi sư cụ qua đời và được mai táng trong cái tháp trước sân chùa, ni cô Diệu Tâm mới lo quán xuyến ngôi chùa này.

Những ngày rằm hoặc những ngày lễ Phật, chỉ vài ba thiện nam tín nữ đến dâng hương vội vã. Hình như họ nghĩ rằng chùa nào đông đúc tấp nập, Phật Trời mới có mặt thường xuyên. Chớ chỗ buồn bã như vậy, chắc Phật Trời cũng lười lui tới. Ông yết ma cảm thấy phôi phới trong cuộc sống trống vắng quạnh hiu. Những lúc đám khách thập phương này chiếu cố chùa, ông có cảm tưởng như họ đến quấy rầy sự yên tĩnh của ông. Nhưng ông phải giữ đúng quy luật nhà chùa là cửa thiền lúc nào cũng mở rộng. Ông biết lán mán về quá khứ của ni cô ngày xưa lúc bà mới hai mươi tuổi, bà là vợ kế của nhà phú hộ trong làng Đạo Ngạn thuộc tỉnh Mỹ Tho. Ruộng vườn của bà còn bay thẳng cánh. Thừa đó, tất cả phụ nữ miền Nam chưa hề trang điểm, thế mà bà đã biết dùng phấn nọ do các công chúa của triều đình Huế sai tì nữ đem bán. Trước khi đánh phấn, bà dùng chỉ đánh cho sạch lại rồi lăn lên da, nhổ sạch những sợi lông măng để cho da mặt tiếp nhận phấn dễ dàng. Đoạn bà dùng phấn nọ bôi lên mặt, lấy giấy hồng đơn thấm nước đắp lên mặt má. Bà nhai trà cho đôi môi nhuộm đỏ.

Thật ra bà vốn là đào hát bội, tên Năm Thành. Ông phú hộ có tính phong lưu tao nhã. Đời ông chỉ có việc lấy hát xướng làm tiêu khiển. Bất kỳ gánh hát nào có bà, ông cũng ngồi ghe bầu theo coi cho bằng được. Ngồi ghế thượng hạng để cầm chầu, ông say sưa chiêm ngưỡng tấm nhan sắc chim sa cá lặn của bà trong vai Phàn Lê Huê, Hồ Nguyệt Cô, hoặc Lưu Kim Đính. Người bạn theo hầu kiêm luôn anh

đầu bếp giỏi, và tối đến, được theo chủ xem hát. Người phu trạm đã bắt đầu nghiền cuộc sống rày đây mai đó. Cũng bao nhiêu tuồng hát đó mà nhà phú hộ nọ vẫn coi hoài không chán mắt. Đối với ông, cô Năm Thành từ cánh gà tuôn ra làm đổi mới cả sân khấu.

Hai năm xuôi ngược mỗi mê, ông cố gắng điều đình với ông bầu gánh chuộc cô Năm Thành bằng mười mẫu đất, đem về làm vợ kế. Muốn thoát khỏi cảnh đời rày đây mai đó, cô Năm Thành bằng lòng với ngôi vợ thứ hai do sự đồng ý cưới hỏi rõ ràng của bà phú hộ. Cuộc sống huyên náo bỗng dừng lại làm cô Năm ngỡ ngàng xa lạ. Sự giàu sang và chiều dài, nâng như nâng trứng hứng như hứng hoa của chồng không bao lâu làm cô thêm nhớ lại cuộc đời sống cũ. Cô nhớ sân khấu, nhớ đời sống lang thang trên những chiếc nghe chài xê dịch từ làng này sang tỉnh khác. Cuộc sống tập thể tuy quấy nhiễu cô thường xuyên, nhưng đem lại cho tâm hồn cô những đổi mới. Cô say những vai trò nữ tướng, công chúa, bà hoàng... để bôi xóa tạm bợ trong vài tiếng đồng hồ đời sống nghèo đói cơ cực của mình. Một cô đào hát tên tuổi chưa được mấy mà đã làm bà phú hộ, có kẻ hầu người hạ. Thế mà cảnh giàu có vẫn không quyến rũ được cô lâu, không đủ quyền lực làm cô quên hẳn quá khứ.

Ni cô Diệu Tâm trở mình thức giấc. Bà lần mò ra chánh điện để kịp gác công phu. Trong im vắng hoàn toàn, ni cô nghe rõ tiếng chuột bọ chạy rột rẹt và tiếng thằn lằn trên kèo nhà chắc lười. Bên ngoài, ếch nhái dưới ao con trối giọng uênh oang át cả tiếng đế trong bụi ô rô nhọn hoắt. Ni cô bước ngang phòng ông yết ma. Tiếng ngáy từ trong buồng vọng ra ào ạt, đều đặn. Bỗng giọng mớ ú ó vang lên:

- Ê! Mấy thằng chăn trâu, bậy bẻ trộm bầu của người ta hả ? Bớ Phật Kim Cang, Phật La Hán vạn hòng nó cho rồi.

Bớ Hộ Pháp.

Ni cô mỉm cười, bỏ xuống nhà sau rửa mặt. Nước mưa chứa trong hàng mái dầm sau hậu liêu mát lạnh lôi bà ra khỏi cơn ngầy ngật buồn ngủ. Bà trở lên chánh điện vịn to ngọn đèn và thành kính cầm dùi động vào cái đỉnh đồng chung. Tiếng chuông ngân dài như réo gọi ông yết ma ngủ muộn và nhắc cho chú tiểu đến lúc tụng kinh công phu. Sau đó, từ lò cạo heo, tiếng heo bị thọc huyết eng éc bên kia sông, cách chùa hơn năm trăm thước. Tiếng kêu cứu thê thảm của mấy con heo vẫn số nối đuôi tiếng công phu. Phía sau chùa là lò rèn. Tiếng nổ lách tách của đám than vừa rục cháy nghe rất vui tai. Hai ống bể khò khè như tiếng ngáy ngủ của loài trâu nước.

Chú tiểu dụi mắt đi ra đỡ lấy dùi chuông thay cho ni cô. Bà ngồi âm thầm giữa chánh điện hai bàn tay gầy lần tràng chuỗi hạt hổ phách, ni cô tụng hết tuần kinh lui vào trai phòng bên tách trà nhạt còn bốc khói. Bà ôn lại ngày bà còn là một cô đào chánh đã làm say mê giết bao nhiêu vương tôn công tử. Ông phú hộ Thọ đã chia gần nửa số gia sản của ông để đổi cô. Rồi cô bỏ sân khấu về sống trong một ngôi nhà nền đúc cao tới ngực có hàng chục người hầu hạ. Mỗi lần cô giam mình sốt mẩy, thầy lang được rước về tận nhà và ở lại đó cho đến khi cô khỏi hẳn. Cô mê món ếch bắc thảo chưng đường phèn. Người tớ gái đem cục mỡ gần thận ếch để vào một cái thổ vẽ bát tiên và cho đường phèn vào, chưng cách thủy. Cục mỡ ếch nở to bằng cái chén trong như pha lê, thơm ngọt ngào rồi đặt chiếc thổ sứ vào cái mâm bằng gỗ quý. Trong lúc cô dùng ếch bắc thảo, hai đứa con gái đứng hầu quạt hai bên. Cuộc sống lắm kẻ nuông người chiều đó níu kéo cô được vài ba tháng. Một hôm đoàn hát Cẩm Đường Ban có dịp trở lại làng Đạo Ngạn,

cô Năm Thành cảm thấy có cái gì xót xa ray rứt không yên thúc dục cô, nhứt là khi tiếng chiêng trống và tiếng phèn la nổi lên inh ỏi ở đầu đình. Cô Năm bồn chồn không thể tả, thế rồi đêm hôm sau đó, lúc ông phú hộ yên giấc cô lần mò bỏ trốn theo đoàn hát và tiếp tục nghiệp dĩ. Phải chăng cô muốn thay đổi cái không khí nhòn nhọt âm thầm trôi nổi bên cạnh ông chồng chỉ có lòng sủng ái, nhưng tình yêu cô cho ông còn lờ mờ chưa thẳng nổi tiếng trống chầu.

Khi ông phú hộ biết cô đã trốn về đoàn hát, lập tức ông xuống ghe bầu cùng với người phu trạo đi theo. Cuộc săn đuổi gian nan không làm ông thất vọng. Ông tin tưởng sự đi theo vừa giúp ông tiêu dao ngày tháng, vừa có dịp săn sóc cô và mong rằng ngày nào đó, cô Năm sẽ hồi tâm quay trở về. Mãi cho tới ba năm sau, ông vẫn vừa đi theo cô Năm Thành vừa tập soạn tuồng hát. Ông đã gửi gắm tâm sự, tình ý vào bản Hát Nam, Hát Khách và Hát Văn. Ông để hết tâm trí vào các tác phẩm thai nghén suốt mấy năm liền và sau đó được đưa lên sân khấu để cho cô Năm thủ diễn. Kỳ lạ, sau khi diễn xong tuồng hát của chồng, cô Năm Thành ôm ông phú hộ Thọ khóc hu hu rồi cởi áo mũ giáp trả lại sân khấu và hai vợ chồng đưa nhau về chốn cũ sống lại cuộc đời cố định. Cô Năm mới tìm thấy tình yêu muộn màng nhưng có một sức mạnh lôi cô ra khỏi ánh đèn sân khấu vĩnh viễn, bỏ hẳn cuộc sống nay miếu này một đình nọ. Chỉ một năm sau, cô sanh được một đứa con trai kháu khỉnh. Đứa con trai đó nổi dôi tông đường của ông phú hộ trong khi bấy lâu nay ông cứ ngỡ là mình tuyệt tự. Ông mừng đến sa nước mắt khi đứa con trai độc nhất của ông càng lớn càng giống những nét thanh tú trên gương mặt của ông và cô Năm.

Ông phú hộ toan tính biết bao nhiêu về dự định tương

lai cho đứa bé. Nhưng ông đột nhiên chết bất thần vì một tiếng sét long trời xẹt vào nhà làm đổ cả tủ kiếng và giết ông nhanh chóng. Cái chết tức tưởi đó làm cho dân làng xầm xì bàn tán là ông ăn ở thiếu phúc đức nên trời sai Thiên Lôi xuống giết gấp rút như vậy.

Từ đó, cô Năm đoạn tuyệt cuộc đời cũ ngay trong ý nghĩ và tận tụy chăm sóc đứa con để đền ơn đáp nghĩa với người vừa là tri kỷ vừa là bạn chung tình đã cho cô một niềm tin yêu bao la. Nhất định cô chẳng đời nào cho con cô nổi nghiệp cô. Cuộc đời hát xướng bị người đời cho là vô loài. Cô cũng chẳng mơ con cô giàu có như cha nó chỉ ước ao sau này nó sẽ có nhiều bằng cấp học hành đỗ đạt. Cô ẩn nhẫn sống nuôi con, mặc dầu lúc ông phú hộ vừa mới chết, còn biết bao nhiêu người gấm ghé được lấy cô, nhưng cô quyết không buồn ngó đến họ.

Đến ngày giỗ chồng, đợi vào lúc nửa đêm, cô Năm Thành hóa trang, mặc áo giáp đóng vai Đoàn Hồng Ngọc oai phong lẫm liệt cầm dao múa trước bàn thờ làm như ông phú hộ đang ngồi trên ấy thưởng thức tài nghệ siêu phàm của cô. Đường đao bay vun vút quấn lấy người cô. Trong im vắng, cô cất tiếng hát nhỏ nhỏ những bài hát trong những vai tuồng mà ngày xưa ông phú hộ đã dày công biên soạn. Sau những đường đao bay như rồng lộn, cô Năm đứng thẳng người nhìn dăm dăm lên bức ảnh ông phú hộ và hai hàng nước mắt chảy dài trên đôi má.

Đứa con của cô được một năm thì bị một cơn sốt dữ mà tắt cả danh y đều bó tay đầu hàng. Cô Năm tê điếng trong niềm tuyệt vọng. Đã bao lần ý nghĩ tự sát chập chờn qua tâm não cô. Ba lần tự tử bằng ba cách : cắt gân máu, uống dầu nóng, treo cổ được phát giác ngay.

Cô lần tính lại đã quá hai mươi năm, nỗi đau khổ và bất

hạnh xa cũ đã bắt đầu mờ nhạt. Những việc nhà chùa làm cô bận rộn suốt năm bôi xóa dần những nỗi buồn thảm, tưởng chừng vẫn rĩ rả hành tội cô trong khoảng đời còn lại.

oOo

Nắng đã lên từ chân vườn, sau chùa, vài ba đũa mục đồng đang ngêu ngao mấy bản Kim Tiền. Nắng tuôn ánh sáng hình rẽ quạt trên mặt đất. Ni cô Diệu Tâm lục đục ở trú phòng. Những cây tre non được vót từng cọng nhỏ bằng cây tăm nhang bày đầy trong cái nia. Ni cô khệ nệ bụng nồi nước cơm từ bên bếp đem lên để kể bên nia tăm tre cắt dài khoảng ba tấc. Ni cô dùng những loài lá có mùi thơm như lá quao, lá ngũ trảo, lá bưởi phơi khô rồi giã nhỏ xay lấy bột đựng trong mấy chiếc thau đầy ắp. Chú tiểu ngồi bên cạnh rây lại lần nữa phần bột mịn, thơm ngát, cho vào cái chậu tráng men sứ trắng vẽ hoa hồng đỏ. Ni cô bỏ những cây tre chẻ nhỏ vào một ống tre cao độ hai tấc đựng nước cơm gạo mới đặc quánh như hồ nhúng ướt rồi mang ra lăn những cây tre đó vào chậu bột lá mịn. Hồ trên thân cây tre chẻ nhuộm quện lấy bụi lá thơm và những cây nhang này được đem đi phơi nắng.

Tất cả những thức ăn lẫn hương hoa cúng kiếng đều do một tay ni cô làm ra. Xài không hết, bà mang ra chợ bán lấy tiền bỏ vào quỹ nhà chùa. Đặc biệt bà có tài làm tương ta. Bà lựa nếp đem xôi rồi bỏ vào nia ủ bằng lá chanh hay lá ngấy độ ba ngày cho nếp lên men rồi thắng đường cho chút muối, đổ vào nếp làm tương ta. Những món hàng do nhà chùa sản xuất sẽ nhờ chú tiểu đem ra ngoài chợ bán lẻ. Công việc bề bộn đó chiếm cả ngày, ni cô Diệu Tâm say sưa, có khi quên cả việc ăn uống. Mãi đến chập choạng tối, lúc bao tử đòi hỏi gấp rút, bà vào nhà bếp xới tô cơm nguội ăn với chút tương ta. Ăn uống thiếu thốn lâu ngày làm thân thể bà

gầy gò và những cơn ho húng hắng xảy ra thường xuyên. Nhưng bà không để tâm đến và cơn bệnh cũng lây lất trôi qua khi ông yết ma chưng cho bà chín lá chanh với chút đường phèn bưng lên cho bà uống. Món thuốc ho không tốn kém này cũng làm bớt cơn đau ngực và bà tiếp tục lây lất với cơn bệnh.

Diệu Tâm cảm thấy bức rứt nơi ngực. Hình như có một bàn tay nắm lấy trái tim, bà ngọt ngào tưởng chừng trai phòng này thiếu không khí. Bà gượng ngồi dậy tựa lưng vào thành giường một lúc rồi cố gắng đứng dậy đẩy nhẹ cánh cửa sổ. Ánh nắng tủa vào khe cửa ảm đạm rớt trên một lổm giường và lác đác vài mảnh vuông trên nền gạch tàu. Diệu Tâm lần dò ra ngoài để tìm chút thoáng khí. Ni cô lầm lũi bước ra ngồi tựa lưng bên tháp sư cụ và ngược mặt nhìn trời. Cơn lạnh tiết ra từ trong lá, từ ao sen làm bà rờn rợn. Cơn ho tiếp tục và ni cô cảm thấy hình như chiếc tháp muốn xiêu đổ và mặt trời tủa ra nhiều vành sáng nhảy múa trước mắt. Diệu Tâm bám chặt lấy thềm cửa tháp và cơn buồn nôn hồi hải dâng lên, ni cô chỉ còn thấy cảnh vật đảo lộn, ánh sáng và bóng tối xoay tít, và nơi ngực như có cả khối tháp đè lên đó. Tiếng chim vụt tắt ngóm đầu đây và cơn gió rào trên ngọn dương ngừng lại.

Ni cô bưng mắt nghe tiếng nói ào ào vắng vắng đầu đây. Ni cô nhướng đôi mắt còn chút ít thần sắc nhìn quanh trai phòng. Chú tiểu túc trực bên giường mừng rỡ hỏi dồn:

- Dạ thưa ni cô cảm thấy đỡ chưa ?

Bà lặng lẽ gật đầu và muốn ngồi dậy. Chú tiểu hiểu ý đến đỡ bà lên tựa lưng vào thành giường. Bỗng cửa trai phòng vụt mở. Diệu Tâm nhếch mép cười tiếp nhận sự có mặt của đứa cháu dâu và cô em họ đến đúng lúc bà thấy cơn bệnh này không hy vọng lành. Đứa cháu dâu gọi bà bằng cô

chuyên nghề sống với nghề cờ gian bạc lận và nghề cho vay đoạt nợ. Nghề nghiệp nàng đến mức tuyệt xảo. Riêng cô em họ cùng đi theo cô cháu dâu đến thăm bà là một tay từng nhổ râu ông huyện này, cạo đầu ông phủ kia. Cô em họ có tấm nhan sắc cũng ưa nhìn thôi, nhưng cô có biệt tài hể cập sách với ông nào thì nạn nhân tình ái của cô phải tán gia bại sản một cách nhanh chóng và êm thấm. Hai người đàn bà thân thích này thường lui tới cửa thiền hầu sám hối để chuộc tội. Họ thích thân thiện với bà có lẽ nghĩ rằng khi Diệu Tâm đắc đạo để về châu Đẳng Từ Bi sẽ với tay níu họ theo lên cõi Niết Bàn. Vì mặc cảm tội lỗi nên họ càng thích đi chùa dâng hương đem lễ lộc hồng hồi lộ Trời Phật cho giải bớt những oan khiên mà ở trần gian họ đã làm, đang làm và tiếp tục làm nữa.... Càng thấy họ đi chùa là phải hiểu rằng họ vừa làm được một cái áp phe. Khi có nhiều tiền, họ lại vào chùa thành khẩn hối lỗi, nhưng khi bước ra khỏi chánh điện thì họ lại quên tuốt.

Ni cô mệt nhọc gặng gượng trả lời họ vài ba câu hỏi thăm sức khỏe. Rồi không còn ngồi được nữa, bà nằm rũ xuống. Cô em họ đề nghị ông yết ma nên tụng kinh cho Diệu Tâm để nếu như bà có phải về nơi cực lạc cũng sớm được nhẹ nhàng hồn phách.

Ni cô nghe trong người rã rời từng khớp xương. Bà cố mở mắt nhìn ánh đèn vàng vọt đặt trên chiếc bàn cạnh bàn nước. Cổ họng bà khô đắng và lạt lẽo. Ni cô hé mắt nhìn cô em họ đang ngồi bên cạnh và cô cháu dâu đang lấy quây rót nước từ trong vỏ bình vào tách định bung lại. Ni cô khoác tay tỏ ý không cần uống nước. Bà đã ăn chay ròng rã hơn hai mươi năm quá đạm bạc nên thân thể bà thiếu cả chất đạm.

Bà làm việc quần quật, suốt ngày. Không biết bà tìm cách

quên ẩn tình hay để tăng ngân quỹ nhà chùa. Người ta thấy ni cô Diệu Tâm không sống cho mình nữa, kể từ khi bà bước vào chùa này. Bà sống kham khổ, nhẫn nhục và chịu đựng. Tiền công quỹ nhà chùa được đem ra bố thí cho những người tàn tật nghèo khổ. Bà ăn uống bất thường và coi việc ẩm thực là điều phụ thuộc. Chỉ cần một chén tương và một nhúm rau chấm tương cũng rồi một bữa. Từ một tháng nay, bà không ăn uống được như thường nhật, mỗi khi ăn xong, bà đều mửa thốc mửa tháo ra, đến cả thuốc men cũng không giữ được trong bao tử. Họ hàng hay được tin bà thọ trọng bệnh cho mời biết bao danh y đến cứu chữa. Phần linh hồn thì do ông yết ma và một số sư sãi các chùa lân cận đến tụng niệm siêu độ.

Thân xác bà mỗi mòn trong giấc hôn mê chập chờn, bà nghe tiếng tụng niệm ngoài chánh điện. Trong bóng tối mù mờ, loáng thoáng có tiếng muỗi vo ve, đột nhiên ni cô Diệu Tâm cảm thấy miệng mình lạt quá, lạt kinh khủng. Phải chi có một chút nước tương để bà nếm thử. Trí óc của bà dán chặt vào ý nghĩ lười bà khô đi, đồng thời nước dãi tuôn ra đầy miệng. Thế rồi ý nghĩ của bà trôi xa hơn, nước tàu vị yếu, rồi nước mắm. Cơ thể bà vụt bùng lên. Nước mắm! Nước mắm! Ni cô Diệu Tâm nuốt ực nước miếng. Một nỗi xót xa làm nước mắt bà ướt đầm. Có cái gì chống đối trong từng thớ thịt, khớp xương của bà.

Bà vụt nghĩ, nếu có một muống nước mắm chui vào bao tử bà thì có lẽ những chấn động, phản đối trong cái cơ thể mỗi mòn sinh lực của bà sẽ dịu xuống, và muống nước mắm sẽ đem lại cho bà sự khỏe khoắn để bà ngủ một giấc thật ngon và ngày mai bà sẽ tiếp tục sinh hoạt lại như cũ dưới mái chùa này.

- Nước mắm! Muống nước mắm!

Ni cô hoàn toàn quên mất cái đời sống hiện tại ở trong chùa, quên cả mấy mươi năm tu hành khổ hạnh. Bà rơi trong một ý thức mù mờ chỉ có hình bóng muống nước mắm bằng sứ trắng chứa một thứ nước vàng và trong suốt như nước trà. Kê miệng mà nếm thử thì biết. Ni cô Diệu Tâm co rúm lại, thở hổn hển. Ba tiếng muống nước mắm như ba nhát búa đập vào đầu óc bà làm bà lão đảo.

Ngoài hậu liêu, hình như trời đã chiều. Mùi thuốc bắc sắc trong siêu ngai ngái bay lên làm bà có cảm tưởng mình sắp nghệt thở.

Bà phải uống một muống nước mắm. Ngày mai dầu có phải đọc kinh sám hối, bà cũng không màng. Bà tin chắc rằng dầu đọc kinh cứu khổ cứu nạn với Bạch Y Quan Thế Âm Bồ Tát cũng chưa chắc màu nhiệm bằng một muống nước mắm. Nước mắm sẽ là một món thuốc tiên làm cho cây khô trở bông. Cố gắng lấy hết tàn hơi, bà thều thào gọi chú tiểu kiếm cho bà một muống nước mắm. Tất cả những người có mặt bên giường đều ngạc nhiên lẫn hết hoảng.

Diệu Tâm lập đi lập lại mấy lần:

- Mô Phật! Cho tôi muống nước mắm, tôi uống vào sẽ hết bệnh liền.

Tiếng kêu gọi như một lời van vãn, thê thảm. Hai tay Diệu Tâm chìa ra tuyệt vọng. Chú tiểu bưng đến gần tách trà ướp sen kề gần miệng. Ni cô khép chặt môi, lắc đầu phản đối:

- Tôi chỉ cần uống một chút nước mắm cho mặn môi.

Nói xong ni cô chìm hẳn vào trong cơn đồng thiếp hai cánh tay còn xòe ra quờ quạng van xin.

Cô em họ bước ra trai phòng thử thăm:

- Rõ là ma đưa lối, quỷ dẫn đường. Hồi nào tới giờ chỉ ăn chay lạt, đến lúc sắp chết lại đòi uống nước mắm. Tôi nhất định chống lại lời ma quỷ xúi biếu, xui khiến chỉ phạm trai

giới. Thà để cho chỉ chết mà không mang tội với Trời Phật và không uổng công tu khổ hạnh hai mươi mấy năm nay.

Nói đoạn bà xuống trú phòng ngồi nói chuyện áp phe với cô cháu dâu, hoặc những thành quả bà đã thu đoạt được kể từ ngày bà bước chân vào đời. Giọng bà oang oang uốn éo và những tràng cười nói xôn xao vọng lên trên chánh điện. Ông yết ma với đôi mắt nhắm lại và nét mặt phẳng phiu để dài thường nhật nhuốm một chút lo âu. Không khí nặng nề trùm xuống, nghẹt thở. Tiếng hét từ trai phòng vang lên. Ông lẹ chân tông cửa vào vừa lúc chú tiểu định bước ra, vẻ mặt còn hốt hoảng. Tất cả đứng im lặng quanh giòng chờ đợi phút nghiêm trọng của ni cô trong khi cô đang vật vã từng đọt với tử thần. Tiếng nói bà vụt sang sáng như lúc còn ở trên sân khấu. Giọng nói trong trẻo tỉnh táo, nhưng đôi mắt bà vẫn nhắm nghiền:

- Tôi mới biết thương mình mấy năm mình khổ công theo đuổi tôi, mình đặt tuồng hát cho tôi hát.

- Con ráng học cho đỡ đạt làm quan nghe con cưng của má.

- Tôi chỉ thích sắm vai Đoàn Hồng Ngọc hơn làm Phàn Lê Huê. Mình thích tôi diễn vai nào nhất?

- Bớ này Tiết Giao! Ô này bạc tình lang! Mặt chàng đẹp trai mà làm chi? Lờn chàng ngọt ngào mà làm chi? Cổ thiếp ngày nay mất ngọc, thân thiếp bơ vơ.

Cả một quá khứ trôi nhanh lên ký ức bà rõ rệt và nhanh như một đoạn phim quay hết tốc lực của nó. Bà độc thoại từ quãng đời sân khấu đến quãng đời làm vợ ông phú hộ Thọ. Giọng bà sang sáng vụt dừng lại và dưới ánh đèn hiu hắt, ni cô mở tròng tròng đôi mắt trắng nhợt như cố thu nhận hình ảnh sau cùng của đời sống và ni cô quờ quạng hai bàn tay trơ xương với lời van vỉ đứt nối:

- Hãy cứu tôi, cho tôi uống một muống nước mắm thôi.

Cô cháu dâu nhìn bà em họ:

- Mợ ơi! Mợ nhờ sư sãi đọc kinh trừ tà nghen. Cần nhứt là canh giữ đừng cho ai đem nước mắt lại.

Bà em họ tức mình:

- Để tôi đi đọc kinh cứu khổ. Hồi xưa Phật Thích Ca gần đắc đạo thì ma vương tới phá. Còn cái chị này sắp về Tây Phương tới nơi mà cũng chưa yên thân.

NGUYỄN THỊ VINH
BỮA CƠM
TRƯA

Cánh cửa hé mở lộ ra khung trời bên ngoài. Vào mùa này mặt trời lên muộn. Đã gần sáu giờ sáng rồi mà mây vẫn sẫm không khí mới mờ mờ, trắng đục màu sữa loãng. Hơi sương quện theo trong gió lùa qua cửa sổ, pha vào người bà Mùi, làm ớn lạnh hai bả vai, chạy dài suốt sống lưng.

Bà rùng mình, kéo vội chiếc chăn lên đắp kín người. Suốt cả đêm, bà trần trọc, ngủ không đầy giấc. Có mệt lắm chỉ chớp đi được một lát, rồi lại thức chong mắt ra. Tới bây giờ trời đã bắt đầu vào ngày thì suốt người bải hoải, đau nhức từng khớp xương, cứ như kẻ bị đánh đòn thù ấy

Bà thầm nghĩ “Thì ra tinh thần và thể chất liên hệ mật thiết thật”. Câu chuyện xảy ra từ bữa cơm trưa hôm qua, nó còn “hành” bà tới giờ. Bà nghĩ đến con gái lớn của bà, cô Bích đang còn ngủ với chồng con ở căn gác ngoài.

“Không biết đêm qua nó có ngủ được không, có còn “đau đớn” vì thấy mẹ bị chồng “khinh miệt” không?Lúc xảy ra câu chuyện vào bữa cơm trưa, ăn xong, bà buông đũa lên ngay đây nằm khóc thăm. Hình như con gái bà nói gì với chồng nó ở phòng ngoài. Cô Bích cố sức nói nhỏ giọng như sợ bà nghe.

Nhưng thằng chồng nó chốc chốc lại lớn tiếng “tôi xử đến vậy thôi chứ, bộ muốn tôi phải lạy nữa hả...”. Yên lặng một lát, nhưng bà biết trong phút giây yên lặng đó cô Bích vẫn cần nhìn chồng vì tiếng thằng Sâm con rể bà lại cất lên “Bảo bà ấy ở đây một mình đi, nếu có phải ” cung phụng ” thì tôi cũng chỉ “cung phụng” bà ấy thôi, chứ bắt tôi phải nuôi “lũ kia” thì không khi nào”.

Nghĩ tới đây bà lại ứa nước mắt. Lũ kia là con người chồng sau của bà. Thằng Ái và con Ly. Chúng là em khác cha với cô Bích. Hồi Bích mới ba tuổi đã mồ côi bố, bà tái giá và sinh thêm hai đứa này đây. Chúng nó đang nằm kia, trên mảnh chiếu trải lên sàn gỗ của căn gác nhỏ, cất thêm trên mé nhà bếp. Từ một năm nay, cha chúng nó mất, bà buôn bán thua lỗ, nên phải về ở với con gái lớn và con rể.

Mấy tháng đầu còn “dễ thở”! Lần lần mỗi ngày một chuyện, nay thì không khí trong nhà đặc quánh lại rồi! Mỗi ngày một chút, những chuyện gì ở đâu, cứ bất ngờ xảy ra thật ngọt ngọt hết sức. Bà đã cố gắng nhẫn nhục, trong khi con rể bà cố tình gây. Thằng Ái và con Ly luôn luôn là “đề tài” của mọi chuyện. Bà có mình Ái là con trai nên rất thương yêu. Thấy Ái và Ly bị hắt hủi bà lại càng xót đem hết tình thương để bảo bọc cho hai đứa. Ái mới có mười lăm tuổi, nhưng người cao tồng ngồng. Chân tay dài quá khổ. Đã nhiều lần bà xót xa khi bắt chọt Sâm “lườm lườm” nhìn Ái, lẩm bẩm nói: “Bất thành nhân dạng, thứ này chỉ

sớm thành du đãng chứ gì”. Bà không hiểu sao rể bà lại ghét thằng Ái đến thế. Hình như cái vóc người cao “lêu nghêu” của nó mỗi khi ra vào làm vướng cả gian nhà này. Chắc Ái cũng cảm thấy thế, nên nó ít dám xuống nhà, cả ngày cứ ngồi thu mình trên căn gác “xếp”, hoặc lĩnh ra phố, có hôm nó về vào lúc cả nhà đang ăn cơm, bà đã thoáng thấy nó, nhưng nó không dám vào ngay. Đôi lúc ăn xong, anh chị nó đi ngủ trưa, mới len lén về, xúc chén cơm chan nước mắm lên gác ngồi ăn. Bà trông mà ứa nước mắt nhưng chả biết làm sao!

Bà cũng biết cô Bích vì bệnh vực bà mà hàng ngày vẫn ngấm ngấm gây gổ với chồng. Từ ngày bà về đây, gia đình này cũng mất cả nếp sống bình thường, mọi thứ, mọi chuyện, đều thay đổi. Trước kia cô Bích vẫn mua gạo “nàng hương” cho chồng con ăn. Giờ phải đổi ăn thứ gạo Mỹ hạt tròn cho đỡ tốn. Cả thức ăn nữa chứ, mọi thứ mọi giảm. Phần tại lúc này quá đắt đỏ, phần nhà đông miệng ăn, cô Bích cố sức tần tiện. Tô canh nhỏ ngọt chất thịt, trước kia cô vẫn nấu cho chồng con ăn, nay thành tô canh rau lớn, những đĩa xào thơm ngút, không còn được “trình diễn” thường xuyên trên bàn ăn nữa, mà chỉ còn là đĩa đồ khô cho mặn miệng. Cốt sao cả nhà ăn cho no bụng, qua bữa là được. Bà Mùi cũng không mong gì hơn thế. Nhưng khổ nỗi không khí trong nhà các bữa ăn cứ nặng chịch. Như vừa mới trưa hôm qua, cả nhà đã ngồi quanh bàn ăn, cơm đã xới ra bát rồi, mà rể bà cứ cố tình đi ra đi vào, rót chén nước, rửa cái tay. Cô Bích có vẻ tức cất tiếng giục thì chồng cô nói “Ai muốn ăn trước thì ăn đi, việc gì phải đợi”. Thế nhưng lúc con Ly mới cầm đũa gắp miếng đậu rán, bà Mùi chưa kịp đưa mắt cản thì nó đã bỏ vào mồm. Vừa đúng lúc Sâm ra tới, Sâm nói trống không: “Cứ như đồ mất dạy”.

Con Ly biết Sâm nói nó, đã mười hai tuổi rồi nên cũng biết tủi thân, nó cúi gầm mặt xuống chén cơm, mắt rưng rưng, miệng nó ngậm miếng đậu, nhai chệu chạo. Bà Mùi thắt cả ruột lại, ngây dại như kẻ mất hồn. Cô Bích cất tiếng cố gắng làm ra vẻ bình thường để xóa không khí căng thẳng.

- “Cụ” ăn cơm đi chứ, hôm nay chị Ba “trở tài” nấu món cà bung, cụ thử coi có ngon không?

Bà Mùi gượng cười:

- Ừ ... thì ... cứ ăn đi, hôm nay ta chóng mặt quá, nó làm như muốn cảm.

Chị Ba “người làm” biết bà Mùi buồn, cầm bát cơm đặt hẳn vào tay bà Mùi:

- Bà ăn đi mà, con mới học bà Kim nấu cà bung lối Bắc đấy.

Cô Bích lại tiếp giọng có vẻ van lơn:

- Mẹ ăn đi, hay nếu mẹ mệt để con bảo nấu cháo mẹ húp cho khỏe.

Bà Mùi bắt chợt ánh mắt của cô Bích nhìn bà, nửa thương xót, nửa an ủi, làm bà suýt bật khóc. Bà cầm vội bát cơm cười cười:

- Nào thì ăn, nấu cháo... làm gì...

Giọng bà ghen lại, bà cầm đũa đưa mấy hạt cơm lên miệng cố nuốt cho trôi tủi cực.

Trong khi đó Sâm ngồi ăn như không cần biết có sự hiện diện của mẹ vợ, không cất được một tiếng mời, thản nhiên nói với bé Ánh:

- Con chan canh không? Đưa bố chan ăn cho mau nào.

Không khí trong bữa cơm dù nặng nề đến đâu rồi cũng phải qua. Sau đấy bà lên nằm vùi trên này, lấy có là “ốm” bỏ bữa cơm chiều không xuống. Thăng Ái và con Ly cũng ở luôn với bà. Chiều tối cô Bích đem lên cho mẹ và các em mấy miếng bánh mì chả. Cô bùi ngùi bảo mẹ:

- Hay... mẹ tìm chỗ cho các em... ở đỡ đâu ít ngày. Để con “tính” với Sâm... cho ngã ngũ ra. Con thật hết chịu được rồi... Muốn ra sao thì ra chứ .

Bà cố khuyên con gái:

- Thôi con, một đời người rồi cũng qua đi mau lắm. Con cố gắng chịu đựng cho con con nó hưởng. Con đừng trách chồng con, cũng tại mẹ tới đây làm xáo trộn...

Cô Bích chậm nước mắt:

- Gì thì chứ, con có một mẹ mà anh ấy xử như vậy, con đâu có chịu. Mẹ còn nhớ hôm tuần trước cái vụ con chó con đẩy không? Mỗi ngày mỗi gậy, mình có muốn nhin cũng không được mà...

Bà Mùi ậm ừ... bà quên sao được cái chuyện ấy chứ. Hình như Sâm cố tình gây không cho mẹ con bà ở thêm ngày nào nữa.

Một hôm Sâm đi xin đâu được con chó con mới sinh. Suốt đêm suốt ngày con chó kêu ăng ẳng “làm xấu” vung vít đầy nhà. Mẹ con cô Bích cố nhin, được hai ngày, hết chịu nổi cô Bích bảo chồng:

- Anh đem con chó về nuôi làm gì, nhà đã chật, lại có mình chị Ba dọn dẹp sao cho hết việc...

Sâm quắc mắt, ngắt lời vợ :

- A ... à, nhà chật hả, nuôi một con chó không có chỗ hả...

Sâm tiếp cười khan:

- Thế mà tôi tưởng nuôi đến ba bốn con cũng còn được cơ đấy...

Biết chồng ám chỉ mẹ và em mình, cô Bích nổi giận. Bất chợt, cầm tách nước đang uống dở ném vào Sâm, không kể phải trái, cô hét lên:

- Đồ khốn, ăn nói đểu cáng thế mà nghe được à! Tôi nói cho mà biết dù tôi có nuôi mẹ tôi đi nữa, cũng không ai có

quyền nói tôi. Đã “ai” nuôi tôi ngày nào đâu. Hay lại chính tôi phải làm nuôi “báo cô” bao nhiêu năm rồi. Giờ có phải anh “ghen” ăn với mẹ tôi không, thì anh nói trắng ra đi!

Bốp... Bốp... Hai cái tát như trời giáng vào mặt. Cô Bích sợ mẹ chạy xuống trông thấy lại khổ cho mẹ. Cô cắn răng nhin, một vệt máu rỉ ra bên khóe môi cô.

Sâm buông vợ vào túm lấy con chó thẳng tay đập, con chó trước còn kêu ăng ăng, sau lịm dần. Con Ánh còn nhỏ quá, mới sáu tuổi đầu, phải chứng kiến chuyện này nó đứng chết run ở kẹt cửa, không khóc nổi..., mắt mở lớn nhìn bố đánh con chó. Trên căn gác xếp, thằng Ái và con Ly đang quỳnh lên lay bà Mùi. Mẹ ơi... Mẹ... Mẹ ơi....” Bà Mùi từ từ mở mắt nhìn hai con ứa nước mắt. “Mẹ không sao đâu đừng sợ”.

Nghĩ đến đây bà Mùi thở dài nói nhỏ:

- Người thương người phải xa nhau cũng khổ. Mà người ghét người, phải ở với nhau lại càng khổ hơn.

(Đầu thu 1973)

NGUYỄN THỤY LONG
MỖI TÌNH
CHUNG
CỦA CON
ĐĨ NGỰA

Khói nhang bay tản
Mác trong không khí.
Những chấm tàn nhang
đỏ nhiều như sao sa cắm
ở nghĩa địa bị gió đêm làm
rung rinh trong bóng tối.
Hồi chiều những thân nhân
đi thăm mộ muện đã thuê
người làm cỏ sạch trơn.
Mọi khi, vào cuối mùa mưa,
nghĩa trang dày đặc cỏ, um
tùm như một vùng cỏ ho-
ang. Nhiều ngôi mộ bị cỏ che
khuất, lối đi vào không còn
phân biệt nổi từ đâu đến
đâu. Những đêm mùa mưa
nước ngập ểnh ương kêu y
uông vang cả một vùng. Thế
mà mới từ hai mươi lăm tết
đến giờ, đám cỏ hoang lần
lần bị thanh toán. Mùa nắng
bắt đầu, đất khô tiện cho
việc thân nhân thuê người
làm cỏ. Cho đến hôm nay,
ngày 30 tết, cọng cỏ cuối
cùng đã bị nhặt sạch.

Chiếc lều của “con đĩ
ngựa” nằm ngay ven nghĩa
địa, tức là ngay cạnh con
đường dẫn vào xóm, Không
ai biết “con đĩ ngựa” đến tá

túc ở đây từ hồi nào. Chiếc lều xinh xinh chỉ kê vừa đủ một cái giường nhỏ, còn lại một khoảng trống dùng làm bếp nấu ăn, đồng thời cũng dùng để nôi niêu chén đĩa. Suốt ngày “con đĩ ngựa” ngồi ở trước cửa, nhặt một rổ lông gà do một người đàn bà đem lại. Sau khi mục nhặt riêng rẽ chọn lấy những chiếc lông tốt cắm vào nhựa đường quét trên một thanh tre vót tròn dài chừng nửa thước. Tới chiều tối thì mục có thể hoàn thành được chừng mười cái chổi phát trần. Ngày hôm sau cũng mục đàn bà ấy tới lấy mang đi bán.

Đó là kế sinh nhai độc nhất của “con đĩ ngựa” từ bao nhiêu năm nay. Mục sống có vẻ sung túc, đôi khi mục lại còn là chủ nợ của một vài gia đình phụ xích lô trong xóm. Không ai quyết nổi nợ của mục, suốt ngày khi nào ngừng tay là mục lại xoe xoe chửi. Mục chửi trời chửi đất, chửi con nít, chửi tất cả những ai đã có ý khinh khi mục. Tên tuổi mục không ai được rõ, người ta gọi mục là “con đĩ ngựa” nhưng chỉ gọi lén. Nếu mục nghe thấy, mục sẵn sàng chửi ra rả từ ngày nợ sang ngày kia. Mười một giờ đêm, khi xóm giềng bắt đầu tắt đèn đi ngủ, mục lên tiếng chửi lần chót. Bài chửi kỳ này văn vẻ hơn, nghĩa lý hơn, người ở quanh vùng đoán lần rà, biết bài chửi đó mục dành cho một gã đàn ông nào đó đã một lần đi qua đời mục. Mối tình không mấy đẹp đẽ, một vụ hiếp dâm thì đúng hơn, Vì bài chửi đó mà mọi người đặt cho mục cái tên là “con đĩ ngựa”.

Không ai có thể tưởng tượng nổi là mục lại có được một mối tình. Người mục nhỏ thó, da nhẵn nhúm, mồm thếch, tóc trên đầu tróc gần hết, để lộ ra từng mảng da có những mụn ghẻ ngứa nhỏ, lúc nào cũng như sẵn sàng bong vẩy, sẵn sàng chảy nước vàng. Hai bàn chân luôn luôn quấn băng trắng, chất mù loang trên màu băng hấp dẫn những con

nhặng xanh. Chiếc quạt luôn luôn ở bên cạnh chỗ mũ ngồi. Mới đầu, dân trong xóm tưởng mũ bị bệnh cùi. Nhưng cuối cùng họ biết mũ bị ghẻ kinh niên. Hình như không thuốc nào trị dứt nổi bệnh đó cho mũ, Sau bài chửi buổi tối, mũ ngồi tháo băng ra, rửa sạch chân, rắc một chút thuốc bột lên trên những mụn ghẻ lở loét.

Mũ quấn băng, tắt ngọn đèn hột vịt độc nhất rồi yên chí nằm ngủ.

oOo

Đêm cuối năm trời không có một vì sao, đàn ông, đàn bà, trẻ con trong xóm nườm nượp dắt nhau đi lễ lăng Ông. Nhiều nhà đã bày sẵn mâm trái cây ra sân hay trước cửa nhà. Những chấm nhang đỏ lừ ở bên nghĩa địa tàn lụn dần. Mầu đất mới đắp trên mộ trắng nhờ nhờ trong bóng đêm.

“Con đĩ ngựa” đứng chống nạnh ở ngay bên cạnh lều, mũ nhìn ra nghĩa địa, nhìn mọi người vui vẻ qua lại. Thốt nhiên mũ nhảy chồm chồm xía xói vào khoảng trống. Nhiều người thấy vậy nhưng vẫn bình thản đi qua, họ nghĩ không đại gì lại dính vào “con đĩ ngựa” rước xui vào người. Trước mặt mũ hình như có một kẻ chịu trận, một kẻ vô hình nào đó hứng chịu tất cả mọi lời mọi tiếng gớm ghiếc của mũ:

- Đồ chó đẻ, quân khốn nạn, quân bạc nghĩa. Chính mày đã phá hoại đời bà, mày trốn đâu hả quân phụ tình phụ nghĩa kia? Ông trời có mắt mày ơi! Bà mà tùm được mày lúc này thì bà xé mày ra trăm ngàn mảnh cho coi...

Mũ gào lên, giọng chanh chua như pha dấm:

- Bà là người đàn ông hoàng, bà đâu phải là “con đĩ ngựa” để mày muốn xiên xỏ sao cũng được. Mày phá hoại đời bà thì trời tru đất diệt mày. Trời ơi là trời, sao trời không có mắt, sao trời không sai thiên lôi đánh tan xác quân phụ tình bỏ ngãi ấy đi. Bà sẽ chửi hoài chửi hủy, bà chửi tới

thấu trời xanh mây trắng để tru diệt cả giòng họ nội ngoại nhà mày. Bà có chết xuống âm ti địa ngục bà sẽ lộn kiếp đầu thai vào nhà mày, phá tan hoang cả giòng giống quân bạc tình phụ nghĩa.

Càng chửi bới dữ dằn “con đĩ ngựa” càng thấy hình ảnh nghênh ngang của kẻ bạc tình hiện ra càng rõ. Lời chửi của mẹ càng trở nên ray rứt, rền rĩ rồi trở thành than thân trách phận. Trước mắt, mẹ lúc này như hiện ra tất cả hình ảnh một đêm xưa. Cũng con hẻm này đây, đêm đó tối trời, nồng nực. Trời nóng quá không chịu nổi, đang nằm trên giường quạt phành phạch, mẹ ngồi bật dậy, vén mùng chui ra, khêu to ngọn đèn. Mẹ ra cửa đứng hứng gió. Đêm yên lặng, không có một ngọn gió nào. Cây cối đứng yên phăng phắc. Trên bầu trời đen lác đác vài vì sao. Mẹ quạt luôn tay vậy mà mồ hôi vẫn chảy ròng ròng trong áo. Mẹ cố lần từng chiếc nút áo, quạt lùa vào trong thân thể. Hễ ngưng tay quạt mồ hôi lại rin rịn chảy ra. Xung quanh mẹ tiếng muỗi đói reo vo vo. Mẹ phát bực mình, mẹ cắn nhằn chửi:

- Đ. má cái con mẹ nội thằng trời, giờ này mà mày còn làm nóng người bà. Gió lên mày, không gió lên bà chửi chết cha cả mày luôn. Bà chửi hoài chửi hủy cho tới sáng, tới ngày hôm sau. Bà chửi khi nào mày nổi gió mát thì thôi.

Mẹ vừa cắn nhằn vừa quạt phành phạch không ngơi tay. Chợt mẹ để ý đến một nhà lầu trong xóm, bỗng nhiên mẹ thấy căm tức. Trời nóng như vậy mà chúng nó đóng cửa im ỉm. Hẳn nhiên lúc này trong căn phòng ngủ đó có một đôi vợ chồng đang thỏa thích trước hơi mát của quạt máy. Mẹ tưởng tượng ra tiếng quạt kêu vo vo trong phòng, và đôi vợ chồng ôm nhau ngủ thiêm thiếp. Họ sung sướng quá. Vậy mà giờ phút này thì mẹ lại cực khổ hết sức, mẹ suy đi tính lại một hồi lòng ghen ghét càng tăng, cuối cùng bật ra

khỏi cổ họng:

- Cha cái con dĩ mẹ vợ chồng ở cái nhà lầu kia kìa (mụ chỉ tay ra phía nhà lầu). Mày thức dậy đi, mày mặc quần áo vào đi rồi giắt đít nhau ra cửa sổ nghe bà chửi đây này. A, chúng mày sung sướng, chúng mày ở nhà lầu, đi xe hơi, ngủ có giường nệm quạt máy. Chúng mày ăn sung mặc sướng có lúc nào chúng mày nghĩ đến dân nghèo mặt rệp như tao không. Chúng mày khi người như rác, chúng mày sợ dân nghèo ăn trộm nên cửa đóng then cài phải không?!... Ôi đừng có phách lối, con này chửi cho thối mồ thối mả chúng mày ra. Con này sẽ chửi cho ông cố nội nhà mày đội mồ chui lên nghe kia. Chúng mày khinh khi tao, chúng mày đóng cửa im không thềm ra nghe tao chửi sao... hả, vợ chồng thẳng nhà lầu xe hơi kia?

Mụ bất kể đêm hôm khuya khoắt, mụ nhảy loi nhoi, xỉa xối, tiếng chửi của mụ the thé vang trong đêm khuya. Hàng xóm láng giềng thức giấc. Họ chỉ càu nhàu lấy lệ, không ai muốn dính dáng gì đến mụ. Nếu trong lúc này có một người quá bực mình lên tiếng, mụ sẽ có đối thủ. Mũi dùi của mụ sẽ hướng về kẻ đó và mụ rất có thể có gan chửi cho tới sáng. Người ta có cảm tưởng mụ dám chửi cho đến rã họng, lăn quay ra chết như con ve sầu cuối mùa hạ. Mụ dữ dằn như một con chó con mới biết sủa bị cột cổ vào chân giường, con chó con thì ồng ồng sủa khi thấy bóng người, mụ cũng vậy. Mụ chửi vì những lý do không đâu. Chửi cho có chuyện, cho đỡ ghiền.

Mụ chửi tàn sát, độc ác, mỗi ngày thêm được một vài danh từ mới tục tằn rất mực. Hình như những lúc ngồi bới lông gà là những lúc mụ nghĩ thêm câu chửi, khi xong việc mụ mang ra xài liền.

Lũ nhãi ranh trong xóm coi mụ như một đồ giải trí, chúng

dắt nhau đi chơi chán, khi về qua túp lều của mẹ chúng dừng lại, nhìn vào trong hổi thúc:

- Ê, mẹ cùi chửi đi chó!

Nói xong chúng dắt nhau ù té chạy, Thế là mẹ nhào ra cửa ong óng chửi cả tiếng đồng hồ, những đứa trẻ trong xóm đã bỏ đi chơi đâu mất tiêu. Khi mẹ ngừng tiếng chửi, lũ trẻ lại đến chọc phá. Nhiều lần mẹ đã bị bệnh vì chửi quá nhiều.

Trời vẫn nóng nực như đổ lửa. Mẹ quạt thành phạch luôn tay. Mẹ lửng thừng đi dạo. Mẹ đã ngừng chửi cái nhà lâu. Bây giờ mẹ lại van vái Trời Phật cho xin ít gió. Mẹ chợt nghĩ đến lu nước, hay là mình tắm một cái cho khoan khoái. Phải đó, mẹ lửng thừng đi ra khạp nước để ngay bên cạnh nhà, mẹ mở nắp khoảng tay vào đó. Nước còn lưng khạp. Mẹ cố quần áo máng lên hàng rào ngăn cách nhà mẹ với nghĩa địa. Mẹ ngồi thụp xuống cầm chiếc ca nhôm nhỏ múc từng ca xối lên người. Mát mẻ, mẹ đưa tay vuốt từng giọt nước cho ướt đều khắp châu thân. Đêm trở lại yên tĩnh sau khi mẹ ngưng chửi bới. Chỉ còn tiếng nước dội ào ào và tiếng bàn tay vỗ bì bạch trên thân thể mẹ.

Bỗng nhiên mẹ ngưng dội nước, hình như có tiếng chân người đi từ xa lại. Lẫn trong tiếng chân bước còn tiếng lè nhè hát hồng không ra đầu ra đuôi:

- Hỡi ơi sương mờ lác đác, nhìn ánh trăng mà lạnh lẽo cái côi... a... a lòng...

Sau câu vọng cổ có tiếng cười khà khà nổi lên. Tiếng cười và tiếng hát ấy của một người đàn ông say túy lúy. Mẹ đoán chừng vậy. Tiếng hát lại một lần nữa nổi lên:

- Đám cưới của em mời bà... con lối xóm, chỉ có riêng anh là... đứ có ai mời... Em biểu chồng em đẹp, chồng em sang... chồng em đứng... đấn đàn... goàng... Còn anh thì... đứ có

đàng... goàng... Đíu đàng goàng, sức mấy mà... đàng goàng... Anh là thằng điếm... á... á... là thằng đàng... từng... tưng, tưng, tưng tưng, cái bụng... á... á... tức à... á... cái mình.

Sau lời ca của gã đàn ông là tiếng ngả lụi đụi. Hình như hẳn đi đến gần hơn, gần hơn nữa. “Mụ cùi” (khi đó con đi ngựa còn cái tên mụ cùi) vội vàng vơ quần áo ôm vào người. Gã đàn ông lại té đến rầm vào cửa nhà mụ, Mụ la lên:

- Thằng nào đó?

Gã đàn ông im lặng một lát, có lẽ gã nghe ngóng, rồi chắc hẳn nhận ra tiếng đàn bà, gã cười khinh khích:

- Anh đây cưng, em ở đâu vậy cưng?

Mụ cùi vẫn ôm quần đứng ở cạnh nhà, mụ hét lên:

- Cút đi, đồ bợm nhậu, bà đang tắm.

Gã đàn ông á à một tiếng rồi nhảy chồm ra sau. Gã tới trước mặt mụ, gã khật khượng; nhe răng ra cười:

- Ổi chu choa! Nàng tiên của anh tắm đấy sao?

Hắn dụi mắt, mụ cùi lùi dần, lùi dần tới sát hàng rào thép gai:

- Cút đi, lộn xộn tao la...

Người gã đàn ông sặc mùi rượu, áo mặc trên người gã phanh ngực, gã lì lợm tiến lại, miệng cười toe toét:

- Khỏi có ngán đi, thằng này chịu chơi mà, duyên kỳ ngộ.

- Kỳ hôn, đi đi, người ta đàn bà con gái mà.

- Há, đàn bà con gái sao? Tốt, tốt, đàn bà con gái thì tính theo đàn bà con gái.

Gã vươn hai cánh tay dài như cánh tay vươn ra, mụ cùi không còn lối thoát mụ há miệng la: “Bớ người ta!” Nhưng miệng mụ ta bị bàn tay của gã đàn ông bịt chặt... Mụ rầy rụa, cào cấu, nhưng vô hiệu trước thân hình rắn chắc khỏe như vâm của gã đàn ông. Tiếng gã đàn ông thều thào:

- Ổi sao em đẹp vậy, người em mát như đá.

Gã bỗng thốc mụ lên đi vào nhà, ném lên giường. Gã co chân đạp cái cửa xập lại. Trong bóng tối tiếng mụ cùi yếu dần:

- Tao la à!

- La đi!

- Ái! bớ...

Tiếng gã đàn ông trở nên bay bướm:

- Em ơi! Duyên nợ nào đưa anh tới đây... Ôi nàng tiên bé nhỏ của anh. Nàng tiên có tiếng nói trong như pha lê, tiếng cười như hột soàn và đôi mắt mơ huyền vương ánh mây chiều!

Trong nhà có tiếng động mạnh, tiếng gã đàn ông thở dài:

- Người em sao thơm vậy?

Tiếng trả lời của mụ cùi, lần này dịu lại:

- Người ta tắm bằng sà bông Cô Ba?

- Cô Ba hả, đâu?

- Đồ điếm, sà bông Cô Ba chớ không có cô ba nào ở đây hết trơn á! Coi kìa cái mặt dầy...

Tiếng gã đàn ông cười hì hì:

- Ờ ờ! sà bông Cô Ba.

Ngọn đèn dầu lụi dần, chỉ còn một đốm sáng xanh nhỏ bằng hạt đậu. Bên ngoài trời bắt đầu nổi gió, cơn gió mạnh rung chuyển lá cây, thì ra cơn nóng hồi tối chỉ để sửa soạn cho một trận mưa lớn.

Gần sáng mụ cùi tỉnh dậy. Mưa vẫn còn rỉ rả bên ngoài. Gã đàn ông nằm bên cạnh đã ngủ say. Mụ trở dậy khêu to ngọn đèn. Mụ muốn nhìn cho rõ mặt gã đàn ông, Ánh sáng yếu ớt chiếu qua mùng, gã đàn ông nằm ngửa tênh hênh, thân hình hần to lớn chiếm gần nửa cái giường. Khuôn mặt hần khá dễ thương, lỗ mũi cao, da xám xám.

Thốt nhiên mụ cùi thấy lòng mình náo nức, mụ hoang

mang sau cuộc giao hoan. Mặt mụ thoáng vui, mụ mỉm cười trong bóng tối nhẹ nhẹ. Mụ kéo mền phủ lên người đàn ông xa lạ. Mụ vuốt ve sống mũi cao của gã, mụ dí ngón tay vào trán gã:

- Bê bối, thiệt là bê bối vậy đó.

Gã đàn ông cựa mình, ú ớ, người gã vẫn còn nồng nặc mùi rượu. Mụ cùi lay tay gã:

- Này, dậy người ta nói chuyện này cho mà nghe.

Gã đàn ông chép miệng, giọng mê ngủ:

- Yên, người ta ngủ.

Mụ cùi vẫn nhẫn nại lay cánh tay gã:

- Anh đã phá đời tôi anh tính sao đây?

- Tính gì?

Mụ cùi đay nghiến:

- Còn tính gì nữa hả, anh có chịu lấy tôi không?

- Há! Lấy à, ừ thì lấy. Nhưng để người ta ngủ.

Mụ cùi như không nghe thấy câu nói chót của gã. Mụ hỏi tới:

- Thiệt há! lấy thiệt há, thằng nào nói láo thì sao?

- Ừ... ừ!

- Ừ cái con mụ nội anh ấy à! Thề đi, thằng nào mà phản bội thì nó chết đâm chết chém, thì Tây bắn, Chí Hòa kêu.

- Ừa!

Gã đàn ông trả lời ú ớ vài câu rồi xoay lưng ngủ ngáy khò khò. Mụ cùi nằm bên cạnh mở mắt nhìn lên mái lá. Mưa vẫn rơi ào ào bên ngoài, ngọn đèn dầu chấp chới như muốn tắt đến nơi. Nếu điều mong muốn đó là sự thật. Mụ nghĩ thầm, mụ nhìn sang gã đàn ông nằm bên cạnh, mụ vuốt ve tấm lưng to lớn của gã với dáng điệu triu mến. Nếu hẳn chịu ở lại đây, chịu làm chồng mụ.

Lần đầu tiên trong đời mụ vừa thấy tâm hồn thoải mái

vừa lo lắng. Mụ lim dim mắt. Hấn đã thề rồi, liệu hấn có chịu giữ lời hứa không? Lời hứa của một gã đàn ông trong cơn say rượu. A hồi nãy hấn nhắc đến một con đĩ nào, con đĩ chó đẻ nào đã làm gã nhớ thương, làm gã trở nên say sưa rồi bậy bạ. Mụ cau mày trong bóng tối, mụ nghiêng chặt hàm răng.

Mụ lại nhìn sang gã đàn ông nằm ngủ còng queo bên cạnh. Tổ sư mày yêu thương bà hồi nào đâu. Thốt nhiên mụ thấy mình đau đớn khốn cùng. Mụ thấy ức uất trong lòng, mụ chồm dậy, lay người gã:

- Hồi nãy mày nhắc con nào, con nào hả thằng ma cao kia?

Gã đàn ông choàng tỉnh dậy, ngơ ngác:

- Cái gì đó?

- Hồi nãy mày say rượu mày nhắc đến con đĩ chó nào?

Gã đàn ông hừ một tiếng, đưa bàn tay hộ pháp đè mụ nằm xuống:

- Lộn xộn hoài, ngủ đi mai nói chuyện.

Mụ yên phận nằm yên nhưng mụ thấy khổ sở xốn xang trong lòng. Gã đàn ông lại ngủ tiếp, tiếng ngáy lúc này nghe nặng nề hơn và mụ chảy nước mắt, mụ có cảm tưởng mình sẽ không thể sống cô đơn như trước được nữa. Gã đàn ông đã đến, đã làm xáo trộn đời sống bình thường của mụ. Gã đến với cơn say của men rượu, với đam mê với sự tàn bạo, phũ phàng như cơn lốc. Anh không thể ra đi, tao không thể mất mày hơi thằng khốn kiếp kia ơi! Tao sẽ giết mày nếu mày bỏ tao. Tao không là con đĩ, tao là người đàn ông hoàng. Tao sẽ chiều chuộng săn sóc mày.

Mụ cùi lét chùi nước mắt trong bóng tối nhờ nhờ. Mụ tạm búa lấy hy vọng hảo huyền do lời thề của gã đàn ông. Ôi khuôn mặt dễ thương đó đâu có phải hạng người dễ giả. Tự an ủi, mụ thấy tâm hồn mình bình thản trở lại, mụ

tưởng tượng đến một tương lai sáng sủa bắt đầu từ ngày mai. Nếu anh không chịu làm việc em sẽ nuôi anh, nuôi anh mãi mãi. Em sẽ dạy anh nghề làm chổi lông gà. Anh sẽ ở bên em mãi mãi cho đến chết, đến đầu bạc răng long. Em không còn chịu đựng nổi sự cô đơn nữa.

Thế rồi nụ ngủ thiếp đi trên đôi môi khô héo của nụ thoáng nở một nụ cười trong giấc mơ.

Gần sáng mưa ngớt gã đàn ông tỉnh dậy, gã thấy hai đùi bị đè nặng, thì ra hai chân của người đàn bà hồi hôm gác qua. Gã nhẹ nhàng bỏ chân xuống. Lúc này gã chợt ngửi, thấy một mùi tanh tươi, bàn tay gã dính nhơm nhớp khi đụng tới cẳng chân của nụ. Hắn ngồi dậy dụi mắt, vén mừng thò tay ra khêu ngọn đèn. Ánh sáng bừng lên, lọt qua vải mùng vá chằng vá đụp. Người đàn bà vẫn say ngủ. Hắn nhìn rõ dần thân thể nụ gầy còm, ốm yếu, mái tóc xổ tung những vết tróc trên đầu, những mụn nhọt trên người và hai bàn chân lở lói. Hắn nhích người ngồi xa ra, đôi mắt hắn quắc lên đầy nét kinh dị. Ghê vậy sao? Suốt đêm qua mình đã ăn nằm với nụ đàn bà này sao? Bậy thật, mình đã ôm ấp một con mẹ cùi hủi. Hắn lùi dần, lùi dần, bỏ thông chân xuống giường, hắn chui ra khỏi mùng, hắn đón dến ra cửa, hắn đẩy nhẹ cánh cửa bước ra ngoài. Khi thoát ra khỏi ngưỡng cửa, hắn ù té chạy, mặc những vũng nước, vũng bùn dơ dáy vung đầy người đầy mặt. Hắn vừa chạy vừa lầm bầm: Bậy thật! bậy thật. Hắn thấy đầu óc mình trống rỗng. Lúc đó vẫn còn tối trời.

Trong căn lều nhỏ nụ cùi cũng vừa tỉnh dậy, nụ xoay mình choàng ôm vào khoảng trống.

oOo

Giờ giao thừa đã đến, những người đi lễ lã Ông đã trở về xông đất. Già trẻ lớn bé trên tay mỗi người cầm một

nhánh lộc. Lời chúc tụng vang khắp xóm.

Mùi nhang thơm tỏa rộng một vùng. Những bàn thờ lộ thiên bày ngoài sân đốt đèn sáng, nhang được thắp lên. Ở trước mỗi bàn thờ có một người đàn bà chấp tay khẩn khứa.

Con đĩ ngựa đã thôi chửi, mụ ngồi ở bậc thềm nhìn thiên hạ quần là áo lượt qua lại nườm nượp. Tiếng pháo khắp nơi reo lên đón mừng xuân tới. Con hẻm dài hun hút vậy mà nhà nào cũng có một bàn thờ. Những chấm nhang đỏ lung linh trong gió đêm. Con đĩ ngựa vẫn ngồi ở bậc cửa, mụ chong mắt nhìn vào bóng đen, nhìn những người lác đác ra về, trên tay ai nấy đều cầm một cành lộc. Bỗng nhiên mụ xòe bàn tay lở lói của mình ra nhìn vào đó. Mụ nấc lên, mụ thấy mình hoàn toàn cô đơn, tất cả mọi người đã bỏ quên mụ, ghê gớm mụ. Đã qua bao nhiêu mùa xuân rồi nhỉ. Bao nhiêu mùa xuân trong tay mụ không cầm được một cành lộc non. Cành lộc đã vượt khỏi bàn tay lở lói của mụ để chạy trốn. Như gã đàn ông say sưa đêm nào. Nghĩ đến gã đàn ông, mụ nấc lên khóc, mụ úp khuôn mặt nhăn nhu vào hai bàn tay lở lói. Tại sao không có một cành lộc trong tay? Tại sao vậy hả trời? Mụ thấy ghen ở cổ họng, nước mắt loang đầy mặt, mụ đứng dậy ngóng về đầu xóm. Chính nơi đó đêm nào gã đàn ông đã đến. Trong số người đi qua đêm nay không có bóng dáng gã. Ta chửi bới mãi có ích lợi gì đâu. Hắn đã phản bội rồi.

Hai đứa bé gái quần áo tươm tất đi qua, mỗi đứa đều cầm một cành lộc trên tay. Chúng nó cười vui vẻ, chúng thúc hối nhau về nhà cho sớm để lấy tiền lì xì. Khi tới chỗ mụ đứng, chúng ngược lên nhìn. Mụ cúi xuống mỉm cười trong khi mặt còn nhòe nhoẹt nước mắt:

- Tụi bay cho tao cành lộc đi.

Chúng nó trợn mắt lên, nghiêng đầu nhìn mụ:

- Cho bà đầu có được, tụi này phải tới tận lãng Ông mới hái được chớ bộ.

Bỗng nhiên mẹ nổi nóng:

- Tụi bây có cho tao không?

- Không!

Hai đứa bé lùi dần, mẹ gay gắt:

- Không hả?

Hai đứa bé vùng chạy, mẹ đuổi theo, đứa chạy sau kêu thét lên:

- Bớ người ta!

Mẹ chồm lên và ngã chúi. Những chiếc mụn lở loét ở dưới chân lại nhức nhối. Hai đứa bé đã chạy xa, chúng vẫn thay phiên kêu gào. Chúng chỉ còn là hai điểm trắng loảng đần trong bóng tối.

Con đĩ ngựa lồm cồm bò dậy, nhưng mẹ lại ngã chúi xuống. Hơi đất lạnh xông lên khắp người mẹ, mẹ áp má xuống mặt đất, bàn tay quờ quạng sờ mò. Nước mắt mẹ ứa ra nhòe nhoẹt, cảnh vật ban đêm đã mờ càng mờ thêm. Mẹ nằm bất động trên mặt đất...

Gia-Định 2/1965

NGUYỄN VĂN XUÂN
**TIẾNG
ĐỒNG**

Anh là nghệ sĩ? Nếu có cơ hội đề cập đến nghệ thuật ấy chắc anh cũng như nhiều người khác bỏ ngõ. Vì có lẽ trong thế gian này, ít ai từng nghe nhắc đến loại nghệ thuật đó, dù nó là một nghệ thuật thật sự và hình như chỉ có anh mới am tường nó đến mức tuyệt vời.

Nghệ thuật đó là nghe tiếng đồng.

Nghe tiếng đồng?

Có lẽ ai đó sẽ ngạc nhiên. Nhưng đối với tôi thì nó quen thân đến độ tôi suýt quên giới thiệu và trình bày những nét riêng biệt của nó.

oOo

Tiếng đồng là tiếng phèng la, tiếng chuông mà sáng nào chúng tôi cũng bắt buộc phải nghe từ làng trên vọng xuống. Làng P.K, một cái làng khá lạ lùng đối với thế giới ruộng đồng bao la của chúng tôi. Cho đến nỗi là bàn đạp với nhau mà dân làng tôi gần như chẳng mấy quen biết dân làng ấy. Có hai lý do của sự ngăn cách.

Họ theo Công giáo và chuyên nghề đúc đồ đồng. Nói là theo Công giáo, nhưng tôi vẫn thấy có đình và cả chùa nữa dựng cách không xa giáo đường bao nhiêu. Mà giáo dân thì từ bao giờ cho đến thời ấy chỉ mỗi ngày một phát triển ngay trong các gia đình giáo dân chứ tuyệt nhiên không tràn sang nhà đi lương (đến bây giờ thì gần như chỉ còn khoảng năm bảy gia đình) mặc dầu ở đó có cả một ông cố đạo người Pháp, cố Thiết ¹. Về nghề nghiệp thì cũng không làm bớt chút nào sự ngăn cách. Dân làng tôi chuyên nông nghiệp, sản phẩm bán ở chợ. Dân làng ấy chuyên đúc đồng, sản phẩm bán các vùng núi non xa xôi hiểm trở nào, xuất hiện với bóng dãy Trường Sơn nhiều màu luôn luôn trải dài trước mắt chúng tôi... Có lẽ chỉ có đàn bà đi chợ là quen với nhau; nhưng đàn bà không dự đời sống xã hội nào ngoài cái chợ nên gần như suốt năm, suốt nhiều năm trời tôi ít khi được gặp gỡ những người dân ở sát vách làng tôi và chỉ cách làng tôi chưa tới một cây số. Không gặp họ, nhưng tôi phải nghe tiếng đồng của họ mỗi buổi sáng. Hình như vào giờ đó, dụng cụ mới ra lò và họ đem đánh ngay để thử tiếng, Nơi này mấy tiếng phèng phèng. Nơi kia mấy tiếng bu lu đối đáp nhau, kêu gọi nhau như để giới thiệu sự có mặt của làng, một cái làng quá nhỏ bị kẹp giữa làng tôi, khá rộng lớn, với một làng vĩ đại khác mà đình làng đã đi vào thành ngữ: “Thình thình như cái đình La Qua.” Cái làng ấy nhỏ đến nỗi nhiều người đi ngang qua nó cũng không bao giờ biết có nó, nếu không nhờ tiếng đồng kia âm ỉ đòi hỏi được tự phát hiện.

Lúc còn nhỏ, tôi không dám đi vào làng ấy. Vì vào làng phải đi theo hai con đường. Con đường thứ nhất nhỏ hẹp, hun hút... Con đường thứ hai phải băng qua giáo đường cao lớn, trắng xóa, nhọn hoắt lạ lùng. Chỉ đứng từ ngoài

nhìn vào, tôi đã có cảm tưởng rờn rợn như sắp dẫn mình vào một cuộc phiêu lưu xa lạ, một thứ mê hồn trận mà cửa sanh không bao giờ xuất hiện. Chỉ có một lần, khi theo thói thường ra bãi tha ma để đi vệ sinh – cái bãi ở sau làng tôi được xem như cầu tiêu công cộng trên mả mồ - tôi nhìn về phía cây đa, nơi bắt đầu con đường thứ ba dẫn vào làng bằng “cổng hậu”, tôi bị mê hoặc bởi tiếng chiêng và phèng la từng lúc nổi lên, tiếp theo là những tiếng đập chan chát, nạo soàn soạt vang đi rất xa. Tôi nhất quyết băng qua các mả lớn, mả con để đi vào làng ấy. Cây cối rậm rạp. Cảnh hoang vu. Mấy con trâu lững thững ngơ ngác nhìn tôi. Lũ trẻ chần trâu vắng bóng dưới cây đa rậm, thân cây bành ra ba góc như một cái xương trâu khổng lồ xám xịt lóc hết thịt. Tôi lại phải vượt qua một ngôi miếu âm u rồi con đường đá lồi lõm, không giống đường làng tôi toàn bằng đất mịn rợp dưới bóng tre. Tôi rảo bước hơi xa mới thấy nhà cửa. Tất cả nhà cửa đều có hàng rào cao, bịt bùng, những cành lá sum suê lạ mắt, thỉnh thoảng sặc sỡ những hoa đỏ hoa vàng. Cũng không giống hàng rào các nhà trong làng tôi chỉ trồng keo vừa dày, vừa tiện bán lá cho dân các làng chuyên nghề trồng khoai. Tôi nghe những tiếng chiêng, phèng la chát chúa bên tai. Tôi thấy thấp thoáng cả những người đang thử các loại “nhạc khí” đó và ở đây kia, những cái lò đang phụt ra lửa. Nhưng rồi tôi cảm đầu đi nhanh. Đó không phải là thế giới quen thuộc của tôi. Một thế giới phảng phất “Tây du” mà tôi ham đọc, nhưng không ham đến. Tôi thoát ra bằng cái ngõ mà khi nhìn lên, tôi tưởng suýt bị đè bẹp dưới mái nhà thờ cao vút trắng xóa.

oOo

Mấy năm sau, tôi mới có dịp đi vào làng đó như một người lớn, trong lốt một giáo viên đảng hoàng tuy tôi chỉ mới

mười bốn tuổi. Thời ấy, lũ trẻ con các gia đình không lấy gì làm sung túc như tôi, cứ chờ đến hè là mở lớp dạy học, kiếm tiền tiêu. Tôi được một gia đình ở cuối làng mời đảm nhiệm một lớp học. Tôi có cơ hội ngày bốn lượt đi qua, được phụ huynh tỏ vẻ nể nang và lũ học sinh lễ phép giở mũ nón để chào hỏi như một ông thầy thật sự. Bao giờ ở lớp về, cũng có mấy cậu – có cậu lớn bằng tôi – ôm sách vở đi phía sau thầy, ra chiều cung kính. Tôi khỏi sợ cái cảnh nơm nớp là chúng đang phồng môi, trợn mắt hoặc ra dấu hiệu với nhau làm điệu “cú” thầy và khi thầy quay lại thì tỉnh bơ với một bộ mặt khả ái hơn bao giờ hết. Như chính lũ tôi đã đối xử với thầy theo một câu tục ngữ rất thông dụng của một phản giáo điều: “Dạ trước mặt, trở c. sau lưng”.

Do cái bề thế đó, tôi được các phụ huynh tỏ vẻ ân cần. Tôi vào các gia đình ở gần đường chơi, chén trà, nói chuyện đời như người lớn ở ngay trên bộ bàn ghế đặt giữa nhà. Tôi được dẫn đi xem các lò đúc, các kho “xưởng” làm việc và được chỉ dẫn tường tận. Những cô gái sáng sủa, trắng trẻo – vì không làm nông – ăn mặc sang hơn người làng tôi nhiều, đỏ mặt rồi lẩn như chuột khi tôi đi qua.

Một hôm, tôi vào nhà một ông già lấy cớ để coi công việc làm, vì đó là một trong mấy cơ sở sản xuất lớn nhất. Song mục đích là nhắc khéo món học phí đóng chậm. Ông không chờ tôi hỏi, xếp món tiền cần thận lên cái hộp trà bằng đồng đặt giữa khay, tỏ vẻ lễ độ làm tôi phát ngượng. Rồi ông ân hận cho biết là công việc bận rộn quá, không kịp nhớ. Ông hỏi qua việc học của thằng Thành, con út ông. Tôi cũng kịp nhận ra trẻ con làng này không thông minh như làng tôi vì chưa có truyền thống học hành. Tất cả gần như mới bắt đầu và tôi là một trong những giáo viên mở trang sử thứ nhất. Nhưng trẻ con không vì thế mà vô dụng,

chúng khỏi chần trầu thì lại thông thạo nghề nghiệp lắm. Mới vớt tập sách vở có vẻ quá nhẹ đối với những bàn tay gân guốc, chúng tung ra, đưa nào có ngay công việc của đưa ấy, tuy nặng nề mà lại ra chiều khoan thai thoăn thoắt.

Chủ nhân đáp lại sự hiếu kỳ có vẻ hăng hái của tôi – một phần để che cái gương đi đòi học phí chẳng? – dẫn tôi ra phía lò đúc. Ông chỉ vào những cái khuôn chiêng, phèng la bằng đất trộn trấu xếp thành đồng để ở góc nhà. Lò đúc giờ đã tắt lửa. Tuy thế ông cũng giảng giải qua loa cho tôi phương pháp nấu đồng vụn, nung các cốt khuôn, đổ đồng rồi đem ra thử để lấy tiếng.

Việc đúc, tôi không quan tâm. Nhưng việc lấy tiếng đồng thì tôi rất chú ý. Tôi cứ tưởng đúc thế nào là cứ lấy tiếng theo thế ấy. Có sửa chữa cũng chỉ chút ít. Nhưng tôi không ngờ là tôi lầm.

Ông cụ dẫn tôi lại xưởng làm việc. Đó là một gian nhà trống với những cái chiêng, phèng la chồng lên nhau cạnh những bao lớn đựng các loại đồng vụn: ống dẫn nước, nồi xanh hồng, chốt vắn cửa, rô-bi-nê, dây điện, vỏ đạn, v.v. Mấy người thợ ngồi các góc, mỗi người đang dùng một dụng cụ riêng để làm việc. Dụng cụ rất đơn giản, gồm một cái cán dài buộc vào một cây trụ nhỏ đóng trên mặt đất. Cuối cái cán là một lưỡi dao bào bằng thép rất bén. Mỗi người thợ ngồi trước, đặt nhạc cụ - hầu hết là phèng la - dưới chân, rồi lấy lưỡi dao bào mà “dẩy” lên mặt hay trong lòng nhạc cụ. Những tiếng xạc xạc của kim khí đều đều vang lên, và cứ sau mỗi cái tay đưa tới là từng lớp đồng mỏng như lá lúa bị tách lên, co rúm lại lả tả rụng. Những lát đồng sáng loáng, óng ánh, lạo rạo khi có ai chạm vào, cứ từng lớp như đàn giun bằng vàng chen chúc với nhau phía dưới nhạc cụ. Thi thoảng, người thợ lại dừng tay, lấy cái

dùi gỗ có quần vải đánh lên mấy tiếng phèng phèng... Chủ nhân lắng tai nghe, gật đầu hoặc lắc đầu. Họ lại đặt nhạc cụ xuống, đẩy đi, đẩy lại những chỗ chưa được ổn. Tôi chỉ cái phèng la, loại nhạc cụ giống hệt cái nón thúng của phụ nữ miền Bắc hỏi:

- Thưa bác, tại sao lại gọi là phèng la?

Ông cầm nhạc cụ lên, lấy dùi và bảo tôi:

- Cậu nghe đây!

Ông đập và nó phát ra những đồng:

- Cậu có nghe rõ không? “Phèng” rồi “la la la a a a”.

Ông không chờ tôi hỏi thêm, giảng giải:

- Cái mặt phẳng đánh vào thì kêu *phèng*. Khi tiếng phèng dứt ở vòng chân quì tức là cái vành thì đổi sang tiếng *la*. Loại này đối với đồng bào mình thì chỉ có hai giọng dùng để đập cho kêu, cho to. Khi gọi dân, họp dân thì mấy ông làng xách ra, đánh như la làng la xóm, nhưng đối với người Thượng...

Ông quay chỉ từng lớp nhạc cụ xếp gọn cái này trong cái kia, cái kia trong cái nọ rất vừa vặn:

- Nhưng đối với người thượng, nó thuộc về nghi lễ mà còn thuộc về âm nhạc nữa. Người Thượng chơi phèng la đủ cỡ từ thứ nhỏ cho đến thứ thật lớn mà ta gọi là “tạ”, nặng đến hai ba chục ký-lô. Phèng la ít khi mua đơn độc. Bao giờ cũng cặp hay một bộ. Cặp hay đồ đôi thì tiếng hoàn toàn giống nhau. Bộ ba chiếc hay sáu chiếc thì tiếng cao thấp rõ ràng, cung bậc không lẫn lộn.

Lúc ấy người thợ xách lên một nhạc cụ mà từ lúc nãy đến giờ anh ta hí hoáy gõ, đập rồi đem đẩy, rồi lại gõ đập, mồ hôi nhầy nhựa cả trên trán, Anh lấy cái dùi đánh lên mấy tiếng, lắng tai nghe. Cả những người thợ khác cũng đều dừng lại và lắng tai nghe, không ai nói gì. Cụ chủ nhà đôi mắt có vẻ dăm chiêu, rồi bảo:

- Anh Quý à, tôi nghe như nơi chân chống xuống đường kiến còn một chỗ hơi dày, phải dầy nữa.

- Dầy nữa, lở ra nó mỏng đi mà không phải chỗ đó thì sao? Tôi thì tôi nghe như cái vành không đủ sức dày nên không dội tiếng lại.

- Rắc rối! Anh lấy búa thử lại một vòng đường kiến xem dày mỏng đã đều chưa?

- Tôi đã thử cả rồi. Tôi biết rõ từng li từng tí dày mỏng ra sao. Cả cái vành tôi cũng biết nó đủ sức dày rồi. Vậy mà tiếng vẫn chưa gọn, không hiểu tại sao?

- Không hiểu sao kỳ à? Gõ lên nghe.

Một người từ bên ngoài xông xộc đi vào nói to lên, không chào ai cả ra vẻ rất quen biết. Cụ chủ nhà kêu lên:

- Mèn ơi! Ông Thánh đây rồi.

Anh thợ Quý cũng cười hô hố:

- May ơi là may! Tôi toát mồ hôi trán từ sáng đến bây giờ.

Tôi thấy mặt tất cả thợ cùng tươi cười lên thật y hệt khi thấy hiện thân của Hi vọng xuất hiện. Anh Quý xách cái phèng la, đánh mấy tiếng. Người thanh niên mới vào đầu bù xù, mặt hơi tai tái, cặp môi dày như phủ cả một khối thịt trào ra khỏi miệng kêu lên:

- Cha này ấu quá! Loại này sao lại đánh bằng dùi quán vải. Phải đánh bằng loại cây cứng chớ. Đánh vậy thì bảo làm sao có tiếng cho đúng.

Rồi không chờ đợi, hai con mắt đen thui thúi, có hơi hồng hồng xám xám như màu rừng núi hực lên. Anh xách đại một chiếc guốc đang mang, đập vào nhạc cụ. Đột nhiên và lạ lùng, chính tôi không hề phân biệt mà cũng không bao giờ để ý phân biệt âm thanh của tiếng đồng, thế mà tự nhiên tôi có cảm tưởng rõ ràng là tiếng mới này hay hơn, phong phú và ngân vang hơn tiếng cũ nhiều lắm. Người

thanh niên lắng tai nghe rồi đánh thêm vài tiếng nữa, vát chiếc guốc xuống, cười hề hề:

- Sao? Các ông nghe nó sai chỗ nào?

- Chịu. Loại này chúng tôi ít hay làm thành ra chưa thấu triệt.

- Bán nát cho Thượng cả bộ này nọ mà chưa thấu triệt cái con khỉ. Có chịu một bữa rượu, tôi sửa cho!

- Rượu thật! Được tuốt. Ông chủ cười tuyên bố.

- Tôi sống nhiều khi cũng nhờ ba cái lật vạt này đây! Nhiều khi chỉ nện một “cú” guốc mà tôi lấy tiền cả một vòng xe. Vì nếu tôi không sửa, đổ mang đi đâu mà Thượng nó thèm mua cho.

Anh cười, lại tháo chiếc guốc ra cầm nơi tay, lật úp nhấc cụ xuống, đập gót guốc theo vòng “chân quì” luôn mười cái dừng lại bảo anh Quý:

- Bây giờ anh đánh lại xem.

Anh Quý trở ngược cái dùi ban nãy đánh mấy tiếng. Ông cụ cười ồ ồ, đập tay luôn ba cái vào vai người thanh niên rồi lay lấy lay để:

- Thiệt là hậu sinh khả úy! Thiệt đúng như lấy thước mà đo.

Anh Quý cũng gục gặc ra vẻ khâm phục:

- Nhưng tại sao anh không dùng búa?

- Ở rừng núi đâu có sẵn búa. Phải tập gập cái gì thì dùng cái đó cho quen chứ.

- Uống rượu thưởng chút, anh Cáo.

Ông cụ chủ hỏi. Anh Cáo lắc đầu:

- Tôi say cả đêm. Bị mấy thằng khỉ nó ép uống rượu say rồi còn rử đánh bạc nữa. Tôi thua sạch nhẵn cả.

- Say mà đánh bạc thì phải thua chứ nói gì! Chưa rút được kinh nghiệm à?

Cáo cười, lắc đầu hỏi Quý:

- Xong cái đó chưa, anh Quý?
- Xong rồi. Chờ anh cả buổi sáng.
- Đi lấy đi.

Trong khi thợ Quý đi ra phía sau, Cảo tỏ vẻ mệt mỏi nhìn về phía tôi. Cụ chủ giới thiệu:

- Thầy thầy Thành đó.

Anh gật đầu chào tôi, ra về biệt nhỡn. Tôi cũng nhìn anh với nhiều thiện cảm. Anh chậm rãi đáp lại câu nói lúc nãy của ông chủ:

- Tôi đâu có cần rút kinh nghiệm. Ham thì cứ chơi đã. Vậy mà thua rồi lũ nó còn mua rượu đem về nữa chớ. Tôi uống rượu lại gặp gió bị mưa, mệt ngắt cả đêm.

- Vậy mà bỏ về nổi, cũng giỏi đó.

- Tại tôi nghe tiếng đồng. Đang mê mệt tới đâu mà bất chợt nghe tiếng chiêng hay phèng la là giật mình tỉnh ngủ. Không hiểu thiên hạ nghe tiếng đồng ra sao, chớ nhiều lúc, tôi chịu không nổi. Bác nghĩ có một hôm tôi ở Trà Bồng², nửa khuya chợt thức dậy, nghe mấy người Thượng đánh chiêng đôi giọng “Bù rớt bù rơn” bằng ngón tay hết sức buồm thắm. Tôi nhớ nhà, ứa nước mắt, không làm sao ngủ lại được nữa.

Tôi ngạc nhiên:

- Đờ đồng mà cũng đánh bằng ngón tay à?

- Đánh bằng đủ loại dùi, hoặc tay tùy theo phong tục địa phương. Dùi có khi quấn vải, có khi dùng cây dẻo, có khi phải quấn tóc như loại tạ của Thượng Hà Nha, sông Con³.

- Tạ, có phải nó nặng nên gọi thế không, anh Cảo?

- Không hẳn. Phèng la lớn loại gõ của Ra-đê hay loại vỗ của Xê-đâng dùng kính hai thước (thước mộc) to bằng cả hai cái nia ta, hai người khiêng cũng gọi là tạ, mà loại phèng la nhỏ của Hà Nha, sông Con cũng gọi tạ. Loại này

khó làm nhất. Ở đây chỉ có một nhà biết làm. Âm thanh của nó cũng riêng biệt, không giống đâu cả. Ở đâu cũng căn bản là *Tùng... ngao*, còn ở đó là *Tu tu tu, tư tư tư, từ từ* và rền hết cả mặt phẳng của nhạc cụ. Trừ gia đình anh Th... và tôi, không ai rõ bí quyết làm loại này cả.

Câu nói đầy tự phụ, nhưng không một ai có phản ứng. Có lẽ đó chỉ là một sự thật đơn giản không cần bàn cãi gì.

Thợ Quý đi ra phía sau, giờ đã trở lại, khê nệ khiêng trên vai với người thợ thứ hai một cái chiêng lớn, lớn như chưa bao giờ tôi trông thấy. Mới nhìn cái chiêng, anh Cảo đã tỏ vẻ vừa ý. Anh ngoẹo đầu qua lại, ngắm trước, ngắm sau. Anh bảo Quý:

- Đánh nghe.

Anh Quý cầm cái dùi thật lớn ban đầu đập vào cái nướm của chiêng. Âm thanh dội lên, ngân vang... Rồi cứ như thế, Quý đập lần lần xuống cả mặt chiêng. Trong khi đó anh Cảo đứng xoạc hai chân, lùi dần, tay thọc choãi vào trong hai cái túi áo, lắng nghe như một nhà chân tu lắng nghe tiếng chuông chùa, như một tội nhân lắng nghe tiếng sinh hoạt bên ngoài lao xá, như một kẻ đói lắng nghe tiếng rao hàng. Hình như anh không chỉ nghe tiếng chuông bên ngoài mà còn nghe vọng tiếng chiêng trong tâm hồn anh. Đôi mắt của anh mang nặng một màu sắc rùng rú rất khó tả mà đôi môi thì rung rung như đang muốn phát ra những âm thanh nào tương ứng. Tự nhiên tôi muốn so sánh anh với một nhạc sĩ mà tôi đã đọc tiểu sử của họ. Tôi không hiểu tại sao có sự so sánh đó vì giữa hai nghề, tôi không nghĩ là đáng được so sánh: một bên là nghệ thuật cao siêu của những nghệ sĩ tài hoa, xuất thân ở các viện âm nhạc, gần như bay chập chờn trên những kinh đô ánh sáng. Một bên chỉ là anh thợ làm nhạc cụ bằng đồ đồng, phần lớn cho loại

khách hàng chưa có chút kiến thức nào về nghệ thuật; một loại thợ mà ngay dân ở sát làng tôi cũng chẳng ai chú ý bao giờ! Trước mắt tôi bày ra cái cảnh huy hoàng của những khán giả trí thức chen nhau đến các hí viện im lặng với vẻ im lặng tôn giáo nghe một bản nhạc cổ điển để thấy nổi bật lên cảnh những lái buôn nghèo khổ, băng núi băng ngàn đi bán mấy chục nhạc cụ bằng đồng có khi không lấy được tiền mà phải đổi chác một con trâu cổ, một mớ lâm sản, một bộ da cạp, sừng nai; rồi những người Thượng đem vào một góc núi mịt mờ mà nhảy múa hò hét như điên cuồng! Bây giờ thì tôi biết tôi lầm. Nhưng thời đó mới đọc được sách báo Pháp, tư tưởng Âu châu là tiêu chuẩn để nhận xét, phê bình, tôi hoàn toàn bị huyễn hoặc. Thế nhưng lạ lùng, cũng ngay từ thời đó, trong thâm tâm tôi đã phát ra những phản ứng gần như một sự phủ nhận mơ hồ những lối suy tư ấy... nhất là khi tôi nhìn cái vẻ lạ lùng trang trọng thành kính mà tài hoa phát ra từ đôi mắt chăm chú của anh Cảo.

Khi anh Quý dừng cuộc du lịch của cái dùi trên khắp mặt chiêng, anh Cảo dừng sự chăm chú. Anh gật đầu khen:

- Khá lắm!

Ông cụ chủ nhà từ lúc nãy đến bây giờ yên lặng một cách lo âu, theo dõi từng cử chỉ, từng rung động của anh Cảo, bây giờ cũng phát ra một tiếng cười gần như bao hàm cả tiếng thở dài đáp:

- Không khá họa có mà chết! Nướng hết năm cái rồi, cái này mà không xong là sạt nghiệp.

- Có nướng cả chục cũng chưa lỗ mà, bác!

Anh Cảo vừa nói, vừa tự tay cầm dùi, đập mạnh vào chiêng và phàn nàn:

- Cái dùi nhỏ quá, không đủ sức cho chiêng phát hết tiếng của nó. Chiều quán cho tôi một cái to gấp ba, nghe.

Người thợ hỏi:

- Bây giờ, làm cái chi trước, anh Cáo?

- Dãy mỏng cho đều quanh vòng cổ áo hai lát. Chiều tôi sẽ trở lại. Làm cẩn thận nghe.

Anh nói xong, gật đầu chỉ chào tôi rồi quay ra. Chủ nhân dặn:

- Chiều trở lại uống rượu nghe, anh Cáo.

- Dạ.

Trong khi đó, người thợ treo cái chiêng lên một chỗ khá cao rồi đứng xoạc hai chân, dùng lưới bèo mà dãy khác hẳn cái tư thế ngồi vẫn thường thấy. Chỉ làm việc một lát, đã nghe anh thở phì phò. Tôi lại gần nhìn xem. Lúc anh đặt lưới bèo nghỉ tay, rồi cầm lên, vừa mới cạo vào nhạc cụ, đã quay hỏi tôi:

- Anh mới lấy tay rờ rờ lưới bèo, phải không?

- Phải... mà có sao... mà sao anh biết?

- Tôi biết ngay mà? Hễ có hơi tay chạm vào là nó đen lập tức.

Anh không tỏ sự tức bực, nhưng nhìn thấy anh ta phải tháo lưới bèo đi mài lại trên một viên đá mài, tôi cảm thấy ân hận. Cụ chủ nhà như để gỡ sự bối rối cho tôi, tiến đến bảo:

- Khi nãy tôi chưa nói với cậu về cái chiêng. Chiêng là biển giọng chữ chình, gọi nôm là cái bu lu. Loại này dùng để cúng tế. Người Thượng cũng có chơi, nhưng ít hơn loại phèng la. Nó khác cái phèng la là vì nướm ở giữa và vì mặt nó không phẳng mà lại dợn sóng.

- Thưa bác, sóng này là tại mình đục ra như thế?

- Không. Nếu đục ra thì nó không kêu. Chỉ khi nào đục xong, lấy chân dận lên trên, rồi lặn từ bên trong ngược ra cho nó dợn sóng, nó mới chịu kêu. Lấy dùi đánh vào nướm nó kêu *bu* rồi chuyển sang *lu lu lu* khi đi qua vòng cổ áo là bộ phận xoay quanh cái nướm. Cuối vòng cổ áo, gặp đường

dợn sóng khiến tiếng cũng dợn sóng theo: *u u ù ù ú u u*. Từ đây âm thanh vang ra đến vòng quì là vòng cuối cùng phát ra *u u a a...* Nhưng lại gặp cái vành dày, nó dội ngược cả tiếng lại nên rung mạnh cả mặt.

Để cho tôi nhận thức đầy đủ, ông lấy cái dùi đập vào nướm. Ngày trước, tôi vẫn thường nghe đánh chiêng luôn, nhưng tôi chỉ biết đại khái không tìm hiểu. Nhưng sau khi được giảng giải, tôi mới thấy tất cả ý nghĩa của những chỗ cong, vẹo, dợn sóng mà tôi yên trí chỉ có giá trị mỹ thuật. Âm thanh tiếng chiêng bây giờ ngân lên, vang ra, uốn chuyển dợn qua các bộ phận và tôi tưởng như theo dõi được, bắt chộp được sự khai triển, xô dịch của nó trong các thớ đồng không còn vô tri nữa. Anh thợ Quí mài lưỡi bào xong, trở lại làm việc. Tôi lại theo cụ chủ đi xem những người thợ khác đang thử phèng la. Người này đánh lên mấy tiếng, người khác đánh theo mấy tiếng. Một người khác nữa cũng đánh theo như phụ họa. Đột ngột, ông cụ quay hỏi tôi:

- Cậu nghe những tiếng đó có gì khác nhau không?

- Không. Cháu nghe như nhau cả.

- Nhưng thật ra thì khác nhau. Đây là loại hàng dành cho Thượng Ba Gia, Đồng Ké (Quảng Ngãi), thuộc loại đồ “bộ ba”. Tiếng thứ nhất loại *tum* âm vang *thùng ngoắt*, tiếng thứ hai loại *túp*, âm vang *tu* kéo dài, tiếng thứ ba thuộc loại *nhũa*, âm vang *ngoắt*. Đó là một loại mà còn dị biệt, hưởng chi các tỉnh khác nhau, các loại khác nhau thì tiếng còn khác biệt đến đâu.

- Làm sao phân biệt nhau được bác?

- Quen tai thì nghe ra.

- Nhưng có cần phải khác nhau như vậy không?

- Không khác thì ai mà mua. Tỉ như ngày Tết, ở ta ai cũng

phải có bánh tét chế bằng nếp với nhưn đậu, không có nó thì xem như vắng vẻ, không thành Tết. Ở Bắc cũng dùng nếp, đậu, nhưng lại chế bánh chưng, hương vị khác hẳn, hợp với phong tục ngoài ấy. Nhạc cụ cũng vậy, cũng là đồng pha, nhưng mỗi nơi đòi hỏi một giọng, một lối chơi theo một lối riêng, giọng nói riêng. Mình là nhà sản xuất, phải biết phân biệt rõ cái giọng đó một cách thật chính xác thì hàng của mình mới chạy.

Người Thượng là Thượng cái chi kia chớ tiếng đồng thì họ đâu có Thượng!

- Chắc bác nghe được hết các tiếng?

- Tôi chỉ chuyên làm vài loại hàng. Còn thì coi như làm phụ các hàng khác; ở đây mỗi nhà giỏi nhất cũng làm vài loại chính.

- Có ai nghe được hết các loại không, bác?

- Có. Thiếu gì. Có người nghe được tiếng từ Quảng Trị vào đến Quảng Ngãi, Pleiku, Kontum, Ban-mê-thuộc... Không nghe thì làm sao làm thợ được. Nhưng thiệt ra thì cũng chỉ biết chắc vài loại, còn những loại khác thì cũng gà mờ, như kiểu anh Quý đó. Anh Quý là hạng chuyên làm chiêng đôi Trà Bồng tức là loại thợ giỏi nhất đó.

- Còn anh Cảo?

- Anh Cảo à? Cảo là loại thợ đặc biệt. Tôi làm nghề mấy mươi năm nay mới thấy một người như chú ấy.

- Anh ấy cũng chuyên nghề đúc hủ, bác?

- Không, chú ấy chỉ chuyên nghe.

- Làm sao cho đủ sống, bác? Cháu cứ tưởng nghe chỉ là phần phụ thôi. Chẳng lẽ đó cũng là một nghề hay sao?

- Đúng vậy, nhưng với chú Cảo thì đó là một nghề hẳn hoi.

- Lạ thật!

- Chú ấy có lỗi tai kỳ diệu. Ngồi đây chớ nghe tiếng đồng

xa mấy chú cũng nói được rộng hẹp mấy thước dày mỏng ra sao, thuộc về dân Thượng nào... Mà nhất định không sai.

- Nghề này té ra cũng rắc rối dữ, bác hè.

- Chú Cảo lạ lắm. Mà chú cũng dạn dĩ lắm. Chú xông pha lên núi rừng hẻo lánh nghe cho được tiếng đồng của các sắc dân để lúc về bảo thợ biết cách mà đúc. Nhờ đó, thị trường của chúng tôi ngày một rộng thêm. Trước, chúng tôi chỉ chuyên bán cho các tỉnh gần. Bây giờ thì ngày nào, người của chúng tôi cũng có ở các tỉnh xa xôi trên cao nguyên cả.

- Anh ấy có mang nhạc cụ của họ về không?

- Không bao giờ. Người Thượng họ đã có đồ gì là giữ riết lấy, cho của ấy là quý nhất, là bất ly thân. Nhưng chú Cảo thì nhớ nhập tâm, trở về đây, chú gọi thợ, chỉ kích thước mà đúc rồi tự nghe lấy mà “làm tiếng”.

Tôi chỉ cái chiêng lớn, đang được anh thợ Quý đẩy mạnh:

- Cái này cũng thuộc loại ấy hả bác?

- Không, cái này thuộc về một loại riêng, đặc biệt hơn nữa không phải làm từng loạt như các loại kia. Loại này chắc anh Cảo chết, không bao giờ có lại nữa.

- Sao lại kỳ lạ dữ vậy bác?

Chủ nhân có vẻ do dự. Có thể vì câu chuyện kéo dài quá. Có thể vì một điều không tiện nói ra của nghề. Cũng có thể ông đang bận. Nhưng rồi cái tính cởi mở của người vùng tôi, cái bệnh thích nói chuyện của ông và nhất là sự hiếu kỳ tăng gia trong đôi mắt, trong lời nói hăng hái muốn hiểu, muốn biết một cách quá chân thành của tôi khiến ông không nỡ dừng lại:

- Loại này là một loại đặc biệt.

Tôi nhớ ông đã nói câu đó. Sự lặp lại hình như cốt ý quan trọng hóa thêm cái điều đáng lẽ không nên nói ra: nguyên anh Cảo có lên chơi một ông “làng già” tức ông tù trưởng

người Thượng. Ông ấy đem khoe các bộ phèng la, chiêng lớn nhỏ của ông. Người Thượng tính sự giàu có của họ bằng số trâu cổ, ché đựng bạc đồng trắng, các bộ nhạc cụ mà họ tàng trữ, như ta trữ vàng vậy. Trong số chiêng rất cũ, có một bộ lẻ một chiếc mà lại là chiếc cổ nhất, lớn nhất mà ông tù trưởng quý hơn hết. Ông nói là nếu có ai tìm được cái chiêng bị mất, ông sẵn lòng mua bằng một giá cao nhất, hoặc đổi gì ông cũng vui lòng chịu. Anh Cảo bảo đánh cho nghe. Anh nghe gần, nghe xa. TỰ tay gõ cùng khắp, cả sắp lẫn ngựa, cả trong lẫn ngoài suốt buổi. Cuối cùng anh bảo: “Tôi có thấy trong nhà một ông tù trưởng ở Ban-mê-thuột có cái chiêng y hệt cái này. Chắc là của ông bị mất. Nếu ông muốn mua lại, tôi đi lấy về cho.” Tù trưởng bằng lòng và định giá với anh. Anh liền về đây, ủy thác cho ông cụ đúc lại cái chiêng mà anh đã đo kỹ kích thước, đã thuộc lâu cái âm thanh.

Tôi hỏi:

- Nhưng làm sao giống hẳn được? Tôi tưởng lỡ ra một đợn sóng sai đi chút ít thì âm thanh cũng lạc hẳn rồi.

- Ấy thế mà anh Cảo nhớ hết. Chú nhớ từng li, từng tí. Tôi đã nói người Thượng họ không biết cái chi kia chớ cái phèng la, cái chiêng thì họ còn rành rẽ gấp trăm lần ta. Mà cậu đừng tưởng chơi chiêng đôi là chỉ để hai cái gần nhau rồi đánh lên để nghe cho giống nhau “đại khái” là đủ đâu. Họ sẽ cho chiêng đánh gần, đánh xa, đánh thật xa, rồi họ đứng giữa để nghe để phân biệt từng đường tơ kẽ tóc. Rồi họ đem lật sắp, lật ngựa, đập từng bộ phận, so sánh xem có còn chỗ nào chưa hoàn toàn giống nhau không. Họ đập bằng cây, bằng búa, cả chục người xúm lại nghe ngóng. Sau đó họ còn cho người mang cả hai cái chiêng lên hai đỉnh núi để cùng giống lên một lần với nhau. Nhờ đó, họ có thể

nghe những chỗ chuyển tiếp từ vòng cổ áo sang đến vòng chân quì. Rồi từ chân quì phát ra, ngân vang xa rộng là bao nhiêu có giáp nhau và có tắt vào chỗ họ đứng không.

- Rắc rối thật.

- Cũng chưa rắc rối bằng lượt thử cuối cùng.

- Còn lượt cuối cùng kia à, bác?

- Cậu lên đây tôi cho xem.

Tôi theo ông cụ, trở lại nhà trên. Ông cụ lấy hai cái phèng la, móc trên hai cái móc cách xa nhau hơn một thước tây, cùng theo một chiều với nhau, nghĩa là cái mặt phèng la phía sau nhìn vào lưng cái phía trước. Ông cụ bảo:

- Cái này lớn hơn cái trước nhiều. Tôi đánh, cậu nghe thử cái thứ hai ra sao. Ông lấy dùi đánh mạnh. Tôi tự phàn nàn đôi tai mình kém quá, không nghe gì ở nhạc cụ thứ hai, trước mặt nó cả. Ông cụ cười ha hả:

- Thì tôi cũng không nghe chi hết. Lần này cậu thử nghe xem sao.

Ông lấy cái thứ nhất xuống, thay bằng một cái cùng cỡ và giống hệt như hai giọt nước với cái thứ nhất, rồi cũng dùng cái dùi ban nãy để đánh. Trước khi đánh ông còn bảo tôi:

- Loại này là đồ “chiêng đôi” Trà Bồng. Gọi thế chứ nó cũng là phèng la. Giọng Trà Bồng gồm có mấy giọng: *Bù rốp* (cao), *Bù rấp lay, lay* (lớn và nhỏ), *Bù rớt Bù rỏn*. Đây là loại *lay* giọng lớn.

Tiếng *thùng... ngao* phát ra từ cái phèng la ở phía sau thì lạ lùng. Tôi nghe như cũng có tiếng *thùng... ngao* như thế phát ra ở cái phía trước. Tôi tưởng mình nghe lầm. Nhưng rõ ràng là như thế. Rõ ràng không ai đánh, thế mà cái phía trước cứ kêu mà kêu y hệt như cái thứ hai, Như hai đứa trẻ song sinh, đứa này bị đánh đau xót la hét thế nào thì đứa kia cũng đau xót la hét lên như thế. Tôi buột miệng kêu lên:

- Giống nhau như đúc!

- Thì thế mới gọi là “đồng đôi” mà cậu.

- Nhưng làm sao cái chiêng này ở một nơi, cái chiêng kia một ngả mà anh Cảo cả quyết nó sẽ “đồng thanh hưởng ứng” với nhau như thế này được?

- Thì tôi đã nói: Cảo là loại đặc biệt mà!

Khi tôi chào chủ nhân ra về thì dưới nhà thợ cũng đã ăn cơm xong. Vậy mà tôi không ân hận, còn cần nhân:

- Mình quên hỏi: anh Cảo có thể biến hóa một cái chiêng theo âm thanh đã qui định, nhưng làm sao đổi màu sắc cho hợp với một cái chiêng cổ đã mấy đời!

Mấy hôm sau, có dịp đi qua đó, tôi ghé vào xem anh Cảo sửa đổi tiếng đồng. Anh ngồi trên một cái ghế nhỏ, chỉ cần thận từng li, để cho người thợ đẩy, cạo những chỗ dày, lấy búa biến đổi âm tiết trên vài vùng, sửa đổi vài đường nét cho cân đối. Khi anh Quí ra sức lấy dùi nện vào nướm, anh Cảo lắng hết tinh thần để nghe, mày nhíu lại, đôi mắt xa vắng. Hình như anh đang tự tưởng tượng là tù trưởng, đang cố phân biệt hai âm thanh, cùng nổi lên một lúc, một cái vắng lên từ dĩ vãng, một cái rộn rã trong thực tại. Rồi tiếng chiêng nhỏ dần, mơ hồ... và vị tù trưởng sống thực với tiếng chiêng trong dĩ vãng hơn chính tiếng chiêng trong thực tại, lấy cái khiếm diện làm tiêu chuẩn cho cái hiện diện với một cường ký vô song. Và lòng tự tin vô bờ bến. Và khi tôi phải nghĩ rằng tất cả năng khiếu đặc biệt ấy chỉ dùng cho một công tác giả mạo! Và anh đem hết tâm hồn để phụng sự cho cái giả mạo ấy! Anh làm công việc đó có phải vì cảm thấy phải làm? Không làm không chịu được, sẽ bứt rứt, buồn khổ? Hay làm chỉ cốt để kiếm được nhiều tiền mà uống rượu và đánh bạc? Dù sao, khi nhìn cái vẻ nghiêm trang, cái tinh thần gần như huyền bí mà anh đặt

hết vào thính giác, sự cố gắng gần như ma quái để gọi về một âm thanh tôi cũng quên hết những điều suy nghĩ vẫn vơ để chỉ còn biết thương yêu, cảm phục anh.

Ít lâu sau, tôi không còn thấy anh ở nhà đó nữa. Hỏi thì thằng Thành cho biết cái chiêng đã hoàn tất. Tôi hỏi nó một cách không chắc chắn để được đáp lại là làm sao biến màu da của nhạc cụ trở thành cổ lổ như chính âm thanh lịch sử của nó. Nó lúng búng không đáp, đúng như tôi nghĩ.

Rồi những tiếng chiêng, phèng la lạ của nhiều vị tù trưởng, nhiều người Thượng khá giả từ đời ông bà xa xôi nào lại có dịp sống lại, mang cái âm thanh xa vắng từ rừng núi hẻo lánh vang dội xuống quê tôi, như những nhân vật cổ tích tạo bằng âm hưởng đi lạc vào nơi đầy tiếng còi ô-tô của Thế Kỷ Hai Mươi. Mỗi lần nghe một tiếng đồng mới mẻ ấy, tôi lại thấy hiện ra hình ảnh anh Cảo say sưa, mưa thông thốc cả rượu thịt cũng hiện ra và tôi không nhận rõ anh trong hình ảnh nào.

Một đêm, đi chơi về khuya tôi bắt gặp anh đang đi lang thang. Anh đi qua, đi lại trên một con đường rất vắng. Tôi tưởng anh thích sự cô độc hoặc có điều gì lo nghĩ, Khi tôi hỏi, anh bảo:

- Tôi đang sửa tiếng bộ ba phèng la cho nó vô với nhau.
- Anh ở đây, làm sao mà sửa?
- Không. Tôi đang nghe.

Thì ra anh đang nghe thật. Ba giọng phèng la hơi khác nhau cùng ngân nga trong làng, lẫn sau hàng mù u dày đặc, lỏi chỏi mấy ánh đèn le lói trong sương.

- Tôi phải đi xa để nghe cho nó thật đúng. Anh có nghe không? Rõ ràng là tiếng giữa bị hỏng. Đã không vô được với nhau, đời nào Thượng nó chịu mua.

Anh rủ tôi về nhà anh chơi. Tôi hỏi:

- Anh không đi sửa tiếng đồng à?

- Sáng mai cũng được. Chỗ nào hỏng thì đã biết rồi.

Nhà anh là một căn nhà nhỏ ở cuối xóm. Nhà trống trơn, gần như chẳng có một cái gì. Giữa nhà là một bộ bàn ghế cũ, trên đó phất phơ một ngọn đèn chai. Trên cái giường tre một bà già ngủ ngon.

- Mẹ tôi đó. Bà có tật tối lại uống vài xu rượu là không biết trời đất gì hết. Ban ngày bà đi mua “xác đồng” ở ngoài Đà Nẵng.

Tôi không hiểu anh kiếm khá nhiều tiền thế mà anh làm gì hết. Có lẽ không đồng xu nào rơi vào túi anh còn vương lại căn nhà thiếu hết tiện nghi này. Tôi cảm thấy không tiện hỏi thêm về gia thế anh nên quay sang hỏi về kỹ thuật đồ đồng. Khi nghe tôi đề cập đến cách làm cũ những nhạc cụ mới, anh cười một cái cười vừa tinh quái, vừa ngao ngán:

- Ối! Có cái con khỉ gì của nghề này mà là thiệt anh! Giả! Giả tuốt! Xác đồng thì mua lại của tụi ăn cắp, đồ đồng thì bắt chước, tiếng thì mạo lại tiếng đồng đã có sẵn từ đời nào... mà dù mình có sáng chế ra tiếng mới, cũng chẳng ma nào thèm mua.

- Vậy chớ không phải làng ta vốn làm nghề này lâu đời rồi a?

- Đâu! Chỉ mới vài đời. Tổ sư còn sống nhăn răng ra đó. Mà nghề này cũng chẳng phải An Nam mình bày ra trước đâu. Có lẽ người Thượng đã có từ thời Chiêm Thành xa xôi kia. Chỉ biết là sau này họ đã dùng nhạc cụ của Lào. Nhưng không phải đồ đúc mà là đồ rèn, rèn như thợ rèn vậy. Âm thanh có từ lâu đời, bây giờ mình phải giả cho nó đúng, mà đối với người Thượng tồn cổ thì càng đúng chừng nào, càng quý chừng đó. Cho nên không phải chỉ giả cái tiếng, chúng tôi đôi khi còn phải đúc sù sị, lờm chớm, nện những

nhát búa vào cho nó thành dấu, thành vết, tương như đồ rền thật.

- Còn màu sắc! Tôi tưởng đồ đồng cũ thì màu nó cũng khác lắm chứ.

- Dĩ nhiên là rất khác. Cho nên nhạc cụ thì mới toanh, mà cái thì phải phun nước trầu, cái thì đánh bằng lá mướp với bồ hóng... Có cái – nói xin lỗi – phải ngâm với nước tiểu, lá bứa, lá khế chua chua, chát chát... Anh muốn cũ mấy mươi đời chúng tôi cũng có phương kế tạo ra cả. Mà không giá lại bán không được.

Anh bật cười, không hiểu ra sao:

- Giả dối! Giả dối tuốt, vậy mà nhà nào cũng lo khư khư giữ nghề riêng. Đố anh cạy răng cho họ nói lấy một lời về những bí quyết làm tiếng, làm màu.

Khi tiễn tôi ra cổng, anh đột ngột hỏi tôi:

- Thượng ở châu Phi có chơi phèng la, chiêng không anh?

- Tôi đâu biết! Nhưng tôi nghĩ là ở đâu có người còn “dã man” thì chắc còn chơi nhạc cụ này.

Tôi đi ra, có cảm tưởng đối với anh, chân trời hoạt động hẹp hòi, tiếng đồng trên suốt dãy cao nguyên này không thỏa lỗ tai rất thính, rất cường ký của anh. Và biết đâu anh không muốn bỏ vương quốc Hồi Ký để đi vào cương vực Sáng Tạo? Có thể nào có một tâm hồn nghệ sĩ mà chỉ thích, chỉ bằng lòng, chỉ thỏa mãn với làm theo và làm giả dù làm theo làm giả tuyệt vời?

Về sau này, tôi ít có cơ hội gặp anh. Chỉ một hôm, khi vào xem một canh bạc lớn ở một nhà quen, tôi thấy anh ngồi một xó, mắt đỏ kè, hơi rượu nồng nặc. Tôi cười, hỏi:

- Thua hết rồi sao, anh Cảo?

Anh ọc một tiếng nhỏ làm ngập mùi rượu trước mũi tôi và nói:

- Cha mẹ đòi! Hốt của thằng Thượng để mang về cúng cho mấy thằng “gà què ăn quần cối xay” hết. Đòi chẳng còn nghĩa lý gì!

Khoảng một vài năm sau, tôi ghi nhận một hiện tượng lạ xảy ra ở vùng tôi. Trong cái nhà chứa gái – cái duy nhất - ở trong làng tôi, có một cô gái Thượng du. Tiếng Việt có lỗi dùng rất lạ: đàn bà Việt thì họ gọi là bà, cô, phụ nữ, con gái (con gái đã thành từ ngữ chính thức trong tự điển Larousse âm là con gai hay congaye, giải thích: đàn bà Việt Nam); đàn bà Tàu hoặc người Việt lấy Tàu: mấy thím; đàn bà Việt lấy Tây: mẹ Tây; đàn bà Thượng du thì gọi thon lớn: Thượng cái (cũng nên chú ý: không có tiếng Thượng đực. Và cũng nên so sánh: trong khi đó, con chí cái, tức con chí lớn nhất trên đầu thì nhất loạt gọi là chí đực). “Con Thượng cái” làm đi! Hỡi ơi! Thì ra cái giống phụ nữ An Nam này đoan trang, tiết hạnh đến thế rồi ư? Không còn ai thèm làm đi nữa ư mà đến đổi chủ chứa phải lên tận chỗ thâm sơn, cùng cốc dẫn đàn bà Thượng về thay thế? Nói cho đúng, cái nhà chứa này có tên ghê gớm vậy, chứ “nội dung” cũng chẳng có gì khiến lũ trẻ chúng tôi phải chú ý. Đó chỉ là nhà của một bà già da mặt giống một trái mãng cầu, không chồng con, không có phương kế kiếm ăn nên thỉnh thoảng ai có mè� mỡ gì thì dẫn vào cho bà ít tiền để ăn nằm giây lát. Hoặc trong làng, có vài người đàn bà nghèo, chồng chết, không đủ tiền may cái áo, cái quần cho con thì bà gạ đến cho ông lý, ông hương say rượu qua đàng. Thằng hoặc lảm mới có một vài cô ở xa xăm tìm đến. Những cô này chúng tôi biết ngay. Vì thế nào họ cũng có đánh môi, đánh má bằng phấn rẻ tiền hoặc giấy bao hương. Nhưng họ cũng ít dám chường mặt ra ngoài. Trong làng tôi, chỉ vài người có tiếng rất bạo, xem dư luận như cái lá mạ, hoặc rất quý

quyết mới dám lên vào đó. Thành ra, chẳng bao giờ tôi bắt gặp một ai đang dòm dò, ra vào, suốt nhiều năm trường, ngoại trừ một lần... Lần đó đặc biệt đương sự lại là một bậc đại nho, đỗ tiến sĩ, đi võng xanh – cái võng duy nhất còn lại để gọi cái đẹp thuần nhã ngày xưa – sau khi xuống tòa sứ về, cho đỗ võng lại. Rồi đương sự mang cái thân già lụ khụ đi vào thanh lâu rách rưới tìm hoa. Tôi tưởng cũng nên nhắc thêm nhà chứa ấy ở xế cái cổng của viên thánh thờ đức Khổng tử và thất thập nhị hiền rất nguy nga, không đầy ba trăm mét. Không rõ bậc đại nho ấy đã tìm thấy thứ hoa gì dưới sự chứng kiến của đức “Vạn thế sư biểu”.

Nếu vị tiến sĩ ấy chờ đến lần này mới vào thì chắc ông cũng đến chết giắc vì đóa hoa rừng. Tôi có thấy cô gái Thượng ấy còn trẻ. Hai vú căng phồng uốn cong, đầu núm như hai cái chiêng mỹ miều. Cái mặt đen, vớ đôi môi đỏ, dày nhô ra phía trước như vết thương lành. Đôi mắt đem thăm, lơ lơ, lờ lờ. Tôi chưa quen vẻ đẹp núi rừng nên chỉ biết rừng mình. Dân làng tôi chắc cũng thế. Thế thì bà chủ mang về để triển lãm cho vui ư?

Về sau, tôi mới biết là “mèo” của anh Cảo. Anh lên núi, không hiểu cao hứng gì mà bút hoa rừng đem về. Hay là cô gái Thượng mê tài anh, quyết dứt bỏ quê hương cố hữu để theo anh? Đến đây không tiện gọi nàng cho ai, anh gọi vào nhà chứa. Khách nào thích thì tự do. Còn không, anh cũng cho tiền để ăn, để sống qua ngày. “Con Thượng cái” trở thành cái đầu đề phê bình, dị nghị kinh khủng ở vùng tôi một thời. Danh anh cao, khi là nhân vật tài hoa, vớ trí nhớ kinh dị, vớ tâm hồn nghệ sĩ không ai biết, bây giờ thì nổi riêng rầm rầm vì là chủ nhân “con Thượng cái” được xem như loại người liêu, người ấu, sinh tử nhất đời! Nhưng anh Cảo phớt đều. Anh đang bận để tâm trí vào cái phèng la mới, để ký thác

những âm thanh chính xác đang ngân nga trong óc. Rồi anh còn bận đi uống rượu, đánh bạc. “Con đĩ Thượng” cứ sống ung dung với tất cả sự thiếu thốn quen thuộc để cho thanh niên làng tôi ngấm nghĩa như một con vật lạ. Một ngày kia, khi thấy tôi chăm chú nhìn, người “Thượng cái” lấy tay vẫy và nói lú lờ gì. Tôi hoảng hốt bỏ chạy.

Tôi trải qua nhiều buổi sáng phải nghe những tiếng đồng vắng vắng khắp làng P.K. Tôi tự hỏi không biết người đàn bà Thượng ấy thuộc sắc dân nào. Nếu là Ra-đê, khi hết sáu nhạc cụ *đờ gô* với giọng *ích on*, nếu là Xê-đâng, khi nghe kéo dài, triền miên hết sáu nhạc cụ *đờ vố* với giọng *tùng ngoắt*, nếu là dân Trà Bồng với giọng *bù rớt*, *bù rơn* đánh bằng tay buồn thê thảm... nàng sẽ nghĩ gì? Và những đêm tiếng đồng thừ muộn trong lúc vắng vẻ, nó gọi cho nàng cảm tưởng gì? Và những ngày mà vô tình cả một làng cùng thừ nhạc cụ như một ngày đại hội âm nhạc, tiếng đối đáp, tiếng kêu gọi, tiếng la, tiếng rền, tiếng trong, tiếng đục... như tất cả muôn vạn dân Thượng kéo rốc cả về, hiện diện ở phía sau lũy tre xanh làng kia, sắp sửa mở đại lễ, đại tiệc, nàng sẽ cảm giác, cảm tưởng ra sao? Tự nhiên nổi buồn của tôi gieo theo âm hưởng tiếng đồng đi tìm tâm sự của người kỹ nữ bất đắc dĩ của gió trăng ngàn. Tôi không hiểu tương lai sẽ xô đẩy nàng về đâu.

Về đâu? Về một nơi thật thê thảm của đời gái giang hồ. Nàng đã được một khách làng chơi chiếu cố, không phải để tìm hoa nguyệt mà để sang bệnh hoa liễu. Thời đó, những kẻ có bệnh hoa liễu tin là nếu mình sang bệnh được cho gái khác, mình sẽ được nhẹ bệnh đi. Không sang được cho gái Việt quá tinh ranh, hẳn đã tinh ranh tìm gái Thượng! Thành ra nàng bây giờ là mối ám ảnh hãi hùng đối với mục chủ. Một hôm trời mưa gió, mưa đánh đuổi nàng ra đường,

đóng chặt ngõ không cho vào.

Tôi không hiểu đời nàng kết thúc ra sao.

oOo

Nhiều năm xa quê hương tôi vẫn yên trí anh Cảo vẫn sống đầy đủ. Vẫn hiên ngang mang những âm thanh lạ lùng từ núi rừng về, tạo ra những cái chừa đựng giả mạo. Vẫn tự do trụy lạc và mang cái tinh thần trụy lạc đó gieo rắc ở núi rừng. Vẫn chất đầy túi những món tiền kiếm được nhờ đôi lỗ tai kỳ diệu.

Nhưng tôi lại lầm nữa.

Một người lái buôn nhạc cụ cho tôi biết đã bắt gặp xác anh Cảo trên một con đường mòn vào một làng Thượng. Người lái buôn biết chắc là xác anh tuy không còn cái đầu.

Có lẽ dân Thượng muốn nói gì với cái đầu của anh ở một nơi khác. Nơi mà xác anh không đến được nữa...

1966

¹ Không rõ tên Pháp là gì.

² Một quận thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

³ Thuộc tỉnh Quảng Nam.

NGUYỄN XUÂN HOÀNG
MỘT NGƯỜI
NGỒI
TRONG
GHẾ BÀNH

Tôi gõ cửa một lần nữa. Vẫn không nghe thấy tiếng trả lời. Chắc không có Diệp ở nhà. Tôi châm thêm một điếu khác, và trong đốm lửa nhỏ lập loè, tôi dò dẫm từng bậc thang trở xuống. Cầu thang hôi một mùi khó chịu và thanh gỗ vịn tay rít nháp nghe lộp cộp hòng. Kỳ quá, không biết cô nhỏ này đi đâu. Hồi sáng gặp tôi ngoài phố, cô còn nhắc, anh nhớ đến, thế nào anh cũng phải đến nghe, vậy mà tôi đã gõ cửa không biết bao nhiêu lần, đốt không biết đến điếu thuốc thứ mấy vẫn biệt tăm em.

Xuống đến mặt đường tôi mới biết trời đang mưa. cơn mưa không to lắm, có lẽ bão rút của miền Trung, nhưng gió từ bờ sông thổi lùa trong hơi nước mát lạnh làm tôi rùng mình. Thời tiết thay đổi đột ngột như vậy, buổi sáng sớm nay có chút sương mù và còn lâm râm vài hạt. Tôi đi nép trong hàng hiên tránh mưa

và trong bụng thầm tiếc về việc đã tới nhà thăm Diệp. Sẽ đi đâu bây giờ đây? Tôi nghĩ đến quán nước quen có mấy người bạn ngồi ở đó. Từ xa ánh đèn pha của một chiếc xe chạy ngược chiều làm tôi chói mắt. Tôi bước ra lề đường đưa tay đón xe. Trời vẫn mưa lặng lẽ. Bỗng nhiên tôi khám phá ra là dù có hơi tiếc về việc thất hứa của Diệp, nhưng tôi không xúc động về thái độ của nàng. Đốm lửa đỏ của điều thuốc cho tôi cái cảm giác ấm áp và tỉnh táo hơn. Chiếc xe trò tới và bắt ngờ đậu sát bên tôi. Đèn chiếu vụt tắt.

“Taxi!”

Tôi cúi đầu xuống chực hỏi người tài xế coi có đi không, nhưng đèn trong xe đã vụt sáng. Tôi thấy Diệp ngồi trong xe và đang mở sách lấy tiền.

“Anh!”

Diệp thò đầu ra cửa xe kêu tôi. Cái vẻ hối hả làm lạ hẳn một Diệp lặng lẽ và trầm tĩnh mà tôi từng quen biết. Trả tiền xong Diệp bước xuống xe, cầm tay tôi kéo đi, không nói thêm một lời.

Và chúng tôi trở lại căn gác của Diệp.

“Anh không giận em phải không?”

“Không.”

“Tin chừng bao nhiêu?”

“Một trăm phần trăm.”

“Thôi, đừng có giận giả bộ, ông ơi!”

Diệp ôm chặt cánh tay tôi bên hông nàng.

“Cám ơn anh. Ấm quá!”

“Ấm cái quái gì. Lạnh thấy mồ.”

“Đừng có thô bỉ với đàn bà con gái nghe ông!”

Diệp thả tay tôi ra, nhưng mùi thơm của tóc nàng bay tận mũi tôi.

Đến chân cầu thang, Diệp mở sách tay lấy cây đèn bấm

nhỏ, và chúng tôi lần lên gác.

“Em có chút chuyện nhờ anh.”

“Biết rồi. Nhưng chuyện gì vậy?”

“Bí mật!” ...

Diệp mở khoá đẩy cửa vào.

“Chút nữa em nói cho anh nghe.”

Nhà tối mù mù, tôi đứng im trên bục cửa, Diệp lần đến bên vách bật đèn trên trần. Ánh sáng chói chang đổ ập xuống làm ngợp mắt. Diệp nói: “Anh ngồi xuống đây chờ em một chút.” Và nàng bỏ ra nhà sau. Tôi ngồi lên ghế dựa, bắt chéo chân và tình cờ ngó thấy một mảng bùn vấy ở đầu mũi giày. Con đường từ quăng nhà tôi xuống phố thật tệ, những hôm trời mưa đường lầy lội không thể tưởng, những lỗ trũng đầy nước, ổ gà tùm lum, mặt lộ dợn sóng làm chao xe, nhiều bữa đang chạy ngon trớn tôi bỗng hụp xe xuống một cái, tá hoả tam tinh, tưởng chết đi được. Diệp đã thay quần áo xong. Nàng đứng trước mặt tôi, trong tay ly trà đang bốc khói:

“Anh nghĩ cái gì vậy. Anh coi nhà em có đẹp không?”

Nhà của Diệp là một căn phòng hẹp, trần nhà thấp, tường quét vôi màu vàng sẫm tối ám và trơ trẽn. Tôi không ưa lắm cái tối tăm ẩm đạm và cái vẻ nhớp nhúa của căn phòng. Tuy vậy tôi đã nói, dù tôi không tin lắm điều tôi nói:

“Đẹp. Đẹp lắm!”

“Thôi đi ông. Đừng bày đặt nịnh dằm.”

“Đẹp thiệt mà.”

Diệp ngồi xuống ghế đối diện tôi, đẩy cái gạt tàn thuốc bằng sành về phía tôi. Lúc này tôi mới nhìn thấy Diệp rõ hơn. Nàng đã thay chiếc áo dài màu xanh thẫm, choàng trên vai một chiếc áo len nhẹ cùng màu nhưng nhạt hơn nhiều, hai cánh tay bỏ lửng, quần chần, ống khá rộng phủ

gót chân. Da mặt Diệp xanh xao, và trên đôi gò má hơi hóp của nàng, tôi nhìn thấy lấm chấm những nốt mụn nhỏ, hai con mắt đen sâu và to chìm dưới lớp màu xanh (khá xanh) của phấn. Nhìn màu da ấy của Diệp, tôi như nghe thấy lại có lần nàng nói, anh thấy không, da em khô thế này đầu em không có đến lấy một sợi tóc mượt, em bị đau gan đó anh, chịu không cách nào trị cho hết được. Dù sao, tôi phải công nhận là Diệp đẹp. Có lẽ vì cái dáng cao cao của nàng, bộ ngực khoẻ mạnh trên một thân thể khá mong manh, cái vẻ lạnh lẽo ở khuôn mặt cẩm thạch, cùng với mớ tóc rối đen khô làm tôi choáng váng.

“Nhất định là anh nịnh em.”

“Nịnh em thì tôi ăn cái giải gì!”

“Thôi, được rồi. Anh uống nước đi, rồi đưa em đến đó nghe.”

“Đến đâu?”

Diệp sửa cách ngồi:

“Chỗ anh vẫn thường ngồi với mấy ông bạn của anh đó!”

“Ở đâu? Hồi này em làm sao vậy?”

“Thôi, anh đưa em đi rồi em sẽ chỉ cho.”

Tôi đốt thêm một điếu thuốc nữa và nhìn những ngón tay ám khói vàng nghệ của mình.

Tôi thực tình không hiểu Diệp muốn gì.

“Nhưng sao em lại nhờ tôi?”

“Chớ em còn biết phải nhờ ai bây giờ?”

“Có cái gì ở chỗ đó?”

“Em cần gặp một người.”

“Một người? Quen?”

“Em không biết người ta, nhưng người ta nói người ta biết em. Người ta nói người ta ao ước được quen em.”

“Tóm lại là em muốn gặp một người đàn ông ngưỡng mộ

em, phải không?”

“Không phải vậy đâu...”

“Thì đó là một người yêu em cũng vậy thôi!”

“Đừng có xịa ông.”

“Tôi có nói là em yêu người ta đâu. Rồi. Bây giờ đi được chưa?”

Tôi dụi điếu thuốc cháy dở xuống cái gạt tàn và đứng dậy.

Mưa lâm râm nhỏ hạt và trời vẫn lạnh. Diệp đội khăn lên đầu, mái tóc giấu sụp dưới lớp vải. Chúng tôi đi dọc trở lại theo những hàng hiên. Phố vắng. Diệp nói:

“Phải biết đón xe khó thế này, lúc này em đã giữ chiếc taxi cho xong.”

Rốt cuộc chúng tôi phải kéo bộ một quãng khá dài. Khi đi ngang qua chiếc xe mì của người Tàu núp dưới chái hiên, tôi hỏi Diệp:

“Em có thấy đói không? Mình ăn cái gì đi!”

“Ở chỗ đó có bán thức ăn mà,” Diệp cười, “Có lần ở sở về đi ngang qua đó em thấy anh ngồi ăn với mấy ông bạn của anh. Mình có thể vừa ăn vừa chờ đợi được mà anh.”

“Chờ đợi? Chờ đợi cái gì mới được chứ?”

“Trời đất! Mới nói đó mà anh đã quên rồi. Sao mau quên dữ vậy ông?”

Tôi nắm tay Diệp băng qua con lộ nhỏ. Những ngón tay tròn mềm và lạnh lẽo của nàng nằm trong tay tôi làm tôi sợ. Chúng tôi đã ra đến đường lớn. Mặt lộ đọng nước mưa sáng lấp lánh ánh điện từ những cột trụ trồng dọc theo hai bên lề đường. Xe cộ chuyển động ồn ào đến chóng mặt. Dù Diệp đội khăn, tôi tưởng nhìn thấy mái tóc nàng ướt sũng trên một đôi mắt hân hoan cười cợt. Diệp đi bên tôi tung tăng như một thiếu nữ mới lớn. Có lúc nàng giống một chiếc bong bóng mà sức căng đã giảm không bay được

lên cao, lơ lửng trên sợi chỉ nằm trong tay một cậu bé lúc nào cũng chực ngã. Một chiếc xe nhà binh phóng qua thật nhanh làm bắn nước lên người chúng tôi. Diệp giật tay tôi nhảy lui lại. Tôi nghe rõ tiếng nằng lấm bầm nguyên rửa người lái xe mắc dịch. Đến ngã tư đường Diệp bảo tôi:

“Anh qua đây với em một tí.”

“Chỗ này sao? Tôi có bao giờ ngồi ở chỗ này đâu.”

“Đâu có. Em muốn mua cho anh một gói thuốc mà.”

“Anh hút Winston phải không?”

“Sao biết?”

“Sao không biết. Anh làm gì mà em không biết. Anh, đi đâu, ở đâu, quen ai, em biết hết.”

“Biết gì nhiều dữ. Còn gì nữa nói nghe chơi.”

“Muốn nghe thiệt không. Nói toạc móng heo, không được giận à ghen.”

“Bộ tưởng tôi con nít à. Hồi này làm sao vậy, cô ba?”

“Có sao đâu. Anh thực tế một chút coi. Lè phè quá trời. Lông bông lêu bêu cái kiểu anh, ai mà yêu cho nổi ông.”

Điều thuốc kẹp giữa hai ngón tay, sắp đặt vào môi đã bị tôi kéo lại. Tôi vỗ điều thuốc lên bao diêm. Tôi nói:

“Ai mà yêu cho nổi. Yêu ai mà ai yêu?”

“Đừng có hỏi giọng nhà quê, ông! Lại đây, em mua cho ông mấy tờ báo. Tờ này phải không?”

Tôi đứng lại giữa chừng, hơi sợ hãi một chút. Cái cách hiểu biết và nói năng của Diệp làm tôi bối rối. Tôi nghịch chiếc nắp bật lửa, hỏi:

“Em chẳng quên thứ gì hết. Sao em còn đợi gì mà chẳng lấy quách tôi đi có hơn không.”

“Đừng có giễu nghe bạn.”

Đâu có ai ngăn cản không cho chúng tôi cười thả ga giữa đường phố trong một đêm lạnh lẽo và riêng tư như

thế này.

Quả như lời Diệp nói, quán nước quen, trần bằng gỗ đánh vẹt-ni, ghế bành rộng thấp, điện ấm và không sáng lắm. Tôi đẩy cửa kính và đứng qua một bên nhường Diệp vào trước. Nàng lột khăn xuống rũ nước mưa và chúng tôi chọn một chiếc bàn hơi khuất trong góc phòng.

“Anh thường ngồi bàn này phải không?”

“Đúng rồi.”

“Anh uống cà phê đen nghe. Kêu cho em một ly sữa nóng đi anh.”

“Không, để tôi gọi cái gì bỏ bụng. Đói muốn chết đây này.”

Diệp biên món ăn lên giấy đưa cho người hầu bàn kéo tay áo nhìn đồng hồ, thở dài.

Tôi hỏi:

“Mệt hả?”

“Đừng giấu ông. Em khoẻ mà.”

Diệp có vẻ khoẻ thật, dưới ánh đèn chụp bóng tròn, da mặt Diệp hồng hào hơn lúc nãy nhiều. Nàng đập tay lên vai tôi:

“Kìa anh, anh có thấy chiếc ghế bành da màu đỏ kia không. Ừa, ở chỗ đó đó, cá với anh mùi ăn một, là thế nào cũng có một người ngồi ở đó.”

Tôi nói:

“Tôi chẳng hiểu trời trăng gì hết.”

Và tôi phá lên cười.

“Còn em, bộ anh tưởng em hiểu trăng sao gì hả?”

Nói xong, Diệp ngã đầu ra sau ghế, cười bằng tất cả cái đáng điệu kỳ cục của nàng. Người hầu bàn đến bên chúng tôi, nghiêng mình lễ phép:

“Ông bà gọi thêm món chi?”

“Không.” Diệp nói trong tiếng cười. “À, à mà có; làm ơn

gọi cho tôi một chú bồi khác.”

Nhưng liền ngay khi đó tiếng cười của nàng chợt tắt sau câu nói và mắt Diệp mở lớn ngạc nhiên hướng về chiếc ghế bằng da màu đỏ. Một người đàn ông đã ngồi trong ấy tự bao giờ.

Thức ăn đã mang lên và tôi bắt đầu bữa cơm tối một mình.

(Tác giả xem lại và hiệu đính ngày 8 tháng 12/2010)

**NHÃ CA
TRUYỆN
CHO
NHỮNG
CẤP
TÌNH NHÂN**

Vừa dừng xe trước cổng nhà bác, Diễm đã bấm chuông inh ỏi. Chị Bé Tý chạy ra, vừa cười vừa với cái giỏ mây: Vô đây đã Diễm, vô cúng. Diễm lắc đầu quày quây:

- Thôi để em về, sáng mồng một em sang mừng tuổi hai bác, các anh các chị. Em về, nhà em hôm ni cũng cúng ba mươi mà chị.

Chị Bé Tý nhìn chăm chăm vào bàn tay của Diễm đang cầm chặt chiếc ghi đông xe đạp:

- A, con ni khá quá hí, đeo nhẫn rồi ta. Ra giêng cưới há? Diễm cúi đầu e thẹn:

- Dạ.

- Mời tao đi phụ dâu nghe.

- Dạ, mời chị chứ.

- A, con này đeo nhẫn không sợ tụi bạn cười há?

- Anh Phan biểu em đeo.

Chị Bé Tý cười ngất:

- Khỉ, khi mô cưới xong mới đeo, đeo rứa tụi nó nói dị chết. Mi đi lấy chồng còn học không?

Diễm buồn buồn:

- Không biết nữa chị, ba anh Phan nói em cứ đi học.

- Học con khỉ, ở đó mà học.

Diễm lật cái nón đội lên đầu:

- Thôi em về chị, má đợi. Hôm ni ở nhà cũng cúng.

Diễm xoay ghi đông, cua vòng ra sân rồi leo lên. Diễm sửa lại hai vạt áo dài, vạt sau giắt vào sợi dây thun nơi cái bót ba ga, vạt trước phủ trên hai đùi. Theo thói quen, Diễm ngẩng đầu lên hất cho hết tóc ra đằng sau, rồi đạp xe, đi thong thả. Diễm phải vất vả lắm mới lách xe qua khỏi được con đường Trần Hưng Đạo dọc theo vườn hoa Nguyễn Hoàng, phía gần cầu là chợ hoa. Diễm nhìn chỉ thấy những cánh hoa mai vàng giơ cao lên khỏi đầu người. Diễm đạp xe qua cầu Tràng Tiền, đi rẽ ngã bưu điện, rồi đạp qua vài con đường nhỏ, đến hàng Đoát. Diễm biết chắc thế nào đi trên con đường này, giờ này cũng gặp Phan. Con đường hàng Đoát này vắng nhất và cũng đẹp nhất. Diễm không thể nào quên được những buổi trời chạng vạng. Phan và nàng, hai người hai chiếc xe đạp, đạp song song vừa đi vừa nói chuyện. Diễm cũng không quên được vẻ hốt hoảng vụng về của cả hai đứa khi dang hai ghi đông xe ra cho xa nhau, một đứa đạp chậm một tí, một đứa đạp nhanh lên, khi có người từ đằng xa đi ngược chiều tới. Và lịch sử mối tình của hai đứa cũng đầy di tích trên con đường ngắn này. Hình như hôm đó Diễm đi xe đạp, cũng trên con đường này, chiếc sên xe bị sút ra. Diễm dựng xe lên loay hoay sửa mãi mà không được. May nhà Phan gần đó, và phút làm quen không mấy khó khăn. Nửa giờ sau, Diễm lên xe đi về, trời chiều, những ngọn điện đường đã bật. Phan đạp xe đi hộ tống đằng sau. Khi tới gần nhà Diễm chậm lại một chút, quay mặt lại giấu trong nón: Cám ơn anh, Diễm vô nhà. Và Diễm đạp xe rẽ vào ngõ chè tàu. Về sau, nghe Phan nói lại

là Phan bắt đầu yêu Diễm ngay buổi tối hôm đó, khi hai vạt áo trắng cùng chiếc xe đạp ghi đồng chữ U khuất sau hai dãy chè tàu xanh, cắt bằng phẳng.

Ngang qua nhà Phan, Diễm không dám nhìn vào nhưng nàng biết Phan sẽ trông thấy nàng. Một lát Diễm nghe tiếng xe đạp lách cách đằng sau, rồi tới sát bên. Diễm cúi mặt, chiếc nón che kín chỉ chừa hai mớ tóc buông xõa phía trước vai. Nhưng Diễm đợi chờ, hai má nàng nóng bừng.

- Diễm.

- Dạ.

- Em đi mô về đó?

- Em đi sang nhà bác đưa trái cây cúng. Má sai em đi.

- Chừ em đi mô?

- Em về nhà.

Câu chuyện thật nhạt nhẽo, nhưng Diễm thấy quá quen thuộc, nàng đoán trước những câu hỏi của Phan. Lần nào cũng chùng đó câu hỏi, rồi hai đứa đưa nhau trên đoạn đường từ hàng Đoát, ghé qua đường Nguyễn Huệ, đi ngang qua Ty Công Chánh rồi về đường Trần Thúc Nhẫn. Nhưng lần này thì không, Phan nói tiếp:

- Anh đưa Diễm tới vườn bông Bến Ngự thôi nghe, lên cầu về túi lắm. Hôm ni anh cúng ba mươi.

- Em cũng cúng ba mươi.

- Sáng mồng hai anh sang hí. Mồng một anh về Truồi, ông nội dưới nó.

- Dạ.

Phan nhìn thấy ngón tay của Diễm đang bấu trên ghi đồng:

- Diễm.

- Dạ.

- Diễm đeo nhẫn à?

Diễm liếc nhìn Phan rồi háy một cái:

- Đeo dị òm.

Phan cười, mặt hơi cúi xuống:

- Ừ, mai anh đeo luôn hí.

- Dị òm, bắt chước người ta chi lạ rứa.

- Dị chi mà dị.

- Dị quá, anh đi xê ra, rủ gặp ai...

Phan vừa bẻ ghi đông quẹo ra và nói nhỏ:

- Kệ họ, mình sắp cưới rồi mà...

Diễm đưa tay trật nón ra đằng sau, nằng nhìn con đường hàng Đoát sắp nhập vào con đường thẳng Nguyễn Huệ:

- Má nói khi mô cưới hẳn hay.

- Chán mấy bà già.

- Anh không thấy à, khi mô anh tới má cũng bắt em đi rót nước, sai gọi em lãng xăng. À, hay bữa ni anh lên nhà em ăn cúng ba mươi.

- Không được, ông rộp chửi chết. Hôm ni lạy bàn thờ. Dưới chú anh cúng buổi trưa, nhà anh cúng túi.

- Mệt hí.

- Ừ.

Bàn tay Phan thả ghi đông, đưa sang chụp tay Diễm. Diễm để yên nhưng lắc đầu quây quật:

- Anh làm rứa té chết. Dị chết.

Ngón tay Phan đã vượt trên ngón tay đeo nhẫn của Diễm:

- Em hí?

- Dạ chi anh.

- Thương anh không?

- Thương anh hoài. Khi mô cái nhẫn này rời khỏi tay em thì em chết.

- Chớ không phải em tháo ra, em vất dưới sông Hương hay liệng trên núi Ngự à?

- Mần chi có.

- Em hí?
 - Chi anh.
 - Nói thiệt nghe !
 - Anh dị òm. Còn có mấy ngày mà lo chi cho mệt.
 - Biết rằng mà noái. Khi sáng anh tới má em noái cho cưới tháng Giêng để anh còn đi Thủ Đức. Còn chưa đầy mười ngày.
 - Em chưa nói chi cho tụi bạn em biết hết. Tụi bạn noái em bí mật quân sự.
 - Đầu năm em với anh đi thăm tụi nó, nói cho tụi nó biết.
- Diễm lắc mạnh cánh tay:
- Anh, gần tới cầu, anh về đi.
 - Em sợ tụi không?
 - Không, khoảng đường ni sáng rồi, qua khỏi cầu, đi lên dốc một tí, có ông cảnh sát gác nơi cầu anh tề.
 - Anh về hí.
 - Dạ, anh về.
- Diễm trả lời xong cúi đầu đi thẳng. Hàng chèo tàu đã lấp ló đằng xa, nơi cột điện. Khi Diễm rẽ vào nhà, ngọn điện đường cũng vừa bật lên. Má nàng đang gọi đầu trước hiên. Diễm dựng xe dưới gốc cây khế. Má nàng ngẩng lên:
- Đưa đồ cúng cho bác chưa, Diễm.
 - Dạ rồi.
 - Con thay áo, đi gọi đầu bồ kết nì. Má có để sẵn phần cho con. Ra vườn hái trái chanh mà gọi cho trơn tóc. À con ơi, con lau lại cho má cái sập gụ nghe. Tối ni rảnh đánh tứ sắc chơi.
- Diễm vừa đi vào nhà đã nghe tiếng mẹ vọng theo:
- Chút xíu nữa con dọn bác Bảy mang xích lô tới bác Thị đón ông nội về. Ra sau hè mà gọi qua cũng được, đừng đi ra ngõ chi cho xa con hí.

Diễm đi vào phòng, thay quần áo rồi nằm duỗi ra giường. Chút nữa hãy đi hái chanh, đi gội đầu. Diễm nhìn bình bông nhỏ cắm mấy bông tường vi của Phan mang sang cho hồi sáng. Mấy đóa tường vi màu hồng sáng lạng, nhưng lòng Diễm chợt vui chợt buồn. Nàng nghĩ tới những mùa xuân cũ, những mùa xuân cũ khác hẳn xuân này. Năm nay Diễm không thấy nô nức đón xuân như mọi hôm, mà Diễm thấy mình bắt đầu lớn, bắt đầu thay đổi. Thay đổi cả một đoạn đời cũ. Đi lấy chồng, lấy chồng đối với Diễm như bước vào một đoạn đời dài lắm và đầy xa lạ, bỡ ngỡ. Ở với một người cho tới già, tới chết, dù đó là người yêu, Diễm cũng thấy trong lòng sôi động bao lo sợ, nghi ngờ. Dĩ vãng của Diễm yên lặng quá, hiện tại, Diễm không một điểm nhỏ phàn nàn, còn tương lai nữa. Diễm như một đứa bé con đang đứng trước một ngôi nhà quá lớn và hiểu được rằng không bao giờ mình khám phá hết nổi nó. Diễm nhìn ngón tay đeo nhẫn của mình, nàng đưa lên môi, chà chà cạnh nhẫn lên làn da môi mềm mát. Thôi thế cũng xong, một ước mộng bình thường, cứ thế, ta sẽ sung sướng. Diễm cắn chặt ngón tay đeo nhẫn: Anh Phan, răng em có sắc mấy cũng không cắt nổi ngón tay đeo nhẫn.

Diễm mở cái rương nhỏ, ngắm nghía chiếc áo phin trắng nõn. Chiếc áo này Diễm sẽ mặc để tiếp Phan vào ngày mồng hai. Phan sẽ hỏi: Ai may áo đó. Diễm sẽ sung sướng mà cho Phan biết là chính nàng đã cắt và may lấy. Em sẽ là một bà nội trợ giỏi.

Chắc chắn mà, không tin thì thôi. Diễm mỉm cười một mình.

Sau đó, Diễm nhớ là mình phải ra vườn hái chanh gội đầu, nhân tiện đó Diễm sẽ gọi luôn bác Bảy. Diễm vừa đi vừa nhảy ra vườn. Chiếc áo trắng vải phin nõn còn lung

linh trong trí tưởng tượng của nàng. Hình ảnh Diễm đang ở trong đó cùng áo cánh trắng thêu hoa hồng đỏ trên ngực và mái tóc chảy dài. Nhưng ở kia, làm gì có cánh hoa hồng đỏ tựa như trái tim thêu trên ngực? Diễm bật cười: Thêu như vậy cũng đẹp, nhưng chiếc áo đó đã không thêu. Màu đỏ không hợp với sở thích của nàng. Nàng coi màu đỏ như sự bất trắc, sự hung bạo. Bởi thế, Diễm thích đi lấy chồng hơn là đi học nghề cô mục. Tụi bạn Diễm đã nạp đơn xin học ngành này gần hết.

Cây chanh đã hiện ra trước mặt Diễm. Diễm chỉ cần nhìn lên, chỉ cần với một cành ví xuống, tha hồ mà nàng lựa chọn. Hạnh phúc của nàng cũng giản dị quá, mọi lúc đều như vừa vịn trong tầm tay của nàng. Diễm nghĩ đêm nay, sau khi ngồi chầu rìa coi cả nhà đánh tứ sắc, Diễm sẽ nằm lăn nơi cái sập gụ, trước khi ngủ, nàng sẽ ăn hết những cánh hoa tường vi cuối năm của Phan gửi tặng.

oOo

Anh Phan, Rứa là anh kẹt dưới Trườn không lên được rồi. Anh ơi, em cũng đã kiệt lực. Em ngồi viết thư cho anh lúc đang sống trong một căn hầm hết sức chật. Một cái hầm nổi, làm sát góc nhà với mười bốn mạng người. Ngày nào cũng chùng đó tiếng động, chùng đó nổi kinh hoàng. Từ đêm mồng một rặng ngày mồng hai, cả nhà bị mắc kẹt không còn tản cư vào đâu được nữa. Em viết thư này cho anh là ngày mười bốn, và gia đình em đã chịu sống mười ba ngày trong chiếc hầm nhỏ hẹp này. Xung quanh, Thạch bạn em đã trúng đạn chết, xác lấp vùi vãi ngoài vườn. Ngay trong nhà mình, phòng bên cạnh cũng có một gia đình hàng xóm xin làm hầm, mang sang hai người bị thương, đêm nào họ cũng la hét khóc lóc ghê quá. Mấy ngày đầu, mấy anh ngoài nó còn cho thuốc băng bó, mấy ngày nay họ

bỏ liều rồi. Chắc mấy người đó chết quá anh ơi, mà họ chết là thành ma trong nhà mình rồi.

Em có bị bắt đi khiêng đạn và chở người bị thương bằng xe ba bánh lên phía Tây Thiên mấy lần, lần nào đi cũng sợ muốn chết giặc vì những quả bom dưới Phú Bài câu lên. Những người đi với em chết nhiều lắm. Em đi khiêng đạn được năm hôm, khiêng người bị thương được hai hôm thì khiếp quá ngắt xiu mấy lần. Em theo mấy người trốn về lại bị nạn kiểm soát. Họ tới tận nhà. Má phải xoa nghê lên mặt em, vả vào mắt em cho sưng húp để xưng bệnh cho họ khỏi bắt đi. Mà em muốn bệnh thật, em bệnh vì lo sợ, vì buồn phiền, vì thương cảm. Má đã rơi nước mắt ròng khi đưa bàn tay tát vào mắt em cho sưng vù. Em cũng không cảm được giọt lệ khi nhìn thấy anh Văn trốn trên trần nhà muời mấy hôm, khi ăn khi nhin, sợ tới chết điếng người vì những trái mọt-chê rơi đều đều dội tứ tung trên miệt bến Ngự, Từ Đàm.

Mấy hôm nay thì đạn đại bác bắn quá lắm. Em nằm ép mình sát đất, cứ bị dội người lên vì đất đai nhà cửa rung chuyển, ngực em cơ hồ như đã vỡ vụn bên trong nhưng lạ em không thấy đau đớn và tắt thở. Em vẫn thở được nhưng hơi thở nặng nề, em vẫn nhai được bát cơm nấu vôi vãi, đôi khi chưa kịp ăn đã vất bát cơm, nằm sát xuống mặt hầm, hoặc ôm cứng lấy nhau, và khi dứt tiếng nổ, thấy mắt mình hết nổ đom đóm, ngắt vào da thịt thấy đau, em mới biết rằng mình còn sống. Anh Phan, chắc em chết không gặp anh. Chắc chết quá anh ơi, súng vẫn bắn như mưa trên đầu những người chờ đợi. Nhưng anh ơi, trong những phút kinh hoàng như thế này, trong những phút nằm chờ một quả bom canh đúng rơi trúng miệng hầm đôi lúc em vẫn còn đầy tư tưởng lãng mạn. Em nhớ anh hơn, nao nức

hơn, và thấy mối tình mình trở nên quan trọng hơn. Em nhớ buổi chiều cuối năm đi với anh trên con đường hàng Đoát. Thơ mộng quá, đẹp quá phải không anh? Và em đã thề thốt gì với anh, anh còn nhớ không? Anh ơi nếu em chết, anh tìm cho được xác em, nhìn ngón tay em đeo nhẫn nhé. Nhưng em sợ chết quá, em chết đi rồi anh sẽ còn ai để thương, còn ai để cưới làm vợ... mà anh lấy người khác em ghen, em chết không nhắm mắt. Con gái Huế ghen dễ sợ lắm, ghen cay như ớt. Anh ơi, ớt đầy một vườn mà bữa ăn nào em cũng thèm tới rót nước miếng. Em muốn được ăn trái ớt trước khi chết để thành một con ma ghen kinh khủng, em nói bậy quá rồi. Lại bắt đầu bắn đó anh. Làm sao đưa còm lên cho anh Văn, làm sao cho anh ấy trốn đi được. Ngọn đèn cây đặt trong hầm lại sắp hết. Phải tiết kiệm, thôi em tắt. Nằm xuống khoảng tối em sẽ nhớ anh, nhớ anh như điên để rồi có chết đêm nay còn tưởng tượng ra anh, anh nghe. Ngọn đèn lụi quá rồi, chữ em viết không biết đang lên dốc Nam Giao hay xuống dốc bến Ngự...

Anh Phan, Tai nạn đã xảy ra rồi. Sáng hôm nay chị Tư ra khỏi miệng hầm thật sớm để đưa vắt còm lên trần nhà cho anh Văn, sợ lát nữa mấy ống vào kiểm soát, chị vừa ra khỏi miệng hầm thì bị mảnh bom chơm. Máu ra nhiều quá. Em phải xé chiếc áo dài mới để băng bó cho chị. Bây giờ chị đang nằm lịm nơi chân em đây này. Còn anh Văn, anh ấy đã chết. Anh Phan, anh Văn không bị bom không bị đạn, anh đói lả và rơi từ trên trần nhà xuống, chết liền tại chỗ. Xác anh Văn đang nằm nơi chiếc sập gụ của ông nội, nằm chung với ông nội em còn sống. Má đã khóc lóc xin mấy anh ngoài nó ra vườn chôn tạm anh Văn nhưng họ nói ra ngoài đó máy bay thấy đào đất rồi bắn xuống. Trưa nay mấy ống họ lại rút lên phía trên nữa rồi. Má nói có thể

trốn được. Nhưng trước khi trốn đi tản cư, Phải tìm cách chôn anh Văn đã. Cách tốt nhất là đặt anh Văn trong hầm này, khi về hầy hay. Nhưng lại gặp chuyện phiền phức khác là chị Tư và ông nội. Chị Tư bị thương, khó khiêng đi, ông nội thì nhất định ở nhà. Cả nhà khóc mãi, ông vẫn không đổi ý. Chị nói thà chết ở nhà, và năn nỉ cả nhà nên tìm cách trốn đi.

Anh ơi, gia đình em sao thê thảm thế này. Không, đâu phải chỉ gia đình em. Nhà chú Bảy xích lô đã chết hết, cả một cái hầm sụp xuống. Đứa cháu bên đó chạy sang cho hay vậy. Ngoài đường còn những xác người chưa chôn. Chị Thọ cho biết là bây giờ chỉ có hai lối đi, một là xuống cầu bến Ngự, rồi băng về bên kia sông, nghe nói có Mỹ, một là đi ngược lên Tây Thiên. Nhưng lên Tây Thiên thì gặp họ cũng không sống được. Bà Minh, anh Vỹ, anh Cao, bác Hịch đã bị họ bắt theo lên Tây Thiên hết rồi. Nhà mình có anh Văn đã chết. Còn bà già, con nít. Có em thì họ chưa bắt đi, vì vậy má nói phải trốn. Đêm qua họ đem mấy cậu sinh viên vào xử tại sau vườn nhà. Em nghe thấy tiếng súng bắn, tiếng người hét, họ vào nhà xin chiếu, chiếu hết rồi. Em nghe họ đào sau vườn. Họ lấp đất, rồi họ kéo nhau đi. Đại bác vẫn câu lên đều đều. Má nói đến chiều tối, khi bớt tiếng đại bác, sẽ tìm cách trốn ra khỏi nhà. Ở đây thì thế nào cũng chết. Nhưng ông nội thì sợ chết đường. Em không chịu ý kiến ông nội. Thà mình cứ đi tìm lối thoát còn hơn ở nhà chịu chết. Phía dưới dốc cầu người ta đi cũng nhiều, chết cũng nhiều, buổi sáng khi khóc anh Văn, em nhìn ra cửa ngõ thấy một bà mẹ đang nhét một đứa nhỏ vào bụi chè tàu trước cổng rồi vừa khóc vừa chạy. Em chưa kịp la thì phải vào hầm vì những tiếng nổ gần quá, con Mẹo có ra coi, hẳn nói thằng nhỏ chết rồi, đang bị kiến đổ bu đầy người,

có con chó Mực đang rình rập vào ăn thịt. Lũ chó đói quá, chúng cứ xông vào nhà. Trên sập của ông nội có một đồng gạch thật lớn. Ông lấy ném để canh xác anh Văn. Từ sáng đến giờ, ông nội vừa khóc vừa đọc kinh, đôi khi ông chửi bới lung tung. Có một trái đạn rớt giữa sân, mảnh bay đầy sân nhà mà chỗ ông nằm vẫn yên lành, ông nói đạn sợ ông rồi, ông chỉ sợ bày chó đói.

Anh ơi! chắc em chết, gia đình em chết hết. Em khóc rờn đây, em khóc muốn ngất khi nghĩ rằng, khi yên, anh sẽ tới tìm em nơi này, anh sẽ không thấy xác em đâu nữa. Tay em nằm trong bụng con chó này, mặt em ở trong bụng con chó khác. Anh ơi, em tội tình chi mà không được một nắm mồ. Anh Văn em, ông nội em... Em thèm cúng giỗ, thèm được người ta cúng giỗ quá. Bây giờ em mới hiểu tại sao mọi nhà đều cúng chiều ba mươi, tại sao có trầm hương, có cô hồn, có ác quỷ.

Anh Phan, em vừa nghe cả nhà bàn sáu giờ chiều nay sẽ trốn đi vùng khác, ông nội ở lại, chị Tư ở lại, xác anh Văn đặt trong hầm, má em với Út, với Tây, với Bằng sẽ trốn đi. Mẹo đi theo. Bác Chắc ở lại canh chừng ông nội và rửa vết thương cho chị Tư. Ông nội, chị Tư sẽ vào hầm nằm chung với anh Văn để khỏi đuổi chó. Em sẽ đặt lá thư này dưới chiếc sập gụ, chiếc sập gụ lát nữa đây sẽ được đem tới kê trước miệng hầm. Nếu em chết, má sẽ chỉ cho anh thấy lá thư này. Em nghĩ là má sẽ sống, cả em cũng phải sống. Chiếc nhẫn mấy ngày nay đã lỏng lẻo, nhưng em vẫn đeo, coi như một thẻ bùa may mắn. Anh ơi, anh đang ở Trườn hay ở đâu. Em lo sợ quá... Chiều tối em sẽ đi, chưa biết là tìm thấy sự sống hay sự chết.

Đến hôm nay đèn cầy hết, thực phẩm chỉ đủ cho hai người ăn trong mười lăm hôm. Cầu mong sẽ yên sớm hơn.

Nghe nói Mỹ đã chiếm được Công-chánh, phía hứa ngàn. Anh có về đến đó chưa?

Em đã ăn hết những bông hoa tường vi của anh đêm ba mươi Tết, thuốc trường sinh, thuốc tình yêu. Anh ơi, em phải sửa soạn để đi, lá thư này xin gửi lại dưới sập gụ...

Từ trường Kiểu-mẫu, Phan đã mấy lần kiếm cách đi lên mạn bến Ngự, nhưng mấy ngày nay, súng nhỏ súng lớn nổ ran về miệt đó. Phan đi lần được tới bờ sông, người Mỹ đuổi Phan trở lui lại, Phan đứng dọc đường đón mọi người tản cư đi qua, hỏi thăm tin tức, nhưng chàng cũng không nhận được một tin tức nào. Cho tới khi gặp được một người từ bến Ngự chạy về lánh nạn ở Tân-lăng, Phan đến hỏi tin tức, được biết gia đình Diễm một nửa còn mắc kẹt ở lại, một nửa đã trốn theo đường rày về An Cựu, nhưng tới nửa đường thì Diễm bị một trái bom rơi trúng, cả thân thể Diễm bay kẹt vào một bụi cây. Chỉ nghe chùng đó Phan đã bụm mặt khóc òa, chàng không còn đủ sức hỏi thăm thêm gia đình Diễm nữa. Mười mấy ngày sau, khi Bến Ngự đã dẹp xong, Phan là người trước nhất đi dọc theo đường rày xe hỏa về Bến Ngự. Dọc đường, Phan đã nhận ra xác Diễm. Diễm chỉ còn lại đầu tóc, chiếc mặt đã bầm dập, cả người đã sinh thối, nàng kẹt vào giữa bụi cây, và những dòng nước vàng đã chảy xuống. Cánh áo phin trắng của Diễm đã rách nát, nhưng nơi ngực áo, hai chữ P D lồng nhau thêu bằng chỉ trắng vẫn chưa bị mục, và nhờ đó Phan nhìn ra xác Diễm. Diễm mất một cánh tay, và nơi bàn tay còn lại, Phan không nhìn thấy ngón đeo nhẫn đâu hết. Ngón tay đeo nhẫn của Diễm đã bị cắt lìa. Phan tìm cùng khắp không thấy vết tích đốt tay và chiếc nhẫn đó nữa.

Khi đem xác Diễm về tắm liệm, mọi người phát giác ngón tay đeo nhẫn của nàng đã nằm gọn trong đám ruột bày nhầy,

không ai hiểu tại sao, và chiếc nhẫn cũng không tìm thấy.

Chôn cất Diễm xong, Phan đi tìm mẹ Diễm, bà đang nằm tại một bệnh viện của Mỹ. Phan tìm tới ngôi nhà cũ của Diễm, ông nội nàng đã chết, chị Tư cũng đã chết, xác của Văn, của ông nội, của chị Tư bị chôn chui vào găm nát, người mất tay, người mất chân. Khi dỡ cái gập sụ ra để lôi những xác chết, Phan đã tìm thấy bức thư của Diễm.

Chiếc xe của Diễm vẫn còn nguyên, dựng ở một góc tường chưa bị sập. Phan dắt chiếc xe đạp ra khỏi nhà, chàng dắt đi bộ chớ không ngồi lên đạp.

Căn nhà của Phan chỉ bị thủng mấy lỗ đạn. Những ngày sau đó, bạn bè của Diễm còn sống sót, chiều đi ngang qua con đường hàng Đoát thấy Phan ngồi trên chiếc xe đạp, dắt theo một chiếc xe đạp, và bên ghi đông chiếc xe không người, lủng lẳng cột một chiếc nhẫn vàng. Bạn bè không ai dám hỏi thăm, dám an ủi, vì Phan không bao giờ trả lời, không bao giờ đứng lại nghe ai nhắc tới tên Diễm.

Con đường hàng Đoát đến bây giờ vẫn còn đẹp, và chiều chiều vẫn còn những đôi tình nhân song song đạp xe đi trên đó. Bóng dáng của Diễm cũng như những đồng gạch vụn, những dấu bom đạn đã lùi dần trong trí nhớ bạn bè. Người ta bắt đầu quen dần với cảnh Phan vừa đi vừa dắt thêm một chiếc xe đạp bên cạnh. Không ai còn thì giờ nhắc tới mối tình của họ.

**NHẬT TIẾN
TẶNG
PHẨM
CỦA DÒNG
SÔNG**

Nó mắc lại ở bờ sông. Sợi dây thừng xoắn mui vướng phải cái cột tre. Sóng nước đưa nó đi vòng quanh cho đến lúc nó dính cứng lấy cây cột. Bây giờ thì nó nổi lều bều và đen thui như một cái đụn nhỏ. Đây là xác của một con trâu. Một con trâu chết trương trong lòng nước. Một con trâu nào đó, ở vùng nào đó, đã chết trong một trận giao tranh nào đó trong cuộc chiến vốn đang kéo dài một đời này. Xác con trâu có vẻ đã trôi qua một chặng đường dài. Những cọng rác cuốn theo đã kết lại, bám ở cổ, ở bụng, ở sườn. Bùn lẫn đất phù sa bắt đầu tạo thành ngấn ở làn da bụng chỗ mấp mé mí nước.

Người ta trông thấy nó từ sáng sớm. Thoạt đầu là lão Quới đi câu tôm. Lão quan sát nó kỹ càng rồi nhún vai bỏ đi. Xác con trâu trương làm lão nhớ đến những xác người cũng trương to như thế rải rác trên cánh đồng.

Mùi tanh tươi bốc lên làm lão lợm giọng. Lão mất cả hứng đứng câu tại chỗ quen thuộc có nhiều tôm lớn. Sau đó là đám nghĩa quân của anh Bằng. Họ xúm lại quan sát con trâu bằng những cặp mắt nghi ngờ. Tụi nó vẫn thường có những cái trò để mìn trên những bè lục bình cho trôi sông. Chiếc bè tấp vô cầu và nổ tung. Con trâu cũng nổi như cái bè vậy. Nhưng trên làn da đen thui nhếch nháp bùn và máu khô của nó, không chỗ nào mang một cái vể đã được gài mìn. Bằng sốt ruột, hơi cây súng xả một băng nổ dài. Có những viên trượt ra ngoài rơi lồm tồm xuống nước. Có những viên ghim lên mình con trâu, xé rách toang thành từng mảnh lớn. Nước sông ủa vào thêm, xác con trâu bị xô đi tấp lại rời đổi vị trí cũ. Bây giờ bốn cẳng của nó ngửa lên trời. Một mùi hôi thối xông lên nồng nặc. Cả bọn bịt mũi nhìn nhau rồi bỏ đi. Con trâu vẫn dính cứng lấy cây cột và nằm phơi ở đó đến chiều.

Chiều hôm ấy có một tốp người đến chiếu cố. Họ gồm một ông già, một thiếu phụ và một thằng con nít. Thằng nhỏ hăng hái lội xuống nước. Thiếu phụ đứng trên bờ ra vể ngăn ngại. Còn ông già thì không nói, xăm xăm cầm sợi dây thừng chờ thằng nhỏ bơi tới con trâu là quẳng cho nó buộc. Thân mình của thằng bé ốm tong teo, bờ vai xương xẩu, làn da đen đúa, đầu tóc rối xù. Dưới làn nước đục ngầu và đầy rác rưởi, trông nó như một con chó nhỏ xẩu xí, bẩn thỉu đang ngụp lội.

Nó xoải tới trước cái cọc tre. Chiếc cọc bây giờ nghiêng đi vì sức nặng bầu vú của con trâu. Bàn tay nhỏ xíu của nó lần tới đầu mối của sợi thừng. Nó gỡ ra một cách nhanh nhẹn. Con trâu được giải thoát khỏi cây cọc và nằm trong tay dẫn dắt của thằng nhỏ. Thằng nhỏ rít lên một tiếng thích thú. Đã lâu lắm nó mới được bơi dắt một con trâu

trong lòng nước. Nhưng con trâu ngày xưa biết bơi, biết lội, biết ngoan ngoãn giơ lưng cho nó trèo lên và nhìn nó bằng đôi mắt hiền từ. Bây giờ con trâu lại nằm ở cái tư thế lật ngửa, bốn vó chống lên trời, phơi cái bụng toang hoác những xương cùng thịt bầy hầy và xông lên mùi thối tha buốt tới tận óc.

Nương theo dòng nước, thằng bé lái được con trâu vào bờ. Mọi người xúm lại giúp nó kéo lên bờ cỏ. Mình trâu nát bét những vết đạn, có chỗ bị mở banh ra, thịt cháy đen xạm, lại còn có từng mảng máu đã khô đen lại nom như những mảng nhựa đường. Tuy nhiên, nhìn cho kỹ thì cũng vẫn có vài chỗ còn xài được. Bốn cái đùi vạm vỡ, ức nở to chắc nịch, xẻ ra phải được hàng chục ký thịt. Còn hơn là ăn mãi củ mài hay đọt chuối. Cuộc chiến ở đây kéo dài cả năm nay rồi.

Ông già vận sức bẩy được xác trâu vào một bờ cỏ. Thiếu phụ giở xách tay ra soạn một mớ dao to, nhỏ. Có cả cái cưa tay tuy cùn nhưng chắc là sẽ đắc dụng. Một đùi trâu được banh ra. Thịt bên trong chưa đến nỗi ngả màu xám xịt. Một vài gân máu còn giữ được màu đỏ tươi. Màu đỏ làm cho ai nấy đều sáng lên những nét hăm hở, rạng ngời.

oOo

Bỗng từ xa phóng tới một bóng người. Tiếng cười the thé lan tới, trước khi thân hình bần thủ rác rưởi của gã ta xuất hiện. Trông gã không ra dáng một con người. Da gã tái mét, mắt đỏ rùng rục như hai đốm lửa, hàm răng trắng nhợt, khắp khểnh như răng bò, cái lưỡi lúc nào cũng như thè lè ra, nhều cả rãi lẫn rớt. Gã đứng ngất ngư, hai cẳng chân đong đưa như hai ống sậy. Cánh tay phải còn lạnh lặn ve vẩy trước mặt, còn tay trái gẫy một nửa để phơi ra ngoài một lớp da rúm ró, trầy trợt, dính đầy bùn và đất bẩn.

Gã mở to mắt nhìn con trâu. Phấm vật bất ngờ làm gã vui thích. Gã ré lên cười cầu tài với mọi người. Hai chân gã nhảy cẫng lên, chạy tới chạy lui, hết ngó ông già lại ngó thiếu phụ, hết ngó thiếu phụ lại xán tới gần thằng nhỏ. Thằng nhỏ liệng cho gã một mẩu da thừa. Gã cười lên thành những tiếng khẹt khẹt. Cặp mắt rực lửa, rãi rớt chảy ra lòng thông. Cánh tay lạnh lặn ve vấy rồi rít. Ông già thấy vậy vội la lên:

- Mày rơn với nó thì hết ngày. Mặc nó!

Vẻ mặt đang hớn hở của gã què bỗng nhiên xịu xuống. Gã quay lại nhìn chòng chọc về phía ông già, ánh mắt thù hận. Ông già trừng mắt lên nhìn, rồi chột hù lên hai tiếng “Bùm! Bùm!” Gã đàn ông xanh mặt vội che tay lên đầu, vừa chạy vừa la thảm thiết. Rõ ra là gã đã bị bệnh thần kinh khi nghe thấy tiếng súng. Thằng nhỏ thì lại thích chí phá lên cười. Nó còn dọa gã tiếp theo bằng một tràng súng liên thanh bắn bằng mồm nghe y như thật. “Đoàng! Đoàng!” Gã đàn ông hốt hoảng lao đầu vào một bụi cây, bàn tay còn lại của gã cào xé xuống nền đất bắn nom như một con vật đang vội vã đi tìm một nơi trú ẩn.

Sự việc xảy ra có vẻ làm cho thiếu phụ đứng đó cảm thấy bất nhẫn. Nàng hơi nhăn mặt với ông già rồi lừ mắt nhìn đứa nhỏ. Thằng bé vội vàng cúi xuống cựa nốt mảng đùi trâu đang gần đứt lìa.

Đến sẩm tối thì con trâu không còn nguyên hình thù lúc trước. Một đồng thịt bày nhầy được bó lại và buộc gọn trên một cây đòn. Trên mặt đất, phần xác trâu còn lại nom toét hoét với những mảnh xương trắng hếu xen lẫn với những mảng tiết đen xì. Mùi hôi thối xông lên nhức óc. Ông già hạ lệnh:

- Thôi, đi!

Thiếu phụ hỏi:

- Còn cái đồng này ?

- Kệ nó!

- Rồi mai nó bốc mùi đi khắp chỗ, chịu không thấu đâu.

- Vậy liệng đại nó xuống sông cho rồi!

Ba người lại hí hục một chuyến nữa. Xác của con trâu lại được trả về với dòng nước đục ngầu. Lần này nó không còn nổi được trên mặt sóng. Sau một tiếng “ùm” kéo theo những bọt nước tung tóe, cái hình thù kỳ dị của nó trôi phăng đi và dần dần chìm sâu trong đáy nước.

Trên đường trở về, ba người đi một cách vội vã. Những đốm đạn lửa đỏ lừ đã thấy xuất hiện trên nền trời tím xẫm, chỗ ngang mé đồn có tháp canh cao vọi vọi. Đồng quê im ả một cách ghê rợn, tựa hồ tất cả như đang chìm trong một vùng đất chết. Không có tiếng chó sủa, không có bóng người đi, không cả dáng trâu quen thuộc đang về chuồng lúc còn thuở thanh bình. Cả ba người lầm lũi bước đi như ba cái bóng chập chờn trong ánh sáng nhá nhem của buổi chiều sắp tắt. Chỉ ở phía đằng sau, cách họ một khoảng khá xa là còn có một đôi mắt đang dõi theo dấu chân của ba người. Đôi mắt rực lửa. Đôi mắt đỏ lừ. Đôi mắt của gã đàn ông mất trí sau những trận đụng độ kinh hồn từng xảy ra đây đó trong vùng.

Gã lủi theo ba người như một con chó ghẻ không dám chường mặt ra trước mọi người. Dẫu sao thì gã vẫn còn sợ tiếng súng phát ra từ mồm ông già, tiếng nổ ròn rã qua miệng đứa trẻ, giống hệt ngày nào cả gia đình gã bị thiêu đốt trong lửa đỏ giữa những tràng đạn nổ ở cả bốn phía, liên hồi.

Gã theo riết ba người, đi qua những con đường mấp mô, băng qua từng hố bom, hố mìn sâu hoắm, những thềm nhà

hoang cháy xám xịt, cả những thân dừa gãy gục, những chum nước cạn khô và những nếp tường vôi nghiêng đổ đã lên màu rêu xanh. Cuối cùng thì toán ba người chui xuống một căn hầm tối. Cánh liếp che bên trên được kéo lại. Thế là gã đàn ông lại chỉ còn có một mình!

Gã bực bội ngồi bệt lên một thân dừa nằm chắn ngang lối đi. Bóng tối bây giờ bao trùm hoàn toàn xuống cảnh vật chung quanh. Gã có cảm giác như mình đang bị chôn sống trong một khu mộ tối. Gã không còn biết mình đang ở đâu, đang làm gì và đang giữ cái vai trò gì ở cái chốn đồng quê hiu quạnh và khốn khổ này. Hình ảnh gần gũi nhất đối với gã bây giờ là hình ảnh của con trâu nằm tênh hênh trên mặt cỏ bị những lưỡi dao sáng loáng lóc từng mảng thịt.

À thì ra con trâu! Hẳn nó vẫn còn nằm ở đó! Gã chột nhẩy quãng lên khi nghĩ ra rằng, ba người kia đã chui xuống hầm thì gã sẽ được tự do làm chủ tất cả phần bỏ đi, còn lại. Thế là hai cẳng chân của quãng lên. Gã vội vã băng qua những thân dừa gãy đổ, những đồng tàn tro và gạch vụn, qua cả những hố bom, hố mìn. Chắc lúc đó, trong bóng tối, lưỡi của gã lại thè ra, rớt rãi lòng thòng.

Một lát sau, gã mò được ra tới bờ sông. Tới đúng chỗ những mảnh thịt vụn và đám tiết đông xám ngoẹt vẫn còn đang bốc mùi. Nhưng con trâu không còn ở đó. Gã dụi mắt nhìn vào bóng tối để sục sạo từng bờ cây, bụi cỏ. Nhưng bốn bề quanh gã chỉ có tiếng nước vỗ óc ách vào mạn bờ, và ở phía đằng xa, rất xa, tiếng bom dây trút xuống một vùng nào nghe rền rĩ như tiếng rên la của mạch đất đang cựa mình. Tuy vậy không thể vì thế mà gã bỏ cuộc. Gã bám riết lấy ý nghĩ mình là sẽ được làm chủ gần nguyên cả một con trâu. Gã cũng sẽ lóc thịt, cũng sẽ xỏ vào một cây đòn dài, sẽ khiêng một mình vào một căn hầm tối nào đó. Mùi

hôi thối quanh đây báo cho gã biết là gã không tìm nhầm chỗ. Nó đúng ở chỗ này. Nó đã nằm tênh hênh trên nệm cỏ, phơi thân hình rách toác dưới nắng xé của một buổi chiều sắp tắt. Sự tin tưởng làm gã không muốn bỏ đi. Gã ngồi xuống một mô đất nhỏ. Gã sẽ chờ đến sáng mai. Con trâu sẽ là của gã. Gã sẽ là chủ. Gã sẽ được lóc thịt, không ai có quyền đuổi gã đi như ông già đã xua đuổi gã lúc buổi chiều.

Và gã đã chờ đến tận sáng hôm sau. Ánh sáng lùa vào đôi mắt của gã như trút cả một vầng tia chói lọi. Thì ra đêm qua gã đã ngủ thiếp đi từ lúc nào. Lúc mở mắt ra, gã choàng tỉnh táo ngay vì cái mùi hôi thối đêm qua lại xộc vào đến tận phổi. Điều này làm gã nhớ ngay đến con trâu. Gã bật dậy, dáo dác đi tìm. Gã chột réo lên to một tiếng rồi cất giọng cười. Gã đã tìm thấy con trâu!

Con trâu đang nằm trương lên, xác vương vào một cột tre làm chân cầu. Gã thấy rõ cả cái bụng phồng to lên, tím ngắt ngất.

Gã lăm lét nhìn quanh, thấy chẳng có ai, thế là gã nhảy ùm xuống nước và bơi lại gần. Bây giờ thì bàn tay còn lại của gã đụng được hẳn vào mình con trâu. Hình như nó có vẻ khác thường. Nó không hẳn là một con trâu. Trên mình nó có cả những mảnh quần áo rách bươm, ướt sũng nước.

Nhưng gã cần gì! Cái xác này cũng trương to như xác một con trâu. Lại nguyên vẹn chưa có ai cầm dao lóc thịt. Lại chính là của gã. Một mình gã đã tìm ra. Nó sẽ là của riêng gã. Không kẻ nào dám bắn súng “bùm bùm” để xua đuổi gã đi như thằng nhỏ và ông già kia đã làm. Gã rít lên cười thích thú. Mắt gã đảo ngẫu nhìn con mồi một cách say sưa. Gã cố gắng thò cánh tay còn lại, cánh tay độc nhất ra gỡ một đụn tóc đang vương phải cây cột cầu tre. Và rồi, bắt chước cử chỉ của thằng bé ngày hôm qua, gã lôi được cái

xác vào bờ. Gã đang nghĩ đến một chỗ nào khuất nẻo để che giấu tặng phẩm bất ngờ của mình.

Một căn hầm bí mật nào đó. Một mái nhà sụp nghiêng. Một bể nước khô cạn. Hay một hố bom, hố mìn rất sẵn, nằm rải rác trên cánh đồng hiu quạnh của đồng quê tan nát, điêu tàn này.

Ở đó gã sẽ tìm cách mổ xẻ tặng phẩm của dòng sông như hồi chiều hôm trước đã có người làm như vậy.

PHAN DU
HAI CHẬU
LÀN
TỔ TÂM

Mãi đến nay, cứ mỗi lúc ngắm hoa kiểng hay bàn đến cái thú chơi hoa, tôi lại nhớ tới cụ Tú họ Nguyễn.

Cụ Tú là người bạn quý nhất của cha tôi. Nhưng thực ra, mãi đến lúc óc nhận xét của tôi đã trưởng thành và tế nhị, tôi mới nhận biết được như thế. Nghĩa là tôi mới nhận ra được tất cả cái nồng đậm của mối giao tình, mà tôi tưởng là đạm bạc, giữa hai người bạn già này.

Là vì thuở ấy, tôi không bao giờ thấy sự có mặt của cụ Tú giữa đám quan khách sang trọng, trong những tiệc rượu linh đình tại nhà cha tôi. Và họa hần lắm, cụ Tú mới đến thăm chơi ở tư dinh.

Có một điều làm cho tôi chú ý là sự thù tiếp của cha mẹ tôi đối với cụ Tú họ Nguyễn. Về mặt hình thức chừng như nó có vẻ giản dị, xuềnh xoàng, khác hẳn lối đối xử với đám khách khứa quyền quý. Tuy nhiên, trong cái giản dị, đơn sơ ấy, có cả một sự thận trọng nó biểu

thị tất cả một tấm lòng kính yêu, vị nể hết sức chân thành.

Bao giờ cũng vậy, mỗi khi cụ Tú đến chơi, tôi thấy cha tôi tự tay chăm chút sửa soạn từ bộ ấm chén, đến đỉnh trầm, bàn cờ, nghiên, bút. Cha tôi còn chọn cho được những thứ trà ngon nhất, trầm thơm nhất, để dành vào việc này. Và hai ông bạn già thường thường hay thích đánh cờ, nếu không cùng nhau gầy trầm để uống rượu, ngâm thơ hoặc đàm luận. Có nhiều ván cờ kéo dài cả buổi, lắm lúc suốt cả ngày, mà vẫn chưa phân thắng phụ.

Vài tháng một lần, tôi mới thấy cha tôi đến thăm cụ Tú. Nhưng thường mỗi lúc có trà ngon, quế tốt, thì cha tôi lại bắt anh tôi hoặc tôi phải thân hành đem đến tận nhà. Chưa từng bao giờ cha tôi giao cho kẻ hầu, người hạ, thay thế chúng tôi trong công việc này.

Chính nhờ vì năng lui tới, mà tôi được hiểu rõ cái cảnh thanh bần của cụ Tú, và đi sâu vào cái đời sống tâm thuật của bậc lão nho này.

Nhà cụ Tú chỉ là một ngôi nhà tranh tầm thường, nằm trong một khu vườn không rộng lắm, giữa xóm nghèo. Nhưng cả ngôi nhà lẫn khu vườn, mãi đến nay vẫn còn lưu lại trong tôi rất nhiều kỷ niệm đẹp đẽ và nên thơ quá.

Khu vườn của cụ Tú là cả một hoa viên. Mỗi lúc bước vào cổng, tôi có cảm tưởng như lạc vào một rừng hoa. Và cả khu vườn như bừng sáng lên vì cái tươi thắm rực rỡ của màu hoa, sắc lá, hơn là bởi ánh sáng mặt trời. Thật là một thế giới thanh khiết, cách biệt hẳn với cái thế giới náo nhiệt bên ngoài.

Tôi thường gặp cụ Tú ở giữa vườn hoa này hơn là trong nhà. Và không bao giờ tôi quên được cái hình ảnh một ông lão râu tóc bạc phơ, nhưng quắc thước với vầng trán cao rộng, đôi mắt hiền dịu phía sau cặp kính trắng gọng bạc,

tắm thân dong dỏng cao trong bộ đồ vải màu nâu - lúc nào cũng là màu nâu - đứng giữa vườn hoa, bên cạnh cô cháu gái, mỉm cười với tôi. Cái hình ảnh ấy mãi đến nay, đối với tôi, vẫn còn là cái gì biểu tượng cho cả một đời sống tâm thuật thanh cao. Và nó thường hiện về trong tâm tưởng tôi, giữa những phút mà cái bờ bờ của sóng gió nhân dục sắp muốn đánh tan cả bao nhiêu tin tưởng của tôi, ở cái ý nghĩa thiêng liêng của cuộc đời.

Cụ Tú sống trong cảnh yên tĩnh ấy với một cô cháu gái và một người đầy tớ già. Nhưng thực ra cụ sống với hoa nhiều hơn. Vì cụ Tú rất yêu hoa. Trồng hoa, nuôi dưỡng, chăm sóc, theo dõi tất cả mọi diễn biến của đời hoa, là cái thú tiêu khiển của cụ, ngoài cái thú ngâm thơ, đọc sách.

Thoạt tiên, tôi coi đó là một chuyện rất thường. Vì cái thú chơi hoa kiểng là một thú chơi hầu hết của các cụ già phong lưu ở xứ Thần-kinh này. Một thú tiêu khiển, mà với cái tuổi mười lăm, mười sáu, cái tuổi tinh nghịch, thích hoạt động, tôi cảm thấy nó phiền phức, nhiều khê, buồn tẻ ra làm sao ấy. Hơn nữa, với cái phong độ cổ kính của một nhà nho, cụ Tú chiếm được rất ít thiện cảm của tôi. Cho nên lúc đầu, phải đến nhà cụ, đối với tôi là một chuyện miễn cưỡng. Tôi chẳng thấy một chút hứng thú nào cả. Nhưng rồi vì phải năng lui tới lâu ngày, tôi lại nhận ra được, ngay trong nhà lão nho cổ kính, trang trọng này, một tâm hồn rất trẻ trung, một con người xuề xòa, vui tính. Càng gần cụ, tôi càng thấy kính nể, mến yêu mà không thấy sợ hãi, ngại ngùng như trước nữa. Cụ Tú coi tôi như con cháu trong nhà, coi tôi như Bội Lan, cũng xoang tuổi tôi. Và lần lần, cụ Tú, Bội Lan, vườn hoa quyến rũ tôi, trong những ngày nghỉ học, mãnh liệt hơn những ai khác và những nơi nào khác. Tôi thấy cả một cái thú được cùng Bội Lan thúc thích đi theo ông cụ,

trong vườn hoa, bắt sâu, chẻ xương và những công việc lật vật khác mà cụ Tú cần đến. Trong những dịp này, cụ Tú nói chuyện với tôi và Bội Lan như nói với những người lớn tuổi vậy. Cụ nói chuyện hoa. Cụ nói về những đặc tính của các thứ hoa, những nhận xét ngộ nghĩnh về hoa. Chính qua những câu chuyện trong vườn này, tuy có nhiều lúc tôi không lĩnh hội được hết, nhưng tôi cũng thấy được cái thú chơi hoa của cụ Tú có một cái gì đặc biệt đáng kính. Nó không phải là một thú tiêu khiển ích kỷ và về sau nhân một chuyện xảy ra có liên can đến số phận của mấy chậu hoa quý trong vườn, tôi được biết thêm rằng, ở cụ Tú, cái thú tiêu khiển này đã được nâng lên thành một cái đạo, đạo yêu hoa.

Tôi còn nhớ một hôm, nhân thay giỏ cho mấy khóm cúc con, cụ Tú bảo tôi:

- Phải thay thế này, không thì nó ở lổ mất.
- Thưa bác, thế nào là ở lổ?

Câu hỏi ngờ ngẩn đối với những người đã sành trong việc trồng hoa, làm cho Bội Lan phải cười rúc rích. Cụ Tú bảo:

- Gốc trụ lá cả là ở lổ. Cúc đầu có nhiều búp, nhiều hoa đến đâu mà ở lổ thì cũng hỏng. Trồng cúc mà như thế là vụng. Cũng không phải chỉ thay giỏ, thêm đất như thế này mà đủ đâu. Còn phải tùy ở đất, ở phân mình vào và cách chăm sóc nữa.

Bội Lan vừa cúi xuống bỏ đất vào giỏ, vừa thỏ thẻ với ông cụ:

- Cứ nhiều hoa là đẹp, chứ nó ở lổ thì đã làm sao. Tại ông khó tính quá. Ai bán hoa được cho ông cũng là cay chua lắm.

- À, bởi thế có bao giờ tao thêm mua hoa trồng sẵn. Cũng như tao chẳng bao giờ bán hoa được. Một chậu hoa trồng mà chơi là vô giá. Những kẻ giàu có có bỏ tiền ra mua hoa

đâu đã thật biết chơi hoa. Vì cái thú chơi hoa không phải tìm thấy ở hương, ở sắc, mà còn ở ngay trong sự sinh trưởng của nó nữa. Một mầm non nhú lên, lắm lúc còn mê ly hơn cả ngắm hoa. Hoa là một giống vừa kiêu kỳ, vừa tế nhị. Nó không đòi hỏi ở ta sự giàu có mà nó đòi hỏi công phu. Chỉ có những người bỏ công phu, tận tình chăm sóc nó mới tận hưởng được cái đẹp, cái đẹp hiển hiện và cái đẹp tiềm tàng ngay trong hồn nó. Hoa cũng có hồn chứ phải không đâu. Nhưng hồn hoa không bao giờ người ta gần được khi chỉ biết ném tiền mua hoa.

Kể về cái công phu của cụ Tú trong việc trồng hoa, tôi thấy cũng ít ai bì kịp. Và trong các thứ hoa, cụ Tú thích nhất là hoa lan. Trong các giống lan, cụ yêu lan Tố Tâm hơn cả. Chính Bội Lan đã cho tôi biết về điểm này. Lan còn nói với tôi rất nhiều chuyện về những chậu lan quý của cụ Tú.

- Ông của em kỳ lắm. Quý lan nhiều lúc hơn quý cả em nữa. Ông bắt em phải chăm sóc nó thật là hơn chăm sóc trẻ con. Phải là nước rửa mặt của em mới được tưới cho nó. Sớm nào cũng phải rửa ráy, kỳ cọ từng lá một, phiền phức lắm chứ có dễ đâu gì đâu cái việc gầy được một chậu lan đẹp...

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Nhưng tại sao phải là nước rửa mặt của Lan?

- Ông bảo em giống lan nó thích hơi đàn bà con gái. Tươi thể nó chóng tốt. Ông còn bảo nó cũng là một giống “giai nhân” nhưng là hạng “giai nhân câm lặng”. Như thế nghĩa là thế nào? Giai nhân câm lặng?

- Cháu một cụ Tú mà không hiểu nổi hai chữ giai nhân.

Và tôi bảo đùa:

- Giai nhân là người đẹp, đàn bà, con gái đẹp như Lan chẳng hạn. Còn câm lặng là ít bẻm mép, ý ông bảo thế đấy?

Lan ngửa mặt cười. Tôi còn nhớ là tôi nói câu ấy với

tất cả cái tự nhiên của tuổi trẻ chứ không có một hậu ý nào cả. Hồi đó tôi thấy Lan cũng dễ thương như những đóa hoa thơm nở trong vườn. Và gần Lan tôi thấy vui thích như gần những bạn trai thân mến nhất của tôi vậy thôi. Nhưng có một điều mà về sau này, tôi mới nhận ra được, khi trí khôn của tôi đã đủ sức sáng suốt, tế nhị để kiểm soát, phân tích những tình tiết phức tạp tiềm ẩn trong những kỷ niệm buồn vui đã qua. Đó là cái việc tôi chú trọng đến những chậu lan quý, ngay từ khi tôi nghe câu chuyện của Lan và được biết chính Lan đã chăm sóc chúng nó. Nhất là lúc tôi biết chúng nó luôn luôn được tắm rửa bởi thứ nước rửa mặt của Bội Lan, người bạn bé nhỏ của tôi. Tôi thấy có một cái nên thơ quá chừng trong cái lối cưng dưỡng hoa ấy. Và sau này, tôi càng quý chúng hơn, khi Lan kể cho tôi nghe về cái chuyện xảy ra giữa cụ Tú với một người đến hỏi mua hoa:

- Họ đã chịu trả đến một gói bạc hai chậu lan Tố Tâm đấy anh ạ. Thế mà ông em một hai không chịu bán. Đã thế ông em còn đuổi khéo nữa là khác.

Một gói bạc, hai chậu lan. Tôi nghe những mà sừng sốt. Ở vào cái thời mà người ta chỉ cần có một đồng bạc đã đóng được trăm lon gạo, mà chịu bỏ ra cả một gói để lấy có hai chậu lan thôi. Người mua hoa hẳn phải là một tay quý hoa đến mức nào rồi.

Thấy tôi ngạc nhiên, người đầy tớ già đang cuốc đất, ngừng tay lại thở dài:

- Một gói bạc à? Thấm gì. Phải trả đắt hơn nữa lão ấy cũng trả. Miễn là lão mua được. Lão ấy có phải quý gì lan, nhưng cốt mua cho được lan vườn này để lấy tiếng và làm đẹp lòng quan thầy. Con lão làm thông ngôn tòa Khâm, tòa Sứ gì đấy. Tôi biết. Nhưng đại gì lại đến nỗi đem chuyện

mua bán mà nói với cụ nhà. Xin không, họa may ông cụ còn có thể cho, chứ đại đột với cái lối ỷ thị đồng tiền là hỏng. Cũng may gặp lúc cụ Tú không có chén đũa nhé! Không thì cũng bị ông cụ phang cho vài gậy, thế cho sáng mắt ra!

Lòng kính nể của tôi đối với cụ Tú càng tăng thêm với câu chuyện mua hoa này. Tôi bắt đầu hiểu vì sao cha mẹ tôi trọng cụ Tú họ Nguyễn và trong sự tiếp xúc, đối xử với cụ, cha tôi đã loại bỏ tất cả những lề thói, cung cách kiêu về cần phải có trong giới quan trường. Những lúc tiếp cụ Tú hay đến nhà cụ, cha tôi là một người nào khác, chừng như không còn là một vị đại thần nữa. Và tôi thấy cha tôi vui vẻ, thư thái hơn bao giờ cả. Chính điều đó làm cho tôi, về sau này, càng lớn lên càng phải nghĩ ngợi nhiều.

Với lòng kính nể cụ Tú, tôi càng thấy quý những chậu Lan hơn trước. Tôi và Bội Lan săn sóc chúng không ngớt, mỗi lúc gần nhau. Chúng tôi cùng bắt sâu, rửa lá, tưới nước, cùng đua nhau chế xương, chuốt xương cho đẹp và sắp vào một mặt chậu. Tôi còn nhớ là tôi thường được ngắm qua những kẽ hở của đám lá lan ướt át, bóng loáng, và những chuỗi búp non, cái khuôn mặt chữ điền trắng trẻo, thơ ngây, nổi bật giữa mái tóc đen nhánh. Và trên khuôn mặt ấy, cặp mắt bồ câu bừng sáng theo cái tỏa chiếu của những hạt nước long lanh đọng lại ở các ngọn lá nhấp nháy trong ánh nắng sớm. Tôi còn nhớ cả đôi môi nhỏ nhỏ thường mím chặt vào nhau, nhưng chừng như lúc nào cũng ướm sẵn một nụ cười. Cặp môi nhỏ nhỏ ấy, có một buổi sớm, đã thỏ thẻ với tôi qua những kẽ hở của đám lá lan:

- Ông của Lan thích hai chậu Tố Tâm này nhất, vì thế nào nó cũng nở đúng dịp Tết. Ông lại sẽ cho khuấy mạch nha, ướp hương lan một đêm để uống rượu. Anh đã ăn kẹo mạch nha ướp lan lần nào chưa? Thơm một cách dễ chịu lắm. Thế

nào ông cũng thưởng cho chúng mình. Chỉ còn nửa tháng nữa là đến Tết rồi, thích quá. Hai chậu lan Tố Tâm này mà nở thì đẹp tuyệt... đẹp hơn lan Bạch Ngọc nhiều.

Rồi cặp mắt bồ câu ấy nhìn vào đám lá lan với tất cả cái triu mến giống y như cái vẻ triu mến mà tôi thường bắt gặp trong mắt cụ Tú mỗi lúc cụ ngồi nhấp trà thơm dưới giàn lý ở sân sau, trầm ngâm nhìn những đóa hoa mới nở.

oOo

Khấp cả kinh thành nhộn nhịp hẳn lên vì cái Tết sắp đến. Chỉ còn có năm hôm nữa thôi. Mưa tuy chưa dứt hẳn, nhưng cái sầu lạnh, ủ dột của trời đất như đã muốn tan biến dần đi trong cái xanh non, tươi mát của cỏ cây và cái rục rờ, đông đảo, nhộn nhịp của phố phường đầy cả màu sắc mới mẻ...

Tôi đến nhà cụ Tú họ Nguyễn vào một buổi xế chiều. Tôi đến để xem chừng hai chậu lan Tố Tâm mà tôi và Bội Lan theo dõi mãi những sự thay đổi lâu nay. Không có một biến chuyển nhỏ nhặt nào lọt khỏi mắt chúng tôi. Nếu tôi vắng mặt ngày hôm trước thì hôm sau, vừa tới nơi, tôi đã được nghe Bội Lan báo cáo tíu tít về những gì đã xảy ra. Cụ Tú lắng nghe với cái mỉm cười âu yếm của một người ông nuông chầu.

Lần này, vì vắng mặt đến hai hôm, tôi chắc là Bội Lan đã có rất nhiều chuyện để kể lại với tôi. Một vài mầm non mới nhú chả hạn, một ngọn lá trở thêm hay úa đi, một vài cánh bướm màu sắc thế nào đó đã kinh qua, và biết bao nhiêu là những cái lật vạt ngộ nghĩnh, nên thơ khác. Tôi bước vào cổng với một buồng tim rạo rục vì cái Tết sắp đến và cả những gì sắp được nghe.

Nhưng vừa tới đầu sân, tôi đã sững sốt dừng lại. Trên thềm Bội Lan đứng dựa cột nhìn ra với bộ mặt buồn thiu.

Tôi chưa bao giờ được thấy gương mặt của cô bạn gái tôi nhàu úa ra như vậy. Tôi nghĩ tới một đóa phù-dung đang rũ xuống trong ánh nắng ban trưa. Tôi vội hỏi:

- Ôi Lan! Làm sao thế? Có việc gì vậy?

Lan bước vội xuống thềm, đưa tay vin một cành măng cầu, buồn bã nói với tôi:

- Ông bán...

- Ông bán cái gì?

Cặp mắt của Bội Lan chớp nhanh. Tôi thấy như Lan muốn khóc. Tôi hỏi lại:

- Sao thế? Ông bán cái gì?

- Bán cả hai chậu lan.

Tôi ngạc nhiên:

- Có lý nào? Lan nói đại. Chắc là ông nói đùa Lan cho vui đấy thôi. Đời nào ông chịu bán. Nếu bán thì đã bán ngay dạo trước rồi. Mà việc gì ông phải bán đã chứ?

Lan lại lắc đầu:

- Nhưng ông bán thật mà. Ông bán cho người hỏi mua lần trước. Anh không tin thì cứ vào phía sân sau mà xem.

Tôi liền rời Lan, chạy quanh ra phía sau.

Tuy Lan nói với giọng quả quyết, tôi vẫn còn ngờ. Tôi không thể nào tin được một chuyện lạ lùng như vậy, từ ngày tôi đã cảm thấy lòng yêu hoa như cụ Tú và tính khí của cụ. Một người như cụ không thể nào vì túng tiền, cần tiền mà bán hoa. Sự túng thiếu dù đến mức độ nào cũng không thể đè bẹp được lòng tự ái, kiêu hãnh của một người nặng về đời sống tâm thuật như cụ. Bán hoa đối với cụ là cả một cái nhục trong đạo yêu hoa. Huống nữa là bán hai chậu hoa quý nhất, hai chậu hoa mà cụ và cháu cụ đã tốn bao công phu chăm sóc, gò gẫm cho kịp được thưởng hoa vào dịp Tết, hai chậu hoa mà cụ đã gửi vào đó một phần hồn, nâng

niu, cung dưỡng như mẹ đối với con. Hơn nữa, tuy nghèo, nhưng với đức tính tiết kiệm và sự dự liệu mọi việc chi tiêu trong gia đình đâu vào đấy cả, nên cụ Tú không bao giờ phải bị thiếu hụt dầu không dư dả, trừ những biến cố bất thường. Mà trong vòng mấy tháng nay, có một biến cố nào xảy ra trong gia đình cụ Tú đâu? Tôi ngờ chừng Lan đã nghe lầm hoặc cụ Tú nói đùa với cháu gái.

Nhưng vừa ra đến sân sau, tôi lại càng sửng sốt hơn khi nghe được những câu đối thoại giữa cụ Tú và một người đàn ông lạ mặt. Người đàn ông tuổi độ năm mươi, mập núc ních như một con lợn ú trong chiếc áo đoan căng thẳng gần muốn nứt cả đàng chỉ. Lão có một cái bụng phệ trông cũng khá cân xứng với bộ mặt phì nộn đến híp cả mắt. Vừa thở ành ạch lão vừa nói:

- Thưa cụ, giá bạn trước cụ đồng ý cho thì hay quá. Cụ vừa được tiền mà tôi... dạ tôi cũng được việc. Bây giờ thì dạ... dạ thưa cụ... tôi không thể nào, dạ không thể nào giữ y giá cũ được.

Cụ Tú hơi nhú mày:

- Thế thì ông định bao nhiêu?

- Dạ... hi... hi... dạ tôi đến đây là vì... dạ tôi nể lời cụ nhắn. Chứ dạ thưa có cụ, tôi không muốn mua. Số là... dạ vì dạo trước cụ từ chối, tôi đã phải tìm mua nơi khác... dạ.

Lão lại thở ành ạch rồi nói tiếp:

- Hi... hi... dạ thưa thiệt với cụ, nếu cụ cho được giá rẻ thì dạ... hi... hi... dạ tôi cũng gắng lấy cho vui. Dạ còn như giá cũ thì... dạ thưa cụ... xin thưa để cụ chơi.

Vừa nói xong, người đàn ông lạ mặt nhe cả hai hàm răng gồ ghề, vàng khệnh ra mà cười. Nhìn cái diện mạo và cách ăn nói của lão tôi đâm ra ghét cay, ghét đắng. Tôi biết lão “dạ” nhiều là chỉ vì một thói quen của hạng người hay vào

luồn ra cúi chồn quyền môn, chớ không phải vì lão nể nang cụ Tú. Ngay ở gương mặt lão lúc này, tôi nhận thấy cái vẻ đắc chí hí hửng và mặt dầu tôi còn nhỏ, tôi cũng không lạ gì mà không biết lão cố nói xỏ ông cụ để trả cái thù bị đuối khéo hôm trước. Tôi cứ lo ngay ngáy rằng cụ Tú nổi dóa lên. Nhưng lạ một cái là cụ vẫn điềm tĩnh. Tôi thấy cụ cắn chặt môi dưới một lúc, rồi thong thả nói:

- Ông muốn bao nhiêu cứ định lại đi. Tôi xem được thì tôi để cho.

Người đàn ông lại vác cả bộ mặt phì nộn lên, cổ nhướn cặp mắt lơnh nhìn ông cụ:

- Dạ... thưa cụ, hi... hi... dạ cụ dạy cho thì hơn. Tôi khó nói quá.

Cụ Tú vuốt râu, nhìn qua hai chậu lan:

- Tôi bớt cho ông năm “trụ”. Thế là nhiều lắm rồi. Chỉ vì có chút việc cần mà tôi phải chiều ý, chứ không thì...

Người đàn ông mua hoa nhe răng ra cười:

- Dạ, dạ thưa cụ... quả có thế. Nhưng người như... dạ quý cụ thì có bao giờ nghĩ đến chuyện bán hoa. Hi... hi.. cũng may là cụ có việc cần nên chúng tôi, dạ chúng tôi hi... hi... mới được... dạ mới được cụ gọi đến... Nhưng dạ thưa cụ, dạ thưa cái giá đó còn đắt quá, mà dạ có kéo dài thêm nữa, dạ có kéo dài thì ra cái chuyện không phải với cụ. Thôi thì dạ thưa cụ tôi xin lui... dạ...

Cụ Tú nhìn sững người đàn ông. Mặt cụ hơi ửng đỏ và môi dưới càng được cắn chặt thêm. Chùng như cụ không muốn nói nữa. Nhưng đến khi lão vái chào bước ra, cụ Tú bỗng đặng hắng, rồi bảo:

- Thôi thì bớt ông đủ chục đấy.

Người mua hoa đứng lại:

- Dạ, hi... hi... Thôi thì xin gởi cụ... dạ xin gởi cụ ba chục.

Nếu cụ bằng lòng thì dạ... dạ...

Cái ủng đỏ của sắc mặt cụ Tú chuyển vội ra thành màu bầm tái. Qua cặp mắt cụ, hơi ngược lên phía sau cặp kính trắng, tôi nhận thấy cả một sự tức tối, phẫn uất, khinh bỉ và đau đớn bị dồn ép lại trong buồng tim già ấy. Cái thái độ khinh bạc thô lỗ của con người hèn kém đứng trước mặt kia đã làm tổn thương lòng kiêu hãnh của cụ một cách quá sức nặng nề. Bàn tay cụ run lên khi với lấy bao diêm cạnh đấy. Tôi nghe cả một tiếng thở dài khe khẽ:

- Thôi thì cũng được. Ông cứ chờng tiền mà lấy.

Ngay bên tai, cái giọng nói hằn học của người đầy tớ già:

- Quân đểu giả thật. Nó vẫn cần muốn mua lắm chứ. Lần trước nó nài nỉ cụ nhà thiếu điều lay. Gặp dịp này nó lại trở lại eo sách. Biết là hạ xuống nữa ông cụ không bán, chứ không thì nó cũng còn bớt thêm.

Khi người mua hoa đã chở hai chậu lan đi rồi, cụ Tú tựa mình vào chiếc ghế dựa, ngồi yên lặng như một pho tượng. Cụ nhìn vào xấp bạc trong khay trầu rồi quay mặt ra ngoài, gục vàng trán vào lòng bàn tay. Một tiếng thở dài nảo nuốt từ từ buông ra. Tôi thấy người cụ tựa hồ gãy gập đi.

Từ ngoài, Bội Lan chạy vào đứng bên ông cụ. Nàng nhìn ông nằng, nhìn xấp bạc, rồi nhìn về phía để hai chậu lan lúc nãy, Bội Lan khóc thút thít:

- Thế là Tết này mất vui rồi. Tết này ông hết chơi lan rồi. Tại sao ông bán?

Ông cụ bỗng quắc mắt, nhìn cháu:

- Cả một xóm bị cháy, chờng người ta chết, cha người ta chết, nhà cửa người ta bị thiêu ra tro cả, vui cái gì nữa. Trong chỗ lân lý có chuyện buồn như vậy, còn vui cái gì!

Rồi như thoáng thấy tôi, ông cụ ngồi thẳng người lên:

- À, cậu Ngọc. Hay lắm. Cậu đi đây với bác. Lan đưa dù,

đưa gậy cho ông. Đứng khóc nữa.

Cụ Tú lấy cái khăn nhỏ, gói cả xấp bạc bỏ vào túi, chống gậy ra sân, ra ngõ.

Tôi theo sau cụ. Chiều cuối đông. Trời không mưa nhưng gió lạnh lên nhiều. Chúng tôi cùng theo con đường đất đỏ vào phía xóm cuối phường. Tôi đã hiểu rõ ý nghĩa của việc bán hoa. Cách đây ba hôm, xóm dưới này phát hỏa. Có hai người bị chết, bốn năm gia đình bị cháy sạch cả nhà cửa.

Vừa đi cụ Tú vừa bảo tôi:

- Tội nghiệp Bội Lan. Nó khóc cũng phải. Nhưng biết làm thế nào. Cái thú chơi hoa là cái thú để di dưỡng, tinh luyện tâm hồn chứ có phải chơi hoa để ích kỷ đâu. Cái đạo yêu hoa phải đưa những kẻ được nhập diệu đến đến cái đạo yêu người. Hoa có bao giờ ích kỷ đâu. Hương đây, sắc đấy, hiến hết cho đời rồi chết. Tạo hóa đã khéo gói ghém cái ý nghĩa của sự sống trong lòng hoa. Yêu hoa mà quên yêu người là quái gở...

Cúi xuống lượm một nhánh gai rơi giữa đường đi, vất vào hàng rào xong, cụ Tú lại rảo bước và tiếp:

- Mấy hôm nay bán khoản mãi đêm nằm không yên giấc, vì những nạn nhân trong phường. Nhưng lúa tháng giêng, tiền tháng chạp, biết làm sao cho có số tiền lớn kịp thời nếu không chịu bán hai chậu lan ấy. Bán hoa đã là một cái nhục. Lại gặp phải những hạng tiểu nhân nó lên mặt eo sách mình càng nhục thêm. Nhưng mà nhục cũng phải bán. Kể ra vác gậy mà đuổi nó ra khỏi cửa là một việc dễ quá. Nhưng rồi những đứa con không cha, vợ góa chồng, sẽ lấy gì mà ăn... Bán hai chậu lan buồn nẫu cả lòng đi. Buồn như buồn người chết. Con Bội Lan nó khóc là phải. Nhưng để người ta khổ, mình ngồi yên làm sao được mà ngắm hoa đã chớ!

oOo

Mười mấy năm trôi qua nhanh. Cụ Tú họ Nguyễn hiện giờ đã là con người thiên cổ. Bội Lan cũng vậy. Cảnh thiên hương đã gãy vào cái tuổi mười tám. Người đầy tớ già có lẽ cũng đã theo chủ mà về thế giới bên kia. Họ đã qua hết, họ rủ nhau đi hết. Cả ngôi nhà cũng đã biến dạng và vườn hoa đã tàn rụi dâu ròi. Tuy vậy, đứng trước cái cảnh dâu bể, trong những gì đã đi qua, đã lùi vào quá khứ, đã biến đổi, đã tan rã, tôi vẫn thấy còn lại trong tôi một cái gì không bao giờ qua, không bao giờ mất.

Và chính vì cái gì không mất ấy mà hôm nay tôi thấy cần phải thức suốt đêm, để chép lại câu chuyện hai chậ lan trong một vườn hoa cũ.

SONG LINH BỨC TRANH

Tôi lấy nhà tôi được gần ba năm thì nhà tôi mất mang theo cả đứa bé hơn ba tháng ở trong bụng. Để lại cho tôi đứa con riêng của nàng mới bốn tuổi. Nàng mất đạo ấy nhằm vào một mùa đông giáp Tết, nhưng có khác là năm đó lạnh hơn nhiều. Tôi nhớ rõ lắm, đêm hôm ấy cũng là đêm ba mươi Tết như đêm nay, nàng giật lên một cơn dữ dội rồi trút hơi thở cuối cùng. Tôi vượt mất cho nàng trong khi chiếc đồng hồ trên tường rè rè điểm đúng mười một tiếng - chỉ còn một giờ nữa là thiên hạ đón giao thừa. Nhưng có lẽ cái xóm lao động nghèo nàn tôi ở, họ không còn nhớ đến xuân, hay nói khác đi, họ không cần xuân cũng được. Xuân đối với họ cũng chỉ là những ngày thường, có khi còn khổ hơn là khác. Họ vẫn ngủ kỹ. Tôi nhìn qua khe cửa, ngoài sân đen như một đĩa mực tàu. Anh còn lạ gì cái đêm củ mật đen tối nhất

trong năm như đêm nay, mình tôi ngồi bên xác vợ trước những ngọn nến vàng chập chờn cháy không đủ soi sáng cho căn nhà tối om. Tôi đau khổ nhìn nhà tôi, lòng tan nát tưởng có thể lịm đi được, rồi tôi gục xuống xác nàng khóc nức nở như một đứa trẻ.

Bên ngoài tiếng mưa tí tách rơi trước mái tranh tôi nghe buồn như chính mưa rơi trong lòng mình. Gió nhẹ và lạnh lùa vào khe cửa rét tê, làm những ngọn nến ngả rạp xuống như muốn tắt.

Tôi cố lắng cả giác quan vào yên tịch của đêm đen để thông cảm với linh hồn nàng. Chỉ thấy da nàng toát lạnh. Mùi tử khí phát ra từ người nàng, khiến tôi có cảm tưởng là hương thơm của da thịt, những khi tôi mê man ôm nàng vào lòng ân ái. Và không hiểu sao lúc ấy tôi tưởng nàng vẫn sống. Tôi nhớ tới những lúc nàng giặt quần áo cho tôi mệt mỗi nằm nghỉ trên giường, tôi thường ngồi ghé bên cạnh an ủi và hôn lên miệng nàng. Nghĩ vậy, quên cả sự chết của nàng, tôi ôm chặt lấy xác nàng gọi không ra tiếng và môi tôi tìm môi nàng, cặp môi lạnh lẽo như một miếng thịt ướp. Nàng vẫn trơ trơ không nhúc nhích. Thì ra chỉ có tôi còn sống, mà nàng thì đã là một cái xác.

Nhà bên cạnh có tiếng võng đưa như tiếng nghiêng rặng của người ngủ mê quen tậ. Tôi rùng mình ngẩng lên nhìn nàng chăm chặp không hề chớp mắt. Lại có tiếng ngái ngủ ru con òi ơi từ xa vọng lại náo nề. Đêm dài quá anh ạ. Trên trần nhà một vài con mối đuối nhau qua các ô mành nhện bị gió lay động.

Lúc ấy tôi đã bình tĩnh lại. Tôi trù mển cố tìm lấy một hình ảnh duyên dáng trên khuôn mặt của nàng, nhưng hết rồi anh ạ. Nàng đã đánh mất cả vẻ đẹp ngày trước hay đúng hơn thì bệnh tật đã cướp hết sắc đẹp cùng với linh hồn

nàng về cõi chết. Và bây giờ thì nàng đang ngủ trong lúc chúng ta nói chuyện về nàng.

Nàng ngủ mãi và giấc ngủ của nàng không còn mộng mị.

Tôi quên không nói với anh là nàng chết vì bệnh *tétanos*, nên thân người thì vàng và gầy như một cành cây cằn cỗi, chân tay bé như cẳng gà, những bắp thịt nẩy nở trước kia không hiểu hao mòn đi đâu mà nhanh chóng quá. Đặc biệt nhất, khuôn mặt khả ái của nàng ngày xưa tròn trắng, thì lúc ấy sao nó nhăn nheo và vàng như da quả xoài chín nẫu. Miệng nàng qua những cơn giật kinh khủng méo đi. Trông xấu và đáng thương đến ghê sợ. Anh còn lạ gì tôi nữa - con người lãng mạn lúc nào cũng quý mến và tôn trọng cái đẹp tuyệt đối, mà thấy nàng xấu đi một cách ghê sợ hẳn phải đau khổ đến bực nào. Mà đau khổ thì sinh ra nghĩ ngợi nhiều. Quả tình tôi nghĩ cần phải làm nàng đẹp lại trước khi đưa nàng tới nơi an nghỉ cuối cùng. Chắc anh cho tôi điên, nhưng không đâu, tôi tỉnh lắm, có tỉnh mới nhớ ra cây hồng của nàng trồng đằng sau nhà trước kia, bây giờ đã có mấy hoa. Tôi để xác nàng nằm ngủ với những cây nến thức đang khóc. Rồi cầm chiếc đèn hoa kỳ, tôi mở cửa lần ra ngoài mưa tìm đến gốc cây hồng, hái một bông hoa vừa độ nở. Anh có thể đoán tôi sắp làm gì rồi. Phải, sau khi hái hoa, tôi khép cửa lại, đuổi gió lạnh ra đêm đen, rồi vào đặt bông hoa lên miệng nàng. Bông hoa còn đọng sương đêm và nước mưa, trông mịn và đỏ thắm như nàng thoa son ngày trước. Rồi không hiểu vì còn tươi nhựa sống hay vì hơi nóng của nến, hoặc vì sinh khí còn đọng ở miệng nàng mà bông hoa cứ từ từ nở ra anh ạ. Nếu không nở thì cũng có thể lúc ấy óc tôi bảo tôi rằng hoa nở.

Tôi nhìn hoa nở có cảm tưởng nàng đang cười trong khi ngủ mơ, và lúc đó vành môi méo của nàng không còn ám

ảnh tôi nữa. Tôi có đủ bình tĩnh để thương tiếc nàng và để tưởng tượng. Trước ánh nến lung linh tôi thấy mắt nàng chớp, rồi chân tay nàng cử động thật.

Tôi sung sướng quá cúi hôn nhẹ lên môi hoa của nàng, tự nhiên tôi liền tưởng tới hình ảnh thanh tịnh ngày còn nhỏ. Khi ông tôi lược xong một con gà vàng ngậy, đặt lên mâm xôi trắng dẻo đem ra đình lễ, lại sai tôi ra vườn hái một bông hoa hồng gài lên mỏ con gà cho đẹp. Cái ý nghĩ ngộ nghĩnh ấy chỉ kịp thoáng qua trong tâm hồn chất đầy đau khổ của tôi, như một tia sáng lóe giữa vòm trời lúc giông bão rồi biến ngay. Tôi chỉ còn biết thương tiếc nhà tôi thôi. Con người khi yêu thiết tha bao nhiêu thì lúc thương nhớ lại càng nặng bấy nhiêu. Tôi không hôn nàng nữa, mà ngồi ủ rũ nhớ lại kỷ niệm ngày thơ ấu của tôi với nàng. Mắt tôi khô lệ nhưng còn những ngọn nến và cái xác nàng in sâu trong ấy. Cuốn phim ký ức quay lại dứt đoạn trong tiềm thức tôi. Xa xa tiếng pháo đón xuân tung bùng nổ, tiếng chiêng trống ở miếu đình và tiếng chuông nhà thờ rung lên dồn dập vọng đến tai tôi.

oOo

Ngày ấy, xa lắm rồi, bây giờ chỉ còn là một hình ảnh rất mờ, khó mà nhớ hết được. Nhưng tôi cố nhớ để nói cho anh nghe.

Cách đây hơn mười lăm năm, tôi còn là một đứa bé lên tám, đầu tóc mượt mà, mặt mũi chân tay trắng trẻo. Tính tình ngoan ngoãn dễ yêu, học lớp ba trường làng - gọi là trường làng cho tiện chứ thực ra quê tôi ngày ấy chưa có trường. Nhân gặp loạn lạc, một gia đình người Hà Nội, có hai ông bà già với một cô con gái mười sáu tuổi, tản cư về xóm tôi, rồi mua lại cái nhà lá của bác tôi để trú thân. Trong thời gian khói lửa, của cải đem đi không được bao nhiêu,

mà lại ngồi không ăn tiêu hàng mấy năm trời, chẳng mấy lúc gia đình ấy trở nên túng bấn hơn gia đình chúng tôi.

Hắn vì cũng có ít chữ nghĩa, cô con gái liền mở trường dạy học để giúp gia đình độ nhật. Bởi thế, tôi được tiếp tục học lại lớp ba (trước kia tôi đã học lớp ba nhưng bỏ dở). Nhà tôi ở sát cạnh nhà cô giáo, nên cứ đến giờ ra chơi là tôi lại chạy về nhà vòi mẹ quà bánh. Trong số hơn hai chục đứa học trò chỉ mình tôi là được cô giáo yêu mến hơn cả. Cô coi tôi như em cô, trái lại, tôi cũng mến cô như chị ruột. Mỗi khi đi đâu về, cô thường mua kẹo gọi tôi sang cho, hoặc có thức gì ngon cô cũng để dành phần cho tôi. Đôi khi tay tôi bẩn mực hay lấm đất cát, cô bắt tôi đi rửa sạch rồi mới cho. Cũng có lần cô cầm tay tôi lâu lắm rồi nhìn vào mặt tôi cười yêu mến. Tôi cảm thấy một cái gì khác lạ nẩy nở trong tâm hồn non nớt của tôi, và từ đấy tôi thích được cô giáo cầm tay. Tôi thích thì tôi lại càng cố ý nghịch ngợm đất cát để cô giáo săn sóc đến tay tôi. Có một chiều tôi cùng cô đi chơi trên bờ sông Tiên. Gió mặt sông đưa lên mát rượi. Trong bóng chiều vàng nhạt, tôi thấy tóc cô bay quyen vào cặp mắt đẹp, mắt cô có vẻ mơ màng. Có lẽ lúc ấy cô không nghĩ đến tôi đang đi cạnh, cô nghĩ đến một sự gì khác lạ. Tôi hơi tức, giả vờ ngồi xuống phụng phịu gọi cô:

- Cô ơi! Dắt em mấy, em mỏi chân rồi.

Cô ngảnh lại, cầm tay tôi cười nói:

- Con trai sao yếu thế, thôi đi cô dắt.

Rồi nhìn bàn tay tôi cô nói tiếp:

- Từ giờ em phải rửa tay sạch sẽ nhé, nếu không cô không yêu nữa đâu.

Tôi yên lặng gật đầu, cô đập nhẹ tay tôi rồi nói:

- Sao em không lớn như cô nhỉ?

Câu nói ấy mãi tới sau này tôi mới hiểu. Song ngày ấy

trí non nót của tôi chỉ bảo tôi ngoan ngoãn yên lặng, mà không hiểu ý nghĩa của nó. Từ đó tôi chịu khó rửa tay lắm, nhưng thỉnh thoảng vẫn bị mực dây vào. Cô giáo ngày nào cũng khám tay học trò, trông thấy tay tôi bẩn lại bắt tôi giơ bàn tay nhỏ bé ra thưởng cho mấy thước đau quắn. Đánh xong, cô làm mặt giận nói với tôi:

- Nếu Nguyên còn nghịch bẩn nữa thì nhất định cô không chơi với nữa đâu.

Tôi vâng lời, và càng ngày càng yêu cô hơn. Đêm ngủ tôi thường mơ thấy cô cười.

Nhưng bỗng một hôm cô không đi chơi với tôi nữa, cô đi một mình và mặc cả áo dài màu xanh da trời. Mặt cô hình như có phấn hồng, tóc cô chải mượt bằng lên khác với ngày thường. Trước tôi cứ tưởng cô đi đâu có việc nên không đòi theo, sau thấy chiều nào cô cũng đi ra phía cánh đồng. Tôi buồn bã đứng tựa gốc khế nhìn theo, thì lạ thay, khi cô gần đến ngôi mả xây trên cái gò cao có cây mọc xanh um, lại có một người mặc quần áo tây chạy ra đón. Rồi hai người dắt tay nhau đi khuất vào ngôi mả. Tôi đứng lặng nghĩ ngợi, phục cô không sợ ma, dám ra đấy chui vào mả người ta. Tôi cho cô có phép lạ, chứ có biết đâu cô đến đó ngồi ân ái với tình nhân. Khi ấy, tôi chỉ nghĩ tức bực cô đã cầm tay kẻ khác mà không cầm tay tôi nữa. Tôi rình mãi đến khi chiều tắt sau những gò đồng trên cánh đồng mới thấy cô về. Trong những đêm trăng sáng, tôi đem chuyện đó ra nói cho chúng bạn nghe. Chúng nó bảo hay cô giáo là ma. Từ bấy giờ tôi cứ sờ sợ cô thế nào ấy. Mãi sau này tôi mới biết cô có người yêu. Nhưng hồi đó cô đã về thành rồi. Tôi nhớ có lần cô ở ngoài đồng về gặp tôi, tôi hỏi cô đi đâu mà ra đấy thì cô ngập ngừng bảo:

- Em còn bé không được tò mò, sau lớn sẽ hay.

Nói xong cô sợ tôi tủi thân nên lại cầm tay tôi âu yếm:

- Giá em lớn bằng cô thì thích nhỉ.

Tôi ngây thơ trả lời:

- Thế thì em phải ăn bốn bát cơm cho chóng lớn cô nhỉ.

Cô cười hỏi:

- Thế mỗi bữa Nguyên ăn mấy bát?

Tôi khẽ đáp:

- Mỗi bữa Nguyên ăn ba bát đầy ụ.

- Ừ, Nguyên phải ăn nhiều, ăn bốn bát thì mới chóng lớn như cô được.

Rồi cô dắt tay tôi yên lặng bước đi. Trăng thượng tuần sáng mờ mờ cong như cái lưỡi liềm treo trên ngọn cây gió động. Cô nhìn trăng giọng buồn buồn bảo tôi:

- Thế nhớ cô đi nơi khác thì Nguyên có nhớ cô không?

Tôi đáp:

- Nguyên có nhớ, cô cho Nguyên đi theo.

Cô cúi xuống hôn tôi:

- Nguyên ngoan lắm, thôi về học bài đi, mai cô mua kẹo cho.

Quãng ngày thơ ngây vui tươi ấy chỉ ở với tôi có gần một năm thôi. Rồi bỗng một hôm - một hôm ngoài Tết, khi những lá đào trước cửa nhà cô và nhà tôi bắt đầu rụng lác đác xuống sân - tôi thấy nhà cô có nhiều người ra vào tấp nập, và xác pháo nhuộm đỏ cả thềm. Giữa khói pháo quện khói hương tản mạn bay, có một toán người ăn mặc sang trọng rước cô ra khỏi đầu làng, rồi đi xa và khuất hẳn. Người trong làng ra xem đông lắm. Họ bảo cô đi lấy chồng.

Cô đi rồi, ngày hôm ấy tôi buồn lắm, chẳng thiết gì cả, và đêm đêm tôi úp mặt vào chăn khóc ẩm ức.

oOo

Ngày qua, năm tháng qua. Tôi đã thành một họa sĩ. Một

hôm đang đi phố, tôi bỗng gặp một thiếu phụ đầu chít khăn tang, nét mặt nàng trông gầy xanh nhưng thanh tao trong sáng lắm. Một hình ảnh xa xôi chợt thức dậy trong tiềm thức tôi, tôi ngờ ngợ đứng lại nhìn nàng. Nàng cũng ngỡ ngàng nhìn tôi, rồi nhận ra tôi trước, nàng khẽ gọi:

- Cậu Nguyễn, cậu có nhớ tôi không?

Tôi gật đầu sung sướng:

- Kìa cô giáo!

Cô cười nói:

- Dễ thường đến hơn mười lăm năm rồi còn gì!

- Vâng xa quá rồi, không ngờ tôi lại còn gặp cô.

Lúc ấy thì chúng tôi đã xưng hô với nhau khác rồi anh ạ. Cô gọi tôi bằng cậu chứ không bằng em như hồi còn là học trò lớp ba của cô nữa. Trái lại, tôi vẫn gọi cô bằng cô nhưng đã xưng tôi.

Gặp nhau, chúng tôi mừng quá, đem tất cả những chuyện xưa cũ kỹ ra kể cho nhau nghe. Chúng tôi nói liên miên không đâu vào đâu. Sau tôi hỏi thăm chồng cô, cô buồn rầu bảo:

- Nhà tôi mất đã hơn năm nay.

Tôi lại hỏi:

- Thế bây giờ cô làm gì?

Cô thở dài nhẹ nhẹ, trả lời chán nản:

- Cũng chưa biết nên làm gì.

Sau nửa buổi hàn huyên, bấy giờ trời đã về trưa, cô vội từ giã:

- Thôi xin phép cậu, tôi phải về không cháu bé ở nhà mong. Hôm nào có rỗi cậu lên chơi. Tôi ở số... phố hàng Đào.

Qua buổi gặp gỡ, thỉnh thoảng tôi lại đến thăm cô giáo cũ của tôi, và thỉnh thoảng khi tiện đi đâu cô cũng tạt qua

thăm tôi. Có lần tôi dẫn cô vào phòng vẽ, chỉ cho cô xem những họa phẩm mới sáng tác của tôi. Cô nhìn tôi có vẻ thán phục lắm - hẳn cô cũng nghĩ không ngờ một đứa học trò nhỏ bé của cô khi xưa nay lại tài hoa đến thế. Tôi để ý thấy mắt cô buồn và đẹp một cách lạ lùng.

Cứ thế chúng tôi càng ngày càng chăm đi lại thăm nhau, và những tác phẩm mới của tôi hầu hết vẽ về cô. Những cái nhìn cũng bắt đầu đổi khác. Có một dạo chúng tôi thấy cần gặp nhau luôn, mỗi ngày ít ra phải một lượt, nếu không thì cảm thấy mình như thiếu thốn một sự gì, và bứt rứt khó chịu lắm.

Anh có thể tin rằng tình yêu đã đến với chúng tôi không. Đúng vậy, một lần tôi đánh bạo hỏi nàng:

- Cô có tin là ái tình có thể vượt khỏi tuổi tác không nhỉ?

Nàng ngập ngừng bảo tôi:

- Như cậu thì không hiểu, chứ theo tôi thì ái tình không cần phải phân biệt gì cả.

Tôi sung sướng tiếp thêm:

- Tôi cũng nghĩ vậy, tình yêu là thứ tình do chính tim con người rung động. Tuổi tác và ngoại vật chỉ là phần phụ nhỏ mọn.

Nàng yên lặng trong khi tôi lấy hết can đảm nói một câu:

- Cô có thể tin rằng ở đời này, có ai là học trò mà lại yêu cô giáo không?

Nàng cười gượng đáp:

- Thế là thường.

Lòng tôi rung động, mắt tôi nhìn miên man lên mặt nàng, như muốn thối miên nàng, cắn ngấu nghiến cái vẻ đẹp hiền dịu và uống hết lời nói trong trẻo của nàng. Tôi khẽ tỏ lộ với nàng:

- Hiện giờ tôi đang tha thiết yêu một người đàn bà, mà

người đó chỉ ngồi cách tôi không đầy nửa thước.

Nàng cảm động chớp mắt:

- Có thể người đó cũng yêu lắm.

Dứt lời nàng vội vàng đứng dậy lăm lăm:

- Chúng ta hiểu cả rồi.

Thế rồi không đầy nửa tháng chúng tôi lấy nhau thật. Tôi lấy cô giáo đã dạy tôi - nàng hơn tôi tám tuổi - và bây giờ nàng đã chết.

Hiện nay lòng tôi vẫn không sao nguôi được sự thương tiếc đau khổ. Càng thương tiếc bao nhiêu thì tôi lại càng hối hận mình đã tệ bạc với nàng bấy nhiêu, mặc dù sự đó chỉ là một điều nhỏ mọn. Có gì đâu anh, chúng tôi lấy nhau được hơn hai năm thì một buổi trưa, tôi đang mơ màng ngủ, bỗng nghe thấy nàng thì thào mắng đứa con riêng của nàng:

- Tâm, ai bảo con dám vẽ bậy vào tranh của cậu thế kia, cậu dậy bây giờ thì chết.

Tôi giật mình mở choàng mắt rồi vội vàng chạy ra xem. Bức tranh mà tôi ưng ý nhất đang vẽ dở bị thằng bé bôi đầy cả mực lên. Tôi cúi quá vớ lấy thanh thước vút cho thằng bé mấy cái quẩn đít. Nó đau quá khóc òa lên, mẹ nó chạy lại vội ép nó vào lòng rồi nói nựng:

- Ai bảo con nghịch dại, thôi nín đi. Ra xin lỗi cậu mau không cậu đánh chết bây giờ.

Tôi quát lên:

- Không tội lỗi gì cả, ngồi chường xác ra mà thấy nó nghịch cũng cấm khẩu không thềm bảo nó.

Nàng chớp mắt rồi giơ tay khẽ phân trần:

- Em đang bận giặt quần áo ở dưới nhà, lúc lên thấy con nó đã nghịch rồi, thôi con nó bé trót dại, cậu tha cho nó.

Tôi lại càng tức giận, mà không hiểu sao lúc ấy cơn tức ở

đâu lại đến với tôi đột ngột đến thế. Hay vì nàng là đàn bà nên tôi làm già. Thật chỉ tài bất nạt vợ.

Tôi mắng nàng:

- Thôi đừng bênh nó nữa, làm hỏng cả bức vẽ công trình của người ta. Có mấy bộ quần áo thì ngồi chảy thây ra mãi chẳng xong; dẫu nó cút đi đâu thì đi đi.

Nàng ngọt ngào xin lỗi tôi mãi không được đành ngồi ôm mặt khóc thút thít. Thằng bé thấy vậy cũng nem nép vào cạnh mẹ. Như mọi khi, có lẽ tôi đã nguôi và xin lỗi nàng rồi, song lần ấy thấy nàng khóc tôi lại càng tức lộn ruột. Tôi cho rằng đàn bà chỉ được cái thói lấm mồm mau nước mắt. Con tức thường xui người ta đến chỗ mù quáng, nên tôi thấy cái gì nàng cũng lỗi, và bạ cái gì tôi cũng có thể đem ra xỉ vả nàng. Rồi không hiểu mình điên đến độ nào mà tôi giơ thẳng tay tát mạnh vào mặt nàng một cái. Nàng ngã chúi đi xong lại lồm cồm bò dậy búi lại mớ tóc. Tôi thấy nàng nước mắt vòng quanh lại càng tưởng mình có lý. Mà quái lạ lúc ấy trông nàng sao lại dơ dáng đến phát ghét lên được. Tôi nhục mạ nàng thậm tệ:

- Đồ ăn bám, đồ thừa thãi, biết điều thì cuốn gói xéo đi, đừng ngồi đấy trông dơ mắt lấm.

Nàng chỉ ôn tồn bảo tôi:

- Nếu cậu không thương mẹ con em nữa, mẹ con em xin đi nơi khác, cậu không cần phải nhieếc mắng mẹ con em nhục nhã đến thế.

Tôi vào nhà lấy mũ rồi đi vội ra đường. Trước khi đi tôi còn nói:

- Muốn sống lấy sơn trắng quét trả lại bức vẽ đi, rồi muốn đi đâu thì đi.

Ra ngoài đường một lúc, cơn giận của tôi bớt hẳn. Bấy giờ tôi mới cảm thấy mình tệ bạc quá. Tôi hối hận quay

về. Trên đường tôi bước nhanh như kẻ ăn cắp, bụng nghĩ thầm chỉ sợ nàng đi mất. Về đến nhà tôi thấy nàng đang cúi húi cầm *pinceau* quét sơn lên tấm tranh. Tôi treo mũ lên mắc, lòng cảm thấy ngượng ngập thẹn thùng. Mãi một lúc lâu tôi mới làm lành với nàng:

- Con đi đâu rồi em?

Nàng ngược nhìn tôi, mắt vẫn còn ngấn lệ:

- Con nó chơi ở dưới bếp.

Tôi ra đóng cửa lại, rồi vào cầm lấy tay nàng khẽ bảo:

- Thôi để anh vẽ lại, em mệt đi mà nghỉ.

Nàng ấp úng như người nấc:

- Để em sơn lại giúp anh.

Tôi giằng lấy bút vẽ quăng xuống đất, rồi cúi xuống bế bổng nàng lên đặt xuống giường, tôi ngồi vuốt lại tóc nàng, xin lỗi:

- Lúc nãy anh quá nóng, em tha thứ cho anh.

Nàng chớp mau cặp mắt, rồi tủi thân khóc thút thít. Tôi cúi xuống hôn nhẹ lên má nàng:

- Thôi, Hà ơi, anh nhận lỗi rồi, từ giờ anh không nóng nữa. Em có còn yêu anh không?

Nàng yên lặng nghẹn ngào, rồi từ từ quay ra cầm chặt lấy tay tôi đặt lên ngực, đoạ khẽ hạ hàng mi ướt lệ gạt đầu.

Từ giờ phút đó trở đi chúng tôi càng yêu nhau tha thiết hơn. Nhưng nào cuộc đời có êm đềm mãi mãi. Tình yêu và hạnh phúc ấy chỉ cho chúng tôi hưởng rất ngắn.

Chẳng bao lâu nàng bị bệnh rồi mất. Khi mất nàng không nói với tôi được nửa lời. Nàng mất được độ ba bốn tháng thì cháu Tâm cũng bị bệnh, có lẽ nó nhớ mẹ nó. Tôi lo lắng chạy chữa mãi mới khỏi, nhưng lúc khỏi cháu lại bị cấm khẩu không nói được nữa. Năm nay cháu lên bốn, chỉ còn bốn năm nữa là cháu học lớp ba như tôi ngày xưa. Và nếu

nhà tôi còn sống thì Tết năm nay nàng vừa đúng ba mươi tư tuổi.

Bây giờ lắm lúc ngồi thương tiếc lại chuyện cũ, tôi thấy mình hối hận không thể tưởng được.

Có khi tôi nghĩ và ước ao mình bé lại làm cậu học trò lớp ba ngày xưa, hay nghịch bấn để nàng cầm lấy tay mà đánh cho mấy thước kẻ, như tôi đã đánh cháu Tâm hôm cháu làm hỏng bức tranh.

SƠN NAM
TÌNH NGHĨA
GIÁO KHOA
THƯ

Từ đây tới nhà ông Trần Văn Có gần hay xa vậy thầy?

Thầy xã trưởng đáp:

- Ở xóm Cà Bậy Ngọt lận! Để tôi ra lệnh cho phó hương ấp đòi tên đó tới công sở...

Thầy phái viên nhà báo "Chim Trời" giật mình.

- Tôi là phái viên, đâu có quyền hạn đó đối với quý độc giả thân mến gần xa.

Thầy xã hỏi:

- Phái viên là gì vậy thầy?

- Là người thay mặt cho tờ báo đi cổ động và thu tiền.

- À! Bây giờ tôi mới biết cái thằng Tư Có. Nó thiếu tiền của nhà báo hả? Hèn chi nó bơi xuồng lên công sở lãnh báo, đúng bảy bữa là có mặt nó. Nghèo không biết thân lại còn bày đặt làm sang mua báo không trả tiền!

Thầy phái viên cố nén sự bực tức khi nghe người độc giả thân mến của mình bị thầy xã khinh khi; thầy hút thuốc suy nghĩ rồi lại hơi buồn buồn mà nhớ đến sự

thất bại về tài chánh.

Ông độc giả Trần Văn Có thiếu sáu tháng tiền báo tức là hai đồng sáu cắc rưỡi. Từ chợ Rạch Giá vô đây, thầy đã tốn gần ba cắc rưỡi tiền tàu, tiền thuốc hút. Chuyển về lại phải xuất thêm ba cắc nữa... Ông độc giả nghèo nàn này chắc gì trả được một đồng trong số tiền thiếu chịu nhà báo!

Nhưng đã tới đây rồi mà trở về thì uổng cuộc viễn du Hậu Giang này quá! Thầy phái viên quyết tình bình vực thể diện của người độc giả nọ:

- Không phải tôi đi đòi tiền! Tôi đi dò hỏi ý kiến bạn đọc đối với tờ báo. Tiền bạc là quý... Nhưng ý kiến của bạn đọc lại quý hơn. Độc giả ở tới đâu, chúng tôi đi tới đó.

Sau vài phút đi tới đi lui, thầy xă gặt đầu:

- Được. Để tôi biểu thẳng "Trạo" chèo tam bản đưa thầy. Thầy nên dè chừng. Tên Trần Văn Có nói mưòi, thầy tin một là vừa. Anh ta công kích tờ *Lục Tỉnh Tân Văn* của nhà nước Lang Sa gửi xuống công sở; đi ăn giỗ thì nói chuyện Hít Le, chuyện nước Ý đánh nước Á, chừng hỏi kỹ mấy nước đó ở đâu, anh ta bí lối nói lảng qua chuyện Tàu...

Thầy phái viên tò mò:

- Vậy thì ông độc giả của chúng tôi rành chữ nho?

- Ai biết rõ được. Anh ta nói có dây có nợ, tích người học trò nghèo tên là người Thừa Cung gì đó... chần heo; ông quan đại thần Lý Tích đích thân nấu cháo cho chị ăn dè đâu bị lửa tấp cháy râu. Chưa hết đâu, thầy phái viên ơi! Hễ gặp ai say rượu anh ta nói một hơi như thầy chùa tụng kinh, có ca có kệ. Cái gì mà các anh hãy trông người kia đi ngoài đường, mặt đỏ gay, mắt lờ đờ...

Thầy phái viên cười lớn, nhịp mạnh tay xuống bàn ba bốn lần như đánh trống chầu hát bội, đôi mắt sáng ngời, chân nhảy nhót như con nít:

- Hay quá! Hay quá! Tôi thăm ông độc giả đó mới được. Ông làm thầy giáo hả thầy? Nhờ thầy đưa tôi đi tới gặp mặt. Ngô quá hen! Ừ! Ừ!

Bực mình quá chừng, thầy xã nghĩ: “Ông phái viên này kêu mình bằng thầy mà lại tung bốc kêu Tư Có bằng ông. Hay là ông chê mình không dám xuất tiền mua báo như Tư Có. Chừng bận về, mình mua vài năm báo chơi cho biết mặt”.

Thầy xã hối thúc cho chú trạo sửa soạn quai chèo đưa thầy phái viên đến ấp Cà Bậy Ngọt. Thầy phái viên cảm ơn một tiếng nhỏ rồi cúi đầu xuống nói rừ rừ như xa như gần, trong cuống họng:

- Ờ! Để coi các anh hãy trông người kia đi ngoài đường, mắt đỏ gay, mắt lờ đờ, quần áo xốc xếch, chân đi xiêu bên nọ vẹo bên kia, múa chân múa tay, mồm nói lắm nhảm... Lũ trẻ theo sau reo cười chế nhạo... Đúng vậy, Quốc Văn Giáo Khoa Thư lớp sơ đẳng, Việt Nam Tiểu học từng thư... Sách này do Nha Học Chính đã giao cho ông Trần Trọng Kim, ông Đặng Đình Phúc và ông Đỗ Thận soạn... Eo ơi! Cái buổi thơ ấy đó nay còn đâu.

Đường đi ấp Cà Bậy Ngọt quá xa vời! Chiếc tam bản nhún xuống một cái “ồ” rồi nhảy tới một cái “sạt” theo nhịp chèo hai chèo. Nắng chang chang rắc vàng trên thảm cỏ hoang xanh ngắt. Vài nhánh bình bát gie ra, quất vào bụi sột soạt. Xế chiều, cò trắng phất cờ như đón người khách lạ. Trích, cúm nùm kêu ré lên. Con rạch thâu hẹp lại. Chiếc tam bản lắc nghiêng như trái dừa khô trên mặt nước đầu sóng gió. Anh trạo chèo một chèo, nghiêng mình bên hữu. Rồi bỗng nhiên anh chụp mỗi tay một cây chèo mà chèo trên đất khô bên bờ rạch. Chiếc tam bản lại lướt nhanh trong lòng nước quá hẹp, vừa đủ lọt bề ngang.

Anh trạo mỉm cười:

- Chèo như vậy đi lệ hơn. Mọi lần mùa hạn, nước cạn queo, dưới sông đầy bùn non, tôi cưỡi trâu trên bờ mà kéo. Chiếc tam bản đi như cộ kéo lúa...

- Chú trạo biết rành nhà Tư Có không?

- Dạ, biết. Tư Có ở một mình, nuôi heo, giăng câu, ăn ong, nghe nói y ở xứ Vãng Long xuống đây tính bề dạy học mà xin phép chưa được...

oOo

Buổi cơm chiều ngon lành làm sao! Ăn cá lóc nướng trui, uống rượu “ông cọt”. Anh trạo đã về, Tư Có kèm thầy phái viên ở lại ngủ một đêm, chú hứa sáng mai bơi xuồng đưa thầy trở lại công sở mà đón tàu đò. Thếp đèn dầu cá kéo thêm một tim thứ nhì nữa, cháy khá sáng. Bếp un dưới đất tỏa lên cuộn cuộn, tỏ rõ từng sợi khói mịn màng như mảnh lưới tơ giăng bủa khắp căn chòi nhỏ hẹp.

Tư Có bỏ mừng xuống, chun vô tấn ba phía rồi mời:

- Thầy Hai vô trong này ngồi nói chuyện cho vui. Ở ngoài muối cắn. Khói như vậy mà muối cứ bu lại rớt lênh trong thếp đèn dầu cá đó.

Ngượng nghịu, thầy phái viên nhà báo Chim Trời rón rén dở mí mừng, chun lệ vào ngồi kế bên:

- Xứ gì lạ quá! Anh Tư ở đây hoài sanh bệnh chết.

Tư Có đáp:

- Xứ Cà Bậy Ngọt, tiếng Khơ Me nghĩa là trâu chết. Hồi đó nghe nói trâu “len” tới đây thất bại, phong thổ ẩm thấp trâu chết nhiều quá. Họ đặt tên kỷ niệm luôn... Bởi vậy dân tình bệnh hoạn, thừa thớt, làng này chưa cất nổi cái trường học.

Thầy phái viên trở mắt:

- Vậy à? Còn mấy làng khác?

- Đông Thái, Đông Hoà, Đông Hưng, Văn Khánh Đông... không làng nào có trường hết. Thầy nghĩ coi...

- Hèn chi miệt này chỉ một mình anh Tư là độc giả báo *Chim Trời* của chúng tôi... Báo có thích hợp không anh Tư?

- Nói chí tình, đó là của người bà con ở Sài Gòn “đăng” dùm tôi, ban đầu tưởng nói chơi dè dặt nhà báo gởi xuống thiệt, xem cũng đỡ buồn. Phần nhiều bài vở của mấy ông viết cao quá. Tôi thường đọc cái trương Văn Uyển, có bài thơ bát cú vửa cô Bích Lý vịnh cảnh sông Hương. Hay quá lẽ! về sau, ông Trần Bất Diệt ở Cầu Kè họa vắn...

Thầy phái viên gặt đầu, ừ lấy lệ, thật ra hồi nào tới giờ đi cổ động cho báo *Chim Trời* mà ít khi thầy đọc kỹ báo nhà. Tư Có hỏi tiếp:

- Nhà báo *Chim Trời* đông người không thầy? Chắc là lớn lắm? Làm sao mà thành chữ được.

- Có thợ chuyên môn ráp từ chữ a, chữ b.

- Trời thần ơi! Biết tới chừng nào mới xong, chắc là thợ đông lắm... Còn mấy ông chủ nhiệm, chủ bút, phóng viên... Chắc làm việc rần rộ ngày đêm.

Thầy phái viên sực nhớ đến tình trạng loe hoe của toà soạn, gặt đầu lần nữa.

- Làm báo thì cần nhiều trí óc lắm phải không thầy phái viên? Tiếc là hồi nhỏ cha tôi chết sớm. Hồi đó, ông làm thầy giáo cũng đặt thơ bát cú, từ cú. Cha tôi chết, má tôi giữ mấy pho sách, dạy lại tôi. Đó là sách Quốc Văn giáo khoa thư, thầy còn nhớ không?

Thầy phái viên cười:

- Nhớ chớ. Làm sao mà quên được! Hồi nhỏ tôi hót “ca rê”, tay xách tòn ten bình mực đi học ở trường làng. Hồi đó, trí óc mình sáng suốt, nhớ dai lắm. Bây giờ lớn tuổi, đầu bạc hoa râu, đi làm ăn rày đây mai đó, nhớ nhà, nhớ

trường học, nhớ làng xưa.

Tư Có nói:

- Chắc là thầy muốn nói bài “Chốn quê hương đẹp hơn cả” chứ gì?

Rồi chú đọc một hơi:

- Một người đi du lịch đã nhiều nơi. Hôm về nhà, kể quen người thuộc, làng xóm, láng giềng đến chơi đông lắm. Một người bạn hỏi: ông đi du sơn du thủy...

- Đó ă! Đó ă! Anh Tư nhớ kỹ quá... Người du lịch mới trả lời: ở chốn quê hương... từ cái bụi tre ở xó vườn cho đến con đường khúc khuỷu trong làng, cái gì cũng gọi cho tôi những mối cảm tình chứa chan... Bài đó có hình ông già mang kiếng, chống gậy nói chuyện với mấy người khăn đóng áo dài.

- Thì hình nào cũng khăn đóng áo dài. Trừ ra cái hình thằng nhỏ chẵn trâu cầm roi: ai bảo chẵn trâu là khổ... Không, chẵn trâu sướng lắm chứ.

Thầy phái viên phụ họa theo như cùng hợp xướng:

- Đầu đội nón mê như lọng che, tay cầm cành tre như voi ngựa, ngất ngểu ngồi trên mình trâu, tôi nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bướm lượn trên đám cỏ...

Rồi thầy kéo qua những đoạn khác mà thầy nhớ:

- Hay quá! Nhà báo bây giờ không ai bằng. Văn chương như vậy là cảm động lòng người... Như cái hình ông già đẩy xe bò lên dốc, có hai đứa học trò kéo dây tiếp sức. Trời nắng to. Đường thì dốc. Một ông lão đẩy cái xe lợn. Trên xe có ba bốn con lợn to, chân trói bụng phơi và mồm kêu eng éc...

Tư Có vỗ trán:

- Còn ông già khuôn tảng đá nữa, thấy mà thương: Trời nhá nhem, chạng vạng tối, tôi thấy một ông cụ già hì hục

khuôn tảng đá. Ông cụ nhắc lên để xuống đến bốn năm lần mới đem được từ giữa đường đến chỗ bụi cây mà bỏ đấy... Lão đi lữ vấp phải tảng đá này, sầy cả chân đau lắm nên khuôn bỏ vào đây, sợ có người vấp nữa chằng.

Thầy phái viên lại không chịu rằng mình kém trí nhớ:

- Ngang hình ông già đó, trương phía tay trái có bài chọn bạn mà chơi, thói thường gần mực thì đen. Cha chỉ ngón tay, con đứng khoanh tay cúi đầu mà nghe. Dưới chót lại có hàng chữ: Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.

Tu Có gật đầu:

- Đó là ngụ ý răn he gương tốt thói xấu. Phải siêng năng như Sứu chăm học, ngồi bên đèn mà đọc sách; đừng lười biếng như thằng Bình đánh vòng. Phải bền chí học hành. Ờ thầy phái viên chắc nhớ cái hình con kiến tha mồi! Văn chương nghe như đờn Nam Xuân: Nước mềm, đá rắn thế mà nước chảy mãi đá cũng phải mòn. Sợi dây nhỏ, cây gỗ lớn, vậy và dây cưa mãi cũng đứt. Con kiến nhỏ, cái tổ to, thế mà kiến tha lâu cũng đầy tổ. Người ta cũng vậy...

o0o

Không ai bảo ai, hai người lại nằm xuống lim dim. Tuổi của họ đã quá ba mươi! Nước chảy mãi mà sao đá không thấy mòn? Sợi dây cưa mãi, gỗ chưa đứt mà sợi dây sấp đứt trước. Sự nghiệp của họ nào đã có gì: Kẻ mền cái thú ở nhà quê, người lặn độn với cái thú ở kẻ chợ.

Nằm mãi không ngủ được, thầy phái viên lắng nghe những tiếng động trong nhà, giữa tiếng mọt nghiến gỗ kèn kẹt như người đưa võng, bất chấp tiếng chuột chạy sột soạt và nhất là tiếng muỗi rùng lộng hành kêu vo vo, thầy mơ lại những ngày năm nay tôi lên bảy, tôi đã lớn, tôi không... lêu lổng nữa. Còn đâu mùi hương của những quyển sách mới bao bì kỹ lưỡng nhưng vài ngày sau đã rách bì! Làm

sao nghe được tiếng phập phồng trong ngực của đứa bé khi trời mưa to, đi học trễ, run rẩy bước vào trường rồi cố áo phoi ngay trong lớp... Đây, thầy giáo mặc đồ bà ba, lâu lâu bước ra khỏi lớp để chào hỏi khi thầy xă, thầy cai tổng đi ngang qua. Một đôi lúc, thầy giáo quá cay nghiệt đã dùng thước đánh vào những đầu ngón tay non yếu, hoặc hơi cây thước báng...

Đầu sao đi nữa, những kỷ niệm xa xưa vẫn vui, vui như một lũ học trò giành nhau chụp cho được cây dù trống, đánh thùng thùng báo hiệu giờ vào lớp.

Giọng Tư Có nói nhỏ:

- Ngủ chưa, thầy phái viên?

Thầy phái viên yên lặng, trời mới mưa, các chỗ trũng đầy nước cả nên cóc và nhái kêu inh ỏi. Vài giọt mưa rớt nhẹ xuống đất... Và rơi trên rạch Cà Bê Ngọt trước nhà. Hồi năm nào, thầy là giọt nước trong lành đó, bây giờ nó đã trôi xa, ra sông, chứa đựng rác rến, chảy hăng ra biển. Ừ, hoạ chăng đó là con đường hiệu quả nhất là được sớm bốc thành hơi, đầu thai trở lại nguồn... Nghĩ vậy, thầy khoan khoái mỉm cười ngồi dậy hỏi:

- Ngủ chưa anh Tư?

- Chưa!

- Tôi này giờ cũng vậy, muốn ngủ sớm để mai về nhà, mà không thấy mệt.

Im lặng một hồi lâu, rất lâu, Tư Có nói ngậm ngùi sau một tiếng thở dài:

- Biết lấy gì làm sở phí cho thầy. Thầy nói thiệt tình nghe coi... Chắc thầy tới đây thâm tiền.

- Đâu có! Đâu có! Mình là bạn đời với nhau...

- Thầy hiểu cảnh tôi. Không lẽ gởi cá lóc, rùa, mật ong... nhờ thầy đem về Sài Gòn gọi là tiền của tôi trả cho nhà báo.

Tôi “đăng” là vì ái mộ báo *Chim Trờì* chớ ít đọc lắm. Mấy thầy viết cao quá. Tôi mua để dành về sau cho đủ bộ.

- Anh Tư đừng ngại chuyện đó. Cứ tiếp tục đọc. Lâu lâu dò nơi mục Thư tính không chừng có lời của tôi thăm hỏi anh Tư. Nếu thấy báo đăng đòi tiền các độc giả, xin anh Tư hiểu rằng đó là nhắc nhở các người khác. Tôi hứa nói lại với ông chủ nhiệm mỗi kỳ gửi tặng anh Tư một số báo, hoài hoài cho tới số chót.

Chú Tư Có vô cùng cảm động:

- Thôi thầy ngủ lấy sức để mai về bình yên. Khuya nghe chồn cáo cộc kêu, thầy đừng giật mình: Ở đây miệt rừng, không có... xa xa thì nghe tiếng chó sủa trắng.

Thầy phái viên cười dòn, tưởng tượng cái cảnh biệt ly ngày mai “Ôi! Cái cảnh biệt ly ở xóm Cà Bậy Ngọt sao mà buồn vậy!” Vĩnh biệt thì đúng hơn. Nghe nó buồn như một giọng hò, một câu rao Vọng Cổ, nhưng thầy chưa muốn nói ra, giờ này.

THANH NAM BUỒN GA NHỎ

Nếu một ngày nào, người ta bóc những con đường sắt này đi, những con tàu sẽ không qua lại nữa và ta vẫn phải sống mãi ở đây...

Rất nhiều lần, Hảo nhìn lên cái chòi nước cao lênh khênh đứng ở cuối sân ga và nghĩ như vậy. Hảo không cần tìm hiểu xem tại sao mình đã có ý nghĩ đó cũng như chẳng bao giờ thắc mắc đến cái nếp sống tẻ nhạt của mình kéo dài từ ngày này qua ngày khác giữa một nơi heo hút. Cuộc đời của Hảo từ lúc bé dại cho đến khi trưởng thành đã bị gắn liền vào cái ga trạm nhỏ bé này, như những con tàu bám lấy những con đường sắt.

Hảo lên đây từ ngày nàng mới lên tám tuổi, sau khi đã theo học ở một trường quận miền xuôi, vừa đủ để biết đọc những pho truyện Tàu cho mẹ nghe và viết giúp mẹ những món tiền chi thu hàng ngày trên cuốn sổ chợ. Gia đình Hảo hồi đó gồm có một ông bố nghiện

rượu, yêu những toa tàu và những chai rượu hơn yêu vợ con, một bà mẹ sống lầm lũi như một cái bóng và một người anh trai ngờ nghệch, thích làm một chân phu khuân vác ở ngoài ga hơn là cấp sách đến trường.

Năm Hảo mười bốn tuổi thì mẹ nàng qua đời. Người anh trai của nàng cũng bỏ nhà đi sau đó ít lâu. Cha nàng càng uống rượu nhiều hơn để rồi cuối cùng tục huyền với một người đàn bà bán thức ăn trên xe lửa. Những sự thay đổi đó cũng chẳng khiến Hảo vui thêm hay buồn thêm. Mười bảy tuổi, Hảo lấy chồng. Người chồng của nàng cũng là một nhân viên trong nhà ga và uống rượu cũng không thua gì bố vợ. Cho tới bây giờ Hảo vẫn không hiểu được tại sao nàng lại trở thành vợ của người đàn ông già hơn nàng đến gần hai chục tuổi, đen đũi và xấu xí như một chiếc đầu tàu xe lửa cũ kỹ kia. Cái hình ảnh mà Hảo nhớ nhất trong ngày cưới của nàng là đêm tân hôn. Người ta dẫn nàng vào một căn phòng nhỏ và để nàng ở trong đó một mình. Nàng ngồi trên chiếc giường có trải chiếc chiếu hoa hây còn mới. Trong khi đó ở nhà ngoài, người ta thi nhau uống rượu và nói đủ thứ chuyện nhảm. Mệt mỏi, Hảo ngã người xuống giường, mặt áp lên chiếc gối mới có thêu những đóa hoa lớn. Rồi nàng ngủ thiếp đi cho tới lúc cảm thấy có một hơi thở nặng nề ở bên cạnh thì giật mình tỉnh dậy. Cái cảm giác đầu tiên của nàng là sợ hãi và buồn nôn. Giữa đêm khuya im lặng ngọn đèn dầu nhỏ đặt trên bàn soi rõ nét mặt đần độn và đỏ như của người chồng. Mắt y nhắm nghiền lại và cái miệng có những chiếc răng nửa vàng nửa đen há ra. Hảo rùng mình, quay mặt vào trong tường. Một lát sau nàng lại tiếp tục giấc ngủ bỏ dở, cho đến khi bàn tay người đàn ông kia lay khẽ vai nàng...

Ấy thế rồi Hảo đã thành bác Tín gái, như tất cả mọi người

chung quanh đã gọi. Cái tên Hảo mờ dần theo những ngày tháng làm vợ của nàng để rồi bị quên hẳn.

Như vậy, đã ba năm. Những con tàu vẫn qua lại một ngày hai buổi. Những nét mặt chung quanh vẫn là những nét mặt cũ. Chỉ có những ngọn cây rừng ở chung quanh là Hảo nhận thấy hình như chúng mọc cao thêm và mỗi ngày che lấp thêm một khoảng chân trời.

oOo

Tiếng gọi của gã đàn ông khiến Hảo giật mình nhìn lên. Ánh nắng chói lòa. Nàng chưa kịp nhận ra nét mặt của người vừa gọi.

- Kiên đây mà... Kiên ngày xưa vẫn sang chơi anh Tứ đó, Hảo nhớ không?

Hảo reo lên một tiếng nhỏ. Kiên là bạn với người anh trai của nàng hồi nhỏ. Y cũng bỏ nhà đi như anh nàng và bây giờ đã trở về, nhưng không còn là một gã thanh niên lông bông ngày trước nữa. Hảo ngậy người ra ngó Kiên. Mớ tóc đang nhạt dờ nháy lách tách dưới chân nàng. Kiên cười, đưa hai tay lên vuốt lại mái tóc bóng loáng:

- Cô Hảo trông tôi có lạ lắm không?

Hảo cũng cười gật đầu, lâu lắm nàng mới được nghe thấy một người gọi đến tên thật của nàng.

- Anh vào trong nhà chơi.

Vừa nói nàng vừa cúi xuống nhắc rổ tôm lên và bước vào nhà. Kiên đi theo, tiếng giày đế da nện lộp cộp trên sàn xi-măng.

- Ông cụ đi đâu mà không thấy ở nhà?

Hảo dừng lại và có cảm giác là nét mặt của mình lúc đó đỏ lắm. Nàng ngờ rằng Kiên đang chế giễu mình vì đã lấy một người chồng già.

- Anh nói sao?

- Bác đâu?

Hảo thở dài, nhẹ nhõm. Ra Kiên chưa hay tin nàng lấy chồng.

- Bây giờ tôi ở riêng rồi anh ạ.

Nói xong, Hảo vội vã bước nhanh xuống bếp. Tiếng Kiên đuổi theo:

- Ở riêng rồi à? Ai thế?

Hảo làm như không nghe thấy những câu hỏi đó. Nàng cắt vội mớ tôm lên chạn ăn rồi rửa sạch tay và bước lên nhà. Nàng rót nước mời Kiên:

- Nghe nói anh đã lập gia đình rồi phải không?

Kiên đỡ chén nước trên tay Hảo, cặp mắt nhìn thẳng vào người nàng:

- Làm gì có chuyện đó!

Và y hỏi lại Hảo:

- Cô ở riêng từ hồi nào, sao không nghe ai nói gì cả?

Hảo đứng dựa mình vào tường, lơ đãng:

- Ba năm rồi...

- Ai thế?

- Người này chắc anh cũng biết.

- Ai?

Nàng nói rất khẽ:

- Tín.

Kiên tỏ vẻ ngạc nhiên.

- Tín? Có phải bác Tín...

Kiên không nói hết câu, nhìn chăm chú vào mắt Hảo. Nàng ngượng ngập gật đầu rồi quay đi, tránh cái nhìn bạo dạn đó và nói lảng:

- Có lẽ nhà tôi cũng sắp về rồi đấy! Hay là trưa nay anh ở lại đây ăn cơm với chúng tôi cho vui?

Kiên khẽ vạch tay áo nhìn chiếc đồng hồ mạ vàng lóng

lánh rồi đứng dậy:

- Thôi, tôi phải về đặng ông chủ tôi ăn cơm trưa nay. Lúc khác tôi sẽ lại thăm...

Kiên ngập ngừng. Hảo biết rằng y chưa muốn đổi cách xưng hô với nàng. Hai người vợ vẫn nhìn nhau rồi Kiên chậm chạp ra cửa. Câu nói sau cùng của y là một câu nói băng quơ nhưng Hảo cho là ám chỉ nàng:

- Chóng thật. Mới ngày nào mà bây giờ đã bảy năm rồi. Về đây, trông cái gì cũng thấy khác...

Hảo nhìn theo gã đàn ông quen biết hồi nhỏ của mình. Y đi về phía nhà ga, chiếc bóng đổ nghiêng xuống mặt đường. Hảo thở dài quay vào, sửa soạn cơm trưa.

Nàng ước oải làm cái công việc hàng ngày đó và lần đầu tiên nàng cảm thấy khó chịu. Những con tôm không còn nhảy lách tách nữa mà mềm nhũn dưới tay nàng. Hảo nghĩ đến bữa cơm sắp tới. Một chai rượu trắng ngất ngưỡng đặt trên bàn. Vài ba món ăn khó nuốt. Hơi thở phì phì của anh chồng hôi mùi rượu. Tiếng húp canh xùm xụp. Những lời nói tục tằn, lỗ mãng. Những trận cười làm bắn tung tóe những miếng cơm nhai dở trong miệng người đàn ông xuống những món ăn. Hảo rùng mình không dám nghĩ tiếp nữa. Nàng rửa tay vội vã rồi đi nhóm bếp. Tiếng keng khua từ ngôi trường tiểu học gần đó rộn rã nổi lên. Tiếng trẻ con ào ào đổ ra mặt đường. Chỉ còn nửa giờ nữa, Tín sẽ về. Y sẽ cởi trần ra và nằm xuống bộ ván hát ông ổng hai câu vọng cổ quen thuộc. Chỉ hai câu thôi và ngày nào y cũng hát tới, hát lui trong lúc đợi cơm.

Ngọn lửa đã bén hồng những than nhỏ. Hảo đưa một tay lên ngang trán lau mồ hôi. Hình ảnh Kiên bỗng lại hiện ra, với bộ quần áo bánh bao, với mái tóc bóng nhánh.

oOo

Cái xóm ga nhỏ bé từ ngày Kiên trở về bỗng ồn ào hẳn lên. Ở một nơi mà ngày ngày người ta chỉ đợi có hai chuyến tàu đi về để được nhìn lên những bộ mặt mới lạ của hành khách thì sự có mặt của Kiên đã là một viên đá ném mạnh xuống một vũng nước phẳng lặng. Thằng bé lêu lổng ngày xưa bây giờ đã được người ta nhắc đến một cách trân trọng. Những tiếng đồn về Kiên làm ăn lớn ở Sài Gòn không ngày nào là không được truyền từ miệng người này sang miệng người khác. Sự thật thì chưa một ai biết rõ là Kiên làm nghề gì ở Sài Gòn cả. Họ chỉ nhìn Kiên qua những cách chi tiêu rộng rãi của y và nhất là cái lối nói chuyện có thêm nhiều danh từ mới lạ mà y đã đem từ Sài Gòn về. Cố nhiên là Hảo không thể nào không để ý tới sự có mặt của người đàn ông đó. Cả một nếp sống bình lặng của nàng đã bị xáo trộn hẳn lên. Những giờ Tín đi làm, Hảo thường hay thơ thẩn đứng chơi ở trước cửa nhà mình. Nàng hiểu tại sao mình làm như vậy nhưng không sao đặt tên được cho những ý nghĩ thầm kín đang dần vạt trong lòng nàng. Một đôi khi gặp Kiên đi qua cửa, cúi chào mình, Hảo lại thấy lòng mình băng khuâng, thao thức. Nàng muốn gọi y lại, để được nghe y nói một vài câu như hôm đầu tiên y đến thăm nàng nhưng cái tiếng gọi đó chẳng bao giờ thốt ra được. Những cặp mắt tò mò của những người chung quanh và những cái miệng nhàn rỗi lúc nào cũng như sẵn sàng để nói đến việc thiên hạ đã khiến Hảo lo ngại. Vì vậy, Hảo chỉ còn mỗi một niềm an ủi cuối cùng là ngày ngày ra đứng ở cửa để chờ Kiên và để được nhìn thấy Kiên mỉm cười cúi đầu chào mình. Hảo gọi đó là những giờ vui trong một ngày. Và những giờ vui đó sẽ vụt tắt khi tiếng keng khua rộn rã của trường học vẳng lên báo hiệu giờ sửa soạn hai bữa cơm buồn nản thường nhật.

Buổi chiều hôm đó, cũng như mọi bữa, Hảo đứng trước cửa, vợ vẫn nhìn những đám cây rừng xanh ngắt phía xa thì Kiên đi tới.

Sau khi chào nàng, Kiên đứng lại chứ không đi thẳng như những lần khác. Hảo ấp úng:

- Mời anh vào chơi trong nhà...

Và nàng đi nhanh vào trước. Kiên chậm bước theo sau.

- Sao anh hẹn lại chơi mà từ bữa đó tới nay chẳng thấy anh tới?

Kiên ngược mắt nhìn lên mái nhà, không trả lời Hảo. Những tia nắng chiều lọt từ kẽ lá chiếu xuống chỗ hai người.

- Bao giờ anh đi về Sài Gòn?

- Tối nay.

Kiên chậm rãi trả lời, mắt vẫn nhìn lên mái nhà. Hảo nghe thấy rõ một tiếng nấc ngẩn ngui trong cổ mình. Nàng nhắc lại câu trả lời của Kiên rồi hỏi khẽ:

- Sao anh về Sài Gòn sớm thế? Mới ở đây có ít ngày đã lại đi ngay, có việc gì vội hay sao?

- Không. Chẳng có việc gì vội cả nhưng ở đây buồn quá, tôi không thể nào ở đây lâu thêm được nữa.

Hảo cười gượng gạo:

- Thế ngày xưa, anh sống ở đây thì sao?

- Ngày xưa khác. Bây giờ khác. Ngày xưa chị còn là... cô Hảo, bây giờ chị đã là...

Cặp mắt của Kiên từ từ cúi xuống nhìn những ngón tay của Hảo đang đặt trên thành ghế.

- Là gì đi nữa thì tôi với anh cũng là những người bạn thuở nhỏ, Hảo tiếp, và tôi mong rằng anh vẫn cứ gọi tôi bằng tên Hảo như ngày xưa...

Hảo nói câu đó một hơi dài và nói xong nàng mới giật

mình không ngờ là đã nói được một câu như thế. Và, nàng đứng lặng trước mặt Kiên, đôi mắt chớp nhanh.

- Tôi đi Sài Gòn lần này, có lẽ lâu lắm mới trở về đây được. Nếu tối nay, Hảo không mắc công chuyện gì, Hảo hãy ra ga...

- Không được đâu, Hảo run giọng trả lời, tôi không thể nào tới đó được!

Kiên đứng dậy đi lại gần chỗ Hảo đứng:

- Nếu vậy, chúng ta hẹn nhau ở nơi khác trước giờ tàu chạy, được không?

Hảo giật mình, hai bàn tay nắm chặt lấy thành ghế:

- Không... không được đâu!

Kiên thở dài. Y nói bằng một giọng vô cùng tha thiết và Hảo có cảm tưởng như y đang đứng sát bên nàng:

- Hảo có biết không? Tôi về đây lần này chỉ mong gặp Hảo. Vì Hảo mà tôi trở về nơi này. Ngờ đâu, Hảo bây giờ đã không còn là Hảo ngày trước nữa. Tôi đi qua nhà Hảo, nhìn thấy Hảo đứng ở cửa hàng bao nhiêu lần mà không dám dừng lại để nói chuyện với Hảo. Tôi...

Kiên còn nói nhiều thêm nữa, những lời nói của y biến thành những ngọn gió mát rượi thổi vào tâm hồn Hảo. Trong một lúc, Hảo thấy khu rừng trước mặt xanh hơn lúc thường và ánh nắng chiều đã hết cả gay gắt. Chưa bao giờ Hảo được nghe những lời dịu ngọt như vậy từ miệng một người đàn ông thốt ra, ngay cả những lúc nàng được chồng âu yếm. Hảo thốt rùng mình. Bàn tay nàng rời khỏi thành ghế và che lấy mặt. Khi Kiên vừa đặt tay lên người nàng, toàn thân nàng run bắn lên. Nàng vội vã gạt tay Kiên ra và chạy lại góc tường đứng nép vào đó. Kiên vừa định bước tới thì một hồi keng vang lên. Những tiếng ồn ào của lũ trẻ nhỏ tràn ngập như thác nước ủa ra ngoài đường. Hảo kêu lên qua hơi thở dồn dập:

- Thôi, anh về đi. Về đi. Đã đến giờ, tôi...

Kiên dừng lại. Gã đàn ông hiểu ngay câu nói bỏ lửng của nàng. Y nhìn ra ngoài cửa. Một vài đứa bé đi học về, đang lớn vớn nhìn vào. Háo giục thêm một lần nữa rồi úp mặt vào tường. Nàng nghe rõ tiếng giày của Kiên xa dần, xa dần...

oOo

Tiếng còi rú lên một lần cuối rồi cả đoàn tàu lừ lừ tiến vào bóng đêm. Đứng nấp vào một góc tối nhất của sân ga, Háo nhìn theo đoàn tàu. Phía bên kia, Háo thấy rõ chông mình đang lắc lư chiếc đèn đỏ trên tay.

Khi đoàn tàu đã khuất hẳn và chiếc đèn đỏ trên tay chông nàng không còn lắc nữa, Háo mới men theo con đường cỏ trong sân ga, đi lối tắt về nhà. Những bước chân của Háo dẫm lên đám cỏ rùng, lạnh buốt và nhói đau. Nhưng, Háo không cảm thấy gì hết. Nàng chỉ nhìn lên cái chòi nước nằm cuối sân ga và nghĩ đến những ngày tháng sắp tới. Tiếng keng khua tan giờ học. Cái bếp lửa than hồng. Hai bữa cơm đều đặn trong một ngày. Những cơn say ngu độm của ông chông với hai câu vọng cổ vô nghĩa kéo dài năm này sang năm khác, nhất là hai câu vọng cổ. Háo muốn bật khóc nhưng không sao khóc được. Tất cả còn lại trong lòng nàng là một sự trống rỗng khủng khiếp, một sự tiếp nối những buồn nản thường xuyên, chạy dài như những con đường sắt.

THANH TÂM TUYỂN
ĐỌC
ĐƯỜNG

Ba người đàn ông ngồi quây xung quanh cái bàn gỗ tròn trong quán và cùng hướng về phía quốc lộ chạy mất hút vào trong rừng cao su ở hai bên. Quán bằng lá nằm cuối dãy phố mười lăm chiếc nhà, sát cạnh con đường đất xe hơi có thể vào, ngăn phố với rừng cao su. Đầu trên dãy phố là đồn dân vệ rào ba lần thép gai trên treo lủng lẳng những ống lon rỉ. Người đàn ông ngồi ngoài cùng kể cây cột chống, mặc áo lá và quần xà lỏn, một chân co lên mặt ghế, tay bung ly cà phê uống từ hóp nhỏ. Người đàn ông liền bên vận quần áo kaki sờn rách, đầu đội nón bẻ vành, chân đi giày không vớ, cầm chiếc muống nhỏ xíu gõ nhịp lên bàn. Người ngồi tách riêng một phía già hơn hết, tóc tiêu muối, vận quần lãnh đen bám bụi đỏ, áo túi trắng ngả màu, trước một ly cà phê sữa.

“Có lẽ tụi nó về hết rồi”. Ông già nói.

“Còn mà. Ít nhất còn cái 601 chưa về”.

“VẬY AI CHƠI NỔI VỚI MÀY NỮA. MÀY THUỘC HẾT SỐ XE CÒN GÌ? THẲNG NÀY ĐIỂM QUÁ”.

“Ờ... TÔI NHỚ NHƯNG BIẾT CÁI NÀO TỚI TRƯỚC CÁI NÀO TỚI SAU?”

Người vận quần áo kaki đỏ mặt cãi với ông già. Người vận áo lá quần xà lỏn nói:

“ĂN CHUNG GÌ. GIỜ MÌNH CHƠI HẾT CÁC THỨ XE ĐI”.

“ĐÂU CÓ ĐƯỢC MÀY. MẮT TAO NHÌN KHÔNG RÕ. XE BEN CHẠY CÀ RỀ CÀ RỀ TAO CÒN NGÓ THẤY. CHỚ BỌN XE ĐÒ, XE NHÀ CHẠY GIỜ NÀY NÓ CHẠY TRỐI CHẾT LÀM SAO TAO TRÔNG KỊP”.

“AI ĂN LẬN TÍA MÀ TÍA SỢ”.

Ông già lắc đầu:

“TAO KHÔNG CHƠI NỮA”.

Bà chủ quán mập bụ, ngồi phía trong, nửa dòm vô trong nhà, nửa dòm ra trước, hỏi giọng khan như bị cúm:

“NẤY GIỜ CHA NÀO ĂN?”

“HUỀ. KHÔNG AI ĂN THUA HẾT”. Người đàn ông đội nón phân trần. Ông già xỏ dép, đứng lên thọc hai tay vô túi áo, móc tiền:

“NÈ, TRẢ TIỀN LY CÀ PHÊ. TAO VỀ CHO SÓM. TỐI NAY THẾ NÀO CŨNG CÓ HÀNH QUÂN”.

Ông đặt mấy đồng bạc cắc lên bàn, bỏ ra theo phía hông quán, bước ngay xuống con đường đất đi sang phía rùng cao su, vòng vào một gốc cây ngoài bìa đứng tiểu. Tiếng nước chảy mạnh soi vào thân cây, người đội nón nghiêng đầu ngó la to:

“ÔNG GIÀ GÂN DỮ QUÁ TA”.

Người ngồi ngoài cũng chột vãnh tai nghe ngóng. Tiếng ầm ì ở tít xa.

“CÒN TAO VỚI MÀY HẢ?”

“ĐÂU CÓ NGÁN”.

“Bài cào hay sóc đĩa?”

“Thứ nào cũng được. Cho mày lựa”.

Người vận áo lá vừa nhú mày suy nghĩ vừa lắng nghe tiếng động. Khuôn mặt dài ốm nhăn nhó. Người đội nón dờ chiếc nón xuống nghĩ dò xét kín đáo hơn, cặp mắt mơ màng nhìn vào những lối cao su thẳng tối. Ông già từ sau gốc cây bước ra đường cũng ngửa cổ nghe.

“Đậu cái này rồi về tía”. Người đội nón gạ gẫm.

“Tụi bay tuột dù hết rồi. Máy trực thăng đó”.

Hai người đàn ông còn ngồi trong quán ngó nhau. Người đàn bà cũng nói:

“Trực thăng thiệt”.

Vài phút sau, tiếng động cơ nổi rõ, tới gần. Chiếc trực thăng, bay sà thấp ngang qua quán, sang phía rừng cao su bên kia lộ, quần vài vòng lớn rồi trở lại hướng cũ. Ông già nhìn theo, cười khoái trá biểu: “Tao biểu mà”. Rồi ông bước đi. Con đường đất chạy men bìa rừng cao su dẫn tới một xóm lá lơ thơ. Buổi chiều vàng rực ở phía sau đồn dân vệ, nhưng phía rừng cao su xanh thẫm. Xuyên qua những gốc cây thẳng tắp đến cả hai cây số là một chút chói sáng của quãng lộ quẹo như rớt xuống ngang tầm đất. Hai người dân vệ từ trong lối xóm trở ra, chân mang giày bó túm ống quần bám sinh và bụi đất; một người đeo súng hai tay bụng trên miệng nút vào chiếc lá tre non kêu chít chít từng hồi như tiếng chim, một người quàng hai tay trên hai đầu súng đặt ngang cần cổ ngó phía trước, cả hai đều mặc đồ đen đội những chiếc nón vải đen có lưới. Họ rẽ vào quán, dựng súng vô vách, ngồi vào chiếc bàn gỗ còn dư trống. Một người kêu người đàn ông vận áo lá:

“Còn nước đá không?”

Người sau này vẫn ngồi nguyên thế co chân, chỉ xoay nửa

thân trên hỏi lại người đàn bà:

“Còn nước đá không mà?”

“Để coi. Chắc còn...”

Người đàn bà vác tấm thân nặng, lê bước vô sau bếp, lục cục tìm kiếm và hỏi ra ngoài:

“Máy chú uống gì?”

“La de”.

Người dân vệ vắn bụng tay lên miệng hút kêu những tiếng chít chít, trong khi người bạn ngó lên tấm vách trong có cái giá bày các chai nước hơi màu xanh, màu đỏ, màu vàng, màu trắng, màu nâu, xếp dài theo tấm vách ván ám khói đen. Chỉ còn hai chai la de trên giá. Người đàn ông vận áo lá, chủ quán, nhăn mặt ngó chỗ khác vì tiếng nút kêu của người dân vệ. Người đàn ông đội nón liệng chiếc muỗng xuống bàn kêu lên:

“Cha. Lâu thấy mẹ”.

Người đàn bà mang hai cái ly đá chặt cục bự nhô khỏi miệng ly đặt trước mặt hai dân vệ, rồi lại ì ạch quay trở vô giá lấy nước. Mụ dùng răng cắn mở nút chai xong rồi cất tiếng hít hà, đưa cánh tay áo quẹt ngang mồm. Ly của người dân vệ tràn bọt sủi tròn xuống bàn. Anh ta buông tay, chiếc lá tre xanh nõn ép dính dọc theo ngón tay bên phải. Anh thủng thẳng lột chiếc lá liệng vào vũng nước trên bàn. Người bạn hỏi:

“Uống lẹ đi mà. Bọn chúng đi qua thấy về lại cần nhần”.

Người đàn ông đội nón bỏ ghế ra ngoài hè đứng ngó mông hai đầu đường vắng ngắt như tờ. Đàng chân trời trước mặt, tiếng phi cơ ầm ỳ rồi tắt lặng không thấy dáng. Cách quán hai ba nhà là tiệm sửa xe máy. Một người thợ lụi lụi làm việc với chiếc xe máy lật chống bánh lên trời. Người đội nón quay vô biểu:

“Tối nay về Biên Hòa ngủ. Còn cái sáu lẻ một mà”.

“Ờ, để coi”.

Hai người dân vệ uống cạn ly đứng lên sửa lại quần áo, đội mũ đeo súng, trả tiền sửa soạn bước ra khỏi quán. Người đàn bà vừa nhét tiền vô túi vừa nói với chồng:

“Có đi Biên Hòa coi chừng giùm tôi đớ”.

Hai người dân vệ đi ra khỏi quán, tiến về phía đồn, dáng đi nghiêm chỉnh hơn. Người rút lá tre đi trước cách bạn chừng hai ba thước, cả hai đều quay dòm vô các mặt phố. Có tiếng gọi trong rào kẽm gai ở đồng và họ cất bước chạy lúp xúp. Trong quán người đàn bà nói, trong khi người chồng mở hộc tủ của cái bàn trên bày mấy ve bánh kẹo, chai tôm khô củ kiệu chỉ còn thấy nước đục vàng, kê bên dưới giá xếp nước, lấy tiền. Trên đầu người đàn ông treo tòn ten vào móc sắt hai nải chuối già và chuối sứ:

“Mấy cha chỉ bày chuyện đi chơi không à?”

Người đàn ông đi tới chiếc ghế bố đặt bên vách, nơi người vợ ngồi để vừa ngó phía sau phía trước, lượm áo sơ mi khoác lên thân, nói:

“Mày không thấy trục thẳng quần nãy giờ sao. Bộ mày muốn tao chết...”

“Còn tôi dễ không chết hả. Cứ đi hoài tiền đâu chịu cho thấu”.

“Tao là đàn ông mày nghe chưa? Ở nhà để lỗ như lần trước chúng vô bắt kéo thầy về rừng cho chúng. Một mình tao phải kéo bốn cái thầy mày nhớ không, cả đêm cả ngày tới chừng về phát đau còn bị người ta kêu lên kêu xuống hỏi hoài... Đ.m. thứ đồ đàn bà ngu!”

Người vợ kéo quần tới bấp vế gãi, mặt mụ đỏ ửng không còn phản ứng. Người đội nón trở vô quán nói tiếp:

“Mấy bay quần là có chuyện mà...”

Người đàn ông chủ quán tỏ vẻ khinh bỉ vợ, bỏ vô sau rửa mặt, rửa chân, rồi thủng thẳng trở ra xổ quần. Hai người đàn ông ra đứng trước quán. Trong rừng cao su nghe tiếng còi xe nhấn inh ỏi, hai ba chiếc xe đồ đua nhau chạy tới. Dẫn đầu là một chiếc “bờ dô” mũi khoằm theo sau là hai xe cá. Chiếc “bờ dô” thẳng ngay trước quán, hai chiếc xe cá vượt đi luôn. Người đàn ông chủ quán quay vô biểu vợ:

“Tao đi nghe mà”.

Người vợ nặng nề bước ra, dặn dò:

“Mai sáng về ghé chợ mua đồ về nghe”.

Người đàn ông mới dóm đặt chân lên thang phía sau xe, đợi bạn chui vô khoang nói:

“Đ.m. Nhớ mà”.

Người lơ chạy vô quán nói: “Xin miếng nước chị Hai”. Không đợi trả lời, thót vô sau nhà. Người tài xế nhấn còi thúc hối, ló đầu ra ngoài:

“Tính ngủ trong đó sao mà?”

Người lơ xe chạy ra mặt còn nhẩy nước, nhảy bám vào đuôi xe la lên:

“Rồi, chạy đi”.

oOo

Chiếc xe từ từ ngừng trước đồn dân vệ. Người lính gác trong chòi canh bắc loa tay kêu đuổi: “Tới trong kia đậu”. Chiếc xe chuyển bánh đi qua hết đoạn đường rào kẽm gai đậu trước quán hót tót. Người lơ nhảy xuống đất kêu vô trong:

“Xuống lẹ lên cha nội”.

Một người đàn ông tay ôm bọc giấy dầu, lom khom bước xuống. Tới đất, người đàn ông muốn trở lên, nói:

“Không phải đây...”

Người lơ đã bước lên bực gỗ đưa tay cản ngang:

“VẬY tía quên hay tía làm đường rồi. Tía ráng đợi đây đón xe mà về. Chớ tía cứ ngừng hoài đợi tía kiếm nhà tới đêm tui tía mới về tới nhà. Cô bác kêu quá trời”.

“Cho tui đi khúc nữa”.

“Tía hết tiền rồi. Rồi, chạy đi”.

Chiếc xe rồ ga chạy vọt thẳng vào phía rừng cao su sẫm lạnh. Người đàn ông đứng lại bên đường ngỡ ngác. Hắn vận đồ bà ba đen, chân đi xăng đan, tóc cắt ngắn, mặt mũi gồ ghề xanh xao. Hắn ngửa mặt nhìn lên trời trông chiếc trực thăng từ phía rừng cao su bay tới. Tiếng nổ ù tai, cánh quạt bay cuốn bụi đất mù một khoảng; cỏ cây ngã rạp. Người lớn, con nít túa ra khỏi nhà ngấm coi, bọn con nít chạy băng ngang lộ tới đứng bên bãi cỏ, tiếng người kêu gọi bị gió và tiếng động cơ quạt bay tung mất hút. Chiếc trực thăng đáp xuống nhưng không tắt máy, nó đậu vài phút rồi lại từ từ cất lên và bay về hướng đồn dân vệ tránh xa quốc lộ. Trẻ con và người lớn còn đứng lại ngấm và bàn tán. Một vài người nhìn thấy người đàn ông vận bà ba đen ôm bọc giấy dầu đứng trước quán hớt tóc. Quán hớt tóc là một bức vách gỗ thùng sữa và hai cây cột ngoài, ba mặt bỏ trống. Trong quán không có người, thợ đã nghỉ, nhưng vẫn còn một chiếc ghế ngồi trước một tấm gương đóng chặt lên vách dưới tấm gương là một cái hộc gỗ buộc treo bằng dây kẽm, không có một vật dụng nào để trên. Người đàn ông ngó thấy mặt mình trong gương, con lộ, bãi cỏ, mộ đất cao xa mờ; hắn ngoảnh mặt bước tới quay lưng lại đồn dân vệ hướng về phía rừng cao su. Kế bên quán hớt tóc là một tiệm chụp phôi của người Tàu tới một căn nhà ở đóng cửa, trên các cửa đóng dán những bích chương và khẩu hiệu tuyên truyền tới một tiệm trữ Âu dược, một tấm bảng gỗ treo ngang đong đưa với dấu thập đỏ. Qua khỏi

tiệm trữ Âu dục là một nền nhà đổ rồi một khoảng đất vuông cao hơn mặt đồng trồng rau muống, làm chỗ họp chợ. Trên nền đất có vết cháy đen loang, cỏ vàng úa không mọc được. Sát chợ là nhà việc, mái thủng, tường lỗ chỗ vết đạn, các cửa sổ bể gãy, tấm bảng treo rớt chỉ còn một đầu dính trên tường, nhìn vào trong gạch ngói bừa bãi chưa thu dọn. Nhà kế bên nhà việc cũng bị sập mái trước. Không gian nhà gỗ, dây phố nguyên vẹn. Người đàn ông đi qua một tiệm một người con gái Tàu ngồi đọc báo sau quầy hàng; một tiệm bán sách vở và tạp hóa; một lớp học với mười bộ bàn ghế và tấm bảng đen; tiệm sửa xe máy với người thợ đang lui hui sửa ngoài hè. Người đàn ông ôm gói đứng lại nhìn người thợ làm việc. Anh này chợt ngừng lên toe miệng cười với người đàn ông nhưng nụ cười tắt ngay tức thời. Anh thợ ngừng hẳn tay ngắm nghía người lạ. Người đàn ông cố gắng cười, giọng gào hỏi:

“Giờ này xe còn trở xuống không anh Hai?”

“Có lẽ hết”.

Nói xong, người thợ tiếp tục làm việc, bỏ mặc người lạ đứng ngẩn ngơ nhìn xuống. Một hồi im lặng người đàn ông nói:

“Cám ơn anh Hai”.

Người thợ không đáp, cũng không ngó lên. Và người đàn ông lại bước đi. Kế tiệm sửa xe là tiệm chạp phô của người di cư. Người đàn bà quần áo nâu rãng đen, vấn khăn, mắt hấp háy đứng bên mấy bó củi và tìn nước mắm ngó người lạ mặt chằm chằm. Người đàn ông ngó mông sang rùng cao su bên kia lộ. Hẳn đi qua hai căn nhà nữa. Trước mặt căn nhà đóng cửa, đặt một cái lu nhỏ đầy nắp gỗ và một cái ca nhôm trên tường. Người đàn ông tiến lại bên cái lu, đặt gói giấy xuống hè, mở nắp lấy cái ca múc nước trong lu uống

ừng ực. Uống xong hẳn lại múc thêm một ca đầy đứng xích ra gần lộ để vào tay rửa mặt và cổ. Nước trà màu nâu đen. Lấy khăn trong túi áo lau khô mặt, hẳn đây nắp lu, mang ca trở lại chỗ cũ, ôm gói đồ đi tới chỗ tận cùng dãy phố là con đường đất đỏ vắng hoe ngăn cái quán và rừng cao su. Hẳn đứng ở đầu đường đất ngó mông vào xóm, nhìn con lộ chảy ẩn giữa hai hàng cao su tối. Hẳn bước vào quán ngồi bàn phía ngoài, đặt gói đồ lên một cái ghế. Người đàn bà mập từ sau bếp bước ra nói:

“Hết trơn nước đá rồi. Cà phê cũng hết...”

“Thím cho ngồi nghỉ đỡ đón xe”.

Người đàn bà ngó khách từ đầu tới chân. Trong rừng cao su tiếng ve bỗng kêu từ xa lan tới gần. Người đàn ông ngó quanh khắp quán hỏi:

“Thím có bán cơm không?”

“Không, không có cơm”.

Người đàn bà bỏ vô sau nhà. Người đàn ông ngồi thẳng lưng, mó máy lật cái dây thun buộc gói giấy dầu. Hẳn móc trong một túi áo lấy ra một xấp giấy gói kỹ kiểm lại và đếm những tờ giấy bạc. Máy tờ giấy năm đồng, mười đồng. Người đàn bà trở ra hỏi:

“Không có xe hả?”

“Không có. Sợ hết”.

Người đàn bà bỗng lắng nghe bảo:

“Có xe be tới đó”.

Người đàn ông vội ôm gói đồ chạy ra lề đường. Hai chiếc xe be kèn càng rần rần từ trong rừng cao su, xe chạy chậm. Người đàn ông đưa tay lên cao vẫy kêu: “Cho quá giang...” Hai người tài xế đưa tay vẫy chào và xe vẫn chạy.

Người đàn ông thất vọng lầm lũi trở vô quán. Từ một trại binh xa lắc vọng lại tiếng kèn chào cờ buổi chiều. Ve kêu

rộn hơn. Người đàn bà hỏi:

“Chú ở đâu tới?”

“Tôi kiếm thằng em của tôi làm đồn điền cao su. Có lẽ tôi đi lộn xe, mấy năm trước tôi có lên một lần nhưng không nhớ rõ. Tôi nhớ khu nó ở gần lộ”.

“Ồi, đồn điền cao su biết mấy mà kiếm? Đồn điền tên gì ở đâu mới được chớ?”

“Tôi không nhớ, tới đúng nơi thì tôi biết”.

“Chú nói chuyện trời đất không à”.

Người đàn ông đặt gói đồ lên bàn, hai tay ngồi ôm lấy nó. Người đàn bà đột ngột xẵng giọng hỏi:

“Giờ chú tính sao?”

“Tôi không biết tính sao hết. Tôi đón xe”.

Người đàn bà cao giọng hơn:

“Chú nói cà rỡn hoài. Giờ này kiếm xe... Chú tính mà mất toi. Bộ khi không chú ngồi đó không cho tôi đóng cửa tiệm đi ăn cơm hả. Chú tính chuyện gì? Tôi kêu lính trên đồn tới đây bây giờ...”

Người đàn ông sửng sốt, giật hai tay ôm gói đồ vào bụng ngó trân người đàn bà:

“Tôi nói thiệt mà thím. Tôi đón xe mà”.

“Mà tôi biểu chú không còn xe nữa. Chú tính cách sao?”

Người đàn ông ngó ra lộ, ra ngoài rừng, nói một mình:

“Ờ. Không còn xe”.

Tiếng ve kêu chỉ còn lẻ tẻ, rời rạc xa xa. Trời bắt đầu tím trên nền bóng núi xa. Người đàn bà tìm quẹt đốt cây đèn dầu hôi mắt vẫn dòm chừng khách lạ. Một chiếc xe díp vệt ngang ngoài lộ như một cơn gió. Người đàn ông dợm đứng dậy như tính rượt theo kêu, lại ngồi xuống ghế. Đèn thấp lên. Cửa bên hông mở ra phía con đường đất bên bìa rừng đã đóng. Người đàn bà đặt cây đèn lên bàn trong, tiến đến

người đàn ông hỏi:

“Giờ chú tính sao?”

Người đàn ông ngập ngừng:

“Thím cho tôi ngủ đậu. Thím làm phước. Mai tôi đón xe về sớm”.

Người đàn bà kêu lên:

“Đâu có được chú. Nhà tôi đâu phải nhà cho mượn. Biết chú là người thế nào mà cho chú ngủ đậu. Lỡ đêm chú cắt cổ tôi sao? Chồng tôi đi khỏi, tôi không chứa đàn ông...”

“Thiệt tình mà thím, tôi đi kiếm thằng em tôi. Thím làm ơn làm phước... Chớ giờ này tôi biết tính sao?”

Người đàn bà suy nghĩ vài giây:

“Bộ chú lỡ đường thiệt à...”

“Thiệt mà thím. Chớ khi không tôi tới đây làm gì”.

Người đàn bà lại cao giọng:

“Không được! Chú ở đâu tới, tôi không biết. Chú xin ngủ đậu, không được. Lỡ đêm có chuyện gì người ta xét nhà, tôi nói sao. Không được. Tôi thương chú, ai thương tôi. Thôi chú đi đi, cho tôi ăn cơm. Tôi đói bụng rồi”.

“Tôi đi đâu?”

“Đi đâu thầy kệ chú chớ. Mặc mớ gì đến tôi”.

Người đàn ông chậm chạp đứng lên nhưng chưa bước đi. Người đàn bà tự động lùi lại một bước thủ thế. Người đàn ông nài nỉ:

“Tôi đi đâu? Thím nghĩ coi...”

“Tôi không biết. Mấy người rắc rối lắm... Tôi không kêu lính trên đồn là may phước lắm”.

Người đàn ông ngập ngừng bước ra khỏi quán. Dãy phố và con lộ im lặng như tờ, chỉ nghe tiếng ve rộn rã và tiếng côn trùng khởi trời lẽ tẻ ở bãi cỏ. Người đàn bà khép cửa quán lại nhưng vẫn còn ló đầu dòm theo người lạ. Người

đàn ông đi trở ngược dãy phố. Trong tiệm chạp phô, gia đình đang ăn cơm trên bộ ngựa ở ngoài. Người đàn bà vấn khăn đang bới cơm không ngó thấy bên ngoài.

Người lạ mặt đứng lại trước tiệm sửa xe. Người thợ đã tắm rửa, thay đồ, ngồi trên ghế ngay trong cửa ôm cây đàn ghi ta đang khấy. Người đàn ông đứng lại, rồi tiến tới bên cửa:

“Chào anh”.

Người thợ ngừng tay khấy, ngó lên hỏi:

“Gì anh?”

Người đàn ông đứng trên một hồi mới nói:

“Anh Hai làm ơn chỉ dùm tôi có chỗ nào ngủ đậu một tối, tôi lỡ đường hết xe về”.

Người thợ cười riếu, gác cẳng lên thềm cửa:

“Chỗ ngủ đậu. Anh tới quán kia hỏi coi...”

“Tôi hỏi rồi. Họ không chịu”.

“Vậy tôi cũng chịu”.

Người thợ lại tiếp tục khấy đàn và cười một mình. Người đàn ông vẫn đứng yên tại chỗ:

“Anh Hai cho tôi ngủ đậu. Dưới đất cũng được. Mai tôi đón xe về sớm”.

“Cha này giỡn hoài ta. Tôi đâu quen biết anh”.

“Anh cho tôi ngủ đậu một tối thôi”.

“Bộ anh cho tôi khùng hả. Cha này kỳ quá...”

Người đàn ông quay mặt về phía rừng cao su, trong ấy bóng tối đã dày. Ngoài rừng trời chạng vạng nhá nhem. Người đàn ông đi tới bên lề đường. Một vài tiếng đại bác nổ ầm ở xa. Hắn đi vài bước về hướng nhà việc rồi bỗng quay bước. Trong tiệm xe máy tiếng đàn dạo đến khúc mùi mẫn. Hắn đến trước căn nhà có đặt lu nước ở ngoài và đứng lại. Nhà cửa đóng kín không thấy ánh sáng.

Hắn gõ nhẹ lên cánh cửa rồi nghe ngóng. Có cả mấy phút không tiếng trả lời. Trong nhà tiếng niệm Phật rất nhỏ. Hắn đứng đợi nghe tiếng mõ đều đều thỉnh thoảng đệm tiếng chuông. Trời cứ tối dần. Một hồi hắn lại gõ cửa và sau tiếng ho là tiếng hỏi nhỏ:

“Ai đó?”

Người đàn ông không đáp. Hắn lại gõ cửa. Trong nhà lại nghe tiếng hỏi: “Ai đó?” Tiếng động trên cửa và một lỗ hồng tròn được kéo ngang tầm ngực người đàn ông.

“Ai ở ngoài đó?”

Người đàn ông cúi nghiêng xuống ngang mặt với lỗ hồng: “Tôi lỡ độ đường”.

“Chú kiếm ai?”

“Dạ không, thưa bác con kiếm chỗ ngủ tối nay. Bác cho con ngủ nhờ”.

Bên trong im lặng khá lâu, tiếng thì thào rồi nghe giọng già cả run rẩy:

“Thôi chú ơi, tôi tu hành chú đừng phá tôi”.

“Thưa bác, thiệt tình con lỡ đường. Con đi kiếm thằng em mần trong đồn điền cao su lại lên lộn xe. Giờ không có xe về. Bác cho con ngủ đậu một tối. Mai con đón xe về sớm”.

“Thôi mà chú, chú kiếm nơi khác. Tôi tu hành mà”.

“Không đâu họ chịu cả. Bác làm phúc thương con”.

“Tôi biết chú nói thật. Nhưng chú thương chúng tôi. Chúng tôi không làm gì hại ai cả. Chú cảm phiền. Trong nhà chỉ có mấy bà cháu không có đàn ông. Lỡ ra tội nghiệp, chú ơi...”

“Thưa bác con thật tình. Con không gạt. Con đi kiếm người em”.

Bỗng trong nhà có giọng thiếu nữ ngắt ngang:

“Bà tôi nói thiệt mà. Khi không tới đòi ngủ đậu. Ai mà tin

được. Tụi tôi la bây giờ là lính trên đồn nghe thấy xuống tới”.

“Tôi thiệt tình mà cô Hai”.

“Thiệt hay không thiệt cũng không ai chứa người lạ trong nhà”.

Một tiếng nổ ầm rung chuyển đất. Lũ hồng đống sập lại và tiếng chân chạy trong các nhà. Mọi cửa đều đóng vội. Những tiếng nổ tiếp theo còn cách xa. Người đàn ông dáo dác ngó ra đường. Trên trời phía rừng cao su trái hỏa pháo bắn vọt lên lơ lửng vài phút rồi tắt. Tiếp theo một trái hỏa pháo khác. Người đàn ông đứng ôm bọc giấy dầu bên lu nước.

**THẢO TRƯỜNG
VIÊN ĐẠN
BẮN VÀO
NHÀ THỰC**

Từ ngã ba đi vào, cảnh tàn phá vì trận đánh lan rộng đến những con lạch nhỏ. Trước ngày Tết, đi qua khu phố này người ta chỉ nhìn thấy những dãy nhà hai bên đường với những cửa tiệm buôn bán tấp nập. Sau trận đánh dãy nhà bị cháy trơ trụi, những bức tường đổ nát lổ chỗ những vết đạn, những mái tôn cháy đen xạm cong queo trên đồng than. Một vài chiếc xe chỉ còn trơ lại cái khung đen thui. Người đi qua con đường này bây giờ có thể phóng tầm mắt nhìn thấy những cây dừa nước hai bên bờ những con rạch nhỏ. Những cây dừa nước vài chỗ cũng bị cháy nám. Xa hơn nữa, người ta có thể nhìn thấy cánh đồng mênh mông miền ngoại ô thành phố.

Qua khu cháy vào bên trong, xóm nhà may mắn thoát được ngọn lửa thì cũng bị những vết đạn phá vỡ lổ chỗ. Những tấm bảng

hiệu bị dùi nhiều lỗ, chênh vênh treo trên những cây sắt, gió thổi lắc lư, như còn cố bám víu cho khỏi bị rơi.

Nhà của gia đình bé Thục ở khu còn lại đó. Bé Thục đang cầm một cây đinh loay hoay xoi một lỗ đầu đạn trên tường nhà. Thục hì hục nhấn nạy moi cái đầu đạn nằm trong đó. Thục đã mất cả giờ nhưng mới chỉ nhìn thấy cái đầu viên đạn đồng đỏ lờm. Mồ hôi vã ra hai bên má. Thục quì gối tiếp tục xoi. Thình thoảng mỗi tay Thục lại bỏ cái đinh trên vỉa hè rồi vẩy vẩy hai tay cho đỡ mỏi. Thục ngồi nghỉ rồi lại tiếp tục.

Một người lính đi tới đi lui. Anh ta thuộc đơn vị trấn thủ khu này. Anh ta chú ý đến Thục và thả bước đến trước cửa nhà Thục. Người lính đeo khẩu súng lên vai rồi đứng tì tay vào hàng dậu gỗ nhìn Thục làm việc. Thục vẫn hăng say mãi miết cầm cái đinh xoi lỗ đạn.

Chợt Thục vùng đứng lên ném mạnh cây đinh ra góc sân. Thục nhìn thấy người lính rồi đưa mắt nhìn theo hướng tiếng leng keng của chiếc đinh va xuống nền xi măng. Thục nhìn lại người lính. Anh ta nhe răng cười Thục. Thục phì cười, hai tay quệt mồ hôi trên trán. Người lính hỏi:

- Em làm gì thế?

Thục chỉ lỗ đạn:

- Tôi moi cái đầu đạn trong đó để làm kỷ niệm.

Người lính hỏi:

- Làm kỷ niệm, em cũng thích kỷ niệm?

Thục gật đầu:

- Tôi cần một đầu đạn giữ chơi. Mẹ tôi cũng có một đầu đạn như thế. Mẹ tôi cất trong sách tay.

Người lính nói:

- Tôi có đạn đây, em thích tôi sẽ tháo cái đầu đồng ra cho em một viên.

Thục lắc đầu:

- Tôi muốn moi lấy cái đầu đạn từ trong lỗ kia. Tôi không thích cái đầu đạn chú tháo ra. Đầu đạn kia đã bắn vào nhà tôi. Chú biết cái đầu đạn của mẹ tôi lấy ở đâu ra không?

Người lính lắc đầu, Thục khoe:

- Cái đầu đạn của mẹ tôi lấy từ ngực ba tôi.

Người lính ngạc nhiên:

- Từ ngực ba em? Ba em ở đâu rồi?

Thục ngồi xuống bờ hè:

- Ba tôi chết rồi. Ba tôi là quận trưởng, ba tôi là đại úy chú là gì ư ?

Người lính cười:

- Anh là lính.

- Chú là lính trợn à?

Người lính lại cười gật đầu. Thục ngồi nghĩ rồi kể tiếp:

- Ba tôi đi đánh giặc bị thương nơi ngực đưa về bệnh viện thì ba tôi chết. Nhà thương người ta gửi cho mẹ tôi cái đầu đạn lấy từ ngực ba tôi. Mẹ tôi gói nó cất trong sắc tay và nói “để làm kỷ niệm”.

Người lính như chợt hiểu, gật gù:

- Và bây giờ em cũng muốn moi cái đầu đạn trên tường kia làm... kỷ niệm?

Bé Thục gật đầu:

- Tôi chưa có chồng nên chồng tôi chưa chết. Tôi lấy viên đạn người ta bắn vào nhà tôi để cất đi làm kỷ niệm. Chú... bắn chết nhiều người chưa ?

Người lính nhìn chăm chăm vào bé Thục rồi vung cánh tay lên trời phác một cử chỉ băng quơ:

- Nhiều.

Bé Thục nói một mình:

- Như vậy chắc nhiều người có đầu đạn kỷ niệm, cứ gì

mẹ tôi.

Người lính kéo ống quần lên đến đầu gối rồi chỉ một vết sẹo nơi chân cho Thục. Thục nghiêng đầu nhìn qua khe hai thanh gỗ hàng dậu xem vết sẹo của người lính.

Thục hỏi:

- Chú cũng bị đạn?

Người lính gạt đầu giờ hai ngón tay. Thục hỏi:

- Hai lần?

Người lính gạt đầu lần nữa. Thục lại hỏi:

- Đâu?

Người lính cởi khuy áo ngực, vạch một bên cho Thục xem một vết sẹo trên vai.

Thục lè lưỡi:

- Ba tôi bị có một viên đạn mà chết. Chú bị hai viên đạn sao chú không chết?

Người lính lắc đầu:

- Tôi không biết.

Thục chống hai khuỷu tay lên đầu gối, cầm tỉ trên bàn tay yên lặng. Một lát Thục hỏi:

- Viên đạn kỷ niệm của chú đâu?

Người lính lắc đầu:

- Tôi không có giữ. Tôi vứt đi rồi.

Thục ngạc nhiên:

- Sao chú lại vứt đi. Chú không thích kỷ niệm sao?

Người lính gạt đầu:

- Tôi không thích. Đầu đạn bị vấy máu bẩn lắm, giữ làm gì.

Thục lại yên lặng. Thục nhìn người lính từ đầu đến chân.

Người lính cười. Thục chợt hỏi:

- Ai bắn chú ?

Người lính trả lời:

- Đưa mà tôi tìm bắt nó.

Thục như chiều suy nghĩ rồi hỏi:

- Địch quân ấy hả ?

Người lính lại cười, gật đầu, rồi hỏi:

- Tôi vào ngồi nói chuyện với em được không?

Thục đứng lên ra mở chốt cánh cổng:

- Được chứ. Ai cũng vào nhà tôi được. Hôm đánh nhau ở đây có hai người bộ đội cũng vào nhà tôi. Họ mở cửa vào tự nhiên và bảo mẹ tôi dọn cơm cho họ ăn. Họ có hỏi tôi đâu. Sao chú lại phải hỏi tôi?

Người lính mở cánh cổng gỗ bước vào sân, anh ta đi bên Thục đến chỗ bờ hè. Ngồi xuống cạnh Thục, anh ta nói:

- Có lẽ tại tôi thương em.

Thục trề môi:

- Không phải. Chỉ có mẹ tôi thương tôi mà thôi. Chắc chú là người lịch sự. Ở trường cô giáo bảo tôi thế.

Người lính gật đầu:

- Chắc vậy. Em học lớp mấy?

Thục giơ bốn ngón tay. Người lính nói:

- Lớp Tư?

Thục gật đầu hỏi lại:

- Chú học lớp mấy? Cô giáo của chú cũng dạy chú muốn vào nhà người ta phải hỏi sao?

Người lính gật đầu, trên môi anh ta vẫn nụ cười, đôi mắt trêu mếu nhìn Thục. Thục sờ khẩu súng của người lính, hỏi:

- Nhưng mà chú có súng, chú cần gì phải hỏi ai.

Người lính ôm ngang vai Thục:

- Cô giáo đâu có dạy thế.

Thục nhoẻn miệng cười nhìn người lính gật đầu. Người lính chợt rút lưỡi lê ra khỏi bao, hỏi Thục:

- Em có muốn lấy cái đầu đạn trong tường kia không?

Tôi lấy hộ.

Thục khoanh tay trước ngực lắc đầu:

- Không. Chú đừng rờn tôi. “Hôm đánh nhau ở khu này, hai người bộ đội mang súng vào nhà tôi ăn cơm, tôi có nhờ họ lấy hộ cái đầu đạn, họ quát tôi bắt ngồi yên ở xó nhà.”

Người lính hỏi tiếp:

- Hai người đó ở đây lâu không ?

Thục giơ ba ngón tay. Người lính nói:

- Ba ngày?

Thục lắc đầu:

- Họ ăn ba bữa cơm.

Người lính lại hỏi:

- Họ có ngủ trong nhà em đêm nào không?

Thục lắc đầu:

- Họ chỉ vào trong nhà khi ăn uống, xong họ ngồi ngoài hiên, “họ ngồi chỗ chú đang ngồi”.

Người lính nhìn xuống chỗ mình ngồi như tìm kiếm một dấu vết gì còn lại. Một lát anh ta hỏi Thục:

- Hai người mang súng đó có hỏi chuyện gì em không?

Thục gật đầu:

- Có.

Người lính:

- Họ hỏi gì?

Thục kể:

- Họ hỏi ba tôi đâu.

Người lính lại hỏi:

- Em trả lời sao?

Thục kể tiếp:

- Tôi nói ba tôi chết rồi! Ba tôi đi đánh giặc bị thương rồi chết. Ba tôi là đại úy. Ba tôi là quận trưởng.

Người lính:

- Em nói vậy hai người cầm súng có làm gì em không?

Thục lắc đầu:

- Không. Họ không làm gì tôi nhưng họ đứng rột dậy. Họ vào lục soát nhà tôi. Họ bắt mẹ tôi phải mở tất cả các tủ, các hộc bàn, các buồng cho họ xét. Họ trèo cả lên trần nhà nhưng không thấy gì cả.

- Rồi sao?

- Rồi họ lại ra “ngồi chỗ chú đang ngồi”.

Người lính cầm cái lưới lê cạo cạo bùn trên đôi giày của anh ta. Thục tiếp:

- Đến tối họ vào trong nhà tôi bảo mẹ tôi đưa cái đèn pin của ba tôi cho họ.

Người lính gõ gõ cái lưới lê vào đôi giày cho đất rơi ra.

Thục nhìn cái lưới thép nhọn hoắt ở tay người lính hỏi:

- Chú đã đâm ai chưa?

Người lính lắc đầu:

- Chưa.

Thục lại hỏi:

- Thế cái đó để làm gì?

Người lính nói:

- Để đâm. Nhưng tôi chưa có dịp đâm ai. Bây giờ tôi muốn dùng nó để moi cái đầu đạn kia cho em. Em bằng lòng không?

Thục lưỡng lự:

- Tôi phải hỏi mẹ tôi. Mẹ tôi bảo đừng nói chuyện với những người mang súng mang dao. “Hôm đánh nhau ở khu này, hai người bộ đội cầm súng vào nhà tôi đòi ăn cơm, tôi nhờ họ moi hộ cái đầu đạn, họ quát tôi bắt ngồi yên ở xó nhà. Sau đó mẹ tôi bảo tôi đừng nói chuyện với những người cầm súng cầm dao”.

Người lính lại ôm lấy vai Thục:

- Thôi em đừng hỏi mẹ em nữa. Em đừng làm phiền mẹ em nữa, chắc mẹ em đang làm công việc trong bếp. Tôi muốn lấy hộ cái đầu đạn cho em vì cô giáo tôi ngày xưa có dạy phải giúp đỡ những người già cả và những người còn trẻ dại.

Thục ngồi yên, đôi mắt nhìn ra thửa ruộng đầy cỏ nước trước cửa nhà. lát sau Thục nói lí nhí:

- Nhưng mẹ tôi bảo như vậy. Tại chú mang súng mang dao. Người lính như ghì chặt Thục vào bên mình:

- Tôi mang súng cũng như ba em ngày xưa. Tôi cũng như ba em mà thôi. Em có nhớ ba em không?

Thục phóng tầm mắt đến một quận lý hẻo lánh. Thục đã theo mẹ đến chỗ ba Thục làm việc và đã sống ở đó một thời gian.

Thục nhớ lại dãy phố quận nhỏ hẹp, với một hàng hủ tít duy nhất mà mỗi sáng mẹ con Thục đi xe jeep của ba ra đó ăn. Thục nhớ rõ người chủ quán mỗi sáng cúi rạp mình chào mẹ mình là bà Quận. Thục cũng nhớ đến cái cột cờ giữa ngã tư tỉnh lộ, hàng rào kẽm gai bao xung quanh ngôi nhà lớn, ở trong đó ba Thục làm việc và ở ăn. Thục cũng nhớ những buổi chiều đứng từ hiên ngôi nhà đó nhìn ra ngoài qua hàng rào kẽm gai, ngôi trường cũ kỹ với những đứa học trò bằng tuổi Thục ra về. Những chiếc xe ngựa lộc cộc chạy qua trước quận, người đánh xe phải nhảy xuống dẫn bộ qua khúc đường đó. Thục cũng nhớ đã hỏi chú lính tài xế của ba Thục tại sao họ lại phải nhảy xuống dẫn ngựa đi qua trước quận, chú lính bảo “để đề phòng Việt cộng tấn công”. Thục không hiểu nhưng cũng lặng yên.

Thục nhớ ba Thục cũng đeo súng và mỗi khi đi hành quân, ba đã hôn mẹ, hôn Thục, uống một ly rượu, rồi cười ha hả trèo lên xe dẫn đoàn quân phóng chạy ra khỏi quận

xả bụi mịt mù.

Mẹ con Thục tỉnh thoảng đáp xe đò lên ở với ba vài ngày rồi lại về. Ba Thục làm quận trưởng một thời gian thì xây được căn nhà này. Trước kia nó chỉ là một nhà gỗ, sau được phá bỏ xây lại đẹp hơn và có lầu. Thục cũng được nằm giường đẹp hơn và có đệm. Thục được coi truyền hình và nghe nhạc nhiều đến nỗi Thục đã biết tự mở máy truyền hình và máy quay đĩa. Thục hỏi người lính:

- Chú có thích nghe nhạc không? Ba tôi thích cái lương như mẹ tôi. Tôi thì ghét. Tôi thích nghe hát tân nhạc. “Hôm đánh nhau ở khu này, hai người bộ đội vào nhà tôi đòi ăn cơm, tôi nhờ họ moi hộ cái đầu đạn, họ quát tôi bắt ngồi yên nơi xó nhà”. Tôi có mở nhạc nghe. Nhưng một ông bắt tôi tắt máy còn một người bảo tôi cho ông ấy nghe một bài vọng cổ.

Người lính hỏi:

- Vậy em tắt máy hay để nhạc vọng cổ?

Thục lắc đầu:

- Tôi vẫn để bài hát tôi đang nghe, mẹ tôi la rầy tôi rồi tắt máy kéo tôi vào trong buồng. Tôi khóc và mẹ tôi xin lỗi tôi, dỗ dành tôi, bế tôi nằm dưới gầm giường tránh đạn.

Người lính xỏ lưỡi lê vào bao, hỏi:

- Hôm đánh nhau ở khu này em có sợ không?

Thục tròn xoe đôi mắt:

- Sợ chứ. Mẹ tôi ôm chặt tôi nấp ở trong xó nhà. Mẹ tôi lấy những tấm đệm cao su ghế bành chặn xung quanh tường để đỡ đạn. Hai mẹ con ngồi như thế và nghe tiếng nổ. Hai người bộ đội trèo lên gác đứng nhìn xuống đường.

Thục đang kể chợt hỏi:

- Hôm đó chú ở đâu?

Người lính ngập ngừng:

- Tôi... nghỉ phép.

Thực lại hỏi:

- Chú về ăn Tết với vợ chú à?

Người lính lắc đầu:

- Không. Tôi không có vợ. Tôi về ăn Tết với mẹ tôi.

Thực ôm lấy đầu gối người lính và tỉ cầm trên đó:

- Mẹ chú có thương chú không?

- Có. Như mẹ em thương em.

Người mẹ từ trong nhà bước ra kiểm Thực. Thấy người lính ngồi với con mình trước thềm nhà, bà ta nói:

- Mời ông vào nhà ngồi ghế uống nước, ông có cần gì cứ tự nhiên.

Rồi bà ta quay sang nói với con:

- Thực, sao con không mời ông khách vào nhà mà lại ngồi trước thềm vậy?

Người lính lúc đó đã đứng dậy chào bà ta và nói lí nhí vài lời cảm ơn. Tay anh ta cầm tay Thực và nói:

- Bà cứ mặc tôi và cho phép tôi nói chuyện với cháu cho đỡ buồn. Cháu nói chuyện đi dỏm lắm.

Bà mẹ lại mời người lính một lần nữa. Anh ta ngập ngừng bước vào nhà. Mẹ Thực lấy nước uống mời. Anh ta rón rén ngồi xuống chiếc ghế bành gỗ đã bỏ đi những tấm đệm. Anh ta uống nước và liếc nhìn người đàn bà. Một người đàn bà quá trẻ. Với đôi mắt u buồn, nhiều tư lự, những sợi tóc mai chảy dài xuống hai bên má, khuôn mặt ưu tư tội nghiệp, như có một nỗi buồn tiềm tàng tỏa ra từ đôi mắt lan tràn trên khuôn mặt. Người đàn bà ngồi trên một chiếc ghế và bế Thực trên lòng. Bà ta nhìn xa xôi ra ngoài cửa ruộng trước nhà.

Im lặng khá lâu và người lính cảm thấy bầu không khí không tự nhiên, anh ta lên tiếng:

- Mấy hôm đánh nhau ở khu này bà và cháu có chạy đi đâu lánh cư không ạ ?

Người mẹ ôm Thục và kể:

- Ngay bữa đầu tiên thì đầu chạy cho kịp. Sáng ra thức dậy đã thấy các ông bộ đội đứng đầy đường. Trong khi đó thì hai bên đánh nhau ở phía đầu ngã ba vào thành phố. Tôi cũng định bế cháu chạy tản cư, nhưng ở đây chỉ có một lối ra duy nhất thì đã bị mắc kẹt rồi nên tôi đành ôm cháu núp ở nhà.

Bà ta nhìn Thục và nói tiếp:

- Có hai người bộ đội đứng trước nhà tôi mà con bé này nó chỉ định chạy ra ngoài. Tôi lo quá. Chúng tôi kẹt ở lại đây cho đến ngày hôm sau thì lửa cháy ở phía ngoài. Cháu lại cứ đòi ra xem lửa.

Thục nhìn người lính nói:

- Tôi xem đám cháy và nhìn thấy ngọn lửa từ những căn nhà ngoài kia. Chú có biết không ? “Lửa cháy làm nóng cả mặt.”

Người lính nhìn Thục cười, bà mẹ cũng nhìn con cười với nó. Đoạn bà ta kể tiếp:

- Ngày hôm thứ ba tôi mới bế cháu chạy ra ngoài phố được vì hai người bộ đội đã bỏ đi. Tôi ra nhà một người quen ở nhờ trong khi gia đình nhà ông bà ấy cũng chạy đi ở nhờ một nhà khác họ cho là an ninh hơn.

Thục nói theo:

- Chú biết không? Khi mẹ tôi công tôi chạy vào thành phố, qua đám cháy kia tôi nhìn thấy nhiều người chết úp sấp và có cả xe tăng cháy thành than. Tôi còn thấy rõ những khẩu súng bên cạnh những xác chết đó. Họ có súng mà cũng bị bắn chết vì súng sao chú?

Bà mẹ xoa đầu Thục như không muốn con mình nói nữa.

Bà ta quay sang người lính:

- Sáng nay tôi cho cháu trở về nhà. Chạy ra khỏi nhà mới hơn một ngày mà đã thấy khổ quá. Tôi nghĩ sống chết có số, nếu chết thì đã chết ngay cái hôm đánh nhau ở khu này. Bây giờ họ rút đi rồi mình cứ về đại nhà mà ở. May nhờ có các ông đến trấn đóng ở đây.

Người mẹ kể đến đây thì ngừng lại và mời người lính uống nước. Anh ta nâng ly uống cạn rồi đứng lên:

- Bà cho phép tôi moi hộ cháu bé cái đầu đạn ở ngoài bức tường kia. Cháu muốn có nó để làm kỷ niệm nhưng không lấy ra được. Tôi nghĩ moi ra hộ cháu thì cháu bảo là bà không chịu vì "tôi là kẻ mang súng mang dao". Tôi nghĩ rằng bà sẽ cho phép tôi làm vui lòng cháu một chuyện nhỏ này. Tôi mang súng mang dao vì thời đại này không thể không cần những thứ đó. Cũng như ông đại úy trước kia.

Người đàn bà cúi đầu. Bà ta đưa bàn tay đẩy Thục ra với người lính. Người lính giơ tay nắm tay Thục giắt ra cửa. Bà mẹ nói theo:

- Con ra chơi với ông khách cho ông ấy vui.

Thục đi theo người lính ra chỗ bờ tường có vết đạn. Người lính rút lưới lê cho vào cây nơi lỗ đạn, lát sau lôi ra được một mẩu đồng nhỏ đã quăn queo.

Thục cầm lên xem và hỏi:

- Phe nào bắn vào nhà tôi?

Người lính cầm cái đầu đạn xem xét một lúc rồi đưa trả lại cho Thục:

- Đạn này nhãn hiệu Mỹ. Có thể bắn ra từ phe tôi, nhưng cũng có thể đã bắn đi từ phe hai người bộ đội. Vì phe nào cũng có thứ súng đó hết.

Thục mân mê cục đồng nói bằng quơ:

- Như thế thì cũng khó hiểu thật, chú nhỉ?

Người lính nhìn vào trong nhà nói với Thục:

- Khó hiểu thật. Nhưng cũng may là nó đã không trúng vào em hay mẹ em, như viên đạn đã trúng vào ba em.

Sài Gòn, 13/10/1968

THẾ UYÊN CĂN NHÀ CỦA MẸ

Lời tác giả: Bài này khi được phổ biến lần đầu trước 1975 ở Việt Nam đã tạo nhiều dư luận, và một bên lâm chiến đã dùng truyền thanh phổ biến, cho rằng có lợi cho bên mình. Bây giờ chiến tranh đã qua, xin mời độc giả thưởng thức nó như là văn chương thôi.

Rời miền Bắc sau 1954, mang lũ chúng tôi vào Nam, bố mẹ tôi đã từ bỏ nhiều thứ trong đó có quê nội và quê ngoại, một quá khứ quá dài những vui buồn, và căn nhà đã tạo dựng bằng công khó của hai người, nhất là bằng dấu vết những bàn chân nhỏ cùng các tiếng khóc tiếng cười của đứa bé đã sinh ra và lớn lên trong đó. Tết năm ấy, Tết tha hương đầu tiên, bố mẹ tôi không hề buồn bởi vì hai người chưa già và trừ người con lớn còn ở trong quân ngũ nơi xa, gia đình tôi sum họp đầy đủ trong căn nhà cũ kỹ tồi tàn không

nước không điện của khu Bàn Cờ. Tết năm ấy, năm của hòa bình, hầu hết những người dân hai miền còn đầy hi vọng ở tương lai.

Rồi ngày tháng theo nhau qua. Niềm hi vọng ở tương lai của mọi người có còn nguyên vẹn như thế không, tôi không biết. Tôi chỉ biết vào một ngày cuối năm, thứ hi vọng ở tương lai của gia đình khiêm tốn của tôi đã suy giảm nhiều. Lý do thật giản dị: bố tôi, cột trụ của gia đình, đã thấm mệt, đã chịu thua cuộc đời, đi vào tuổi già. Ông đã cam chịu làm một công chức nhỏ cho một cơ quan thuộc binh chủng lo làm nhà xây cầu cho quân đội. Ông thôi không còn nói tới lo xin ra báo, mở nhà in, tái lập một thời kỳ huy hoàng của ông trong những năm còn trẻ nữa. Trong một đêm khuya đi chơi về bắt gặp ông đang còn thức soạn chồng giấy tờ cũ - những tấm thiệp mời ông dự buổi lễ này tiệc rượu nọ của cả một thời kỳ đã qua - dưới ánh đèn dầu lù mù và trong tiếng xe chạy ào ào trên con lộ lớn trước nhà, tôi đột nhiên cảm thấy từ thâm tâm một cái gì thúc đẩy tôi ngồi xuống đối diện với ông, nói gì chưa biết, nhưng phải ngồi. Hình như đây là lần đầu tiên tôi ý thức được thế nào là cô đơn của một người thất bại về già bó gối chịu thua. Trong căn nhà tồi tàn này, vợ con đầy đủ có, nằm ngủ yên chung quanh, nhưng có những nỗi buồn tự bản chất đã là không sao chia sẻ nổi.

Tôi đã tới ngồi chiếc ghế bên này chiếc bàn mộc, vợ vẫn đọc những tấm thiệp cũ xưa ấy, nghe người già ngồi bên kia nói về cuộc đời, về tuổi trẻ, về những ước vọng vang bóng một thời. Ông nói ông đã làm thất vọng nhiều người, trong đó có mẹ tôi, con gái duy nhất một gia đình nhiều danh tiếng về văn học cũng như về đấu tranh cách mạng. Ông đã quá rong chơi, quá phung phí tuổi trẻ, để rồi tới lúc

này không còn gì. Không một danh tiếng, cũng không cả gia sản. Và dù sao cũng là kẻ cuối cùng của một giòng kẻ sĩ lâu đời, ông đã vừa phải khước từ một đề nghị chính trị nhiều bá đạo nhưng cũng nhiều quyền lợi của chính quyền đương thời... Như vậy ông chỉ còn một đời sống khiêm tốn để sống, cuộc đời của một công chức già và một căn nhà nhỏ mới được cơ quan cấp phát trong một cư xá hỗn hợp, căn nhà ông hẹn tôi mai sớm tới sở kiểm ông để cùng sang nhận. Trong khuya, không biết là giờ nào của đêm, ông trầm giọng: "...sau này, bố chỉ ao ước con làm được cho bố một căn nhà tranh ba gian hai chái trên nền đất nện, trước nhà đào một ao nhỏ có cầu ao dẫn xuống mặt nước nuôi bèo không vớt, cho xanh um ở ven đê nào cũng được..."

Tính ông chuyên đoán nên bố con ít khi nói chuyện nhiều, chưa kể có thời kỳ tôi còn ghét ông vì bị bắt phải làm những điều ông muốn và tôi không ưa. Nhưng đêm nay, lần đầu tiên từ khi lớn lên, tôi hiểu bố được một phần nào. Một thoáng ghen ngào lẫn khuất với lòng thương mến. Tôi cất tiếng nói, nói rất nhiều. Bây giờ đến lượt ông ngồi nghe nói về những ước vọng của tôi - những ước vọng dĩ nhiên thật cao xa của một thanh niên mới lớn.

Chẳng biết ông có tin những lời đao to búa lớn ấy của tôi không, nhưng ít nhất buổi nói chuyện trong đêm cũng làm hai bố con dễ chịu với nhau hơn, khi đến nhận căn nhà đầu dãy của một khu dành cho binh sĩ và nhân viên dân chính. Căn nhà nhìn ra bãi cỏ hoang đầy vòng kẽm gai cũ rỉ, sát vách bên là một đống khối bê tông lớn xếp hỗn độn do đạo quân viễn chinh Pháp bỏ lại, căn nhà vào mùa mưa thì nước ngập và mùa nắng thì mái tôn hừng hực chói chang.

Gia đình tôi dọn tới ở căn nhà ấy và ở thật lâu. Mẹ tôi vẫn có tài thích ứng về mọi sự và nhất là về nhà cửa ruộng

vườn. Bãi cỏ hoang, mẹ tôi phát cỏ, cuốc đất lên làm thành vườn. Mẹ tôi trồng nhiều cây trứng cá vì chúng vừa chóng có bóng mát vừa chóng có trái cho “chúng mày chọc ăn.” Mẹ tôi đục thêm cửa sổ hông và khi bọn tôi kêu lên khỏi hài là nhìn qua đó thấy đồng đá non bộ (các khối bê tông ấy) đẹp như thế mà thiếu hàng trúc thưa, bà đi trồng hai rặng mía vi: “...đốt mía đẹp kém gì trúc mà lại ăn được.” Cứ với quan niệm dung hòa mỹ thuật với thực phẩm ấy, khu vườn của mẹ tôi không thể thiếu vài luống sắn thanh mảnh và lá thật đẹp mỗi khi trời xanh cao và nhiều nắng. Trong căn nhà nhỏ và khu vườn vừa đẹp vừa ngon do mẹ tôi tạo dựng ấy, chúng tôi đã sống những ngày thật vui và hạnh phúc. Anh Lam đã đưa chị dâu tôi về ngồi dưới bóng mát của các cây trứng cá nở đầy hoa trắng, đêm trăng như có sương đọng. Tôi đã từng đưa người yêu của tôi, người sẽ theo gót chị Lam về làm dâu thứ trong căn nhà này, đi giữa hai luống sắn, ven rặng mía dưới vòm hoa ti gôn. Tôi đã từng bắc thang đưa nàng lên mái nhà, nơi đứa em trai đã sửa cây xếp cành thành một vùng nho nhỏ như tổ chim— một chỗ để hôn nhau. Rồi đứa em gái kể đã hôn người yêu ngoài bờ cỏ sau bụi tre, đã khóc đã cười và đi lấy chồng cũng từ căn nhà của bố và khu vườn của mẹ.

Những năm tháng vui tươi rồi cũng qua đi, chiến tranh đã bộc phát dữ dội làm phân tán lũ con trai và gửi những sợi tóc đốm bạc lên mái tóc bố tôi. Từ lâu rồi, ông suy yếu nhanh vì bệnh lao. Đêm Trung Thu chót, khi chúng tôi treo đèn xếp đầy vườn, trên ngọn cây sắn éo lá, trên cành cây, trong lùm cây và bày cỗ ăn bánh uống trà vui vẻ ngoài vườn, ông chỉ còn đủ sức ngồi thu người trên ghế, vừa hút thuốc vừa nhìn ra. Bởi thế khi bước chân vào quân trường, tôi đã nghĩ không hiểu rằng khi chết, ông liệu có được bao

nhiều đứa con bên giường.

Và tin ông chết trong bệnh viện Cộng hòa, chết một mình, đến với tôi khi vừa tập trận ở một bãi xa về. Trong khi chờ đợi giấy phép bạn bè đang chạy tứ tung lo hộ, tôi ngồi ở một bộ xi măng ven võ đình trường, nhớ tới ông trong những ngày gặp chót - gặp thật gần vì thời hạn đi phép đã chẳng dài bao nhiêu, tôi lại dành hầu hết cho Thi và cho tôi. Lần phép chót, khi tôi mặc xong quân phục, cầm mũ đi ra, ông đã gọi giật lại, ngập ngừng hỏi tôi còn tiền hay không. Tôi mở ví ra còn hơn ba trăm, chia cho bố một nửa... Nước mắt tôi rớt trên cát vỡ các hình ngôi sao nâu, nhưng tôi không kìm giữ vì biết rằng tối nay, vì ở gần Sài Gòn nhất, tôi sẽ là đứa con duy nhất về kịp với mẹ. Trong căn nhà, trong khu vườn, tôi cần trấn tĩnh. Còn ở đây, võ đình trường trải dài vắng ngắt trong ráng chiều... Tôi chỉ khóc ông một lần nữa sau khi mộ đã đắp, ông đã yên nghỉ trong một nghĩa trang xa lạ, yên nghỉ vĩnh viễn trước khi tôi thực hiện được giấc mơ nhỏ của ông trong tuổi già, là làm một căn nhà tranh ba gian hai chái trên nền đất nện, trước nhà có một ao nhỏ thả bèo cho xanh...

Ông chết đi, sau khi tiền tử tuất đã trả, cơ quan đòi lại căn nhà đã cấp phát từ bao năm. Mẹ tôi có báo cho tôi biết, nhưng thân làm lính trấn thủ lưu đồn, tôi làm gì được. Chẳng lẽ để các con nhỏ đi ở nhờ bà con họ hàng, mẹ tôi đến cơ quan cầu xin. Chồng chết không gia sản, các con trai đi lính hết, mỗi đứa một sư đoàn xa... Thế rồi mẹ tôi được cơ quan chấp thuận cho tạm trú ở khoảng đất ngay sát nhà. Còn căn nhà, vẫn phải trả.

Mất căn nhà nhưng còn được khu vườn, mẹ tôi đi vay tiền, xin vật liệu về chất đống, nhưng chưa khởi công vì còn đợi tôi về “cất nóc” hay “thượng lương” chi đó. Tối kỳ

về phép, ngồi giữa đống gỗ ngổn ngang, tôi uống trà với mẹ trong khu vườn mà sốt ruột chỉ muốn đi - vì Thi ngồi ngay bên, trong vòng tay và bây giờ hai đứa tôi không cần “một chỗ để hôn nhau” mà cần tìm một chỗ để làm tình với nhau. Xong tuần trà, mẹ tôi gọi tôi ra khỏi công làm nhà. Tôi nhăn nhó vì sợ mất nhiều thì giờ, nhưng thực ra không có gì: tôi nâng một cái xà gỗ đầu tiên cho mẹ tôi đóng. Thế là xong lễ cất nóc cho một ngôi nhà.

Nhưng căn nhà của mẹ tôi hẳn không giống như mọi người. Thiếu gỗ mẹ chỉ làm có ba vách, vách thứ tư là tường căn nhà cũ. Dù chỉ ba vách cũng thiếu gỗ nên cả mặt tiền chỉ làm gỗ phân nửa dưới còn nửa trên đóng lưới, trong làm màn ngoài treo mảnh tre. Căn nhà trông trái đến nỗi mỗi khi có gió lớn thổi, lá khô theo các khe hở rơi lả tả đầy nhà và khi mưa lớn thì đúng là mưa gió bốn bề. Một căn nhà “gần” thiên nhiên đến mức tối đa, chim làm tổ trên đỉnh màn và đêm khuya để kêu ri rí dưới gậm giường. Nhưng quả là một căn nhà liêu trai cho một hàn sĩ trẻ và tôi đã nhiều lần mời bạn văn đến uống rượu nhân dịp xuất bản những tác phẩm đầu tiên tại nơi này, trong căn nhà của mẹ và khu vườn của mẹ.

Rồi thời gian qua nữa. Sau khi phiêu bạt nhiều đơn vị của ba vùng chiến thuật, tôi mới được đổi về Sài Gòn. Khi ấy cấp chỉ huy binh chủng sở hữu khu nhà quyết định dùng khoảng đất trong có khu vườn của mẹ dự trù làm bể bơi hay sân quần vợt chi đó và xe ủi đất đơn vị đã tới san bằng. Khi tôi trở về, cứ như Từ Thức về trần, khu vườn đã biến mất không còn dấu vết. Mẹ tôi chỉ nói là hết sức năn nỉ mấy người lính mới giữ được một cây trứng cá duy nhất bây giờ đã gần như cổ thụ mọc sát vách nhà. Tôi thoáng buồn rầu khi hiểu tại sao mẹ tôi không tới năn nỉ xin cấp chỉ

huy khu đó, mà chỉ đi nói với mấy người lính lái xe. Và tôi không đủ can đảm để hỏi mẹ tôi khi năn nỉ, liệu có nói các con bà đều là lính như họ, ủi gì thì ủi, chớ ủi nhà mẹ già em đại của chúng hay không.

Một thời gian sau mẹ tôi theo hai đứa con gái sau chót lên Đà Lạt và tôi cùng gia đình riêng mới tạo dựng, dọn về nhà mẹ ở. Trước khi đi, mẹ dặn coi chừng vì có tin đồn là sắp có lệnh dỡ nhà trả đất, vì cấp chỉ huy binh chủng định biến khu này thành cư xá sĩ quan. Mẹ chẳng dặn thì tôi cũng coi chừng. Làm sao nữa để mất căn nhà của mẹ, căn nhà của một thời kỳ, căn nhà duy nhất bọn tôi có được kể từ khi xa miền Bắc.

Rồi lệnh dỡ nhà đến thật. Tôi làm đơn xin, viện lẽ thượng cấp đã định cấp phát lại khu này cho sĩ quan thì có là dân bộ binh chân lấm tay bùn tôi cũng là sĩ quan, xin được lưu cư ở khoảng đất nhỏ bé. Đất là đất chung của quân đội và huynh đệ chi binh... Nhưng một buổi sáng đẹp trời, một văn thư gửi tới cho biết phải dỡ nhà đi và “vì tình nhân đạo, cho đương sự một thời hạn ba tháng để thi hành lệnh này.” Tôi chưa chịu thua, xin đủ giấy tờ chứng tỏ là nhà có ba lính, thì lính anh lính em và lính tôi đều không có nhà, dù là nhà mình mua hay nhà cấp phát. Tôi đã đến yêu cầu, đập cửa các quan to sừng ngắn, “mời gối quỳ mòn các sân tướng phủ,” viện đủ các lý lẽ, kể cả “chế độ miền Nam nói chung cũng nên có một công bằng tối thiểu: bố chết nghèo, bắt tất cả các con trai đi lính, lính thứ thật và lính phục vụ thanh liêm tiền đầu mà mua nhà cho mẹ, xin hãy cho mẹ già chúng một khoảng đất tá túc.”

Nhưng tôi đã thất bại, hoàn toàn thất bại. Lệnh dỡ nhà trực xuất khỏi cư xá và không gia hạn thêm lấy một ngày. Còn kèm thêm khẩu lệnh phụ là tới ngày không đi sẽ cho

xe bulldozer tới ủi tất cả và cho an ninh tới bắt. Tôi đành gọi người vào dỡ nhà bán vật liệu—vật liệu chẳng còn bao nhiêu giá trị sau bao mùa mưa nắng và nước ngập. Bán được năm ngàn đồng, gửi lên cho mẹ, mẹ lại cho trở lại để “các con lấy tiền mà dọn nhà.” Thế rồi đến ngày chót, lại một ngày đẹp trời nữa, tôi dọn nhà. Khi buổi sáng trở dậy, mặc bộ đồ trận vào, tôi thấy hơi buồn bã và chua xót. Bao nhiêu giọt mồ hôi khổ cực của tôi, của anh em tôi đã đổ ra thấm vào những bộ quần áo như thế này, để rồi rút cục xin một khoảng đất cho mẹ có nhà ở mà còn không xong.

Rút kinh nghiệm, từ giờ bọn tôi lo kiếm đất trước đã, trước khi nghĩ tới chuyện làm nhà khác cho mẹ. Do một tình cờ anh Lam tôi quen với thị trưởng vùng Đà Lạt. Anh liền nói với người bạn ấy cấp cho mẹ tôi một khoảng đất - trên vùng ấy, núi đồi thiếu gì. Lời yêu cầu ấy được thỏa mãn, các con của mẹ tôi đã có dịp chế bà là “tân địa chủ” và tôi có cơ hội để ước mơ, là khi chiến tranh chấm dứt, các con trai buông súng trở về cầm cưa vác búa vào rừng lấy gỗ mà làm cho mẹ tôi, lúc đó tóc đã bạc như sương, một căn nhà nhỏ ven một đồi thông nhiều gió lộng.

Trong khi chờ đợi “căn nhà viễn mơ” của mấy ông anh bao năm chỉ biết tranh đấu tới tranh đấu lui nghèo mặt rệp ra không đi đến đâu - lời mấy đứa em gái tôi - thì chúng ra sức làm việc để dành tiền mua nhà, một căn nhà nhỏ thôi, tôi mấy cũng được, miễn là có đất rộng một chút, để rồi “mẹ gõ cho nó mấy cái là thành nhà ở được, cuốc cho nó mấy nhát là thành vườn vừa ăn được vừa ngắm được.” Mà chúng làm việc thực. Tôi và Thi lên chơi, coi chúng đi làm mà chóng mặt. Quả thực là đầu tắt mặt tối. Nhưng rồi một đứa em gái cùng chồng đã dành dụm được tiền mua một căn nhà gỗ tôi ở đầu một thung lũng nghèo. Và mẹ tôi đã

vác búa vác cuốc ra, các con cháu xúm lại, đến khi tôi lên lần nữa, căn nhà đã sửa xong, xinh xắn, và ngoài vườn theo đúng truyền thống của mẹ tôi, cây su su hiên ngang leo lên cành mạn, phong lan treo dưới giàn bí, rau thơm xen kẽ với cúc vàng, riềng và gừng cạnh dãy thực dược...

Các con trai không có nhà thì nhà con gái con rể cũng là đẹp rồi. Con nào chẳng là con. Tôi tưởng thế là mẹ như có nhà. Nhưng tôi lầm. Trước Tết năm nay một bà mợ trong họ chết. Khi biết rõ tin tức mẹ tôi nói: “Mợ ấy chết sau khi con cái đã thành đạt cả cũng sướng. Nhưng chết ở nhà con rể thì cũng chưa được gọi là hoàn toàn.” Mẹ tôi chỉ nói thế thôi, nhưng tôi và Thi đưa mắt nhìn nhau im lặng. Lại phải tính đến chuyện chung sức các con trai làm nhà cho mẹ thôi.

Tôi liền hỏi khoảng đất ngày trước mẹ được cấp phát hiện giờ ra sao... và được mẹ cho biết một vị tỉnh trưởng sau đã nhân danh một công bằng xã hội nào đó thu hồi lại rồi. Tôi và Thi lại im lặng nhìn nhau vì trong mấy ngày rong chơi lang thang thành phố miền núi này, hai đứa đã thấy biết bao nhà cửa chiếm đất công xây cất bừa bãi...

Thế là đến cuối năm nay, khi cả nhà chuẩn bị ồn ào đón xuân cùng thiên hạ, thì mẹ tôi đất cũng không nhà cũng không. Và buổi sáng mùng một Tết, nhìn mẹ tôi đứng dưới tam quan chùa Linh Phong lộng gió từ dưới các thung lũng lên, tôi chợt nhận ra mái tóc mẹ tôi đã gần như bạc trắng hết dưới ánh nắng đầu xuân, bạc đã gần như sương.

Mỗi người cần có một quê hương để trở về vào tuổi già hay vào những thời kỳ mệt mỏi hay chán nản trong đời. Bởi thế, ai mất quê hương thực sự của mình, đều phải tạo ra một quê hương mới, bằng cách này hay bằng cách khác.

Viết cho Vu Lan 1970

THÍCH NHẤT HẠNH CỬA TÙNG ĐÔI CÁNH GÀI

Khi chàng dừng sĩ về đến chân núi thì trăng cũng vừa lên. Trăng mười chín soi sáng cảnh núi rừng cô tịch. Ánh trăng nhấp nháy đùa giỡn trên lá cây. Đêm thu mát lạnh. Cảnh vật hình như không có gì đổi thay sau bảy năm xa cách. Cảnh vật tuy không xa lạ, nhưng cũng không thân mật chào đón người cũ từ phương lạ trở về. Chàng dừng sĩ dừng lại ở chân núi, nhìn lên.

Trước mặt chàng, con đường mòn lên núi đã bị đôi cánh cửa tùng khép chặt. Chàng đưa tay cố đẩy. Nhưng hai cánh cửa kiên cố vẫn im lìm không lay chuyển dưới sức mạnh của đôi cánh tay chàng. Chàng lấy làm lạ. Ngày xưa chẳng bao giờ sư phụ chàng lại cho đóng chặt cửa lên núi như thế này. Chỉ có một con đường đưa tới am sư phụ mà thôi, nhưng bây giờ lại bị đóng chặt. Hơn hờ chàng vỗ tay vào đốc kiếm, phi thân nhảy qua, nhưng

chàng không nhảy qua khỏi. Một mảnh lục gi níu lấy thân chàng trở lại, khiến chàng không cất mình lên khỏi hai cánh cửa tùng. Chàng rút gươm định chém rời cánh cửa, nhưng khi chạm tới cánh cửa, lưỡi gươm văng trở lại như vừa chạm vào thép cứng. Chàng chùn tay, đưa lưỡi gươm lên nhìn. Lưỡi thép sáng loáng dưới ánh trăng. Cánh cửa tùng rắn quá, và hình như đã thu nhận thần lực của sư phụ chàng, nên đã đóng kín đường mòn lại một cách hết sức vững chãi. Chàng thở dài cho gươm vào vỏ rồi ngồi phịch xuống tấm đá lớn gần bên, ôm đầu nghĩ ngợi. Bấy năm về trước, chàng còn nhớ rõ khi chàng xuống núi, sư phụ chàng đã lặng lẽ nhìn chàng một hồi lâu, không nói năng gì. Cái nhìn của Người tuy dịu dàng nhưng có lẫn đôi chút xót thương. Chàng đã cúi đầu im lặng trước đôi mắt dịu hiền và cái nhìn bao dung của sư phụ. Hồi lâu Người mới thông thả bảo chàng:

- “Ta không thể giữ con ở mãi bên ta. Thế nào con cũng phải xuống núi để hành đạo, để cứu người và giúp đời. Ta cho rằng con có thể ở lại cùng ta trong một thời gian nữa trước khi con rời ta xuống núi. Nay con đã muốn xuống thì con cứ xuống. Nhưng con ạ, ta mong con nhớ những điều ta dặn khi con đã đi vào cuộc sống đồng sự và lợi hành.” Rồi Người cặn kẽ dặn chàng về những điều chàng nên tránh, và về những điều chàng nên làm. Sau hết, Người từ tốn và dịu dàng để tay trên vai chàng:

- “Con phải nhớ những tiêu chuẩn hành động mà ta đã truyền thọ cho con trong năm sáu năm trời học tập. Chớ bao giờ làm một việc gì có thể gây khổ đau cho mình và cho kẻ khác, trong hiện tại cũng như trong tương lai. Hãy tiến bước mạnh dạn trên con đường mà con chắc có thể đưa con và mọi người về nơi giác ngộ. Nên nhớ muôn đời

những tiêu chuẩn khổ vui và mê ngộ mà hành Đạo, độ Đời. “Thanh bảo kiếm mà ta đã trao cho con, con hãy sử dụng nó để diệt trừ ma chướng. Hãy xem đó như lưới gươm trí tuệ nơi tâm con sẽ dùng để hàng phục mê chướng và si vọng. Nhưng để giúp con, ta cho con thêm một bảo bối này để con có thể thành tựu công quả một cách dễ dàng.”

Người thông thả lấy trong tay áo ra một chiếc kính nhỏ và đưa cho chàng: “Đây là Mê Ngộ Cảnh. Tắm kính này sẽ giúp con biết rõ thiện ác, chính tà. Có người gọi nó là kính chiếu yêu, bởi vì qua tấm kính này, con có thể thấy được nguyên hình của loài yêu quái.”

Chàng nhận bảo kính và cảm động đến nỗi nói không nên lời. Tờ mờ sáng hôm sau, chàng lên bái biệt sư phụ xuống núi. Người tiễn chàng xuống tận dòng Hồ Khê và thầy trò từ biệt nhau trong tiếng suối róc rách chảy Sư phụ đặt bàn tay hiền dịu trên vai chàng nhìn thẳng vào cặp mắt chàng. Và nhìn theo chàng dững sững ra đi. Người còn dặn theo: “Nhớ không con, nghèo khổ không thay đổi, vũ lực không khuất phục, giàu sang không mờ ám nhé. Ta ở đây đợi ngày con mang đạt nguyện trở về.”

Chàng nhớ lại những ngày đầu tiên xuống núi tiếp xúc với cuộc đời. Chàng đã gặp trên con đường hành đạo bao bộ mặt khác nhau của con người, đã dùng bảo kiếm và mê ngộ cảnh của sư phụ chàng một cách có hiệu quả. Chàng còn nhớ có một lần kia, trên con đường hành đạo, chàng gặp một vị đạo sĩ tay cầm phất trần, đi lại gần chàng và mời chàng về động để bàn tính công việc giúp đời. Đạo sĩ tỏ ra rất hăng hái với việc cứu nhân độ thế và giúp ích mọi loài. Ban đầu, chàng say sưa nghe theo lời đạo sĩ.

Nhưng trong lúc tiếp xúc với vị đạo sĩ, chàng nhận thấy người này có vẻ khả nghi. Chàng đưa tay rút mê ngộ cảnh

ra chiếu. Trước mắt chàng, không phải là một đạo sĩ mà là một con yêu lớn có hai nanh dài, một cặp sừng trên trán và hai con mắt xanh lè đỏ lửa. Chàng vội nhảy lui lại và rút bảo kiếm chém. Yêu quái cố sức kháng cự, nhưng cuối cùng, chàng thắng, và yêu quái hiện nguyên hình quỳ dưới chân chàng xin dung toàn tánh mạng. Chàng bằng lòng tha tội nhưng buộc yêu quái phải trân trọng hứa lui về tu luyện để thoát xác thành người mà không được trá hình đạo sĩ để lừa bịp và tìm cách nuốt sống những kẻ khờ dại dễ tin.

Một lần khác, chàng gặp một vị đường quan, rất có dáng dấp một bậc cha mẹ dân. Vị đường quan râu dài bạc phơ, hứa sẽ trọng dụng chàng và đã chịu khó thức suốt một đêm để bàn với chàng về những điều chánh trị ích quốc lợi dân. Vị đường quan đã tỏ ra mình là một người thiết tha đến hạnh phúc muôn dân, nhưng khi đưa mê ngộ cảnh lên, chàng hoảng hốt nhận đó là một con heo khổng lồ với cặp mắt háu đói, thèm khát, vô cùng khủng khiếp. Chàng đứng dậy rút gươm chém. Yêu quái bỏ chạy nhưng chàng đã nhảy ra đứng chặn giữa cửa công đường và hét bảo nó hiện nguyên hình. Con heo kinh khiếp hiện hình quỳ dưới chân chàng cầu xin tha tội và hứa sẽ về tu luyện tinh tấn, thoát xác biếng lười, không còn dám trá hình để rúc rĩa xương thịt người dân vô tội.

Có một hôm, đi ngang qua chợ, chàng thấy thiên hạ già trẻ trai gái xúm quanh ngôi hàng sách. Người đang bày bán sách và tranh cho mọi người là một cô gái mặt hoa da phấn, trên miệng luôn luôn sẵn có một nụ cười. Thiên hạ trầm trồ khen ngợi tranh vẽ và thi nhau mua sách. Bên cạnh cô ta lại có một cô gái khác, cũng mặt hoa da phấn, tay ôm đàn, miệng cất tiếng hát khiến mọi người đã mua sách phải mê mẩn tâm thần không muốn ra khỏi cửa hàng. Thật

là một cảnh thái bình nên thơ. Chàng cũng ngây ngất đứng nghe, và cuối cùng chàng lại gần cầm lên một bức họa. Màu sắc làm chàng choáng ngợp, nhưng qua nội dung chàng thấy thoáng gọn trong tâm linh một ít nghi ngờ. Đưa mê ngộ cảnh lên nhìn, chàng hốt hoảng thấy nguyên hình hai con rắn độc, phun nọc phè phè. Chàng vội gạt mọi người ra, rút bảo kiếm, quát lên: Nghiệt súc! đừng phun nọc độc hại người. Mọi người chạy tán loạn. Hai con rắn độc văng mình tới. Nhưng trước thần lực của lưỡi bảo kiếm, cuối cùng đành phải khoanh tròn dưới gối chàng van xin thứ tội. Chàng dùng bảo kiếm cắt đứt nọc độc, đốt cháy cửa hàng và tha cho yêu súc, buộc cả hai phải hứa trở về núi tu luyện cho thoát kiếp ngậm nọc phun người. Cứ thế, chàng đã sử dụng bảo kiếm và mê ngộ cảnh theo đúng lời sư phụ dặn để cứu người và giúp đời.

Chàng đã sống miệt mài với nhiệm vụ. Đã từ lâu chàng vẫn tự cho rằng chàng là người dưng sĩ cần thiết cho cuộc đời. Cuộc đời không thể vắng bóng chàng. Chàng đã trà trộn trong cuộc sống, có khi thành công, nhưng cũng nhiều khi thất bại. Đối diện với cuộc sống đầy mưu mô gian trá, nhiều lúc chàng phải uốn mình, linh động theo hoàn cảnh để chinh phục và chiến thắng. Có lúc chàng say sưa miệt mài trong công việc. Chàng cảm thấy thích thú khi hành động. Có khi chàng say mê quên cả ăn cả nghỉ, vì một sự theo đuổi mà chàng cảm thấy vì vui thích mà thực hiện hơn là ý thức rằng mình cần hoạt động để mà phụng sự. Thời gian trôi cứ như thế cho đến bảy năm. Một hôm trong lúc ngồi nghỉ bên một dòng sông, nhìn dòng nước lặng lẽ trôi, chàng giật mình thấy đã từ lâu, gần hai năm nay, chàng không dùng đến mê ngộ cảnh. Chàng không dùng, không phải là chàng quên rằng mình có mê ngộ cảnh, mà chỉ vì

chàng thấy không thích dùng. Chàng nhớ lại trước đây đã có một thời chàng dùng mê ngộ cảnh một cách miễn cưỡng. Chàng nhớ lại những ngày mới xuống núi ấy, chàng đã chiến đấu rất hăng hái khi thấy nguyên hình những yêu quái xuất hiện trên mê ngộ cảnh. Chàng cũng cảm thấy hân hoan vô hạn khi soi thấy trên mê ngộ cảnh hình dáng các bậc hiền nhân. Nhưng trong thời gian trước đây, một cái gì khác lạ đã đến trong tâm hồn chàng, đến lúc nào chàng không nhận rõ. Chàng đã không thiết tha lắm khi nhìn thấy hình bóng một bậc hiền nhân, mà cũng không giận dữ lắm khi thấy một bóng hình yêu quái. Trong bóng hình yêu quái đó, đôi khi chàng lại nhận ra một vài nét hơi quen thuộc, và lưới bảo kiếm đã có thờ ơ khi có những bóng hình yêu quái xuất hiện trước kính thần.

Cho đến những ngày gần đây, chàng không dùng mê ngộ cảnh nữa. Chiếc kính vẫn nằm trong túi áo chàng, nhưng đã từ lâu không còn được sử dụng. Chàng lấy làm lạ và đã nói nhiều lần định quay về hỏi sư phụ. Nhưng đã ba tháng qua, bận bịu những gì không đâu, chàng chưa có thể trở về. Mãi cho đến hôm mười hai tháng tám trước đây, đi qua một rừng mai hoa nở, thấy sắc hoa trắng như tuyết lấp lánh dưới ánh trăng thu, nhớ đến những ngày thơ ấu bên rừng mai già học tập dưới chân thầy, chàng mới quyết định trở về. Đường về sao chàng thấy xa quá. Bảy ngày trèo non lặn suối mới về tới được chỗ cũ.

Nhưng đến chân núi thì trời đã tối. Trăng cũng vừa lên và hai cánh cửa tùng cũng đã khép chặt lối mòn. Chàng đành phải đợi. Buổi sáng, người sư đệ của chàng thế nào cũng phải xuống suối múc nước, và như vậy sẽ mở cửa cho chàng. Trăng đã lên tới quá đỉnh đầu, ánh trăng vàng vạc chiếu xuống rừng núi âm u. Trời càng về khuya càng lạnh.

Chàng lại rút kiếm ra nhìn. Ánh trăng lại lấp lánh trên lưỡi kiếm. Chàng lại tra kiếm vào vỏ. Trên mặt chàng thoáng nét ưu tư sầu muộn. Chàng đứng dậy. Trăng sáng quá. Núi rừng vẫn u tịch và lạnh lùng. Chàng ngồi xuống phiến đá chờ đợi. Quãng đời bảy năm qua lại trở về trong trí óc chàng. Trăng dần dần về phía núi xa. Ngàn sao lấp lánh linh động hơn, và cuối cùng bắt đầu mờ nhạt. Phương đông đã nhuộm dần ánh sáng mờ mờ.

Đường viền ngọn núi đã nổi dần trên vầng sáng nhạt. Bình minh sắp về. Chàng nghe tiếng lá khô xào xạc trên núi. Ngửng lên chàng thấy một bóng người mờ nhạt từ trên đi xuống. Chắc hẳn là người sư đệ của chàng. Trời đang tối quá chàng nhìn không rõ, chỉ thấy hình bóng.

Nhưng chắc chắn đó là người sư đệ, bởi vì tay có cầm tịnh bình. Chàng đứng dậy. Bóng người tiến xuống và khi đến gần cánh cửa thì cũng vừa nhận ra được chàng dừng sĩ.

- “Đại huynh”

- Sư đệ! - Đại huynh về bao giờ thế? - Ta về lúc trăng mới lên và phải đợi cả đêm dưới này. Tại sao sư phụ lại cho đóng kín lối lên như thế? Người sư đệ mỉm cười đưa nhẹ tay mở cửa. Hai cánh cửa tung bật ra một cách dễ dàng. Bước ra nắm lấy tay chàng và nhìn chàng tận mặt. - “Đại huynh ở một đêm giữa trời chắc lạnh lắm. Sương phủ ướt áo thế này mà, thôi để tiểu đệ phủ bớt cho. Trước kia đệ thường ở dưới núi hái rau nhặt củi và luôn tiện canh chừng người lên núi. Lâu lâu mới có một người lên núi. Nếu tiểu đệ thấy ai đáng lên hầu sư phụ thì tiểu đệ cho lên, nếu họ không đáng lên thì em lẩn tránh để cho họ lạc đường. Sư huynh biết rằng sư phụ không bao giờ muốn tiếp những người lên núi với tâm niệm không lành. Độ này tiểu đệ bận tập luyện luôn mà sư phụ cũng bận ngồi tĩnh tọa trong thạch

động nên người dọn cho đệ khép cửa chắn ngang lối lên dưới này. Sư phụ có trao phép lạ khiến cho cửa tự động mở ra khi các bậc hiền nhân đến. Nhưng khi những kẻ phàm tục lên thì cửa cứ đóng chặt không thể nào vượt qua được. Nhất là khi kẻ ấy có yêu khí thì đừng mong lên núi.”

Chàng dững sĩ cau mày:

“Nhưng không lẽ ta mà lại là yêu quái? Sao cửa lại đóng chặt?”

Người sư đệ cười lớn: - “Vâng đại huynh sao lại là yêu quái được! Đệ cũng quên đi mất là tại sao cửa lại đóng. Nhưng bây giờ dù sao thì đại huynh cũng lên núi được rồi cơ mà, vì cửa đã mở. Nhưng đại huynh đợi em chút nhé. Để tiểu đệ xuống suối múc nước rồi cùng lên một thể. Hay đại huynh xuống suối với đệ cho vui. Cười lên chứ, đại huynh giận ai mà nét mặt trông khó đăm đăm như vậy.”

Hai anh em cười vang. Chàng dững sĩ đi theo người sư đệ xuống suối. Mặt trời vẫn chưa lên, nhưng phương đông đã rạng. Hai người đã có thể nhìn rõ mặt nhau. Mặt suối lặng trong, in màu hồng của rạng đông. Bóng hai người đứng song song in hình trên mặt suối. Chàng dững sĩ trong bộ võ phục hiện ngang, lưng đeo trường kiếm. Người sư đệ trong y phục tiểu đồng hòa nhã, tay cầm tịnh bình. Hai người cùng nhìn bóng mình in trên mặt nước mỉm cười. Một con bọt nước nhảy, làm mặt nước hồng gợn nhẹ và bóng hai người rung rung theo làn sóng nước gợn.

“Bóng chúng ta trên mặt nước đẹp quá nhỉ! Nếu bây giờ tiểu đệ múc nước thì sóng dậy và bóng tan mất. À này đại huynh “mê ngộ cảnh” sư phụ cho đại huynh còn giữ đó không?” Chàng dững sĩ cho tay vào túi trả lời:

- Còn đây

- Tại sao chúng ta không đem ra chiếu hình chúng ta

xem nào?

Chàng sực nhớ là từ lâu chàng chưa chiếu mê thử trước hình bóng mình. Chàng lấy kính thần ra, lau bụi vào vạt áo, chiếu trên mặt nước. Hai anh em châu đầu vào mặt kính.

Nhưng bỗng cả hai người cùng hét lên một tiếng kinh hoàng, khủng khiếp, và tiếp theo đó chàng dững sĩ ngã quy trên bờ suối bất tỉnh. Tiếng hét kinh khủng làm chấn động cả núi rừng hoang dại. Một con nai đang uống nước phía trên dòng hoảng hốt đưa đầu lên nhìn, ngơ ngác kinh sợ. Người sư đệ vừa trông thấy trong kính thần, hình bóng của mình đứng bên cạnh hình bóng một con yêu to lớn với đôi mắt tối sâu như hai miệng giếng không đáy, hai chiếc răng dài quặp sâu vào chiếc cằm vuông, trên một khuôn mặt xám ngoét như gà cắt tiết.

Người sư đệ rùng mình dụi mắt nhìn lại, trên bờ suối đá xanh, chàng dững sĩ vẫn nằm ngã lẩn bất tỉnh, trên mặt vẫn còn in rõ nét kinh hoàng, đau khổ hiện hình một cách thảm hại trên con người đã từng xông pha lặn lội bảy năm trong cuộc đời đầy cát bụi.

Người sư đệ đến ôm lấy chàng dững sĩ và lấy nước suối vã vào mặt chàng. Vài phút sau, chàng tỉnh dậy, nét mặt vô cùng bi thảm. Hình bóng trên mê ngộ cảnh hiện ra bất ngờ quá và ý thức tự giác trong nháy mắt đã làm cho chàng ngã quy. Chàng đã mất hết nghị lực, mất hết sự sống. Tứ chi chàng rời rã, chàng không thể đứng dậy được nữa. Một chân quy xuống cát, người sư đệ dìu dàng nâng chàng ngồi dậy. Nét thiếu não và khổ đau còn in rõ trên khuôn mặt chàng.

- "Thôi, đại huynh vui lên. Chúng ta sẽ lại lên núi"

Giọng nói của người sư đệ êm như một hơi gió thoảng, nhẹ như một tiếng thì thầm. Nhưng chàng lắc đầu một

cách thất vọng. Chàng không còn muốn sống. Đau khổ đã làm chàng thảm não và tâm hồn chàng vừa bị tàn phá tang thương như mặt đất sau cơn phong vũ điên cuồng. Chàng không còn dám có ý tưởng lên núi để nhìn mặt sư phụ. Người sư đệ vuốt tóc chàng, an ủi: “Thầy thương anh lắm. Không sao đâu, đại huynh sẽ ở mãi bên thầy (vỗ về). Đại huynh sẽ sống bên em như những ngày xưa êm đẹp cũ (khóc). Em không ngờ bao nhiêu năm dưới núi đã tàn hại anh đến thế.”

Và người ta thấy trên con đường mòn cheo leo lên núi, bóng người sư đệ lần từng bước dìu chàng dững sĩ trở lên động. Trời vẫn còn chưa sáng hẳn, bóng hai người in trên màn sương mỏng nhẹ của núi rừng buổi sáng. Tia nắng đầu tiên soi rõ dáng điệu thiếu não rời rã của chàng dững sĩ bên cạnh dáng điệu dịu dàng từ hòa của người sư đệ. Mặt trời đã nhô khỏi đỉnh núi xa.

TÔ THUYỀN NƠI CHỖN ĐI QUA

Đầu mùa mưa năm đó, tôi thuyền chuyển về một đơn vị trú đóng ở một tỉnh nhỏ miền Tây. Đơn vị này là đơn vị thứ tư của tôi kể từ khi tôi rời khỏi quân trường. Bây giờ tâm hồn tôi đã chai thối lại, đời sống quân ngũ cùng sự di động thường xuyên dường như chẳng còn gây nổi những xúc cảm nơi tôi, cái cảnh sống nay đây mai đó chẳng còn làm cho tôi buồn hay vui. Đã là lính, ở đâu cũng vậy mà thôi. Mọi nhớ tiếc, lưu luyến vụn vặt từ lâu không còn bám dính tôi nữa, hòn đá lăn hoài đâu có thể mọc rêu xanh, điều này cũng là một lợi ích cho tôi, thử hỏi tại sao mình lại tự làm khổ thêm về những xúc động không đâu; thái độ thản nhiên nhiều khi mới thật là cây thước đo lường bề cao của con người trong cảnh ngộ xô đẩy dồn dập.

Chiếc xác đựng quân trang của tôi đã cũ mòn, bạc thếp. Có lệnh là tôi dồn tất

cả vật dụng vào, cột chặt lại, rủ rê bạn bè gặp được ra quán nhậu một bữa đã đời, rồi hôm sau ra xe lên đường, không người đưa tiễn. Và đi đâu cũng gặp lại người quen, và tiếp tục làm quen với những người bạn mới. Quân ngũ là một chỗ làm quen rất dễ. Vừa gặp nhau, rủ đi nhậu, nói chuyện tào lao, vậy là đã trở thành bạn hữu. Theo tôi, không có tình bạn nào thấm thiết, an ủi cho bằng tình bạn cùng cảnh ngộ. Ít nhiều gì, chúng ta cũng cần được chia sẻ và am hiểu, nhất là trong những hoàn cảnh khó khăn. Tôi có nhiều người bạn đã chết, nhiều người bạn đã rời xa, sau này ít khi tôi còn nhớ đến. Nhưng lúc chúng tôi còn ở gần nhau, cùng bấp bênh trong cuộc sống xao động mà cái chết pha lẫn mập mờ, chúng tôi đã là những người bạn chí tình. Tình bạn giữa chúng tôi hết sức tự nhiên và rất mực khô khan người lớn đàn ông, chẳng mấy khi được bộc lộ bằng ngôn ngữ hay cử chỉ. Nó có đó cần thiết như một vật dụng trong nhà, nhưng bình thường không ai để ý tới.

oOo

Doanh trại của đơn vị ở trong khu vực sâu khuất, yên tĩnh của tỉnh lỵ, gồm có một ngôi đình thần cột tường sứt mẻ lam nham và mấy dãy nhà mới xây bằng vật liệu nhẹ bao quanh. Phía sau doanh trại, cách một miếng đất trống rộng khoảng ba trăm thước, cỏ hoang lau sậy mọc dày, là phi trường - trực thăng lên xuống ngày đêm không ngớt, tiếng động rền rĩ rung chuyển không khí, nhà cửa và đầu óc chúng tôi. Bên hông, cách một bức tường cao ngất, ở trên có giăng dây kẽm gai và gắn bóng đèn là khám đường, cái thế giới kín bưng, bí mật lâu lâu mới há nhỏ cái cánh cổng sắt khô rít nhả ra một toán tù nhân lờ đờ đi làm tạp dịch. Còn một bên nữa là quốc lộ chạy về những tỉnh tận cùng đất nước - hằng ngày, những chuyến xe đò, xe hàng hối hả

lên xuống đem lại cho chúng tôi một chút cảm tưởng đổi thay khuấy động lan man. Hôm nào không thấy xe lên hay xuống - đường bị địch phá - chúng tôi biết là đơn vị sắp có việc làm.

Vì ở gần phi trường, nên những đêm địch pháo kích vào phi trường, chúng tôi nghe rõ tiếng rít ghê rợn của đạn đạo trên đầu, và lần nào cũng có vài ba trái đạn đi lạc lọt qua vòng rào doanh trại chúng tôi. Nên chúng tôi thường nói giỡn: “Đáng lo ngại nhất là ở chỗ tụi nó bắn dớ quá, mình chẳng biết đâu mà đề phòng.” Cũng may mà trải qua mấy trận pháo kích hú họa của địch, đơn vị chưa có người chết hay bị thương.

oOo

Những đêm địch pháo kích, thành phố để lộ một bộ mặt lạ hoắc và kỳ bí đến độ rùng rợn. Đèn tắt, còi báo động rú lên dằng dặc, sôi réo, lính tráng từ các nơi trong thành phố túa chạy rầm rập về doanh trại, đạn bích kích pháo liên tiếp gào xé trên không trung như một đàn rắn lớn, nện mạnh xuống mặt đất tung tóe, những mảnh vụn kim khí chém lổn rổn trên mái tôn, tất cả trực thăng trong phi trường lìa khỏi mặt đất, rời sân trại rộn lên vì tiếng khua chạm của vũ khí, nón sắt, tiếng kêu réo từ các giao thông hào, tiếng chỉ huy và cả tiếng chửi thề, và hẳn nhiên, tiếng đập dồn dập của trái tim trong lồng ngực từng người. Pháo binh bạn trả lời dữ dội, trực thăng soi đèn pha xuống những địa điểm khả nghi ở những đám ruộng kế cận thành phố, nã đạn đại liên và rốc-kết. Trong khi đó, tại một phía khác của thành phố, lại vang rền tiếng súng giòn giã của một trận tấn công dồn gấp rút, quyết liệt - địch hay dùng chiến thuật dương Đông kích Tây... Cuối cùng, chúng tôi được lệnh hỏa tốc truy kích địch, những đoàn quân xa rầm rộ rời doanh

trại chạy về hướng đạn đi. Vậy là trọn đêm, chúng tôi bị bõm trong sinh lầy, nổ súng lẻ tẻ. Thường khi chúng tôi đến không kịp - địch chuyển súng đi qua từng trạm ngăn, theo lối chạy tiếp sức - nhưng có một lần, chúng tôi truy được vị trí súng của địch, hạ năm tên và tóm một chú. Truy kích địch trong trường hợp này hết sức vất vả và hú họa - mục tiêu phỏng đoán, bóng tối, lùm bụi, sinh lầy... - địch có thể đã phân tán mỏng, tay không tà tà trở về nhà, ngủ ngáy pho pho, thành thử nhiều đũa trong chúng tôi lăm bắm chửi thề luôn miệng: “Tao mà gặp được tụi bây...” Nhưng lần mò ra dấu địch, sau một cuộc chạm súng ngắn ngủi, lựa thừa, thuộc loại “trước mua vui”, nhìn năm cái cái xác không hồn nằm phơi trong ruộng nước, nhìn gã tù binh khiếp đảm, chúng tôi thấy rõ mình không hề giận dữ như đã tưởng tượng mấy lần khác, cũng như vừa tưởng tượng trước đó không lâu. Gặp địch, đánh xong là thôi. Chúng tôi vẫn không phải là những kẻ thù hằn.

oOo

Sinh hoạt trong thành phố và nhất là trong doanh trại hết sức làm nhàm, đều đặn và lặng lẽ như một dòng nước tê lười. Những cuộc hành quân thường thường diễn ra không quá mười ngày liên tiếp, cuối cùng cũng chẳng pha đậm thêm được bao nhiêu sôi động trong đời sống loãng nhạt của chúng tôi. Tất cả rồi trở thành thủ tục - cả đến những hiểm nguy và cái chết, cái chết nói chung, cái chết của bạn hữu, của kẻ địch và của dân chúng. Đồng lầy nước ngập mênh mông, lau sậy hoang dã, có khi lội cả ngày trời không tìm được nơi khô ráo ngồi nghỉ chân, đĩa răn muối mòng thét rồi không còn là những thù nghịch ghê khiếp mà mặc nhiên được coi như những quen thuộc sâu thẳm của chúng tôi. Về mùa mưa, bầu trời u u, hạ thấp như tấm

mền sưng ướm, mây rất sai và chẳng trôi đi, kinh rạch nước lớn tràn bờ, ngày đêm không mấy khi trời ngớt gió, những ngọn gió tưởng chừng bất tận thổi ù ù trong lau sậy vật vờ, mặt trời chẳng xuất hiện, ánh nắng mờ hồ dã dượi, khiến cho tôi có cảm tưởng đang đi trong một thiên nhiên mới tinh của thời kỳ tạo thiên lập địa. Chiến tranh dồn dập, sau mỗi cuộc hành quân, chúng tôi chỉ được ở lại hậu cứ hai ba ngày - thời gian vừa đủ để tắm rửa, đi nhậu một vài chầu, chơi điếm và ngủ vùi để lấy lại sức. Nhờ những khổ cực về thể xác, đầu óc chúng tôi đỡ bị cằn cào bởi những ý tưởng quàng xiên. Máu chảy, máu chảy hàng ngày, những người quen biết lần lượt được đồng bạn khiêng lên trực thăng tải thương. Những nỗi buồn không sụt xuống thấp lắm và những niềm vui cũng chẳng trồi lên cao lắm, mọi sự đều trầm trầm.

Nên ở đây, chúng tôi yêu đời một cách xót xa, yêu đời một cách quyết liệt. Mặc dù thành phố co rút lại và hết sức bần xén về thú vui, chúng tôi cũng có đủ cách để làm đầy những ngày giờ rảnh rỗi loanh quanh trong thành phố. Như những buổi tối chúng tôi lái xe chạy lòng vòng trên mấy con đường hiểm hoi, và ngắn ngủn - những con đường mà người ta có thể đi qua hết với độ mười mười lăm phút chạy xe. Hoặc túm năm túm ba, chúng tôi la cà ở những hàng quán - trong thành phố chỉ có vài ba hàng quán mở cửa cho đến giờ giới nghiêm. Thường chúng tôi nói rất nhiều mặc dù không có chuyện. Nói xong nhiều khi không nhớ mình đã nói gì. Ngôn ngữ cũng có cái màu nhiệm là che khuất thực tại và ngày tháng đi qua...

Căn phòng tôi ở chỉ cách bức tường khám đường một lối đi hẹp vừa đủ để mở ra cánh cửa sổ nhỏ. Ngay bên kia bức tường là trại giam nữ phạm nhân. Mỗi ngày ba bận, sáng

trưa chiều, các nữ phạm nhân đồng ca bản nhạc: Quyết tâm diệt Cộng. Quyết tâm diệt Cộng. Đồng bào ơi, chung sức cứu giang sơn... Các giọng hát chệch choạc, giọng đi trước, giọng đi sau, giọng cao ngất, giọng lè tè, giọng the thé, giọng khàn khàn, mỗi giọng một bề hỗn tạp rối loạn như một núi lăn đữa đeo nhau ngộ ngoạ lung tung. Tuy vậy, cái màn văn nghệ tạp lục này cũng giúp vui cho chúng tôi không ít. Không cần phải lắng tai theo dõi, chúng tôi cũng có thể nhận biết hầu hết những giọng hát đặc biệt quen thuộc. Có hôm trời mưa, ngại đi ra ngoài, chúng tôi, căn cứ vào mỗi giọng hát, suy đoán bàn cãi sôi nổi về tuổi tác, dáng dấp của người hát, và chúng tôi vẫn ao ước có dịp vào thăm trại giam nữ phạm nhân trong giờ trình diễn đồng ca để nhận diện ăn thua.

Vào khoảng tháng chín tháng mười, trời giông biển động liên miên, thành phố chợt náo động lên vì những bầy chim từ ngoài hòn bay về tị nạn - thành phố này ở cách biển mười lăm cây số đường chim bay. Nhất là khu vực doanh trại chúng tôi là nơi có rất nhiều cây sao cây dầu cao lớn, già có tới hai trăm năm, lại càng náo động. Đủ các loại chim bay xa - cò, diệc, vạc, kên kên, thằn nông, già sói, chó đồng - tụ tập rần rần trên những ngọn cây, kêu gào inh ỏi và ỉa trắng mặt đường. Trong những ngày này, trời đất đã xao xuyến, rộn ràng, sự xuất hiện càng lúc càng đông đảo của những bầy chim lại làm cho thành phố thêm phần bồn chồn bứt rứt như người chồng chứng kiến cảnh người vợ chuyển bụng đẻ con so. Trên một thành phố hằng ngày bơ phờ, hiện tượng bất thần này gần như đã trở thành một ám ảnh siêu hình đè nặng chúng tôi. Tiếng chim kêu gào động trời dậy đất làm cho đầu óc chúng tôi căng thẳng, bồn thần, tưởng chừng mình được chứng kiến một cuộc đời

đổi rộng khắp của thiên nhiên. Khổ hơn nữa, những bầy chim này còn bay lượn qua lại không ngừng, làm chật bầu trời thành phố, giũ xuống vô số những con mạt li ti như hạt bụi cắn đốt chúng tôi nổi ngứa đỏ mình. Thành thử chúng tôi chẳng tài nào đứng yên hay ngủ được. Cuối cùng, chúng tôi được phép nổ súng bắn đuổi lũ chim đi. Liên tiếp mấy ngày, trong thành phố như đang xảy ra một trận giặc nhỏ, lũ chim mới chịu rời bỏ trong bầu trời. Những con chim bị bắn rơi, có loại thịt ăn cũng ngon ngon, nhưng nhiều quá đâm ngán. Mấy người lính trong đơn vị có sáng kiến lượm xác chim về làm khô để ăn dần trong những ngày hành quân.

oOo

Ở đây, cái chết thường xuyên ray rứt chúng tôi, ngoại trừ những lúc chúng tôi đang đương đầu với cái chết - điều mâu thuẫn đáng suy ngẫm là sự tranh đấu thảm thiết cùng cái chết giúp cho con người tạm quên đi cái chết của chính mình. Chiến tranh có nhiều cái chết hết sức kỳ lạ. Kỳ lạ đến độ những tên vô thần nặng bóng vía nhất trong chúng tôi rồi cũng phải tin nơi số mệnh - một cách thức phòng ngừa chứng bệnh đau đầu. Vừa cười nói đó, bỗng lăn quay ra chết tốt sau một tiếng nổ không ngờ, cái chết vô duyên và lang thang chọn lựa. Chúng tôi cũng quan niệm như bất cứ ai: đạn tránh mình chứ mình không tránh đạn. Cũng như không bao giờ chúng tôi dám tự cho là mình đánh giặc giỏi. Chúng tôi đã mất hết tự tin ở quyền năng tài trí của con người. Cái chết có thể khuất phục chúng tôi trên mỗi bước vô tình.

Còn nhớ một lần đụng trận, đơn vị chúng tôi bị mẻ mất mười bảy đứa con. Con số mười bảy mạng thương vong, nếu đọc thấy trên tờ báo, giữa những hàng tin chi chít

khác, chắc chắn không phải là một con số đáng kể, nhưng nếu nhìn thấy tận mắt một xác chết thối, thì con số một đó nhất định là một con số vô cùng lớn lao không gì so sánh được. Trời mưa tầm tã cả tuần liền, và trận chiến vẫn còn tiếp diễn quyết liệt, nên phải gần hai ngày sau, chúng tôi mới mò được mười bảy cái xác đồng đội từ các nương rạch mang về. Mười bảy cỗ quan tài chum nhang xếp hàng trong nhà đậu xe. Vì tình trạng hư rữa của xác chết nên đưa về đến hậu cứ là phải tắm liệm ngay, không thể để chờ thân nhân người chết tới nhìn mặt. Hôm sau, thân nhân người chết hay tin mới tới nơi quây quần trước mỗi cỗ quan tài. Gia đình của một người chết nọ gồm có cha, mẹ, vợ và năm đứa con. Một người lính hướng dẫn gia đình này đến trước một cỗ quan tài, chỉ và nói: “Ảnh đó.” Hai người đàn bà rồi năm đứa trẻ lăn ra khóc kể như mưa bắc. Trong khi người cha - một người đàn ông - lại đứng ngẩn ngơ hồi lâu rồi quay sang hỏi người lính: “Mà cậu có chắc đây là con tôi không?” Lẽ dĩ nhiên, người lính quả quyết: “Chắc chớ bác. Lúc ảnh bị bắn lật, con nằm bên cạnh ảnh, con gỡ tấm lắc tên của ảnh, và cũng chính con phụ giúp bỏ ảnh vô hòm mà.” Người cha gật đầu nhẹ nhẹ khi người lính dứt lời, nhưng khuôn mặt già cả nhăn nhúm của ông vẫn không trôi hết vẻ ngẩn ngơ và ông cứ đứng lạng. Đến khi sắp sửa hạ huyệt, giữa một hòa âm khóc kể bi ai rộ lên, ông già lại hỏi một người lính khác đứng gần: “Quả thiệt là con trai tôi đây phải không cậu?” Khuôn mặt ông lúc bấy giờ vẫn không thoáng gọn một chút gì gọi là xúc động. Không thể tưởng tượng được... Người lính trả lời: “Chớ bác tính coi còn ai vô đó nữa giờ.” Ông già nghe xong, ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nước mắt mới khởi sự chạy dài xuống đôi má hóp.

oOo

Một hôm, đơn vị tổ chức lễ khao quân. Dàn chào, diễn văn, thăng thưởng, tiệc tùng và trình diễn văn nghệ vào chapel tối. Biển cố trọng đại này đã được đơn vị sửa soạn từ một tuần lễ trước. Sân khấu dựng lên ngoài trời, lều bạt căng sẵn để phòng mưa, hậu trường là một chiếc G.M.C. mui trùm kín mít đậu sát đít vào một bên hông sàn gỗ. Máy hàng ghế lưa thưa trưng dụng của các phòng, đặc biệt dành cho quan khách và sĩ quan. Ban văn nghệ trình diễn thuộc tiểu đoàn Chiến tranh Chính trị. Chương trình gồm những món ăn đã hôi ê được xào nấu lại: trong đời lính, thể nào mỗi người cũng đã thưởng thức ít nhất một lần một chương trình tương tự. Còn về thực lực đào kép thì hầu hết những ban văn nghệ đã chiến đấu có thể ví như những hồ tắm để cho họ tập bơi, chờ đợi thời vận xông ra biển lớn. Tuy nhiên, mọi người vẫn nao nức hưởng ứng - ở đây, chúng tôi thèm khát ra khỏi thực tại trầm trầm vây hãm ngày ngày, ra khỏi được tắc nào hay tắc đó. Tôi ngồi nhìn những quân nhân nhạc công và những diễn viên ca sĩ lần lượt xuất hiện trên sân khấu - tôi không theo dõi chương trình liên tục mà chỉ theo dõi khuôn mặt đáng điệu những người này. Tự dưng, tôi cảm thấy từ tận cùng tâm hồn rằng mình gần gũi với họ và trong một giây, sự chua chát dâng lên đầy nghẹt cổ họng tôi: có lẽ họ cũng mang nặng mặc cảm thua thiệt như mình, có lẽ họ cũng ôm ấp ước vọng bay cao trong một vùng huy hoàng ngất ngưởng. Anh đâu phải ngồi nơi đây, cô đâu phải đứng nơi đây, lẽ ra anh đang đọc tấu trong một hí viện vương giả trước một quần chúng sang trọng lịch sự, lẽ ra cô đang trình diễn tại một kinh thành rực sáng giữa một đám đông mê hoặc phục tùng. Nhưng bây giờ anh phải ngồi nơi đây, cô phải đứng nơi đây - những ước vọng phai tàn với tháng ngày

âm thầm chong chất, không thực hiện, không khi nào thực hiện; sự chờ đợi quá đổi mòn mỏi không còn là sự chờ đợi nữa. Đành vậy, hai chữ cuối cùng của một đời người, chúng ta đã buông xuôi, anh thấy không, cô thấy không? Tôi thương xót các người như thương xót chính mình. Tôi thông cảm sự bất lực, sự cần cỗi của các người. Bây giờ, một nốt nhạc đánh sai, có lẽ anh chẳng buồn để ý, một câu hát lạc nhịp, chắc hẳn cô không màng biết tới. Các người đã mất hết tương lai, còn nói chi tới tinh thần cầu tiến nữa. “Để tiếp nối chương trình văn nghệ hôm nay...” Một tràng vỗ tay xã giao đại lượng nổi lên lác đác như tiếng đại liên bắn cầm canh của một xạ thủ thiện nghệ. Tiếng trẻ con cổ võ la hét ầm ĩ, chen lẫn tiếng huýt gió chát chúa của một gã lính ba gai nào đó. Một cô gái vóc dáng mảnh mai, mặc đồ trện rần rì, tóc kiểu Sylvie Vartan¹, khuôn mặt sáng sủa nhí nhảnh, hiện ra trước máy vi âm, cúi chào khán giả, rồi chiếu thẳng tia nhìn xuống khán trường, một tia nhìn bén nhọn lạnh lùng, và hoàn toàn bất động như có ý yêu cầu đám đông phải lắng dịu. Tôi thấy thích thú thái độ thách thức ngấm ngầm quý phái đó. Tôi nghiêng đầu hỏi đứa bạn bên cạnh: “Em nào vậy?” Hẳn đáp: “Quỳnh Vân hay Vân Quỳnh gì đó.” Đám đông rồi cũng xẹp xuống. Bài hát bắt đầu: anh anh em em, tiền tuyến hậu phương, áo chiến giày đinh, hoa cài mũi súng, nhớ thương chờ đợi... Bài hát ru dỗ người nghe trong một cơn mê thiếp chập chờn, giả tưởng và rất đổi bản thân - có lẽ vì ngay trong lúc bị ru dỗ, chúng ta vẫn ý thức rõ ràng đó chỉ là một cơn mê thiếp giả tưởng. Giọng hát của nàng không dở, đó là một giọng hát ân cần, thành khẩn đến độ đau đớn nghẹn ngào, một giọng hát có hồn và đủ sức vượt qua dễ dàng hai bát độ; chỉ cần một chút kỹ thuật và một chút thời vận, dĩ nhiên, nàng có thể

trở thành một ca sĩ có giá ở Sài Gòn. Tuy vậy, giọng hát nàng không lôi cuốn tôi bằng đôi mắt nàng, đôi mắt chất chứa tình nghịch và để lộ một chút khinh bạc dịu dàng. Đôi mắt đó... Chợt đôi mắt đó mở to và sáng rực trong trí nhớ mù mờ của tôi như hai chấm đèn trong sương sớm. Quỳnh Vân? Quỳnh Vân nào? Cái tên lạ hoắc này nàng lượm được nơi đâu vậy? Cái tên lạ hoắc này nàng lượm được nơi đâu vậy? Phụng. Phụng.

Tôi rời ghế, bước vòng ra phía sau chiếc xe G.M.C dùng làm hậu trường. Bài hát chấm dứt. “Để đáp lại tấm thịnh tình của quý vị...” Một bài hát nữa trỗi lên. *Let’s twist again*. Tôi nhìn trong khung trống cánh gà thấy nàng hò hét, nhún nhảy quay cuồng, hạ thổ, vắn vẹo cần máy vi âm. Thiệt là thảm thương. Càng thảm thương hơn là nàng lại biểu diễn hết sức hăng say, quá mức lương tâm nghề nghiệp. Tôi không thể không nhớ tới một đứa bé gái chừng chín mười tuổi, con của một người mù đánh đàn ăn xin. Đứa bé gái đó ốm yếu, dơ dáy, quần áo rách rưới, bôi hai cục son đỏ lôm nôi má như trái cà chua, người cha hom hem với mái tóc khô cháy, để dài tận ót, đánh đàn - một cây tây ban cầm sai tiếng và tróc lở - đứa bé gái tuýt lặn ra trên vỉa hè thành phố, nó cũng ưỡn ngực, ngoáy mũi, làm đủ mọi thứ. Không hiểu ai dạy nó như vậy. Cha nó mù làm gì biết mà dạy nó.

Điệu nhạc đứng lại trong cơn bão hò reo cuồng nhiệt của đám đông bất kham. Phụng đi vào hậu trường, ngồi xuống băng xe, mở bóp rút khăn tay chậm rãi lau ướt dính tóc mai. Tôi bước vào chỗ sáng gần nàng, kêu nhỏ: “Phụng”. Nàng lục soát khuôn mặt tôi hồi lâu rồi mừng rỡ bật dậy: “Anh Tiến, trời ơi, sao anh có mặt ở đây?” Rồi chúng tôi cùng cười xòa như ngày xưa, hễ gặp những câu hỏi khó trả

lời, chúng tôi cười xòa để thông qua. Tôi phác tay chỉ lên sân khấu, hỏi: “Em còn phải làm gì nữa không?” Nàng lắc đầu. Tôi đề nghị: “Vậy mình ra phố chơi đi.” Nàng cầm bóp, lặng lẽ đứng dậy. Tôi nắm tay đỡ nàng bước xuống xe. Đặt chân xuống đất xong, nàng nói: “Cám ơn anh.” Ngừng một giây, nàng nói thêm: “Em nhảy xe nhà binh quen rồi, anh thấy không?” Tôi dắt nàng bước lên lối giữa đám con nít lô nhô, đi ra một chiếc xe Jeep đậu gần cổng. Tôi lái chậm chậm trong thành phố bắt đầu sửa soạn giấc ngủ. Trên những đỉnh cây, gió thổi rì rào như giải lụa lang thang. Tôi ngừng xe trước một quán nước nhà sàn. Khách hàng đã thưa thớt; chúng tôi chọn một cái bàn ở phía ngoài ngõ xuống mặt nước. Theo sự dẫn dắt của liên tưởng chúng tôi kể cho nhau nghe chuyện nhà mình kể từ khi chúng tôi xa cách nhau. Nỗi ngậm ngùi không thể ngăn cản bữa vầy và kết hợp chúng tôi. Đối với những kẻ không hề mẫn nguyện về cảnh sống hiện tại của mình như chúng tôi, dĩ vãng quá là điều rất đổi nhọc nhằn khi nhớ lại.

oOo

Phụng là người cùng tỉnh với tôi. Nàng nhỏ hơn tôi hai tuổi và học dưới tôi hai lớp. Từ mấy đời, hai gia đình chúng tôi vẫn giao du thân mật với nhau, chưa kể những cuộc hôn phối giữa nhiều người trong hai họ chúng tôi càng ngày càng siết chặt hai gia đình chúng tôi trong một tỉnh nhỏ vốn thừa người, ít chuyện. Hai đứa chúng tôi gặp gỡ nhau hằng bữa. Tình thân giữa chúng tôi hết sức tự nhiên vì nó bắt nguồn từ thừa ấu thơ, tự nhiên đến độ cả hai gia đình chúng tôi dường như chẳng ai nhìn thấy là chúng tôi khác họ, khác phái và chúng tôi đã lớn khôn, khiến cho chính chúng tôi cũng không nhìn thấy nốt. Là một đứa con độc nhất trong một gia đình đã mấy đời giàu sang, Phụng kiêu

kỳ như một con ngựa giống quý. Nàng sai khiến hay cưỡng lại kẻ khác bằng mắt nhiều hơn bằng lời. Mặc dầu nàng không hề cố ý, đôi mắt nàng lúc nào cũng ánh lên một chút trịch thượng khinh mạn - từ tấm bé, nàng đã quen được người khác tuân phục hay nuông chiều. Nhưng lạ một điều là thái độ kiêu kỳ của nàng không những đã chẳng đẩy lui kẻ khác mà trái lại còn thu hút họ vây quanh nàng vì hiếu kỳ cũng như vì tự ái.

oOo

Năm tôi vào đại học, gia đình tôi vì sinh kế, dọn về ở một tỉnh miền Đông, và mối liên lạc giữa hai gia đình đã hoàn toàn bị cắt đứt từ đó. Cha mẹ nàng lần lượt qua đời, ruộng đất phố xá không còn sanh lợi, ngôi nhà thừa tự giao cho người dì độc thân già cả điếc lác ở trông nom. Nàng nói: "Ngôi nhà đó, anh nhớ không, bây giờ chỉ còn mặt tiền thôi chớ bên trong cột kèo mối một ăn rệu hết rồi, chưa biết ngày nào sập xuống nữa." Ngôi nhà đó dựng lên từ khi ông nội nàng ngồi tri phủ ở tỉnh, cột cửa chạm trổ rồng phượng, nền đá tảng cao gần một thước, nằm ẩn trong một cái sân sâu rộng trồng rất nhiều cây kiểng, con đường từ cổng đi vào lót gạch tàu đỏ, lâu năm chầy tháng mòn lõm như lòng tay, mái ngói lợp âm dương đã ngả màu đen và có những búi cỏ cổ trầu, những túm cây chùm gởi mọc bên trên... Phụng nói thêm "Biết bao giờ em mới cất được ngôi nhà khác?" Tôi làm thinh nhưng trong thâm tâm, tôi hơi ngạc nhiên sao nàng còn nghĩ được đến tương lai - tương lai xa vời và khó khăn không tưởng tượng nổi. Đêm càng khuya - ghe thuyền dưới sông đã tắt ngấm đèn đóm - đêm như được khoét sâu thêm trong bóng tối vô cùng tận. Và câu chuyện càng đưa chúng tôi đi sâu vào quá khứ - con đường hầm không lạ không quen trong núi đá lờ mờ ánh

sáng lân tinh. Chợt Phụng nói, mắt nàng rục lên như cố gắng soi tỏ quá khứ: “Sao hồi đó anh không chịu nói yêu em? Anh còn nhớ buổi tối trời mưa trong nhà thủy tạ không?” Thật tôi không ngờ Phụng còn nhớ buổi tối đó; một chút ngượng ngùng và một chút thích thú pha lẫn làm nóng những huyết quản của tôi. Buổi chiều, trời đã sẫm tối, chúng tôi đi dạo ngoài vườn về phía bờ sông, một cơn mưa bất thần đổ xuống, hai đứa chạy vào đứng trú trong nhà thủy tạ, cơn mưa nặng hạt và âm ỉ, Phụng đứng dựa cột ngó ra mặt sông mù mịt, những hạt bụi nước li ti bay đậu long lanh trên mái tóc nàng như một đêm hoa đăng, hơi ấm từ người nàng tỏa ra nồng nàn quyến rũ, tôi kéo nàng sát vào người tôi và hôn nàng. Nàng chọc mạnh tia nhìn vào đôi mắt tôi, lặng thinh một cách khó hiểu. Xong, nàng đẩy nhẹ tôi ra, tia nhìn bí hiểm vẫn không rời khỏi mắt tôi, tưởng chừng muốn chiếu suốt tâm hồn tôi, rồi nàng tiếp tục nhìn ra mặt sông và vẫn giữ chặt sự lặng thinh mà lúc đó tôi cảm thấy như là một sự khinh miệt hỗn hào. Tôi rời nhà thủy tạ lầm lũi đội mưa đi về. Mấy hôm sau, chúng tôi lại gặp nhau và tuyệt nhiên không ai mở miệng nhắc tới chuyện đó. Tôi nghĩ rằng có những con đường định mệnh kỳ lạ, tiếp cận và song song với nhau nhưng vẫn không chịu trùng lẫn. Tôi nói ngập ngừng: “Hồi đó, anh không nói yêu em vì sợ mất em.” Tôi bật cười, nói thêm: “Dầu vậy, anh vẫn mất em như thường.” Phụng nghiêm mặt, hỏi: “Có thật là anh mất em không?”

Tôi đưa Phụng về khi thành phố sắp sửa giới nghiêm. Sân khấu đã tắt đèn lặng trang. Chợt Phụng nói, giọng khuya khoắt như trong cơn mê loạn: “Có ngày em sẽ nổi danh, hát ở những phòng trà sang trọng tại Sài Gòn, kiếm được thật nhiều tiền, cuộc đời sẽ cống em trên vai. Chừng đó dĩ

nhiên, em sẽ không nhảy tuýt nữa.” Tôi siết chặt tay nàng, ngẫm nghĩ hồi lâu rồi mới nói: “Em can đảm lắm, anh tin là em sẽ thành công.” Tôi buông tay nàng ra, nói tiếp: “Còn anh, anh sẽ cố gắng lập công to, lên tướng để được cầm nhiều quân, đánh những trận lớn.” Rồi tôi bật cười khan, một cái cười thật độc ác với chính mình.

Vài tháng sau, tôi bị thương nhẹ nơi đùi trái, và chiến thương làm dáng này cũng đóng đinh tôi trên giường quân y viện hơn hai tháng. Khi xuất viện, tôi được chuyển về đơn vị khác, làm việc văn phòng, rồi bỏ tỉnh nhỏ đó ở miền Tây. Cứ ít lâu, tôi lại đọc thấy ở trang sau các tờ nhật báo tên họ, cấp bậc những người bạn quen trong khung dày đậm như những nhắc nhở đau nhói của thời gian và nơi chốn đã đi qua. Còn ở những phụ trang sân khấu kịch trường, mãi tôi vẫn chưa tìm gặp sự xuất hiện của nữ ca sĩ nào tên gọi Quỳnh Vân.

¹ tóc để lòa xòa trước trán.

TRẦN THỊ NGH
NHÀ CÓ
CỬA KHÓA
TRÁI

T hử tưởng tượng một người đàn ông đứng tuổi, đứng đắn. Một người đàn ông sắp sửa 40 tuổi, có vợ, có địa vị tiền bạc. Không lý tưởng sao, tuyệt vời nữa. Một hôm chàng nói với tôi:

- Em dám bỏ trốn với anh không?

Tôi nhìn chàng nghi ngờ:

- Chưa có cuộc ngoại tình nào thành công cả.

Chàng hỏi:

- Ngoại tình là gì?

- Là một cố gắng tuyệt vọng.

Chàng có vẻ tâm sự:

- Có khi chung thủy cũng là một cố gắng tuyệt vọng.

Tôi kêu lên:

- Vậy chứ ngoại tình là gì?

- Là yêu một lần nữa mà không cần phải cố gắng.

Tôi chịu chàng có lý. Hôm đó chúng tôi đi chơi xa lần đầu. Xe qua khỏi Đập Đá vào Vỹ Dạ. Chàng ngâm nga, giọng ảm:

*Lâu quá không về thăm
thôn Vỹ*

Nhìn nắng hàng cau nắng

mới lên...

Nắng thật. Nắng lướt trên những tàu cau xanh mượt, rộn rã chói chang. Mặt sông Hương như có trăm nghìn mảnh chai vỡ lóng lánh, những ngôi nhà rải rác dọc đường tường cổng im lìm trong cái vẻ quan liêu rơi sót, những bụi tre xanh mát, những con đường nhỏ um tùm cây lá dẫn xuống bờ sông, thềm đá dưới mé nước... Tôi đã nghĩ thầm chàng thật thi sĩ, chàng vẫn có cách nói chuyện ví von rất duyên dáng và khả năng liên tưởng của chàng thật bén nhạy bất ngờ. Chàng thuộc nhiều thơ tiền chiến, biết nhiều về địa lý nước nhà cũng như nguồn gốc các di tích lịch sử, chàng thực tế trong công việc, nhạy cảm trước mọi hoàn cảnh và mơ mộng trong tình yêu. Đó là một người đàn ông có tâm hồn và biết chiều lĩnh, biết ngoại tình. Sau đó, như cao hứng bởi cảnh trí thanh bình và tươi mát trước mắt, chàng luôn miệng ngâm thơ.

Xe ra cửa Thuận. Trời vẫn trong sáng cho tới hai giờ rưỡi rồi đột nhiên đổ mưa. Cơn mưa mịn màng làm trời đất trắng xóa như được phủ một lượt tơ mỏng. Ở một đoạn đồng trống chàng dừng xe lại, sát mé ruộng. Chúng tôi hôn nhau. Cái hôn đầu tiên chưa kịp đoán trước hay chuẩn bị dù sao cũng đã làm tôi thất vọng chút ít. Tôi quệt nước bọt trong tay áo và chàng có vẻ bồn chồn khi nhìn thấy cử chỉ đó. Tôi không biết, lúc ấy tôi khinh chàng. Tôi nói: À, thì ra! Chàng tỏ vẻ không hiểu. Tuy nhiên sau đó chàng vẫn hôn tôi hoài.

Trên đường về chúng tôi ngừng lại một quán lá, gọi bia và khô mực nướng thay cơm trưa. Chàng nhìn mưa lướt trên mặt đường nhựa bên ngoài, dáng dăm chiêu. Tôi bày tỏ thiện chí:

- Thú quá nhỉ!

Chàng chỉ gật đầu. Hai người vì thế không nói gì thêm với nhau cho đến lúc xe trở về phố. Chàng không nhắc gì về ý định rủ tôi đi trốn nhưng có vẻ muốn hẹn với tôi một lần gặp khác. Để cho không khí đừng căng thẳng quá, tôi làm bộ bắt chước giọng ngâm thơ rên rĩ của chàng:

Anh cứ hẹn nhưng anh đừng đến nhé!...

Chàng cười lớn, gương vui thích thú trước bộ tịch tôi. Chàng không biết thật ra trong thâm tâm tôi cũng đã muốn như vậy hết sức. Tôi không muốn gặp lại chàng.

Buổi đi chơi đầu tiên như vậy không có dấu hiệu gì tốt. Những lần sau gặp nhau tình cảm của mỗi người có phần khả quan. Tôi tỏ ra sẵn sàng hơn, chuẩn bị hơn trong những lúc đón nhận chàng. Trong khi đó chàng cũng có cái vẻ chu đáo không kém. Nếu đàn dúi với đàn ông có vợ là tội lỗi thì đó là một thứ tội lỗi rất quyến rũ. Tôi bị lôi cuốn lúc nào không biết. Ít lâu sau chàng đưa tôi về nhà.

Đó là một căn phòng thuê, thuộc phần chái của một tòa nhà lớn gồm nhiều gian cho thuê. Căn phòng đẹp lép tối thui, diện tích khoảng 2m50×10m50, trang trí theo chiều dọc. Chàng ít khi có ở nhà nên cửa trước luôn khóa trái, và vì vậy đi từ cửa sau sẽ nhìn thấy theo thứ tự: Bàn rửa mặt, nhà vệ sinh chung với nhà tắm, giường ngủ cỡ lớn, kệ sách ngay trên đầu giường, tủ đứng nằm ngang đầu lưng với kệ sách ngăn chỗ ngủ với gian trước, một chiếc tủ khác mới hơn kê sát tường tiếp theo đó, bàn viết, tủ lạnh. Tất cả những thứ này đều nằm hẳn phía bên trái; bên mặt là lối đi, hẹp khoảng bốn tấc, dọc theo tường có giăng dây thép để vắt quần áo, khăn lông. Riêng gian trước đối diện với bàn viết và tủ lạnh là một bộ ghế thấp, gồm bốn cái bọc đệm kê xoay quanh một cái bàn nhỏ, làm nơi tiếp khách, uống trà, đọc báo, nghe nhạc... Ngoài cùng là cửa trước,

khóa trái. Nguyên dãy cửa sổ dọc theo thành tường bên phải đều được đóng kín mít, che thêm giấy bồi bên ngoài. Phòng phải để đèn luôn vì không có ánh sáng.

Cửa sau bước xuống mấy bậc tam cấp, rồi cách một khoảng sân xi măng là nhà bếp. Trên bếp những cái lò dầu ám khói nguội lạnh. Chị giúp việc còn nhỏ tuổi kẹp tóc, mặt rỗ hoa mè, da đen xám, răng sún. Chị không phải nấu ăn thường nên suốt ngày nằm chèo queo trên cái giường sắt cũ trong góc bếp, hoặc giật ủi lò lững như phim quay chậm. Chỗ ở của chàng nhìn chung có vẻ gì cầu thả tạm bợ, dù thế đã được chàng giới thiệu như một tổ ấm thâm niên.

Ngay ngày đầu tiên tôi bắt gặp trong tủ đựng những chiếc áo dài cũ, máng chung với những bộ đồ lạnh của chàng, đồ ngủ và nịt vú xếp ngăn nắp ở ngăn trên cùng. Trên bàn viết, lẫn với mớ sách báo bừa bãi những bức thư nét chữ mềm mại quyến rũ. Chàng không giấu giếm nhưng ghét giải thích, tôi quan sát im lặng. Không phải tôi tò mò hay muốn xông xáo ngay vào đời tư của chàng, tôi chỉ muốn biết rõ cái chỗ tôi sẽ chung sống với chàng dù tạm bợ hay lâu dài, một căn phòng và chàng, dù thế nào, không đáng gọi là chốn mơ ước sao? Nhưng trong đó, trời đất, còn quanh quẩn một bóng dáng khác, người đàn bà mà chàng chẳng bao giờ nhắc nhở nói tới dù chính đó là điều khó khăn duy nhất trong cuộc ngoại tình của chàng. Tôi im lặng và chàng im lặng kinh dị. Hay chàng sợ mọi cách giải thích của chàng sẽ làm tôi khổ tâm? Hay trong sự im lặng, chàng muốn nói rằng sự có mặt của tôi trong nhà này đã là một cách giải thích rõ ràng sự lựa chọn của chàng? Dù sao, mọi lý luận của tôi lúc bấy giờ không có gì chắc chắn; tôi không muốn nói là tôi đang lo âu, như thế tôi có vẻ thất thế ngay từ phút đầu.

Đêm đó chúng tôi yêu nhau. Chàng không ngạc nhiên khi biết tôi còn ngây thơ. Chàng nói không phải sự trong trắng của tôi quyến rũ chàng. Chàng mê sự sòng phẳng của tôi. Trong hơi thở nóng ấm tình ái, tôi nghe chàng nói nhỏ:

- Em...

- Nghĩa là sao?

- Nghĩa là em yêu anh chứ sao!

- Vì sao khi yêu nhau người ta dầy vò nhau?

- Để nhớ.

Tôi bấu tay trên lưng chàng. Thật không còn thứ đau đớn nào hơn. Thứ đau đớn để nhớ lại bụi ngủi về sau trong những tình cảm ơn nghĩa. Đêm nóng và mùi mồ hôi trộn lẫn giữa hai người làm tôi bứt rứt cảm động. Chàng khen:

- Em can đảm lắm

Tự nhiên tôi nói lớn giọng hờn mát:

- Rồi sao nữa, trời đất!

- Nằm yên...

Tôi thì thầm:

- Nàng sẽ trở lại.

Hai người im lặng sau câu nói đó. Chàng có vẻ khổ tâm. Bây giờ chính tôi là người lên tiếng trước. Sợi dây căng thẳng tự nhiên bị đứt một đầu...

Gần sáng tôi khóc. Chàng dỗ, nín đi em. Chàng nói nhỏ, nín đi em.

oOo

Những ngày sau chúng tôi bình tĩnh hơn. Tôi bắt đầu làm quen với các thói quen của chàng. Buổi sáng thức dậy chàng nghe tin tức đài BBC trong khi tôi còn ngủ nán trong giường, sau đó cả hai cùng uống cà phê ở cái bàn nhỏ ngoài gian trước (chàng không ưa ăn sáng, dù một lát bánh mì mỏng, tôi nhịn đói theo). Chàng đi tắm và hắt hơi khoảng

6, 7 cái trong lúc xối nước. Chàng thường ra khỏi phòng tắm với cái khăn lông màu xanh quấn quanh cái bụng phệ, người nhể nhại thơm ngát. Chàng vừa tiếp tục hắt hơi vừa loay hoay với lọ thuốc cạo râu The Hot One, có lúc hôn tôi khi mồm miệng đầy bọt nóng bỏng. Chàng mặc quần áo, chải tóc, mái tóc ướt chải sát xõn xơ làm khuôn mặt chàng trở trụi bóng nhẫy. Đôi mắt cận thị không mang kính có những tia máu đỏ mệt mỏi, nụ cười sáng, những hạt tàn nhang phập phồng trên hai cánh mũi. Chàng đi làm lúc 8 giờ rưỡi sau khi đã để lại một nụ hôn thơm kem đánh răng.

Tôi thường ngồi chờ người sau đó, trên cái ghế thấp chàng ngồi uống cà phê khi nãy, hoặc chỗ bàn viết, hoặc ở mép giường, lắng tai nghe tiếng giày chàng đi ngoài hè, tiếng chàng mở cửa xe, đóng lại, tiếng chàng nổ máy xe, chờ máy đủ nóng để de ra cổng. Tiếng xe hù hụ ồn ào như động cơ trực thăng lát sau nhỏ dần, lẫn lộn trong các tiếng động khác của phố xá. Tôi tự nhiên thở dài, bắt đầu dọn dẹp những thứ chàng vất bừa bãi (tờ báo, ly nước, chiếc khăn tay, bộ đồ ngủ, đôi dép...). Tôi tắt đèn, tắt quạt, tắt nhạc, bắt đầu chờ đợi chàng, trong giấc ngủ gà gật lười biếng, trong những dòng chữ vô nghĩa lơ đãng, quyển sách thờ ơ trên tay như để trám một việc làm, một sự trống vắng buồn tẻ đến ngao ngán. Tôi làm bộ tắm gội cho lâu, sẵn sóc cái cổ cái gáy, lưng ngực tay chân như sửa soạn trang trọng cho chàng một món quà tặng. Tôi uống nước, xuống bếp lóng ngóng xem chị giúp việc lo bữa ăn trưa hoặc tự tay nấu lấy những món chàng thích. Trở lên phòng xem đồng hồ, lắng nghe tiếng xe chàng về, tiếng chàng tắt máy đóng cửa, tiếng giày chàng nghiêng trên cát, bước lên bậc tam cấp phía sau, tiếng chìa khóa tra vào ổ mở cửa. Tôi đã làm bộ chăm chú viết một cái thư, đọc một trang sách,

theo dõi một tin chiến sự, trong tờ báo cũ, để lắng nghe bước chân chàng nhẹ nhàng đến gần, chàng hôn tôi chào hỏi, mừng rỡ.

Chúng tôi ăn trưa ở cái bàn vuông dưới bếp. Những bữa ăn trưa thường có rượu ngọt, hoặc tẹt lăm bia hộp. Trong lúc ăn chàng hỏi thăm tôi về buổi sáng ở nhà, em làm gì, buồn không, em mới gọi đầu hủ, em có làm yaourt thêm không... vân vân..., tuyệt nhiên chàng không đề cập gì tới công việc của chàng ở sở hay về bạn bè chàng. Thịnh thoảng chàng nhận được thư của nàng, nét chữ trên bì thư mềm mại quyến rũ, những hôm đó chàng lộ vẻ tư lự, ít nói (chàng ghét giải thích, tâm sự, than thở). Chàng có cách ăn uống hồn nhiên, tôi thường cảm động một cách đột ngột khi nhìn thấy chàng vò vụn đôi dưa kẹp nhúm rau xanh chấm trong đĩa nước kho, hoặc khi chàng cầm ly rượu tu một hơi cạn tới đáy. Chàng đưa chén xới thêm hoặc ăn canh không ở cuối bữa. Tất cả những động tác chàng làm, những thói quen của chàng đối với tôi như một thứ rượu làm nghiện. Tôi muốn hớp cạn cả đời sống chàng. Chàng không biết thế, chàng ghét tí tê tí mủ. Chàng chỉ thích nhìn tôi và khen em đẹp, mắt em buồn, môi em đa tình, anh thích em mặc cái áo đó... vân vân...

Sau bữa ăn chàng đứng dậy cầm cái chìa khóa cửa đi lên nhà trên, hai vai chàng tròn trịa khỏe mạnh, hai cánh tay bỏ trần, những hạt tàn nhang trên ngực, cổ, gáy, chiếc áo may-ô trắng mới nhét trong cái quần tây chưa thay. Chàng đánh răng, ra nằm ở cái ghế nylon mở đài, tờ báo banh trước mặt lật phật hơi gió từ cái quạt điện Westinghouse vịn số 2, chàng nghe nhạc FM, trở mình làm các thanh sắt cửa nhau cút kít, chàng ngủ với tờ báo đắp trên ngực, cái đầu ngoẻo một bên vai, chân gác lên chiếc ghế thấp. Tôi yêu

cái bộ say sưa của chàng khi ngủ, giống hệt giấc ngủ thẳng thớm của một nông dân mệt nhọc sau công việc đồng áng. Trông chẳng có vẻ trí thức chút nào nhưng được cái vô tư lành mạnh. Tôi thường bỏ ngủ ngồi ngắm nghía chàng, chờ giờ chàng đi làm buổi chiều. Chàng thức dậy lúc hai giờ rưỡi hay sớm hơn, rửa mặt, uống nước, tìm cái gì ăn, khen yaourt tôi làm khéo, hôn tôi trong lúc cài nút áo sơ mi hay lúc sửa lại cà vạt, thắt lưng. Chàng nói, anh đi nhé!

Buổi chiều như thế tôi lại chờ đợi nữa, trong những tình cảm rữ rượi, ủ ê hơn, bởi thời tiết oi bức nóng nảy, gian phòng chật hẹp lúng túng. Tôi sẽ tắm nữa, hoặc ngồi hàng giờ sẫm soi mặt mũi trước tấm gương lớn của chiếc tủ đứng. Có khi tôi bật khóc nức nở không vì lý do gì rõ rệt, rồi thử kẻ chì đen lên hai mí mắt sưng. Tôi trầm trồ say đắm vẻ hoang tàn trên mặt mình, những lúc ấy coi tôi giống hệt một góa phụ. Một góa phụ còn trẻ và xinh đẹp. Tôi sẽ tử thân với ý nghĩ ấy hoặc tôi sẽ tỉ mỉ so sánh, tưởng tượng về người đàn bà của chàng - nàng là một người như thế nào, tại sao nàng bỏ đi rồi viết những lá thư hứa hẹn ngày trở về, tại sao chàng yêu tôi mà vẫn có vẻ như đang dốc lòng mong ngóng nàng, tại sao tôi ở đây chia sẻ may mắn, đánh cắp hạnh phúc nàng? Cũng có khi tôi rón rén một mình, mở hé cánh cửa tủ nhìn lại những chiếc áo dài của nàng máng trong đó bên cạnh những bộ đồ lạnh của chàng, rón rén và bắt gặp mình vụng trộm nhỏ mọn, một cách tội nghiệp. Sau những giây phút như thế, tôi chờ đợi chàng bút rút ân hận, đôi khi quyết liệt hăm dọa trong những dự tính mới về những ngày dây dưa tạm bợ với chàng, đôi khi tôi eo sèo tìm cách an ủi mình.

Như thường lệ những ý tưởng của tôi phần nhiều ít khi ngã ngũ hay được sắp xếp thứ tự, minh bạch. Chàng sẽ

về trước khi tôi kịp hấp tấp tìm ra một giải pháp nào đó. Chúng tôi ăn cơm tối, và chàng - như thường lệ, không nói gì về một ngày vừa qua của chàng. Có thể chàng để ý nhìn thấy đôi nét hốt hoảng bất thường trên mặt tôi, chàng sẽ hỏi: em giống như mới khóc?

Buổi tối là thời gian tôi yên tâm nhất, với những tình cảm hoàn toàn về chàng. Và vì vậy tôi sẽ quên hết lo lắng phiền muộn. Chúng tôi thường ngồi ở gian trước uống trà, đọc báo, bàn về thời cuộc, hoặc vui miệng chàng kể cho tôi nghe về tuổi nhỏ của chàng bằng cái giọng chàng cố làm ra vẻ khách quan (chàng ghét tâm sự), nhưng đã có lúc chàng không dấu được những cảm xúc chất phác chân thật. Có đêm chàng mời tôi uống rượu rồi mang thơ cổ ra đọc. Giọng chàng ngắt ngừng, cao hứng. Lúc ấy chàng trẻ hẳn lại, đôi mắt cận thị bỗng lẫm mẫm và đôi môi mềm yếu của chàng như kích thích hết mọi giác quan của tôi. Còi hụ giới nghiêm và chúng tôi nấn ná kéo dài những buổi tối như thế với những xúc động đầm thắm. Đêm, sau đó đẹp như một cơn mưa, chàng xối lên tôi cơn mưa nồng nhiệt hạnh phúc.

Một thứ hạnh phúc mỏng manh, bùi ngùi. Một sự yên tĩnh đầy đe dọa. Những buổi trưa buổi chiều chờ đợi chàng khốn khổ một mình. Những giấc ngủ sáng hoàng, cánh tay chàng ghì siết dón dác giữa khuya, tiếng chàng gọi tức tưởi em. Em. Chàng la lớn: Không! Chàng đau dón như đang bị hối thúc trong những ý nghĩ ráo riết. Tôi đắm đuối hơn trong hơi hướm chàng, thêm nhớ các thói quen chàng, thương xót tâm tình chàng. Không có những ngày chủ nhật, ngày lễ, không còn những buổi đi chơi xa, những bữa ăn sang trọng ở hiệu, không còn liên hệ bạn bè gia đình. Bên cạnh chàng tôi quên hết ngày tháng, sở thích.

Tôi sống như thách thức với sự dị nghị, phân bua với mọi bất trắc khả dĩ.

Một hôm chúng tôi đồng ý xa nhau. Nàng sẽ về trong tháng tới giữa lúc cả tôi lẫn chàng đều gần như kiệt quệ. Tình ái là cái gì thật kinh khủng. Cuộc ngoại tình của chàng dần dần chỉ là những cố gắng tuyệt vọng, chàng thú thật. Đêm cuối chúng tôi say rượu ngất ngư. Tôi ngả ngón hát ca dao:

Đồng hồ sai vì bởi dây thieu...

Em xa anh vì bởi sợi chỉ điều xe loi...

Chàng, mặt mũi đỏ ké đỡ tôi vào phòng trong. Chàng dụi mặt vào cổ tôi phụ họa:

Đứt dây nên gổ mới chìm...

Bởi anh ở bạc em tìm nơi xa.

Chàng hỏi:

- Ngoại tình là gì?

- Vừa thôi, Cha nội!

Đêm túy lúy, ngây ngất.

Sáng sớm tôi xếp quần áo vào va-li. Chàng ngồi cạnh mép giường nhìn tôi đi tới đi lui thu dọn những thứ lặt vặt (bàn chải đánh răng, khăn mặt, kính soi, kẹp tóc, thuốc gội đầu, thuốc ho...). Tôi mang đi hết, không để sót một món. Tôi ghét di tích, kỷ niệm. Chàng ngồi tần mẩn mớ quần áo lót tôi còn để bừa ở ngoài, hỏi xin:

- Cho anh một cái

- Cái nào?

- Cái này. Chàng chọn.

- Cái đẹp nhất của em đó.

- Anh sẽ đền cho em hai cái mới.

Chàng sẽ quên, hoặc chàng sẽ nhớ tôi trong sự lẫn lộn của thời khắc, kỷ niệm. Chàng sẽ... Không hề gì. Chúng tôi hôn nhau chỗ tủ lạnh. Chàng thoa vòng lên môi tôi một chút nước thơm trong cái lọ con màu xanh hiệu Old Spice, loại nước hoa chàng hay dùng sau mỗi lần cạo râu, nụ hôn nóng rát như muối ớt. Tôi hít lấy hít để ngực áo chàng, cánh tay chàng, cổ chàng. Tôi nói:

- Để nhớ.

Cuộc chia tay coi bộ bịn rịn. Trước khi đi tôi nhìn lại một lượt căn phòng. Những sợi tóc còn sót trong chăn gối chàng, chiếc khăn ướt vắt cầu thả trên sợi dây thép, ly sữa uống giữa khuya còn một chút cặn dưới đáy, tờ báo tôi tả nhàu nhượi, mùi xà phòng chàng tắm buổi sáng, mùi Parasol quen thuộc trong nhà cầu, ống kem đánh răng vụn vẹo... Tôi nhìn lần cuối và nghĩ thầm, không hề gì, đâu sẽ lại vào đấy khi tôi đã đi, chàng sẽ tiếp tục những thói quen cũ, sẽ chờ đợi nàng. Phải không anh? Cái ly bôi mình nhấp cạn rồi mà, còn một chút cặn chứ mấy? Thôi để dành.

**TRÙNG DƯƠNG
MÙA
KHÔNG
VƯỢT ĐẤT**

Năm 1956 tôi vượt tuyển vào đây với hai bàn tay trắng. Nói là vượt tuyển thì không đúng. Thực ra tôi vào đây với sự thỏa thuận của ông Hồ, sau khi chịu thế chân bằng những sản nghiệp tôi có dạo ấy. Nếu tôi không trở về thì coi như mất cả sản nghiệp đó. Cố nhiên là tôi chẳng dại gì trở về. Tôi ở lại đây, vay tiền buôn bán làm ăn và tạo nên cơ nghiệp như ngày nay. Năm nay tôi ba sáu tuổi đầu rồi mà vẫn chưa lập gia đình. Tôi không được may mắn như các anh các các chị được học hành. Điều mà tôi ân hận là đã không làm sao mang được mẹ tôi vào để cùng hưởng với tôi...

Tiếng người đàn ông chủ nhà tan loãng vào trong bầu không khí cô tịch của buổi chiều nơi cư xá. Xa xa có tiếng trẻ con hát líu lo trong một cuộc rước đèn. Mặt trời đã lặn nhưng bóng tối chưa kịp buông xuống.

Thư dựa đầu vào thành

ghế, lơ đãng nghe. Những âm thanh vội vã hấp tấp của người đàn ông có giọng nói đặc biệt của những người Bắc sinh sống trong các trại định cư, thỉnh thoảng có đá vào một đôi tiếng Nam với một pha trộn ngây ngô vụng về - những âm thanh ấy rơi xuống khô khan, không đủ khơi dậy một hào hứng nào. Thư xoắn chân trong một dáng ngồi thoải mái, đôi mắt khép hờ nhìn về phía Phấn, góp chuyện một cách uể oải:

- Chưa lập gia đình, chắc tại anh còn kén đấy chứ phải không ạ?

Người đàn ông đối diện với Thư hơi có vẻ lúng túng. Duẩn quay nhìn Thư bắt gặp cái cười mỉm trên khuôn mặt trắng im lìm trong bóng chiều chạng vạng. Tự nhiên anh có cảm tưởng đó là khuôn mặt của một pho tượng. Cái ý nghĩ đó Duẩn có từ dạo quen biết Thư khi hai người còn học ở dự bị Văn Khoa. Thuở ấy còn có cả Cương. Dạo ấy thật vui. Mỗi người đều như có điều gì muốn nói nhưng họ muốn nói lảng sang những chuyện khác để vui nhộn mà quên đi những xao động mà chính họ không biết phải đặt tên cho chúng là gì. Duẩn, như tất cả những người đàn ông mập mạp khác, ưa giễu cợt, mặt luôn đỏ gay (có lẽ vì cười nhiều?) và không có ác ý. Anh quen với Thư qua lời giới thiệu của Cương. Về sau anh được biết hai người yêu nhau. Nhưng anh không hiểu được vì sao họ có thể yêu nhau, vì theo Duẩn nhận xét, họ như hai thái cực. Cương yếu ớt, hơi giống con gái, mặc dầu nhiều lúc anh tỏ ra là người trầm tĩnh - thực ra, Cương thiếu tính chất nóng nảy của một người đàn ông thật sự và vì người anh quá mảnh khảnh. Thư, ngược lại, tính nết cứng cỏi, hơi lạnh nhạt, mặc dầu vẻ dịu dàng của những đường nét trên khuôn mặt và thân hình. Rồi Cương du học. Duẩn mất tin Thư. Bây giờ

gặp lại, bắt chợt cái vẻ im lìm cố hữu trên nét mặt người con gái, Duẩn tưởng mọi sự chẳng thay đổi bao nhiêu. Có lẽ trông Thư buồn hơn, ở vẻ đẹp và lối nói chuyện. Ba năm rồi còn gì.

- Tôi đã gặp nhiều cô, nhưng họ làm tôi thất vọng. Tôi mong lấy được một người vợ - làm cô giáo, là cô giáo thì hẳn là biết dạy con hơn...

Duẩn cười trong cổ, có vẻ ngờ ngẩn:

- Thật hả anh?

Phấn, người chủ nhà cười hờ hờ. Thư tự hỏi không biết Phấn có biết là Duẩn đùa anh ta không. Thư có ý nghĩ mỗi lần gặp lại Duẩn, nàng thấy anh béo hơn và giầu hơn - phải chăng những người béo thường hay giầu? Thư không tin như vậy. Ông cụ nàng béo, nhưng ông chẳng giầu bao giờ. Lúc nào cũng lầm lỳ. Có lẽ ông không giầu được vì tuổi già và cái chết đang chờ ông. Những lúc về sau này ông đánh bạc nhiều hơn và thua đậm hơn, lầm lỳ và buồn bã hơn. Thư sống trong gia đình với cái bóng của ông đè nặng trong tâm hồn. Nói như vậy không có nghĩa là Duẩn hay giầu và Duẩn trẻ và cái chết còn ở xa tầm tay anh.

Vài đứa trẻ cầm lồng đèn đi qua, gọi nhau ríu rít, mắt nhìn bọn người ngồi bên trong hàng rào, vẻ tò mò. Thư nhìn quanh lơ đãng:

- Có lẽ nên có vài cái đèn xếp treo lủng lẳng cho nó có vẻ...

Phấn bảo:

- Tôi quên mất vụ đó. Nhà có trẻ con thì tự nhiên mình nghĩ đến điều đó...

Giọng anh ta có vẻ bùi ngùi. Thư kiếm một cái cớ để đi ra ngoài. Nàng thấy thèm đi tung tăng - vẫn thèm đi tung tăng.

- Duẩn đi ra chợ Thủ Đức với tôi đi. Hình như nhà cũng không có đèn cầy phải không anh? Chẳng lẽ lại ăn và nhảy

dưới ánh đèn tube hoặc trong bóng tối mờ?

Duẩn:

- Định chơi "*lumière*" hay sao?

Tuy vậy anh cũng đứng dậy, bảo Khánh đưa chìa khóa xe và theo Thư ra ngoài. Một đôi người trong bọn ngồi hoặc đứng rải rác trên nền đất lẫn lộn gạch vụn và cát, hỏi Duẩn đi đâu đấy.

- Ra chợ mua đèn, Duẩn đáp.

Lúc hai người ra khỏi cư xá trời đã bắt đầu tối. Thư ngồi sát vào người Duẩn. Duẩn nhấn ga cho xe vọt đi. Con đường dẫn vào Thủ Đức cong cong. Những cây thánh giá trắng nhò nhò trong một nghĩa địa bên đường. Những ánh đèn dầu le lói trong một vài mái tranh. Tòa nhà cao của một trường đạo đối diện với những bức tường dài của trại lính bên kia đường. Chợ Thủ Đức tưng bừng dưới những ngọn đèn sáng. Những buổi chiều tan học kéo nhau lên đây cả bọn bốn năm đứa duy có mình Thư là con gái. Tại sao thích tham dự vào những buổi họp mặt của bọn con trai hơn là gần gũi với các bạn gái mà Thư thường cảm thấy quá e dè ngại ngùng? Duẩn nhớ rằng mình vẫn chỉ coi Thư là một người bạn trai, dù Thư là người yêu của Cương. Cương vừa thích có Thư tham dự vào những buổi họp mặt này vừa không. Ở người con trai ấy có nhiều điều u ẩn và hơi lãnh đạm. Từ ngày anh đi ngoại quốc, trong những lá thư gửi về, Thư chợt "nhận ra" Cương. Người ta yêu người khác vì những tương đồng mà vì những điều có thể rất trái ngược. Thư sống như một con mèo hoang thì Cương khép mình trong khuôn khổ mực thước, hoàn toàn lệ thuộc gia đình. Cố nhiên chẳng phải vì người này hay người kia muốn thế, hay có muốn thì cũng chỉ một phần. Đứng trước Cương, Thư cảm thấy quá cô đơn nhưng không thể không

yêu. Cương thương và yêu người con gái với một lý do gần giống như thế.

- Thư nghĩ gì vậy?

Thư cười một tiếng ngắn:

- Ngày xưa dạo bọn mình thường kéo nhau lên đây ăn và bây giờ tôi thấy đói. Có lẽ mình nên ăn một cái gì đi.

Duẩn tán thành. Hai người vào một quán ăn trong chợ.

- Duẩn còn nhớ anh chàng Vĩnh không nhỉ?

- Nhớ, nhớ quá ấy chứ. Tỉnh thoảng tôi vẫn gặp hắn ở phố.

- Còn sống với “ma-đàm” kia không không biết?

- Hình như còn. Không thấy nói đến. Hắn vào biệt kích rồi.

- Tôi không thấy ghét anh ta một mảy may. Tôi phục tài hoạt bát của anh ta. Làm sao mà anh ta đóng kịch giỏi thế?

- Thư còn nhớ một hôm anh ta ngồi ở trên xe đi chơi suốt LồỒ, anh ta giảng cho Thư nghe danh từ “biên tế” không?

- Nhớ. Tôi chỉ thấy mơ hồ hơn sau khi nghe anh ta giảng - mơ hồ như... biên tế vậy! Nhưng tôi lại nghĩ những người học cao thường có một lối định nghĩa tối tăm nên tôi vẫn tin được. Đâu ngờ anh ta chỉ là một thứ mật vụ quá tài tình! Chính vì cái tài tình đó tôi lại thấy quý anh ta mới lạ chứ! Tôi còn nhớ một hôm anh ta cho tôi xem lá thư tình của một cô mà anh ta bảo là *fiancée*, cùng học lớp với bọn mình. Anh ta trở cho tôi cô gái ấy. Tôi cũng có dịp đứng ở xa nhìn thấy đi cặp kè và nói chuyện với cô nàng. Cô ta là một cô gái e lệ, tóc thề buông xỏa vai, lúc nào cũng ngậm góc khăn tay. Ở xa nhìn vào, làm gì mà không tin là nàng e thẹn trước vị hôn phu. Nghĩ cũng buồn cười. Tôi thấy thương bọn mình dạo ấy lạ, thương cái quá khứ hồn nhiên đến thơ ngây đó. Sau vụ phát giác đó, tôi thấy như có một mối nghi kỵ rơi xuống giữa bọn mình... Không biết Duẩn ra

sao, tôi thấy Cương có vẻ buồn thành thật. Anh ta vốn sẵn tính dăm chiêu...

Những kỷ niệm kéo về chập chùng và ô hợp. Giọng Duẩn trầm hẳn xuống:

- Cũng may hẳn chưa khai thác gì được ở bọn mình. Mà nói cho ngay mình có hoạt động gì đâu mà khai thác?! Toàn một bọn chỉ đấu láo phát phơ...

Ừ tại sao mình chưa hề một lần tham dự? Mình sống như một kẻ đi dạo vậy. Một kẻ đi dạo không mấy chút hăng hái hay thành thoi. Làm như thể sinh ra thì phải sống, sống cho hết cuộc sống để chết. Và sống trở thành một bốn phận. Một bốn phận? Phải chăng tôi khất lần việc lấy Thục cũng chỉ vì sợ không dám chuốc thêm một thứ bốn phận nào khác? Tại sao không đủ can đảm hủy bỏ lễ đính hôn để cho Thục đi lấy chồng? Tôi không yêu nàng, không hề yêu nàng. Tôi không hủy bỏ lễ đính hôn vì có lẽ tôi chẳng đủ can đảm và cố gắng làm một việc như vậy. Tôi có hèn nhát lắm không? Tôi có bi quan không? Bạn bè thấy tôi cười nhiều - mặt tôi lúc nào cũng đỏ gay, hiện tượng của một người nhiều sinh lực? Buồn cười thật thôi! - chúng nó tưởng tôi không lo âu. Thực ra, tôi ngao ngán quá đấy thôi, ngao ngán hơn cả là mỗi bữa cơm tôi về nhà, thấy mâm cơm úp lũng bàn phần tôi trên bàn và mẹ tôi đi với một trăm hai chục quân, thằng em mười bốn tuổi bỏ đi lang thang. Chẳng có gì giữ tôi ở trong gia đình cả. Tôi cũng thiếu một cái điều mà tôi cho là đẹp và đáng theo đuổi ở ngoài đời. Tôi đi dạy như một cái máy, mê học trò con gái (một cách thằm kín cố nhiên vì bắt buộc thế) như một cái máy và không thấy điều đó là quan hệ, lê la các tiệm cà-phê quen tán dóc với tụi bạn như một cái máy, và đây chính là điều tôi cần. Duẩn nốc cạn ly ba ba, nhìn người con gái đối

diện, đôi mắt cận thị không đeo kính (Duẩn kỵ đeo kính cận) - hồn buồn bã...

Duẩn bước ra hiên, mở banh khuy áo ngực và thở ra: một ly “sec” làm anh chuẩn choáng. Thư ngồi bó chân trên bậc thềm, ngẩng lên, thấy anh, mỉm cười. Không biết có phải rượu làm Duẩn thấy Thư đẹp lạ thường hay vì khuôn mặt trắng của Thư hiện trong bóng mờ mờ trông đẹp như một pho tượng. Duẩn có cái cảm giác như một người sống ở ngoài thời gian. Mọi sự vật như ngưng đọng lại, ngưng đọng lại trên khuôn mặt im lìm của Thư. Anh hỏi mà như không nghe tiếng mình hỏi:

- Ngồi ở đây à?

- Trong ấy ngọt ngào quá.

- Có lẽ vì thế mà vừa nhảy với tôi cô Thủy vừa quạ... Cũng có lẽ cô ấy quạ hơi rượu...

Thư cười nhẹ, ngồi nhích sang một bên khi thấy Duẩn ngắt ngưỡng bước xuống khỏi thềm nhà. Tự nhiên Duẩn có ý thích ngồi dưới chân Thư. Điều đó gây cho anh một cảm giác vô về. Điều đó làm cho Thư cảm thấy diệu vui...

- Còn nói được như vậy à?

Duẩn ngơ ngẩn một lúc, rồi bật cười:

- Thư tưởng tôi say à?

Thực sự là Duẩn chuẩn choáng. Mấy lần trong khi ôm Thủy, anh giẫm phải chân nàng. Duẩn tưởng tượng lại lúc ôm Thủy trong vòng tay. Ở Thủy có một vẻ mộc mạc của một cô gái miền Nam. Nàng không tỏ vẻ bực bội mỗi lần Duẩn giẫm phải chân, cũng như Duẩn coi việc nàng phe phẩy chiếc quạt trên tay là một điều thú vị. Ý nghĩ đó làm cho Duẩn bật cười một mình.

Bên ngoài, tiếng hát của bọn trẻ rước đèn quanh cư xá đã ngưng từ hồi nào. Trăng đã lên cao. Ánh sáng như có màu

xanh. Trước giậu, vài ba cái đèn xếp bị cháy xém, còn treo lủng lẳng.

- Trông Thư có vẻ buồn?

Duẩn rút điều thuốc xòe lửa châm hút. Anh đưa bao thuốc mời Thư. Nàng mỉm cười lắc đầu:

- Tôi bỏ thuốc từ gần mấy tháng nay vì tự nhiên sợ mùi khói thuốc.

- Tôi hút có phiền không?

- Không, không...

Thư nói như cố không nói ra một điều mà trong thâm tâm nàng muốn nói, muốn khoe, với tất cả sự hân hoan. Duẩn cất bao thuốc vào túi áo, thở ra từng vòng tròn khói nhìn theo chúng uốn éo dưới ánh trăng thành từng sợi mỏng dài và tan loãng. Một sự im lặng bao quanh hai người. Tiếng một bản nhạc có tên "Adieu Tristesse" từ trong phòng vẳng ra hòa lẫn tiếng giày đi trên sàn nhà của những người khêu vũ. Mấy hát cũ quá. Tiếng kèn nghe rè rè.

- Bao giờ thì mình có thể "*adieu tristesse*" được?

Thư lên tiếng. Duẩn quay lại (anh có giọng nói hơi cao, như có một cái gì đó vừa gay gắt vừa giễu cợt ở trong đó), nhìn dáng Thư chao động:

- Hết buồn thì còn vui thế quái nào được!

- Nói là nói vậy thôi... Nỗi buồn thực ra tô điểm cho cuộc sống...

- Tối nay Thư vui chứ?

- Vui. Và thanh thản nữa... mặc dù bữa tiệc có phần nào luộm thuộm. Tôi tưởng Duẩn quen với anh Phấn.

- Quen gì. Tôi mới biết ông ta sáng nay.

- Nhân vật ấy cũng hay hay.

- Bây giờ ông ta chỉ thiếu có một cái, là một cô vợ có học thức một chút để cho ông ta có cái cảm giác là mình cũng

có dính dáng tí chút trí thức.

Thư cười một tiếng ngắn:

- Kể ra việc đó đâu có khó gì, đối với một người có của như ông ta. Nghĩ cũng buồn cười. Không biết ông ta nghĩ sao... Theo tôi, bấu gì cái trí thức, nhất lại là một người đàn bà trí thức.

Duẩn quay nhìn Thư:

- Sao có vẻ chửi bới ghê thế?

- Nhiều khi tôi có ý nghĩ giá đừng học, đừng đọc nhiều, mình lại dễ sống hơn. Suy nghĩ lắm đầu óc đâm trì trệ. Lỡ rồi, đành chịu. Tôi có con, sẽ để nó sống hồn nhiên, như cây cỏ... Nói vậy, cũng khó làm như mình muốn. Có thể, rồi thế hệ con mình sẽ khác, không như bọn mình. Nhiều lúc tôi có cảm tưởng thế hệ bọn mình sinh ra để chịu một cuộc thí nghiệm...

- Thư nói như thế là Thư sắp có con rồi ấy!

Thư bỗng im, xúc động. Một lát nàng cười nhẹ:

- Tôi sắp có con thật, chẳng phải “như thế” đâu.

Duẩn không tin. Thư cảm thấy không thể không bộc lộ niềm vui lẫn lo âu của mình với Duẩn.

- Không tin tôi nói thật à? Hai tháng rồi...

Thư nói giọng run run, nhưng vẫn cố giữ vẻ bình tĩnh. Duẩn nhìn Thư, vẻ ngạc nhiên pha lẫn nét vui mừng trên khuôn mặt. Anh đặt tay lên bụng Thư giản dị, tự nhiên như Thư là người yêu của anh, và dường như đó là điều anh mong đợi.

- Thế... sao trông Thư... tỉnh thế?

Hỏi xong, Duẩn mới thấy mình có vẻ ngây ngô. Giọng Thư ráo hoảnh, thật nhỏ:

- Không tỉnh, thì say à?

Duẩn rút tay về, nói như nói một mình:

- Vui nhỉ?

Trong phút giây, Duẩn có cái ao ước được úp mặt vào lòng Thư và được Thư lùa những ngón tay vào trong tóc anh, cái cử chỉ của những người yêu nhau thường làm. Nhiều lúc cảm thấy quá thiếu thốn. Duẩn cần một thứ tình yêu pha lẫn tình bạn trong đó. Điều đó nghe thật giản dị. Nhưng sao trong thực tế thật hiếm.

Duẩn nghĩ đến Thực. Mặc dầu đã đính hôn với nhau, Duẩn vẫn nghĩ đây là việc làm trái với ý muốn của anh. Tại sao Thư không là Thực nhỉ? Và tại sao Duẩn không là người đàn ông đã cho Thư đũa con nhỉ? Duẩn lẩn thẩn tự hỏi. Tiếng Thư nghe xa vắng:

- Tôi giữ đũa nhỏ lại, dù tôi biết mình phải trả một giá rất đắt. Tôi nghĩ biết đâu sự có mặt của nó sẽ thay đổi cuộc sống và những suy nghĩ của mình phần nào chăng? Có thể nó là sợi dây ràng buộc tôi vào cuộc sống mà nhiều lúc tôi thấy quá chán ngán?...

Thư cảm thấy bị lôi cuốn bởi chính những điều nàng vừa nói ra. Mình có đang nguy hiểm? Nàng thầm hỏi. Thực sự Thư không biết những gì đang chờ đón mình ở cuối cùng chặng đường này. Mặc, nàng cứ dần bước.

Duẩn cảm thấy bất cứ câu hỏi nào đặt ra bây giờ cũng là thừa. Anh hút hơi thuốc cuối cùng, khum hai ngón tay cái và ngón giữa, búng điếu thuốc văng ra xa sang bên kia hàng rào, điếu thuốc đựng phải bức tường của ngôi nhà trước mặt, những tia lửa tóe vỡ như từ một quả pháo bông tí hon, và rơi xuống trong đám cỏ dưới chân tường. Anh đứng dậy:

- Thư vào nhảy với tôi bản này đi

- Không. Tôi muốn ngồi nghỉ. Tôi muốn được yên tĩnh. Duẩn vào nhảy đi.

Duẩn tần ngần một lát, rồi quyết định đi vào nhà:

- Tôi đi kiếm rượu uống... Thư uống một ly nhé?

Tiếng Duẩn ngập đi trong tiếng nhạc dồn dập ồn ào...

Chiếc xe rời đường Võ Di Nguy rẽ qua đường Chi Lăng. Trời về khuya, đường phố xe cộ thưa thớt. Thư tưởng tượng cách đây vài tiếng, từng bày trẻ náo nức cầm đèn lồng đi tung tăng trên các đường phố, và trên những sân thượng, từng mâm cỗ trông trăng được bày ra với bưởi, cam, hồng, bánh nướng, bánh dẻo, và những con giống xinh xắn đủ màu. Xa rồi những ngày rằm cùng anh chị em náo nức mua sắm. Thư nhớ lại mùa trung thu dạo nào, mấy bố con xúm lại làm một cái đèn kéo quân. Thư có bốn phận vẽ và cắt những hình người - những hình người vẽ lại những mẫu chuyện cóp nhặt trong thần thoại cổ tích. Ông Lư và Thúc vót tre làm đèn và dán giấy. Đèn đốt lên, ba vòng tròn đầy những hình người quay tròn quay tròn. Bố con cùng ngắm tác phẩm hoàn thành và đang sinh hoạt. Cô bé Lọ Lem đuổi theo nàng Bạch Tuyết và những chú lùn nổi đuôi cô bé quàng khăn đỏ, xen vào đó là những nàng công chúa thủy cung nửa người nửa cá, những hoàng tử cười ngửa uy nghi... Cả một thế giới thần thoại được dựng lên, đúc kết, sống động. Bây giờ là những buổi tối trống rỗng cần sưởi ấm bởi một ngọn lửa từ bên ngoài, từ những người bạn, từ một vòng tay của người khác phái. Nhưng những tìm kiếm đó chỉ khơi thêm lỗ hổng cô đơn. Vẫn mặc. Như bị lôi cuốn bởi cơn thác lũ, Thư vẫn tiếp lao đầu vào, với một đam mê cuồng nhiệt không tên. Bất giác Thư đặt tay lên bụng. Giọt máu này cũng giống như cơn đam mê kia. Nó chưa có hình dạng, chưa có giống, chưa có tên gọi. Và chưa được nhìn nhận bởi một ai ngoài người mang nó. Và Thư nhìn nhận nó với một nỗi ngáy ngất kỳ diệu. Phải

chẳng đó chính là cái bản năng đầy nữ tính? Cử chỉ của Thư làm Duẩn thôi nhìn về phía trước quay nhìn theo bàn tay của Thư rồi nhìn Thư, mỉm cười. Thư tìm đọc trong nụ cười đó một ý nghĩa. Nàng chỉ thấy trong đó một sự bao dung có pha lẫn vẻ lạ lùng.

- Nó... đạp chưa?

Duẩn hỏi nhỏ vừa đủ cho Thư nghe. Thư lắc đầu, cười nhẹ:

- Làm gì mà mau thế?

Phấn im lặng lái xe không nghe những lời đối thoại giữa hai người. Với hấn, buổi họp vừa rồi coi như lui vào dĩ vãng. Hấn không đạt được điều mà hấn mong muốn, là tìm được một cô vừa ý hấn. Có lẽ hấn thích Thư. Khuôn mặt có vẻ trong sáng. Cái nhìn khôn ngoan lanh lợi. Lối nói chuyện chứng tỏ người có học. Tính nết thâm trầm. Nhưng từ lúc Thư nhận lời đi với Duẩn, hấn tự ý loại nốt Thư khỏi đầu óc.

Thư cảm thấy bàn tay Duẩn vỗ vỗ nhẹ lên vai nàng. Và chiếc xe rẽ vào một ngõ hẹp đường Chi Lăng. Đường hẻm vẽ một đường cong, vắng ngắt, không một ánh đèn. Lò mờ một vài bóng cây màu đen sậm. Chiếc xe quẹo thêm một lần nữa về tay trái và nằm lọt giữa hai dãy nhà có những bức tường cao, vôi loang lổ, ít những khung cửa sổ. Hẻm có vẻ một nơi gồm những xưởng - xưởng gì Thư không rõ - nhưng Thư có cảm tưởng như vậy. Vành trăng hiện ra trên bờ một bức tường cao đổ xuống lòng hẻm một ánh vàng nhạt mờ mờ. Thư có cảm giác đang đi vào một thế giới xa lạ không tên gọi. Điều đó gây cho Thư một thích thú như người tham dự vào một cuộc phiêu lưu. Thư có thể hỏi Phấn và sẽ được giải thích. Nhưng nàng im lặng để giữ cho mình cái cảm giác ban đầu. Thư cũng có thể bảo với Phấn và Duẩn nàng muốn về nhà và nàng sẽ trở về nhà, sẽ dùng

chìa khóa riêng mở cửa, sẽ bỏ giày leo lên căn gác nhỏ bé thiếu khí trời, sẽ thay quần áo trong im lặng, sẽ nằm sấp trên chiếc giường sắt một người của nàng và sẽ tiếp tục nghe ngóng cái sự sống nhỏ bé đang nẩy mầm trong thân thể nàng với một niềm lo-âu-pha-lẫn-thích-thú-riêng-tư-không-chia-xẻ, không-thể-chia-xẻ. Nhưng một sức lôi kéo làm Thư vẫn cứ tiếp tục im lặng. Bất giác Thư tự hỏi mà mình mong mọi gì ở họ, ở Duẩn chứ? Thư biết rằng nếu nàng cứ tiếp tục im lặng, như thế có nghĩa là ngày mai trở về nhà, nàng phải chịu đựng cái nhìn trách móc và dò hỏi của bà Lu. Tại sao từ bao giờ đến giờ hai mẹ con vẫn vô cùng cách biệt? Và dường như bà Lưu cũng chẳng tỏ vẻ buồn bã, hay ít ra, ý thức về sự cách biệt này. Bà chỉ có một mối bận tâm: đi nhà thờ cầu nguyện, cầu nguyện như một cái máy cho bà và cho phần hồn của cả gia đình đang dần dần phân tán, mỗi người một ngã. Từ đó Thư có ý tưởng cầu nguyện là một chứng tỏ của sự bất lực. Và Thư khước từ sự bất lực đó. Thư muốn được tin tưởng ở tương lai, tương lai của cuộc sống này, chẳng phải cuộc sống ở bên kia cõi sống phân cách bằng sự chết.

Phấn cho dừng xe lại trước một khung cửa sắt. Ánh đèn từ bên trong hắt ra đổ dài trên mặt hẻm thành một vệt sáng mờ. Một con chó bẹc-giê từ bên trong nhảy xổ ra sủa vang. Âm thanh chát chúa như chọt đánh thức Thư dậy cùng với tiếng máy xe vừa tắt ngấm. Không gian tĩnh mịch của con hẻm bị xé toang, kéo theo vài tiếng sủa khác đáp lại từ xa. Phấn mở cửa xe xuống, quát khê:

- Ky Ky! Im đi nào! Đi vào trong nhà!

Con chó nghe tiếng chủ, im bật, nhưng vẫn còn gầm gừ trước hai người khách lạ lúc ấy cũng vừa bước xuống xe. Tiếng giày đi lết trên sàn xi-măng. Phấn loay hoay mở cửa

sắt. Tiếng chìa khóa xoay trong ổ khóa và đoạn xích sắt đập vào cửa vang lên những tiếng động khô khan. Con chó quynh quít đập đuôi phía bên trong. Nhưng cửa vừa mở nó thoát ngay ra ngoài. Phấn quát gọi:

- Ky Ky! Đi đâu? Vào nhà mau!

Con chó không nghe, làm một vòng quanh chiếc xe đậu trước cửa rồi cuối cùng theo ba người vào nhà, lúc quần bên chân chủ, lúc theo đánh hơi hai người khách. Thư bước chậm chậm, nhìn những khung gỗ la liệt trong ánh đèn vàng kịch hắt lại từ một ngọn đèn tù mù treo lủng lẳng cuối xưởng. Nàng đoán chừng đây là một xưởng dệt. Đồ đạc lộn xộn chật chội. Phấn bước vội vào phía trong bật thêm một ngọn đèn nữa rồi trở ra loay hoay tra chìa khóa vào ổ khóa một cái cửa ăn thông sang căn bên mặt. Thư đứng lại trong bóng tối. Bây giờ nàng mới cảm thấy mỗi rã rời, chỉ muốn được ngã lưng xuống một cái giường nệm nào đó. Nàng ngó Duẩn lúc ấy đang nhìn quanh dáo dác, vẻ chán chường. Tuy nhiên Duẩn đã có vẻ tỉnh táo hơn lúc ngồi ở tiệm cà-phê. Anh thọc tay vào túi tìm diêm quẹt lửa châm diếu thuốc. Bàn tay run run. Ánh sáng rung động hắt lên khuôn mặt nhiều thịt, lúc nào cũng đỏ gay của anh và mái tóc bơ phờ. Các bạn thường gọi đùa Duẩn là “Tây say”. Duẩn nhận biệt hiệu đó không phản kháng, không buồn phiền một cách dễ dãi như anh đã dễ dãi chấp nhận nhiều sự việc khác, như việc đính hôn với Thục, chẳng hạn. Tất cả chỉ là một lô những sự tình cờ đến nỗi đôi khi làm Duẩn ngỡ ngác mỗi lần nghĩ lại. Duẩn còn nhớ những lý lẽ người ta đưa ra để buộc anh phải làm lễ đính hôn với Thục. Giá Duẩn đừng ra thăm Thục khi nhận được điện tín của nàng báo tin mẹ nàng chết... Thật ra mùa hè đó Duẩn cũng muốn có một lý do để rời Sài Gòn. Những người như

Duẩn có thể làm bất cứ việc gì, đi bất cứ nơi nào không cần lý do. Nhưng đôi lúc để thi vị hóa cho một chuyến đi, Duẩn mong có một cái cớ. Và không có cái cớ nào mà lại thi vị cho bằng ra thăm người yêu và chia xẻ với người yêu nỗi buồn mất mẹ. Sự hiện diện của Duẩn trong đám tang đó ngày hôm sau được truyền đi khắp cái thành phố nhỏ bé nơi ông cụ thân sinh ra Thục giữ một chức vụ quan trọng, để rồi tiếp đó là một cuộc đính hôn giữa Duẩn và người con gái hơn anh đến ba tuổi. Vì thể diện của gia đình Thục và cá nhân Thục, Duẩn về Sài Gòn với chiếc nhẫn đính hôn trên ngón tay mà bà cụ Duẩn đã nghiêm trang đeo vào tay anh, chiếc nhẫn cưới của bà. Bà mẹ anh lại quý Thục vì tính nết hiền lành, ngoan ngoãn. Duẩn chỉ ý thức một điều là anh không thể yêu Thục và ngược lại anh không thể làm trái ngược với ý muốn của mẹ anh. Anh thường ngơ ngẩn mỗi khi nhắc lại cuộc đính hôn bất đắc dĩ này. Duẩn chỉ còn một cách là kéo dài thời kỳ đính hôn để có thể tự do sống với mấy người bạn trai mà anh thương hơn bất cứ ai, ngoài mẹ anh, ở trên đời, kể cả những người con gái mà anh đón nhận bằng một đam mê cuồng nhiệt nhưng chỉ trong một thời gian ngắn ngủi vài ba tháng để rồi lại nguội lạnh. Mặc dù Duẩn ý thức mình sống không thể không đam mê một hình bóng, nhưng đồng thời không thể sống mãi với một đam mê. Duẩn nghĩ mình là một người tình nhân không chung thủy song không thể không yêu đương. Cái gì đã thúc đẩy Duẩn muốn đổi mới mãi? Có lẽ vì mỗi ngày anh mỗi phải tiếp xúc với bầy học trò con gái lúc nào cũng náo nức trong lứa tuổi dậy thì, những người con gái mang đầy sức sống, những người con gái chứa đựng trong họ sự tươi mát mà cuộc sống nhàm chán và tù túng đang tước đi dần ở người con trai hai năm là anh, là những người

bạn đồng nghiệp còn trẻ của anh. Chỉ ở họ, ở những người con gái mới lớn, nhiều mơ mộng ấy còn mang cái nguyên vẹn, không âu lo về thời cuộc, về trận chiến đang cướp đi dần của anh những người bạn, những người bạn hôm nay còn cười nói trong một kỳ nghỉ phép, ngày mai ngày mốt đã nghe tin chết hay bị cụt tay cụt chân trong một trận đánh nào đó trong trăm ngàn những trận đánh đang diễn ra mỗi ngày. Tuy nhiên Duẩn cũng tự hào là anh chưa để khổ cho một người con gái nào. Bởi tình yêu của anh dành cho họ đến mau rồi cũng rụng mau, trước khi nó đưa đến những liên hệ sâu xa. Điều mà anh quan tâm, mà anh tha thiết, vẫn là những người bạn trai, cái đám bạn trai còn sót lại, đi học, đi dạy, tụ họp, đấu hót, giễu cợt - nhất là giễu cợt - và càng giễu cợt mỗi khi cuộc sống dồn họ vào ngõ bí, khép họ vào những mặc cảm nặng nề, không lối thoát, hoặc có, thì cũng là một ngõ thoát để rồi lại rơi vào một bế tắc khác. Thỉnh thoảng, một đôi người trong bọn anh, như Cương, may mắn, có một lối thoát không phải là lên đường nhập ngũ, mà là du học. Và trong những lá thư họ gửi về, Duẩn đọc thấy một chán nản khác mọc rễ, một thứ mặc cảm khác nảy sinh. Trong bọn có người, như Quảng đi xây dựng lại một mớ giá trị đã bị vượt mất, đã bị giễu cợt hóa bằng cách đi xa, nhận việc huấn luyện những lớp người từ các nông thôn về theo học các lớp đào tạo căn bản chính trị, tại Vũng Tàu. Quảng đã thành công phần nào trong việc đi tìm lại những giá trị cần thiết đó. Nhưng phải nhận là Quảng trước đó, vẫn còn ít nhiều quan niệm đứng đắn trong đầu, nhờ giáo dục của ông bố. Duẩn bỗng nhớ đến cái nhìn tha thiết của Quảng lúc anh quyết định lên xe với Thư về đây và nhờ Quảng sáng mai đến trường xin phép hộ. Duẩn, mày về tao ngủ đi sáng mai mọi sự sẽ bình

thường lại, hoặc mày sẽ đi dạy, hoặc mày sẽ nghỉ và ở chơi với tao. Duẩn nói như gắt, sáng mai nếu tao chưa về kịp mày cứ đến trường bảo là tao ốm, tao chán lắm nếu mai phải nhìn mặt tụi học trò, vì thực sự tao cũng đang chán tao nữa đây này. Khi Duẩn nói điều đó Duẩn nghĩ là đêm nay sẽ được nằm trong vòng tay Thư hoặc anh sẽ ôm Thư vào vòng tay vuốt tóc nàng, an ủi nàng để nghe như chính mình an ủi mình. *Em ơi hãy ngủ anh hầu quạt đây.* Duẩn có cảm tưởng từ mấy năm nay quen biết với Thư, lần đầu tiên anh *biết* nàng. Lúc ấy Thư im lặng trong xe nhìn Duẩn và Quảng dẫn co nhau trên hè đường sau khi cả bọn ra khỏi tiệm cà-phê. Cuối cùng Duẩn lên xe, đóng cửa lại, bảo Phấn anh cứ lái đi. Phấn cho xe chạy đi. Tiếng Quảng gọi với theo Duẩn và mắt hút ở phía sau. Qua tấm kính chiếu hậu, Duẩn thấy Quảng làm lũi băng qua đường. Tự nhiên Duẩn thấy thương Quảng xót xa.

Phấn xô cánh cửa mở rộng. Duẩn bước theo Phấn vào phòng. Căn phòng bừa bãi những sổ sách và thư từ. Đằng cuối phòng có một khung cửa che *rideau* thông vào một căn buồng phía trong, Duẩn thả người xuống một chiếc ghế xa-lông kiểu cũ không có nệm đặt ngay chỗ ra vào, thở ra, đôi mắt nhắm lại. Phấn bật đèn ở trong buồng trong rồi quay ra nói với Duẩn:

- Trong này có giường màn, anh với cô Thư có thể nằm nghỉ.

Duẩn ôm lấy đầu bắt đầu nặng chình chịch. Mỗi lần uống rượu vào, Duẩn thường bị nặng đầu khi cơn say bắt đầu nhạt. Biết vậy nhưng Duẩn vẫn không thể không uống.

- Anh nhức đầu à? Có thuốc đấy. Hồi nãy uống có nhiều không? Nhảm quá. Lẽ ra phải có *soda*. Tôi quên khuấy mất chỉ vác có chai *whiskey* lên... Để tôi lấy thuốc cho anh uống.

Duẩn xoa tay, nói và cảm thấy xa lạ với giọng mình:

- Không sao đâu. Anh cứ để bọn này tự nhiên. Làm phiền anh quá đi.

- Có gì mà phiền. Bây giờ tôi để hai người ở đây. Cần gì cứ tự tiện. Có nước lạnh ở phía sau...

Thư bước vào phòng ngồi xuống trên chỗ tì tay của chiếc ghế Duẩn đang ngồi bóp trán: - Anh không ở lại với tụi này? Anh đi đâu bây giờ? Giọng nàng bình thản, hơi mệt mỏi.

- Không, tôi phải trở về Thủ Đức.

- Bây giờ có lẽ đã tới giờ giới nghiêm anh về tận Thủ Đức, làm sao kịp?

- Kịp mà. Mới có mười một giờ rưỡi. Cô đi ra phía sau với tôi, tôi chỉ cho một vài nơi cần thiết...

Thư rời chỗ Duẩn, đặt chiếc ví tay lên mặt bàn, bước ra sau với Phấn. Phía sau là một cái xưởng lớn hơn chiếm cả hai căn, nhưng trống hơn. Những khung cửa đặt ngổn ngang. Thư ngược nhìn mái nhà cao, xung quanh gần như không có gì che đậy từ mép tường cao hai thước lên đến mái. Phấn trở tay về phía một khung cửa nhỏ nằm tận cuối xưởng:

- Nếu cô cần đi ngoài, lại đó...

Thư nói cảm ơn anh. Thấy nàng nhìn cái máy điện đặt ở giữa xưởng, Phấn giải thích:

- Ở đây chúng tôi dùng điện để chạy máy.

Thư bắt gặp cái cảm giác lạc lõng giữa khung cảnh của một xưởng dật vào lúc ngưng hoạt động. Nàng thấy mệt mỏi. Thoạt tiên là một bữa tiệc, rồi Duẩn say rượu và yêu cầu nàng ở lại với anh. Thư nhận lời với ý nghĩ là Duẩn đơn độc và cần sự có mặt và chăm sóc của nàng. Thư đã từng có những lần say rượu nhưng lần say rượu làm Thư

nhớ hơn cả là hôm đi ăn với Cương và Duẩn sau khi tan học ở Văn khoa. Lâu rồi. Hôm ấy Cương đã thức cả đêm với Duẩn, để săn sóc cho nàng. Trong cơn nửa say nửa tỉnh Cương đã hỏi nàng nhiều lần lý do khiến nàng khóc sụt mướt trong khi say. Làm sao có thể nói được? Một nỗi cô đơn thành linh úp chụp xuống và tôi bị mất hút trong đó, và cái thế giới vô thức trong phút chốc được cởi tung như một đoàn quân ô hợp kéo vây kín mọi ngã tâm hồn. Từ đó mở đầu cho một rạn nứt trong tình yêu giữa Cương và tôi. Tôi tưởng sự có mặt của mình có thể làm gì được cho Thu nhưng bây giờ tôi thấy rõ là mình chẳng làm được gì cả, tôi bất lực hơn tôi tưởng. Thu cố nín kẻo, anh nhăm rồi em không thể nói chẳng phải vì cố tình muốn giữ cho mình sự riêng tư, lỗi không ở anh, đừng nói như vậy. Nhưng dù muốn dù không, họ đã xa nhau. Một hôm, Cương đến cho Thu biết anh sắp đi Pháp. Họ trải qua với nhau một ngày trong dịp Cương có việc phải đi Kiến Hòa và đến rủ Thu đi cùng cho biết. Thu vẫn thích những chuyến đi xa gọi là “giang hồ vật” như vậy. Thu nhớ lúc hai người ngồi ở bờ một cái hồ ở Kiến Hòa và tưởng tượng đó là hồ Hoàn Kiếm ở Hà Nội - cái kỷ niệm cuối cùng họ có với nhau trước khi Cương lên đường đi Pháp. Chúng mình ngu xuẩn đâm đầu đi tìm cái tuyệt đối. Nhưng lạ là tôi chẳng hề hối tiếc. Mỗi lần vấp ngã của tuổi trẻ là một kinh nghiệm, một kỷ niệm đáng yêu, nó giúp cho cuộc sống thêm sâu thêm phong phú. Có lẽ một đôi khi tôi thèm cái tuổi trẻ bình thản của nhiều người con gái bình thản và an phận. Nhưng tôi cũng còn kiêu hãnh về cuộc sống nhiều gai góc của tôi hơn. Phải chăng vì điều đó làm tôi thấy tôi là “một-người-nào-đó” chẳng thuộc về cái số đông?

Thu quay lại:

- Xưởng này của anh?

- Vâng.

- Ở tuổi anh mà gây dựng được một cơ nghiệp như thế này, thật là giỏi. Bọn chúng tôi, bị chữ nghĩa, sách vở làm mù đi và mất hẳn vẻ hoạt bát linh động cần thiết...

Phấn nói:

- Nhưng cô và các bạn cô có tuổi trẻ, có học thức...

Phấn có vẻ thành thực mến phục bọn Thư. Thư bật cười lên một tiếng ngắn, nói và biết là chẳng bao giờ Phấn nghĩ và thông cảm với điều nàng nói:

- Tuổi trẻ và học thức như bọn tôi mà làm gì, hả anh? Ra đời, có lẽ còn thua những người tháo vát như anh.

Thư bắt gặp một nỗi chua chát. Hình như chính mình cũng còn thích làm ra vẻ chua chát như vậy nữa? Thật khôì hài. Mình có sống thực tại hay thật ra đây chỉ là một lớp kịch? Và Thư cũng ý thức là tra hỏi xem mình có thực không, chỉ làm cho mình trở nên không thực, mơ hồ hơn.

Thư hỏi mượn Phấn khăn mặt. Gã đàn ông sốt sắng một cách không ần ý, chạy đi lấy khăn mặt và không quên mang ra cho Thư một bánh xà-phòng thơm.

Thư nói:

- Cám ơn anh. Thật phiền anh quá!...

Rồi nàng nói luôn, không đợi Phấn lên tiếng:

- Có lẽ Duẩn vẫn còn say. Duẩn là bạn thân với tôi từ dạo ở Văn khoa. Tôi không muốn để Duẩn nằm một mình đêm nay...

Thư ngừng lại, bỗng thấy sự lố bịch của mình. Việc gì phải phân trần với Phấn? Đêm nay mình sẽ trải qua một đêm ở đây với Duẩn, ngày mai rời đây, không tìm hiểu, không cần tìm hiểu nơi này, và gã đàn ông này rồi sẽ chẳng bao giờ mình gặp lại, hẳn không có gì để mình lưu luyến

bận tâm, thì việc gì phải phân trần làm chi cho vô ích? Thu múc nước, xấp tay cho ướt rồi xát xà-bông và rửa tay. Nàng tưởng tượng khi vục nước lên rửa mặt, mùi thơm của xà-bông còn vương lại trên hai bàn tay sạch sẽ sẽ tỏa ra ôm lấy khuôn mặt mệt mỏi của mình, và làm dịu đi những suy nghĩ day dứt đang xâm chiếm tâm tư nàng. Thu rửa sạch nước xà bông ở tay, múc một gáo nước khác và thực hiện ý nghĩ trên. Nước lạnh thấm vào da mặt, thấm vào đầu óc, thấm vào tâm hồn! Nàng nghe người nhẹ nhõm. Nàng muốn cứ tiếp tục vục nước lên mặt như vậy hoài hoài. Thu nhớ có một dạo nàng thích tắm buổi sáng, và ra phố với những hạt nước lấm tẩm trên da thịt. Từ cái ý thích đó, ở nàng nảy sinh ra cái thú dầm mình dưới mưa cho nước mưa ngấm vào tận tâm tư. Nhưng từ hai tháng nay, Thu mất thói quen tắm sáng. Nàng đâm sợ nước.

Tiếng giầy của Phấn đi lên đi xuống thu xếp một vài vật dụng. Có tiếng hấn bảo Duẩn đi rửa mặt cho mát. Tiếng Duẩn đáp lại vâng anh mặc tôi, phiền anh quá bây giờ anh về lại Thủ Đức à. Tiếng Phấn đáp thường tôi về trên ấy ngủ đêm, nhưng nhiều khi bận công việc tôi cũng ngủ lại dưới này, anh thấy bớt chưa. Dạ cũng khá ạ. Tiếng Phấn, chắc hồi nãy ở tiệm cà-phê anh ói ra hết. Duẩn nói vâng cũng nhờ ói ra hết với ly nước chanh nên mới khá thế này, không hiểu sao lần này tôi uống rượu tôi thế, bậy thật. Phấn nói may mà lúc nãy không gặp gió; anh có nóng cứ bật cái quạt này nó tự động, mà cứ chạy một giờ thì nó ngừng lại, tôi gắn thêm cái đồng hồ tự động này để đề phòng đêm mình có ngủ quên đi cũng không sợ, à tôi dặn anh và cả cô Thu đừng đụng gì đến những lọ thuốc này của tôi. Duẩn hỏi sao thế anh. Phấn nói dặn là dặn phòng hờ vì có thể nguy hiểm. Duẩn cười, được mà anh yên trí...

Thư đổ gáo nước xuống hai bàn chân trong khi dùng khăn mặt lau khô nước trên da mặt, và cọ hai chân vào với nhau gượng nhẹ, cố không gây tiếng động. Phấn trở xuống nhà:

- Tôi phải xem xét lại một vài thứ máy móc xem buổi chiều họ đã tắt đi chưa...

Tiếng giầy của Phấn đi về phía cuối xưởng. Thư chống tay lên miệng lu nước, một nửa người nghiêng về phía trước, nàng soi bóng mình trong nước. Mái tóc xõa về phía trước. Mặt nàng là một khoảng tối tăm. Trong cái khoảng tối tăm ấy, những ý nghĩ ngổn ngang. Mình đến đây trong đêm nay, làm gì nơi này. Nơi đây là sự xa lạ. Duẩn cũng trở thành một kẻ xa lạ. Thư nhớ lại ngày nào còn có cả Cương. Bây giờ hình ảnh đó không còn đủ sức gọi cho nàng dù một chút thương nhớ. Lâu quá rồi. Sau Cương đã có những gương mặt khác đến thay thế. Họ đến rồi đi như những cái bóng. Thư chấp nhận dễ dãi và cũng dễ dãi buông lỏng vòng tay khi thấy đã đến lúc không thể lưu giữ. Buồn chán ngập tràn, tình yêu chẳng phải là một phép màu. Nhưng mình vẫn cố sức sục sạo tìm kiếm ở mỗi một người đàn ông - tìm gì? Một mảnh bản ngã chưa chịu tìm lấy đường về? Cũng phải có một thay đổi nào đó. Thư đã lựa chọn, dù biết rằng mình phải trả một giá rất mắc về sự hiện diện của đứa con trong tương lai. Vả lại, có gì đâu mà phải băn khoăn kia chứ? Thư mơ hồ cảm thấy như chính mình cũng muốn nhận một thử thách. Thư nhớ dạo còn ở bậc trung học, mỗi lần phải lựa một trong những đề tài giáo sư ra, Thư thường chọn những đề tài khó và phức tạp. Đôi khi phải bỏ dở và lựa một đề tài khác dở hơn. Nhưng Thư biết lần này không thể bỏ cuộc. Thư đã đánh cuộc và nàng sẽ phải đi đến cùng. Phấn trở ra, móc túi đưa cho Thư mớ chìa khóa:

- Tôi đưa cho cô chìa khóa cổng sắt. Sáng mai khi rời đây cô mở cổng rồi để chìa khóa lên nóc cái hộp đựng công-tơ ở bên tay mặt - tôi sẽ chỉ cho cô thấy cái hộp đó - rồi cứ thế đập cửa vào. Nếu mấy người thợ của tôi lại, cô cứ để họ vào nhưng nhớ là để chìa khóa nơi tôi dặn cô...

Thư gật đầu nói vâng vâng. Hai người cùng lên nhà. Thư có ý nghĩ giá hồi nãy cứ đóng kịch với Phấn và biết đâu... Hấn có của nhưng không phải là "type" của mình và nhất là hấn có nhiều cái tinh ranh nhỏ nhặt và buồn cười. Vả lại, dẫu chưa có ý niệm gì về giọt máu trong người, Thư cũng cảm thấy không muốn đứa nhỏ sẽ có một ngộ nhận về người cha của nó. Mình đã, đang và sẽ nhìn thẳng vào cuộc sống với đôi mắt mở lớn, không lý gì đứa con làm bằng xương bằng thịt máu của mình lại có thể mang trong nó một ngộ nhận lớn lao như vậy về cái thân thể của nó. Hãy phán đoán tôi, hãy xa lánh, nếu cần. Nhưng xin cho tôi được sống chân thực. Thư cúi mặt xuống nhìn hai chân, nghe xót xa dâng lên. Phấn đi rồi, Thư đập và khóa cổng xong bước chầm chậm trở vào nhà. Duẩn đã bỏ ra sau rửa mặt. Tiếng nước rơi lã tả trên nền xi-măng vỡ. Thư nghe cả tiếng súc miệng sục sục của Duẩn. Nàng kéo chiếc *ride-au* che cửa thông vào buồng trong sang một bên và bước vào. Bên trong đồ đạc cũng gồm những sổ sách và chai lọ lộn xộn bừa bãi. Một chiếc tủ gương kê tại cuối phòng. Các bàn kê gần bên. Không có ghế. Nơi duy nhất có thể ngả lưng là chiếc *divan*. Một đồng chắn màn xếp tại góc *divan*. Không có chiếu. Thư ngó chiếc *divan*, nàng vừa thất vọng vì đó không phải là một nơi nằm mà nàng mong muốn, vừa ngượng ngập. Thư vẫn thường có những ngượng ngập như vậy mỗi khi nhìn vào nơi nằm nghỉ của một người đàn ông. Thư chưa làm quen được với hình ảnh về nơi sinh

hoạt thân thiết đó của người đàn ông, dù người đó là một người bạn thân hoặc có thể là một người tình. Thư cũng biết là nỗi ngượng ngập của mình có vẻ vô lý. Thư không xa lạ gì với người đàn ông cả. Nhưng nàng không cố gắng bỏ sự ngượng ngập đó. Đối với nàng đó là sự nguyên vẹn duy nhất nàng còn giữ được. Thư bước lại đứng trước gương. Nàng nhìn vào đôi mắt mình rồi thả cái nhìn xuống thân thể đang nẩy nở hơn lúc bình thường. Thư đưa tay xuống vuốt bụng. Nàng rời chỗ đứng lại *divan* ngồi khi nghe tiếng bước chân Duẩn bước vào phòng. Duẩn vừa đi vừa lau mặt lau cổ bằng khăn mùi-xoa riêng. Anh dừng lại nhìn quanh căn buồng rồi đến ngồi xuống bên Thư. Một bầu không khí im lặng bao phủ lên hai người. Duẩn úp hai bàn tay lên đầu gối. Một lát Thư lên tiếng:

- Duẩn thấy đỡ chưa?
- Còn mệt. Đầu nhức như búa bổ.

Anh ngó chung quanh, như ngạc nhiên về sự có mặt của mình giữa một nơi hoàn toàn xa lạ này. Duẩn bật cười một tiếng ngắn, tiếng cười nhuốm vẻ chua chát thoát ra từ một bất lực. Những cố gắng để thoát ra khỏi cuộc sống chật chội tù túng chỉ làm cho con người ngọt nhạt hơn và muốn phát điên. Chấp nhận không phải là một ổn định cho tất cả. Đó chỉ là một giải pháp tạm thời để rồi đến một lúc nào đó... Duẩn nắm lấy bàn tay Thư áp lên má. Những giọt nước lạnh còn lấm tẩm nơi chân tóc anh. Tiếng Thư hỏi nhỏ:

- Cười gì vậy?

Duẩn lắc đầu từ chối trả lời. Anh khép đôi mắt lại trong giây lát, nghe sự êm ả thoát ra từ lòng bàn tay người con gái.

- Duẩn biết tôi đang nghĩ gì không?

Duẩn đáp không, vẻ chờ đợi. Thư nói, mắt ngó thẳng về

phía trước, giọng mơ hồ:

- Tôi nghĩ giá mình đang sống ở miền biển lúc này đây tôi sẽ chạy ra bãi biển, sẽ bỏ dép chạy chân không trên nền cát ướt lạnh và đôi khi đứng lại lắng nghe tiếng sóng từ xa dội lại như những lời thì thầm đầy bí mật.

- Còn tôi, tôi tưởng như ngày mai là phải thức dậy, phải vác bộ mặt mô phạm vào lớp, phải nhìn bọn học trò chắc tôi không chịu nổi. Nhiều buổi sáng thức dậy, chỉ còn mười lăm phút để rửa mặt đánh răng mặc quần áo và uống vào một ly cà-phê pha vội, tôi thấy ngao ngán kinh khủng. Nhưng vẫn không đủ can đảm thay đổi lại cuộc sống. Cuộc sống mà tôi hiện đang sống tuy cũng đòi hỏi sự cố gắng, nhưng là những cố gắng thụ động. Có lẽ tôi hèn nhát. Có lẽ...

Duẩn chặc lưỡi, ngưng nói. Nét mặt anh đăm chiêu, buồn bã. Anh ngửa bàn tay lên đùi và nhìn vào đó bất động.

- Độ nhỏ tôi có một giấc mơ, cho đến bây giờ mỗi lần nghĩ đến tôi vẫn còn tưởng như mới đêm qua mình nằm mơ vậy thôi. Tôi mơ thấy tôi trôi giạt vào một hòn đảo nhỏ xíu ở giữa biển sóng lớn nước mênh mông. Ở giữa đảo là một cái cây trụi lá, lớn như một cây cổ thụ và rễ chiếm hết đảo. Tôi như không thấy mình đâu nữa. Và tôi mơ hồ lo sợ một lúc nào đó cái cây bị sóng biển đánh bật rễ và mình sẽ không còn nơi nào để bầu vú...

Duẩn im lặng nghe Thư kể. Anh cảm thấy một nỗi xúc động mãnh liệt xâm chiếm người con gái.

- Rồi ra sao?

- Chẳng ra sao cả. Những giấc mơ vẫn vậy. Duẩn tưởng tôi nghĩ đó là một cái điềm gì à? Không đâu. Tôi vẫn nghĩ và tin là cuộc sống của tôi do tôi tự tạo một phần lớn. Tôi kể lại giấc mơ đó vì thấy là đã lâu rồi mà cái hình ảnh đó vẫn có

thể làm tôi thấy sờn gai ốc mỗi khi nghĩ đến.

Duẩn châm điếu thuốc, hút một hơi, rồi sực nhớ ra cơn nhức đầu của mình, anh dụi điếu thuốc, đứng dậy đi vòng quanh phòng nhìn vào đồng chai lọ nhiều màu sắc lộn xộn trên các kệ đóng sát vào tường. Thụ trái một tấm mền lên *divan* và ngả lưng nằm xuống, tâm hồn lãng đãng. Một tay nàng để sau đầu làm gối, một tay kia đặt trên bụng. Mong con sẽ là con trai, làm con trai để chịu đựng, chịu đựng cuộc đời, và nhất là để thương mẹ. Đôi khi tôi cũng tự hỏi mình có đang bị thảm hóa cuộc sống? Hay thực sự tự nó cuộc sống đã có cái vẻ bi thảm? Tôi băn khoăn và thường chọn thái độ dửng dưng. Chẳng ích gì. Tất cả chẳng ích gì. Tôi nhắm mắt lại và tôi tự nhủ với tôi tạm thời hãy quên đi hết cả. Tôi cảm thấy Duẩn đang đến và ngồi xuống bên tôi, cúi nhìn tôi. Tự nhiên tôi muốn khóc lạ. Tôi lấy tay bưng mặt và cười lên một tiếng ngắn, nghe khô và buồn, như tiếng một viên sỏi bị vất xuống lòng giếng cạn nước, mất hút trong bóng tối của đáy sâu.

oOo

Vào cái lúc người con gái chờ đợi nhất để sẵn sàng buông thả vào cơn sốt rạo rục của cơ thể, Duẩn bỗng ngừng lại, im lặng, dăm chiêu. Hơi thở anh bớt dồn dập hơn trong một cố gắng tự kìm hãm. Duẩn mím môi, thở một cách khó khăn như người bị nghẹt mũi. Khoảng cách còn lại thật dễ dàng để vượt qua. Duẩn ngừng lại, ngơ ngẩn, chợt nghe buồn bã. Anh khẽ buông tiếng thở dài, gục đầu xuống vai người con gái, mắt nhắm lại. Rất lâu, trong bóng tối, anh nghe tiếng người con gái cất lên, rụt rè:

- Sao thế?

Có một cái gì như hòn sỏi và cũng thật ráo hoảnh trong giọng nói: "Tôi cũng không hiểu sao tôi lại ngừng lại. Tôi tự

thấy mình không có quyền tiến xa hơn.” Duẩn đáp và cũng nghe giọng mình thật ráo hoảnh:

- Tại... không muốn...

Duẩn bỏ lửng câu nói, một sự im lặng rơi xuống giữa hai người. Duẩn mơ hồ thấy mình khổ sở day dứt: Trong phút giây tôi muốn được gọi Thư là “em” và xưng “anh” với em Thư ạ. Em im lặng có thể em đang hờn giận. Nhưng anh không muốn anh sẽ ân hận bởi anh bắt đầu cảm thấy yêu em yêu em. Điều đó có vẻ khôi hài. Nhưng điều đó làm anh xúc động. Cũng như anh vẫn khôi hài trong cuộc sinh hoạt của anh đồng thời cảm thấy một xúc động sâu xa. Hình như trong khi mình giễu cợt là mình ý thức rõ hơn cả về cái thân phận của mình giữa cuộc sống ô ạt xô bồ này, giữa cuộc sống mà cá nhân chả có nghĩa lý gì và người ta bị cưỡng bức phải làm những việc mình không muốn. Và anh, anh muốn không làm cái việc mà anh rất đang tha thiết. Để mọi sự còn nguyên vẹn. Và lại, cái giọt máu mà em đang mang trong người với anh đã là một cái gì, một con người mà anh tự thấy mình không được quyền xúc phạm. Cho anh được quý trọng. Đó là điều duy nhất anh muốn giữ lại, một cách tự nhiên, không cố gắng, như một thứ báu vật.

Thư trở mình, vượt khỏi tay anh, xoay lưng lại phía Duẩn. Duẩn cảm thấy có một sự vùng vằng. Lẽ ra anh phải kéo em lại, ôm chặt lấy em, vuốt ve em và nếu cần giải thích. Nhưng anh sợ chính anh rồi sẽ không giữ nổi bởi thằng người phá phách trong anh đang trỗi dậy, đòi hỏi. Duẩn nằm im lặng nhìn khoảng da thịt trắng hiện ra mờ mờ dưới mắt thành một vệt chảy dài bất động. Một nỗi nghẹn nghẹn chặn ngang cổ. Tự nhiên anh thấy thèm vô cùng được gục vào chỗ trũng nơi chiếc gáy trắng mờ mờ kia, và nếu có thể, để khóc lặng lẽ...

oOo

Thư mở mắt. Phải một lúc nàng mới định thần và nhớ ra mình đang nằm ở đâu. Bên cạnh gã con trai đã thiếp ngủ, lưng trần lớn quay lại phía nàng trong một dáng nằm rút cong như con tôm, hơi thở đều đều của một người ngủ say. Thư nghe cổ họng mình khô ran. Thư cảm thấy muốn ra sau vô cùng. Nhưng nàng nằm nán lại, ngần ngại khi nghĩ đến lối đi chật chội, lỗ mỗ và tối mò của xưởng dệt. Trong yên lặng có tiếng vó ngựa gõ lóc cóc và tiếng xe thồ mộ lần ưỡ oải qua trước nhà. Có lẽ vào khoảng bốn năm giờ sáng gì đó. Thư cảm thấy rã rời và nghe cô đơn kỳ lạ. Hình ảnh những đêm thao thức bên người đàn ông thiếp ngủ một cách thỏa mãn đến trong trí nhớ. Tại sao không bao giờ mình thấy thỏa mãn cả? Luôn luôn là một khoảng trống sau đó với những dằn vò không nguyên do không đối tượng. Và với những biến đổi một mình mình biết một mình mình hay. Tôi bỗng cảm thấy tất cả cái cô đơn mênh mông của một Grégoire khi hóa thân thành con bọ để rồi chết khô trong sự cô đơn bị ruồng bỏ. Tôi đã khùng khiếp khi đọc đến đoạn Grégoire tuyệt vọng nhìn xuống sự thay đổi của thân thể mình. Có lẽ tôi tuyệt vọng và bàng hoàng, nhưng tôi còn cảm thấy một-cách-không-thể-tự-kiềm-chế-được một sự rung động kỳ lạ...

Tôi đang hóa thân để trở thành một người mẹ, một người đàn bà thực sự. Có lẽ tôi đang tìm về tôi, cái TÔI thực sự...? Thư khóc lúc nào không hay.

oOo

Thư mở mắt lại vào lúc có những tiếng động đổ xuống, thoát tiên từ từ, đều đều, rồi nhanh dần, và nàng bỗng cảm thấy bị vây tỏa trong một thứ âm thanh dồn dập của một cơn mưa rào. Trời mưa...! Thư nhắm với mình. Căn phòng

vẫn tối om. Thư nghe một cảm giác lạnh lạnh. Nàng kéo tấm mền lên ngang ngực, lần hồi nhớ lại những việc đã xảy ra. Thư thấy hai má mình khô. Nàng nhớ ra và lúc gần sáng hình như nàng đã khóc. Cũng có lẽ mình khóc trong giấc mơ. Trời mưa...! Trời mưa làm Thư thấy nhẹ nhõm hay chính vì những giọt nước mắt trong đêm...? Thư chỉ thấy một sự thanh thản. Bên cạnh Duẩn vẫn thiếp ngủ. Vẫn đáng nằm cũ. Và một hơi thở đều đặn, mệt nhọc. Thư cảm thấy tức bụng. Nàng lần mò trở dậy, vén màn bước ra, lấy chiếc áo sơ-mi của Duẩn vắt trên bàn mặc vào rồi lạng lẽ vén rideau đi ra. Trời đã sáng rõ. Thư sững sờ nhìn qua lớp cửa sắt. Bên ngoài trời khô ráo. Thư chợt nhận rõ ra tiếng rào rào mà nàng nghe lúc còn nằm trong màn thực ra là tiếng của những chiếc khung cử bắt đầu hoạt động ở chung quanh hàng xóm. Thư bước nhanh ra phía sau. Những khung gỗ nằm bất động. Lát đây bọn thợ sẽ đến và bắt đầu làm việc một cách ồn ào... Thư bỗng cảm thấy bị tràn lấn bởi những tiếng động đều đều dồn dập xung quanh. Nàng súc miệng, rửa mặt, rồi trở lên nhà. Duẩn vẫn còn ngủ. Thư mặc áo quần, chải đầu xong vén màn lay bạn dậy. Duẩn ú ớ một lúc rồi tỉnh hẳn. Sự mệt mỏi còn nặng trĩu trên đôi mắt đỏ ngầu. Anh ngáp dài, nhận ra Thư.

- Sáng rồi à? A... Trời mưa?!...

Thư bật cười:

- Không phải đâu! Tiếng máy dẹt đấy. Lúc này tôi cũng có cảm giác như Duẩn...

Duẩn nhồm dậy, hai tay vòng lấy đầu gối, vẻ ngơ ngẩn, giọng anh đặc sệt:

- Thế à?

Thư nói:

- Duẩn dậy sửa soạn đi. Bọn thợ sắp đến bây giờ. Mình

nên rời đây trước khi họ đến.

Duẩn ưỡ ỏ đứng dậy, bước ra sau. Khi Thư đang loay hoay thu dẹp chần màn thì có tiếng gọi và đập vào cửa sắt. Tiếng Duẩn trả lời tôi ra đây. Thư đứng trong phòng ngó ra, Duẩn mình trần loay hoay. Một tốp bốn, năm người đàn ông kéo vào, tiếng nói chuyện giọng gái ngủ, đứt quãng...

Lúc Duẩn trở vào, Thư đang dỏ xem một tập hình trên bàn. Anh nhìn mái tóc nghiêng của Thư và cảm thấy một bông hoa nhỏ vừa hé nộ trong anh. Anh đứng lại bên khung cửa, bở ngỡ ngây ngất. Anh tự hỏi tại sao từ mấy năm nay, bây giờ anh mới cảm thấy thế, từ dạo quen Thư đến giờ. Người con gái có cái cảm giác bị nhìn. Nhưng nàng vẫn giữ nguyên thế đứng cũ, không nhìn thấy gì trong những tấm hình trên tay - như thế nàng biết là quay lại sẽ làm cho bông hoa e thẹn không nở nữa.

Sài Gòn, 13/10/1966

**TÚY HỒNG
LÒNG
THÀNH**

Thưa Bà,
Lâu nay tôi vẫn theo dõi lời của bà trên mục “Giải đáp tâm tình”. Bà đã dàn xếp bao nhiêu rắc rối nội tâm. Những người nghe bà giờ đây có lẽ đã bình yên rồi. Hôm nay, tôi xin mạn phép tuần tự kể câu chuyện dài đời tôi và mong bà giúp cho đoạn kết.

Vì câu chuyện ấy có liên quan đến những điều xảy ra trong đời tôi sau này, cho nên mặc dù như thế không được khiêm tốn tôi vẫn phải thưa ngay rằng trước đây bốn năm tôi đã từng là một ca sĩ có tên tuổi ở đô thành. Tròi cho tôi giọng hát hay, cái may mắn ấy giúp tôi nuôi sống gia đình.

Nhà cũng có anh, nhưng trong hoàn cảnh cần phải hy sinh này, anh tôi lại làm reo đòi cho có một gia đình riêng của anh. Đàn ông lấy vợ khi nào cũng còn kịp; nghĩ thế nên cả nhà tôi kết bè phản đối nàng dâu chưa về nhà chồng. Ai mà

ưng được người chị dâu biết gần hết chuyện đời ấy, chị nói chuyện liên hồi trước mặt đàn ông. Chị quá tỉnh táo, không bao giờ để lộ cảm xúc lên mặt hay ngập ngừng im lặng trước nam phái.

Mẹ tôi bảo anh: “E hấn nhai mày”.

Anh tôi nổi cộc. Anh đem cả số tiền tháng lương mới lãnh về chặt hai ra, làm mỗi lửa. Anh đành đoạn thoát ly gia đình! Cha mẹ tôi có con trai đầu lòng mà không nhờ được. Gánh nặng trên đôi vai ngang, tôi phải hát đêm ngày. Ở tuổi hai mươi, con gái bây giờ vẫn còn rất trẻ, nhưng lòng tôi thì già đấng lại. Đau buồn trĩu nặng trên mí mắt. Già tự trong lòng già ra. Tôi không có nhan sắc để giúp đỡ cho tiếng hát, cố tránh chuyện buồn để tìm tươi non cho gương mặt.

Tôi theo học nhạc từ năm mười lăm. Trên đầu lưỡi tôi vẫn quen nháy nhót những tiếng ca rộn rã. Ở chéo khăn tay, trên ngực áo mặc ở nhà, luôn luôn khấp khểnh những nốt nhạc vui đời. Gia đình nín nhờ tiếng ca của tôi. Tôi đem hơi ca đổi lấy tiền. Các chị em ở nhà đi ra đi vào môn guốc, ai cũng đẹp hơn tôi cả. Trối nhất là Thanh, cốt cách chứa trong cái bằng tú tài. Có người mời Thanh đóng phim. Thanh cười. Nó đang chờ ngày làm bà lớn. Trong cuộc sống thiếu điều kiện vật chất nhưng vẫn trau chuốt bề ngoài, dĩ nhiên chúng tôi va chạm lung tung. Lục đục cãi nhau cả ngày từ khi mặt trời mọc cho đến lúc trăng lên. Gây gỗ sa đà mê man, quên cả việc đóng cửa gương đề phòng hàng xóm. Bao nhiêu tật, bao nhiêu tướng trên người đều bị xoi ra hết. Thật là nhìn vào, đời ở đâu cũng đều thấy khổ. Làm con gái trong nhà này như làm tướng cướp. Thanh hét ra lửa, ngón đòn của nó bao giờ cũng độc, hạ liền độc thủ trong nháy mắt:

“Đó, đó là chị, chị Liên của tôi đó. Chừng ấy tuổi mà chưa

có chồng. Chị tưởng cha mẹ hãnh diện vì chị lắm chắc. Không đi cho rồi, còn ở nhà báo hại mãi. Vẫn biết chị luống tuổi thì sinh ra gắt gỏng, khó nết: nhưng ai dạy gì mà làm nạn nhân cho sự khùng hoảng kia”.

Phần tôi, lập đầu công trong gia đình nhưng Thanh vẫn tìm cách hạ:

“Đồ ‘khôn nhà dạy chợ’. Cái đồ ca sĩ ươn ẹo ra hát bị bọn cao bồi chửi vào mặt cũng phải vuốt mà chịu. Còn về nhà thì... thì...”.

Tôi tức giận oằn người. Chỉ có cách nói xấu nó với người ngoài mới trả được hận. Ra đường Thanh đẹp, tinh thần cao.

Tôi mắng lại: “Dù có làm chi đi nữa, ta cũng hãnh diện nuôi mi một phần. Mi là cao bồi ở nhà cao bồi vườn, vì mi chửi tao ở đây còn tụi bạn mi ở dọc đường dọc chợ chửi tao trên bục ca. Cân quá”.

Bao giờ gây sự với Thanh, tôi cũng được tiếp sức cả. Các chị ở ngoài mỗi người “thở” vào một câu làm Thanh hao mòn khí phách. Bao giờ Thanh cũng phải đương đầu với một lực lượng. Thanh cô đơn, nó phải khóc cho sự yếu thế của mình.

“Ai cũng có vây cánh cả, chỉ mình là trợ trợ. Hoàn cảnh dồn mình vào chỗ xấu. Chị Hiền, chị là tiên hiện xuống nhà này, chị hái ra vàng mà. Tôi mà đi khỏi cái nhà này, khi khuất mắt cái sào huyết đàn bà là không thềm ngoái lại, không thềm lui một bước. Chị Hiền, được, cho chị hơn tôi đi, hiện tại bây giờ thì chị hơn đi, nhưng để còn tương lai coi ai sẽ hơn ai”.

Bao giờ cũng khoe vốn! Tôi mong cho Thanh đi lắm. Tôi mong cho các chị mỗi người có một “lối đi đưa đến thành La Mã”.

Thưa bà, chị em cứ xáo trộn mãi nên mẹ hằng ao ước giả trụm cả bày cho một chàng!

Thời gian làm con gái, chúng tôi sống vô trật tự với nhau; ngoảnh đi ngoảnh lại tuổi ba mươi đã gần kề. Đêm nằm mà nóng gan, nóng phổi. Cha tôi mài miệt xem sách trọn tuổi già để quên lo. Mẹ tôi chơi bài tứ sắc và dạy dỗ con cái. Bà la mắng con nhiều nhất là ba câu, đánh tứ sắc ù được ba ván đầu, còn thì “xiu” dài. Khi mẹ rầy chúng tôi vài tiếng không nổi, bỏ đi chỗ khác thì lòng nặng trĩu; khi mẹ phui áo tan sòng tứ sắc thì “túi rỗng không và lòng cũng rỗng không”. Trong truyện Tàu có anh Trình Giảo Kim ráng được ba búa đầu rồi vác đại phủ co giò chạy, bà có đọc “Thuyết Đường” không? Mẹ tôi chắc là hậu thân của tướng Tàu đó. Đánh đầu thua đấy. Mẹ muốn thả lỏng cho chúng tôi tự giác lỗi lầm. Có lẽ mẹ tôi bắt chước J. – J. Rousseau mà dạy con, theo gương Trình Giảo Kim mà đánh bài, nên cha tôi mới không giàu sang chẳng?

Thưa bà, đó là chuyện trong nhà, còn chuyện ngoài đường nữa. Cái khổ vì nghề nghiệp mới chính là tai ách. Đi nắng về sương, ăn ngủ thất thường, tôi tự ví mình với “kiếp cò ăn đêm”. Thịt xương hao mòn dần. Trời khuya tê cóng, đường phố nằm yên, chỉ còn mình ca nhi thức, lật đật về gõ cửa nhà mình, lau vôi phấn son, lên giường nằm trở mình cho đến sáng. Da mặt ít có dịp trở lại tự nhiên, ngày đêm vẫn chà xát kem với bụi phấn lần lần dày và to ra. Hai lá phổi mỏng mảnh của tôi một ngày kia sẽ bỏ rệt như đôi cánh bướm. Sau mỗi đêm đại nhạc hội, sinh lực chyuền hết ra cuống cổ, tôi phải ngậm sâm cho ngọt giọng. Người đời ác với chúng tôi lắm. Tôi còn nhớ mãi kỷ niệm hãi hùng đêm đầu tiên ra mắt khán giả phòng trà. Cả một bày thú rừng la ó, huýt còi miêng, đập phá bàn ghế, tôi co

rúm người lại, chới với chụp lấy cổ chiếc micro tìm một chỗ vịn đỡ; bọn ác quỷ rú lên làm sao cho mình đỡ sống đỡ chết trên bục ca. Để cảm ơn họ mình phải tập trung tất cả sức lực ra hát cho thật hay, uốn người thật dẻo, mỉm cười sao cho lãng.

Giọng hát độc đáo, kỹ thuật vững chắc, tôi thủng thẳng đi hát và gấp rút thành công. Bà có nhận thấy loài xướng ca của chúng tôi giàu lòng vị tha không? Mặc người ta gào thét, đá đảo, mặc bọn đàn ông thô bỉ xô đuổi người ca sĩ vẫn nhớn nhơ như không, cố đem cử chỉ đẹp nhất ra khoe, nụ cười khéo nhất ra chiều, ra dưng hiến. Bao nhiêu “anh hoa đều phát tiết ra ngoài”, bao nhiêu duyên dáng mặm mòi đều vung vãi dưới ánh đèn màu. Người đời không tốt nhưng mình cứ tốt lại. Mình cần họ, mình phải mất cho họ.

Tôi tuyên bố riêng với các bạn: “Mấy anh chàng ở xa ý đồng làm tàng... Một khi muốn sống gần với ca sĩ thì chết... Các con của mẹ ơi...”

Tiếng hát của tôi có ngòi thứ rõ rệt. Ngoài lúc trau dồi, tập tành với một vài nhạc sư quen thân, tôi còn phải luyện giọng ca, tiếng ngân. Nghe đĩa vừa thích vừa lợi. Tôi còn một phương pháp nhà quê nữa là rúc đầu hát vào lu nước nghe tiếng mình như ễnh ương kêu. Mình phải tập cách dồn ép hơi trong cổ họng làm sao cho lần lần nghe bớt rờ, bớt xoắn tai. Đừng để hở cả hai tai, mình phải bịt kín lỗ tai lại để nghe giọng thật của mình. Phải nghe mình hát để sửa cho mình. Sự tập luyện kéo dài suốt đời ca sĩ. Tôi biết chịu thương chịu khó nên được mền chuộng. Có người bảo tiếng hát của tôi như hiểu thấu lòng người, như an ủi; đôi khi nghe như vừa khóc vừa hát. Người đời vẫn thích mình làm nũng với họ, lắm khi thật đáng giận đáng ghét: mình hát cho họ nghe mà họ còn ác với mình.

Một buổi chiều mấy chị em tôi đang sang trọng đi làm, có hai chàng ôm nhau trên chiếc xe vespa phanh chậm xe lại, nói vào mặt: “Các em của anh bữa nay đi ăn sương sớm quá?”

Một chị bạn phản ứng liền: “Quân hạ cấp, ba người... sáu chiếc gót sắt đâm lủng mắt bây giờ”.

Tôi nhủ thầm: “Mẹ rất buồn khi nghe các con nói thế”.

Càng ngày tôi càng “bay” nhiều ở các phòng trà. Họ tranh nhau mời tôi. Tôi “chương” với họ đủ mọi điều kiện. Vì thiếu những người như tôi cuộc đời sẽ đình công.

oOo

... Rồi sự lạ ở ngoài xảy vào gia đình chúng tôi. Một người mê giọng hát của tôi và mê cả tôi đêm đêm trực ở phòng trà nhưng không bao giờ thấy tận mặt mặt thật của tôi cả. Người ta đánh tiếng muốn nói chuyện với tôi để tìm hiểu. Đó là một sự huy hoàng và rực rỡ: Tiến sĩ vật lý. Xôn xao quá! Nhưng khi cái xôn xao đã lắng một nửa tôi mới bình tĩnh lại để nghe kể rằng ông nghề vật lý tuổi đã giáp ngũ tuần, tóc mây đã bị thời gian cướp mất một khoanh trên đầu.

Ông đề nghị đến nhà gặp tôi cho biết. Cả mấy chị em cùng đợi.

Cha mẹ tôi bàn ra bàn vào rất nhiều. Mẹ cứ hỏi đi hỏi lại đến mười lần tôi có bằng lòng không làm Thanh phải bực: “Để còn ngắm dung nhan ông ta đã chứ!” Mẹ tôi chắc lưỡi: “Lấy chồng già như hấn bây giờ thì sướng nhưng về sau phải nuôi con mệ. Đợi đến chừng ấy tuổi mới lấy vợ. Mình nên nghĩ đến sau này một chút... cha già con mọn”.

Chị Liên cãi lại: “Ở Mỹ, ở Pháp người ta lấy toàn chồng già. Hơn hai ba giáp là chuyện thường. Càng so le càng độc đáo. Tình càng già càng bảo đảm...” Mẹ tôi cười: “Cơ chi

hắn hỏi con Hoài thì gả liền, cho thêm con Liên nữa, gả một biểu một”.

Thanh cười lộ cả hai hàm răng đều như bắp tươi. Cái lúm đồng tiền thêm duyên trên má bên phải rất sâu. Vẻ đẹp phong phú, khi thôi cười đồng tiền vẫn còn.

Nó nói với tôi: “Bất luận già trẻ lớn bé, ai đáng phục thì lấy. Bọn con nít ở trong nắm tay mình, muốn nắm lại lúc nào cũng được cả. Tụi mình ví như mấy chiếc đò. Đàn ông là những cái neo, neo đò lại, nứu đò cho cứng đề phòng sóng gió, mà neo thì phải lựa thứ tốt, bằng sắt hảo hạng, sắt tra...”

Diệu, người chị kế hơn tôi một tuổi, đẹp thua Thanh một ít, hất Thanh ra để khuyên tôi: “Con Hiền có sự nghiệp, thiên hạ đều biết. Mi muốn lấy ai cũng có sẵn. Người tầm thường như tao mới đáng lo... giá trị cứ đánh vào ông chồng... Mi cần chi mà phải ham... Chẳng thà cha mẹ ép rồi mình mới đau khổ mà lấy.

Diệu thích dạy học, tin ở mình. Chị biết mình đẹp, biết món này, món kia, nên biết giá trị của mình từ mọi góc cạnh. Chị nói rất nhiều lần, cho tôi biết ý nghĩ của chị: “Ai mà lấy tao sau này sướng lắm nghe”.

Một bữa chị nhờ thằng em con dì chở Solex đến trường. Đưa em vùng vằng, Diệu cười với nó: “Thằng này không biết hân hạnh chi cả. Bao nhiêu người sẽ mời tao lên ô-tô của họ. Chừ mi chở tao một bữa đỡ đã...”

Chuyện gì mà vào nhà tôi cũng có thể được bàn bạc suốt năm canh. Tôi muốn ngủ quá rồi, chị Diệu vẫn còn hăng: “Đàn ông bây giờ bần lắm. Họ chỉ cưới ai có nghề nghiệp trong tay. Con Hiền lương to hơn Tổng thống... Nhưng... người đàn bà Tây phương có can đảm lấy chồng già vì bên họ có đạo luật ly dị. Chịu lấy ông lão lúc ấy là nghĩ dài sau

này còn làm lại, còn tái bản nhiều lần nữa. Mình mà muốn thay chồng thì chỉ có việc trừ cho chồng chết hoặc thuốc...”

Thưa bà, chuyện lấy chồng, dù là lấy ông già đi nữa cũng đáng làm mình xao động chứ. Tôi chuẩn bị chờ đón, gọt giũa những câu sắp nói cho trơn láng. Tôi hoang mang không biết ông ta đến thăm vào ngày giờ nào. Và... mẹ cha đã cố tình làm cho tôi vắng nhà lúc người ấy xuất hiện. Thanh bưng khay nước ra mời khách và Thanh đã làm cho người ta quên rằng người ta đến đây là vì tôi. Qua phút ban sơ mẹ và các chị đều hiểu rằng tôi đã bị loại tuy chưa vào bán kết. Những lần mấy chị em rút vào trong phòng chờ cho Thanh tiếp chuyện với nhân vật mới của gia đình, chúng tôi nhìn ra đôi lứa ấy mà thấy cả một sự sắp xếp lộn xộn.

Tôi trêu Thanh: “Con Thanh tiếp chuyện mệt lắm nghe. Khi không muốn cười hẳn cũng phải bặm miệng cho cái lúm đồng tiền lõm vào. Lỡ quên thì đêm nằm ân hận mãi”.

Sau ngày Thanh lên xe về nhà chồng thì chị Hoài được làm việc với Mỹ, Diệu đi dạy học. Hai phòng trà mời tôi ký giao kèo. Tiền vào nhà tôi như lá mít rụng. Không khí gia đình bây giờ thở ra thở vào thấy khoan khoái lắm. Ngoài số đồ dùng và đồ trang sức thời đại, chúng tôi mỗi người trung bình có hai áo lụa mỡ gà để đi dưới nắng Sài Gòn. (Thi nhân bắt buộc mỗi người con gái đều phải may áo lụa, phải không bà?).

Tôi cần hát cũng như tôi cần thở. Tiếng hát của tôi bây giờ yên một chỗ nhưng tên tuổi tôi nổi đồn dập. Cái khó là tạo được thanh thế ban đầu. Tiếng tăm tôi cứ nhẹ nhàng đi lên như bong bóng khinh khí. Đúng là thời kỳ tôi làm mưa làm gió. Tôi than với các anh nhà báo là không ai chia sẻ thân phận tôi ra nhiều miếng nhỏ để hát được nhiều nơi.

Danh vọng đón rước tình yêu. Một trung úy quân y, Chính, đi hỏi tôi giữa gian nhà chật ních bà con bên ngoài. Chính đến với tôi hoàn toàn lạ hoắc. Và tôi yêu người đàn ông lạ ấy giữa đám đàn ông quen. Các chàng nghệ sĩ tính sai. Ai cũng tưởng đời làm nhạc phải cột liền với đời ca nữ để “anh đặt lời ca nàng đem bán”. Tôi gieo cầu vào đĩa hạt cao tức là đánh lạc thành kiến của họ.

Chính cao, to oai, đúng với quan niệm về đàn ông của phụ nữ. Cái bằng cấp của chàng thì cây cối súc vật đều thích. Tôi đã đủ mọi chiều cao ước. Trời đất cùng nhau hân hoan!

Các chị phê bình kín Chính như thế này: “Người cẩn thận, kỹ lưỡng quá... Hí! Chắc là khi cất tiền anh chàng vuốt xếp tờ bạc thẳng lăm, thẳng lăm, ờ ờ, anh chàng dứt bàn ủi điện ủi cho láng, cho phẳng phiu, cầm lên hôn một cái rồi cho vào hòm”.

Cái gì ở đầu lưỡi các bà ấy xuất ra cũng trần ai cả!

Tôi nguyện với tình yêu, lúc quay lưng xô ngã cuộc đời con gái tôi sẽ từ bỏ tất cả, xa sân khấu, lui khỏi địa vị một ngôi sao để làm một người bình thường. Tôi sẽ giã từ sự nghiệp đang lên, hy sinh tất cả danh vọng để trọn nghĩa làm vợ. Một người đàn bà không thể vừa giỏi bên ngoài vừa giỏi bên trong được. Vì chàng tôi phải ly thân với nghệ thuật. Tên tuổi của tôi phải chết cho lòng thành quần quýt bên chàng. Tôi không tự hào mình có ý nghĩ to đáng tuyên bố. Bất cứ nữ nghệ sĩ nào gặp được tình yêu chân thành cũng đều làm thế cả. Đó là ơn huệ tối cao cho đàn ông ở thế gian. Ngoài ra chỒNG tôi giàu và danh giá, tôi cần chi phải đi làm. Chàng nuôi mười vợ cũng còn dư dả.

Nhưng thừa bà, tôi đã làm vợ chàng trước khi hy sinh. Buổi sáng hôm ấy tôi đến thăm Chính ở phòng trực. Kinh nghiệm còn sơ suất, đi thăm người yêu mà tôi đánh phẩn

nụ và mang áo dài nội hóa. Bản tính hiền khiến mình quên cả. Thứ phần nụ bằng thạch cao nhồi với bột gạo. Chính chỉ cúi xuống hôn hai lần là bay cả màu trắng.

Hàng nội hóa, chuyên môn sống lại khi bàn ủi nguội, chỉ một tay âu yếm của chàng đủ vò nhăn nếp. Hàng mình còn một cái bậy nữa là mau rũ, sợi xạc lỏng ra lần, làm mình lạc quan cứ tưởng bụng nhỏ lại. Tôi thầm nghĩ đời tư mình không có chi để phải xin lỗi người yêu cả. Có bao giờ tôi trưng hình mình lên mặt báo hay bìa nhạc; lạnh lùng với ký giả, lập nghiêm với nam nghệ sĩ, không bao giờ “em, em” với các “chú” bạn. Ngôn ngữ vẫn còn tân. Một bài báo chề dáng đi của tôi cực khổ. Đôi vai ngang gánh vác nhiều. Chiếc lưng dài muốn trườn tới trước như để giảm bớt chiều đi lên của bộ ngực.

Niềm vui trong đôi mắt Chính đón tiếp tôi ở phòng trực. Chàng kéo tôi ngồi bên ghế nhựa. Toàn thân tôi xao xuyến dễ chịu. Chiếc đùi hằn lên trong ống quần satin sát vào lần vải lính kaki. Bàn làm việc của Chính nhiều sách chữ Pháp. Dưới mặt kính bàn có ba chữ: dur, pur, sur. Lần đầu đến chơi tôi đã chú ý. Đó cũng là một phần nội dung, tâm hồn của chàng.

Tôi mở xắc lấy nho dứt cho chàng. Chính vừa nhai vừa ngậm những cọng tóc mai trên trán tôi. Chung quanh yên lặng, số sách, giấy tờ ngăn nắp. Trong phòng trực có vẻ thân mật ấm cúng như trong phòng làm việc của người chồng trong nhà. Chính nói chuyện rất ít và có duyên. Tôi nhìn xuống vạt áo dài và hỏi:

“Anh Chính, nếu dĩ vãng của em hắc ám, nếu có người gièm với anh rằng ngày xưa em phải đi gánh nước, thì anh có tin không? Anh có đi cưới em chẳng?”

Chính vòng tay qua sau lưng tôi:

“Nếu ngày trước em đi gánh nước thì ngày nay anh có người vợ biết được môn gánh nước... À, Thanh đã có tin vui chưa?”

“Mới nghi ngờ”.

Tôi tháo cái khuy bấm cuối cùng của áo dài ra tránh đường xếp nơi bụng mỗi khi ngồi lâu và ngã người ra đằng sau. Chính nói đột ngột:

“Em đẹp hơn Thanh, chị Diệu, đẹp nhất nhà”.

“Vì mắt anh chỉ thấy em nên không quen nhìn những cái khác dù đẹp”.

Chính nhìn tôi, nhìn phủ cả người. Cái khuy áo dài bỏ ngỏ. Thứ hàng lót valisère mềm mại như da thịt con gái. Bàn tay Chính lần đi dạo trên người. Tôi cảm biết những cái rùng mình của da thịt, hất tay chàng ra thì bị níu đứng lên. Hơi thở đổ dồn lên mặt. Bốn cái môi dán vào nhau liên hoan rất dài. Tôi có cảm tưởng thân thể vạm vỡ của chàng đổ trên người tôi. Những khớp xương và gân yếu đi rã rời. Trời đất loạng choạng trước mắt. Tinh thần, ý chí không còn nữa. Nước mắt và mồ hôi ướt mặt. Gia đình tôi không ai hay biết tôi mắc nạn ở đây cả. Tất cả chỉ có hai người, chuyện gì mà chẳng xảy ra. Chính đi khóa cửa lớn cửa nhỏ và khóa luôn thân thể tôi lại. Thôi, đủ hiểu rồi...

Tai nạn bao giờ cũng kết thúc bằng tiếng tí tê của đàn bà. Vết đau đầu tiên có bao giờ lành được. Tôi khóc vì cái quyền làm được mọi sự của đàn ông. Từ đây nhất định đời mình phải dán vào đời chàng. Cuộc sống đã ngã ngũ. Mình vừa ký giao kèo chịu thua.

Những thời gian sau tôi không đến với chàng ở phòng trực. Chúng tôi đi chơi nhiều nơi. Chuyện khó đầu tiên chàng đã qua được rồi đưa đẩy thói quen cho những lần sau.

Chính giới thiệu tôi với những người bạn mới. Chàng

hướng dẫn tôi vào hát trong quân đội. Tôi ngạc nhiên lắm:

“Anh Chính, em sắp lấy chồng còn bày thêm hát xướng gì nữa... em phải lo giải nghệ lần chứ... Anh đừng chiều em không đúng chỗ. Vì con sau này, vì anh bây giờ, em phải từ bỏ tất cả nghệ thuật. Em không thềm đi hát nữa đâu.”

“Hiền vẫn hát khỏe lắm mà.”

Tôi cười:

“Nhưng có chồng thì phải biết coi sóc cửa ngõ chờ chồng đi làm việc về.”

“Em không thông minh một tí nào cả. Yêu em, anh đâu phải ngồi nhìn em, anh phải cảm thông hướng đi của em, anh phải hãnh diện lắng nghe tài nghệ của em tung hoành. Nếu anh nhốt em lại nghệ thuật sẽ lên án anh. Anh không có can đảm cướp em trên tay nghệ thuật. Anh không xứng đáng làm em phải hy sinh cuộc đời đầy hào quang của em. Anh không có quyền chặn đứng danh vọng em. Bốn phận của anh là thúc đẩy khuyến khích em: anh tôn thờ em để em tôn thờ nghệ thuật.”

Những lời sốt sắng ấy như dán đôi môi của tôi vào nhau. Lặng đi một lát tôi mới nói được:

“Nhưng từ khi gặp anh, nghệ thuật, người yêu cũ của em, đã tự thấy bất lực, thấy thua sức hẵn, nên tự rút lui. Em nhất định ngã trên tay anh... Anh đã thắng trận huy hoàng.”

“Ơn em to quá, anh không dám nhận... Em phải suy tính cho song phẳng để sau này khỏi phải ân hận.”

Tôi bỗng bật cười quệt má chàng:

“Nói nghe tuyệt lắm nhưng sau đừng có ghen nghe ông anh.”

Một đêm đang ca hát, bỗng dưng tôi thấy buồn nôn. Gần đây thân thể có phần hư sự. Vòng eo và dưới eo căng ra. Công việc mấy bộ máy trong thân thể bắt đầu sai chạy lủng

cứng như thế phải chứa thêm một mầm sống nữa. Tôi nghi mình đã “bị” rồi, khi bác sĩ Chính dò lại thì quả đúng. Chàng cưới tôi với một bào thai còn non như trứng.

Thưa bà, đám cưới xong, đêm ngày tôi vẫn tiếp tục ca hát. Chính thúc đẩy tôi siêng năng đến phòng trà. Chàng không thuộc hạng đàn ông muốn đóng cửa giữ hạnh phúc ở nhà.

Tôi không còn xem việc lấy chồng là một cách tu nữa. Lấy chồng cũng như tiếp tục làm con gái, ca hát liên hồi như lúc xưa. Cha mẹ lố, mình còn một nhòai người vì đã có một gia đình với một ông chồng. Nghệ thuật và chồng làm tôi tiêu hao sinh lực.

Tôi xin nhắc lại với bà, bất cứ một nàng ca sĩ nào lúc sắp vu qui cũng phải chịu cho nhà báo ít nhất một lần phỏng vấn, đại để: Lấy chồng rồi cô có thôi hát không? - và muôn câu trả lời như đúc kết vào một: - đợi xem tình yêu của chồng ra sao rồi sẽ xét sau.

Chính từ chối sự hy sinh cuối cùng ấy. chàng chỉ nhận xương thịt của tôi còn nghiệp dĩ cầm ca nhường cho nghệ thuật. Chính muốn gửi tôi cho tất cả thiên hạ, chàng không muốn có riêng, có độc quyền một người vợ. Tôi không hoàn toàn thuộc về một người. Tình yêu chung chạ kiểu này là tủi mặt cả vợ lẫn chồng. Tôi không chịu nổi. Một cách gián tiếp chàng buộc tôi phải đi hát cho cả thiên hạ nghe. Tôi cảm thấy rõ ràng mình bị cưỡng bách yêu nghệ thuật. Chàng thật độc tài vô lý. Tôi suy nghĩ nhiều đêm và cảm thấy đau khổ như thể mình bị ép duyên. Đã ghét thì không thể sống với nghệ thuật được. Mình đâu phải là vật giải trí lành mạnh. Đi hát mà cũng bị bó buộc như lúc còn bé phải xách cặp đi học. Các bạn ca nhi vẫn tôn lên ngôi hoàng hậu vì chồng tôi biết trọng tự do của vợ. Khi mình

đã ớn nghệ thuật mà còn xông xáo vào các phòng trà ca hát nữa là tự đẩy đọa mình. Thật là hỗn láo. Đứng trên bục ca nhìn xuống đám thực khách nhồm nhoàm vừa ăn vừa thưởng thức, được nghe những câu đe dọa, những lời nhục mạ thô bỉ, tôi căm thù tất cả, đàn ông và chồng. Ánh đèn thay đổi màu sắc luôn luôn trên da mặt khiến mình cảm thấy vẻ giả dối nhân tạo của mình; lòng oán giận vu vơ và cái thai đang mọc tứ chi ở bụng dưới mỗi lúc cứ thúc nhẹ dạ dày tổng những chất chua lên cổ khiến tôi vừa ca vừa lợm giọng.

Hát mà không cần biết đến nghệ thuật, đứng dưng lạ hoặc không chút rung cảm. Tôi trực giác cái đà đi xuống của mình. Biết nhưng không có quyền tha cho mình già từ trà thất. Chính mình vật lộn với nghệ thuật, với nghề của mình. Tiếng hát sẽ mất hết căn bản.

Tôi ao ước được ở nhà đợi chồng đi làm về. Tôi muốn sống yên. Cứ tất tả lo việc bên ngoài, vợ chồng thực không có thì giờ để thương yêu, tìm hiểu săn sóc cho nhau. Chuyện phục vụ chồng, thờ chồng đối với tôi hoàn toàn xa lạ. Không có thì giờ để thực hành những bài Gia huấn ca đã học ở trường. Về nhà tự săn sóc cho mình cũng chưa xuể. Mỗi ngày phải mang hai ba thứ mặt nạ dưỡng da.

Nhưng cuối tháng cầm hơn sáu chục ngàn đồng bạc về nhà tôi cũng không khỏi tự hào cho cái công dụng của mình. Chính ăn lương nhà nước có giới hạn ít ỏi.

Chàng đem tiền gửi hết ở ngân hàng. Chúng tôi có dư bạc nên yêu nhau không cần tiền, nhìn nhau mà cùng nhìn về nhà băng. Chỉ nhìn theo hướng ấy chúng tôi mới cảm thông nhau. Nhưng chính hướng ấy đã giết chết lần mòn tâm trạng và sự nghiệp của tôi. Một thời gian không lâu nữa tôi sẽ bị chết chìm trong lãng quên và trong sự ruồng

bỏ của thánh giả. Tôi tiên đoán sẽ nhìn tận mặt ngày tàn của mình nên muốn “rụng” trước cho rồi.

Bụng còn sát, bốn đường nhíp trên áo dài chưa nao núng, tôi còn phải lăn lộn với nghệ thuật. Cha mẹ và các chị giận lấy tôi về chuyện không vâng lời chồng chịu ở nhà. Ai cũng tỏ thiện ý giúp đỡ Chính, giành nhau khuyên răn tôi, Thanh tự lấy mình làm gương để trách:

“Không biết đến bao giờ chị mới hết hát. Chị không biết thương cho thân chị. Chị cũng là người sao chị cứ tự hành hạ, cứ hạ mình cho thiên hạ giải trí. Đúng là đem bán linh hồn cho người ta chơi, người ta thưởng thức. Ngày nào cũng cứ bêu mặt trước công chúng, quá nhẹ thể. Em thì ở nhà hãnh diện với địa vị của chồng em. Còn chi đau khổ cho đàn ông hơn là chỉ nắm được thể xác của vợ còn tâm hồn thì “muôn sự của chung”. Chị là người của ngoài đường. Ai muốn thương chị cũng được, ai muốn nói hỗn cũng được. Chị coi em, lúc xưa em định học tới cùng. Lấy anh Thân rồi em cũng còn đi học nhưng em nghĩ lại mình còn đi học là chưa thương chồng lắm, tội cho chồng, chẳng thà đi làm để giúp đỡ thêm...”

“Nhưng ca hát cũng là một nghề.”

“Nghề chi không đứng đắn, không có tôn ti trật tự chi cả, nghề ăn sương tinh thần. Nếu chị đi dạy học hay làm thư ký thì có ai phàn nàn. Chị nghĩ coi anh Chính cao thượng, hiền lành. Sao chị không cho chuyện lấy chồng là hết. Chồng là tất cả... còn có chi hơn để mình mơ ước. Đi hát bị tai tiếng suốt đời...”

Dù muốn dù không, khi bụng lồi cồm tôi cũng phải ở nhà. Nghĩ hát khỏe người như ngày nào cũng uống thuốc. Da thịt đâm chồi ở những chỗ khuyết trên thân thể.

Trên bàn làm việc của Chính vẫn hàng chữ *dur, pur, sur*.

Chàng có đến ba đức tính chính, không kể những cái phụ tùng khác, trong khi tôi chỉ có lòng thành yêu chồng. Trong thời kỳ dự bị sinh đẻ, tôi rất sợ phải ngửa tay xin tiền chàng. Tiền chẵn ngân hàng giữ hộ, còn tiền lẻ tiền riêng đã cạn từ lâu. Vì tự ái, vì e ấp tôi chỉ cho thai nhi những cái mình có thể. Quà biếu cũng tạm đủ dùng. Con tôi chưa ăn nhờ chi của cha nó cả.

Đến ngày con tôi phá vỡ lòng mẹ để ra ngoài, Chính đi công tác trạm xa. Mẹ, các chị em và anh rể dìu tôi vào quân y viện. Mỗi người nịnh một câu cho tôi quên đau, nhưng tôi cần một người, cần hai vòng tay ân ái để lấp khóa những đau đớn tày trời do đứa con làm dữ bên trong. Giờ phút ra đời của thai nhi là một cuộc động đất trong lòng mẹ. Tôi cần một chỗ vai thân yêu để cấn, để cào trả thù những giờ phút sung sướng. Mắt tôi mờ lệ và mờ hôi. Mẹ đưa cho tôi ngậm một lát sâm, tôi cấn cả tay mẹ. Đứa con đang xé rách bào thai, đang xô ngã chỗ cưu mang nó để mau ra đời. Nghĩ đến lúc Chính tìm tôi, tìm đến cái khó nói nhất của thế nhân, nghiêng răng bóp chặt cánh tay anh rể và nguyên rủa:

“Ồ chớ...”

Mẹ tôi lau mồ hôi cho tôi và can:

“Xấu con... gắng chịu một chút.”

Qua một đêm lộng hành, sáng hôm sau thằng bé mới ra đời. Tiếng khóc lọt lòng của con là bản hùng ca đầu tiên đời làm mẹ của tôi. Tôi mỉm cười, khi anh rể vào thăm tôi khoe:

“Để em chọc cho nó khóc, giọng *tenor* khá lắm.”

Chính chưa về chào đón con. Tôi muốn kể với chàng nỗi đau đớn chịu đựng đêm qua.

Anh rể đánh điện tín ra Huế cho mẹ chồng tôi. Mẹ Chính vào đến nơi mà chàng vẫn chưa xong công tác. Bà đến thăm dâu với một người bạn già. Mẹ Chính còn rất trẻ. Nét

nhan sắc vẫn còn giữ ở khuôn mặt, sống mũi, đường viền môi. Bà trang điểm quý phái và người bà nếu tái giá cũng còn có người yêu được. Vuốt ve thằng cháu đích tôn, bà quay sang bà bạn:

“Chị coi dâu tôi ngoan chưa. Đám cưới vừa xong, thiệp chưa hút hết tàn thuốc Cẩm Lệ đã để rồi.”

Bà kia tiếp liền:

“Thế là chị phúc hơn người ta chớ sao.”

Thử xong hai câu nói trên, qua mười lăm phút tôi mới biết trong người tôi thiếu máu sản hậu.

Mẹ Chính ra Huế liền. Hơn một tháng sau thì chết vì đứt mạch máu cổ. Đúng là có phúc, vì tôi không sinh sớm thì bà đâu thấy mặt cháu nội.

Cháu bé quấy lắm. Cháu lộn ngày với đêm. Từ mười giờ tối trở đi cháu thức dậy rầy rà cho tới sáng. Ban ngày thì nhắm tít hai con mắt lại; ai đến thăm cũng nhắm lúc ngủ. Cháu là thằng Viêm. Viêm được hai tháng thì thôi khóc đêm. Cặp mắt bây giờ biết nhìn theo một chiều hướng. Thỉnh thoảng cháu đưa hai bàn tay bé tí xíu của mình lên ngắm mãi không biết chán. Viêm không phá nữa, tôi phải lồm cồm trở dậy đi hát. Áo dài phải may lại vì thân thể nở to ra. Những đường cong lún vào thịt.

Thưa bà, đưa con ra đời làm tôi sạch cả vốn liếng. giọng hát vàng son tắt đi nghẹn ngào. Âm thanh của ngày xưa đã vỡ rồi, khí giới không còn nữa. Bà thử tưởng tượng một danh ca bỗng dưng mất giọng, gái giang hồ mất nhan sắc... cuộc đời cũng bệ rạc như nhau. Tôi chết sớm quá.

Bây giờ tôi hát tạm được như những giọng ca sản xuất từ đất Huế. Nhờ uy thế cũ của một thời ngang dọc tôi chỉ hành nghề ở một phòng trà nhỏ với số lương ít ỏi. Quá khứ bị tổn thương nặng quá. Tôi lấy biệt hiệu khác. Người ta còn

nhắc nhở đến tôi một thời gian tỉ như khi một vì sao rụng đi ánh sáng còn xuống trần gian vài năm mới tắt.

Tôi cần tiền ghê gớm, cũng như lâu nay vẫn đòi tự lập.

Chính thì đi công tác cả đời. Chúng tôi sống hòa bình nhưng không có ánh sáng hạnh phúc. Mỗi người nghỉ mỗi ngả.

Thằng Viêm được một năm rưỡi thì Chính đi Pháp tu nghiệp. Mẹ con tôi sống lạnh lẽo với người con gái giúp việc. Ngày tiễn chân Chính đi xa có mấy chị em và một người bạn gái của gia đình. Sương, bạn của Thanh, thân với chúng tôi như ruột thịt.

Tôi quên nhắc đến Viêm. Đầu tóc da thịt của cháu thơm mùi con nít một cách dễ thương lạ. Cháu tròn và nục như thằng bé quảng cáo sữa Guigoz. Bà mà thấy thương liền. Chỉ tội là nước da hơi xấu, chắc là sán. Trẻ con vẫn thường bị sán hành. Con ở hay bỗng Viêm ra nắng. Một buổi tôi đi trình diễn về thì Viêm nhác chơi nóng dẫy, tôi hoảng hốt bỗng con thức suốt đêm. Sáng tôi vội vàng viết thư cho Chính kể nỗi lo lắng. Hơn một tháng sau mới có thư ở Pháp về. Đại ý bức thư: Con đau là chuyện nhỏ nhặt. Đàn bà lo chuyện ấy không nổi sao mà còn quấy rầy, không cho chồng yên tâm tu học phương xa.

Quả thật tôi chưa đủ điều kiện làm đàn bà. Nếu đủ sao còn bị chồng khinh. Tôi đốt bức thư giấu cảnh bạc phước của mình.

Vái trời trả cho tôi vốn liếng ngày xưa, cho tôi tìm lại phong độ cũ. Tất cả không còn nữa nên hạnh phúc mới thẳng cánh bay. Tôi muốn đoạt lại thanh sắc nguyên vẹn ban đầu và sẽ cố gắng trau dồi sự nghiệp để đứng trên địa vị cao ngất của mình nhìn xuống và để ngửa mặt mỉm cười hào quang danh vọng. Chỉ có cách ấy mới trả thù được.

Phải rục rĩ như một tinh tú, phải cao hơn chồng, phải có sau lưng hàng ngàn kẻ ái mộ.

Hiện tại héo hắt quá.

Bụng của Viêm tích được nhiều sán lãi rồi. Tôi mua chai thuốc tẩy ruột. Viêm phải ăn ngọt đến ba ngày. Ngày thứ nhất tôi cho nó uống làm bốn lần cách nhau một buổi cháo đặc với đường phổi. Hai ngày sau, vì bận tập dượt theo chương trình đại nhạc hội, tôi giao chai thuốc cho người ở, dặn đi dặn lại phải coi đồng hồ, cách hai giờ cho em ăn cháo uống thuốc. Đưa con gái ham trai, rót ụp cho con người ta uống cả một lần. Mấy trăm con sán lãi trong bụng thẳng bé say thuốc quấy phá ruột gan để ra ngoài một lúc. Từng nùi từng nùi sán đũa chui ra hậu môn. Chúng bò ngo nguậy chọc thủng dạ dày. Chúng thoát bằng mọi ngã, trời lên miệng, bò ra lỗ mũi, chui lên cửa hai mắt, bóp nghẹt con tôi tím bầm cả người. Ngồi trên *taxi* đến nhà thương tôi gào khóc, tôi móc giun lãi trong cổ họng Viêm, ghé miệng hút những con sán trong mũi. Sán ra bít lối làm con tôi tắt thở dọc đường. Tôi chết giả trên nệm xe. Thừa bà, đau chi mà chết cho cam.

Tôi viết thư cầu cứu Chính che chở tinh thần, van xin tình thương để dẫn nổi khủng hoảng. Chính trách tôi bất cần, thiếu ý thức bốn phận. Chàng đau đớn không muốn về nước. Chàng sợ hậu quả tai hại đã cưới vợ nghệ sĩ.

Nhưng rồi Chính cũng trở về và chúng tôi sẽ sống hai người hai nỗi cô đơn cho hết kiếp vợ chồng trong căn nhà rộng thênh. Ngày giờ kể tiếp nhau buồn. Căn nhà thiếu hạnh phúc im lặng như bệnh viện, thỉnh thoảng mới vang tiếng cười của Sương. Từ khi Viêm chết, Sương hay đến ăn cơm với chúng tôi.

Tôi cần Sương đến nhà chơi. Có Sương, Chính ít làm lì.

Sương tuyên bố: “Chỗ nào có Sương mọi người không được buồn.” Sương bắt ai cũng phải cười theo nàng. Nhưng Sương sống cầu thả bất cần như thể mình không phải là con gái, học hành phất phơ cho có lệ. Tâm hồn chai lại, hết mơ ước, không còn muốn nói xấu ai nữa nhưng tôi vẫn nhột nhạt trước tính táo bạo của Sương. Ngày hiệp kỵ gia đình, trước tinh thần nghi lễ và bao nhiêu nhân vật cũ, Sương cứ đi theo trêu cha tôi. Ông cụ lúc này thường hay đeo kính đen trong nhà, thứ kính mặt rất nhỏ như hình con mắt:

“Bác đeo gương nhỏ tí ti hấp dẫn quá trông như cháu mặc đồ tắm *deux pièces*.”

Lúc này Chính không còn yên lặng trong cách đối xử nữa. Chàng có những câu nói xé đầu óc:

“Hiền phá hư cuộc đời của tôi, phá lở toang cả. Lột tước giọng ca ra khỏi con người thì còn lại chữ chi? Hiền chỉ còn là một xác phàm, thua hết, thua hết cả mọi người. Con người của Hiền có chi, nuôi một đứa con cũng để cho chết... Vợ tôi chỉ là một cái xác phàm.”

Tôi nói rõ cho chàng biết:

“Anh không cần nói tôi cũng hiểu từ lâu. Thái độ của anh, cách đối đãi của anh đối với tôi từ trước đến giờ đã giáng nghĩa quá nhiều rồi. Khi cưới tôi, anh chưa cân nhắc kỹ lắm. Cái vốn liếng của tôi làm sao bền vững, làm sao dai cho bằng những cái chỉ số lương cao của những người vừa học giỏi vừa đẹp trai vừa con nhà, sắp hàng chờ lấy chồng la liệt trong xã hội. Tôi biết anh lấy tôi không phải vì thanh, vì sắc, vì chi tiết khác của con người nghệ sĩ... Bọn xướng ca vô loài chúng tôi có bao giờ giữ tiền được lâu; làm ra dễ, mất dễ. Cái tài trời cho tôi cũng mong manh như bọt xà-phòng, một thời thôi, sống đó, chết đó. Khi đã tuột dốc thì

lăn ù, tuột thẳng, tuột một mạch. Tôi bây giờ hiện nguyên hình tầm thường, rẻ mạt, hết thời. Tâm hồn của tôi, nếu có, thì cũng bị đe dọa quá rồi, con chết, sự nghiệp tan tành. Anh Chính ạ, chính lúc này, lúc cái tinh thần yếu đuối của tôi cần được nâng đỡ, mượn trớn xoa dịu, lúc này tôi cần tình thương gia đình, cần anh, bầu vú anh, khao khát tình thương của anh, nhưng lại chính là lúc tôi phải chịu tội, phải trả, chịu trách nhiệm về những cái tội đã để mất đó. Tôi làm hư cuộc đời của anh, tôi đâu cố ý.”

Tôi nói một hơi dài, nước mắt trào lên nghệt mũi.

“Nếu tôi không lo đi làm tiền, nếu tôi được yên thân như bao người vợ khác thì Viêm đâu có chết oan... Từ khi lấy anh lúc còn thời, còn giọng, tôi đã bất mãn về việc đi hát, tôi cảm thấy như bị ép buộc phải hiến dâng khoái lạc tinh thần cho thiên hạ.”

Chính nghe nói cũng buồn lắm. Tôi mất ngủ hai đêm liền cứng hai mi mắt. sương đến ăn cơm tối và đòi ngủ lại. Hắn đeo chuỗi hạt lòng dòng gằn đến bụng như ca sĩ. Sương lục tung những đồ trang điểm. Áo ngủ của tôi cái nào Sương mặc cũng chật. Khi hắn cố áo dài bên trên thân thể chỉ còn mặc một chiếc nịt ngực không dây treo như “đeo gương mát” (lời Sương) thì Chính đi vào. Cả Chính và sương đều tỉnh như không.

Khi ăn cơm Sương nói chuyện lầy lầy. Tối hôm ấy tôi quên cả lịch sự không ngủ với Sương cho có bạn. Sương nằm phòng ngoài nói chuyện vào. Tôi nằm bên Chính thao thức cậm nín. Chừng một giờ khuya thì Sương vùng dậy gõ cửa phòng chúng tôi thành linh. Hai vợ chồng hốt hoảng trở dậy. Tay nịt áo khép ngực, miệng Sương nói thật thà đến trắng trợn:

“Em sợ cô đơn - cho em nằm ngủ chung với anh chị...”

Tôi trợn mắt xô mạnh Sương ra ngoài:

“Giỡn vừa thôi.”

Đứng ngượng ba người với nhau vài phút, tôi lật đật kéo tay Sương, lấy gối đến nằm với hắn.

Một hôm đi công tác về, Chính cầm tay tôi bảo:

“Có tin mới cho em... tin lành... Vì em chán sống ở Sài Gòn nên anh đã xin về Huế làm ăn. Sống ở đó yên hơn. Cái mồi này, ở đây mãi chắc em chết yếu. anh chỉ còn đợi giấy tờ chuyển và sự vụ lệnh là bay ra Huế liền. Sương có ông cậu lập một trường mẫu giáo ở Vỹ Dạ. Anh nhờ Sương viết thư xin ông cho một lớp. Em thu xếp ra Huế trước giữ chân, không có người ta giành. Anh phải ra sau vì còn đợi giấy tờ. Em hát hay, thích hợp với nghề. Dạy con nít vui lắm em à, tiếp xúc với tụi ấy mình thấy yêu đời, yêu nghề.”

Thưa bà, khi cánh tàu bay lìa mặt đất, từ từ nhướng lên, cú xuống Sài Gòn lặn chót, nhìn những người dưới đất làm nền cho cảnh biệt ly, mắt tôi bỗng vương phải hình ảnh Chính đứng bên Sương, rất xứng đáng. Tôi lạnh người cảm thấy chắc chắn mình bị phỉnh. Cảm giác tức tối bẽ bàng như sa mù phong kín tâm tư làm tôi không thấy gì nữa. Nước mắt lặng lẽ chảy một đường nhỏ dài xuống hết mặt; tôi nuốt những giọt sắp xuống bên trong mũi và ngồi yên như những người khác. Sắp đặt không cao chi cả mà cũng dụ được mình. Người ta đẩy tôi ra bằng một miếng mồi tầm thường. Có những chặng đường nặng mây, tàu bay chao mũi, tôi ậm ọe nôn mửa. Một bà người Huế ngồi cạnh bảo:

“Đi máy bay lần đầu phải không chị.” Tôi lắc đầu. Cổ họng lợm mãi. Nước vàng vọt ứa ra. Có nên tin rằng chuyện buồn nôn là một triệu chứng vui.

Tôi ở nơi nhà xưa cũ, cột kèo choán hết diện tích. Nhà cửa rộng thênh thang gió vào bốn ngả. Thời tiết Huế nặng như chì. Đôi lúc trời thật mâu thuẫn, vừa nắng vừa mưa. Chiều chiều, những ngọn gió nồm thổi trái phương làm mình ngái ngái trong người.

Thưa bà, cần chi, có chi đó mà trở lại. Huế với Sài Gòn có bao lâu, muốn bay về lúc nào chẳng được. Quay lại làm gì. Miễn cưỡng ghép hai cái xác không hồn vào nhau để khinh bỉ nhau suốt đời sao? Lý hay tình chi cũng bỏ hết. Cứ cho đấy là chuyện ly thân mà pháp luật là đôi tâm hồn tự làm chứng lấy. Tôi nhất định sang tên chồng cho người khác, cúi đầu sống cho mình.

Nhưng thưa bà, tôi phải cô đơn rõ ràng như vậy thiên hạ có cười không? Họ có cho là quá dại không? Tôi xin bà một quyết định: về với chồng, ở lý đất Huế, hay quay lui lại sống cùng cha mẹ. Bà đã thu xếp việc nhà cho bao nhiêu kẻ mất hạnh phúc xin bà giúp tôi một chuyến. Xin đội mãi ơn bà.

Trần Thị Nhơn Hiền

VIÊN LINH
NGÔI NHÀ
TÔI ĐÃ Ở

Ngôi nhà tôi ở thuộc bất động sản của chùa Phú Thạnh. Hôm tôi xách chiếc va-li quần áo và sách vở tới, sư ông nắm tôi, gật đầu chào Thầy tới ở hôm nay hả? Thế cô đâu? Tôi ngó vào lễ phòng tối om, nhìn thấy suốt qua lòng chùa cánh cửa sơn xanh của ngôi nhà lát nữa tôi sẽ dọn tới ở đó. Tôi nói Thừa thầy, tôi chưa có vợ. Sướng đạ, ông nói, thế ở với bạn hả. Một mình thầy ạ. Ông lại kêu ở thể buồn chết. Trước khi tôi xách chiếc va-li tiếp tục đi, ông trao cho tôi chiếc chìa khóa ngôi nhà tôi sẽ ở. Chìa khóa nè, hai cái, khi nào thầy cần tôi sẽ đưa cho cái kia. Rồi ông chỉ xiên lòng chùa, qua đó chúng tôi thấy cánh cửa sơn xanh của ngôi nhà phía sau. Ông nói: Chỗ thầy thanh niên, tôi nói thật, nhiều người tới ở ngôi nhà đó lắm rồi, nhưng một hai tuần lại dọn đi gấp. Họ bảo nhà có ma đó. Tôi chỉ mỉm cười, không tỏ ý kiến

gì hết. Nhưng tôi nghĩ tôi là một con ma tổ bố, thêm một con ma nữa có ăn thua gì.

Cầm chiếc chìa khóa đồng nặng nặng của ông sư trao cho, tôi đi vòng qua hông chùa, nơi có một chiếc giếng khơi, một bãi chuối xơ xác và lối chực ngôi mộ, đi về phía ngôi nhà. Đường đất và cát, lổm chổm ít gạch nổi. Chân gạch còn viền nước mưa của ngày hôm qua. Đi hết nền chùa, tôi đứng trước ngôi nhà. Mái tranh, vách ván, sàn gỗ, bắt nổi trên một con kinh cạn. Lòng kinh đầy lá chuối khô và lá tre, ở đó mọc lên những chiếc cột gỗ nâng đỡ lấy ngôi nhà tôi vừa tới. Trong một năm đã qua rồi, tôi đã có lần ở một căn nhà nổi trên sông, đêm mưa nghe nước lộng bồng như nằm thuyền. Con kinh cạn với lá khô chạy qua dưới chân nhà tôi, vòng ôm lấy mặt sau của khu chùa, một phía đổ ra một nhánh con sông của Sài Gòn, nghe đâu như là Bến Tầm Ngựa hồi xưa. Bên cạnh nhà tôi có hai ngôi nhà khác, nằm lọt hẳn xuống lòng con kinh cạn, nhưng thuộc về bờ bên kia, mái chỉ ngang với nền chùa Phú Thạnh.

Khi mở cửa xong, quay ra lấy va-li tôi lại nhìn thấy sư ông. Ông mặc đồ nâu đi dép da, người béo tốt sạch sẽ. Ông hỏi Thầy vừa ngắm con kinh hả? Thỉnh thoảng mới có nước thôi. Tôi giật mình: Tôi tưởng kinh cạn chứ. Thì cạn, nhưng thỉnh thoảng cũng có nước. Mùa mưa ấy mà, các nơi ứ lại, nó có nước. Sao, nhà ở được chứ. Dạ được, kể cũng là ba phòng. Ờ, phòng khách đó rồi phòng ngủ với cái phòng bếp. Thầy có nấu không. Tôi im lặng. Tôi có nấu ăn không. Dạ, khi có khi không, tôi buột miệng nói. Thầy chùa cười Ngày ăn ngày nghỉ hả. Nói rồi ông mách tôi ra ăn ở tiệm cơm đầu ngõ. Ngon mà rẻ lắm.

Bấy giờ một bà lão đi lại phía chúng tôi. Hôm đi qua con ngõ, thấy trên cổng chùa có treo tấm bảng Nhà Cho Thuê,

tôi đạp xe vào và gặp bà. Thấy nói tôi có một mình bà cụ mừng lắm. Tuy vậy cụ cũng hỏi Nhưng chắc thỉnh thoảng cậu cũng có bạn chứ. Tôi bảo thỉnh thoảng chắc phải có. Cái đó không sao, bà cụ đáp. Bà cụ mặc đồ nâu, đi guốc nâu, trông xa xa như sư ông, nhưng trông gần mới thấy. Cụ tới đứng cạnh chúng tôi, bắt vào câu chuyện Cậu định nấu ăn hả. Nếu tiện tôi nấu giúp cho. Tôi ăn tiệm cụ ạ. Ờ, coi chừng mà cháy nhà. Cụ bước hẳn vào trong nhà, chỉ cho tôi chỗ kê bàn ghế. Một lát cụ ngó lên mái nhà như chợt nhớ. Cái chỗ này nó dột, để tôi kêu thợ lợp lại, mùa mưa rồi còn gì. Vâng, hôm qua đã mưa. Tôi ngó chỗ mái dột và ngó xuống chỗ dột. Chỗ ấy không thể kê bàn viết được, ngủ cũng không được, dù tôi chỉ trải trên đó một tấm nệm có thể xê dịch. Hai ông bà cụ đi ra sân chùa, nhìn lên đỉnh cây lông say, lá đều đặn như một loại si nước. Tôi khép cửa khóa trái, ngồi xuống cái ghế giữa nhà châm một điếu thuốc. Ngọn lửa vàng nhò nhò, hơi khói ấm áp, tôi lặng lẽ một lát và khi nước mắt trào xuống, tôi vội vã ra khỏi nhà.

oOo

Hai ngày sau, nhà cửa cũng tạm gọi là xong xuôi. Có bàn ghế, sách vở, đóng thêm vài cái đinh trên ván, rút đi vài cái đinh khác, chằng thêm một sợi dây kẽm, bỏ đi một vài sợi dây khác, bóc đi vài tấm hình Kim Cương, Kim Vui, treo lên vài tấm hình khác, đó là ngôi nhà của tôi. Buổi trưa, khi ánh nắng bừng lên qua các khe gỗ tôi phải tay nhìn lên căn nhà mới. “Ngôi nhà này là của em đó. Nếu không có em, anh không tới ở đây.” Như một người yêu lòng phơi phơi, tôi hay nói thầm như thế. Nhà còn thiếu nhiều lắm nhưng thôi để em mua sắm hộ anh. Tôi nghĩ thầm: Cô ấy sẽ phải mua cho mình cái này và cái này. Tôi nghĩ: nhất định là cô ấy sẽ phải mua thứ đó. Tôi muốn lặng im để xem điều ấy có xảy

ra đúng như ý mình không. Ngôi nhà, một mình nó không có gì lạ hết. Tôi rời bỏ gia đình từ năm mười bảy tuổi đi kiếm việc làm để tiếp tục việc học, tôi đã ở nhiều căn nhà khác nhau, thường thường với bạn, đôi lúc một mình. Năm mới lớn tôi sống dưới một mái nhà thờ của cha Vĩnh, ở gần trường đua Phú Thọ. Bấy giờ cha thấy tôi hiền lành nên cho riêng một căn phòng ở sau bụi gỗ nơi cha thường rao giảng mỗi sáng chủ nhật. Một hôm có chiếc xe Huê Kỳ chở mấy cha khác ở tòa Tổng Giám mục tới hội họp rất lâu trong phòng cha, gần phòng tôi. Chị Hiền, người vẫn thổi cơm tháng cho chúng tôi ăn buồn lắm. Chị bảo chắc chị sắp phải về Hố Môn. Nhưng chính tôi phải đi, vì cha Vĩnh phải đi, và không ai cho tôi ở căn phòng đó nữa, ít năm sau tôi thuê vài căn nhà khác ở các miệt ngoại ô cư trú tạm, căn nhà nào cũng để lại cho tôi vài kỷ niệm. Tôi hay ngắm nghĩa chiếc chìa khóa phòng mỗi khi ngồi buồn trong quán nước hay trong các rạp xi-nê. Có chiếc chìa khóa cửa trong túi, tôi lớn hẳn lên. Đi đêm, tôi không ngại lúc về nhà nữa. Khuôn mặt mẹ tôi với mái tóc xoả mỗi khi lục đục ra mở cửa giữa đêm làm tôi ngại ngùng. Hôm nay tôi đã thuê căn nhà riêng, đã thu xếp căn nhà đó không phải để tạm trú nữa, ngôi nhà trên con kinh cạn mở ra trong đời tôi những cánh cửa có rèm vải màu lay động trước gió.

Chính tôi đã ngạc nhiên khi nhìn thấy cánh cửa nhà mình có một tấm màn. Ích đến thăm vỗ tay cười hô hố. Tấm màn đẹp quá. Cậu mà cũng có màn cửa nữa. Tôi ngửa cổ cười nói Sao lại không. Cậu tưởng tôi không thể ở một ngôi nhà có màn cửa sao. Ích tuột dép ngoài cửa, bước lên sàn nhà, vừa đi vừa ngoái quanh.

Lại có nệm nữa. Lại cả hai cái gối nữa. Hẳn kêu lớn chùn người xuống. Tôi lặng yên, một lát nói đùa Độ này đau

lung. Ích gặt gù, ngồi xuống sàn nhà, gần đồng sách trên một manh chiếu gấp lại. Chúng tôi ngồi trên sàn gỗ nói chuyện với nhau. Ích gặt tàn thuốc xuống khe ván, và hẳn ngó xuống hỏi:

- Dưới này là cái gì.

- Con kính cạn và rác khô. Coi chừng cháy.

- Không cháy đâu. Cháy thì thôi chứ gì. Con kính này ăn ra đâu đây.

Tôi giải thích loanh quanh. Đang lúc ấy có tiếng run nhẹ trên sàn gỗ. Ích lắng nghe và nhìn ra. Ai dắt xe vào thế. Chúng tôi nghe tiếng khóa xe lẹt xẹt rồi tiếng nón va chạm lạp cạp rồi tiếng guốc nhọn và vũng. Một lát cánh tay áo trắng lấp ló ngoài khung cửa sổ, cử động đều đều. Tôi biết là Cúc đang cởi găng tay. Sau đó Ích đứng dậy và Cúc hiện ra ngoài cửa. Chúng tôi chỉ nhìn nhau cười, không nói tiếng nào. Nàng mang theo vào nhà chiếc nón và cái cặp sách màu nâu, vân cá sấu giả, cái cặp phòng phòng đựng nhiều thứ cồng kèn không phải là sách. Ích khen tôi đang nói lần đầu tiên hẳn ở một ngôi nhà có màn cửa. Thế hả anh. Anh thấy đẹp không. Đẹp. Đẹp. Tôi may đấy anh ạ. Bỗng Cúc kêu lên:

- Kìa anh, có khách mà ăn mặc thế à?

Tôi ngó xuống chiếc quần cộc sọc xanh, nói:

- Khách khỉ gì.

Ích kêu:

- A cái quần cũng đẹp quá.

Cúc đặt cái cặp lên bàn, liếc nhìn chúng tôi. Nàng ngồi xuống chiếc nệm trải ở góc phòng nói rất tự nhiên:

- Tôi may đấy, đẹp không anh.

- Đẹp chứ, Ích lại kêu to và cười ha hả rồi đứng dậy. Hẳn bảo:

- Nghe anh chị nói ở chùa, ai cũng tức cười. Thế mà ở chùa thật chớ.

- Ở chùa thật nhưng tại tôi không định tu đâu anh ạ.

- Nó mà tu cái gì. Khi nghe nói chị tới đây với nó, chị biết người ta nói gì không?

- Không. Nói gì anh?

- Người ta nói hoa rơi cửa Phật đấy.

Cúc che mặt kêu Eo ơi, rồi mở tay nhìn tôi. Nàng bảo Ích:

- Tội lỗi quá anh nhỉ?

- Tội lỗi gì, tôi nói.

Ích bắt tay tôi.

- Chúc ông bà hạnh phúc.

- Ơ - Cúc kêu - tôi chỉ là bạn anh ấy thôi.

- Thì cứ hạnh phúc, lấy nhau sau cũng được chứ gì.

- Tôi chưa định lấy anh ấy anh ạ.

Ích xỏ chân vào dép tự khép cửa lại. Tôi nghe tiếng chân hần kéo trên sàn gỗ. Cúc nói câu ấy không phải nói đùa. Câu ấy thật. Nàng ôm lấy đầu tôi: - Anh, đừng khóc anh. Biết đâu em sẽ đổi ý kiến. Anh phải làm em đổi ý kiến chứ.

Tôi lăn xuống sàn nhà. Tôi biết làm sao để nàng đổi ý kiến. Tôi nghèo lắm. Tôi học dốt lắm. Tôi thua sút nhiều điều tất cả mọi người. Tôi thất nghiệp. Từ ba trăm cây số về Sài Gòn, tôi đã bỏ dạy ngôi trường giúp tôi sinh sống trong hơn một năm qua. Người bạn hiệu trưởng đưa tôi hai ngàn bạc Anh còn hai ngàn, cầm về Sài Gòn mà tiêu. Nếu mình có tiền thì đã cho anh mượn thêm. Chúc anh hạnh phúc. Tôi đã chỉ có hai ngàn để xây dựng một tổ ấm, thuê được căn nhà và ăn cơm hàng từng ngày. Nhưng phải có một ngôi nhà, đó là điều cần thiết nhất. Ngôi nhà này đây là ngôi nhà đầu tiên đáng kể nhất trong đời tôi. Tôi đã dọn dẹp trí tưởng tượng từ những ngày vừa quen Cúc. Ngôi nhà

không cần sang lắm, chỉ cần biệt lập tránh xa mọi người. Như cánh chim vừa rời chiếc tổ mẹ nuôi, tôi đã tha từng cọng lá, từng nhánh cây quí kết một chiếc tổ cho mộng tình mới lớn. Tôi không rõ nàng đã mơ ước những gì trong thời con gái, và tôi thật tình có đúng là bóng dáng mơ ước ấy không. Hay tôi chỉ là một người tình cò cùn có trong một ngôi nhà nàng dự tính từ quá khứ. Chiếc màn cửa em ơi, nó không đúng ý anh, một màu vàng úa không phải là màu anh mơ tưởng.

Một lúc nào đó, không rõ vì sao tôi cười tươi trước một tấm gương.

- Em mua cho anh tấm gương đó, đẹp không.

Tôi gật đầu, ngấm mặt mình trong gương. Rồi tôi kéo nàng cúi xuống soi chung vào tấm gương ấy. Xí quá, Cúc nói, đúng đây đặt tấm gương tròn ngay ngắn trên bàn viết. Nàng lấy từ cặp ra một chiếc khăn mặt mới. Tôi ngồi dậy ngay ngắn, rồi ra khóa cửa lại. Khi trở vào, Cúc nói Em phải đi đây. Có hai giờ thực tập. Bỏ đi em. Thực tập không bỏ được. *Cours* thì em bỏ rồi.

Anh. Nàng gọi, nhìn tôi chăm chú. Mỗi lần Cúc nhìn tôi chăm chú tôi bỗng thấy mình đang rất sợ hãi. Cặp mắt nâu và đôi lông mày nở nang mượt đậm tha thiết nhưng nghiêm nghị ngó tôi. Bộ anh nói với anh Ích là em đến đây ở với anh hả. Không. Anh chỉ nói là em đến luôn. Thế sao anh ấy bảo là hoa rơi cửa Phật. Tôi gượng cười Anh ấy đùa em đấy mà. Đùa gì, nói tức mình. Có gì mà tức em. Ai cũng biết là chúng mình yêu nhau. Nếu anh bỏ em thì mới hoa rơi cửa Phật chứ. Mà, tôi cười, chỉ chết anh mới bỏ em được. Việc gì em phải tức mình. Em tức vì anh ấy nói đúng. Chả hoa rơi với anh là gì. Tôi nắm lấy tay Cúc Thôi anh đưa em đi học. Anh ở nhà làm việc đi. Ở nhà buồn lắm. Ở nhà đi lát

em tới nữa. Lòng tôi tươi tỉnh hẳn. Thế thì anh ở nhà. Cúc lại bỗng gọi khế, anh, em nói cái này anh đừng cười nhé. Anh cười thì ăn thua gì. Ừ. Nói đi. Kỳ quá hà. Cúc nhại tiếng nhìn tôi một lát. Anh à, đêm nay em ngủ lại với anh.

Tôi không dám cười, mặt mũi bần thần, sung sướng. Đường như tôi thở ra một cách khác thường, chân tay lúng túng bàng hoàng. Khi Cúc đòi tôi mở cửa, tôi mặc kệ đứng im. Ở trong tôi vỡ ra tất cả những ánh sáng còn che kín. Ở trong tôi chảy xối xả tất cả những nguồn suối con người. Như một bóng mát, tôi nằm ngủ trong tiếng gió lồng lộng của ngày tháng thanh niên.

oOo

Nửa đêm mưa đổ xuống rào rạt cùng với gió mạnh. Tôi quờ quạng sang bên, thấy Cúc nằm thu gối lên ngực như một đứa bé. Qua những khe vách ván, ánh chớp thỉnh thoảng nháng lên, tôi thấy mình gần với trời với đất lạ thường. Tôi ngó Cúc sợ hãi. Khối ngọc ngà của đời tôi lúc nào tan vỡ, những mộng tưởng lâu nay đã đến lúc tàn chưa. Đường như có lúc giữa hai lần chớp, khuôn mặt nàng đổi khác. Đôi mi rung động tựa hồ ánh mắt khi mở biển đổi theo ý nghĩ. Trong giấc ngủ, người thân thiết của mình đã ở đâu, đã sống ở miền nào, đã nhớ những gì vừa mới mất. Tôi không biết. Tôi hoàn toàn không biết đến một chút. Nhìn ngắm và tưởng tượng nàng, tôi tưởng như hạnh phúc đang la đà đâu đó, như một cánh chim trong mưa lướt thướt giữa khoảng đường bay nửa chừng. Đêm ngủ lại của nàng bó chặt tôi những lo sợ hoang mang, tôi biết là tôi sắp phải rời bỏ ngôi nhà đang ở. Đã kết thúc từ đây bao nhiêu hy vọng. Đời mở ra những cánh cửa mênh mông. Giọt lệ nóng tròn như thứ ngọc trai trong nước mặn lã trên má nàng đánh thức tất cả sự quên lãng cố dim đi. Trí nhớ xa

nhất cũng phải trở về, tôi vừa hiểu, tôi vừa thấy. Đó là giọt sương mai của đêm đã hết, một ngày mới phải bắt đầu lại. Cúc mở mắt ngó xuống nệm, và nhìn thấy tôi. Khuôn mặt nở bừng, và chúng tôi quán quít quên ý nghĩ. Quên lo lắng. Nhưng rồi tôi biết. Đó là một hy sinh. Đó là một rộng lượng đền bù, đó là một biện hộ, đó là ân nghĩa cho nhau để kết thúc lo âu và mở đầu tương nhớ. Nàng òa khóc Anh ơi, quên em đi. Quên em đi. Em biết anh yêu em nhưng quên em đi, phải chi em không gặp anh.

oOo

Tôi lạng lẽ hút thuốc, tỉnh thức và khô khan. Con mưa đã đổ xuống con kinh cạn khối nước từ hai bên bờ thành phố, tôi nghe lá khô bắt đầu nổi lên, bắt đầu chuyển động. Có tiếng rào rào rất nhỏ đâu đó truyền dưới sàn nhà. Có nước. Có nước. Tôi tưởng tượng con kinh chuyển động, thức giấc sau một mùa khô ráo, nứt nẻ, quên lãng. Áp tay xuống sàn, qua lằn nệm và gối, tôi nghe rần rần đâu đó như một âm vang.

- Em ngồi dậy đi, tôi bảo Cúc.

- Gì đó anh.

- Con kinh em ạ. Con kinh dưới sàn nhà mình đó, nước nhiều lắm.

- Có sao không anh.

- Không, nhưng mà anh thấy ông thầy chùa có vẻ lo ngại lắm. Lúc anh mới dọn tới, ông ấy cứ nhắc có nước. Chắc nó ngập.

- Nhà cao lắm mà.

Tôi không trả lời, trở dậy thắp đèn. Tôi có cảm tưởng một ngôi mộ nào đó ở trước chùa, trong những ngôi mộ nằm trên đất chùa, bắt đầu chuyển mạch. Nhưng Cúc không thể nào hiểu được những điều ấy. Một cái gì đó thức tỉnh ở

trong chính tôi, như có lúc tôi nhìn thấy bóng mình chuyển động trong khi tôi nằm im một chỗ.

oOo

Qua một mùa mưa, tôi đổi khác. Thất thần và héo hắt. Con ngõ chùa ướt sũng lá đu đủ, lá chuối và bùn cát. Mỗi lần ra vào, đi ăn hay lên thành phố có chút việc, tôi thường gặp sư ông hơn mọi khi. Ông khỏe mạnh nhưng có vẻ nặng nhọc, đăm đăm ngồi đánh cờ tướng với một nhà tu hành khác dường như ở đâu đó xiêu lạc về. Người này gầy ốm xanh mướt. Tôi ít chào hỏi ông, nhưng thỉnh thoảng ông hỏi tôi:

- Khỏe mạnh chứ thầy.

- Dạ bình thường.

- Thầy giỏi đa. Những người trước không ai ở lâu được như thầy. Ba tháng vài tuần là dọn đi chỗ khác. Độ này ít thấy cô tới.

- Dạ, em tôi bận.

Nói rồi tôi đi nhanh, vẻ thảng thốt trông thấy. Mở cửa vào nhà, tôi hoảng hốt. Vết xe của Cúc in đậm trên sàn gỗ. Tới bàn, tôi thấy chiếc chìa khóa cửa để đó. Cúc sẽ không tới nữa. Có gì đâu, có gì đâu, bởi ngôi nhà này chỉ là mộng tưởng của tôi thôi. Nhưng chính ở đó tôi không thực hiện được điều gì ngoài sự sống tự nó cứ trôi lên, trôi lên, mọc như cỏ dại của một vườn cây cảnh, mà niềm vui là cái cây độc nhất của một miền thung lũng nóng. Tôi tự thấy tôi là cái cây ấy, tình yêu chỉ nảy sinh từ một gốc, như cái bóng nằm của một cây đứng chon von. Tôi nào nhìn thấy em, người tình đợi chờ hạnh phúc như trái chín. Tôi tham lam, ăn vốc tuổi xuân nghèo.

oOo

Thật ra tôi tưởng vậy thôi, tôi không rõ lý do nào Cúc

không trở lại. Nàng im lặng, im lặng cho tới bây giờ. Sáu tháng sau tôi trả sư ông chiếc chìa khóa bằng đồng, bán vài thứ đồ đạc công kênh cho nhà bên cạnh, tự mình thấy mình cũng là một thứ hoa rơi cửa Phật.

oOo

Nhiều năm qua đi tôi vẫn không quên ngôi nhà ở sau chùa Phú Thạnh. Mỗi lần đi qua con ngõ xơ xác lá chuối và lá đu đủ, tôi có ý muốn vào xem ai đang ở trong ngôi nhà đó. Hẳn có hạnh phúc không, hẳn có thấy ma không, hẳn có nghe con kinh lên xuống không, hẳn có thức giấc vì tiếng chuông chùa và người đàn bà ăn mặc giống sư ông mỗi giờ chuông mõ kêu inh đi qua phía giếng nước. Ở trong trí nhớ của tôi, ngôi nhà ấy đầy đủ một trái tim vàng. Hạnh phúc tôi đã mất là hạnh phúc lớn nhất trong đời tôi. Tôi lớn lên trong một đôi tay ôm ấp dẫn dắt, và lúc mà hương chỉ không còn, tôi tự do trong một than tiếc mù mịt. Nếu Chúa đã hiện ra ở Lộ Đức, thì tôi phải quay về đó.

Hôm qua gặp lại Ích, hẳn kêu Tôi nghe anh cháy nhà. Tôi sùng sộ Láo, tôi vẫn bình yên. Thật mà, tôi mới đi qua chỗ chùa, cái nhà ấy cháy rồi. Thế à, tôi bàng hoàng hỏi. Cháy rồi à. Bây giờ hẳn mới biết tôi không còn ở đó nữa. Nhưng tôi đã ở đó. Đã sống ở đó.

Buổi chiều tôi về chùa Phú Thạnh bằng xe buýt vàng, như tôi đã từng đi về những năm trước. Một người đàn bà hơi ngờ ngợ ra chặn đầu tôi:

- Chào thầy.
- Chào bà.
- Thầy quên tôi hen.

Tôi muốn nhớ lắm. Nhưng không nhớ nổi. Bà ta cười:

- Tôi chủ nhà hàng cơm ngã tư đây mà.

Tôi ngượng ngùng cười trừ:

- À, tôi nhớ rồi. Bà mạnh khỏe chứ.

- Cũng thường. Hôm nào thầy đi mất biệt.

- Tại tôi kẹt quá. Thôi tôi trả bà bây giờ vậy, đừng phiền.

Tôi móc túi trả bà ta số tiền cơm tháng cuối cùng ăn chịu, rồi quay đi, theo con ngõ cũ vào chùa. Thầy có nấu ăn không. Ngày có ngày không. Nhưng tôi không nấu ăn ở đó bao giờ hết. Sư ông trông thấy tôi, mời vào uống nước trà, nói chuyện về ngôi nhà tôi đã ở. Tôi ngỏ ý muốn vào thăm, ông lắc đầu:

- Tro than không hà, trông tang thương lắm. Coi mất công buồn thầy ơi.

Tôi có vẻ lưỡng lự. Ông nói thêm:

- Coi mất công buồn mà. À, thế ông có cháu nào chưa?

Tôi hỏi lại. Chắc thầy muốn nói tới cô em tôi hồi xưa. Ông thầy chùa gật đầu:

- Thì chớ ai, cô hiền quá, hạp ông lắm.

Tôi bùi ngùi nói với ông:

- Thưa thầy, em tôi mất rồi.

Ông Trời ơi và kêu một tiếng nhẹ, nhìn tôi. Tôi đứng vội dậy đi nhanh ra ngoài ngõ. Có một điều gì đó lẽ ra phải giữ lấy một mình, phải giấu kín và im lặng. Không ai nên nói với tôi về một đám cháy, chẳng phải đâu, ngôi nhà ấy hãy còn, chính tôi còn trông thấy nó khi tôi bỏ đi.

VÕ HỒNG TRẦM MẶC CÂY RỪNG

Trong suốt mười năm tham gia kháng chiến, tôi đã lang thang đi khắp mọi miền của tỉnh Phú Yên, in dấu chân ở gần khắp mọi xã mọi thôn, từ vùng rừng núi An Lĩnh Xuân Quang đến bãi cát vàng Đa Ngư Phú Hiệp. Những người tôi quen thuộc rất nhiều, từ anh cán bộ dân quân lưng gài lựu đạn đến nhà địa chủ hào phú vườn rộng nhà cao, từ người nông dân chất phác cần cù đến những công chức mũ kaki rộng vành vai đeo máy dẹt¹. Nhưng vượt lên trên hết mọi khuôn mặt và mọi dáng người là khuôn mặt dịu dàng thùy mị của Thịnh, người con gái của thôn Diêu Viên quê mùa mà giờ đây mỗi lần âm thầm nghĩ đến là tâm hồn tôi chợt thấy man mác nhớ và buồn, như một bầu trời đang nắng rõ ràng bỗng có một áng mây trôi qua tạo thành bóng râm âm u.

Năm đó tôi đang làm việc

ở phân ban Cục nam thì có chủ trương biên chế tổ chức mới. Tôi bị để ra ngoài biên chế. Trong khi đợi chờ học một nghề lao động mới để làm kế sinh nhai, tôi được một gia đình học sinh cũ của tôi mời về tá túc. Trước khi làm việc ở phân ban Cục nam, tôi có đi dạy vài năm ở một trường trung học.

Thân phụ của người học sinh là một nhà hào phú trước kia làm chánh tổng nên người ta vẫn quen miệng gọi là ông Chánh. Phùng, người học trò cũ của tôi thì đã gia nhập bộ đội và hiện đang chiến đấu ở Đông Mên, Hạ Lào gì đó. Quê hương của Phùng là một miền quê xa xôi hẻo lánh, cách con đường ô-tô độ mười cây số theo đường chim bay nhưng muốn đi tới nơi thì phải lượn vòng theo những triền núi, vừa đi vừa chạy tụt xuống những khe suối rồi nhẩn nại vừa leo vừa thở hổn hển lên những bờ khe suối khác. Tôi chọn miền đó để ẩn cư vì một nơi sầm sầm hẻo lánh như vậy ít có hi vọng bị máy bay oanh tạc chiếu cố hay bị một trận đổ bộ càn quét tràn qua. Lại nữa, tôi còn chọn ở miền đồng bằng thị tứ làm chi, tôi, một kẻ thất nghiệp mà mỗi ngày trôi qua mỗi gặm mẻ lần số tiền ít ỏi dành dụm được bấy lâu.

Xem cốt cách sinh hoạt và dinh cơ đồ sộ của ông Chánh, tôi đoán biết ông từng là lãnh chúa của vùng này, một thứ lãnh chúa cha truyền con nối. Nhà lớn, nhà ngang, nhà cầu, nhà việc, lẫm lúa, nhà sau... bao nhiêu ngôi nhà nằm chi chít bao vây nhiều vuông sân. Những cây cột tròn to, bóng loáng đứng vững chãi có treo những câu liễn cẩn xa cừ. Những bộ ván gỗ đều dày hàng tấc, nhiều bộ dài có đến bốn thước. Bàn ghế, tràng kỷ chạm trổ tinh vi.

Ông Chánh tiếp đãi tôi tử tế vì tình sư đệ đối với con ông mà cũng vì ông coi tôi như người bạn đồng cảnh ngộ với

ông. Tôi bị chính quyền gạt bỏ ra ngoài thì cũng như ông hiện bị cô lập, bị cán bộ thôn bao vây để triệt hạ ưu thế chính trị.

Ông để cho tôi ở trọn một căn nhà đông, căn nhà xưa kia dùng làm nơi tiếp các hương lý, nơi xử kiện và tính toán thuế khóa. Nhờ tính chất “công sở” đó mà căn nhà sáng sủa, bày biện ít đồ đạc. Cửa sổ mở dưới một cây nhàu cành sum sê và màu lá xanh mướt óng ánh như thoa mỡ gây cho tôi một niềm yêu đời can đảm.

Ông Chánh bảo tôi:

- Thầy ở đây chơi, bao lâu cũng được. Chỗ này quê mùa, ăn tiêu ít tốn kém. Chỉ cần có gạo. Và mắm.

- Tôi còn đủ sức để mua được gạo.

- Thầy ăn mỗi tháng cho mạnh nhất là bốn giạ lúa. Nhiều lắm thì sợ tôi không kham nổi chớ bốn giạ thì tôi có thể giúp thầy.

- Cám ơn ông, nhưng xin để tôi tự lo liệu phần gạo mắm.

- Trước ngày Cách mạng thì tha hồ, nhà tôi có thể cung phụng cho vài mươi người một lúc cũng không nao núng. Nhưng bây giờ thì phần lúa giảm tởm, phần ruộng bỏ hoang vì nông dân ly khai gia nhập bộ đội thiếu người canh tác. Mắm thì không tốn bao nhiêu. Chúng tôi ở đây cứ mỗi năm vào mùa tháng ba thì mua mắm của dân biển gánh lên bán. Cho đầy vào mọi tởm mọi vò rồi để dành đó ăn lần, ăn quanh năm. Rau cỏ thì dễ. Miền này nhiều mít nhiều thơm, nhiều nhà xắt trái mít non trộn với gạo để nấu cơm cho đỡ tốn gạo.

- Đó cũng là một cách ăn trở bữa.

- Nhưng ăn mau đói. Người ta thường dùng củ mì hay khoai lang nấu ghé với cơm. Có ăn ghé như vậy một thời gian rồi được ăn bữa cơm mùa - nghĩa là cơm nấu toàn

gạo, - mới thấy ngon.

- Tôi đã ở Quảng Ngãi một thời gian và tôi đã từng ăn cơm ghé liên miên suốt tháng này sang tháng nọ.

Thật vậy, gian khổ tôi đã từng nên tôi không còn sợ nữa. Không có thứ gian khổ nào đóng vai giọt nước chót làm tràn cái ly. Tôi gửi tiền nhờ ông Chánh mua giùm hai mươi giạ lúa và mặc dầu ông nằng nặc từ chối không nhận tiền, tôi cũng nài cho ông phải cầm. Ông đành nói:

- Thôi, cũng như tôi cất giùm tiền cho thầy. Khi nào thầy cần thì tôi sẽ hoàn lại.

Lợi dụng những ngày nghỉ ngơi tôi lôi những quyển sách ra đọc. Buổi trưa được ngủ một giấc ngon lành và chiều lại tôi đi thơ thẩn vào trong xóm.

Những ngôi nhà nằm rải rác trong cái thung lũng hẹp này. Xung quanh núi cao chón chở đứng bao vây, những ngọn núi màu xanh chàm sừng sững bất động. Những thân cây bồ hòn cao vút đứng rải rác trên con đường đi làm cho con đường vắng vẻ một cách man rợ nhất là thỉnh thoảng trên những tàng cây cao chót vót đó có những tổ quạ tổ ác là to lót sơ sài bằng những chà cây hòn xò. Những buổi chiều đi cô đơn như vậy thật buồn. Nhớ quê hương xa cách, nhớ những kỷ niệm của tuổi thơ và âu lo vì tương lai không biết mình sẽ như thế nào. Nhiều hôm tôi cảm thấy đôi chân mỏi rã cơ hồ như không còn mang nổi nỗi buồn quá nặng của tôi, tôi chọn ngồi lên một tảng đá ở vệ đường rồi chăm chăm nhìn về một lùm cây, một bụi cỏ, một con đường mòn vắt vẻo lưng đèo hay chỉ nhìn vu vơ một nền trời óng ánh tựa xa cù.

Một hôm tôi đang ngồi im lìm bất động như vậy trên tảng đá mặt phẳng và rộng dưới gốc một cây bồ hòn cao, tâm tư phiêu diêu bay bổng thì chợt một tiếng gọi “thầy” làm tôi

giật nảy mình. Tôi quay lại.

- Thầy ngồi một mình làm gì ở đây?

Thấy tôi ngỡ ngác không nhận ra, người con gái nói tiếp:

- Em là con của bà Chức Bảy.

Tôi “à” lên một tiếng mừng rỡ:

- Thịnh đấy hả? Bây giờ em lớn trông khác. Má em vẫn mạnh?

- Dạ, cám ơn thầy. Sao lâu thầy không lại chơi?

Đáng lẽ Thịnh gọi tôi bằng “anh” như những người bạn gái của nàng hay gọi, nhưng bởi năm trước tôi có dạy kèm giúp cho một người em trai kè của nàng học hè nên nàng xưng hô với tôi lễ độ như vậy.

Thịnh có khuôn mặt thùy mị. Lông mày dài và mọc đều như được vẽ bằng nét bút. Màu da trắng ngà. Tôi không hiểu tại sao nàng lại có một vẻ đẹp đài các như vậy, khác xa với vẻ cục mịch của mẹ nàng và những nét thô trên khuôn mặt của người em trai. Những sợi tóc mai, những sợi tóc mọc sau ót được vuốt lên, chân tóc làm cho màu ngà của da êm mát như mơn trớn. Tôi nhớ đến những bức họa mỹ nhân Nhật Bản, Trung Hoa. Chân tóc mai và cái ót khêu gợi dịu dàng. Tôi trả lời:

- Định lại mà chưa có dịp.

- Chắc thầy chê nhà em nghèo không muốn tới.

- Đâu có. Nếu xét tài sản thì tôi nghèo hơn cô nhiều, nghèo hơn bất cứ một người nào trong thôn xóm này. Bởi vì ở đây người nào cũng có ít nhất một ngôi nhà dù bằng tranh rạ, một khu vườn nhỏ trong có mọc bụi ớt bụi hành, những cây bồ hòn đứng dọc theo con đường đi rẽ vào sân.

- Vậy thì tại sao thầy lại không tới?

- Để hôm nào tôi tới.

Hôm tới thăm Thịnh thì nhằm lúc mẹ nàng ra đồng vắng.

Ngôi nhà nằm giữa một khu vườn trồng đầy những cây xoài, cây mít, cây bưởi. Có cây xoài quì ở trước sân, trái thòng xuống ngang tầm tay hái. Tôi nói:

- Cô ở giữa một khung cảnh êm ái hiền hòa như thế này nên tâm hồn cô lúc nào cũng dịu dàng.

Thịnh cười:

- Thầy tưởng vậy. Em phải đi cuốc cỏ và khi lưỡi cuốc cắt đứt rễ cỏ, bụi cỏ được vun thành từng đống bỏ chết khô ở bờ ruộng thì lúc ấy chắc chắn là bàn tay em không còn dịu dàng nữa và tâm hồn em cũng không còn hiền hòa nữa.

Tôi hơi lúng túng vì bị lý luận của Thịnh bao vây một cách bất ngờ như vậy. Nhưng quả tình là tôi cảm thấy dễ chịu khi được đối diện với sự thông minh của nàng. Tôi nói:

- Cây cỏ làm hại lúa thì nó xứng đáng phải chịu sự đối xử tàn bạo của lưỡi cuốc.

- Thầy lý luận như người Hoa Kỳ khi họ đem súng ống tiêu diệt dân da đỏ.

- Tôi không hung bạo như vậy.

- Em xin lỗi, em cũng không định nói thầy như vậy.

Tôi ngồi ở cái bàn nước và Thịnh xin phép chạy ra vườn.

Căn nhà ngăn nắp và sạch sẽ. Hơn tám năm tôi xa cách nếp sống thị thành, đôi mắt quen nhìn những bức tường vàng màu đất trét nên tôi thấy nó có vẻ đẹp của nó. Nền nhà cũng một màu vàng xám của đất nện. Không có tranh ảnh treo trên tường.

Thịnh đi vào với ba quả cam chín trên tay. Tôi đón nàng bằng một nụ cười:

- Vì tôi mà cô thành người tàn bạo.

Nàng cắt cam mời tôi:

- Cả vườn nhà em có cây cam này ngọt nhất.

- Xin cảm tạ lòng ân cần của cô... Hòa năm nay học lớp mấy?

- Dạ, lên lớp tám. Mẹ em nói thôi học bấy nhiêu đó cũng đủ, nhưng em muốn cho nó học thêm. Ra Bình Định học, tốn kém lắm mà nhà mẹ em không giàu.

Tôi được biết là cả tỉnh Phú Yên có được ba trường trung học và chỉ dạy đến lớp bảy. Muốn học lên lớp tám, lớp chín thì phải ra Bình Định và sau khi học hết lớp chín rồi thì dành ngời đó nghỉ đợi đã. Ít ai có đủ tham vọng và tinh thần mạo hiểm và sức khỏe để trèo đèo lội suối ra mãi liên khu Tư để học tiếp thêm.

- Phần em học dở dang cũng được bởi em là phụ nữ. Chớ nó là con trai thì không thể bằng lòng với trình độ lớp bảy.

- Cô học tới đâu rồi nghỉ?

- Em mới học hết lớp bảy.

- Ngang với bằng trung học rồi. Cô có thể xin bố làm cô giáo tiểu học.

- Em thấy mình còn dốt lắm. Muốn học thêm mà không đủ phương tiện, muốn tự học mà không có sách. Làm cô giáo không được đâu. Cuộc cỏ và gặt lúa thì được hơn, bởi điều đó không đòi hỏi kiến thức.

- Tôi không tin là cô có thể gặt lúa như một người thôn nữ chính hiệu khác. Cuộc cỏ thì được. Người ta cầm cái cuốc nhỏ, cán dài, đứng thẳng lưng gãi nhẹ lưỡi cuốc lên mặt đất là những bụi cỏ đủ đứt rễ rồi.

Thịnh cười:

- Rõ ràng thầy là một người thị thành nên mới có những ý nghĩ thần tiên như vậy. Gặp bụi cỏ gấu, thầy cứ thử “gãi nhẹ nhẹ” coi nó có “đủ đứt rễ” không. Vả lại, dù có “gãi nhẹ nhẹ” mà phải gãi hoài từ sáng sớm tới trưa rồi từ trưa tới chiều, gãi dưới ánh mặt trời gay gắt, thì liệu thầy có thấy việc ấy nhẹ nhàng nữa không? Có còn “đứng thẳng lưng” nổi nữa không?

Tôi vừa cắn vào miếng cam vừa nói:

- Tôi chưa thí nghiệm nên chưa trả lời được. Ít nhất cũng cho tôi thí nghiệm một lần.

- Hôm nào thầy thí nghiệm xem thử.

Sau đó chừng nửa tháng, một hôm tôi có việc phải xuống trụ sở xã kê khai giấy tờ lý lịch. Trên đường về trời nắng chang chang, tôi bất ngờ gặp Thịnh từ xa đang gánh một gánh đọt mía nặng. Thoáng thấy tôi, nàng lúng túng cúi nhìn xuống đất, thoăn thoắt bước đi. Nhưng tôi gọi giật lại: “Cô Thịnh”. Nàng đặt gánh đọt mía xuống đợi tôi.

- Mùa này sắp trồng mía rồi sao? Tôi hỏi.

- Dạ không. Em đi này ngọn để dẫm vào vạt mía bị rầy áp.

Da mặt nàng ướt đẫm mồ hôi, những giọt mồ hôi đậu chi chít trên mũi và trên môi. Quần đen xắn lên để lộ nửa ống chân. Cái áo cánh cụt tay có một đường rách nơi vai để lộ mảnh da trắng. Thịnh bắt gặp tôi đang nhìn vào chỗ vai áo rách của nàng và nàng ngượng đỏ đôi má. Tôi nói:

- Tôi không ngờ cô giỏi giang tháo vát như vậy. Thật khó mà tưởng tượng một cô giáo có thể gánh nặng đường đó.

- Em đâu phải là cô giáo?

- Ý tôi muốn nói đến cái kiến thức của cô.

- Làm việc lâu rồi quen đi.

Tôi không muốn giữ nàng nói chuyện lâu hơn bởi chỗ chúng tôi đứng không có một bóng cây. Vả lại rõ ràng là nàng không được thoải mái, khi tôi thấy những ngón tay cứ mân mê tìm cách che giấu chỗ rách nơi vai áo. Tôi chào giã từ và hẹn sẽ đến nhà thăm.

Một hôm mẹ nàng hỏi tôi:

- Lâu nay thầy có tin tức gì trong gia đình không?

Tôi đáp:

- Dạ thỉnh thoảng năm, bảy tháng thì có liên lạc được một

lần. Kỳ này lâu được tin, cả năm rồi mà không nhận được tin và đồ tiếp tế.

- Vậy thầy ở không lấy gì mà tiêu?

- Cháu mới bán cái đồng hồ đeo tay hiệu Printania. Cái đồng hồ đó vợ cháu gửi ra cho kỳ trước.

- Ở đây ai có tiền mà mua nổi?

- Dạ phải gửi nhờ bạn quen đem xuống Tuy Hòa bán.

- Được bao nhiêu?

- Dạ hai trăm năm mươi ngàn đồng.

- Như vậy cũng còn sướng. Nhà nông bán hết hoa lợi một năm chưa có được số tiền đó.

- Nhưng miệng ăn núi lở, ngồi ăn không thì chẳng mấy chốc mà hết veo. Để cháu phải kiếm một nghề lao động.

- Thầy không quen kham khổ, chịu đựng lao động cực nhọc không nổi đâu.

Im lặng giây lâu chợt bà nói:

- Mà sao thầy không làm đơn xin phép hồi cư?

- Cháu cũng đang vận động xin.

Hôm sau gặp tôi, Thịnh không tươi cười chào như thường lệ. Tôi hỏi gì nàng cũng chỉ trả lời vừa đủ. Tôi nói:

- Hôm nay cô có điều gì buồn?

- Dạ không.

- Không buồn sao cô ít nói hơn thường ngày?

- Dạ không.

Tiếng bước chân của chúng tôi sào sạo trên mặt đường sỏi đá gồ ghề. Khi đến ngã rẽ vào nhà nàng, Thịnh chợt đứng lại quay nhìn tôi:

- Chùng nào thầy hồi cư?

Tôi ngạc nhiên hỏi lại:

- Ai bảo với cô?

- Hôm qua thầy nói với mẹ em.

- Đó là tôi mới dự định.
- Thầy nói thầy đã vận động xin hồi cư rồi mà.
- Tôi chỉ mới vận động. Còn được phép hay không thì chưa chắc.

Thịnh dùng mũi dép mân mê một hòn sỏi dưới chân. Nàng không nhìn lên tôi.

- Chắc thầy trông đợi cho mau đến ngày hồi cư...
- Ơ... vâng... Không... nhưng mà...

Quả tình là tôi đã rất lúng túng. Tôi không biết nói dối và thái độ của Thịnh bất ngờ đối với tôi lúc đó, tôi không kịp chuẩn bị. Tôi như một tên đại đội trưởng bị lọt vào ổ phục kích và thụ địch hai đầu.

Tết năm đó Pháp mở chiến dịch lớn tấn công tỉnh Phú Yên cả hai mặt, mặt đèo Cả và mặt Tây nguyên. Quê hương của Thịnh náo loạn chạy giặc bởi tiếng đại bác của địch ở miệt Suối Cối nổ ì ầm cả ngày đêm. Tôi gửi ba-lô lên vai chạy theo đoàn cán bộ xã tìm đường lọt ra ngã Phước Lãnh để tránh con đường liên tỉnh số Sáu. Ai cũng lo xa rằng địch có thể chốt một mũi dùi thứ ba từ cửa bể Tiên Châu tiến lên chiếm liên tỉnh lộ số Sáu, bao vây bộ đội và cơ quan hành chính của ta. Nhiều ước đoán còn cho rằng cánh đồng Phú Long rộng và phẳng có thể là nơi bộ đội Pháp sẽ chọn để nhảy dù. Tất cả mọi dự phỏng đều a tòng với nhau để thúc đẩy chúng tôi chạy, càng mau càng tốt. Tôi không kịp giã từ Thịnh và mẹ nàng. Tôi còn lý luận rằng cho dẫu có mạo hiểm thì giờ đi tới tìm thì cũng không chắc đã gặp. Những người dân trong xóm đều lật đật tản cư vào những khe núi hốc núi, những xóm rải rác năm ba nóc gia nằm kẹt trong những thung lũng hẹp.

Từ lần ra đi vội vã đó, tôi cứ từng bước từng bước làm lùi đi tới, bỏ xa lần sau lưng cái xóm nhỏ hiền hòa của Thịnh.

Tôi hồi cư về thành khi chiến dịch Atlante vừa chấm dứt. Tôi gặp lại vợ con. Đưa con ngày mới ra đi còn nằm trong nôi, bây giờ đã học lớp nhì và nó bỡ ngỡ không muốn gọi tôi bằng ba bởi nó không tưởng tượng nổi rằng bằng cách nào mà một người quần áo xốc xếch, dáng dấp thiếu nã hơn tài xế ở nhà lại có thể là ba nó được. Sau vài tháng nghỉ ngơi và chữa dứt bệnh sốt rét kinh niên, tôi gia nhập vào cuộc sống ồ ạt của miền quốc gia. Những hưởng thụ vật chất và những bận rộn tinh thần đã choán hết thì giờ của tôi khiến tôi ít có dịp để ngoái nhìn lại quá khứ, để tưởng tượng xem cái xóm nhỏ của Thịnh hiện sinh hoạt thế nào. Chỉ thỉnh thoảng những lúc đi ra ngoại ô, đôi mắt chợt gặp một chòm cây cao có tàng um tùm trên đầu là tôi bồi hồi nhớ tới cảnh cũ. Nhất là khi đôi tai chợt nghe một tiếng chim vang lanh lảnh từ tàng lá cây đó. Những ngày quá khứ của tôi ở xóm Diêu Viên như đầy những tiếng chim và đầy sự im lặng cao cả, man rợ.

Có một lần ông Chánh đi vào Sài Gòn đưa một người bà con bên vợ vào chữa bệnh ở nhà thương Grall. Ông tìm ghé lại thăm tôi. Tôi mừng quá bắt ông ở lại nhà tôi. Qua đi những câu chuyện hàn huyên, tôi vội vàng hỏi thăm tin tức về gia đình Thịnh.

- Thăng Hòa đi tập kết.

- Nó không phải là cán bộ mà.

- Tôi không được rõ. Không thấy nó về và trong xóm xầm xì là nó theo ra Bắc luôn.

- Còn bà già!

- Cũng còn sức khỏe. Làm ruộng làm nương như hồi xưa, cũng một nắng hai sương, có điều khỏi chạy tàu bay như hồi kháng chiến.

Tôi không dám hỏi về Thịnh. Tôi đang hồi hộp đợi chờ.

Tôi sợ rằng nếu tôi cất tiếng hỏi thì giọng nói của tôi không còn bình thường nữa. Tim tôi đang đập rộn ràng và nhất định là nó ảnh hưởng đến nhịp thở và giọng nói. Sự hồi hộp của tôi xuất phát từ những nghi vấn: Không biết Thịnh có còn ở chỗ cũ không? Có còn như xưa không? Có sự thay đổi gì không? Một tháng cách xa đủ để mang lại cho ta một tin bất ngờ. Một tin buồn. Thế mà Thịnh thì đang ở cái tuổi có nhiều biến cố.

Ông Chánh nhấp chén trà rồi nhìn ra ngoài đường. Nói nhanh đi! Đừng bắt tôi đợi nữa! Cả tâm hồn tôi đang xoay quanh một người, một khuôn mặt, ông không biết sao? Hay là ông đã đoán biết hết rồi? Ừ nhỉ, ông đã sống một thời thanh niên như tôi, ông cũng đã đam mê, đã yêu, đã mơ mộng. Ông định đùa nghịch với tôi chăng? Tôi van xin ông đó.

- À, còn con Thịnh...

Tôi giật mình. Cầu cho những tin tức đều tốt lành. Tôi không đủ sức chong mắt nhìn lên mặt ông Chánh nữa. Đôi mắt mỗi mệ.

- Năm ngoái thằng con xã Lựu đi hỏi nó...

Tôi nín thở.

- ... nhưng nó không chịu.

Cảm tạ Thượng Đế. Thằng con xã Lựu thì tôi biết. Nó xấu xí như một con dơi.

- Nhà xã Lựu giàu mà nó là con độc đinh. Má con Thịnh thì đã khứng rồi nhưng con nhỏ nhất định không chịu.

- Ép quá rồi cũng phải chịu.

Ông Chánh lắc đầu:

- Dứt khoát rồi. Thằng con xã Lựu đã xuống Háo Danh cưới con gái hương kiểm Tân rồi.

Cảm tạ Thượng Đế! Tôi không chịu đựng nổi ý nghĩ Thịnh

phải sống cạnh một con dơi xấu xí như vậy. Tôi ghê rợn như nhìn một con sâu rọm bò trên những cánh hoa hồng.

Sau hai ngày ở chơi, ông Chánh cáo biệt chúng tôi. Tôi mua quà biếu ông, biếu bà Chánh và nhờ ông mang giùm một gói quà cho mẹ Thịnh và Thịnh. Tôi không viết thư mà chỉ nhắn miệng mời có dịp nào tiện xin vào ghé chơi với chúng tôi. Vợ tôi hỏi số tuổi của Thịnh và gửi thêm một hộp lớn trong đựng những xấp hàng may áo dài, gương lược đắt tiền và nhiều lọ nước hoa.

- Ông trao giùm cho cô Thịnh. Nói đây là phần của riêng tôi biếu cô.

Tôi thăm trách sự thật thà của ông Chánh. Đáng lẽ ra ông thông minh nói sọt bớt năm ba tuổi để vợ tôi nhầm tính thấy rằng khi tôi gặp Thịnh thì nàng mới chỉ là một cô bé. Đàng này rõ ràng là vợ tôi có điều để có thể suy nghĩ. Một cô gái quê có học và bắt tôi phải nhớ, có đủ bản lĩnh để chê thẳng con một ông xã nhà giàu, thì dù chưa gặp mặt lần nào vợ tôi cũng không thể nghĩ rằng nàng xấu xí và đần độn.

Mùa hè năm sau, vợ tôi bị chứng hoại huyết phải vào nằm ở dưỡng đường Saint Paul. Nàng từ trần sau ba tháng chống chọi với bệnh. Khoa học chịu bất lực và sự cầu nguyện chỉ là liều thuốc dành cho người sống. Tôi trở lại cuộc đời cô đơn, lần này còn cực nhọc gấp mấy lần kháng chiến bởi tôi không còn mơ mộng vô tư như xưa nữa. Cố nhiên là sau ngày đoạn tang vợ tôi, các bạn bè và họ hàng giới thiệu cho tôi những người thiếu nữ, những người đàn bà. Riêng phần tôi, những cuộc gặp gỡ ngẫu nhiên cũng nhiều nhưng quả tình là tôi không gặp được người nào có thể thương yêu một cách an ổn. Người phụ nữ thời nay sống vội vàng như những chiếc đồng hồ. Tình cảm xoay

chiều, cử chỉ hối hả, tâm trạng bực dọc. Xoay chiều theo màu áo dài của họ thay đổi hàng ngày. Có những người mà sắc đẹp và tính tình làm tôi tin cậy, nhưng hầu như họ đều đã có chồng rồi. Tôi bao giờ cũng là kẻ đến quá chậm hoặc quá sớm. Sớm đối với những cô còn trẻ.

Chiến tranh Nam Bắc bùng nổ trở lại mỗi ngày mỗi ác liệt trong những năm hoang mang dao động đó của tôi. Ấp chiến lược dồn dân, dồn làng, phục kích, biểu tình tranh đấu, đàn áp, xử tử, treo bản án, trại tập trung, trại cải huấn, trại học tập... liên miên, dồn dập, thường xuyên. Dân quê chạy tán loạn vào thành phố. Không thể căn cước, không thể gia đình, hành quân cảnh sát hốt chất đầy xe. Bao nhiêu biến cố dồn dập đó có kết quả là xóa mờ đi trong óc tôi những hình ảnh của vật của người mà tôi đã gặp, đã quen nơi những miền thôn dã xa xôi của tỉnh Phú Yên. Khi óc tôi dựng lên một cảnh thì y như liền đó nó bị bẻ gãy làm đôi làm ba. Con đường cái không thể chạy dài được đúng theo phận sự của nó. Nó phải bị chặt bị đào, bị khoét thành hố thành vũng bởi mìn bởi bom. Vườn tược không còn xanh màu lá, trắng màu hoa và hồng màu trái chín mà chỉ có màu vàng thê lương của cành cây chết khô, màu đen của thân cây bị cháy sém. Những ngôi nhà ngã sập xuống hay cháy tan hoang chỉ còn trơ lại những nền cao. Xóm nhỏ của Thịnh chắc cùng chung một số phận. Không biết hai mẹ con hiện xiêu lạc về phương nào.

Trong những hồi cô đơn, tôi hay nghĩ đến Thịnh. Tôi còn nhớ tâm hồn tươi mát của nàng, yêu lao động và không đòi hỏi quá nhiều ở cuộc đời. Nàng sống hiền hòa thanh thản và tôi muốn đem những tiện nghi hiện tại có được để chia sẻ cùng nàng. Tôi cảm thấy cuộc đời của tôi được bình ổn hơn. Tâm hồn trong sáng yêu đời mang lại cho nàng

một năng lực tự tại khó lay chuyển. Tôi chưa hề thấy nàng nuôi thành kiến, chạy hùa theo một phong trào hay vội vã đối phó một dư luận. Nàng phản ứng chậm chạp, cử động khoan thai như lúc nào cũng phải nghĩ chín chắn rồi mới làm. Sống giữa một vùng rừng núi xa xôi, tôi có cảm tưởng nàng chịu ảnh hưởng cái vóc dáng uy nghi của thiên nhiên hoang dã và nét uy nghi đó in dấu trên mọi cử chỉ nhỏ của nàng. Tôi yêu quý sự nghiêm cẩn trì trọng đó của loài đá tảng, của thân cây rừng hơn là sự bén nhạy linh hoạt của giống lau sậy. Thịnh có cốt cách của một người chị, của một người mẹ, của một người em. Tôi muốn được hưởng thụ một tình yêu loại đó hơn thứ tình nóng bỏng của một người yêu đơn thuần.

Giữa lúc tâm hồn tôi hướng về Thịnh như con tàu trong cơn bão táp hướng về ánh sáng của ngọn hải đăng xa xôi thì chợt tôi gặp một người đàn bà ở cùng xóm với nàng, bà Mừng. Tôi hỏi:

- Ông Chánh hiện tản cư về đâu?
- Dạ, dọn vô Tuy Hòa.
- Mẹ con cô Thịnh?
- Dạ, tập trung về quận.
- Bà có chắc không?
- Dạ chắc chớ.

Tôi tặng bà một số tiền và nhờ bà đem về trao cho Thịnh một gói quà và một bức thư. Tôi căn dặn phải đưa thư đó tận tay Thịnh, bằng mọi cách. Trong thư tôi buồn rầu báo tin cho nàng biết là vợ tôi đã từ trần hơn bốn năm rồi và cuối thư là mời mẹ nàng và nàng tìm dịp vào thăm tôi. Thư viết với lời lẽ nghiêm trang bởi tôi biết nó sẽ được nhiều người khác đọc trước nàng. Nhưng một tháng rồi hai tháng lặng lẽ trôi qua. Tôi viết tiếp hai cái thư nữa. Vẫn

không thấy hồi âm. Trong khi đó thì tôi không còn gặp ai quen để hỏi xem hiện nàng ở đâu, hiện nàng như thế nào. Cho đến một sáng chủ nhật.

Tôi đang ngồi một mình trong phòng thì nghe tiếng chuông reo ở cổng. Nhìn qua cửa sổ thấy một người mặc quân phục đứng thập thò sau cánh cửa. Tôi đi ra mở cổng. Người quân nhân chào tôi:

- Thưa thầy.

Tôi bỡ ngỡ.

- Thầy không còn nhớ em? Em là Nhẫn, học trò cũ của thầy.

Ký ức của tôi lờ mờ trước cái tên và khuôn mặt đó nhưng tôi tươi cười:

- Xin mời anh vào chơi. Lâu ngày quá.

Người quân nhân đứng nhích sang một bước rồi quay lại giới thiệu người đi với anh ta.

- Dạ, còn đây là vợ em.

Tôi nhìn sang người đàn bà mà lúc nãy ngồi trong phòng nhìn ra tôi không thấy. Có lẽ lúc đó nàng đứng lấp sau trụ cổng.

Chợt cơ thể tôi phút chốc như rã rời từng mảnh vụn, Thịnh. Nàng dăm dăm nhìn tôi. Đôi con mắt màu đen.

- Mời anh chị vào.

Chân tôi run run và giọng nói cũng run theo. Tôi hướng dẫn hai người vào xa-lông. Mời ngồi. Người ở mang nước. Tiếng xe chạy trên con đường trước nhà, những Suzuki, Yamaha, Jeep, GMC... ào ạt, rầm rộ, nhét đầy vào óc tôi, tràn nghẹt đến mang tai. Tôi như người mất cảm giác. Mất thăng bằng.

Áo của Thịnh phơn phớt màu hoa tím. Đôi bàn tay no tròn đặt lên vạt áo. Ngày xưa đôi bàn tay này cắt quả cam.

Không phải cho người quân nhân ngồi bên cạnh.

- Em đang dạy ở trường tiểu học Mỹ Phú thì có lệnh động viên từng phần. Em học lớp hạ sĩ quan bên Đồng Đế.

- Vâng.

- Còn một tháng nữa thì mãn khóa. Khóa sinh sẽ được phân phối về các đơn vị. Em muốn được về tiểu khu Phú Yên nhưng sợ bộ chỉ huy đưa đến đơn vị khác.

- Chắc họ cố gắng phân phối hợp lý, ai tới từ tỉnh nào thì cho về tỉnh ấy.

- Dạ, nguyên tắc là vậy nhưng mà phải tùy nhu cầu. Em nghe thầy quen lớn nhiều nên em nhờ thầy xin dùm. Miễn họ cho em được về tiểu khu Phú Yên, ở đó em có người quen.

- Tôi sẽ cố gắng xin giùm anh nhưng kết quả thì tôi không dám bảo đảm.

- Dạ, miễn thầy nói giùm cho em một tiếng.

Mục đích chính của cuộc hội kiến đã được rồi, Nhẫn quay sang giới thiệu vợ:

- Thịnh, chắc thầy còn nhớ?

- Vâng.

- Hồi trước Thịnh cũng có học thầy.

- Hình như không.

Nhẫn uống cạn tách nước.

- Em hỏi mãi mới tìm được địa chỉ của thầy. Xa thầy hàng mười mấy năm mà trông thầy không thay đổi bao nhiêu.

- Tôi chắc phải già đi...

- Dạ không bao nhiêu. Gặp thầy em nhận ra được ngay.

Những câu trao đổi đều vô vị. Tâm hồn tôi mục ruỗng, hoang vắng, tiêu điều. Tôi đang sống hai thế giới: thế giới xã giao nhạt nhẽo với Nhẫn và thế giới tâm tình u uất nghẹn ngào với Thịnh. Nàng vẫn ngồi đó bất động. Tôi cắt

đứt sự im lặng.

- Má cô vẫn khỏe?

- Cám ơn thầy. Bây giờ có tuổi cũng siêng đau vặt.

- Vào ở chung với cô hay ở nhà quê?

- Dạ vào ở với chúng em.

- Cô ở nhà lo việc gia đình hay đi làm?

Nhấn đỡ lời:

- Dạ nhà em được bổ dụng làm giáo viên ấp, niên khóa này. Dạ, dạy lớp tư. Chúng em mới cưới nhau năm ngoái.

Tôi thẫn thờ nhắc lại trong óc tôi: “Mới cưới nhau năm ngoái.”

- Chị cũng dạy ở trường Mỹ Phú.

- Dạ.

Im lặng một giây. Bồng Thịnh rụt rè hỏi tôi:

- Cô đi đâu vắng?

Có phải là tôi nghe lầm? “Cô” là ai? Tôi đợi Thịnh hỏi tiếp hoặc nhắc lại câu hỏi.

- Thầy cho phép em vào chào cô.

Tôi bàng hoàng. Câu hỏi đi thẳng vào trái tim tôi như một mũi tên. Té ra Thịnh vẫn chưa biết. Cái thư gửi nhờ bà Mừng trao lại? Những bức thư tôi gửi tiếp theo? Thịnh vẫn tưởng rằng...

Nhấn cầm tách nước trên tay không uống vội, đợi tôi trả lời. Tôi cúi nhìn xuống tấm thảm trải chân.

- Nhà tôi mất cách đây sáu năm.

Thịnh đang lơ đãng đưa mắt trên những gáy bì sách óng ánh màu chữ vàng, chợt quay phắt lại nhìn tôi. Đôi con mắt ngạc nhiên mở rộng.

- Rồi thầy vẫn ở vậy? Nhấn hỏi.

- Vâng. Hãy cứ ở vậy đã.

- Chắc thầy không muốn chứ ở vào hoàn cảnh thầy thì

thiếu gì người.

- Anh có lòng tốt nói vậy chứ thực tế không dễ có nhiều người như anh nghĩ đâu.

- Thầy ở một mình như thế này tự do hơn.

- Có nhiều thứ tự do. Ở với một người mình yêu thì tuy có thiệt thòi đôi chút về mặt tự do nhưng ngược lại mình có những tiện nghi khác bù đắp. Cố nhiên là phải được ở với một người yêu mình và mình yêu.

- Thầy chưa gặp được một người như vậy sao?

Tôi ghen ngào:

- Hình như tôi có gặp được một người.

- Sao thầy không cưới?

Tôi lắc đầu:

- Nhưng... rất cuộc không thành.

Nhấn đứng dậy xin phép đi lại đầu phố mua một xấp giấy quuyến để vấn thuốc.

- Thuốc lá thơm, lạt quá em hút không được. Đi đâu cũng mang theo thuốc lá ở nhà trồng. Mỗi lần đi hội nghị ở lâu là phải xách đem theo cả ký-lô.

- Tiêu thụ nhiều vậy?

Nhấn cười:

- Em hút thuốc lá như đồng bào thượng. Vô trong này có hồi hết thuốc, bí quá em phải mua thuốc Cẩm Lệ hút đỡ. Đắng, nặng chứ không ngọt giọng như thuốc ngoài em. Vợ em vô thăm kỳ này mới đem cho một ký thuốc xắt nữa đó. À mà quên, xin lỗi thầy, sáng nay thầy có bận phải đi đâu không? Bọn em tới quấy rầy làm tốn thì giờ thầy.

Tôi vừa đứng dậy đưa Nhấn ra cổng vừa nói:

- Tôi rảnh cả buổi sáng.

Sau khi chỉ đường cho Nhấn đi tới tiệm thuốc lá gần nhất, tôi trở vào phòng khách. Thịnh không còn ngồi ở ghế mà

đứng ở bàn viết của tôi. Tôi bước nhẹ lại gần nàng.

- Thịnh, tôi gọi nhỏ.

Nàng quay lại nhìn tôi. Hai hàng nước mắt chảy dài trên má.

- Cô có nhận một bức thư của tôi nhờ bà Mừng chuyển?
Nàng lắc đầu.

- Sau đó tôi có viết cho cô hai bức thư nữa. Cô cũng không nhận được?

Nàng lắc đầu.

- Lâu lắm, hồi xưa, ông Chánh có trao cho cô hộp quà do nhà tôi gửi biếu cô? Tôi nhớ dường như đó là hàng áo dài, lọ nước hoa...

Nàng gật đầu.

Sự im lặng bao vây lấy chúng tôi. Những giọt nước mắt kế tiếp nhau chảy, rơi trên mặt bàn. Thịnh mím môi như cố giữ chẹn những tiếng khóc.

- Tôi đã nghĩ đến cô trong những hồi đơn chiếc. Tôi không quên được nét dịu dàng trên gương mặt, trong cử chỉ và nơi tâm hồn cô. Tôi mong thư cô từng ngày từng giờ, tôi mong sự hiện diện của cô, nơi đây. Một năm. Rồi hai năm. Cuối cùng, tôi đã tuyệt vọng trong sự mong chờ. Cô không hề biết tin rằng nhà tôi đã mất?

Nàng lắc đầu.

- Nếu biết tin nhà tôi đã mất thì dù không nhận được thư tôi, cô cũng tìm vào thăm tôi, phải không? Bởi cô hiểu rằng tôi có nhiều cảm tình với cô. Có phải là cô sẽ vào thăm tôi không?

Nàng lặng lẽ nhìn tôi.

- Có phải vậy không?

Nàng lắc đầu.

- Sao vậy? Cô có điều gì giận tôi chăng? Cô ghét tôi sao?

Trong khi tôi vẫn yêu cô âm thầm, yêu cô âm thầm. Tôi nghĩ đến cô như một người đi đường trường giữa trưa nắng nghĩ đến một dòng suối mát. Cô là dòng suối của tôi. Thế mà cô quên tôi, cô... Tại sao cô ghét tôi? Tại sao?

Thịnh ngẩng mặt lên đăm đăm nhìn tôi. Nước mắt đầy cả hai khóe mắt.

- Cô có ghét tôi không?

Nàng im lặng nhìn tôi không nói.

- Thế sao cô không vào?

Nàng lắc đầu và giọng nói nghẹn ngào, đứt quãng:

- Bởi em không có hi vọng... Em nghèo.

Nàng bật lên tiếng khóc.

Vừa lúc ấy tiếng giày của Nhấn gõ vang ở hè đường trước nhà. Tôi đưa Thịnh vào phòng rửa mặt.

oOo

Tôi thù hẳn sự giàu kể từ ngày đó. Tôi sai tháo hết những rèm cửa, cuốn dẹp tấm thảm ở phòng khách, khiêng cất cái tủ gương trong chưng những cổ ngoạn quý giá đắt tiền. Tôi thù ghét bộ xa-lông đồ sộ bọc nỉ đỏ, thù ghét cái giường gọng vàng, thù ghét mọi tiện nghi mà khoa học Tây phương đang ra sức cung phụng tôi. Trong nỗi niềm cô đơn vắng lặng của tâm hồn tôi, chúng không mang lại cho tôi chút an ủi nào mà hiển nhiên chính chúng là nguyên nhân gây ra nỗi cô đơn hiện tại. Tôi muốn đổi hết tất cả để lấy một căn nhà tranh sơ sài có bức tường bằng đất trét màu vàng, có vuông sân nơi đó có mọc một cây xoài quý, có người yêu dịu dàng là Thịnh, dòng suối mát của tôi, niềm an ủi của tôi, bàn tay thiên thần nơi tôi gục vàng trán nhàu nát ưu tư.

Tôi đưa ngón tay vịn chiếc máy thu thanh. Nhạc rơi thánh thót và tiếp theo là giọng hát Giao Linh:

"Em biết thân em phận gái nghèo hèn

Mà lỡ yêu thương ai rồi...”

Điệu nhạc và lời ca tầm thường nhưng phù hợp với hoàn cảnh của chúng tôi. Giọng hát u trầm của Giao Linh hay là tiếng nức nở của Thịnh?

Em không có hy vọng... Em nghèo.

“Em biết thân em phận gái nghèo hèn”.

Giọng hát nức nở hay tiếng kêu tuyệt vọng của Thịnh bên cạnh nắm mộ của tình yêu lỡ làng? Tiếng ca Giao Linh khắc khoải trôi lên, mỗi đêm ở từ phòng trà, từ rạp chiếu bóng, từ chiếc pick-up gia đình, tôi nghe đã nhiều nhưng xúc cảm u hoài theo thì chỉ từ ngày Thịnh cùng chồng tìm đến thăm tôi. Và cũng từ ngày đó, cuộn băng nhựa có giọng hát của Giao Linh lúc nào cũng thường trực ở đầu giường. Những buổi chiều cô đơn, những giấc khuya vắng lặng, tôi ngồi hồi tưởng đến những ngày kháng chiến xa xôi, đến một khuôn mặt, đến một dáng người, đến miếng rách nơi vai áo, đến dòng nước mắt lăn chã rơi trên mặt bàn, trong khi ngón tay tôi vịn nhẹ để từ từ âm thanh của nhạc rơi nhẹ vào không khí, để tiếng hát Giao Linh lại ní non thốn thức:

“Cho kẻ yêu anh không tử phận mình

Còn lóa trên môi nụ cười... dù rằng trong giấc mơ thôi.”

¹ musette bag: túi đeo vai

VÕ PHIẾN MÙA ĐÊM CUỐI NĂM

Ngọc và Lung ngồi trên một tảng đá lớn, đã nghe thấy lạnh. Trăng sáng trên cái mênh mông ngun ngút của núi rừng. Nhìn xuống sườn núi dài thăm thẳm, cuối tầm mắt là hơi khói toả mờ mờ trên ngọn cây. Bóng hai người như hai con quạ đen kỳ quái ngả dài trên đá.

Ngọc nói:

- Mai đồng chí đi?

- Sáng mai phải đi thì chiều mười tám mới đến Ân Hiệp kịp hẹn.

- Thạo đường đi Ân Hiệp chưa?

- Vừa mới nói ban chiều rằng đây là lần đầu đi về vùng ấy.

- Mình thì xa ba năm rồi, nhưng chắc về Ân Hiệp mình không quên một con đường nào. Nghĩa là mình nhớ từng gia đình, quen từng nhà...

Lung không nói, y biết Ngọc đang ngập ngừng trước một câu hỏi mà anh ta đã nhắc lại hai lần rồi: "Tại

sao mình lại không được phân công đi Ân Hiệp hả?”. Lần này thì Ngọc chùng lại kịp, không thốt ra câu hỏi. Nhưng anh ta mất trớn nói chuyện, ngồi yên lặng.

Lung nghĩ đến những làng thượng du sẽ đi ngang qua. Đêm nay ở hang Tà Léc. Chiều mai có thể đến Nước Dòng, đêm mai nếu tình hình khá có thể ngủ bên một bếp lửa...Y quay lại nói với Ngọc:

- Nay... kiểu nhà sàn người thượng bên Nước Dòng ngộ lắm. Cửa lớn ngó lên ngọn núi. Về phía chân núi có một cái cửa sổ nhỏ nhỏ. Mình ở dưới nhìn lên thường thường trông thấy trẻ con thập thò ló đầu ra giống như những con thỏ con nhốt trong chuồng, xinh xinh... Đồng chí đã đến Nước Dòng lần nào chưa nhỉ?

Ngọc không đáp. Lung ngả lưng nằm ngửa, khoanh hai tay vòng lên đầu làm gối, nhìn bạn. Lung không có cảm tình với vẻ mặt ấy. Hai con mắt của Ngọc sâu mà nhanh nhẹn quá. Có một cái gì không thẳng thắn trong cái nhìn của anh ta. Lung có cảm tưởng như thế, vì Ngọc không chịu đựng nổi một khi bị người khác nhìn lại. Những lúc ấy anh ta hoảng hốt, tránh tró tháo lui, vội vàng ngó lảng ra phía khác. Cằm anh ta nhọn, hai môi mỏng, gương mặt gầy, lưỡng quyền nhô cao. Nhất là cái nước da ngăm ngăm và trơn bóng lên của anh ta. Lung thấy ghét lạ. Lúc này nằm ngửa nhìn lên, Lung tò mò ngắm gò má bên phải của anh ta sáng lên một đường viền dưới trăng. Trán của anh ta có bề rộng nhưng lại thấp, rất thấp, và có hai lần nhăn trông cộc lốc. Lung nghĩ: “Một tư tưởng thiển cận nào đã có cơ hội in sâu vào những nét nhăn ấy thì thực khó bề mà đuổi cho đi khỏi”. Ngọc không có những ý nghĩ sâu sắc, tế nhị, nhưng anh ta thật dai dẳng, đã húc đầu vào một tư tưởng nào thì cứ như bấu riết vào đấy, không tài nào gỡ ra được. Tuy

vậy, nếu bị công kích, hay chỉ bị chỉ trích xa xôi, anh ta vội vàng tháo lui, lảng tránh như bỏ trận chạy dài. Thế rồi công kích xong, đầu lại vào đó, anh ta lại trở về với tư tưởng của mình, rón rén, lặng lẽ, tuồng như là vụng trộm, nhưng mà rất ương ngạnh. Anh ta có những biểu lộ thiếu tự tin ở cặp mắt, nhưng ương ngạnh, thiếu cặn vì cái trán.

Bồng Ngọc lên tiếng hỏi Lung:

- Đồng chí có thấy tôi nhút nhát lắm không? Tôi thật là nhút nhát... nghĩa là tôi hành động không cương quyết gì cả. Nhiều lần tôi tự kiểm thảo thấy rằng chỉ vì e dè, do dự, thiếu mạnh dạn mà tôi hỏng việc rất nhiều. Nghĩa là tôi rất sợ người. Đồng chí hiểu không?... Nghĩa là khi nào đối tượng của hành động tôi không phải là sự vật mà là một con người thì tự nhiên tôi e ngại, rình từng phản ứng của đối tượng, sinh ra ngấp ngừng, rụt rè, rồi làm hỏng việc. Đồng chí hiểu chứ? Thí dụ thế này: nếu cấp trên giao cho tôi vận chuyển một tấn lúa đi năm cây số, tôi có thể làm được, nếu bảo tôi tìm ra khuyết điểm của một cây súng xấu để sửa chữa, tôi có thể tìm tòi ra được, vì tôi chỉ đối đầu với những khó khăn vật chất. Nhưng nếu phải đi thương lượng với một nghiệp đoàn xe ngựa để họ bằng lòng giáo dục các đoàn viên về thái độ nhã nhặn và nhường thêm ít nhiều quyền lợi cho cán bộ thì tôi khó đi tới kết quả tốt đẹp. Nghĩa là tôi e dè, tôi khó tạo ra được một không khí hiểu biết lẫn nhau giữa đại diện nghiệp đoàn với mình, tôi cứ rụt rè, trịnh trọng, làm cho không khí nặng nề, khó chịu. Đồng chí hiểu chứ, nghĩa là...

- Tôi hiểu...

- Vâng, nghĩa là ví dụ thế, chứ bây giờ, giai đoạn này thì không có công tác gì với nghiệp đoàn xe ngựa.

Lung bật cười. Ngọc quay lại nhìn lo lắng và vội vàng

tiếp tục:

- Không, không! Đồng chí nên hiểu đó là một trường hợp tâm lý rất kỳ quặc, một trường hợp tàn phế về tâm lý. Hồng lắm, hồng lắm. Tôi tiếp xúc với một người lạ khó khăn, đau khổ hơn đập phải lửa. Sợ đồng loại là nghĩa lý gì? Vô lý thế mà không sao sửa chữa được. Tôi thường tự nhắc với mình luôn luôn rằng người ta ai cũng giống nhau, cứ tự nhiên, đừng trịnh trọng, nhất định đừng tạo ra cái không khí trịnh trọng, cứ vượt khỏi những câu nói, những cử chỉ lễ mễ xã giao lúc đầu, là ta gặp một con người y như mình. Thế mà tôi không vượt qua được khỏi. Tôi thấy có những kẻ giao thiệp rất tự nhiên, họ tiến áp ngay đến những cái vổ vai, bá cổ, những câu đùa giỡn, không có gì khó khăn cả. Còn tôi, tôi đến tiếp xúc với một người lạ, làm quen với một đồng loại mà y như kẻ rụt rè, bước vào một biệt thự sang trọng, rón rén từng bước chân, nín từng tiếng ho, ngại ngừng đủ chuyện, thật là khổ sở, khổ sở. Một người khách mà mình rót nước đưa thuốc ra mời, với người bạn nằm chung một giường, gác chân lên mình nhau mà ngủ, có gì khác nhau đâu, họ giống như nhau cả. Ai cũng muốn nói những câu tự do, có những cử chỉ tự nhiên đối với nhau, ai cũng thích đối đãi thân mật, muốn có thể vui vẻ cãi um lên với nhau để xem ổi ngon hơn xoài, quít ngon hơn đu đủ hay trái lại, xem bơi lội thú hơn hay đá bóng sướng hơn, ai cũng ghét trịnh trọng, ghét những câu mời mọc xã giao, những câu đối đáp lễ phép, lạt lẽo vô vị cả. Chỉ cần bạo dạn xô ngã cái bức tường ngăn cách giả tạo một cái là ta ùa đến ôm nhau nói cười. Thế mà tôi không làm được. Nghĩa là, đồng chí hiểu chứ?

- Tôi hiểu. Nhưng tại sao đêm nay đồng chí lại nghĩ về chuyện đó?

- Không, nghĩa là thế này. Đồng chí đừng cười chế giễu như thế. Tôi có nghĩ về chuyện đó nhiều lắm đâu. Không!...

Lung nín cười, vẫn nằm ngửa, nhìn lên, tò mò ngắm cái vẻ lúng túng trên gương mặt trơn bóng của Ngọc. Anh ta lại chạy tránh. Giống như con chim nhát gan, nghe một chiếc lá rơi nhẹ vội nhảy lung tung trong lồng.

- Tôi không bảo đồng chí nghĩ về chuyện đó là có gì khuyết điểm. Đồng chí có thể nghĩ về vấn đề ấy chứ..

- Không, không có lý do gì cả, không có lý do gì làm cho tôi đặc biệt chú ý đến vấn đề đó cả. Nhưng nghĩa là thế này, tôi lấy một ví dụ: tôi chắc người con gái nào khi đã gần gũi với mình rồi cũng thích được hôn hít cả, cũng có thể nói những câu vớ vẩn, ríu ra ríu rít bàn tán với mình những chuyện vu vơ, nghĩa là cũng một người đàn bà tầm thường như nhau cả. Vậy thôi. Thế mà khi còn cách biệt, khi mà mình chưa làm quen, chưa phá đổ được bức tường trinh trọng ngăn cách, chưa nói được câu thân mật đầu tiên, thì xung quanh họ, chao ôi là... huyền bí. Mùi hương thơm của họ phất qua cũng khiến mình nghĩ ngợi liên miên, chạm được cái tà áo của họ một lần cũng bao nhiêu là xúc động, và nhớ và nghĩ, như một kỷ niệm quan trọng. Một chút gì đó cũng có ý nghĩa cả. Và bởi vì mình vẽ vời tưởng tượng ra nhiều ý nghĩa quá cho nên mình lại càng dè dặt từng cử chỉ, lời nói của mình, cho nên lại khó tự nhiên, thân mật. Nghĩa là cũng như khi mình tiến tới trong một căn phòng lộng lẫy quá thì mình không dám khua động sỏi sàng đấy mà. Tôi chắc rằng những kẻ gọi là giỏi tán gái chính là những kẻ không thấy những cửa chỉ ngôn ngữ, những cái ngó cái nhìn của con gái có "nhiều ý nghĩa" quá đáng, là những kẻ có thể tầm thường hoá được hết mọi phụ nữ. Cứ tự nhiên mạnh dạn thẳng thắn phá vỡ cái lớp vỏ trang

trọng do cuộc sống xã hội bọc quanh mỗi người, vào trực tiếp với cuộc sống thân mật, bản năng của họ, thì... thì... như nhau cả... giống nhau, có thể gần nhau lắm... hà hà...

Ngọc nhìn Lung cười nhả nhỏ. Lung nhìn hai đường ánh sáng mỏng viền quanh hai vành tai anh ta rất ngộ nghĩnh. Lung nói:

- Tôi muốn đồng chí đưa một ví dụ cụ thể hơn nữa. Một trường hợp có người có việc có tên có tuổi rõ ràng...

- Không, không! Nghĩa là tôi ví dụ thế. Đồng chí nên hiểu tổng quát chung cho cả sự giao thiệp giữa người và người, chứ không riêng giữa nam nữ. Những người công tác dân vận có hiệu quả là...

- Tôi phá vỡ cái vỏ của đồng chí đây! Hãy tiến vào cuộc sống thân mật: tôi chắc đồng chí đang nghĩ đến những chuyện ái tình không may mắn của chính đồng chí?

- Không, không! Nghĩa là tôi nói tổng quát thế...

Lung phá lên cười, gác một chân lên đùi Ngọc và giơ tay phát mạnh vào lưng anh ta:

- Nói thế chứ ai ép cung khai đầu. Nhưng việc gì mà giấu?

- Nghĩa là nói tổng quát thế. Chứ riêng trường hợp tôi thì hồi còn công tác hai năm liền ở Ân Hiệp...

- À! Ở Ân Hiệp! Hèn nào...

- Không, nghĩa là không nhiều đâu. Chỉ có một vấn đề thôi.

- Vấn đề?

- Không, chỉ có một câu chuyện. Nghĩa là một câu chuyện ái tình thôi. Không đi đến kết quả. Nghĩa là không có thì giờ để đi đến kết quả. Vì chúng tôi yêu nhau vô cùng, tha thiết lắm...

Ngọc ngó Lung có vẻ vừa ngờ vực, vừa bối rối:

- Nghĩa là Cúc và tôi hiểu nhau rồi, hiểu là yêu nhau rồi. Chỉ còn chờ một cơ hội mạnh dạn phá một màn ngăn cách

rất giả tạo, một thái độ dè dặt của cả hai bên rất vô lý, giả dối, chỉ còn chờ một cử chỉ, một câu nói thành thực là xô được cái màn cách biệt rất mong manh đó để... yêu nhau thực sự. Vậy mà như đồng chí biết đấy chứ, vâng, đồng chí đã hiểu là tôi không có tài tạo ra cơ hội ấy. Thực là vô lý. Nhưng tôi có thể nói chắc là suốt đời cả hai đứa không bao giờ quên được nhau. Nghĩa là nếu đồng chí hỏi lấy gì làm bằng chứng thì tôi không thể kể ra một câu thề thốt nào, một lời hứa, một câu nói nào cả, nhưng đồng chí nghĩ coi: làm thế nào có thể sống trong không khí sôi nổi của hai tâm hồn tha thiết yêu nhau mà không cảm thấy điều đó được? Không có một bằng chứng gì cụ thể rõ rệt cả, nhưng tôi nhất định rằng thời gian đó tôi được yêu. Một người mù, hoàn toàn mù, không trông thấy được ánh sáng, nhưng từ trong nhà mát bước ra ngoài sân nắng họ vẫn cảm thấy cái không khí bao bọc quanh mình thay đổi hẳn. Tôi có cảm tưởng chắc chắn đã bước vào trong phạm vi ánh nắng tình yêu của Cúc, cái ánh nắng gắt gao vây quanh tôi, một thứ nắng làm ta say sưa ngây ngất như một ngày xuân đẹp trời...

- Đã lâu lắm tôi không được nghe những câu lãng mạn như thế.

Ngọc nhìn Lung, lo lắng, không hiểu ý bạn nói. Chợt anh ta như vừa nghĩ ra, xấu hổ, lúng túng.

- Không, không. Nghĩa là đồng chí nên hiểu rằng chúng tôi đã yêu nhau hơn một năm trời. Tình yêu của chúng tôi như con vẹt con đã thành hình trong trứng, chỉ còn đưa mỏ ra mổ xé một cái màn mỏng là thoát khỏi vỏ. Thế nhưng đồng chí đã biết rằng tôi tàn tật...

- Tôi biết...

- Không, nghĩa là Cúc đẹp lắm, trời ơi, đẹp lắm, mới mười

bảy tuổi. Năm đó Cúc mười bảy tuổi. Tôi tin chắc đồng chí mà quen biết Cúc thì cũng phải... cho là đẹp.

- Ý đồng chí muốn nói cũng đậm mê cô ta chớ gì? Thôi... Chúng ta còn phải ở núi lâu dài. Đề nghị chưa nên nói chuyện gái, chuyện sắc đẹp... Này! Đồng chí có thấy đói không? Chúng ta nhóm lửa lên thui mớ nấm còn lại ấy ăn cho hết. Mai sáng đồng chí sẽ kiếm mớ khác. Được không? Tôi nhất định quanh gốc cây si ấy còn có thể tìm ra được nhiều nấm nữa.

Có tiếng lá sột soạt gần bên. Cả hai người đều ngoảnh mặt nhìn về phía tiếng động: hai con nai con vừa ở đâu đến, đứng cách hai người không đầy mười thước, vểnh đầu nhìn sững. Ngọc nhìn cặp mắt hai con nai mở to mà bình tĩnh, thản nhiên. Rồi chúng thong thả bước đi, không để ý đến hai người. Những cái bóng lá loang lổ lấp lánh lướt qua trên mình chúng rồi rơi nằm xuống đất.

Trong lúc ấy tiếng một con rắn lục rít lên, lướt dài như thoảng qua ngang đầu.

Lung nhìn lại Ngọc thì vẻ mặt anh ta đã xa vắng. Lung có cảm tưởng như mình vừa lơ đãng, quên theo dõi một con cá lờ đờ nổi gần mặt nước, để cho nó nguẩy đuôi lặn biển xuống sâu lúc nào không hay. Và cả Lung cả Ngọc đều không nhớ đến chuyện mớ nấm nữa. Lung nằm im, nghĩ đến nhiều người con gái. Tuy rằng y đã hăm câu chuyện của bạn lại nhưng chính y cũng đang xao động, nghe chổi dậy nhiều nhớ nhưng thèm khát lò mờ.

Y vùng đứng dậy, đi vào trước cửa hang, thổi lửa, đun ba bốn cây gộc to cho ngọn lửa bốc cao, rồi sửa soạn đóng lá khô lót trong hang để nằm. Ánh lửa chập chờn, nhiều mảng bóng đen nhảy múa trong hang, chòm chòm lên nhau như xô đuối, vật lộn nhau, lộn xộn. Lung nhắm mắt

lại. Nhưng trong trí y vẫn còn cái cảnh ấy: trước đây một năm, đã có lần y nằm với một người đàn bà thượng du trong hang này suốt ngày. Người đàn bà thượng du, y dẫn từ dưới làng Nước Nhỉ lên. Và y với người đàn bà vật nhau, giỡn nhau chờn vờn trong cái hang lò mờ như những tảng bóng tối hỗn độn đêm nay. Và hai người cười sặc sụa, giỡn la chí choé như những con thú tự do khoái trá giữa chỗ núi rừng vắng vẻ. Người đàn bà đó bây giờ ra sao? Y đoán chắc đó là một người thượng du lai, vì khuôn mặt, mũi và miệng có nhiều nét giống người kinh. Nhưng sợi tóc vàng hoe dính trên áo y, và cái mùi khét nắng mà y mừng tượng còn ngửi thấy quanh mình mấy hôm sau, làm cho y không muốn tìm về Nước Nhỉ nữa. Có tiếng một con chim gì vỗ cánh bay rất nặng nề qua trước cửa hang.

Một lúc lâu, y ngủ. Ngọn lửa hạ thấp lần, thấp lần. Rồi chỉ còn những cái lõi lửa, xanh có, vàng có, liếm loanh quanh trên những cây củi gộc to. Quá nửa đêm, Lung mơ màng thức giấc, thấy như có cảm giác mơn man nhẹ nhàng trên khắp người. Y nằm im, thoát dần ra khỏi tình trạng lơ mơ, y chú ý thấy cảm giác được mơn man tập trung trên một cánh tay phải. Cuối cùng y tỉnh táo hẳn, mở lim dim hai mắt trong bóng tối, và thấy Ngọc đã vào nằm bên y không biết từ lúc nào. Anh ta đang dùng tay trái nâng niu đỡ cánh tay phải của y lên. Còn tay phải của Ngọc thì vuốt ve nhẹ nhàng trên tay y, xoa lên xoa xuống rất âu yếm mơn trớn. Y không kịp ngượng, nhìn theo cái cử chỉ kỳ dị ấy, như chờ đợi một kết cuộc lạ lùng. Y chăm chú theo dõi bàn tay phải của Ngọc úp xuống, lum lum ôm lấy cánh tay y, lướt phớt qua trên da thịt y, âm ấm. Ba phút rồi, Ngọc vẫn cứ tiếp tục một cử động ấy.

Lung nhìn lần lần lên mặt bạn. Y kinh ngạc hết sức: hai

con mắt của Ngọc vẫn nhắm tít như mắt một người ngủ kỹ. Y không tin, mở dần mắt của mình ra để nhìn, thì vẫn quả như thế. Ngọc nhắm mắt như đang ngủ. Nhưng có lẽ anh ta không ngủ: hai bên gốc chân mày của anh ta nhú nổi lên, vẻ mặt anh ta diễn tả một sự chăm chú, thiết tha đê mê, đồng thời một bản khoăn gần như khổ sở. Vẻ mặt của anh ta không phải là vẻ mặt của một người đang ngủ. Nhưng tại sao y nhắm mắt và cử động như trong một giấc mơ? Lung lạ lùng, nhìn chăm Ngọc, không cử động. Năm phút, mười phút qua, dần dần Lung thiu thiu, mắt y mờ và khép lại như ngọn lửa lạng lẽ tắt trên một cây củi gộc trước cửa hang. Trong cảm giác lơ mơ trước giấc ngủ, y vẫn còn nghe bàn tay của Ngọc lướt nhẹ nhàng trên cánh tay y.

Sáng hôm sau y thức dậy thì Ngọc đã đi đâu, không còn trong hang nữa. Y mở túi xem lại hành lý và tài liệu, chuẩn bị ra đi. Lúc y sắp đi thì Ngọc vừa về. Anh ta nói:

- Đêm qua con heo một lại đi ngang qua đây. Tôi vừa theo dấu chân, thấy nó loanh quanh ở đây có lẽ lâu lắm.

- Đêm mai đồng chí ráng sức mà bắn, ta còn nhiều tên thuốc độc, cả mớ tên của tôi để lại đồng chí lấy mà dùng. Bao giờ về sẽ tạo mớ khác.

Ngọc bước lại gần:

- Đồng chí đi đấy à?

- Đi.

- À... à...

Anh ta ngáp ngừng bản khoăn. Lung đặt tay lên gáy anh ta, thân mật đẩy đi theo mình một đoạn đường. Anh ta nói, khó khăn:

- Đồng chí đi Ân Hiệp lần này, nếu có thể, nghĩa là nếu đồng chí gặp dịp, vâng, nghĩa là không có gì phiền hà thì đồng chí tìm gặp Cúc và bảo rằng tôi vẫn còn sống ở đây và

có lời nhắn thăm Cúc... Thế thôi. Vâng, có thể thôi.

- Chỉ có thể thôi à?

Ngọc cười theo Lung, không đáp lại câu chế giễu. Anh ta sực nhớ một điều, nói thêm:

- Đồng chí có thể tìm ra dễ dàng, mà không phải hỏi đến tên Cúc. Anh ruột cô ấy, anh Hiếu, cũng là đồng chí, nghĩa là trước kia, bây giờ thế nào đồng chí về đến Ân HIệp cũng biết ngay. Có lẽ đồng chí có cơ hội tìm gặp dễ dàng.

Lung ngồi núp dưới lòng suối khô, chờ đợi. Đêm đã khuya. Y ngẫm nghĩ bần khoản: người con gái có cái bí danh là Thu sắp sửa đến gặp y đêm nay đã “thông cảm vấn đề” chưa? đã được giải thích trước chưa? Hay là người ta chỉ bố trí một cơ hội thuận tiện rồi để mặc Lung, sự thoả thuận chắc chắn sẽ đến? Mặt mũi Thu ra sao nhỉ? Trời tối thế này làm sao y có thể trông thấy được mặt cô ta?

Y nhớ lại nét mặt trông thấy một buổi chiều, cách năm hôm nay, trong nhà người đảng viên có bí danh là Sơn. Hôm đó trời mưa, sân hè ướt bầy nhầy. Lung lên vào nhà lúc ba giờ chiều mà trong nhà tối mờ mờ. Sơn với y ngồi đối diện nhau trước một cái bàn thấp đặt ở giữa nhà trên. Tất cả cửa lớn thông ra ngoài sân đều đóng, và biết vì trời mưa, ngoài đường vắng vẻ ít người qua lại, nên cả hai người cũng yên lòng.

Sơn kể lại với y về tình hình xóm làng, tinh thần của những người đảng viên cũ. Trong khi nghe anh ta kể, Lung để ý đến cái chõng tre đặt dài phía trong hàng cửa, trong bóng tối. Trên chõng, một cụ già răn rúm, hình vóc nhỏ như đứa trẻ mười bốn tuổi, đầu trùm một chiếc khăn đỏ điều, chân mang đôi tất của quân đội, đắp chiếc mền đã cũ, nằm ngủ. Không biết ông cụ ngủ giấc gì vào nửa buổi chiều, và đến bao giờ mới dậy, mà suốt một giờ đồng hồ nói chuyện

với Sơn, Lung không thấy ông ta trở mình, cựa quậy. Lung tò mò nhìn những sợi râu ngắn xơ xác của ông ta vểnh lên. Dần dần Lung để ý đến một thứ tiếng rì rầm ở phía trong buồng. Một giọng đàn bà không còn trẻ nữa thì thầm có vẻ giận dữ day dứt như một giọng mắng nhiếc, nhưng cố hãm thấp xuống. Lung nhìn nét mặt của Sơn thấy anh ta thản nhiên như không biết có việc gì xảy ra; anh ta hoàn toàn không quan tâm đến cụ già nằm ngủ sát bên cạnh và tiếng nhiếc móc day dứt nổi lên phía trong buồng. Thái độ lãnh đạm thản nhiên hoàn toàn đó càng làm cho tình trạng khó hiểu thêm. Vừa theo dõi lời trình bày của Sơn, Lung vừa nghĩ ngợi quanh quẩn. Tiếng rì rầm phía trong buồng có lúc nổi mạnh lên như hần học giận dữ, như một ngón tay xĩa xói uất ức, rồi lại hạ xuống, tiếp diễn đều đều. Cứ như thể kéo dài hàng giờ đồng hồ.

Thình lình Lung nghe tiếng cửa buồng mở ra kêu kèn kẹt. Một người con gái trên dưới hai mươi tuổi từ trong buồng ra, đi ngoặt xuống bếp. Tiếng rì rầm nhiếc móc im bật. Lung ngạc nhiên về vẻ mặt hoàn toàn thản nhiên đứng đưng của người con gái, cái thản nhiên khó hiểu, như chối phắt những điều vừa xảy ra trong buồng. Giữa các sự việc trong nhà của Sơn lúc đó có cái gì thiếu mạch lạc, thiếu liên quan làm cho Lung tự thấy tung hứng.

Năm phút sau, người con gái lại từ dưới bếp đi lên, ngoặt vào buồng, nét mặt vẫn lạnh lùng và đẹp kỳ dị. Khuôn mặt ấy có một vẻ gì bình tĩnh, tự tin, nhưng mà tươi vui hấp dẫn. Cánh cửa buồng vừa khép lại, tiếng rì rầm lại nổi lên. Lúc Lung bước ra đến hè, anh còn quay lại một lần nữa nhìn vào cánh cửa buồng vẫn đóng kín.

Đêm nay trong lúc chờ đợi một nữ đồng chí chưa từng biết mặt y lại nghĩ đến người con gái ở nhà Sơn. Người đàn

bà ở trong buồng rì rầm mắng nhiếc suốt buổi chiều hôm đó là gì với Sơn, với người con gái? Tại sao những lời ấy không có một tác động gì cả, chỉ như tiếng mưa xối xuống sân đều đều không ai chú ý? Thế nghĩa lý gì? Trong những tháng sống trên núi cao, xa cuộc sống xã hội, y không biết đến những ý nghĩ như thế. Và hôm nay, sự bận rộn của trí óc về những việc không đâu xung quanh cuộc sống phức tạp của con người thế này lại làm cho y thấy có cảm giác ấm áp, dễ chịu.

Những giờ phút chờ đợi của y thực là hồi hộp, băn khoăn. Chủ trương của địa phương đã nhận định được nhu cầu tình cảm và sinh lý của y, quyết định rằng trong thời kỳ công tác ở đây sẽ bố trí cho y tiếp xúc với một người con gái đáng tin cậy. Chốc nữa đây y sẽ hành động ra sao? Người ấy mặt mũi ra thế nào? Đến đây chỉ biết có nhiệm vụ liên lạc, hay đã được “xây dựng” trước về ý định bố trí ấy?

Nhưng khi nghe tiếng chân bước tới thì những việc xảy ra và tâm trạng của y giản dị không ngờ. Để cho cái bóng người mặc đồ đen đi quá vài ba bước, y búng tay đánh “chóc” một tiếng. Người con gái dừng lại. Y nhìn lên, trông thấy một khuôn mặt trắng giữa nền trời. Y gọi:

- Đồng chí Thu?

Người con gái không trả lời, ngồi xuống. Trong lúc trao đổi vài câu mật hiệu vắn tắt để nhận nhau, y để ý đến cái giọng của cô ta, không thanh và cao như giọng nói thường của đàn bà, mà lại trầm, ấm. Nhận xong ba tờ giấy nhỏ mà Thu vừa lấy ra trao cho, y cất vào bọc rồi hỏi:

- Đồng chí ra đi có chắc không bị để ý theo dõi?- Không hề gì. Có thể ngồi đây được nửa giờ.

Y đang chọn lựa một câu hỏi thì Thu nói:

- Tôi bi quan về tình hình lắm.

Trong lúc Thu ngừng lại, y nhìn lên, nói chậm rãi như dò xét:

- Trong lúc này có nhiều đồng chí thiếu tin tưởng.

Thu vụt chặn ngang:

- Đồng chí xem chủ trương của cấp trên đề ra trong giai đoạn gần đây và nhận định thế nào? Về tổ chức thì thu hẹp lại, đình chỉ hoạt động và giải tán nhiều cơ sở quần chúng. Về đường lối thì không giải bày chính sách của ta, không tiếp tục tuyên truyền chủ nghĩa của ta, mà nhắm chỉ trích những thực hiện chủ trương kinh tế, những công tác giai đoạn của đối phương, nặng nề về sự khai thác những lầm lẫn thối nát của cán bộ đối phương. Như thế làm sao các đồng chí ta khỏi nản lòng? Khi chúng ta được lệnh không nói về chủ nghĩa cộng sản nữa, mà chỉ lo nói xấu chế độ quân dịch, chế độ quân cấp công điền, việc thu thuế của đối phương, những vụ biển thủ, chim chuột của cán bộ đối phương, thì chúng ta chỉ làm loạn chứ chúng ta thôi lãnh đạo một đường lối chính trị nữa rồi.

Lung mãi chú ý đến cái giọng ầm áp không chăm chú theo dõi câu nói. Tuy vậy, y cũng kịp hiểu và trả lời:

- Chắc đồng chí cũng phải nhận rằng tập hợp quần chúng xung quanh những mối bất mãn đối với sự thực hiện chính sách của đối phương nhất định dễ dàng hơn là tập hợp quần chúng xung quanh một lý tưởng chủ nghĩa, dù là chủ nghĩa cộng sản.

- Tôi nhận thấy hai điều bất lợi. Một là chính sách của đối phương, dù thực hiện thế nào, trên thực tế cũng có điều kiện để đem lại đời sống tốt đẹp hơn chính sách của ta trong thời kỳ kháng chiến vừa qua. Hai là ta bỏ qua phần tuyên truyền chủ nghĩa trong khi đối phương tập trung đã kích ta trên phương diện lý luận chủ nghĩa, thì toàn thể

đồng chí sẽ nhận thấy một sự lùi bước trên mặt lý thuyết và dao động tinh thần.

Lung lắng lặng ngồi im, trông cái bóng người con gái trước mặt. Vấn đề đã được đặt ra nhiều lần trong các cuộc thảo luận trên mặt khu. Kể ra khó giải thích hẳn hẳn. Nhưng đây là ý kiến cá nhân của cô ta, hay là phản ảnh một thắc mắc phổ biến trong hàng ngũ đảng viên? Lung có vẻ suy nghĩ. Cuối cùng y nói:

- Đồng chí không để ý rằng tình trạng tinh thần của quần chúng trong giai đoạn này không thuận lợi cho sự tuyên truyền lý thuyết, bất cứ là lý thuyết nào sao? Trước kia họ đang quyết tin vào những tiêu chuẩn đạo đức phong kiến của Khổng Mạnh thì thành linh bị chủ nghĩa ta công kích triệt để, công kích cả những lễ lối tập tục sinh hoạt cổ truyền được coi như dĩ nhiên. Rồi chúng ta gây cho họ một tin tưởng mới, hướng dẫn họ tôn sùng những nhân vật, những anh hùng mới, làm cho họ thấy đó là những cái gì tối thiên liêng. Đùng một cái, đối phương phỉ nhổ thóa mạ cực lực vào những cái bất khả xâm phạm đó, gây thành phong trào quần chúng ồ ạt dày xéo chà đạp lên những cái đó. Bấy nhiêu công chuyện xảy ra trong vòng mười năm làm cho bây giờ khó mà khiến cho quần chúng chịu tin tưởng vào một lý tưởng nào nữa. Nếu ta cố công vớt vát, củng cố lại sự tin tưởng vào chủ nghĩa ta, thì công sức nhiều mà kết quả chẳng bao nhiêu.

- Làm thế nào có thể chủ trương rằng đảng viên có thể tiếp tục hoạt động mà không được củng cố tin tưởng?

- Tôi nói tình hình quần chúng chứ không phải nói những đồng chí đang hoạt động. Tình trạng tinh thần ấy khó khăn cho ta mà cũng đồng thời là một khó khăn cho đối phương.

Người con gái vẫn không hề nhúc nhích. Lung không thể

dò xét được tác động của lời nói mình như thế nào. Bỗng nhiên cô ta bỏ lửng câu chuyện, nói:

- Tôi về. Đồng chí nghiên cứu các báo cáo vừa nhận được ấy, lần gặp sau đồng chí cho biết ý kiến.

Cô ta sắp sửa đứng lên, Lung vội nói:

- Có thể ngồi nán thêm một lát nữa không? Có lẽ không có gì đáng ngại... đồng chí vừa bảo thế? Đã lâu, ở trên núi chúng tôi ao ước được gặp các đồng chí dưới này để nói chuyện.

Thu không trả lời, cười và đứng dậy. Lung cũng đứng theo. Y nói:

- Ngày mai nếu có gặp lại chúng ta vẫn còn nguyên là những người lạ hoàn toàn.

Thu nhìn thẳng vào y, có ý chưa hiểu. Y tiếp:

- Nghĩa là tôi chưa biết mặt đồng chí ra sao cả. Một lát nữa gặp nhau trong ánh sáng cũng không biết nhau.

Có tiếng Thu cười nho nhỏ. Y thấy phấn khởi, thích thú nói tiếp:

- Nhưng cái giọng nói của đồng chí thì thật không bao giờ quên được... Chúng ta ngồi lại được một lúc nữa chứ?

Y đặt tay lên vai Thu, tự nhiên và thân mật dề xuống. Nhưng Thu bước nhích ra, nói:

- ĐỪNG. Tôi về.

Rồi cô ta bước đi. Cái bóng đen nhoà, biến nhanh trong tối. Thành linh Lung thấy nóng bừng bừng hai bên mặt, thẹn điếng người. Y vụt thấy Thu hiểu rõ dụng ý bố trí của đoàn thể, hiểu rõ ý định của Lung, và sự từ chối của cô ta thật là vẫn tắt lạnh nhạt. Y nhắc đi nhắc lại trong trí: “Không thể nghi ngờ gì nữa. Hiển nhiên là hẳn hiểu hết. Thật là trơ trên... trơ trên. Như thế mà gọi là bố trí được à?” Y bước đi dưới lòng suối, không kịp để ý vệt những nhánh cây sà thấp. Nhiều giọt sương tụ ở đầu lá rù rì bị quệt rụng

vào cổ y.

Ba hôm sau, đúng trưa, y lại ngồi ở chỗ cũ, chờ Thu. Y đã bình tĩnh, tự bảo rằng nếu lần này Thu lại cứ đến thì sự sắp đặt của địa phương được tuân theo nghiêm chỉnh, y không nên e ngại. Y nghĩ ngợi bâng quơ, lấy làm lạ rằng mới nửa tháng chạp mà lòng suốt đã khô ráo quá. Trận mưa tám hôm trước không còn lưu lại được vũng nước nào.

Thu hiện ra. Cô ta cười ngay:

- Lúc ra đi thì trong nhà đang có mấy người hàng xóm đến chơi nên tôi không dám mặc đồ tử tế, phải giả vờ như đi quanh nhà. Nếu thay áo, người ta hỏi đi đâu, lại thêm chuyện dối quanh quá nguy hiểm.

Lung hiểu là Thu phân bua về việc cô ta mặc áo cánh cụt tay. Y lấy trong túi ra năm tờ truyền đơn bằng chữ đánh máy đưa cho Thu.

- Đồng chí cho phổ biến những tin tức này. Tuần sau các đồng chí phụ trách phổ biến sẽ chuyển lại tôi các tờ truyền đơn và báo cáo danh sách những người đã đọc được.

- Vẫn chuyện tay?

- Chuyện tay. Y như lần trước. Không bao giờ tung vãi nữa. À! Đồng chí có chắc rằng đối phương đang nghi cho cán bộ ta điều khiển những dư luận phao đồn các điều dị đoan về kinh thánh đại quan không?

Y chột nhìn chăm vào mặt Thu và kinh ngạc. Thu cười xoà ranh mãnh. Thôi đúng rồi, đúng là người con gái y đã trông thấy ở nhà Sơn hôm nọ. Nét mặt ấy không thể quên được. Mí mắt mở lên chậm chạp, bình tĩnh, nhưng khi đôi mắt ấy chiếu về đâu là như reo vui lên ngay. Y hỏi:

- Đồng chí là... cô là em đồng chí Sơn?

Thu chỉ cười mà không trả lời.

Trưa đó y ngồi bên cạnh người con gái được khá lâu. Có

một lúc y chú ý đến hai cánh tay tròn và trắng muốt, trên đó óng ánh những sợi lông vàng. Một con kiến chạy loanh quanh hấp tấp trên cánh tay ấy, thỉnh thoảng chợt dừng lại, lưỡng lự quơ hai sợi râu. Y lẳng lặng nhìn, nhớ lại cái ám ảnh trong giấc mơ của Ngọc đêm cuối cùng trên hang núi Tà Léc. Y muốn đưa tay ra xoa vuốt cánh tay ấy, xoa vuốt, mơn man! Thu ngồi im, vẻ cam chịu.

Lung bị bắt vào lúc hai giờ chiều. Trời âm u suốt hôm ấy. Bầu trời im lặng và nặng nề, mây xê dịch chậm chạp. Không có một hơi gió. Dừa khấp xóm rũ lá đứng yên. Khi Lung vào đến khoảng sân vôi, y để ý thấy có mấy hạt mưa li ti rời rạc rơi trên má. Và có tiếng con chích choè kêu lớn, bên một bờ rào rất gần.

Lung bước vào trong nhà thì mấy người lính bảo an quay lại chặn đám đồng bào kéo theo xem, yêu cầu giải tán. Trong nhà hơi tối, nhưng trông thấy sự bày biện của năm sáu viên chức ngồi lúi húi làm việc, y đã đoán ra đây là trụ sở của nha đại diện hành chánh miền thượng du này. Vẫn chưa ngừng lại, y bị xua luôn lên một thang gác chật và tối. Hai tay bị trói, y không sờ soạng được, đi rất khó khăn. Nhưng y cố giữ cho thẳng người.

Ngồi chờ y trên gác là một người tầm vóc nhỏ, tuổi gần năm mươi, hai mắt sáng và sâu, nhưng linh động, cử chỉ nhanh nhẹn và hơi nóng nảy. Ông ta ra lệnh mở trói và mời y ngồi đối diện với ông trên cái chiếc ghế lùn trước một cái bàn tròn. Câu nói đầu tiên của ông ta có vẻ trịnh trọng như đã chuẩn bị từ lâu:

- Anh về hoạt động trong vùng này thế nào cũng đã tìm hiểu thái độ và những hành động, chủ trương của tôi. Và chắc anh cũng dư biết rằng đã phụ trách miền này tất nhiên từ lâu nay tôi đã theo dõi hành vi tông tích của anh

rồi. Kết quả như thế nào, anh đã thấy. Chắc chắn anh phải công nhận rằng những người dân vệ bắt gặp anh hôm nay không phải là trong một trường hợp tình cờ. Trái lại chính những đồng đảng của anh đã cho tôi biết rõ nhất cử nhất động của anh từ lâu rồi. Anh chưa tin điều đó? Tôi đưa một bằng chứng: cái mui-dét¹ hiện anh đang mang bên hông ấy từ trước đến nay anh vẫn giữ sát bên mình không rời ra bao giờ, tôi có thể nói ngay rằng trong số những đồ vật chứa trong ấy có một con dao cạo, một ống bê-vi-tin, hai thước ka-ki xanh... Anh nên tin rằng những điều mà anh cho là bí mật, chúng tôi đã hiểu rõ trước khi bố trí bắt anh. Vậy cho nên trước khi anh tiếp xúc với cơ quan có trách nhiệm hỏi cung, tôi khuyên anh nên thành khẩn. Anh sẽ không che giấu được gì ích lợi cho đồng đảng đâu, nếu anh muốn quanh co. Trái lại, nếu anh thành thực, tôi tin chánh phủ có thể có một thái độ khoan hồng.

Lung cố nói vẫn tắt. Y chưa dò ra ý tứ thế nào, chưa biết công việc của y bị vỡ lở đến đâu. Chợt một câu nói của ông ta làm y giật mình :

- Trong lúc anh ngồi đây chúng tôi còn cho đi bắt một số người nữa, chẳng hạn như hai anh em tên Trần Hiếu và Trần Thị Cúc, để thu lại số tài liệu và truyền đơn mà anh giao cho phổ biến. Anh không nên giấu giếm che chở cho ai nữa...

Y nhìn ông đại diện ngạc nhiên, nhưng bình tĩnh :

- Hiếu và Cúc?

- Đúng rồi. Bí danh là Sơn và Thu.

Lung tưng hứng và kinh hãi. Cho đến lúc này y vẫn vô tình không ngờ đến chuyện ấy. Trong lúc ông đại diện tiếp tục nói, y vẫn cứ loay quanh nghĩ về Cúc và Hiếu. Y đã gặp Cúc Ân Hiệp của Ngọc ba lần mà y không biết!

Ông đại diện bắt đầu dò hỏi vài điều về sự hoạt động của y và đồng đảng. Y trả lời rất dè dặt. Có một lúc y ngờ rằng người thanh niên ngồi lúi húi viết ở góc phòng kia là một anh thư ký đang ghi chép những lời cung khai của y. Nhưng sau y lại quả quyết là không phải. Người ấy vào khoảng ba mươi tuổi, nhưng ốm yếu, mặt không còn đầy đặn nữa. Tóc anh ta khô, nhưng mềm, không bù xù. Quần áo không còn lẫn ỉ. Trước mặt anh ta là một cái đèn bóng hột vịt, một ly nước, một đĩa cam chỉ còn lại hai miếng chưa ăn. Từ lúc Lung bước vào đến giờ anh ta vẫn cắm cúi viết, không để ý đến sự hiện diện của y. Viết xong một đoạn dài anh ta dừng lại, cầm một miếng cam cúi mặt xuống ăn vội vàng, nhai giòn giã ngon lành, phun hột xuống sàn. Anh ta lại nhe răng nhả miếng vỏ cam. rồi ngẩng lên, anh ta nhìn về phía hai người. Ông đại diện giới thiệu:

- Đây là tên Mai, tỉnh uỷ viên cộng sản. Tôi đã nói chuyện với anh hồi tháng trước đấy mà.

Mai là tên giả của Lung. Người thanh niên đứng dậy, bước đến nhìn Lung vẻ chú ý, mắt nheo nheo lại như nhìn vào ánh sáng, miệng hơi nhếch cười thú vị, như đang tò mò ngắm một con kék đẹp leo trèo trong lồng. Sự số sàng của anh ta có vẻ tự nhiên, ngây thơ. Anh ta hỏi Lung:

- Anh ở trên núi ba năm rồi hả?... Tại sao anh chống lại chúng tôi. Người ta để anh lại với nhiệm vụ chống một chính quyền thực dân, phải không? Anh đã thấy chúng tôi không phải là một chính quyền như thế, tại sao anh lại chống với chúng tôi?

Anh ta ngheo đầu chờ câu trả lời này của y, vẫn với cái tò mò ngây thơ. Nhưng khi Lung chưa nói xong ba câu thì anh ta đã hết chú ý, và y chưa kịp dừng lại thì anh ta đã quay lưng đi sang phòng bên cạnh.

Lúc ông đại diện cũng đứng dậy rời Lung thì trời đã chiều, trong phòng âm tối, trông không rõ mặt nhau nữa. Có lẽ bên ngoài trời đang mưa. Không khí ỉu xìu. Ban đầu y ngửi một mùi thoang thoảng mát, có lẫn thứ mùi khét đất. Dần dần nghe ngọt ngào mát rượi rồi lạnh lạnh.

Y lại ngồi gần cửa sổ, nhìn ra ngoài. Bầu trời âm đạm, một màu trắng đục lờ mờ. Khấp xóm, tàn dứa la liệt, dày âm u, đứng yên lặng. Không có tí gió. Trong hoàng hôn nhá nhem mưa nhẹ hột cứ hạ xuống dịu dàng thơm cay cay của lá bưởi lá cam xông lên với mùi nước mưa man mát. Nhưng rồi chú ý chờ đợi lại không thấy gì nữa. Y cho rằng mình đã nhìn xuống đám cây bưởi cây cam dưới vườn và tưởng tượng quá xa. Y ngoái lại nhìn người lính bảo an đứng ở đầu thang gác, trong bóng tối. Ngọn đèn hột vệt đặt trên chiếc bàn con ở góc phòng chỉ soi sáng y mờ mờ mà không chiếu đến người lính. Y không có một cảm tưởng gì về cảnh đó cả. Y đang nghĩ về Cúc.

Bỗng y chú ý đến câu nói ở phòng bên cạnh. Thì ra người thanh niên đang trí vừa rời đang nói chuyện về y với ông đại diện hành chánh và hình như là họ đang ăn cơm. Anh ta vẫn không hề để ý đến sự hiện diện của y ở bên phòng bên này, cười nói tự do :

- ... Há? Bác ngại gì những tên còn ở lại trên núi? Nếu bác không bắt được thì dần dần chúng sẽ hoá ra khí hết chứ có gì đáng ngại? Có gì đâu nào? Bác chỉ lo giữ vững dân tâm ở dưới này thôi. Khi một bọn cán bộ hoạt động chính trị đã tách ra khỏi dân chúng mà chạy lui dần lên núi thì... thôi rồi! Cứ để cho chúng hoá khí.

Anh ta phá lên cười, vui vẻ. Ông đại diện nói nho nhỏ, Lung không nghe được. Anh ta lại trả lời :

- Tôi cho là tại cái ngoan cố của triết học. Bác xem: khoa

học kỹ thuật thì tiến quá nhanh, tình trạng xã hội do đó cũng thay đổi theo nhanh chóng quá sức, mà tư tưởng chúng ta thì cứ khur khur với những định kiến cũ. Xài cái đồng hồ đeo tay kiểu cũ, đi cái xe du lịch kiểu xưa thì người ta lấy làm buồn; đánh giặc bây giờ mà Mỹ để cho Nga vượt mình một năm về kỹ thuật chế tạo hoá tiễn thì nguy hiểm. Thế nhưng bàn về tư tưởng chỉ đạo đời sống thì ta vui vẻ bới nát sách của Lão tử, Khổng tử ra, và lấy làm hãnh diện mà đọc một câu nói cách đây hai mươi lăm thế kỷ. Mỗi một thay đổi trong địa hạt kỹ thuật ảnh hưởng đến bộ mặt đời sống và phải tác động đến quan niệm của ta về xã hội, về cuộc đời chứ. Khi phải xới đất từng nhát cuốc, cấy từng cây mạ, ta có một quan niệm về sức lao động, về tổ chức xã hội khác với khi mà ta dùng máy cày hàng mấy chục mẫu đất một giờ rồi dùng phi cơ gieo lúa giống chứ? Hả? Khác chứ? Khi phải đi cáng, suốt ngày không đầy ba mươi cây số, ta có một quan niệm về quốc gia, về chủng tộc, về thế giới khác với khi ta có máy bay đi vòng quanh địa cầu trong ba bốn hôm, hay là có thứ hoá tiễn khur hồi lên mặt trăng trong mười giờ chứ? Vậy mà khoa học mỗi ngày mỗi phát minh, đời sống mỗi ngày mỗi đổi mới, còn những tư tưởng chỉ đạo cuộc sống thì hàng năm mười thế kỷ họa may mới có một lần thay đổi. Có khi tệ hơn nữa...

Có tiếng phản đối của ông đại diện. Lung vẫn không nghe rõ tiếng ông ta. Rồi lại nổi lên giọng nói của người thanh niên:

- Phải, phải. Tôi đồng ý rằng quan niệm của mọi người có dần dà thay đổi. Các nhà tư tưởng cũng cố gắng đuổi theo thời đại. Nhưng có điều lạ là những quan niệm mới không ảnh hưởng đến xã hội mấy. Học thuyết chính thống bao giờ cũng cũ kỹ. Người ta cứ căn cứ mãi trên những quan

niệm lỗi thời để làm cơ sở lý thuyết xây dựng xã hội. Mặc cho bao nhiêu xáo trộn suốt hàng mười thế kỷ ở Á Châu chúng ta vẫn quan niệm cuộc đời theo Khổng tử, tổ chức xã hội theo Khổng học. Đến thế kỷ này học thuyết của Mác lại lăm le muốn tranh đoạt cái địa vị ấy. Sinh ra đã một thế kỷ rồi, chiếm được địa bàn tung hoành ở một vài nước lớn rồi, cái học thuyết ấy lại cứng đầu cứng cổ đòi tiếp tục phát triển bất chấp những biến chuyển của hoàn cảnh xã hội ngày nay cho nên tình hình mới gay go đến thế này. Từ khi có nghiệp đoàn, có quyền đình công, tương quan giữa chủ và thợ đã khác xưa bao nhiêu; từ khi kỹ thuật đem đến những phương thức sản xuất mới, sự phân phối lợi tức ở các nước tư bản đối khác khiến cho ngày nay viên giám đốc một xưởng máy ở Mỹ mà lãnh được số lương bằng mười lương người thợ kém nhất cũng hiếm có, trong khi một kẻ thư lại được ưu đãi trong xưởng máy của Nga xô có thể hưởng số lương gấp tám mươi lần lương thợ; tình trạng ấy khiến cho thợ thuyền ở các nước có kỹ nghệ tiến bộ xa dần đảng cộng sản, thế mà học thuyết kia cứ khư khư cho rằng tư bản càng phát triển càng mau đào lỗ chôn mình. Xã hội tư bản càng sung túc và bình đẳng hơn các nước cộng sản, chủ nghĩa cộng sản cũng cứ đòi được thực hiện, và cũng cứ còn khối người đòi chết cho sự thực hiện chủ nghĩa ấy. Tôi e rằng khi những phi cơ liên hành tinh cho phép đổ bộ xuống quả địa cầu những sinh vật dữ tợn như ma vương quỷ sứ tràn chiếm hết đất đai thì chủ nghĩa ấy cũng cứ quả quyết rằng cuộc tranh đấu gay gắt nhất vẫn là tranh đấu giữa người và người. Phải nhiều thế kỷ lắm mới đuổi đi được một học thuyết lỗi thời. Học thuyết thì có nhiều, có nhiều lắm. Nhưng phần lớn thì như lảng vảng xung quanh đám đông, chỉ có một đôi học thuyết nhào vào,

thâm nhập được quần chúng đông đảo. Và thế là xong, như con đại bàng cắp được công chúa rồi, đuổi đi không đi, đánh không nổi, rút không khỏi, giằng co đến rách thịt toé máu mới xong.

Ông đại diện nói rì rầm rất lâu. Có tiếng khua chén bát, có lẽ người ta đã thu dọn bàn ăn. Rồi im lặng ở phòng bên cạnh. Lung chờ bữa cơm của mình. Nhưng bỗng người thanh niên lại nói:

- Tôi không tin rằng rồi đây một quan niệm tổ chức xã hội sẽ thay đổi cuộc đời có hiệu quả bằng những phát kiến của khoa học. Bác nghĩ sao? Nếu nay mai người ta chế tạo máy bay dễ dàng, ai nấy đều mua xài như mua xe đạp, nếu phạm vi cư trú của loài người mở rộng bao gồm thêm vài hành tinh nữa trong vũ trụ, thì có phải điều kiện sinh sống của mỗi người trong chúng ta sẽ đổi mới nhiều hơn là thực hiện bất cứ một chế độ chính trị nào chăng? Kỷ nguyên này là của kỹ thuật. Các nhà tư tưởng chậm chạp lắm, không nên can thiệp vào. Bác bảo làm sao họ không chậm được? Một người thợ gặt, người quét đường ngày nay làm việc khác với đồng nghiệp của họ thế kỷ trước, họ có máy giúp đỡ, họ hưởng thụ được lợi ích của kỹ thuật mới. Nhà khoa học bây giờ làm việc với bao nhiêu là máy móc, phương tiện tinh xảo hơn một thế kỷ trước, họ có thể dùng một cái máy tính ba trăm ngàn con số trong một giây, nhanh hơn óc họ gấp triệu lần. Còn nhà tư tưởng thì lè lói và phương tiện làm việc vẫn như xưa. Ngày nay viết được một câu như trong kinh Xuân Thu cũng không nhanh chóng và dễ dàng hơn hồi thời Khổng tử một mảy may. Đọc sách vẫn mang kính lên mắt, một phút vẫn chỉ có thể đọc ngần ấy chữ, viết ra một câu văn vẫn chừng ấy suy nghĩ, công phu, không có cái máy nào tính cách chuyển mạch, dứt câu và

chấm, phẩy giúp họ. Lề lối làm việc của họ còn hoàn toàn thủ công nghiệp như xưa. Trên thế giới tiến bộ này thiệt thòi nhất là nhà tư tưởng. Tôi thương nhất là nhà tư tưởng, nhà văn, nhà triết học.

Anh ta cười ầm lên ở trong phòng bên cạnh. Rồi họ kéo nhau bước xuống thang gác. Xung quanh Lung hoàn toàn vắng vẻ.

Ngồi nhìn đêm tối qua khung cửa kính, y bồn chồn lo lắng. Và rất buồn. Bên ngoài mưa cứ dội dằng dặc xuống xóm làng, xuống đám dừa đen âm u, xuống ngọn đèn đỏ giữa xóm, xuống cuộc sống thân mật, yên lành. Trong im lặng mát mẻ một giọng hát ru con mệt mỏi cất lên:

Một à mai con à cá hoá mai,

Con à chim hoá liễu a., đậu hai tùng nhánh tùng

Y bắt đầu thấy đói bụng. Không biết người ta có nghĩ đến bữa cơm chiều của y chẳng? Bao giờ thì ông đại diện trở lại? Mà rồi ông ta có tiếp tục cuộc thẩm vấn nữa không? Tại sao đang hỏi y, tự dưng ông ta bỏ ngang đi ăn, bỏ y cho mấy người lính gác? Ông đại diện già này làm việc có vẻ luộm thuộm nhưng y biết ông ta là một kẻ mưu cơ.

Y công tác bên quận Hoà Ân nhưng lại bị bắt trên địa phận nha đại hành chánh An Lão. Nha đại diện là đơn vị hành chánh trung ương với cấp quận, nhưng là một thứ quận đặc biệt chuyên trách về các sắc dân thiểu số miền thượng du. Viên chức đứng đầu nha đại diện thường không xuất thân từ trường Quốc Gia Hành Chánh, không phải là những người trẻ tuổi, học thức. Ông đại diện này chẳng hạn là một nhân sĩ địa phương. Y chưa từng biết mặt ông ta, nhưng quả y có điều tra, tìm hiểu: ông ta không học hành mấy, nhưng rất am tường về vùng này, ông hiểu dân tình, địa thế, biết rõ từng làng từng xóm, lại được sự tin cậy

của dân thượng du.

Còn người trẻ tuổi vừa rồi là ai, y hoàn toàn chưa biết chút gì. Anh ta nói giọng Quảng, bộ điệu trông rõ ràng không phải là thuộc cấp dưới quyền ông đại diện. Có lẽ là một viên chức từ cấp trên, từ trên tỉnh, có thể từ Huế hay Sài Gòn, vừa ghé qua đây vì một công tác nào đó. Một viên chức trẻ, học thức, ưa lý luận xa vời, không có ý niệm gì về các vấn đề cụ thể của địa phương. Một mẫu người trái ngược với ông đại diện. Không biết hai người lúc này kéo nhau đi đâu, họ có đang bàn tính về y, về những chuyện liên quan đến số phận y? Cảm giác đói mỗi lúc mỗi mạnh. Bây giờ Lung lại thấy khát nước nữa. Có lúc cơn đói làm y thấy nhọc hần người. Những xúc động sau khi bị bắt làm y quên chuyện cơm nước qua mấy giờ liền, bây giờ cái dạ dày nó đòi hỏi... Có người bước lên cầu thang. Một người đàn ông, mang trên tay cây đèn toạ đăng đang cháy sáng. Người đàn ông không nhìn qua y, cứ đi thẳng đến bàn giấy ông đại diện, đặt cây đèn giữa bàn, rồi bước nhanh về phía góc phòng, cúi xuống thổi tắt ngọn đèn hột vịt, đoạn xách bình nước trà đã cạn nước quay lại bước xuống cầu thang, sau khi liếc nhìn Lung bằng một khoé mắt rất nhanh.

Nhìn quanh gian phòng dưới ánh đèn sáng, bây giờ y chợt nhớ lại căn gác ở nhà cậu y. Đúng thế, căn nhà này cất theo kiểu nhà người cậu mà mẹ y vẫn dẫn y về hồi nhỏ, vào các ngày kỳ giỗ, vì ông bà ngoại đã qua đời trước khi mẹ đi lấy chồng. Đây cũng là kiểu thức chung chung cho các nhà giàu miền núi ở vùng này ngày xưa. Nhà xây tường bằng đá ong, có một tầng gác. Tầng gác ấy không thực sự cần thiết để sinh sống, nhưng xây cất vì nhu cầu phòng vệ. Số là ở đây xưa kia thiếu hẳn an ninh: thỉnh thoảng vẫn xảy ra những vụ dân thiểu số thượng du thỉnh thoảng kéo về

cướp làng, vét của cải, bắt trâu bò, bắt luôn cả đàn bà con gái đem lên núi. Vì thế nhà có của làm nhà lâu, tích sắn đá cục trên phòng, khi có cướp đến thì đóng chặt cửa tầng dưới, kéo nhau lên gác, nấp trong cửa sổ ném đá và bắn tên xuống, chống nhau với kẻ cướp.

Nha đại diện hành chánh này chưa xây được trụ sở riêng hãy còn đặt văn phòng tại ngôi nhà mượn của một đồng bào khá giả. Lung nghĩ lan man: ông đại diện này hàng ngày chung sống với gia chủ, văn phòng làm việc của ông cũng là nhà trọ. Ông ta làm việc trong một khung cảnh gia đình thân mật, khung cảnh quen thuộc từ lâu đời đối với Lung, và cả đối với ông ta. Một khung cảnh đặc biệt địa phương, liên hệ mật thiết với cuộc sống miền quê này từ nhiều đời nhiều kiếp. Ông đại diện, chính ông già ấy, có lẽ suốt đời cũng chưa từng rời xa địa phương, suốt thời kháng chiến vừa qua cũng chỉ sống loanh quanh ở vùng này, dưới cùng một chế độ mà y đã từng sống. Y lại nghĩ đến lời ông ta khuyến dụ: thành khẩn sẽ được khoan hồng. Chính ông ta cũng trót quen với luận điệu phổ biến trong xã hội cộng sản. Dưới chế độ bên này, tội trạng của y sẽ do tư pháp định đoạt: một viên chức hành chánh có thể hứa hẹn gì đâu!

Lung lại nghĩ đến những ngày sắp tới của mình. Lại lo lắng chơi vơi. Tiếng guốc dép và tiếng trò chuyện ở tầng dưới bỗng im bật đi một lúc. Rồi lại nghe như có đôi ba người vừa mới kéo nhau vào nhà, vừa đi vừa đùa giỡn.

Lung xoay người, quay lưng hẳn về phía ánh sáng, úp mặt vào khung cửa sổ, nhìn ra ngoài đêm.

Dưới sân có người đàn bà đội nón lá vừa hấp tấp tiến ra cổng. Người đi không guốc, đi như một cái bóng, không có tiếng chân khua động. Sau đó, hồi lâu không có dấu hiệu

hoạt động nào khác. Ngoài trời mưa rơi êm. Trong xóm, bóng đêm càng dày. Giọng hát ru con lại cất lên, và lại trở về với câu đã nghe qua lúc nãy :

Một à mai con à cá hoá mai

Con à chim hoá liễu à... đậu hai tùng nhánh tùng

Lần này y tò mò để ý đến cái nghĩa ngộ nghĩnh của câu hát. Giọng hát buồn buồn cổ truyền của người đàn bà Việt Nam đã lọt hết vẻ tân kỳ quái lạ của ý nghĩa câu thơ, khiến cho từ lâu rồi, y vẫn thản nhiên nghe câu ấy, yên trí rằng con cá hoá mai cũng không lạ lùng hơn con cá hoá ra mắm trong vại. Những hình ảnh của cuộc sống đêm nay tràn ngập cảm quan y là những hình ảnh quen thuộc lâu đời. Cuộc sống xưa cũ tầm thường bỗng nhiên đối với y sao thân thiết quá. Y tự hỏi: thực y đã từng hoạt động để tạo nên một xã hội khác, hoạt động để xoá sạch nếp sống thân mật đó sao? Thực tình y đã từng quả quyết như thế sao? Mùi đất ướt, lá ướt, tiếng hát ru con, tiếng mưa nhẹ nhàng trong đêm tối sao mà quyến rũ quá, sao mà ngọt ngào quá, khiến y bồn chồn. Y bồn chồn như chưa từng sống tha thiết đến thế bao giờ.

Y nhớ lại nét mặt đau khổ và bàn tay của Ngọc xoa lên tay y trong một đêm khuya ở hang đá Tà Léc, cặp mắt thản nhiên của hai con nai, y nhớ ông cụ trùm khăn đỏ ngủ trong gian nhà tối của Sơn, nhớ giọng mắng nhiếc rì rầm hằn học mà mãi đến bây giờ y cũng không hiểu là thế nào, y nhớ những sự kiện rời rạc vô nghĩa, cùng nhau góp lại thành ra cái thú vị u ám của cuộc sống.

Y nhớ cái mùi thơm cay cay nồng nồng trên ngực áo của Cúc. Cúc mà y đã ôm trong tay, đã xô y ra, nhưng nhất định sẽ là của y, nếu y không bị bắt sau lần gặp gỡ thứ ba. Y băn khoăn tự hỏi: y đã đến chờ Cúc với cái tâm trạng của kẻ

đến chò thoả mãn một nhu cầu, còn Cúc đã đến với y với ý nghĩ gì? Thân thể của Cúc có lúc mềm yếu đi là vì rung động hay vì phục tùng? Dù sao thì Cúc cũng có gì phức tạp hơn những ý nghĩ hăm hở và đơn giản của Lung lúc ấy, ý nghĩ cộc lốc đến một nhu cầu...

Trên mười đầu ngón tay của Lung như còn cái cảm giác trơn trơn êm dịu của lúc áp trên làn áo lụa. Y nghĩ đến sự đau khổ của Ngọc, đến sự lầm lộn tình cờ, đến con kiến len lỏi trên cánh tay Cúc, giữa những sợi lông vàng óng ánh... Sao đến lúc này y mới thấy tha thiết đến cuộc sống tầm thường, đến những tình cờ, những chi tiết nhỏ nhặt của cuộc đời đến thế... Còn mấy hôm nữa là y đã ba mươi một tuổi. Và y sẽ xa cuộc đời không biết đến bao lâu nữa. Y sẽ bị tù bao lâu nhỉ? Rồi Ngọc ở trên hang núi cao kia, đang nhớ đời da diết, Ngọc cũng sẽ mò về và cũng sẽ như y hôm nay. Y vụt nhớ đến những câu nói xô bồ của người thanh niên đăng trí ở phòng bên cạnh vừa rồi, có cảm tưởng như cả xã hội đã nhao nhao thốt ra cái câu hất hủi và tàn nhẫn: “Để cho chúng hoá khí!”

Giọng hát dưới xóm vừa dứt. Hơi mưa nhẹ nhàng hạ xuống, nhận chìm dư âm câu hát trong đêm tối mát mẻ.

1956

¹ musette bag: túi đeo vai

VŨ BẰNG ĂN TẾT THỦY TIÊN

Đến lúc đứng tuổi rồi, lòng người có những cái thích nhỏ nhỏ kể cũng hơi ngộ nghĩnh.

Trong những cái thích đó, hồi còn ở Bắc, tôi thích cứ mỗi khi Tết đến thì không về nhà thăm mẹ vào ngày mồng một đầu năm như thường lệ, nhưng vào khoảng đêm ba mươi, sắp giao thừa.

Giờ phút đó huyền ảo lắm, thời gian ạ!

Nhà cửa quét tước rồi, bàn thờ đã xếp đặt đầu vào đấy, mẹ tôi nhân được lúc rỗi rãi, sai người đun nước, pha một ấm trà thật ngát hương.

Ở ngoài kia, bước người im ắng, lắng mà nghe có tiếng đôi mùa tiến nhau trên phố lạnh. Cầm cái chén cổ men chàm nhấp giọng, ta tưởng như uống cả một ít hương mới về trong gió kinh thành ngừng đọng trong lòng chén nước do một người mẹ tự tay pha lấy và chuyên lấy cho con.

Bấy giờ, tôi mới hỏi mẹ tôi:

- Trà gì mà ngát thế, hớ mợ?

Cụ lặng yên một lát rồi mới đáp:

- Trà thủy tiên đấy mà!

-Ồ thế năm nay mẹ cũng gọt thủy tiên?

- Không, mua đấy mà! Còn tâm óc đâu để mà gọt nữa! Và lại năm nay có tuổi, tay run, có gọt cũng không còn đẹp, chi bằng mua quách một vài củ cho xong.

Giọng nói trầm ngâm, bao hàm một nỗi buồn man mác.

Tôi biết rằng hễ cứ bao giờ nói đến chuyện thủy tiên thì lòng mẹ tôi cũng nao lên một niềm tưởng nhớ xa xôi. Ấy là mẹ tôi nhớ đến thầy tôi vậy.

oOo

Bây giờ ngồi nghĩ lại thì quãng thời gian đó xa lắm rồi; nhưng tôi vẫn không thể quên được những ngày gần tết, hồi tôi còn nhỏ, không năm nào mẹ tôi không mua ở Hàng Buồm về mấy sọt thủy tiên.

Thầy tôi mê gọt lắm, mất cả ăn cả ngủ vì thủy tiên, sinh ra ốm ra đau vì thủy tiên.

Đã bao nhiêu lần, mẹ tôi dọa sang năm không mua thủy tiên nữa để cho thầy tôi mất gọt; nhưng nói thế thôi, chớ cứ từ đầu tháng chạp trở đi thì cụ đã đi chọn mua thủy tiên rồi. Thứ “Kim Hềng” đứng vào hạng thứ ba, không được ưa chuộng mấy. Chính hạng là thứ ngoài sọt có dán giấy điều rắc hồng hoàng viết hai chữ “Kim Trinh”; nhưng thứ gọi là “Nghị Xuân” khá lắm, cũng “chắc củ” như thế loại “Kim Trinh” vậy.

Sau một thời kỳ khan hiếm vì khói lửa ngăn cách biên thù, thủy tiên bây giờ lại thấy bày bán ở những đường phố Hoa kiều, nhưng không hiểu một bắp bây giờ bán tới bao nhiêu?

Ngày trước, chỉ năm sáu xu một bắp. Mua cả sọt hai

đồng hay hai đồng hai là cùng. Rẻ lắm. Nhưng không phải bắp nào cũng dùng được cả đâu. Có khi cả một bắp, lọc không được củ nào; bắp nào tốt lắm thì được hai, ba củ. Chọn đi chọn lại mãi, đất ở trong sọt rơi vãi cứ bừa cả ra trên giường.

Thầy tôi chia những củ đã chọn ra làm ba thứ, để ở ba chỗ khác nhau. Thứ tốt nhất to củ, nắm chắc tay mà giò nào cũng bằm, dùng để gọt đi thi; thứ tốt vừa, gọt để cúng thánh và để chơi; còn thứ thứ ba, bé mà lại thường gãy mất giò, để đẩy rồi đem trồng vào chậu sành cho lũ trẻ con. Nhưng trẻ con cấm ngặt không được mó máy đến thủy tiên ngâm trong chậu đồng, chậu sứ!

Bởi vì thủy tiên chọn xong rồi thì phải đem ngâm vào nước mấy ngày. Mẹ tôi cho từng thứ vào từng chậu riêng biệt phơi sương cho những màng vàng sẫm bên ngoài bợt đi và sạch nhựa, để sau này có gọt thì thủy tiên sẽ nở cả, trắng bong lên, mà rễ lại dài và mượt.

Cứ độ vài tiếng đồng hồ, lại phải dỡ mặt thủy tiên lên.

Trời ngày trước, cứ vào đầu tháng chạp đã lạnh buốt đi rồi; nước giá băng băng; cho bàn tay vào chậu, mùi đầu ngón tay như rụng.

Tôi còn nhớ lúc ngâm thủy tiên như thế, thầy tôi một ngày có đến mười, mười hai bận hết lật lại úp từng củ xuống, tay cứ nhột nhột đi. Cái giống thủy tiên mà rửa không sạch nhựa, sau này nó thâm lại, trông mất cả vẻ trong ngọc trắng ngà.

Vì thế, vừa ngâm, thỉnh thoảng lại vừa phải cọ cái nhựa bám ở chung quanh củ thủy tiên đi, hoặc bằng cái chổi lông bé nhỏ chế riêng cho công việc tỉ mỉ này, hoặc bằng ngọn bút sơn để có thể rửa kỹ cả mọi khe giò, góc góc.

Ngâm như thế độ hai ba ngày thì gọt. Nhưng mà từ lúc

ngâm cho đến lúc gọt, bao nhiêu tâm óc để vào đấy? Bao nhiêu đêm không ngủ. Chỉ vì bản khoán không biết đơn hay kép? Bao nhiêu buổi trà nhạt thếch vì không biết gió may này có quay ra nồm hay không?

Đặt chén rượu thuốc xuống mâm, thầy tôi nhìn chậu thủy tiên, nói với mẹ tôi, mà như thể là đương nói với một hình bóng xa xôi nào vậy:

- Nay, thế mà không biết chừng củ ngâm ở bể sứ, cạnh chậu lan chân cua, lại là kép cũng nên. Tôi nhắc lên thấy nặng mà chắc lắm. Cái giống thủy tiên đơn nó vẫn nhẹ hơn.

Mẹ tôi ngồi im lặng một giây, rồi đáp:

- Đã đành nhẹ thì là đơn, nhưng không phải lần nào cũng đúng. Thôi, hay là thế này: cả ba củ ở trong bể, để riêng ra. Ta cứ gọt thật cẩn thận, trúng củ nào thì chọn lấy để đem đi thi vậy.

oOo

Từ mấy hôm nay, pho truyện *Tam quốc* thạch bản mà thầy tôi vẫn thường đọc ban đêm được nằm yên trên giá sách, với những hạt bụi như giấy bột. Từ tinh mơ, tôi chập chờn nửa thức nửa ngủ đã thấy ngọn đèn dầu tây le lói ở trên án thư rồi. Thì ra người đã dậy từ lúc còn tối trời, pha nước độc ấm rồi cứ ngồi ngâm thơ chờ sáng để mà gọt nốt bắp thủy tiên bỏ dở.

Sân cảnh của thầy tôi, mỗi phút, lại đổi màu đi như một bức tranh kỳ ảo. Từ bóng tối đặc sẫm, rồi loãng như mực tàu mài nhạt, sắc trắng của hoa cúc nổi lên trước nhất, rồi đến các hòn non bộ, những câu đối dán tường, với hàng chục chậu lan khác nhau để trên những đôn sứ vừa màu chàm, vừa giang tây.

Đối diện những cây cảnh đó, bên này là cái bàn tam cấp sơn son thếp vàng, trên để rất đều hàng những bát chiết

yêu và cốc pha-lê trắng hay phon phớt hoa đào, trong đựng những củ thủy tiên hạng nhì vừa mới gọt vài ba hôm trước.

Hàng ngày, cụ Cả Nam, cụ Thuận Ký, ông Hai Chín, ông Tú Thanh và nhiều bạn khác của thầy tôi cứ quanh quẩn ở cái sân nhỏ hẹp nhưng mà tươi vui như cả một mùa xuân, để ngắm nghía, xem xét và bàn luận từng củ một.

- Ờ, ờ, củ này may ra được mãn khai đây!

- À, củ này bé, nhưng mà giò lấy được. Lá kiếm!

- Cái bẹ tay trái này hồng, nhưng bẹ đằng sau đẹp đấy, rõ là tam cấp.

Sở thích của các cụ như thế đấy: thấy ai chơi thủy tiên thì thể nào cũng cố tìm đến cho kỳ được, nói vài ba câu chuyện tỏ ra mình cũng sành chơi, rồi uống nước và đắc chí cười xòa với nhau.

Riêng đối với những thủy tiên hạng nhì của thầy tôi, chẳng biết các cụ, vì yêu hay là vì nhả, đều ban cho nhiều lời khen hơn là điều chê. Thầy tôi hẳn là cũng có ý thích thú lắm thì phải cho nên ngay lúc đó, tuy không lộ ra vẻ gì khác lạ, nhưng đợi cho các cụ về hết cả rồi, mới nói với mẹ tôi - và cho cả tôi nghe thấy:

- Các cụ dễ tính quá... Thế mà đã cho là được! Rồi đến hôm này, các cụ thấy những củ của mình dự thi, không biết các cụ còn ban ra thế nào?

oOo

Thực vậy, không một lúc nào hai cuộc thi thủy tiên ở đền Bạch Mã và Ngọc Sơn không ám ảnh đầu óc thầy tôi.

Hôm nay là mồng bốn rồi, mà trời xem chừng còn rét lâu đây, phải đem mấy củ đã chọn sẵn, được cất kỹ dưới gầm giường, ra gọt cho kịp, không có thì chặm mắt.

Ở trên hiên gạch cao nhìn xuống sân, tôi thấy bóng thầy tôi ngồi cắm cúi, lấy tay bóc khế từng cái vỏ, nhúng củ thủy

tiên xuống chậu nước như một người mẹ nâng niu, tắm tấp cho đứa con đầu lòng mới sinh, rồi đưa con dao con đánh bằng dây cốt đồng hồ, mũi vẹt như ngọn thanh long đao của Quan Ngài, cắt, lượn, khía, tủa, móc, xén... Cái bóng đó hàng giờ không quay lại hay ngẩng đầu lên, làm cho tôi nhớ đến pho tượng “Người tư tưởng” của nhà điêu khắc Rodin.

Chung quanh người, có ba bốn chậu nước và hai ba con dao gọt: mỗi thứ nước để dùng vào một việc, còn dao thì cũng khác nhau: con nhỏ nhất lấy lá, con vừa vừa để dùng móng lấy giò, còn con to nhất (nhưng cũng không to hơn cái lá lan) thì để chạm giò cho lá đừng thẳng đườn ra.

Lúc ấy, tôi hãy còn đi học chữ nho, một ngày một buổi, cho nên rồi rãi.

Hễ thấy thầy tôi ngồi gọt thủy tiên, tôi sà vào xem và cứ thấy cái giò nào gãy thì cố mượn cho kỳ được con dao để ghẹ vào đấy mà gọt thử. Kể ra cũng lạ: tôi mới năm, sáu tuổi, đã biết gì, thế mà không biết thầy tôi nghĩ ra sao, lắm lúc nói chuyện thủy tiên với tôi y như thể nói chuyện với một người bạn vong niên vậy:

- Gọt cái giống thủy tiên này không thể vội, chỉ lơ tay một tí là hỏng cả. Ví dụ như giò này, nếu lấy từ trên xuống thì nó chạm vào đây, vì thế phải lấy móng dao nạo từ chỗ này lên rồi mới khẽ gọt một tí sang bên trái. Khó lắm, chú không phải đùa. Chính thủy tiên là của người Tàu, mà thật ít người Tàu ở đây gọt khéo.

Ấy là bởi vì lúc lấy giò và lấy lá, họ không cần thận nên sau này bẹ đã đen mà lá lại dựng đứng cả lên, bóp cả hoa vào giữa, trông bực bội, mà lại không ưa nhìn. Đem đi thi, thường bị đánh hỏng là vì thế. Một củ thủy tiên quán quân phải là toàn bích mới được: lá như kiếm, ôm lấy củ, mà lại

không được chạm; rẽ không những phải trắng bong mà lại cốt dài; cái bẹ trông phải muôn muốt và xếp lên nhau cách nào cho trang nhã, đừng rối mắt.

Trông thấy một củ để trong chậu sành, to mà lại chắc, vừa gọt xong, tôi hỏi thầy tôi:

- Củ này tốt thế, mà lại nhiều giò, sao cậu không gọt đi thi?

Thầy tôi ngừng tay gọt một giây, nhìn tôi với một con mắt rất lạ, dường như đề cập đến một vấn đề gì tối ư quan trọng:

- Chết! Gọt đi thi sao được! Một củ thủy tiên đẹp có cần gì nhiều giò đâu? Sáu giò với bảy giò, thường là không có lức; cứ cần năm giò trở lại thôi, miễn là giò nào cũng không trên và có hoa hàm tiểu vào đúng giờ chấm thi.

oOo

Chẳng hiểu ban đêm, lúc ngủ, thầy tôi có nằm mơ thấy thủy tiên như ông lão chơi chim nào đó hằng đêm nằm mơ thấy chim không; nhưng cứ trông thần thái thầy tôi lúc nói đến chuyện thủy tiên, tôi có cảm tưởng như người đang sống trong một thế giới hoàn toàn khác lạ.

Cái gì mà trời rét như cắt da cắt thịt, thầy tôi ngâm tay xuống nước hàng bốn năm tiếng đồng hồ, nhọt cả da ra, mà vẫn như không biết rét?! Có hôm, trông thấy thầy tôi chăm chút thủy tiên quá mà thương hại, mẹ tôi phải nhóm một lò than nhỏ đặt ở đằng sau lưng để sưởi ấm cho người.

Ngại nhất là có khi nửa đêm, sương muối ngoài trời rơi mau làm ướt cả tóc râu, mà thầy tôi vẫn cứ quanh quẩn ở ngoài sân để uốn lại lá cho củ này, sửa lại giò cho củ kia, thay vải che rẽ cho củ nọ.

Ấy là bởi vì muốn cho rẽ thủy tiên được trắng, người chơi hoa phải lấy một thứ băng trắng muốt che cho chân rẽ khỏi bụi, mỗi ngày thay một lần, và một ngày ít ra cũng phải mười bận nhỏ nước lên cái băng mới đó. Lúc nào đã

bóc màng những giò hoa rồi, một công việc khác tỉ mỉ hơn lại được người chơi hoa rất mực lưu ý tới.

Thầy tôi đeo kính lên để nhìn cho thật rõ, rồi lấy những que tăm cột uốn từng cái nụ cho khỏi sát với nhau quá; đoạn, lấy một ít bông quấn vào đầu tăm, nhúng nước, nhỏ khe khe vào từng nụ một, từng nụ một.

Đứng ở dưới bóng đèn trong nhà mà nhìn ra những bắp thủy tiên đã lên lá xanh ở ngoài sân, ta mừng tượng như những nàng tiên bé nhỏ mới nhô lên được nửa người khỏi mặt nước - nhưng nửa người đó trông đã nỡ nà làm sao!

Trời êm êm mơ hồ; ở phía tường bên kia, người ta nghe rõ một hai tờ lá rụng. Trời như nín thở để chờ người đẹp; người đẹp vẫn dùng dằng, đôi môi xanh như còn ngậm lấy ý xuân xanh.

Đợi thầy tôi mãi mà không thấy vào đi ngủ, mắt tôi gà gà chập chờn, và tôi mơ màng thấy trong một đêm hoa đăng, những củ thủy tiên đó hiện ra thành những nàng con gái bé nhỏ, tóc xanh như mây, da trắng như tuyết, vòng những cánh tay mềm mại lại với nhau nhảy múa và ca hát dưới những bóng đèn lồng diễm ảo.

Trong lúc nửa mê nửa tỉnh như thế, tiếng nói của mẹ tôi từ đâu lại văng vẳng đến tai tôi, nhẹ nhàng như hơi gió - ôi, câu chuyện chỉ nghe thoáng trong giây lát mà sao in vào trí óc tôi mãi mãi không phai?

- Trong các loài hoa, trang nhã và thanh quý nhất là thủy tiên đấy, con ạ.

Kiếp trước thủy tiên là người đầy. Theo sách Nội quan nhật sơ ngày xưa, đã lâu lắm rồi, có một người đàn bà họ Diêu rất mực hiền đức làm nhà ở bên cầu Trường Ly. Một năm, vào tuần đầu tháng chạp, mộng thấy ông sao Quan Tinh từ trên trời rơi xuống đất, hóa làm cây thủy tiên. Hoa

trắng, dài vàng, trông như ngọc, mà hương thì lại thơm. Bèn hái mấy cánh để ăn. Đến lúc tỉnh dậy, sinh ra một gái xinh đẹp tuyệt trần; lớn lên nét na, hiền hậu mà lại thông minh nổi tiếng khắp nơi. Bà họ Diêu đặt tên cho người con gái đẹp ấy là Thủy Tiên, ý nhớ lại giấc mộng Quan Tinh.

Theo sách *Thiên văn* thì Quan Tinh là nữ sử tinh, một vị sao coi vận mệnh của đàn bà, con gái có tài học và nét na ở dưới trần. Vì thế, hoa thủy tiên lại còn có tên là “Nữ sử hoa” hay là “Diêu nữ hoa”.

Nhớ hết đoạn chuyện đó xong, thường là tôi ngủ hẳn; nhưng giấc ngủ của trẻ con êm ái, thanh bình, sao mà dẹt nhiều mộng nhưng lạ, thần tiên thế?

Tôi lại mơ thấy mình đứng ở sân, bên cạnh thầy tôi, cùng ngắm ba củ thủy tiên thi. Thầy tôi định rằng hai bắp đẹp nhất thì để dự kỳ thi ở đền Ngọc Sơn (vốn thầy tôi có chân hội), còn bắp kém một chút thì để đi thi trên đền Bạch Mã ở Hàng Buồm.

Ba củ cùng đẹp cả. Tôi đương nghĩ như thế thì có tiếng động mạnh ở sau lưng. Quay lại thì thấy một đám đông ở đâu đi vào, người nào người nấy đầu râu tóc bạc trông như những ông tiên cả. Đến chỗ giường tôi nằm họ cùng ngồi xếp bằng tràn cả lên giường, vừa nhắm nháp rượu chay, vừa bàn luận từng giò thủy tiên của thầy tôi, xem chừng đắc ý lạ lùng, rồi kết luận:

- Thế là thú đấy, cụ Quảng ạ. Lối chơi này cũng như thú chơi chữ, chơi thơ, vất vả một tí nhưng sướng về tinh thần cụ ạ. Bao giờ mới cho hoa hàm tiếu, bao giờ mới cho nở; lá này muốn ruỗi, giò kia muốn nghiêng, hay là bệ nọ muốn cao hay thấp, nhất nhất do tay người chơi hoa định đoạt. Nó chẳng là phụ nhân mà! Hà, hà!

Tiếng cười của mấy cụ nổi lên cùng một lúc làm tỉnh hẳn

giấc mộng của tôi. Hà hà, các cụ cười đắc chí, nhưng có biết đâu rằng khiến được một bấp thủy tiên thật xứng ý mình, các cụ đã mất bao nhiêu là tâm cơ. Chơi cái trò thủy tiên thi, khổ nhất là vào khoảng từ rằm tháng chạp.

Thực vậy, một người đàn bà nuôi con thấy đối gió cũng không sợ bằng người gọt thủy tiên, mà lại có thủy tiên để đem thi. Trời mà nồm, phấp phỏng chỉ lo hoa nở sớm, rét thì lại không hàm tiểu kịp ngày, lạc đệ thì uất lên phải chết.

Vì thế, cứ từ trung tuần tháng chạp trở đi, thầy tôi may lắm mỗi đêm chỉ chợp mắt được vài ba tiếng mà thôi, còn thì cứ thức để mà xem chiều trời. Thấy trời hơi bức một tí là lo, mất cả ăn, y như thể lo cho một đứa con sai đẹn: nào quạt, nào ngâm xuống bể lớn, nào cho xuống gầm sập, chỗ có cái giếng để cho mát, hãm lại, không cho nở. Nhưng mà trời đương nồm mà quay ra gió may, nổi thắc mắc của người chơi hoa cũng không kém phần nào. Nhất là còn độ hai ngày nữa mà trời lại rét quá, xét ra không thể nào kịp hàm tiểu vào giờ chấm điểm được thì thật là cả một sự hãi hùng, ưu muộn. Đáng lẽ phải hãm lại, bây giờ phải đỡ cho nóng, tìm chỗ ấm nóng ở trong nhà, đặt nó vào. Nhưng thế cũng chưa đủ: có khi phải thấp nển ở chung quanh thủy tiên để lấy sức nóng, trông xa như lễ nó, hoặc là quây cót lại giống một ngọn đèn mảy vào cho ấm.

Như thế gọi là thúc.

Nhưng thúc mà không cẩn thận, nụ có khi úa vì vậy, phải ghé mắt đến luôn luôn, cứ độ mười lăm phút thì lại ra sân rảy nước hay phơi sương, rồi lại đem vào đặt ở cạnh đèn, cứ như thế cho đến lúc nào xét ra là vừa.

Tôi chưa từng đi thi chữ nho bao giờ, nhưng tâm sự của người học trò ngày xưa, mười năm đèn sách đi thi cũng chỉ hồi hộp đến như người có thủy tiên dự thí. Trước một

hôm cả thầy tôi và mẹ tôi không ngủ, thức suốt đêm để canh từng cái nụ hoa và dự đoán về thủy tiên của mấy tay cừ khôi lúc bấy giờ là các cụ Mỹ Kỳ, Cả Nam, Hai Khương và mấy ông khác trên Nghi Tàm. Chẳng biết ai sẽ giật được giải quán quân?

- Mấy hôm nay, Hải Phòng cũng có mấy người lên, trong số này có Bảy Lợi, Phó Dâu và Lý Hựu, không biết có dự thi ở đền nào không, nhưng quyết rằng các cụ Cả Lan và Hàn Chấn thì không lên đâu, vì nghe đồn ở Nghè Vền có cuộc thi long trọng, mà giải thưởng nghe chừng to lắm.

oOo

Thời gian trôi đi một cách nặng nề. Nhưng rồi ngày quyết định cũng đến.

Thầy tôi, trang trọng lạ lùng, tự tay lên gác lấy nước ở trên bàn thánh xuống để rửa ráy một lần chót và thay nước cho ba cốc thủy tiên thi.

Trước kia, thường mẹ tôi vẫn lo công việc này. Nước dùng thì là nước máy, nhưng từ khi lá bắt đầu xanh, nước máy không dùng tới nữa, mà là nước sông mua từng gánh của những người đẩy cái xe hai bánh, trên có một thùng gỗ to mà hồi đó người ta vẫn kéo đi bán rong các phố. Một xu một gánh có khi hai xu một gánh nhà nào mua thì xe đỗ lại, người bán mở nút cho cái thứ nước hồng màu phù sa đó chảy vào thùng thật đầy tràn.

Mẹ tôi cho đánh phèn vào nước rồi để đấy cho nước thật lắng mới đem ra rửa và đổ vào trong những cốc thủy tiên. Các cụ bảo thế thì thủy tiên nó mát, tốt rễ, mà bẹ lại trắng, chứ cái nước máy, Tây họ cho thuốc vàng vào, dùng có hại cho sự phát triển sinh lực của cây mà lại còn làm xám mất cả bẹ là đằng khác.

Xong đâu đấy rồi, thầy tôi chít khăn, mặc áo chỉnh tề đi

trước, một người bố già mang thủy tiên theo sau, hai tay nâng lên phía trước mặt y như một người đương lễ.

Ở mà cũng lạ thật, cầm cốc thủy tiên như thế mà thành ra thủy tiên cũng thấy trang trọng hơn lên nhiều. Người ta thấy rằng đó không còn phải là một thú chơi tầm thường nữa, nhưng là cả một sự thành kính, cả một sự tôn thờ.

Nhất là đến lúc cuối cùng, sắp sửa đến trường thi, thầy tôi lại cắm vào cái giò ở đằng sau một thanh tre cật, vót thật tròn và nhỏ, trên đầu có dán một cái biển con bằng giấy hồng điều viền trắng, cắt thành hình quạt vĩa, đề hai chữ viết chân phương “Quảng Thịnh”¹.

Thì ra không phải chỉ bây giờ người ta mới có thói bất cứ cái gì cũng đặt tên, như cuộc hành quân “Quả quít”, “Trái ổi” hay là trận bão “Cào cào”, “Uếch”, “Bòm bòm” đâu!

Từ ngày xưa, trong những cuộc thi thủy tiên, các cụ cũng đã có cái lối đặt tên hiệu cho từng cốc, cũng như các bậc cha mẹ đặt tên cho từng đứa con, duy khác một điều là những tên của các cụ đặt cho hoa thì có điển tích mà lại đẹp hơn bây giờ một chút.

Thầy tôi đặt cho một cốc cái tên “Quảng Thịnh”, một cốc tên là “Đồ Nam”, một cốc tên là “Vạn Lý Trình” ra cái ý tôi là chim bằng “bằng phi vạn lý”. Bây giờ, tôi không còn nhớ đến tên thủy tiên của các cụ khác nữa, trừ một cốc của cụ Tham Chấn tên là “Tắc Danh”. Sở dĩ nhớ được như thế, cũng là vì đã có một cuộc thảo luận sôi nổi về hai chữ ấy. Cụ lấy làm thích thú về sự bí hiểm của cái tên cụ chọn và đợi cho ai cũng chịu mới ung dung cười ha hả:

- Tắc danh là tất có danh. Ấy là do cái điển “Thủy long tắc linh, thủy tiên tắc danh” đó, thừa các cụ!

Thôi khỏi cần phải nói. Ngồi trong một hội đồng chấm thi thủy tiên, bên những lư trầm hương ngát, các cụ chẳng

thiếu điều gì thử thách, bàn tán, ngâm ngợi, chỉ trích và tán thưởng.

Bàn thờ sáng ngời như ban ngày. Lư, nến, mới đánh xong, bóng cứ lộn lên. Nhang thấp la liệt như sao sa, tỏa khói ra trong khắp đền, làm cho ta nhớ lại cảnh trẩy chùa Hương, vào tinh mơ sáng thì đến chùa Trong, rừng núi u huyền, mờ ảo như một cảnh tiên giới vẽ trong tranh thủy mặc Tàu.

Cao hơn hết, những cốc thủy tiên thì trên có lọng che ngụy riêng một chỗ tôn nghiêm nhất, chỉ duy kém các vị thần linh một bậc. Tiếng nói, tiếng cười, câu bàn, lời cãi vang lên. Trong ban giám khảo, cụ nào cũng muốn tỏ ra mình minh mẫn, công bằng nhất, xem đi xét lại từng cái lá, từng cái giò, cái mạng, cái bẹ và cái rễ, tranh luận rất là ráo riết.

Mạng chỉ được bóc ra rồi để nguyên đấy, như hai làn môi chúm chím cười; ai bóc hẳn ra, bị đánh hỏng; được lá, hỏng nụ, hỏng; được rễ, chạm lá, hỏng; cả một bắp mà có một cánh hé nở rồi, cũng hỏng luôn.

Muốn trúng cách, phải toàn bích mới được, dù rằng mình muốn gọt kiểu Long, kiểu Phượng, kiểu Lân, kiểu Ly, nhưng đúng giờ định đoạt, mỗi giò phải có vài cái nụ, mà nụ thì phải là hàm tiếu.

Có ai đã từng xem một cuộc trưng bày thủy tiên hẳn đã thấy các cụ ta ngày trước đã đạt đến tuyệt đích sự thần-thánh-hóa loài hoa. Chẳng hiểu ngày xưa Võ Hậu suy tôn giống mẫu đơn tài tình đến bậc nào, chớ cứ trông thấy các cụ nhà ta trịnh trọng với loài thủy tiên, ta tự nhiên cảm thấy rờn rợn, như hoa là một vị thần linh thiêng thật sự.

Phút quyết định càng kéo dài bao nhiêu thì sự hồi hộp của những người có thủy tiên thì lại càng rợn rã bấy nhiêu. Tim óc trút ra mấy tháng trời đằng đằng cùng với bao

nhiều công trình thức khuya dậy sớm, mất ngủ quên ăn, đều thu lại trong có một phút này đây.

Thầy tôi, năm trước đã trúng giải ngoại hạng ở đền Phúc Kiến, năm nay lại càng hồi hộp, lo âu quá. Cứ ngồi đó nửa tiếng đồng hồ, thầy tôi lại đứng lên canh bắt thủy tiên, rồi, không hiểu nghĩ sao, lại ngồi xuống, rồi vụt một cái, thuê xe về nhà để nói với mẹ tôi một câu - một câu thôi - rồi lại đi ngay:

- Cụ Từ Đạm, cụ Trần Quý, cụ Đào Huống Mai năm nay đều có dự thi nhưng xem chừng ban giám khảo không được vừa ý lắm. Bắt của nhà có cơ...

Cả nhà tôi hy vọng. Hình như mẹ tôi lại lên trên gác thấp đèn nhang lễ nữa. Lạy Thánh mớ bái, ban giám khảo năm ấy cũng minh mẫn và công bằng lắm. Quyết định khác mọi năm một chút là đáng lẽ cho một giải quán quân, hai giải nhất thì lại lấy hai giải nhất thượng hạng, một giải nhất thường, một giải nhì và một giải ba. Thầy tôi được giải nhất thường.

Nói cho đúng, không được lựa vào giải nhất thượng hạng, thầy tôi cũng có ý không được hả hê như năm trước, nhưng sau khi được mẹ tôi an ủi, thầy tôi cũng nguôi nguôi. Đến khi tin ấy lan ra ngoài, mọi người đổ đến mừng thì thầy tôi vui hẳn lên và cũng cho thế là một vinh dự đặc biệt mà nhiều người thèm khát.

Ngay từ bánh mắt hôm sau, mẹ tôi đã dậy thật sớm, kê án thư, tròng kỷ ra ngoài sân cảnh để tiếp đón các quan khách đến thăm. Rồi mai kia đây, còn gọi là khối khách, phải lo ngay từ bây giờ mới kịp. Thôi thì nhà cứ loạn lên, bỏ cả buôn cả bán, hết ông Cả Nam, thì lại đến cụ Tú Thanh, có khi ba bốn cụ cùng nói một lúc, nghe cứ riu ra riu rít. Không khí gia đình tôi thật quả là tấp nập hơn

ngày Nguyên Đán nhiều.

Thầy tôi vừa nhìn cái móng tay út lá lan vừa nói một lời khiêm nhượng:

- Không, cứ kể ra thì các cụ hội đồng chấm cũng công minh lắm. Tôi vẫn chịu bấp “Tân Hương” của cụ Trần ngay từ lúc đầu...

Một cụ bảo:

- Thế nhưng cụ bảo củ “Thanh Xuân” của cụ Đào kém chắc? Sao lại phải liệt xuống thứ hai?

Không ai đồng ý với ai cả. Đến trưa thì có tin sáng sớm hôm sau hai bấp “Tây Thi” và “Tân Hương” được giải nhất ngoại hạng, vào hồi chín giờ, sẽ được rước lên kiệu để đem lên cúng Thánh, một ở trên đền Trấn Võ và một ở đền Ngọc Sơn.

Củ “Quảng Thịnh” của thầy tôi được giải nhất thường sẽ được rước về nhà vào sáng sớm hôm mừng sáu Tết.

Vừa có tin đó, một cụ bạn lại đến báo cho một tin mừng khác là củ “Đồ Nam” cũng của thầy tôi ở Bạch Mã được giải thưởng nhì.

Thật, chưa bao giờ đầu năm thiên thủ, nhà tôi lại có một cái mừng “cập ríp” mê ly đến thế. Thầy tôi cứ như là có rôm ở trong người, không ngồi đâu đứng đâu yên, hết ra lại vào, hết đi lại đứng, sượng quá phờ cả người ra, trông vừa thú mà cũng vừa ái ngại.

Đến mẹ tôi nữa mới lại càng vất vả. Mắt người sáng ngời lên, đôi má cũng thắm màu hơn một chút, nhưng mà còn bao nhiêu việc phải làm!

oOo

Tôi mở mắt dậy sáng hôm mừng sáu thì nhà tôi mới hẳn và đẹp quá chừng là đẹp! Từ trên trần nhà rủ xuống, một bức “mi môn” do chính chú “Công Thái” mua từ ở

Tàu về. Ở hiên, có án thư, tràng kỷ. Còn ngay ở cửa vào thì bày một cái bàn treo “quần màn” thêu kim tuyến “sư tử hí cầu” tuyệt đẹp. Trên bàn, là một bộ ngũ sự bằng đồng bạch sáng choang, khói trầm tỏa lên nghi ngút làm cho cả gian nhà thơm ngát như là một động tiên. Bây giờ, ngồi mà nhớ lại, một vài tình tiết cũng đã phai mờ trong trí óc tôi; nhưng tôi không thể nào quên được lúc nghe thấy tiếng kèn tàu ở đầu đường, thầy tôi ở trong nhà vội vàng mặc cái áo thụng xanh vào, đứng chấp tay ở cạnh bàn thờ nghi ngút khói hương.

Đám rước đến đầu phố, đám rước đến giữa phố. Mọi người đổ cả ra xem, trang trọng hơn là xem một đám rước thần. Đây thầy tôi vẫn cứ đứng nguyên như thế để đợi, đáng diệu trình trọng mà vẻ mặt thì nghiêm nghị.

Đây có phải là một sự thành công của một người đem hết tâm hồn ra gọt nên bập thủy tiên trúng cách đâu, mà cũng không phải chỉ là một niềm hân hoan của một người đi thi đã được kể là có văn học cao hơn bạn hữu; đây là một điều cao cả, thiêng liêng hơn nhiều lắm, một ơn huệ của các đấng tối cao linh thần đã dành cho mình và nhà mình, một cái “phúc” mà Trời ban cho buổi đầu năm để mọi công việc trong năm sẽ được hanh thông vậy.

Có tiền cũng không mua được giây phút này đâu!

Đám rước thủy tiên đi càng chậm, lòng người càng sôi nổi và sự hân hoan càng gia tăng. Sống đến thế này, thật quả là mãn nguyện quá đi, Trời ạ!

Kìa, đám rước đã đến cửa nhà tôi.

Cả một khu phố tôi ở tự nhiên nổi bật hẳn lên với những màu đỏ tươi lộng lẫy mà tôi chưa từng thấy bao giờ. Bốn người quần xà-cạp thối kèn tàu và bốn người khiêng bàn độc đều mặc áo đỏ nẹp trắng mới tinh như thế vừa mới

bước ở trong một bức tranh màu cổ kính ra.

Hai bên bàn độc, có hai người cầm hai cái quạt vả che bấp thủy tiên trúng giải của thầy tôi đặt ở giữa, một bên bàn thì có ba vuông nhiễu điều, hai bao chè, còn một bên nữa thì có một đôi liễn màu hồng cuộn lại và buộc bằng dây gai đỏ. Một cụ bước vào đưa cho thầy tôi một bức hoa tiên viết chữ, rồi một người khác cúi đầu, trịnh trọng ra nâng cốc thủy tiên lên, bung ngang trước mặt, đi chậm chậm vào đặt lên trên bàn thờ.

Bấp thủy tiên mong đợi!

Bấp thủy tiên thần thánh!

Bấp thủy tiên đặt lên bàn rồi, cả nhà tôi và những người kéo đến xem ở cửa bỗng thấy một sự im lặng khả kính vương vấn trong không khí vừa ấm cúng mà lại vừa nghiêm trọng.

Thầy tôi châm hương và đốt trầm rồi chấp tay lại lễ ở trước bàn thờ; đoạn, vái ông cụ dẫn đầu đám rước thủy tiên một vái dài.

Tôi tưởng ngay lúc đó tôi có thể lăn ra đất vì cố nhịn thở mãi, đầu óc cứ quay đi. May, chính giữa khi ấy thì có những tiếng nổ làm cho tôi tỉnh lại và lại càng làm cho lòng tôi phấn khởi hơn: đó là tiếng pháo “công tường cát” mà mẹ tôi vừa bảo người nhà châm lửa đốt, đốt “liên chi hồ điệp” để đánh dấu một ngày vui đẹp, chứa chan hạnh phúc.

Ngay chiều hôm đó, một bữa tiệc xếp đặt từ mấy hôm trước được thiết lập ở ngoài vườn. Các ông bạn thầy tôi lại kéo nhau đến ngắm củ thủy tiên trúng giải, vừa uống rượu, vừa làm thơ, đến nửa đêm mới ra về.

Mai đây, và một nữa, những bữa tiệc mừng như thế còn kéo dài, có khi đến rằm tháng giêng chưa hết.

Mỗi cụ đều tặng thầy tôi một bài thơ mừng thủy tiên.

Thầy tôi chép cả những bài thơ đó vào những tờ thủy tiên rắc bạc rồi đưa cho mẹ tôi để lấy “lề” đóng lại thành một tập, giữ làm kỷ niệm.

Thỉnh thoảng, cụ Cả Nam lại sang nhà tôi nhấm rượu với lạc rang, cùng thầy tôi ngâm đi ngâm lại những bài thơ đó trong những buổi chiều tà. Rồi cùng sung sướng, hai cụ cùng cười ha hả với nhau, đặt sách lên trên kỹ, nhìn nhau không nói.

Sau mãi, cụ Nam mới bảo:

- Thú lắm, thú lắm! Được giải thể này cũng bỏ cái công mình nhịn ăn nhịn ngủ để mà chăm chút cho hoa...

Thầy tôi hút một điếu thuốc lào, thở khói xanh một giây lâu mới đáp:

- Nhưng mà tổn thọ, ông ạ. Không phải bây giờ tôi mới nghĩ thế đâu, chớ đàn ông mà chơi cái giống thủy tiên này, giảm thọ đi mất đến mười năm; mà đàn bà (thầy tôi hạ thấp giọng xuống một chút) đàn bà gọt thủy tiên thì... mất một lứa đẻ đấy ông Cả ạ!

¹ Quảng Thịnh là tên cửa hàng bán sách và xuất bản của thầy mẹ tôi, ở Hàng Gai, Hà Nội, in trên dưới 8.000 loại sách cả văn vần như *Kiều*, *Thạch Sanh*, *Tống Trân* và văn xuôi như *Bao Công kỳ án*...

**VŨ HẠNH
CỔ TÍCH
NGÀY
XUÂN**

Mai Trầm là một kẻ sĩ ở mạn Hoài Dương, người không cao, chí lại thấp, thường lấy cái lỗ đồng tiền làm thứ mắt kiếng ngắm nhìn thiên hạ. Trải bao nhiêu năm đèn sách, gã chỉ mong chiếm bằng vàng đằng làm một con chuột lớn đục khoét túi tiền của dân cho thỏa giấc mộng cao sang.

Mỗi ngày, ôm sách đến trường ở cách xa nhà độ hai ngọn núi, Mai Trầm thường dừng bước lại trên đèo Chân Cừu, cúi nhặt một viên đá nhỏ ném vào trong một hốc núi tục gọi là hang Huyệt Động và tự nhủ rằng: “Chùng nào hang đá lấp đầy thì ta sẽ công thành danh toại.” Hăng hái trong khát vọng ấy, Mai Trầm chúm mũi chúm lái mà học, không biết đất trời gì nữa.

Thầy dạy, một hôm, gọi Mai Trầm lên và bảo:

- Ta thấy con rất có chí, biết điều cầu học. Nhưng nên soát xét lại thái độ học của mình.

Vòng tay cung kính, Mai Trầm thưa lên:

- Dám mong sư phụ chỉ giáo, chẳng hay con có điều gì nên sửa đổi?

Thầy dạy bảo rằng:

- Có hai điều đáng quan tâm: một là con chỉ chuyên nhìn vào sách mà không chịu nhìn vào đời. Con người phải sống với đời chứ không thể nào nằm ngồi ở trong sách mãi. Sách chỉ là một phương tiện để đi vào trong cuộc sống đó thôi. Cắm cúi vào sách vở mà không biết đến bên ngoài, liệu khi rời sách bước chân vào đời thì khác nào kẻ mù lòa nói chuyện trăng sao? Bởi lẽ sách vẫn ở nguyên một chỗ mà cuộc đời thì biến hóa phi thường.

Thầy dạy ngừng lại để xem phản ứng trên mặt người học trò giỏi, rồi tiếp:

- Hai là trong khi con học tập con không nhìn thấy bạn mình. Không ai có thể tiến bộ thật sự nếu chỉ lo học riêng lấy cho mình. Con ngồi giữa đám bạn bè mà chỉ biết mỗi phần con, lấy họ làm cái khung tốt cho mình nổi bật thì sao cho hợp đạo học? Cái gì mà con cướp đoạt của đời thì đời sẽ cướp đoạt lại. Sự cướp đoạt có thể ở trong hiện tại, có thể ở trong tương lai, nếu không kiếp này thì trong kiếp khác.

Mai Trầm vâng dạ nhưng vẫn không chịu thay đổi lối học của mình. Đến mùa thi cử, Mai Trầm hăm hở đi thi. Con đường từ nhà dẫn đến kinh kỳ khá xa, phải tính ít nhất hai tuần băng qua nhiều thác nhiều ghềnh. Họ Mai rủ một người bạn đồng môn, quê ở làng bên, tên là Vương Bái, khăn gói lên đường.

Khi qua gần lổ Huyệt Động, Mai Trầm chợt nhớ đến lời khấn vái hàng ngày của mình là bao giờ đá lấp đầy thì mình thành đạt, cúi nhìn thấy huyệt khá sâu, bèn bảo Vương Bái:

- Bây giờ thì anh đi trước để tôi lấp cái huyệt này cho

đúng với lời khấn nguyện ngày xưa.

Người bạn họ Vương đáp lời:

- Chúng ta là kẻ đồng hành mà lại kẻ trước người sau thì coi sao được? Anh cứ lấp đi, tôi góp sức với.

Mai Trầm liền nói:

- Phải rồi, anh lấp với tôi một tay cho chóng. Mình hứa với mình chứ có hứa với ai đâu!

Hai người hì hục suốt một hồi lâu thì hốc lấp đầy. Đến lúc xuống suối rửa tay, Mai Trầm rửa mãi không sạch, nước cứ đục đầy loang rộng ra trên mặt suối. Mai Trầm giận lắm hậm hực:

- Cái đất vùng này sao mà dơ bẩn thế?

Quay sang Vương Bái, thấy gã rửa xong ngồi trên tảng đá, Mai Trầm liền hỏi:

- Sao mà chóng vậy? Chắc là anh quen ở bẩn quá thôi.

Wương Bái lấy làm ngạc nhiên, bảo rằng:

- Tay tôi đã sạch lắm rồi, sao còn phải rửa?

Mai Trầm lại đưa tay mình lên coi thấy còn lấm láp, lại xuống vũng suối kỳ cọ. Cuối cùng đôi bàn tay Mai vẫn không chịu sạch. Không được hài lòng, Mai vội lau tay rồi cùng khăn gói lên đường.

Đến một tòa miếu rất xưa hai người cùng ghé vào nghỉ. Nhân có tấm bia khá cổ, rêu phong, Vương Bái cúi đọc. Mai Trầm cũng ghé lại xem nhưng không biết được là gì. Mai hỏi:

- Chữ gì mà kỳ cục vậy?

Wương Bái đáp lời:

- Đây là một lối cổ tự có từ sáu bảy trăm năm về trước, gọi là chữ Triện Đại Trang, bây giờ ít ai dùng nữa.

Mai không muốn nhận mình dốt bảo rằng:

- Tôi có học qua chữ ấy đã lâu nhưng quên nhiều rồi. Thế

anh có đọc được không?

Vương Bái đáp lại:

- Đọc hết không được nhưng vẫn hiểu rõ đại khái.

Mai Trầm ra vẻ lưỡng lự rồi hỏi:

- Vậy bìa nói gì?

- Ghi lại công đức một người ăn mày.

- Ăn mày mà cũng có công đức sao?

- Sao lại không thể có được? Người này tên là Mã Ngữ bấy giờ sống ở Thủy Lăng, gặp mùa lụt lội nước lên tràn ngập xóm làng đến phải bỏ xứ mà đi. Tiếp đến lại bị giặc cướp quấy phá không sao sống nổi, lâm vòng bệnh hoạn phải đi cầu thực tha phương. Đến tại miền này Mã Ngữ chọn ngôi cổ miếu làm nơi trú ngụ, ăn xin quanh vùng. Bấy giờ giặc ngoài kéo đến rất đông, án ngữ cả vùng Tây Bắc giết hại vô số sinh linh. Đại tướng Ninh Sơn cầm quân tiến đánh, đẩy chúng ra được năm mươi dặm ngoài nhưng sau quân giặc viện binh tiến đến khá đông lập mưu gài bẫy bắt được hùng tướng Ninh Sơn trói chặt dẫn về. Qua ngôi miếu này vừa trưa, trời rất oi bức, quân giặc dừng lại ở đây, viên tướng của giặc là Trầm Phi Bá vào trong miếu cổ nghỉ trưa. Lúc ấy, Mã Ngữ đang nằm trong miếu, nghe động, vội dòm ra ngoài thấy thế không dám chạy đi, vội chui vào trong bệ gạch ở nơi chính điện. Đến trưa, Mã Ngữ nghe có tiếng ngáy như sấm làm cho các khung cửa gỗ mong manh rung động, thò đầu ra xem thì thấy tướng giặc nằm ngay trên điện mà ngủ. Liếc nhìn chung quanh không thấy có ai thấp thoáng, mấy tên lính gác đang ngồi ngủ gà, ngủ gật ngoài sân, lập tức họ Mã bò ra, men lại gần bệ, rón rén nắm thanh bảo kiếm tên giặc đặt bên cạnh mình, chém mạnh giữa cổ nó khiến nó chết ngay không kịp kêu lên một tiếng. Đoạn Mã cố hết giáp phục mặc vào người mình, đun xác giặc

xuống dưới bệ rồi leo lên trên nằm vào chỗ nó. Xế trưa lính gác ngoài sân nhìn thẳng vào trong thấy tướng còn ngủ không dám đánh thức, đành chịu bần chồn chờ đợi. Mãi đến khi trời sụp tối, Mã mới ngồi dậy, làm bộ mệt nhọc bước ra, tiến đến chỗ Ninh Sơn, làm vẻ hung hăng, xua tay ra dấu bảo lính dạt xa hai bên và vung lưỡi kiếm như muốn chém đầu. Nhưng Mã hạ kiếm chặt đứt các vòng dây trói, bảo nhỏ:

- Ngài trốn mau lên. Tôi đã giết tên tướng giặc ấy rồi.

Ninh Sơn tiếp lấy thanh kiếm, quay lại chém chết những tên đứng gần rồi kéo Mã Ngữ xông xáo giữa đám giặc cướp, mở một đường máu. Quân giặc canh giữ chung quanh ùn ùn kéo đến khá đông phóng dao búa tên nhưng nhờ trời tối và tài võ nghệ của tướng Ninh Sơn nên cả hai người chạy thoát. Ra khỏi núi được một dặm, Mã Ngữ không đi được nữa vì kiệt sức rồi. Mã nói:

- Tôi đã bị tên tù sớm nơi lưng nhưng không dám nói, sợ Ninh tướng quân vì tôi mà dừng bước lại.

Ninh Sơn đặt Mã ngồi xuống, rút mũi tên ở lưng ra thì Mã ngã lặn trên đất. Bèn hỏi:

- Ngài là ai đây mà giết được loài giặc dữ cứu tôi trong lúc khốn nguy?

Mã Ngữ mệt nhọc đáp lại:

- Tôi chỉ là tên ăn mày ngụ trong cổ miếu đó thôi. Không có chí khí, không có bản lĩnh, nhưng cảm thấy cái lòng oai hùng xưa nay của ngài vì dân khử bạo, lại căm cho loài cướp nước dã man nên thừa cơ hội mà giết được giặc.

Kể lại sự việc vừa qua, Mã gắng gượng tiếp:

- Bây giờ thế là toại nguyện, vì cả cuộc đời ăn mày tủi nhục đã có dịp tốt dựa vào thể mạnh tướng quân mà bớt xấu hổ. Nay có chết đi cũng chẳng hối tiếc.

Đại tướng Ninh Sơn cúi xuống lấy miệng hút máu thấm độc ở nơi vết thương của Mã, quỳ lạy rồi nói:

- Con người cũng có những lúc bí không ai tránh được nghèo khổ nhưng cái tinh thần vị nghĩa, bất khuất vẫn còn, là còn sáng tỏ như sao trên trời. Hình hài của ngài là kẻ ăn xin nhưng tâm hồn ngài là đấng trượng phu cao trọng hơn trăm ngàn lần những bọn mũ cao áo dài quỳ gối khom lưng trước lũ giặc quỷ để mong kiếm chút bổng lộc cao sang. Tôi với ngài đây cùng gặp gỡ nhau ở trên tinh thần cứu nước, nhưng tôi xin cảm tạ ngài là bậc ân nhân.

Mã Ngữ gắng gượng đáp lại:

- Tôi biết mình không còn sống được nữa. Xin chúc tướng quân còn đủ sức khỏe giết loài ác tặc cứu dân.

Ninh Sơn khóc ròng, vội hỏi:

- Ngài còn dặn bảo điều gì nữa không?

Mã phều phào nói:

- Ước nguyện cho mọi con người đừng ai khổ khổ, đói nghèo, điêu linh vì giặc giã nữa. Xin cho gửi xác gần tòa cổ miếu, vì đó là nơi nương náu nhiều ngày...

Nói xong, tắt thở. Ninh Sơn vuốt mắt cho Mã Ngữ xong, cởi chiếc áo ngoài gói xác họ Mã rồi đào một huyệt mà chôn lấp lại, hì hục trong đêm bỏ đá mấy đồng làm dấu một phần. Sau đó, Ninh Sơn đuổi sạch kẻ thù, thống nhất cõi bờ, truyền đem mộ người ăn mày dời đến cổ miếu, dựng một bia lớn ghi rõ công đức và phong làm Mã Đại Vương.

Mai Trầm nghe xong có ý không được bằng lòng. Gã nói:

- Thờ phụng cả bọn ăn mày là điều quá đáng.

Vương Bái trả lời:

- Đâu có thờ phụng ăn mày? Thờ người cứu nước là Mã Ngữ đó.

Mai bỗng hỏi lại:

- Thế anh học cổ tự này ở đâu?

Vương đáp:

- Nhà tôi vốn nghèo, đâu có cách gì học hỏi cho nhiều. Tôi tự tìm học trong các sách xưa rồi quen lê la tìm đọc trong các bia cổ. Nhưng biết thì ít mà hiểu thì nhiều là nhờ mình đọc được ở ngoài các chữ.

- Làm sao mà đọc ở ngoài chữ được?

- Phàm các câu nói, câu văn đều có một số các tiếng chính yếu như là bộ óc, thấy được cái óc đủ rõ con người, không cần phải biết chân tay. Hơn nữa, đó cũng là thói quen thôi.

Nghĩ rằng Vương Bái giấu cái sở học với mình nên Mai tỏ ý không vui. Rồi họ tiếp tục lên đường về kinh ứng thí.

Qua đến Liêu Nam thì trời mưa tuôn xối xả suốt ba ngày liền, cả hai trú ngụ trong một ngôi chùa. Đến ngày thứ ba nước sông cuồn cuộn dâng lên tràn ngập. Đứng trên chùa cao nhìn xuống thấy những làng mạc bập bênh trong nước, vị sư trưởng rất khẩn khoản hội cùng tăng ni trong chùa đẵn cây, phá các tường gỗ đóng bè cứu lụt. Vương Bái hăng hái phụ lực cùng với mọi người xông ra cứu giúp dân làng.

Mai cứ ngồi lì trong phòng đọc sách, bảo với họ Vương:

- Lụt cả trời đất mà riêng chúng ta cứu đỡ phỏng được mấy người? Hơn nữa bỏ công mười năm đèn sách mà chết đuối trong mưa bão thì uổng phí quá.

Vương bèn đáp lại:

- Học cốt giúp người, nay thấy nỗi nguy kẻ khác mà ngồi yên sao?

Mai không đáp lại, chú ý đầu vào sách. Càng ngày nước lụt càng cao, nạn nhân càng nhiều, mọi người quanh vùng sống sót đều tập trung lại nơi chùa là chỗ cao nhất để lo công việc cứu trợ. Một hôm, có một nông phu là Hàn Kỳ Lực vừa vớt xác chết trở về đi qua phòng Mai Trầm ở, thấy

Mai tay cầm quyển sách liền nhảy xổ vào quát lớn:

- Khốn nạn! Nhà người là ai mà lúc này còn điềm nhiên tọa thị ngồi đó nhai vãn nhá chữ, mặc cho mọi người chết chóc, lo âu?

Rồi giăng quyển sách ném ra ngoài cửa, túm lấy đầu tóc Mai Trầm kéo ngược hẳn lên, hỏi rằng:

- Mày có thấy nước ngập ở ngoài kia không?

- Có... thấy.

- Thế sao mày cứ ngồi im trong phòng để cho mọi người lo lắng mà không đóng góp phần nào? Cái loại như mày ngày sau thi đỗ làm quan lại càng chết bọn dân đen này thôi.

Nói xong Kỳ Lực những toan hành hung, nhưng vị sư trưởng nghe động, chạy đến bảo rằng

- Thôi chớ gây điều huyên náo trong lúc mọi người đều phải bận tâm, bận trí vào việc cứu nạn. Việc thiện phải được xuất phát từ lòng, bắt buộc làm gì? Kẻ nào đã không muốn thấy, đã chẳng muốn làm, thì nên khuyên nhủ hơn là ép uống.

Rồi gỡ tay Hàn Kỳ Lực, kéo gã ra ngoài.

Mai Trầm sau cơn hoảng sợ, lấy làm giận lắm, tự bảo:

- Ta nhớ mày rồi, sẽ có lúc gặp.

Ở trong thâm ý, họ Mai quyết tâm thi đỗ, làm quan xin về trấn nhậm vùng này trị bọn lũ mãng với mình một phen.

Nhưng sau hôm đó Mai Trầm cảm thấy không có cách gì ngồi yên mà học, nên gắng gượng theo Vương Bái cứu giúp nạn nhân bão lụt. Khi cả hai người chèo một chiếc bè đến một ngôi nhà chìm ngập trong nước, thành linh bỗng nghe có tiếng kêu rên thê thảm. Họ Vương vội vàng lái bè cập đến rồi cả hai cùng leo lên trên nóc, sờ soạng tìm đến chỗ phát ra những tiếng kêu.

Họ thấy một người cao tuổi nằm trên mái ngói, nhợt nhạt, thoi thóp, tay vẫn còn cầm chặt lấy một gói khá nặng. Họ Vương vừa chạm đến người, kẻ kia đã kêu rú lên, ôm sát gói đồ vào ngực, ngón tay run rẩy, co quắp, bấu chặt lại như móng vuốt của loài thú dữ.

Gã kia thều thào:

- Trời ơi! Đừng ai động đến tôi hết.

Rồi lại rên rĩ hết sức thảm thiết như muốn kêu cứu. Họ Vương liền bảo với họ Mai:

- Đây là một gã trọc phú trong cơn lút lội lo giữ lấy vàng để mặc vợ con cuốn theo dòng nước. Rồi đem vàng lên chỗ kín đáo nhất mà nằm, chờ cho nước rút, nhưng đã kiệt sức rồi.

Mai Trầm nói rằng:

- Vậy kệ xác nó.

Vương bảo:

- Trong khi cứu nạn thế này, khó lòng phân biệt kẻ ác người thiện. Chúng ta chỉ biết đó là mạng người mà thôi. Dầu sao cũng phải đem gã ra khỏi nơi này.

Nói xong, giục Mai áp lại khiêng người kia ra nơi bè. Người ấy kêu la hốt hoảng như ai cắt cổ, tay vẫn không ngừng ôm chặt gói vàng trên ngực. Gã kêu:

- Không đi đâu hết! Không đi đâu hết!

Vương cúi xuống bảo:

- Chúng tôi cứu ông, đừng sợ. Không ai chiếm lấy của cải ông đâu.

Gã kia quấy mạnh, hé mắt nhìn ra, lại kêu:

- Trời ơi!

Và đạp cặp chân gầy nheo vào cả hai người như muốn đẩy cho họ xuống nước. Mai nói:

- Cho nó chết đi rồi đem vàng kia về cứu các nạn nhân khác, thế là thượng sách.

Vương đáp:

- Bồn phận của ta là đi cứu người chứ không có quyền phán xử.

Rồi tìm mọi cách đem gã kia lên trên bè.

Chèo được một một quãng thì gặp gió ngược, bè không đi mau cứ lơ lửng mãi giữa vời. Trời dần dần tối, gió càng thổi lạnh. Người kia chịu không nổi được, rên rĩ một hồi rồi tắt lịm dần. Vương Bái vuốt mắt cho gã rồi xé vạt áo đắp lên trên mặt. Nhưng được một lát, bỗng thấy xác gã ngồi nhồm hẫ lên đưa tay quờ quạng, rồi chùng như không chịu nổi một sự tuyệt vọng lớn lao, gã nhào người ra khỏi bè, lăn mình xuống nước tối đen như là vực sâu thăm thẳm.

Mai Trầm quá sức ngạc nhiên hỏi rằng:

- Sao gã đã chết mà còn ngồi dậy được?

Vương Bái đáp lời:

- Có lẽ thần xác của gã nhiều năm quá thiết tha với bạc vàng nên khi đã chết còn thiết tha chẳng?

Thốt nhiên, gió nổi rất lớn rồi mưa tuôn xuống thêm nhiều. Trong đêm mù mịt, hai người ngồi sát gần nhau trên bè vẫn không trông thấy mặt nhau. Chiếc bè mỗi lúc càng chòng chành hơn, Vương lên bảo Mai:

- Cố giữ gói vàng đem về cho vị sư trưởng cứu giúp nạn nhân.

Rồi bèn nỗ lực chèo chống, để mong ngược gió về chùa. Nhưng gió quá mạnh đẩy nước, đẩy bè trôi phăng về phía Tây Nam. Phần đã gắng sức quá nhiều trong mấy ngày qua, phần bị đói lạnh trong đêm nên đến nửa khuya thì Vương bị cảm sốt, nằm gục mê man trên bè, không biết đất trời gì nữa.

Mai Trầm lo giữ gói vàng, không chèo chống được, cứ mặc cho bè trôi đi. Đến khi sờ vào trán Vương Bái thấy

nóng mê man, Mai tự nhủ rằng: “Cách này chắc gã không sao sống nổi. Nếu ta đưa gã về chùa mà gã sống được thì phải nuôi dưỡng mất cả tháng trời chưa chắc khỏi bệnh.”

Đoạn xô Vương Bái xuống nước, rồi cầm sào đẩy bè tới, sau khi đã cột chặt gói vàng vào cổ mình.

Bấy giờ đã lặng gió, Mai Trầm chèo cho tới sáng thì đến một thị trấn lớn. Ở đây khá cao, nước chỉ tràn vào tới thềm nên mọi người vẫn đi lại mua bán như thường. Mai Trầm tìm một nhà trọ, thuê một gian phòng lịch sự rồi đóng chặt cửa, ngồi đếm số vàng. Đây là lần đầu họ Mai thấy vàng quá nhiều như vậy nên hoa cả mắt, tay cứ run lên không sao đếm được. Giờ lâu gã mới định tâm và đếm được một trăm nén. Tuy vậy vẫn cứ ngại mình lầm lẫn nên phải đếm đi đếm lại đến mấy mươi lần. Xong, gã tìm vào hiệu kim hoàn đổi bớt một nén, lấy tiền vào quán ăn uống no nê rồi sắm sửa các vật dụng lên đường.

Họ Mai thuê một chiếc ghe khá lớn, đi theo đường biển mà đến kinh kỳ. Trên ghe, suốt ngày Mai được ăn nằm thong thả nên thấy vui vẻ cực độ.

Một hôm, đến thành Giang Biên thì gặp trời tối, ghé đậu nơi bến. Cơm nước xong xuôi, Mai ra ngồi trước mũi thuyền ngắm cảnh đèn sáng và người đi lại nhộn nhịp trước mắt. Bỗng nghe có một tiếng hát rất là náo nùng bên cạnh. Nhìn qua, thấy một thiếu phụ khá đẹp đang hát trong khoang thuyền. Chung quanh, người nghe thỉnh thoảng ném tiền tán thưởng. Tiếng hát văng lên:

*“Vượt trăm nghìn ngục nhân gian
Tìm sao cho gặp mặt chàng thì thôi
Con thơ như ngọc tan rồi
Mẹ cha khuất bóng còn đôi lứa mình
Đưa tay vuốt tóc còn xanh*

Bạc đầu riêng vẫn để dành cho ai...”

Mai Trầm gọi người lái thuyền, và bảo:

- Gọi người ca nữ ấy đến cho ta. Bảo ở luôn đây đêm nay.

Người kia trả lời:

- Ca nữ là Chung Từ Ly phiêu bạt tìm chồng bị quan bắt giam giữ trong ngục tối lâu ngày rồi đày ải đến chốn xa. Nàng không bao giờ tiếp khách.

Mai Trầm có vẻ khó chịu, nói rằng:

- Phàm gái xướng ca đều phải sống thêm bằng nghề ấy cả, sao không chịu tiếp? Bảo nó đòi giá bao nhiêu, ta cũng chịu trả.

Lái thuyền đợi Chung Từ Ly hát xong đám ấy, đón mời sang thuyền. Mai Trầm vừa gặp mặt nàng vội nói:

- Ta tuy hơi lùn nhưng tài năng ta cao hơn thiên hạ, điều đó không nói ắt nàng cũng hiểu. Nguyên ta nghe nói chồng nàng bị bắt, thật là cảnh ngộ đáng thương. Hãy lấy mảnh giấy ghi rõ lý lịch, rồi mai đây thi đỗ ta sẽ tìm cách cứu xét cho nàng.

Từ Ly vội vàng lấy giấy trần tình, rồi trao cho Mai. Mai nói:

- Ta nghe nàng hát ban nãy nhiều rồi. Bây giờ ta mời nàng qua để mà trả tiền.

Từ Ly tỏ vẻ ngạc nhiên hỏi lại:

- Thưa ngài, những người ở trong đám ấy trả cho tôi rồi, ngài ở ngoài cuộc, không phải tính tiền.

Mai Trầm bèn đáp:

- Phàm nghe giọng hát thì phải nghe xa mới thật là hay. Ngồi gần, người hát chiếm hết giọng hát. Ta trả cho nàng gấp ba tiền của bọn lúc nãy.

Từ Ly trả lời:

- Thưa ngài, tôi không dám nhận.

Mai Trầm mỉm cười:

- Gái hát chề tiền, quả cũng là điều rất lạ. Xưa nay, ta đọc trong sách, thấy lớp như nàng đều sống vì tiền cả mà.

Từ Ly nghiêm sắc mặt lại trả lời:

- Xin ngài đừng đem sách vở ra mà xúc phạm cuộc đời.

Cho phép tôi lui.

Mai Trầm gượng nói:

- Thôi đừng giận dữ. Chẳng qua ta nói thử lòng đó thôi.

Nào hãy ngồi xuống đi nào.

Người đàn bà vẫn đứng yên.

Mai Trầm nói tiếp:

- Con đường ta đi còn xa, muốn có một người đàn bà bên mình. Vậy nàng theo ta có được hay chẳng?

Từ Ly đáp lại:

- Ngài đi về đâu?

- Về kinh.

Sau một phút giây suy nghĩ, Từ Ly trả lời:

- Xin vâng. Tôi mong được theo về đó kêu oan cho chồng.

Mai Trầm nghĩ bụng: “Bọn này chỉ khéo làm bộ. Mới gặp thì lại khoác vẻ đạo đức, nhưng chính đó là kiểu cách đòi giá cao thôi.”

Rồi bảo lái thuyền dọn riêng một khoang cho Từ Ly nằm.

Từ Ly yên lặng đến nơi dành riêng cho mình. Nửa đêm, đang nằm thao thức, nàng thấy Mai Trầm tắt đèn tiến tới bên nàng.

Lập tức, Từ Ly ngồi dậy, cầm lấy chiếc đàn.

Mai Trầm đưa một bàn tay lên che miệng nàng. Nhưng nàng gạt phắt tay gã, toan kêu to lên thì gã vội bảo:

- Đừng kêu. Ta sẽ cho nàng nguyên một nén vàng.

Từ Ly trả lời:

- Nén vàng của ngài không xóa sạch được ô nhục.

Mai Trầm liền bảo:

- Đêm tối không ai hay biết, làm sao mà ô nhục được?

Người đàn bà đáp;

- Ô nhục đối với chính mình, hà tất phải đợi kẻ ngoài biết đến. Xin ngài lùi lại, không thì tôi sẽ kêu lớn.

Mai Trầm gắng gượng nói tiếp:

- Hai nén vàng ròng, có bằng lòng chăng?

Từ Ly cả giận, trả lời:

- Đem cả núi vàng cho ta, ta cũng không thèm. Đừng có nhiều lời vô ích.

Mai Trầm bèn nói:

- Thân người đáng giá bao nhiêu mà nói những lời khinh mạn. Nay mai ta đỗ đạt rồi, những hạng như nàng không đáng cho ta chọn làm tì thiếp một đêm, có gì mà cao giá vậy?

Nói xong, hậm hực lui về chỗ nằm nhưng cứ trần trọc không sao ngủ được.

Sáng dậy gã bảo Từ Ly:

- Ta chọn một người đàn bà để theo ta trên đường xa mà nàng thì vô dụng quá.

Từ Ly trả lời:

- Tưởng ngài kiếm người sửa sang cơm nước cho nên tôi mới chịu lời. Nay không ưng chịu, xin trả tôi về chỗ cũ.

Bây giờ thuyền đã đi xa biết là mấy dặm sông hồ? Mai Trầm hần học:

- Ta đã bị người lường gạt.

Người đàn bà nói:

- Kẻ lường gạt người chính là ngài đó.

Mai Trầm trợn mắt:

- Con tiện tì này vô lễ!

Từ Ly không khuất, đáp lại:

- Đê tiện hay cao sang chỉ đo được bằng nhân cách mà thôi. Những kẻ khinh mạn đàn bà không phải con của

giống người.

Mai Trầm trợn mắt:

- Hừ, to gan quá lắm. Sao người dám bảo không phải con của giống người?

- Vì chúng đâu biết có mẹ. Mẹ chúng chẳng là đàn bà hay sao?

Mai Trầm tức lắm, tưởng có thể xách Từ Ly mà ném xuống bể.

Đến chiều hôm đó, thuyền ghé lại miền Nghi đảo là nơi hoang vắng. Gã bảo người đàn bà lên bờ mua ít thức nhắm để tối uống rượu. Khi Chung Từ Ly lên bờ đi được một quãng, gã bảo lái thuyền nhổ neo mà chạy. Lái thuyền hỏi lại:

- Còn người đàn bà?

Mai đáp:

- Cho nó ở lại. Chẳng dùng được việc gì cả.

Lái thuyền không chịu:

- Ở đây là chốn hoang vu, sao nỡ bỏ người ta lại?

- Nhà người chớ có bận tâm vô ích. Cứ cho thuyền đi, ta sẽ trả gấp rưỡi số tiền đò.

Chủ thuyền ham lợi, giọng buồm, nhổ neo đi thẳng.

oOo

Ra đến kinh kỳ chỉ còn ba ngày đã tới khoa thi, sĩ tử bốn phương kéo đến ồn ào tấp nập, quang cảnh thật là náo nhiệt khác thường. Trong thời gian bấy giờ có Lưu Hào Vỹ là viên chủ khảo hết sức tham lam, lén cấp đề thi đem bán cho những con nhà vọng tộc để kiếm vàng ngọc. Cứ mỗi đề thi được đánh đổi bằng số nén vàng ròng và kẻ mua bán gặp nhau trong hầm đá khá rộng sau dinh thừa tướng họ Võ, vốn là cậu ruột của Lưu.

Giá bán quá cao nên bọn con quan lười biếng học hành rủ nhau chung vốn mua các đề ấy. Đồng thời đôi người

thấy đó là dịp tốt để làm ăn nên quyết mua để đem ra khai thác làm giàu.

Một người bạn thi ở gần phòng trọ của Mai, tên là Lý Can, thấy Mai ăn tiêu sang trọng biết là gã có tiền nhiều, bèn mớm cái ý mua đề trực lợi. Mai Trầm mừng lắm hẹn với Lý Can vào một buổi tối cùng đi tới hầm đá ấy.

Đến nơi, cả hai thấy một người rất đạo mạo, ra vẻ là tay phương diện quốc gia đang ngồi chính giữa, hai bên có hai thuộc viên uy nghi, ngồi ở hai bên.

Mai Trầm bèn hỏi:

- Xin cho biết giá nhất định mỗi đề là bao nhiêu tiền?

Thuộc viên bên hữu trình trọng đáp rằng:

- Ở đây là một tổ chức nhân đạo giúp đỡ cho những kẻ sĩ suốt năm không có thì giờ học hành, nên không có một lẽ lổi mua bán như bọn gian thương.

Người ngồi ở giữa gật đầu nói tiếp:

- Chính thế. Chúng ta phải làm việc thiện để mà cứu đời.

Người ngồi bên cạnh phụ họa:

- Vì vậy, không thể nêu ra giá cả bây giờ. Văn chương lại vốn là một thứ đồ vô giá. Mỗi khi đỗ đạt, các người có đủ phương tiện làm ăn, tiền của lương dân sinh sinh hóa hóa hết sức nhiệm mầu, khai thác bao nhiêu cũng được. Do đó các người phải cho biết trước sẵn có bao nhiêu tiền bạc ta mới tùy liệu mà đòi giá cả phải chăng.

Mai Trầm bèn đáp:

- Ta chỉ có ba nén vàng.

Lập tức, người kia hầm hầm quát lớn:

- Đồ khốn, lui ra! Chỉ có ba nén mà cũng tính chuyện đỗ đạt nghĩa là làm sao?

- Thực tình tôi có năm nén nhưng còn phải chi dụng vì con đường về rất xa.

Người kia lộ vẻ suy nghĩ rồi hỏi vị ngồi giữa:

- Ý của thượng quan thế nào?

Vị này phán rằng:

- Nếu xem nó quả là học trò nghèo thì nên giúp đỡ để mua phúc đức về sau. Bán rẻ cho nó nửa đề cũng được.

Mai Trầm kêu lên:

- Nửa đề thì làm sao hiểu mà thi cho đặng?

Vị đại quan nói:

- Tiền nào của nấy là lẽ thường tình xưa nay. Nếu muốn hiểu đủ thì cứ trả gấp đôi số vàng. Bây giờ chịu vậy thì ta trao cho, song điều quan trọng người phải là học trò nghèo mới được. Chúng ta chỉ thương những kẻ khổ cùng, vì đây là triều đại của dân nghèo.

Mai Trầm nói:

- Tôi quả là thứ dân nghèo chính hiệu, nghèo trên ba đời.

Vị đại quan truyền:

- Khám nghiệm ngay xem để biết thực giả ra sao!

Hai người ngồi bên cạnh áp đến lồi Mai Trầm lại trước đèn, lật bàn chân gã ra xem. Cả hai làm bộ quan sát thật kỹ, nháy nhó với nhau, rồi nói:

- Đích thực là học trò nghèo. Thôi lấy nó sáu nén vậy.

Mai Trầm lồi ra sáu nén, đặt ở trên bàn cho vị đại quan xem lại. Vị đại quan nói:

- Hãy chặn tên này xét lại chu đáo, chắc nó còn vàng trong người.

Hai kẻ thuộc hạ lại xông đến lồi Mai Trầm, đè xuống, lục lọi một hồi lồi ra từ trong lưng quần đủ hai chục nén, và nói:

- Đại quan thật là sáng suốt. Đích thị nó không phải là dân nghèo.

Vị quan nghiêm nghị phán rằng:

- Đã nghèo sao còn có vàng? Vả lại bọn nghèo thường

thường chăm học, làm gì phải chạy mua các đề thi! Tôi của thằng này to lắm, dám mạo nhận cái danh nghĩa ngèo nàn để mà lường gạt bề trên, thật đáng giam vào ngục tối. Song nếu nó nộp đầy đủ số vàng thì khoan dung cho nó lần thứ nhất.

Mai Trầm tiếc của, xanh mặt, nói giọng thiếu nǎo:

- Vậy xin hãy giao đề thi cho tôi.

Vị quan rút một tờ giấy màu vàng có đóng dấu rất kỹ lưỡng, rồi bảo:

- Bọn ta làm ăn lâu dài và có tín nhiệm, nhà ngươi chớ lo. Cầm biên lai này, và trước ngày thi ghé lại nơi đây mà nhận đầu đề. Không thể giao sớm cho ngươi để ngươi đem về phổ biến bậy bạ.

Mai Trầm cùng với Lý Can đành phải cáo từ lui ra. Ra đến bên ngoài, Mai Trầm giậm chân than thở:

- Thôi chết cha rồi, bị kẹt hai chục nén vàng trong đó, để gì mà lấy lại được! Đem bao nhiêu của mua mảnh giấy lộn này sao?

Họ Lý an ủi:

- Không hề gì đâu. Người ta là vị đại quan, lẽ nào lại nói sai lời.

Mai đáp:

- Nó nói không sai, nhưng chắc là nó nói láo. Bây giờ chúng ta nguy mất. Việc này chung qui là tại anh cả.

Lý buồn rầu lắm, nghĩ ngợi một lát rồi nói:

- Thôi được. Tôi đã có cách.

- Cách gì?

- Bây giờ ta làm thế này...

Đoạn kể miệng vào tai của Mai Trầm nói nhỏ mấy câu. Mai Trầm hớn hờ gạt đầu:

- Thôi vậy cũng được.

Qua tối hôm sau hai người tìm thuê hai gã du đãng, cho ăn mặc rất lịch sự, đứng nấp ở ngoài hầm đá của viên đại quan họ Lưu rồi cùng thuê một căn nhà rất là bí mật ở ngay cuối phố. Cứ thấy kẻ nào đi đến thì bọn du đãng đón đường bảo rằng:

- Các người muốn tìm Lưu đại quan đấy phải không?

Nếu họ đáp phải thì cứ dẫn đi ngoài ngoằn ngoèo và đưa đến căn nhà riêng. Tại đây Mai Trầm đã mua của một gánh hát một bộ đồ quan rất đẹp mặc vào, ngồi giữa, gã Lý Can bận sắc phục của nha môn làm người chuyển ngôn. Cả hai bịa ra nhiều đề, viết thành nhiều bản, rồi đòi giá cao mới bán, do đó chỉ trong mấy ngày, đã kiếm được món tiền rất lớn, trên cả hai trăm nén vàng.

Mai bảo Lý rằng:

- Không ngờ mình lại làm ăn khá giả thế này. Cũng nhờ là bọn sĩ tử bây giờ lười biếng quá cỡ, thêm nữa địa vị ngày nay dễ kiếm chác hơn. Điều mà ta sung sướng nhất là chúng cứ ỷ có sẵn đề rồi không chịu coi lại văn bài nên mình có dịp đỡ cao.

Do bọn Mai, Lý phỗng hết tay trên như vậy nên quan họ Lưu ế hàng, cuối cùng đến ngày thi cử, đành phải giao đề cho Mai để lấy thêm vài nén nữa.

Năm ấy Mai đỗ thủ khoa, Lý cũng đỗ cao, và một số đồng con nhà có tiền nhưng không biết chữ bao nhiêu cũng được mũ cao áo dài. Một số bị mưu của Mai, mất tiền mà không trúng đề, giận lắm, làm đơn tố cáo họ bị Lưu gian lận. Nhưng Lưu khôn khéo dứt lốt quan trên nên chỉ có vài ba người thuộc hạ bị khép vào tội tử hình mà thôi.

Mai được bổ nhiệm làm quan trấn thủ Hà Tây là vùng hết sức giàu có. Bấy giờ xã hội bày ra tình trạng rối loạn vô kể. Nguyên do là vì những hạng cai trị đều không có một căn

bản học vấn và đạo đức nào mà chỉ nhờ mấy nén vàng đã làm quan được nên cùng thi nhau vơ vét của dân, cốt sao cho được nhà cao cửa lớn, ngựa xe rộn rịp là thỏa dạ rồi. Họ lập thành một tổ chức rộng lớn gọi là Kim Tiền đảng hội, chỉ có mục đích là kiếm cho được nhiều tiền. Mỗi một hội viên phải đeo trên ngực trong lớp áo nhà quan một đồng tiền lớn, mài nhẵn, không có mặt phải mặt trái nào cả để làm huy hiệu. Gặp nhau thì chỉ lấy ngón tay trở bấm vào đầu ngón tay cái để làm dấu hiệu liên lạc, chào kính. Các hội viên này phát triển ngày một thêm đông, làm cho thanh thế của hội thật là lấy lòng hết sức. Một trong những tay trụ cột của tổ chức này là Hoàng Kim Trọng có uy tín lớn khắp nơi, ở đâu cũng được một số quan lại cao cấp đỡ đầu và nhiều gái đẹp đỡ đuôi. Nói về nghi thức nhập hội thì ly kỳ lắm. Chỉ cần làm một tờ trình lý lịch, trong đó nêu rõ đã trực lợi như thế nào, rồi viết một bài luận văn bênh vực cho tiền, là được trúng cử vào kỳ thứ nhất. Sau đó, vào kỳ thứ hai là kỳ vấn đáp, có ba người đeo mặt nạ hỏi các câu hỏi rất khó khăn về chuyện làm tiền, phải thuộc lòng các nhân vật lịch sử đã nhờ tiền bạc làm nên danh giá hoặc đã vì tiền mà không từ bỏ một thủ đoạn nào. Trung bình cứ hỏi mười câu mà đáp đúng được năm câu là trúng tuyển rồi. Ai không nói đúng số ấy thì phải về nhà nghiên cứu trên ba tháng nữa mới được ứng thí kỳ hai. Đậu xong cả hai khóa ấy là vào kỳ ba, thiên nhiều về môn thực hành hơn là lý thuyết.

Đại khái các môn thực hành gồm có các khoa như sau: bỏ người dự thi vào trong một phòng rồi bịt mắt lại, đoạn bảo anh ta tìm đồng tiền giấu một nơi nào đó trong các khe cửa. Thí sinh cần phải dùng mũi chứ không được phép dùng tay để tìm. Môn này tuy cũng hơi khó, song tính trung

bình ba trăm thí sinh thì bị đánh hỏng độ năm sáu người là cùng. Nguyên do là vì các vị đứng giám khảo cho Hội, vốn là những người có trình độ cao nên rất sẵn sàng nhận món hối lộ của các thí sinh để họ cho đỗ. Thủ đoạn rất dễ: chỉ cần bôi vào đồng tiền một mùi gì đó rồi cho thí sinh biết trước để họ đánh hơi, và muốn cho thật chắc chắn họ vẫn bôi vào đồng tiền những chất hôi hám đặc biệt. Chỉ có thí sinh nào nghẹt mũi lắm mới bị đánh hỏng.

Về cách khảo thí thực tập thứ hai, thì có môn này: một người cầm một đồng tiền xoay mạnh cho nó quay như chong chóng rồi thí sinh phải xoay người cho kịp đồng tiền. Nếu tiền còn quay mà thí sinh đã ngã nhào thì coi như là phạm pháp, không thể dung nạp. Cách này tuy khó gian lận vì nó có vẻ công khai, song các ông lớn chủ trì cũng vẫn có thừa phương pháp để mà ủng hộ thí sinh. Họ chỉ việc quay nhẹ một tí là được.

Còn cách thứ ba rất là khó nói, vì chẳng hợp với vệ sinh, song cũng kể ra luôn, là bỏ đồng tiền vào một thùng lớn đựng toàn phân bã rồi cho thò tay, mở mắt để mà bơi móc lục lợi sao cho tìm được. Tất nhiên phải có một sức chịu đựng cao độ mới đứng suốt buổi mò mẫm như thế. Nhiều thí sinh đã bôi đầy dầu thơm vào mũi mà vẫn không sao chịu nổi, có người ngất xỉu nửa chừng. Nói chung, còn có nhiều môn khác nữa, như là nhai tiền, nuốt tiền, câu tiền và giấu tiền... nhưng tương đối dễ thực hiện.

Trong số các bọn quan lại móc họng dân chúng lấy tiền và trong số các hội viên của tổ chức trên thì Mai Trầm có uy thế rất lớn. Một phần vì gã đạu cao, có tiền bạc nhiều khi ra nhiệm chức, lại có thủ đoạn. Suốt một năm ròng trấn nhiệm gã đã tổng giam có đến ba trăm người dân có chút máu mặt, lấy vợ của hàng nha lại có đến bốn năm mươi người.

Vàng bạc của gã đúc thành từng khối vuông vức, chõng làm bức tường trong nhà, và gã ngủ giữa tường vàng tên gọi là Kim Bích phòng.

Được trên hai năm, Mai Trầm một hôm soi gương bỗng thấy mặt mũi của mình thay đổi khác xưa rất nhiều. Trán gã tự nhiên lồi lõm, y tuồng bị sự suy tính bất thường bên trong làm cho ảnh hưởng bên ngoài, lại thêm cặp môi dày ra mím lại, biểu lộ một tấm lòng tham không đáy và sự thèm khát không nguôi. Nhất là cặp mắt luôn luôn đục ngầu, hấp háy đảo nhìn đầy ý soi mói, sục sạo. Có quan Đô úy ở gần muốn gả cô con gái quý cho Mai nhưng Mai chưa muốn lấy vợ. Gã nói:

- Có một người vợ thì chỉ có mỗi một vợ mà thôi. Không có vợ nào thì sẽ có được mọi người làm vợ.

Một hôm đang ngồi suy nghĩ bỗng nghe có tiếng động mạnh, ngẩng đầu nhìn lên thấy một quyển sách rớt ngay góc phòng. Trong óc sực nhớ mỗi thù bị người nông dân nắm tóc kéo lên buộc đi cứu lụt ngày nào, liền nổi cơn giận quyết lòng trả thù. Mai liền cho kẻ tâm phúc là Hắc Đạo Nhơn mang một lễ tốt và một phong thư đem qua cho viên tổng trấn vùng ấy, nhờ bắt và áp giải Hàn Kỳ Lực đến tại nha môn của mình.

Viên tổng trấn này là Tôn Bảo Ngọc cũng ở trong ban lãnh đạo Hội Đảng Kim Tiền nên khi nhận được phong thư, vội vàng cho đi bắt Hàn Kỳ Lực. Lúc ấy vào trưa, Kỳ Lực đang nằm ngủ dưới gốc cây đa thì có bốn tên sai nha đi tới. Kỳ Lực không hề hay biết gì cả, thiêm thiếp giấc nồng. Một tên lấy chân đá mạnh vào mạn sườn Kỳ Lực nhưng anh ta vẫn không hay. Một tên khác bèn dùng dao đánh mạnh vào ống chân anh, khiến anh choàng mắt tỉnh dậy, hỏi rằng:

- Các anh là ai mà lại phá ngang giấc ngủ người ta như vậy?

Tên sai nha đáp:

- Mày đui hay sao mà không thấy rõ chúng ta là ai?

Kỳ Lực trả lời:

- Sao lại chẳng thấy? Lũ mày chỉ là một phường chó má đấy thôi, dựa vào lưng bọn quan lại ác thú để mà hiếp đáp dân lành.

Lập tức một tên sai nha vung chiếc roi da quất mạnh vào mặt Kỳ Lực. Nhưng Kỳ Lực không né tránh chỉ hơi lắc đầu, hé miệng cắn chặt chiếc roi vào giữa hàm răng rồi gặc một cái thật nhanh khiến cho tên kia ngã chúi về trước, buông vôi tay ra. Kỳ Lực cầm lấy chiếc roi, đứng vụt ngay dậy, quát to:

- Nào, lũ chó săn, bay muốn trừng trị thế nào cho xứng tội trạng?

Mấy tên còn lại vung đao chém tới loạn xạ nhưng Hàn Kỳ Lực vẫn múa chiếc roi vun vút đỡ gạt, nhiều lần quất mạnh vào mặt mũi chúng, khiến chúng tối tăm mày mặt. Tên bị ngã chúi lần đầu nhiều lần muốn ngồi nhổm dậy để cứu đồng bọn nhưng con roi da trong tay Kỳ Lực vận chuyển quá nhanh, đến nỗi lúc gã nhổm dậy được đã bị một roi giáng xuống ngay móng quẩn quýt không sao ngồi thẳng.

Kỳ Lực giao đấu một lát thì bọn sai nha đều bỏ chạy dài. Anh ta đuổi theo nắm cổ một tên hỏi rằng:

- Bọn mày đi tìm đứa nào?

Tên này liền đáp:

- Chúng tôi được lệnh bắt người có tên Kỳ Lực, họ Hàn.

- Bắt về tội gì?

- Không rõ tội gì. Quan trên truyền bảo như vậy.

- Đưa trát cho tao xem nào.

Tên sai nha đưa tờ trát cho Kỳ Lực. Đọc xong, Kỳ Lực kêu lên:

- Trời ơi! Nó bảo rằng ta can tội xúc phạm quan trên, hành hung kẻ sĩ, lỗ mãng, khinh người. Bọn này láo thật!

Rồi quay sang bọn sai nha, Hàn nói:

- Bọn bây chẳng cần phải tìm đâu xa, tao đây là Hàn Kỳ Lực. Nói thật, cả trăm đũa bây cũng chẳng làm gì nổi tao, nhưng bọn mày đã có lòng tìm đến mà ta cũng có bụng muốn gặp quan chúng mày để xem cho rõ hư thực. Vậy hãy theo ta về nhà để ta gói ghém một ít áo quần, mang theo một ít lương thực, thừa lại ít tiếng với cha mẹ già, rồi ta sẽ đi cùng chúng mày.

Nói đoạn, đưa tay vẫy bọn sai nha trở lại, cùng quay về nhà. Sau khi chuẩn bị hành lý, Hàn thưa cha mẹ:

- Việc nhà đã có mấy em lo liệu, xin cha mẹ chớ lo phiền. Nếu con không đi chúng sẽ vu cáo làm phiền cha mẹ. Nay thử đến đó, xem lũ ác ôn này dở trò gì.

Kỳ Lực vừa tới công đường thì quan trấn thủ chẳng nói chẳng rằng cho lính trói chặt nhốt vào ngục tối. Ngày sau, cho một toán quân mang đao, mang kiếm áp giải về dinh Mai Trần. Vừa thấy mặt Hàn, họ Mai quát tháo:

- Hay cho tên kia! Mày có nhớ mặt tao không?

Kỳ Lực trả lời:

- Một kẻ làm ruộng khổ khổ như tôi làm sao quen được với ngài mà nhớ hay quên. Có lẽ ngài lầm với kẻ nào chẳng?

Mai Trần cười gằn, rồi đáp:

- Khốn nạn, mày đừng mong trốn tội lỗi của mày. Ta đây là kẻ học trò ngày trước trốn tránh nạn lụt tại chùa Hoa Nghiêm đã bị nhà ngươi xúc phạm. Nay ta cho đem ngươi đến không ngoài giáo dục cho ngươi về sự tôn kính đối với kẻ sĩ để ngươi nhớ mãi suốt đời và truyền lại cho con cháu của ngươi lòng tôn kính ấy.

Kỳ Lực mím môi, làm thinh, tự thấy mình đã đại đột dẫn

mình đến nộp mạng cho quý dữ. Cuối cùng nghĩ rằng không lẽ chịu khuất phục dễ dàng, Kỳ Lục trả lời:

- Quan lớn bây giờ là kẻ có quyền, ngài muốn làm gì lũ dân hèn này chẳng được. Nhưng nếu ngài muốn nhớ lại thì ngày xưa tôi chỉ xúc phạm đến một kẻ sĩ vô trách nhiệm trước bao nỗi đau khổ của đồng bào mình chứ đâu có làm thương tổn mọi kẻ sĩ được?

Mai Trầm quát lớn:

- Đùng có hỗn láo! Truyền cho nha lệ đánh nó trăm roi như là bài học vỡ lòng. Rồi mày còn được học tập nhiều bài khác nữa cho thêm sáng mắt.

Bọn sai nha lôi Kỳ Lục ra sân, đánh đùng trăm roi khiến Hàn quần quại cố nén tiếng kêu, cắn răng chịu đựng gia hình.

Thấy vẻ mặt quá bình tĩnh của Hàn, Mai cảm tức lắm, bảo rằng:

- Tên này thuộc loại cứng đầu, đánh đập bao nhiêu cũng không biết sợ. Phàm con người có biết sợ mới biết phục thiện. Vậy nhốt nó vào ngục tối, ta sẽ có cách.

Rồi người nông dân đôn hậu và kiên cường ấy sống chết ra sao? Và người đàn bà chung thủy và đáng yêu kia, bị bỏ rơi giữa hoang đảo, còn mất thế nào? Anh chàng thư sinh trung chính, nhiệt thành bị xô xuống vùng nước lạt, giữa đêm mưa bão, có thoát được chăng?

Sự việc còn dài, ngày xuân lại gần, chỉ xin vắn tắt trình bày để khỏi nản lòng bạn đọc đang phải thưởng xuân trong nỗi băn khoăn.

Hòn đảo mà nàng Từ Ly lạc vào không phải là chốn hoang vu. Nơi ấy là chỗ trú ẩn của những đàn ông trốn chạy đàn bà. Những anh chồng gặp vợ dữ, những gã trai bị phụ tình, đồng mang những nỗi nghi hoặc về đời, đổi thành họ Nghi

cả, chọn miền đất này - gọi là Nghi đảo - làm căn cứ địa. Bắt gặp Từ Ly, họ liền ghép nàng vào tội đột nhập phá hoại, toan xé xác nàng cho hả những mối hờn giận đối với đàn bà chất chứa lâu nay. (Kể ra điều đó không những bất công còn phi lý nữa. Nhưng xét cho cùng thì từ xưa nay đàn ông đã ngộ đàn bà vẫn chưa có gì tốt hơn điều đó bao nhiêu.)

Tuy nhiên Từ Ly không để cho mình trở thành nạn nhân của những anh chàng râu quạp mang mối mặc cảm hoảng hốt về người đàn bà. Dầu biết rằng đáng lý ra đàn bà phải nên xé xác đàn ông mới công bằng, nhưng tự hiểu mình cô thế nên nàng phải mềm mỏng để mà thoát nạn. May thay ở nơi người nàng ngời chói một thứ ánh sáng hết sức kỳ diệu đẩy lùi được sự hung tợn của bọn mày râu. Cái ánh sáng ấy không chỉ ở vẻ xinh đẹp và sự hiền dịu của nàng, mà chính ở lòng chung thủy và sự hi sinh của nàng cho một tình nghĩa cao sâu. Lớp đàn ông ở Nghi đảo thật sự xúc động về nàng, họ chợt thấy rằng người đàn bà tốt và đáng yêu quý vốn có nhan sắc trên mặt đất này. Vậy họ hiểu người đàn bà, có tối tệ chăng, phần lớn cũng do chính bọn đàn ông gây ra.

Giác ngộ điều ấy, họ cùng tranh nhau hộ tống nàng Chung Từ Ly trở về đất liền, như tranh bảo tồn một giá trị, và cũng vì thế dân trên Nghi đảo dần dần trốn hết, bởi không còn lý do để tập hợp nữa. Từ đó, ở trong đất liền, những anh chàng buồn và những gã tình nhân khổ không còn có chỗ di trú như xưa, đành phải lẩn quẩn trong nhà để mơ về một chân trời xa lạ. Nơi chân trời ấy không phải vắng bóng đàn bà, mà có người tình trong mộng chung sống với mình toàn bằng rau cỏ và không khí.

Còn chàng Vương Bái, đang sốt mê man, bị gã Mai Trầm xô xuống giữa vùng nước lụt, thoáng bị ngấm lạnh, tỉnh người. Cái lối chữa trị ngày nay bệnh viện Cơ đốc vẫn dùng

là ngâm các người bị sốt vào trong nước đá có lẽ cũng được xuất phát từ chuyện này chăng? Nhiệt độ đã nhờ nước lụt làm giảm khá mau, chàng Vương cố gắng bơi lội và vó phải được cây cột nhà khá lớn trôi nổi giữa dòng. Ôm chặt vị cứu tinh cột, chàng được sóng nước tấp vào trong chân núi hoang vu. Ở đây, Vương Bái gặp nhiều nạn nhân sống sót như chàng, nhưng đều phải chịu đói lạnh vì đồ cứu trợ được một số người làm việc từ thiện thuổng hết đem bán ngoài các chợ trời.

Nhưng trong những tháng ngày đói lạnh, Vương Bái có dịp nghĩ ngợi sâu xa về cuộc đời mình và về cuộc đời đồng loại. Đau khổ vẫn là vị giáo sư tốt, và học trò ngoan Vương Bái đã tìm được chân lý trong kiếp sống này. Chàng đã đứng lên, mạnh dạn đối diện với những gian lao trước mắt, quần tụ tất cả nạn nhân lại, không còn mơ tưởng bằng vàng như một lá bùa hộ mệnh, mà đem sức mạnh hợp đoàn vươn lên từ những kêu đòi chính đáng để mà xây dựng tương lai.

Và một mùa xuân đã đến với chàng. Ngục tù của gã Mai Trầm đã bị san bằng, Kỳ Lực cũng như chồng nàng Từ Ly và bao kẻ khác đã được giải thoát. Niềm vui đoàn tụ, sau những đắng cay, lại càng thấm thiết mặn nồng.

Tất nhiên Mai Trầm đã không còn nữa, dù gã vẫn còn tiếp tục được sống trong nỗi buồn phiền. Bởi lẽ gã tượng trưng cho bóng tối, mà bóng tối phải thuộc về dĩ vãng.

VŨ KHẮC KHOAN
NGƯỜI ĐẸP
TRONG
TRANH

Gửi Hòa, 1939...

Sương chiều dâng lên đã kín khung song. Bình rượu đã vơi gần nửa mà hai chú cháu vẫn chưa vào chuyện.

Trần Công nhìn cháu, ngập ngừng rồi lại nâng chén. Tú Uyên cúi đầu yên lặng. Chàng biết là ông chú lặn lội từ Sơn Nam lên Kê Chợ không phải là chỉ để uống một bữa rượu với chàng. Gia dĩ, gió may đã thổi, luồng cúc nảy chồi, trời trở sang thu, kỳ thi sắp tới, chú chàng nhất đán không thể vì một câu chuyện giao tế thường tình mà bỏ đám học trò đang sửa soạn vào kỳ khảo hạch.

Tiếng một tiếng ngỗng vắng trên không. Trần Công rùng mình. Ông với chiếc điếu, chậm rãi nhồi thuốc rồi châm đóm. Khói thuốc lảo miền Tiên Lãng tỏa ấm gian phòng. Tú Uyên biết là ông chú sắp vào câu chuyện.

Ông chú nói rằng:

“Mai thì chú xuôi sớm.

Còn trông cho họ kịp kỳ khảo hạch. Mà nhà cũng neo người. Anh biết đấy...”

Trần Công ngừng lại giây lát, đủ để Tú Uyên thấy thoáng hiện lên trên nền ký ức một nếp nhà ba gian hai chái, những hàng cau thẳng tắp, một giàn thiên lý, những pho sách dưới ánh trăng, một ấm trà thơm buổi sớm, rặng tre xào xạc, ngô tối đom đóm lập lòe, những bước đi thềm lặng của một người thím đã luống tuổi mà vẫn chưa một lần sinh nở.

Tú Uyên thấy lòng se lại. Chàng thấy cần phải làm một cái gì, có thể làm bất cứ cái gì để an ủi một ông chú đã nuôi chàng từ tấm bé, từ khi cha mẹ chàng mắc bạo bệnh quy tiên. Chàng với bình rượu rót đầy chén Trần Công. Trần Công đỡ lấy chén rượu rồi nói tiếp:

“Ít lâu nay chú thấy trong mình không được như xưa. Chú sợ những khi bất thần trái tiết trở trời. Mà họ nhà ta chỉ còn có chú và... anh”.

Tú Uyên chợt hiểu rõ câu chuyện. Thì ra là chuyện lập gia đình. Chàng định lên tiếng thì Trần Công đã giơ tay ngăn lại:

“Để chú nói nốt... Bố cháu thì mất sớm. Mẹ cháu cũng vậy. Cái việc chung thân của cháu giờ đây là chú phải lo. Lần này lên đây, chú đã có ý định”.

Thế rồi ông nói tiếp đến tên một người thiếu nữ. Ông khen ngợi gia thế và tài sắc của nàng. Ông viện ra tất cả chữ nghĩa của thánh hiền để nêu cao cái nghĩa thiêng liêng của việc tề gia. Ông gọi đến cái viễn ảnh cô quạnh và xót xa của một dòng họ không người nối dõi.

Nhưng đến khi trống vòm canh cửa Nam điểm vào canh một, một ngọn bạch lạp được thắp lên thì ông không nói nữa. Vì từ nãy tuy vẫn đối diện mà Tú Uyên như không để

ý đến lời nói của chú, mắt nhìn qua song, tâm tư hút hẳn vào lòng một đêm đầu thu trở lạnh, lộng âm thanh heo hút của gió và lá khô xào xạc rụng ngoài vườn.

Gian phòng trở nên tịch mịch khác thường, một già một trẻ, mỗi người một tâm sự. Ánh nến chập chờn, gò má người thư sinh cao thêm lên, tròng mắt của chàng thăm thẳm. Trên khuôn mặt đó, Trần Công cố tìm lại những nét ngây thơ của một Tú Uyên vô tư lự, mười ba tuổi đã lâu thông kinh sử, miệng cười là hoa hồng hàm tiếu, mắt long lanh như sao Hôm sao Mai. Trần Công lắc đầu: người đối diện không còn là cháu ông nữa. Đó là một con người lạ mà tâm hồn chắc đang nung nấu những suy tư thắc mắc nó vượt khỏi tầm thông cảm của một người chất phác như ông.

Tú Uyên bỗng nhìn thẳng vào chú. Giọng chàng thiết tha: “Cháu muốn thưa với chú một điều: Chú đừng giận thì cháu mới dám nói...”

Rồi chàng ngập ngừng nói tiếp:

“Thưa chú... có bao giờ... chú nghĩ đến sắc đẹp của một người đàn bà?”

Câu hỏi đột ngột, lạ lùng quá sức tưởng tượng của Trần Công. Ông lặng người trong giây lát. Rồi ông nhớ lại ngày trước, những buổi du nhai nhộn nhịp, đêm Thăng Long tung bừng hội Hoa đăng, một chàng tân khoa xênh xang áo gấm, một tà áo lụa thiên thanh thấp thoáng sau một cánh cổng khép hờ. Duyên kỳ ngộ là duyên đẹp ba sinh. Người thực nữ yếu điệu đã trở nên người vợ hiền.

Ông định thần:

“Anh hỏi thế là có ý gì, chú chưa hiểu...”

“Thưa chú, cháu biết là câu hỏi đã quá đường đột. Nhưng mấy tháng nay, cháu nghĩ đã nhiều. Cháu nghĩ

đến những áng thơ hay, những nét vẽ tài tình và những người đẹp trên đời, Vương Duy, Lý Bạch và Tây Thi, Bao Tụ, Dương Quý Phi...”

Lúc bấy giờ Tú Uyên đã mất hẳn vẻ trầm tư. Trông mắt long lanh như vừa bắt gặp một vài dáng hình là lạ thấp thoáng ngoài song. Giọng nói trở nên thắm thiết, tâm sự nung nấu từ lâu, giờ đây, gặp dịp, gặp người để mà lời lời kể lể, Trần Công yên lặng ngồi nghe, Tú Uyên nói tiếp:

“Cháu nghĩ đến khúc Thanh Bình điệu, Lý Bạch đối diện Dương Quý Phi...”

Bất giác Trần Công khẽ đọc:

Vân tướng y thường hoa tướng dung

Xuân phong phát hạm lộ hoa nồng...

Lời thơ như vọng về từ một nẻo xa xôi hun hút. Gian phòng rung rinh ánh nến bỗng chốc bàng bạc không khí Thịnh Đường, người thơ chưa dứt một cơn say lại đã chập chờn mê tỉnh trước cái sắc đẹp nào nùng của người thiếu phụ.

Tú Uyên sang sàng ngâm theo:

Nhược phi Quần Ngọc sơn đầu kiến

Hội hướng dao dài nguyệt hạ phùng.

Trần Công trầm ngâm giây lát rồi mới nói:

“Lời thơ như chén ngọc chạm mâm vàng. Cái kỳ thú trong thơ là do nơi cảm hứng vô biên trong lòng thi sĩ. Tại sao đọc thơ cổ nhân cháu lại nghĩ đến sắc đẹp của một phu nhân?”

Tú Uyên ngập ngừng:

“Cháu thiết tưởng dù sao thì sắc đẹp của mỹ nhân cũng là cái có để cho cảm hứng bắt nguồn. Huống hồ lời thơ óng

chuốt, hơi thơ đầm ấm như ánh sáng mùa xuân, họ Lý chắc không thể nào vô tình trước nhan sắc của Dương Quý Phi”.

Trần Công lặng lẽ chiêm đóm. Năm xưa sinh thời Tiên Đế, khi còn là một sĩ tử ngày ngày ngồi nghe giảng văn ở Quốc Tử Giám, ông đâu có những thắc mắc như bọn thiếu niên ngày nay? Ông thấy cần phải lập nghiêm, nên cất tiếng giữa khói thuốc tỏa ra trắng xóa.

“Câu chuyện văn thơ đã rõ như ánh trăng rằm. Anh không nên nghĩ quẩn mà quên việc học hành. Chú tiếc rằng hội Tao Đàn của Tiên Đế không còn tồn tại, cho nên lũ các anh ngày nay mới thiếu người dìu dắt”.

Trần Công không ngờ Tú Uyên đã cất lời ông. Tú Uyên sấm nảm:

“Thưa chú, cháu thiết tưởng cái việc lập hội Tao Đàn không phải là hoàn toàn đặc sách cho việc văn chương”.

Trần Công trừng mắt:

“Anh nói thế là có ý gì?”

“Thưa chú, theo ý cháu, nếu có thứ văn chương quan hệ tới chính trị và luân lý thường tình có thể dùng quy tắc để mà khuôn nắn thì cũng có thứ văn chương, lời như cánh con bằng, từ như sóng ngoài khơi, hội Tao Đàn nào mà gò bó nổi?”

Lúc bấy giờ, Trần Công không còn giữ nổi được bình tĩnh. Giọng ông run lên:

“VẬY THẾ RA TẤT CẢ NHỮNG LỜI NGÂM VỊNH CỦA TIÊN ĐẾ, anh đều cho là không đáng kể hay sao? Anh mắc tội mạn thượng mà không biết đấy! Cũng may chỉ có anh với tôi, chứ nếu lọt vào tai người ngoài thì tội anh là đáng chém”.

Tú Uyên cúi đầu. Chàng biết rằng phải dùng đến chữ “tôi” để nói chuyện với cháu là ông chú đã quá giận. Chàng yên lặng giây lâu rồi mới kính cẩn lên tiếng:

“Thưa chú, cháu biết là đáng tội chết. Nhưng vì lòng thành muốn hiểu, nên mới dám đường đột trực ngôn. Tiên Đế là một bậc anh quân, là ân nhân của kẻ sĩ. Cái công của ngài đối với giang sơn đất nước thật cao như trời, rộng như biển cả. Nhưng... ngài là một bậc thi nhân...”

“Ra đến bây giờ anh mới nhận...”

“Cho nên ép uống văn chương, làm thơ khẩu khí cũng là một việc bất đắc dĩ của ngài. Chỉ những lúc hồn thơ lai láng, từ thơ phiêu diêu, lại gặp duyên kỳ ngộ như Lý Bạch thuở trước...”

Tú Uyên bỗng ngừng lời. Chàng vừa nhớ ra một câu chuyện cũ. Mắt chàng tươi hẳn lên:

“Chú còn nhớ câu chuyện ngâm vịnh tại chiều Ngọc Liên năm xưa? Cháu cho đấy mới là những vần thơ đắc ý của ngài...”

Trần Công cười thầm trong bụng. Ông quên sao được câu chuyện cũ, câu chuyện gặp gỡ giữa Tiên Đế và người tiên?

Ông gật gù nhìn cháu, cơn giận tiêu tan với gió lạnh đầu thu vẫn đang xào xạc ngoài vườn. Nhưng... những vần thơ đắc ý của Tiên Đế là những vần thơ nào?

Ông nói:

“Tiên Đế ngự chơi chùa Ngọc Liên, nghe thấy một ni cô ngâm một câu kệ:

Ở đây mển cảnh mển thầy

Tuy vui đạo Phật, chưa khuây lòng trần.

Ngài có truyền ni cô lấy câu kệ đó làm đầu đề... nhưng anh vừa nói đến những vần thơ của ngài, anh còn nhớ không?”

Tú Uyên bèn cất tiếng, trầm trầm lời thơ ngân lên trong yên lặng của gian phòng:

Gió thông đưa kệ tan niềm tục

Hồn bướm mơ tiên lần sự đời.

Trần Công ngẩn người, không chịu:

“Hai câu đó là của ni cô...”

Tú Uyên vẫn bình tĩnh:

“Thưa chú, người đời thường hay hồ đồ mà truyền lầm chuyện cũ. Họ chỉ biết cái khẩu khí của Tiên Đế qua những bài thơ xướng họa trong hội Tao Đàn. Còn cái tâm hồn thi nhân phiêu diêu của ngài thì ít có người thông cảm. Ngài gặp người tiên và hồn thơ nảy nở. Cháu cho đó là những vần thơ đặc ý nhất của ngài.

Trần Công không biết nói gì. Lời giải của cháu ông tuy đột ngột, lạ lùng mà không hoàn toàn vô lý. Tiên Đế và người ni cô. Một thi nhân và một mỹ nhân. Vả lại Tiên Đế cũng đã với người đẹp ngồi cùng xe để về cung...

Giọng ông già đượm sầu hoài cổ:

“Đến nửa đường thì người tiên chợt biến...”

Tú Uyên tiếp lời:

“Nhưng Vọng Tiên Các vẫn còn”.

Thế rồi... cả hai chú cháu ngồi yên không nói. Gian phòng tịch mịch, ánh nến leo lét. Bóng đêm dày đặc ngoài song. Trong yên lặng quạnh hơi thu, tiếng trống xa xa vắng lại, khô cằn. Canh hai bắt đầu. Trần Công sực tỉnh giấc mơ quá khứ. Đến lúc bấy giờ ông mới nhận thấy cái vẻ lạ lùng của câu chuyện Tú Uyên. Câu chuyện lan man như không chủ đích, trong khi ấy thì cái việc hôn nhân vẫn chưa giải quyết. Cái công lặn lội từ Sơn Nam lên đến đây chẳng là vô ích hay sao? Ông đằng hắng rồi trở lại giọng cũ.

“Chuyện văn chương có thể thâm đậm khôn dứt. Chú tiếc không thể nán lại ít ngày để mà nói cho hết lời. Nhưng còn cái chuyện... chung thân của anh, chẳng hay

anh có gì không?”

Tú Uyên tỉnh hẳn cơn mơ. Chàng bàng hoàng:

“Thưa chú... Cháu thiết nghĩ việc hôn nhân tuy hệ trọng nhưng cháu còn dở việc học hành...”

“Anh nói lạ. Vẫn biết đại đấng khoa rỗi mới tiểu đấng khoa là thuận lẽ. Nhưng anh lại ở vào nghịch cảnh. Chú khuyên anh nên nghe lời cho chú yên tâm”.

“Thưa chú...”

“Chú sẽ bảo thím nhờ người bấn tiếng với nhà gái”.

Tú Uyên biết là tình thế đã đến chỗ quyết liệt. Chàng thu can đảm nói thẳng một hơi:

“Thưa chú, nếu chú ép, thì nhất định cháu sẽ phải mang tội bất hiếu. Vì hiện giờ, cháu không còn bụng dạ nào để tính việc chung thân”.

Giọng chàng tha thiết, tầm mắt xa thăm hướng về một buổi đã qua. Tiếng mõ cầm canh ròi rạc. Gió heo hút ngoài song.

Tâm sự bắt đầu kể lể.

Lúc bấy giờ vào khoảng hậu bán thế kỷ thứ XV, bốn phương lặng lẽ, thiên hạ thái bình, con gái đến tuổi cặp kê thường thức thâu đêm dệt cửu trong màn, con trai đọc sách Khổng Khuru từ thuở đầu còn để chỏm, ông già chống gậy trầm ngâm bên khóm cúc, bà lão lần tràng hạt mơ về cõi Niết Bàn. Trong nhà ngoài ngõ, trên đời thoai thoải, dưới ruộng đồng chiêm, từ sương buổi sáng long lanh ngọn cỏ tới sao ban đêm mở hội trên trời, người người lấy sống làm vui, tiếng âu ca hòa nhịp cùng lời chim, tiếng gió.

Một chiều cuối xuân, từ Quốc Tử Giám thủng thẳng về nhà, gió nhẹ phơ phất vạt áo the huyền, chân bước mà không thấy vương, tâm thần phơi phới cùng nghĩa sách lời kinh, bỗng Tú Uyên thấy khang khác trong người. Như

một đọt heo may lạnh se da thịt. Như ngắt ngây cùng khói thuốc một sớm đầu thu. Mảnh mai, nhẹ nhẹ – cánh bướm non vờn dịu cánh hồng – một cảm giác chớm nở trong lòng người thư sinh.

Chàng dừng lại, định thần nghe ngóng, nghiêng nghiêng mái tóc quấn rối vài vòng khăn nhiễu Tam Giang. Cảm giác nở dần như hoa nhài hàm tiếu gặp lúc trăng lên. Cảm giác dâng lên như sóng đại dương khi mặt trời lặn. Cũng không hẳn là khó chịu. Cũng không phải là nao nao cái tuổi dậy thì.

Bèn ngừng lên trời. Và chợt hiểu: trên trời rực màu áo vóc đại hồng, lững lờ có một đám mây trắng nõn đang chuyển hình, xô dịch từ Đông qua Tây. Nền trời cùng đám mây, tất cả cái cảnh tượng chuyển động huy hoàng đó, Tú Uyên thấy vừa quen thuộc mà rất lạ lùng. Bởi tuy chưa từng được thấy mà hình như trong tận cùng tâm thức của chàng, đã từ lâu, vẫn ẩn hiện một ước mong thầm kín được mắt nhìn tận mắt những cảnh chuyển vần huy hoàng tương tự. Hình như mối rung động màu sắc kết hợp này đã bắt nguồn từ lâu lắm, từ xa lắm, từ một kiếp nào thăm thăm... Có lẽ, trong một cơn mơ, hay chập chờn, giữa những giấc ngủ chập chờn...

Tú Uyên nghĩ như vậy. Chàng lại còn thấy phải làm một cái gì. Bèn khẽ nói, đủ cho một mình nghe thấy:

“Bạch vân...”

Và ngừng lời: tiếng nói vừa cất lên, người thư sinh đã cảm thấy ngay nổi bất lực của ngôn ngữ. Lời nào, tiếng nào mà có thể nói lên, gọi lại cái màu tơ nõn bông bành mây trắng, cái ráng đỏ rực đặc quánh ánh tà huy này? Từng trang sách cũ lần giở trên nền ký ức, những vần, những điệu, châu ngọc lời lời, gấm thêu lớp lớp, nhưng tất cả chữ

nghĩa thấy đều nhạt màu trước sự giao hòa rục rĩ mà vô cùng giản dị của màu và sắc đang tung bừng trước mắt Tú Uyên.

Tú Uyên linh cảm cần phải tìm ra những lời, những chữ tân kỳ, những chữ, những lời chưa từng một ai dùng tới, may ra...

“Tại sao không vẽ?”

Tú Uyên giật mình ngoảnh lại. Người vừa cất tiếng là một ông già.

Đến nay kể lại câu chuyện cùng ông chú, cố gắng nhớ lại, Tú Uyên vẫn thấy khó khăn khi muốn bằng lời mô tả hình dáng của ông già chiều đó. Chỉ biết đó là một ông già như mọi ông già và không giống một ông già nào Tú Uyên đã gặp. Chỉ biết ngay lúc đó, Tú Uyên không nói lên được một lời nào.

Chàng ngoan ngoãn theo gót ông già bước vào một quán rượu dựng dưới gốc cây cổ thụ ven đường.

Rượu mang lên, ông già điềm nhiên uống cạn ba bát lớn mà không lên tiếng. Qua khe liếp, chiều tím sẫm rồi theo tiếng trống điểm vào canh một, tím chuyển sang lam, từ từ ngả màu đen quánh. Đêm xuống. Gió nổi lên từng đợt. Người chủ quán lấy thêm rượu rồi lặng lẽ rút vào nhà trong. Im im lành lạnh, không khí gọi lời tâm sự, ông già đặt bát xuống mâm, nhìn Tú Uyên, hỏi:

“Chán học rồi ư?”

Câu hỏi đột ngột đi thẳng vào tâm can người thư sinh. Tú Uyên ngỡ ngàng chưa biết nói sao thì ông già đã cất tiếng cười. Gian quán bỗng thôi trống trải. Ánh đèn dầu trở nên ấm cúng. Gió lùa kẽ liếp đượm nồng hơi sống mùa xuân. Tú Uyên tự nhiên cũng thấy tâm hồn cởi mở, tưởng như vừa cạn vài bình rượu tốt đối diện với bạn cố tri.

Bèn xích lại gần, giọng thân mà kính:

“Lão trượng nói như soi thấu cõi lòng tiểu sinh. Tiểu sinh tự hỏi, không biết vì sao...”

Ông già lại như đùa cợt:

“Thử nghĩ xem”.

Tú Uyên vội tiếp:

“Vì đám mây trắng buổi chiều chẳng?”

Ông già vuốt râu im lặng. Giây lâu mới trả lời:

“Mây trắng chiều nay chỉ là mối duyên liên lạc. Còn thì cấu tứ giữa phường Bích Câu, hồn thơ lai láng đã từ lâu làm nghiêng ngả cành cây ngọn cỏ, nổi lòng dễ giấu được ai? Già biết công tử từ lâu. Nhưng cũng phải đợi đến mây nổi chiều nay mới có dịp ra mắt”.

Câu trả lời úp mở, thâm ý ra sao, lúc bấy giờ Tú Uyên cũng chưa lường hết. Đành cũng theo đà câu chuyện mà hỏi tiếp:

“Nhưng sao lão trượng lại biết tiểu sinh chán học?”

Ông già cạn thêm một bát rượu đầy rồi mới thủng thẳng trả lời:

“Ngày nay thiên hạ đã bình. Việc xử thế trở nên dễ dãi, cái học vì vậy mà sinh ra trọng từ chương. Người có nội tâm u ẩn, như công tử đâu lại chịu uốn mình theo cử nghiệp? Gia dĩ cấu tứ mà chữa thành văn, nhìn mây chuyển mình mà xôn xao trong dạ, nổi lòng u uất đã hiện rõ nơi đầu mày cuối mắt, tưởng không cần là Trần Đoàn tái thế, cũng có thể ức đoán đôi phần”.

Lúc bấy giờ đêm đã sẫm màu mà Tú Uyên tưởng như đầu đây có ánh muôn sao lấp lánh. Niềm tâm sự bấy lâu u kết, đến giờ đã giải nguồn cơn. Tú Uyên tha thiết bùi ngùi:

“Tiểu sinh là người xấu số, sinh nhằm lúc trị bình, có cố gắng đọc sách tu thân thì bất quá cũng đến giẫm lại lối

mòn của người đi trước, cho nên thường thâu đêm nghĩ ngợi, quyết tâm tự tạo cho mình một nếp sống khác người. Thế mà mòn mỏi bấy lâu vẫn chưa tìm ra được lối”.

Ông già ngắt lời:

“Sao không dùng bút mà khơi nguồn tâm sự?”

Tú Uyên tiếp ngay:

“Tất cũng không ngoài cách đó. Nhưng mấy câu từ đã lâu mà ý chẳng thành văn... Cũng như chiều nay, mây trắng nổi lên cuồn cuộn, nền trời như áo tân khoa, vậy mà đến khi tìm lời mô tả thì lại cảm thấy óc trống không...”

Ông già cười ngắt mà rằng:

“Thế cho nên mới phải vẽ. Cảm hứng đột khởi tâm kỳ như quen như lạ, lời tất cũng phải tâm kỳ, đột ngột. Nhưng ngôn ngữ thường xuất tự lý mà ý đẹp của đám bạch vân lại trọng vì tình, việc tìm lời hợp ý không thể dễ dàng nhanh chóng. Chi bằng dùng ngay màu sắc để ghi màu sắc, lấy đường cong, nét thẳng của ngọn bút tơ mà hình dung dáng dấp có hơn là phải gián tiếp mượn lời để mà ngụ ý?”

Tú Uyên như con bệnh gặp thầy, xăm xăm đứng dậy vái dài mà xin thụ giáo. Ông già nâng bình rượu rót đầy hai bát rồi thủng thẳng:

“Hãy cạn đã”.

Tú Uyên tuy không quen nhưng cũng nhắm mắt cạn non nửa bát. Trong giây lát, rượu ngấm vào cơ thể, hơi men bốc lên thẳng đầu, Tú Uyên bỗng thấy toàn thân nhẹ nhõm, tâm thần phơi phới như đám mây trắng chơi vui trên nền trời rực đỏ ban chiều. Bèn giương mắt nhìn quanh thì như lạ như quen, mờ mờ ảo ảo, cảnh vật nhờ nhờ như một bức tranh thủy mặc. Định thần, cố cưỡng lại men thì thấy ông già đang cúi đầu trước một tờ giấy lớn giải rộng, tay lăm lăm cây bút đại tự. Mắt Tú Uyên dán chặt vào đầu cây bút.

Bàn tay ông già ngần ngừ giây lát rồi gân tay bỗng nổi, mấy đầu ngón tay thuôn dáng lá lan bám chặt lấy cán bút, đầu bút chúc xuống mặt giấy. Toàn thân ông già giữ lặng như pho tượng đá, duy từ đôi mắt quắc lên, như có một sức vô hình phả xuống bàn tay: bút múa trên tờ giấy. Từng nét, từng đường, phút chốc đám mây trắng ban chiều đã cuộn cuộn nổi lên trên mặt giấy phơn phớt chu sa.

Tú Uyên nhìn không chớp mắt, thần trí lâng lâng cùng với cảm giác ban chiều cũng vừa nở lại trong lòng. Cũng như ban chiều, cảm giác vừa kịp nở, đã loang ra, đã vượt khỏi cơ thể của chàng. Từ ông già tới chàng, từ chàng vươn tới ông già, qua dấu vết một bóng mây vờn vự, niềm thông cảm rung rung nhịp cầu ba động của màu và sắc điều hòa, của dáng và hình cân đối. Tú Uyên sửa soạn chuỗi mình vào cái khí lâng lâng nhịp nhàng tiết tấu đó thì ông già đã đặt bút xuống phán, nhìn Tú Uyên mà rằng:

“Công tử đã thấy chưa?”

Tú Uyên bùi ngùi:

“Lão trượng bút pháp như thần, tiểu sinh đức bạc, biết đến bao giờ mới theo kịp gót?”

Ông già gật gù:

“Công tử là người cốt cách. Nếu quyết tâm, chắc cũng không lâu. Nhưng không biết có đủ gan mà theo đuổi không?”

Tú Uyên sốt sắng:

“Xin nói cho nghe”.

Ông già bèn xốc lại cổ áo mà rằng:

“Nuôi trong nội tâm ý thành muốn đạt là nhân. Gặp ngoại cảnh là duyên đã bén. Bức tranh này là cái quả kết thành. Nhưng từ nhân tới quả, từ cái tuyệt đối trong lòng phá thành cái tuyệt đối trong thơ, trong họa, sẽ phải qua rất

nhieu đoạn đường hy sinh, nuôi dưỡng. Lão nói như vậy không biết đã hết ý chưa?”

Tú Uyên không biết nói sao, đành cứ phải cúi đầu vâng dạ.

Ông già lại tiếp:

“Công tử đã nuôi ý đẹp trong lòng, lão xin giúp thêm chút duyên liên lạc. Vả ý đẹp mơ hồ, gia dĩ công tử còn đang tuổi trẻ, vậy thử thách vẫn là điều cần thiết. Huống hồ mây trắng nổi trên nền trời đỏ lửa tuy đẹp nhưng đối với lứa tuổi thiếu niên có lẽ cái đẹp đó không thiết thực bằng vu vật này...”

Nói đoạn, ông già phất mạnh tay áo xuống bức tranh. Đám mây bỗng từ Đông vùn vụt sang Tây rồi từ từ biến mất. Nền tranh dụ lửa, máu hồng chu sa dần dần trở nên mát dọi. Nền tranh gọi đến chất rêu bám miệng giếng khơi giữa trưa một ngày đại thử.

Ông già cất bút. Bút chạy loang loáng trên nền tranh. Trước mắt Tú Uyên dưới ánh đèn dầu, lần lần hiện lên, huyền huyền ảo ảo, vô cùng linh động, những đường cong ấm dụ thân hình uyển chuyển một người thiếu nữ. Chàng trai tuổi chưa đến hai mươi – Tú Uyên – bỗng thấy sung sướng đến rợn người. Bởi giờ đây, không phải chỉ là sự điều hòa của màu và sắc, sự nhịp nhàng của nét và hình. Giờ đây cả màu và sắc, cả nét và hình đã trở nên màu-sắc-nét-hình của da của thịt. Chất ma túy toát ra từ người thiếu nữ trong tranh quyến rũ không phải chỉ nguyên có phần thị giác, mà toàn thể giác quan, toàn diện con người của chàng tuổi trẻ.

Tú Uyên khẽ kêu lên:

“Chà... đẹp!”

Rồi im bật. Ông già chỉ bức tranh, tủm tỉm:

“Đã được ngắm một vu vật như thế này chưa?”

Tú Uyên ngáp ngừng:

“Ở đời, làm gì có được một trang tuyệt thế giai nhân như vậy?”

Ông cụ gật đầu:

“Thế nhân còm cõi trong khoảng bốn mùa luân chuyển ví sao được với cái đẹp trong tranh? Nhưng giả thử gặp thì nghĩ sao?”

Tú Uyên thầm đặt lại câu hỏi với lòng mình.

Tự lúc trưởng thành, chàng chưa hề để ý đến đám phụ nhân. Thỉnh thoảng cũng có thoáng gặp một vài tà áo phất phơ óng ả, cong cong vành nón quai thao. Đôi khi, thoáng qua hàng giậu nhỏ, hoặc lả lơi giữa một đêm Hoa đăng dập dìu nam thanh nữ tú, cũng có thoáng nghe vài lời ngỏ ý của những cô gái trong phường cầm lòng chẳng đậu... trước cái giọng sang sảng bình văn, cái dáng dấp quỳnh giao của anh chàng thư sinh mặt trắng. Nhưng, tự lúc trưởng thành, lòng vẫn lặng thính, Tú Uyên đã từ thuở nhỏ chỉ biết vùi đầu vào trang sách cổ... “Lần này... nghĩ sao?”

Tú Uyên còn đang lúng túng thì ông già lại hỏi:

“Nếu gặp, liệu có thể cầm lòng, vượt khỏi tình thường da thịt của thế nhân được không?”

Câu hỏi làm rối thêm tâm tư, Tú Uyên không dám nghĩ thêm. Chàng rằng:

“Nếu có phải thử thách mới cầm nổi bút tạo nên vẻ đẹp thì tiểu sinh cũng xin được một phen thử thách”.

Ông già gật đầu:

“Nếu vậy được”.

Vừa nói vừa cầm bút và trên đầu người thiếu nữ trong tranh, tô đậm một nét vòng tròn. Đoạn vút bút, cạn nửa bát rượu rồi nói tiếp:

“Lão thêm một nét trắng rằm. Cái đẹp trong tranh sẽ

cùng ánh trăng mà biến hóa. Công tử hãy treo bức tranh này trước án sách. Ý thành của người ngắm tranh rồi sẽ có phen thể hiện”.

Nói đoạn đứng dậy thu dọn bút nghiên. Tú Uyên luống cuống ngăn lại:

“Xin lão trượng dạy thêm vài lời vàng ngọc, tiểu sinh thật tình vẫn chưa thấu ý”.

Lúc bấy giờ ông già đã đứng bên liếp cửa, râu tóc bạc phơ, hình dáng mờ mờ áng mây buổi sáng, nét núi ban hôm. Tiếng nói tự nơi xa xôi vọng lại:

“Hãy cứ làm đúng lời ta dặn. Tất sẽ hiểu dần”.

Tú Uyên cố nài xin cho tái ngộ thì lại vắng nghe:

“Lúc cần gặp thì cứ mang tranh này đợi ta tại phía cầu Đông sông Tô Lịch. Ta sẽ đến”.

Những lời cuối cùng thoảng như một cơn gió nhẹ. Cánh liếp mở toang. Bóng ông già lẳng đặng mờ dần vào lòng một đêm dày đặc, không trăng mà vắng cả sao.

Gian phòng yên lặng khác thường khi Tú Uyên kể dứt câu chuyện.

Trần Công đợi một lát rồi nhìn cháu. Ông thấy cần phải lên tiếng mà chưa biết nói gì. Câu chuyện tuy lạ lùng nhưng giọng người kể chuyện lại chân thành, tâm sự người sống trong chuyện u uất hiện lên đuôi mắt, Trần Công khẽ đặt tay lên vai cháu, giọng ông trìu mến lạ thường:

“Thế rồi sao nữa, cháu? Chú vẫn nghe đây”.

Tú Uyên thở dài:

“Bức tranh vẫn treo bên phòng học. Đêm đêm lặng ngắm vẻ đẹp trong tranh, tự xuân qua hạ đến nay đã vào thu mà vẫn chưa thấy gì...”

Trần Công bèn đứng dậy:

“Cháu dẫn chú sang xem”.

Lúc bây giờ đã quá canh ba, trăng hạ tuần nghiêng nghiêng đầu khóm trúc góc vườn, nét trắng thanh và gọn, ánh trăng thấp thoáng qua giàn cây leo soi chéch xuống dọc hàng hiên dẫn xuống phòng học. Chó sủa bâng quơ tiếng một. Gà thôn xa vọng lại tiếng gáy lẻ loi. Gió may xào xạc kẽ lá, Trần Công rùng mình, ngửa mặt nhìn trăng.

Ông lẩm bẩm một mình:

“Trăng hạ tuần. Vào thu rồi...”

Tú Uyên vén tấm màn trúc. Hai chú cháu lặng lẽ bước vào một gian phòng nhỏ, đồ đạc sơ sài, ngổn ngang sách vở, mờ mờ có bức tranh treo tậu cuối phòng.

Trần Công tiến lại bức tranh, vừa đi vừa nói:

“Nào...”

Nhưng bỗng im bật, tay run run nắm chặt lấy vai Tú Uyên. Trong yên lặng khác thường, hai người đứng sững, trông mắt hút hẳn vào lòng bức tranh.

Lòng bức tranh vắng vẻ, quạnh hiu. Người thiếu nữ trong tranh không còn nữa. Nét trắng tròn trong tranh cũng đã biến dạng để trở thành một nét lưỡi liềm.

Ngoài trời... vắt vẻo ngang sông, trăng hạ tuần nhếch mép, vàng khè.

Mờ sáng hôm sau, Trần Công dời phưởng Bích Câu một mình ra bến tìm thuyền về Sơn Nam.

Tú Uyên không kịp tiễn chú: chàng đã ra đi, ngay từ lúc gà chưa gáy sớm, sương còn nặng trĩu ngọn cỏ mọc ven tường Quốc Tử Giám. Chàng nhắm phía cầu Đông sông Tô Lịch mà rảo bước, con đường vắng vẻ, lác đác vài ba đám gánh gồng đến chợ, sao Mai khi mờ khi tỏ, ánh đèn hàng quán tuy le lói mà kẻ liếp vẫn kín như bưng. Gió buổi sớm đầu thu thấm lạnh qua vạt áo mỏng, sương nội cỏ thấm ướt gót chân, nhưng, chim bỗng ríu rít chuyền cành, ánh

nắng hoe vàng, vàng hoe cả dòng sông Tô gợn sóng, vào giờ Mão thì Tú Uyên đã ôm bức tranh mà bước lên cầu.

Tới giữa cầu, bâng khuâng nhìn quanh bốn phía rồi tựa thành cầu mà đợi.

Một lát sau nghe tiếng gọi dưới sông. Nheo mắt cố nhìn thì mờ mờ trong đám sương lam, có chiếc thuyền nhỏ đang rẽ sóng mà vào bờ. Thuyền vừa cập bến, có người bỏ mái chèo thủng thỉnh bước lên. Đến lúc bấy giờ Tú Uyên mới nhận ra ông già buổi trước.

Bèn mừng mừng tủi tủi, chấp tay vái dài mà nói chẳng nên lời. Ông già ngửa mặt cười vang, râu tóc bạc màu khói nước, phơ phất trong gió sớm gợn mặt sông Tô.

Dứt tiếng cười, ông già mới lên tiếng:

“Lão đến hơi chậm, công tử thứ lỗi cho nhé!”

Tú Uyên kính cẩn:

“Được gặp là may, đâu dám kêu nài rằng nhanh hay chậm? Giả thử phải đợi đến mãn kiếp, tiểu sinh cũng ôm cầu mà đợi”.

Ông già gật gù:

“Chí tình thay...”

Rồi lại tiếp:

“Làm gì mà người đẹp chẳng phải động tâm!”

Tú Uyên tỏ vẻ ngạc nhiên, ông già bèn chỉ bức tranh mà rằng:

“Quên chuyện hôm qua rồi sao?”

Tú Uyên giật mình:

“Thế ra lão trượng đã biết chuyện...”

Thì gạt đi:

“Ta nên đi ngay. Thì giờ là vàng ngọc. Trăng rằm còn khuyết, ta e có người đang đổ mắt mong tin”.

Nói đoạn, thoăn thoắt xuống bến, rồi bước lên thuyền.

Tú Uyên cũng vội theo gót. Một lát sau, con thuyền bỏ cầu Đông, men theo dòng sông mà trôi nhẹ về Nam.

Tú Uyên đợi mãi vẫn không thấy ông già nói tiếp, bèn đánh bạo lên tiếng trước:

“Dám thưa lão trượng, tiểu sinh nghe thấy nói có người chờ đợi, tiểu sinh vẫn chưa hiểu là ai?”

Ông già lại cười vang mặt sông mà không trả lời.

Thuyền đi đến lúc mặt trời mọc ngang một con sào thì Tú Uyên không dẫn được lòng, đành lại gạn hỏi. Đến lúc đó, ông già mới lên tiếng:

“Đêm đêm đối diện, từ lúc tàn xuân cho tới đêm qua... vậy mà công tử không biết là ai ư?”

Rồi lại cười mà chỉ bức tranh:

“Người đẹp trong tranh chứ còn ai nữa...”

Lời nói quá đột ngột, Tú Uyên chưa kịp thấu ý, thuyền đã dừng lại. Ông già gác mái chèo, chậm rãi nói tiếp:

“Từ đây tới chùa Ngọc Hồ cũng không xa, công tử, công tử hãy lên bộ mà tới thẳng chùa. Rồi sẽ được toại ý”.

Tú Uyên vẫn như người mơ ngủ:

“Tiểu sinh sẽ gặp người cũ trong tranh ư?”

Ông già mỉm cười mà rằng:

“Đang đợi công tử đấy...”

Tú Uyên cảm thấy hân hoan đến nghẹn thở, nhưng vẫn chưa dám tin:

“Lão trượng nói thật hay định đùa tiểu sinh?”

Ông già bèn nghiêm giọng:

“Tất không phải chuyện đùa. Tuy nhiên, công tử cũng cần gượng nhẹ. Người ta tuy có lòng với công tử nhưng vẫn còn ngại cái vòng kiếm tủa của một ánh trăng. Công tử đừng ngỏ lời trước. Tới chùa tìm một cành cây rồi treo bức tranh lên mà ngồi đợi. Thấy gì cũng đừng tỏ vẻ ngạc nhiên.

Cứ như thế mà làm. Chắc chắn sẽ thành công”.

Tú Uyên chăm chú lắng nghe, ông già ngừng trong giây lát rồi lại nói:

“Người đẹp chẳng qua chỉ là phương tiện. Thể hiện vẻ đẹp trên tranh mới là cái đích của công tử. Đừng nên đắm đuối vào phương tiện mà lãng quên cái đích của mình. Lão khuyên công tử từ nay phải sửa mình cho vững, vì thử thách còn nhiều... Giữa một người đẹp đào tơ mơn mớn và một nét họa trong tranh, giữa cái nhất thời tương đối và cái tuyệt đối bất chấp thời gian, sự chọn lựa sẽ vô cùng đau xót. Thôi... lão nói quá nhiều. Xin mời công tử”.

Tú Uyên sụp xuống lạy. Ông già vỗ vào vai mà từ biệt, Tú Uyên ôm bức tranh lên bờ. Lúc quay lại, thuyền đã dời bến. Chợt nhớ ra, bèn gọi với mà xin tái ngộ. Giọng ông già vẳng lại trên sông:

“Hễ thành công thì còn duyên hội ngộ. Bằng không thì có gặp nữa cũng là vô ích. Thôi!”

Trong giây lát chỉ còn nghe thấy tiếng mái chèo khua nước. Con thuyền đi dần vào sương buổi sớm còn vương lại, trắng xóa mặt sông.

Giập bã trầu thì Tú Uyên tới chùa.

Chùa vốn là nơi thắng cảnh Thăng Long nhưng hôm đó không nhằm ngày lễ nên cảnh chùa vắng vẻ, cổng tam quan mờ mờ ba chữ Ngọc Hồ Tự. Qua cổng tới mấy bậc đá xanh, rồi Tú Uyên bước xuống một khoảng sân rộng rãi lát gạch Bát Tràng.

Nhìn quanh không thấy ai, chàng lảng lạng đi lại một góc phong già, chọn một cành thấp mà treo rộng bức tranh. Treo xong, tìm chỗ khuất, ngồi đợi.

Không bao lâu, vẳng nghe có tiếng người nói chuyện đằng xa. Cố gắng tai thì rõ là tiếng đàn bà mà sân chùa

quạnh hiu, lộng gió, tuyết nhiên không một bóng người. Tiếng nói chuyện mỗi lúc một gần. Tú Uyên cảm thấy rợn người nhưng nhớ tới lời ông già nên cố ngồi yên mà đợi. Một lát sau, đã nghe rõ nhỏ to từng lời đối thoại giữa một giọng trầm trầm đứng tuổi và một trong veo của một cô gái đang tơ.

Giọng người đứng tuổi thoảng buồn:

“Không biết mai kia Giáng Kiều có còn nhớ tới chị không?”

Giọng cô gái - Giáng Kiều - khẽ cất lên trong và nhẹ, tưởng như đâu đây có giọt mưa Ngâu thánh thót xuống mặt hồ thu.

“Cứ nghĩ tới lúc chia tay mà em đã thấy nao nao trong dạ”.

Người đứng tuổi cất tiếng cười:

“Thế sao mặt lại cứ tươi như hoa nở thế kia? Không biết anh chàng tu đã mấy kiếp mà...”

Giáng Kiều e lệ cất lời:

“Nói khẽ chứ chị, ngộ nhớ có ai nghe thấy...”

Người đứng tuổi vẫn chưa chịu tha:

“Ở đây vắng vẻ, chỉ có chị em mình. Gia dĩ mối tình si của anh chàng đã làm khuyết cả nét trăng rằm, còn giấu nổi ai?”

Dứt lời, cả hai im lặng. Tú Uyên nghe nhẹ có tiếng hài thêu lướt trong ngọn gió. Tú Uyên nghe như hai người lững thững lại gần. Rồi giọng người đứng tuổi lại cất lên:

“Đã từ lâu, chị thôi vương mắc, thế mà cũng đang lây cái vui của em đấy”.

Giọng Giáng Kiều thỏ thẻ thoảng tới Tú Uyên. Chàng có cảm tưởng người thiếu nữ vô hình đang thì thầm tâm sự bên tai, hơi thổi phả vào tận mặt:

“Vui hay buồn, thật tình cũng không hiểu rõ. Chỉ thấy nao nao trong dạ... Chị Giáng Tiên này, không biết mai sau phó

mặc tấm thân ràng buộc với một nét trắng, rồi sẽ ra sao?”

Giây lâu, mới có tiếng trả lời, giọng người đứng tuổi là Giáng Tiên, như gợn một niềm ái ngại:

“Nghĩ làm gì, em? Em không có quyền chọn lựa?”

Giáng Kiều lại thủ thỉ:

“Thế còn chị?”

Im lìm. Gió nổi lên, tịch mịch. Giây lâu, lại vẫn giọng Giáng Kiều:

“Sao chị lại im không nói, chị giận em sao?”

Thoảng nghe có tiếng thở dài. Rồi giọng Giáng Tiên cất lên, nghe như từ một quá khứ xa xôi vọng lại.

Giáng Tiên khẽ ngâm:

Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời...

Câu thơ ngâm dứt, hồn thơ lai láng, dư ba làm dựng tóc gáy Tú Uyên. Chàng vừa kịp ngăn một tiếng kêu thốt tự đáy lòng thì Giáng Tiên đã tiếp:

“Chuyện của chị đã xưa rồi. Cũng vì chuyện đó, cũng vì một chuyện tương tự như chuyện của em, cũng vì một phút cảm thông với một tâm hồn thi nhân, cũng vì một vài vần thơ mà chị đã được siêu thoát. Chuyện của chị xưa rồi. Nhắc lại cũng là vô ích. Rồi ra em sẽ như chị. Chị khuyên em nên vững tâm chịu đựng. Nhờ tay chàng, em sẽ hoàn toàn thoát khỏi nơi vòng kiềm tỏa thời gian”.

Tú Uyên có cảm tưởng hai người dừng lại nhìn nhau. Giây lâu, mới lại nghe thấy Giáng Tiên cất tiếng:

“Mà thôi, chị về. Để em đợi chàng. Chắc cũng sắp lại đây”.

Giáng Kiều năn nỉ:

“Không gặp nhau nữa ư?”

Không có tiếng trả lời. Gió lộng thổi trên sân chùa bát ngát. Tú Uyên nín thở. Một lát sau, giọng Giáng Kiều nghẹn ngào khẽ thoảng bên tai:

“Bức tranh... Tân lang đã đến”.

Tú Uyên bước vội đến gốc cây phong. Nhìn quanh vắng vẻ. Sân chùa in bóng cây phong gầy guộc, màu gạch Bát tràng tái ngắt dưới ánh nắng thu.

Quay lại bức tranh thì nét trắng hạ tuần đã trở lại hình tròn.

Trong tranh, nguyên vẹn in hình người cũ. Giáng Kiều.

“Giáng Kiều...”

Tú Uyên khẽ thốt lên như vậy, lần này không biết đã mấy mươi lần, từ lúc rời chùa bước về nhà, run tay treo bức tranh lên chỗ cũ.

“Giáng Kiều...”

Mà lắng nghe, chỉ có tiếng gió đầu mùa lộng thổi ngoài song. Trong tranh, dưới ánh trăng tròn, Giáng Kiều, người đẹp, vẫn giữ nguyên dáng cũ: Giáng Kiều vẫn chỉ là những nét và hình.

Lúc bấy giờ đêm đã vào khuya, tiếng đồng hồ thánh thót, gian phòng lạnh toát hơi may. Tú Uyên với tay lấy bình rượu, rót đầy một chén, rồi lặng lẽ nhìn Giáng Kiều mà nâng chén. Men loang tê lưỡi, bốc cháy niềm chờ đợi: Giáng Kiều vẫn nguyên vị đứng yên.

Bèn vùng dậy xăm xăm đến trước bức tranh. Rồi nhân men bốc lên đầu, chàng thẳng tay đẩy mạnh cánh song.

Gió lùa vào phòng học, ánh nến chập chờn, trăng ngoài trời xuất hiện lên vắt vẻo ngang song. Trăng trong tranh bỗng khuyết dần: hai nét trăng lại giống hệt nhau.

Thế rồi gian phòng sực mùi hương lạ, tà áo người trong tranh phấp phới, sắc màu giao động, Giáng Kiều khép nép cúi đầu thi lễ. Tú Uyên chưa kịp ngạc nhiên, thì gót sen thoăn thoắt, Giáng Kiều đã đứng bên chàng. Lúc bấy giờ, mắt đen thăm thẳm, hơi thở rộ ràng, da ấm mịn cổ non

phơi nắng, môi mọng thơm quả quý chín mùi, tóc mềm cuộn cuộn xuống vai, Giáng Kiều là đọt sóng ngoài khơi, là mây trắng trên trời; Tú Uyên phút chốc tưởng như bỗng bồng bồng bay bổng rồi lại cảm thấy tựa chuỗi xuống vực.

Chàng gượng giờ tay khép kín cánh song. Ánh nến đã tắt tựa bao giờ. Gió ngoài trời vẫn thổi, Tú Uyên mong gió thổi không ngừng.

Đầu canh năm, gà gáy ran bờ giậu, hàng xóm rủ nhau thức dậy thổi cơm, Tú Uyên cũng từ từ tỉnh giấc. Sực nhớ chuyện đêm qua, dụi mắt mà nhìn thì vẫn thấy Giáng Kiều nằm cạnh còn đang thiếp ngủ. Bèn đẩy mạnh cánh song rồi chống tay ghé đầu mà no mắt ngắm. Ánh sáng bàng bạc một bình minh đầu mùa trở lạnh chảy dài theo một vóc người thanh tú. Nhìn kỹ thì đường cong mềm mại, nét nhỏ nhíp nhàng, nhan sắc so với lúc còn ở trong tranh lại có phần hơn.

Gió thoảng vào phòng, Giáng Kiều rướn người nhích lại Tú Uyên. Da thịt ấm nồng, hơi thở thơm mùi phong lan nở dưới trăng rừng, Tú Uyên lại thấy choáng váng, tưởng như đang ngập lặn dưới muôn nghìn đọt sóng lên xuống thất thường. Chàng cố gượng vùng dậy. Tiếng động làm Giáng Kiều tỉnh giấc, mắt đen láy mở to ngơ ngác. Rồi nhoén miệng cười. Tú Uyên ngập ngừng:

“Nàng... là ai?”

Thì cũng ngập ngừng:

“Lại còn phải hỏi ư?”

Bàn tay Tú Uyên mơn theo cái dáng bồng bồng của mớ tóc mây, bàn tay dừng lại nơi thoải thoải giữa vai và cổ rồi nằm gọn trong mười ngón búp măng run rẩy của Giáng Kiều. Tiếng động bên ngoài mờ dần. Trong tịch mịch của gian phòng, không khí nghe như vẫn vụt từng luồng rạo rục...

Một lát sau, Tú Uyên mới nói:

“Biết nàng là người đẹp trong tranh. Lại nhân nghe trộm câu chuyện ở sân chùa mà biết thêm được tên. Nhưng ở đâu mà lại, tại sao lại từ trong tranh mà bước vào đời, Giáng Kiều...”

Mười ngón búp măng siết chặt, hơi ấm người thiếu nữ ấm ran bàn tay Tú Uyên. Nàng đáp:

“Nhưng sao lại băn khoăn tìm hiểu nguyên do? Đòi ta gần nhau thế này chưa đủ sao?”

Tú Uyên bèn đem chuyện cũ ông già vẽ tranh mà kể lại. Nghe xong, Giáng Kiều bỗng dựng nức nở, hàng mi ướt đẫm, trông mắt ngấn lệ long lanh.

Gạn hỏi thì ngập ngừng không muốn nói. Giây lâu mới lên tiếng:

“Thiếp nhờ tay người tạo nên thể xác. Lại nhờ ý thành của chàng gây nên sinh khí mà trở thành người. Thân thiếp vì vậy mà hoàn toàn tùy thuộc nơi chàng. Không biết có tin được lòng ai không?”

Tú Uyên tự nhiên cũng thấy thốn thức trong lòng. Bèn nâng đầu Giáng Kiều đặt vào lòng rồi mắt nhìn tận mắt:

“Sinh này nguyện đem cả chuỗi ngày xanh còn lại mà nguyện yêu nàng. Như thế đã đủ tin chưa?”

Giáng Kiều chớp chớp hàng mi thỏ thẻ:

“Đời thiếp chỉ biết có chàng, không tin chàng còn biết tin ai? Nhưng... còn ông già?”

Trên nền ký ức Tú Uyên, bỗng nổi lên một dáng mây chiều. Chàng nhớ tới lời hứa của chàng khi gặp ông già: chàng sẽ vượt mọi thử thách để cầm nổi bút mà tạo nên vẻ đẹp. Chàng nhớ lại lời khuyên của ông già khi dời bến sông Tô:

“Người đẹp chẳng qua chỉ là phương tiện. Thể hiện vẻ

đẹp trên tranh mới là cái đích cuối cùng. Không nên đắm đuối vào phương tiện mà quên mất đích...”

Chàng nhìn Giáng Kiều: Giáng Kiều ngược mắt nhìn chàng. Giáng Kiều chỉ là phương tiện. Biết nói gì đây?

Tú Uyên cố nén một tiếng thở dài. Chàng linh cảm những ngày sắp tới sẽ là những ngày thắc mắc. Nhưng hiện giờ chàng không muốn nghĩ. Hạnh phúc đang tràn trề, hạnh phúc là hương nồng da thịt, ấm áp sinh lực của cuộc đời lộng gió heo may. Hạnh phúc giờ đây trọn vẹn, bởi mong manh, mong manh như giọt lệ lẻ loi đang còn vương lại nơi đuôi mắt Giáng Kiều.

Chàng cúi xuống thì thầm:

“Giáng Kiều... đôi ta...”

Và bắt gặp ánh mắt của mình thăm thẳm tận cùng trông mắt Giáng Kiều. Đột nhiên, chàng thấy chớm lại trong lòng, từ những ngày thơ ấu âm thầm sống cạnh Trần Công, cái cảm giác xa xưa, rờn rợn, cô đơn mà vô cùng quyến rũ, khi một mình nhìn sâu xuống lòng một vực giếng khơi, khi lòng vực giếng dâng lên vôi vọi hình ảnh cô đơn của chàng.

Cảm giác đó lan ra như một chất men. Vòng tay Giáng Kiều nặng trĩu nơi cổ, Tú Uyên thôi nghĩ, quên hẳn những lời đối thoại vừa qua, từ từ nhắm mắt mà đắm mình vào lòng cảm giác.

Lúc bấy giờ mặt trời đã lên cao. Ánh nắng đầu thu nhẹ nhàng qua song, dát vàng lên bức tranh vẫn trải rộng trên tường.

Nền tranh hoang rộng...

Trăng trong tranh đã lặn từ lâu.

Thế rồi, nhịp theo tuần trăng ngoài trời, nét trăng trong tranh khi mờ, khi tỏ, lúc khuyết, lúc tròn, hai người mê man quấn quýt lấy nhau, lãng nhìn cảnh vật bên ngoài, lấy tình yêu làm lẽ sống.

Giáng Kiều bám chặt vào cuộc đời mà quên hẳn cuộc sống trong tranh. Tú Uyên thì đóng cửa không tiếp khách, để nguyên sách vở lên bụi. Bận bề lúc đầu thấy lạ cũng có nhẩn lời khuyên nhủ, hàng xóm dị nghị có khi nhắc khéo đến chuyện Liêu Trai, nhưng Tú Uyên cứ cảm lạnh mà để thoảng bên tai, lâu dần cũng không còn ai buồn nói tới. Có việc qua ngõ, cũng chỉ biết nhìn cổng khép kín, ngắm giàn thiên lý thấp thoáng trong vườn mà lắc đầu rảo bước cho nhanh.

Một buổi sáng, gió nhẹ đầy song, hoa đào nở đỏ góc vườn, trời xanh cao nhẹ, chim yến lượn từng đàn, Tú Uyên biết là mùa đông đã qua từ lâu. Bèn nhẹ đặt đầu Giáng Kiều xuống gối, với tay nhặt một cuốn sách để lay lắt từ lâu trên bàn mà dở ra xem. Sách luận về cái viễn tượng xa xôi, một khi Đạo lớn của người nước Lỗ được nơi nơi thực hiện. Nhưng đọc được non một trang, nghĩa sách vẫn thoảng như gió ngoài trời, Tú Uyên vứt quyển sách xuống chân giường mà lơ đãng nhìn quanh.

Chợt thấy bức tranh, bắt chợt nghĩ đến ông già. Bèn vùng đứng dậy, mài mực, lấy bút, trải giấy xuống mặt án thư, vén tay áo mà vạch một nét. Nét bút vừa phác, Tú Uyên thấy nhẹ như một cánh chim. Vạch thêm nét nữa thì chim như đã vươn hai cánh, như muốn vỗ mạnh mà rời mặt giấy. Tú Uyên chấm mực, phác nhanh một nét sao đêm. Chim tức thì vỗ cánh mà vút lên cao rồi mất hút vào lòng ngôi sao lấp lánh. Gió chợt nổi lên trên nền giấy. Ngôi sao tắt ngấm. Nền giấy trở lại trắng tinh.

Quay lại, Giáng Kiều đã đứng bên chàng.

Hai người lặng lẽ nhìn nhau.

Một lát sau, Giáng Kiều mới nói, giọng như cổ ghìm cảm động:

“Chàng phải bắt đầu tự thiếp. Thiếp mới là thật. Còn đôi cánh chim vừa vẽ chỉ là những trò ảo mộng...”

Tú Uyên nhìn lên bức tranh treo trên tường. Giáng Kiều cũng nhìn theo mà rằng:

“Chàng phải vẽ lên chính bức tranh đó. Chàng đã hứa với ông già. Vả lại thân thiếp dầu sao, chỉ là phương tiện. Chàng nên cố gắng thành công”.

Tú Uyên như người mơ ngủ, cầm bút tiến lại bức tranh, Giáng Kiều đứng im lặng một chỗ, dáng điệu giữ nguyên dáng điệu cũ, khi gót sen chưa bước vào đời. Tú Uyên dứng đầu bút xuống nghiên mực rồi quay lại nhìn Giáng Kiều. Tầm mắt chàng như xa ra, như vươn tới áng mây trắng chiều xuân năm ngoái, như lướt trên lớp sóng sông Tô. Chàng đã hứa với ông già. Chàng nghĩ tới một nền giấy chu sa, bành bông có dáng mây vờn vục. Tầm mắt gần lại. Từng đường, từng nét, Giáng Kiều hiện lên trước mặt chàng, Giáng Kiều mà từng đường cong, từng nét nhỏ, cả tấm thân trau chuốt từng khối ngọc lạnh, đối với chàng không còn gì xa lạ.

Chàng bắt đầu vẽ.

Bắt đầu Giáng Kiều có cảm giác như có ai bới tóc mà đếm từng sợi tóc. Thế rồi, khi ngọn bút Tú Uyên vừa chạm xuống nền tranh thì cảm giác tê rợn vừa qua đã trở nên nhức buốt. Tóc bị nhổ dần từng sợi, mỗi sợi tóc nhổ đã lại được thay thế bằng một mũi kim... Cứ như thế, cực hình tiếp tục đồng thời với ngọn bút Tú Uyên loang loáng trên mặt nền tranh.

Nàng muốn cắn chặt môi, để khỏi bật tiếng kêu. Nhưng lại sợ Tú Uyên ngừng bút, nên toàn thân cố giữ không cử động, mặt vẫn phải tươi mà nước mắt trào ra đã ướt đẫm cả vạt áo ngoài.

Ngọn bút Tú Uyên vạch nhỏ từng nét tóc mây, ngọn bút in hẳn xuống mặt giấy, mớ tóc mây bỗng lên đen biếc màu da trời mùa hạ giữa đêm trăng. Giáng Kiều cố dán mắt vào bức tranh để quên đau xót. Nhưng mắt nàng trong chốc lát bỗng hoa lên. Và khi nghe tiếng động, Tú Uyên ngoảnh lại thì Giáng Kiều đã ngã vật xuống bên giường. Vợ chạy lại thì Giáng Kiều đã vợ ngồi dậy như thường. Hỏi ra mới biết chuyện, bèn vớt bút mà rằng:

“Lời hứa với ông già tuy nặng, nhưng mối tình của đôi ta còn nặng hơn. Xin thề không vẽ nữa”.

Dứt lời, những nét vừa phác trên tranh cũng mờ dần rồi biến mất. Bức tranh trở lại nền tranh.

Từ hôm ấy, tâm hồn hai người không còn hồn nhiên như cũ. Tình yêu tuy vẫn nồng nàn mà ngay những phút đắm say đến cực độ, tâm tư vẫn còn thấp thoáng ám ảnh cô đơn. Hai người thôi là một. Đuôi mắt Giáng Kiều gợn lên từng đợt ưu tư. Tú Uyên đôi khi tự bất chợt âm thầm nhìn sâu vào một khoảng trời hun hút. Gia dĩ nét trắng trong tranh đêm đêm vẫn tỏ, ánh trăng tỏa ra, hắt hieu, kêu gọi. Tú Uyên lại nhớ tới ông già.

Những lúc ấy, giọng Giáng Kiều trở nên tha thiết, tiếng nhỏ to gọi đến cung bực một chiếc đàn tì nỉ non bên bờ sông vắng. Trong không khí hiu quạnh của gian phòng, Tú Uyên lặng nghe thấm vào lòng từng lời tâm sự và từng đợt quạnh hiu.

Giáng Kiều rằng:

“Thiếp từ tiếp ý của chàng mà bước vào đời, đến nay mới biết tình yêu là nặng, mới biết xót xa cho phận con người. Nhưng... tấm thân đã phượng thức nơi chàng, thiếp nguyện hy sinh tất cả vì chàng. Lần đầu chưa thành công, tại sao không nghĩ lại mà thử thêm lần nữa?”

“Tại sao?...”

Tú Uyên không nói thêm, vòng tay khép chặt thêm vào đôi vai nho nhỏ của Giáng Kiều.

Tại sao? Vì chàng biết là muốn thành công thì sẽ mất Giáng Kiều. Lời ông già giờ đây mới là rõ nghĩa.

“Giữa một người đẹp mơn mớn đào tơ và một nét họa trong tranh, giữa cái nhất thời tương đối và cái tuyệt đối bất chấp thời gian...”

Tú Uyên phải chọn lựa. Giữa một bức tranh và Giáng Kiều. Giữa cái đích hãy còn xa lắc và một tấm thân hiện đang run rẩy trong vòng tay khép chặt của chàng. Giữa cái chứa thành hình và cái hiện hữu. Sự chọn lựa thật vô cùng đau xót.

Một đêm cuối xuân, mây đen vần vũ tự buổi chiều, không khí hầm hập chuyển mùa, trăng chưa mọc mà sao không sáng trên nền trời mù mịt, gió không thổi mà ngừng lại từng nội cỏ, lùm cây, trống vừa dứt canh ba, Tú Uyên từ từ ngồi dậy, không định ý mà mắt nhìn hướng thẳng vào bức tranh mờ ảo một khoảng trống không trên vách.

Hốt nhiên, chàng cảm thấy đã đến giờ quyết liệt. Bèn nhẹ bước xuống giường, chọn cây nến lớn thắp lên mà bước thềm đến trước bức tranh. Ánh nến lung linh, nền tranh bát ngát gợn lên từng đám mây đen, không khí trong tranh tiềm tàng chờ đợi. Tú Uyên liếc nhanh về phía Giáng Kiều. Giáng Kiều vẫn đang thiếp ngủ, đường ngực nhịp nhàng, hơi thở đều đều...

Chàng khẽ gọi:

“Giáng Kiều...”

Đủ để một mình nghe thấy, để bỗng thấy trong lòng chứa chan lớp lớp sóng thương.

Chàng quay lại, giờ cao ngọn nến. Mây trong tranh vẫn

vũ thêm nhanh. Lửa nển chập chòn, nét mặt Tú Uyên in hẳn khắc khổ. Ngọn lửa từ từ kè sát bức tranh. Nhưng ngọn lửa vừa kịp tạt vào nền tranh thì bỗng gian phòng lóe sáng. Cùng một lúc, trăng đã nhô lên: chênh chếch ngoài song, chênh vênh một khoảng trong tranh, ánh trăng tràn ngập gian phòng, át cả ánh nển đang thoi thóp trong bàn tay Tú Uyên.

Thế rồi, gió lớn nổi lên khấp chồ: ngoài trời, trong tranh. Mây đen cuốn sạch. Lửa nển chưa kịp bén vào bức tranh, đã tắt ngấm.

Tú Uyên nghiến răng bóp nát ngọn nển mà xô lại bức tranh. Cũng vừa lúc đó, giữa lòng đêm thâu tịch mịch, bỗng cất lên một giọng trầm trầm:

“Hãy khoan...”

Tú Uyên rợn người đứng sửng. Giọng ai nghe quen thuộc, giọng xa xôi heo hút núi ngàn. Hốt nhiên nghĩ ra, chàng khẽ kêu lên:

“Giáng Tiên...”

Thì Giáng Tiên cũng từ bóng tối đi ra, nhịp nhàng, yếu điệu, Giáng Tiên thoát đã đứng trước bức tranh, đối diện với chàng. Nàng cúi đầu thi lễ: không khí trở nên êm ả, hây hây ngọn gió cuối xuân. Ngược nhìn người thiếu phụ, Tú Uyên thấy dị hẵn nổi lòng: sắc đẹp Giáng Tiên đã vượt ra khỏi vòng tục lụy. Vẫn những đường cong óng ả, vẫn là vóc liễu mảnh mai, nhưng ở Giáng Kiều thì nảo nùng rạo rục, mà ở Giáng Tiên thì lại thanh thoát dịu dàng. Một đàn là tuyết miền Bắc cực hay ánh chói mặt trời giữa nơi sa mạc. Một đàn là gió mùa xuân, là ánh nắng mùa thu. Một đàn vươn lên là sóng trùng dương. Một đàn bình thản tỏa ra là mặt hồ im lặng. Giáng Kiều vẫn còn đau xót. Giáng Tiên đã hết đau xót từ lâu.

Tú Uyên vụt nhớ lại. Chàng đọc thầm:

Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời...

Giáng Tiên mỉm cười:

“Thế ra công tử đã nghe thấy...”

Rồi lại tiếp ngay:

“Giờ đây thiếp đã quên lãng việc đời. Nhưng vì bản thân đã qua cầu đau xót, cho nên phải về đây đêm nay để mà an ủi những người đồng cảnh”.

Tú Uyên như người mê ngủ. Chàng rằng:

“Sinh này xin nghe. Nàng đừng nề hà mà không nói rõ”.

“Đến đây đêm nay là muốn nói rõ. Câu chuyện chắc dài, công tử cho phép...”

Nói đoạn, ung dung kéo ghế mà ngồi. Tú Uyên lật đật xin lỗi, thì xua tay mà rằng:

“Chúng ta một hội một thuyền, chẳng nên khách sáo. Công tử cứ tự nhiên. Xin mời công tử”.

Tú Uyên ngáp ngừng, liếc nhìn về phía Giáng Kiều. Giáng Tiên biết ý:

“Công tử để nguyên cho Giáng Kiều yên giấc. Nàng còn yên giấc cho tới hết câu chuyện. Cho tới khi nào công tử quyết định xong xuôi”.

Tú Uyên tuy không hiểu mà không dám hỏi nhiều. Chàng ghé ngồi xuống ghế đối diện, Giáng Tiên nói tiếp:

“Thiếp xin bắt đầu chuyện của thiếp. Vì nó liên quan với chuyện của công tử. Chắc công tử không ngờ, Giáng Kiều và thiếp, hình hài tuy có khác mà cốt cách lại giống nhau. Bởi cũng do một bàn tay cấu tạo”.

Tú Uyên thốt lên:

“Ông già!”

Giáng Tiên gật đầu:

“Chính ông già”.

Tú Uyên vẫn chưa hết ngạc nhiên:

“Trời... tại sao vậy...”

Giáng Tiên nói tiếp:

“Ông già vì thành ý của công tử mà tạo nên Giáng Kiều. Cũng như trước kia tiếc cho hồn thơ của Tiên Đế mà tạo ra thiếp. Sự nghiệp văn chương của Tiên Đế nào có phải là vài bài thơ khẩu khí truyền tụng trong chốn Tao Đàn? Dem cái vịnh cửu là thơ để cho cái nhất thời là chính trị, Tiên Đế nếu không gặp thiếp, tất sẽ mai một hồn thơ. Nhưng một chiều thông cảm, hồn thơ lai láng, Tiên Đế đã dám vượt cả lễ nghi trong thiên hạ mà ngồi chung xe với một ni cô... Và cũng vì thế, đến nay...”

Giáng Tiên ngừng lại, tầm mắt xa hút.

Tú Uyên như lây cảm động, chàng khẽ ngâm:

Gió thông đưa kệ tan niềm tục

Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời...

Giáng Tiên ngùi ngùi:

“Lời thơ vang lại tới đêm nay, vì hồn thơ phiêu lưu thoát khỏi cái duyên trần tục, dư ba chắc không phai mờ trong mai hậu... Cũng vì thế đêm nay mới được ngồi đây mà hầu chuyện công tử.

Tú Uyên vội hỏi:

“Nàng nói sao?”

Giáng Tiên chậm rãi:

“Vì thiếp đã trở thành bất diệt. Bất diệt cùng với hồn thơ. Thiếp đã đi vào lòng tuyệt đối. Giả thử năm xưa, bánh xe không kịp thời đứng lại, Tiên Đế không tìm được tình thường da thịt thì... đâu có ngày nay?”

Tú Uyên bất giác ngoảnh lại nhìn Giáng Kiều. Bất gặp tầm mắt Tú Uyên, Giáng Tiên liền tiếp:

“Sự lựa chọn nào mà không đứt ruột?”

Dưới ánh trăng, tấm thân Giáng Kiều bỗng trở nên mờ ảo, hình nét lung linh chuyển động như muốn vươn lên, cập tới một nhịp giao hòa mới lạ.

Tú Uyên nhìn thẳng vào Giáng Tiên:

“Xin hỏi thêm một điều. Ông già là ai?”

Giáng Tiên cười mà không đáp. Gạn hỏi thì úp mở mà rằng:

“Không là ai cả”.

Rồi lại tiếp:

“Cũng có thể là chàng”.

Tú Uyên chưa hết ngạc nhiên thì bỗng từ xa vẳng lại tiếng gà gáy sáng. Rồi, trống vòm canh dồn dập, hơi đêm tan loãng, ánh trăng mờ dần, nền trời bàng bạc, Giáng Tiên rũ áo đứng dậy, giọng cất lên như xa như gần:

“Đã đến giờ thiếp phải lên đường. Bình minh đã rạng. Giáng Kiều còn ngủ. Công tử nên kịp thời quyết định. Công tử trông kìa...”

Vừa nói vừa chỉ bức tranh.

Nét trăng trong tranh đã lặn từ lâu.

Quay lại thì xiêm y lãnh đãng ngoài song. Giáng Tiên chỉ còn là những nét mờ mờ chấm phá đang phai nhòa trên nền sương buổi sớm mù trời.

Tú Uyên tiến lại bức tranh.

Lúc bây giờ Giáng Kiều vẫn còn ngủ thiếp.

Bỗng dưng, Giáng Kiều cảm thấy, giữa cơn mê tỉnh chợt chờn, có con bướm trắng vờn quanh, cánh bướm đập nhẹ lên từng tế bào da thịt. Cảm giác tê tê đại đại lan ra như vết dầu loang. Phút chốc toàn thân tê liệt, cất tiếng kêu thì âm thanh vừa ra thoát khỏi miệng đã mất hút trong một khoảng không gian yên lặng khác thường. Bèn hé mắt nhìn thì thấy Tú Uyên đang lăm lăm ngọn bút, đứng trước bức

tranh, nền tranh sơ sài phác nhẹ một nét hình dung toàn thể thân hình yếu điệu một trang thiếu nữ. Giáng Kiều thấy nhói nơi tim: Tú Uyên đã lựa chọn.

Hai người lặng lẽ nhìn nhau: phút yên lặng dần dần trở nên một phút cảm thông có giá trị một cuộc giao hoan trọn vẹn, mà ái ân lờ lờ, niềm yêu đương đã vượt khỏi tình thường quấn quít nơi mái tóc, làn da.

Thế rồi trông mắt Tú Uyên xa thẳm, bàn tay cầm bút nổi gân, ngọn bút bắt đầu tỉ mỉ đi vào từng nét.

Giáng Kiều nghiêng rặng chờ đợi cực hình...

Bỗng, toàn thân thấy nhẹ lâng lâng, Giáng Kiều có cảm tưởng biến thành bông nõn, bông bành trên đầu một ngọn gió xuân. Rồi ngọn gió xoay chiều thành cơn lốc nhẹ, Giáng Kiều chuốt dáng, thân hình như vờn cao đến tận mây xanh.

Cảm giác lạ lùng đó dâng lên như một đợt sóng thủy triều. Không gian ngừng lại đã tự bao giờ. Trăng thoi mọc. Ánh mặt trời mãi mãi là ánh thiều quang.

Chợt nhớ tới Tú Uyên, bèn quay lại thì long lanh tận dưới hàng mi, đuôi mắt Tú Uyên bắt đầu ngấn lệ...

Ngọn bút tung hoành loang loáng như một ánh thép lưu cầu bị dồn vào một thế giới. Ngọn bút tấp xuống nền tranh, sầm sập mưa sa xuống mặt sông dài giữa cơn bão lớn. Từng nét một, người đẹp trên tranh lần lần thể hiện. Từng nét một, Tú Uyên bỗng thấy Giáng Kiều mờ dần trong một đám mây mù khởi dâng không biết tự đâu.

Chàng dụi mắt, định thần và chợt hiểu. Tay cầm bút run lên. Đám mây mỗi lúc một thêm dày đặc, thấp thoáng chỉ còn nhìn thấy vài nét Giáng Kiều.

Bèn nghiêng rặng, gạt lệ, mà chúc đầu ngọn bút xuống nền tranh.

Nét bút cuối cùng là một nét trắng rằm.

Đám mây phút chốc trở nên trắng xóa, bông bành nhẹ lướt qua song, mờ dần vào một khoảng trời cao thăm thẳm.

Giáng Kiều đã đi vào lòng tuyệt đối.

Gian phòng vắng ngắt, hoe hoe màu nắng cuối xuân.

Tú Uyên vút bút, gục xuống bên cạnh bức tranh đã thành hình.

Nửa tháng sau, không thấy tiếng động trong nhà, hàng xóm sinh nghi, kéo sang đẩy ngõ, rủ nhau phá cửa mà vào. Cửa vừa mở thì mùi mốc xông lên, nhện giăng đầy đó, sách vở ngổn ngang, động đến là tan thành bụi.

Thì ra Tú Uyên bỏ đi đã từ lâu.

Duy trên vách nguyên vẹn vẫn còn bức tranh tố nữ.

Bức tranh đó, Trần Công giữ làm đồ gia bảo, đêm ngày lảng ngẫm không thôi. Một ít năm sau, nỗi buồn tuyệt tự ăn sâu vào tâm não, vợ chồng Trần Công theo nhau mà quy tiên. Bức tranh vì thế mà sang tay họ khác. Từ đó, trải mấy triều đại đổi thay, bức tranh đổi chủ đã mấy lần, mà nét bút vẫn còn nguyên như cũ.

Kịp đến khi, tang thương biến đổi, quân Pháp-lan-tây chiếm giữ các nơi, bức tranh không hiểu sao lại lọt vào tay quan Đình nguyên họ Phan lúc bấy giờ đang phất cờ khởi nghĩa Cần Vương khoảng rừng Hồng Lĩnh. Họ Phan có tài dùng quân, biết phép đúc súng, nhưng lại yêu việc thi, họa, cầm, kỳ, nên rất quý bức tranh tố nữ, luôn luôn treo trong phòng làm việc, không lúc nào rời. Thường lúc rỗi, hay ngồi một mình đối diện bức tranh mà thổi ống tiêu. Những lúc đó, tâm sự u uất lộ ra cả âm thanh, tiếng trúc theo gió Lào tỏa khắp chiến khu Ngàn Trươi, ai nghe thấy cũng phải chau mày gạt lệ.

Lúc bấy giờ, bức tranh đã mờ, nét vẽ như có sương mù bao phủ.

Đến một đêm, trăng trong tranh bỗng dưng đỏ ửng: họ Phan bắt đầu thụ bệnh.

Trước khi nhắm mắt, họ Phan có đòi nhìn lại bức tranh.

Nhưng trăng trong tranh đã rụng.

Người đẹp trong tranh đã đi trước họ Phan.

1957

Y UYÊN
DÁNG THÚ

*Lung khom dáng thú,
bụng phơi hình người*

Viên Linh

Tiệm ăn ở trên một gò đất cao cây cối xum xuê sát bên con đường chạy xuống tỉnh. Trời nắng, trong suốt và hơi lạnh. Những bụi tre bao quanh tiệm ăn sau những ngày giá rét trở thành màu đỏ úa, cành lá xoắn xeo. Tiệm là một căn nhà ba gian lợp lá, phía trước có một giàn dưa tây đã khô chết. Ở ngay trên hiên, phía đầu nhà là một cái giếng thành xi măng cao có trục quay kéo nước. Từ ngoài đi vào, gian đầu là chỗ mọi người ăn uống, gian giữa, chỗ ở của vợ chồng chủ tiệm, gian cuối, chỗ chứa gá điếm cửa đóng thường xuyên. Máy ra-dô mở lớn. Tiếng cười nói ồn ào. Khách đa số là người trong quận. Chủ tiệm đang đặc ý kể chuyện. Hồi hôm một bọn lính biết con Hoàng Mai ngủ ở đây, gõ cửa nhiều lượt, một mực

đòi xét sổ gia đình. Lúc đầu, chủ tiệm còn chối, sau hẳn liều, cười nhạt nói Hoàng Mai đang ngủ với một trung úy biệt động, muốn vô cứ vô. Bọn lính nghe nói hoảng hồn làm bộ dậm dọa một lát rồi rút êm. Chị Tấm đã ăn xong, kêu nước uống rồi trả tiền, kéo cô Khê ra ngoài hiên.

“Ngồi đây chờ chút nữa coi. Trong đó nhức đầu quá”.

Cô Khê đặt cái túi xách tay xuống, dựa chiếc gậy vào vách tường, ngồi xuống bên chị Tấm. Cô hỏi:

“Như có mùi bông vụn thọ đâu đây?”

Chị Tấm nhìn những chậu thực dược, vụn thọ dưới giàn cây khô.

“Ở mấy cái chậu dưới giàn”.

Chị nói:

“Lâu không đi xa, căng đã thấy nhức”.

Cô Khê cười mơ hồ nói tiếp như sợ làm phiền chị Tấm:

“Nghỉ một lát, chắc lại đi ngon lành”.

“Một giờ nữa, không có ai đi, cũng đi. Vài giờ nữa ngưng chiến rồi... gắng về tới nhà tối nay”.

Cô Khê yên lặng cúi nắn hai bụng chân. Chị Tấm lại giếng kéo một gàu nước vã lên mặt. Dưới mái hiên trước cửa gian nhà cửa đóng kín, một người đàn ông mũ vải che mặt nằm trên cái võng giăng giữa hai cây cột. Trong tiệm có tiếng một người say đòi uống thêm rượu. Tiếng chửi thề và tiếng cười như hét. Một chiếc xe ngựa dừng dưới đường cho mấy người đàn bà gánh đồ xuống. Chị Tấm nhìn ra cánh đồng dưới kia. Qua cánh đồng, vượt qua cây cầu bằng những phên thếp đan vào nhau tới chỗ cái đầu xe lửa bên kia bờ sông là bắt đầu tới vùng xảy ra trận đánh kéo dài ba ngày vừa mới chấm dứt. Rừng cây nhỏ ở đó nghe nói bị rắc thuốc khai quang chỉ còn những cành khô.

Mấy người đàn bà gánh đồ đã lên tới con đường dẫn lên

gò, tản mát ở chỗ ngã ba, khuấy vào những bụi tre, những mái nhà tranh xám thấp. Một người đàn ông vận quần xà lỏn, mặt đỏ gay từ trong tiệm chệnh choạng bước ra kéo nước vục đầu vào gầu cho tỉnh rượu. Anh ta lấy vạt áo lau mặt, dựa vào thành giếng, gạt mớ tóc xoã, hỏi chị Tấm:

“Mấy chị đi đâu giờ còn ở đây?”

Chị Tấm nói miễn cưỡng:

“Chúng tôi về tỉnh”.

Người đàn ông bật cười ngạo cợt “Về tỉnh, về tỉnh” rồi trở lại chỗ chiếc võng:

“Kêu anh đó dậy cùng về cho vui”.

Chị Tấm sầm mặt quay đi. Người đàn ông cười lớn tiếng bỏ vào trong tiệm. Cô Khê nói:

“Xuống dưới gò chờ vậy chị?”

Chị Tấm lắc đầu:

“Đã đi xa còn ngồi phơi nắng, chịu sao nổi”.

Chị Tấm lấy một lọ dầu bạc hà trong túi mở nút quẹt bôi quanh cổ và hai thái dương.

“Cho em một chút”.

Cô Khê buộc lại tấm khăn trắng chít trên đầu để lộ hai thái dương cho chị Tấm bôi dầu. Ở chiếc võng, người đàn ông nhóm dậy. Qua chỗ hai người ngồi, anh ta dừng lại tò mò nhìn như muốn hỏi han rồi bỏ vào trong tiệm.

Trong tiệm ra-dô đã tắt. Mấy người say đang đờn và ca vọng cổ. Người đàn ông tần ngần đứng ngó một lát rồi bước vào khung cửa thông với gian nhà dưới. Chủ tiệm đang bày bàn thờ, thấy anh ta, cười hỏi:

“Tính ăn tết ở đây sao bây giờ còn luẩn quẩn chưa về?”

Người đàn ông không trả lời, đẩy cánh cửa sang gian chứa gái. Một người lái buôn ngồi ở cái giường bỏ trống than mất tiền quá uống. Con nhỏ như trinh nữ.

“Tính vô xả xui đó sao?”

Anh ta hỏi. Người đàn ông gượng gạo:

“Ờ... xả xui...”

Một gã cao lênh khênh đi tiểu ở ngoài vào, mặt nhăn nhó coi bộ đau đớn, kéo người lái buôn ra ngoài nhà uống rượu xả xui. Người đàn ông đứng giữa nhà nhìn theo. Anh ta móc bóp lật lật mấy ngăn tìm kiếm. Cho bóp vào túi, anh ta lại cái giường có bông mùng, vạch mùng nhìn vô, giường trống trơn. Còn đang phân vân, anh ta chợt để ý đến tấm phen ở vách tường đang động đậy. Tấm phen bị đẩy mạnh sang một bên, một gã mặt rỗ to lớn từ cái buồng nhỏ sau vách khom khom chui ra, lòng ôm một đồng quần áo, trán lấm tấm mồ hôi.

“Phải đứng sau một tiểu đoàn Mỹ đen chắc mới hạ nổi con nhỏ”.

Gã than thở. Người đàn ông chờ cho gã ra ngoài tiệm mới chui vào cái cửa giữa vách. Cái buồng ép sau vách hẹp và tối. Có một đứa con gái áo trắng ngồi trên giường. Người đàn ông bước lại ngồi xuống bên vòng tay ôm lưng nó. Đứa con gái nhỏ nhắn, cúi gầm mặt. Người đàn ông nói:

“Tôi vừa mất cả đàn bò... Có thích nuôi bò không?”

Đứa con gái hứ hự trong cổ, không ngừng lên cũng không nói. Người đàn ông hỏi:

“Không thương tôi sao?”

“Kỳ quá!” Tiếng đứa con gái nhỏ nhẹ bên lén. Người đàn ông cười lửng lơ. Lúc nằm, đứa con gái hỏi cho có chuyện:

“Tên gì?”

“Tên Mậu”.

Khi lom khom chui ra gian nhà ngoài, người đàn ông nghe tiếng đứa con gái cười nho nhỏ phía sau và tiếng “Anh Mậu, anh Mậu” thì thầm như một lời hát nghèo nàn trẻ

con. Người đàn ông ra ngoài tiệm kêu một chai la-de, uống chậm chạp. Có tiếng người chủ tiệm nói giỡn:

“Có về, cho hai cô ngoài kia về theo cho vui”.

Người đàn ông “Ờ... về chớ” và kêu thêm một chai la-de khác. Anh ta lẩm bẩm trong miệng, nhớ tới đứa con gái cởi hết quần áo còn ngồi bung lấy mặt. Nó nhỏ nhẹ quá. Nó ngồi hoài trong cái buồng tối đó kêu tên từng người đàn ông uống tiền vì nổi nhỏ bé của nó. Mọi cái xui vẫn do cái xui mất đàn bò gây ra. Anh ta nghĩ vậy. Về hay ở cũng bứt rứt như nhau. Chỉ có rừng cây khô mới không làm anh quấy quá nghĩ tới những chỗ khác. Phải về đó một lần nữa. Đàn bò trong những lúc đột ngột nhớ tới vẫn là đàn bò trong rừng cây khô.

Anh ta ra khỏi tiệm, lại giếng múc nước rửa mặt. Hai người đàn bà vẫn còn ngồi đó. Anh ta hỏi:

“Mấy chị muốn về tỉnh?”

Chị Tấm hỏi lại:

“Ông cũng về?”

Anh ta cười, vẩy những giọt nước trên tay lên giàn cây khô.

“Tôi chỉ đi tới rừng cây khô”.

Chị Tấm tò mò nhìn anh ta thấy có vẻ thật thà. Cô Khê nói:

“Cứ đi. Giữa đường biết đâu chẳng gặp thêm người. Chờ hoài tối lúc nào không hay”.

Người đàn ông nói chị Tấm sửa soạn chờ anh ta vào lấy gói thuốc rồi đi. Lúc ba người xuống tới chân gò, trời đã muốn đứng bóng. Người đàn ông bảo cô Khê đưa cái túi anh ta xách giúp. Chị Tấm gọi chuyện. Người đàn ông nói:

“Tôi vừa mất cả đàn bò... Chị có thích nuôi bò không?”

Chị Tấm cười, gạt đầu. Người đàn ông nom vạm vỡ nhưng vẻ mặt rụt rè, nhiều lúc ngần ngại. Chắc anh ta buôn bò ở

những vùng mất an ninh về bán, nhưng chị chỉ hỏi dè dặt. Cô Khê không nom thấy đường, bước chậm nhưng chắc chắn. Lâu lâu cô mới nói một câu, tay trái không rời tay chị Tấm. Cô biết mình làm phiền chị Tấm nhiều. Và lần này chắc là lần chót. Về tỉnh cô sẽ đến người chị họ, đi coi bói kiếm ăn. Từ lúc toà nhà bị sập, cha cô chết, mọi việc trong nhà chị Tấm lo hết. Người chồng già của chị Tấm khi bỏ toà nhà cho chị và cha cô trông coi, lên ở luôn với mấy người vợ trên cao nguyên chắc đã đoán trước được lúc này. Mấy ngày vừa rồi, chị Tấm có vẻ bận rộn tuy không hề tha thiết tới những thứ ở đây. Cô Khê thường nói tiếp câu chuyện cho chính mình nghe những lúc chị đột ngột bỏ lên căn phòng còn lại của toà nhà. Cô Khê nói để được nghe và nghĩ về mình. Cô nhớ những ngày lớn lên, mắt mang tật, vận áo dài ngồi coi bói cho mọi người. Trong xã, những ngày giỗ kỵ, ngày tết, vào dịp họp mặt với bà con, người ta thường mời cô vào nhà quây quanh hỏi chuyện. Những bộ mặt cô quen hoặc lạ tạo quanh cô một vòng ấm áp và vui. Nghe cô, mọi người như đang làm một cuộc tìm kiếm ít nhiều náo nức đó, cô đều có mặt. Cô không còn tật nguyên. Cô lang thang dẫn họ đi những con đường bất ngờ cả với cô. Những bộ mặt đã giúp cô sống trên những con đường sáng láng đó, giờ cô thấy nhớ. Ánh sáng trong cô như thực sự mất dần từ khi những bộ mặt quanh cô bắt đầu tản mát. Cô cần phải về tỉnh. Cô sẽ ngồi ở cửa một phòng ngủ chẳng hạn, cầm tay những người gái điểm áo xanh áo đỏ và bắt đầu những chuyến đi trên những con đường sáng láng.

Chị Tấm đi bên cô có vẻ mau mệt vì phải bước chậm và dắt mình hơn vì đã qua một quãng đường dài từ đêm trước tới giờ. Tay chị có lúc như ướt. Người đàn ông nói muốn thế chị dắt cô Khê một khúc nhưng chị từ chối. Trời

có vẻ nóng.

“Tới chỗ đầu xe lửa có khi gặp người đi xuống”.

Người đàn ông nói:

“Ở đó có một làng nhỏ nhưng không chắc còn người ở đó. Trận đánh vừa rồi gỗ đá cũng hãi nói chi người”.

Giọng chị Tấm nghe có hơi thở. Người đàn ông chốc chốc lại nhìn lên chị. Chị có vẻ đẹp thiệt sáng. Mớ vải vóc bao bọc người chị thiệt mềm mại. Càng đi anh ta càng có vẻ dạn dĩ. Có lúc anh khô hài, anh chưa có vợ, chỉ thích lừa bò. Chị Tấm cũng cười nói cho quên mệt. Chị nói về ở với cha mẹ, chẳng tiếc gì toà nhà đồ nát. Nhưng đêm qua lúc bước ra khỏi cổng cũng thấy buồn, mới nhớ ra mình đã ngớ ngẩn thấp cả chục mẫu bạch lạp trong căn phòng đã sụp một góc, ra tới cánh đồng nhìn về vẫn thấy mấy lỗ đạn trên tường sáng le lói. Lúc mọi người bắt đầu thấy xung quanh đột ngột vắng vẻ là lúc nhìn trở lại, quận lý phía sau thu nhỏ lại ở cuối đường. Người đàn ông phàn nàn đám dân ở quận tò mò và xấu bụng. Họ vây lấy anh nghe kể lại trận đánh và sau đó cười nhạo đàn bò của anh.

“Kiếm lại được đàn bò, cho ăn vàng ăn bạc tôi cũng không thèm trở lại đó nữa”.

Chị Tấm bảo cô Khê:

“Cô bói giùm ông đây xem đàn bò ở đâu?”

Cô Khê cười mơ hồ không nói. Chị Tấm cười:

“Có khi đàn bò chạy về với chủ cũ cũng nên?”

Người đàn ông lắc đầu:

“Không có. Mắt tôi nom thấy chạy vào rừng cây khô mà”.

Thấy anh ta lại có vẻ băn khoăn ngờ ngẩn, chị Tấm nói lâng sang chuyện khác. Đôi mắt mất ngủ của anh ta đỏ và ướt ở đuôi. Chiếc mũ vải rộng vành đội trễ nải. Cùm tóc phía trước xoắn xuống cái trán ngấn gờ cao. Lần đầu tiên chị

Tấm thấy mình nhìn kỹ một người đàn ông. Đờn chị như vất vả nhiều với hai người đàn ông lúc đầu không nom rõ mặt. Người chồng đầu, mãi ngày ăn hỏi chị cũng chỉ mới mờ mờ hình ảnh trong đầu. Tới hôm cưới, khi vận áo mới leo qua những động cát bị bão cuốn tới cản trên đường, chị mới dám lén nhìn mặt chồng. Chị nhìn để so sánh với người học trò nghèo đã quả quyết nặng tình với chị đến những động cát cũng động tâm dắt díu nhau ra chắn lối chị đi lấy chồng. Người chồng thứ hai, khi về tới ngôi nhà cổ chị mới nom rõ. Những ngày trước đó, chị chỉ nghe nói nhiều tới toà nhà, tới vườn cây. Cha chị như chỉ cần biết có bấy nhiêu. Về sau, khi rõ người đàn ông chỉ cốt lấy chị về để trông giữ cho ông ta toà nhà đã dạm bán không ai mua, cha chị nổi giận thì chị bắt đầu quen với vẻ hiu quạnh của toà nhà.

Người đàn ông đã bỏ đi vội vã. Chị quanh quẩn trong toà nhà với những cầu thang, những hành lang và những gốc cây. Chị đã tái giá với những bất động sản. Bây giờ những thứ đó đã bị bom đạn giết chết. Căn phòng sụp một góc còn sót lại chẳng thể giữ chị lâu hơn một lúc ngo ngẩn thấp hơn chực mẩu bạch lạp cắm rải rác trong đêm bỏ đi.

Qua khỏi cánh đồng, vượt hết một gò cát, ba người xuống tới Bãi Nhà Máy. Con đường lớn với những hố những mô đất nom như một vệt xám nhỏ. Người đàn ông trở một ngôi miếu ở giữa bãi:

“Tới đó nghỉ một lát. Hai chị coi bộ đã mệt”.

Bãi bằng phẳng toàn cỏ cần cỗi. Qua một cống nước, chị Tấm xuống múc một nón cho mấy người uống. Trời bắt đầu có gió. Ngồi trước miếu, chị Tấm lo ngại bảo cô Khê:

“Tới chừng gió lạnh mà vẫn chưa qua được rừng cây khô, khó mà về tới nhà đêm nay”.

Người đàn ông châm một liều thuốc, nhìn chị Tấm, suy nghĩ. Chị Tấm hỏi:

“Nếu không thấy đàn bò, ông trở lại trên quận?”

Câu hỏi có vẻ bất ngờ làm người đàn ông bối rối. Anh ta ngập ngừng:

“Tôi cũng không biết nữa”.

Chị Tấm ái ngại không biết an ủi anh ta cách sao. Thiếu đàn bò, anh ta như không tính toán được gì. Nhà anh ta như không ở đầu con đường hay cuối con đường. Mà ở nơi có đàn bò chạy súng lang thang gặm cỏ. Niềm vui anh không có mặt người. Nhưng bừa bộn đáng thú. Những cười cười nói nói của anh như những bất ngờ ở ngoài rừng cây khô và những sừng bò lấp ló. Chị Tấm ngập ngừng:

“Mấy ngày rồi... có thấy đã thấy rồi...”

Người đàn ông tò mò nhìn chị như thấy có sự khác lạ. Vẻ chú ý, lạnh lẽo của anh thật đột ngột. Rồi anh lại trề môi ngẩn mặt với liều thuốc cháy âm thầm trên tay. Những ngọn cỏ lớp lớp rung rung dưới nắng. Cô Khê đứng dậy giục đi. Vào lúc bất ngờ nhất, người đàn ông chụp lấy tay chị Tấm. Chị Tấm kinh ngạc giật tay ra hoảng hốt. Người đàn ông ngược mặt nhìn chị, chỉ cô Khê, ý khẩn khoản bảo chị chớ la. Chị Tấm thở một hơi dài, cúi xuống, tay xách vali, tay cầm cái gậy đặt vào tay cô Khê. Hai người bước đi. Người đàn ông cũng phui quần, đứng dậy lẻo đẻo theo sau. Chị Tấm lại thở dài. Chị như vừa vô ý hé cho anh ta một lối để quên đàn bò. Chị không có lời an ủi anh ta. Nhưng nguyên chị lại là một vố về đáng kể mà chị cũng không hay. Trong giây lát, chị thấy mình như sống rất nhiều với người đàn ông chị chưa biết tên. Nỗi khổ của anh ta lồ lộ về thành thực. Chị cúi đầu, tránh phải nhìn lại anh ta.

Qua Bãi Nhà Máy, ba người lại vượt lên mặt lộ. Người

đàn ông đã theo kịp, gượng gạo nói một câu bâng quơ. Chị Tấm im lặng nhớ tới những mẫu bạch lạp. Cô Khê đập đầu gậy đều đều lên những cục đá lổn nhổn. Có bóng một con chim liệng trên cao. Có tiếng cô Khê kêu đột ngột. Người đàn ông nhảy tới thì cô đã buột khỏi tay chị Tấm ngã chúi xuống mặt đường. Một chiếc dép bật quai tung lại phía sau. Người đàn ông đỡ cô Khê ngồi xuống bờ cỏ ven đường. Chị Tấm cũng lao đao suýt ngã. Chiếc va-li văng xuống dưới ruộng. Lúc chị xách được va-li lên, cô Khê đang khóc như con nít, người đàn ông thì đang loay hoay sửa lại cái quai dép. Chị Tấm kéo cao ống quần cô Khê, thấy có một vết rách dài ở bắp chân ứa máu. Chị xin người đàn ông mấy miếng thuốc gõ ra đắp vào vết thương, lấy khăn tay buộc quanh.

“Coi có đi tiếp được không?”

Chị hỏi. Cô Khê gật đầu, mặt nhếch nhác. Người đàn ông đưa chiếc dép vừa sửa cho cô Khê. Chị Tấm nhìn trời rồi nhìn cô Khê và người đàn ông. Cô Khê quơ chiếc gậy gượng gạo đứng dậy:

“Lỗi tại em hết. Không có em chị đâu khổ như vậy”.

Cô lẩm bẩm. Chị Tấm gắt:

“Chớ có nghĩ bậy”.

“Để tôi xách đỡ cái va-li. Chị xách cái túi này”.

Người đàn ông trao cái túi cho chị.

Dòng sông nhỏ nhưng cây cầu nom dài. Mặt nước sâu có gió lớn màu xám. Khúc sông trước mặt ba người như vừa hiện ra sau rừng dương nhỏ phía tay trái và mất hút sau khúc quanh ở cái gò bên tay mặt, ngăn ngụt và càng rõ chiều sâu. Cảm giác đầu tiên vẫn như đứng trước một đầm nước hơn là đứng trước một dòng sông. Những con quạ, con diều hâu cánh đen nặng nề trên đám ngọn dương, bay

là là trên mặt nước trong ánh sáng và gió. Những mỏm đá rêu nổi nhô giữa dòng nước, dưới bóng dương như những mầm đen vừa mới nhú. Cây cầu vồng xuống giữa sông. Bề rộng là ba tấm phên thép đan vào nhau. Cầu không có tay vịn. Người đàn ông phải dắt tay, kèm sát bên cô Khê. Bước bên này cầu, chị Tấm thấp lóe phên bên kia rung chuyển. Nhìn người đàn ông và cô Khê ở giữa cầu, chị tưởng như họ dắt đứ nhau xuống phía những mầm đá. Bóng những con quạ, con diều hâu lượn hai bên cây cầu tạo cảm giác chóng mặt. Chị Tấm đành cúi xuống những lỗ tròn dưới chân, tưởng như khó lòng sang tới bên kia.

Khỏi cây cầu, vượt một cái dốc thì lên tới đầu lộ. Chiếc đầu xe lửa chặn ở đó, đen đũi, sừng sững. Một miếng thép gỉ sét thủng giữa nom như một cánh cửa, bị gió đẩy kêu rít, đập phành phành. Hai bên là hai vệt đen vạch trên mặt đất bằng những vụn gỉ sét. Có những bã mía mốc kẹt dưới bánh xe lún. Để cô Khê ngồi nghỉ bên một phía khuất gió, người đàn ông chạy xuống dốc đón chị Tấm. Chị Tấm thở dốc bước bên người đàn ông mặt mũi phờ phạc. Chiếc mũ vải vẫn trật ra sau như một bướng bỉnh kỳ khôi. Chị Tấm đưa cho người đàn ông lọ dầu bảo nên bôi một ít cho ấm người. Người đàn ông nắm những đầu ngón tay chị và lọ dầu. Chị không còn thấy kinh ngạc. Đường đi như không tránh được khúc này. Chị không rụt tay và chỉ nhìn anh ta, buồn bã. Người đàn ông không làm gì hơn. Bộ mặt cứng lại lúc đầu dần dần trở nên bối rối. Bàn tay nói dần và buông rơi lúc anh nhếch môi cười. Anh ta vẫn còn lúng túng ở giới hạn thăm dò? Chị Tấm lại vợ vẫn nhớ những mẩu bạch Lạp. Mới từ đêm qua tới giờ đã thấy xa xôi. Sau lưng đã đành chỉ còn ánh sáng vô ích của mười mẩu bạch Lạp. Nhưng trước mặt, càng đi càng bỏ rơi ý nghĩ sẽ về tới nhà nội đêm nay.

Cha chị như vẫn chưa một lần thoả được ước nguyện ở con cái. Những năm trước đã có lần chị nghe ông than thở như vậy. Hồi đó trở về trước, ước mong của ông là có một ngày kéo thuyền lên cạn, xếp lưới xếp vó làm một chuyến du chơi vào sâu trong đất liền. Trừ người con gái lớn, bốn chị em Tấm được ông gả chồng nơi xa vì ao ước đó. Bước chân mỗi người con gái về nhà chồng như dọn trước đường cho ông. Mỗi người là mỗi cái mốc vùng đất ông sẽ tới. Nhưng ông vẫn chưa một lần dời được cái ven biển hẻo lánh. Không một người con nào không có những vất vả riêng. Có người theo chồng sang tận Cam-bốt vì tội thụt két, có người theo chồng đi đồn trú ở những miền xa xôi hoặc đổi chỗ ở như dân du mục. Đám cưới của mỗi người con gái như đều tới một địa chỉ giả. Chị Tấm thấy thương cha. Đáng lẽ những thiệt thòi phần chị phải bù đắp được nhiều ít thiếu hụt nơi ông. Nhưng chung cuộc thì chị đứng bên cái đầu tàu này và ông thì vu vơ chờ đợi cuối đường kia. Những bất động sản mà chị gá nghĩa chỉ còn là một đồng vụn đổ nát. Những ngày tháng qua trống rỗng như những lỗ tròn trên cây cầu chị vừa chọt qua. Đã tới lúc chị phải lựa cho mình một cách riêng. Không còn những lúc mặc áo mới đứng trên động cát cản đường, không còn những cầu thang, hành lang, gốc cây đi làm lễ hỏi vợ. Mười mẫu bạch lạp trong căn phòng sập một góc dù vô ích nhưng vẫn có ánh sáng. Và tự do với đêm tối có chị đứng ngoài xa ngó lại.

Miếng thép kêu rít tăng lần âm thanh vật vã. Những bóng quạ, bóng diều hâu lảng dần mặt nước tụ trên những ngọn cao có nắng. Cô Khê ôm căng, mặt dạn vẻ lì lợm như tự trấn nổi bối rối. Từ lúc cô vấp té, những chỗ dừng nghỉ tăng dần. Cô không khóc, cũng không còn kêu làm khổ chị Tấm. Người đàn ông châm điếu thuốc đi lảng quăng, trèo

lên phòng đầu máy. Anh ta vẫn khó hiểu, bất thường. Cái ngược mặt buồn bã của chị Tấm không là oán trách. Người đàn ông như không biết điều đó. Anh đứng trên bực lên xuống nói vọng xuống:

“Thôn làng gì mà như chết hết vậy kia”.

Cô Khê bảo chị Tấm:

“Nếu làng còn người ở, mình vô đó ở qua một đêm. Cách sao cũng không về tới nhà đêm nay”.

Chị Tấm hỏi:

“Còn gắng đi ít cây số nữa được không?”

“Không dừng lại được cũng phải cố gắng chứ sao”.

“Vậy nghỉ một lát nữa rồi đi. Qua rừng cây khô, chắc có người ở”.

Chị Tấm bước lại trước đầu máy bảo người đàn ông:

“Chiều rồi, vô rừng có khi kẹt trong đó. Đi với chúng tôi kiểm chỗ nghỉ đỡ một đêm, sớm mai quay lại kiểm cũng được”.

Người đàn ông rùng mình có vẻ lạnh, xoa xoa vào hai cánh tay bước xuống, mồm rục đỏ đầu thuốc. Chị Tấm nhỏ giọng:

“Bị lạnh?”

Người đàn ông lắc đầu.

“Trời này vận sơ-mi không ngồi trong nhà cũng lạnh”.

“Tôi có áo da mà chị. Mới bán bữa qua xong”.

Những ngón tay ngẩn ngẩn, to thô kịch vẫn vuốt vuốt hai cánh tay. Chốc chốc người đàn ông lại ách náy nhìn lại chỗ cô Khê. Chị Tấm nhắc lại câu nói khi nãy. Chiều rồi. Người đàn ông vẫn không trả lời. Vẻ ngập ngừng, bút rút càng lúc càng tăng. Anh ta nhăn nhó:

“Không có chị kia, có khi tôi còn trở về quận kịp”.

Anh buông thõng hai tay nhìn chị Tấm. Cái cổ ngẩn, cái

lưng có vai rộng khom khom buồn bã. Chiếc dây lưng bằng da cũ to bản đầu cong xoắn chốc chốc lại được rờ rà. Chị Tấm nói chẳng bao giờ có ý tưởng dời bỏ cô Khê. Chị chỉ còn mình cô là bạn. Người đàn ông ngờ ngẩn nghe chị và cười vấp vấp, gượng gạo.

“Tôi không có bạn”.

Anh ta nói, tay vuốt ve cái đầu dây lưng cong xoắn. Bỗng anh “a”, reo một tiếng lớn chạy xuống con dốc. Chị Tấm ngạc nhiên trông theo. Anh ta nháy qua những bụi cây, những tảng đá bên bờ sông, chốc chốc lại cúi xuống dừng lại xem xét. Một lát anh mất hút trong đám dương. Cô Khê hỏi giọng lo ngại:

“Có chuyện gì đó chị?”

“Không”.

Đàn quạ, đàn diều hâu đột nhiên vỗ cánh bay hoảng loạn. Chị Tấm trèo lên bực lên xuống nhìn về phía đám dương. Có lúc chị thấy thấp thoáng bóng người đàn ông chạy. Có lúc anh ta ngửa mặt đôi đá bừa lên các ngọn cây. Anh ta điên? Chị Tấm lật đật chạy xuống nắm chặt cổ tay cô Khê, mắt không rời dòng sông. Cô Khê sợ hãi hỏi lại:

“Chuyện gì đó chị?”

Chị Tấm nuốt hơi, cố giữ giọng bình tĩnh:

“Người đàn ông tự dưng chạy xuống bờ sông đôi đá đám quạ”.

Cô Khê rờ cây gậy:

“Mình đi trước vậy chị?”

Chị Tấm giữ tay cô Khê ra dấu ngồi yên:

“Chờ một lát coi sao đã. Người ta giúp mình nhiều...”

Dời cô Khê, chị Tấm lại đầu tàu nhìn xuống. Người đàn ông mũ trật sau ót, tóc xoã dưới trán đang bước trở lại. Dáng bộ ảnh hưởng nom thất thiếu. Một vai áo bị rách.

Vành mũ phía sau mắc một sợi dây leo. Anh ta mệt nhọc bước lên dốc. Chị Tấm chạy lại hỏi:

“Chuyện chi đó?”

Người đàn ông lắc đầu thở hào hển:

“Không lẽ đàn bò ở rừng cây khô có nước uống...”

Chị Tấm cười gượng:

“Có vậy mà làm tôi hết hồn”.

Người đàn ông đưa tay xoa xoa vai áo bị rách, bước từng bước uể oải. Chị Tấm im lặng theo sau. Anh ta bỗng quay lại, hơi thở vẫn dồn dập:

“Thương được tôi không?”

Chị Tấm mím chặt môi nhìn trừng trừng.

“Chớ có làm vậy nữa”.

Chị lùi lại kêu. Người đàn ông không cần biết. Anh ta ôm chèoang lấy chị. Cả hai cùng chói với muốn ngã.

Mồm anh ta cọ khắp mặt chị. Anh nói:

“Tôi đã quên đàn bò”.

Chị Tấm ngậm chặt môi rồi bật khóc, vùng xô mạnh người đàn ông, chạy lại chỗ cô Khê. Sao tới giờ chị mới thấy sợ vẻ bất thường của anh ta. Sao tới giờ chị mới khóc. Người đàn ông đó với những cục đá đôi lên đàn quạ không thêm một lần chứng tỏ sao? Niềm vui anh ta không có mặt người. Mà bừa bộn những đáng thú. Không có an ủi nào dành cho anh ta. Anh ta muốn có sự thay thế. Chị Tấm oà lên khóc lớn hơn. Tiếng miếng thép vật vã kêu rít. Người đàn ông ngẩn mặt ngơ ngác. Anh ta vẫn có vẻ vô tội. Anh không biết bàn tay anh chỉ để vuốt ve da thú. Cũng như chị, bây giờ mới rõ rệt mình có thời gian làm vợ những bất động sản...

Cô Khê đứng lên cầm gậy và xách cái túi, dò dẫm bước. Trong một lát chị Tấm và người đàn ông đối diện. Anh ta ngập ngừng nhìn chị và cúi xuống chiếc va-li. Chị Tấm giật

lấy rồi quỳ quả bước theo cô Khê. Cô Khê giọng khổ sở:

“Chị có chuyện gì với người đàn ông mà vẫn cố tình giấu em. Em làm mất tự do của chị...”

Chị Tấm nắm lấy tay cô, cúi đầu bước, giọng như nén hơi:
“Rồi tôi sẽ nói cô nghe. Cũng chẳng có gì”.

Cũng chẳng có gì. Chị Tấm muốn nói cho cô Khê và cả mình nghe. Cũng chẳng có gì. Một người đàn ông đi trên một quãng đường dài với một người đàn bà thì phải như vậy. Anh ta chắc không ồn ào quá nếu không có xúc động đột ngột về đàn bò. Những cái cầm tay rụt rè sẽ giữ nguyên ở giới hạn thăm dò lúc đã chia tay. Lầm lỡ chỉ có một mình chị. Như vậy, tới giờ chị vẫn chẳng quyết được gì cho riêng mình. Chị vẫn như tiếp tục hoài con đường này với những rủi ro và bất trắc.

Người đàn ông áo rách vai ủ rũ bước sau hai người một quãng.

Bóng nắng đã lẩn với khí rét. Gió băng trên mặt đồng trống. Rừng cây khô phía trái con đường mỗi lúc một nom rõ. Không có ai lỗi trong vụ này. Cũng chẳng có gì. Phải nghĩ vậy để quên lần từng thứ sau lưng. Đàn quạ coi như không còn những ngọn dương le lói nắng trên những mầm đá. Dòng sông coi như đã hết nước luân lưu. Người đàn ông coi như không còn đàn bò. Chị Tấm không còn người đàn ông phờ phạc phía sau.

“Gần tới rừng cây khô chưa chị?”

Cô Khê hỏi:

“Gần tới nơi rồi”.

“Người đàn ông đâu?”

“Ở phía sau”.

“Cho em cảm ơn ông ta một câu”.

Tới một ngã rẽ vào rừng cây, chị Tấm giữ lễ đứng lại chờ

người đàn ông.

“Cám ơn ông đã giúp chị em chúng tôi tới được đây”.

Chị Tấm nói lúc người đàn ông lại gần. Cô Khê nói nhỏ:

“Tôi tới nơi rồi, ông cũng nên kiếm một chỗ nghỉ chân?”

“Tôi phải kiếm đàn bò”.

Người đàn ông nói. Chị Tấm bám vào cổ tay cô Khê ra hiệu bước đi.

“Chúc ông tìm thấy lại đàn bò”.

Chị Tấm nói, không quay lại. Người đàn ông nhìn theo hai người rồi rẽ vào rừng cây. Đi được một quãng, hai người chợt nghe giọng người đàn ông hư hư thực thực vọng tới như tiếng thì thầm mơ hồ “Anh Mậu. Anh Mậu”. Chị Tấm bảo cô Khê:

“Anh ta điên thật sự rồi”.

“Chắc bị ma ám”.

Chị Tấm chợt khóc ầm ỨC và ngơ ngẩn dừng lại nhìn về rừng cây tìm bóng cái mũ vải trắng ra sau ót.

“Sao vậy chị?”

Cô Khê hỏi.

“Cũng chẳng có gì. Như đêm qua đứng ở ngoài xa nhìn trở lại những mẩu bạch lạp thấp sáng căn phòng đã sập một góc”.

MỤC LỤC

BÌNH NGUYỄN LỘC Rừng mấm	5
CHU TỬ Trời! Cật Xương	22
CUNG TÍCH BIỂN Bạch hóa	29
DOÃN QUỐC SỸ Chiếc Chiếu Hoa Cạp Điều	46
DU TỬ LÊ Bắt đầu mùa của những bông hoa móng tay	59
DƯƠNG HÙNG CƯỜNG Phượng và Dương	67
DƯƠNG NGHIÊM MẬU Cũng đàn	81
DUYÊN ANH Con sáo của em tôi	96
DUY LAM Đôi mắt ngọc trai đen	117
HOÀNG NGỌC BIÊN Người đạp xe vào thành phố buổi sáng	136
HOÀNG NGỌC TUẤN Đứng đến sân ga	150
HỒ HỮU TƯỜNG Con thần lẩn chộn nghiệp	171
LÊ TẮT ĐIỀU Cỏ hoang	178
LINH BẢO Áo mới	195
MẶC ĐỔ Tình thương trong ngoặc kép	207
MAI THẢO Cửa sau	225
NGÔ THẾ VINH Nước mắt của Đức Phật	239
NGUYỄN ĐÌNH TOÀN Có mùa xuân đã phai nào	250
NGUYỄN ĐỨC SƠN Ý tưởng chiếu tà	261
NGUYỄN MẠNH CÔN Lời nguyện trong không	278
NGUYỄN MỘNG GIÁC Tiếng đàn trầm	300
NGUYỄN NGHIỆP NHƯỢNG Mưa trong vườn nhà cô Françoise	312
NGUYỄN SA Hạ sĩ Mùi sắp xếp	324

NGUYỄN SỸ TẾ Luật lệ đạo chích	331
NGUYỄN THỊ HOÀNG Tan theo sương mù	338
NGUYỄN THỊ THỤY VŨ Lòng Trần	366
NGUYỄN THỊ VINH Bữa cơm trưa	381
NGUYỄN THỤY LONG Mối tình chung của con đĩ ngựa	387
NGUYỄN VĂN XUÂN Tiếng đồng	400
NGUYỄN XUÂN HOÀNG Một người ngồi trong ghế bành	425
NHÃ CA Truyện cho những cặp tình nhân	433
NHẬT TIẾN Tặng phẩm của dòng sông	446
PHAN DU Hai chậu lan tố tâm	454
SONG LINH Bức tranh	468
SƠN NAM Tình nghĩa Giáo khoa thư	481
THANH NAM Buồn ga nhỏ	490
THANH TÂM TUYẾN Dọc Đường	499
THẢO TRƯỜNG Viên đạn bắn vào nhà Thục	513
THẾ UYÊN Căn nhà của mẹ	526
THÍCH NHẤT HẠNH Cửa tùng đôi cánh gà	535
TÔ THUY YÊN Nơi chốn đi qua	545
TRẦN THỊ NGH Nhà Có Cửa Khóa Trái	560
TRÙNG DƯƠNG Mưa không ướt đất	571
TÚY HỒNG Lòng thành	601
VIÊN LINH Ngôi nhà tôi đã ở	624
VÕ HỒNG Trầm mặc cây rừng	636
VÕ PHIẾN Mưa Đêm Cuối Năm	658
VŨ BẰNG Ăn tết thủy tiên	687
VŨ HẠNH Cổ tích ngày xuân	705
VŨ KHẮC KHOAN Người đẹp trong tranh	732
Y UYÊN Đáng thú	769

